CHỐNG XÂM LĂNG

(Lịch sử Việt Nam từ 1858 đến 1898)

Trần Văn Giàu

Chịu trách nhiệm xuất bản:
Giám đốc - Tổng Biên tập
ĐINH THỊ THANH THỦY

Chịu trách nhiệm nội dung:
Phó Giám đốc - Phó Tổng Biên tập
NGUYỄN TƯ TƯỜNG MINH

Biên tập : **HOÀNG THỊ HƯỜNG**
Sửa bản in : **NGUYỄN TUẤN**
Trình bày : **HOÀNG VÂN**
Bìa : **NGỌC KHÔI**

NHÀ XUẤT BẢN TỔNG HỢP THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
62 Nguyễn Thị Minh Khai, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh
ĐT: 028.38225340 - 028.38296764 - 028.38256713 - 028.38223637 - 028.38247225
Fax: 028.38222726 - Email: tonghop@nxbhcm.com.vn
Sách online: **www.nxbhcm.com.vn** - Ebook: **www.sachweb.vn**

NHÀ SÁCH TỔNG HỢP 1
62 Nguyễn Thị Minh Khai, Quận 1, TP. HCM ♦ **ĐT: 028.38256 804**

NHÀ SÁCH TỔNG HỢP 2
86 - 88 Nguyễn Tất Thành, Quận 4, TP. HCM ♦ **ĐT: 028.39433 868**

GIAN HÀNG M01 - ĐƯỜNG SÁCH THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
Đường Nguyễn Văn Bình, Quận 1, TP.HCM

In số lượng 2.000 cuốn. Khổ 16 x 24 cm
Tại: Công ty Cổ phần In Khuyến học phía Nam
Trụ sở: 128/7/7 Trần Quốc Thảo, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh
Xưởng in: Lô B5 - 8, Đường D4, KCN Tân Phú Trung, xã Tân Phú Trung, Củ Chi, TP. HCM
XNĐKXB: 2465-2017/CXBIPH/01-186/THTPHCM cấp ngày 28/7/2017
QĐXB số: 1253/QĐ-THTPHCM-2017 ngày 24/10/2017
ISBN: 978-604-58-5959-9
In xong và nộp lưu chiểu Quý IV năm 2017

CHỐNG XÂM LĂNG

https://tieulun.hopto.org

BIỂU GHI BIÊN MỤC TRƯỚC XUẤT BẢN
ĐƯỢC THỰC HIỆN BỞI THƯ VIỆN KHTH TP.HCM

Trần Văn Giàu, 1911-2010

Chống xâm lăng / Trần Văn Giàu.
- T.P. Hồ Chí Minh : Nxb. Tổng hợp T.P. Hồ Chí Minh, 2017.

928 tr. ; 24 cm.

ISBN 978-604-58-5959-9

1. Việt Nam -- Lịch sử -- 1858-1898. I. Ts.
1. Vietnam -- History -- 1858-1898.

959.7029 -- ddc 23

T772-G44

Trần Văn Giàu

CHỐNG XÂM LĂNG

(Lịch sử Việt Nam từ 1858 đến 1898)

NHÀ XUẤT BẢN TỔNG HỢP THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

https://tieulun.hopto.org

Lời Nhà xuất bản

Trong lịch sử chống ngoại xâm của dân tộc Việt Nam, giai đoạn 1858 - 1898 là một thời kỳ gây dấu ấn sâu đậm trong nhận thức tư tưởng của nhân dân ta nói chung và những người nghiên cứu lịch sử nói riêng.

Chỉ vẻn vẹn có 40 năm thôi, nhưng biết bao nhiêu biến cố và sự kiện xẩy ra trên đất nước của chúng ta. Nhà Nguyễn xác lập mới 56 năm kể từ khi Gia Long Nguyễn Ánh lên ngôi năm 1802. Đó cũng không phải là thời gian đủ dài để xây dựng một chính thể quân chủ vững vàng. Trái lại, trải 4 đời vua, đặc biệt là từ khi Tự Đức tiếp nối Thiệu Trị thì hiểm họa mất nước đã treo lơ lửng trước mặt. Rồi tiếng súng của quân xâm lược thực dân phương Tây đã nổ ra tháng 8 năm 1858 ở Đà Nẵng và tháng 2 năm 1859 ở Sài Gòn. Bức tranh thời cuộc đã được nhà thơ Nguyễn Đình Chiểu vẽ nên thật sinh động:

Tan chợ vừa nghe tiếng súng Tây
Một bàn cờ thế phút sa tay
Bỏ nhà lũ trẻ lơ xơ chạy
Mất ổ bầy chim dáo dác bay
Bến Nghé của tiền tan bọt nước
Đồng Nai tranh ngói nhuốm màu mây
Hỡi trang dẹp loạn rày đâu vắng
Nỡ để dân đen mắc nạn này?

(Chạy giặc - Nguyễn Đình Chiểu)

Diễn tiến của lịch sử trong vòng 40 năm ấy sẽ được Giáo sư Trần Văn Giàu thể hiện trên trang viết của mình. Điều thật sự bất ngờ là cuốn sách *Chống xâm lăng* của tác giả được thực hiện trong điều kiện

https://tieulun.hopto.org

tư liệu còn thiếu và hạn chế mà vẫn gây được sự tin cậy, có tính chất soi sáng cho các thế hệ nghiên cứu lịch sử cận đại Việt Nam sau này.

Ấy là bởi vì tác giả rất chú trọng khâu sử liệu. Những tư liệu đó lại được kiểm chứng qua nhiều nguồn. Nhưng điều quan trọng nhất, quán xuyến trong quá trình biên soạn của Giáo sư là quan điểm của người viết sử: *Tư tưởng biện chứng theo quan điểm chủ nghĩa Mác - Lênin*. Các sự kiện, biến cố, tình tiết của vấn đề, tính cách các nhân vật... được người viết thể hiện thật sinh động, yêu ghét rõ ràng. Do đó, dù công trình được thể hiện dưới dạng biên niên sử, nhưng không khô cứng. Đằng sau sự khách quan, lạnh lùng của người thuật chuyện hưng phế, chìm nổi của triều đại và phong trào chống xâm lược là cả một tấm lòng yêu nước thiết tha.

Công trình *Chống xâm lăng* này, tác giả chia làm 3 quyển, có tiêu đề cụ thể ứng với nội dung và thời gian của sự kiện. Quyển 1: *Nam Kỳ kháng Pháp*; Quyển 2: *Bắc Kỳ kháng Pháp*; Quyển 3: *Phong trào Cần Vương*.

Năm 2017, cùng với việc tổ chức xuất bản cuốn sách *Đồng chí Trần Văn Giàu - Nhà cách mạng, nhà giáo, nhà khoa học - Dấu ấn một nhân cách* nhân kỷ niệm 105 năm Ngày sinh Giáo sư Trần Văn Giàu (11/9/1911 - 11/9/2016), Nhà xuất bản Tổng hợp Thành phố Hồ Chí Minh tái bản tác phẩm *Chống xâm lăng* của chính tác giả Trần Văn Giàu. Đây là một công trình nghiên cứu lịch sử Việt Nam có giá trị và thật sự bổ ích khi chúng ta soi lại những biến cố đã qua.

Trong lần tái bản này, được sự giúp đỡ của học giả An Chi, Giáo sư - Tiến sĩ Huỳnh Như Phương, Tiến sĩ Phan Văn Hoàng, Nhà xuất bản cố gắng tra cứu, chú thích nguyên gốc chữ Pháp tên các địa danh, nhân vật được tác giả đề cập trong tác phẩm. Tuy vậy, vẫn còn một số địa danh, nhân vật chưa thể truy nguyên và cập nhật, mong được sự chia sẻ và hỗ trợ của bạn đọc để hoàn thiện trong lần tái bản tiếp theo.

Xin trân trọng giới thiệu cùng quý bạn đọc!

NHÀ XUẤT BẢN TỔNG HỢP
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Lời nói đầu

Tôi vốn không phải là một nhà sử học; tôi chỉ là một người học sử. Trước tiên, từ 1930, tôi học sử để làm tuyên huấn của Đảng; lúc ấy, tôi nhận thấy rằng, vì bị thực dân đô hộ, vì nhà trường thực dân xuyên tạc, mà anh chị em ta hoặc ít biết đến sử nước nhà - học sử Pháp nhiều hơn là sử Việt còn tệ hơn ngày xưa ông cha ta học Bắc sử nhiều hơn là quốc sử - hoặc biết một cách sai lạc rất nguy hiểm cho tinh thần dân tộc. Cho nên, để huấn luyện đồng chí và quần chúng về lý luận và thực tiễn của cách mạng Đông Dương, tôi kiểm điểm bản thân thấy chính mình dốt sử ký của dân tộc và địa lý của Tổ quốc mình; tôi phải học và khi học thì thấy rằng ngay việc học sử đã là một sự học tập chính trị, học tập lý luận và thực tiễn cách mạng, tôi thấy rằng muốn làm việc tuyên huấn cho thành công, muốn đi sâu vào tâm hồn người chiến sĩ mà phát động chí khí quật cường, vun trồng lòng yêu nước thương dân, nhất thiết phải kết hợp chủ nghĩa Mác - Lê với thực tế lịch sử chính trị xã hội văn hóa Việt Nam. Tôi còn nhớ rằng, độ ấy, tháng 9 năm 1930, khi tôi mở lớp huấn luyện bí mật ở đường An-be (Albert 1er), Đất Hộ, Sài Gòn, tôi dẫn chứng phần lớn trong sử Hy Lạp, La Mã, Pháp, Ý, v.v... học viên ngồi nghe rất chối tai, thậm chí khi ra, có người nói: "Đồng chí giảng hay quá, nhưng tôi không hiểu gì mấy!". Tôi giật mình.

Sau tôi có đọc điều trần của Nguyễn Trường Tộ, đến đoạn sau đây, tôi có cảm giác như ông Nguyễn hồi thế kỷ thứ XIX, phê bình tôi, người của thế kỷ XX:

https://tieulun.hopto.org

"Nay người mình... nhỏ học tỉnh Sơn Đông Sơn Tây là những chỗ mắt không hề thấy, mà trái lại, lớn lên ra đời, cần phải đi Bắc Kỳ, Nam Kỳ. Lúc nhỏ học thiên văn, địa lý, chính sự, phong tục nước Tàu, mà trái lại, lớn lên ra đời cần phải biết thiên văn, địa lý, chính sự, phong tục bất đồng của nước Nam. Nước ta cũng có tổ tiên, sự tích các vua quan đời xưa để lại, có thể cho ta biết được những lẽ dở hay, rõ những cớ vì sao mà trị, vì sao mà loạn... Sao ai nấy cứ ngày đêm kêu gào những người nước Tàu đã chết trên vài nghìn năm nay như bọn Tiêu Hà, Hàn Tín? Chúng ta mang ơn họ chăng? Kêu gào cho họ sống lại chăng? Người đời nay không bằng người đời xưa chăng? Như thế mà học cho đến đỗi răng long đầu bạc thì cũng khó hiểu thật...".

Tôi bắt đầu học Việt sử. Và tôi thấy rằng, kề bên sự dẫn chứng ở lịch sử thế giới, nếu ta chú tâm dẫn chứng ở lịch sử nước nhà thì bài huấn luyện chính trị được có kết quả hơn nhiều. Vả lại dân tộc Việt Nam có những đặc điểm của nó, bằng ta không biết, bằng ta làm ngơ, thì sự ứng dụng chủ nghĩa Mác - Lê sẽ đem lại những giáo điều có hại, những giáo điều ấy bản thân tôi đã mắc, một trong những nguyên nhân là vì thiếu hiểu biết nước mình, dân mình.

Năm năm nay tôi vào làm việc trong ngành Đại học. Trong lúc đầu, xin thú thực rằng về mặt lịch sử Việt Nam tôi chẳng biết hơn học trò của tôi là mấy. Mà phải dạy họ, phải vũ trang kiến thức, phương pháp cho họ có thể đào tạo hằng nghìn hằng vạn học sinh cấp 3. Trách nhiệm đó bắt buộc tôi phải nghiên cứu mà bộ sách này là kết quả đầu tiên.

Bộ sách này gồm ba quyển gần bằng nhau, bao quát thời kỳ lịch sử từ khi Pháp chiếm Đà Nẵng, Gia Định đến khi phong trào Cần vương chấm dứt. Sử gia thực dân gọi là thời kỳ chinh phục và bình định, còn ta thì có thể gọi là thời kỳ chống xâm lăng (1858 - 1898). Theo ý tôi thì không nên cưỡng đặt lịch sử chống xâm lăng này

trong lịch sử phong trào cách mạng bắt đầu vào đầu thế kỷ XX với sự xuất hiện của những giai cấp mới ở thành thị, với sự xuất hiện của những chính đảng nhằm sự đấu tranh cho độc lập và cho một chế độ xã hội khác với chế độ phong kiến cũ xưa.

Trong bộ sách này, tôi tự đặt nhiệm vụ, đứng về phía nhân dân, dùng phương pháp sử học của chủ nghĩa Mác - Lê, mô tả cái quá trình xâm lăng của thực dân Pháp, tìm mọi nguyên nhân xa và gần, trực tiếp và gián tiếp của cuộc xâm lăng ấy; nhiệm vụ của tôi, chủ yếu là làm sống lại cuộc kháng chiến anh dũng của dân tộc ta, cắt nghĩa vì sao ta mất nước; nhiệm vụ của tôi, vì thế, cũng là cố tìm lại sự thật lịch sử, đả phá những sự xuyên tạc, bóp méo, cố tâm quên của các sử gia đế quốc và tay sai vô tình hay hữu ý của chúng nó. Nếu tôi bóc trần được âm mưu và tính chất dã man của chính sách thực dân, làm cho học trò của tôi sâu sắc căm thù đế quốc; nếu tôi bóc trần được sự phản phúc của triều đình, sự thối nát của chế độ phong kiến, làm cho học trò của tôi căm thù phong kiến, nhân đó, nêu cao tinh thần yêu nước và dân chủ mới của thanh niên; nếu tôi lập lại được nhiều sự kiện lịch sử khách quan, đóng góp một số viên gạch dù mọn cho công trình nghiên cứu lịch sử cận đại Việt Nam; nếu được như vậy, thì trong chừng mực đó, tôi đạt mục đích (hãy còn thấp) mà tôi tự đặt khi bắt tay vào việc nghiên cứu.

Tôi biết rằng: ngày nay, viết sử phải là một công trình tập thể rộng rãi thì mới thành công; mà ở đây, tôi làm việc một mình thì sao khỏi thiếu sót nhiều, sai lầm lớn; nhưng tôi xem bộ sách này như sự đóng góp cá nhân cho một công tác tập thể nghiên cứu mà Chính phủ ta đang cố gắng tổ chức.

Tôi gặp nhiều khó khăn nan giải khi nghiên cứu: lúc ở chiến khu, chỉ có một số ít tài liệu bằng chữ Hán tìm được ở vài nhà nho học. Vào Hà Nội thì rất nhiều tài liệu ở thư viện trung ương đã bị Pháp và Diệm cướp chở vào Sài Gòn. Hơn nữa, tài liệu cần thiết cho sự nghiên cứu lịch sử cuộc xâm lăng và chống xâm lăng, thì

https://tieulun.hopto.org

phần lớn do Bộ Hải quân, Bộ Thuộc địa Pháp còn giữ bí mật và nói rằng phải chờ 100 năm sau khi việc xảy ra mới được công bố! Kho sách ở Huế, trong khi kháng chiến, ta không giữ được, nay Huế vẫn chưa được giải phóng; nhiều tủ sách tư nhân đã do công phu to lớn mà tụ hợp được thì đã bị đốt đi hoặc chiếm đoạt trong lúc tiếng súng bắt đầu nổ ở Sài Gòn, Hà Nội. Tài liệu bằng tiếng Khơ-me ở Hà Nội hoàn toàn không có gì. Vì thế mà kết quả nghiên cứu nhất định bị hạn chế một phần lớn. Việc chia phân hai vùng Nam Bắc cũng là một trở ngại cho kẻ tìm tòi học tập những vấn đề như sử ký, nội một việc tìm biết chính xác những tên làng, tên sông, tên người, đã là một việc khó khăn lớn rồi.

Dù sao, cũng phải bắt đầu.

Bắt đầu để gây dựng một ít cơ sở, trên cơ sở đó nếu tốt, chúng ta sẽ tiếp tục với những điều kiện thuận lợi hơn.

* * *

Cơ sở lý luận và phương pháp của công trình nghiên cứu mà hôm nay chúng tôi xin trình cho bạn đọc là những tác phẩm kinh điển của chủ nghĩa Mác - Lê: *Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản* (Mác và Ăngghen), *Tư bản luận* (Mác), *L. Phước bách*[1] (Ăngghen), *Đế quốc chủ nghĩa, thời kỳ cuối cùng của tư bản chủ nghĩa* (Lênin), *Vấn đề dân tộc* (Stalin), *Bàn về cách mạng Trung Quốc* (Mao Trạch Đông), *Các nghị quyết của Quốc tế cộng sản về vấn đề dân tộc và thuộc địa*.

Tôi đặc biệt chú ý đến lý luận và phương pháp đã được áp dụng trong những công trình nổi tiếng như: *Nội chiến ở Pháp. Ngày 18 Brumaire của L. Bô-na-pac*[2] (Các Mác), *Nông dân chiến tranh ở Đức* (Ăngghen), *Lên án chủ nghĩa thực dân* (Nguyễn Ái Quốc).

1. Ludwig Feuerbach - triết gia Đức, đồng thời là tên một cuốn sách của Engels.
2. Louis Bonaparte.

Nguồn tài liệu mà tôi dựa vào để nghiên cứu gồm:

Thứ nhất là tài liệu của đế quốc Pháp để lại, đã viết ra; lắm khi không tìm ra cái nguồn đầu tiên mà bị bắt buộc phải dùng sách nghiên cứu của bọn thực dân luôn luôn xuyên tạc sự thật; nguồn này tuy còn ít ở Hà Nội nhưng không phải là dưới số hàng trăm nếu kể cả báo và chí.

Thứ nhì là tài liệu mà triều đình Huế đã biên soạn theo quan điểm và quyền lợi phong kiến suy tàn.

Thứ ba là tài liệu do các nhà ái quốc văn thân ghi lại, các gia phả mà tôi chỉ mới bắt đầu gom góp, gom góp rất khó khăn không phải bởi ít quen thuộc với anh em ngoài Bắc mà bởi vì trong phong trào cách mạng và kháng chiến nhiều gia đình bị địch đốt nhà phá cửa, mất mát giấy tờ quý báu.

Thứ tư là tài liệu Trung Quốc hiện nay đã bắt đầu được sưu tầm có kế hoạch ở nước bạn.

Lẽ tất nhiên là tất cả các loại tài liệu trên đều phải được đọc và xét với một ý thức phê bình cao, một quan điểm Mác - Lê vững thì mới có thể tiếp cận với sự thực khách quan của lịch sử. Điều này tôi thành công tới mức nào, tôi chưa thành công hay thất bại ở đâu, xin nhờ độc giả chỉ giáo, cũng như tôi tha thiết yêu cầu độc giả giúp cho tôi tài liệu tản mác ở nhiều nơi.

Tôi lại chú ý tham khảo những sách sử do anh em tiến bộ và mác xít viết như của các bạn Trần Huy Liệu, Sếc-sơ-nô[1], Đào Duy Anh, v.v...

Ngay những người viết sử trước Cách mạng tháng Tám như Trần Trọng Kim, Phan Trần Chúc, Văn Hà v.v... cũng đã gom được một phần tài liệu chính xác, song, tất nhiên là quan điểm của những tác giả này khác xa với quan điểm của chúng ta; cho nên ở nhiều nơi tôi có trực tiếp hay gián tiếp tranh cãi những quan điểm

1. Jean Chesneaux.

https://tieulun.hopto.org

của các nhà sử tư sản, cũng như ở nhiều nơi tôi cố đả phá quan điểm của sử gia thực dân.

Riêng những tác phẩm của đồng chí Trường Chinh như "Bàn về cách mạng Việt Nam", "Chủ nghĩa Mác và vấn đề văn hóa" đã rọi nhiều ánh sáng cho sự nghiên cứu của tôi.

Tôi muốn in một số ảnh, vẽ một số tranh để minh họa sử sự, nhưng hiện nay không có đủ điều kiện vật chất để làm việc đáng làm này. Ngay địa đồ lịch sử cũng bị hạn chế trong mức không thể không có. Về cách viết thì trong khi trình bày và giải thích, tôi có ý làm sao cho bạn đọc "dễ nuốt trôi một liều thuốc đắng"; liều thuốc đó lại quá to; tất nhiên tôi tự bảo là tránh biến sử thành truyện, biến sử thành bài chính trị. Sách chưa in mà tôi đã được một vài bằng hữu phê bình rằng "tham tài liệu"; nhưng ở chỗ này tôi cứng đầu, cứ tham, giá còn có sử liệu đáng đưa vào thêm nữa tôi sẽ không ngần ngại gì mấy: tôi rất mong bạn đọc cho ý kiến về điểm này cũng như ý kiến về nội dung, phương pháp, hình thức.

Nhân xuất bản bộ sách này tôi xin cảm ơn anh chị em học sinh năm thứ ba (1955 - 1956) Ban Sử Địa của trường Đại học Sư phạm Văn khoa, cám ơn đồng chí Chu Thiên - đã giúp tôi là người rất ít ỏi về chữ Hán - cám ơn đồng chí Zê-len-sốp[1], cám ơn ban Văn Sử Địa và các bạn đã góp phần tích cực vào sự nghiên cứu đoạn lịch sử đau thương mà oanh liệt của dân tộc Việt Nam: 1858 - 1898.

Hà Nội, ngày 23 tháng 9 năm 1956
Trần Văn Giàu

1. Nhà xuất bản chưa tra được từ nguyên.

QUYỂN THỨ NHẤT

Nam Kỳ kháng Pháp

https://tieulun.hopto.org

Chương 1

ÂM MƯU CỦA THỰC DÂN PHÁP XÂM CHIẾM VIỆT NAM LÀ MỘT ÂM MƯU LÂU DÀI, NGÀY CÀNG TRẮNG TRỢN

Từ những thế kỷ thứ XV, XVI, chủ nghĩa tư bản mọc lên ở Tây phương ngay trong khuôn khổ chật hẹp của chế độ phong kiến. Một trong các yếu tố chủ yếu của sự tích lũy tư bản là cuộc xâm chiếm thuộc địa. Chủ nghĩa tư bản Pháp mọc lên sau chủ nghĩa tư bản Y Pha Nho, Bồ Đào Nha và kém hơn chủ nghĩa tư bản Hà, Anh thuở ấy, nhưng nó cũng tiếp theo bọn kia, cùng với bọn kia mà đi chiếm đoạt đất đai ở các góc trời, ở cựu lục địa cũng như ở tân lục địa. Mãi đến giữa thế kỷ thứ XIX, Pháp mới đem quân sang xâm chiếm nước ta, nhưng nó đã dòm ngó xứ ta từ lâu, từ thế kỷ XVII. Chương này kể lại lịch trình của các âm mưu ấy; âm mưu này tuy không hẳn là liên tục, nhưng ở mỗi giai đoạn lịch sử Pháp từ thế kỷ XVII đều thấy có, một âm mưu càng ngày càng trắng trợn. Cả lịch sử của tư bản chủ nghĩa là lịch sử của sự xâm lăng, lịch sử của chủ nghĩa thực dân khốc hại. Chúng ta sẽ thấy rằng nguyên nhân của sự xâm lược nào phải ở chỗ "binh vực đạo", "gieo rắc văn minh" hay "rửa nhục quốc kỷ"... nguyên nhân chủ yếu của cuộc cướp giựt thuộc địa là giành lấy thị trường, là

https://tieulun.hopto.org

chạy đua để thâu lợi nhuận cao. Bọn chủ trùm, bọn tay sai đắc lực của thực dân không hề ngần ngại gì mà không nói "trắng" ra. Nguyên nhân của chủ nghĩa thực dân nằm trong bản chất của chủ nghĩa tư bản. Những việc truyền giáo "viện trợ", những lời tuyên bố tốt đẹp về khai hóa, những tiếng gào thét về sự "rửa hận", v.v... đều là những tấm màn thưa che đậy bản chất xâm lăng và trục lợi ích kỷ của chủ nghĩa tư bản Tây phương. Trùm thực dân An-be-Sa-rô[1] đã thú nhận: *"Đi lấy thuộc địa không phải là một hành động khai hóa, một ý muốn văn minh. Nó là một hành động bạo lực vì lợi ích riêng"*[2].

I. ÂM MƯU THỰC DÂN TRƯỚC KHI TÂY SƠN KHỞI NGHĨA

1. Giáo sĩ Pháp mưu đồ chuẩn bị sự xâm lăng

Lịch sử chính trị và văn học nước ta hồi thế kỷ XVII hãy còn ghi tên một người Pháp, ông A-léc-xăng đờ-rốt[3]. Thường lệ người mình biết A-léc-xăng đờ-rốt là một giáo sĩ có ít nhiều công lao, cùng với một số người giáo sĩ ngoại quốc khác, chế tạo và vận dụng chữ quốc ngữ. Nhưng ít ai biết rằng nhà tu hành ấy cũng đã đóng một vai trò "tiềm quân", một vai trò hướng đạo trong việc giúp chủ nghĩa thực dân dòm ngó, xâm chiếm nước ta.

A-léc-xăng đờ-rốt đến Việt Nam năm 1624, yên thân truyền giáo. Ông ấy ở xứ ta được 25 năm, ngoài Bắc dưới quyền của chúa Trịnh, hay trong Nam dưới quyền của chúa Nguyễn; ông đi đi lại lại không khó khăn gì mấy, nhân dân cũng như nhà chức trách Việt Nam nói chung là không có thái độ quá hẹp hòi tàn sát như trường hợp của Tây Âu hồi một vài thế kỷ trước đó hay là như trường hợp của nước Pháp ngay trong thế kỷ XVII, A-léc-xăng đờ-rốt cũng công nhận như thế.

1. Albert Sarraut.
2. *Grandeur et servitude coloniales*, tr. 107 - 108.
3. Alexandre de Rhodes.

Nói một cách khác hơn, truyền thống lâu đời của nhân dân nước Việt Nam là tín ngưỡng có nhiều tự do hơn là ở Âu châu; ở Âu châu, lịch sử đã ghi nhiều cuộc tôn giáo chiến tranh, tôn giáo nội loạn; ở Việt Nam đến lúc ấy chưa hề có, và sau này sở dĩ có những cuộc đổ máu đáng tiếc về vấn đề "tà đạo" "chính đạo", căn bản là tại hành vi chuẩn bị xâm lược, hành vi xâm lược của nhân dân. Ông Vi-an[1] trong quyển "Histoire de la cochinchine" đã chẳng phải công nhận rằng những người giáo sĩ Pháp đã bao lần làm quá nhiệm vụ của họ, xen vào bao việc nội chính của nước Nam trong đó họ không có quyền hạn gì cả hay sao? Tuổi già, ông A-léc-xăng đờ-rốt về Tây, đem theo một bản địa đồ Việt Nam khá tỉ mỉ, một số ký sự trong đó ông có nói về xứ Việt Nam ta như sau:

"Đây là một vị trí cần phải chiếm lấy, và chiếm được vị trí này thì thương gia Âu châu sẽ tìm được một nguồn lợi nhuận và tài nguyên dồi dào"[2].

Sau A-léc-xăng đờ-rốt, tất cả các lái buôn và cha cố có dịp sang Việt Nam đều, kẻ trước người sau, xác nhận rằng nước Việt Nam là xứ nhiều tài nguyên, cần lập căn cứ ở đó, nếu lập căn cứ ở đó thì thu được nhiều lợi nhuận.

Kiến đánh hơi đường, mèo đánh hơi mỡ, thực dân đánh hơi lợi nhuận tài nguyên; thuở ấy, kinh thánh và hàng hóa là hai món xuất nhập đồng thời cùng một chuyến tàu, lắm khi cùng một người kiêm hai nhiệm vụ buôn bán và truyền giáo.

Năm 1658, với sự góp sức của cha A-léc-xăng đờ-rốt, ở Pháp, một "Hội truyền giáo đối ngoại" được thành lập, tiếng Pháp gọi là Société des Missions étrangères. Mục đích được tuyên bố của hội này là truyền giáo ở Đông Nam Á châu (Diến, Xiêm, Mã Lai, Việt Nam, Lào, Miên) và miền nam Trung Quốc, một phần nào là ở Nhật Bản, Triều Tiên.

1. Paulin Vial.
2. Thomazi trích lục, *La Conquête de l'Indochine*, tr. 13.

https://tieulun.hopto.org

Tại sao họ tập trung sự chú ý vào miền này, đó là một điều đáng suy nghĩ đến. Càng đáng suy nghĩ đến hơn nữa là những ông bầu góp tiền lập hội, hầu hết là những người trực tiếp hay gián tiếp làm giầu bởi nghề buôn bán cướp bóc ở các xứ Ấn Độ, Mỹ châu, Phi châu.

Thành lập vừa xong, hội gửi ngay nhiều giáo sĩ đi qua bán đảo Ấn - Trung. Lúc ấy dân Đông Nam Á chưa rõ mục đích thực sự của Hội truyền giáo đối ngoại. Nhưng đám thực dân Bồ Đào Nha thì rõ lắm: cũng là vì đồng bệnh mà thôi! (Bấy giờ, theo một thỏa ước giữa Y Pha Nho và Bồ thì, nếu lấy một đường giữa Đại Tây Dương, Y Pha Nho độc chiếm phía tây, Bồ độc chiếm phía đông). Cho nên, để ngăn trở một cuộc cạnh tranh thương mại và thuộc địa, tất cả các công ty hàng hải Bồ Đào Nha đều không nhận cho giáo sĩ Pháp đáp tầu Bồ mà sang Đông Nam Á châu, mặc dù rằng con buôn xứ Bồ rất tin đạo Gia Tô, mặc dầu rằng Giáo hoàng La Mã đã phong chức đức Cha cho La-mốt Lâm-be[1] và Pa-lu[2]. Chúa thì thờ chung, nhưng vàng bạc và gia vị thì để làm giầu riêng vậy! Túng quá, các ông Lâm-be, Pa-lu phải chân cứng đá mềm, đi đường bộ gian nan mà trực chỉ nước Xiêm La.

Đến Xiêm, trung tâm của bán đảo Ấn - Trung phì nhiêu, thì:

"Sự không tin cậy của người Bồ được các ông giáo sĩ kia chứng minh bằng cách tỏ ra rằng họ là những tay chân đắc lực nhất của một chính sách thuộc địa Pháp, nếu không phải chính họ là những người đề xướng ra chính sách ấy".

Tác giả của mấy hàng này, sĩ quan Thomazi, lòng muốn đề cao đoàn cha cố Pháp mà hóa ra tố cáo cái mục đích thực của họ, mục đích phục vụ chủ nghĩa thực dân bằng cách đội lốt thầy tu mà âm mưu xâm lược.

---

1. Lambert de la Motte.
2. Pallu.

Năm 1664, cũng gần một lúc với sự thành lập Hội truyền giáo đối ngoại, thủ tướng Côn-be[1] của Pháp lập "Công ty Đông Ấn" để tranh đua với người Hà Lan, người Anh, người Bồ mà xâm chiếm Á, Phi.

Công ty Đông Ấn và Hội truyền giáo đối ngoại, lẽ tất nhiên cùng một gốc mà ra, ra đời với một mục đích giống nhau và cộng tác mật thiết với nhau ngay từ lúc đầu. Hãy đọc mấy hàng tố cáo sau đây trong *Lịch sử quân sự của Đông Pháp*[2]:

"Thành lập vào năm 1664, Công ty Đông Ấn vừa có mục đích truyền giáo, vừa có mục đích thương mại; những thương điếm của công ty là vị trí cơ sở của Hội truyền giáo; thường thường các giáo sĩ khi lên bộ thì giả dạng là nhà buôn, mà thực tế họ cũng có buôn bán ít nhiều".

Thật: không đánh mà khai!

Năm 1680, một đoàn thương mại Pháp do Sa-pơ Lanh[3] cầm đầu vào lập thương điếm ở Bắc Việt Nam. Ở đây, thương gia Pháp không phải bị Chúa Trịnh xua đuổi, mà họ bị sức mạnh cạnh tranh gay gắt của thương gia Hà, Anh đã tới trước từ lâu, đã có cơ sở, đã có mối hàng, cho nên, đến 1682 thì thương điếm Pháp đóng cửa. Lúc ấy thương điếm của người Bồ đặt tại Hội An đã phát tài, lại được chúa Nguyễn cho nhiều điều dễ dãi.

Pháp bám chân chưa được ở Việt Nam. Nhưng họ đã bén rễ ở Xiêm mà họ xem là cái đầu cầu để lan ra khắp vùng Đông Nam Á, nơi đây họ có tham vọng chiếm cả vùng mênh mông từ Ấn Độ tới Trung Hoa.

Lâm-be và Pa-lu hoạt động rất dữ, cũng rất khéo. Nhờ đó mà chẳng bao lâu sau khi đặt chân lên lưu vực sông Mê Nam, Pháp đã có thể lừa phỉnh hay ép buộc nhà cầm quyền Xiêm để họ đem

---

1. Colbert.
2. *Histoire militaire de l'Indochine Française*, tr. 17.
3. Chappelain.

https://tieulun.hopto.org

quân đóng ở Băng Cốc và vài nơi yếu địa khác trên đất Xiêm. Sói vào nhà, hễ không mất gà thì mất vịt. Quân Pháp thông đồng mua chuộc một số người trong chính quyền Xiêm, đặc biệt là một tên quan đại thần gốc người Hy Lạp tên Phôn-công[1], bí mật tổ chức một cuộc đảo chính để đặt quyền đô hộ của Pháp trên toàn cõi lưu vực sông Mê Nam. Cuộc âm mưu bị bại lộ, bị thất bại quân Pháp bị đuổi ra khỏi nước Xiêm (1688). Người Đông Nam Á, từ đây không khỏi nghi ngờ vai trò của "Hội truyền giáo đối ngoại". Chính trong tập bản đồ của Hội truyền giáo do A Lô-nay[2] xuất bản năm 1890, ngay ở trang đầu, đã thấy một câu đầy ý vị:

"Nhờ sáng kiến của giáo sĩ mà dây liên lạc được nối liền giữa Pháp và Xiêm, sứ thần được trao đổi, hiệp ước được ký kết, một đội quân viễn chinh Pháp chiếm đóng Băng Cốc, Jông-sơ-lang[3] và Méc-guy[4], nước Pháp bước vào sự thành lập một vùng thuộc địa rộng lớn trên bán đảo Ấn Trung thì, trong khi đó, sự vụng về của kẻ thừa hành làm tan vỡ công trình ấy, sự thất bại này có ảnh hưởng tai hại cho Hội truyền giáo"[5].

Còn chạy chối đi đâu nữa?

Như thế, hành động cụ thể, hành động đầu tiên của Hội truyền giáo (và Công ty Đông Ấn) là có "sáng kiến" biến nước Xiêm làm thuộc địa, để căn cứ vào đó mà đông tiến đến Việt Nam, tây tiến qua Diến Điện xâm nhập vào miền nam Trung Quốc, cạnh tranh với Anh, Bồ, Hà. Tham vọng kể đã khá to vậy. Tham vọng ấy tư bản Pháp nuôi mãi đến đầu thế kỷ XX.

Có người nói: *"Chúng âm mưu đảo chính ở Xiêm, can gì đến ta?"* - Thì sao lại không thấy rằng, càng ăn càng thấy đói, thực dân toan làm như vết dầu loang; trong khi Pa-lu dựa vào năm chiến thuyền và 12 đại đội Pháp để mưu đồ đại sự ở xiêm thì hắn đã ngó xa hơn

1. (Constance) Phaukon.
2. Adrien Launay.
3. Nhà xuất bản chưa tra được từ nguyên.
4. Nhà xuất bản chưa tra được từ nguyên.
5. Atias des missions.

lưu vực sông Mê Nam, hắn đã tìm cách gửi tay sai qua Cao Miên, qua miền Nam và miền Bắc xứ ta rồi để mà chuẩn bị điều kiện.

2. Bọn tư bản Pháp xâm nhập xứ ta

Đó là phần của giáo sĩ Pháp.

Còn sau đây là phần của thương gia Pháp dòm ngó Việt Nam. Tên Vê-rê[1] đã xin chính phủ nhà vua Pháp chiếm lấy quần đảo Côn Lôn. Hắn báo cáo:

"Đảo này có ba bến tốt, nhiều suối nhỏ, một ngọn rạch, cây cối đẹp nhất đời, chiếm nơi này thì có lợi như là chiếm cả hai eo biển Ma-lắc-ca[2] và Sông-đơ[3]".

Côn Lôn không đến đỗi thuận lợi và quan trọng đến thế; nhưng muốn chính phủ xứ nó chú ý đến nhiều, nhà tư sản phải vẽ vời thêm. Trước Vê-rê thì thương gia Pháp tên Lơ-ru[4] đã đề lên ý kiến ấy (1675).

Pháp nói, Anh làm. Năm 1700, quân Anh đã nhanh tay chiếm lấy quần đảo Côn Lôn, đóng đồn ở đó, đặt quân canh phòng đường bể giữa Trung Quốc và Nam Dương. Nhưng, dân công và lính tráng người Mã Lai mà họ dùng đã hiệp với dân trên đảo, nổi lên hoàn toàn tiêu diệt đội quân đồn trú của Anh, người Anh bỏ Côn Lôn không trở lại nữa, mặc dầu họ vẫn dòm ngó cái vị trí chiến lược có giá trị ấy. Một sự tình cờ lịch sử đã nối liền lần đầu tiên nhân dân hai nước Việt - Mã trong cuộc tranh đấu chống chủ nghĩa thực dân ngay từ năm đầu của thế kỷ XVIII.

Đến năm 1737, tên Toàn quyền Pông-đi-sê-ry[5] là Duy-ma[6] trình bày cho vua Lu-y[7] XV một dự án xâm nhập vào miền Bắc

1. Véret.
2. Malacca.
3. Sonde.
4. Leroux.
5. Pondichéry.
6. Dumas.
7. Louis.

https://tieulun.hopto.org

Việt Nam. Rồi đến năm 1748, tên Duy-mông[1], chủ nhiệm Công ty Đông Ấn thân hành đến dòm ngó xứ ta; khi về, hắn báo cáo là nên chiếm cứ cù lao Chàm gần cửa Hội An[2]. Năm 1749, một nhà giáo sĩ chuyên tu hành và không phải là không chuyên buôn bán, là Poa-vơ-rơ[3], ông "hạt tiêu" - vâng lệnh hội đồng Pông-đi-sê-ry, cỡi một chiến thuyền có 30 đại bác và 200 quân, thẳng đến Phú Xuân, yết kiến Võ Vương, xin đặt căn cứ ở Đà Nẵng và Hội An; lại đề nghị với Võ Vương lấy một lương y Pháp làm ngự y thay cho một lương y Bồ là cha Lu-vay-rô[4], cốt để đánh bạt ảnh hưởng của Bồ và ra vào cấm cung cho tiện lợi[5].

Năm 1753, một cựu giáo sĩ đã chuyển sang nghề buôn, tên là Sanh-pha-lơ[6], trình lên chính phủ Pháp một bản giác thơ trong đó hắn yêu cầu lập căn cứ ở miền Bắc Việt Nam.

Sanh-pha-lơ có ở Bắc 8 năm, biết khá rõ tình hình của vùng đất mà chúa Trịnh thống trị. Hắn báo cáo:

"Vương quốc này là một trong những nước mạnh nhất của vùng Đông - Ấn. Tuy nó thần cống Trung Quốc nó lại được nhiều nước láng giềng quy thuận... Nó rộng bằng 2/3 nước Pháp... Thủ đô của nó là Kẻ Chợ, rộng lớn như Pa-ri[7]; tôi có đến đó nhiều lần. Kẻ Chợ ở trên một con sông gọi là sông Cái. Thuyền bè chen chúc dưới bến, đông đúc quá sức tưởng tượng. Vương quốc này, dân số không biết bao nhiêu mà kể, có rất nhiều thị trấn, có những thị trấn có 3, 4, 5 hay 10 vạn dân. Xứ này có nhiều sông, ngòi, kênh đào, thuyền bè lưu thông dễ dàng. Đất đai mầu mỡ. Bắc Kỳ mở rộng cửa cho người Anh, người Hà, người Pháp đều có thương điếm..."[8].

1. Dumont.
1. Castonnet Desfossés, *Les Relations de la France avec le Tonkin et la Cochinchine*, 1883.
3. Poivre.
4. Louveyro.
5. Albert Septans, *Les commencements de l'Indochinchine française*, 1887, tr. 51 - 66.
6. Saint - Phalle.
7. Paris.
8. *Archives du Ministère de la Marine et des Colonies* do A.Septans trích lục, tr. 60 - 61, "Les commencements de l'Indochine Française".

Cựu giáo sĩ đồng thời là tân thương gia, ông Sanh-pha-lơ kết luận bằng cách xin Pháp chú ý đến đất Bắc.

Lúc bấy giờ chính là lúc mà Pháp cùng với các nước tây phương ráo riết đi tìm "đất mới" trong vùng Thái Bình Dương. Các khoa địa lý và tự nhiên học hẳn có nhờ các nhà địa lý hữu danh như Bu-ganh-vin[1], Đờ la Pay-ru-zơ[2], Duy-mông Duyết-vin[3], mà chủ nghĩa thực dân lại càng ghi công cho những thám hiểm ấy.

Lúc bấy giờ cũng là lúc mà sau khi đã lợi dụng mâu thuẫn giữa các tiểu vương Ấn Độ để xâm chiếm một vùng rất rộng lớn trên bán đảo Đê-căn[4], Pháp đã tính đến việc xâm chiếm Diến Điện và Nam Kỳ (tên Nam Kỳ là tên mà chúng gọi vùng đất Việt Nam do chúa Nguyễn thống trị tức là sông Gianh trở xuống). Cuộc âm mưu này không thành bởi vì chiến tranh giành thuộc địa giữa Pháp và Anh nổ ra dữ dội, lâu dài; rốt cùng thì Pháp đại bại, phải nhường hầu hết các thuộc địa béo bở nhất ở Á châu và Mỹ châu cho Anh, chỉ giữ những miếng xương xóc tuy dòn mà nhỏ bé. Có người nói: "Sau cuộc đại bại này Pháp ngao ngán không muốn dòm ngó thuộc địa Á - Phi nữa, chỉ muốn chăm chú đến Âu châu, xem một tấc đất của lục địa hơn ngàn dặm ngoài bể". Nhưng thật ra, xét cái xu hướng căn bản của nó, sói bị cướp mồi thì sói càng lục lạo kiếm ăn hỗn hơn trước, tư bản Pháp mất thuộc địa lại nỗ lực đi tìm thuộc địa ở nơi khác, vừa để tiếp tục làm giàu, vừa để cạnh tranh ngăn bớt sự bành trướng của Anh trên khắp Viễn Đông và thế giới. Bộ *Lịch sử quân sự của Đông Pháp* viết:

"Năm 1769, Công ty Đông Ấn không còn nữa. Ở Đông Dương, nước Pháp chỉ còn được đại diện bằng các vị giáo sĩ thôi, nhưng tình hình chính trị sắp cho nước Pháp một cơ hội để can thiệp bằng quân sự".

1. Bougainville.
2. De la Peyrouse.
3. Dumont d'Urville.
4. Deccan.

https://tieulun.hopto.org

Cơ hội đó sẽ là cuộc chiến tranh phản động của Nguyễn Ánh chống Tây Sơn. Giáo sĩ và con buôn Pháp, túi đầy tham vọng, óc thuộc kinh nghiệm của Đuy-pơ-léc[1] ở Ấn Độ, sẽ tìm cách đặt chân lên đất nước Việt Nam ta bằng cách xen vào cuộc nội chiến.

Lạ gì mà, sau chiến tranh 7 năm ở Âu châu, trong một bản báo cáo gửi về cho Lu-y XV, có một đoạn rất đầy ý nghĩa:

"Dường như chỉ còn có Nam Kỳ là xứ mà người Anh chưa để ý đến; nhưng ta có thể nào tự nhủ rằng người Anh sẽ không gấp rút dòm ngó đất này chăng? Nếu họ quyết định trước ta thì vĩnh viễn chúng ta sẽ bị khai trừ ra khỏi vùng này; chúng ta sẽ không chiếm được, một căn cứ quan trọng ở vùng Á châu này. Bằng ngược lại, chúng ta sớm chiếm vùng này thì, khi xẩy ra chiến tranh, chúng ta sẽ là chúa tể, để cắt đứt đường thương mại của người Anh với Trung Quốc làm cho người Anh lui tới không yên. Nhược bằng người Anh chiếm Nam Kỳ thì họ sẽ xem ta như phụ thuộc họ trên khắp các miền duyên hải Á châu, họ sẽ không coi ta ra gì nữa"[2].

Như hai năm rõ mười, tư bản Pháp bấy giờ đang âm mưu xâm chiếm nước ta ngay trước khi nó chớp lấy cơ hội nội chiến mà đứng về phe Nguyễn Ánh phản động. Giá như không có cơ hội này thì chúng bày ra duyên cớ khác để can thiệp, điều ấy có khó gì?

Càng ăn càng thấy đói, được lời to, lại đòi lời to hơn nữa, ấy là đặc tính của chủ nghĩa thực dân. Người Anh lúc đó, sau khi thôn tính gần hết Ấn Độ, đã để ý nhiều đến nước Việt Nam, làm cho Pháp càng phải gấp rút mưu đồ sự xâm lược. Trước 1698, người Anh đã có lập thương điếm ở Bắc; đến 1698 họ bỏ đi song họ vẫn lui tới. Năm 1719, một tầu Anh làm ngang bắt một thiếu nữ Việt Nam chở đi, dân và quân ta theo đòi, hai bên đánh nhau trên Hồng Hà, ta giết chết nhiều người Anh, trong số đó có cả quan

1. Dupleix.
2. *Conquête de l'Indochine*, tr. 5.

ba cai quản tàu; nhưng tàu Anh chạy được. Từ đó không thấy tàu Anh lai vãng. Mãi về sau, hội đồng Can-kuyt-ta[1] (Ấn) mới gửi tên Sáp-man[2] sang xứ ta để điều tra thêm tình hình; khi về, Sáp-man báo cáo:

"Không có xứ nào ở Á châu sản xuất vật dụng nhiều và tốt hơn là xứ này, các thứ rất lợi cho sự buôn may bán đắt: quế, tiêu, tơ, bông, đường, gỗ quý, ngà voi, v.v...; ở đây thì vàng, từ đất móc lên đã là vàng sạch rồi... Nếu chúng ta có căn cứ trên đất Nam Kỳ và có một thế lực mạnh ở đó, thì với sản vật ở Ấn Độ và Âu châu, chúng ta sẽ dễ dàng mua rất nhiều hàng hóa đã kể trên".

Nếu không mau chân thì người Anh sẽ hớt mất; Pháp biết rõ như thế, nên tìm mọi cơ hội, mọi duyên cớ để sớm can thiệp vào Việt Nam. Các giáo sĩ người Pháp đã nhiều lần báo cáo về Tây rằng họ đã thu phục đặng 10 vạn tín đồ, khi cần thì 10 vạn tín đồ ấy sẽ cử sự giúp đỡ quân pháp bằng mọi cách. Các giáo sĩ Pháp lầm! Người dân cày Việt Nam nghèo khó, ghét chúa Nguyễn, chúa Trịnh, nhưng người Việt Nam Công giáo hay Phật giáo hay Khổng giáo hay thuộc bất cứ giáo nào đều yêu nước Việt Nam, Tướng Pháp Ri-gô đờ Giơ-nu-dy[3] sẽ có dịp ở Đà Nẵng để bản thân nhận định bằng thực tế cay đắng rằng các ông giáo sĩ kia phóng đại, thêu dệt.

Như thế là trong hàng thế kỷ, tư bản Pháp luôn luôn dòm ngó đất Việt Nam, âm thầm hay công nhiên chuẩn bị can thiệp để biến nước ta thành thuộc địa. Giai đoạn nội chiến Tây Sơn - Nguyễn Ánh sẽ là dịp tốt để chúng trực tiếp can thiệp vào nước ta, đứng về phe phản động của phong kiến đại địa chủ.

1. Calcutta.
2. Chapman.
3. Rigault de Genouilly.

https://tieulun.hopto.org

II. QUÂN PHÁP TRỰC TIẾP CAN THIỆP VÀO NỘI CHÍNH VIỆT NAM. NHÀ NGUYỄN RƯỚC VOI VỀ VÀY MỒ ÔNG BÀ

1. Mạt cưa mướp đắng gặp nhau: Nguyễn Ánh và Cha Cả

Lúc này ở Việt Nam, dưới cờ Tây Sơn, nông dân khởi nghĩa đánh đổ chúa Nguyễn, chúa Trịnh. Bọn Nguyễn Ánh bị đuổi vào Nam, rồi bị đánh bật ra khỏi đất nước, trốn chui trốn nhủi ở mấy hòn đảo con con trên vịnh Xiêm La, sang nương náu ở Xiêm.

Nguyễn Ánh không từ một thủ đoạn phản quốc nào để tìm cách chiếm lại ngai vàng: hắn xin viện binh của phong kiến Xiêm, để cho quân Xiêm phá hoại nhân dân từ Hà Tiên, Rạch Giá lên tới Vĩnh Long; quân Xiêm bị Nguyễn Huệ tiêu diệt ở Rạch Gầm (Định Tường) thì Nguyễn Ánh cầu xin sự "giúp đỡ" của bọn thực dân Tây Âu.

Bấy giờ, chẳng những Pháp mà cả Anh, Hà, Bồ, Tây đều có phái nhân viên đến liên lạc với Nguyễn Ánh để đề nghị "viện trợ". Bản thân Nguyễn Ánh có ý định sang Batavia (Nam Dương) để cầu viện Hà Lan, hoặc sang Goa (Ấn Độ) để cầu viện Bồ Đào Nha. Thật là ngu xuẩn vô cùng, khi ai nấy đều biết rằng Hà Lan xâm chiếm cả Nam Dương, còn Bồ Đào Nha xẻo cắt một phần Ấn Độ.

Trước hết vì giáo sĩ Pháp có một ít thế lực quần chúng trong nước ta, nên Nguyễn Ánh nghiêng về phía cầu xin Pháp tiếp viện. Vị giáo sĩ Pháp được Nguyễn Ánh tin cậy là Pi-nhô đờ Bê-hen[1] thường gọi là đức Cha Cả. Mạt cưa gặp mướp đắng. Cha Cả là một giáo sĩ là lạ, sớm đọc kinh thánh, trưa đọc lịch sử chinh chiến và xâm lăng của Xê-za[2] (một thượng tướng và hoàng đế La Mã), nuôi mộng lập nên cho Pháp một đế quốc thực dân rộng lớn ở vùng Đông Nam Á, lo kế tục cái kế hoạch của Pa-lu bị vỡ lở ở Xiêm ngày nọ; ông để nhiều thì giờ vào việc nghiên cứu và phiên dịch binh thơ đồ trận hơn là thì giờ làm việc của nhà tu hành, tay

1. Pigneau de Béhaine.
2. César.

trái lần chuỗi, tay phải mài gươm. Tư bản Pháp quý ông (lẽ tự nhiên) mà tư bản Anh cũng thừa nhận rằng ông là rường cột của Thực dân chủ nghĩa. Năm 1782, khi 100 chiến thuyền Tây Sơn lẫm liệt kéo vào Bến Nghé để đuổi quân Nguyễn Ánh thì Pi-nhô đờ Bê-hen đã từng chiêu mộ nhiều sĩ quan và thủy thủ Pháp, theo Nguyễn Ánh mà chống lại sự thống nhất của Việt Nam; bản thân Pi-nhô chỉ huy sự phòng ngự của quân Nguyễn Ánh, xây đồn đắp lũy, huấn luyện quân đội, chống lại Tây Sơn. Nhưng sau vài trận chớp nhoáng, cả Nguyễn Ánh lẫn Pi-nhô đều chạy dài ra vịnh Xiêm La tìm nơi nương náu.

Nguyễn Ánh giao ấn vua và đông cung Cảnh cho Pi-nhô đờ Bê-hen mang về Pháp làm con tin để toàn quyền thương lượng với Lu-y XVI mà xin binh cứu viện.

Ý kiến của Pi-nhô đờ Bê-hen thật là nhất trí với ý kiến của bọn thực dân Pháp ở Pông-đi-sê-ry. Ngày 30-4-1788, tên võ quan trấn thủ thành San-đéc-na-go là Sơ-va-li-ê[1] gửi cho tên Toàn quyền Pông-đi-sê-ry một bức giác thơ trong đó hắn nói đến một người cha vừa ở Nam Kỳ về, cha P. Lô-ray-rô[2] và yêu cầu nên mượn cớ giúp Nguyễn Ánh mà đặt chân ngay lên đất Việt Nam:

"Vị cha này có thể giúp ích cho ta theo ý cha này thì phải bắt đầu gửi ngay 200 quân Âu, pháo binh và 2.300 lính Ấn... Cha này sẽ cùng đi với quân lính và sẽ đề nghị một hiệp ước đại để như sau:

1. Đồng minh tấn công và phòng thủ; 2. Quân Pháp đến tiếp viện thì do Nguyễn Ánh cung cấp ăn mặc và trả tiền; 3. Lập căn cứ và đóng quân ở Hội An; 4. Nhượng một tỉnh cho Pháp; 5. Tự do thương mại hoàn toàn... Những bước đầu nhỏ mọn (!) ấy về sau có thể dắt nước Pháp đến chỗ chiếm được một vùng thuộc địa bao la... Nước Pháp có thể sẽ làm chủ luôn cả Bắc Kỳ và Xiêm"[3].

1. Chevalier.
2. Nhà xuất bản chưa tra được từ nguyên.
3. *Archives du Ministère de la Marine et des Colonies*, A. Septans trích lục, tr. 69.

https://tieulun.hopto.org

Sơ-va-li-ê giục phải làm mau. Hắn cho biết rằng nếu người Anh không bị kẹt vì chiến tranh với người Ma-ha-rát[1] (một nước ở tây bộ Ấn Độ mà kinh đô là Bom-bay[2]) thì họ đã vũ trang can thiệp vào Nam Kỳ rồi. Thực vậy cuộc đấu tranh vũ trang của người Ma-ha-rát như chặn tay cột chân quân Anh ở Ấn[3]. Pháp biết thế, càng cố gắng tranh thủ thời gian để can thiệp gấp vào Việt Nam.

Lúc bấy giờ, ngay ở bên Pháp, cũng có nhiều người quyền thế muốn can thiệp. Như bá tước La-mốt thúc giục chính phủ tìm cách chiếm lấy Đà Nẵng. Thống chế Đờ-cát-tơ-ri[4], bộ trưởng Bộ Hải quân thì thúc giục Hội truyền giáo đối ngoại mau mau báo cáo rõ tình hình.

"Như ta đã thấy, tất cả các báo cáo của các giáo sĩ, các võ quan đều đi đến kết luận rằng cần phải lập căn cứ ở Đông Dương".

2. Hiệp ước Véc-xây[5]

Pháp võ trang can thiệp lần đầu

Đờ-sếp-tang[6] kết luận như thế. Và như thế, khi Pi-nhô đờ Bê-hen mang đông cung Cảnh và vương ấn về Tây (1787) thì bọn tư bản và triều đình Véc-xây không còn lạ gì mấy với vấn đề can thiệp vào Việt Nam, lập căn cứ ở Việt Nam. Lòng tham đã sẵn, việc ký kết Hiệp ước ngày 28 tháng 11 năm 1787 giữa Pi-nhô đại diện cho Nguyễn Ánh và bá tước Mông-mô-ranh[7] đại diện cho Lu-y XVI chỉ là một việc dễ dàng thôi. Theo hiệp ước này Pháp cam kết "giúp" tầu chiến, súng đạn, quân sĩ; Nguyễn Ánh cam kết nhượng Đà Nẵng, Côn Lôn, Pháp được độc quyền thương mại.

Tai hại!

1. Maharashtra.
2. Bombay (nay là Mumbai).
3. Asiatic Annueal Register, *Relation d'un voyage à la Cochinchine*, 1801.
4. de Castries.
5. Versailles.
6. Nhà xuất bản chưa tra được từ nguyên.
7. Montmorin.

Chính phủ độc lập nào, dù ngu si mấy, cũng không thể công khai hay bí mật giao độc quyền thương mại cho một nước khác. Pi-nhô lên đường trở lại Việt Nam vào năm 1788, lúc cách mạng Pháp đang ngấm ngầm sắp bùng cháy; khách quan, cuộc cách mạng 1789 - 1794 đã ngăn trở, đã thủ tiêu hiệp ước tai hại giữa Nguyễn Ánh và Lu-y XVI, cuộc đồng minh đấu tranh giữa nhân dân hai nước Việt - Pháp bắt nguồn từ đó. Lu-y XVI không ngồi vững trên ngai vàng Véc-xây thì làm sao cho việc đặt Nguyễn Ánh trở lại trên ngai vàng Phú Xuân được?

A. Đờ-sếp-tang tiếc rẻ:

"Lần thứ hai, bán đảo Ấn - Trung thoát khỏi Pháp đô hộ".

Sếp-tang muốn nhắc đến vụ thất bại cách đó 100 năm ở Băng Cốc (1688).

Muốn lường được tội hình của Nguyễn Ánh khi anh ta trao quyền cho Pi-nhô ký Hiệp ước 1787 với Pháp, thì hãy nghe ý kiến sau đây của một người Anh, John Ba-rô[1], viết năm 1806[2].

"Nếu không có biến cố ấy (cách mạng 1789 - 1794, T.V.G) thì người ta sẽ biết rõ những kết quả mà hiệp ước này mang lại cho thuộc địa ta ở Ấn Độ, cho nền thương mại của công ty ta với Trung Quốc. Rõ ràng là hiệp ước này nhằm tiêu diệt thuộc địa và thương mại của ta. Có khó khăn gì mà đoán trước rằng Pháp chiếm phần duyên hải Đà Nẵng là để tổ chức một đội hải quân đủ to lớn có sức uy hiếp thuộc địa ta ở Ấn Độ. Và không chắc rằng Pháp sẽ không trở lại với ý định mà nó đã có. Những điều mà nước Pháp quân chủ mới dám quyết định thôi, thì nước Pháp đế chế sẽ thực hiện".

Gần đúng như thế! Pháp không bỏ kế hoạch xâm lấn Việt Nam; nó chỉ hoãn lại việc xâm lăng. Cuộc cách mạng, rồi cuộc chiến tranh lục địa kéo dài làm cho Pháp không có điều kiện để ngó về

1. John Barrow.
2. *Voyage à la Cochine.*

https://tieulun.hopto.org

Viễn Đông béo bở. Phải đợi đến đế chế thứ II thì kế hoạch xâm lấn Việt Nam mới được bắt đầu thực hiện.

Tuy chính phủ Pháp bỏ lỡ Hiệp ước 1787, bọn tư bản Pháp ở Ấn Độ Dương tận tâm ủng hộ kế hoạch của Pi-nhô đờ Bê-hen vì kế hoạch này chính là hiện thân quyền lợi của chúng. Chúng bèn gửi tàu chiến, sĩ quan, kỹ sư, binh lính, vũ khí, đạn dược sang miền Nam, để cùng với Nguyễn Ánh đánh nhân dân Việt Nam. Bản thân Pi-nhô cũng tham gia chinh chiến từ Gia Định đến Bình Định, cho đến chết, như một viên tham mưu trưởng.

Nhà Nguyễn Tây Sơn thất bại vì những lý do chính trị và xã hội nhất định mà ở đây ta không phải nói đến. Điều chắc chắn hơn cả là nhờ sức can thiệp của tư bản Pháp, của thực dân Pháp mà Nguyễn Ánh thắng trận sau cùng.

Nguyễn Ánh thắng là phản động thắng; sự can thiệp đầu tiên của Pháp có tính chất hoàn toàn phản động, cố giật lùi xã hội Việt Nam, cố ngăn trở sự phát triển tự do và độc lập của Việt Nam; chủ nghĩa thực dân nào cũng thế. Và về sau này, thực dân Pháp sẽ luôn luôn liên kết với phong kiến, phong kiến đầu hàng thực dân mà bóc lột quần chúng, đàn áp cách mạng cho đến ngày cuối cùng của chúng nó.

3. Thực dân chưa đạt được ý nguyện

Trong thời kỳ cách mạng Pháp và chiến tranh Âu châu dưới Na-pô-lê-ông[1] đệ nhất, chẳng những Pháp mà Anh cũng không cố sức phát triển thuộc địa mới ở Đông Dương. Năm 1808, người Anh có đem một hạm đội đến Bắc Kỳ, nổ súng đồng, đòi mở cửa biển; người Việt Nam dùng thuyền lá tre nghinh chiến, thiêu hủy một phần lớn hạm đội Anh; thực dân Anh phải nuốt hận mà êm ái rút lui không trở lại.

1. Napoléon Bonaparte.

Sở dĩ Nguyễn Ánh nhờ Pháp thắng Tây Sơn rồi mà khỏi lâm ngay vào nạn mất nước, không phải vì "xin thực dân viện trợ là không nguy hiểm chi", cũng không phải vì "Nguyễn Ánh khôn ngoan tài trí, lợi dụng mà không bị lợi dụng". Nước ta khỏi lâm vào tình trạng thuộc địa lúc bấy giờ chính là vì tình thế Âu châu trước hết, yếu tố này, hẳn là ở ngoài vòng tính toán xảo quyệt của Pi-nhô đờ Bê-hen. Nói về Pi-nhô lỡ mất thời cơ để chiếm đoạt Đông Dương, một người tư bản Anh, nhân dịp đi từ Ba-ta-vi-a[1] đến Sài Gòn, có viết[2]:

"Đức Cha Cả là một người phi thường; thiếu chút nữa thì ông đã có thể lập ở Á châu một đế quốc thuộc địa rộng lớn hơn là thuộc địa của ta".

Cái "thiếu chút nữa" mà Pi-nhô và tư bản Pháp thiếu khi chúng "cứu viện" cho Nguyễn Ánh, cái chút nữa đó chính là cách mạng Pháp và chiến tranh Âu châu kéo dài từ 1792 đến 1814, quyết không phải cái tài trí của Nguyễn Ánh, càng không phải là cái lòng "hảo hán" của lũ thực dân ra mặt hay giấu mặt trong lớp áo nhà tu.

Tai qua nạn khỏi rồi chăng?

- Hẳn là không. Cái họa bị xâm lăng chỉ hoãn lại mà thôi. Nhà Nguyễn khi đã cầu xin và được sự giúp đỡ của tư bản Pháp để đánh lại Tây Sơn, chống lại Tổ quốc, thì đã mang cái căn họa mất nước, mang cái nạn đem voi về vày mả tổ tiên rồi. Chiến cuộc dứt ở Âu châu, tình hình Pháp ổn định trở lại thì Pháp sẽ càng để ý đến sự xâm chiếm một nước trong đó chúng nó có cơ sở vật chất và tinh thần, trong đó kẻ cầm quyền bị nhân dân hoàn toàn không tín nhiệm, bị nhân dân nguyền rủa, Pháp sẽ càng ngày càng sỗ sàng đòi hỏi đi lần đến xâm lược bằng võ trang.

1. Batavia.
2. *Journal de Calcutta*, số 105, năm 1819.

https://tieulun.hopto.org

III. TƯ BẢN PHÁP TIẾP TỤC DÒM NGÓ VIỆT NAM VÀ CHUẨN BỊ XÂM LƯỢC TRỰC TIẾP

1. Na-pô-lê-ông đã có ý gửi quân sang chiếm Việt Nam

Khi đã đặt vững chính quyền của nó, giai cấp tư sản Pháp tiếp tục dòm ngó Việt Nam, ngay trong thời cách mạng và thời chiến tranh của Na-pô-lê-ông đệ nhất, dù rằng trong thời ấy nó không làm được gì quan trọng ở Viễn Đông. Những nguyên nhân kinh tế và chính trị đã xui nước Pháp quân chủ muốn lấy nước ta, những nguyên nhân ấy dưới chính quyền tư sản, chẳng những là tồn tại mà phát triển thêm lên: đó là sự phát triển của chủ nghĩa tư bản, đó cũng là sự cạnh tranh với các nước tư bản, đặc biệt là với Anh trên mặt biển.

Năm 1794, viên quan ba hải quân là Lác-xê gửi lên chính phủ chấp chính một bản giác thơ, trình bày kế hoạch đặt cơ sở thương mại và quân sự ở Phi Luật Tân và Việt Nam. Năm 1799, một tên thực dân là Cốt-xi-nhi[1] gửi lên cho Bô-na-pác một bức giác thơ khác để nhắc lại kế hoạch xâm lăng của Pi-nhô đờ Bê-hen yêu cầu Bô-na-pác gửi ngay quân sang Việt Nam; Bô-na-pác rất chú ý đến vấn đề này trong khi quyết chiến với Anh, hiềm gì chưa làm được. Sau khi đã trở thành Na-pô-lê-ông đệ nhất, năm 1812, hắn ra lệnh cho Hốt-tơ-riu-vơ[2] tìm lại và nghiên cứu văn kiện Hiệp ước Véc-xây 1787 để tìm cớ "hợp pháp" mà xâm nhập Việt Nam. Nhưng ba năm sau thì Na-pô-lê-ông đổ, mộng xâm lăng cũng đổ theo.

2. Lu-y XVIII toan tiếp tục kế hoạch của Lu-y XVI

Lu-y XVIII lên ngôi tiếp tục cái việc mà ông vua mất đầu Lu-y XVI đã phải bỏ dở. Bấy giờ, trong triều của Gia Long có hai người Pháp là Sai-nhô[3] và Va-nhê[4] làm quan nhị phẩm, giao tiếp luôn

1. Cossigny.
2. Hauterive.
3. Chaigneau.
4. Vannier.

luôn với hầu tước Ri-sơ-li-ơ[1] để báo cáo tình hình Việt Nam, khi chính phủ Lu-y XVIII định thương thuyết với triều đình Huế "trên cơ sở Hiệp ước Véc-xây". Đó là vào năm 1817. Ngoài nhân dân thì các giáo sĩ Pháp không ngớt hoạt động để tăng cường thế lực chính trị và tinh thần: lúc ấy đã có ở xứ ta 6 cha người Âu, 24 giáo sĩ người Âu, 155 cha người bản xứ, 9 trường và độ 20 vạn tín đồ. Bản thân Gia Long cũng lo ngại phần nào, nhất là từ khi các giáo sĩ Pháp ngấm ngầm hay ra mặt phản đối việc Gia Long lựa Đảm nối ngôi, họ muốn phù trợ cho con đông cung Cảnh lên ngôi, nghĩa là can thiệp vào việc chính trị chủ yếu của triều đình Huế. Chiếc tàu Xy-be-lơ[2] dựng cờ trắng của Lu-y XVIII đến cửa Đà Nẵng, quan tàu xin yết kiến, thì Gia Long không tiếp.

Lúc này, các nhóm tư bản Pháp liên tiếp gửi tàu bè từ Bóc-đô[3], Năn-tơ[4], Lô-ri-ăn[5] đến buôn bán ở Việt Nam, nhiều hơn lúc nào cả. Nhà thương mại A. Bô-ren[6] đi Huế, gặp Sai-nhô, về trình với Lu-y XVIII tất cả mọi sự lợi lớn về kinh tế, chính trị, quân sự nếu Pháp lập căn cứ ở Việt Nam. Đọc đến đoạn sử này ta không thể không hồi tưởng đến việc giáo sĩ, quân lính và thương gia Pháp đã mưu toan đảo chính ở Băng Cốc với bè lũ của tên Phôn-công người Hy Lạp làm quan cao cấp trong triều đình Xiêm, hồi 1688, thiếu chút nữa Xiêm đã bị chiếm làm thuộc địa.

Sai-nhô nghỉ phép về Pháp, báo cáo rõ tình hình Việt Nam, lãnh trọng trách mưu đồ một việc lớn tựa như việc của Phôn-công ở Băng Cốc. Sai-nhô trở lại Huế với danh nghĩa là công sứ, có nhiệm vụ thương lượng về đặc quyền thương mại của Pháp và vận động cho triều đình Huế mượn chuyên gia Pháp trong các ngành

1. Richelieu.
2. Cybèle.
3. Bordeaux.
4. Nantes.
5. Lorient.
6. A. Borel.

https://tieulun.hopto.org

quân sự, kiến trúc, kinh tế v.v... mục đích là chiếm giữ một địa vị khả dĩ làm tăng thế lực của Pháp rồi về sau tính đại sự xâm lăng.

3. Cách mạng 1848 ở Pháp lại một lần nữa cản trở âm mưu của tư bản xâm chiếm Việt Nam

Nhưng khi Sai-nhô trở qua Việt Nam thì Gia Long đã chết. Minh Mạng không nghe lời quyến rũ của Sai-nhô, cũng liên tiếp không chịu tiếp võ quan các tầu chiến Cờ-lê-ô-pát[1] (1821), Thê-lít[2] (1824) và tầu Ết-pê-răng-xơ[3] vào bến Đà Nẵng xin yết kiến. Lẽ tất nhiên rằng Minh Mạng có đủ những lý do để nghi ngờ sự hoạt động của người Pháp, nhất là từ khi trong vụ Lê Văn Khôi khởi nghĩa chống triều đình, có mấy người giáo sĩ Pháp liên can, bị bắt và bị triều đình xem là đã mưu đồ tôn dòng đông cung Cảnh lên ngôi, gây cuộc chiến tranh cốt đánh đổ triều đình Minh Mạng. Để phòng sự can thiệp của Pháp thì phải rồi, nhưng thi hành chính sách bế quan tỏa cảng thì sai; không chịu duy tân là đi vào đường mất nước; cũng như muốn ngừa sự hoạt động gián điệp của giáo sĩ Pháp mà lại nhất loạt khủng bố đàn áp người Việt Nam theo đạo là sai lầm to. Nếu sớm duy tân, nếu phát triển và củng cố lòng yêu nước sẵn có từ trăm đời trong nhân dân, thì không có giáo sĩ ngoại quốc nào có thể âm mưu mà không bị chính người dân công giáo phản đối, lột mặt nạ.

Đến khi Lu-y Phi-líp[4] lên ngôi ở Pháp, thì tư bản Pháp càng chú ý đến Viễn Đông hơn lúc nào cả. Thủ tướng Guy-zô[5], năm 1843, viết:

"Chúng ta cần hai cái bảo đảm ở Viễn Đông một căn cứ hải quân thường xuyên ở bể Trung Quốc, và một thuộc địa vững chắc gần Trung Quốc... Nước Pháp không thể vắng mặt trong một phần

1. Cléopâtre.
2. Nhà xuất bản chưa tra được từ nguyên.
3. Espérance.
4. Louis Philippe.
5. Guizot.

rộng lớn như thế của thế giới khi mà các nước Âu châu đã có căn cứ ở vùng ấy".

Pháp liền gửi chiến thuyền sang Việt Nam nữa, lần này có vẻ khiêu khích hơn các lần trước. Bấy giờ nước Pháp tư bản đang xâm chiếm đất An-giê-ri[1] (bắc Phi châu). Minh Mạng có gửi sứ sang Pa-ri thương thuyết (1840), nhưng Lu-y Phi-líp không chịu tiếp sứ. Tình hình căng thẳng. Chính phủ Pháp đã có quyết định dùng võ lực trực tiếp đánh Việt Nam như nó dùng võ lực xâm chiếm An-giê-ri. Từ năm 1843 đến 1847, ba lần chiến hạm Pháp vào Đà Nẵng thị uy.

Năm Thiệu Trị thứ 7, mùa xuân, 2 tầu Pháp do La-pi-e cầm đầu đến khiêu khích; La-pi-e[2] cùng với một số tùy tùng mang gươm súng thẳng vào công quán ở Đà Nẵng, quan ta ngăn lại không được; chúng đưa thơ, lớn tiếng; chúng lại sấn đến cướp buồm lái của 5 chiếc thuyền đồng của triều đình đậu trong bến. Ngày 15-4-1847, chiến hạm Pháp bắn phá chiến thuyền của triều đình đậu tại Đà Nẵng rồi vội vã nhổ neo. Sau vụ này, vua sai xây thêm pháo đài, đặt thêm đại bác nhất là ở mũi Diều và trên dưới vũng Trà Sơn, quật lên 30 vạn cân đồng đỏ tích lũy từ lâu để chuẩn bị đúc thêm súng, làm 500 đạn "chấn địa lôi", bằng gang v.v...

Tiếng súng đã nổ. Tình thế đã găng. Thiệu Trị đã chết. Ý định xâm lăng của Pháp đã rõ. Nhưng, một lần nữa, bên kia trời, cách mạng Pháp 1848 lại nổ lên, tư bản Pháp mắc chú tâm nhiều về nội tình, chưa thực hiện được kế hoạch xâm lăng của chúng.

Với Na-pô-lê-ông thứ III lên ngôi từ năm 1852, với sự phát triển của chủ nghĩa tư bản Pháp vào giữa thế kỷ XIX, với chính sách "đế chế là chiến tranh", với tình trạng khủng hoảng của chế độ phong kiến ở Việt Nam lúc đó, thì quân Pháp xâm lăng Việt Nam là một điều tất nhiên phải xẩy đến; thua, được, chống, chẩy

1. Algérie.
2. Lapierre.

https://tieulun.hopto.org

là một việc khác do nhiều nguyên nhân phức tạp quyết định. Tư bản Pháp bấy lâu thèm thuồng đất Việt, luôn luôn âm mưu chiếm đoạt nước ta, nay gặp lúc thiết yếu nhất và gặp thời cơ thuận lợi nhất để giành lấy một thị trường khá lớn, một nguồn tài nguyên rất phong phú, một vị trí chiến lược quan trọng ở Viễn Đông, một bàn đạp để bành trướng thế lực thực dân của nó trong vùng bán đảo Đông Dương và nhất là xâm nhập vào Trung Quốc - cái thị trường quan trọng nhất thế giới mà các nước tư bản Âu - Mỹ đều tắc lưỡi thèm thuồng.

* * *

TÓM LẠI

Từ đầu thế kỷ thứ XVII chủ nghĩa tư bản Pháp đã dòm ngó Việt Nam. Công ty Đông Ấn và Hội truyền giáo đối ngoại đã bắt đầu hoạt động để chuẩn bị cơ sở và tìm cơ hội thuận lợi để xâm chiếm nước ta.

Đến cuối thế kỷ XVIII, Nguyễn Ánh rước voi về vày mồ tổ tiên. Song vì cách mạng 1789 - 1794 ở Pháp mà Hòa ước Véc-xây không được thực hiện như ý muốn của Pháp. Tuy vậy, về sau Pháp vẫn theo đường cũ, để tiếp tục gây cơ sở chính trị bên trong xứ ta và tìm đủ cách để can thiệp càng ngày càng trắng trợn hơn.

Cách mạng Pháp 1848 làm trễ ít nhiều sự thực hiện kế hoạch xâm lăng của tư bản Pháp. Trái lại vào giữa thế kỷ XIX, lúc đế chế thứ hai thành lập ở Pháp và ở Pháp thì chủ nghĩa tư bản thịnh đạt lên hơn trước nhiều, còn Việt Nam, chế độ phong kiến lại thêm tàn tạ, thì Pháp sẽ bắt đầu chiếm lấy Việt Nam để có một thị trường lớn, một căn cứ quân sự tốt, một đường thuận lợi cho sự xâm nhập vào các xứ khác ở Viễn Đông để cạnh tranh với Anh. Trong âm mưu lâu dài và trắng trợn này thì tư bản và bọn đội lốt thầy tu liên kết với nhau rất mật thiết. Quyền lợi buôn bán ích kỷ thật là rõ rệt, kẻ địch chẳng giấu giếm chút nào. Những câu "khai hóa", "văn minh", "bênh đạo" chỉ là son phấn để đánh lừa dư luận quần chúng, chỉ là những cớ mà không có cái này, kẻ xâm lược dễ dàng bày cái khác.

Chương 2

SỰ SUY ĐỐN CỦA CHẾ ĐỘ PHONG KIẾN VIỆT NAM VÀ SỰ PHÁT TRIỂN CỦA CHỦ NGHĨA TƯ BẢN PHÁP HỒI GIỮA THẾ KỶ XIX

Đoạn này trình bày những nguyên nhân cụ thể vì sao Pháp đem binh xâm lược Việt Nam vào giữa thế kỷ XIX. Bằng cách so sánh tình hình Pháp và Việt trong khoảng thời gian ấy, chúng ta sẽ cắt nghĩa tại sao sự suy đốn của chế độ phong kiến do chính sách cận thị của triều đình Huế đã gián tiếp khuyến khích kẻ địch xâm lăng và trực tiếp đưa đất nước vào vòng nô lệ. Đất nước bị xâm chiếm, sự kiện lịch sử quan trọng ấy hẳn là có nguyên nhân rõ rệt, nhưng nhất định không phải là điều không tránh khỏi được.

A. SỰ SUY ĐỐN CỦA CHẾ ĐỘ PHONG KIẾN Ở VIỆT NAM HỒI GIỮA THẾ KỶ XIX

Chế độ phong kiến ở Việt Nam đã khủng hoảng nặng vào cuối thế kỷ XVIII, chớ không phải đợi đến thế kỷ XIX, khi cha con nhà

https://tieulun.hopto.org

Nguyễn lên thống trị cả nước. Cuộc khởi nghĩa Tây Sơn (từ 1774) là một kết quả lớn của cuộc khủng khoảng lâu dài và trầm trọng đó. Duy Tây Sơn khởi nghĩa thắng lợi đã mở nhiều hy vọng và triển vọng cho sự phát triển của lực lượng sản xuất hướng về hướng tư sản mà tiến dần; còn Nguyễn Phúc Ánh thắng Tây Sơn thì chế độ phong kiến tối phản động được khôi phục, cho nên mầm khủng hoảng đã không tiêu mất mà lại sớm nổi lên, lực lượng sản xuất bị kiềm hãm lại, sự kiềm hãm đó đến Minh Mạng thì nhiều hơn hồi Gia Long và đến Tự Đức thì gắt gao nhất và ngu xuẩn nhất.

I. CHẾ ĐỘ CHÍNH TRỊ CỦA NHÀ NGUYỄN

Nước Việt Nam - lúc ấy gọi là Đại Nam - bấy giờ là một nước quân chủ chuyên chế với một chế độ xã hội lạc hậu.

1. Trên hết có hoàng đế truyền tử lưu tôn, nắm tất cả chính quyền, các bộ chỉ có trách nhiệm trước vua mà thôi. Có viện cơ mật gồm một số ít cận thần bàn quốc sự lớn lao, nhưng ý kiến quyết định vẫn là ý kiến của nhà vua; ý kiến của nhà vua cũng là quyết định trong những cuộc đình nghị, những kỳ thiết đại triều mỗi tháng. Trần Trọng Kim xem những cuộc đình nghị, vai trò can ngăn của các quan giám sát ngự sử, xem việc các quan cao cấp đều do thi cử chọn tài, hạnh, đức mà ra, v.v... như là yếu tố tiến bộ, như là "rất hợp với tinh thần dân chủ". Nhưng, thực ra thì "hợp với tinh thần dân chủ" ở chỗ nào, hoàng đế được xem là con trời, thay mặt trời, chỉ có trách nhiệm với trời chớ không có trách nhiệm trước cơ quan nào cả; khi quyền của vua được xem là "thần khí", là thiêng liêng! Đối với bất cứ ai, vua để sống thì được sống, bắt chết thì phải chết: quan đại thần Trần Hy Tăng - cũng gọi là Tam nguyên Vị Xuyên - đã chẳng phải bị bắt uống thuốc độc mà chết vì ông phản đối Hòa ước 1862? Hằng trăm quan văn võ từ 1859 đến 1884 đã chẳng sợ vì triều đình kết tử tội, sau một trận thất bại nào dầu thất bại ấy có lý do chính đáng? Ý vua là phép nước. Và, nước là nước của vua; vua thực tế là tên điền chủ đầu

sỏ lớn nhất trong nước có toàn quyền định đoạt trong sự chi dụng thuế tô. Làm quan lại ăn lương gọi là hưởng ân vua, hưởng lộc triều đình. Chữ trung quân được đề cao tột độ, chữ ái quốc chưa hề được thông dụng; triều đình không thể nhận cái ái quốc phân biệt với cái trung quân, dân chúng, quan lại, quân lính chỉ có thể ngoan ngoãn tuân mệnh hay là nổi loạn. Giám sát ngự sử nào can gián được vụ xây Khiêm Lăng trong lúc đê năm nào cũng vỡ, dân năm nào cũng đói và chết đói, trong lúc nước đã bắt đầu bị chia cắt đi rồi? Ừ thì mỗi tháng đều có đại triều, có đình nghị để xem xét những việc này ý nọ mà tâu lên: nhưng vua có ưng thì mới có thi hành; bao nhiêu sự đề đạt kế hoạch duy tân xứ sở làm phương thuốc chữa bệnh mất nước, nào có được vua chuẩn y cho?

Bộ luật Gia Long hoàn toàn phỏng theo luật Mãn Thanh rất phản động và lạc hậu, được đem áp dụng triệt để dễ duy trì chế độ phong kiến thối nát; theo luật này chẳng những vua quan có quyền bắt giết người "làm nghịch" mà cũng có quyền bắt giết người có ý làm nghịch mà chưa hành động gì, thậm chí một bài thơ, một chữ, một lời ngụ ý phạm thượng cũng có thể đưa tác giả về âm ty của tự do ăn nói.

2. Các hàng quan đầu tỉnh đầu phu huyện đều do triều đình bổ nhậm; điều ấy chứng tỏ rằng nước Việt Nam lúc bấy giờ là một nhà nước phong kiến tập quyền khá mạnh. Tất cả đều do thi cử mà ra, trong sự thi cử đó, lẽ cố nhiên đám con ông cháu cha là những người dễ đỗ đạt nhất. Từ lâu, sự học đã thành cái học chuyên về mặt cử nghiệp, học cốt để lấy đỗ ra làm quan, làm quan để mà bóc lột dân và để có địa vị tôn quý, chớ hầu như không có cái học thực dụng gì cả. Về sau Nguyễn Trường Tộ sẽ chính xác phê bình cái học hủ bại ấy, và yêu cầu một nền học thuật thực dụng. Với tinh thần học tập và thi cử ấy, thì bộ máy quan lại như là bầy đỉa đeo trên mình dân, đua nhau hút máu, người thanh liêm thực có mấy ai? Cửa quan là một nơi khiếp sợ của lương dân; cửa quan là một cách làm ăn vừa nhàn vừa lợi lớn.

https://tieulun.hopto.org

Ở miền thượng du, triều đình không trực trị nổi, dùng các tù trưởng để mà nắm quyền, song xu hướng phân quyền ở đây không phải là nhỏ, loạn này đến loạn khác, liên miên.

3. Còn về phần tổng, xã, Trần Trọng Kim gọi là "quyền tự trị của dân làng", thực tế là một nhóm phú hào nào đó nắm cả, nắm quyền kinh tế, cai trị, giáo dục. Mỗi làng có một tục lệ, lắm khi làng này mâu thuẫn sâu sắc với làng kia; vua quan chỉ biết xem đơn vị của nước là làng chớ không phải về đến từng người nông dân. Ví như nộp lính thì làng này phải nộp bao nhiêu tùy số dân, nộp thuế thì làng kia nộp bấy nhiêu tùy số đất, số dân số đất ấy tùy làng xã khai báo không nhất thiết phải đúng. Triều đình thường không can thiệp đến lệ luật riêng của từng làng cho nên có câu "phép vua thua lệ làng", nói thế không có ý nghĩa rằng triều đình không bằng tổng lý, nói thế là có ý nghĩa rằng vận mạng dân làng thực tế nằm trong tay tổng lý, kỳ dịch, cường hào. Cái chủ nghĩa thôn xã này không nhiều thì ít có hại tới quan niệm quốc gia, tới ý thức dân tộc, nó là kết quả của sự thiếu phát triển về thương mại.

4. Đã là người thường dân thì dù sĩ, nông, công, thương đều phải bị trăm bề áp bức. Ngoài thuế má, sưu dịch thì bao luật lệ quái gở đè nặng trên hai vai. Ví như, dù có tiền cũng không được làm nhà theo kiểu chữ công, chữ môn, không được làm nhà lầu, nếu làm nhà lầu theo kiểu công môn thì đó là phạm tội lộng hành. Lại ví như, đã là thường dân thì chỉ được mặc áo vải, vải trắng, vải đen, vải nâu, và đi chân không, nhất thiết không được đi giày, mặc gấm vóc. Phải là quý tộc, là quan mới được làm nhà lầu, làm theo kiểu chữ công, môn, đi giày, mặc áo gấm vóc. Cho nên, chẳng những luật lệ phi lý này cản trở sự phát triển của công thương, mà lại còn thúc giục người ta chui đầu vào quan trường - cho rằng thế mới được hiển vinh.

Nói tóm một câu, vua quan đè nặng trên dân chúng; dân chúng hầu hết là nông dân; thủ công thương mại rất kém, thị xã gần như là không có, trừ một vài nơi như Hà Nội, Nam Định, Sài Gòn, Chợ Lớn; kỳ dư là làng to làng nhỏ mà thôi; ngay Sài Gòn, lúc Pháp tới đánh chỉ là những làng to chụm lại; vua quan kia lại là đại diện thực tế cho cả một giai cấp địa chủ có thế lực mà hoàng đế là kẻ tiêu biểu hơn hết.

II. CHẾ ĐỘ TÀI CHÍNH KINH TẾ CỦA NHÀ NGUYỄN

1. Thuế khóa của nhà Nguyễn nặng nề hơn hồi Tây Sơn. Cứ năm năm, làm lại hộ tịch một lần. Từ Thanh Nghệ trở ra thì dân tráng mỗi năm phải nộp một tiền thuế dung (thuế dung là thuế thân). Còn từ Quảng Bình trở vào thì, làng nào không có công điền, mỗi dân tráng nộp hai tiền, làng nào có công điền thì dân tráng nộp bốn tiền. Ngoài ra, còn phải nộp các món thuế phụ như tiền dầu lạt, tiền sưu, gạo cước. Tiểu công nghệ thì nộp thuế bằng sản vật.

Thuế điền tịch thì từ Nghệ trở ra cũng đóng nặng hơn là từ Quảng Bình trở vào, từ Nghệ trở ra, mỗi mẫu công điền đánh thuế từ 33 đến 80 thăng (thăng là thưng) mỗi mẫu tư nạp từ 13 đến 26 thăng (như thế, thuế công điền vô cùng nặng nề, nặng nề như tô của địa chủ, thành ra không còn có công điền nữa mà Nhà nước thu tô của đất công điền như địa chủ thu tô đất tư điền). Từ Quảng Bình đến Bình Thuận thì ruộng công hay ruộng tư đều đóng thuế ngang nhau, mỗi mẫu tùy hạng mà đóng từ 20 đến 40 thăng. Ở Nam Kỳ thì ruộng thấp (tốt hơn) đóng 26 thăng, ruộng cao (xấu hơn) đóng 23 thăng.

Như thế, nếu tính rằng hồi ấy có 3.400.000 mẫu (ta) ruộng thì số thuế lấy ở ruộng không phải là ít. Nhưng tai nạn trời đất như trên đã kể thì sao khỏi thất thu nhiều? Ngoài ra còn những món phụ thu khác phải nộp bằng tiền như tiền dầu lạt, tiền thập vật, tiền khoán khố. Nhưng so với số thu của một xứ công thương dù nhỏ như Hà Lan thì không nghĩa lý gì; gia dĩ phần lớn tiền thuế thì

https://tieulun.hopto.org

vào túi lũ vua với những tiêu xài vô lý như xây lăng lập điện, chớ không phải là để vào quốc kế dân sinh. Cứ xem như việc triều đình bỏ Nha Đê chính, mà lại lo làm Khiêm Lăng thì rõ.

2. Nông nghiệp. - Đến đời Tự Đức, cả nước Việt Nam có 3.398.584 mẫu điền (mẫu ta, thứ mẫu này không thống nhất toàn quốc, ở Trung rộng hơn ở Bắc) và 502.672 mẫu thổ. Buổi đầu, nhà Nguyễn có theo chính sách trọng nông, dĩ nông vi bản. Minh Mạng tiếp tục Gia Long mà cho mở ruộng lập vườn ở Nam Kỳ, chỉnh đốn các đồn điền cũ ở Nam Kỳ và mở thêm đồn điền mới (ruộng do lính cấy để tự túc và để góp vào quỹ nhà nước) ở Trung và Bắc, cho quan địa phương chiêu mộ dân nghèo không đất đi lập trại ấp khẩn hoang ở ven rừng, nhất là ở bãi biển, ví dụ mở huyện Tiền Hải (Thái Bình), huyện Kim Sơn (Ninh Bình), hoặc sai tù phạm đi mở đất mới đến khi thành thôn ấp rồi thì ở đó luôn mà cấy cày đóng tô thuế. Nhưng đến Thiệu Trị và nhất là Tự Đức thì công việc đồn điền khẩn hoang lần lần giảm sút đi.

Khẩn hoang như thế, phần lớn đất mới trồng trọt được vẫn thuộc về tay của những kẻ dẫn người đi khẩn, nếu không phải là tất cả, và thuộc về tay của Nhà nước, tham quan, cường hào chiếm phần béo bở nhất, còn kẻ đi khẩn hoang thì trở thành người tá điền cày mướn, ở đậu. Hầu hết các nơi, số ruộng công bị rút xuống, số ruộng tư lại tăng lên tuy rằng tổng số diện tích thì không tăng lên mấy. Hiệp biên Đặng Văn Thiêm đã chẳng báo cáo cho Tự Đức (1851) rằng ở Bình Định:

"Trước kia, phàm lệ quân cấp, hễ trong 10 mẫu thì 5 công, 5 tư. Nay, ruộng công, chỗ tốt cường hào chiếm, còn thì hương lý bao, dân nghèo chỉ còn phần nào xương xóc nhất".

Nông dân thán oán, nhiều cuộc khởi nghĩa nổi lên; nhiều cuộc khác đang ấp ủ. Ở một số ít xã của tỉnh Bình Định, có lúc Minh Mạng bị bắt buộc (để giảm bớt sự bất bình của nông dân) sung công bớt một phần ruộng tư làm ruộng công chia cho dân làng;

nhưng trong sự chia công điền, đâu đâu cũng thế, đám quan lại cường hào chiếm phần béo bở nhất, sinh ra không biết bao nhiêu là sự tranh tụng, cho đến đời Minh Mạng muốn trả ruộng bị sung công ấy lại cho nguyên chủ song ngại sự phản đối của nông dân, nên thôi. (Nghiên cứu việc này có người ở viện Đông Phương Bác Cổ toan trình bầy như là một cải cách do lòng tốt của triều đình[1]; trái lại, chúng ta chỉ có thể hiểu sự kiện ấy là khi đứng trên quan điểm giai cấp đấu tranh mà nhận xét). Số nông dân bị bần cùng hóa thêm nhiều, số người lưu vong tăng lên mãi, họ sẵn sàng tham gia các cuộc nổi loạn xẩy ra luôn luôn, đó là một hiện tượng phổ biến ngay từ hồi Minh Mạng.

Một trạng thái khác của nông nghiệp khủng hoảng là đê điều tiều tụy. Gia Long có đặt một chức Tổng lý do quan nhất phẩm triều đình phụ trách Nha Đê chính. Đến Tự Đức thì chức vụ ấy lại nhiều lúc bị bỏ đi; người ta có thể dễ dàng tưởng tượng rằng, có Nha Đê chính mà đê còn vỡ, làng mạc còn trôi, nay Nha Đê chính không còn thì nông dân ở từ ven sông Lam, sông Chu ra tới Hồng Hà, Thái Bình sẽ ra làm sao nữa? Riêng đê Văn Giang ở Hưng Yên vỡ 18 năm liền! 18 năm liền đê vỡ thì dân sống làm sao? Miền Khoái Châu giàu có trở thành bãi cát hoang vu, dân đi ăn mày hằng vạn. Năm 1826, ở 13 huyện của trấn Hải Dương dân bị nạn phiêu bạt mất 108 thôn xã[2].

Nạn đói to nhất xẩy ra năm 1856 - 1857, ngay trước khi quân Pháp vào Đà Nẵng, hàng chục vạn người chết. Nạn ôn dịch thường xẩy ra luôn luôn, trong khoảng 1859 - 1860, nói có 60 vạn người chết dịch. Chắc là thống kê không xác, nhưng nó đã chứng tỏ rằng tai hại rất lớn lao, nước ta hồi ấy nào đã dân đông như phần nửa ngày nay, thì con số 60 vạn quả là bi kịch. Đó là tai họa thiên nhiên tiêu biểu cho một chế độ xã hội suy tàn.

1. Nguyễn Thiệu Lâu, *La réforme agraire de 1839 dans le Binh-định.*
2. *Thực lục chính biên.*

https://tieulun.hopto.org

3. Về mặt công nghiệp thì nhà Nguyễn giữ chế độ công tượng cũ kỹ, chế độ này kiềm hãm sự tự do phát triển của công nghiệp. Nhà vua thường thường sai quan đi trưng dụng các thợ giỏi để làm cho nhà vua hay cho Nhà nước. Nhà nước, ngoài những việc xây thành, làm đồn, xây dinh thự lăng tẩm liên miên - là những công việc không sản xuất - thì có những xưởng đốc công để đúc súng, đóng tầu, đúc tiền. Ở mỗi quân thứ đều có những xưởng như thế; ví dụ ở Sài Gòn, Biên Hòa, Định Tường, những xưởng đóng tầu khá lớn và khi quan triều đình bỏ chạy thì mỗi nơi còn để hàng chục tầu lớn nhỏ bằng đồng hay bằng gỗ, vô số gỗ tốt. Trong lúc súng của Pháp bắt đầu nổ ở Đà Nẵng thì các xưởng đúc súng lại hoạt động thêm, nhà vua sai khai quật đồng, gang để làm súng đạn, trước đó thì bao trăm tấn đồng lại đổ vào việc làm đồ trang sức vô bổ cho lăng tẩm trong đó có những bộ lư cao hơn người. Có những xưởng chế tạo những đồ đạc cho nhà vua dùng, từ vàng bạc đến gấm vóc, lâu đài. Thợ thuyền trong các xưởng của Nhà nước thì được tổ chức thành đội ngũ, theo chế độ của binh sĩ, chớ không giống như thủ công xưởng nhà nước ở Pháp dưới thời Lu-y XIV chẳng hạn; số lính thợ đó, việc nhiều, lương ít; tiền công bị cắt xén trả trễ, chính đó là một nguyên nhân của vụ biến Trưng, Trực ở Kinh thành. Nhà nước giữ độc quyền công nghệ khai mỏ, nhất là những mỏ quý như kẽm, bạc, vàng, đồng, thiếc, nhưng thường thường là cho thầu khoán người Trung Quốc làm rồi đóng thuế bằng bao nhiêu nguyên liệu khoáng sản, hoặc để cho các tù trưởng bắt dân phu khai thác nộp sản vật ấy cho triều đình. Còn mỏ sắt thì các "thiết hộ" tự do khai thác, nộp thuế cũng bằng sản vật. Theo sách khảo cứu về mỏ ở Đông Dương của Gát-tông Duy-buôi[1] thì trước khi bị Pháp xâm chiếm xứ ta có 150 nơi có mỏ được khai thác. Thanh Hóa tuy có khá nhiều mỏ, nhưng nhà vua cấm sự khai thác vì sợ động "long mạch" của mồ mả dòng họ Nguyễn! Nhà nước có quyền định giá mua tất cả số khoáng sản đã

1. Nhà xuất bản chưa tra được từ nguyên.

khai thác được, nếu cần dùng. Minh Mạng có sai Sở Đốc công chế thuyền máy và máy cưa chạy bằng thác nước gọi là "thủy hỏa ký tế", nhưng rồi lại bỏ dở. Tự Đức có sai chế máy lấy nước do trâu kéo lạc hậu hơn là ý định của Minh Mạng trước đó, nhưng không tới đâu rồi lại thôi. Kỹ thuật cứ lạc hậu, công nghệ cứ lê lết theo kiểu nghìn năm rồi.

Trong nhân dân thì có nhiều nghề thủ công, đặc biệt là ở ngoài Bắc, nộp thuế sản vật. Những nghề nghiệp thường góp hợp nhau ở thành làng ấp, hay phố phường chuyên môn. Có những làng chuyên làm bát đĩa, có những làng chuyên làm nồi đồng, có những phố chuyên làm trống hay chuyên làm buồm, v.v... mà đến nay hãy còn di tích ở Hà Nội và nhiều làng. Tiểu công nghệ này theo một loại chế độ phường hội cũng gọi là phường, hay ty, hay hội bách nghệ rất phức tạp và rất khó khăn cho sự tự do phát triển của công nghệ; tỉ dụ như: muốn làm nghề thợ thì phải làm cho thợ cả nhiều năm, cúng tổ, tết thầy, rất tốn kém; ông thợ cả còn sống thì gần như không thể nào thợ bạn trở thành thợ cả được; thợ cả là một loại thầu khoán bóc lột rất nặng. Có những kiểu mẫu hàng hóa, chạm trổ hay kiến trúc mà nhất thiết phải theo, không để cho thợ tự do và sáng kiến. Sản xuất món nào tốt nhất thì nạp cho Nhà nước (thuế); thợ giỏi nhất thì nhà nước trưng dụng hàng nghìn người để làm lâu đài, mồ mả, phẩm vật cho triều đình, nhiều khi bị trưng dụng suốt đời; luật lệ cưỡng bức các "cuộc" thủ công phải chịu thuế riêng nặng hơn xuất sưu thường. Các làng, các phường giấu nghề rất ngặt nghèo làm cho tài năng, sáng kiến kỹ thuật không phổ biến được; giấu nghề ngặt nghèo cho đến đỗi hoặc không gả con gái đi làng khác, hoặc là không truyền nghề cho con gái.

Tất cả các nhà buôn bán hay giáo sĩ Tây phương đến xứ ta lúc ấy đều công nhận rằng tiểu thủ công của ta khéo léo vô cùng, hiềm vì dân nghèo quá nên thị trường trong xứ hẹp hòi làm cho nghề thủ công khó phát triển, chính đây là một nguyên nhân chủ yếu của sự

https://tieulun.hopto.org

đình đốn trong công nghệ; gia dĩ bế quan tỏa cảng cho nên công thương ở trong nước càng bị hạn chế. Thị trường dân tộc chưa thành hình, nhưng đã có những tiền để điều kiện để thành hình.

4. Về mặt thương nghiệp thì hồi Lê mạt, hồi thời Tây Sơn, kể cả Nguyễn sơ, những bến Hà Nội, Sài Gòn thương thuyền tương đối sầm uất. Ví dụ như Hà Nội thời Lê mạt thì thuyền bè chen chúc, khó kiếm một nơi cập bến, các người giáo sĩ Tây phương có ghi điều ấy; nhưng đến thời Tự Đức thì không còn được như thế nữa. Thời Lê, Phố Hiến (Hưng Yên) cũng sầm uất, đến Tự Đức thì Hưng Yên không còn là một trung tâm thương mại nữa. Người ngoại quốc cũng ghi rằng thành Gia Định lúc Nguyễn sơ có đến hơn 10 vạn dân cư. Nhưng đến thời Tự Đức thì Gia Định chỉ còn độ một vài vạn dân, dưới bến thưa thớt thuyền bè, trên bộ không có phố xá gì lớn, nhưng các làng ở dọc sông Thị Nghè, bến Gia Định và Rạch Sỏi hãy còn đông. Chợ Lớn mới là trung tâm buôn bán song ở đây là phố xá của Hoa kiều. Một mặt công nghiệp suy sụp một mặt nông dân nghèo đói, cướp trộm nổi lên ở các địa phương. Thương mại suy đồi mau lẹ. Việc buôn bán giữa Trung Nam Bắc chỉ làm bằng đường biển là chủ yếu, mà chủ yếu lại là chuyên chở lúa gạo; lúa gạo ấy chủ yếu lại là tô thuế của nhà vua. Và lại cướp bể, giặc bể hạn chế việc lưu thông, các nhà buôn muốn chở hàng ra vịnh Bắc Kỳ thì nhất thiết phải điều đình với bọn cướp. Đến Tự Đức, bọn cướp ăn cướp, mà vua quan cũng như ăn cướp, luôn luôn lấy thuyền tư chở của công không trả tiền, một số chủ thuyền đục thuyền để khỏi phục dịch không công, cho đến đỗi dân không còn đủ thuyền để Nhà nước dùng, Nhà nước phải nhờ Hoa kiều chở mướn.

Tại Hà Nội, dân tuy ở đông đúc, nhưng không có cái chợ nào cả, chỉ nhóm ngoài đường, nhóm dài hàng 2, 3 cây số mỗi ngày 15 và 1 (âm lịch) chớ chưa phải là nhóm thường xuyên; quán xá cửa tiệm thì mạnh ai nấy cất nhô ra thụt vào, cửa chính ở trong, cửa sau

mở ra đường lầy lội không thể tả trong mùa mưa. Số người chuyên nghề buôn bán không phải là nhỏ, tiền của của họ không phải là ít nhưng người Việt thì chủ yếu là làm thủ công và tiểu thương, còn việc buôn khá lớn hay việc xuất nhập cảng thì trong tay của người Hoa kiều. Các thị trấn khác còn nhỏ nhoi ít ỏi thôi, ví như sau Hà Nội là Nam Định, mà Nam Định lúc ấy chỉ có hai phố buôn dọc theo sông Vị Hoàng. Trong nước việc đo lường không thống nhất, việc thương mại bị trở ngại nhiều.

Nhà nước giữ độc quyền ngoại thương như các thời trước. Chính sách của triều đình là bế quan tỏa cảng nhất là đối với tầu Tây phương; đối với tầu Trung Quốc thì có rộng rãi. Chỉ mở có một số cảng, như Nam thì có Sài Gòn, Trung thì có Hội An, Bắc thì có Quảng Yên, Hà Nội. Tầu đến thì quan quân khám xét, đánh thuế và đặt giá, lựa những món hàng nào mà nhà vua cần dùng mua trước rồi sau mới cho chủ thầu bán ra cho nhà buôn. Chủ tầu bán ra, phần lớn là đổi lấy những món hàng hóa của Việt Nam. Chính sách bế quan tỏa cảng của triều Nguyễn, nhất là từ Minh Mạng thì ngặt hơn lúc trước, thậm chí không cho người ngoại quốc Tây phương tới lập cửa hàng, lập kho tàng như thời Lê mạt hay Tây Sơn. Hộ bộ tâu với vua rằng "trước có 60 sở thuế quan, nay chỉ còn có 21 sở mà thôi"[1], Gia Long, Minh Mạng còn sai tầu đi ra ngoại quốc vừa bán hàng vừa thông tin tức; còn đến Thiệu Trị, Tự Đức thì thôi, không gửi đi nữa, mãi đến mất Nam Kỳ và Hà Nội sắp mất lần thứ hai thì Tự Đức mới gửi tầu đi Hương Cảng, Quảng Châu, chủ yếu không phải để buôn bán mà để điều tra tin tức thế giới. Chính sách kinh tế của triều Nguyễn là trọng nông nhưng lại ức thương (ép chế nghề buôn). Nhà nước không cho dân mua nhiều kim khí và diêm sinh lưu hoàng vì sợ dân đúc súng làm thuốc đạn; mà không được mua nhiều kim khí thì còn công nghệ gì phát đạt được? Thậm chí, ở những nơi có loạn hay

1. *Quốc triều chính biên.*

https://tieulun.hopto.org

nơi mà Nhà nước nghi sẽ có loạn thì cấm chợ, sợ dân thừa dịp mà tụ họp.

Ngay hồi cuối đời Gia Long thì ngoại thương với Pháp cũng đã bị bóp hẹp lại rồi; lúc đầu, còn nhớ ơn bọn tư bản Pháp giúp mình, gia dĩ thế lực của Pháp ở triều đình hãy còn mạnh, Gia Long có ưu đãi tầu buôn của Pháp; nhưng năm 1817 khi bá tước Đờ Kẹc-ga-riu[1] đến Đà Nẵng yêu cầu yết kiến để nhắc lại Hiệp ước Véc-xây thì Gia Long không chịu tiếp nữa. Người Anh đến đem quốc thư, trao tặng phẩm để xin thông thương, Gia Long cũng cự tuyệt; con rùa phong kiến chui đầu vào vỏ để mong yên thân.

Đến thời Minh Mạng, chính sách bế quan tỏa cảng lại chặt chẽ hơn nữa. Năm 1825, khi Đờ Bu-ganh-vin đem quốc thư của Pháp đến Đà Nẵng xin thông thương thì Minh Mạng lấy cớ rằng trong triều không ai biết tiếng Pháp, nên không tiếp sứ, cũng không nhận thư.

Không phải bọn phong kiến không muốn dùng hàng hóa của ngoại quốc, không phải chúng muốn "bảo vệ thị trường"; nhưng cái món hàng hóa mà chúng sợ và ghét nhất là các ông giáo sĩ hoặc công khai làm giáo sĩ, hoặc giả dạng nhà buôn mà truyền giáo, hoặc truyền giáo để mà buôn. Những giáo sĩ ấy làm việc tôn giáo thì có, làm việc do thám cũng có, thường làm cả hai việc và ngấm ngầm chuẩn bị sự xâm lược. Nhà vua cấm thuyền (Tây phương) không được tự do ra vào vì lẽ ấy trước hết, chớ tầu Trung Quốc hay Nhật Bản thì không hẳn như thế. Và lại giáo lý công giáo chống chọi với giáo lý Nho giáo, nhất là ở chỗ cái thì thờ quỷ thần, tổ tiên, cái thì chống lại thờ cúng. Nhà Nguyễn không thấy rằng gìn giữ đất nước cho vẹn toàn khỏi bị xâm lược không phải là cấm đạo mà là làm cho dân yêu nước, thương nhà, không phải là cấm tầu Tây phương đến mà duy tân xứ sở, phát triển công thương.

1. De Kergariou.

Ngoại thương bế tắc thì công thương trong nước cũng bế tắc. Nội ngoại thương bế tắc thì tài chính eo hẹp. Tài chính eo hẹp thì binh lực suy đồi. Binh lực suy đồi thì ngoại quốc càng dòm ngó.

Nói tóm lại, đến thời Tự Đức, trước khi Pháp đem quân xâm chiếm Đà Nẵng thì nông nghiệp, công nghiệp và thương nghiệp Việt Nam đều suy vi, tài chính quốc gia chưa gặp chiến tranh mà đã kiệt quệ. Khi Tự Đức mới lên ngôi, đình thần Trương Quốc Dụng đã tâu rằng:

"Tài lực của nhân dân nay không bằng 6/10 năm trước".

Đến lúc khởi sự chiến tranh, mới đánh nhau một ít ở Đà Nẵng mà, theo lời tâu của Nguyễn Tri Phương, năm 1860, thì:

"Quân và dân của đã hết, sức đã yếu".

Vì sao mà tài lực của đất nước suy mòn, khô cạn?

Vì sao bậc danh thần trông thấy rằng quân dân của hết sức yếu mà triều đình không tìm cách bổ cứu để tránh họa mất nước? Nếu trả lời rằng chế độ phong kiến khủng hoảng, suy tàn thì cũng đúng đó thôi nhưng thiết tưởng trách nhiệm cá nhân của những kẻ cầm quyền không vì lẽ ấy mà giải bớt đối với lịch sử dân tộc.

III. CHÍNH SÁCH NỘI TRỊ CỦA TRIỀU ĐÌNH NGUYỄN HỒI THỜI TỰ ĐỨC

Thực ra, cả thời nhà Nguyễn, kể luôn thời Gia Long cũng không bao giờ có yên ổn, nhất là từ thời Minh Mạng, cuộc khởi nghĩa này bị dẹp thì cuộc khác mọc lên, nhân dân cứ nổi lên mãi, bởi vì cơ cận luôn, tô thuế nặng, sưu dịch nhiều, chế độ nhà Nguyễn ngay từ buổi đầu không được nhân dân ủng hộ. Có thể nói rằng bất cứ ai muốn tổ chức khởi nghĩa chống triều đình, dù là dân hay quan, dù hèn hay sang, dù dốt nát hay hay chữ, dù người Kinh hay người Thượng, đều có đông đảo quần chúng hưởng ứng theo.

https://tieulun.hopto.org

Minh Mạng mới lên ngôi năm trước thì năm sau xẩy ra cuộc khởi nghĩa của Phan Bá Vành (1821) và Vũ Đức Cát ở vùng Sơn Nam (Nam Định), giết quan quân, lấy thành trì, mở rộng thanh thế ra đến Hải Dương. Quan Bắc thành không dẹp nổi, triều đình phải lần lượt sai Trương Phúc Đăng, rồi Trương Văn Minh, rồi Nguyễn Công Trứ đem cả quân kinh và quân Thanh - Nghệ, cả lục quân và thủy quân để trấn áp. Mãi đến năm 1827 Bá Vành mới bị bắt và cuộc khởi nghĩa mới tan.

Tạm yên ít lâu thì, đến năm 1831, Lê Duy Lương (lấy danh nghĩa là dòng dõi nhà Lê), thừa nhân tâm bất mãn lớn với nhà Nguyễn, liên kết với các tù trưởng Mường ở Hòa Bình mà nổi lên xưng vương, căn cứ từ Hòa Bình xuống Ninh Bình lên đến vùng Hưng Hóa ở phía tây bắc. Đến năm 1833, Lê Duy Lương mới bị bắt về thụ hình ở Kinh đô. Nhưng đồng bào Mường lại suy tôn Lê Duy Hiển làm minh chủ, cứ chống lại với triều đình; họ rút về phía núi rừng Hòa Bình - Thanh Hóa để chống cự đến năm 1837 mới tạm bị thua. Tất cả con cháu nhà Lê đều bị bắt đẩy vào miền Trung mỗi huyện ít người; triều đình dời ra ngoài mé biển tất cả dân của các xã miền núi đã làm căn cứ cho quân khởi nghĩa.

Đó là một số các cuộc biến động lớn ở ngoài Bắc, kéo dài trên 15 năm không ngớt.

Ở trong Nam thì triều đình phải hết sức nhọc nhằn đối phó với cuộc khởi nghĩa của Lê Văn Khôi nổ ra từ 1833 ngay trong lúc ở Bắc Lê Duy Lương khởi nghĩa. Khôi cùng bè đảng được sự ủng hộ của nông dân nghèo, nhất là của những người ngoài Bắc bị đẩy vào Nam; một số cha cố toan lợi dụng Khôi để chống lại Minh Mạng, nhưng Khôi không phải là người dễ tin lời quyến rũ của Ga-jơ-lanh[1] và Mác-săng[2]. Khôi giữ 2 cha ấy trong thành. Khôi nổi lên chiếm thành Gia Định và dễ dàng chiếm cả 6 tỉnh Nam

1. Gagelin.
2. Marchand.

Kỳ. Quân Xiêm thừa cơ qua phá phách ở Hà Tiên, Châu Đốc. Mãi đến tháng 3-1835, cuộc khởi nghĩa của cha con Lê Văn Khôi mới bị hoàn toàn thất bại. Minh Mạng đàn áp rất dữ, tàn sát rất nhiều, cánh đồng gọi là Mả Ngụy giữa Sài Gòn - Chợ Lớn là di tích cuộc tàn sát dã man ấy. Người đời sau, đi ngang đồng "Mả ngụy" vẫn có cảm tình với Khôi vũ dõng mà oán trách triều đình. Triều đình có phá thành Gia Định cũng không làm cho uy thế của nó vững vàng thêm, ngược lại thành mới nhỏ hơn thành cũ, không chắc bằng cái cũ, lại xây gần bờ sông, càng để làm mồi cho đại bác Pháp mấy năm sau.

Phương Nam khói lửa đương còn nghi ngút thì người Thổ theo Nùng Văn Vân, bà con của Khôi, vây đánh Lạng Sơn, Cao Bằng, Thái Nguyên, Tuyên Quang (1833), liên kết với 7.000 quân của Lê Văn Bạt, Nguyễn Văn Nhàn ở vùng Sơn Tây. Phải đến tháng 4 năm 1835, Nùng Văn Vân mới bị vây, bị đốt chết trong rừng Tuyên Quang.

Nổi dậy của người Thổ vừa dứt thì người Thái sông Đà lại đứng lên (1833). Rồi trong vùng Bình Thuận, người Chàm cũng nổi lên mấy lượt do Xa-cân[1] cầm đầu. Còn ở Trà Vinh (Nam Kỳ) thì từ 1826 đến 1841, luôn luôn có những cuộc nổi dậy của người Khơ-me, có lúc họ chiếm lấy Trà Vinh một huyện lớn của tỉnh Vĩnh Long.

Khởi nghĩa, loạn lạc, giặc giã, cướp phá nổi lên không ngớt từ đó về sau, trong nội địa cũng như ngoài ven biển. Trong đời Tự Đức, trước khi giặc Pháp đến Đà Nẵng thì cuộc khởi nghĩa lớn nhất là của Cao Bá Quát, tục gọi là giặc châu chấu. Năm 1854, khắp vùng Sơn Tây, Bắc Ninh, châu chấu phá hoại mùa màng, nhân dân đói khổ, nhà nho thất chí Cao Bá Quát thừa cơ phù Lê Duy Cừ, nổi lên chống triều đình, dân nghèo đói theo rất đông. Tuy năm 1855 Bá Quát tử trận ở An Sơn, nhưng dư đảng còn hoạt động mãi đến vài năm sau nữa.

1. Nhà xuất bản chưa tra được từ nguyên.

https://tieulun.hopto.org

Những cuộc khởi nghĩa, rối loạn kể trên, phần lớn là nông dân khởi nghĩa, hoặc dân tộc thiểu số khởi nghĩa. Đối với một nước mà tối đại đa số là nông dân, chế độ phong kiến đã không nuôi sống được mà làm cơ cẩn chết chóc ngày thêm nhiều. Đối với người thiểu số thì chính sách triều đình là đồng hóa (Chàm, Khơ-me) hay trực trị hoặc toan trực trị (Mường, Thái). Trong tình trạng công thương ít phát triển thì xu hướng phân quyền không thể nào không mọc đi mọc lại được. Nạn tham quan ô lại ở dưới chế độ phong kiến này thì vô cùng đau đớn mà vụ án Phạm Thạch, Vũ Kỳ ở miền Sơn Nam (trong khi Phan Bá Vành khởi nghĩa) là điển hình, vua phải xử chém chúng ngang lưng (xử tử một tri huyện, cách chức nhiều người) để làm nguôi mối oán hận của nhân dân, để cố trút cái tệ lậu của cả chế độ phong kiến lên đầu hai tên tay sai bất lực của nó. Tự Đức răn đe quan lại, tưởng dùng cách đó mà đổ lỗi cho lũ tay sai, kỳ thực cả bộ máy thối nát từ vua to đến quan nhỏ. Khiêm Lăng của Tự Đức là bể cả mà bóc lột của tên huyện này phủ nọ chỉ là giọt nước mà thôi; cái cần phải bị chém ngang lưng chính là cái triều đình Huế. Trong những tình trạng ấy, hoặc là nông dân tự mình khởi nghĩa (như cuộc khởi nghĩa của Phan Bá Vành mà dân ví như ngôi sao tua trên trời) hoặc họ nghe theo tiếng gọi của những kẻ phù Lê diệt Nguyễn cốt để mong thay đổi triều đại mà họa may cải thiện cảnh ngộ điêu linh, hoặc theo một số theo giặc cỏ, cướp bóc, hoặc đòi địa phương tự trị (người Thái, người Thổ). Những giáo sĩ Pháp và bọn tên Phụng về sau lợi dụng tình trạng đau khổ vô cùng của nông dân để chiêu mộ tín đồ, để quấy rối vùng Bắc mà yểm hộ cho cuộc xâm lược ở miền Nam. Nội chiến là thường xuyên thì tài chính dù chất thành núi cũng phải mòn, dù tràn như sông cũng phải cạn, huống hồ gì tài chính nhỏ mọn của một chính quyền ở một nước nông nghiệp trong đó mùa màng bị lụt, hạn, sâu bọ phá hoại luôn luôn. Tài chính kiệt quệ mà triều đình cần tài chính thêm nhiều để nuôi quân đi trấn áp,

để nuôi hàng quan lại những nhiễu, thì nhân dân càng phải đóng góp thêm nữa.

Nồi gạo cạn khô, lòng người ly tán, ai nấy oán thán chống triều đình, đó là lúc tư bản thực dân dòm ngó, sắp xâm lăng.

IV. CHÍNH SÁCH ĐỐI NGOẠI CỦA TRIỀU ĐÌNH NGUYỄN

1. Với Khơ-me

Triều đình Xiêm La và triều đình Việt Nam tranh nhau đất Khơ-me từ lâu; các nhóm hoàng tộc Khơ-me lại giành ngôi với nhau, kẻ cầu Xiêm người cầu Việt để lên ngôi, rốt cuộc nước Khơ-me mất lần chủ quyền. Vào đầu thế kỷ XIX thì triều đình Huế chiếm ưu thế trên xứ chùa tháp.

Huế muốn Khơ-me thành một hạt; hơn nữa, Huế muốn đồng hóa chủng tộc Khơ-me. Nhất định nó không thể không gặp sự phản kháng của người Khơ-me được.

1820, Minh Mạng lên ngôi, nhà sư Khơ-me là Tăng Kế hiệu triệu binh sĩ Khơ-me trong quân nhà Nguyễn cùng với dân Khơ-me nổi lên tiến bức Nam Vang là nơi quân triều đình Huế đồn đóng. Lê Văn Duyệt đàn áp được; năm 1830, Ốc-nha-cơ[1], nhờ Xiêm giúp, nổi lên ở Bắc-tam-bon[2] cũng bị quân triều đình đánh bại. 1833, khi Lê Văn Khôi cầu viện, quân Xiêm chia 3 đạo đánh vào. Một đánh thẳng qua Ai Lao, về hướng Huế, một đánh vào Nam Vang, và một đánh vào Hà Tiên. Cả ba đều bị quân triều đình đánh tan hết. Trương Minh Giảng đưa vua bù nhìn Nặc Ông Chân về Nam Vang. Năm 1835, Ông Chân chết không có con trai, Minh Mạng thừa cơ chiếm giữ Nam Vang (gọi là trấn Tây Thành), phong cho con gái Ông Chân là Ang-may[3] làm quận chúa, rồi đẩy

1. Nhà xuất bản chưa tra được từ nguyên.
2. Battambang.
3. Ang Mey.

https://tieulun.hopto.org

đi Gia Định, bắt Trà Long, La Kiên là quan đại thần Khơ-me đầy ra Bắc Kỳ.

Triều đình Huế bắt người Khơ-me học chữ nho! Xưa nay Khơ-me theo văn hiến Ấn Độ, cũng như Việt Nam theo văn hiến Trung Hoa. Nay triều đình Huế muốn thủ tiêu văn hiến của một dân tộc đã có sức xây dựng Đế Thiên Đế Thích; thật là khờ dại! Lẽ tất nhiên là dân tộc Khơ-me nổi dậy, Xiêm thừa hư mà can thiệp; quân Xiêm tiến giữ U-đông[1], quân Việt giữ Nam Vang, đánh nhau nhiều trận. Người Khơ-me ở Nam Kỳ nổi lên. Bấy giờ Nguyễn Công Trứ là Tán lý Quân vụ trấn Tây gởi báo cáo về triều đình tâu rằng tình thế của nghĩa quân Khơ-me còn lợi hại hơn là quân của Nùng Văn Vân ở Bắc Kỳ. Năm 1847, Thiệu Trị phải giảng hòa với Xiêm, Khơ-me triều cống cho cả hai nước Xiêm và Nam. Khói lửa tắt mà những đống xương thành núi ở vùng Hà Tiên, Châu Đốc hãy còn ghi một giai đoạn khốn nạn của lịch sử do sự mù quáng phong kiến gây nên chỉ mấy năm trước khi giặc Pháp vào đóng ở Gia Định và Nam Vang, thống trị cả hai dân tộc.

Thực vậy, chính sách của triều Nguyễn đối với Khơ-me không đi đến đâu, mà, một mặt nó làm cho tiền tài kiệt quệ, binh sĩ hao mòn, một mặt là gây mối thù dân tộc để mấy năm sau Pháp lợi dụng để thôn tính cả Việt Nam và Khơ-me. Cũng may là số đông nhân dân Việt Nam và nhân dân Khơ-me không có cảm giác thù nhau; phong kiến và quần chúng phân biệt; nên, khi giặc Pháp đặt chân lên Gia Định, Nam Vang, thì cả hai dân tộc sẽ cùng nhau sát cánh, chống kẻ xâm lược, đánh kẻ thù chung.

2. Với Ai Lao

Nhà Nguyễn triển khai biên giới về phía Tây vượt qua dải Trường Sơn. Năm 1827, quân Xiêm đánh xứ Vạn Tượng, vua A-nu[2] sang

1. Oudong.
2. Nhà xuất bản chưa tra được từ nguyên.

Nghệ An cầu viện, Phan Văn Thụy đem quân đưa A-nu về Trấn Ninh rồi tự A-nu về lấy lại Viên Chăn. A-nu lại thua chạy, bị bắt nạp cho Xiêm. Tù trưởng Trấn Ninh bị Xiêm uy hiếp, cầu viện Huế; triều đình thừa thế lấy Trấn Ninh, rồi lại lấy luôn Cam Lộ, Cam Cúc, Cam Môn, Cam Linh (ở phía tây Nghệ An) và cả vùng đất thuộc các bộ lạc Xiêng Khô, Sầm Nứa, Man Xôi (ở phía tây Thanh Hóa); cương giới mở ra gần tới sông Cửu Long gồm hầu hết các tỉnh Tha-khet, Xiêng Khoang, Sầm Nứa và Savanakhet hiện giờ. Ở đây vì đất rộng, dân ít, xứ nghèo, núi rừng thăm thẳm, phong thổ không thích hợp, nên nhà Nguyễn dùng các tù trưởng mà cai trị, để rộng quyền cho tù trưởng, vì vậy không xẩy ra khởi nghĩa quan trọng như ở Khơ-me; trái lại về sau, vua Hàm Nghi xuất bôn có lên gần đó mà lập căn cứ, được lòng dân ủng hộ chống Pháp.

3. Đóng cửa trước ảnh hưởng Tây phương. Cấm đạo

Thời Lê Mạt, nhất là thời Tây Sơn, thì kỹ thuật Âu Tây có truyền vào, vua chúa có mượn người ngoại quốc hoặc làm thầy thuốc, hoặc làm trong những công xưởng quốc gia phần lớn là để chế tạo thuyền bè vũ khí. Các cha cố tuy có phần bị ngăn ngừa, nhưng hoạt động còn tương đối tự do, họ chưa lộ rõ mánh khóe do thám chuẩn bị cho sự xâm lược.

Từ câu chuyện cha Mô-ren-li[1] được chúa Trịnh biệt đãi đến câu chuyện cha Ăn-to đờ Ác-nê-đô[2] được chúa Nguyễn quý trọng, bao nhiêu bằng cớ của sự truyền đạo dễ dàng; rồi bao nhiêu chuyện khác nữa như Ninh Vương cho tự do truyền đạo, tự do xây nhà thờ đến đỗi ngay ở Huế lúc ấy đã có 5 nhà thờ rồi (đầu thế kỷ XVIII); Võ Vương càng để cho công giáo tự do hơn lúc nào, mộ người giỏi toán, giỏi y vào trong cung (cha J. Siêbe[3] người Đức,

1. Morelli.
2. Antoine de Arnedo.
3. J. Siebert.

https://tieulun.hopto.org

cha Sác-lô Han-ven-ski[1] người Hung, cha Jan Kốf-fơ-le[2], cha Lu-rê-i-rô[3]) đều được nhà vua tin dùng. Đó là vào lúc trước khi Tây Sơn khởi nghĩa.

Về sau đến Gia Long, vì Gia Long nhờ vả tư bản Pháp, nên kỹ sư Pháp, nhà buôn Pháp, cố đạo Pháp có ra vào dễ dàng. Song cuối đời Gia Long thì nhà vua đã hạn chế đạo, không cho làm thêm nhà thờ, hạn chế sự tu bổ nhà thờ, hạn chế giao thương với Pháp và với các nước Tây phương khác. Từ Minh Mạng trở đi, bế quan tỏa cảng và cấm đạo càng ngày càng ngặt nghèo. Tầu chiến Pháp càng thị uy bao nhiêu, cha cố Pháp càng can thiệp vào nội trị bằng cách xui giục hay ủng hộ mấy cuộc khởi loạn chống triều đình bao nhiêu, thì hải khẩu càng đóng chặt, cha cố càng bị truy nã; ban đầu nhà vua còn bắt họ về kinh dịch sách Tây phương (mục đích không phải là để học hỏi, mà để cầm chân kẻ địch), sau bắt bỏ tù hay trả lại cho xứ họ, hoặc giết nữa, giết luôn kẻ chứa chấp. Triều đình ra dụ cấm đạo, dụ tập trung người theo đạo, bắt dân có đạo, thích chữ vào mặt v.v... Lẽ tất nhiên rằng cái chính sách cấm đạo một cách mù quáng của triều đình có những lý do của nó, một trong những lý do ấy chính là hoạt động gián điệp, hoạt động khiêu khích trắng trợn của cha cố. Nên thực dân như ông Vial đã phải thú nhận rằng:

"Những sự tàn bạo của triều đình đối với giáo sĩ và người công giáo, nhiều khi cũng bị gây ra bởi lòng mê tín mù quáng của chính những người công giáo. Những mục đích đẹp đẽ nhất, thiêng liêng nhất đều có thể bị làm hư hỏng bởi lòng sốt sắng của tín đồ; ở Nam Kỳ lắm khi các giáo sĩ... không ngần ngại gì mà vi phạm đạo lý con người để phục vụ cho sự tín ngưỡng của họ"[4].

1. Nhà xuất bản chưa tra được từ nguyên.
2. Jean Koffler.
3. Loureiro.
4. *Histoire de la Cochinchine*, quyển 1, tr. 167.

Dân thì nghèo khổ quá sức, các cuộc khởi nghĩa để tìm cách giải phóng xã hội thì bị nhận chìm trong vũng máu. Tránh sao khỏi một số người nghe dụ dỗ mà tìm lối giải thoát ảo mộng bằng thiên đường? Bọn phong kiến nhà Nguyễn không thấy rằng cái kế hay nhất để giữ quyền thống trị của nó, giữ độc lập cho xứ sở là duy tân, là mở công thương, là học tập kỹ thuật khoa học mới. Ngược lại chúng làm như con ốc, như con rùa, đụng tới thì rụt đầu vào vỏ; làm cho nguy cơ kinh tế tài chính thêm trầm trọng; làm cho tình hình xã hội thêm rối rắm, nhân tâm thêm thán oán, chế độ phong kiến lạc hậu thêm gần hố băng hoại mà do đó nước nhà bị đẩy vào chỗ nô lệ, bọn thực dân mượn cớ can thiệp võ trang, nhân dân thêm một tầng thống trị bóc lột hết sức nặng nề.

V. BINH LỰC CỦA TRIỀU ĐÌNH DƯỚI THỜI TỰ ĐỨC

Trong thời Minh Mạng, nghĩa là từ 1820 đến 1840 thì binh lực của triều đình khá mạnh, những cuộc chinh phạt đắc thắng luôn ở ngoài biên cương đã chứng tỏ. Khi Gia Long còn sống thì bộ binh có 113.000 người trong đó có 30 vệ pháo binh và 16 vệ tượng binh (200 voi). Thủy binh gồm 200 chiến hạm (bằng gỗ, với chèo buồm) mỗi chiếc chở từ 16 đến 20 khẩu đại bác, 500 chiến thuyền nhỏ mỗi chiếc có 40 đến 44 mái chèo có 1 khẩu đại bác và nhiều khẩu súng bắn đá; 100 chiến thuyền lớn, mỗi chiếc 50 đến 70 mái chèo, có nhiều đại bác và súng bắn đá; số thủy quân là 17.600 người. Đến đầu thời Minh Mạng số quân không giảm mà có tăng là vì phải chinh phạt luôn.

Binh lực toàn quốc gồm 3 hạng: thân binh (hộ vệ nhà vua), cấm binh (quân giữ hoàng thành) và tinh binh (quân phòng thủ kinh đô và các tỉnh). Minh Mạng đặt lệ luân lưu, gọi là biển binh ban lệ, 2 ban ở nhà, 1 ban phục dịch thay đổi nhau cho đỡ tốn. Đa số quân lính tập trung ở kinh thành và xung quanh, mỗi tỉnh có từ 500 lính trở lên tới 1, 2 nghìn tùy sự quan trọng.

https://tieulun.hopto.org

Thiệu Trị và Tự Đức không phải là muốn bỏ bê việc võ, ví như Thiệu Trị cho in sách võ kinh, đặt khoa thi võ, tuyển thêm quân lính, còn Tự Đức thì đặt thêm ngạch lính võ sinh và đặt ngạch hương dũng, dân dũng, thổ dũng ở các tỉnh, huyện, xã. Nhân dân khởi nghĩa nhiều chừng nào thì triều đình càng phải dùng đến quân đội đông chừng ấy.

Nhưng lòng dân tan rã, xa rời với triều đình, chống lại triều đình thì quân số dù có đông, binh lực cũng là yếu đuối thôi. Vả lại, tài chính suy sụp lần; kỹ thuật thì hồi Gia Long làm sao, nay cứ thế, tệ hơn nữa là khác; đến giữa thế kỷ XIX rồi mà còn bo bo vào việc học tập trận đồ theo bát quái ngũ hành, long thao, hổ lược, tướng ra trận còn coi ngày giờ, bổn mạng, ví dụ Tri Phương đi vào cứu Gia Định thì trước coi số bổn mạng tướng soái; ngày xuất hành tốt đấy mà thua vẫn cứ thua v.v... Cho nên, về số lượng, quân đội kém sút nhiều so với thời Minh Mạng, Gia Long, về chất lượng thì không có gì mấy. Quân chính quy không quá 1 vạn người, Tây đánh rát ở Đà Nẵng mà trên mặt trận duy nhất ấy (năm 1859) chỉ có 3.000 quân thôi, ấy là sát cạnh thủ đô; về sau ở Sài Gòn: sở dĩ Tri Phương có hàng vạn quân, phần lớn là nhờ nghĩa quân kéo đến. Pháo thì nhiều mà chỉ là súng đồng, súng gang lòng lán, nạp tiền, bắn rất ít khi trúng, ít khi nổ (hầu hết đạn không thuốc, bắn như bắn đá); đại bác lớn thì triều đình phong chức, tôn thần, khi bắn phải cúng tế, khi "ốm" phải đổ thuốc! Đại bác vừa thì kêu to mà không đánh đắm được tàu nào, để trong thành, giặc tới thì khuân đi không nổi, không kịp. Thành quách thì làm kiên cố, nhưng kiên cố theo kiểu Vô-băng của Pháp hồi thời trung cổ, có sức ngăn quân dùng súng nhỏ hay gươm giáo cung nỏ, chớ không có sức chịu đựng đại bác kiểu mới, bắn mau, lòng gạch với đạn có thuốc súng không khói. Súng tay của bộ binh thì có ít lắm, phần lớn hãy còn dùng gươm giáo như đời xưa, mỗi đội 50 người chỉ có 5 người cầm súng châm ngòi, mà mỗi năm chỉ có quyền tập bắn một lần, lần đó bắn có 6 phát, thì bảo bắn giỏi sao được? Đó là chưa kể rằng

thường thường không biết phép giữ súng đạn và thuốc. Bọn Pháp rất biết cái tình trạng bảo quản ấy, cho nên, đến khi đánh 3 tỉnh miền Tây thì chúng có tính rằng mùa mưa lợi cho chúng ở hai chỗ nước nhiều tầu dễ đi, và hễ trời ẩm ướt thì súng đạn lính Nam không đáng sợ. Binh công xưởng khi làm khi nghỉ, có việc mới đào hầm đồng hầm gang lên đúc súng làm đạn, đạn đại bác bắn không nổ thì chất đống bằng 5, 7 trăm viên lớn ở đèo Hải Vân chờ địch đến lăn xuống như lăn đá. Lúc ấy không phải là không có súng đạn ngoại quốc để mà mua, không phải là không có bọn tư bản giành nhau mà bán, tranh nhau mà gửi kỹ sư đến lập xưởng nếu ta giơ ngón tay lên. Nhưng còn vấn đề tài chính, vấn đề ý muốn duy tân.

Nhà nước phong kiến dùng quân lính liên miên, trấn áp nhân dân; giữa dân và quân mâu thuẫn. Quân lính thì đã được võ trang quá kém lại cung cấp lương ăn áo mặc thiếu thốn, cho đến đỗi việc lính đi cướp hại dân là thường có. Thưởng phạt không công minh. Đánh trận oanh liệt can đảm, đủ tài trí, mà thua hay tạm thua thì bị giáng chức, cách chức, còn bắn nhau ít phát với một đội tuần tiễu của địch tới dòm ngó rồi về, lại được thưởng! Phạm Phú Thứ có nhận xét:

"Quân sĩ hèn nhát là do chưởng quan bất tài và vô quyền. Quân sĩ nhiều người không lương bổng, rất đói khổ, phải tìm cách giúp đỡ nhau chớ không trông mong gì đến gạo ở trong kho. Quan võ thì thường than thở rằng mình hết sức chống giữ biên cương, rủi ro chết đi thì chỉ thiệt mình, chứ công trạng thì nào ai nghĩ đến cho?"

Trong lúc quân lực suy tàn, tài chính kiệt quệ, lòng dân oán trách nổi lên thì triều đình, vua quan, sĩ phu đều một mực thủ cựu, không chịu duy tân, cứ theo nếp cũ. Khoa học Tây phương ồ ạt tiến mà vua tôi nhà Nguyễn thì nhắm mắt vùi đầu vào tứ thư ngũ truyện, ai bảo canh cải thì cho là tà thuyết, đầu mất không chừng. Sức lực triều đình còn vừa đủ để hung hãn với láng giềng yếu hay đàn áp nhân dân, nhưng khó bề đương đầu với Tây phương tư bản

https://tieulun.hopto.org

đang phát triển. Bản thân Tự Đức thì luôn luôn cùng cung nữ cận thần đi săn bắn, đi dạo xem phong cảnh, xây đền đài, Từ Dũ Thái hậu rầy rà Tự Đức cũng không thôi; ở nơi hoàng cung thì hết yết này tới tiệc khác, rượu rồi thơ, thơ rồi rượu, hết diễn tuồng này đến diễn tuồng khác; đình thần can gián thì Tự Đức nói *"nếu câu thúc quá chặt thì thân bệnh không làm nhiều việc nổi"*.

Phong kiến nhà Nguyễn đến thời Tự Đức đã xuống dốc đến cực độ. Nó đương mục nát, nó đương xiêu do thì tư bản Pháp can thiệp võ trang vào xứ ta. Phong kiến suy tàn và tư bản đang lên xung đột nhau. Ta có thể cắt nghĩa được sự suy đốn ấy bằng những nguyên nhân cụ thể đã kể trên. Dù sao, sự suy đốn ấy, chủ yếu là trách nhiệm của giai cấp phong kiến, của triều đình. Sự vắng mặt (không phải là tuyệt đối) của tầng lớp tư sản trong xứ ta lúc bấy giờ không gỡ được cho bọn cầm quyền cái tội kiềm hãm đất nước trong vòng lạc hậu. Trong lúc xung quanh xứ ta, trào lưu duy tân sôi nổi, quan cảng lần lượt mở, tai họa mất nước vì yếu ớt lạc hậu đã rõ rệt, và lại trong nước ta trước đã có người trông thấy cần phải tiếp thu kỹ thuật Tây Âu để cho nước giầu dân mạnh mà nhà Nguyễn, nhất là triều đình Tự Đức nhắm mắt trước trào lưu, trước sự tiến bộ, thì trách nhiệm mất nước về sau là ở giai cấp phong kiến, ở kẻ cầm quyền đã chẳng chịu mau chóng duy tân, lại không chịu tổ chức toàn dân chống xâm lăng. Sự mở quan, mở cảng, sự duy tân (tới một chừng mức nào) không phải là điều mà một triều đình phong kiến không làm được. Sự quyết tâm chống ngoại xâm không phải là thiếu trong nhân dân và sĩ phu. Kẻ cầm quyền lúc ấy, dù phong kiến, tuyệt nhiên không có lý do chính đáng nào để mãi mãi thủ cựu, chực thua, chực hàng. Lịch sử thế giới cận và hiện đại có nhiều tỉ dụ chứng minh rằng, trong điều kiện quốc tế nào đó, một xứ phong kiến được lãnh đạo khá sáng, có thể duy tân và có thể kháng chiến thắng lợi chống xâm lăng của thực dân; và lại phong kiến và tư bản đều là những chế độ dựa trên nền tảng tư hữu tài sản, một xứ phong kiến có thể tư bản hóa mà không

phương hại gì căn bản cho phong kiến; như thế thì trách nhiệm của kẻ cầm quyền lúc ấy càng nặng nề. Duy vật lịch sử quyết không phải là tiền định chủ nghĩa. Sự mất nước, tuy có lý do, quyết không phải và không tránh được, mặc dầu Tây phương lúc ấy giầu mạnh hơn Đông phương nhờ sự phát triển của chủ nghĩa tư bản.

B. SỰ PHÁT TRIỂN CỦA TƯ BẢN PHÁP VÀ ÂU CHÂU HỒI GIỮA THẾ KỶ XIX TƯ BẢN TÂY PHƯƠNG XÂM LƯỢC VIỄN ĐÔNG

I. TƯ BẢN ÂU TÂY PHÁT TRIỂN

1. Sự phát triển kinh tế của Pháp trước 1848

Giữa thế kỷ XIX, nước ta so với Pháp về mặt kinh tế thì gần như là nước Pháp lúc đó so với nước Pháp hồi thế kỷ XIV, XV, ta trễ hơn Tây phương hàng mấy thế kỷ.

Dưới chế độ quân chủ tư sản, từ 1830 đến 1848 nước Pháp tiến những bước khá dài trên con đường phát triển kinh tế của nó. Năm 1820, Pháp kém hơn Anh nhiều, chỉ có 65 cái máy hơi nước, thì đến năm 1847, Pháp đã có đến 5.000 máy hơi nước. Một cuộc cách mạng công nghệ đã bắt đầu ở nước Pháp. Trong năm 1830, tổng số vốn trong các xí nghiệp thương mại và công nghiệp lên tới 30 nghìn triệu quan; đến 1848 số vốn đó lên đến 45.000 triệu. Tuy là chính quyền ở Pháp bấy giờ là quân chủ trong hình thức, kẻ làm chủ thực sự của chính quyền ấy chính là đại tư bản: bọn chủ nhà băng, các ông "vua đường xe lửa", các ông chủ mỏ than, mỏ sắt và nhóm đại địa chủ.

Lẽ cố nhiên là trong tình thế đó, tư bản Pháp tìm cách phát triển biên cương, tìm kiếm thêm thị trường, xâm lược thuộc địa. Chính lúc bấy giờ là lúc mà tư bản Pháp xâm chiếm An-giê-ri (Bắc Phi) và khuếch trương thế lực thương mại của nó ở Viễn Đông.

https://tieulun.hopto.org

2. Anh phát triển mạnh hơn, dẫn đầu các nước tư bản trong việc xâm chiếm Viễn Đông

Trong thời gian đó, nước Anh phát triển càng mau hơn nữa. Ở Anh vào cuối thế kỷ thứ XVIII, thì đã bắt đầu có máy tự động rồi, đến giữa thế kỷ thứ XIX, sự sản xuất bằng máy thắng hẳn và thay phần lớn cho sự lao động sản xuất bằng tay. Ví dụ như từ 1820 đến 1844, số thợ dệt bằng tay từ 240.000 người xuống còn 60.000 người; đến năm 1860 thì chỉ còn 8.000 thôi, trong lúc đó, thì số máy dệt từ 10.000 nhảy lên tới 150.000. Năm 1800, Anh sản xuất 193.000 tấn gang, năm 1840, số sản xuất 1.400.000 tấn. Từ 1830, người ta bắt đầu làm đường xe lửa. Sự xuất cảng hàng hóa Anh ra các xứ, ra thuộc địa ngày càng lớn. Anh tiếp tục chiếm bán đảo Ấn Độ và từ 1839 đến 1842 nó đánh phá Trung Quốc để mở cửa thị trường lớn lao ấy. Các nước tư bản khác trước hết là nước Pháp không thể không hùa theo Anh, vừa cạnh tranh với Anh, trong cái việc đem quân tới càng đông, đem hàng tới càng nhiều trên các vùng đất Viễn Đông, nhất là tới Trung Quốc.

3. Cách mạng Pháp 1848 và cách mạng công nghệ sau 1848

Các năm 1845, 1847, tình hình chính trị ở Pháp đen tối cho bọn đại tư bản ngân hàng; ấy là mấy năm thất mùa lúa mì, thất mùa khoai tây (trên toàn Âu châu mà nặng nhất là ở Yết-lăng[1], Pháp). Năm 1847, tình hình càng đen tối vì nạn kinh tế khủng hoảng; tiền lương sụt xuống còn 50, 60% thôi.

Một cuộc cách mạng nổ ra ở Pháp trong lúc bọn cầm quyền Pháp có ý định gây sự với Việt Nam; cách mạng này làm trễ lại kế hoạch xâm lăng. Cách mạng 1848 căn bản là do quần chúng, nhất là công nhân Pa-ri làm, lật đổ Lu-y Phi-líp, lập chính thể cộng hòa từ tháng 2. Đến tháng 6-1848 thì tư bản phản động tàn sát công nhân, giết 8.000 người trên chiến lũy, bắn 11.000 sau khi khói lửa dứt, và bắt 25.000 trong số đó thì 3.500 bị đầy đi hải đảo.

1. Irlande.

Tháng 12 năm 1848, Lu-y Na-pô-lê-ông Bô-na-pác, cháu của Na-pô-lê-ông I, được quốc hội tư sản cử lên làm giám quốc. Ngày 2-12-1851, L.N. Bô-na-pác giải tán quốc hội, và đúng ngày tháng ấy năm sau, tự xưng Na-pô-lê-ông III, lập đế chế thứ II, một hình thái chuyên chính của giai cấp đại tư sản Pháp.

Sau cuộc cách mạng chính trị 1848 thì cuộc cách mạng công nghệ ở Pháp lại tiến triển càng mạnh. Ở miền Bắc và miền Đông, nhiều xí nghiệp dệt và lò đúc lớn được xây dựng, dựa bên đó, có nhiều xí nghiệp nhỏ. Từ 1852 đến 1870, số máy hơi của nước Pháp tăng từ 6.000 đến 27.000 chiếc. Hàng hóa sản xuất và xuất cảng nhiều, đường xe lửa, bến tầu thủy được phát triển rộn rịp và rất mau, sự nhu cầu thị trường càng mạnh.

* * *

Ở Âu Mỹ, những năm từ 1850 đến 1860 là những năm kinh tế tư bản tiến lên rất mau. Mỏ vàng Califocni[1] (1848), Ốt-tra-li[2] (1851) được phát kiến, nhiều xứ mới bị khai mở, ảnh hưởng tư bản xâm nhập vào Đông phương, tất cả những điều ấy làm cho kỹ nghệ Tây Âu thêm mở mang. Từ 1850 đến 1870, thương mại của các xứ Âu châu tăng lên gấp 3 lần, đường xe lửa kéo dài và dầy như mạng nhện, tăng lên gấp mấy mươi lần; ví như năm 1830 mới có 335km đường ray cho cả thế giới, năm 1835 đã có 8.000km, và năm 1870 là 200.000km. Sau 1860 thì gần như không còn có tàu buồm nữa, chỉ có tàu hơi càng lớn; hàng ngàn tầu hơi Âu châu, nhất là Anh, Pháp, Mỹ băng biển đi Ấn Độ, Trung Quốc, Nhật Bản, Phi châu, Nam Mỹ.

Một đặc điểm khác trong thời kỳ này là sự phát triển của nhà băng và các công ty tập cổ cho công thương vay tiền hay bỏ vốn vào công thương mà các chính khách, các nhà cầm quyền đua nhau tham dự.

1. Californie.
2. Australie.

https://tieulun.hopto.org

Cuộc khủng hoảng 1858 - 1859 làm cho tiểu chủ suy sụp phá sản trong nháy mắt; ngược lại, tư bản thêm tập trung. Nông dân bị phá sản rất nặng, thợ thuyền càng khổ nhưng tư bản càng giầu. Trong những điều kiện tư bản phát triển đó thì tư bản tất nhiên tăng cường sự xâm chiếm thuộc địa cướp giựt thị trường.

4. Kỹ thuật chiến tranh mới

Kỹ thuật chiến tranh của Âu châu đã tiến bộ rất mạnh. Từ 1850, người ta đã chế đại bác bắn mau, lòng gạch làm bằng thép và nạp đạn ở đằng sau. Súng tay bắn đá lần lượt được thay bằng súng có pít-tông và súng có kuy-lát kiểu Béc-đăng[1]. Người ta lại chế ra những chất nổ mạnh: đy-na-mít, nitrôglyxêrin, thuốc không khói, nhờ vậy mà súng và đạn đã nhẹ hơn lại bắn xa hơn. Chiến thuyền bằng gỗ và buồm được thay bằng tầu máy có chân vịt và có đại bác mạnh, tầu lại có giáp sắt và có cả thủy lôi.

Kỹ thuật chiến tranh này, nếu không phải là xứ phát triển tư bản thì không làm nổi, cũng khó mà mua nổi. Bọn tư bản Tây phương trong sự xâm lược của chúng, sẽ chiếm được một thế ưu việt về kỹ thuật chiến tranh trừ những lúc bị bách vào thế cận chiến (như chiến thuật của Nguyễn Trung Trực); tầu to súng lớn bắn xa và mạnh để làm cho những đội quân phong kiến lạc hậu mau mất bình tĩnh và bớt quyết tâm.

II. CÁC XỨ VIỄN ĐÔNG BỊ TƯ BẢN ÂU TÂY XÂM NHẬP

1. Viễn Đông bị xâm lấn

Sau khi người Pháp đã bị đánh bại ở Ấn Độ rồi khi công ty Đông Ấn của Anh làm chúa tể Ấn Độ, chính nó vừa là một uy quyền kinh tế vừa là một uy quyền chính trị, quân sự; nó cai trị xứ Ấn, nó có quân đội riêng. Năm 1813, trước sự kêu nài của giai cấp tư sản công nghệ Anh chống độc quyền của công ty Đông

1. Berdan.

Ấn thì công ty này bị giải tán; từ đó hàng Anh tràn ngập Ấn Độ, nguyên liệu Ấn Độ về Anh như dòng sông chảy. Năm 1857, Anh bắt đầu làm hằng 6, 7.000km, đường xe lửa ở Ấn Độ, tăng cường sự khai thác nguyên liệu và bán hàng. Sau 1846, Anh mở rộng thế lực, chiếm các vùng Trung và Bắc Ấn bao la; năm 1857, nó đụng phải cuộc khởi nghĩa của người Xi-pay[1] quanh Đen-hy[2], bao gồm luôn hàng chục triệu dân trong đó có 50.000 binh sĩ. Sau 2 năm Anh mới đàn áp nổi phong trào này, vì bọn đại phong kiến Ấn phản bội dân, vì người Anh lợi dụng sự chia rẽ của người Ấn, chia rẽ chủng tộc, chia rẽ tôn giáo.

Rồi người Anh lại tiến về phía Miến Điện, Mã Lai trong lúc đó thì chúng đã chiếm song Úc Đại Lợi, Tác-ma-ni[3], Tân Tây Lan, v.v... tiêu diệt gần hoàn toàn người dân bản xứ, đem dân nó đến di cư khai khẩn.

2. Trung Quốc bị tư bản Tây phương xâm lấn

Từ thế kỷ XVIII, Trung Quốc dưới triều Mãn Thanh là một nước bế quan tỏa cảng, một xứ phong kiến tiêu biểu nhất cho tất cả phong kiến Viễn Đông. Năm 1816 thì người Anh đem bán cho Trung Quốc 3.290 thùng a phiến (của Ấn và Ba Tư). Năm 1830, con số ấy lên 18.750 thùng, năm 1836, là 27.000 thùng! Món hàng và nguồn lợi chủ yếu của tư bản Anh ở Trung Quốc. Chính phủ Trung Quốc cấm mãi mà không được, cho nên năm 1834, ra lệnh tịch thu và thủ tiêu các hòm phiện. Tên quan Anh, En-li-ô[4], xin chính phủ Anh phái hải quân đến đòi bồi thường và đòi tự do bán phiện. Chiến tranh Anh - Trung bắt đầu. Trong ba năm trường, người Anh khai chiến với Trung Quốc, phá nhiều thành phố dọc biển, giết già trẻ bé lớn rất đông; đó là nha phiến chiến tranh. Năm 1840, chúng chiếm Thượng Hải, Nam Kinh. Trung Quốc thế yếu

1. Nhà xuất bản chưa tra được từ nguyên.
2. Delhi.
3. Tasmanie.
4. Elliot.

https://tieulun.hopto.org

phải mở năm hải cảng và để hàng ngoại quốc đến mà không đánh thuế quá 5%. Pháp, Mỹ thấy béo bở, hùa theo Anh và năm 1844 chúng cũng bắt Trung Quốc ký những hòa ước bất bình đẳng tựa như thế (Hòa ước Hoàng Phố 24-10-1944). Từ đó Pháp thường xuyên có một hạm đội ở Viễn Đông.

Năm 1850, các cuộc khởi nghĩa lẻ tẻ của nông dân Trung Quốc thống nhất lại thành một phong trào duy nhất, rất mạnh mà trung tâm là sông Trường Giang. Đó là khởi nghĩa Thái bình Thiên quốc, có công nhân, binh sĩ, thủ công tham gia.

Từ 1856 đến 1858, rồi năm 1860, quân Anh và quân Pháp khai chiến với Trung Quốc, bắt triều đình Bắc Kinh nhượng ước, rồi hợp sức với triều đình mà tiêu diệt Thái Bình khởi nghĩa, có cả bọn Mỹ tham gia, tàn sát rất dữ dội. Trung Quốc càng ngày càng trở thành một nước phụ thuộc cho nhiều nước và các nước tư bản Âu Mỹ tìm cách xâm nhập càng sâu vào Trung Quốc, còn Pháp thì đặc biệt chú ý đến miền Nam.

3. Nhật Bản bị bức mở cửa khẩu

Cuộc Nha phiến chiến tranh (1839 - 1842) đã mở cửa Trung Quốc thì đến lượt nước Nhật bị bao gồm trong vòng ngoại thương của tư bản Âu Mỹ. Lúc ấy ở trong nước Nhật phong kiến, đặc biệt là ở miền Nam (điều này thì ở Việt Nam chưa có, cũng cắt nghĩa được trong căn bản tại sao Minh Trị thì duy tân mau lẹ mà Tự Đức thì ngần ngại không chịu duy tân), có những thủ công xưởng khá: làm đường, làm giấy, làm tơ sợi, v.v...

Năm 1853, tầu chiến của Mỹ đến đòi Nhật mở cửa, rồi tầu Nga hoàng lại đến, cũng đòi như thế. Nhật không có hải quân, không có pháo binh. Triều đình Nhật ký hiệp ước thương mại với Mỹ, Anh, Nga và các nước khác. Đến 1858, còn có những hiệp ước thương mại bất bình đẳng khác.

* * *

Như thế là giữa thế kỷ XIX, thế lực tư bản Âu Mỹ tràn khắp Đông phương. Trong những điều kiện đó, bế quan tỏa cảng, thủ cựu như Tự Đức là đâm đầu vào chỗ chết. Tư bản Tây phương không thể không chú ý đến Việt Nam là nước ở miền Nam Trung Quốc, là nước có vị trí chiến lược tốt trên đường từ Ấn Độ Nam Dương qua Trung Hoa, Nhật Bản, lại là xứ có khá nhiều tài nguyên, xứ mà từ lâu nay chúng nó đã chú ý đến nhiều rồi.

III. CHÍNH CUỘC Ở NƯỚC PHÁP TRONG THỜI ĐẾ CHẾ THỨ II: CHÍNH SÁCH XÂM LƯỢC CỦA NA-PÔ-LÊ-ÔNG III

Mới lên ngôi Na-pô-lê-ông III tuyên bố: "Đế chế là hòa bình".

Nhưng thực tế lịch sử chứng minh ngược lại rằng đế chế là chiến tranh. Chiến tranh xâm lược. Chiến tranh ấy nằm trong lòng của tư bản chủ nghĩa đương phát triển mà chúng ta đã vạch những nét chính ở bên trên, lại nằm trong bản chất độc tài của một đế chế dựng trên mũi lưỡi lê và phải dùng thắng lợi quân sự để đứng vững, cũng như sẽ đổ nát vì thất bại quân sự. Từ 1854 đến 1870, ở Âu châu, Pháp làm 3 cuộc chiến tranh lớn: chiến tranh ở Cờ-Rưm[1] chống Nga (1854 - 1856), chiến tranh ở Ý chống Áo (1859), chiến tranh (1870) chống Phổ và các nước Đức.

Ngoài Âu châu, Na-pô-lê-ông III can thiệp ở tất cả các châu Phi, Á, Úc, Mỹ.

Tình hình chiến sự này cắt nghĩa một phần những lúc chậm trễ, ngập ngừng, v.v... trong thái độ của chính phủ Pháp về sự xâm chiếm Nam Kỳ. Ví như năm 1854 - 1855, Pháp không thể đánh Việt Nam vì rằng trong lúc đó nó phải tập trung hàng chục vạn quân ở miền nam nước Nga và chôn vùi ở đó 95.000 người lính; hay ví dụ như phải đến 1860, sau khi tạm thắng Trung Quốc thì quân Pháp ở Viễn Đông mới có thể tập trung về đánh chiếm Gia Định. Cũng

1. Crimée.

https://tieulun.hopto.org

tựa như thế, những cuộc võ trang can thiệp ở Sy-ri[1] (1860 - 1861) nhất là cuộc viễn chinh chiếm xứ Méc-xíc[2] (1861 - 1867) trong đó Pháp mất nhiều quân số, tiền tài và cả vinh dự, những cuộc ấy làm cho chính phủ tư bản Pháp đôi khi rụt rè, ngần ngại, không hẳn luôn luôn quyết tâm trong việc chinh phục Việt Nam là xứ ở xa xôi hơn, được ít người chú ý hơn là Méc-xíc hay Bắc Phi.

Nói chung, dưới thời đế chế thứ II, hệ thống thuộc địa của Pháp được tái lập và mở rộng ra, mà đó là cái kết quả tất yếu của sự phát triển tư bản, phát triển công thương. Một phần nào thì cũng có do bênh vực công giáo là những đội tuyên truyền rất mật thiết liên lạc với công ty tư bản; lúc ấy nước Pháp là xứ tự xưng bênh vực sự truyền đạo để làm cho các cuộc xâm lăng có một danh nghĩa nào và mong được dư luận trong nước Pháp ủng hộ: Na-pô-lê-ông III phô trương và huy động nhiều lực lượng đi xâm lăng; kể ra thì kết quả tuy có đó, nhưng không phải là nhiều như ý muốn.

Dưới "quân chủ tháng 7" tức là trước 1848 thì Pháp có một ít căn cứ lẻ tẻ, nhỏ hẹp ở Mỹ như Sanh-pi-e[3], Mi-cơ-lông[4], Goa-đơ-lúp[5], Mác-ti-nic[6], Guy-dan[7]; ở Phi như các thương điếm tại Sê-nê-gan; ở Ấn Độ dương như 5 thành phố Ấn và vài hòn đảo còn tàn dư của thuộc địa cũ đã bị mất từ hồi thời Lu-y XVI. Trong thời "quân chủ tháng 7" thì tư bản Pháp chiếm thêm xứ An-giê-ri, Cô-tơ-đi-voa[8], đảo Ta-hi-ti[9], trong đó chỉ có An-giê-ri là quan trọng nhất. Đến thời đế chế thứ II thì tư bản Pháp hoàn thành cuộc xâm lược An-giê-ri, bắt được người lãnh đạo nghĩa quân là

1. Syria.
2. Mexique.
3. Saint Pierre.
4. Miquelon.
5. Guadeloupe.
6. Martinique.
7. Guyane.
8. Côte d'Ivoire (Bờ Biển Ngà).
9. Tahiti.

Áp-đen-ka-đe[1]; nó mở rộng thuộc địa Sê-nê-gan[2], chiếm Tân Đảo, quan trọng nhất là chiếm lấy Nam Kỳ lục tỉnh và Khơ-me.

* * *

Như thế vào giữa thế kỷ XIX chủ nghĩa tư bản Âu châu đi khá mạnh vào giai đoạn phát triển công nghệ. Nói phát triển công nghệ là nói đến đòi hỏi thị trường và nguồn nguyên liệu, tức là nói đến sự đua nhau để xâm chiếm thuộc địa; nói phát triển công nghệ tức là nói phát triển kỹ thuật giao thông, kỹ thuật chiến tranh.

Riêng về phần nước Pháp lúc bấy giờ thì có hai yếu tố chính trị cần được nhấn mạnh, một là đế chế - mà đế chế là chiến tranh, hai là cái tâm lý chống Anh căn cứ vào sự mâu thuẫn lâu đời giữa hai nước Anh Pháp trên lục địa cũng như trên mặt biển, cái tâm lý đó không thể không thúc giục chính khách và võ quan Pháp tìm cách chiếm đất chẳng những để làm thuộc địa cho tư bản Pháp mà cũng là để ngăn ngừa đường phát triển của Anh. Tuy nhiên, một mặt thì tư bản Pháp tương đối hãy còn non, một mặt khác, nhiều cuộc chiến tranh xảy ra trong các vùng Âu, Phi, Mỹ mà Pháp phải can dự luôn, nên ở mặt Viễn Đông, nhất là ở Đông Dương, chính sách thuộc địa của Pháp lúc bấy giờ hãy còn ở trong một thời kỳ chập chững, chưa trăm phần quả quyết như là sau thời kỳ 1880 lúc chủ nghĩa đế quốc được thành hình.

Một lý do của lòng tham lam, của sự xâm lược của Pháp lúc giữa thế kỷ XIX đối với xứ ta, chính là sự suy tàn của chế độ phong kiến nhà Nguyễn dưới thời Tự Đức. Dưới thời Tự Đức những yếu tố tiền tư bản trong kinh tế mà lịch sử đã ghi thấy hồi Lê mạt và Tây Sơn đã giảm sút đi nhiều; thị trấn bớt hoạt động, bớt dân số, công thương tàn tạ, bế quan tỏa cảng mù quáng, nông nghiệp sút kém, dân tình khổ sở quá mức, loạn lạc luôn luôn, học vấn cũ kỹ, quân sự cổ hủ, kẻ cầm quyền cận thị không chịu duy tân và càng

1. Abdelkader.
2. Sénégal

https://tieulun.hopto.org

ngày càng bị nhân dân phản kháng kịch liệt. Đụng chạm với chủ nghĩa tư bản Tây phương thì phong kiến nhà Nguyễn như một cái nhà xiêu mọt; xiêu mọt nhưng không phải nhất thiết đổ ngay; bao kẻ sĩ người hiền kêu gọi tu chữa nó cứ bịt tai trâu, nó có thì giờ khá rộng để biến cải mà biến cải rất rụt rè; toàn thể nhân dân sẽ đứng lên chống đỡ những đòn nặng của bão tố thực dân thì nó lại bỏ rơi, xô đuổi, tàn sát.

Bản thân mình yếu ớt, cái yếu ớt đó đã là một sự khuyến khích gián tiếp cho kẻ xâm lăng. Thực dân Pháp vào giữa thế kỷ XIX đem binh xâm lấn xứ ta là một xứ có vị trí địa dư rất quan trọng, có tài nguyên nhiều, có thể làm một thị trường tốt cũng như làm một căn cứ quân sự tốt, sự xâm lấn của tư bản Tây phương lúc đó là điều không tránh khỏi trong lúc cả bọn bóc lột Âu Mỹ hùa nhau toan chia xẻ cả Đông phương béo bở, trong lúc mà Trung Quốc bị các xứ tư bản đánh bại nhiều lần buộc phải nhận những hòa ước bất bình đẳng.

Chương 3

ĐÀ NẴNG, GIA ĐỊNH THẤT THỦ

I. ĐÀ NẴNG THẤT THỦ

1. Vài đặc điểm của thực dân Pháp vào khoản này

Các nhà sử học Pháp theo chủ nghĩa Mác - Lê đều nhận định rằng đế quốc chủ nghĩa Pháp bắt đầu từ 1880 - và nhân vật tư bản đế quốc tiêu biểu là Ju-lơ Fe-ry[1] với chính sách xâm lăng triệt để của hắn. Thế nhưng một mặt thì không phải sự xâm lăng thuộc địa là một đặc tính của đế quốc chủ nghĩa (tư bản độc quyền, tư bản tài chính); một mặt khác, đế chế thứ hai của nước Pháp tuy hãy còn ở trong giai đoạn tiền đế quốc chủ nghĩa, đã chuẩn bị những điều kiện cho thời kỳ đế quốc về sau đó. Vào khoảng giữa thế kỷ XIX, chủ nghĩa thực dân Pháp có mấy đặc điểm chính sau đây:

- Sự nhu cầu thị trường được đẩy mạnh thêm, chẳng những bởi sự phát triển của kỹ nghệ, thương mại, mà cũng được đẩy mạnh thêm bởi nhu cầu phải có những thắng lợi quân sự để làm cho đế chế có uy tín; tuy Na-pô-lê-ông III tuyên bố rằng "đế chế là hòa bình"; song chính khách thức thời lúc đó quả quyết rất đúng rằng:

1. Jules Ferry.

https://tieulun.hopto.org

"đế chế là chiến tranh"; chiến tranh được bọn cầm quyền xem là chiếc bục gỗ để kê ngai vàng đế chế.

Tham vọng cá nhân của các đại tướng, các đô đốc, tham danh, tham lợi, thích phiêu lưu, muốn làm "proconsul" (phó vương) ở một góc trời nào dù góc trời ấy không kịp thời lợi ích mấy cho công thương "nước mẹ", tham vọng ấy là một cái roi như đánh vào mông con ngựa thực dân trong thời đế chế thứ hai. Cả bọn Giơ-nu-dy[1], Bô-na[2], Pê-lít-xi-ê[3], Mac Ma-hon[4], Ba-zen[5], v.v... đều là "nhân vật" tiêu biểu cho các loại tham vọng trên. Đế chế dựa vào lưỡi kiếm, bọn võ quan đầu sỏ có khá rộng quyền hành và thế lực nhất là khi chúng đã đem quân đội đi xa khơi. Viết lịch sử, học lịch sử mà chỉ thấy yếu tố kinh tế, bôi bỏ yếu tố cá nhân, tâm lý, cũng là thiếu sót và sai lầm tuy không phải thiếu sót và sai lầm quan trọng như khi, ngược lại, ta bỏ yếu tố kinh tế xã hội mà chỉ ghi có yếu tố tâm lý cá nhân.

Nói rằng toàn bộ quyền hành ở trong tay hoàng đế, nhưng thực tế thì đám con buôn, đám đầu cơ xỏ mũi hoàng đế một cách khá dễ dàng (Mi-sen Sơ-va-li-ê[6], Pô-lanh[7], F. Lép-xép[8], Mơ-ny[9], v.v...). Na-pô-lê-ông III là một tay phiêu lưu, lưu manh, nợ đầy dãy cổ, nghe theo bọn đầu cơ thì có lạ gì?

Thạc sĩ Tếc-sen[10] nói rất đúng rằng "một chủ nghĩa phản Anh nông nổi thúc đẩy các võ quan đô đốc chiếm một vùng đất này hay một vùng đất khác chỉ vì làm như vậy là để cho người Anh không

1. Rigault de Genouilly.
2. Bonard.
3. Pélissier.
4. Mac Mahon.
5. Nhà xuất bản chưa tra được từ nguyên.
6. Michel Chevalier.
7. Nhà xuất bản chưa tra được từ nguyên.
8. Nhà xuất bản chưa tra được từ nguyên.
9. Nhà xuất bản chưa tra được từ nguyên.
10. Nhà xuất bản chưa tra được từ nguyên.

chiếm được vùng đất ấy"[1]. Sự thật có như thế song ta phải thêm rằng, cái "chủ nghĩa phản Anh" kia trong điều kiện chính trị và kinh tế của thời kỳ lịch sử giữa thế kỷ XIX, tiêu biểu cho sự cạnh tranh giữa chủ nghĩa tư bản Anh với chủ nghĩa tư bản Pháp, sự đua nhau giữa hai xứ ấy và các xứ tư bản khác để chia xẻ mặt địa cầu còn rộng.

Tháng chạp năm 1848, Lu-y Bô-na-pác (tức Na-pô-lê-ông về sau) lên cầm quyền là nhờ những lá phiếu công giáo. Đến năm 1852, xưng hoàng đế cũng nhờ những lá phiếu ấy. Na-pô-lê-ông III lập lại khẩu hiệu cũ: "Nước Pháp là con gái đầu lòng của giáo hội". Cho nên không lạ gì mà thấy trong chính sách thực dân của Pháp lúc ấy những duyên cớ bênh đạo được nêu lên cao nhất, khẩu hiệu "truyền bá văn minh công giáo" được kết hợp chặt chẽ (nhiều khi chặt chẽ một cách quá lõa lồ như vải trắng mà may bằng chỉ đen) với khẩu hiệu phát triển công thương, mở mang thuộc địa.

Tuy thế, nước Pháp lúc bấy giờ, trong tuyệt đại đa số của số 36 triệu dân, không ưa thích gì các cuộc xâm lăng ở hải ngoại, mặc dù rằng báo chí tư bản cổ vũ rất dữ bằng hình ảnh, bằng phóng sự và cả bằng những hội chợ quốc tế; sở dĩ có tâm lý ấy, căn bản là vì trong nước Pháp lúc bấy giờ, kinh tế nông nghiệp vẫn còn là chủ yếu, nghề thủ công còn rất nhiều, nông dân và tiểu tư sản luôn luôn cảnh giác trước những cuộc viễn chinh hao tốn có thể làm mất giá đồng tiền, họ không dễ sẵn sàng bỏ vốn vào những công ty hoạt động ở nơi xa xăm mà họ không biết rõ. Nói một cách khác hơn, nếu bây giờ đã có ở Pháp một chủ nghĩa thực dân tuy chưa có đường lối chắc chắn, nhưng đầy sinh lực, thì cũng có chủ nghĩa phản thực dân về nguyên tắc (như tư tưởng của giai cấp công nhân về sau).

Những điều kiện phức tạp ấy cắt nghĩa những sự quyết định và do dự, những bước tiến và lúc thoái trong chính sách thực dân của chính phủ Pháp trong khoảng giữa thế kỷ XIX cho đến chiến tranh 1870.

1. Cahiers Internationaux, số 47; les Origines de l'anticolonialisme.

https://tieulun.hopto.org

2. Tìm cớ xâm lăng

Như ta đã biết, sau Hòa ước Hoàng Phố (24-10-1844) Pháp đã được nhiều quyền lợi ở Trung Quốc và có hạm đội thường trực ở biển Đông. Để xoa dịu lòng bất bình của người công giáo Pháp trong cuộc Pháp gửi quân qua đánh thành La Mã, Na-pô-lê-ông III khéo kết hợp cuộc xâm chiếm thị trường ở Viễn Đông với cuộc truyền đạo bênh đạo ở vùng này. Mồng 5-12-1856, trong lúc Anh Pháp tổ chức một cuộc hành động chung về quân sự ở Trung Quốc để đòi "tự do buôn bán và tự do truyền đạo" thì Na-pô-lê-ông III cũng riêng phái Môn-ti-nhi[1] sang Huế để thương thuyết cho được "truyền đạo tự do và buôn bán tự do". Thương thuyết để dọn đường sẵn, hễ cuộc đánh Trung Quốc xong thì quân Pháp kéo ngay xuống Việt Nam mà hành động.

Chính phủ Na-pô-lê-ông III đã quyết định xâm chiếm xứ ta; chỉ còn tìm cớ để mà đem binh vào, để mà nổ súng.

Năm 1857, chính phủ Pháp họp một tiểu ban ở Pa-ri do Bơ-rê-ni-ê[2] chủ tọa để xét lại Hiệp ước Véc-xây đã được ký kết giữa Pi-nhô đờ Bê-hen đại diện cho Nguyễn Ánh, với bá tước Mông-mô-ranh[3] - đại diện của Lu-y XVI. Thế nghĩa là Pháp muốn "hợp pháp hóa" việc xâm chiếm, dựa vào những văn kiện cũ, văn kiện "dẫn voi về giày mả" của cha con Nguyễn Ánh, theo văn kiện ấy thì Pháp có quyền chiếm đóng Đà Nẵng, Côn Lôn, có độc quyền kinh doanh thương mại khắp Việt Nam, tự do truyền giáo để xây dựng thế lực tinh thần trong nhân dân dựa trên thế lực kinh tế và quân sự.

Nếu Hòa ước 1787 mà được thực hiện thì nước Việt Nam trở thành một xứ bảo hộ, một bán thực dân địa của Pháp, để rồi gặp lúc tiện nhất, trở thành thuộc địa. Nhưng sau một cuộc nghiên cứu tỉ mỉ, xét kỹ lại thì, hồi 1788, quân quyền Pháp bị ngọn lửa

1. Montigny.
2. Brenier.
3. Montmorin.

cách mạng dân chủ tư sản cháy tới mày rồi, chính phủ Pháp không thi hành Hiệp ước Véc-xây, chỉ có công ty tư bản Pháp ở Ấn Độ dương cùng với Pi-nhô tự lực cứu vớt Nguyễn Ánh, giúp Nguyễn Ánh cướp lấy ngôi vua. Vậy không thể vin vào cớ thực hành điều khoản của Hiệp ước 1787 để mà chiếm đóng Đà Nẵng, Côn Lôn và chiếm lấy độc quyền thương mại được. Nhưng khi nghiên cứu thì tiểu ban kia đã nhận thấy rằng *"từ lâu đã có dự kiến đem quân chinh phạt Nam Kỳ"* và tiểu ban nhận định rằng nếu phải quân sang đánh Việt Nam thì *"chẳng qua là tiếp tục cái truyền thống cũ, trung thành với một quốc sách đã được đeo đuổi từ chính phủ này sang chính phủ kia của nước Pháp, qua các cuộc cách mạng"*[1].

Nhưng cần phải tìm một cớ nào để cử binh.

Chỉ còn có một cớ để vũ trang xâm lược là mượn tiếng trả thù việc triều đình Huế không tiếp nhận quốc thơ của Pháp do chiến thuyền Ca-ti-na[2] đem đến. Lúc ấy Pháp gọi việc không nhận quốc thư này là "làm nhục quốc kỳ Pháp". Thực ra, khi lòng tham đã chí quyết xâm lăng thì chúng mới nói oai như thế, chớ bao nhiêu việc mà trước đó hay sau này "quốc thể" Pháp bị nhục ngàn lần hơn thế, chính phủ tư bản Pháp có dám nổi trận lôi đình đâu, quá lắm thì than văn, kêu gào. Gần cuối thời Gia Long, Huế không tiếp sứ Pháp, Pháp có nhục quốc thể không mà không thấy can thiệp? Về sau này, năm 1874, khi Pháp sắp rút quân khỏi Hà Nội, cờ Pháp bị hạ xuống bỏ dưới rãnh nước, quân Pháp ức mà quan Pháp cứ làm ngơ. Nếu lấy cớ quốc thể, quốc kỳ bị lăng mạ thì chính bên Việt Nam mới có quyền lấy cớ đó, bởi vì chiếc tầu chiến Ca-ti-na, vào bến đợi thơ phúc đáp chưa được thì, trước khi rút lui, quân Pháp đổ bộ lên phá đồn, phá đại bác, đổ thuốc súng xuống biển. Cái cớ căn bản để xâm lăng là bênh vực công giáo bị đàn áp, bênh vực các giáo sĩ Pháp và Y Pha Nho bị truy nã, bị bắt giam. Bọn cầm quyền

1. L'Expédition de Cochinchine et la politique française dans l'E.O.De Septans, tr. 136.
2. Catinat.

https://tieulun.hopto.org

tư bản nghĩ rằng, nếu lấy có "bênh đạo" thì, một mặt là có thể được dư luận công giáo còn mạnh ở Pháp ủng hộ, một mặt khác may ra có thể được sự ủng hộ của những người theo công giáo ở Việt Nam. Bênh đạo chỉ là cớ, không cớ này thì đã có thể có cớ khác; còn nguyên nhân của sự xâm lược là sự phát triển của tư bản chủ nghĩa Pháp, là sự đòi hỏi thị trường, đòi hỏi căn cứ ở Viễn Đông và nhất là ở miền Nam Trung Quốc, là sự cạnh tranh với các nước tư bản khác, đặc biệt là với nước Anh, thêm vào đó là sự suy nhược của chế độ phong kiến Việt Nam làm tăng thêm lòng tham lam của kẻ địch. Sức mạnh của một nước bao giờ cũng có thể làm cho kẻ địch suy nghĩ, bớt hiếu chiến, bớt tham vọng xâm lăng; ngược lại một xứ yếu ớt thì như khuyên kẻ địch tới cướp phá và chiếm cứ; xưa nay đều như vậy.

Có giáo sĩ Y Pha Nho[1] cũng bị Huế bắt giam; Y Pha Nho lại cũng đôi phen dòm ngó vào Bắc Kỳ (nhất là Đồ Sơn, Quảng Yên), cho nên cả Na-pô-lê-ông III, hoàng đế Pháp và I-sa-be[2], nữ vương Y Pha Nho, đều mượn cớ bênh đạo mà đem quân vào Việt Nam.

Na-pô-lê-ông lên ngôi hoàng đế năm 1852, tháng chạp thì 15 tháng sau, nước Pháp, cùng với Anh, Thổ, đánh Nga. Cuộc chiến tranh Cơ-ri-mê[3] kéo dài 2 năm từ 1854 đến 1856, trong lúc đó không thể nào bọn thực dân ra tay ở Việt Nam được, người Nga chiến đấu càng oanh liệt, càng lâu dài thì thời giờ của Pháp xuất quân sang chiếm xứ ta bị hoãn lại càng lâu.

Chiến tranh Cơ-ri-mê vừa xong thì Anh Pháp gây cuộc chiến tranh Nha phiến thứ 2 với Trung Quốc. Anh Pháp liên quân và triều đình Mãn Thanh bắt đầu cấu kết với nhau để trấn áp cuộc cách mạng Thái bình Thiên quốc; Anh Pháp thừa cơ mở rộng quyền lợi xâm lăng của chúng ở trên cái thị trường to nhất Viễn Đông, rộng nhất thế giới mà các nước tư bản đều thèm thuồng.

1. Tây Ban Nha.
2. Isabelle.
3. Crimée

Nước Việt Nam nằm trên đường đi tới Trung Quốc lại là giáp giới với ba tỉnh miền nam giàu có của Trung Quốc thì bọn tư bản thực dân tất nhiên chú trọng đến.

Đô đốc Ha-mơ-lanh[1], Bộ trưởng Hải quân Pháp gửi thêm tầu chiến và viện binh cho hạm đội Pháp ở Thái Bình Dương và đồng thời Bộ Ngoại giao ra lệnh cho Phó Đô đốc Ri-gô đờ Giơ-nu-dy người chỉ huy hạm đội ấy - sẽ kéo quân xuống đánh Việt Nam sau khi đã bắn phá và chiếm cứ xong thành Quảng Châu.

Ở đây cần phải nói thêm rằng chính phủ Pháp đã quyết định như thế trước khi chúng biết kết quả của phái bộ Môn-ti-nhi sang Huế thương thuyết với triều đình Tự Đức. Thế nghĩa là Pháp không mong gì Môn-ti-nhi hoạt động có kết quả, chính phủ Pháp chỉ trông thấy nơi hoạt động của Môn-ti-nhi một cách chứng minh về hình thức cho dư luận nước Pháp tưởng rằng Na-pô-lê-ông III cũng có ý thương thuyết mà không được nên phải đánh; thiệt sự là Môn-ti-nhi đến Đà Nẵng, tháng giêng 1857, và vụ khiêu khích của chiến hạm Ca-ti-na là tháng 10-1856. Sau vụ khiêu khích của chiến hạm Ca-ti-na, bản thân Môn-ti-nhi cũng khiêu khích, khi ra về hắn còn hăm dọa sẽ trả thù bằng vũ lực, và lại trước khi Môn-ti-nhi đến Đà Nẵng thì, ngày 25-12-1856, tên Bộ trưởng Hoa-lết-ki[2] đã viết thơ cho tên công sứ Gờ-rô[3] (ở Trung Quốc) chỉ thị rằng hễ vụ bắn phá Quảng Châu xong thì đưa hải quân Pháp về Đà Nẵng mà hành động. Trong vụ này, đức cha Pen-lơ-ranh[4] từ Việt Nam về Pháp cố sức vận động thêm vào với Na-pô-lê-ông III, với cả hoàng hậu để nhà vua quyết tâm ra lệnh xâm lăng một nước mà Pen-lơ-ranh cho rằng hễ Pháp nổ súng thì dân đạo nổi lên ngay...

1. Hamelin.
2. Walewski.
3. Nhà xuất bản chưa tra được từ nguyên.
4. Pèllerin.

https://tieulun.hopto.org

Xong vụ Quảng Châu (5-1-1858) quân Anh - Pháp lại còn phải kéo lên phía bắc đánh các đồn ở Bột Hải, mãi đến tháng 6, ngày 27, thì chúng mới bắt Trung Quốc ký điều ước Thiên Tân với chúng.

Liền sau khi ký điều ước Thiên Tân, liên quân Pháp và Y Pha Nho với 14 chiến thuyền kéo thẳng về Đà Nẵng mà gây hấn 31-8-1858. Quân Pháp thì do Đô đốc R. đờ Gơ-nu-dy cầm đầu, quân Y Pha Nho thì do Đại tá Lăn-za-rốt[1] chỉ huy.

Như thế, ngay trong những năm đầu của lịch sử cận đại Việt Nam, chúng ta thấy rằng vận mạng của hai nước Trung - Việt gắn bó gần gũi với nhau; trong những điều kiện lịch sử mới này sự thất bại của Trung Quốc không thể không tai hại cho những nước láng giềng, cũng như mỗi cuộc cách mạng, mỗi sự thắng lợi của Trung Quốc không thể không khuyến khích cho nhân dân ở các xứ Viễn Đông trên đường đấu tranh để gìn giữ hay khôi phục độc lập.

3. Đà Nẵng; lực lượng hai bên

Đà Nẵng, cổ họng của kinh thành, ở cách Huế 100 cây số về phía đông nam. Đây là một hải cảng tương đối sâu rộng, thuyền bè ngoại quốc thường tới lui. Từ hàng trăm năm về trước, Đà Nẵng vẫn là một vị trí chiến lược quan trọng, đồng thời là hải cảng của một vùng Nam Ngãi giàu có. Thuyền lớn tàu to không vào cửa Thuận An được, mà vào Đà Nẵng dễ dàng. Năm 1857, trước những vụ khiêu khích của tư bản Pháp, một vị tổng đốc đã gửi lên nhà vua một đề nghị phải tăng cường phòng thủ Đà Nẵng bởi vì, theo vị ấy nếu địch gây hấn thì sẽ gây hấn trước hết tại Đà Nẵng.

"Nguy cơ là ở tại bến Đà Nẵng; bến Đà Nẵng rộng, tầu Tây đến dễ; lại có núi bao bọc, không sóng gió, dễ neo tầu. Người Tây thường vào đó, đậu lâu, không kể pháp luật triều đình. Hơn nữa, Đà Nẵng gần quốc lộ, gần làng mạc, gần kinh thành, Đà Nẵng là then chốt của nước ta, cho nên người Tây muốn chiếm lấy"[2].

1. Lanzarotte.
2. *Dương sự thủy mạt.*

Đà Nẵng được phòng thủ khá cẩn thận từ lâu, và từ 1857, sau vụ chiếc tầu chiến Ca-ti-na khiêu khích thì sự phòng thủ càng được tăng cường; số đại bác tăng lên 3 lần nhiều hơn trước. Trên bán đảo Sơn Trà, khắp mặt ngó vào cảng, đều có đồn lũy khá kiên cố và bố trí đại bác chĩa lòng xuống nơi tầu bè thường ra vào và bỏ neo. Tại cửa sông Đà Nẵng thì có hai đồn trấn thủ (đồn đông và đồn tây), quanh có nhiều chiến lũy chiến hào, có chuẩn bị đắp cản ngăn tàu địch và quân địch không cho chúng theo ngọn sông mà vào nội địa. Phía tây bắc của vịnh Đà Nẵng, đầu đường lên đèo Hải Vân, có hai đồn quan trọng, trên đèo có chất nhiều đá, đạn gang rất lớn để lăn xuống đèo ngăn địch trèo lên, bảo vệ đường về kinh thành. Phần nhiều đại bác theo kiểu đời Gia Long, súng, đạn, thuốc, đầy đủ mà triều đình mua của ngoại quốc (Anh, Hà, Ý, cả Pháp nữa). Theo lời của R. đờ Giơ-nu-dy thì đại bác ở Đà Nẵng có phần lớn hơn đại bác của hắn đã đụng phải ở Trung Quốc; ở Đà Nẵng đại bác dã chiến để trên những cỗ xe thích hợp với trận địa. Cả đại bác lẫn đạn đại bác thì rất nhiều; tên Đờ Lác-cơ-lô-zơ[1] gửi thư về Pháp đã nói: "Đạn dược của họ không biết bao nhiêu mà kể; nếu họ biết dùng thì họ đã đánh bại chúng tôi lâu rồi". Ở vùng Đà Nẵng, triều đình luôn luôn có 2.000 quân canh phòng. Khi địch đến chiếm Sơn Trà thì lại đem thêm 2.000 viện binh từ kinh đến nữa. Suốt thời gian đánh nhau, quân triều đình không lúc nào lên đến 5.000. Lời báo cáo của R. đờ Giơ-nu-dy rằng 10.000 quân tiếp viện ở Huế đến là một cách của hắn giải thích cho chính phủ bên Pháp tin vì sao hắn không tiến nổi vào nội địa, không kéo quân được lên Hải Vân quan thẳng vào Huế, chớ sự thật thì triều đình Huế không có nhiều quân đến thế.

Bên phía Pháp - Y Pha Nho thì có 14 chiếc tầu. Có những tầu lớn như chiếc tầu buồm Nê-mê-zít[2] với 50 khẩu đại bác; có những tầu hơi chân vịt, có 2.000 quân Pháp - Y Pha Nho và một số phu

1. De Larclauze.
2. Némésis.

https://tieulun.hopto.org

vận tải người Trung Quốc mà địch đã bắt ở Quảng Châu; về sau số quân Pháp - Y Pha Nho lên tới 3.000 người, trong ấy có một giám mục và hai cha thông thạo địa lý, chữ nho và tiếng Việt chuyên lo việc tư thông với các ổ do thám, việc giao thiệp với tay chân của địch ở nội địa.

Kế hoạch của địch là chớp nhoáng lấy cửa Đà Nẵng, căn cứ vào đó đánh vào nội địa, tiêu diệt sinh lực của triều đình, rồi qua đèo Hải Vân thẳng lên Huế. R. đờ Giơ-nu-dy là một tên tướng, 10 năm trước đã từng sinh sự với Việt Nam, sau lại đi đánh Nga ở Cơ-ri-mê, vừa mới cầm quân đánh Trung Quốc. Hắn được các giáo sĩ báo cáo trước rằng: không sợ ít quân, vài ngàn đã đủ để toàn thắng dễ dàng thôi, vì theo chúng, nhất là theo báo cáo của đức cha Pen-lơ-ranh, thì:

Hễ quân Pháp đổ bộ, dân đi đạo sẽ được các giáo sĩ hô hào nổi lên ủng hộ đông đúc để cùng với quân Pháp mà đánh triều đình.

Quân đội nhà vua ít thôi, chính quyền yếu ớt, nhân dân không ủng hộ chính quyền nhà vua, hễ Pháp đánh vào thì chính quyền ấy tức khắc đổ.

Khí hậu tốt, lương thực sẽ đầy đủ ở tại chỗ. Theo báo cáo của các giáo sĩ thì tất cả đều thuận lợi, làm nhỏ ăn to, lấy Đà Nẵng đánh thúc lên Huế bắt Tự Đức quy hàng, đánh mau thắng mau, không tốn nhiều mạng người, cũng không tốn nhiều thời giờ mà lại được đất rộng, dân đông, của cải lớn.

Chúng tính toán theo lòng tham lam vô hạn của chúng. Sự thật sẽ khác đi nhiều.

4. Địch đánh Đà Nẵng

Liên quân Pháp - Y Pha Nho đã đến chiều hôm trước và giàn trận; ấy thế mà quan trấn thủ Đà Nẵng Trần Hoằng, cứ án binh bất động, chờ lệnh triều đình (ở cách xa hàng 100 cây số, lại cách đèo, trạm chỉ dùng ngựa và chạy chân để xin mệnh lệnh).

Đại để ở chiến trường Đà Nẵng, chiến sự diễn biến như sau:

Hừng sáng ngày 1-9-1858 địch sai người đem thơ, buộc quan trấn thủ phải trả lời ngay trong 2 giờ; người đem thơ trở xuống tầu thì địch không chờ đến 2 giờ như nó hẹn, đã xả hàng trăm đại bác bắn lên các đồn, phá hại rất nhiều. Các đồn bắn trả lại, nhưng không làm hư hỏng tàu địch vì đạn thì nhiều, súng thì to, mà cả năm có mấy khi tập bắn? Điều lệnh của nhà vua đặt ra, mỗi năm tập có một lần, mỗi lần bắn ít phát đạn súng tay mà thôi. Gia dĩ phần lớn đạn là những đạn đặc ruột, không nổ, trúng ai nấy chết, không chết người kế bên. Địch tập trung hỏa lực vào các đồn trên Sơn Trà và trên của sông Đà Nẵng. Hôm đó đồn đông bị vỡ, hôm sau đồn tây sẽ bị đổ. Quân Pháp - Y Pha Nho bèn đổ bộ ngay lên bán đảo Sơn Trà lấy mấy đền An Hải và Điện Hải nội nhật ngày 1, chúng nó chiếm bán đảo làm căn cứ, tiến đến cửa sông Đà Nẵng. Quân triều đình lui ra sau lập phòng tuyến trước huyện Hòa Vang để ngăn địch vào nội địa, dời dân vào trong, không cho địch tiếp xúc với thôn xã.

Được tin mất Trà Sơn, Tự Đức một mặt sai Hữu quân Đô thống Lê Đình Lý và Tham tri Bộ Hộ Phan Khắc Thận đem 2.000 quân tiếp viện, mặt khác cách chức Trần Hoằng. Tham tri nội các Nguyễn Duy được bổ chức chỉ huy quân thứ tỉnh Quảng Nam. Đại quân của triều đình đóng ở xã Thị An, thuộc huyện Hòa Vang.

Liên quân Pháp - Y Pha Nho liền xông vào nội địa, gặp quân Việt ở xã Mỹ Thị. Ở đây quân Việt đắp phòng tuyến bằng ụ đất, rào tre, chắn gỗ. Địch phá ụ, nhổ rào. Tổng thống Lê Đình Lý đánh một trận khá lớn ở xã Cẩm Lệ, bị thương và và bị thua. Hồ Đức Tư giữ đồn Hóa Khuê lẽ phải tiếp cứu chia sức của địch, lại án binh bất động, nên liền bị bắt và cách chức... Thống chế Chu Phúc Minh lên thay Lê Đình Lý và Nguyễn Tri Phương được cử làm Tổng thống quân thứ Quảng Nam gấp rút chấn chỉnh quân chánh và thống nhất cầm binh chống giặc.

https://tieulun.hopto.org

Ngay lúc đầu, địch đã bị thiệt hại nặng nề, căn bản không phải vì súng của triều đình, mà chính vì phong thổ khí hậu. Một người trong trận, tên Bi-zăn-cua[1], ghi lại như sau: *"Có những khi binh lính đương đi thì ngừng lại như bị xây xẩm mặt mày... cảnh tượng buồn bã là lính ta sinh lực cùng cạn, đổ xuống đất nóng cháy, súng rời khỏi tay, tay không cầm được súng nữa"*.

5. *Địch bị chặn lại*

Nguyễn Tri Phương không chủ trương tấn công mà chủ trương bao vây địch ngoài mé biển, địch lan tới đâu thì toàn dân được lệnh tản cư vào nội địa để khỏi bị địch bắt làm lính hay bắt nộp quân lương, hay khỏi bị tiết lộ bí mật hành quân. Chiến thuật này có phần hiệu quả. Một sĩ quan Pháp gửi thơ về cho mẹ, viết:

"Đất mà chúng con chiếm được thì dân đều bỏ đi cả, trừ vài nhà tranh của người đánh cá - con chưa hề thấy một con gà!"[2].

Tháng 1, chiến thuyền nhỏ của địch vào sông Nại Hiên, bị Đào Trí và Nguyễn Duy phục kích bắn cho một trận phải chạy tháo ra biển. 8 thuyền giặc lại trở vào sông Nại Hiên bị Phúc Minh, Phan Khắc Thận, Nguyễn Duy bắn hư một số, địch phải rút lui một lần nữa.

Vào nội địa bằng bộ không được, bằng thuyền theo sông không được, địch bèn tìm cách đi vòng ngoài bờ bể vào, đổ bộ ở Nam Thọ, một ít thuyền nhỏ của chúng bị ta bắn hư, quân lính địch bị bắt và bị giết một số.

Địch tập trung quân đánh vào và chiếm lấy hai đồn Hóa Khuê và Nại Hiên; Nguyễn Triệu và Nguyễn Ngọc giữ hai thành đều tử trận; rồi sau một trận lớn trong đó hai bên đều tổn thất nhiều ở khoảng giữa Hóa Khuê, Thạc Gián, địch chiếm thành An Hải. Đó là vào cuối năm 1858. Địch được thế hơn chút ít nhưng chưa vào

1. Bizancourt.
2. *Les correspondances de De Larclauze.*

nội địa. Đầu năm 1859, địch chia quân vào đánh cả Thạc Gián và Nại Hiên, đều bị xô bật trở lại, không lấy được thêm đất, không tiêu diệt được quân chủ lực của Nguyễn Tri Phương. Tri Phương huy động quân và dân đắp lũy dài từ Hải Châu ngoài biển vào tới Phước Ninh, Thạc Gián, trước lũy thì đào hố chữ phẩm, cắm chông nhọn dưới hố, phủ cỏ rác trên mặt; quân Pháp chia ba cánh đánh vào lũy, bị phục binh chặn lại, chúng rơi xuống hố, bị bắt bị giết khá nhiều.

Cũng đầu năm 1859, chiến thuyền địch men vào Hải Châu, bị quân Hồ Uy bắn chìm ba chiếc thuyền nhỏ, ngày sau địch chia quân một lượt đánh ba đồn Hải Châu, cả ba đồn đều bị hãm. Phúc Minh lui về đồn lớn là đồn Phước Ninh mà cố thủ, quân của Nguyễn Duy đến tiếp cứu, đánh lui quân Pháp. Tuy giặc lui, quân ta bị tổn thất nhiều, nên Phúc Minh bị giáng chức và triệu hồi.

Sau 5 tháng chiến tranh, tướng Ri-gô và liên quân Pháp - Y Pha Nho chỉ chiếm được một hòn núi không người và vài làng ven biển không người; chúng không dám tiến sâu vào những nơi mà làn súng đại bác không yểm hộ được quân đổ bộ. Chúng mong chờ một cuộc nổi loạn của nhân dân Nam Ngãi theo lời hứa hẹn của giáo sĩ Pháp, mà không thấy ai nổi lên. Đi bắt thuyền chài ngoài biển, đi bắt dân dọc theo biển, địch gom góp được vài trăm để làm việc đào hào đắp lũy, xây trại. Địch đi đến đâu thì đốt phá. Đờ Lác-cơ-lô-zơ ghi lại trong một bức thư:

"Chúng ta đốt phá sạch sành sanh, làm thiệt hại cho họ vô kể, ấy thế mà họ không sợ, họ cũng không chịu điều đình"... "Nếu chiến tranh mà tiếp tục theo kiểu này thì nó sẽ kéo dài hàng trăm năm".

Trong lúc tiến thoái lưỡng nan ấy thì quân lính Pháp - Y Pha Nho bị đau ốm và chết chóc khá nhiều: sốt rét, thương hàn, kiết lỵ, cảm nặng. Ví dụ từ 1 đến 20-6-1859, riêng bệnh dịch tả giết 200 lính Pháp; một tiểu đoàn của trung đoàn 3 tới Đà Nẵng ngày 29-4

https://tieulun.hopto.org

thì đến 8-7 đã mất hết 1/3 quân số. Lớp thì bị gửi về Pháp, lớp lấy tầu làm nhà thương, lớp bị gửi sang nhà thương bên Ma Cao,

"Tất cả các điều ấy đáng buồn quá chừng! Nếu xem lại những điều mật báo của các cha cố về Đà Nẵng thì rõ là các cha cố ấy đánh lừa chúng ta! Họ là những người nói láo, đồ hèn quá!" - (Lác-cơ-lô-zơ)

Thức ăn rất khó tìm, thuốc men không đủ dùng, thỉnh thoảng bị quân Việt đến biệt kích, tỉa lẩn. Nếu đi vào xa ven biển xông đến nội địa thì gặp chiến lũy khá kiên cố. Trông mong ở các giáo sĩ và tín đồ khởi nghĩa? Không thấy gì:

"Họ chỉ giúp và đã giúp được bằng cách cung cấp người do thám và người phiên dịch"[1].

Ri-gô đờ Giơ-nu-dy, ngay từ lúc đầu đã có ý định đánh thốc lên Huế sau khi lấy Đà Nẵng. Hắn đã hứa với lính tráng là hễ lên Huế thì tha hồ mà lấy của vì Huế giàu có lắm! Nhưng, đường đèo nguy hiểm, đường sông lại cạn, cửa Thuận phòng thủ khá, quân Pháp không dám rời xa tầm đại bác của chiến thuyền. Quân Pháp bị tiêu hao nên thối chí.

Nhiều cha cố lúc ấy và về sau công kích Ri-gô, bảo rằng ví phỏng Ri-gô đánh thẳng vào Huế thì Huế bị thua ngay, không hao tổn người và của, không mất bao lâu năm khó nhọc. Ri-gô không dám liều lĩnh; dễ hiểu tại sao. Năm 1859, Pháp vướng vào cuộc chiến tranh ở Ý, tất cả hải quân Pháp tập trung ở Địa Trung Hải. Viện binh nhỏ giọt qua Đà Nẵng. Thì với vài ba nghìn quân, toan đến Huế lấy Huế, hẳn là một việc phiêu lưu, điên cuồng.

Ri-gô đờ Giơ-nu-dy lo lắng vô cùng, nên có mấy hàng gởi về Pháp:

"Chính phủ bị đánh lừa về bản chất của cuộc đi đánh lấy nước Nam Kỳ (Việt Nam); người ta trình bầy rằng việc viễn chinh này chỉ là một việc dễ dàng thôi, nho nhỏ thôi; thực ra, nó không dễ, cũng không nhỏ. Người ta báo tin cho chính phủ rằng ở đây có nhiều tài

1. Cultru, *Histoire de la Cochinchine française*, tr. 65.

nguyên lắm; thực ra không có nhiều như thế đâu! Người ta lại báo tin cho chính phủ rằng dân chúng sẽ nổi lên hưởng ứng; thật ra lòng dân đã không phải như thế, lại còn trái hẳn lại với sự dự đoán đó. Người ta báo cáo rằng chính quyền (triều đình Huế) yếu ớt và không bình tĩnh; ngược lại chính quyền ấy vững và mạnh. Người ta báo cáo rằng quân đội (Việt) không có gì; sự thật thì quân đội chánh quy rất đông, còn dân quân thì gồm tất cả những người dân nào không đau ốm và không tàn tật. Người ta tán dương rằng khí hậu rất tốt: té ra khí hậu rất xấu.

Trên bộ thì không thể hành quân lớn được, dù là chỉ hành quân ngăn ngắn mà thôi; binh lính không chịu đựng nổi. Xứ này không có đường cái lớn mà chằng chịt những ruộng nương. Muốn đến Huế cũng như khắp mọi nơi phải đi bằng đường thủy, bằng đường sông mà sông thì cạn. Đi mút một đoạn đường thì sẽ đụng phải một thành lũy kiến trúc theo kiểu Âu châu được vũ trang mạnh mẽ bằng pháo binh và có một đạo quân bao bọc"[1].

Trong đoạn trích lục này, chúng ta hãy chú ý nhất đến câu *"dân quân thì gồm tất cả những người dân nào không đau ốm và không tàn tật"*; sự thật ấy chứng minh rằng ngay từ lúc mới nổ phát súng đầu tiên, nhân dân ta vùng dậy kháng chiến; với lực lượng ấy, nếu nhà cầm quyền chí quyết kháng chiến thì không thể nào mất nước được, dù rằng vũ khí kém, tiền tài ít. Nếu về sau mà địch lấn lượt được, ấy không phải tại nhân dân cũng không phải tại ít súng đạn mà tại triều đình do dự, thoái chí, đầu hàng.

Chính bọn Pháp lúc ấy, sau nhiều đợt tấn công, đã phải thừa nhận hai điều quan trọng; Một là *"người Annam đã trở thành những người đánh giặc rất can đảm, họ thối lui từng bước một mà không dễ gì bắt được họ"* (Lác-cơ-lô-zơ, tr. 84); Vũ khí mạnh không còn uy hiếp được như lúc đầu nữa. Hai là phòng tuyến rất kiên cố, và càng lúc càng vững.

1. Thomazi, *Conquête de l'I.C*, trích lục, tr. 31 - 32.

https://tieulun.hopto.org

R. đờ Giơ-nu-dy nghĩ một kế hoạch khác, khác hơn là kế hoạch lấy Đà Nẵng, tiêu diệt sinh lực Việt, song không phải là kéo thẳng lên Huế bắt Tự Đức đầu hàng.

Giám mục Pen-lơ-ranh (lúc bấy giờ là kẻ phụ trách tất cả công giáo ở Việt Nam) khuyên Ri-gô tiến binh ra Bắc Kỳ. Pen-lơ-ranh nói rằng ở Bắc có hơn 40 vạn người công giáo (ông ta tăng con số ấy lên cốt để khuyến khích chính sách xâm lăng) sẵn sàng hưởng ứng, hễ đổ bộ lên thì tức khắc có thêm hàng vạn quân tình nguyện, được tiếp tế đầy đủ, nội địa nổi lên, triều đình phải đối phó không thể rảnh tay ngăn cản quân Pháp đổ bộ. Pen-lơ-ranh cũng nói rằng ở đất Bắc có bè đảng tên Phụng dòng dõi vua Lê, được nhiều thân sĩ và dân chúng ủng hộ chống nhà Nguyễn, quân Pháp đổ bộ lên Bắc, giúp Phụng đánh triều đình thì việc đặt bảo hộ dễ như trở bàn tay, đã không tốn hao mấy lại có danh nghĩa. Sự thật thì Phụng là tay sai của Pháp, một người cộng tác với giặc, một tên mật thám dưới quyền điều khiển của Pen-lơ-ranh; hắn lấy danh phù Lê diệt Nguyễn để chia phần lực lượng của triều đình.

Lời của cha Pen-lơ-ranh nghe cũng dễ thèm thuồng nhưng Ri-gô bản thân kinh nghiệm từ mấy tháng nay: người Việt Nam theo công giáo không phải là theo Pháp, thân Pháp, không phải là kẻ sẵn sàng bán nước. Hai chiến thuyền Pơ-ri-mô-ghê[1] và Pơ-rê-zăng[2] được phái đi ra Bắc xem xét tình hình, về báo cáo rằng tình hình không phải thuận lợi như Pen-lơ-ranh tô điểm. Và lại đất Bắc gần Trung Quốc, Trung Quốc có thể can thiệp. Trung Quốc can thiệp sẽ sinh đánh lớn trên bộ, quân Pháp - Y Pha Nho không đủ để đối phó. Hơn nữa, vào đầu năm gió còn thổi từ Bắc xuống Nam, thuyền ngược lên rất khó, số lớn tàu Pháp bấy giờ còn là tầu buồm rất to, chưa phải tất cả là tàu máy, nên ngược gió mùa là điều rất khó.

1. Primauguet.
2. Nhà xuất bản chưa tra được từ nguyên.

Vì những lẽ ấy R. đờ Giơ-nu-dy không chịu đánh miền Bắc. Vào Nam, theo hắn, có hy vọng hơn; vì: sông Sài Gòn sâu, tầu lớn vào được; gió mùa thuận lợi; Sài Gòn xa Huế, càng xa Trung Quốc, sự tiếp viện sẽ khó khăn, nhất là khi quân triều đình còn phải đối phó với quân Pháp để lại ở Đà Nẵng; Sài Gòn và Nam Kỳ là nơi sản xuất nhiều lúa gạo, lúa gạo đó triều đình Huế đem ra tiếp tế cho kinh đô và Trung Bắc; chiếm Sài Gòn là cắt sự tiếp tế ấy, tức là ép buộc triều đình Huế vì thiếu gạo mà phải cắt đất quy hàng. Đó là thâm ý là kế hoạch mới của Pháp.

R. đờ Giơ-nu-dy báo cáo về Pháp như sau đây:

"Sài Gòn nằm trên con sông mà tầu chiến và tầu chở của ta đi đến được, quân đổ bộ lên là đúng ngay chỗ phải tấn công, không cần đi xa, không cần mang gói mang lương, sức ta làm nổi việc này. Tôi không cần biết Sài Gòn có được phòng thủ mạnh hay yếu, báo cáo của các cố thật là mù mờ mâu thuẫn. Dù sao Sài Gòn cũng là vựa lúa cung cấp một phần lương thực cho Huế, cho quân đội Annam, mỗi năm đến tháng 3 thì phải chở lúa ra Bắc. Chúng ta sẽ cắt đường tiếp tế ấy".

và:

"Khí hậu các tỉnh này tương đối tốt, đất thì màu mỡ, nuôi được dân địa phương và sản xuất có thừa để bán đi Trung Quốc nữa. Dân công giáo chung quanh Sài Gòn có thể làm trợ thủ đắc lực; sông rạch chằng chịt khắp xứ làm cho sự hành binh và sự lưu thông thương mại dễ dàng"[1].

Tạp chí này lại nói thêm rằng, lấy được Sài Gòn thì nhờ Sài Gòn, nhờ sông Cửu Long mà lên lấy Khơ-me, lấy cả nước Xiêm nữa.

Lúc bấy giờ, cũng là lúc mà nước Anh sau khi chiếm Sinh-ga-po[2] và Hương Cảng, được nhiều thương gia của họ yêu cầu chiếm luôn Sài Gòn là giữa đường của hai hải cảng quan trọng kia. Ri-gô

1. *Revue maritime et Coloniale*, 1862.
2. Singapore.

https://tieulun.hopto.org

biết như vậy nên càng không để mất nhiều thì giờ; hắn để lại một số quân nhỏ ở Đà Nẵng đặng cầm chân đại quân của triều đình Huế, còn bao nhiêu quân thì hắn đưa vào Nam xâm chiếm thành Gia Định.

II. THÀNH GIA ĐỊNH THẤT THỦ

1. Địch vào sông Bến Nghé

Sau 5 tháng chiến tranh vô hy vọng ở Đà Nẵng, R. đờ Giơ-nu-dy để lại một số ít tầu bè và quân lính ở đó, còn bao nhiêu thì thuận mùa gió, thừa mùa khô, kéo 2.200 quân sĩ Pháp - Y Pha Nho vào Gia Định. Triều đình Huế không hề hay biết kế hoạch hành binh của giặc ở Đà Nẵng, triều đình vẫn án binh bất động, đánh lẻ tẻ, đánh nho nhỏ, không cầm chân được nhiều địch, mà địch lại cầm chân nhiều quân chính quy của triều đình.

Ngày 9-2-1859 quân Pháp hội họp ở Vũng Tàu 20 chiếc chiến thuyền, trong số đó có 4 tầu buôn chở tiếp tế tới đúng hẹn.

Ngày 10, chúng công phá ngay pháo đài Phúc Thắng ở núi Lại Sơn (Gành Rái), lúc ấy thuộc tỉnh Biên Hòa nay thuộc Bà Rịa và tiếp bắn vỡ các thành xây bằng đất là Lương Thiện - phía Biên Hòa - và Phúc Mỹ, Danh Nghĩa - phía Gia Định -; mấy pháo đài và thành đất này phòng vệ bến Gành Rái và đường thủy vào Gia Định. 20 chiến thuyền giặc nối nhau vào sông Cần Giờ, vừa tiến vừa bắn phá các đồn ở hai bên bờ sông là Hữu Định, Tam Kỳ, Bình Khánh, Phú Mỹ, Hữu Bình, những thành này đều thuộc tỉnh Gia Định và xây dựng ở những đoạn cong của dòng sông. Ta còn nhớ rằng Trịnh Hoài Đức nói về địa thế vùng Đồng Nai có viết: *"Nói tóm lại, đất Gia Định có núi sông có thể trở thành vị trí quân sự rất mạnh mẽ"*.

Từ Cần Giờ vào đến gần thành Gia Định (tức Sài Gòn) địch phải mất 6 ngày, hạ tất cả là 12 đồn và 3 chiếc cản trên sông (đóng cọc ngăn tầu nhưng không đắp đất, nước vẫn chảy) những cản ấy

được xây dựng trước những nơi có đồn lũy, đại bác trên đồn bắn địch khi địch bị cản chặn lại và khi địch đến nhổ cọc; những chiếc cản làm chậm sức tiến của địch. R. đờ Giơ-nu-dy ghi lại:

"Người Annam chống cự mạnh, họ bắn súng khá; chiếc tầu Dra-gonne bị 3 quả đại bác; chiếc Avalanche bị 7 quả".

Mỗi khi quân Việt rút lui khỏi một đồn thì người Pháp lên phá tan đồn ấy, đánh vỡ đại bác của đồn hoặc khiêng bỏ xuống lòng sông, phá ụ đất, đốt hàng rào tre gỗ; chúng làm như thế vì chúng không đủ quân số để đóng dọc theo sông, và vì chúng có ý không để quân Việt chiếm dùng trở lại, sợ khi Pháp vào sâu trong nội địa thì đường sông có thể bị quân Nam đóng lại. Ấy thế mà từ đó về sau không thấy quan quân triều đình tìm cách khóa đường ra vào huyết mạch của địch dài 50 cây số qua những vùng rừng sác rậm rì.

Bấy giờ quan trấn thủ thành Gia Định là Vũ Huy Ninh. Ninh thiếu phòng bị. Ít tập trung quân; Ninh liền báo nhanh đi các tỉnh đem quân đến cứu viện. Mãi về sau thì triều đình mới hay tin Pháp vào miền Nam, nhà vua xuống dụ hô hào ứng nghĩa, tổ chức huấn luyện hương dũng để phòng bị, chứ không chịu cấp tốc gởi quân trung ương đến.

Dưới dòng nước, trước khi vào tới Gia Định thì ngoài ngã ba sông Tàu Hũ (nối liền Chợ Lớn - Gia Định) - có hai pháo đài của ụ hữu binh ở hai bên bờ sông Bến Nghé án ngữ, (tức Xóm Chiếu và Thủ Thiêm), đủ đại bác. Dưới sông thì có đóng cọc, có những thuyền cột lại với nhau chở đầy thuốc súng và rơm để phòng đánh hỏa công. Hạm đội của địch vừa đến thì hai pháo đài này bắn liền. Pháp - Việt đấu pháo suốt chiều 15. Địch thừa đêm, đêm ấy cũng là đêm rằm, đưa ca-nô đến nhổ cọc phá cảng. Sáng 16, bảy chiếc chiến hạm địch giàn trận, 4 trước, 3 sau, cách pháo đài chừng 800 thước, bắn đại bác dữ dội lên đồn. Quân Việt kháng cự mạnh, nhưng pháo ta bắn ít trúng; tiếng đại bác của ta lần lần thưa, thì địch đổ bộ chiếm hai pháo đài giữ cửa trực tiếp cho thành Gia Định.

https://tieulun.hopto.org

Thuyền địch vào đậu ngay trước thành, vào cả rạch Thị Nghè để điều tra sự phòng thủ ở mạn bắc thành phố.

2. Thành Gia Định bị hãm

Sông Bến Nghé không rộng lớn; ấy thế mà nó là con sông sâu nhất Việt Nam, tàu bè lớn vào ra dễ dàng nhất, không bị bãi cát cồn bùn nào ngăn trở như sông Thương hay Hồng Hà. Cách bể 50 cây số, là thành Gia Định ở hữu ngạn, dựa một cái đồi hơi cao mà hiện nay nếu người ta chú ý lắm mới còn thấy di tích (bởi vì người Pháp đã cho ban cái ngọn đồi xuống, lấp các vũng dựa mé sông và các chiến hào để xây thành phố).

Thành Gia Định lúc bấy giờ đắp ở khoảng phía nam rạch Thị Nghè cách sông Bến Nghé chừng 800 thước. Lúc Nguyễn Ánh chiếm được Nam Kỳ thì Gia Định là thủ đô của phe Nguyễn Ánh, có một thành rất kiên cố xây dựng với kỹ sư Pháp, theo kiểu Vô-băng[1] và thành phố đông đảo trên 10 vạn dân. Đến khi Lê Văn Khôi nổi lên chiếm lấy thành này, rồi thất bại, thì thành Gia Định cũ bị triều đình phá đi, chỉ còn di tích thôi. Từ Minh Mạng (từ 1837) thì xây lại thành mới[2]. Hiện giờ hãy còn những chiến hào sót lại. Thành mới này nhỏ hơn và ở gần sông Bến Nghé hơn là thành cũ; nó vuông vức mỗi bề 475 thước, tường (?) rất cao làm bằng đá ong, gạch, đất. Ngoài sông Bến Nghé ngó lên thì không ngó thấy thành, cây cối và nhà dân che lấp cả chỉ trông thấy cửa thành, cột cờ và một ít kho tàng. Dọc theo bờ sông Bến Nghé và rạch Tàu Hũ thì hai đường đông nghịt nhà cửa bằng gỗ, lá hay gạch ngói; trung tâm đông đúc là Chợ Sỏi (cầu Ông Lãnh hiện nay); dưới sông thì hàng nghìn ghe thuyền lớn và nhỏ. Ngoài vùng dọc sông rạch đó thì nhiều hào vũng, làng mạc, bên trong, công sở ở trên đồi quanh Trường Thi và trong thành.

1. Vauban.
2. Malleret, *Eléments d'une monographie des anciennes fortifications et citadelles de Saigon*, Bulletin de la S.E.I, 1935, planche XVIII.

Bến Nghé là thương cảng của lục tỉnh từ ngày phố Chợ Lớn thành lập khi Mạc Cửu chống Xiêm, người Hoa kiều tập trung về Gia Định để được bảo vệ, cách thành 6 cây số về phía tây nam.

Lúc Pháp đến đánh thì trong thành Gia Định chỉ có hơn một nghìn quân thủ thành; trong thành có đủ khí giới lương thực cho 10 nghìn quân đóng giữ trong một năm. Điều đó chứng tỏ rằng triều đình thờ ơ với sự phòng vệ, mặc dầu 5, 6 tháng nay địch đánh Đà Nẵng, và từ hơn tuần nay địch vào Cần Giờ liên tiếp.

Sáng 17, chiến thuyền địch tập trung hỏa lực bắn vào thành càng lúc càng hung hãn; bên ta bắn trở lại, càng lâu càng thưa, bắn chỉ trúng cột buồm tàu địch, không bắn chìm được tàu địch. Đến trưa, thủy quân lục chiến Pháp - Y Pha Nho đổ bộ, tập trung hỏa lực vào góc đông nam thành mà đánh, cố phá thủng góc ấy cũng là góc mà bên ta bố trí nhiều đại bác nhất bởi vì đó là nơi gần bến tầu nhất. Quân địch đem nhiều thuốc nổ đến đánh vào cửa thành, dùng thang tre leo lên thành. Hai bên đánh giáp lá cà dữ dội đến gần đứng bóng thì quan trấn thủ ra lệnh rút quân, bỏ lại trong thành 200 súng đại bác bằng đồng hay bằng gang, 20.000 vũ khí các loại, 86.000 kilô thuốc súng và một số lúa gạo đủ nuôi hàng vạn quân trong cả năm, chín chiến thuyền đã đóng và đương đóng ở dưới ụ (ụ đóng tầu ở trên rạch Thị Nghè, phía hữu, gần đầu cầu Thị Nghè hiện giờ). Tính tất cả theo thời giá là 20 triệu quan.

Quyền Đề đốc Trần Tri, Bố chính Vũ Thực, Lãnh binh Tôn Thất Năng lui quân vào đóng ở thành đất Tây Thái thuộc huyện Bình Lục tỉnh Gia Định; còn đốc thần Vũ Duy Ninh, kẻ có trách nhiệm chính trong sự thất thủ Gia Định, thì chạy vào huyện Phúc Lộc, thắt cổ ở thôn Phúc Lý; Án sát Lê Từ cũng tự vẫn sau đó, bắt đầu một chuỗi tự sát của bầy tôi bất lực của một triều đình bất lực. Triều đình luôn luôn thưởng phạt bất công mà không biết cái khó của bầy tôi, cho nên bầy tôi nơm nớp sợ; bầy tôi sợ đắc tội với triều đình mà không biết trách nhiệm đối với quốc dân.

https://tieulun.hopto.org

Tổng đốc Long Tường (Định Tường - Vĩnh Long), là Trương Văn Uyển hội binh thuyền ở Vĩnh Long, kéo bộ binh lên Gia Định để ứng viện, và đem sự tình cấp tấu với triều đình. Tự Đức sai Hộ bộ Thượng thư Tôn Thất Cáp làm Thống đốc đại thần và Bố chính Nam Nghĩa là Phan Tĩnh làm Tham tán, vào Gia Định mà tiễu trừ giặc Pháp. Cáp và Tĩnh trưng thêm quân ở Bình Định, Khánh Hòa và Bình Thuận, mỗi tỉnh 500 người, lần lượt kéo vào Biên Hòa. Tất cả lực lượng quân chính quy ở Nam Kỳ là do Cáp và Uyển chỉ huy, tùy tiện mà quyết định vì xa xôi với kinh thành không luôn hỏi chỉ thị được.

Trương Văn Uyển cấp tốc đem 1.800 quân Vĩnh Long kết hợp với Lê Đình Đức đem 800 quân Định Tường lên đóng ở lũy Lào Sầm, chùa Mai Sơn, sát phía tây nam Chợ Lớn (tức là đồn Cây Mai hiện giờ); mới hạ trại thì bị quân địch đến đột kích, Uyển bị thương lui binh và Đức chạy một mạch về Vĩnh Long cách Sài Gòn 150 cây số (!!) Uyển bị giáng chức, Đức bị cách chức.

Quân chính quy của triều đình lúc này ở quanh Gia Định không quá một ngàn, sở dĩ địch không lan ra được, ấy là một phần vì địch ít quân, phần căn bản vì nhân dân sôi sục căm thù, tự động tổ chức thành đội ngũ mà đánh giặc ngay từ lúc giặc mới đặt chân lên đất. Những người chí sĩ đất Gia Định như Trần Thiện Chính (trước là Tri huyện bị triều đình cách chức) và Lê Huy (trước là quân nhân bị thải hồi) tụ họp dân dũng được 5.800 người, vận động đồng bào góp tiền, góp thóc, cương quyết đánh giặc. Nhờ đạo nghĩa quân này yểm hộ mà lúc Tây mới vào sát thành Gia Định, Trần Tri đã yên toàn rút quân về ụ Tây Thái. Đó là lần đầu tiên ở Nam Kỳ mà quần chúng anh dũng tham gia kháng chiến và kháng chiến mạnh hơn quân triều đình, khiến địch chiếm thành mà lan ra không được, luôn luôn bị đánh bất ngờ. Quân và dân ta nhiều lần toan đốt kho thuốc súng. Chiều nào ở thành phố cũng có những đám hỏa hoạn, ấy là hoặc địch đốt phá, hoặc nhân dân tự tay thiêu hủy nhà cửa bỏ đi, không chịu ở với giặc.

"Nơi mà trước kia có 40 làng, hồi 1859, nay chỉ còn có một làng gọi là Chợ Quán giữa thành và Chợ Lớn, kỳ dư là bị phá tan rồi"[1].

Các cha cố ra sức khuyên dụ dân ở lại nhưng vô hiệu:

"Than ôi! Ở đây cũng như ở Đà Nẵng, ảnh hưởng của các cha là O (un mythe); các lão này thật là xảo quyệt, vô ích, không giúp đỡ được gì cho tốt"[2].

3. Quân Pháp tiến thoái lưỡng nan

Ri-gô đờ Giơ-nu-dy lúng túng, báo cáo về Pháp:

"Sự chiếm giữ một thành quách rộng lớn như thành này đòi hỏi phải có một đạo quân trấn thủ, mà quân số ít ỏi hiện có không cung cấp nổi, và đòi hỏi một sự trang bị bằng đại bác và thủy binh mà ta cũng không đủ sức cung cấp. Hơn nữa, nếu đóng giữ lấy thành thì ta bị lôi kéo vào những cuộc hành binh liên tiếp trên bộ mà phương tiện thủy quân của ta không cho phép".

Cho nên trước tình thế khó khăn đó, ngày 8-3-1859, Ri-gô ra lệnh đặt 32 ổ thuốc súng mà phá tung vách thành Gia Định đốt hết kho tàng trong thành, lúa gạo ngùn ngụt cháy tới hai năm sau chưa dứt khói lửa.

"Hai mươi bốn tháng không làm tắt được đám cháy này. Những hạt gạo, ở nhiều nơi, hãy còn giữ hình thù như cũ; gió đến hay đụng nhẹ vào thì nó bay như tro bụi. Một truyền thuyết nói rằng nhiều của cải vàng bạc bị chôn vùi dưới đống lửa này"[3].

Quân dân ta bao vây địch càng nghiêm ngặt. Địch ở dưới tầu, chỉ đóng một đồn trên bờ sông. Khắp lục tỉnh nhân dân ứng nghĩa mộ binh, các cố đạo báo cáo tình thế. Ri-gô viết thêm thơ về Pháp, tỏ sự lo ngại:

1. Cultu, *Histoire de la Cochinchine*, tr. 272.
2. *Corespondance de De Larclauze*, tr. 68.
3. De Barrière, *Histoire de l'expédition de Cochinchine*.

https://tieulun.hopto.org

"Bây giờ tôi không thể nói được là đến chừng nào và bằng cách nào mà vấn đề Nam Kỳ sẽ chấm dứt; tôi cũng không biết rằng triển vọng nào sẽ đem lại một sự giải quyết. Nhưng nếu Đà Nẵng là một vị trí quân sự có lợi thì Sài Gòn là nơi có thể trở thành một trung tâm thương mại lớn lao khi thương cảng sẽ khai phóng cho người Âu châu lui tới. Xứ này rất giầu có, có đủ mọi sản vật, con sông Sài Gòn nối liền với nội địa phong phú tài nguyên vô kể ít nhất là để xuất cảng. Nếu tôi có lực lượng nhiều hơn thì tôi đã giữ mà không phá thành lũy và thị trấn. Nhưng không được...".

4. Địch trở ra tiếp viện cho chúng ở Đà Nẵng. Chiến sự tiếp diễn quanh Sài Gòn

Phá xong thành Gia Định, Ri-gô rút quân xuống tầu, đậu tầu ở hạ lưu ụ Hữu Bình (tức là xóm Chiếu) sửa chữa lại các pháo đài phía hữu ngạn mà chúng đã bắn vỡ mấy lúc trước; hắn đóng hai đại đội binh ở đó để phòng vệ cho bốn chiếc tầu, tất cả do Jô-rê-guy-be-ri[1] cầm đầu; còn bao nhiêu thì Ri-gô cùng với hai tầu mới tới nữa tất cả là 3.000 quân (trong đó có 1.000 quân Y Pha Nho) cấp tốc kéo lên tiếp viện cho quân hắn bị nguy khốn ở Đà Nẵng.

Quân Pháp ở Đà Nẵng đã ít lại đau ốm nhiều, được tiếp tế thất thường, khó cầm cự lâu dài được, van xin cầu cứu.

Lúc ấy cũng là lúc mà Âu châu, chiến tranh ở Ý bắt đầu giữa Pháp và Áo. Ngày 29-4-1859, quân Áo vào bắc Ý, cũng ngày ấy, quân Pháp can thiệp, đưa qua Ý hàng chục vạn quân.

Hơn nữa, lúc ấy lại là lúc mà hạm đội liên minh Anh Pháp bị Trung Quốc đánh bại khá đau trên sông Bạch Hà bắt buộc Pháp phải dồn thêm tầu, đổ thêm quân vào đó, khó bề tăng viện được bao nhiêu cho Ri-gô ở Việt Nam.

1. Jauréguiberry.

Riêng cái thời tiết cũng đã là kẻ địch khá nguy hiểm của quân Pháp đóng tại bán đảo Sơn Trà. Đấy là nơi mưa nhiều nhất ở Việt Nam. Quân Pháp, kẻ nào thoát gươm súng thì bị ốm đau; các tầu chở địch trở thành bệnh viện, trên bộ thì ốm đau, còn hơn ở dưới tầu; doanh trại chỉ là những túp lều vải trên bãi cát, mãi đến tháng 4 năm 1859 địch mới có những trại gỗ che mưa che nắng; thuốc men, rượu thịt đều thiếu, thiếu cả quần áo, nhất là thiếu tinh thần chiến đấu; lúc trước võ quan và cố đạo hứa hẹn một cuộc "đi dạo quân sự", bây giờ chiến tranh ì ạch kéo dài, dài đến chừng nào?

Ấy thế mà triều đình làm như không hay biết gì về địch tình; cứ một mực bao vây; vừa bao vây vừa thương thuyết với địch, vừa xây đồn lũy, đào hầm nối liền các đồn, tuyệt nhiên không tấn công địch. Nếu lúc ấy mà tập trung quân đông đảo 10 lần hơn địch, tấn công quả quyết thì nhất định địch bị đánh bật ra khỏi Đà Nẵng, Sài Gòn và cái cơ hội chỉnh đốn lại lực lượng, duy tân xứ sở hãy còn có nhiều thì giờ rộng rãi.

Ngược lại thì quân triều đình chỉ chờ Pháp ra đánh thì mới đánh lại; ví dụ như ở Gia Định, 21 tháng 4, Jô-rê-guy-be-ri ra đánh đồn Phú Thọ mà Tôn Thất Cáp mới đắp, quân ta chém, bắn giặc khá nhiều (bị thương cả một trung dội trong đó có 3 sĩ quan); địch tuy có chiếm được đồn giữa nhưng rồi sau hai đợt tấn công thất bại, chúng rút về cố thủ ở bờ sông.

"Một sự tổn thất như thế là quá cao, cho nên không thể nghĩ đến việc xuất quân nữa"[1].

Ở Đà Nẵng, được tin cuộc thất bại đó, Ri-gô và bè lũ vừa bực dọc, vừa lo ngại:

"Tin thất bại ấy làm chúng tôi buồn rầu, nhất là vì bấy lâu nay chúng tôi quen thắng, quen thắng dễ... Việc này mở mắt chúng tôi,

1. Bizancourt, *Campagne de Chine et de Cochinchine*, tr. 81 - 82.

https://tieulun.hopto.org

và từ nay chúng tôi sẽ bớt chơi với lửa để khỏi phỏng tay nhiều như thế"[1].

Ở Đà Nẵng, ngày 8-5-1859, giặc phạm vào Thạch Than, đồn Thượng và đồn Hạ Hải Châu, bị Phạm Gia Vĩnh đem quân nghĩa dũng và Nguyễn Song Thanh, Đào Thị đem quân chính quy đánh chúng chạy về Sơn Trà, tinh thần tan vỡ.

Ri-gô muốn trấn tĩnh quân tâm, bèn mở cuộc tấn công lớn với tất cả lực lượng hải lục, ngày 8-5-1859, nó đánh vào Điện Hải, bức đồn Phước Ninh, Thạc Gián, tiến vào Duy Xuyên. Quân triều đình lui về cố thủ ở Nại Hiên, Liên Trì. Nhưng địch cũng bị tổn thất nặng; địch có tạm chiếm được một số phòng tuyến tiền tiến, nhưng rồi phải vội vã rút về vị trí cũ.

"Người Annam tôn trọng kẻ chết còn hơn ta; nếu không mang được xác đi thì họ gấp rút chôn dưới cát". - (Bi-zăn-cua)

Đó là trận lớn nhất từ trước đến giờ ở Đà Nẵng. Trong trận này, theo lời thuật của Bi-zăn-cua, phe Pháp - Y Pha Nho tổn thất trên 100 người. La-cơ-lô-dơ thuật rằng hắn bị bắn rất dữ mà từ lúc lên Đà Nẵng chưa hề bị rát như thế. Quân ta quen dần với cách đánh mà mấy tháng trước ta hãy còn bỡ ngỡ.

"Nhưng mà trong những cuộc hành quân rất hao tổn ấy, một trận đầu ta (Pháp) mất 78 người; trận sau mất 50; những cuộc hành quân quá tổn thất cho đạo quân viễn chinh chứng tỏ rằng người Annam biết dùng tre, phên mà xây dựng những đồn lũy rất nguy hiểm và biết chiến đấu ở trong đó rất oanh liệt"[2].

Quân Pháp lâm vào thế rất khó xử. Chiến tranh với Áo ở Âu châu đương dữ dội. Ở Đông phương, có tin đồn Anh - Pháp có thể sắp khai chiến với nhau. Pháp ở Đà Nẵng có thể bị tiêu diệt trong chốc lát bởi hải quân Anh mạnh hơn. Tháng 6, tháng 7, hai bên

1. Bizancourt, *Campagne de Chine et de Cochinchine*, tr. 81 - 82.
2. Thomazi, *La conquête de l'I.C*, tr. 3.

Pháp - Việt gặp nhau luôn ở giữa hai phòng tuyến, tiếng súng đã bặt hẳn.

5. Triều đình do dự, không có đường lối chính sách

Tại triều đình, trong Viện Cơ mật, ý kiến chủ hòa, ý kiến chủ chiến, ý kiến không hòa không chiến, vô số ý kiến xung đột nhau.

Nhóm Trương Đăng Quế, Phan Thanh Giản, Lưu Lượng thì chủ trương rằng:

"Chiến không bằng hòa, nhưng phải cố thủ rồi sau mới bàn. Kẻ địch vốn cậy thuyền bền súng mạnh làm sở trường; họ ở ngoài sóng gió mặt bể, thế ta khó thắng với họ. Thượng kế bây giờ nên lấy giữ (thủ) làm chính; giữ vững rồi sau mới có thể nói đánh, cũng có thể nói đến hòa. Bằng không trước lo việc giữ thì đánh cũng không được mà hòa cũng không xong"[1].

Đó là ý kiến thủ để hòa của Viện Cơ mật.

Một số đông đình thần cũng chủ trương giống như vậy, đó là đám Trần Văn Trung, Chu Phúc Minh, Lâm Duy Hiệp, Phan Huy Vịnh, Phạm Chí Hương, Nguyễn Xuân Hân, Nguyễn Hữu Thành, Lê Đức, Võ Xuân Hãn. Họ nói:

"Chống giặc duy thủ là hơn, lại nên nuôi sức chọn thời châm chước đối phó; thói quen nước họ thường hay đem quân đi khiêu khích nước ngoài; chống lại mà thắng họ thì họ dùng quân liên miên, kết nhiều tai vạ; thua họ thì họ trịch thượng đòi trái khoản bồi thường vô biên cho no cái sở dục của họ mới thôi. Họ và ta vốn không gần nhau không thể thôn tính nhau. Chuyến này chúng đến chẳng qua là vì lợi. Xét ra địch muốn đánh mau thì có lợi cho chúng; nay đã đắc chí ở Trà Sơn, lại đắc chí ở Gia Định, vậy ta phải làm cái bình thế kéo dài. Và gần đây, có việc đưa thư, tuy trong thư nói gì chưa dịch ra, nhưng trộm lấy ngu ý mà suy, đại yếu chẳng qua hai thuyết; một là muốn lập phố xá ở Trà Sơn; hai là tung người nước

1. *Dương sự thủy mạt.*

https://tieulun.hopto.org

họ vào truyền tà giáo, thu tô lấy lợi. Đó là những điều mà ta không cho. Do thế mới vô cớ gây sự mong cho được hẳn. Và thuyền, súng họ đều sở trường. Người Thanh cũng bảo rằng ở những đất bến tầu đậu ngoài men biển, khó mà tranh thắng với họ. Nay muốn quyết chiến với họ, chưa thấy cái cơ tất thắng mà vạn nhất sai đi lại thêm hoang mang. Lấy chủ đợi khách, nên dùng kế trì cửu để đợi cho họ mỏi; vì có tin sứ đi lại, sẽ tùy cơ châm chước đối phó, họ cũng không có thể có sự hơn ta được"[1].

Tự Đức cho là phải.

Mà phải làm sao? Khi đình thần nhận định rằng "ta và họ vốn không gần nhau, không thể thôn tính nhau", thì phải làm sao? Ráp đánh mà không thấy thắng lại thấy bại, thì phải làm sao? Không nắm thời cơ, không thừa địch bối rối ở Ý, ở Hoa Bắc và ở cả Việt Nam vì thiếu quân số, thì phải làm sao?

Cái chủ trương thủ để hòa hay là "trì cửu để đợi cho họ mỏi" của triều đình rất là tai hại; địch không bị tấn công mạnh, không mất sinh lực nhiều, không ê răng gẫy vuốt ngay từ lúc đầu; chờ đến khi nó qua khỏi lúc khó, có thì giờ chuẩn bị thêm rồi nó trở lại tấn công dữ hơn, thái độ của triều đình có thể làm cho quân dân ta nản chí mất tin tưởng.

Ngoài chủ trương của triều đình, thì có hai luồng tư tưởng chủ trương khác, cũng ở trong đình thần, nhưng chưa được nhiều người có quyền uy đồng ý:

Các ông Tô Trân, Phan Hữu Nghị, Trần Văn Vi, Lê Hiếu Hữu, Nguyễn Đăng Điều, Hồ Sĩ Thuần, chủ trương sách lược công thủ, đại lược nói rằng:

"Quảng Nam, Gia Định, địa thế và địch tình đại đồng mà tiểu dị, địch ở ngoài xa khơi thì khó đánh, địch vào nội địa càng dễ đánh, dễ bị tiêu diệt. Phải giữ và đánh, thủ để công, và công để thủ, quét sạch

1. *Dương sự thủy mạt.*

địch. Bằng nay hòa với họ thì họ sẽ bắt ta bỏ cấm và thông thương, xây nhà thờ, mở phố xá, rồi trăm sự giảo quyệt đều do một chữ hòa mà ra cả"[1].

Lúc bấy giờ phái công thủ này là đúng nhất; ý này hợp với lòng dân, hợp với tình thế, nhưng đa số đình thần không nghe theo.

Ngược với phái công thủ thì có phái chủ hòa trắng trợn, gồm có Lê Chí Tín, Đoàn Thọ, Tôn Thất Thường, Tôn Thất Giao, Nguyễn Hào. Đại lược họ nói:

"Đạo dùng binh lấy thư nhàn đợi kẻ nhọc... Công thủ là việc khó; hòa tuy là hạ sách, nhưng ngày nay chính là lúc nên để cho dân nghỉ ngơi, bằng ngược lại thì sợ rằng có cái lo ngoài ý nghĩ. Nay kẻ kia cầu hòa, quyền nghi cũng có thể cứu lại"[2].

Ý bọn chủ hòa muốn nói rằng chủ chiến, công thủ thì sợ thua, sợ dân nổi lên, chỉ có hòa thì cứu vãn được.

Quan triều đình nghị luận lung tung, kẻ hòa người công, kẻ khác lại trì cửu, cướp đã tới nhà mà chủ nhà thì bàn lui bàn tới coi phải chống cướp hay mở tủ, dưới trên không nhất trí. Vừa lúc ấy thì Bùi Quỹ đi công cán ở Bắc về, thẳng thắn tâu rằng:

"Trộm nghe đình thần bàn hòa, bàn giữ; nghị luận lung tung, cầm chèo cầm sào, đều cố giữ sơ kiến; sợ rằng chợt có nguy cấp, hỏi vậy còn mong cùng thuyền cùng vượt được hay không? Xin cứ độc đoán ở trong, định ra quy mô trước cho thống nhất ý chí mọi người"[3].

Trái lại với triều đình, thì nhân dân quyết đánh. Ý nghĩ quần chúng rất đơn giản và đúng đắn; giặc đến cướp thì phải đánh giặc giữ nước, chúng tới thì ta đánh, chúng không tới thì tới nó mà đánh. Dân tâm khắp xứ sôi nổi chống giặc, nghĩa quân ở Đà Nẵng, ở Sài Gòn, như đã thấy, đều đông đảo gồm tất cả những người có

1. *Dương sự thủy mạt.*
2. *Dương sự thủy mạt.*
3. *Dương sự thủy mạt.*

https://tieulun.hopto.org

thể mang khí giới, đánh đắc lực, đông hơn quân triều đình. Gương của Phạm Gia Vĩnh ở Đà Nẵng, Trần Thiện Chính, Lê Huy ở Gia Định được nhân dân tán thưởng. Từ ngoài Bắc nghĩa quân Nam Định, do Tiến sĩ Đốc học Phạm Văn Nghị cầm đầu lục tục xin phép kéo vào Quảng Nam đánh giặc. Lòng cứu quốc của nhân dân và sĩ phu rất là sôi nổi, họ nào có nghĩ đến trì cửu, hòa nghị. Họ chỉ muốn đánh giặc thắng giặc; họ đã đánh và họ đã thắng nhiều trận rồi.

III. QUÂN PHÁP RÚT KHỎI ĐÀ NẴNG VÀ MỞ RỘNG PHẠM VI CHIẾM ĐÓNG Ở THÀNH GIA ĐỊNH

1. Ri-gô đờ Giơ-nu-dy và triều đình nghị hòa

Trong tình thế khó khăn, chính phủ Pháp buộc lòng phải ra lệnh cho Ri-gô nghị hòa với Tự Đức. Nhưng đồng thời, Pháp muốn thương thuyết nghị hòa với cái thế mạnh và muốn cho Huế phải nhượng bộ. Chúng cho tầu đi dọc theo bờ biển Việt Nam mà bắn phá thành quách và thương thuyền ta. Ví như chúng bắn phá bãi Cam ở Bình Định và pháp đài Hổ Cứ, hay ví như chúng thiêu hủy 5 tầu chiến và 3 thuyền buôn của ta trong hải phận Bình, Trị; chúng lại giúp cho bọn cướp và bọn tên Phụng khuấy rối ở ven biển Bắc Kỳ.

Từ tháng 7 năm 1859, Pháp phái quan đến giao hội. Vua sai Nguyễn Tri Phương là quan thống lĩnh quân chính ở Quảng Nam chuyên biện việc thương thuyết. Phe Trương Đăng Quế, Phan Thanh Giản rất tán thành việc thương thuyết nghị hòa. Còn quan đê chính là Nguyễn Tri Giản và một số đình thần cực lực phản đối sự nghị hòa này và cho rằng đó là mưu sâu của địch, cần phải tiêu diệt địch, đuổi chúng ra khỏi bờ cõi; họ công kích Phan Thanh Giản và Trương Đăng Quế, Giản, Quế bực tức tâu vua:

"Tây phái người đến, sở cầu có ba khoản: cầu đất, quyết nhiên là không cho; khoản thông thương thì từ quốc sơ (tức bắt đầu triều Nguyễn) lại đây có định lệ; khoản đạo giáo, từ Trần, Lê đều thế, cấm ức không để tự do. Bằng cho rằng lũ chúng tôi để cho vua cha lo lắng, thì hỏi vậy từ cổ Hán Văn chẳng đã từng nghị hòa với Hung Nô à? Tống Chân chả từng nghị hòa với Khiết Đan à?"[1].

Triều đình vừa nghị hòa, vừa lo đặt thêm đại bác ở những nơi hiểm yếu, lo đề phòng phản gián, lệnh cho địa phương rằng hễ người đi đạo yên phận thì để yên, nếu có ý ngóng mong địch thì phân tán; kẻ không đi đạo mà âm mưu chống triều đình thì tịch thu tài sản và quân phân tài sản đó. Lại dụ cho từ tri huyện trở lên, ai có kiến gì thì dâng lên. Có ý kiến bảo nghiêm xử, giết đạo, thì triều đình cho là quá đáng; mà quá đáng thật.

Trong hàng ngũ quân nhân, chính người chỉ huy, tức Nguyễn Tri Phương là kẻ ngại địch, không tin vào khả năng chiến đấu và chiến thắng của bên mình, cho đến đỗi Tự Đức cũng phải có lúc bất bình, khiển trách và cách lưu viên tướng lãnh ấy. Phương nói:

"Họ thủy lục nương tựa, súng tinh, người liều, khó thắng với họ; quân ta sợ nhất thành ra thua, thủy bộ đều không bì với địch. Quân thứ chỉ có 3.200 người không đủ dùng, giữ cũng chẳng nổi, còn nói gì đánh"[2].Tướng lĩnh mà có tư tưởng bi quan như thế thì công thủ làm sao? Tự Đức lo cho ngai vàng sắp đến ngày tan vỡ, bèn lệnh cho Phương:

"Sợ giặc để lo, toàn không thi thố gì, còn mong chi mưu đồ sự nghiệp, đáng giao xuống đình nghị để định tội... Đánh, giữ, hòa, cứ xem cái nào có thể thì làm, chớ bảo triều đình thiếu người, tự cố thủ mà đợi chết à?"[3].

Ấy thế mà từ đó vẫn về sau, triều đình cứ cố thủ mà đợi chết.

1. *Dương sự thủy mạt.*
2. *Dương sự thủy mạt.*
3. *Dương sự thủy mạt.*

https://tieulun.hopto.org

2. Địch rút khỏi Đà Nẵng và tiếp tục nghị hòa

Xin binh thêm không được mấy chút, quân sĩ ốm đau và chết bệnh chết trận nhiều, tiến thối lưỡng nan, thương thuyết chưa ra sao. Ri-gô vừa thất bại vừa ốm yếu, bị triệu về Pháp, Đô đốc Pa-jơ[1] qua thay thế.

Pa-jơ mới qua, muốn chấn tĩnh quân tâm, hắn tìm một cái thắng trận dù nhỏ. Ngày 18-11, hắn đem hầu hết quân với 9 chiến thuyền qua đánh phía bắc vịnh Đà Nẵng, toan làm chủ đường Hải Vân Quan, chiếm cứ đồn Chân Sảng. Trong cuộc tấn công này, Đại tá địch Duy-pơ-rê Đơ-ru-lét[2] của địch bị đại bác ta bắn chết: quân Pháp - Y Pha Nho bò lên Hải Vân Quan bị quân ta ở trên đèo lăn đá và đạn đặc ruột xuống, chúng bị chết và bị thương 300. Tuy quân địch không lên đèo được, đường đèo vẫn bị nghẽn. Triều đình lo sợ sai thống chế Nguyễn Trọng Thao đem quân giữ Hải Vân Quan, tăng viện cho số quân Đà Nẵng lên trên dưới 4.000, lại lấy dân công sung vào việc phòng thủ.

Từ tháng 2-1860, Pa-jơ rút bớt quân vào Gia Định; nhưng còn giữ Chân Sảng, Định Hải, Trà Sơn, An, Điện, sau đó lại rút quân khỏi Chân Sảng, Định Hải; cuối cùng, đến tháng 3 ngày 22 thì rút hết; trước khi rút, chúng phá tất cả các pháo đài và công sự, chỉ để lại hàng trăm nắm xương tàn, lô nhô với thánh giá trắng trên bờ biển cát vàng. Đà Nẵng sau 19 tháng bị chiếm đóng đã được giải thoát.

Về sau này các nhà viết sử thực dân tiếc rẻ rằng giá lúc ấy quân Pháp cứ giữ Đà Nẵng, để rồi sau khi đánh phá Trung Hoa xong (1860) tất cả quân lực Pháp căn cứ vào Đà Nẵng mà trực tiếp công phá Huế thì chiến tranh xâm chiếm Việt Nam có lẽ đã mau kết liễu.

1. Page.
2. Dupré Deroulède.

"Người ta sẽ tiết kiệm được nhiều thì giờ, nhiều tiền bạc, và nhiều xương máu, nếu mà vừa chiếm đóng Đà Nẵng, vừa chiếm đóng Sài Gòn, người ta đem binh đánh Huế sau khi cuộc chinh phạt Trung Quốc kết liễu. Đánh vào Huế dễ dàng hơn và rất lợi hơn là chiếm Bắc Kinh"[1].

Nhưng lúc ấy cuộc chiến tranh với Áo ở bắc Ý vừa xong thì chiến tranh với Trung Quốc lại bắt đầu một lần nữa. 1860 cũng là năm Pháp vũ trang can thiệp vào Sy-ri (Cận Đông) có thể gây chiến tranh với Thổ và xung đột với Anh, tất cả hải quân Pháp đều tập trung tại Địa Trung Hải. Đường tiếp tế xa xôi, lúc ấy phải đi qua mũi Cao vọng Nam Phi, mà quân Pháp mỏi lòng chờ đợi nhưng không thấy tiếp tế gì đáng kể. Dân tâm ở Pháp kể cả nghị viên Pháp khá lo ngại và bất bình với cuộc chiến tranh phiêu lưu ở Việt Nam. Địch không thể có sức chiếm giữ cả Gia Định lẫn Đà Nẵng, phải bỏ Đà Nẵng kéo về tăng viện Gia Định.

Về Gia Định, Pa-jơ trao cho Tôn Thất Cáp một bức hòa thư gồm 11 khoản; đồng thời Pa-jơ ra Đà Nẵng, đi đường bộ tới kinh thành để trình quốc thơ của chính phủ Pháp. Đại lược những khoản chính trong 11 khoản kia là:

1. Pháp, Nam giao hảo lâu dài; Pháp có quốc thư đưa từ Đà Nẵng lên kinh thành.

2. Khoan xá kẻ đã cộng tác với Pháp.

3. Không truy nã người theo đạo, thả giáo sĩ.

4. Tự do thông thương, tự do giảng đạo, lập lãnh sự và cửa hàng ở bến.

5. Ký hòa ước, thì Pháp lập tức rút chiến thuyền đi khỏi Gia Định.

Lúc cần phải đánh thì không quyết đánh; lúc có thể hòa thì không chịu hòa, dù rằng cuộc hòa có thể chỉ là tạm thời; nếu

1. Vial, *Première année de la Cochinchine française*, tr. 82 - 83.

https://tieulun.hopto.org

không hòa thì tại sao lại không thừa cơ chúng bị phân tán để đánh gẫy ý chí xâm lăng của chúng, để có thì giờ và điều kiện duy tân bảo vệ độc lập. Triều đình thật là bất lực và ngoan cố. Kể ra các điều kiện của Pháp đưa ra lúc ấy không phải là quá đáng lắm vì nó không thể không nghị hòa và không thể đòi hỏi nhiều hơn nữa. Thứ thần Gia Định được lệnh của triều đình bác đề nghị của Pháp, quyết không chịu nhận hai điều: tự do truyền giáo, đặt lãnh sự và mở thương cảng. Triều đình quyết giữ chính sách bế quan tỏa cảng, xứ nào có tới mua bán thì cho đậu tầu, xong rồi thì về, không được lập cửa hàng, không cho ở lại; còn người theo đạo từ nay tuy khỏi bị truy nã và quấy nhiễu tài sản nhưng phải giữ mãi số đến già chết thì thôi chứ không được thêm, cố đạo nhất định không được tự do đi lại.

"Nếu không như thế thì chỉ có chiến thôi. Dứt khoát không bàn nữa". - (Tự Đức)

Bên ngoài dân gian, công luận của các nhà nho, các quan địa phương rất sôi nổi. Nói chung là chống hòa nghị; như Đốc học Nam Định là Doãn Khuê cùng tất các các quan giáo huấn phủ huyện mật sớ lên rằng hòa nghị là trái, lý do chính của họ là không thể dung thứ cho "tà đạo" theo họ chỉ có tư tưởng và tục lệ Khổng Mạnh mới là chính đạo. Thực tế thì tư tưởng bảo thủ thống trị cả trong kinh và ngoài hàng quan các tỉnh, chưa mấy ai thấy chính sách đóng cửa dắt đến mất nước.

Rốt cuộc hòa nghị có thể thành mà lại không thành: ngày 7-11 cuộc thương thuyết bị cắt.

Quân Pháp vẫn giữ Gia Định mà lại còn mở thêm phạm vi chiếm đóng của chúng; chữ "chiến thủ" của Tự Đức ra tuồng như dứt khoát, mà chỉ là chữ thôi; triều đình cố thủ mong Tây sẽ rút khỏi Gia Định, cũng như chúng đã rút khỏi Đà Nẵng mà không phải mở cửa quan giao thương với các nước Âu châu. Sai lầm tai hại; lúc khó sẽ qua; địch sẽ xâm lăng rộng.

3. Địch mở thêm phạm vi chiếm đóng ở quanh thành Gia Định

Địch được tăng viện bằng số quân rút từ Đà Nẵng vào Sài Gòn, nay có điều kiện mở rộng phạm vi chiếm đóng, trước hết là để bảo vệ cơ sở của nó ở ụ Hữu Bình, mà chủ yếu cũng là chiếm Chợ Lớn, trung tâm thương mại của Nam Kỳ lục tỉnh; chiếm Chợ Lớn theo lời thực dân lúc ấy là chiếm cả nền thương mại Nam Kỳ.

Chiến thuyền nhỏ của địch vào con rạch từ xóm Chiếu đi xóm Củi nhổ cọc phá cảng, đem quân vào chiếm cứ chùa Mai Sơn, ở phía tây nam Chợ Lớn. Tại Gia Định, chúng lập đồn ở gần sông. Chúng ra chiếm Trường thi (ở trường Bổn quốc hiện giờ). Chúng lập một phòng tuyến ngoại vi từ chùa Khải Tường gần Trường thi vào chùa Mai Sơn, qua chùa Hiển Trung (chợ Đuổi) và chùa Chợ Rẫy (?). Địch vừa chiếm chùa Chợ Rẫy thì quân ta do Đinh Bình Tâm cầm đầu xung phong đánh địch suốt đêm 3 rạng 4 tháng 7, Tâm tử trận, mà vị trí vẫn bị địch chiếm giữ; các ngày sau địch bắt hàng trăm, hàng nghìn dân dưới mũi súng địch xây dựng phòng tuyến nối liền các chùa.

Triều đình được tin quân Pháp mở rộng phạm vi chiếm đóng quanh thành Gia Định thì suất cho từ Quảng Ngãi đến Bình Thuận mộ dân quân, luyện binh sĩ để phòng tiếp ứng, dụ cho hào mục Nam Kỳ chiêu mộ hương dũng, cử Nguyễn Tri Phương làm Tổng thống quân vụ đại thần, Tôn Thất Cáp làm Tham tán chuyên trách mặt trận Gia Định.

Lúc bấy giờ đa số quân Pháp bị rút đi đánh Hoa Bắc. Ấy thế mà Nguyễn Tri Phương không chịu thừa cơ đại tấn công tiêu diệt địch. Trước khi đi vào Nam, Phương lại tâu với Tự Đức rằng:

"Sự thế so với trước khó gấp bốn năm lần".

Tri Phương và võ quan, văn quan cao cấp triều đình mang nặng "võ khí chủ nghĩa", hốt sợ trước vũ khí bắn xa mạnh và đúng của địch, thúc thủ trước tầu to của địch. Họ đâu có biết rằng yếu tố

https://tieulun.hopto.org

quyết định là lòng dân, là tinh thần binh sĩ. Họ đâu có biết rằng, bị nguy khốn vô cùng ở thành Gia Định, thấy cái chết trước mắt, Pháp lúc bấy giờ đã ráo nước miếng điều đình với Khơ-me để nhờ Khơ-me gởi một đạo quân sang Hà Tiên đánh Việt Nam để cứu Pháp; Pháp đã mỏi mắt trông chờ vua Khơ-me y hẹn, mà trông mãi chẳng thấy quân Khơ-me đến cứu. Triều đình không thấy cái khó của địch mà chỉ thấy cái khó của mình.

Triều đình chọn thầy bốc quẻ coi bổn mệnh của tướng soái, xem ngày lành để tướng soái lên đường! Tướng soái xuất quân với cả một tấm lòng nghi ngờ sự thắng lợi.

Thật là kỳ quái! Cho nên Nguyễn Tri Phương mặc dầu có số quân 10 lần hơn địch, ông cứ đào hầm đắp lũy bao vây địch, suốt nửa năm 1860, từ sau trận chợ Rẫy trở đi (trận này không phải do Phương chủ trương, Phương vừa mới vào), Phương án binh bất động. Có đánh chăng là quân nghĩa dũng đánh, phục kích đâm chết quân địch, ví dụ như giết quan ba Bác-bê[1] ở gần Trường Thi, đêm đêm lọt qua phòng tuyến địch vào tận thành phố đốt cơ sở địch, vào tận sông bắn tầu Pri-mô-ghê[2], tỉa địch mỗi ngày một ít cho đến đỗi các cuộc tăng viện trợ chỉ đủ lấp lỗ hổng mà thôi. Ở Gia Định bấy giờ địch chỉ còn dưới 1.000 quân, phòng tuyến mỏng và dài từ Mai Sơn về Thị Nghè non già 10 cây số, thiết tưởng không có cơ hội nào hơn để quét giặc, đánh bằng giáo mác cũng có thể thắng, đừng nói là bằng súng đạn, đại bác mà Tri Phương tích tụ khá nhiều ở Chí Hòa, cách địch chỉ non ngàn thước.

Lạ nhất là, bên kia sông, lưng địch trống trơn, Tri Phương không đánh chác gì cả; 50 cây số đường sông ra bể, Tri Phương không ngăn trở địch ra vào tiếp viện, mà hơn nữa, Phương lại để cho thuyền bè ở lục tỉnh lên bán buôn tự do với Chợ Lớn, và từ Chợ Lớn, Gia Định, địch buôn bán ra các nước khác: năm 1860, có 111 tầu Âu châu và 140 thuyền khác tới Bến Nghé mua thóc, mua

1. Barbé.
2. Primauguet.

hàng bán hàng, tất cả là 80.000 thùng đi Hồng Kông, Sinh-ga-po, 100.000 thùng các loại hàng hóa từ lục tỉnh bán đi ngoại quốc qua Chợ Lớn - Sài Gòn gồm lúa gạo, cá khô, bông vải, dầu dừa, tơ tằm, 2.000 da trâu bò, 1.800 bao sừng trâu, sùng nai và ngà voi, sáp, 1.000 bao lông ngỗng, lông công, da cá, đường, v.v...[1].

Địch lấy đó mà nuôi quân!

Địch nhờ đó mà mua chuộc một số người giao thương với chúng, biết được tình hình nội địa của ta, mộ được một số ít người tay sai cho chúng, tạo thêm điều kiện để mở rộng cuộc xâm lăng.

* * *

TÓM LẠI

Đà Nẵng là cổ họng của kinh thành, là hải cảng sâu rộng và quan trọng nhất ở miền Trung Việt Nam. Xưa nay, từ thuở nhà Nguyễn lập nghiệp ở phương Nam, nhất là từ cuộc nội chiến Tây Sơn - Nguyễn Ánh, cảng Đà Nẵng là một vị trí quân sự bậc nhất. Tầu bè nước ngoài không vào Huế mà vào Đà Nẵng để buôn bán, cho nên khi định giúp Nguyễn Ánh tranh ngôi vua (1887), Pháp đã đòi lấy Đà Nẵng làm một trong những điều kiện. Từ ngày tàu Pháp khiêu khích (1857) Đà Nẵng được triều đình chú ý phòng thủ thêm.

Quân Pháp sau khi cùng với quân Anh đánh thắng quân nhà Thanh, được lệnh kéo về Đà Nẵng mà bắt đầu xâm chiếm xứ ta. Pháp có Y Pha Nho giúp sức. Chúng lấy cớ bênh đạo để có danh nghĩa chút nào đối với dư luận Âu châu, và mong người Việt theo đạo ủng hộ chúng.

Song suốt từ tháng 9 năm 1858 đến tháng 2 năm 1859, liên quân Pháp - Y Pha Nho chẳng đánh tan sinh lực Việt và kéo vào Huế bằng đường Hải Vân như nó đã định, mà lại bị cầm chân, bị quân chính quy và dân quân ta bao vây ở bán đảo Trà Sơn, bị tiêu hao và bị đau ốm rất nặng.

1. *Le commerce de Saigon en 1862 Reunier*, Revue maritime, 1864.

https://tieulun.hopto.org

Tháng 2-1859, không theo lời khuyên của giám mục Pen-lơ-ranh là đem quân đánh Bắc Kỳ, Ri-gô đờ Giơ-nu-dy để lại một số ít quân ở Đà Nẵng, còn bao nhiêu đem vào đánh Gia Định đặng mưu chiếm lưu vực Cửu Long giang giàu có, ngăn đường tiếp tế lúa gạo của triều đình Huế, và có một vị trí tốt giữa Sinh-ga-po và Hương Cảng.

Gia Định bị thất thủ. Nhưng ở Gia Định cũng như ở Đà Nẵng, địch bị quân và dân ta bao vây, không lan ra được; chúng phá thành trì, đóng một đồn trên bộ, còn bao nhiêu quân thì đem trở ra cứu viện toán quân bị bao vây nguy cấp ở Đà Nẵng.

Ra Đà Nẵng, Ri-gô cũng không làm gì được, chỉ lấy thêm vài đồn và hao thêm ít trăm quân. Ri-gô bị triệu về Pháp. Đô đốc Pa-jơ qua thay thế, rút bỏ Đà Nẵng, đem toàn lực vào Gia Định, mở rộng vùng chiếm đóng từ đầu rạch Thị Nghè đến chùa Mai Sơn (Chợ Lớn).

Quân ta, dưới quyền chỉ huy của Nguyễn Tri Phương lập Đại đồn bạo vây địch. Địch mắc chiến tranh ở Âu châu, ở Trung Quốc nên đề nghị giảng hòa, điều kiện không thể gắt gao, không thể đòi chiếm đóng, nhưng triều đình thủ cựu không muốn mở cảng thông thương, cuộc nghị hòa không đi đến đâu. Địch rút phần lớn quân đi đánh ở Trung Quốc mà quân triều đình không thừa dịp phản công tiêu diệt địch, nên đã mất một cơ hộ ngoại giao tốt, lại mất cả một cơ hội quân sự thuận lợi.

Trong giai đoạn kháng chiến đầu tiên này, nhân dân Trung, Nam, Bắc tỏ lòng ái quốc sâu sắc, tỏ lòng can đảm phi thường, hăng hái lập dân quân để chống giặc. Ngoài Bắc ông Phạm Văn Nghị, ở Trung ông Phạm Gia Vĩnh, nhất là ở trong Nam hai ông Trần Thiện Chính, Lê Huy là những vị tiêu biểu cho lòng dân quyết không đội trời chung với giặc Pháp. Quân sĩ lần lần quen với súng đạn, đánh giặc cương quyết. Trái lại võ quan cao cấp không tin vào thắng lợi, sợ vũ khí địch, không dám dùng thế công, còn đình thần thì ý kiến chia rẽ, phần lớn là do dự và chủ hòa.

Chương 4

MẤT BA TỈNH MIỀN ĐÔNG NAM KỲ

I. QUY ƯỚC BẮC KINH 1860 VÀ Ý ĐỊNH MỚI CỦA THỰC DÂN PHÁP ĐỐI VỚI VIỆT NAM

Ở Viễn Đông, Trung Quốc là nước lớn nhất. Đối với tư bản Tây phương, hễ đánh bại Trung Quốc thì mới có thể xâm chiếm và thống trị Viễn Đông; hơn nữa, trong thời ấy, nếu chúng xâm chiếm một vùng đất nào quanh Trung Quốc là không khỏi không có mục đích làm bàn đạp để xâm nhập Trung Quốc.

Vào giữa thế kỷ thứ XIX, các xứ tư bản Âu châu chú trọng đặc biệt đến Viễn Đông, nhất là đến thị trường Trung Quốc mà chúng nó biết là thị trường lớn nhất thế giới, là miếng mồi béo bở nhất thế giới. Chính sách của phong kiến nhà Thanh là bế quan tỏa cảng, không muốn duy tân, bám lấy cái "văn minh thiên cổ". Còn các xứ tư bản Âu Tây thì muốn xâm nhập thị trường này. Trung Quốc dù yếu ớt vì phong kiến lạc hậu, là một nước rất lớn mà vô luận một nước tư bản riêng rẽ nào cũng khó thắng nổi. Các nước tư bản Âu châu đua nhau giành một phần đất Trung Quốc, chiếm tô giới, gây thế lực. Chúng nó hiệp nhau mấy lượt để đánh Trung

https://tieulun.hopto.org

Quốc. Năm 1857 Anh, Pháp liên quân đến xâm lăng; rồi Mỹ và xứ Nga hoàng cũng tham gia cuộc xâm lăng đó. Năm 1858, ký "điều ước Thiên Tân". Liền sau điều ước Thiên Tân thì quân Pháp xuống đánh Đà Nẵng, Gia Định.

Giờ, các nước tư bản Âu - Mỹ lại liên kết đánh Trung Quốc một lần nữa để mở thêm nhiều cửa bể, chiếm thêm nhiều thị trường. Chiến tranh 1860 dẫn đến điều ước Bắc Kinh: 7 tỉnh duyên hải và Đài Loan đều mở cửa bể buôn bán; bờ sông Trường Giang cũng mở cửa buôn bán; toàn bộ các hải cảng lớn của Trung Hoa đều khai thông. Thế lực của các nước xâm lược trực tiếp xâm nhập vào nội địa Trung Quốc, thế lực phản cách mạng trong Trung Quốc và ngoài Trung Quốc thực sự cấu kết với nhau để trấn áp phong trào cách mạng Trung Quốc, để tiêu diệt phong trào Thái bình Thiên quốc. Từ đó, thế lực xâm lược của Anh thì lan rộng từ miền Nam lên miền Bắc, thế lực xâm lược của Nga thì lan rộng từ Bắc xuống và từ miền Tây sang. Còn Pháp thì tuy là tốn nhiều công, nhiều mạng mà chiếm được quyền lợi ít hơn. Cho nên chúng càng lo chiếm cứ một vùng biên giới Trung Hoa. Lúc bấy giờ chúng nhằm vào hai nơi Việt Nam và Triều Tiên, Việt Nam để dòm vào Hoa Nam, Triều Tiên để dòm vào Hoa Bắc. Năm 1860 chúng mở rộng căn cứ ở Việt Nam, năm 1866 chúng sẽ đem binh toan xâm chiếm Triều Tiên nhưng thất bại. Chúng vẫn nghe truyền khẩu rằng có thể từ miền nam Trung Quốc ra Thái Bình Dương bằng con đường sông, bằng lưu vực Cửu Long giang. Vì vậy, chúng quyết chiếm lấy Nam Kỳ nơi mà sông Cửu Long chảy từ Trung Quốc đổ ra biển.

Liền sau khi điều ước Bắc Kinh đã ký, tư bản Pháp đem toàn lực hải quân của nó ở Viễn Đông về Gia Định để xâm chiếm Nam Kỳ, xâm chiếm hạ lưu sông Cửu Long rồi sẽ lập tức bò lên xâm chiếm Khơ-me và lập tức thám hiểm con đường từ Khơ-me sang thượng Lào để đi vào Vân Nam.

Như thế, chúng ta đã thấy rõ là từ giữa thế kỷ XIX đứng trước sức xâm lăng của tư bản Âu châu, thì vận mạng của hai dân tộc Việt - Hoa đã gắn bó với nhau:

- Trung Quốc bại trận, ký điều ước Thiên Tân, Pháp chiếm Đà Nẵng, Gia Định.

- Trung quốc bại trận, ký điều ước Bắc Kinh, Pháp chiếm 3 tỉnh miền Đông rồi lan ra mãi.

- Sau này chúng ta sẽ thấy, Pháp thắng trận trong cuộc Trung Pháp chiến tranh (1884 - 1885) thì Việt Nam hoàn toàn bị Pháp đô hộ. Cũng như về sau nữa, cuộc cách mạng giải phóng của hai dân tộc càng ngày càng gắn bó với nhau, nhất là từ đại chiến lần thứ nhất đến sau đại chiến lần thứ hai.

II. LỰC LƯỢNG CỦA HAI BÊN Ở SÀI GÒN - CHỢ LỚN ĐẦU NĂM 1861

Trung Quốc còn kháng cự bằng vũ trang thì phần lớn quân Pháp bị kẹt ở bên đó, chúng chỉ còn có hơn 800 quân tại Gia Định, Chợ Lớn mà thôi, ấy thế mà triều đình "trì cửu", hòa không chịu hòa, đánh không chịu đánh.

Nay điều ước Bắc Kinh đã ký, quân Pháp rời khỏi Bột Hải, tập trung chuẩn bị ở Ngô Tùng (Thượng Hải) vào giữa tháng 12-1860 dưới quyền thống quản của tên Đô đốc Sác-ne[1]. Tên tướng già này xuất thân ở trường thủy quân Tu-lông[2] đã đòi phen chiến đấu từ đế chế thứ nhất của Pháp cho đến nay; chính phủ Na-pô-lê-ông III giao cho hắn quyền hạn rất rộng; hoài vọng riêng của hắn là muốn làm phó vương ở một vùng đất do tay nó giật lấy. Xem cái quyền hạn rộng lớn đó thì biết rằng bọn tư bản Pháp quyết lấy Việt Nam làm thuộc địa; Sác-ne vừa thống quản tất cả các lực lượng võ

1. Charner.
2. Toulon.

https://tieulun.hopto.org

trang của Pháp ở Viễn Đông, vừa có toàn quyền tuyên chiến và ký hòa ước với Việt Nam.

Đạo quân viễn chinh này, lúc họp ở Ngô Tùng, có tất cả là 2.200 quân sĩ người Pháp, với 600 dân phu bị bắt ở Quảng Châu, 22 chiến thuyền máy, 17 thuyền chuyên chở, 1 tầu nhà thương, nhiều tầu buồm và thuyền gỗ có gắn súng đại bác và liên thanh. Từ bên Pháp lại tăng viện thêm 9 đại đội (900 người); cộng với số 800 quân đã có sẵn ở Gia Định, Chợ Lớn, thì tất cả lực lượng của địch là trên 4.000 người với gần 50 thuyền các cỡ. Đạo quân này tập trung xong ở trên Bến Nghé ngày 7-2-1861. Theo tình thế lúc ấy 4.000 quân với bấy nhiêu tầu chiến, đại bác, là một số quân rất lớn, lớn hơn số thủy lục quân mà Pháp đã dùng để đánh Trung Quốc.

Trong số 4.000 quân địch, chỉ có 250 người Y Pha Nho. Pháp nhờ Y Pha Nho (có Phi Luật Tân làm căn cứ gần gụi) cùng liên hiệp đánh Việt Nam, nhưng Pháp vẫn sợ Y Pha Nho tranh giành đòi chia đất cướp được; cho nên Na-pô-lê-ông III có chỉ thị cho Sác-ne, nếu người Y Pha Nho đòi đền bù công lao thì hãy chỉ họ ra Bắc Kỳ mà chiếm lấy, chớ Nam Kỳ là phần riêng của Pháp thôi, (chúng ta sẽ thấy rằng khi Pháp sẽ có đủ lực lượng và tham vọng chiếm miền Bắc thì Y Pha Nho cũng không đòi được miếng xương nào). Suốt từ 1858, từ lúc đánh Đà Nẵng tới nay, địch tốn nhiều công chiêu mộ người công giáo Việt Nam theo làm lính, nhưng bắt đông vét tây ba năm nay, rốt cuộc chỉ có hơn 80 người thôi, phần lớn là những tên đầu trộm đuôi cướp. Điều này chứng tỏ rằng dân Việt Nam, dù theo đạo nào, đều là ái quốc.

Phòng tuyến địch kéo dài từ đầu sông Thị Nghè vào chùa Mai Sơn, gọi là "phòng tuyến các chùa".

Số quân ta ở Gia Định dưới quyền chỉ huy thống nhất Nguyễn Tri Phương thì không rõ là bao nhiêu. Pháp nói ở Chí Hòa ta có tới 20.000 quân chính quy, 10.000 dân quân và ở Biên Hòa ta có 15.000 quân từ Trung vào. Chắc không có quân chính quy đông đến thế; cứ nhớ lại rằng khi Tây chiếm Đà Nẵng, gần sát kinh đô

mà quân triều đình chỉ có 3.200 người, thì đủ biết rằng ở Gia Định xa xăm không thể có hơn 2 vạn được. Dân quân thì đông, chắc chắn như vậy. Tri Phương dùng lực lượng dân quân để đắp đồn, vận tải. Sở dĩ Pháp "tăng" số quân của Nguyễn Tri Phương trước hết là để tăng giá trị của trận thắng của chúng.

Tri Phương không rõ địch tình: khi một số tầu địch vào đậu bến Bàn Côn, 5 tầu địch vào Ngao Châu (thuộc cửa bể Vĩnh Long hồi đó) thì Tri Phương lo phòng vệ ở các cửa sông Cửu Long, không dè địch sẽ tập trung vào đánh Gia Định. Có khi Tây chỉ có vài trăm ra tấn công hay tuần tiễu thì Tri Phương báo cáo về kinh là số địch ước lượng vài nghìn, công nhỏ sẽ hóa ra to, tội to sẽ được xem là "tất nhiên phải thoái":

Từ khi Tri Phương vào chỉ huy mặt trận Gia Định thì Tri Phương đem hết sức lực của quân và dân vào sự xây dựng Đại đồn (ở Chí Hòa hiện nay) chớ không ra sức tấn công tiêu diệt các toán quân địch còn con gồm có 800 rải trên 10 cây số.

Đại đồn dài độ 3 cây số, ngang 1 cây số, là chiếc đồn lớn nhất của Việt Nam tự cổ chí kim, án ngữ phía tây nam thành Gia Định. Trong đồn chia ra làm 5 khu, khu này cách khu kia bằng đường đất, vách đá, có cửa, phòng địch vào tới nơi này thì nơi kia vẫn chiến đấu được. Vách thành làm bằng đất sét và đá ong, cao ba thước rưỡi, dầy 2 thước, có lỗ châu mai; trên mặt vách thành có trồng nhiều cây gai góc dày đặc. Ngoài vách thành có rào tre, có hố chữ phẩm cắm chông tre, có ụ đất, có hào sâu đầy nước, cạm bẫy đó xa hàng trăm thước từ chân thành trở ra. Mặt đông bắc (tức mặt tiền) thì mạnh, chắc hơn là mặt hậu là mặt tây nam. Nếu là cuộc chiến tranh với vũ khí thô sơ của thời phong kiến thì đại đồn là một đồn lũy vô cùng kiên cố, gần như bất khả xâm phạm.

Trong đồn có 150 đại bác đủ các cỡ; nhưng lâu nay thì hà tiện không chịu nổ vào phòng tuyến của địch chỉ cách đó hơn năm trăm thước mà thôi. Đại bác thì nhiều như thế, nhưng sức công

https://tieulun.hopto.org

phá của nó ít thôi, phần lớn bản đạn đặc ruột bằng gang, không nổ, trúng ai nấy chết.

Từ Đại đồn xuống về hướng vị trí Mai Sơn của địch thì Nguyễn Tri Phương cho đào và đắp một dải chiến hào chiến lũy, và xây đồn trại làm chỗ dựa; lại một dải chiến hào chiến lũy khác đi từ đại đồn hướng về phía sông Thị Nghè; xem địa đồ thì hình thế Đại đồn giống như cái thân của một lực sĩ mà hai dải chiến hào như là cánh tay giăng ra ôm Sài Gòn - Chợ Lớn và như muốn xua địch đổ xuống sông Bến Nghé.

Cách Đại đồn vài ba cây số về phía đàng sau thì có đồn Thuận Kiều là nơi chứa quân lương quân dụng, trên con đường đi Hốc Môn, Tây Ninh.

Người ta không hiểu tại sao Tri Phương đã biết địch mạnh ở pháo binh, các đồn đất hay đá ở Đà Nẵng, Gia Định đều không chịu nổi đại bác mà Tri Phương lại tập trung hàng nghìn quân trong một cái rọ 3 cây số vuông để chờ Tây đến, mà không biết vận động đánh địch ở các mặt trận, khắp mọi nơi, ngày và đêm, chia phân địch, tỉa địch từng toán một? Lúc địch chỉ 800 người mà không tấn công quyết liệt, nay địch có 4.000 với tất cả 3, 4 chục chiếc thuyền thì một cái đại đồn sẽ khó bề giữ được lâu dài. Song, như con ốc rúc đầu vào vỏ tưởng yên toàn, phong kiến suy tàn cứ nhẫn nại mà mù quáng tin vào đồn lũy thành quách.

III. ĐẠI ĐỒN THẤT THỦ; TỈNH GIA ĐỊNH BỊ CHIẾM

Kế hoạch hành binh của địch là:

1. Giàn đại bác theo phòng tuyến các chùa; chiến thuyền đậu từ sông Rạch Cát qua sông Bến Nghé và sông Thị Nghè; tất cả là để yểm hộ cho bộ binh bằng cách nã đại bác vào Đại đồn; sự công phá bằng đại bác có thể có hai tác dụng: một là phá; hai là làm cho quân Việt Nam chỉ chú ý đến mặt tiền mà lơ đễnh sơ hở ở mặt hậu, mặt này lại yếu hơn mặt kia.

2. Đại lực của bộ binh địch sẽ từ căn cứ Mai Sơn đánh bọc phía tây nam là phía yếu nhất, cốt cắt đứt Đại đồn với đồn Thuận Kiều là kho lương, và cốt phá Đại đồn bằng ngõ hông để dồn quân Việt Nam chạy về phía sông Gò Vấp, nơi đây quân Pháp bố trí một lực lượng ngăn đón.

3. Chiến thuyền Pháp sẵn sàng vừa ngăn viện quân Việt Nam có thể từ Biên Hòa xuống, vừa cản quân Tri Phương không chạy về ngõ Biên Hòa qua sông Bình Lợi, Gò Vấp.

4. Cánh đông bắc (thủy quân) và cánh tây nam (bộ binh) của địch sẽ bao vây đại quân của Tri Phương trong khoảng giữa 3 sông Thị Nghè, Gò Vấp và Bến Nghé mà tiêu diệt hoàn toàn trong cái túi ấy.

* * *

4 giờ sáng ngày 24-2, đại bác của địch trên bộ và dưới tầu đều nổ nhắm vào Đại Đồn. Mỗi khẩu đại bác của địch có 100 viên đạn.

Đại bác của Đại đồn trả lời. Hai bên đánh nhau bằng đại bác tới sáng. Đại bác địch nổ thì Đô đốc Sác-ne và Vát-soan[1] (Pháp) Pa-lăn-ca[2] (I) tiến quân từ Mai Sơn với khinh pháo. Quân ta trong đồn hữu bản cản lại. Vát-soan và Pa-lăn-ca đều bị thương; địch chết khá nhiều. Đại bác địch bắn 500 phát vào đồn hữu giữa Mai Sơn và Đại Đồn, rồi bộ binh địch xua vào công đồn tiền tiêu ấy. Quân ta có voi đi đầu tới ứng chiến, đánh nhau suốt ngày, đến tối địch mới tiến được 1 cây số còn cách Đại đồn 2 cây số. Ở trận địa những "chiến xa sống" tức voi, không ích lợi gì đáng kể trong một cuộc chiến tranh có đại bác súng trường.

Đêm đến, hai bên ngừng chiến để chỉnh đốn và chuẩn bị thêm. Mờ sáng 25 địch tiếp tục tấn công, lần này chúng xáp được gần Đại Đồn, song cách vách thành 100 thước thì gặp rất nhiều cạm bẫy, hào ụ, nên tiến rất chậm, bị bắn chết và bị thương rất nhiều.

1. Vassoigne.
2. Palanca.

https://tieulun.hopto.org

Phần lớn các thang tre của địch vác theo đều bị đánh gãy. Địch leo thang và đứng trên vai nhau mà lên thành. Trên thành và trong lỗ châu mai, quân ta bắn chém dữ dội. Một số địch vào được thành; quân ta ở trong thành giành nhau từng khu với địch. Nhưng rốt cùng Nguyễn Tri Phương ra lệnh rút lui không trật tự về phía Tây Bắc. Trên đường rút lui, nhiều quân sĩ chính quy, vì không có chủ tướng nên tản ra dân chúng hoặc nhập vào nghĩa quân.

Bên địch chết và bị thương trên 300 trong đó có Đại tá Tếc-ta(1) vong mạng. "*Thắng lợi của chúng ta hoàn toàn; nhưng chúng ta đã trả giá thắng lợi ấy rất đắt*"(2).

Bên Việt Nam ta chết và bị thương trên dưới 1.000 người; Nguyễn Tri Phương bị mảnh đại bác trúng bụng. Ta mất 150 đại bác, 2.000 khẩu súng tay, nghĩa là hầu hết vũ khí tích tụ từ 2 năm nay. Địch tổn thất nhiều, chưa dám vội đuổi theo như kế hoạch đã định trước.

Ngày 27, địch lên thám thính tận đồn Thuận Kiều, nơi đây Nguyễn Tri Phương, Tôn Thất Cáp và Phạm Thế Hiển đã rút quân về tạm đóng. Đại đồn mạnh mười; Thuận Kiều không có một; Hơn nữa, chủ tướng đang bị trọng thương, các nhà lãnh đạo không hy vọng gì giữ "Thuận Kiều và ngăn được địch".

Ngày 28, địch tấn công Thuận Kiều, quân ta giáp chiến khá kịch liệt nhưng không thể quả quyết mà tin cậy như lúc ở Đại đồn mà kẻ chỉ huy cho là bất khả xâm phạm; Đại tá Cơ-ru-sa(3) của địch bị thương; quân chính quy bỏ đồn Thuận Kiều, bỏ cả đồn Tây Thới mà tán loạn lui về Biên Hòa, mất hầu hết khí giới và lương thực. Các đoàn nghĩa quân, ngược lại, ở lại sát địch mà chiến đấu, các sĩ phu tủa về thôn dã mà chiêu mộ nghĩa binh chống giặc.

Địch thừa cơ cướp bóc, đốt phá, hãm hiếp;

1. Nhà xuất bản chưa tra được từ nguyên.
2. Vial, tr. 92.
3. Nhà xuất bản chưa tra được từ nguyên.

"Bỏ nhà lũ trẻ lơ xơ chạy,
Mất ổ bầy chim dáo dát bay
Bến Nghé của tiền tan bọt nước,
Đồng Nai tranh ngói nhuộm mầu mây".

(Đồ Chiểu)

Bộ binh giặc liền tiến lên chiếm Trảng Bàng, chiến thuyền địch lần theo sông Vàm Cỏ Đông lên chiếm đóng huyện Tây Ninh, sửa lại đồn cũ mà làm nơi căn cứ. Dựa vào Tây Ninh quân Pháp bắt liên lạc với triều đình Khơ-me, gởi người lên U-đông nói chuyện với vua An Dương vừa để làm yên lòng An Dương vừa để chuẩn bị cuộc xâm chiếm sắp đến (Ta nhớ rằng năm 1858, phái bộ Đờ Môn-ti-nhi đến U-đông thương thuyết để khai thông thương mại với Khơ-me, đã bị vua Khơ-me cự tuyệt).

Tin Đại đồn thất thủ, Nguyễn Tri Phương bị trọng thương, làm chấn động triều đình. Tự Đức sai Tôn Thất Đính đem 2.000 quân vào nhanh để "đàn áp"; lại sai Nguyễn Bá Nghi làm khâm sai đại thần vào khám xét tình hình và điều khiển quân vụ. Quan quân đó chưa kịp lên đường thì tin thêm từ mặt trận báo về rằng "quân số khí giới đều hết sạch"; vua phải sai thêm 2.000 quân nữa là 4.000 cùng vào Biên Hòa "phòng tiễu"; chủ yếu của hành quân là bảo toàn các tỉnh Biên Hòa, Long Tường và An Hà. Tất nhiên là quân đi rất chậm, đến rất trễ, khi gần đến thì đám tướng lĩnh bất nằm chết ở Biên Hòa, Bình Thuận chớ không đánh.

Mấy lúc nay, dựa vào Sài Gòn, Chợ Lớn, địch đã dùng chính sách chia rẽ dân tộc để gây rối ở hậu phương ta ví dụ như chúng tìm cách xui giục người Khơ-me ở Hậu Giang nổi lên, và năm ta mất Gia Định, Định Tường cũng là năm mà một số người Khơ-me nổi lên ở Sóc Trăng tuy không phải là một cuộc rối loạn lớn, song cũng cầm chân được một số quân lực của tỉnh An Giang.

Nguyễn Tri Phương, Tôn Thất Cáp và Phạm Thế Hiển bị đình nghị cách chức và ghép tội "trảm giam hậu"; sau được giảm bớt

https://tieulun.hopto.org

chỉ bị giáng chức; Tri Phương về chữa bệnh, Thế Hiển và Thất Cáp được thống lĩnh số biền binh còn lại sau khi thất thủ Đại đồn và Thuận Kiều. Triều đình định xử cái án Đại đồn nhưng về sau rồi bỏ qua, vì chẳng phải có một mình Đại đồn thất thủ mà cả ba tỉnh thất thủ; còn kẻ chịu trách nhiệm không phải chỉ có những ông Hiển, Cáp, Phương mà cả triều đình bất lực và cận thị.

IV. THẤT THỦ ĐỊNH TƯỜNG - BẢO ĐỊNH HÀ LƯU HUYẾT (1-4 – 15-4-1861)

Tuy rằng quân triều đình và quân các tỉnh Nam Kỳ kéo đến khá đông, nhưng mạnh ai nấy đánh, hay là mạnh ai nấy lo cho mình. Biên Hòa, Mỹ Tho đều có thể tương tiếp cho Gia Định mà không tương tiếp chút nào, để cho địch hoàn toàn chủ động. Địch thấy rằng điều kiện đầu tiên để giữ một dải đất mỏng từ biên giới Khơ-me (Tây Ninh) xuống biển (Cần Giờ) là phải lấy luôn Định Tường và Biên Hòa. Địch không đủ quân đánh cả hai tỉnh một lượt nên chọn lấy Định Tường là nơi làm chủ con sông Tiền Giang sâu rộng đi từ Đông Hải lên Khơ-me; cũng là một tỉnh giàu có, đông dân nhất Nam Kỳ lúc ấy. (Định Tường gồm cả Mỹ Tho, Tân An, và Gò Công bây giờ).

Pháp định lấy Định Tường bằng hai cách phối hợp:

- Lục quân và tầu chiến nhỏ đi từ Gia Định xuống trước bến Sà Úc (Tân An), vào sông Bảo Định mà qua Mỹ Tho.

- Hải quân thì đi từ biển vào cửa tiểu, theo sông Tiền Giang lên đánh thành Mỹ Tho, (tỉnh lỵ Định Tường).

Đường sông Cửu Long là thuận tiện nhất cho địch, nhưng quân chủ lực của tỉnh Vĩnh Long tiếp sức, đều đóng dọc theo sông Bảo Định là một con sông tuy nhỏ mà tầu bè đi lại được từ Tân An qua Mỹ Tho. Vấn đề chính trong một cuộc chiến tranh, là tiêu diệt quân chủ lực của đối phương. Vả lại đường Bảo Định hà là đường đi gần nhất từ Sài Gòn tới Mỹ Tho. Trên Bảo Định hà, quân và dân ta đã

gấp rút xây dựng tất cả là 6 đồn có bố trí đại bác và 9 cản, phần lớn các cản làm ở khúc giáp nước, một bên chạy về Vàm Cỏ, một bên chạy về Tiền Giang, nước không chẩy mạnh nên quân và dân đóng cọc lấp đất, hoặc là đem thuyền chở đầy đất rồi đục chìm ngăn sông.

Lúc bấy giờ muốn đi đường sông từ Vàm Cỏ Tây vào Tiền Giang thì có hai sông; một là từ Tân An qua Cai Lậy qua ven Đồng Tháp Mười bằng đường Rạch Chanh; hai là từ Tân An đi Mỹ Tho bằng Bảo Định hà; địch dò đường Rạch Chanh nhưng thấy cạn, thuyền gỗ đi được, tầu máy đi không được, chỉ còn đường Bảo Định hà mà thôi.

Lúc bấy giờ, lĩnh Tổng đốc Định Tường là Nguyễn Công Nhàn được bổ nhiệm chỉ huy quân thứ, nhưng chưa đến nơi. Lĩnh phủ là Nguyễn Hữu Thành và Án sát là Trần Mẫn Đạt giao cho Phó Đề đốc là Đặng Đức đem binh đến ụ Tân Hương và Phó Lãnh binh Bùi Đức đốc quân phòng bị "nghiêm mật". Nói nghiêm mật, nhưng có lần địch vào ụ Tân Hương cách rào 400 thước, lên bộ do thám mà hai ông Đức không đánh chác gì, chúng cầm cờ trắng đến giả dạng giao thiệp rồi bình an rút lui. Thực ra là mấy lúc đó kỹ sư của chúng là Ma-nen[1] đi dò xem lòng sông Bảo Định sâu cạn thế nào. Công Nhàn đến giữa lúc đó, phi tư cho đốc thần Long Tường là Trương Văn Uyển đem binh thuyền từ Vĩnh Long đến hội chiến. Trong lúc địch do thám sông Bảo Định thì Đại tá Cun[2] của địch cũng đi do thám đường bộ, thấy rằng đường bộ từ Chợ Lớn xuống Mỹ Tho cũng bị dân quân ta triệt để phá hoại, làm nhiều công sự, chướng ngại; chúng ước lượng rằng nếu đi đường bộ thì nội việc chữa 75 cây số đường phải tốn một tháng, mà trên bộ thì quân địch không có thủy quân ủng hộ khó bề đánh thắng quân Việt Nam. Cho nên rốt cùng, chúng quyết định đánh vào Mỹ Tho bằng đường sông Bảo Định mặc dầu sông Bảo Định được phòng thủ một cách khá nghiêm mật từ ngày Gia Định thất thủ.

1. Manuel.
2. Cools.

https://tieulun.hopto.org

Trong cuối tháng 3, thuyền địch tụ họp ở địa phận thôn Tường Khánh (thuộc Tân An ngày nay), còn quân ta thì tụ họp ở trạm Định Tây (thuộc Mỹ Tho ngày nay).

Bắt đầu từ 1-4, ròng rã 5 ngày đêm, quân địch do Buốc-đe[1] chỉ huy bắn phá 2 ụ ở tả và hữu ngạn Tân Hương; địch tốn nhiều công, nhiều mạng người để nhổ cọc, phá cản, lôi thuyền bị đánh đắm.

Cản 1 và 2 bị phá rồi thì lại phá cản 3, 4. Một số tàu địch bị mắc cạn. Bệnh thiên thời, kiết lỵ nổi lên trong số lính địch ngày đêm lặn hụp dưới mưa đạn để mở dòng sông.

Qua xong cản 3, 4 thì gặp đồn Tỉnh Giang. Ta và địch đánh nhau trong 5 ngày, giành từ thước đất. Đồn mất, địch phá cản 5, 6 sau đồn.

Qua giáp nước là đến đồn Cát Lộc và cản số 7.

Giữa cản 7 và hai cản 8, 9 quân địch bị tiêu hao nhiều và bị quân ta đánh rát hơn, phải xin tăng viện nhiều chiến thuyền nhẹ, 2 đại đội bộ binh và 2 đại đội thủy quân, 1 đại đội thủy quân lục chiến với nhiều đại bác đến trợ chiến. 24 giờ sau, tên quan ba Đờ-vô lại kéo thêm một đại đội nữa đến tiếp viện, số quân địch lên gần tới 1.000 người và nhiều pháo thuyền.

Còn bên ta thì Trương Văn Uyển cũng sai Án sát Nguyễn Duy Quang và Lãnh binh Tôn Thất Tuấn đem thêm 1.000 binh dũng đến viện tiễu.

Rốt cùng địch chiếm được đồn Cát Lộc, phá được cản 8 và 9. Quân ta đem thêm thuyền nhận chìm ở dưới sông ngăn địch và phục kích trên hai bờ sông. Nguyễn Công Nhàn muốn thừa nước lớn mà đánh một trận hỏa công; đêm 9 rạng 10, bốn chiếc thuyền đựng đầy thuốc súng và rơm khô được thả tới chỗ địch đậu tầu, định rằng hễ tới nơi thì phát hỏa, phục binh hai bên bờ sẽ nhất tề

1. Bourdais.

nổi lên bắn giết. Nhưng không may có một thuyền ván của Tây đi tuần, quân ta trong thuyền thuốc súng ngỡ là thuyền máy, lập tức phóng hỏa. Sớm quá!

Thuyền Tây còn có thì giờ nhiều để đẩy các thuyền thuốc súng đang bốc cháy vào ngòi. Thế là trận hỏa công phục kích không thành.

Ngày 10-4, địch lấy đồn 5, đánh đồn 6, tiến gần đến Mỹ Tho. Ngày 10, khi đánh đồn 5 tức đồn Tham Lương, Đại tá Buốc-đe bị quân ta bắn chết. Đờ-vô lên thay.

Một mặt khác chúng cho bộ binh từ giáp nước tiến về phía bắc sông Bảo Định, chợ Bến Tranh hiện giờ.

Tình thế nguy ngập. Công Nhàn bỏ đi. Mẫn Đạt cũng trốn.

Hữu Thành, Đặng Đức rút quân vào thành.

Đến 14, địch lại được tăng viện, quân số chúng lên trên 1.000 với 18 đại bác, chuẩn bị đánh vào thành. Thành xây dựng ở vàm sông Bảo Định. Từ hôm địch vào sông Bảo Định đến nay đã 12 ngày, đi được 25 cây số rất vất vả và tổn thất nặng.

Trong lúc địch đánh Định Tường bằng ngả sông Bảo Định thì địch cũng có một hạm đội 4 chiếc do Đô đốc Pa-jơ cầm đầu, vào ngõ cửa bể; 2 đồn tiểu hải và đại hải cản lại, bị địch bắn vỡ, hạm đội địch kéo lên trước thành Mỹ Tho ngày 12, hội chiến với cánh quân từ Bảo Định hạ xuống. Từ đồn 5 địch cũng đổ bộ tiến vào thành bằng ngõ phía tây nam sông Bảo Định giữa Bảo Định và Cửu Long. Ba mũi khép vào Định Tường.

Hữu Thành thấy thế không giữ thành được, bèn thiêu hủy kho lẫm, dinh thự, hành cung, rồi cùng với Đặng Đức rút ra khỏi thành chạy về hướng Cái Bè. Nguyễn Duy Quang, Tôn Thất Tuấn đem quân bản bộ về Vĩnh Long (!) không tiếp tục kháng chiến nữa.

Cứ theo kinh nghiệm từ 15 ngày trên sông Bảo Định lưu huyết, địch tưởng vào Định Tường thì phải một trận gay go, không dè

https://tieulun.hopto.org

quân triều đình lại bỏ đi, để lại nhiều của cải và cả một xưởng đóng tàu lớn đầy đủ vật liệu dụng cụ. Địch mừng rỡ:

"Hạnh phúc thay! Vì thành được xây dựng theo kiểu Vô-băng quanh thành có hào sâu đầy nước, trong thành có nhiều đại bác kiểu lớn để phòng vệ, nếu đánh lấy thì chắc phải tổn thất nhiều"[1].

Nhưng địch cũng phải thừa nhận rằng:

"Chưa có cuộc hành quân nào ở Nam Kỳ mà mệt nhọc và bị nhiều người chết chóc bằng cuộc hành quân này... Quân lính ta, trên đường, đụng phải nhiều ổ đại bác, nhiều cản, nhiều chướng ngại vật đủ thứ của kẻ địch đã bày ra. Đó là một cuộc chiến đấu liên miên cả ngày lẫn đêm, chống người chống vật của một vùng xa lạ huyền bí. Một số đông quân lính tham gia cuộc hành quân này đều bị chết, chết vì nhọc nhằn quá, hay chết vì bệnh dịch tả. Viên quan tư can đảm Buốc-đe, người chỉ huy cuộc hành quân bị một viên đại bác làm bay mất cái đầu... Trên chiến thuyền sông Ranh có 12 người thì bị bệnh dịch tả chết hết 5 trong một ngày"[2].

Quan triều đình bỏ thành Định Tường, nhưng khắp các huyện, nghĩa quân nổi lên kháng chiến; vào nội địa Pháp sẽ trả giá xâm lăng càng đắt hơn nữa. Từ Tiền Giang lên Vàm Cỏ, trên cả một vùng rộng rãi ấy, địch chỉ đóng được có 3 đồn: Gia Thạnh, Chợ Gạo và Gò Công; nghĩa là không chiếm được mấy đất, không cai trị được mấy dân.

V. GIẶC CỨ TIẾN ĐÁNH MÀ TRIỀU ĐÌNH CỨ NGHỊ VÀ HÒA LỤC ĐỤC VÌ MẮC LUẬN TỘI VÀ CÔNG

Từ lúc chiến thuyền Tây mới vào bến Sà Úc và mới quấy rối Tân Hương, triều đình có cho quân vào ứng tiếp, nhưng mà quân còn trên đường thì Định Tường đã mất, quân thứ Biên Hòa có 4, 5 nghìn người không phải là ít mà Nguyễn Bá Nghi cứ ngồi yên,

1. Thomazi, *La conquête de l'I.C* tr. 58.
2. Vial, *Histoire de la Cochinchine*, tr. 112 - 113.

không chịu đánh sau lưng địch, chia xẻ địch để tiếp cứu cho Định Tường, cứ riêng rẽ xây đồn, đắp cản.

Hữu Thành đổ tội Công Nhàn bỏ trốn; Công Nhàn đổ tội cho Hữu Thành không cùng hiệp sức. Triều đình cách chức cả hai, lưu lại để thu thập binh cũ mà mưu việc về sau.

Tự Đức sai đình thần mộ thêm quân từ Thừa Thiên trở vào để đem vào Nam, cho quan quân ở Nam Kỳ tùy nghi hành động, thưởng phạt, thu lương, mộ binh không phải chờ lệnh, chỉ báo cáo mỗi tháng một lần; lệnh cho Biên Hòa và Vĩnh Long phải mật thiết tiếp nhau. Cứ theo chỉ dụ thì, trên giấy vẫn là hay:

"Đông lôi, tây kéo, luôn luôn quấy rối khiến cho nó mỏi vì bôn tẩu đối phó mà không dám mưu tính việc khác nữa"[1]. Nhưng thực tế thì đông chẳng lôi, tây không kéo, chỉ có nhân dân Gia Định, Định Tường nổi lên chống giặc. Thì từ ngày đến trấn nhậm Biên Hòa, Nguyễn Bá Nghi "thấy đánh giữ đều chưa tiện"; nên cho người tới lui bàn việc giảng hòa với quân Pháp, Bá Nghi nuôi tư tưởng thất bại chủ nghĩa, sợ súng địch, không tin sức dân và quân không thấy rằng Pháp chiếm xứ ta là vì muốn lấy xứ ta làm thị trường; Bá Nghi lầm tưởng đâu sở dĩ chúng đánh là vì:

"Bấy lâu nay ta lạnh nhạt với họ, họ bị các nước láng giềng chê cười, cho nên đem quân đánh ta để cho được hòa?".

Việc chính trị mà đại thần xem là việc tâm lý thôi; *"Tây sợ láng giềng cười nên đánh"*, và *"đánh là để được hòa!"*. Quái gở thay!

Cho nên Bá Nghi chủ trương rằng:

"Trừ một chước hòa, tôi chỉ còn chịu tội".

Bá Nghi lại nghĩ rằng:

"Hiện nay, người Tây đã chiếm giữ Gia Định, hòa hay không cũng đã thua thiệt đầy rồi, ví thử hòa mà họ vẫn giữ không chịu trả, thì thua thiệt chỉ có thế thôi".

1. *Dương sự thủy mạt.*

https://tieulun.hopto.org

Bá Nghi không biết là địch muốn lấy cả đất nước. Ông ta sợ Tây giận, Tây nghi, nên:

"Tôi không đắp đồn lũy nữa, không thu trưng binh lương nữa là vì thế!... Kẻ địch xét thấy ý ta không thực, lại càng thêm chém cắt hơn"?!!!

Bá Nghi tâu lên những lời lẽ kỳ quái như thế mà Tự Đức cứ tin cậy, Tự Đức lại cách chức những người tuy thua trận mà can đảm, có tài, đã làm cho địch thất điên bát đảo trên sông Bảo Định như Nguyễn Công Nhàn.

Trong lúc đang bối rối đó thì Y Pha Nho trao cho thứ thần Biên Hòa một bức thơ yêu cầu nhà vua để cho họ lập căn cứ ở Đồ Sơn (tỉnh Hải Dương) và ở cửa huyện Nghiêu Bang (tỉnh Quảng Yên), 10 năm sau sẽ trả lại; nếu không thì họ sanh sự ở Bắc Kỳ. Triều đình không nhận, nhưng đã bối rối càng thêm bối rối, lo phòng vệ ở đảo Cát Bà; lực lượng lại càng bị chia phân.

Từ tháng 3, sau khi đã lấy được Định Tường, Đô đốc Sác-ne thấy rằng lấy thành Gia Định, Định Tường thì còn tương đối dễ hơn là lấy các huyện, các xã; nhân dân khắp xứ nổi lên; quân Pháp phải phân tán, không đủ giữ, đừng nói chi là đánh ra Biên Hòa và Vĩnh Long. Sác-ne viết:

"Nếu tôi có thêm 1.000 quân, tôi sẽ lấy 2 tỉnh...".

Vì vậy mà Sác-ne dùng kế hoãn binh, viết thơ nghị hòa, đòi 14 khoản, mấy khoản chính là:

- tự do giảng đạo,
- Pháp giữ Sài Gòn và 2 tỉnh Gia Định, Định Tường,
- đòi 4 triệu chiến phí,
- tự do thương mại ở khắp Việt Nam,
- lập lãnh sự.

Triều đình chỉ chịu nhận cho tự do giảng đạo mà thôi. Cuộc thương, thuyết kéo dài. Quân triều đình không đánh. Địch thừa thời gian miễn chiến để tăng viện binh, mộ ngụy quân, dùng người Việt đánh người Việt. Chúng lại mở cảng Sài Gòn, xuất cảng lúa gạo lấy cơm tiền Việt Nam để xâm chiếm Việt Nam. Triều đình do dự. Giặc đương lấy nước, đương tăng cường quân đội, mà Bá Nghi lại xin rút bớt quân thủ Biên Hòa, xin cầu viện nước ngoài; nhưng dân tâm Nam Kỳ sôi nổi chống giặc, họ tự lực chiến đấu từ trong thành Sài Gòn đến ngoài thôn xã, họ không cậy vào nước ngoài mà tự tin, họ không vào rừng sâu như chỉ thị của triều đình mà ở trong rừng người; riêng Trương Định mộ được 6.000 quân, Nguyễn Thành Ý và Phạm Trung mỗi người mộ được 2 cơ, 4.000 quân, các nơi nghĩa dũng tự động tổ chức đông gấp mấy lần quân chính quy của triều đình, và ngày đêm họ tìm giặc mà đánh, và chính vì vậy mà Sác-ne không sớm đánh được Biên Hòa, phải chờ tăng viện và xây dựng thêm lực lượng ngụy binh mới khởi công được.

VI. BIÊN HÒA THẤT THỦ (TỪ 14-12-1861 ĐẾN 7-1-1862)

Chân ướt chân ráo đến Sài Gòn thay vào Sác-ne, Bô-na đã hống hách tuyên bố trong một cuộc duyệt binh: *"Chúng ta sẽ tiến công Biên Hòa, và nếu cần, chúng ta sẽ tiến công Huế"*.

Ấy thế mà triều đình có hay biết gì đâu! Ở Huế, Tri Phương không vội gì đem quân vào Nam. Ở Biên Hòa, Bá Nghi ngừng hẳn việc xây đồn đắp cản!

Biên Hòa là tỉnh đầu tiên của Nam Kỳ lục tỉnh khi từ Bình Thuận ta bước vào Nam; nó gồm có tỉnh Biên Hòa, tỉnh Thủ Dầu Một và Bà Rịa hiện nay (Còn Gia Định lúc ấy thì gồm Gia Định, Chợ Lớn, Tây Ninh ngày nay). Tỉnh lỵ, nằm trên tả ngạn sông Đồng Nai cách thành Gia Định 30 cây số. Từ Gia Định lên Biên Hòa có thể đi bằng đường bộ; trên đường bộ này có hai đồn án ngữ, đồn Gò Công trao trão và đồn Mỹ Hòa; đồn Mỹ Hòa cách tỉnh lỵ 8 cây số mới được xây dựng khá kiên cố bên hữu ngạn sông Đồng Nai,

https://tieulun.hopto.org

nhất là từ khi Nguyễn Bá Nghi chỉ huy quân thứ Biên Hòa. Lại có thể đi từ Gia Định, lên Biên Hòa bằng đường thủy, theo sông Bến Nghé, xuống Nhà Bè, lên sông Đồng Nai; trên sông Đồng Nai, quân và dân ta làm 8 cái cản cũng gọi là kè, bằng gỗ và một cái cản bằng đá ong; chỗ đắp cản quan trọng nhất là ở khúc sông Long Đại độ phần nửa đường Nhà Bè - Biên Hòa; hễ dưới sông có cản thì trên bờ có đồn lũy, đại bác, lại có những thuyền con đầy thuốc nổ để dùng làm thuật hỏa công. Quanh và trong thành Biên Hòa có 3.000 quân gồm những tàn binh từ Gia Định đến và những đạo quân từ Trung mới vào.

Cuối năm 1861, triều đình gửi Nguyễn Tri Phương trở vào tăng viện Biên Hòa, Tri Phương chưa đến nơi thì Biên Hòa toàn tỉnh bị thất thủ.

Ở Biên Hòa, Nguyễn Bá Nghi chủ trương giảng hòa, không muốn đánh, vin cớ là súng yếu người ít, cho đến đỗi lơ là với việc tăng cường phòng thủ, sợ rằng nếu càng đào hào đắp lũy, càng phục kích đánh địch tuần tiễu do thám thì địch càng tìm cách tấn công, ông ta không chịu hiểu rằng địch chỉ muốn tạm yên để tích tụ thêm lương thực đạn dược, tăng thêm quân số rồi tấn công mặc dầu Bá Nghi không muốn đánh. Chẳng phải chỉ có Bá Nghi có tội chủ hòa, lơ đễnh, chủ trương thất bại chủ nghĩa. Tội ấy cũng là tội của triều đình, triều đình tuy nói "hòa hảo là quyền nghi, công thủ mới là việc thực", nhưng trong 7, 8 tháng, được mười mấy lần sớ tấu của Bá Nghi và của đình thần, biết rõ Bá Nghi không chịu đánh, mà triều đình cứ điềm nhiên, cứ để Bá Nghi tại chức, chính vì nhà vua cũng không quyết đánh, chỉ có dân quyết đánh mà thôi. Đến khi Pháp động binh thì Bá Nghi mới bắt đầu trưng binh thu lương và triều đình mới phái Tri Phương trễ tràng đem binh vào cứu viện.

Bên địch thì từ tháng 3 năm 1861, Đô đốc Sác-ne đã bắt đầu thi hành chính sách "dùng người Việt đánh người Việt", lập những đại đội ngụy binh mà lúc bấy giờ ta gọi là "mã tà"; từ ngày ở Đà

Nẵng R. đờ Giơ-nu-dy đã chiêu mộ được vài toán nhỏ ngụy quân, những toán ấy đã có tham chiến ở trận Đại Đồn. Địch lại tổ chức thêm đội kỵ binh từ tháng 12. Đầu năm 1862 Đô đốc Bô-na tăng số ngụy quân lên tới 3 tiểu đoàn. Cần nói ngay rằng số ngụy quân (mã tà) này ra trận thì không can đảm chút nào, Pháp thường dùng chúng để đồn đóng càn quét, chuyển vận, làm thủ hạ; sử thực dân ghi rất nhiều vụ mã tà bán súng, bán đạn cho quân du kích, cũng có nhiều vụ người Pháp, người Y Pha Nho và nhất là người Phi Luật Tân đào ngũ qua phe kháng chiến.

Tháng 11-1861, Bô-na thay cho Sác-ne. Bô-na đến Sài Gòn trong lúc dân quân nổi lên khắp các vùng bị chiếm đóng. Bô-na quyết định đánh Biên Hòa, sai quân lên thám thính ở Suối Sâu, đội quân đó bị đánh lui; lại một đội khác đến hai thôn Bình Thịnh, Bình Chuẩn, bị Phó Đề đốc Lê Quang Tiến nhân đêm tập kích; địch thua chạy; Bá Nghi và triều đình càng chủ quan trước những thắng lợi nhỏ đối với những toán quân tuần tiễu và do thám.

Bô-na lên đánh Biên Hòa bằng cả hai đường thủy và bộ; hắn rút quân lưu động ở các nơi về tập trung ở Sài Gòn và ngày 13 tháng chạp hắn vừa gửi tối hậu thơ cho Bá Nghi, vừa động binh tiến đánh.

Hai đạo lục quân địch, một đạo đánh lấy Gò Công trao trảo (không phải huyện Gò Công thuộc tỉnh Định Tường) sáng ngày 14, một đạo tiến sát đồn Mỹ Hòa. Lại có 2 đội chiến thuyền, một đội dọc theo sông Đồng Nai đánh phá các đồn và các ổ đại bác ven sông; một đội khác theo rạch nhỏ lên Gò Công, cốt đổ bộ đánh sau lưng các đồn đang bị thủy quân bắn phá.

Các đồn ven sông chống trả mạnh; riêng tàu chiến A-lác-mơ ăn 54 phát đại bác, gãy cả cột buồm. Nhưng lần lượt, các đồn bị đánh hai mặt bộ và thủy, nên hoặc tự hủy hoặc quân ta rút bỏ. Suốt đêm 14 rạng 15, địch tập trung lực lượng phá các kè của khúc sông Long Đại trong lúc đó thì đại bác giữ kè đã vắng tiếng. Phá xong kè thì người Pháp - Y Pha Nho lại hội quân ngày 15 để cắt liên lạc

https://tieulun.hopto.org

ta giữa Mỹ Hòa với Biên Hòa và để hạ đồn Mỹ Hòa. Quân giữ đồn thấy bị bao vây, bỏ đồn rút qua sông. Thủy và lục quân địch bức Biên Hòa; tỉnh thần là Tuần phủ Nguyễn Đức Hoan và Án sát Lê Khai Cẩn lại rút lui nữa về giữ đồn mới là Hố Nhĩ, bỏ lại thành Biên Hòa 48 đại bác và 15 chiến thuyền, còn Bá Nghi thì từ phủ Phúc Tuy lui vào khoảng rừng Long Kiên, Long Tả rồi chạy tuốt về Bình Thuận. Quân Pháp lại xuôi dòng Đồng Nai mà tiến đánh lấy thành Bà Rịa vào ngày 7 tháng giêng năm 1862. Trước đó ít ngày chúng đã chiếm đảo Côn Lôn và liền lập trại tù ở đó.

Trong lúc địch tấn công vào Biên Hòa và Bà Rịa, thì chiến thuyền của chúng rảo theo ven biển đánh đắm trên 100 thuyền của dân và thuyền của Nhà nước, nhất là ở hải phận Phan Rí.

Trong lúc Biên Hòa lâm nguy, triều đình khệnh khạng, chậm trễ việc tiếp cứu, mất hết thì giờ trong việc ban kiếm, ban nhung y, ban thắt lưng cho Nguyễn Tri Phương, Tôn Thất Cáp và Nguyễn Công Nhàn, trong việc giao cho quan hữu ty mở lịch xem giờ tốt để "Khởi mã", giao cho Khâm thiên giám xem kỹ "bản mệnh của đại tướng, tốt hay xấu". Tri Phương được lệnh đem 2 vệ quân để cùng hiệp với 2.000 quân đã phái đi trước mà còn đóng ở Khánh Hòa để mưu cứu cấp. Quân chưa đến nơi, Bá Nghi đã bỏ Biên Hòa rồi, quân thứ của Nguyễn Tri Phương cùng tàn quân của Bá Nghi đều đóng ở Bình Thuận, không tiến đánh địch để ủng hộ cho nghĩa binh ba tỉnh đang rầm rộ nổi lên thắng lợi. Trong tay triều đình có số quân tuy không nhiều mà đã thao luyện, ấy thế mà không chịu công phá địch lúc địch phân tán lực lượng, triều đình chỉ phóng ra lời kêu gọi ứng nghĩa sau khi toàn ba tỉnh nhất là Gia Định và Định Tường, nhân dân đã ứng nghĩa từ lâu, từ ngày giặc mới chiếm đất, không đợi lời hứa *"ai thu được một phủ thì làm tri phủ, ai thu phục cả tỉnh thì chia đất phong vinh đời đời nối hưởng, dĩ chí binh dũng không công trạng cũng được miễn sưu thuế"*. Tội lỗi của triều đình sẽ còn nặng nề hơn nữa, khi quân ứng nghĩa khắc phục gần hết các thôn xã thì triều đình lại sẽ nghị hòa với giặc mà chịu nhượng hẳn 3 tỉnh miền Đông.

VII. THÀNH VĨNH LONG THẤT THỦ (20 - 23 THÁNG 3 NĂM 1862)

Triều đình án binh bất động ở Bình Thuận, thì lẽ tất nhiên giặc thừa thế lan rộng ra miền tây; chúng lấy cớ rằng cuộc kháng chiến của nhân dân bấy giờ (sau khi Biên Hòa thất thủ) là do Vĩnh Long chỉ đạo, nếu đánh lấy Vĩnh Long thì sức kháng chiến có thể bị suy sụp đi. Thực tế, chúng muốn đánh lấy thành Vĩnh Long là một thành nhỏ ven sông rất dễ bị thủy quân tiêu diệt, địch lại có ưu thế nhất là về chiến thuyền; lấy Vĩnh Long là để càng có thế mà áp đảo triều đình Huế trong cuộc thương thuyết sắp tới, làm món hàng để câu nhử triều đình phải nhượng 3 tỉnh miền Đông thì chúng trả lại Vĩnh Long. Trong thực tế của chiến trường miền Nam lúc bấy giờ thì Pháp không còn có đủ quân số để mà lan ra nữa, hay là để chiếm đóng nội ba tỉnh miền Đông nếu quân chính quy - lúc ấy gọi là biền binh - hiệp sức cùng với nghĩa quân để đánh giặc.

Ngay một tuần nhật sau khi Định Tường thất thủ, quân Pháp đã cho thuyền máy đi vào giang phận Vĩnh Long mà do thám. Nước ta với Pháp đương chiến tranh, ấy thế mà tỉnh thần Vĩnh Long cứ giao thiệp thư từ hòa nhã để địch ra vào luôn, tỉnh thần mật tấu về kinh thì vua lại khen là "khéo xử"! Cho nên, khi Pháp rút đa số quân đồn đóng ở Định Tường lên đánh Biên Hòa thì đại quân ở 3 tỉnh Vĩnh Long, An Giang, Hà Tiên lại không tiến đánh địch. Thật là một sách lược quái gở và phản phúc của bọn quan phong kiến bất lực và sợ địch: cái thái độ "nhà ai cháy nấy chữa" này sẽ tái diễn ở Bắc Kỳ khi quân Pháp quyết định thôn tính cả nước Việt Nam.

Tháng 3 năm 1862, hai tháng sau khi chiếm đóng Biên Hòa, Bà Rịa, hơn 10 chiến thuyền giặc kéo đến đầu phía thượng lưu sông Vĩnh Tùng, đổ quân lên bộ đắp lũy, thì chừng ấy tỉnh thần Vĩnh Long là Trương Văn Uyển mới biết là chúng quyết tràn lan định chiếm thành Vĩnh Long. Lãnh binh Tôn Thất Tuấn, Nguyễn

https://tieulun.hopto.org

Thái, Lê Đình Cữu đóng giữ đồn Vĩnh Tùng ở ngoài Vàm sông; Lãnh binh An Giang là Hồ Lực, Ngô Thành, Trương Văn Thành đóng giữ đồn Thanh Mỹ cũng gần đó, còn Trương Văn Uyển với Bố chính Lê Đình Đức thì cầm quân tiếp ứng cho hai đồn kia. Luôn hai ngày đêm, địch công phá và hạ hai đồn lũy Vĩnh Tùng, Thanh Mỹ. Thuyền địch tiến bắn vào thành Vĩnh Long, đổ bộ lên, đánh bọc hậu. Quân triều đình chống cự kịch liệt trên các ngọn rạch và quanh thành, đại bác nhằm tầu máy của địch mà nhả đạn. Trận đánh kéo dài từ trưa đến tối ngày 22-3, thì các ổ đại bác của ta đều bị phá.

Đêm ấy Trương Văn Uyển đốt cả kho tàng, công thự trong thành, rút quân lui về đóng ở đồn Thị Bảo, rồi chỉ nghe tin phao truyền là địch sắp truy kích, ông đã mau chân chạy tít đến huyện Duy Minh. Sáng 23, địch vào thành, trong số chiến lợi phẩm có 68 đại bác.

Trong lúc địch đánh Vĩnh Long thì dân quân ta xuất phát từ Mỹ Quý, tiến đánh vào Mỹ Tho nhưng không có kết quả gì lớn.

Sự thể mất thành Vĩnh Long được báo cáo về kinh; vua cho rằng tình thế Vĩnh Long cô lập, khác với Biên Hòa, nhưng nhà vua trách cứ Văn Uyển "không biết chọn chỗ hiểm yếu mà đặt đồn làm thành cái thế không thể bị đánh bật, mà chỉ chuyên dựa vào hai nơi Thanh Mỹ và Vĩnh Tùng". Cho nên cả đám tỉnh thần có trách nhiệm đều bị cách lưu, lại được lệnh "chọn nơi đóng kín", thu tập binh dũng, thu tập khí giới lương thực, cùng làm thế ỷ dốc với quan quân và nghĩa dân còn hoạt động ở Định Tường (do Đỗ Thúc Tĩnh) và Gia Định (do Đỗ Quảng) để giải nguy cho An Giang và Hà Tiên. Lúc Vĩnh Long thất thủ và về sau đó chính là lúc nghĩa quân hoạt động rất mạnh ở khắp các nơi và vẫn giữ Mỹ Quý (cách Mỹ Tho 20 cây số), giữ Cai Lậy, đánh vào thành phố Chợ Lớn, tổ chức đầu độc ở Sài Gòn, chiếm lại Phước Lộc, Vĩnh Phước, Bến Lức ở Gia Định, tiến bức Biên Hòa, khắc phục

Gò Công, Tân An, v.v... Làm cho quân Pháp tuy có lan rộng ra từ Bà Rịa tới Vĩnh Long mà mất rất nhiều căn cứ ở bên trong, bị tập kích khắp nơi nào mà chúng nó ló ra, tình thế của chúng nó rất là nguy khốn.

"Người Pháp đã bắt đầu thấy rằng cần phải chinh phục lại những tỉnh đã chinh phục. Nhưng trong lúc không ngờ rằng Tự Đức xin giảng hòa thì Tự Đức lại xin giảng hòa"[1].

Thật là phản phúc!

Bọn phong kiến sợ dân hơn ghét Pháp. Tự Đức giảng hòa là gián tiếp giúp giặc tàn sát nghĩa quân, bội phản quyền lợi của nhân dân, của tổ quốc. Ngày 5-6-1862, Tự Đức ký hiệp ước bán nước, nhượng cho giặc Pháp ba tỉnh miền Đông Nam Kỳ trù phú.

* * *

TÓM LẠI

Liền sau khi liên quân Anh - Pháp thắng Trung Quốc, bắt buộc triều đình Bắc Kinh ký hòa ước bất bình đẳng mới (1860), quân Pháp tập trung 2.200 người ở Ngô Tùng, với 40 chiến thuyền và được tăng thêm 900 quân từ Pháp sang, kéo về Sài Gòn để mở rộng cuộc xâm lược.

Nguyễn Tri Phương từ lâu xây Đại đồn ở Chí Hòa, tập trung nhiều quân, nhiều lương, nhiều súng, mà chỉ bao vây địch, không tấn công, mặc dầu số địch chỉ có 800 rải rác từ Thị Nghè vào đồn Cây Mai.

Ngày 24-2-1861, địch bắt đầu tấn công Đại đồn, quân ta kháng cự anh dũng. Nhưng rốt cuộc Đại đồn thất thủ, Tri Phương bị thương, địch chiếm được nhiều quân lương súng ống, nhưng trả giá rất đắt. Quân ta bị thua nặng, lớp tan rã, lớp lui về Biên Hòa.

1. Thomazi, *Conquête de l'I.C*, tr. 69.

https://tieulun.hopto.org

Địch thừa thế lan rộng lên chiếm đóng Tây Ninh, và bắt đầu chuẩn bị xâm phạm Khơ-me.

Tháng 4 địch đi bằng 2 đường thủy, một qua Bảo Định hà, hai vào cửa Đại, tiến đánh Mỹ Tho. Quân ta kháng cự vô cùng anh dũng, làm cho địch tổn thất và vất vả còn nhiều hơn là trong trận Đại đồn. Sau 15 ngày chiến đấu, các đồn và cản trên Bảo Định hà đều bị phá, thành Mỹ Tho bị hãm. Địch lấy Mỹ Tho nhưng chỉ đóng quân được có 3 nơi là Gia Thạnh, Gò Công và Chợ Gạo, còn tất cả các nơi khác hãy còn tự do, dân quân tứ phương nổi lên kháng chiến; ngược lại quân triều đình ở Biên Hòa không chịu hoạt động; đã chẳng hoạt động, Bá Nghi còn sợ Pháp kiếm cớ tấn công nên không chịu tiếp tục phòng thủ, thu lương, trưng binh! Bá Nghi quan niệm hoàn toàn sai lạc "rằng giữ không tiện, đánh cũng không tiện", "hòa thì mất ít, đánh thì mất nhiều", "Pháp sở dĩ đánh ta là vì ta lạnh nhạt với nó", "nó đánh ta là để có hòa"!

Bá Nghi đàm phán mãi với địch mà thờ ơ với sự phòng vệ.

Nhưng Bô-na thay cho Sác-ne, từ 14-12-1861, hắn tấn công vào Biên Hòa bằng 2 đường thủy bộ, Cản long - Đại vỡ, thành Mỹ Hòa mất, quan quân bỏ Biên Hòa chạy ra Bà Rịa địch lại chiếm Bà Rịa thì quan quân chạy ra Bình Thuận họp với quân của Nguyễn Tri Phương, nằm yên ở đó.

Sau Biên Hòa, địch xuống chiếm thành Vĩnh Long để sau này mặc cả với triều đình và để tăng quyền bá chủ của nó trên sông Tiền Giang huyết mạch.

Địch tuy lan rộng ra, nhưng suốt từ Mỹ Tho trở lên, nhân dân ứng nghĩa chiếm lại hầu hết các thôn xã, tổng huyện; tình thế địch rất nguy cấp; cứ theo lời của chúng thì "cần phải chinh phục lại đất đã chinh phục"; khốn thay, lúc đó mà triều đình lại cầu hòa, nhận điều kiện của giặc, ấy là bỏ rơi quần chúng!

Chương 5

HÒA ƯỚC 1862 - CUỘC KHÁNG CHIẾN CỦA NHÂN DÂN NAM BỘ: TRƯƠNG ĐỊNH KHỞI NGHĨA CĂN CỨ THÁP MƯỜI CỦA THIÊN HỘ DƯƠNG

I. HÒA ƯỚC 5-6-1862

1. Vì sao thực dân Pháp muốn giảng hòa?

Từ lâu nay, tuy hai bên đánh nhau liên tiếp, Tự Đức và giặc Pháp vẫn thơ từ qua lại luôn để bàn đến giảng hòa, Pháp muốn đi đến giảng hòa bởi vì chúng:

- Không có binh lực để chiếm rộng ra nữa.

- Không có binh lực để vừa chống đối với số quân tuy ít của triều đình, vừa bình định ở những nơi mà chúng đã chiếm được, chỉ có vừa thiếu để giữ gìn các thị trấn chính và các đường giao thông chính.

- Bị nhân dân khởi nghĩa đánh rát quá, lực lượng tiêu mòn khá mau, mặc dầu rằng chúng đã lập được một số đội ngụy quân, thực

https://tieulun.hopto.org

hiện chính sách dùng người Việt đánh người Việt, số ngụy quân hãy còn ít.

- Lúc bấy giờ, ngay ở bên Pháp, vẫn hay có một số tư bản, con buôn thúc đẩy triều đình Na-pô-lê-ông III thi hành chính sách xâm lăng Viễn Đông, nhưng chính sách ấy chẳng những bị nhân dân phản đối mà cũng bị nhiều cánh tư sản và quân phiệt ngờ vực. Ngay trong lúc nó xâm chiếm 3 tỉnh miền Đông Nam Kỳ thì Pháp chăm chú mưu mô để xâm chiếm đất Sy-ri ở Cận Đông và người Anh làm cho Pháp hỏng cẳng bên Sy-ri. Cuộc chinh chiến ở Trung Quốc tốn kém, 60 triệu chiến phí mà Pháp bắt Trung Quốc phải trả không "hòa vốn" được.

""Học đi trên đường Á châu" là tốt đó, nhưng đường ấy tỏ ra là không đem lại nhiều lời"[1].

Đó là câu của một người làm báo đương thời năm 1862, bọn tài phiệt Pháp "tính sổ" vụ xâm chiếm 3 tỉnh Nam Kỳ thì thấy rằng:

Năm 1860, Pháp tốn 60 triệu.

Năm 1861, thêm 57 triệu.

Năm 1862, lại thêm 22 triệu nữa.

"Những người tài phiệt, những nhà kinh tế Pháp bàn nên day mặt qua hướng Mễ Tây Cơ[2]*, vụ này mới bắt đầu, nhưng tỏ ra có nhiều triển vọng, đó là chưa kể rằng cũng có triển vọng ở đảo Ma-đa-gát-ca*[3] *gần gũi hơn"*[4].

Cho nên Ô-bô[5] là kẻ diễn đạt sự do dự ấy của tư bản Pháp, viết một bài nghiên cứu về tình thế Việt Nam, chỉ rằng người Pháp không thể cai trị được Việt Nam. Nhưng Ô-bô đề nghị là Pháp chỉ nên đòi hỏi 2 điều chính, một là Tự Đức mỗi năm phải cống nạp,

1. *Cahiers Internationaux*, N°4.
2. Mexico.
3. Madagascar.
4. *Cahiers Internationaux*, N°4.
5. Aubaut.

hai là nhìn nhận đặc quyền thương mại của Pháp. Tất nhiên có một cánh hiếu chiến triệt để xâm lăng, mà Ri-ơ-ni-ê[1] là tiêu biểu. Dù sao, lúc ấy (1862) Pháp đối với việc thôn tính Việt Nam, hãy còn do dự nhiều, và chú ý vào Cận Đông và Mỹ châu nhiều hơn là vào Việt Nam và Viễn Đông.

Tin giáo sĩ Pháp mật báo từ ngoài Bắc vào cho Bô-na biết rằng bọn Lê Phụng đang mượn danh nghĩa khôi phục nhà Lê mà nổi loạn "Pierre Lê Bảo Phụng" là một người công giáo (trước có về ở Đà Nẵng với Pháp), được tàu của Ri-gô đờ Giơ-nu-dy chở đưa ra Bắc hồi cuối năm 1858, tìm cách lấy danh nghĩa khôi phục nhà Lê mà hắn xưng là con cháu, chiêu mộ quân sĩ, quấy rối để ứng tiếp với quân Pháp ở Trung và Nam làm cho triều đình không rảnh tay tập trung quân lực đánh Pháp. Từ năm 1859, từ lúc quân Pháp còn ở Đà Nẵng cho đến khi Bô-na thay cho Sác-ne, Phụng đã mưu mô với Pháp, hay nói cho đúng hơn là một nhóm giáo sĩ Pháp và võ quan Pháp mưu mô với Phụng để lấy đó làm vốn đánh chiếm miền Bắc rồi Phụng lập một nước công giáo dưới quyền bảo hộ của Pháp. Lòng dân không thích Tự Đức, chán ghét nhà Nguyễn, lại có một số người khác còn "lưu luyến" với nhà Lê nên Pháp và Phụng có hy vọng thành công.

"Cả Đông Dương sẽ về tay ta, không tiền, không tốn người"[2].

Ấy là cái kế cũ rích của Pi-nhô đờ Bê-hen trước kia, có khác một điều là lúc trước họ dùng Nguyễn Ánh đánh Tây Sơn, bây giờ dùng Lê Phụng đánh nhà Nguyễn.

Mưu mô ấy rất tốt cho Pháp nhưng cả Ri-gô đờ Giơ-nu-dy, Sác-ne, Bô-na đều chưa dám trực tiếp cử sự ở Bắc, kinh nghiệm thực tế ở Đà Nẵng và Nam Kỳ đã chứng minh rằng không có mấy người công giáo theo Tây đánh lại xứ sở, và đã chứng minh rằng nếu nhân dân chống lại triều đình Huế thì họ càng cương quyết và anh

1. Rieunier.
2. Thomazi, tr. 70.

https://tieulun.hopto.org

dũng chống lại sự xâm lăng của Pháp, Pháp hy vọng rằng ít nhất là Phụng khuấy rối được ở miền Bắc, để Pháp buộc triều đình phải nhượng bộ ở Việt Nam.

- Tình hình ở châu Âu không cho phép tăng thêm nhiều viện binh như bọn Bô-na mong muốn; năm 1862 là năm mà Na-pô-lê-ông III gởi 7.000 quân sang chiếm Mễ Tây Cơ, quân đó bị đánh bại trước Puy-ơ-bơ-la[1], lại phải gởi thêm 28.000 quân nữa mới lấy được Puy-ơ-bơ-la sau một cuộc đấu tranh rất là lưu huyết (1863) rồi mới vào được Mê-xi-cô[2], nhưng rồi bị người Mễ Tây Cơ nổi dậy khắp xứ đánh du kích rất mạnh. Vấn đề Mễ Tây Cơ hút hết tâm lực của chính phủ Pháp, hút hết nền tài chính Pháp lúc bấy giờ. Giá lúc bấy giờ mà triều đình biết rõ tình thế, triệt để chủ chiến, thì nhất định quân Pháp phải bị tiêu diệt, hay Pháp phải rút lui mà thôi, không thể đánh lâu dài được. Mất nước không phải là điều không tránh khỏi. Thực dân biết hùm hổ tấn công, mà cũng biết chạy dài như chuột. Mấy năm sau, người Triều Tiên có súng ống gì hơn người Việt Nam, ấy thế mà trong hai trận họ đã đánh bại hạm đội và quân viễn chinh Pháp, bắt buộc Phó Đô đốc Rô-zơ[3] phải ân hận rút quân không trở lại nữa.

Năm 1862, Pháp vô cùng lúng túng ở Viễn Đông cho nên để bảo toàn vùng đất đã chiếm được và để có thì giờ để chờ cơ hội chuẩn bị lấn ra nữa, Bô-na nhân tâm lý của triều đình Huế muốn giảng hòa để đối phó với bao việc rắc rối, khởi nghĩa, nổi loạn ở miền Bắc, mà nghị hòa cùng Tự Đức.

2. Vì sao triều đình Huế muốn giảng hòa?

Còn bên triều đình Huế muốn giảng hòa bởi vì:

- Từ vua đến quan ở triều đình, dĩ chi một số tinh thần, phần lớn đều ít nhiều theo thất bại chủ nghĩa từ đầu, sợ địch mà không

1. Puebla.
2. Mexico.
3. Roze.

rõ khả năng, quân số, chủ trương, tình hình của địch ở Viễn Đông và ở Tây phương. Càng không rõ nhược điểm chính trị quân sự của địch, chỉ thấy ưu điểm kỹ thuật vũ khí của địch, thì càng đi sâu vào hướng thất bại chủ nghĩa.

- Sức không đủ để vừa chống ngăn giặc Pháp ở miền Nam, vừa chống lại hoặc các cuộc nông dân tranh đấu, hoặc cuộc nổi loạn của bọn Pierre Lê Phụng ở miền Bắc.

- Triều đình lại không thấy rõ năng lực chiến đấu của nhân dân, chỉ tạm mong nhân dân ứng nghĩa để làm cho cuộc nghị hòa của triều đình đỡ bị thiệt thòi.

- Triều đình có ảo vọng là hòa bình trở lại, sẽ có thể bằng thương thuyết, chuộc lại ba tỉnh Nam Kỳ, Pháp quả quyết hứa cho triều đình thấy cái ảo vọng đó.

Lúc bấy giờ, việc Pháp cản ngăn sự thông thương của ghe thuyền chở lúa gạo từ Nam ra kinh điều ấy không phải là một lý do gì quan trọng khiến Tự Đức nghị hòa. Gạo Nam Kỳ, tuy có nuôi mấy vạn người ở Trung, nhất là quan lại, binh lính và thợ xây dựng cung điện, nhưng nếu không có gạo Nam Kỳ thì miền Trung cũng không đói.

Ngày 5-5-1862, Bô-na sai Si-mông[1] đi thuyền máy đến bến Thuận An với 3 thuyền ván và vài trăm quân đem thơ nghị hòa. Bọn Trương Đăng Quế ở Cơ mật viện đều cho rằng thông sứ là rất phải. Thơ của Bô-na nói đến 3 việc:

1. Sai quan toàn quyền đến để thảo luận;
2. Bồi thường quân phí;
3. Đưa tiền trước 10 vạn để làm tin.

1. Simon.

https://tieulun.hopto.org

3. Đường lối nghị hòa của triều đình

Triều đình bàn luận, kẻ muốn đưa chỉ 100 lạng, người muốn tăng gấp đôi (!) kẻ khác xin đúng số; nhà vua và các quan đều bối rối.

"Theo họ thì có nước như không, đã chịu nhục mà đời đời chịu vạ; không theo thì người mình đã rơi vào tay nước họ vây giữ, sống chết ở họ chắc đâu được như Phú Trịnh Công đi sứ nước Liêu?"[1].

Triều đình đồng ý cho Phan Thanh Giản và Lâm Duy Hiệp đi thương thuyết, với đường lối đại để như sau:

- Người Pháp (lúc ấy ta gọi là người Phú) chắc không đòi gì ngoài 14 khoản mà năm ngoái họ đã để ra, trong đó có 3 điều không quan ngại lắm là: thuyền họ được thông hành khắp Nam Kỳ, toàn xá các người của họ bị bắt trong lúc đánh nhau, không đắp đồn lũy phòng bị. Còn 11 khoản nữa, thì triều đình sẽ tán thành cho được tự do giảng tập đạo giáo, không bắt buộc; một khoản về người Pháp phạm tội giao cho quan Pháp xử, triều đình cũng đồng ý thôi, duy đòi rằng hễ người Việt Nam ở chỗ người Pháp cư trú buôn bán mà phạm pháp thì Pháp phải giao lại cho quan nam xử trị, lại đồng ý cho người Pháp tự do đi lại trong xứ, một khoản về thuyền Tây buôn bán muốn đậu ở đâu tùy tiện và tùy tiện lập thương điếm, thì triều đình chỉ chịu cho họ đến bến nhất định thôi, không cho tự do đến các bến khác. Khoản thường mạng cho vài ba người Pháp thì không so kè. Về khoản nước Khơ-me không sính lễ cho triều đình Huế nữa mà giao thiệp thẳng với Pháp thì không đem ra bàn. Còn 5 điều sau đây: cắt tỉnh thành Gia Định, tỉnh thành Định Tường cho họ, để họ đóng quân ở cứ điểm Thủ Dầu Một, công sứ Pháp đến ở Huế, bồi thường, Y Pha Nho chiếm Đồ Sơn, lập sở thuế tuần chính ở Nghiêu Phong (Quảng Yên) 10 năm sau giao trả, 5 điều ấy phần lớn nên theo sở cầu của họ. Triều đình không thể không tính trước rằng người Pháp sẽ đòi cả 4 tỉnh, nhưng giao cho Phan Thanh Giản, Lâm Duy Hiệp mặc cả để chỉ giao những căn cứ đã nói trên còn kỳ dư thì xin đòi lại cho triều

1. Lời của Tự Đức, *Dương sự thủy mạt.*

đình quản trị. Đình thần lại không tán thành cho công sứ Pháp, Y Pha Nho đến ở Huế, chỉ để ở Đà Nẵng mà thôi. Về quân phí thì xin chước trả chỉ từ 100 vạn đến 200 vạn đồng là cùng. Không cho Y Pha Nho lập căn cứ ở Đồ Sơn, Quảng Yên dù chỉ là 10 năm thì trả lại, chỉ cho tự do giảng đạo ở phía Bắc. Các điều khoản khác thì không đem ra bàn. Đó là ý kiến của đình thần. Song không phải là Tự Đức hoàn toàn đồng ý như thế. Tự Đức nghĩ rằng khó bề xin lại Gia Định, Định Tường, nên dụ cho Phan Thanh Giản, Lâm Duy Hiệp tùy nghi mà chuộc lại với số tiền độ 1.300 vạn, bằng họ đòi giao toàn bộ 3 tỉnh thì dứt khoát không theo. Tự Đức lại phê bảo rằng: không cho đạo giáo "công hành", cùng lắm thì chỉ cho tự do ở mỗi xứ một tỉnh, Gia Định ở Nam Kỳ, Nam Định hay Hải Dương ở Bắc Kỳ mà thôi.

Đó là đường lối bấp bênh mà hai đại thần sứ giả lãnh đi thương thuyết, tùy nghi mà châm chước.

Sau khi hai bên đã thỏa thuận trong căn bản ở bến Thuận An, sau khi Phan, Lâm đã tâu lại với Tự Đức và sau khi Si-mông về Sài Gòn báo cáo cho Bô-na, thì tàu Phót-banh[1] của Pháp kéo thuyền Thúy loan của sứ giả triều đình từ Đà Nẵng về Sài Gòn ký hòa ước.

Từ 1858, khi hải quân Pháp thường rảo trên hải phận Việt Nam thì chiến thuyền của triều đình núp xa trong sông cạn, vì không thể đương cự nổi. Nói chung các chiến thuyền của ta từ đầu thế kỷ 15, không có gì thay đổi, vẫn chạy bằng buồm và chèo, các tỉnh có công xưởng đóng thuyền cho nhà nước, đâu đâu đều đóng theo một kiểu. Mấy năm gần đây Tự Đức có mua 4 chiếc tầu máy nhưng tất cả đều bị Pháp phong tỏa nằm trong sông. Chiếc Thúy loan có 23 đại bác nhỏ, cũ kỹ, 4 năm nay không dùng đến, trông dáng đã là thảm hại, không làm vinh dự chút nào cho triều đình.

Cuộc nghị hòa rất mau, đến ngày 5-6 thì Hòa ước được ký kết trên một chiến hạm Pháp, chiếc Đu-pe-rê[2] đậu ở bến Sài Gòn.

1. Nhà xuất bản chưa tra được từ nguyên.
2. Dupré.

https://tieulun.hopto.org

Phan Thanh Giản là một người chủ hòa từ lâu, hoàn toàn không muốn biết rằng lúc đó chính là lúc mà ở Nam Kỳ nghĩa quân ta đánh Tây thất điên bát đảo, lấy lại gần hết các thôn xã, Pháp chỉ còn đóng ở các thị trấn và thành quách lớn thôi; Phan lại càng không biết rằng lúc ấy là lúc mà lực lượng và chủ tâm của chính phủ Pháp đổ về phía Mễ Tây Cơ đương bốc lửa, nơi đó quân Pháp gặp phải những bại trận lớn lao, không thể nào mà Pháp đòi hỏi nhiều được mặc dầu nó đã chiếm nhiều thành nhiều đất, mặc dầu chúng có súng lớn tầu to hơn ta. Đi sứ hội thương để bàn một việc quyết định cho vận mạng đất nước mà không biết địch, không biết ta, khinh mình, sợ địch, thì sao khỏi đầu hàng quân địch?

Lúc đầu Bô-na có ý định là đòi nhượng cả 6 tỉnh Nam Kỳ, song hắn nghĩ rằng nếu đòi nhiều mà Thanh Giản, Duy Hiệp cũng thế không ưng, xảy lại chiến sự thì rất là nguy hiểm cho Pháp, cho nên rốt cùng hắn đòi nhường 3 tỉnh miền Đông; Thanh Giản và Duy Hiệp chịu. Địch đòi 20 triệu quan chiến phí (tính ước đến 280 vạn lạng bạc); các cửa biển Đà Nẵng, Ba Lạt, Quảng Yên được mở cho Pháp thông thương, Pháp trả lại thành Vĩnh Long cho triều đình Huế khi nào triều đình Huế đã làm cho nhân dân ba tỉnh không chống Pháp nữa! Đó là mấy khoản chính trong số 12 khoản.

"Phan, Lâm bán nước; triều đình khinh dân!" nổi lên tiếng thét của nhân dân, nhất là nhân dân ba tỉnh miền Đông dưới quyền lãnh đạo của Trương Công Định đương anh dũng kháng chiến khi được tin triều đình ký hòa ước cắt đất cho địch.

Tự Đức được biết 12 khoản điều ước thì ta thán rằng: "Hai tên kia không những là tội nhân của bản triều mà là tội nhân của thiên cổ", nhưng Tự Đức cũng thuận cắt đất đền tiền, đạo giáo "công hanh", mở cảng mà lại cử Thanh Giản làm Tổng đốc Vĩnh Long, Lâm Duy Hiệp Tuần phủ Thuận Khánh, cả hai ông ở hai đầu của ba tỉnh bị chiếm, không phải để đánh chác gì mà chính là để làm trở ngại cho cuộc kháng chiến; họ chuyên trách tới gần Pháp để

dần dần thương lượng mà chuộc lại đất; quốc sử quán của triều đình bấy giờ gọi là "chuộc tội đối với Pháp!".

Chống xâm lăng là tội! Thì còn có mặt mũi nào trị nước nữa? Trong thời gian đó, Tự Đức và triều đình bỏ rơi nhân dân ứng nghĩa; chẳng những bỏ rơi không giúp đỡ mà lại đàn độn tin địch, nên Tự Đức dụ cho Nam Kỳ đừng đánh giặc nữa, dụ cho Trương Định đi về miền Tây, đi ra Phú Yên - như chặt đầu các cuộc ứng nghĩa. Trương Định không tuân. Thanh Giản đến hiểu dụ, Trương Định cũng quyết ở lại tiếp tục kháng chiến. Triều đình đem quân đàn áp quần chúng ở Bắc để cho Pháp yên ổn mà chuẩn bị lan rộng nữa. Hóa ra không phải chỉ có Phan, Lâm là tội nhân của vạn cổ mà cả triều đình phong kiến bắt đầu làm những hành động bán nước, phản dân. Bô-na xiết bao vui mừng vì đã thoát một tình thế khó khăn nan giải[1] lật đật báo cáo về Pa-ri giữa lúc Na-pô-lê-ông bị sa lầy trong cuộc chiến tranh chinh phục Mễ Tây Cơ.

Trong cuộc nghị hòa này Y Pha Nho và Pháp xung đột nhau khá mạnh; Y Pha Nho kể rằng công đánh chiếm cũng có phần xương máu của chúng, chúng đòi Pháp ủng hộ cho chúng chiếm Đồ Sơn, Quảng Yên mà chưa được gì; Đại tá Pa-lan-ca[2], đại biểu Toàn quyền của Y Pha Nho đòi Pháp phải để cho Y Pha Nho hai bên cùng nhau cai trị ba tỉnh vừa chiếm được, nói rằng quân đội của Pháp và Y Pha Nho cùng đổ máu, nên ba tỉnh phải là của chung, Pháp tham ăn cãi lại rằng quân Pháp đông hơn, cả tiền phí tổn là do Pháp chịu cho nên Bô-na trả lời một cách rất lạt lẽo và trịch thượng rằng nếu Y Pha Nho muốn lấy đất thì phải đi ra ngoài phía Bắc kia. Lúc bấy giờ bọn thực dân Pháp chưa rõ là miền Bắc giàu khoáng sản. Lẽ cố nhiên là Phan, Lâm không biết cái mâu thuẫn Pháp - Y Pha Nho, lại càng không biết lợi dụng mâu thuẫn ấy, cũng như họ không biết tý nào về những nỗi khó khăn lớn lao của Pháp ở Mễ Tây Cơ. Một chính phủ yếu ớt, nhất là đang thua, mà không dựa vào sức dân thì "nhược quốc vô ngoại giao". Phan, Lâm đại diện cho

1. Thomazi, tr. 71.
2. Palanca.

https://tieulun.hopto.org

một triều đình bạc nhược, dễ dàng và mau lẹ ký giấy cắt khúc ruột miền Nam, điều ấy rất đáng tức, song có gì là khó hiểu?

Hòa ước đã ký ở Sài Gòn tuy chưa được hai triều đình chấp thuận, phe chủ hòa đắc chí. Những ông Phan Thanh Giản, Lâm Duy Hiệp nói:

"Hòa nghị đã thành, có thể ngồi mà đến phú cường".

Nhưng Nguyễn Tri Phương trông thấy rõ hơn nói:

"Sau khi đã hòa, của sức ngày một hao dần, còn lấy gì có phú cường nữa?".

Lúc bấy giờ, trong số đình thần có nhiều người cực lực phản đối Hòa ước 1862; việc điển hình lúc ấy là, triều đình sai ông tam nguyên. Vị xuyên Trần Hi Tăng vào trấn nhậm Vĩnh Long, ông Trần nguyên vì bất bình với hòa ước không chịu đi nên ông bị bức phải uống thuốc độc mà chết.

Trong lúc triều đình ký hòa ước bán nước cho địch lại dụ dỗ nhân dân thôi kháng chiến để hòng được lòng tin của giặc, mong giặc trả lại Vĩnh Long, thì nhân dân ba tỉnh cứ tiếp tục kháng chiến càng mạnh. Từ ngày giặc mới chiếm Gia Định, Đại đồn, cuộc kháng chiến của nhân dân lúc nào cũng mạnh hơn, cương quyết hơn và đem nhiều kết quả hơn là cuộc kháng chiến của triều đình; địch khinh thường quân triều đình bao nhiêu thì chúng khiếp sợ nghĩa quân bấy nhiêu.

II. CUỘC KHÁNG CHIẾN CỦA NHÂN DÂN TỪ 1861 ĐẾN 1863 TỪ NGÀY THÀNH GIA ĐỊNH THẤT THỦ ĐẾN KHI PHÁP XÂM CHIẾM BA TỈNH MIỀN TÂY

1. Cuộc kháng chiến của nhân dân trước khi địch đại tấn công vào căn cứ Tân Hòa, Gò Công

Từ ngày quân Pháp chiếm Đà Nẵng, dân tâm sôi sục muốn đánh giặc. Ở Nam Nghĩa đã có nhiều đội dân quân trợ lực khá mạnh với quân triều đình đông đúc cho đến đỗi Ri-gô đờ Giơ-nu-dy đã phải báo cáo về Pháp rằng quân đội Việt Nam gồm tất cả mọi người không đau ốm. Ông Phạm Gia Vĩnh là một lãnh tụ có tiếng của dân quân Quảng Nam. Ngoài Bắc thì Đốc học Phạm Văn Nghị, Tiến sĩ người Nam Định chiêu mộ 300 "thân biền binh dũng" những nho sĩ khỏe mạnh, xin vào bổ sung cho quân thứ Quảng Nam, đã được chuẩn y cho đi; khi đội nghĩa quân đó cơm đùm áo gói đi bộ vào đến Kinh thì gặp lúc thuyền Pháp rút lui khỏi Đà Nẵng, các nho sĩ xin vào Gia Định để tác chiến, nhưng vua lại không muốn cho đi, chắc hẳn là sợ rồi sớm hay muộn, nhiều hay ít, các nhà nho ái quốc kia lại có thể cùng với nông dân đấu tranh như ở ngoài Bắc, chống triều đình hủ bại; triều đình bèn ra lệnh phóng hồi cả, cấp cho một ít tiền bạc làm lộ phí; các nho sĩ không làm sao được, bực tức trở về Bắc, họ sẽ kháng chiến cương quyết trong những năm 1873, 1883. Cũng ở Bắc, khi nghe tin là ở Đà Nẵng nhà vua không quyết đánh mà muốn hòa nghị thì Đốc học Nam Định Doãn Khuê (đồng Tiến sĩ) cùng tất cả những nhà giáo các phủ huyện mật sớ lên cực lực phản đối, nói "hòa nghị là trái". Sau này Doãn Khuê sẽ là một đối thủ mà tên Hác-măng[1] phải khiếp sợ. Ngược lại bọn Trương Đăng Quế trong Cơ mật viện hết sức bảo vệ thế chủ hòa; Pháp cứ lấn mà chúng thì cứ chủ trương "nghỉ quân yên dân".

Như thế là khắp Trung Bắc nhân tâm sôi sục lòng yêu nước mặc dầu họ không ưa gì cái triều đình sâu mọt và phản phúc.

Ở Nam Kỳ là nơi chống mũi chịu sào với địch, nhân dân nổi lên chiến đấu ngay từ lúc đầu chẳng những tham gia tích cực trong việc đầu quân, góp lương, góp tiền mà còn tham gia tích cực trong việc đắp kè, lập cản trên sông Bến Nghé, Đồng Nai, Bảo Định, v.v... Họ tự tổ chức thành những toán nghĩa quân càng ngày càng lớn. Pháp vừa bắn phá đồn lũy ở Gành Rái, lúc triều đình chưa được tin giặc vào, lúc viện binh của triều đình chưa đến căn cứ miền Nam, trước

1. Harmand.

https://tieulun.hopto.org

khi thành Gia Định thất thủ, thì Trần Thiện Chính (một cựu Tri huyện đã bị triều đình cách chức) và Lê Huy (một quân nhân đã bị võ quan triều đình thải hồi), cấp tốc chiêu mộ được 5.000 dân dũng vận động nhân dân góp tiền, góp lương nổi lên ngăn địch giúp cho Hộ đốc Trần Tri yên toàn chạy về ụ Tây Thái. Thật là lòng dân bồng bột, nhạy như thuốc súng khô; địch tới cửa ải, dân đã nổi lên tìm giặc mà đánh, còn triều đình thì chờ chờ đợi đợi, chậm chạp như rùa, án binh bất động, giặc đến mới chống, chống yếu ớt rồi cứ rút lui. Chính 2.000 dân dũng mà một bộ phận vừa được sáp nhập vào quân đội (do Dương Bình Tâm cầm đầu), đêm 3 rạng 4 tháng 7 đánh vào chùa Chợ Rẫy, chùa này là khâu quan trọng nhất trên phòng tuyến của địch từ Mai Sơn về Trường Thi, cũng là nơi mà nếu bị vỡ, địch phải rút các căn cứ của nó ở Chợ Lớn. Trận này, được xem là trận lớn nhất giữa trận đánh thành Gia Định và trận đánh Đại đồn. Cũng chính nghĩa quân, chính họ phục kích đâm quan ba giặc Bác-bê gần Trường Thi. Chính họ đánh tầu Pri-mô-ghê của địch đậu trên sông Đồng Nai bữa 1-1-1861. Sử thực dân còn chép lại rằng đêm đêm dân dũng lọt qua giữa các đồn của địch đóng quanh thành Gia Định, vào tỉa địch từng tên, vào tận trung tâm thành phố, đốt cháy cơ sở dinh trại của địch. Trong lúc đó thì quan triều đình chỉ lo xây hào đắp lũy để phòng địch tràn ra và để mong thương thuyết có kết quả, nghĩ rằng khi mỏi mệt, Pháp sẽ rút đi như nó đã bỏ Đà Nẵng.

Khi từ Gia Định, địch tiến lấy Định Tường thì cuộc chiến tranh du kích nổi lên càng ngày cành mạnh trong lúc Nguyễn Bá Nghi thương thuyết nghị hòa. Ngay ở Sài Gòn, số người du kích trà trộn vào càng ngày càng đông, bí mật mua súng đạn và đánh phá[1].

Cần phải nói ngay rằng lính Ta-gan[2] (Phi Luật Tân), ngụy quân (Việt) và cả lính Pháp đã nhiều người đào ngũ theo kháng chiến và bán nhiều súng đạn cho ta. Từ sông Bến Nghé đến Tiền

1. *Histoire militaire de l'Indochine Française*, tr. 33 - 35.
2. Tagal.

Giang, nhân dân nhất tề nổi dậy từ người công chức, người nho sĩ, người chủ điền tới người dân đen lao khổ, ai ai đều nhất trí, kẻ theo địch chỉ đếm được trên đầu ngón tay.

"Những cuộc thất bại của quân đội Annam không có ảnh hưởng tí nào đến tình hình ứng nghĩa của các vùng đã được chiếm đóng"[1].

Nghĩa quân nổi lên khắp xứ:

Chiếm xong Gia Định, địch tưởng là có thể tạm yên trên vùng đất giữa sông Đồng Nai và sông Vàm Cỏ. Bị đột kích luôn, địch vu rằng đó là do quân triều đình từ Mỹ Tho lên và Biên Hòa xuống, kỳ thật là nhân dân trong vùng bị chiếm nổi lên.

"Họ xuất hiện bất kỳ, họ đông đảo, họ đánh phá, rồi họ lại rút đi đâu mất. Cuộc chiến tranh phòng vệ thật là bất lợi đối với chiến thuật này"[2].

Sau khi Mỹ Tho bị thất thủ 1.000 nghĩa quân ta ngày 22-6 tiến đánh Gò Công là một trong ba căn cứ Pháp giữa Tiền Giang và Vàm Cỏ. Cuộc công phá này do Huyện Thoại cầm đầu. Tuy Đỗ Trình Thoại và 14 đồng chí tử trận, nghĩa quân vẫn tiếp tục đánh, cho đến ngày sau pháo thuyền Pháp đem viện binh đến thì căn cứ Gò Công của chúng mới tạm được giải vây. Toán quân của Huyện Thoại từ nay nhập vào đội quân của Trương Định.

Định đã chỉ huy nghĩa quân tiếp chiến với Tri Phương ở Đại đồn, Định là người cương quyết và can đảm phi thường, không sợ vào sinh ra tử. Như mới rồi đó, bá hộ Huy chịu làm cai tổng cho Pháp ở Đông Sơn, Huy đóng ở gần bên một chiếc pháo thuyền Pháp; Huy viết thơ cho Pháp, điểm chỉ chỗ Định ở, Định bắt được thơ, bản thân mang đến nhà Huy bắt giết kẻ phản phúc trước mũi của giặc Pháp. Ai cũng khâm phục Trương Định người lớn mật.

1. *Histoire militaire de l'Indochine Française*, tr. 33 - 35.
2. Vial, quyển 1, tr. 111 - 112.

https://tieulun.hopto.org

Ở vùng Mỹ Tho, Phủ Cậu cầm đầu nghĩa quân chống giặc. Phủ Cậu tuy mắc bệnh phong, bán thân bất toại, nhưng cầm đầu nghiêm minh, được quần chúng kính phục, đặt tên là "hùm xám".

Còn ở vùng Tân An, Tháp Mười có thiên hộ Dương tổ chức dân dũng, Pháp chỉ chiếm được đồn Gia Thạnh mà không lan ra được nơi nào.

Ưu điểm của phong trào là sâu rộng. Nhược điểm của nó là nhiều vị quan không trấn áp được những vụ cướp bóc thường xảy ra.

Bốn trung tâm kháng chiến khác nữa là ở trên phía bắc sông Vàm Cỏ: Cần Giuộc, Thủ Dầu Một, Trảng Bàng và Tây Ninh, mạnh nhất là ở vùng Cần Giuộc với vị lãnh đạo là quản Là. Địch không ra được khỏi Chợ Lớn, từ Chợ Lớn xuống Gò Công chúng chỉ có thể đi bằng đường thủy.

Còn trong cả tỉnh Biên Hòa rộng lớn thì địch chỉ còn đóng quân được ở bốn nơi: Vũng Tàu, Bà Rịa, Biên Hòa và Thủ Dầu Một.

Như thế không thể gọi là ba tỉnh đã mất.

Trận đánh lớn nhất, trận đánh có ảnh hưởng lớn nhất vì nó làm phấn khởi lòng dân, nó làm cho người trông thấy bằng thực tế rằng có thể tiêu diệt được địch, rằng có cách đánh giặc mà tầu to súng lớn cũng không tránh khỏi thất bại. Đó là trận Nhật Tảo của người anh hùng nông dân trẻ tuổi là Nguyễn Trung Trực. Trận Nhật Tảo (Tân An) là: *"Một biến cố đau đớn đã làm cho tinh thần người Annam phấn khởi và gây nên cảm xúc sâu sắc trong người Pháp"*[1].

Trận Nhật Tảo:

Vài hôm trước khi quân Pháp chiếm Biên Hòa thì Nguyễn Trung Trực đại thắng quân Pháp ở trên sông Nhật Tảo, ngày 10-12, đốt cháy chiếc tầu Ét-pê-răng (tức là tầu Hy vọng), hầu hết quân sĩ Pháp trên tầu đều chết một cách tuyệt vọng. Nguyên chiến

1. Vial, quyển 1, tr. 124.

thuyền Pháp đóng ở thôn Nhật Tảo, lấy tầu làm trụ sở vì trên bộ không còn an toàn nữa.

Nguyễn Trung Trực cũng tên là Lịch vốn là một người nhà nghèo vừa làm nghề cày ruộng vừa làm nghề chài lưới. Lịch bầy kế sau đây: một toán nghĩa quân tụ hợp cách Nhật Tảo vài dặm, khiêu khích địch. Quan tầu là Pác-phe-Hoàn[1] bị trúng kế hoàn bị của Trực, đem một toán quân lên bờ đuổi đánh. Lúc ấy là đúng bóng; Trực phục 30 quân trên bờ và giấu 50 dũng sĩ dưới năm chiếc thuyền buôn có mui, chèo thư thả đến tầu "Hy vọng" như để xin giấy thông hành. Thuyền cập tầu. Trực nhẩy lên trước tự tay đâm chết giặc, các dũng sĩ nhất tề nhẩy sang hỗn chiến bằng giáo mác vừa hét vừa chém địch như chém chuối. Có một điều đáng chú ý là nghĩa quân trong trận này bắt được một số người Ta-gan (Phi Luật Tân) không giết mà lại thả ra 3 người, còn bao nhiêu thì tình nguyện theo ta. Ngược lại một ít quân ngụy đóng trên bờ toan chống cự nên bị hoàn toàn tiêu diệt.

Quan quân giặc đứa chết, đứa nhẩy xuống sông, đứa còn lại chui xuống lòng thuyền bắn chống lại; Trực hô 30 dũng sĩ đã mai phục trên bờ lên tiếp chiến; Nguyễn Học, Hồ Quang cầm búa phá thuyền không núng, liền phóng lửa đốt cháy sạch.

Ngày hôm sau, chiến thuyền địch kéo đến Nhật Tảo bỏ neo gần bên chiếc "Hy vọng" đã chìm một cách tuyệt vọng và đổ bộ lên đốt rụi cả làng Nhật Tảo vắng người, vắng cả thú nhà.

Cũng trong tháng 3-1862, nghĩa quân lại ghi một công to nữa là chiếc tầu máy số 25 của địch bị phá ngay lúc nó rời bến Mỹ Tho để đi trấn áp; tầu nổ lên, 52 địch bị giết và bị thương. Tiếc rằng không biết người ái quốc tổ chức vụ đánh tầu này là ai.

Trong lúc địch đánh lấy Bà Rịa, Phủ Cậu cầm binh đánh một toán quân địch đi do thám gần Cai Lậy, thì Phủ Cậu ruổi bị bắt đem về Mỹ Tho hành hình.

1. Nhà xuất bản chưa tra được từ nguyên.

https://tieulun.hopto.org

Địch ở các đồn bị bao vây ngặt; đường thông thương bộ thì không đi được rồi, đường thủy cũng nghẽn phần lớn trừ sông to. Nên ngày 1-3-1861, địch phải bỏ các đồn Gò Công, Chợ Gạo, Gia Thạnh, Tân An, Cái Bè (ở Định Tường) và bỏ đồn Cần Giuộc tức đồn Phước Lộc (Gia Định).

Cả vùng đất từ Tiền Giang lên Chợ Lớn được giải phóng. Nghĩa quân thi hành một chính sách khá đẹp: ở Gò Công Trương Định chỉ xử tử có một người để làm gương.

Nghĩa quân hoạt động ngay trong thành phố Sài Gòn và Chợ Lớn, trung tâm địch. Vì như ngày 15-4-1861, nghĩa quân đốt cơ sở địch ở Chợ Lớn và đánh đồn địch ở xóm củi. Cuối tháng 4 có vụ đầu độc võ quan Pháp, hai người Trung Quốc thuộc hàng ngũ nghĩa quân, đang làm bồi bếp cho địch, bị địch bắt giết. Địch lại bắt giết gần hết ban hội tề làng Phú Nhuận là làng chứa nghĩa quân. Toàn dân sôi nổi chiến đấu và chiến đấu thắng lợi.

Trước những cuộc công phá mỗi ngày một nhiều thêm, Phó Đô đốc Bô-na xin, Phó Đô đốc Jô-rét[1] lúc ấy ở Trung Quốc, từ Thượng Hải đem binh đến cứu viện. Jô-rét cấp tốc đến với một đội quân An-giê-ri và một tiểu đoàn bộ binh; thế mà cũng chưa đủ; Bô-na còn xin thêm ngót nghìn quân Y Pha Nho từ Ma-ni[2] cấp tốc sang để lập lại tình thế đang nguy cấp.

Chính lúc này là lúc triều đình Huế nghị hòa, cắt đất.

2. Sau khi Hòa ước 1862 đã ký kết, Trương Định hoạt động ở Gò Công. Khởi nghĩa bùng nổ khắp xứ

Hòa ước ký kết. Pháp mừng như cơn hạn được mưa. Chúng vội vã cho hằng mấy chục thuyền máy chạy các nơi để truyền tin và mong rằng hễ truyền tin ấy thì nghĩa quân ngoan ngoãn theo lệnh của triều đình, hạ khí giới, trở về làng làm ăn. Nhưng chúng lầm, chúng nó thất vọng. Nhà sử thực dân Vial có ghi lại:

1. Jaurès.
2. Manille.

"Tin hòa ước ký kết được hối hả đem truyền đi ở các nơi đang bị nguy cấp nhất để mà đòi chấm dứt ngay cuộc chiến đấu. Nhưng ngược lại với sự mong đợi của chúng ta, những người cầm đầu khởi nghĩa không muốn quy thuận chính quyền mới mà cũng không xin đi qua đất Annam. Họ ở lại đất của chúng ta, họ thu thuế, họ cướp các đoàn vận tải và đánh giết những người Pháp lẻ khi nào họ có cơ hội thuận tiện"[1].

Nhiều thuyền Pháp mang tin hòa ước đi tuyên truyền bị quân khởi nghĩa trên bờ bắn xuống để chứng minh thái độ của người ái quốc "tiếp thu" hòa ước phản phúc ấy.

"Nhưng lúc mà đô đốc tưởng đã chấm dứt mỹ mãn một cuộc chiến tranh lưu huyết, thì ông đã đụng phải một cuộc kháng cự mạnh mẽ và có lẽ còn đáng lo sợ cho dự định của ông hơn là một cuộc chiến tranh đường hoàng với quân đội chính quy của nhà vua. Đời sống của chúng ta chẳng phải là một cuộc đấu tranh lâu dài không khi nào ngừng và cũng không có khoan dung, diễn đi diễn lại mãi cho đến khi nào ta vĩnh viễn nhắm mắt hay sao?"[2].

Côn Lôn khởi nghĩa:

Cuộc khởi nghĩa đầu tiên để trả lời ngay bằng cái lời của nhân dân đối với Hòa ước 1862, là cuộc khởi nghĩa Côn Lôn.

Từ năm ngoái, hàng trăm người Việt Nam ái quốc ở đất liền bị đem giam trên đảo; ở đó cũng có vài làng của dân ta: ông cha số dân này trước kia đã từng cùng với người Mã Lai mà tiêu diệt đồn quân Anh.

Nay toàn bộ tù và dân Côn Lôn nổi lên. Quân địch trấn thủ Côn Đảo do tên Rút-xen[3] cầm đầu đang lâm nguy thì quan ba Ri-sa đem quân cứu viện, tàn sát rất dữ dội. Truyền thống đấu tranh của chính trị phạm Côn Lôn bắt đầu từ đó.

1. Vial, quyển 1, tr. 162.
2. Vial, quyển 1, tr. 162.
3. Russell.

https://tieulun.hopto.org

Lúc này là lúc Phan Thanh Giản vào đóng trụ sở ở Vĩnh Long, bên kia rạch, trước thành Vĩnh Long còn bị Pháp chiếm. Theo lời yêu cầu của Bô-na, Phan ra lệnh cho nghĩa quân hạ khí giới, nạp súng đạn cho các tên huyện trưởng do Pháp chỉ định. Lẽ cố nhiên là tối đại đa số nghĩa quân không tuân lệnh triều đình. Lúc này cũng là lúc mà vì sợ nghĩa quân đêm đêm vào Sài Gòn đánh phá, Bô-na sai quân ruồng bắt hằng bốn mươi nghìn dân phu, đào một con kênh từ rạch Thị Nghè vòng qua rạch Cát, ngang đồn Chí Hòa để bao bọc Sài Gòn - Chợ Lớn thành như một hòn đảo dài 20 cây số; nhân dân tranh đấu dữ quá, địch sẽ phải bỏ dở việc này. Vì các ngõ sông rạch đều tắc, vì giặc vơ vét lúa gạo để xuất cảng, nên giá sinh hoạt vọt lên, nạn đói xuất hiện ở Sài Gòn - Chợ Lớn. Trong lúc đó các cha cố thừa cơ tưởng bở ăn, tưởng đã đến lúc hoàn toàn thực hiện được kỳ vọng bá chủ của Pháp nên tự tay bắt giết dân lương chung quanh các đồn bốt[1]. Lòng căm thù của nhân dân đối với giặc Pháp chồng chất với lòng oán trách triều đình đã ký hòa ước cắt đất cho thực dân.

Lúc ấy tiêu biểu nhất cho lòng dân là nhà lãnh đạo Gò Công, Trương Định.

Theo lời ghi chép của Nguyễn Thông trong bộ "Kỳ xuyên văn sao", cuốn 2, thì Trương Định nguyên người Bình Sơn, Quảng Ngãi, con của Lãnh binh Trương Cầm, theo cha vào Nam, lúc Trương Cầm làm Lãnh binh tỉnh Gia Định giữa đời Thiệu Trị; Định lấy vợ là con gái của một nhà giàu ở Tân An, bấy giờ thuộc tỉnh Định Tường, vì vậy mà sau khi cha chết, Trương Định ở luôn Tân An, quê vợ. Trương Định trang mạo khôi ngô, thông hiểu binh thơ và bắn rất giỏi. Trước khi giặc Pháp đến thì Trương Định đã bỏ nhà ra đi chiêu mộ nhiều dân nghèo để khai hoang lập ấp, được bổ chức quản (cho nên gọi là quản Định). Trương Định tuy là con của quan Lãnh binh và tuy được bổ làm Quản cơ, nhưng không ở trong hàng ngũ quân nhân hồi trước tác chiến, ông chỉ cai quản

1. Vial, quyển 1, tr. 16.

phu đồn điền mà thôi. Giặc vừa đến Gia Định thì ông chiêu mộ ngay được nhiều nghĩa binh, dẫn đi lên đóng ở Thuận Kiều xung phong đánh giặc, thắng được nhiều trận ngay trên phòng tuyến địch từ Cây Mai tới Thị Nghè, lần nào ông cũng đi tiền phong, lính rất tin cậy, dân theo rất đông. Tháng giêng năm 1861 (năm Tân Dậu), sau khi Đại đồn thất thủ, các tướng chính quy dắt tàn quân về giữ Biên Hòa, còn Trương Định thì đem quân về Tân Hòa, Gò Công. Thời gian địch mưu đánh Biên Hòa và Vĩnh Long thì chúng không đủ sức rải quân ra đánh Trương Định mà chúng hãy còn khinh thường là "giặc cỏ". Định hợp tác với Tri huyện Lưu Tiến Thiện và thơ lại Lê Quang Quyền, cùng nhau lo đồn lương, đúc súng, khởi đầu mà binh lính đã hơn ngàn người. Địch chưa am hiểu đường đi. Định phục kích đánh thắng nhiều trận nhỏ. Quan Tuần phủ là Đỗ Quang đem tin tâu lên, thì khi triều đình còn kháng chiến, Định được phong làm chức Phó Lãnh binh tỉnh Gia Định. Trương Định càng ngày càng chiêu mộ và luyện tập nhiều quân; ông cầm đầu một đạo quân 6 cơ gồm hơn 6.000 người, trong lúc đó thì Nguyễn Thành Ý, Tri phủ Phúc Tuy, và tùy phái Phan Trung mỗi người mộ được 2.000 quân. Địa bàn hoạt động của Định chẳng những là Gò Công, Tân An, Mỹ Tho mà cả Chợ Lớn - Gia Định, lan rộng ra hai bên nhánh sông Vàm Cỏ từ biển đông chí địa giới Khơ-me gồm cả Đồng Tháp Mười, kiêm lĩnh hay liên lạc với hầu hết tất cả các "đầu mục" văn thân mộ nghĩa binh và chống giặc ở đó như Đỗ Trình Thoại, Tri huyện Âu Dương Lân, Phủ Cậu, thủ khoa Huân, cử nhân Phan Văn Đạt, hương thân Lê Cao Dũng, Hồ Huấn Nghiệp, văn sĩ mù Nguyễn Đình Chiểu, cử nhân Phan Văn Trị, Trà Quý Bình, Võ Duy Dương (tức Thiên hộ Dương). Trước khi Biên Hòa thất thủ thì trong số này đã có nhiều vị tử trận hay bị bắt giết. Ti như Phan Văn Đạt (cử nhân) lớn tiếng mắng nhiếc địch cho đến khi bị hành hình; Cao Dũng bị bắt, ốm nặng, cứ ngậm miệng lắc đầu không chịu uống thuốc của địch, cho đến phút chết. Cử nhân Trần Xuân Hòa đã từng đốc mộ nghĩa

https://tieulun.hopto.org

dũng ở Định Tường, sau khi Định Tường thất thủ, 6 lần phục kích đánh Tây và mã tà, được thưởng thị độc học sĩ; bị bắt, ông cắn lưỡi chết chứ không chịu cung khai trước sự tra tấn của giặc, về sau được lập đền thờ ở Quảng Trị. Họ chết thì nghĩa quân của họ quy tụ về với Trương Định càng đông hơn nữa.

Năm Tự Đức thứ 14, địch chiếm Biên Hòa; triều đình quở trách bọn Hiệp tán Quân vụ là Trần Văn Nghiệp và Khâm phái Quân vụ là Nguyễn Túc Trưng và lệnh cho những người này phải tìm đường hội quân với Trương Định để chống giặc. Trước khi ấy thì viên Tuần phủ Đỗ Quang đã đến tiến quân đánh chiếm Quy Sơn rồi, riêng quân tinh nhuệ có tới 5.000, dân dũng thì vô số. Một cái dở của Trương Định lúc ấy là quá quý trọng triều đình nên ông để cử Túc Trưng bất tài lên làm tổng chỉ huy. Túc Trưng không chủ trương mở rộng địa bàn khởi nghĩa, không đi tìm giặc để đánh mà cứ thủ chỉ một hạt Tân Hòa, đó là một nguyên nhân hạn chế phong trào cũng là một nguyên nhân thất bại về sau.

Năm 1862 - 1863 cuộc khởi nghĩa khắp nơi biến thành như tổng khởi nghĩa:

"Trừ Khơ-me tương đối yên và trừ ngoại ô trực tiếp của Sài Gòn thì đây là một cuộc tổng khởi nghĩa làm tràn khắp Nam Kỳ". (Thomazi)

Địch rút nhiều đồn; Gò Công, Tân An, Chợ Gạo đều được giải phóng. Triều đình đã ký hòa ước với giặc giữa lúc giặc Pháp đang lâm nguy đến cực độ. Triều đình hạ lệnh bãi binh, triệu Túc Trưng về kinh, Túc Trưng tất nhiên lĩnh chỉ: triều đình vừa thăng chức Lãnh binh cho Trương Định vừa bắt Định phải theo hòa ước mà giải tán nghĩa quân rồi đi nhậm chức ở An Giang, Trương Định cũng tuân lệnh, cho vợ con đi trước, một mình ở lại kiểm điểm quân lính lương thực rồi sẽ đi sau. Nhưng nghĩa quân không muốn giải tán, bàn nhau giữ chủ tướng lại, họ nói:

"Giặc Pháp nhiều lần bị thất bại với dân ta nếu nay nó đắc chí thì chúng ta không khác nào như cá trên thớt. Vả lại người Pháp dùng binh lực hiếp hòa chớ không phải là thực bụng. Nay hòa ước ký rồi, chúng ta không nương dựa vào đâu được, chi bằng chúng ta góp sức chống cự, giữ lấy một khoảng đất để bảo toàn tụ hợp với nhau chẳng phải là hơn sao?"[1].

Triều đình tin giặc, ký hòa.

Còn nghĩa quân thì biết rõ lòng muông dạ thú của giặc, quyết đánh.

Phản phúc thay kẻ cầm quyền phong kiến. Và sáng suốt anh dũng thay các tầng lớp nhân dân!

Tất cả nghĩa quân đều tán thành tiếp tục chiến đấu; họ yêu cầu Trương Định ở lại, đứng đầu. Trương Định do dự, chưa biết chối từ hay nhậm lãnh; ở lại thì tình đồng đội sống chết có nhau được toàn vẹn, nhưng ở lại thì trái mạng triều đình. Vừa lúc ấy, Phan Tuấn Phát ở Tân Long (một làng ở tỉnh Tân An ngày nay, giữa Chợ Gạo và Tầm Vu) truyền thơ cho các đội nghĩa quân, gợi ý nên suy tôn Trương Định làm chủ soái. Rồi như là một làn sóng cuộn, nơi nơi đều hoan hô chủ soái Trương Định, mọi người cùng nhau đắp đàn làm lễ cử người đem nhiễu đỏ choàng lên vai Trương Định, suy tôn Trương Định lên làm Bình tây Đại nguyên soái; Lê Quang Quyền giữ chức Tham tán quân vụ điều động tướng sĩ. Nguyễn Thông chép:

"Địa bàn của nghĩa binh hoạt động, phía đông nam giáp bể, phía tây giáp đồn Hoa Cương, những nơi hiểm yếu đều phân phát quân đóng giữ, còn Trương Định lãnh đạo đại quân đóng ở Gò Công. Lại từ núi Dung Cương đến đập Ông Canh, chỗ nào cũng đặt đồn lũy canh giữ để chặn đường tiến của giặc Pháp, rồi đúc thêm súng lớn, luyện tập người khỏe mạnh ở các huyện bổ sung vào quân Tân Hòa, phòng bị nghiêm mật, làm kế lâu dài... hào mục nghĩa dân các nơi

1. Nguyễn Thông, *Kỳ xuyên văn sao.*

https://tieulun.hopto.org

đều chịu sự chỉ huy của Trương Định; các phủ huyện cũng lén lút vận tải tiền gạo đến cung cấp cho quân lính. Trương Định sai mổ trâu đặt tiệc khao thưởng tướng sĩ, người nào cũng phấn khởi hết sức"[1].

Phan Thanh Giản ba lần dụ Trương Định theo chủ trương của triều đình mà bãi binh, Định nhất quyết thề không đội trời chung với giặc Pháp. Bô-na nhiều lần phái người đến dụ Trương Định hàng, Phan Thanh Giản làm môi giới đưa 4 lần thơ của Pháp cho Định, Định nhất định không đầu hàng, cũng không bãi binh. Trong một bức thơ, địch nói:

"Triều đình đã ký hòa ước thì kẻ hạ thần cần phải bãi binh, không có lý gì mà trái mệnh được. Trung hiếu cố nhiên là tốt đẹp, nhưng đều có giới hạn, không thể làm quá được, nếu làm quá trớn thì cũng sai lầm như làm không đầy đủ. Nếu có thể đem toàn hai tỉnh Định Tường và Biên Hòa về cho triều đình, thì cũng là việc hay, nhưng nay đại binh đã triệt đi rồi, các quan cầm quân trước kia ẩn nấp ở nơi rừng rú cũng đều tan tác đi nơi khác rồi, nay chỉ có một số quân đây, tiến đánh liệu có được không, về thủ liệu có vững vàng không? Quyết không được".

Định không thèm nghe âm mưu sâu độc của giặc. Định không tuân mạng triều đình để giải giáp, ngược lại Định giả truyền mật chỉ của triều đình để cổ võ dân chúng. Thanh Giản báo cáo về triều đình, xin vua trực tiếp ban sắc xuống, lấy sắc của vua mà dụ Trương Định bãi binh nữa. Tự Đức từng bảo thị thần rằng:

"Nhân tâm như thế cũng là thêm giúp cho sự phục hồi, há lại cứ lấy lý mà chăm chăm đi răn dụ người ta"; nhưng Tự Đức vẫn muốn yên ổn để cầu xin Pháp trả lại Vĩnh Long và để nhận tội cầu xin chuộc lại ba tỉnh bằng vàng bạc! Tự Đức hạ sắc buộc Định giải giáp. Nhờ dân khuyến khích, Định cứ nghịch mạng. Định cứ đánh giặc. Triều đình cho rằng việc phía Bắc đang khẩn mà việc phía Nam thì "chưa có cơ hội", nên lệnh cho Định đi làm Lãnh

1. Vial, tr. 198 - 201.

binh trấn thủ Phú Yên, cốt rút Định khỏi quần chúng ứng nghĩa mà trị Định về tội không tuân mạng. Định cứ không tuân mạng. Triều đình bực tức cách cả chức hàm của Định. Không màng đến áo mão triều đình, không cốt yên toàn chỗ ở không khói lửa, Định chịu chức tước của dân phong "Bình tây Đại nguyên soái" gánh trách nhiệm của dân trao, tiếp tục kháng chiến, tuyên bố:

"Phan, Lâm mãi quốc, triều đình khí dân".

(Phan Thanh Giản và Lâm Duy Hiệp phản nước, triều đình dối dân).

Trương Định thật là một vị anh hùng xuất chúng, xuất chúng nhất nhì trong cuộc Nam Kỳ kháng chiến. Cuộc suy tôn Trương Định khác hẳn với sự tự mình xếp đặt của Đại Hành, Công Uẩn ngày trước. Dù sao, thái độ do dự lúc đầu của Trương Định cũng làm nổi bật thái độ triệt để kháng chiến của người dân áo vải là Nguyễn Trung Trực mấy năm sau, sau khi ba tỉnh miền Tây thất thủ, được phong Lãnh binh, bị triệu về miền Trung, mà quyết tâm ở lại kháng chiến.

Đại bản doanh của Trương Định ở Gò Công nhưng kết hợp với nghĩa quân hoạt động tận xa. Trên Bà Hom, Phú Lâm, Bình Xuyên, cách Chợ Lớn vài cây số, tìm địch mà đánh, thần xuất quỷ một, giặc rất sợ. Ở vùng Hắc Khẩu (Tân An) thì có đội quân của Tuấn Phát, ở vùng Cần Đước thì có đội quân của Bùi Huy Diêu, ở vùng Tân Thành lại có đội quân của Nguyễn Văn Trung, làm tiền đội để án ngữ Gò Công, thanh thế mạnh mẽ, đội ngũ khá chỉnh tề. Theo nhận xét của Nguyễn Thông thì, những đạo quân do Trương Định trực tiếp chỉ huy, đạo binh của Tuấn Phát, đạo binh của Huy Diệu, của Văn Trung thì khá chỉnh tề, còn các đội quân khác thì không đủ kỷ luật, tan hợp bất thường. Dù sao sự chỉ huy vẫn thống nhất hơn là quân chính quy của triều đình, quân của triều đình thì thường thường tỉnh nào bị đánh tỉnh ấy lo, việc Gia Định, Định Tường, Biên Hòa đã rõ; còn lệnh của Trương Định được răm rắp

https://tieulun.hopto.org

thi hành từ Gò Công, Mỹ Tho, Tân An, đến Chợ Lớn, Gia Định, Biên Hòa, Bà Rịa, các nơi nương tựa, yểm hộ lẫn nhau, có lúc cùng một lượt đánh giặc.

Mấy lâu nay, Định xây đồn đắp lũy ở Gò Công, trên các rạch sông đều có đại bác, tàu chiến của võ quan Pháp tên là Guys hễ ló vào nội địa Gò Công thì ở mỗi khuỷu sông nó đều bị ăn đại bác hạng nhỏ và súng liên thanh của quân nghĩa dũng. Gu-ja[1] ở Tây Ninh, Lê-pét[2], ở Cần Giuộc, Bờ-ri-e đờ Lin[3] ở Tây Ninh, Lui-be[4] ở Thủ Dầu Một, Cô-kê[5] ở Bà Rịa đều lâm vào tình cảnh ấy, chúng thường phải lấy tàu làm trụ sở cai trị. Bọn quan huyện người Việt tay sai địch chỉ nằm dưới tàu hay trong công sở không dám đi đâu.

"Kẻ cướp và quân khởi nghĩa ngày càng dạn dĩ, càng tấn công... Bao nhiêu việc xẩy ra chứng tỏ rằng một cuộc khởi nghĩa sắp nổ; người Pháp dè chừng; người ta hiểu mang máng rằng người Pháp bị bao vây trong một cái lưới âm mưu trong đó các giai cấp trong nhân dân đều tham dự chống lại ta"[6].

Cuộc khởi nghĩa mà Bô-na đoán trước đã xẩy ra từ ngày 16 tháng 12 năm 1862 mà trung tâm lãnh đạo là Gò Công, mà kẻ lãnh đạo là Trương Định. Thực ra đây là một đợt tổng tấn công của một cuộc khởi nghĩa đã phát động từ khi giặc Pháp mới vào. Hầu hết tất cả các đồn bốt ở Biên Hòa, Gia Định, Mỹ Tho đều bị tấn công một lượt. Trận lớn đầu tiên là trận đánh đồn Rạch Tra trên đường đi từ Sài Gòn lên Tây Ninh. Quân khởi nghĩa thừa đêm leo lên đồn, vách đồn làm bằng đất, lính gác của địch bị giết, quân ta vào đồn, địch kháng cự, tên Đại úy Đồn trưởng là Tu-rut[7] bị đâm

1. Gougeard.
2. Lespès.
3. Brière de l' Isle.
4. Loubère.
5. Coquet.
6. Vial, quyển 1, tr. 191.
7. Touroude.

chết bằng mác thông, ta lấy được hầu hết khí giới, đạn dược, chở về làng bằng xe bò.

Trên sông Vàm Cỏ Đông, kinh nghiệm trận Nhật Tảo của Nguyễn Trung Trực được đem ra áp dụng để đánh 3 pháo thuyền địch; chiếc pháo thuyền địch số 3 đậu ở vàm sông Tây Ninh bị chiến thuyền của nghĩa quân (thuyền gỗ có đặt đại bác) vây đánh, tên quan chỉ huy của địch bị trọng thương. Bản thân Trực lại đánh một chiếc tầu địch đậu ở Bến Lức. Còn ở Biên Hòa thì hàng vạn đồng bào người Kinh, người Thượng (với cung tên) ào xuống đánh vào, dân ở Biên Hòa lại nhứt tề nổi lên.

"Tất cả các đồn của chúng ta đều bị cô lập"[1].

Ở Bà Rịa cũng thế. Quân khởi nghĩa chiếm lại được nhiều huyện, ví như huyện Long Thành, giết chết tên huyện trưởng ngụy, tất cả lính mã tà đều chạy về phía ta.

Ở Cần Giuộc, chung quanh Chợ Lớn thì 5.000 nghĩa quân, dưới quyền chỉ đạo của hai ông Hàn Lâm Phụ và Quản Là (cũng gọi là tổng Là) kéo qua đường Sài Gòn, Mỹ Tho, đánh địch ở Gò Đen, mất đi lấy lại mãi với tên võ quan địch Lê-pét.

Ở Mỹ Tho cũng có khởi nghĩa rộng rãi như thế. Trận đánh lớn nhất trong vùng này là trận của 1.000 nghĩa quân đánh đồn Thuộc Nhiêu, cách Mỹ Tho 20 cây số:

"Người Annam với vũ khí thô sơ, chống với súng ca-ra-bin, họ cứ việc nhào vô đánh với một nghị lực mù quáng, chứng tỏ rằng họ can đảm và quyết tâm một cách phi thường"[2].

Ta hoàn toàn chiếm lại đường Sài Gòn - Biên Hòa mãi đến khi địch được viện binh từ hạm đội của chúng ở Trung Quốc xuống, từ Phi Luật Tân và từ Pháp sang, và mãi đến khi chúng đánh được Tân Hòa rồi chúng mới mở lại được con đường này.

1. Vial, tr. 198 - 201.
2. Vial, tr. 198 - 201.

https://tieulun.hopto.org

"Cuộc khởi nghĩa là thường trực; nơi nào nó cũng bị chặn lại nhưng không nơi nào khởi nghĩa bị đánh tan, vì ta không có đủ phương tiện"[1].

3. Địch tấn công Gò Công, Tân Hòa

Khi Bô-na được hàng nghìn viện binh từ hạm đội của chúng đóng ở Trung Quốc về, từ Phi Luật Tân qua, và từ Pháp đến, hắn huy động đại lực mà tấn công Trương Định. Địch đem quân đánh Quy Sơn; Trương Định lập kế dụ địch sa vào đám bùn lầy, chém được khá nhiều. Thua trận Quy Sơn, địch sẽ kéo tới đông hơn, bao vây nhiều mặt một lượt tấn công. Chúng đánh vào Tân Hòa bằng ba ngõ. Ngõ thứ nhất do tên Đại tá Pi-ê-tri[2] đánh từ tây bắc vào tức là từ ngõ sông Rạch Lá gặp bộ binh và pháo binh ta chống cự kịch liệt ở Đông Sơn; ngõ phía đông tức là do ngõ sông Sóa Rạp, thì do chiến thuyền Tây Ban Nha La Xi-rê[3] án ngữ vàm sông vào Gò Công; chiến hạm Phót-banh[4] chận vàm sông Rạch Lá; chiến hạm A-va-lăn[5], chiến hạm Đơ-ra-gon[6] và nhiều chiếc tầu tuần giang nữa chận phía nam trên sông cửa Tiểu (Tiền Giang) và ở rạch Kỳ Hôn (tây nam); ngõ phía tây nam thì quân Pháp từ Mỹ Tho lên Chợ Gạo tiến vào do tên Đại tá Ariét[7] cầm đầu, có chiến thuyền yểm hộ. Tất cả quân địch đều dưới quyền chỉ huy của tướng Pháp Sô Mông[8] và quan năm Tây Ban Nha Pa-lan-ca[9]. Ngoài bộ binh và chiến thuyền ra địch còn dùng 30 thuyền bọc sắt nhỏ. Thế là để đánh nghĩa quân ở riêng căn cứ Gò Công, Pháp phải huy động nhiều lực lượng hơn là lực lượng nó đã dùng trong những trận

1. Báo cáo ngày 14-1-1863 của Bô-na gởi về Pháp.
2. Nhà xuất bản chưa tra được từ nguyên.
3. Nhà xuất bản chưa tra được từ nguyên.
4. Nhà xuất bản chưa tra được từ nguyên.
5. Avalanche.
6. Dragon.
7. Ariès.
8. Chaumont.
9. Palanca.

đánh lớn ở Biên Hòa, Định Tường trước đó. Nguyễn Thông kể lại rằng lúc ấy tầu Pháp kéo đến dày đặc trên Dung Giang.

Ngày 25 tháng 2 năm 1863 địch tổng tấn công. Nghĩa quân chống cự anh dũng trong ba ngày. Hai viên kiện tướng của Trương Định là Đặng Kim Chung và Lưu Bảo Đường bị trúng đạn chết (Chung là người Mỹ Hòa, huyện Bình Dương, là suất đội ứng nghĩa làm đốc binh vào hạng xuất sắc nhất). Để chia phân lực lượng địch, để rút ngược địch trở về Sài Gòn, Trương Định truyền lệnh hỏa tốc cho nghĩa binh ở Tân Long, Bình Dương, Bình Long, Biên Hòa v.v... phải cùng một lượt, một ngày đánh vào các đồn Mai Sơn, Thuận Kiều, Tây Thái, Phước Trung, Bình An và Long Thành. Nghĩa quân các nơi ấy đều nhất luật thi hành mệnh lệnh của chủ soái, nhưng không có sức công kiên; đánh vào đồn không thắng mà lại bị tan vỡ. Các đạo quân của Văn Trung, Tuấn Phát cũng bị đánh bại. Trương Định đốc thúc binh lính liên tiếp chống cự không nghỉ ngơi suốt ba ngày, đến ngày 28 thì đại binh tan vỡ, thuốc nổ của ta đã hết, địch chiếm được Tân Hòa. Trương Định cùng một số quân rút thoát khỏi vòng vây của địch, lui về phía rừng sát ngoài biển, rồi đến lập căn cứ mới ở Phước Lộc tập hợp lại nghĩa quân và tiếp tục chiến đấu[1].

4. Trương Định bị trúng kế và bị hại

Trong cuộc khởi nghĩa vừa qua, bắt đầu từ cuộc đánh đồn Rạch Tra tới khi Tân Hòa thất thủ, trong 2 tháng rưỡi của cuối năm 1862 và đầu năm 1863, quân khởi nghĩa tuy thất bại, không đạt được mục đích thu hồi đất nước, nhưng địch đã phải công nhận rằng *"quân khởi nghĩa chỉ mất ít người thôi vì họ biết rút lui một cách khôn khéo"*. Phần thoát ly sản xuất thì rút về phía rừng sát dọc theo biển về phía rừng Biên Hòa, Thủ Dầu Một - Tây Ninh, phía Đồng Tháp Mười và các vùng bưng ở giữa đường Sài Gòn - Trảng Bàng và Vàm Cỏ Đông, tức vùng bưng Tầm Lạc, tổng Cầu An Hạ, v.v...;

1. Xem *Kỷ xuyên văn sao* của Nguyễn Thông và báo cáo ngày 2-3 của Bô-na.

https://tieulun.hopto.org

họ vẫn thu lương trưng binh như thường. Nghĩa quân thường vào các thành phố, ví như Mỹ Tho, để dán bố cáo của Trương Định có đóng dấu bằng đồng của Bình Tây nguyên soái.

Trong lúc triều đình sắp phái Phan Thanh Giản qua Tây xin chuộc 3 tỉnh thì nhân dân và Trương Định không vì tạm thời thất bại mà nản lòng. Địch phải công nhận rằng:

"Nhà đại lãnh tụ của quân khởi nghĩa là Trương Định có đủ sự mềm dẻo và sự táo bạo cần thiết để đóng vai trò phức tạp của mình; ông tỏ rõ rằng ông càng hoạt động hơn trước nữa, hoạt động không biết mỏi, và sau khi Gò Công thất thủ, dường như ông ta lại càng có ảnh hưởng to hơn"[1].

Phan Thanh Giản không phải là không phục tài cao chí cả của Trương Định, nhưng cứ theo lệnh Huế mà ép Định giải giáp để Pháp thôi hăm dọa gây lại chiến tranh và hăm dọa chiếm thêm 3 tỉnh miền Tây.

Tháng 2, Trương Định trả lời cho một bức thơ của Phan Thanh Giản:

"Nhân dân 3 tỉnh không muốn đất nước bị chia cắt, nên họ suy tôn chúng tôi cầm đầu. Chúng tôi không thể nào làm khác hơn điều mà tôi đang làm. Cho nên chúng tôi sẵn sàng tử chiến, lôi địch đằng đông kéo địch đằng tây, chúng tôi chống địch, đánh địch và sẽ thắng địch. Nếu ngài còn nói hòa nghị cắt đất cho địch thì chúng tôi xin không tuân mệnh triều đình và chắc hẳn là như thế sẽ không bao giờ có hòa thuận giữa các ông và chúng tôi, ngài sẽ không lấy gì làm lạ cả".

Cánh kháng chiến ở triều đình, ở Bình Thuận, ở 3 tỉnh miền tây không ngớt ủng hộ Trương Định. Tháng 4, khi Bô-na đi sứ ra Huế về, Định gửi thư cho Bô-na, ký tên Bình Tây nguyên soái, thóa mạ Pháp đã giết nhiều người lấm đường ra đầu thú với Pháp và đòi Pháp nhất thiết phải trả 3 tỉnh miền Đông lại cho nước Việt Nam.

1. Vial, quyển 1, tr. 214 - 215.

Quân Pháp tuy thắng mà không lập được bộ máy cai trị, dù chúng phải tốn tiền mua chuộc.

"Sự tiêu tốn này không phải là to lớn lắm nếu nó đem lại lợi ích gì, nhưng phần đông những người tay sai của ta là vô ích; thành phố Sài Gòn mới đặt kế hoạch xây dựng, mới có vài nhà bằng gỗ rải rác dài theo bờ sông hay là ở giữa những bụi rậm, những ao hồ"[1].

Mấy câu này đủ chứng tỏ rằng chẳng những ở thôn quê lòng dân không theo Pháp mà ngay ở Sài Gòn cũng không mấy ai theo chúng.

Năm 1863 là năm mất mùa. Nạn đói thấy trước mắt. Cuộc đấu tranh của nhân dân bắt buộc Pháp phải cấm xuất cảng gạo, đó là một thắng lợi lớn, đấu tranh chính trị và quân sự đi liền với đấu tranh kinh tế. Nghĩa quân không có những trận đánh lớn mà có nhiều cuộc đánh nhỏ ở Biên Hòa, Tân An, Mỹ Tho, Cần Giuộc, Phú Lạc, Bà Hom. Cần phải nói rằng phái bộ của Phan Thanh Giản đi Tây xin chuộc 3 tỉnh, và chủ trương giải giáp của triều đình, cả hai không phải là không có phần ảnh hưởng đến một số nhân dân, những người này trông vào cuộc thương thuyết ở Pa-ri hơn là chú ý vào chiến trường trong nước; Pháp trả lại thành Vĩnh Long cho triều đình cũng làm cho một số người nuôi thêm ảo vọng hòa hảo, ảo vọng khôi phục đất mất mà khỏi phải chiến tranh.

Nhưng Trương Định còn thì Pháp chưa yên được. Ông vẫn hoạt động mạnh và liên lạc với các nhà buôn Hoa kiều để mua súng đạn, ông lấy lúa gạo đổi vũ khí, chiến thuyền địch khó bề phong tỏa được hoàn toàn bờ bể Nam Kỳ.

Ngày 25-9, hai đoàn quân Pháp ở Cần Giuộc và Gò Công hợp nhau vây rừng Sác để đánh nghĩa quân. Lần này, Trương Định ở Lý Nhơn, địch đến thì nghĩa quân vừa đánh vừa dời về căn cứ khác. Thế nhưng, nếu cứ theo báo cáo của quan quân địch, thì chúng trông thấy Trương Định có lúc ở Bình Thuận, có lúc ở ngoại ô Sài

1. Vial, quyển I, tr. 219.

https://tieulun.hopto.org

Gòn, điều chắc chắn là dân chúng làng xã nào cũng chuyền tay nhau đọc những bản hịch của Trương Định.

Lúc bấy giờ Trương Định về ở Tân Phước, gần ven sông Soài Rạp nơi mà 2 con sông Vàm Cỏ chung nước đổ ra biển Đông; dưới quyền chỉ huy của ông, hãy còn đến 10.800 binh sĩ. Trong khi Trương Định chuẩn bị đánh lấy lại Tân Hòa thì Người bị nội gián điểm chỉ cho giặc. Giặc do đội Tấn (trước là thủ hạ của Trương Định, sau về đầu Tây) dắt đường phục kích, bí mật vây Trương Định và 25 tùy tùng ở làng Tân Phước. Hừng sáng 20-8-1864, cuộc nổ súng cuối cùng, bên ta bị đánh bất ngờ, quân sĩ ta chiến đấu rất anh hùng. Trương Định cầm gươm chém bay đầu một tên giặc, lấy súng nó mà bắn; không may Trương Định bị trúng đạn gẫy xương sống; không để bị giặc bắt, ông rút gươm tự sát, lúc ấy Định 44 tuổi. Địch đem thi hài ông về Gò Công mục đích để cho dân thấy rằng Trương Định chết thiệt, để gieo lòng thất vọng rằng Trương Định chết là kháng chiến hết. Đời nhà ái quốc chấm dứt một cách anh hùng, nhân dân và nghĩa quân vô cùng thương tiếc. Con Trương Định là Trương Quyền dầu còn trẻ, vẫn chỉ huy một đội quân, người ta gọi là "đội quân anh hai". Cọp cha sinh cọp con, Trương Quyền kéo đội quân của mình lên Tháp Mười, qua Tây Ninh, gây cơ sở kháng chiến, cộng tác với người Khơ-me mà chống giặc rất anh hùng.

Trương Định chết rồi. Quang Quyền, tay phải của Trương Định, tuy có tài tổ chức, nhưng không đủ uy tín lãnh đạo; nhiều hào trưởng tự xưng hùng xưng bá, mâu thuẫn nhau, tranh giành địa bàn và ảnh hưởng với nhau. Quang Quyền không kiềm chế nổi, nên Quyền dời căn cứ đến Giao Loan ở cùng Phan Chỉnh; nhiều người ở Định Tường, Biên Hòa, Gia Định tụ họp dưới cờ của Phan Chỉnh tại Giao Loan, ở một vùng đất rộng rãi nhưng nghèo nàn ở giữa Bà Rịa và Bình Thuận.

Chỉnh tự xưng là Bình Tây phó nguyên soái, lo đồn lương mộ binh, chưa khỏi đại sự thì cơ sở Giao Loan bị đánh úp.

Cơ sở Giao Loan thường thường gửi quân khuấy rối địch ở vùng Bà Rịa, Biên Hòa. Vào tháng giêng 1855, địch khởi sự tấn công do tên quan tư Đờ la Rút-sờ[1] cầm đầu. Tại vùng Giao Loan quân ta lập nhiều vị trí bằng cách rào hàng rào gỗ bên trong và bằng cách hạ rừng chặn địch ở ngoài xa, qua một dải rừng đổ như thế rất là khó nhọc, hao người, vì đằng sau cây đổ có trên 15 đại bác và máy bắn đá hoạt động. Địch chiếm đồn Giao Loan rồi tiến ra đồn Gia Lao và Gia Phú ở gần giáp giới tỉnh Bình Thuận. Tuy nói là chiến khu Giao Loan, nhưng Gia Phú mới là vị trí chính, nơi mà nghĩa quân đúc súng làm đạn, làm cung tên. Ở sát Bình Thuận tự do mà còn phải tự đúc súng đạn, rèn giáo mác, chuốt cung tên trong địa hạt Biên Hòa bị chiếm, điều ấy chứng tỏ rằng triều đình không ủng hộ nghĩa quân. Cũng trong thời gian đó, địch từ Biên Hòa đánh các vị trí của nghĩa quân ở Xuân Mộc chiếm đồn Bào Cá, nơi mà nghĩa quân Việt Nam và Hoa kiều chống giữ. Đến cuối tháng giêng, quân ta rút hết về phía Bình Thuận. Sau này bọn Chỉnh sẽ thất vọng và sẽ đầu hàng địch. "Bình Tây phó nguyên soái" không xứng đáng với Trương Định.

Nguyễn Thông nhận xét rằng:

"Trương Định là người có cơ trí, biết linh động, hiệu lệnh nghiêm minh, tướng sĩ mến phục".

Cần phải thêm rằng Trương Định là người nhờ dân mà giữ vẹn nghĩa trung với nước, kiên trì cùng dân kháng chiến, chống lệnh bãi binh của triều đình, người chết mà gương luôn luôn sáng.

Nguyễn Đình Chiểu có làm nhiều bài thơ và văn tế khóc Trương Định; trong đó có những câu vô cùng thấm thìa biểu lộ lòng dân thương tiếc và cảm phục của dân chúng đối với vị anh hùng:

1. Nhà xuất bản chưa tra được từ nguyên.

https://tieulun.hopto.org

"Trăm năm mộ binh vẫy lớn nhỏ
Một gò cô lũy chống hôm mai...
... Hay dở phải chăng trời đất biết
Một tay chống chỏi mấy năm trời".

Trương Định chết, phong trào kháng chiến của nhân dân có tạm thời giảm bớt đi nhiều nhưng không dứt.

Một số nghĩa quân rút lên Đồng Tháp Mười mà lập căn cứ trong vùng rừng thưa, cỏ rậm, đầy nước, mộ thêm binh, trữ thêm lương, tích tụ nhiều đại bác, làm súng đạn, rèn gươm mác, thường thường ra đánh ở Mỹ Tho, Tân An, Chợ Lớn.

* * *

Nhận xét về cuộc kháng chiến từ ngày thành Gia Định thất thủ đến khi Trương Định tự tận, chúng ta không thể không có những ý kiến sau đây:

1. Triều đình đánh rất yếu, chờ địch đến mới kháng cự, rồi rút lui, bỏ quân dụng vũ khí. Quân đội triều đình các tỉnh không tương trợ, không chỉ huy thống nhất. Còn nhân dân thì kháng chiến rất mạnh, khắp mọi nơi tìm địch mà đánh, nhất là đánh du kích rất tai hại cho địch, địch sợ nghĩa quân hơn là sợ quân triều đình. Nhân dân, nhất là nông dân luôn luôn tỏ ra là vô cùng ái quốc, không chịu ở với địch, người ở lại vùng bị tạm chiếm thì bí mật mua súng đạn cho nghĩa quân, chứa chấp nghĩa quân và quấy rối địch.

2. Triều đình bội phản, cắt đất, dối dân, nhưng quần chúng tiếp tục chống giặc, tỏ ra rằng nếu không chống triều đình (phong kiến) ít nhất là đi ngược lại chủ trương của triều đình thì không thể đánh giặc được. Chẳng những một mình Trương Định nghe theo dân, chống lại triều đình, mà cả Đề đốc Huân, cánh tay phải của Thiên hộ Dương cũng thế; Huân bực tức triều đình cản trở việc tiếp viện cho căn cứ Tháp Mười, đem nghĩa quân đánh thành Châu Đốc để mở đường tiếp vận, chẳng may bị bắt và bị giao lại

cho Pháp. Trong cuộc kháng chiến này nhân dân anh dũng lôi kéo được rất nhiều quan lại cao thấp và một số đông người hào phú muốn giữ chủ quyền cho đất nước.

3. Không phải súng ống quyết định thắng bại, mà là lòng dân, sở dĩ phong trào kháng chiến lúc ấy không thành, phần lớn tại triều đình không biết địch tình, tại triều đình chủ trương thất bại chủ nghĩa, tại triều đình không tiếp tục chống giặc trong lúc giặc bị nguy ngập nhất, mà ngược lại triều đình chủ tâm đem lực lượng đàn áp nông dân khởi nghĩa ở Bắc Kỳ, lẽ cố nhiên là tại cả chính sách thủ cựu khốc hại của nó làm cho dân nghèo nước yếu. Giá như ở Nam Kỳ, cả triều đình và nhân dân cứ tiếp tục kháng chiến thì bấy giờ Pháp không thể có quân để lan rộng ra, cũng không thể có quân để chiếm đóng riêng 3 tỉnh, mà chỉ có thể giữ được một số thành phố và một số ít đường giao thông. Từ ngày chiếm Gia Định đến khi thắng Trương Định, địch mất gần 2.000 quân[1], nghĩa là toàn bộ số quân của chúng khi chúng mới đến, và phân nửa số quân khi chúng đem toàn lực của chúng ở Hoa Bắc về Sài Gòn, thì biết rằng Sác-ne, Bô-na đều không đủ lực lượng, cho nên Bô-na không xiết vui mừng khi Tự Đức chịu ký hòa ước bãi binh. Lúc ấy Pháp sa lầy ở Méc-xíc, rồi sẽ bị đại bại ở Méc-xíc một ít lâu sau, không thể viện binh được, cũng không thể có đủ cơm tiền để chống lại một cuộc kháng chiến lâu dài; những mã tà của địch không có giá trị chiến đấu nào nếu không có đủ chủ lực quân của Pháp kèm theo; tiền tài của chúng cướp được ở xứ ta chưa thấm với số tiền mà chúng phải tiêu phí ở một chiến trường xa xăm. Bọn tư bản, khi hô hào đi xâm chiếm thì để cao lý do "bênh đạo", nhưng luôn luôn tính số lỗ lời; chúng đã tính rằng Hòa ước 5-6-1862 không đem lại mối lời thực tế, không đủ vốn nặng đã bỏ ra (60 triệu năm 1860, 57 năm 1861 và 22 triệu năm 1862). Chính vì thế mà có lúc Na-pô-lê-ông III muốn cho Tự Đức nạp cống, chuộc lại 3 tỉnh trừ vài ba cứ điểm. Trong tình hình đó, nếu một

1. *L'Epopée coloniale française en Asia* của tướng Pruneau, tr. 96.

https://tieulun.hopto.org

triều đình còn có chút danh dự, dồn sức để cùng dân đánh giặc, thì trong cuộc nghị hòa giặc không thể đòi hỏi chiếm đất được, quá lắm là chỉ mở cảng và đòi ít nhiều chiến phí.

4. Kẻ anh hùng, dù bị thất bại, đã được quốc dân thờ kính, mà cũng được địch khâm phục:

"Trong 18 tháng trường, người du kích không biết mỏi ấy mà ta có thể gọi là Abdel Kader của Việt Nam, bị truy nã từ chỗ này đến chỗ nọ trong rừng sâu, trong vũng lầy không thể đi đến được, người du kích ấy đã phá vỡ các cuộc truy nã của chúng ta với cả một nghị lực bền bỉ mà ta phải thừa nhận dù người ấy là kẻ địch của ta"[1].

Trương Định thất bại, căn bản vì sự phản phúc của triều đình phong kiến nhưng cũng vì ông thủ hiểm ở Tân Hòa - mà đất Tân Hòa thì có chi là hiểm? - không biết vận động chủ lực để tiêu diệt sinh lực địch; lại vì lúc bối rối, ông chủ trương cho các đạo binh khác đâm vào đồn lũy khá kiên cố của địch ở Gia Định, Biên Hòa - thình lình rời bỏ chiến thuật đánh vận động, đánh du kích, đánh nhỏ ăn gọn, chắc ăn thì đánh, chắc thu thì tránh, rời bỏ cái chiến thuật hay ấy để đi công đồn thì, với tình trạng vũ khí của ta bấy giờ, không thể nào không thất bại được. Dù sao cuộc kháng chiến do Trương Định chỉ huy chứng tỏ lòng ái quốc của toàn dân, khả năng chiến đấu của quần chúng, và chứng tỏ rằng dân chúng, hơn triều đình, có khả năng thống nhất chỉ đạo cuộc đấu tranh trên một địa bàn rộng lớn mà đây là một điều kiện quan trọng để thắng giặc. Sau Trương Định, còn nhiều cuộc khởi nghĩa, nhưng không có cuộc nào có quy mô rộng rãi bằng, trừ cuộc khởi nghĩa của Pô-kum-Pao, Trương Quyền ở miền Tây Ninh, Gia Định, Khơ-me.

5. Căn cứ Đồng Tháp Mười và Thiên hộ Dương

Sau khi Trương Định chết thì Thiên hộ Dương trở thành lãnh tụ chính của phong trào kháng chiến ở Tiền Giang lấy Tháp Mười làm căn cứ. Đồng Tháp Mười là một đồng lầy mênh mông quanh

1. Du hailly.

năm đầy nước, rừng không to mà cỏ rừng lau thì nhiều, đủ cao để che du kích, đủ thấp để cho người Âu châu vào đó không thể tìm được bóng mát dưới mặt trời trên mặt nước.

Có những gò cát rộng, ở đó có làng xóm thưa thớt. Nhưng vị trí chiến lược rất là quan trọng, vì nó là một trung tâm hiểm yếu liên lạc thẳng với Châu Đốc, Long Xuyên, Sa Đéc, Mỹ Tho, Tân An, Chợ Lớn, Tây Ninh và Khơ-me. Đường bộ rất ít, đường nước thì vô số mà tàu bè không vào được, muỗi nhiều đỉa lắm, đồng sâu cỏ rậm là những chướng ngại thiên nhiên.

Từ ngày Tây chiếm Mỹ Tho, Đồng Tháp trở thành căn cứ kháng chiến gần như bất khả xâm phạm.

Thiên hộ Dương ở Tháp Mười lập nhiều cơ sở chống giặc. Trung tâm là Tháp Mười, xung quanh có xây nhiều đồn, đồn tiền, đồn hậu, đồn tả, đồn hữu, yểm trợ lẫn nhau và ngoài vòng các đồn ấy còn nhiều đồn khác nữa.

Từ căn cứ Tháp Mười, quân ta vẫn quản trị các vùng xung quanh, thu lương, trưng binh và phát binh ra đánh địch mà địch thì chưa dám đả động đến Tháp Mười. Ví như cuối tháng 3 năm 1866 nghĩa quân ra chiếm Cái Nứa, hai bên tranh giành cứ điểm ấy mấy lượt.

Địch chuẩn bị công phu một cuộc tấn công lớn. Địch chia ra làm 3 đạo: Một đạo đi từ Cần Lố do tên quan ba Bu-bê[1] cầm đầu; đạo thứ 2 đi từ phía tây nam (Mỹ Tho) do quan tư Đờ-rôm[2] cầm đầu, trong đám này có tên Tấn đã lập công với giặc trong trận giết Trương Định ở Gò Công. Đạo thứ 3 do quan ba Ga-ly Pát-sơ-bốc[3], tên chủ tỉnh Tân An đi từ Tân An vào.

"Những đội quân yếu ấy đi vào một vùng không có đường sá, khổ sở vô cùng vì nắng cháy ban ngày và lạnh ướt ban đêm. Không khí

1. Nhà xuất bản chưa tra được từ nguyên.
2. Nhà xuất bản chưa tra được từ nguyên.
3. Nhà xuất bản chưa tra được từ nguyên.

https://tieulun.hopto.org

ẩm thấp và độc địa của chiều tối nối tiếp cho trời nóng nực ban ngày, muỗi đỉa vô số không thể nào nghỉ ngơi được"[1].

Đạo thứ nhất của địch thắng trận đầu tiên, chiếm đồn Sa Tiền, nhưng phải để lại nhiều mạng trong số ấy có tên quan hai Vi-nhơ. Đạo thứ hai của địch chiếm đồn Ấp Lý, vào tới đồn tiền bị chận đứng lại. Đạo thứ ba của địch chiếm đồn Gò Bắc chiên, nhưng tổn thất nặng phải xin chiến thuyền theo sông Vàm Cỏ Tây đem viện binh tới để tấn công vào đồn tả, trong đồn này ta có 40 đại bác và 350 quân ta đóng giữ.

Trận đánh ở đồn tả là trận đánh quyết liệt nhất, ở đây hai tiểu đội địch bị giết và bị thương. Một điều đáng chú ý là trong số quân khởi nghĩa giữ đồn này có cả người Phi Luật Tân và người Pháp.

Đồn tả đổ, địch vào tới Tháp Mười là trung tâm, nhưng Thiên hộ Dương đã chuyển căn cứ Tháp Mười đi đâu địch không rõ, địch không dám vào sâu hơn nữa. Ký sự bọn thực dân ghi lại rằng tại Cái Thia (Mỹ Tho) địch bắt được một người Pháp trong quân khởi nghĩa; người Pháp ấy tên là Lanh-ghê[2]; khi lính Pháp đi trên tầu giải Lanh-ghê về Sài Gòn, chê rằng súng đạn của quân khởi nghĩa kém, thì Lanh-ghê trả lời "nếu tao có đạn tốt hơn thì tao đã hạ thêm nhiều tên trong bọn chúng mày".

Địch vào đến Tháp Mười, nhưng không dám ở lại đóng đồn mà lui về hết; chúng triệt quân, không đóng vì đóng ở đó thì không tiếp tế được, tức không giữ được; cũng vì nhiều cuộc đột kích của quân ta ở các vùng Mỹ Tho, Tân An vào các vị trí địch. Về tới Tân An thì một chiếc tầu Pháp vì một lý do gì không rõ, bị chìm trên sông Vàm Cỏ, lại một tiểu đội toàn người Pháp chết tươi. Từ đó cho đến rất lâu sau này Tháp Mười vẫn còn là nơi tụ tập của các nhà ái quốc.

* * *

1. Vial, quyển II, tr. 47.
2. Nhà xuất bản chưa tra được từ nguyên.

TÓM LẠI

Sau hơn 3 năm khói lửa chiến tranh thì thực dân Pháp và triều đình Huế giảng hòa với nhau. Pháp phải hòa là vì Pháp mắc vào cuộc chiến tranh lớn ở Méc-xíc, vì Anh - Pháp mâu thuẫn mạnh ở Sy-ri, vì Pháp thiếu quân số không thể chiếm rộng ra nữa, không thể kéo dài chiến tranh ở Việt Nam nhất là vì nhân dân 3 tỉnh miền đông Nam Kỳ kháng chiến mạnh quá, nếu làm cho triều đình Huế giảng hòa thì mới mong có điều kiện bình định nổi ba tỉnh.

Còn triều đình Huế cũng muốn hòa, xin hòa là bởi vì triều đình tính rằng hễ đánh thì thua; họ sợ địch, sợ đánh dai thì mất nhiều hơn, họ muốn hòa với địch ở phía Nam để dồn sức trấn áp nhân dân ở miền Bắc.

Phan Thanh Giản, Lâm Duy Hiệp đại diện cho Huế ký tờ Hòa ước 1862, chịu nhượng ba tỉnh cho Pháp, hứa hẹn với Pháp là kêu gọi nghĩa quân giải giáp để cho Pháp trả lại thành Vĩnh Long.

Pháp được Tự Đức cầu hòa, ký hòa ước trong lúc nó bị nguy khốn nhất. Ngược lại nghĩa quân bất kể lệnh bãi binh của Huế, tiếp tục chiến đấu tuyên bố rằng Phan, Lâm bán nước, triều đình khinh dân. Trương Định, Nguyễn Trung Trực, Thiên hộ Dương, các vị lãnh tụ nghĩa quân thống nhất hành động đánh giặc, thu được nhiều thắng lợi nhưng rốt cùng thì căn cứ Tân Hòa bị đánh võ, Trương Định bị hại, căn cứ Đồng Tháp bị tạm phá; từ nay trung tâm kháng chiến ở miền Đông Nam Kỳ lại dời về phía Tây Ninh - Gia Định lại làm cho giặc Pháp điên đảo một lần nữa, lần này cả người Việt và người Khơ-me đều đứng lên chống Pháp.

https://tieulun.hopto.org

PHỤ LỤC CỦA CHƯƠNG 5

(Theo tài liệu của Nguyễn Thông)

I. TIỂU TRUYỆN PHAN VĂN ĐẠT

Phan Văn Đạt tên tự là Minh Phủ, người thôn Bình Thanh, huyện Tân Thịnh, cha Văn Đạt tên là Mỹ, tính vui vẻ dễ dãi, yêu quý những người có học thức. Văn Đạt lúc bé đã có phong độ người lớn, đến khi khôn lớn, cũng thiệp liệp kinh sử, sở trường về việc thư từ, đỗ cử nhân năm Canh Thân đời Tự Đức, vì không có tiền lo ra làm quan, phải nhờ bạn thân giúp đỡ, đã vào kinh rồi lại bỏ quan về nhà, ông ta là người thẳng thắn không xu nịnh, được người làng kính mến, ai có việc gì tranh giành nhau thường đến nhờ ông ta phân giải. Người làng có câu tục ngữ rằng: "Hoạn bất bình, vấn từ hành, dục tức tranh, vấn Phan sinh", đại ý nói: Nếu sợ nặng nhẹ không cân thì cần hỏi ở mặt cân, nếu muốn giải quyết việc tranh giành thì cần hỏi đến ông Phan Văn Đạt.

Tháng 3 năm Tự Đức 14, cha ông ta mất, sau khi chôn cất cha rồi, ông ta cảm khái nói: "Bây giờ công việc của tôi đã xong xuôi rồi, từ nay về sau tôi có thể tự ý theo với sự thay đổi của tạo hóa".

Lúc ấy quân của ta bị thất bại ở Phú Thọ, quan quân rút lui về giữ Biên Hòa, Gia Định bị người Pháp chiếm cứ. Văn Đạt cùng với người họ ngoại là Trịnh Quang Nghị tính việc khởi nghĩa; suy cử Quang Nghị đứng đầu, Quang Nghị là cậu tôi, tên tự là Tử Vũ, trước kia giúp việc ở dưới cờ khởi nghĩa của Nguyễn Công Duy, là người mạnh khỏe, thiện chiến, sau khi bị thua ở Phú Thọ, phải ẩn náu trong làng, nay cùng Phan Văn Đạt khởi nghĩa, biên tên trai tráng trong làng làm binh lính, nhiều người trẻ tuổi ở huyện bên cạnh xin đi theo, quân lính đóng ở phía Nam Biện Kiều, thôn Bình Thành.

Trước đây Đỗ Trình Thụy hợp quân đánh đồn Quy Sơn bị thua, quân Pháp kéo đến đâu, thế như vũ bão, nghĩa dân chỉ nhìn quanh nhau, mà không người nào xung phong đánh giặc, đến khi hai người này giữ phía Nam Biện Kiều, đưa văn thơ đi hiểu bảo, nghĩa thanh vang dội, lúc ấy những nghĩa hào ở các huyện Bình Dương, Tân Long, Phúc Lộc, Tân An, Tân Hòa mới mưu tính đến việc tụ tập dân chúng giết giặc, việc ấy chính là do hai người này xướng suất ra. Lúc ấy tôi cùng với Phan Chính thường ở chỗ hai người này đóng quân, hai người mới khởi nghĩa, thế lực còn yếu, lại được tin quan quân đóng ở Biên Hòa không tiến đánh, mới bàn nhau dời quân chiếm cứ nơi hiểm yếu, để đợi thời cơ, chưa xuất phát vội. Tướng Pháp là Ba Khu đóng ở phủ Tân An, dò thấu được tình hình, sai quân đánh úp Biện Kiều, ngày 16 tháng 7, Văn Đạt và 8 người nghĩa quân đều bị bắt. Trong khi ấy quân của Quản Nghị đóng riêng tạ Ô Khê (phía tây nam Biện Kiều) cũng bị quân Pháp tiến công, đạo quân này phải chiến đấu hăng mới chạy thoát được. Người Pháp sau khi đã bắt được Văn Đạt, dùng hình pháp để đe dọa, nhưng Văn Đạt không hề sờn lòng, tên đầu mục của Pháp lấy làm lạ, hỏi tên thông ngôn, tên thông ngôn trỏ vào Văn Đạt nói: "Người này là một người kiệt hiệp nhất trong đảng", vì thế Văn Đạt bị giết, năm ấy ông ta 34 tuổi. Lúc ấy người Pháp tìm bắt đồ đảng nghĩa quân rất ngặt, mọi người đều phải ẩn núp. Có bà Trịnh Thị là chị Trịnh Quang Nghị sai người tìm được thi hài Văn Đạt, sắm đủ áo mũ, rồi đem chôn ở phía nam Biện Kiều là nơi Văn Đạt khởi binh khi trước. Việc này truyền đến triều đình Huế, triều đình truy tặng hàm Tri phủ và cho em tên là Thanh được tập ấm hàm Bá hộ. Triều đình lại có sắc lệnh là khi công việc bình định sẽ lập miếu thờ, mỗi năm mùa xuân, mùa thu sẽ sai quan đến tế.

Trước khi quân Pháp đánh úp Biện Kiều, 8 người nghĩa binh cùng bị bắt với Văn Đạt, ai cũng có ý sợ là thế nào cũng không thoát chết. Văn Đạt tinh về thuật bói toán, bảo mọi người rằng: Tôi thế nào cũng bị chết, còn các anh không việc gì, các anh nhớ về nói

https://tieulun.hopto.org

với các bạn đồng sự, ai nấy đều cố sức làm cho xong công việc. Sau 8 người đều thoát chết, trở về, quả như lời Văn Đạt đã nói. Trận này, tôi cùng Phan Chỉnh đóng ở nơi khác, nên cũng được toàn thân. Quang Nghị từ sau khi Văn Đạt bị chết, đem quân đến ở tỉnh An Giang.

Văn Đạt là người thông minh, nhanh nhẹn, việc công nghệ chỉ qua mắt một lượt, là có thể bắt chước làm được ngay, tính rất thích đàn địch. Tôi với Văn Đạt nhà ở gần nhau, vì tình họ ngoại, nên lúc bé rất thân yêu nhau, đến khi tôi được lạm dự hàm Hàn lâm trước tác, đi tòng chinh ở Gia Định, thời nhà Văn Đạt càng ngày càng nghèo thêm, lúc mẹ chết không sao chôn cất được, nhờ có nhiều bạn thân giúp đỡ, mới chôn được mẹ. Văn Đạt bị góa vợ sớm, tự mình phải giữ việc kim chỉ vá may, tôi thường đem truyện Hàn Tử ngày trước nói đùa, Văn Đạt cười nói: "... Tôi vẫn có vợ, chỉ khác là người ở dưới đất, người ở trên trần mà thôi". Sau khi vợ chết, không lấy vợ nữa, chỉ sinh được một con gái.

II. TIỂU TRUYỆN HỒ HUÂN NGHIỆP (cũng theo Nguyễn Thông)

Hồ Huân Nghiệp ở làng Yên Định, thuộc huyện Bình Dương tỉnh Gia Định. Người ông tên là Thuận làm quan đến Ký lục. Huân Nghiệp mũi gọn, tay dài, là người thâm trầm nghiêm nghị, sau khi người cha tên là Lợi chết, Nghiệp làm nhà bên cạnh mộ, cùng với học trò đọc sách. Bọn trộm cướp thấy chỗ Huân Nghiệp ở làm ngăn cản đường đi lại, nên họ đốt đi, Huân Nghiệp lại cùng học trò làm nhà khác, học tập không chán nản. Bọn trộm cướp nhận thấy là người thành thật, mới tìm đường khác đi. Năm 20 tuổi, vì mẹ già, nên ông không đi thi nữa.

Lúc Trương Định chiếm cứ Tân Hòa, Huân Nghiệp hội họp những người sĩ phu bàn định kế hoạch. Huân Nghiệp đến Tân

Hòa hội ngộ với Trương Định, khi trở về vào nhà người em tên là Hài. Hài hỏi: "Ông Trương Định khởi nghĩa, hào kiệt các nơi hội họp rất đông, việc có thành công không?" Huân Nghiệp đáp: "Ông ta làm việc nghĩa, không kể gì đến sự được thua". ít lâu sau, Trương Định đưa công văn cử Huân Nghiệp giữ chức Tri phủ Tân Bình. Huân Nghiệp viện cớ là nhà có mẹ già không nhận, nhưng những người nghĩa hào ở Bình Dương, Tân Long cố yêu cầu Huân Nghiệp tạm nhận để quân dân có thông thuộc, bất đắc dĩ Nghiệp mới tạm nhận công việc trong phủ. Lúc ấy địa phương thuộc hạt bị người Tây chiếm cứ. Quan lại ở các phủ huyện do Trương Định xếp đặt phải làm việc một cách vụng trộm ở nhà dân, không có dinh thự gì cả. Sau khi Huân Nghiệp đã quyền tạm công việc trong phủ, thường điều động binh lương tiếp tế cho quân Trương Định. Sau trận thua ở Tân Hòa, Huân Nghiệp vẫn làm việc như cũ, mãi sau người Tây mới dò biết, chúng bắt giam ông lại lỵ sở cũ Tân Bình, lúc ấy là ngày 12 tháng 3 năm Giáp Tý tức năm Tự Đức thứ 17 (17-4-1864). Bọn quan lại Pháp tra hỏi tên những người đứng đầu chiêu mộ nghĩa binh, ông ta không trả lời. Chúng lại hỏi: "Hòa ước đã ký rồi, cớ sao lại còn sinh sự nhiễu dân?". Ông ta chống cãi bằng giọng khảng khái; bọn quan lại Pháp không còn viện lẽ gì tra hỏi được nữa. Sau chúng đem các đồ hành hình ra, có tên cố đạo người Tây biết chữ Hán, thấy Huân Nghiệp là người học trò, có ý muốn xin tha cho, đưa thánh giá chữ thập ra bảo Huân Nghiệp lạy, Huân Nghiệp không chịu khuất phục, cầm thánh giá vứt xuống đất. Lúc sắp phải hành hình, Huân Nghiệp rửa mặt, mặc khăn áo chỉnh tề thung dung ngâm bốn câu thơ, rồi chịu chết, ai trông thấy cũng phải sa nước mắt, năm ấy Huân Nghiệp 36 tuổi. Bốn câu thơ như sau:

"Kiến nghĩa ninh cam bất dũng vi.
Toàn bằng trung hiếu tác nam nhi,
Thử thân sinh tử hà tu luận,
Duy luyến cao đường bạch phát thùy".

https://tieulun.hopto.org

Dịch nghĩa là: Biết việc ấy là việc nghĩa, thì không có lý gì không hăng hái mà làm; có làm tròn vẹn được điều trung hiếu mới xứng đáng là người nam nhi; thân này dù sống hay chết chả đáng kể làm gì; chỉ băn khoăn vì nỗi trong nhà còn mẹ già đầu bạc.

Trước kia, Huân Nghiệp kết bạn thân với người khách Minh Hương là Trương Nghĩa Minh. Nghĩa Minh mất trước khi Huân Nghiệp bị bắt. Vợ Nghĩa Minh là bà Hoàng Thị bỏ của nhà ra sai người khách đút lót với bọn quan lại Tây để xin lấy thi hài Huân Nghiệp, việc tuy không thành, nhưng ai nghe thấy cũng lấy làm kính phục.

Khi Huân Nghiệp mất, vợ đã có mang, sau sinh một con trai.

Chương 6

NGOẠI GIAO VÀ NỘI TRỊ CỦA TRIỀU ĐÌNH HUẾ TỪ 1863 ĐẾN 1868. PHÁP XÂM CHIẾM KHƠ-ME CUỘC KHỞI NGHĨA TRƯƠNG QUYỀN - PÔ-KUM-PAO

I. TRIỀU ĐÌNH VẬN ĐỘNG CHUỘC LẠI 3 TỈNH MIỀN ĐÔNG NAM KỲ. PHAN THANH GIẢN ĐI XỨ SANG PHÁP

Vào tháng chạp năm 1862, triều đình y hẹn mà trả năm đầu của chiến phí. Phan Thanh Giản xin Pháp giao lại thành Vĩnh Long; Pháp tuy có đôi co rằng triều đình bất lực không giải tán được nghĩa quân, nhưng chúng vẫn trả thành Vĩnh Long để giúp cho Huế một lợi khí tuyên truyền rằng bằng thương nghị đã có thể lấy lại đất đã mất. Cũng khoảng cuối năm ấy, triều đình gửi thư vào Sài Gòn để nghị chuộc lại ba tỉnh. Bô-na thúc giục Huế sớm chấp thuận hòa ước mà anh ta đã tức tốc gửi về Pa-ri cho Na-pô-lê-ông III chấp thuận; Phan Thanh Giản trả lời rằng chắc phải đến một năm thì "hỗ giao" mới xong; ngược lại Bô-na hẹn rằng nếu khi nào

https://tieulun.hopto.org

Na-pô-lê-ông III ký xong hòa ước, bản hòa ước trở lại Sài Gòn, thì một tháng sau Tự Đức phải ký.

Bô-na hống hách thế thôi chớ, như ta đã biết, ngày 16-12-1862 là ngày bắt đầu của tổng khởi nghĩa ở ba tỉnh do Trương Định cầm đầu.

Liền sau khi bọn nó phá được căn cứ Gò Công của nghĩa quân thì Bô-na được bản hòa ước trên đó Na-pô-lê-ông đã ký tên chấp thuận. Bô-na thúc giục Tự Đức ký tên và đe dọa rằng nếu trì hoãn mãi thì hắn sẽ gây chiến trở lại và can thiệp vào Bắc Kỳ bằng cách công khai ủng hộ tên Phụng.

Tháng 4 năm 1863, Bô-na và Pa-lăn-ca ra Huế (có Phan Thanh Giản cùng đi) với tư cách là đoàn sứ giả của Pháp - Y Pha Nho. 4 tầu chiến của Pháp vào đậu ở Đà Nẵng, nơi mà cách đây 3 năm 8 tháng địch bắt đầu cuộc xâm lăng. Địch lên đường đèo Hải Vân, có 55 sĩ quan và binh lính hộ vệ. Tự Đức bắt dân làng võng lũ sứ giả địch sang đèo, cái đèo mà bấy lần chúng muốn băng qua với nhiều nghìn quân để chiếm lấy kinh thành, để sớm chấm dứt cuộc chiến tranh xâm lược, nhưng mà bấy lâu đó chúng đều bị dội ngược trở lại.

Triều đình đã lập công quán tại Huế, bên hữu ngạn sông Hương, để tiếp khách, tiếp long trọng hơn là sứ Xiêm trước đó. Ngày 16-4 là ngày lễ hổ giao, địch không thể không cười khi thấy ở thời tầu máy, đại bác mà triều đình còn giàng ra (chỉ trong nội thôi chớ không phải trên chiến trường!) những thớt tượng chiến đấu!

Cả Bô-na lẫn Jô-rét (viên Đô đốc chở Bô-na đi Đà Nẵng) đều nghĩ rằng đi sứ vào Huế là vào hang hùm, vào có mà không biết có ra không, chúng học được ở đâu không biết rằng người Đông phương hay trở trái làm mặt, hay giết sứ! Nhưng Bô-na đã không hề hấn gì, lại trở về Sài Gòn vô sự với chữ ký của Tự Đức chấp nhận Hòa ước 1862. Bô-na cũng thuận với triều đình là một sứ bộ

của triều đình sẽ sang Pa-ri gọi là để đáp lễ. Đáp lễ là hình thức mà nội dung nhiệm vụ của sứ bộ này là vận động để chuộc lại 3 tỉnh miền Đông Nam Kỳ. Phan Thanh Giản vào Nam Kỳ cùng một chuyến với Bô-na. Ông ta nhận thành Vĩnh Long của Pháp giao lại. Theo lệnh triều đình, Phan Thanh Giản yêu cầu Pháp đừng giúp bọn giặc bể khuấy rối miền Bắc nữa.

Tháng 6 năm 1863 triều đình Huế gởi sang Pháp một sứ bộ gồm Phan Thanh Giản (chánh sứ). Phạm Phú Thứ (phó sứ), Ngụy Khắc Đản (bồi sứ) cùng 60 người tùy tùng khác, đem theo gạo muối, chè, cá khô, đủ ăn 6 tháng dường như là đi đường rừng. Mục đích của cuộc đi sứ sang Pháp là sửa đổi Hòa ước 1862, xin chuộc lại 3 tỉnh Nam Kỳ đã bị mất. Triều đình Nguyễn lúc ấy phái sứ bộ cầu may, chủ yếu lấy miệng lưỡi lý lẽ mà thuyết khách, lấy tiền bạc mà đút lót, chớ không biết gì về tình hình bên Pháp, tình hình chiến tranh Mễ Tây Cơ. Triều đình vẫn chưa thoát khỏi cái tư tưởng lầm lạc và tội ác của Nguyễn Bá Nghi rằng "Pháp ở quá xa Việt Nam nên Pháp không thể thôn tính Việt Nam", rằng "Pháp sở dĩ đánh ta vì ta lạnh nhạt với chúng" v.v...; vì lẽ ấy mà triều đình nghĩ rằng nay đã mở một vài cảng, không cấm đạo nữa, "vồn vã" với Pháp, thì Pháp sẽ trả lại 3 tỉnh thôi. Khi Tự Đức sai lấy các thứ ngự dụng tiền bạc để làm tặng phẩm, thì đình thần cãi cọ lung tung. Ngự sử Đặng Xuân Bảng, có Thân Văn Nhiếp tán đồng, tâu xin giảm bớt, nghĩ rằng thương thuyết bại hay thành không cốt ở chỗ có nhiều vàng bạc tặng phẩm - mà đó là đúng! Nhưng đúng chỉ một phần nhỏ thôi; giá nói rằng thương thuyết thành hay bại cốt ở chỗ kháng chiến kiên trì hay bó tay chịu nhục, thì sẽ là đúng hơn. Trần Tiễn Thành, Trần Đình Túc xin chi thêm, nói rằng: "nhất sơ không hiểu mà không làm vui lòng họ trước thì không có lối thương thuyết"; chắc hẳn một số các quan sâu mọt nhớ đến các vụ kiện cáo mà chúng xử, chức tước mà họ xin ban, hễ ai nhiều tiền thì được!

Vua tán thành theo ý của Tiễn Thành, Đình Túc và dặn Phan Thanh Giản rằng "đi sứ Thanh theo lễ Thanh, đi sứ sang họ theo

https://tieulun.hopto.org

lễ của họ, cẩn thận chớ có lạy khẩn mà nhục quốc thể" (Sứ Tây đến Huế không lạy; Phan Thanh Giản qua Pháp sẽ lạy Tây dưới những tiếng cười ngạc nhiên của quần thần Na-pô-lê-ông thứ III, mặc dầu rằng trong nhiều trường hợp, Phan Thanh Giản vẫn giữ được thể thống). Nhà vua, vì không tin vào sức dân sức nước, chỉ trông mong vào miệng lưỡi của sứ thần, trông mong vào lòng tốt của kẻ địch, nên cũng chẳng hy vọng gì lắm. "*Dương sự thủy mạt*" chép: "*Vua chảy nước mắt bảo bầy tôi rằng: đất cát ấy, nhân dân ấy, tiền triều mở mang để lại, nay phải đồng tâm cứu vớt, chớ để ta xấu hổ*". Thanh Giản tâu: "*Thần chỉ biết tận tâm tận sức còn thành hay không là do ở Tây kia*". Thật lạ quá! Sao lại thế? Nhân dân kháng chiến, vua bảo nhân dân giải giáp. Không chịu đánh thì xin xỏ thế nào? Thành bại sao lại do Tây? Khi rời bỏ con đường vũ trang đấu tranh thì cái bại trong ngoại giao đã sờ sờ trước mắt, trước khi cưỡi sóng sang Tây. Tục ngữ của quần chúng ta "mềm thì ai cũng nuốt, cứng thì trời cũng nhả", triều đình mọt nát đã quên đứt đi rồi.

Sứ bộ cùng đại biểu Pháp là võ quan Ri-ơ-ni-ê đáp tầu "người Âu" sang Tây; có những người thông ngôn của Pháp là Trương Vĩnh Ký, Tôn Thọ Tường đi theo, vừa giúp đỡ vừa điều tra để biết tình ý mục đích. Bọn thực dân ở Sài Gòn ban đầu chỉ biết là Phan Thanh Giản sang Pháp đại diện Tự Đức để "bái yết" hoàng đế Pháp; chúng cũng có đoán ý; trên tầu đi Tây thì không còn ai không biết Phan Thanh Giản đi Pháp cốt để chuộc 3 tỉnh, xin trả thêm tiền bồi thường, để cho Pháp một số căn cứ ở miền Đông Nam Kỳ. Bọn thực dân càng đề phòng và vận động chống lại.

Phan Thanh Giản qua Pháp gặp một tình thế vô cùng thuận lợi để thương thuyết; lúc đó là lúc mà Pháp gởi mấy vạn quân và đại bộ phận chiến thuyền sang chinh phục nước Mễ Tây Cơ, nhưng gặp đại bại và gặp nhiều cuộc khó khăn vô cùng.

Mỹ châu nhất là Bắc Mỹ từ những cuộc chiến tranh độc lập thì gần như là nơi mà không có xứ nào đến chinh phục để làm thuộc địa nữa. Lời tuyên bố của Mông-rô-ê[1] đã rõ: "Châu Mỹ cho người Mỹ", nghĩa là châu Mỹ dành cho tư bản Hoa Kỳ, tư bản Hoa Kỳ đã bắt đầu phát triển mạnh. Nước Hoa Kỳ đã trở thành một cường quốc và đã tham dự các cuộc chia xẻ Viễn đông. Nhưng năm 1861, cuộc nội chiến cắt hai Hoa Kỳ ra làm nam bắc phân tranh; cuộc nội chiến kịch liệt; tình thế thay đổi; Na-pô-lê-ông III thừa cơ dòm ngó Méc-xíc là một xứ rộng lớn giàu có, ở giáp miền tây nam Hoa Kỳ. Mắc nội chiến, Hoa Kỳ không can thiệp vào Méc-xíc được. Méc-xíc trước là thuộc địa của Tây Ban Nha, độc lập từ 1821. Mấy lúc ấy, ở Méc-xíc, luôn luôn có nội chiến dằng dai; Pháp, Anh, Y Pha Nho can thiệp bằng võ lực; nhưng đến 1862, thì Anh, Y Pha Nho rút lui quân đội. Na-pô-lê-ông III tiếp tục can thiệp, ra lệnh cho quân tiến lên kinh thành Mê-xi-cô[2], thừa lúc Mỹ vì nội chiến mà không can thiệp được, cốt đẩy ảnh hưởng tư bản Mỹ ra, thay thế thế lực tư bản Pháp vào đó. Na-pô-lê-ông hy vọng rằng người công giáo Méc-xíc ủng hộ mình, không dè họ ủng hộ chính phủ Ju-a-rê[3] tiêu biểu cho độc lập dân tộc. Cho nên năm 1862, thì 7.000 quân Pháp bị đánh bại ở Puy-ơ-bơ-la, trên đường đi Mê-xi-cô Pháp phải gửi thêm 28.000 người nữa, chiếm Puy-ơ-bơ-la, rồi vào Mê-xi-cô; nhưng quân Pháp nào được yên; đây bị giết, đó bị đánh, không biết gỡ làm sao được, mệt mỏi và tốn kém lớn quá, ráng mãi không nổi - đến 1866 thì Pháp sẽ phải rút quân.

Thanh Giản qua Pháp nhằm lúc Pháp mắc phải cái lưỡi câu Méc-xíc; công luận nhân dân Pháp xoay về ngõ Méc-xíc, chống cuộc mạo hiểm Méc-xíc ngay từ lúc đầu, và càng ngày chống càng mạnh. Thực ra, nếu lúc ấy Tự Đức, Phan Thanh Giản và triều đình

1. Monroë.
2. Mexico.
3. Juarez.

https://tieulun.hopto.org

đi theo con đường Trương Định, Nguyễn Trung Trực mà đánh, tập trung sức lực đánh Pháp, đánh bằng mọi cách, tiêu hao địch, khiến chúng ăn ngồi không yên, hao thêm người, tốn thêm của, cộng sự "mạo hiểm ở Viễn Đông" vào sự "mạo hiểm ở Méc-xíc", thì Phan Thanh Giản cũng không cần có "như Tây", Pháp cũng phải rút quân thôi, hoặc bị tiêu diệt, không thể nào giữ nổi, đừng nói chi là lan ra, và nếu có lan ra, thì càng lan càng phân tán lực lượng, càng dễ bị tiêu diệt. Hay ví phải đi Tây để thương thuyết mà thương thuyết trên cơ sở của nhân dân và triều đình quyết tâm kháng cự thì làm gì mất ba tỉnh? Nam Kỳ mất, nước Việt Nam mất độc lập, đó là tội của phong kiến, nhất thiết không phải là một tất yếu lịch sử; một dân tộc quyết tử chiến để bảo vệ độc lập, dân tộc đó dù ở trong một chế độ phong kiến lạc hậu, vẫn có thể đánh bại kẻ xâm lăng tư bản, để có thì giờ mà duy tân.

Vụ Méc-xíc ảnh hưởng đến công luận Pa-ri rất nhiều, càng làm cho Phan Thanh Giản dễ bề thương thuyết có kết quả ít nhiều nếu triều đình Huế và sứ bộ Phan Thanh Giản không tỏ ra yếu hèn cầu hòa vô điều kiện do may rủi thôi. Dư luận chung trong chính giới Pháp ở Pa-ri lúc ấy là ngại một cuộc viễn chinh, ngại gửi quân hàng vạn người đi xa xôi, ra tận rìa đông của lục địa Á châu và ven tây của Đại Tây Dương, làm hai việc một lần là không thể nào nổi, là nhất định thất bại.

Ở Hội đồng nội các Pháp, chỉ có tên Bộ trưởng Sác-sơ-lu Lô-ba[1] là kẻ quả quyết chiếm Đông Dương và sở dĩ nó quả quyết là bởi vì nó biết triều đình Huế yếu hèn. Bộ tài chính đang bối rối thì càng ngại ngùng với số chi phí 130 triệu mà từ 1860 đến 1863, ngân sách đã phải chịu cho quân đội viễn chinh; năm 1863, Pháp chi quá số thu, quỹ thiếu hụt hơn nữa.

1. Chasseloup-Laubat.

Đến Pháp vào tháng 9 năm 1863, Phan Thanh Giản phải chờ đợi, cả tháng mới được Na-pô-lê-ông III tiếp kiến, trong thời gian chờ đợi, bọn thực dân dắt đi đây đó để trưng bày sức mạnh kinh tế, văn hóa; cơ quan quân sự của Pháp cốt làm cho sứ bộ Phan Thanh Giản khiếp sợ và tự ty. Phan Thanh Giản và sứ bộ đã khiếp:

"Bá ban xảo nghệ tề thiên địa,
Duy hữu tử sinh tạo hóa quyền".

Nghĩa là: trăm nghề khéo léo bằng trời đất, chỉ có việc sống chết là để quyền cho tạo hóa thôi. Phan Thanh Giản ghi cảm tưởng bằng hai câu thơ ấy. Chứng tỏ ông khiếp sợ thật, chỉ thấy ưu điểm, chứ không thấy nhược điểm của địch.

Hay là về sau:

"Từ ngày đi sứ đến Tây Kinh
Thấy việc Âu châu phải giật mình...".

Đó là cảm hoài sâu sắc của họ Phan; họ Phan không dè rằng cuộc nhân dân chiến tranh ở ba tỉnh cũng làm cho Pháp giật mình mà việc sống chết của kẻ xâm lăng chẳng phải ở tay trời đất mà ở tay nhân dân.

Tự Đức yêu cầu Na-pô-lê-ông III trả lại ba tỉnh thì từ nay về sau mỗi năm Pháp sẽ được trả mãi một số tiền là 2 tới 3 triệu quan hoặc là được trả một lần 40 triệu quan, được tự do buôn bán khắp xứ và được làm chủ thành phố Sài Gòn. Đề nghị của Phan Thanh Giản được nhiều người Pháp tán thành, trong đó có quan ba thủy quân Ô-ba-rê[1], người có ảnh hưởng và thế thực trong đoàn hiệp thương của Pháp. Ô-ba-rê là người biết nhiều về tình hình Việt Nam, Khơ-me, biết cả tiếng Việt Nam. Ô-ba-rê đề nghị chính phủ Pháp trả lại ba tỉnh, chỉ giữ Sài Gòn, Chợ Lớn, Vũng Tàu và một hành lang từ Sài Gòn ra bể. Nhưng lại có cánh thực dân quyết

1. Aubaret.

https://tieulun.hopto.org

tâm xâm lược mà Ri-ơ-ni-ê, Đu-roa[1], Lô-ba là đại diện, mãi đến 1865 cánh này mới thật thắng. Chúng thắng, chủ yếu vì tương đối chúng bình định được phong trào kháng chiến ở Đông Nam Kỳ, vì triều đình Huế tỏ ra vô cùng nhu nhược. Sát-sơ-lu Lô-ba biện hộ cho chủ nghĩa thực dân, các câu biện hộ sau đây chứng minh gián tiếp rằng lúc bấy giờ xu hướng chống mạo hiểm ở Viễn Đông không phải là nhỏ:

"Ở Nam Kỳ, chúng ta đã chiếm một vị trí, mà, ở vị trí đó, chúng ta không gặp khó khăn gì về mặt tổ chức chính quyền địa phương, vị trí đó lại cho phép chúng ta khai thác những tài nguyên vô biên của những xứ đó và cho phép chúng ta đem văn minh vào các xứ đó bằng sự buôn bán"[2].

Nhưng Việt Nam còn xa xôi hơn Méc-xíc, bọn cầm quyền Pháp lại càng lo ngại, ngập ngừng. Phái thực dân quyết liệt cố đấu tranh nhưng tình thế bấy giờ bắt buộc chính phủ đế vương Pháp phải nhận theo đề án của Ô-ba-rê mà thêm vào vài điều: Pháp giữ Mỹ Tho với một hành lang từ Mỹ Tho ra bể bằng cửa Tiểu.

Ô-ba-rê (ta gọi là Hà Bá Lý), nguyên thanh tra chính trị dưới quyền của Bô-na, người tiếp xúc thường xuyên với Phan Thanh Giản ở Pháp, được chính phủ Pháp cử làm lãnh sự ở Xiêm và tương lai sẽ làm tổng lãnh sự ở Huế; Ô-ba-rê được phái qua thương thuyết với Tự Đức để sửa chữa lại Hòa ước 1862 theo tinh thần chỉ thị mới. Trong ngân sách 1864 của Pa-ri không có khoản chi tiêu cho ba tỉnh nữa. Ô-ba-rê từ giã Pa-ri tháng 12 năm 1863 để qua Viễn Đông.

Đầu năm 1864, mùa xuân, sứ bộ Phan Thanh Giản về đến kinh thành Huế, và vào tháng 6 thì Ô-ba-rê cũng sẽ đến kinh thành để đính ước mới.

1. Nhà xuất bản chưa tra được từ nguyên.
2. Diễn văn khai mạc nghị viện (1863).

II. PHÁI THỰC DÂN HIẾU CHIẾN TÍCH CỰC HOẠT ĐỘNG ĐỂ PHÁ SỰ THƯƠNG THUYẾT LÀM ĐÍNH ƯỚC MỚI

Đến Sinh-ga-po thì Ô-ba-rê đi Băng Cốc để trao thơ của Na-pô-lê-ông III cho vua Xiêm bấy giờ là Mòng-kút[1] và thương thuyết về vấn đề Khơ-me, từ Sinh-ga-po, Ô-ba-rê gửi cho Đô đốc La-gơ-răn-đi-e[2] bản đề án hòa ước mới. Rồi Ô-ba-rê đi từ Xiêm qua Sài Gòn.

Bọn thực dân hiếu chiến vừa ở Sài Gòn vừa ở Pa-ri xôn xao và cố sức đấu tranh để không có đính ước mới với Tự Đức, để phá công việc thương thuyết mới giữa Ô-ba-rê và Tự Đức.

Từ khi Phan Thanh Giản đi Tây, bọn thực dân ở Sài Gòn cũng đã lo ngại, để phòng. Thơ này đến thơ khác, chúng gửi về Tây phản đối, để nghị giữ tình trạng hiện tại, nói rằng quan triều đình sẽ không bao giờ dung thứ cho người công giáo và những ai cộng tác với Pháp, rằng sớm hay muộn nếu trả đất lại thì sẽ phải chiến tranh nữa thôi, còn nếu giữ y thì không sợ Tự Đức tiến đánh để lấy lại đất mất:

Ở bên Pháp thì Ri-gô Đờ Giơ-nu-dy, Bô-na cũng hoạt động mạnh với cả đám thực dân hiếu chiến; Bộ trưởng Lô-ba ủng hộ chúng trong hội đồng nội các càng mạnh. Ri-ơ-ni-ê viết quyển *"Vấn đề Nam Kỳ dưới phương diện quyền lợi của Pháp"*, phát cho các chính giới tư sản để bênh vực sự chinh phục, để cố sức tìm cách chứng minh rằng giữ Sài Gòn - Chợ Lớn - Mỹ Tho và hai hành lang ra biển thì không giữ được; rằng giữ bấy nhiêu đó cũng không tốn kém ít hơn là giữ cả ba tỉnh mà không lợi gì; rằng người Việt Nam sẽ khai thông sự thương mại của Nam Kỳ ra chỗ khác, như thế Sài Gòn - Chợ Lớn sẽ chết thôi; rằng hễ Pháp rút quân thì người theo đạo, theo Pháp sẽ bị giết ngay; rằng nếu theo ước

1. Mongkut.
2. Lagrandière.

https://tieulun.hopto.org

mới thì sớm muộn sẽ xẩy ra chiến tranh trở lại mà Pháp đã bỏ mất nhiều vị trí quan trọng đi rồi; rằng trong các thuộc địa Pháp thì chỉ có Nam Kỳ có thể so sánh với Ja-va[1]; rằng nếu Pháp không lấy Nam Kỳ thì người Anh đến lấy ngay (xem bản báo cáo của Lô-ba gởi cho Na-pô-lê-ông III ngày 4-11-1864). Báo chí tư bản đem vấn đề đó trình bầy để ủng hộ bọn thực dân hiếu chiến. Dư luận các chính giới tư bản Pháp thay đổi. Bên Pháp bấy giờ, như là đã nói, chưa có một tư tưởng chống thực dân có hệ thống, có cơ sở lý luận: giai cấp công nhân chưa giác ngộ đến mức chống lại chủ nghĩa thực dân một cách có ý thức và có hiệu quả; tên lãnh tụ là Ti-éc-sơ[2] trước phản đối việc giữ Nam Kỳ, thì nay hứa không phản đối nữa. Lô-ba tiếp tục đả phá ý kiến của phái Ô-ba-rê biện luận rằng chỉ cần một ít người đã có thể cai trị được, mà quyền lợi thương mại nhiều, văn minh công giáo có dịp sáng tỏ, các tập tục "dã man" ở Nam Kỳ sẽ được Pháp cải biến. Hắn nói:

"Không phải là sáng lập một xứ thuộc địa như ông cha ta đã sáng lập bằng cách đem người Âu đến ở, đem chính thể, quy chế, đặc quyền đến; không phải như thế; đây là cả một đế quốc rộng rãi mà ta cần sáng lập, trong đó chủ quyền về ta, buôn bán tự do, ai cũng kiếm lời được, và cũng là một cơ sở vĩ đại trong đó văn minh công giáo của ta sẽ chói rạng trên một xứ mà còn tồn tại rất nhiều phong tục dã man".

Quân phiệt, tư sản, người theo đạo đều "có phần" trong câu giải thích này. (Ta chú ý rằng ở đây quan niệm "lợi nhuận" chưa được nổi lên hàng đầu như về sau 1880). Tên nghị sĩ Ác-măng[3], người Bóc-đô, chiếu theo tài liệu của bọn thực dân ở Sài Gòn đưa về và chiếu theo lý luận của quyển sách của Ri-ơ-ni-ê, mà đem vấn đề ra nghị viện ngày 19-5-1864.

1. Java.
2. Nhà xuất bản chưa tra được từ nguyên.
3. Armand.

Thịt mềm mà tư bản không nuốt là nó dại. Ta yếu đuối là ta gián tiếp khuyến khích kẻ địch chia xẻ ta. Triều đình Tự Đức bó tay như miếng thịt mềm, nên chính phủ Pa-ri thay đổi ý kiến và chỉ thị ngược lại cho Ô-ba-rê. Bọn thực dân hiếu chiến lại thắng thế. Trong lúc ấy thì Ô-ba-rê đã bắt đầu thảo luận với Phan Thanh Giản ở Huế.

Để thương thuyết với Ô-ba-rê thì Phan Thanh Giản được sung Toàn quyền Chánh sứ, Trần Tiễn Thành, Phan Huy Vịnh đều làm phó sứ, có Phạm Phú Thứ và Ngụy Khắc Đản tham dự liệu biện. Lúc đầu sứ thần đi Tây về đem trình hai bức thơ tục ước và sinh ý mỗi thứ đến 21 khoản của Pháp đề ra. Đại khái là:

Triều đình muốn chuộc ba tỉnh, Pháp cũng thuận nhưng nên cắt hẳn một số đất để Pháp quản trị.

Giao trả tiền chuộc trong ba năm, mỗi năm một số lớn là 50 vạn đồng, xong ba năm rồi mỗi năm là trả 33 vạn.

Ở ba cửa bể Đà Nẵng, Ba Lạt, Quảng Yên đều đặt lãnh sự.

Người theo công giáo được tùy tiện làm nhà thờ, cầu lễ, không ai được ngăn trở.

Còn trong thơ sinh ý thì đại để nói rằng: người Pháp (và Y Pha Nho) đi lại ba cửa bể kia, được tùy ý mua đất dựng nhà, về sau có thêm cửa bể khác thì cũng vậy, ở mỗi cửa bể thì đều có một phố đặc biệt cho họ (tức là chế độ tô giới).

Triều đình cho rằng những khoản tục ước và sinh ý kể trên thì quá nhiều hơn nguyên ước, còn các khoản khác thì hoặc giống cựu ước, hoặc có khác đi nhưng không quan ngại gì lắm. Đường lối của triều đình để thương thuyết là như ý kiến sau đây của Phan Thanh Giản:

"Việc sứ ngày nay duy cắt đất, lấy tiền mà chuộc, xin tuân theo các khoản đã tính thành ấy, cố khuyên dân ngõ hầu cảm động họ,

https://tieulun.hopto.org

bằng họ không nghe xin cứ vẫn theo ước cũ để sau này thong thả bàn lại. Ngoài ra, mọi khoản thông thương, giảng đạo, xin nên châm chước nghe theo, để tỏ hảo ý".

Nói một cách khác, triều đình muốn theo bản dự thảo hòa ước của Pháp để ra để sửa đổi Hòa ước 1862. Rốt cuộc lại thì hai bên Phan Thanh Giản và Ô-ba-rê cũng ký được một Hiệp ước mới ngày 21-6-1864. Nhưng bản hiệp ước mới này không phải giống như đề án của Pháp, cho nên chính phủ Pháp (lúc ấy đã thay đổi ý kiến rồi) cho mình có quyền hoặc công nhận hoặc không công nhận. Tất nhiên là nó không công nhận. Vì vậy mà Hòa ước 1862 (tháng 6, ngày 5) vẫn tồn tại. Việc xin chuộc lại ba tỉnh không thành. Phan Thanh Giản và cả sứ đoàn đều làm sớ nhận tội không làm tròn nhiệm vụ. Tự Đức bảo đợi hỗ giao xong rồi sẽ tùy kết quả mà luận tội. Hỗ giao sẽ không có; triều đình không biết lợi dụng thời cơ để lấy lại ba tỉnh đã mất, không biết Pháp sa lầy đến cổ ở Méc-xíc để đem toàn lực, gọi toàn dân chiến đấu tiêu diệt địch; bắt địch phải theo điều kiện của mình; mà chỉ biết tự ty, tự hạ, uốn lưng chống gối cầu xin thì được làm sao? Triều đình lại khuyên nghĩa binh giải giáp; Phan Thanh Giản vào làm khâm sai đại thần ở ba tỉnh miền Tây, đe dọa ai không tuân theo lệnh giải giáp mà còn tiếp tục chiến đấu chống Pháp thì sẽ bị trừng trị nặng nề. Bọn thực dân ở ba tỉnh càng có điều kiện để củng cố vị trí, càng có điều kiện để vận động ở Pa-ri và xui Sác-sơ-lu Lô-ba yêu cầu giữ ba tỉnh. Tháng giêng 1865, chính phủ Pháp quyết định giữ y Hòa ước 1862, xem tân ước được ký kết giữa Ô-ba-rê và Phan Thanh Giản là không có giá trị; hơn nữa, chúng đã chuẩn bị đánh lấy ba tỉnh miền Tây sau khi chúng đã đặt quyền đô hộ của chúng ở Khơ-me.

Công trình của Phan Thanh Giản, hy vọng của triều đình, rút cục lại, đúng hai câu thơ sau đây của "Như Tây chính sứ":

"Cũng tưởng một lời an bốn cõi,
Nào hay ba tỉnh lại chầu ba".

III. TRIỀU ĐÌNH THẲNG TAY ĐÀN ÁP NÔNG DÂN KHỞI NGHĨA Ở BẮC

Một lý do khiến Tự Đức giảng hòa nhường đất, là các cuộc rối loạn ở miền Bắc. Chúng ta đã thấy rằng trong chính sách thuế vụ của nhà Nguyễn thì từ Thanh - Nghệ trở ra dân phải đóng nặng hơn; lại biết rằng Tự Đức chểnh mảng việc giữ đê phòng lụt. Mấy năm sau này, từ ngày Tây vào Đà Nẵng thì thuế vụ lại càng cao, công việc tu sửa đê điều lại càng ít.

Trong những điều kiện đó thì nhân dân ngoài Bắc đã khổ lại càng thêm khổ. Cho nên nhiều cuộc khởi nghĩa, rối loạn nổi lên luôn luôn, khá mạnh; triều đình rất lo sợ và quan quân địa phương đàn áp không nổi. Triều đình triệu hồi Nguyễn Tri Phương từ Bình Thuận về kinh để đi bình định đất Bắc, sai đi rất gấp, Phương về triều chỉ được một tuần nhật để xem sớ vụ cho thấu suốt tình hình, rồi phải đi ngay.

1. Năm 1862 ở Bắc Ninh, Nguyễn Thịnh, cũng gọi là Cai Vàng, lấy danh nghĩa phù Lê mà khởi nghĩa từ tháng 4, tôn một người là Lê Duy Mẫn tự xưng dòng dõi nhà Lê làm minh chủ. Dân nghèo theo khá đông; chủ yếu là dân nghèo muốn thay đổi triều đại, muốn có "minh quân" để đời sống được cải thiện. Trong tình thế xã hội lúc bấy giờ, lấy danh nghĩa phù Lê đánh Nguyễn để mà chống với triều đình phong kiến, là việc mà kẻ trung thành với dòng dõi nhà Lê có thể làm, mà trước hết đó là cái cớ, cái danh để những người chống đối với triều đình hiệu triệu quần chúng nổi lên đánh triều đình nhà Nguyễn để mong cải thiện đời sống, đó lại là nguyện vọng của nông dân.

Có tài liệu lẻ tẻ nói rằng Cai Vàng có được bọn cha cố Pháp - Y Pha Nho tìm đến liên lạc và hứa hẹn ủng hộ. Rất dễ hiểu rằng quân của Phụng chiếm cứ vùng bể không thể không tìm bắt liên lạc với Cai Vàng để chia lực lượng của triều đình và để được che

https://tieulun.hopto.org

chở sau lưng, phòng quân triều đình từ Hà Nội, Bắc Ninh đánh ra Hải Dương, Quảng Yên. Nhưng dù sao, những thơ, vè, truyền tụng trong dân gian về vợ ba Cai Vàng, về cuộc khởi nghĩa của Cai Vàng chứng tỏ rằng Cai Vàng khởi nghĩa được nhân dân cảm tình, ủng hộ. Phong trào khởi nghĩa của Cai Vàng về mục đích, cả về thành phần, khác xa với cuộc nổi loạn của tên Phụng là tay sai trực tiếp của giặc Pháp.

Quân khởi nghĩa đông đúc, chiếm các huyện Lạng Giang, Yên Dũng, rồi vây đánh tỉnh thành Bắc Ninh. Triều đình sai các bố chính Hà Nội, Sơn Tây, Phó Lãnh binh Hưng Yên cùng đem ba đạo quân đến giải vây cho thành Bắc Ninh. Lê Duy Mẫn có liên kết với Nùng Hùng Thạc là một người Thổ khởi nghĩa ở vùng Tuyên Quang, hợp với quân của người Trung Quốc là Hoàng Anh đã chiếm tỉnh thành Tuyên Quang. Tháng 4 năm 1863, Nguyễn Tri Phương sai Đề đốc Sơn Tây Phạm Hữu Xuân và Phó Đề đốc Vũ Bảo tiến quân chiếm lại Tuyên Quang. Lê Duy Mẫn bị bắt; còn Đề đốc Bắc Ninh là Nguyễn Phong đánh tan nghĩa quân ở vùng Thái Nguyên, Bắc Ninh.

2. Lúc bấy giờ số dân lưu vong rất nhiều; dân lưu vong là những người nghèo khổ quá đỗi, lang thang nơi này nơi nọ, cho nên cướp phá tứ tung, không tỉnh nào là yên ổn. Lại thêm những toán người Trung Quốc sang; họ khá đông ở vùng thượng du Bắc Kỳ. (Một số trong những đám này gốc ở cuộc khởi nghĩa Thái bình Thiên quốc là một cuộc nông dân khởi nghĩa - bị thất bại mà tan rã, lâu sau thì một số biến chất thành cướp phá để sống). Từ năm 1861, bọn Tam đường tức là bọn Lý Đại Xương, Hoàng Nhị Vân, Lưu Sĩ Anh hoành hành ở miền bắc Thái Nguyên; bọn Lý Hợp Thắng hoạt động ở tỉnh Cao Bằng từ năm 1862, và cứ quanh quẩn trong các vùng ấy; thế lực của những toán quân này khá mạnh, quan quân triều đình hoặc tự mình, hoặc phối hợp với Đề đốc Quảng Đông là Lý Tử Tài nhà Thanh để đi đánh dẹp, mà cũng không tiêu diệt được họ.

3. Cuộc nổi loạn có tính chất thân Pháp rõ ràng là của tên Phụng. Phụng là người từ 1858 đã theo Pháp vào Đà Nẵng; năm 1859, Pháp muốn triều đình chia phân lực lượng, bèn cho Phụng cùng với các cố đạo ra hoạt động ở miền duyên hải Bắc Kỳ, xưng là con cháu nhà Lê, mạo danh là Lê Duy Minh; Phụng cùng với người giáo sĩ khác tên là Trường, lợi dụng sự bất bình chính đáng của nông dân và dân nghèo đánh cá ở các vùng bể để nổi lên; năm 1862, Phụng lại một lần nữa - cùng với bọn giáo sĩ Pháp - yêu cầu người Pháp từ Sài Gòn ra giúp sức, nói rằng hễ Pháp đem ít quân ra thị uy giúp Phụng thì nó sẽ thắng lợi dễ dàng, thắng xong sẽ lập một vương quốc công giáo dưới quyền bảo hộ của Pháp. Hồi thời Sác-ne, Phụng cũng có lần đề nghị như thế nhưng Sác-ne cho rằng miền Bắc thì để dành cho Y Pha Nho; vả lại Pháp không thể vừa chiếm Nam vừa đánh Bắc; còn Bô-na thì nói rằng chiếm một phần nửa Nam Kỳ mà còn thất điên bát đảo, làm sao dòm ngó được Bắc Kỳ. Tuy thế, chúng lệnh cho các giáo sĩ Pháp hết lòng giúp đỡ Phụng, và chúng cũng thường giúp tầu, giúp súng cho Phụng để chia xẻ lực lượng của triều đình, bắt buộc triều đình không đương nổi hai đầu, phải hòa nhượng với Pháp.

Phụng thì một mặt liên kết với những nhóm người chống triều đình, những nhóm giặc cỏ ở các tỉnh, chủ yếu là hắn liên kết với giặc tầu ô ở ngoài mé biển Hải Ninh, Quảng Yên. Tháng 8 năm 1862, bọn Phụng vây thành Hải Dương. Triều đình sai Binh bộ Thượng thư là Trương Quốc Dụng làm Tổng thống quân vụ hai tỉnh Hải Yên, vừa đem quân kinh, vừa lấy quân Thanh - Nghệ ra đánh mới giải vây được thành Quảng Yên vào cuối tháng 9 năm 1862. Thế nhưng bọn Phụng và bọn giặc biển vẫn còn thế lực mạnh ở vùng duyên hải mà Trương Quốc Dụng không đánh tan nổi. Tháng 6 năm 1863, triều đình lại sai Nguyễn Tri Phương xuống vùng duyên hải Bắc Kỳ cầm quân đánh Phụng và đám cướp bể. Quân triều đình bị thiệt hại nặng. Giặc bể và Phụng tập trung

https://tieulun.hopto.org

hàng 500 thuyền ở đảo Cát Bà, và ở mũi Đồ Sơn, chiếm giữ Hải Ninh, toan đánh vào nội địa nữa. Nguyễn Tri Phương phải phối hợp với chiến thuyền và bộ binh của nhà Thanh nhất là với quân Thanh ở Khâm Châu thì mới lấy lại được Hải Ninh và các đảo lớn trong vịnh Bắc Kỳ. Phụng bị đại bại, bị bắt giải về kinh thọ hình, bè đảng của hắn tan rã hết (1863), hắn không đạt được mục đích "làm vua một nước công giáo do Pháp bảo hộ" mà giáo sĩ Pháp đã bầy cho hắn; nhưng Pháp đã đạt được mục đích khuấy rối quân triều đình, khiến triều đình tập trung đại lực ở miền Bắc, không dám tiếp tục chiến tranh ở miền Nam, cắt đất Nam Kỳ giao cho nó. Tuy thế, Phụng bị bắt cũng là một sự thất bại của Pháp, hiềm vì, sau khi khói tan lửa tắt ở Bắc, triều đình Huế vẫn cứ bỏ rơi nhân dân khởi nghĩa chống Pháp ở miền Nam, để Pháp có điều kiện chiếm cứ Khơ-me và lan ra chiếm miền Tây Nam Kỳ.

IV. NHÂN DÂN KHỞI NGHĨA Ở KINH THÀNH (1866)

Đất nước bị cắt giao cho địch, ba tỉnh rên siết dưới gót giầy thực dân, nhà nước phải thường niên trả chiến phí nặng nề cho địch; nhân dân túng đói, triều đình nói rằng không có tiền để mở mang kinh tế và củng cố quốc phòng, ấy thế mà Tự Đức dùng một phần lớn sưu để xây cung điện lăng tẩm. Lăng tẩm của Tự Đức mấy lần to tát và tốn kém hơn lăng Gia Long, mà đất nước thì nghèo nàn suy nhược hơn trước. Hàng bao nghìn người thợ, người dân bị trưng đến làm việc, tiền công, lương thực thiếu thốn, bọn biện sự công trường cắt đầu xén đuôi, ai nấy đều oán thán, có khi tháng này qua tháng nọ chẳng lĩnh được trinh nào; thợ đã bị như thế, lính cũng bị như thế. Tiền của tiêu xài như nước để mua sắt, mua ngà, mua gấm, mua tranh ở nước ngoài. Lầu này hết dựng, đến cung kia xây, dân mỏi đóng thuế, thợ mỏi công sưu, binh lính gốc ở quần chúng thì đồng tình với quần chúng. Người thức thời ở nội và ngoại thấy cơ vong quốc trước mắt, mà muốn ngăn ngừa vong quốc, phải thí bỏ vua thất đức bất tài.

Trong tình trạng đó, "Đông sơn thi tửu hội" thành lập ở kinh thành, lấy bề ngoài thi tửu mà bàn về quốc sự ở bên trong. Có mặt Đoàn Trưng, Đoàn Trực (là em), Trương Trọng Hòa, Phạm Lượng, v.v... Vị sư trụ trì chùa Long Quang, Nguyễn Văn Quý, là một hội viên đắc lực chiêu mộ được nhiều đảng chúng mà số đông đảng chúng là thợ làm lăng tẩm cung điện và binh lính canh gác. Chùa Pháp Vân là nơi tụ tập của những người toan lo đại sự. Trong nội có hữu quan Tôn Thất Cúc tán đồng và làm nội ứng. Những người mưu đồ chính biến này dùng Đinh Đạo làm minh chủ để có danh chánh ngôn thuận, Đinh Đạo là con Hồng Bảo, Hồng Bảo là con trưởng của Triệu Trị, nhưng Thiệu Trị ghét mà không nối được ngôi vua, ngôi vua về Tự Đức là em của Hồng Bảo. Năm 1854 Hồng Bảo có mưu đảo chính. Bại lộ, Hồng Bảo bị bắt phải tự thắt cổ, cả nhà đổi lại họ Đinh là họ mẹ.

Quân chủ lực của tổ chức chống triều đình Tự Đức, chống chính sách đầu hàng và tàn bạo chính là hai nhóm:

a. Lao động làm việc ở công sở Dương Xuân tức công trường xây lăng, ở đây quần chúng rất oán trách tên biện lý Nguyễn Văn Chất là kẻ bóc lột quá tệ, oán trách triều đình tiêu tốn của dân, oán trách triều đình không đem tiền non bạc biển để củng cố quốc phòng, duy tân đất nước mà chỉ để xây mồ xây mả, xây cung xây điện. Ca dao được truyền ra là:

Vạn niên là vạn niên nào?
Thành xây xương lính, hào đào máu dân.

"Vạn niên" là khiêm lăng của Tự Đức, sự xây dựng kéo dài hàng mấy chục năm! Người làm công ở đó bị đối đãi như nô lệ, bao nhiêu thầy thợ giỏi lại trưng dụng vào đó, sự trưng dụng này ngăn trở sự phát đạt của công nghệ nước nhà. Hàng ngàn lính bị đưa vào đó để làm công như phu thợ chớ không phải dùng lính để ngăn địch giữ nước.

https://tieulun.hopto.org

b. Những người lính làm việc và canh gác ở công trường và ở trong thành.

Quốc sử có ghi rằng:

"Biển binh theo đến hằng nghìn".

Nhân dân cảm thông với người thợ và người lính. Tiêu biểu của sự cảm thông đó là các ông sư hai chùa, nhất là sư cụ Nguyễn Văn Quý từ bi bác ái, nặng lòng vì nước vì dân. Cánh bất bình của các quan trong triều cũng cảm thông với dân, tiêu biểu là hữu quân Tôn Thất Cúc.

Năm Tự Đức thứ 19 (tức 1866) nhằm 8-8 âm lịch, nhân dân khởi nghĩa, kéo đến công sở Dương Xuân, bắt đổng biện Nguyễn Văn Xa. Đoàn Trưng phát quân qua sông, phá của nam, vào Ngọ Môn, vào binh xa hai bên tả hữu mà thu lấy hết khí giới võ trang thêm cho quần chúng. Tôn Thất Cúc làm nội ứng, từ cửa Đại Cung ra, đặt quân bản bộ hợp với Đoàn Trưng sang phá cửa Tả dịch, nơi đây quân cấm cung do Phó vệ úy Nguyễn Thịnh và chỉ huy sứ Phạm Nhật Trang cầm đầu, đóng cửa chống cự. Thịnh và Trang bị thương, cửa bị phá, quân khởi nghĩa vào đến Duyệt Thị Đường gặp toán quân triều đình của quyền chưởng long Võ Doanh là Hồ Oai; Oai bị Trực chém trọng thương ở vai, nhưng kịp đóng cửa tả sương. Quân khởi nghĩa tìm bắt trung quân Đoàn Thọ, nên quay qua điện Thái Hòa, trong lúc đó thì Hồ Oai có thì giờ tập trung thị vệ để đối phó với quân khởi nghĩa.

Đoàn Trưng đã gọi loan giá ra rước Đinh Đạo lên ngôi thay Tự Đức và kiệu loan giá đã ra đến nửa đường. Nhưng quân lực của Hồ Oai chưa bị tan, Tự Đức chưa bị bắt. Hơn thua chưa định đoạt, mà cuộc định đoạt chỉ trong chốc lát thôi. Trưng không thừa lúc lòng người làm tôi Tự Đức đang lung lay đến tột bực để xua quân vào tiêu diệt Hồ Oai và thị vệ, mà lại ngừng chiến để lo xa giá cho Đinh Đạo, bỏ mất cái phút tâm lý hiếm có. Hồ Oai và thị vệ hoàn hồn, hô hào làm cho biển binh khởi nghĩa trở nên lung lay và

tản đi. Biển binh bắt đầu tan rã thì Hồ Oai lại phản công, Trực bị thương, Trưng cũng bị bắt.

Trong lúc đó thì hậu đạo của quân khởi nghĩa tới trễ; mới đến bờ phía nam sông Hương, do nhà sư Nguyễn Văn Quý chỉ huy. Quý biết việc trở nên nguy bèn rút về. Còn cánh Trương Trọng Hòa của quân khởi nghĩa ngược lại lại tiếp tục đánh, đem đảng chúng đến kho súng Thần cơ mà thu lấy khí giới; nhưng quân triều đình đã hoàn hồn, hoàn hồn vì quân khởi nghĩa hoạt động chậm, nên bọn cai vệ hiệp quản là Vũ Giác cùng với Nguyễn Hùng, Trần Bình hiệp với Lê Sỹ đem quân ra cửa Chương Đức đánh bắt được Trương Trọng Hòa rồi phái quân đến chùa Pháp Vân bắt sư Nguyễn Văn Quý.

Triều đình tàn sát rất dữ dội. Đinh Đạo bị xử giảo quyết cùng với tất cả con trai, con gái và thân thuộc. Tôn Thất Cúc (bị đổi tên Nguyễn Cúc, họ mẹ) đã tự sát rồi mà Tự Đức còn sai băm thây ra như tương.

Thế là cuộc khởi nghĩa thất bại.

Nếu chi quân khởi nghĩa ở kinh thành có vây cánh với nông dân ở Bắc và phe kháng chiến ở Nam hoạt động một cách quả quyết hơn, tiến công có nhịp nhàng và kế hoạch hơn thì cuộc khởi nghĩa nhân dân này có thừa điều kiện thành công.

Cuộc khởi nghĩa ở kinh thành là một báo hiệu rất nghiêm trọng; ấy thế mà Tự Đức có chịu mở mắt đâu? Việc xây lăng cứ tiếp tục, sự hà khắc càng tàn tệ hơn, hoang phí càng lớn. Tháng 6 năm thứ 21, vừa lăng vừa điện được xúc tiến xây dựng nhiều hơn nữa, đình thần có người đánh liều can gián, Tự Đức không thèm nghe. Như Thân Văn Nhiếp Tổng đốc Phú Yên, Bình Thuận, tâu:

"Nép xem sự thế ngày nay, bờ cõi cũ đã chìm mất, giặc miền bắc lại dây dưa; thủy hạn, phong tai chỗ nào cũng đã cảnh cáo. Mà xây Vạn niên cơ so với lăng Thiên Thụ to lớn gấp 10 lần. Sắt ngói đem từ

https://tieulun.hopto.org

Hạ Châu, hải tuống mua ở nước Thanh, gấm óng ánh, đồ tửu lâu, hàng năm phải nhiều phái đoàn đi mua, đàn tây tranh tây mỗi năm đều có đơn thanh toán. Lại còn, lầu trong cung vừa mới làm xong thì lầu bên sông liên tiếp theo xây dựng. Chớ nên bảo rằng làm như thế có tai hại gì đâu!"[1].

Thì Tự Đức giận dữ đáp:

"Những điều mà khiển trách đều là lỗi của ta. Nhưng ta nay, việc nhiều, bệnh lắm, bằng quá ư câu thúc nghiệt ngã, thì thân này không kham nổi, còn sức đâu mà có thể cùng làm việc. Đậy nắp quan tài, ai hay dở tâm tích sẽ tự định, há đợi phải nói? Làm bầy tôi thường cần phải nói làm cho ta nghe biết lỗi mới phải. Nhưng lòng ta đã có chủ trương, không dám bỏ mất những cái bình sinh đã học, cần phải nói dối với ai?"[2].

Quần thần không dám can gián nữa, nhưng, nếu không nói trực tiếp thì nói một cách gián tiếp. Như: Tự Đức thích ngâm vịnh thi phú; một hôm chiêm bao thấy rằng mình lại cắn lưỡi mình, đứt mà không máu, hỏi đình thần điềm ấy là gì, thì quan đại thần Hà Tôn Quyền làm bài thơ sau đây ám chỉ vụ Tự Đức giết anh em bà con ruột thịt, có ý công kích nhà vua:

"Ngã sinh chi sơ, nhữ vị sinh;
Nhữ sinh chi hậu, ngã vi huynh
Kiêm trêu hạnh hưởng cao lương vị,
Hà nhẫn thương cô cốt nhục tình?"

Hà Tôn Quyền người Hà Đông về sau là một nhà kháng chiến lúc Pháp xâm lấn Bắc Kỳ.

Một triều đình mà dân phản đối, quân không ủng hộ, quần thần thiếu tín nhiệm thì trị nước làm sao? Trong xứ không yên, Tự Đức lại còn nài nỉ với Pháp, xin "Pháp đừng xuối bẩy Khơ-me"

1. Quốc triều chính biên, quyển V.
2. Quốc triều chính biên, quyển V.

không cống nạp cho Huế. Nó có biết đâu rằng Pháp muốn lấy, sắp lấy Khơ-me; nó có biết đâu rằng một nhà cầm quyền có chính kiến rất tầm thường đi nữa cũng phải trông thấy rằng lúc ấy, một phương châm chủ yếu của ngoại giao của nước Việt Nam là phải liên kết với Khơ-me và Xiêm Lào để chống thực dân Pháp.

V. PHÁP CHIẾM KHƠ-ME

Bọn thực dân rêu rao lên rằng sở dĩ chúng vũ trang can thiệp vào Việt Nam là vì triều đình Huế đã không để chúng tự lo truyền đạo, lại còn tàn sát người theo đạo.

Thế nhưng, ở Khơ-me, triều đình Khơ-me rất tử tế với mọi giáo sĩ từ đầu chí cuối: từ đầu chí cuối không hề có một việc cấm đạo, bắt người theo đạo, giết giáo sĩ nào cả. Ấy vậy mà bọn thực dân vẫn có lý do can thiệp vào nội trị Khơ-me và để lấy nước Khơ-me. Điều ấy càng chứng minh thêm rõ ràng việc tranh chấp về sự truyền giáo không phải là nguyên nhân của sự xâm lược, nó chỉ là một cái cớ thôi; sự xâm lược thuộc địa gốc ở chế độ tư bản chủ nghĩa phát triển; tư bản chủ nghĩa phát triển đòi hỏi thị trường và nguồn nguyên liệu rẻ giá.

Trước khi Pháp chiếm Sài Gòn thì Khơ-me tuy phải thường niên cống nạp cho cả hai triều đình Xiêm và Việt, nhưng cả Việt - Xiêm không có nước nào còn đóng quân ở Khơ-me nữa. Sự cống nạp của Khơ-me đối với Huế ngày ấy na ná như sự cống nạp của Huế đối với nhà Thanh, nó hoàn toàn không có ý nghĩa rằng Khơ-me là nước bị Việt Nam đô hộ, cho nên khi Pháp nói rằng "Khơ-me do vua Nam Kỳ đô hộ; nay Nam Kỳ do Pháp đô hộ, thì tự nhiên quyền đô hộ Khơ-me là quyền của Pháp", lời lẽ ấy chỉ là lý do của kẻ cướp mà thôi.

Đã biết rằng từ mấy thế kỷ nay, sự giành ngôi trong hoàng tộc đã gây bao tai vạ cho nước Khơ-me, khiến quân phong kiến Việt

https://tieulun.hopto.org

hay quân phong kiến Xiêm cắt bớt bờ cõi đông và tây; song những cuộc quần chúng và dân tộc khởi nghĩa lớn lao đã tề nanh vạt vuốt của quân Minh Mạng (Ta hãy xem thơ của Thủ Khoa Nghĩa thì biết rằng lòng của người dân Việt Nam cảm tình không nhỏ với người dân Khơ-me). Trong thực tế, thì suốt thời gian từ Thiệu Trị, Tự Đức, lên ngôi ở Huế, nước Khơ-me căn bản là một nước tự chủ, tự chủ đối với Việt Nam mà cũng tự chủ đối với Xiêm, càng tự chủ đối với tư bản chủ nghĩa Tây phương. Còn bằng cớ nào hơn nữa về quyền tự chủ đó hơn là việc sứ Pháp Đờ Mông-ty-nhi[1] sang, Xiêm nhận sự bang giao mà Khơ-me không nhận; và lại tháng 9 năm 1862, khi Đô đốc Sác-ne nhân một chuyến đi thanh tra ở Mỹ Tho và Vĩnh Long, ngược chuyến thuyền lên tới Pnông-Pênh[2] mà viếng Nô-rô-đôm[3], Nô-rô-đôm tiếp đãi khá hậu, cho dẫn Sác-ne đi thăm Đế Thiên Đế Thích, Sác-ne không hề thấy quân Xiêm ở đâu cả, càng không thể thấy quân của Tự Đức trên đất Khơ-me; Sác-ne chỉ ngờ rằng tại triều đình Khơ-me có một người đại diện của Xiêm vương!

Từ lâu Pháp muốn lấy cả lưu vực trù phú của sông Cửu Long, cho nên nó tìm cách khéo nhất nghĩa là ít lõa lồ nhất để mà xâm lấn Khơ-me.

Ban đầu, chúng toan ru ngủ triều đình và nhân dân Khơ-me bằng cách tuyên bố "quan hệ láng giềng tốt". Kế đó là, khi Sác-ne lên Khơ-me, hắn đặt cơ sở thủy quân Cửu Long giang mà chiến thuyền "Gia Định" là nòng cốt và tên sĩ quan Đu-đa Đờ La-gờ-rê[4] là kẻ chỉ huy, để chuẩn bị cuộc xâm lược. Đu-đa đại diện cho Sác-ne ở Khơ-me. Đu-đa đi khắp xứ Khơ-me để do thám tình hình, lấy cớ là đi nghiên cứu cổ sử Khơ-me! Triều đình và nhất là nhân dân Khơ-me không hề tin tên Đu-đa khi hắn tuyên bố rằng "nước

1. De Montigny.
2. Phnôm Pênh.
3. Norodom.
4. Doudart de Lagrée.

Pháp sẽ là kẻ bảo hộ tự nhiên và vô tư của Khơ-me để chống lại Xiêm". Việc Nam Kỳ đã chẳng "mở mắt cho người mù rồi đó sao?" Chính lúc đó cũng là lúc mà giám mục Mít-sơ[1] đem hết sức già để vận động cho vua Nô-rô-đôm công nhận quyền "bảo hộ" của Na-pô-lê-ông III. Ngày 11 tháng 8 năm 1863, dưới áp lực quân sự và chính trị của Pháp, một quy ước giữa Pháp và Khơ-me đã bí mật ký kết, theo ước này, mỗi khi có một nước nào muốn đặt lãnh sự ở Khơ-me thì phải được Pháp đồng ý. Pháp có quyền tự do buôn bán, tự do mua tài sản, tự do đi lại, tự do truyền giáo và nghiên cứu khoa học, Pháp lại có quyền lấy gỗ trong rừng Khơ-me để đóng tầu, lập một kho than và kho vật liệu cho tầu bè.

Quy ước này chưa được chính phủ Pháp chấp nhận thì vua Nô-rô-đôm phản tỉnh, nhất là nhân dân Khơ-me sụt rụt phản đối. Hiệp ước là bí mật nhưng không thể việc to như thế mà không bại lộ. Làm sao lấy thúng úp voi? Xiêm cũng thấy nguy cơ cho nên tháng 12-1863 Khơ-me và Xiêm ký một hiệp ước thủ tiêu hiệp ước Pháp - Khơ-me trước đó. Duy có Tự Đức mắc vùi đầu vào việc trấn áp nông dân khởi nghĩa Bắc Kỳ và trông mong ở sứ bộ Phan Thanh Giản sang Pa-ri xin chuộc ba tỉnh, nên triều đình Huế bỏ dở một khả năng ký kết đồng minh tay ba giữa Việt Nam - Khơ-me - Xiêm để chống thực dân Pháp xâm lược; vì có hiệp ước đồng minh tay ba ấy đã chắc gì Pháp lấy được Khơ-me, đã chắc gì Pháp không bị quét ra khỏi Nam Kỳ Đông tam tỉnh?

Vua Nô-rô-đôm định tống cổ Đu-đa Đờ La-gờ-rê ra khỏi thành U-đông, nhưng không quả quyết, sợ xẩy ra chiến tranh thì ngai vàng khó giữ vì sự chia rẽ trong bản thân hoàng tộc.

Đến việc làm lễ tôn vương ở U-đông.

Pháp đòi có Đô đốc La-gơ-răn-đi-e tham dự, người Khơ-me và người Xiêm không chịu, nên lễ tôn vương ở U-đông không thành. Nô-rô-đôm sang Băng Cốc để lấy mão vua về (vì một ngẫu nhiên

1. Miche.

https://tieulun.hopto.org

lịch sử mà mão vua bấy giờ lại để ở Băng Cốc, Xiêm) Pháp đã gửi thêm một pháo thuyền lên Khơ-me rồi Đu-đa hăm dọa rằng nếu Nô-rô-đôm đi Băng Cốc thì hắn sẽ dùng võ lực mà chiếm kinh thành. Vua Nô-rô-đôm cứ đi, đi ngả Kam-pốt[1]. Đu-đa đem quân chiếm hoàng cung, dựng cờ Pháp trên thành. La-gơ-răn-đi-e lại tiếp viện thêm ba pháo thuyền cho Đu-đa nữa.

Đó là cách của thực dân "thành thật bảo hộ" và "tôn trọng chủ quyền"! Vua Nô-rô-đôm thấy biến, trở lại kinh nhưng từ nay thì bị quyền thống trị của Pháp. Ấy thế mà, quen ăn ngang nói ngược - khi chúng mạnh hơn - bọn Đu-đa không ngượng mồm mà tuyên bố rằng:

"Nước Xiêm phủ nhận quyền độc lập của Khơ-me; nước Pháp công nhận rõ ràng nền độc lập ấy".

Chắc hẳn là không chờ đến 80 năm sau, nhân dân Khơ-me mới biết Pháp "công nhận" và "bảo vệ" quyền độc lập của nước Khơ-me như thế nào. Bằng cớ là, chỉ trong vòng 1 năm sau, cuộc khởi nghĩa đặc biệt quan trọng của nhân dân Khơ-me chống Pháp xâm lược đã nổ ra mãnh liệt, đó là cuộc khởi nghĩa của Pô-kum-Pao, mà đặc điểm của cuộc khởi nghĩa này chính là sự đồng minh chiến đấu giữa hai dân tộc Khơ-me - Việt, chính là chiến trường rộng lớn của cuộc khởi nghĩa bao gồm các tỉnh từ thủ phủ Sài Gòn đến kinh đô U-đông, từ Vịnh Xiêm đến biên giới Lào.

VI. CUỘC KHỞI NGHĨA CỦA TRƯƠNG QUYỀN - PÔ-KUM-PAO

1. Một giai đoạn đồng minh chưa có tổ chức chặt chẽ: Trương Định ở Tân Hòa và A-soa[2] ở Thất Sơn

Trong lúc Trương Định hoạt động ở khắp miền Đông Nam Kỳ, đặt căn cứ ở Tân Hòa (Gò Công) thì A-soa, một lãnh tụ Khơ-me

1. Kampot.
2. Nhà xuất bản chưa tra được từ nguyên.

hoạt động ở đông nam Khơ-me mà căn cứ là vùng Thất Sơn, Châu Đốc, ở miền Tây Nam Kỳ.

Chúng tôi chưa được biết coi Trương Định và A-soa có trực tiếp bàn tính công việc cứu quốc hay không. Nhưng có điều chắc chắn là Trương Định thì gần gũi với Thiên hộ Dương; mà một lãnh tụ trong vùng hoạt động của Thiên hộ Dương là Đề đốc Huân có cộng tác với A-soa tại biên cảnh Khơ-me - Việt, vùng Châu Đốc - Tà Keo. Và khi Đề đốc Huân cộng tác với A-soa để hoạt động chống Pháp, nhà cầm quyền miền Tây của triều đình Huế bắt giữ Huân tại thành Châu Đốc, thì pháo thuyền của Đu-đa Đờ La-gờ-rê từ Khơ-me xuống Châu Đốc thị uy, đòi nhà cầm quyền triều đình giao Đề đốc Huân; Đề đốc Huân bị giao lại cho Pháp.

Vùng Thất Sơn có nhiều người Khơ-me; A-soa, một người trong hoàng tộc, dựa vào số dân Khơ-me đó để làm căn cứ đấu tranh chống Pháp ở Khơ-me. Ở đây, vấn đề không phải là nói rằng A-soa tranh ngôi vua với Nô-rô-đôm, và có lúc cũng có liên lạc thơ từ với đô đốc Pháp. Điều cần phải nhấn mạnh là:

"A-soa, con của một ông Hoàng mà cái chết là một truyền thuyết đã làm động lòng tất cả mọi người Khơ-me; A-soa được những người thù địch của Pháp bí mật ủng hộ, và những ý nguyện của ông là một điều trở ngại lớn cho sự bình định Khơ-me"[1].

A-soa trong tay có ấn tín vương triều, Khơ-me có cả chiếc tàng của nhà vua, những di vật này lại càng làm cho nhân dân Khơ-me tin rằng A-soa đang là nhà vua chánh thông, lại là nhà vua đấu tranh cho đất nước được độc lập:

"Ông ấy đã biết tạo ra cho mình một đảng lớn mạnh".

Người Pháp lúc bấy giờ nghi ngờ - sự nghi ngờ này không phải là không căn cứ - rằng các nhà ái quốc Việt Nam giao lại những

1. Vial, *Les lères années de la Cochinchine.*

https://tieulun.hopto.org

bảo vật kia cho A-soa để ủng hộ A-soa vận động chống Pháp. Nhân dân Việt Nam ở miền Tây Nam Kỳ hết sức ủng hộ A-soa, bao lần Pháp ở Sài Gòn, Đu-đa và triều đình bù nhìn ở U-đông muốn đem quân vào Thất Sơn bắt A-soa nhưng chúng nó không được như ý. Trong số quân của A-soa có nhiều người tình nguyện Việt Nam, cho nên Pháp thường mượn cớ ấy để nói rằng người Việt Nam ở An Giang và Đồng Tháp Mười "lên cướp phá" gây rối ở Khơ-me. Trên đất Khơ-me, khắp vùng Đông Nam đặc biệt là ở tỉnh Bak-nhum, thế lực của A-soa càng ngày càng mạnh.

Phong trào của A-soa bắt đầu từ 1864 đến 1866 chưa dứt thì cuộc vận động lớn của Pô-kum-Pao khởi sự.

2. Cuộc khởi nghĩa của Pô-kum-Pao

a. Pô-kum-Pao bị giam lỏng ở Sài Gòn

Ở trong một xứ phong kiến còn lạc hậu thì việc tranh giành ngôi vị giữa các ông hoàng là một việc thường xẩy ra. Song, nếu sự tranh ngôi vị chỉ là cái hình thức, mà nội dung là cuộc đấu tranh của dân chúng để đòi thay đổi triều đại, hay là cuộc đấu tranh của dân tộc chống kẻ xâm lăng, giành lại độc lập, thì, điều phải được chú trọng nhất chính là cái nội dung tiến bộ ấy.

Pô-kum-Pao là một trong những người như A-soa - có kỳ vọng lên ngôi vua ở Khơ-me. Lúc bấy giờ Pô-kum-Pao 51 tuổi. Phải lánh nạn 17 năm ở miền Nam xứ Lào vì các cuộc đấu tranh quyền ở triều đình U-đông, ông càng phẫn uất khi được tin Pháp xâm chiếm Khơ-me, nhưng chưa biết làm sao. Một số người ái quốc Khơ-me bắt đầu tìm ông để có minh chủ mà chiến đấu cho được danh chính ngôn thuận. Tin ấy bị Pháp biết. Nên tên tham biện chủ tỉnh Tây Ninh, lúc bấy giờ là Lác-cơ-lô-zơ[1] tìm đem Pô-kum-Pao về Tây Ninh để kiểm soát cho dễ. Chung quanh Tây Ninh lúc ấy có đông đảo người Khơ-me ở, lại là những người

1. Larclauze.

bất mãn với triều đình U-đông và rất tin tưởng vào nhà sư và vị hoàng thân Pô-kum-Pao. Đô đốc La-gơ-răn-đi-e truyền lệnh cho Lác-cơ-lô-zơ đem Pô-kum-Pao về Sài Gòn để kiểm soát cho chặt chẽ hơn. Tên đô đốc Pháp giao Pô-kum-Pao cho một người Phủ Việt Nam giám thị và cấp cho một số tiền ăn chết đói là 20 quan mỗi tháng, không bằng lương của một người lính mã tà! Cái chí của vị anh hùng không thể bị giam cầm mãi, càng không thể bị mua chuộc dù Lác-cơ-lô-zơ và giám mục Mi-sơ vẫn đóng vai trò tay nhung khi La-gơ-răn-đi-e đóng vai trò tay sắt.

Ở Sài Gòn, các nhà ái quốc Việt Nam bí mật liên lạc với Pô-kum-Pao. Theo tin tức của sở mật thám lúc ấy, cuộc vượt ngục của Pô-kum-Pao là do người Việt Nam tổ chức. Pô-kum-Pao thoát khỏi Sài Gòn, về Tây Ninh như cọp về rừng.

"Ông được dân chúng sùng bái sâu sắc; người ta kiệu ông trên một cái kiệu trang hoàng lộng lẫy và đắt giá; ông ở giữa bè đảng trung thành của ông"[1].

Cọp về rừng, Pô-kum-Pao không phải tốn nhiều thì giờ để quy tụ quân khởi nghĩa Khơ-me, để liên kết với các nhà ái quốc Việt Nam như Trương Quyền - con của Trương Định - và đảng chúng của Thiên hộ Dương. Bọn sử gia thực dân nói rằng nguyên nhân cuộc khởi nghĩa Pô-kum-Pao là thái độ bần tiện của La-gơ-răn-đi-e. Đầu óc tư bản của chúng chỉ có thể nghĩ đến số tiền, đến sự mua chuộc, chúng dù ngó thấy cũng không dám nói rằng nguyên nhân của khởi nghĩa chỉ có thể là sự xâm lược. Đối với kẻ thành tâm ái quốc, có phải là uy vũ phô trương ở trên bộ và dưới bến Sài Gòn làm nao núng được chí bất khuất đâu? Có phải 20, 2.000 hay 2 triệu quan mà quyến rũ được đâu? Chính lúc bấy giờ tên Ray-na[2] đi thanh tra ở vùng đồng bào Stiêng đã gây ra bao nhiêu tang tóc

1. Báo cáo của Đu-méc ngày 10-7-1866.
2. Rheinhardt.

https://tieulun.hopto.org

và cướp bóc, rồi hắn lo lót cho cha Guy-đông[1] 25 đồng bạc để nhờ cha này khỏi tiết lộ! Như thế ai là kẻ tham tiền? Ai là kẻ mà đồng tiền là chúa của linh hồn?

b. Thắng trận đầu: Giết tên Chủ tỉnh Tây Ninh, Lác-cơ-lô-zơ

Trong số quân khởi nghĩa dưới cờ Pô-kum-Pao có người Khơ-me, người Chàm, người Stiêng và các bộ lạc đồng bào Thượng khác; đặc biệt là có nhiều quân sĩ người Việt từ Gia Định, từ Đồng Tháp Mười cả từ miền Tây đến (mà lúc bấy giờ, để mượn cớ lấy ba tỉnh miền Tây, địch gọi là quân chính quy của Phan Thanh Giản gửi lên).

Ngày chúa nhật 3-6-1866, tình báo của Pháp cho Lác-cơ-lô-zơ hay rằng có 3, 4 trăm quân (có tài liệu nói là 2, 3 nghìn, có tài liệu khác lại nói 1.500) khởi nghĩa tụ họp cách thành Tây Ninh 8 dặm và có ý định tiến đánh Tây Ninh - ở đây có một đại đội quân lính đóng trong thành mà nhà Nguyễn đã xây dựng từ lâu. Được tin, Lác-cơ-lô-zơ đem một số quân nhỏ theo, đi tìm Pô-kum-Pao, định gợi lại cái "nghĩa" xưa. Nhưng nhà ái quốc Pô-kum-Pao không phải là Quan Công hầu, còn Lác-cơ-lô-zơ càng không phải là Tào Mạnh Đức. Tên tri huyện người Việt Nam cũng đem một toán quân hộ vệ.

Hôm ấy Pô-kum-Pao làm kế như là chuyển quân đi xa lên phía bắc chớ không phải sát gần Tây Ninh. Lác-cơ-lô-zơ nghiên cứu chỗ đóng quân, nhà bếp của chỗ đồn quân để biết số quân khởi nghĩa. Rồi hắn trở về không gặp Pô-kum-Pao.

Nhưng thình lình, ngày 7-6 vào chiều gần tối thì Pô-kum-Pao xuất hiện ở hữu ngạn rạch Tây Ninh, nhằm thành Tây Ninh mà tiến vào. Lác-cơ-lô-zơ cưỡi ngựa trắng cùng quân lính ra ứng phó. Quân Pô-kum-Pao cách thành chỉ 2 dặm về phía tây bắc, ở ven rừng, giàn trận vòng cung, mà nghĩa quân gọi là trận hình sừng

1. Nhà xuất bản chưa tra được từ nguyên.

trâu. Trong lúc đó thì tên quan ba địch là Pi-nhô đem quân tiếp viện qua cầu, vừa qua cầu và vừa đóng cổng cầu thì một cánh quân khởi nghĩa đã đến trước mặt chúng, cờ trắng đi đầu, vừa ứng chiến vừa cắt đứt đường rút lui của Lác-cơ-lô-zơ. Hai bên nổ súng; toán quân của Pi-nhô chạy tháo về đồn. Quan ba Lác-cơ-lô-zơ bị bao vây. Cuộc chiến đấu xẩy ra rất ngắn, 7 giờ tối, tổng số 21 người lính Pháp đi theo chủ tướng, chỉ còn có 9 người chạy bán sống bán chết về đồn, trong đó đã có 3 người bị thương; 11 người với sĩ quan La-sa[1] và Lác-cơ-lô-zơ đều bị giết tại trận trong một cuộc giáp chiến không đầy nửa giờ. Quân khởi nghĩa đóng bên kia rạch để giám thị sự hoạt động của quân Pháp trong thành Tây Ninh phía tả ngạn. Cung nỏ, gan dạ và cận chiến đã đem lại một trận thắng đầu tiên rất có ảnh hưởng. Địch cố thủ trong thành. Chúng khiếp sợ cho đến đỗi trong vòng 30 giờ đồng hồ, thây của Lác-cơ-lô-zơ và các sĩ quan binh lính khác "bị để mặc cho diều ăn quạ mổ" (lời của Đu-méc[2]). Có lần chúng làm gan ra tìm thây ấy là ngày 7, 9 giờ sau cuộc chiến đấu; quan ba Pi-nhô có kéo quân sang cầu, nhưng qua khỏi cầu thấy dạng nghĩa quân Khơ-me núp sau cây thì chúng khiếp sợ xô nhau mà chạy về đồn, chỉ mang được xác của thiếu úy Lơ-xa vì xác này nằm kế đầu cầu! Gan thật![3]

c. Thắng luôn trận thứ 2: Giết quan năm Mác-se-zơ[4]

Được tin, Đô đốc La-gơ-răn-đi-e cấp tốc gửi chiến thuyền "Long-đin[5]" đem quân cứu viện đến Tây Ninh; quân cứu viện này do quan năm Mác-se-zơ cầm đầu. Quân khởi nghĩa Việt - Khơ-me đã cắt đường giây thép từ Tây Ninh về Sài Gòn. Địch đổ bộ lên bến Keo, ngoài vàm sông, cách Tây Ninh 7 dặm không một tên Pháp nào dám ló ra khỏi thành để đi đón viện binh từ bến Keo đến.

1. Nhà xuất bản chưa tra được từ nguyên.
2. Nhà xuất bản chưa tra được từ nguyên.
3. André Baudrit, *Les 1ères années de la Cochinchine*, tr. 190.
4. Marchaise.
5. Nhà xuất bản chưa tra được từ nguyên.

https://tieulun.hopto.org

"Khi chúng tôi đến Tây Ninh thì chúng tôi thấy rằng đồn quân ở đó hoàn toàn mất tinh thần. Binh lính kể lại những chuyện là thường khó tin nhất như là người Khơ-me cầm thương mà phóng xa 5, 6 thước giết được người. Họ kể rằng người Khơ-me xung phong ghê gớm lắm, không chống nổi; nếu quân số không đầy đủ mà đụng phải người Khơ-me thì tốt nhất là nên bỏ chạy; lính Pháp không thấy xấu hổ khi họ nói lên điều ấy".

Đó là tinh thần "thượng võ" của đạo quân viễn chinh! Đó là lời người Pháp trong cuộc.

Quan năm Mác-se-zơ tụ họp tất cả lính còn lành mạnh của đồn để xuất quân, lần này địch lấy được xác địch về, nhưng chỉ giáp chiến sơ sài bằng đại bác rồi hối hả vào đồn, mới hay rằng Đờ Lác-cơ-lô-zơ bị một mũi tên của người Stiêng thiện xạ ngay trên ngực.

Trong khi quan năm Mác-se-zơ lên Tây Ninh bằng đường thủy từ Sài Gòn thì quan ba Fơ-rô-mi-ê[1] đem viện binh lên Tây Ninh bằng đường bộ, từ Trảng Bàng; quân của Fơ-rô-mi-ê vừa qua thì quân khởi nghĩa Việt - Khơ-me đánh phá hai trạm Truông Nit và Cầu Khởi (hai vị trí này về sau từ 1945 đến 1954 vẫn là căn cứ lợi hại của quân du kích Việt Nam ở khu 7).

Ngày 14-6, quan năm Mác-se-zơ xuất quân lần thứ hai sau khi nhờ tụ họp đông đảo binh lính mà trấn tĩnh tinh thần của chúng một phần nào: lần này, ngoài số quân giữ đồn để hậu viện, địch có 150 quân ra trận, 2 khẩu đại bác. Theo lệ thường, từ trước tới giờ, trừ cuộc cận chiến của Nguyễn Trung Trực thì ngoài dã chiến 150 quân có vũ khí tạm thời có thể đánh tan hàng nghìn người vũ khí thô sơ. Hai quân gặp nhau ở Rạch Vinh là nơi mà Pô-kum-Pao chọn làm trận địa lần này cách Tây Ninh hơn 10 dặm.

1. Nhà xuất bản chưa tra được từ nguyên.

Quân khởi nghĩa bình tĩnh chờ địch lội qua Rạch Vinh; kế bên rạch là những cánh đồng lầy nhỏ. Quân khởi nghĩa khi ấy vừa hò hét, vừa tấn công bằng cung nỏ, đao mác, gươm giáo và mấy cây súng đã lượm được trong trận trước. Quân khởi nghĩa vũ khí thô sơ nên tìm cận chiến. Hai bên đánh xáp lá cà. Quan năm Mác-se-zơ và một số đông lính địch bị chém chết. Đến 5 giờ, địch tháo chạy về đồn, mất chủ tướng. Khi đi chỉ có 3 giờ, khi về tán loạn, lớp quên đường, lớp sợ về đường cũ thì bị phục kích, ban đêm càng sợ tên độc của người Stiêng có sức hạ cọp trong nháy mắt; đến 3 giờ sáng cả bọn sống sót mới về tới đồn, xác còn vía mất.

Quân khởi nghĩa Tây Ninh phấn khởi; quân khởi nghĩa ở các tỉnh miền Đông Nam Kỳ càng phấn khởi nhất là khi địch buộc lòng phải rút bớt lực lượng đồn trú và càn quét ở các nơi về hướng Tây Ninh.

"Trong lúc Đại tá A-lây-rông[1] lo tổ chức một cuộc hành quân khác thì trên trận Rạch Vinh và tin về số quân bị thiệt mạng của ta (Pháp) lan tràn ra nhân dân như một lần lửa thuốc súng; các lãnh tụ khởi nghĩa phái người đi cổ võ các nơi, đến cả trong hàng ngũ chúng ta (Pháp) đến cả trong phố Sài Gòn và họ tìm cách tấn công ta tại thủ phủ của ta"[2].

d. Phối hợp tác chiến với quân khởi nghĩa Việt Nam

Quân khởi nghĩa Việt Nam lâu nay đã điều tra tỉ mỉ tình hình quân sự của Pháp; quân số vũ khí, dinh trại đặc biệt là của vùng Sài Gòn. Điều ấy chứng tỏ rằng người Việt và người Khơ-me có kế hoạch đánh căn cứ chính của địch. Người Việt và người Khơ-me đã làm địch vận có ít nhiều kết quả; một số ít lính Pháp chạy qua hàng ngũ ta. số lính ta gan (người Phi Luật Tân) chạy qua hàng ngũ Khơ-me - Việt lại đông hơn.

1. Alleyron.
2. Vial, quyển II.

https://tieulun.hopto.org

Quản Là ở vùng Cần Giuộc do dự, không chịu liên hiệp với quân khởi nghĩa Khơ-me. Nhưng Trương Quyền lúc bấy giờ mới 20 tuổi, thì cương quyết chủ trương phối hợp tác chiến; Hàn Lâm Phụ cũng cương quyết cộng tác với Pô-kum-Pao; cả hai đều có nhiều lần đến hội đàm với nhà lãnh tụ Khơ-me.

Quân Pháp tập trung nhiều ở Tây Ninh chống Pô-kum-Pao, thì quân khởi nghĩa Việt Nam đánh vào đồn Thuận Kiều, gần Sài Gòn (trên đường Sài Gòn - Tây Ninh) để chia bớt lực lượng của địch. Đêm 24-6 tức là chỉ 10 ngày sau trận Rạch Vinh, quân ta phá nhà giây thép Thuận Kiều, leo vào đồn, vừa hét vang trời, vừa xông tới chém giết địch, ta đem vào đồn nhiều xe bò để chở khí giới đạn dược lấy của địch; phần lớn đồn bị chiếm; đánh nhau đến sáng, quân khởi nghĩa rút ra khỏi đồn, lúc ấy cũng là lúc mà tên Việt gian Phủ Ca ở Hóc Môn, đem quân lên tiếp cứu cho địch.

Cũng đêm 24, quân ta đánh đồn Trảng Bàng, giữa Sài Gòn và Tây Ninh; đồng thời huy động nhiều lực lượng đánh địch chung quanh Chợ Lớn - là nơi mà địch để phòng cẩn mật vừa ở mặt Phú Lâm, vừa trên sông Cầu Ông Lãnh với 300 quân và một đội pháo thuyền.

Địch biết rằng căn cứ chính của quân khởi nghĩa Việt Nam trong vùng dọc theo đường Sài Gòn - Tây Ninh là cả nhân dân tổng Cầu An Hạ ở giữa bưng Tầm Lạc và sông Vàm Cỏ Đông. Địch tập trung quân đánh vào Cầu An Hạ. Quân khởi nghĩa ở Cầu An Hạ bèn phân tán ra 3 mặt, một mặt đánh về ngõ Bình Điền (trên đường Chợ Lớn đi Mỹ Tho). Một mặt đánh lên phía sông Bến Nghé, còn cánh quân đông nhất do Trương Quyền cầm đầu thì đánh lên Trảng Bàng, giáp chiến với địch ở đó một trận, rồi kéo lên Tây Ninh cùng hoạt động càng mật thiết với Pô-kum-Pao.

Ngày 2-7, tại Trà Vang (Tây Ninh), xảy ra một trận ác chiến giữa quân khởi nghĩa Khơ-me - Việt và quân Pháp; mấy ngày này,

quân khởi nghĩa luôn luôn theo sau quân Pháp để chờ một cơ hội, một địa điểm thuận lợi mà đánh; 12 giờ trưa trận giáp chiến bắt đầu ở giữa một cánh đồng nhỏ trong rừng. Địch bị tổn thất nặng, rút về Tây Ninh, thì ngày 3, chúng bị hơn ba trăm nghĩa quân Việt Nam đón đường phục kích. Đêm ấy, nghĩa quân Khơ-me - Việt vào tận phố Tây Ninh mà đánh, đốt phá cơ quan của địch và nhà cửa những kẻ tay sai của địch.

"Trải thời kỳ chiến tranh này, điều đáng chú ý là, ở những kẻ thù của chúng ta, có một sự hoạt động, một sự cương quyết, và một sự khéo léo dùng các súng ống mà cho đến nay chúng ta chưa hề thấy trong người bản xứ. Mỗi lúc những người du kích đến khuấy rối các vị trí tiền tiêu của ta hay khuấy rối xóm làng ta; họ núp ở các đường nhỏ nhỏ mà toán quân ta đi qua, để nhắm bắn những vị lãnh đạo các toán quân ấy. Những lính đào ngũ có mặt trong hàng ngũ của kẻ địch và lòng tin tưởng của người Khơ-me đối với Pô-kum-Pao, điều ấy tạo ra một tình thế mới rất nguy hiểm cho quyền thống trị của chúng ta"[1].

Lúc bấy giờ, còn phải kể những trận đánh quan trọng sau đây nữa. Trận Bà Vang ở trong rừng phía bắc Tây Ninh (ngày 11), trận Long Trì ở Tân An (đêm 8 rạng 9 tháng 7), các trận Củ Chi, Hóc Môn và Trảng Bàng do đích thân Trương Quyền cầm quân đánh giặc (7-7) v.v... đặc biệt là trận Bình Thới (trong tỉnh Gia Định) nơi đây bên quân khởi nghĩa mất một kho súng đạn lớn gồm 59 đại bác bằng đồng.

Thực dân bắt ép chính quyền Nam triều ở An Giang phải bắt A-soa giao cho chúng nó; những ông quan có trọng trách ở ba tỉnh miền Tây còn đang kẻ chịu người không thì A-soa bị kẻ phản bội bắn bị thương, đám quan kia giải A-soa về Sài Gòn với những ấn tín tàn lọng của vương triều Khơ-me. Ban đầu địch tưởng đâu

1. Vial, quyển II, tr. 70.

https://tieulun.hopto.org

làm được như vậy là mất một mũi kháng chiến nguy hiểm, nào dè rằng A-soa bị bắt thì tất cả lực lượng trước dưới quyền chỉ huy của A-soa đổ về dưới quyền chỉ huy thống nhất của Pô-kum-Pao, một người tài trí hơn và cương quyết hơn; lực lượng kháng chiến miền Đông Bắc được thống nhất với lực lượng kháng chiến của vùng Đông Nam. Và từ nay thì trung tâm hoạt động của Pô-kum-Pao lại rời khỏi Tây Ninh mà qua đất Khơ-me. Đó là một điều tiến bộ cho kháng chiến, một mối lo càng lớn, một nguy cơ càng to cho chủ nghĩa thực dân Pháp. Lần này, ngoài Trương Quyền ra, còn có vùng kháng chiến Đồng Tháp Mười và nhân dân hai tỉnh An Giang, Hà Tiên trực tiếp tiếp sức với Pô-kum-Pao, bấy lâu nay thì chủ yếu là đảng chúng của Thiên hộ Dương vận tải lương thực từ ven sông Tiền Giang lên cung cấp cho binh lính của Pô-kum-Pao.

e. Trung tâm kháng chiến dời qua Khơ-me

Từ lúc đánh pháp trên đất Việt Nam, nhà lãnh đạo Pô-kum-Pao đã được nhân dân Khơ-me hoan nghênh. Hầu hết người Khơ-me các tỉnh cho đến các cấp chính quyền xã, huyện, đều ủng hộ Pô-kum-Pao. Còn:

"Nhà vua thì chỉ có một số ít quan to và lý trưởng ủng hộ thôi"[1].

g. Giết tên Bộ trưởng Quốc phòng thống lãnh quân đội nhà vua U-đông

Trận đầu của Pô-kum-Pao trên đất Khơ-me là một trận đại thắng cũng như trên đất Việt Nam. Pháp vũ trang cho một đạo quân của nhà vua do bản thân Krahom (chức Bộ trưởng Quốc phòng, thống lãnh binh quyền) chỉ huy, đưa ra nghinh chiến. Tên Krahom bị bắn chết, quân nhà vua vỡ chạy. Từ biên giới Khơ-me - Việt lên đến Biển Hồ phần lớn các xã huyện, tỉnh đều thuận lòng với Pô-kum-Pao (trừ tên Phủ Sóc ở Soài-riêng là em của tên Krahom kia).

1. Vial, tr. 7 - 8.

Sóc chạy trốn xuống Sài Gòn, được Pháp tiếp cho binh lính và vũ khí, quan tư Pháp là A-lây-rông lại kéo quân đến Gò Xoài để thanh viện cho Sóc. Bọn này tuy số tử chiến, chỉ làm chậm trễ chớ không cản nổi sức tiến của Pô-kum-Pao về hướng Pnông-Pênh, U-đông.

h. Chiếm tỉnh Pak-nhum[1]*; Tấn công tỉnh Pak-nam*[2]

Pak-nhum là căn cứ của A-soa trước đó ít lâu; A-soa bị bắt, triều đình Khơ-me lấy lại tỉnh ấy. Nhưng Pô-kum-Pao đến. Cả tỉnh nổi lên đánh đuổi quân triều đình Khơ-me và quân Pháp; quân khởi nghĩa thừa thắng tiến về phía Pak-nam, gần Pnông-Pênh. Đi đến đâu thì chỉ định những me Sóc me Khum mới, chiêu mộ thêm quân lính, võ trang cho quần chúng. Quân Pháp đông và mạnh hơn thì nghĩa quân không xáp trận, chỉ đánh trận nhỏ, tan ra trước quân Pháp, hợp lại sau quân Pháp. Quân Pháp không quen thủy thổ, không có quần chúng tiếp tế phải mang cả lương thực trên lưng, càng đi xa, càng dễ bị giết. Pô-kum-Pao vừa lấy súng đạn của địch, vừa mua súng đạn từ ba tỉnh miền Tây Nam Bộ đưa đến, qua vùng Hà Tiên, Rạch Giá và quan Đồng Tháp Mười. Địch than rằng không thể bao vây ngăn cản cuộc mua súng đạn được bởi vì sông ngòi nhiều quá mà trên sông ngòi chằng chịt ấy có đến 40 nghìn chiếc thuyền lớn nhỏ xuôi ngược bất thường. Địch cũng kêu rằng vua Nô-rô-đôm không cương quyết, "không chú tâm đến thời cuộc, xem cuộc chiến đấu này như là một chiến đấu giữa người Pháp và người Việt Nam hay là giữa người Pháp và người Khơ-me". Chúng rất lo sợ:

"Cuộc chiến tranh này dường như kéo dài không bao giờ hết, Pô-kum-Pao và chung quanh ông ấy là mấy trăm người Khơ-me, người Việt Nam và người Ta-gan đào ngũ, chiếm những làng quan trọng nhất, tuyển binh, phát vũ khí đạn dược, cử người chỉ đạo mới thay cho người cũ"[3].

1. Nhà xuất bản chưa tra được từ nguyên.
2. Nhà xuất bản chưa tra được từ nguyên.
3. Vial, quyển 2, tr. 82.

https://tieulun.hopto.org

Lúc ấy triều đình Huế cận thị, không biết thừa cơ thuận lợi nhất để lấy lại 3 tỉnh. Họ không biết vụ đại bại ở Méc-xíc của Pháp, không biết cuộc thất bại của Đô đốc Rô-zơ ở Triều Tiên, cũng không chú ý đến những nguy cơ của Pháp ngay ở Khơ-me. Họ chỉ lo đàn áp nông dân ngoài Bắc, và đàn áp quần chúng ở kinh thành sau cuộc toan đảo chính lật Tự Đức của mấy nghìn thợ và lính đang xây dựng Khiêm Lăng. Có lúc cánh chủ chiến thiếu chút nữa đã thắng cánh chủ hòa. Nguyễn Tri Phương đã tụ họp 7 vạn tinh binh quanh kinh thành, tiếng đồn chiến tranh tái diễn đang vang dội, tiếng đồn rằng con gái của Nguyễn Tri Phương đã lên đường vào Nam cổ động nhân dân, nhiều cha cố Pháp hoảng sợ đã bắt đầu bỏ Huế vào Sài Gòn. Nhưng rồi triều đình cứ tin vào khả năng "chuộc lại ba tỉnh", dè đâu "ba tỉnh lại chầu ba"? Ngược lại người ái quốc ở Nam Kỳ lục tỉnh không nệ hy sinh trên đất Việt hay trên đất Khơ-me, chiến đấu dưới cờ Trương Định hay dưới cờ Pô-kum-Pao; bằng máu nóng của mình, họ xây tình đoàn kết giữa hai dân tộc đang chống lại một kẻ thù chung.

i. Các trận quanh và trong thành U-đông và Pnông-Pênh

Bấy giờ ở ba tỉnh miền Đông Nam Kỳ, Quản Là (người chỉ đạo kháng chiến vùng từ Chợ Lớn xuống Cần Đước đã ra quy hàng địch; còn Thiên hộ Dương đã bị chết trong một tai nạn ngoài bể). Trương Quyền đi sát với Pô-kum-Pao tác chiến ở Khơ-me, trên Khơ-me trung tâm của chiến cuộc dời qua phía hữu ngạn Cửu Long giang; nghĩa quân tập trung lực lượng vây đánh hai kinh U-đông và Pnông-Pênh). Địch sai những tướng đầu sỏ của nó như quan tư Bờ-ri-e đờ Lin[1] (sau này hắn sẽ là tên tướng đánh Bắc Kỳ) lên Khơ-me tác chiến.

Ngày 17-12-1866, quân khởi nghĩa bắt đầu công phá U-đông, vào tận trong vòng thành của hoàng cung mà đánh phá, trà trộn

1. Brière de l' Isle.

với quân ngự lâm đồng tình. Tình hình ở U-đông và Pnông-Pênh vô cùng rối rắm, các quan đại thần họp nhau bí mật bàn việc phế vua Nô-rô-đôm, nhưng kẻ thì muốn tôn Pô-kum-Pao lên ngôi, kẻ khác lại muốn tôn Phra-keo-pha[1]. Quân khởi nghĩa chặn cắt con đường 17 dặm nối liền hai kinh đô trên bờ sông. Hai bên đánh nhau nhiều trận ở đây. Đồng thời bên tả ngạn, hai tên quan ba Pháp là Đa-nô[2] và Bơ-ru[3] bị chặn đánh liên tiếp. Dưới sông, 2 pháo thuyền địch không đủ sức ngăn sự qua lại của nghĩa quân. Xa hơn nữa, ở vùng Tây Ninh, một trận lớn xẩy ra ở đồn An Cư là một nơi căn cứ của liên quân Khơ-me - Việt, trong trận này Pháp bị tổn thất một trung đội với hai quan ba, bên phe ta, thì tán lý Trần Văn Dụ, gốc người Gò Đen, bị tử trận. Còn ở vùng núi Pak-nhum, liên quân Khơ-me - Việt (bên Khơ-me do Num-rét[4] và Ec[5] chỉ huy, bên Việt do Trương Quyền, Lãnh binh Lâm, quản Ngàn và quản Nhiêu chỉ huy) giao chiến với đạo quân Pháp của quan tư Đa-nô. Ở trung tâm Nam Kỳ, bên phía tây bắc rạch Bo-bo cũng có một trận đánh khá lớn. Các trận đánh này chia xẻ lực lượng địch, giúp cho Pô-kum-Pao đánh kinh thành Pnông-Pênh.

Nhưng trên đường Pnông-Pênh - U-đông, địch tập trung nhiều quân, chúng nó ở sát căn cứ của chúng nó, và chúng nó được pháo thuyền yểm hộ đắc lực, nên quân khởi nghĩa bị tổn thất nhiều mà không lấy được kinh thành, rút về thôn dã.

k. Giải phóng Soài Riêng và đánh chìm pháo thuyền số 22 của địch trên sông Cửu Long

Vào đầu năm 1867, Pô-kum-Pao lại thình lình xuất hiện ở vùng giữa hai sông Vàm Cỏ Đông và Vàm Cỏ Tây từ Soài Riêng đến Trảng Bàng, quét sạch ngụy quân và ngụy quyền của Phủ Sóc.

1. Nhà xuất bản chưa tra được từ nguyên.
2. Nhà xuất bản chưa tra được từ nguyên.
3. Brou.
4. Nhà xuất bản chưa tra được từ nguyên.
5. Nhà xuất bản chưa tra được từ nguyên.

https://tieulun.hopto.org

Pháo thuyền địch ngày đêm tuần hành trên Vàm Cỏ Đông để ngăn liên quân Khơ-me - Việt vào tỉnh Gia Định.

Ngày 25 tháng giêng năm 1867, pháo thuyền số 22 của địch đang chạy trên Cửu Long giang thình lình bị nổ chìm ngay, tất cả vũ khí đạn dược đều mất, nhiều quân Pháp chết chìm. Ở đây ta hãy kể luôn chiếc pháo thuyền "Casse tête", bị nổ và bị chìm trên đường từ Bà Rịa về Sài Gòn (tháng 5 năm trước). Tất cả các vụ đánh chìm tàu địch này chắc là do bàn tay của các anh hùng vô danh trong phong trào kháng chiến.

l. Bước cùng của cuộc khởi nghĩa Pô-kum-Pao. Nhà ái quốc tử trận

Thực dân Pháp chiếm luôn 3 tỉnh miền Tây.

Phan Thanh Giản giao đất nạp thành, nạp súng mà không hô hào kháng chiến.

Điều này rất bất lợi cho liên quân Khơ-me - Việt. Quân khởi nghĩa gặp lúc ngặt nghèo. Pháp vũ trang cho bè đảng của Phra-keo-pha, cùng với bọn này đánh vào vùng giải phóng ở giữa hai sông Vàm Cỏ; quân khởi nghĩa phải rút về vùng Suối Giây nghèo nàn, dân thưa, lúa ít ở phía bắc Tây Ninh, rồi rút về phía Stung-treng, Samboc gần biên giới Lào. Ngày 28-7-1867, căn cứ Suối Giây bị địch phá (giữa hai tỉnh Tây Ninh và Thủ Dầu Một) nghĩa quân Việt Nam bắt buộc phải rút lui từng toán nhỏ về xa dưới vùng Hậu Giang. Còn Pô-kum-Pao thì qua bên kia sông Cửu Long, đánh vào Kompong-Soai; nhà ái quốc Khơ-me bị trọng thương, bị bắt và bị hại ngày 3-12-1867 tại tỉnh lỵ Kompong-Thơm. Địch cắt đầu ông đem về bêu ở Pnông-Pênh. Toàn dân vô cùng thương tiếc mất nhà lãnh đạo tài trí, gan dạ, một người đã chủ trương và thực hiện cuộc đồng minh kháng chiến giữa hai dân tộc Việt - Khơ-me chống kẻ thù chung: thực dân Pháp cướp nước.

* * *

Lão tướng Pô-kum-Pao xứng đáng với lòng thành kính của dân tộc Khơ-me; người tuy thất trận, bị chết ở sa trường, nhưng đã làm cho quân giặc thất điên bát đảo, làm cho chúng tán đảm kinh tâm; người đã chứng minh rằng cái dân tộc đã xây dựng Đế Thiên - Đế Thích mặc dù cánh phong kiến suy tàn cam tâm quy lụy trước giặc ngoại xâm, dân tộc ấy vẫn giữ nguyên khí phách anh hùng, cái chí khí quật cường mà người Issarak sau này là kẻ thừa kế rất xứng đáng. Chúng tôi tin chắc rằng các nhà sử học Khơ-me đã nghiên cứu và sẽ còn nghiên cứu thêm nhiều về cuộc khởi nghĩa quan trọng này, đưa lại những tài liệu chính xác và đầy đủ mà chúng tôi chưa có mấy.

Nhà lãnh tụ trẻ tuổi Trương Quyền xứng đáng với cha, cũng xứng đáng với dân tộc; người đã chà đạp trên bao thành kiến cũ kỹ lỗi thời, phản động, để bắt tay với dân tộc láng giềng, không nề phơi thây trên chiến trường ngoài Tổ quốc, miễn giết được kẻ thù; dòng máu của Trương Quyền và bè bạn rửa sạch những mối hiềm thù do triều đình Huế gây nên, gắn chặt tình thân thiện giữa Việt - Khơ-me huynh đệ mà sau này quân tình nguyện của nước Việt Nam dân chủ cộng hòa đã anh dũng phát huy.

* * *

TÓM LẠI

Sau khi ký Hòa ước 1862, triều đình nuôi hy vọng chuộc lại ba tỉnh đã mất. Tự Đức sai Phan Thanh Giản đi sứ qua Pháp để vận động xin chuộc ba tỉnh. Lúc bấy giờ Pháp đã vướng vào lưới câu Méc-xíc, hao người tốn của bằng mấy lần ở Nam Kỳ, và lại cuộc kháng chiến ở Nam Kỳ dù bị triều đình bỏ rơi, cũng đã mạnh mẽ lắm, làm cho một cánh thực dân Pháp nghĩ rằng nếu cho Tự Đức chuộc lại ba tỉnh trừ một ít vị trí chủ yếu, và nếu bắt Tự Đức mở cửa buôn bán với cả Bắc Kỳ, Trung Kỳ thì còn hơn là chỉ chiếm có ba tỉnh. Pháp đề nghị một hòa ước mới trên cơ sở đó. Một cánh

https://tieulun.hopto.org

thực dân Pháp vận động chống lại; chúng thắng thế. Cho nên tân ước dù đã được Phan Thanh Giản và Ô-ba-rê cùng làm xong ở Huế, vẫn không được Pháp chuẩn y, cựu ước 1862 vẫn tồn tại. Ấy thế mà hy vọng chuộc ba tỉnh, triều đình vẫn mù quáng giữ.

Trong lúc đó thì Trương Quyền và nhà ái quốc Pô-kum-Pao liên kết nhau, phát động một phong trào kháng chiến Khơ-me - Việt chống Pháp rất rộng lớn từ Sài Gòn đến U-đông, từ Vịnh Xiêm đến Lào, thắng nhiều trận lớn. Triều đình Huế lại bỏ mất một cơ hội có một không hai để tiêu diệt địch đang bị bại trận đau đớn ở Méc-xíc; triều đình đã bỏ lỡ cơ hội có thể liên minh hành động với Khơ-me - Xiêm mà chống Pháp. Triều đình lại bỏ rơi cả ba tỉnh miền Tây làm cho liên quân Khơ-me - Việt khởi nghĩa bị cô lập, vì thế mà Trương Quyền và Pô-kum-Pao thất bại. Tuy thất bại, hai ông một già một trẻ đã nêu cao tình sống chết có nhau giữa hai dân tộc Việt - Khơ-me, mối đồng minh ấy vĩnh viễn là điều kiện chủ yếu để khôi phục và giữ gìn độc lập cho hai nước láng giềng đồng cảnh ngộ.

Chương 7

MẤT BA TỈNH MIỀN TÂY
NHÂN DÂN TIẾP TỤC KHÁNG CHIẾN

I. TRIỀU ĐÌNH HUẾ BIẾT TRƯỚC RẰNG THỰC DÂN PHÁP SẮP CHIẾM BA TỈNH MIỀN TÂY NAM KỲ, NHƯNG KHÔNG CHỦ TRƯƠNG CHỐNG CỰ LẠI

Việc Pháp có ý định và chuẩn bị chiếm ba tỉnh miền Tây Nam Kỳ là một điều mà ai cũng biết; triều đình Huế càng phải biết hơn ai cả; thực dân Pháp không ngần ngại gì mà không nói lên cái ý định ấy chỉ có việc chuẩn bị là bí mật thôi.

Giở địa đồ ra xem, ta thấy Pháp đã chiếm ba tỉnh miền Đông và cả Khơ-me rồi, ba tỉnh miền Tây, trên mặt bộ thì hoàn toàn bị bao vây; ba tỉnh đó lại là tất cả các sông và các cửa của Cửu Long giang, từ Khơ-me xuống không thể không dùng Cửu Long làm cửa ngõ thiên nhiên; bến Sài Gòn xuất cảng nhiều món hàng mà các món hàng đó phần lớn lại là từ ba tỉnh miền Tây đem lên, từ Khơ-me đưa xuống. Nhà cầm quyền dại dột mấy cũng không thể không thấy rằng ba tỉnh miền Tây lâm nguy Pháp sẽ sớm hay muộn toan chiếm lấy, nhất là khi nào chúng nó phá được các cuộc nhân dân khởi nghĩa ở ba tỉnh miền Đông và ở Khơ-me.

https://tieulun.hopto.org

Triều đình Huế ngó thấy một cách khác: Họ chủ trương giải giáp nghĩa quân ở miền Đông và cấm dân miền Tây tích cực ủng hộ dân miền Đông kháng chiến. Họ không chuẩn bị kháng chiến mà sai Phan Thanh Giản vào Long Hồ (Vĩnh Long) để dĩ hòa vi quý, và sai Lâm Duy Hiệp vào Bình Thuận để ve vãn với Pháp. Nơi cần hai thượng tướng để giữ gìn bờ cõi lâm nguy, họ đưa hai người đã ký kết Hòa ước 1862, đã cắt đất cầu hòa.

Bọn Pháp lấy cớ rằng sở dĩ chúng phải chiếm ba tỉnh miền Tây là để phòng sự qua lại của nghĩa quân và để trả lời cho việc vua quan ủng hộ nghĩa quân. Kỳ thật thì đó chỉ là một cái cớ. Kỳ thật là triều đình không lo phòng vệ cho nên nó thừa cơ mà chớp lấy. Tất nhiên ở miền Tây cũng như ở Bình Thuận, mặc dù Phan Lâm cấm cản, vẫn có một số khá đông quan văn võ ủng hộ kháng chiến và nhân dân vẫn ủng hộ đồng bào ba tỉnh bị mất; Phan, Lâm đã cách chức các vị quan ái quốc đó.

Ngay từ hồi Phan, Lâm mới vào Gia Định để nghị hòa thì Pháp đã chẳng đòi lấy cả Nam Kỳ lục tỉnh hay sao? Nó lo rằng, nếu đòi nhiều quá, Phan, Lâm sợ búa rìu dư luận mà không ký thì chúng đã không được miền Tây lại không yên ở miền Đông, nên chúng phải co lại. Rồi sau khi Pháp đã chiếm được Gò Công, hại được Trương Định thì nó đã công khai cho Phan Thanh Giản biết rằng nó đòi lấy ba tỉnh miền Tây nữa. Lúc bấy giờ (1866) cuộc khởi nghĩa Trương Quyền, Pô-kum-Pao đang nổ, Pháp không dám làm gì hơn là gởi tên Vial đi ra Huế để dò coi triều đình Huế có bằng lòng giao luôn ba tỉnh miền Tây. Cứ theo *Dương sự thủy mạt* thì Pháp trao thơ nói rằng:

"Ba tỉnh Vĩnh - An - Hà địa thế cách treo lơ lửng không tiện cho nước Nam, kẻ gian tế đi lại không tiện cho nước Pháp, xin để cho Pháp coi trị tất cả, nếu được vậy thì Pháp sẽ giúp triều đình tiễu trừ hết giặc bể và sẽ đình hết mọi khoản bồi ngân".

Lúc ấy là lúc mà Tự Đức vừa hú hồn thoát chết trong vụ ba nghìn dân công và hàng ngàn binh lính khởi nghĩa ở kinh thành do hai anh em họ Đoàn tổ chức; lúc ấy là lúc triều đình nguy khốn, Tự Đức ngờ vực cả quan lẫn lính và dân, triệu Nguyễn Tri Phương ở Bắc về để phụ trách việc quốc phòng. Triều đình lúng túng, sai Phạm Huy Vịnh, Phạm Phú Thứ đến sứ quán Pháp ban thưởng, thăm hỏi và xin giữ ước cũ, lại tư cho Phan Thanh Giản đến Gia Định năn nỉ bọn Pháp mong rằng chẳng những Tự Đức có thể vì yếu sức, vì thiếu tiền mà phải nhượng ba tỉnh miền Tây, lại còn có thể xin quân Pháp bảo vệ ngai vàng để chống lại với khả năng nội chiến đang ngấm ngầm cháy.

"... Sớm hay chày một cuộc khủng hoảng mới có thể xẩy ra và bắt buộc nhà vua sẽ phải xin nước Pháp ủng hộ"[1].

Tự Đức dùng dùng thẳng thẳng, bọn Pháp biết rằng triều đình do dự, không quyết chống lại chúng nếu chúng xâm lăng ba tỉnh miền Tây. Tự Đức chỉ gởi thơ cho Phan Thanh Giản, bảo Phan dùng miệng lưỡi để cho Pháp đừng đánh; Phan Thanh Giản ở miền Tây bây giờ cũng như Nguyễn Bá Nghi ở Biên Hòa dạo nọ, không dám chuẩn bị về mặt quân sự, sợ Pháp càng có cớ xâm lăng; ông gieo trong tâm trí của binh lính, quan và dân cái tư tưởng đầu hàng, thất bại, "chịu vậy".

La-gơ-răn-đi-e chỉ còn chờ khi đánh bại xong cuộc khởi nghĩa Việt - Miên của Trương Quyền - Pô-kum-Pao thì sẽ cử sự chiếm miền Tây.

Ngày 14-2-1867 tên đại biểu của thực dân Pháp ở Sài Gòn là Mô-nê[2] lại đáp tàu ra Huế vừa để đòi trả tiền bồi thường chiến phí, vừa để một lần nữa đòi Huế nhượng ba tỉnh miền Tây. Triều đình lẽ tất nhiên là không nhận. Trong triều đình lúc bấy giờ chia

1. Vial, quyển II, tr. 95.
2. Monet.

https://tieulun.hopto.org

ra làm hai phái, một phái chủ trương rằng nếu Pháp chiếm ba tỉnh miền Tây thì một mặt là quân triều đình phải đánh từ Trung vào, một mặt toàn dân sáu tỉnh nổi lên; phái khác chủ trương rằng hễ kháng cự thì nhất định mất cả nước cho nên thà "chầu thêm ba tỉnh" hãy còn ít hại hơn là kháng cự. Có lúc phái kháng chiến có ảnh hưởng và thế lực mạnh, mạnh là vì dân và quân sôi nổi đòi kháng chiến. Tin đồn mà thôi; Tự Đức nghiêng về phía chịu bó tay, Phan Thanh Giản ở miền Tây không chịu kháng chiến, nói rằng chống lại cũng mất mà hao xương tốn máu nhiều, thà chịu nhượng mà khỏi ai bị chết. Phan đã cáo lão xin nghỉ việc. Tự Đức quở rằng: *"... có cái kiến thức lão thành mà còn nói thế, định ùn trách nhiệm cho ai? Ba tỉnh chưa lấy lại được thì chỉ có pháp luật thôi, đừng nghĩ đến được toàn quy"*.

Tự Đức nói lấy lại ba tỉnh là mong nhờ xin xỏ mà lấy lại chớ không dám có cách nào khác hơn, không phải chủ chiến, khí giới duy nhất của Tự Đức là miệng lưỡi của họ Phan!

Bọn Pháp hiểu rõ tình hình. Chúng đã chí quyết. Ngay lần đi Huế này, Mô-nê đề nghị cho cha Sô-hi-ê[1] lên tầu của hắn để về Sài Gòn tránh sự bất trắc sẽ xẩy ra nếu chiến tranh lại tái diễn.

Lúc ấy bên Pháp, tên Đô đốc Ri-gô đờ Giơ-nu-dy lên thay cho Sát-sơ-lu Lô-ba ở Bộ Hải quân và thuộc địa. Giơ-nu-dy đã ở Nam Kỳ, hắn thuộc cánh thực dân chủ trương xâm lăng táo bạo. Hắn đồng ý cho La-gơ-răn-đi-e chiếm ba tỉnh miền Tây để chiếm toàn bộ lưu vực Cửu Long giang từ hạ Lào trở xuống. Lúc ấy cũng là lúc mà cuộc xâm lăng Méc-xíc đã chấm dứt rồi bằng sự hoàn toàn thất bại của quân đội Pháp. Từ 1865 cuộc nội chiến ở Mỹ đã xong, Mỹ không nhận Ma-xi-mi-li-en[2] làm hoàng đế Méc-xíc; cuộc kháng chiến của nhân dân Méc-xíc kéo dài. Quân Pháp không có cách nào khác hơn là lặng lẽ và xấu hổ rút hết về Âu châu (tháng

1. Sohier.
2. Maximilien.

6-1867). Na-pô-lê-ông III mất nhiều quân sĩ và tiền của, mất cả vinh dự và ảnh hưởng phải tìm một sự thắng lợi nào đó, dù nhỏ, để bù vào nó tìm cái đó ở miền Tây Nam Kỳ.

II. ĐỊCH CHIẾM CÁC TỈNH VĨNH - AN - HÀ (18 – 23-6-1867)

Trong lúc triều đình do dự và sợ địch thì địch ráo riết chuẩn bị; từ ba tháng trước, La-gơ-răn-đi-e đã viết xong các quân lệnh chính, lập xong kế hoạch xâm lăng tỉ mỉ ở miền Đông, chúng tổ chức lại hệ thống đồn binh, lấy thêm nhiều ngụy quân do Pháp làm nòng cốt, lập những đoàn lưu động, mỗi đoàn 200 người cốt để mau lẹ đàn áp các cuộc khởi nghĩa có thể xảy ra khi chúng nó kéo binh sang miền Tây.

Còn về phần miền Tây thì, trên địa đồ, chúng nó chia sẵn ra làm 8 tỉnh, chỉ định sẵn bọn quan cai trị, bọn tùy tùng với đủ những sổ hộ.

Địch tung một số đông gián điệp vào miền Tây để điều tra tình hình và để cố gây tâm trạng thất bại chủ nghĩa, mỗi tên phụ trách một vùng nhỏ và nhất định; như thế chúng đề phòng được rằng, nếu một vài tên gián điệp có bị lộ bí mật, nó cũng không rõ rằng ấy là nó điều tra để cung cấp tài liệu cho một cuộc xâm lăng rộng lớn sắp xẩy ra nay mai.

Bấy giờ là mùa mưa.

Mà bên quan quân triều đình thì, cứ theo kinh nghiệm 8 năm nay, tin rằng khi mùa mưa đến, Pháp không hành quân được, nên triều đình hờ hững với sự đề phòng. Trái lại, kỳ này bọn Pháp nghĩ rằng:

- Phan Thanh Giản chủ hòa, sẽ không kháng cự.

- Nếu có kháng cự thì mùa mưa là mùa ẩm ướt, thuốc súng đạn của quân đội Việt Nam hư hỏng nhiều vì không biết giữ gìn một cách khoa học.

https://tieulun.hopto.org

- Miền Tây là nơi ít đường đất, nhiều sông rạch, mùa mưa đến thì tàu bè có thể đi khắp các nơi, mà thủy quân là chỗ mạnh của Pháp.

- Mùa mưa thì nơi nào cũng có nước uống.

- Mùa mưa tranh cỏ ẩm ướt, Pháp khỏi sợ những trận hỏa công mà dân ta hay dùng để đánh Pháp ở miền Đông.

Ngày 15 tháng 6 năm 1867, địch huy động lực lượng.

Ngày 18, tất cả bộ binh và thủy quân của chúng tụ hợp ở Mỹ Tho (tất cả là 1.600 lính và 16 chiến thuyền với tất cả bộ máy hành chính). La-gơ-răn-đi-e trực tiếp chỉ huy. Mỹ Tho cách Vĩnh Long có ba giờ tầu máy. Đêm 18 chúng xuất phát. Hửng sáng ngày hôm sau địch đã dàn trận trước thành Vĩnh Long thì Phan Thanh Giản và Trương Văn Uyển mới hay; dưới bến, bên phía triều đình chỉ có một chiếc tàu máy dùng để liên lạc với Huế. Địch liền đưa thơ cho Phan Thanh Giản, bắt buộc phải nộp thành không điều kiện. Đại bác địch đã chong vào thành mà Phan Thanh Giản còn áo mão xuống thuyền địch, toan đàn với tai trâu, để "nói phải trái". Tất nhiên La-gơ-răn-đi-e không nghe. Phan Thanh Giản chịu nộp thành, không kháng cự; một số các quan văn võ do Trương Văn Uyển cầm đầu, chủ trương cứ đánh dù phải tạm thua ở thành Vĩnh Long, nhưng Phan Thanh Giản quyết không; đã không chống lại, ông lại còn theo ý Pháp mà viết thơ bảo quan quân hai tỉnh An, Hà cũng nộp thành, gọi là để "tránh mọi sự đổ máu vô ích". Phan Thanh Giản chỉ xin Pháp đừng quấy nhiễu nhân dân, đừng vội chiếm kho tàng, để ông tạm quản đặng ông tính trả một năm bồi thường chiến phí! Thật là quái gở! Địch tự xé hòa ước, vô cớ đem binh lấy nước mình, mà mình còn tự cho cái nhiệm vụ giữ hòa ước đó, tính trả nợ chiến phí cho nó ngay lúc nó đánh mình. Không hiểu cái thứ "giữ" lời hứa ấy, Đông Tây cổ kim đã có lần nào?

Phan Thanh Giản từ giã tầu Pháp ra về thì quân Pháp cũng theo sau, bốn mặt úp vào thành, không tốn một viên đạn nào cả mà lấy được phần lớn của cải của vùng Hậu Giang trù phú tập trung tại thành Vĩnh Long. Ba vị đốc học đang lo tổ chức kỳ thi hương, tức tối vì sao địch chiếm thành mà bên ta không chống lại, bèn liều nhảy xuống thuyền cổ chèo đi Châu Đốc để hoạt động. Pháp cho pháo thuyền rượt theo bắt lại, một cụ tự sát.

Lấy xong Vĩnh Long ngày 21, địch chia quân lên chiếm Châu Đốc. Tới Vàm Nao, địch gặp thuyền của quan trấn thủ Hà Tiên tình cờ đi qua đó; địch liền bắt quan trấn thủ Hà Tiên lên tầu của nó, đưa kèm thơ khuyên hàng của Phan Thanh Giản. Đêm 21, chiến thuyền địch đã dàn trận trước thành Châu Đốc là một thành kiên cố chỉ huy lưu vực Cửu Long ở nơi biên cảnh hai nước Việt - Miên. Châu Đốc là một cái thành kiên cố xây cách mé sông chừng 100 thước. Ở Châu Đốc quân lính bao giờ cũng đông đúc và thao luyện khá. Nhân dân vùng này đã từng ủng hộ A-soa, Thiên hộ Dương, Trương Quyền và Pô-kum-Pao. Quan quân trong thành muốn chống giặc. Tên quan Pháp là Vial, kẻ đã cầm thơ của Phan Thanh Giản, thừa nhận rằng:

"Trong nhân dân, người ta mong chờ kháng chiến. Điều chắc chắn là ở vùng giáp biên cảnh Khơ-me này, tinh thần thượng võ lúc nào cũng cao trong thành, người ta luôn luôn luyện tập nhân dân sử dụng vũ khí"[1].

Nhưng các vị quan cao cấp tuân lệnh Phan Thanh Giản mà nộp thành Nội đêm ấy, võ quan Pháp vào thành, còn các cửa thành đều bị quân Pháp đóng giữ.

Trung thành với chính sách chia để trị của nó, tên La-gơ-răn-đi-e liền qua bên kia bờ sông, vào làng đồng bào Chàm để nói rằng bọn Pháp tới đây để bênh vực người Chàm chống người Kinh.

1. Vial quyển II, tr. 134.

https://tieulun.hopto.org

Quan trấn thủ Hà Tiên đã trong tay địch rồi. Vĩnh Long, Châu Đốc đã về tay địch rồi thì Hà Tiên không còn đứng được. Địch theo kênh Vĩnh Tế, một con kênh đào nối liền sông Hậu Giang với Vịnh Xiêm, dọc theo biên giới Khơ-me - Việt. Ngày trước Hà Tiên là một vị trí quân sự quan trọng vào bậc nhất, có thành trên núi, có đại bác giữ cửa bể, có một hệ thống đồn trại đủ sức chứa 25.000 quân. Ngày quân Pháp đến chiếm thì căn cứ Hà Tiên đã tiều tụy suy sụp, đồn trại hư hỏng, binh sĩ ít ỏi. Thành Hà Tiên bị nộp cho địch (23-6); địch không phải tốn viên đạn nào, nhưng quần chúng cả vùng Hà Tiên, Rạch Giá, Phú Quốc sẽ ủng hộ Nguyễn Trung Trực để anh dũng chống Pháp.

Lấy xong ba tỉnh miền Tây, địch khuyên dụ quan lại triều đình ở lại phục vụ chính quyền của chúng. Không ai theo; chúng bèn tập trung tất cả về Vĩnh Long rồi, ngày 4-7 các quan lên tầu về Huế một ngày trước khi Phan Thanh Giản chết.

La-gơ-răn-đi-e lại sai Lơ-gờ-răn-đơ la Li-rai[1] ra Huế báo cho Tự Đức biết việc đã rồi. Triều đình tỏ thái độ nhu nhược bằng cách xin đổi ba tỉnh miền Tây để lấy lại một tỉnh Biên Hòa ở miền Đông. Lẽ cố nhiên là Pháp không chịu mà triều đình chẳng dám làm gì.

Phan Thanh Giản làm sớ gởi về vua, với tất cả đồ triều phục, ấn triện, 23 đạo sắc phong và một mớ lương tiền khí giới, cho tàu Mẫn thỏa đem tất cả về triều. Phan Thanh Giản dặn các quan sắp về kinh, đổ tất cả tội cho ông. Còn ông thì tuyệt thực, chờ chết, dặn ba con là Phan Hương, Phan Liêm, Phan Tôn chớ ra làm quan của Pháp, phải làm ăn, thuận hòa, yêu quê hương, thương họ hàng thân tộc. Tuyệt thực 17 ngày, uống thêm chén thuốc độc mà chết (5-7-1867). Hàng vạn người cảm kích về cái chết của quan thanh liêm. Trên mộ Phan Thanh Giản ngày nay còn có đôi liễn:

1. Legrand de la Liraye.

"Giang sơn chung trí khí,
Âu, Á mộ oai linh".

hay là:

"Tiết nghĩa lưu thiên địa,
Tinh thần quán đẩu ngưu".

Đó là thổi phồng một số đức tính tốt có thật của Phan Thanh Giản mà không thấy trách nhiệm mất nước về ai, trách nhiệm của Phan Thanh Giản là bao lớn?

Trái lại, Nguyễn Đình Chiểu cũng khóc Phan Thanh Giản mà khóc Phan Thanh Giản đây là khóc nước và lại có ý oán trách triều đình, khêu động lòng ái quốc của dân:

"Non nước tan tành hệ bởi đâu?
Dàu dàu mây bạc cõi Ngao Châu;
Ba triều công cán vài hàng sớ,
Sáu tỉnh cương thường một gánh thâu.
Ải bắc ngày trông tin nhạn vắng,
Thành nam đêm quạnh tiếng quyên sầu.
Minh tinh chín chữ lòng son tạc.
Trời đất từ rày bặt gió thâu".

Tự Đức muốn tự xóa lỗi mình mà đổ hết tội cho Phan Thanh Giản, nên tước hết chức của Phan Thanh Giản, và đục bỏ tên Phan Thanh Giản trên bia Tiến sĩ, dường như đục bia thì họ Phan trở thành con ma dốt.

Tội lớn là ở triều đình khoanh tay ngồi ngó non sông sáu tỉnh bị cắt mất; mà Phan Thanh Giản không phải là nhẹ phần trách nhiệm được. Giá khi đã mất ba tỉnh Đông, triều đình và Phan Thanh Giản lo chấn chỉnh chính trị và quốc phòng, dưỡng dân nuôi quân, sắm mua vũ khí, bí mật mà hết lòng ủng hộ Trương

https://tieulun.hopto.org

Định. Nguyễn Trung Trực, Thiên hộ Dương, Trương Quyền và Pô-kum-Pao, gây rối liên miên cho Pháp, thì ít nhất là Pháp tất nhiên không đủ sức chiếm miền Tây. Nếu khi Pháp đánh miền Tây mà Phan Thanh Giản hô hào nhân dân chống cự thì cả miền Tây nhất tề đứng dậy mà cả miền Đông cũng thế, thậm chí phong trào kháng Pháp ở Khơ-me đương tắt nhưng vẫn còn có cơ hội để phát lại mạnh (ngày 3 tỉnh miền Tây mất thì Pô-kum-Pao - Trương Quyền tuy bị dồn về phía bắc Khơ-me và Nam Kỳ nhưng đã bị tiêu diệt hoàn toàn đâu)? Một phong trào rộng lớn như thế, kéo dài đến mấy năm không được? Chẳng bao lâu sau, cơ hội chiến tranh Pháp - Phổ đến (1870), nếu kết hợp với khởi nghĩa ở Nam Kỳ và Khơ-me, nếu quân triều đình kéo vào Biên Hòa, Gia Định, thì cơ hội lấy lại đất nước còn có cơ hội nào hơn?

Ấy mà không! Triều đình vẫn bó tay chịu giặc. Nhưng quần chúng lại hăng hái và bền bỉ chống giặc.

III. NHÂN DÂN MIỀN TÂY KHÁNG CHIẾN: CUỘC KHỞI NGHĨA CỦA NHÂN DÂN BẾN TRE, TRÀ VINH VÀ SÓC TRĂNG

Một số nhà nho cựu quan không chịu ở với địch ở Nam Kỳ lại một lần nữa tỵ địa ra Bình Thuận bằng đường biển, lập "Đồng châu xã" để nương tựa lẫn nhau và lập căn cứ Tính Linh để mưu cuộc tiếp tục kháng chiến từ vùng tự do. Số đông nho sĩ và cựu quan ở lại vùng nhân dân kháng chiến. Các tổ chức kháng chiến tự động dựng lên, mọi anh em họ Phan tham gia; Phan Tôn và Phan Liêm không ngần ngại cãi lời cha mẹ mà theo kháng chiến; tin này, từ tháng 8 đã đến tai tên tham biện Bến Tre là Sam-pô[1], tên này thường hay đến nhà anh em họ Phan để dụ dỗ, nghĩa quân muốn bắt lấy nhưng anh em họ Phan không cho. Cuộc vận động kháng chiến của nhân dân rất rộng rãi, tỉnh nào cũng có, mà nhất là ở

1. Champeaux.

Bến Tre, Trà Vinh, Vĩnh Long, Sóc Trăng, Châu Đốc nghĩa là dọc theo lưu vực Cửu Long giang, tiếc rằng các cuộc khởi nghĩa này rời rạc thiếu sự thống nhất chỉ đạo, và nhất là thiếu sự liên hệ mật thiết với cơ sở miền Đông. Theo con số của địch ước lượng thì bấy giờ có 4 vạn nghĩa quân ở miền Tây.

1. Cuộc nổi dậy đầu tiên là cuộc nổi dậy ở Minh, một cù lao lớn, phần nửa của tỉnh Bến Tre ngày nay, thuộc các quận Mỏ Cày - Thạnh Phú. Sau cuộc khởi nghĩa nhỏ này thì tên tham biện Sam-pô lùng bắt rất nhiều người nhưng không bắt được anh em họ Phan đã ra bưng biền rồi.

2. Cuộc khởi nghĩa khá lớn xẩy ra ở Sóc Trăng bắt đầu từ ngày 5-8. Tên tham biện Béc-tơ-lô Vi-lanh[1] kéo quân theo Rạch Chùa lên Duy Hòa là nơi tụ họp của 1.000 nghĩa quân dưới quyền ông Chưởng. Hai bên giáp chiến. Bên ta chỉ có dáo mác và một ít súng tay cũ; nhưng nghĩa quân thừa mỗi lúc lính Tây và mã tà lo nạp đạn để đứng dậy chạy tới xung phong. Rốt cùng, trong trận này nghĩa quân lui vào rừng. Nhưng địch không dám đuổi theo vì sợ cận chiến trong bụi rậm[2].

3. Cuộc khởi nghĩa thứ 3 là ở Cầu Ngạn, trung tâm là xã Long Điền, cũng trong thượng tuần tháng 8.

Trong cuộc giao phong ngày 26-8, nghĩa quân đánh bại quân địch của Đuy-li-ơ[3] cầm đầu (ở đây địch đã dùng người Khơ-me để đánh người Việt), quân ta đuổi theo vây địch, địch tháo được chạy về Cầu Ngang để lại nhiều xác chết. Ngày 2-9 địch đem pháo thuyền vào rạch Cầu Ngang; toàn dân ta cùng với nghĩa quân nhào vô vây đánh đại đội của địch trong hai giờ kịch chiến, nhưng rốt cùng ta bị súng của pháo thuyền bắn lui.

1. Berthe de Villers.
2. Taboulet, *Le soulèvement de Pokumpao.*
3. Nhà xuất bản chưa tra được từ nguyên.

https://tieulun.hopto.org

Năm ấy xảy ra nạn lụt chưa hề thấy ở Khơ-me và Nam Kỳ, mùa màng bị hư hỏng rất nhiều. Tại Nam Vang, nước lên 15 thước; Đồng Tháp trở thành một cái biển, không nơi nào mà tàu không đi thẳng đến được, chỉ có cái Tháp Mười là còn nhô lên trên mặt nước mà thôi. Dân tình khốn khổ nhưng kháng chiến vẫn tiếp tục.

4. Bây giờ hầu hết vùng lưu vực sông Cửu Long về tay nghĩa quân do hai anh em Phan Tôn, Phan Liêm lãnh đạo, phát bằng, phong chức cho tướng tá, đi tìm súng đạn ở cơ sở kháng chiến Bình Thuận, gửi người đi vận động khắp các nơi. Phó soái An cầm quân ở vùng Trà Ôn (bấy giờ thuộc Vĩnh Long) trên ven sông Ba-sắc. Anh em họ Phan cầm quân ở Hương Điểm (Bến Tre). Địch tập trung nhiều lực lượng để đàn áp. Đêm 9 rạng 10 tháng 11 quân ta thừa mưa to tấn công địch đang lúc mưa ở chợ Hương Điểm, cách Bến Tre trên 10 cây số, chiếm được đại bác, đâm tên chủ tỉnh Sam-pô bị trọng thương. Địch chạy dài. Sam-pô xin viện binh từ Sài Gòn và Vĩnh Long. Địch lấy nhiều đại đội từ Sài Gòn, Vĩnh Long, Cần Giuộc, Tân An, Gò Công, Mỹ Tho xuống tiếp chiến.

Ngày 12, ba pháo thuyền địch trở lại Hương Điểm. Trên rạch quân ta đắp cản tại Tân Long. Trận đánh xẩy ra kịch liệt. Tên Vial, một người chỉ huy của địch trong trận này kể lại cảnh tượng Hương Điểm sau ngày chiến đấu.

"Không bút mực nào tả được cảnh tượng tang thương của nhà tan cửa nát sau trận đánh; thây người, vật dụng, đồ bể la liệt trên bùn lầy của đường trơn trượt...".

Ban đêm quân ta trở lại phóng lửa đốt những nơi địch đóng nghỉ. Ngày sau cuộc chiến đấu tiếp diễn. Địch không dám vào sâu trong thôn xã, chỉ đóng một số quân ở Hương Điểm rồi rút về Bến Tre.

Ngày 15, pháo thuyền địch đi dọc theo sông Hàm Luông, bốn đại đội địch trong đó phần nửa là Pháp đổ bộ lên Ba Tri, chỉ thấy nhà không vườn trống và từng lúc bị vài quả đá của súng ta bắn vào chúng. Đêm đến, chúng tập trung thành một hình vuông để nghỉ trên giồng cát. Nửa đêm hàng nghìn nghĩa quân ta đánh trống hò hét và tấn công. Đợt xung phong này kế đợt xung phong khác kế tiếp nhau. Giữa hai đợt xung phong, nghĩa quân bắt loa kêu gọi mã tà bỏ hàng ngũ Pháp. Có những lúc nghĩa quân bò đến gần địch, lấy tầm vông, mác thông mà tấn công súng trường và đại bác. Trận này ta thua, song địch phải công nhận sự can đảm phi thường của nghĩa quân.

"Sáng ra, một vòng xác chết la liệt xung quanh quân Pháp cách vài thước đó thôi; quân phiến loạn đã cầm giáo cầm gậy đến chụp lấy lưỡi lê. Người ta không thể phủ nhận sự can đảm của những người đã xáp chiến rất gần, không sợ chết để chống lại binh lính thiện chiến có vũ khí đáng sợ"[1].

Địch thừa thế chiếm Ba Tri, Bảo Thạnh - quê hương của Phan Thanh Giản. Địch còn trông thấy chiếc nhà lá của vị đại thần rất thanh liêm của triều đình Huế. Một tên Việt gian viết trên mả ông Phan một câu: "Con không nghe lời cha là con bất hiếu", song địch qua rồi thì nhân dân càng tung hô các anh em họ Phan trung hiếu lưỡng toàn. Trung hiếu với dân với nước không chữ hiếu cao quý nhất hay sao? Quân ta đốt chợ Bảo Thạnh, rút vào làng, đạo binh của quan tư An-sa[2] không dám đuổi theo, để lại một toán đóng đồn, còn bao nhiêu rút xuống bốn chiến thuyền về Bến Tre.

Trong lúc địch chiếm Ba Tri thì nghĩa quân lại tấn công vào đồn quân địch ở Hương Điểm (15-11); địch dồn nhiều dừa để làm vách đồn; quân ta đánh vào, địch đã hết đạn, ta không biết; trời sáng đến, nghĩa quân lại rút lui.

1. Vial, quyển II, tr. 183.
2. Ansart.

https://tieulun.hopto.org

Khi Sam-pô về tới Bến Tre thì trên bàn giấy của hắn có bức thư của anh em họ Phan nói rằng nhân dân Nam Kỳ sẽ chiến đấu mãi đến khi nào sáu tỉnh trở về với đất nước.

Về sau, ở Bến Tre không còn có trận nào lớn; địch đóng đồn; hai anh em họ Phan về Huế rồi về sau đi ra trấn thủ ở Hà thành với Nguyễn Tri Phương.

5. Trong vòng cuối năm 1867, nghĩa quân hoạt động mạnh khắp vùng Hậu Giang, từ Cần Thơ, Thốt Nốt lên tới Châu Đốc; tháng 11, nghĩa quân tập trung để công phá thành Châu Đốc. Tên quan tư địch là Gay-lay dùng nhiều xuồng máy để tấn công dọc theo các con rạch, còn một tên quan tư địch là Đô-măng-dơ đem bộ binh vào đánh chiếm vùng Thất Sơn, chúng ruồng bắt, bắn giết và đày rất nhiều người đi Côn Lôn.

"Cuộc đàn áp này khó nhọc lắm vì phải hành binh luôn"[1].

Để dễ phá nghĩa quân hơn, địch chia ba tỉnh miền Tây ra làm 28 tỉnh, ví như hai cù lao Minh và Bảo của Bến Tre chia ra làm hai tỉnh, mỗi nơi đều có võ quan Pháp làm chủ tỉnh với một đội quân lưu động khá đông và đóng nhiều đồn bốt.

6. Qua năm 1868, tháng 3, một cuộc khởi nghĩa xẩy ra ở Trà Vinh - Bắc Trang, dọc theo bờ biển. Trung tâm là Ba Động. Bọn chủ tỉnh là Ray-na (ở Trà Vinh), Pô-la[2] (ở Bắc Trang) tàn sát rất dữ dội.

Trong lúc nhân dân tự động khởi nghĩa thì triều đình chỉ biết sai hiệp biện đại học sĩ Trần Tiến Thành đi tầu máy vào Sài Gòn thương thuyết xin lại tỉnh Biên Hòa, xin mua đất mồ mả của bà con nhà vua ở Gia Định, xin bỏ nợ chiến phí, biện luận rằng trước kia Pháp nói hễ giao cho nó ba tỉnh miền Tây thì trừ

1. Vial, quyển II, tr. 186.
2. Plas.

khoản nợ, nay đã giao cho nó rồi, xin bỏ nợ cũ. Lẽ tất nhiên Pháp không chịu.

7. Ngày 1 tháng 3 năm 1868, quản Chơn đem nghĩa quân vào đánh thành Mỹ Tho; thừa đêm, bên ta bò vào thành, đánh úp giết một số địch. Địch kháng cự mạnh. Đến gần sáng nghĩa quân ra khỏi thành. Quản Chơn đem một số đảng chúng về Hậu Giang để phối hợp với Nguyễn Trung Trực mà đánh đồn Rạch Giá.

IV. NHÂN DÂN MIỀN TÂY KHÁNG CHIẾN: NGUYỄN TRUNG TRỰC ĐÁNH CHIẾM ĐỒN KIÊN GIANG (RẠCH GIÁ)

Nguyễn Trung Trực, tức Nguyễn Văn Lịch, vốn người Tân An, nhà nghèo, làm ruộng và chài lưới, ông đã lập nhiều công trong cuộc kháng chiến ở ba tỉnh miền Đông và được phong chức thành thủ úy trấn nhậm vùng Hà Tiên. Khi ba tỉnh miền Tây thất thủ, triều đình phong ông làm chức Lãnh binh và lệnh cho ông dời quân đi ra Phúc Yên. Trực cương quyết không đi, cương quyết ở lại lập căn cứ ở Hòn Chông và dọc theo ven biển từ Hà Tiên đến phía cực Nam, cả Phú Quốc nữa, chiêu mộ nhiều nông dân và người chài lưới vào nghĩa quân.

Đồn Kiên Giang (Rạch Giá) có một số người Pháp và mã tà đóng giữ. Trực đã vận động số mã tà ấy theo mình để làm nội ứng. Tên chủ tỉnh Rạch Giá vừa mới bắt được một số người cộng tác với Trực. Trực ngại rằng nếu không ra tay trước thì địch sẽ có thể phá cơ sở tại đồn Kiên Giang lại còn đến Hòn Chông mà tấn công nữa. Trực đem quân đi đường biển từ Hòn Chông vào rạch Trà Niên, lấy thêm nghĩa quân trong vùng, kéo đến Rạch Giá, trong tay chỉ có giáo mác, 4 giờ sáng, địch ngủ, nghĩa quân leo tường đất vào đồn Kiên Giang chém giết địch; địch kháng cự nhưng Trực đánh nhanh quá, không có một tên lính địch nào có đủ thì giờ nạp đạn lần thứ hai. Tất cả quan quân Pháp trong đồn, cả tên chủ tỉnh đều

https://tieulun.hopto.org

bị giết trừ một tên lính trên thoát. Tất cả mã tà đều trở về với Trực. Người Khơ-me bắt tên huyện Hiển theo Tây, nạp cho Trực. Được Trực khoan hồng, Hiển liền theo Trực.

Địch ở Vĩnh Long được tin đồn Rạch Giá bị nghĩa quân chiếm đóng, đem toàn lực lưu động ở vùng ấy do tên quan tư An-sa cầm đầu, để lấy lại đồn Rạch Giá ngày 21-6-1868 sau khi đã giáp chiến mấy lượt trên đường và sau một trận loạn đả quanh đồn. Trực lui về Hòn Chông. Một đạo quân địch đi từ Châu Đốc qua Hà Tiên, đánh Hòn Chông thì Trực đã ra hòn Phú Quốc với 40 thuyền.

Tháng 9, tầu Gô-ê-lăng của địch và một đại đội mã tà do tên đội Tấn chỉ huy ra Phú Quốc. Trực với 300 nghĩa quân và nhân dân trên đảo kháng cự lại. Sau hai trận lưu huyết, Trực bị bao vây, bị bắt đem về Sài Gòn. Đô đốc Ô-hi-ê[1] hết sức dụ dỗ Trực đầu hàng. Trực chỉ khinh bỉ chúng nó. Trong lúc bị tra hỏi, Trực giữ thái độ anh hùng.

Địch hỏi:

- Anh tên gì?

Trực cười đáp:

- Ta là quản Lịch, người đã đốt tàu "Hy vọng" của chúng bay.

Với tên thông ngôn mà Trực đã cứu mạng, Trực nói:

"Ta đã cứu mạng cho ngươi thì nay ngươi là thông ngôn, chắc có ít nhiều thần thế, ngươi hãy xin cho ta được bị bắn chết đi càng sớm càng hay".

Trả lời cho Pi-kê[2] đang hạch hỏi, Trực nói:

"Phận ta đã xong; ta không cứu được nước ta, ta chỉ yêu cầu có một việc là chúng bay giết ta ngay đi".

1. Ohier.
2. Piquet.

Dụ mãi không được, địch đem Trực ra xử tử. Câu cuối cùng của Trực là:

"Bao giờ người Tây nhổ hết cỏ nước Nam thì mới hết người nước Nam đánh Tây".

Trực bị xử tử ở Rạch Giá cuối năm 1868, để lại một tấm gương anh dũng của người ái quốc bình tài trí, được nhân dân thương tiếc và kẻ địch cũng phải kính phục.

Huỳnh Mẫn Đạt tặng Nguyễn Trung Trực hai câu thơ bất hủ:

"Hỏa hồng Nhật Tảo oanh thiên địa,
Kiếm bạt Kiên Giang khốc quỷ thần".

Trong lúc Trực đánh đồn Rạch Giá thì ở Thủ Thừa một nghĩa quân xuống đánh chiếm lấy hai đồn Thí Tỉnh và Chân Thành. Đó là toán quân của Trương Quyền - Pô-kum-Pao gồm có người Việt - Khơ-me và người Ta-gan. Mãi đến 1870 thì các toán nghĩa quân này rút về phía đồng bào Stiêng. Ở miền Tây, năm 1870 còn có cuộc khởi nghĩa Ô Môn - Bình Thủy (Cần Thơ).

V. CUỘC KHỞI NGHĨA MỸ THO CỦA THỦ KHOA HUÂN[1]

Trong chiến tranh Pháp - Phổ (1870) triều đình Tự Đức không hề nghĩ đến việc thừa thời cơ tốt nhất để lấy lại 6 tỉnh, triều đình chỉ ngồi mong rằng đô đốc Pháp ở Sài Gòn tất nhiên sẽ phải đem hết binh về Pháp để cứu viện, như thế "bất chiến tự nhiên thành"!

Trong Nam, sau cuộc khởi nghĩa Rạch Giá của Nguyễn Trung Trực thì không có phong trào nào lớn.

Những năm 1871 - 1872 là những năm kinh tế rất khó khăn ở Nam Kỳ. Ví như năm 1871, Nam Kỳ xuất cảng 300.000 tấn gạo;

1. Hiện nay tôi không có tài liệu cụ thể về cuộc khởi nghĩa quan trọng này, chỉ cốt ghi vài nét rồi về sau sẽ nghiên cứu lại - T.V.G.

https://tieulun.hopto.org

năm 1872, số gạo xuất cảng chỉ còn có 240.000 tấn; địch dự tính rằng năm 1873, số gạo xuất cảng sẽ còn kém hơn. Giá gạo lại xuống nguy ngập: trước gạo bán 2$30, nay xuống còn 1$ mà thôi. Mà thuế thì đóng bằng tiền, thì như vậy, vô hình trung, thuế má lên cao trên 2 lần. Hơn nữa, Pháp bị bại trận, bị trả chiến phí nặng nề cho Đức nên vơ vét càng dữ tợn, cho đến đỗi tình hình kinh tế như thế mà số thuế thu vào lại cao hơn trước: năm 1871, thu 9.000.000f, năm 1874, thu tới 14.500.000f.

Chính trong tình hình đó xảy ra hai cuộc khởi nghĩa 1872 và 1874 ở Nam Kỳ. Quan trọng nhất và được dân ca ngợi nhất là cuộc khởi nghĩa của Thủ Khoa Huân.

Thủ Khoa Huân đã tham dự các cuộc khởi nghĩa từ 1862 đến 1864, bị bắt và bị đày đi Hải đảo. Ông được thả về, nhưng không bị mua chuộc. Hai lần nữa, ông tổ chức khởi nghĩa. Địa bàn hoạt động của ông là cả tỉnh Định Tường mà đặc biệt là vùng từ Tân An qua Mỹ Tho. Ông lập Tổng hành dinh ở làng Long Trì, chiêu mộ binh sĩ, vận động mã tà, tiến đánh địch ở Mỹ Tho, được nhân dân hưởng ứng nhiệt liệt.

Nhưng, lúc ấy Pháp đã trải qua xong cái thời kỳ bị tê liệt nhất; Huế không có chút ủng hộ nào; phần đông thân sĩ đã tỵ địa ra Bình Thuận; số thân hào quy phục Pháp và cộng tác với tên khát máu Đốc phủ Lộc đã nhiều; địch đã có một bộ máy cai trị tương đối vững, cho nên chúng không gặp nhiều khó khăn để đàn áp khởi nghĩa. Thủ khoa Huân bị bắt và bị hành hình ở chợ Bến Tranh. Ông chết rất can đảm; trước khi bị hành hình ông vẫn đủ tỉnh táo để viết những câu đối mà vợ con sẽ treo trên bàn thờ ông, đủ bình thản để làm thơ bát cú truyền lại cho hậu thế noi gương.

* * *

TÓM LẠI

Từ ngày thảo luận để ký Hiệp ước 1862, Pháp đã nhiều lần đòi triều đình Huế giao luôn ba tỉnh miền Tây cho chúng nó thì chúng nó sẽ trừ tốn phí chiến tranh. Biết địch có âm mưu, song triều đình không dám chuẩn bị để đối phó với võ lực bằng võ lực. Ngược lại triều đình sai Phan Thanh Giản vào Long Hồ, Lâm Duy Hiệp vào Bình Thuận là cốt để lấy miệng lưỡi làm xiêu lòng Tây xin chuộc ba tỉnh. Dạo đó Pháp đã triệt binh ở Méc-xíc, cần kiếm một thắng lợi quân sự dù nhỏ nào để đền bù ảnh hưởng đã mất lớn ở Mỹ châu. Chúng quyết định lấy Hậu Giang. Từ ngày 18 đến ngày 23, địch lần lượt chiếm ba tỉnh Vĩnh, An, Hà, Phan Thanh Giản đã không ra lệnh kháng cự, lại còn viết thơ cho An Giang, Hà Tiên đầu hàng giặc, nộp thành. Rồi Phan Thanh Giản tự vẫn. Các quan không chịu ở lại với Pháp đều đi về Huế. Nhân dân nổi lên chống giặc. Đáng chú ý nhất là các trận khởi nghĩa ở Bến Tre, Trà Vinh (thuộc tỉnh Vĩnh Long cũ), có Phan Tôn, Phan Liêm tham gia, và cuộc chiến thắng vẻ vang của Nguyễn Trung Trực lấy đồn Kiên Giang (Rạch Giá); trong lúc đó thì ở miền Đông, tàn quân của Trương Quyền đánh về hướng Thủ Dầu Một. Tổng số nghĩa quân trên 4 vạn; Thế mà triều đình nhất quyết bỏ rơi các nhà ái quốc để cầu xin Pháp lấy ba tỉnh miền Tây thì cho lại một tỉnh Biên Hòa. Mà nào có được? Việc xâm lăng và chống xâm lăng nào phải việc bán hàng mà cò kè bớt một thêm hai.

Trương Quyền chết bặt tin trong rừng đất đỏ; anh em họ Phan ra Huế; Trung Trực bị bắt, anh dũng chịu tử hình, hô to rằng khi nào Tây nhổ hết cỏ Nam thì mới hết người Nam đánh Tây.

Nghĩa quân Hà Tiên, Rạch Giá, Cần Thơ từ nay lại tụ hợp dưới cờ của hai anh em Đỗ Thừa Long, Đỗ Thừa Tự, lấy vùng U Minh làm căn cứ. Hai anh em họ Đỗ này không cốt khôi phục chủ quyền

https://tieulun.hopto.org

của triều đình Huế trên 6 tỉnh bị mất, mà mưu đồ xưng vương ở một cõi. Còn ở vùng Tiền Giang, Thủ khoa Huân bị đầy ở hải đảo trở về lại vận động khởi nghĩa nữa, nhưng cũng thất bại; bị bắt và bị hành hình, Thủ khoa Huân chết can đảm, nêu gương yêu nước cho muôn thủa về sau.

Chương 8

VĂN CHƯƠNG VÀ VĂN SĨ KHÁNG CHIẾN Ở NAM KỲ

"Đồng Nai có bốn rồng vàng,
Lộc họa, Lễ phú, Sang đàn, Nghĩa thi".

Đó là câu truyền tụng về số văn nhân Nam Kỳ nổi tiếng trước khi Pháp đến. Thế nhưng một mặt thì, lúc khói lửa nổi lên, đàn và họa không thấy có tác dụng gì, hay ta chưa tìm thấy (lẽ ra thì nó phải có tác dụng động viên lớn); một mặt khác, thi phú chuyển sang một giai đoạn mới, giai đoạn phục vụ cuộc kháng chiến chống xâm lăng, cho nên chỉ những người hăng hái chống xâm lăng mới có thi phú hay và lưu lại đời sau, còn sự ngâm vịnh quanh bình trà chén rượu hầu như không có, hay nếu có thì chẳng có nội dung hình thức nào được đồng bào tán thưởng và truyền tụng.

Cuộc nhân dân kháng chiến ở Nam Kỳ lục tỉnh rất là anh dũng, chống thực dân xâm lăng, chống cả triều đình phản quốc. Thì không lạ gì mà thời kỳ này cũng là thời kỳ rất thịnh đạt của văn chương - một vũ khí sắc bén của cuộc đấu tranh bảo vệ độc lập. Có thể nói rằng, từ trước đến lúc ấy (và mãi đến lâu về sau), miền

https://tieulun.hopto.org

Nam nước ta chưa hề gặp một thời văn chương thịnh đạt đến mức này. Ngay bây giờ mà đọc lại những áng văn chương ấy, ta không thể không bừng bừng lòng ái quốc, tha thiết yêu dân, căm thù giặc, ghét cay đắng kẻ đầu hàng. Nếu ta biết rằng văn học chính thức ở miền Nam không được vun trồng bằng ở miền Trung hay ở miền Bắc, số người khoa cử ở miền Nam kể lại cũng chẳng là bao, thì mới thấy rõ ràng nhân dân vùng dậy là miếng đất màu mỡ nhất cho văn chương nẩy nở và thịnh đạt. Nếu ta lại biết rằng sau một trăm năm bao lần khói lửa, bị giặc vùi dập tàn phá mà một số quan trọng của các áng văn chương kháng chiến kia còn được truyền tụng và được truyền tụng càng ngày càng rộng rãi, thì đó là bằng có chắc chắn nhất rằng văn chương kháng chiến ấy in sâu vào tâm trí của nhân dân không phải của một số ít người, mà của đa số, không phải chỉ trong vòng miền Nam mà trong cả nước, không phải chỉ lúc ấy mà cả nghìn đời.

I. VĂN HỌC, TIẾNG GỌI NHÂN DÂN KIÊN TRÌ KHÁNG CHIẾN, CA NGỢI ANH HÙNG VÔ DANH VÀ HỮU DANH

Hình thức văn chương kháng chiến rất là phong phú. Sau đây là những hình thức chính.

1. Hịch: Lúc bấy giờ có nhiều hịch gọi dân ứng nghĩa, không phải chỉ hịch của triều đình, mà chủ yếu là hịch của sĩ phu tiêu biểu lòng dân; lòng dân sôi nổi, văn sĩ cũng là chiến sĩ, cho nên các bài hịch rất hay, rất kích thích. Phần nhiều các hịch đều là vô danh. Cùng với văn tế hịch là đặc sắc của văn chương kháng chiến Nam Kỳ thuở đó.

"Lời truyền cáo thị nói với sĩ phu: nước Nam là mối mối Xuân Thu; chúng nó toan lòng bội nghịch, dân ta gặp lúc loạn ly.

Chẳng qua là trời khiến tới buổi gian nguy, cho nên nỗi ách nước phải nghìn cơn hoạn nạn.

Đời trị loạn sách xưa còn chép bản, lẽ chính tà đời trước hãy treo gương.

Hễ người khôn xem xét cho tường, thà đứa dại lỗi lầm cho đáng.

Há chẳng thấy:

Hung nô chống Hán, tướng mạnh như hùm, binh đông như cỏ, cướp ải lang, giành ải hổ, văn tuồng rồi nô cũng là nô.

Để chẳng xem:

Đột Khuyết đánh Đường, voi đi chật núi, ngựa tế chật đường, đột trấn Bắc, phá trấn Đông, dỡ rạp hết đột thời hóa đột.

Xe thơ Hán hãy còn tóm một; phong cương Đường nào mấy chia hai...".

Rõ ràng là nhân dân tin tưởng vào sự chiến thắng, tuyệt đối không thừa nhận sự chia cắt đất nước mặc dầu gặp phải thất bại tạm thời. Thật trái hẳn với sự do dự, lòng sợ địch, sợ vũ khí địch, sợ ta ít quân, sợ quân ta nhát mà từ Tự Đức, Nguyễn Tri Phương tới bao nhiêu quan to khác thường băn khoăn và tuyên bố! Bài hịch cắt nghĩa:

"Như ta cùng Tây nay

Ngàn trùng non nước cách xa, trăm việc ở ăn khác thói,

Tuy cậy có tàu đồng ống khói, tuy là nhiều súng thép đạn chì,

Vì mấy năm qua đánh biên thùy, dự trăm trận càng hao ngôi tướng soái...".

Người sĩ phu, nhân dân nghĩ khác hẳn bọn đại thần là bọn sợ vũ khí vô địch của Tây, bọn ấy tưởng đâu Tây và ta "ở xa nhau không thể thôn tính nhau được". Sĩ phu, nhân dân tin rằng ta vũ khí kém hơn mà ta có thể làm tiêu hao sinh lực của chúng nó, địch ở xa đến, ta ở nhà ta, đó là điểm mạnh của ta, điểm nhược của địch, nếu đánh mãi thì chúng càng ngày càng yếu.

https://tieulun.hopto.org

Tờ hịch kể tội giặc xâm lăng, khơi sâu lòng căm thù của quần chúng, khẳng định chủ quyền ta trên đất nước ta.

"Ở đâu mà chẳng thấy?

Đào mồ mả, phá miếu chùa, làm những việc bất nhân.

Ở đâu mà chẳng hay?

Đốt nhà cửa, hãm vợ con, làm những điều vô đạo.

Trời nào để dân ta đôi gòng tròng, trời nào để cho lũ nó rảnh ăn chơi?

Xưa nay ai mạnh bằng trời, đâu đó vật còn có chủ...".

Tờ hịch kêu gọi quân nhân vượt khó khăn, quyết không tin giặc, nước còn rộng, dân còn đông, chính nghĩa sáng ngời, trước sau phải nhất tâm trung thành với tổ quốc, chớ sợ chết mà theo Tây, chớ thấy triều đình nghị hòa mà nản lòng, mà cộng tác với kẻ thù, cộng tác với chúng là đê hèn nhục nhã thừa nhận sự chia xẻ đất nước vốn thống nhất của chúng ta.

"Bớ các quân ơi!

Chớ thấy chín trùng hòa nghị mà tấm lòng địch khái nở phui pha,

Đành rằng ba tỉnh giao hòa, mà cái việc cừu thù đành bỏ dở.

Nào những thuở

Rèn mác thông, dươn nong gỗ, ra đường hầm hở, trông như đâm ai, chém ai,

Đến bây giờ

Rờ bạc nén, đúc tiền trăm, vào cửa lom khom, mặt nào quỳ nó lạy nó?

Mặt nào tới lãnh bằng người nó, mặt nào là xuất thủ buổi ni,

Đã thề nguyền ra sức đánh Tây, lại tiếc của trở về đầu giặc.

Làm như vậy là rẽ phân nam bắc, một sợi tơ mà nỡ nhuộm xanh vàng!"

Tờ hịch lại kêu gọi dân làng (sau khi đã kêu gọi sĩ phu và binh lính) chớ sợ mà đầu thú, phải đùm bọc lẫn nhau, chớ tin giặc phao truyền, hãy chọn nghĩa làm dân, đánh giặc thì đánh đến cùng, giữ nước thì sẵn sàng hy sinh tất cả; lời lẽ rất là thống thiết như trống giục đáy lòng:

"Ớ các làng ơi;

Ơn thủy thổ thầy đều mang nặng, việc thần dân chớ khá lỗi nghì.

Phải che đậy nhau mà nương ở đãi thì, đừng lầm tin nó xui ra đầu thú.

Chớ thấy đồn bảo dưới Gò Công thất thủ mà trở mặt hại nhau.

Chớ khóc trên Bến Nghé phân cư, mà đành lòng theo mọi...

Hỡi ôi!

Oan dường ấy, hận dường ấy, cừu thù dường ấy làm sao trả được mới ưng.

Công bấy lâu, nghiệp bấy lâu, lao khổ bấy lâu, bao đành bỏ qua sao phải?

Thà rửa rầy tấm nơi sơn tái, mà kiếm bậc anh hùng, thà lỡ bể, ra mé hải tân mà tìm người hào kiệt…

Trước làm nghĩa, sau cũng làm nghĩa, trước sau cho trọn nghĩa vua tôi.

Sống có danh, thác cũng có danh, sống thác được thơm danh trong nhà nước".

Trên đây là kiểu mẫu một bài hịch. Lại có những bài hịch tuy lấy đầu đề rất thường thức, mà lời lẽ ý nghĩa thì cũng là chống giặc, cốt để phổ biến trong nhân dân các vùng bị chiếm, hâm nóng mãi

https://tieulun.hopto.org

lòng thương nước thù Tây; kiểu mẫu là "Hịch đánh chuột" của Nguyễn Đình Chiểu. Đọc thì biết ngay rằng chuột là Tây.

"Vậy cũng gọi mình hay ngủ kỹ,

Vậy cũng khoe ngồi trước tam tàn".

Nói đánh chuột giết chuột, là nói đánh giặc Tây, giết giặc Tây.

"Ngao ngán bấy cái thân chuột thúi, biết ngày nào ô thước phanh phui".

"Chớ để con nào sơ lậu, phải ra tay lấp lỗ tam bành, đừng cho chúng nó sảy ra, phải hết sức trừ đồ lục tặc".

2. Văn tế: Cùng với hịch, văn tế là cách tuyên truyền đắc lực của nhà văn ái quốc Nam Kỳ. "Văn tế vong hồn 15 dân mộ nghĩa", của Nguyễn Đình Chiểu ca ngợi những chiến sĩ nghĩa quân, nêu cao tinh thần cứu nước của người dân nghèo không súng ống, chỉ có tầm vông mà rất hăng hái đánh giặc, không sẵn tập rèn võ nghệ, chỉ biết cấy cày, cũng có thừa can đảm xung phong. Ngay trong thời Tây xâm chiếm lục tỉnh, điển hình của người kháng chiến chính là người nghĩa quân, là người quân chiêu mộ.

"Khá thương thay!

Nào phải thật quân cơ quân vệ, theo vòng ở lính đi binh;

Chẳng qua là dân ấp dân lân, mến nghĩa làm quân chiêu mộ;

Mười tám ban võ nghệ nào đợi tập rèn, Chín mươi trận binh thơ, không chờ bầy bố.

Ngoài cật có một manh áo vải. Trong tay cầm một ngọn tầm vông...".

Thật là kiểu mẫu khó viết hơn được của một bài văn tế tả thực, lâm ly, khiến người đọc đầy tình cảm với người áo vải.

Trong "Văn tế nghĩa sĩ trận vong lục tỉnh" Nguyễn Đình Chiểu lại càng tha thiết hơn nữa, lên án thực dân, khơi sâu nợ nước thù nhà.

"Từ thuở Tây qua cướp đất, xưng tân trào gẫy nợ oán cừu...

Các bậc sĩ nông công cổ, liều mang tài với sáng song tâm; mấy nơi tổng lý xã thôn, đều mắc hại cùng cờ tam sắc.

... Phạt cho đến kẻ hèn người khó, thâu của quay treo, tội chẳng tha con nít đàn bà, đốt nhà bắt vật.

Kể mười mấy năm trời khốn khó, bị thảo, bị tù, bị đầy, bị giết, trẻ già nào đếm xỉa họ tên; đem ba tấc hơi mòn bỏ liều, hoặc sông, hoặc biển, hoặc núi, hoặc rừng quen lạ thấy đều rơi nước mắt.

... Gần: Côn Lôn, xa: đại hải, máy thây trôi nổi ai nhìn, hang cai đội, bậc quản cơ, xương thịt rã rời ai cất?"

Phải chăng là nghe bài văn tế, dòng nước mắt không làm cho ta mềm lòng mà càng làm cho ta muốn mang gươm ra đi tiễu giặc để rửa thù?

3. Phú: Lúc ấy, nhà văn kháng chiến cũng dùng thể phú mà cổ vũ nhân dân. Một trong những bài phú được truyền tụng nhất là bài "Giặc tới nhà đàn bà phải đánh" không rõ của ai viết.

"Chúng bây nọ! Có đầu thì giữ, chớ cậy anh tài!

"Chị em ơi! Ngoảnh mặt mà coi, thiệt là liệt nữ...".

Toàn dân kháng chiến; đàn bà cũng tham gia kháng chiến; sức kháng chiến của phụ nữ đã được phản ảnh trong văn chương; văn chương kháng chiến ca ngợi gan dạ của chị em:

"Thua được được thua chẳng kể, có người có ta; hết còn còn hết cũng liều, rằng hai rằng một".

... "Lục súc quân kia, thây kệ khôn ngoan tám vạn; tam bành mụ nối, làm cho đáo để một lần".

https://tieulun.hopto.org

4. Ca dao và thơ lục bát

Thể văn này là thể văn phổ biến nhất, hay chữ làm được, mù chữ làm được, dễ nhớ, nên được sáng tác rất nhiều trong thời kỳ kháng chiến để kêu gọi lòng ái quốc; ở đây con dấu quần chúng được nổi bật lên hơn bất cứ là trong thể văn nào.

"Chớ tham đồng bạc con cò,
Bỏ cha, bỏ mẹ đi phò Lang-sa".

Hay là, để công kích bọn tham quan ô lại, trước hại dân, sau sợ giặc:

"Khi bình làm hại dân ta,
Túi tham mở rộng, chẳng tha miếng gì.
Đến khi hoạn nạn lâm nguy,
Mặt trông ngơ ngáo, chân đi gập ghềnh".

5. Thi đường thuật

Phần rất quan trọng của những tài liệu văn chương còn lại đến nay là bát cú, tứ tuyệt, thường làm bằng chữ nôm, lắm khi cũng làm bằng chữ hán. Vài bốn câu đủ tả một tấm lòng.

Tấm lòng ấy chính là tấm lòng chí quyết phục thù, dù phải thất bại tạm thời, ắt phải có ngày chiến thắng, sá chi bọn Tôn Thọ Tường ham danh lợi, theo Tây, mà đe dọa kẻ sĩ phu kháng chiến?

"Hơn thua chưa quyết đó cùng đây
Chẳng đã nên ta phải thế này,
Bến Nghé quản bao cơn lửa cháy,
Cồn rồng đâu mặc bụi tro bay,
Nuôi muông giết thỏ còn chờ thuở
Búa lưỡi săn nai cũng có ngày.
Đừng mượn hơi hùm rung nhát khỉ,
Lòng ta sắt đá há lung lay".

(Phan Văn Trị)

* * *

Ngày nào trời đất an ngôi cũ
Mừng thấy non sông bặt gió tây.

Số thi đường luật rất là nhiều; người làm nhiều bài đường luật nhất để công kích kẻ đầu hàng thực dân, để châm biếm đám tham quan ô lại, chính là cử nhân Phan Văn Trị.

6. Văn xuôi

Văn xuôi tả cảnh, ghi hình thể địa lý, kể chuyện, chép sử thì ít, nhưng Nguyễn Thông là người làm văn xuôi nhiều nhất lúc ấy, những tác phẩm của ông gồm trong bộ *Kỳ xuyên văn tập*, *Ngọa du sào thi tập*, mỗi bộ gồm nhiều quyển; những tập này có giá trị lớn chẳng những về mặt sử, văn mà cả về mặt tuyên truyền ái quốc, mặt nhận xét giá trị của nhân vật mà trước hết là nhân vật của quần chúng, duy Nguyễn Thông viết bằng chữ Hán, tự in (và có một Hoa kiều in lại ở Trung Quốc), ít phổ cập.

"Từ ngày người Tây khởi hấn, sĩ dân 6 tỉnh phấn đấu không nghĩ đến thân mình, những người chết theo nạn nước một cách khẳng khái, không thể đếm hết được như Đỗ Trình Thoại ở Tân Hòa (Trình Thoại đỗ cử nhân đời Thiệu Trị, làm Tri huyện Long Thành, sau bị tội phải mất quan về nhà, khi đại quân ở Gia Định thất lợi, lính Tây chiếm cứ Tân Hòa, Trình Thoại tập hợp nghĩa dân đánh đồn giặc, bị thua, phải tử trận) và Nguyễn Lịch ở Tân An lại là oanh liệt hơn cả (Nguyễn Lịch là người thâm trầm cương nghị, can đảm, thường trong lúc bất ngờ đốt phá thuyền giặc, giết được rất nhiều lính Tây, triều đình biết tin, phong làm chức phó quản cơ đạo Tân An, rồi lại thăng chức thành thủ ủy tỉnh Hà Tiên. Tháng 5 năm Tự Đức thứ 19, tỉnh Hà Tiên thất thủ, quan lại phải triệt quân về Bình Thuận, Nguyễn Lịch không chịu đi, tập hợp nghĩa binh, đánh chiếm đồn giặc ở Kiên Giang, sau địch đem quân đánh úp, Nguyễn Lịch bị bắt, địch dụ hàng, Lịch không chịu khuất phục nên bị giết).

https://tieulun.hopto.org

Lại còn những người trình phụ liệt nữ ở nơi ngõ hẻm hang cùng, người thì giữ nghĩa không để cho giặc ô nhục, người thì chống cự với giặc mà chết, theo tôi được tai nghe, thì những người như thế kể đã mấy chục, tiếc vì thời thế đổi thay, đường sá cách trở, không sao rõ được lai lịch"[1].

Những thể văn chủ yếu đã kể trên đã chứng tỏ rằng trong cuộc kháng địch cứu quốc, văn chương đua nở để phục vụ cuộc đấu tranh, nhiều màu nhiều sắc, giản dị hồn nhiên như người Việt miền Nam, bồng bột chân thật như con dân đất Đồng Nai, Cửu Long. Đặc điểm nổi bật của văn chương này là tính chất bình dân của nó, trong cái lý toát ra cả một khối tình đồng bào đồng chủng, khối tình thống nhất Bắc Nam.

II. ĐẤU TRANH TRONG VĂN HỌC GIỮA PHÁI KHÁNG CHIẾN VÀ NHÓM ĐẦU HÀNG

Cái phái đoàn của Tự Đức gửi sang thương thuyết với Na-pô-lê-ông III đã làm lắm thơ. Nhưng trong các bài ấy, dù của Phan Thanh Giản hay của Tôn Thọ Tường, đều không phản ảnh được chút nào lòng dân sôi sục kháng chiến; tâm hồn của một hạng người xuống dốc không hòa nhịp được với ý nguyện của nhân dân; họ chỉ bám lấy con bài thương thuyết, thỏa hợp, để rồi đi đến đầu hàng. Cho nên thơ của họ chỉ còn có hình thức chải chuốt, câu sáo trống rỗng, không có một tơ hào quyết tâm khôi phục chủ quyền; đất nước bị chiếm một phần rồi mà nhà thì phong kiến chỉ biết "biển trời" "mây khói" với "hòa hảo".

"Chút nghĩa vương mang phải gắng đi,
Tang bồng đành rõ chí nam nhi,
Thuyền ngô phơi phới trăng hòa bạc,
Khói đá phăng phăng lượt tích ty.
La hán giằng tay chào khách đến,

1. Trích dịch *Kỳ Xuyên văn sao*, cuốn II.

Tướng quân ghé mắt hẹn ngày về
Phen này miễn đặng hòa hai nước,
Nối tớ xin đừng bận bịu chi!".

(Phan Thanh Giản)

Tôn Thọ Tường thì nói phét, nào "múa gươm quăng chén" nào "tên cỏ cung dâu", nhưng rồi chính hiệu là tên tay sai đắc lực của địch, tham danh, tham lợi, không còn biết sỉ nhục.

"Múa gươm quẳng chén cất mình đi,
Bịn rịn đâu màng thói nữ nhi.
Mây khói một màu thuyền thoát thoát,
Biển trời muôn dặm núi ti ti.
Phương xa xe ngựa lừa khi đến,
Nước cũ non sông ngóng lúc về.
Tên cỏ cung dâu là chí trẻ,
Danh mà chi đó, lợi mà chi?

Ngược lại, đại đa số sĩ phu Nam Kỳ phản đối nghị hòa, phản đối cắt đất, lời văn thống thiết, ý văn gợi hận không nguôi.

"Tò te kèn thổi tiếng năm ba,
Nghe lọt vào tai dạ xót xa
Uốn khúc sông Rồng mù mịt khói,
Vắng hoe thành Phụng ủ sầu hoa,
Tan nhà cảm nỗi câu ly hận,
Cắt đất thương thay cuộc giảng hòa,
Gió bụi đòi cơn xiêu ngả cỏ,
Ngậm ngùi hết nói nỗi quan ta".

Lời thơ ngậm ngùi, đầy hận mất nước, tỏ lòng không tin vào quan và chưa tỏ được lòng tin vào dân, vào tiền đồ kháng chiến.

Lúc cuối cùng, Phan Thanh Giản mới thấy van lơn với Pháp đã là vô hiệu mà còn có hại:

https://tieulun.hopto.org

"Cũng tưởng một lời an bốn cõi,
Nào hay ba tỉnh lại chầu ba".

Nhưng ông chỉ biết chết một cách thất vọng. Nguyễn Đình Chiểu điếu ông Phan bằng những hàng não ruột nhưng chỉ não ruột thôi chớ không thấy rõ tiền đồ.

"Non nước tan tành hệ bởi đâu?
Dàu dàu mây bạc cõi Ngao Châu;
Ba triều công cán vài hàng sớ
Sáu tỉnh cương thường một gánh thâu;
Ải bắc ngày trông tin nhạn vắng,
Thành Nam đêm quạnh tiếng quyên sầu.
Minh tinh chín chữ lòng son tạc,
Trời đất từ rày bặt gió thâu".

Cái số văn sĩ, sĩ phu đi làm với Tây rất là ít ỏi thôi; ngay từ 1862, Tôn Thọ Tường, "cậu ba Tường", con của Tuần phủ Tôn Thọ Đức, đã theo Tây; Tiến sĩ Phan Hiển Đạo cũng thế, nhưng trước sự công kích của nhân dân và của bè bạn, Hiển Đạo trở về làng Vĩnh Kiêm (Mỹ Tho), xấu hổ, uống thuốc độc mà chết. Còn Tường thì một mình cứ trung thành với chủ mới ngoại quốc. Hắn bị người người phỉ nhổ, tuy hắn sẽ được Tây cho làm tới Đốc phủ sứ, Tường ngụy biện sánh mình như Từ Thứ quy Tào; nhưng Từ Thứ vì mẹ, Thọ Tường lại vì tiền. Từ Thứ về Tào, không bày kế cho Tào, Thọ Tường theo Tây thì siêng năng phục vụ thực dân:

"Hiếu đâu dám sánh kẻ cày voi,
Muối xát lòng ai nấy mặn mòi
Ở Hán còn nhiều rường cột cả,
Về Tào chi sá cụm cây còi.
Mảng nghe tin mẹ khôn nâng chén,
Bát ngát thương vua biếng dở roi.
Chẳng đặng khôn Lưu đành dại Nguỵ
Thân này xin gác ngoại vòng thôi".

Những lời phân bua ấy khác hẳn với tâm sự thật của kẻ đầu hàng bị tất cả sĩ phu và nhân dân sỉ vả; Tường lại làm thêm cả 10 bài "than thời thế". Qua các bài thơ của Tường ta gián tiếp thấy sự cô lập của kẻ theo giặc, nhân dân nghiêm khắc lên án bọn Việt gian dù là Việt gian hay chữ. Chính vì là Việt gian hay chữ mà ta lại thấy cái bất lực được nói ra của một số phong kiến, Tường chỉ phát biểu hộ ý kiến của chúng thôi:

... "Hết sức, người theo trời chẳng đặng,
Hoài công, chim lấp bể không bằng"...

... "Thôi thôi đã vậy thì thôi vậy,
Nhắm mắt đưa chân lỗi đạo hằng"...

Tường, tên đào ngũ "tiên phong" của cánh phong kiến suy tàn, bất lực, đầu hàng, trơ tráo sánh mình như con đĩ già. Mà thật vậy, chính trị phong kiến lúc ấy và về sau càng ngày càng rõ, chỉ là một thứ chính trị thanh lâu, bán mình, bán nước, bán danh dự, bán cả đạo lý luân thường mà chúng hằng dạy xưa nay để cầu cái yên toàn, vinh thân phì gia:

"Chày kình chợt tỉnh giấc vu san,
Mái tóc kim sinh nửa trắng vàng,
Đài kính biếng soi mầu phấn lợt,
Của không đành gởi cái xuân tàn;
Chạnh niềm hoa liễu vài câu kệ,
An cảnh tan du một chữ nhàn;
Ngảnh lại lầu xanh xem những kẻ,
Trầm luân chưa thoát nợ hồng nhan".

Lẽ tất nhiên rằng các nhà sĩ phu kháng chiến - mà họ là tuyệt đại đa số, còn kẻ sĩ theo giặc thì rất ít thôi - thẳng tay gỡ mặt nạ của bọn đầu hàng. Tôn Thọ Tường có bao nhiêu bài tự bào chữa thì Phan Văn Trị có bấy nhiêu bài lên án. Tuy những bài lên án này chưa làm toát được hết tinh thần bất khuất của dân tộc Việt Nam,

https://tieulun.hopto.org

của nhân dân lục tỉnh, Cử Trị cũng đã nói lên được rất là đanh thép tài tình cái khí tiết anh hùng của sĩ phu kháng chiến:

Thọ Tường tự sánh với Tôn phu nhân quy Hán mà rằng:

"Ai về nhắn với Chu công Cẩn,
Thà mất lòng anh đặng bụng chồng".

Thì Cử Trị đánh lại:

"Anh hỡi Tôn quyền anh có biết,
Trai ngay thờ chúa, gái thờ chồng".

Cuộc bút chiến giữa Cử Trị và "cậu ba Tường" trong đó Trị tỏ ra như một quả núi. Tường như con chuột ướt, là tuyệt đỉnh đấu tranh trong văn chương lúc ấy. Chung quanh, còn vô số thi ca trong hay sau kháng chiến công kích phải theo Tây, hâm nóng lòng dân yêu nước. Chỉ bọn quan làng thì so chúng như con rận:

"Mặt mũi mần rí cũng có râu,
Cả đời chẳng biết dụng vào đâu.
Xôn xao trên mão chưa nên mặt,
Lục đục trong chân cứ gục đầu,
Khuấy ngứa gây dân chi khác rệp.
Ra công béo nước chẳng bằng trâu;
Khéo sanh trong thế chi cho nhộn,
Có có không không cũng chẳng cầu".

(Cử Trị)

Hoặc so sánh chúng nó như con tôm cứt lộn lên đầu:

"Chẳng phải vương công, chẳng phải hầu,
Học đòi đai kiếm lại mang râu;
Khoe khoang mặt đỏ trong dòng bịch
Chẳng biết mình va cứt lộn lên đầu".

(Học Lạc)

Huỳnh Mẫn Đạt đi bộ gặp Tôn Thọ Tường đi xe ở bốn kèn Sài Gòn, ứng khẩu chửi xéo cho tám câu:

... "Đã cam bịt mặt cùng trời đất,
Đâu dám nghiên mài với ngựa xe"...

Tường chống trở gượng gạo, cũng là tự bào chữa:

... "Nước non dường ấy, tình dường ấy,
Xe ngựa bao nhiêu buội bấy nhiêu"...

Vài câu chuyện sau đây, khá lý thú, càng chứng tỏ cuộc đấu tranh tư tưởng giữa phái văn thân kháng chiến và nhóm đầu hàng rất mạnh, thường xuyên, thành một điều kiện để động viên dân chúng. Một hôm các sĩ phu từ ba tỉnh miền Đông tị địa xuống Bến Tre, các cụ mời ăn mắm sống và cơm nguội. Một nhà nho nói: "thằng Tường không biết ăn mắm sống cơm nguội như bọn mình nên nó theo Tây". Một hôm khác Cử Trị cùng đốc Trưng đi từ Cần Thơ vào Bình Thủy, Trị vừa đi vừa đái, lại vừa ngâm:

... "Đứng lại làm chi cho mất công,
Vừa đi vừa đái vẽ nên rồng"...

Khi ai cũng biết những chữ xe rồng, giường rồng, mặt rồng, thân rồng... là để nói đến vua, thì rõ ràng là trong cuộc chiến đấu chống thực dân xâm lăng, chống bọn phản bội, phái văn thân tuy xuất thân phong kiến, đã bắt đầu có một số người có tư tưởng chống vua, chống phong kiến; tư tưởng này hòa nhịp với những khẩu hiệu trên cờ Trương Định: "Phan, Lâm mãi quốc, triều đình khí dân".

Thực ra văn chương Nam Kỳ đã có truyền thống phản phong khá lâu rồi: dân Việt Nam ở Nam Kỳ là do thời cuộc Nguyễn - Trịnh phân tranh mà vào, hoặc là người Bắc, Trung, chống Nguyễn bị đẩy vào, hoặc là dân nghèo bị chiêu mộ vào làm đồn điền, hay nếu là người Trung Quốc thì cũng là những người chống Thanh

https://tieulun.hopto.org

qua cư trú. Do đó mà dễ thấm ít nhiều tư tưởng phản phong. Tuy rằng sự phản phong lúc ấy chỉ có thể là nông cạn, chỉ là chống vua chúa bất lực đầu hàng. Lúc Lê Khôi chống Minh Mạng, ai là kẻ ủng hộ Lê Khôi nhất: đó là nông dân gốc ở Bắc bị đẩy vào Nam; riêng thành Gia Định có 15 vạn dân triều đình Huế đốt phá tan tành, giết chóc hàng vạn người, chôn đầy một cánh đồng rộng. Trước đó, khi tướng Phan Văn Nhân ra Huế, Minh Mạng hỏi: Nam Kỳ có yên không? Thì Nhân tâu: "ngay ở cửa thành Gia Định đã có giặc", ý muốn nói đến dân 18 thôn vườn trầu và vùng bưng Tầm Lạc nơi tụ nghĩa thường xuyên. Nam Kỳ có lưu hành một tập thơ lục bát, không biết của ai, kể vụ biến Trưng - Trực mà đứng về quan điểm của dân. Trong tập thơ lục bát này, (hai bạn Ca Văn Thỉnh, Phạm Thiều tìm được ở Long Xuyên) cuối cùng lại có kể việc các quan lại thối nát đầu hàng Pháp. Như thế không phải chỉ có một mình Cử Trị chống triều đình, mà văn chương phản phong lúc ấy đã gần như một phong trào ít ra là một xu hướng tuy hãy còn yếu ớt.

III. CA NGỢI CHÍ SĨ BỎ MÌNH VÌ NƯỚC

Ngoài những bài văn tế, bài phú ca ngợi các anh hùng vô danh của nhân dân còn có khá nhiều bài thơ, hoặc ca ngợi chí sĩ bỏ mình vì nước, hoặc những bài được truyền tụng là cảm tác cuối cùng của chí sĩ sa cơ bị bắt trước khi bị chém, bị bắn. Trước khi bị chém, bị bắn mà bình thản làm thơ, làm câu đối, thật là một đặc sắc trong cái nhân sinh quan cao quý của người Việt, đáng được nêu cao. Tâm trạng của số đông các nhà nho kháng chiến lúc bấy giờ là: vì nghĩa phải làm, không cần biết thành hay bại; thành, đã làm, và bại cũng phải làm, vì đánh giặc cứu nước là việc nghĩa. Kiến nghĩa bất vi vô dũng dã. Trong bài điếu văn khóc Trương Định của Nguyễn Đình Chiểu có câu:

... *"Vì nước tấm thân đã gởi, còn mất cũng cam; giúp đời, cái nghĩa đáng làm, nên hư nào ngại..."*.

Nguyễn Thông chép chuyện Hồ Huấn Nghiệp như sau đây:

"Lúc Trương Định đóng quân ở Tân Hòa, Huấn Nghiệp hội họp những sĩ phu bàn định kế hoạch. Huấn Nghiệp đến Tân Hòa hội đàm với Trương Định; khi trở về, vào nhà người em tên là Hài. Hài hỏi: "Ông Trương Định khởi nghĩa, hào kiệt các nơi hội họp rất đông, liệu có thành công không?". Huấn Nghiệp đáp: "Ông ta làm việc nghĩa, không kể gì đến việc được thua". Nói chung, tư tưởng của các cụ là, gặp việc nghĩa, dù thắng dù bại đều phải làm, không làm là không dũng.

Lúc sắp bị hành hình, Huấn Nghiệp rửa mặt, mặc áo chỉnh tề, ung dung ngâm bốn câu thơ rồi chịu chết, ai trông thấy cũng phải sa nước mắt, năm ấy Huấn Nghiệp mới 36 tuổi. Bốn câu thơ như sau:

"Kiến nghĩa ninh cam bất dũng vi,
Toàn bằng trung hiếu tác nam nhi,
Thử thân sinh tử hà tu luận,
Duy luyến cao đường bạch phát thùy".

Tạm dịch là:

Thấy nghĩa lòng nào lại dám ngơ,
Làm trai trung hiếu trọn niềm thờ,
Thân này sống chết đâu thèm kể,
Duy nhớ mẹ già tóc bạc phơ.

Có người nói rằng Thủ khoa Huân, trước khi bị hành hình, làm bài thơ, làm câu đối để lại cho vợ treo trên bàn thờ. Có người khác thì nói rằng bài thơ (sau đây) là của một người bạn viết sau khi Thủ khoa Huân đã bị giặc giết ở Bến Tranh; điều chắc chắn là từ lúc bài thơ ra đời cho đến nay, tác dụng động viên của nó rất là lớn lao; gương ông Huân không vì bị bắt, bị đày, được thả, rồi bị bắt, v.v... mà nản lòng ngồi ngó cơ đồ xiêu đổ; khi ông bại trận bị

https://tieulun.hopto.org

bắt, địch sai tên Đốc phủ Phương ngon ngọt dỗ dành, ông cũng không xiêu lòng theo giặc, đó là gương kiên trì tranh đấu, nên bài thơ "Hãn mã" lại càng có ảnh hưởng lớn mãi cho đến ngày nay dư âm chưa dứt:

"Hãn mã gian quan báo quốc cừu,
Chí nhân binh bại trí thân hưu.
Anh hùng mạc bả danh thâu luận,
Vũ trụ tràng khan tiết nghĩa lưu.
Vô bố dĩ kinh Hồ lỗ phách,
Bất hàng cam đoạn tướng quân đầu.
Đương niên Tho Thủy ba lưu huyết,
Long đảo thu phong khởi mộ sầu".

Tạm dịch:

Duổi dong vó ngựa báo thù chung,
Binh bại cho nên phải mạng cùng;
Tiết nghĩa vẫn lưu cùng vũ trụ,
Hơn thua sá kể với anh hùng?
Không hàng, đầu tướng đành rơi xuống,
Cóc sợ quân thù đã khiếp rung,
Tho Thủy ngày rày pha màu đỏ
Cồn rồng hiu hắt ngọn thu phong.

Các bài thơ, phú văn tế đã kể trên ảnh hưởng rất lớn lao tới tâm trí nhân dân chẳng những ở Nam Kỳ lục tỉnh mà cả với nhân dân Trung - Bắc, chẳng những lúc ấy mà mãi trong các giai đoạn về sau của cuộc cách mạng dân tộc giải phóng, dầu rằng suốt hàng trăm năm dưới ách thực dân phần nhiều các bài văn ái quốc đó không được in, không được đọc công khai.

IV. LƯỢC SỬ MỘT SỐ NHÀ VĂN[1]

1. Nguyễn Đình Chiểu (1822 - 1888)

Nguyễn Đình Chiểu sinh ở làng Tân Khánh, tỉnh Gia Định, hiệu là Trọng Phủ, biệt hiệu là Hối Trai, tục gọi Đồ Chiểu con của Nguyễn Đình Huy, gia đình ở Thừa Thiên vào. Lúc nhỏ, Chiểu theo cha về kinh học tập, rồi sau theo học với một quan thái phó bạn của cha. Năm 1840, Chiểu về Nam, ôn tập chờ đi thi. Một cự phú trong vùng thấy cậu học giỏi, chắc sau đỗ đạt cao, hứa gả con. Năm 1843, Chiểu thi hương ở Gia Định, đỗ tú tài. Năm 1846, Chiểu ra kinh học tập chờ thi hội. Bỗng tin mẹ chết, Chiểu chưa thi, phải bỏ về thọ tang mẹ; dọc đường bị bệnh mù mắt, nhân lúc ở dưỡng bệnh ở Quảng Nam, Chiểu học thuốc.

Về Nam, tang phục xong, Nguyễn Đình Chiểu mở trường dạy học ở Gia Định, học trò rất đông. Lúc này là lúc ông soạn quyển *"Dương Từ, Hà Mậu"* trong đó ông bênh vực Nho giáo chống công giáo.

Người hứa hôn không chịu lấy ông nữa, Nguyễn Đình Chiểu kết duyên với em của một người học trò mình.

Tiếng súng xâm lăng nổ (1858 - 1859); Gia Định bị hãm; Đình Chiểu chạy ra quê vợ ở Thanh Ba (Gia Định), tham gia kháng chiến, thường bày mưu kế cho đốc binh Là. Sau trận Cần Giuộc, theo lời yêu cầu của Tuần phủ Đỗ Quang, Đồ Chiểu làm bài *"Tế nghĩa sĩ Cần Giuộc"*, bài này được truyền đi khắp nước Việt Nam.

Triều đình nhường ba tỉnh Đông. Đồ Chiểu tị địa, xuống Ba Tri (Bến Tre); ở đây Đình Chiểu tiếp tục công tác với Trương Định và các sĩ phu hào mục kháng chiến khác như ông Cử Trị thì tới lui luôn với Đồ Chiểu. Ở đây, ngoài nhiều tác phẩm khác như văn tế, phú, thi, Đồ Chiểu viết quyển *Ngư tiều vấn đáp*.

1. Tôi có lấy một số tài liệu trong quyển *Nam Kỳ danh nhân* của Đào Văn Hội.

https://tieulun.hopto.org

Lục tỉnh mất, Đồ Chiểu mù lòa không đi Bình Thuận được, ở lại dạy học, nêu gương bất hợp tác. Tham biện Pon-chon đến hỏi han dụ dỗ; nhiều lần Đồ Chiểu giả điếc không thèm nghe, hoặc giả đau không tiếp, Tây mời cụ về Tân Khánh trả đất trả nhà lại cho cụ, cụ cười nói: "Cám ơn ông, nước chung đã mất đất riêng còn có được sao?".

Tác phẩm chủ yếu của Nguyễn Đình Chiểu là *"Lục Vân Tiên"* viết trước kháng chiến, nhưng đã có nhiều tính chất nhân dân rồi. Cụ viết nhiều bài văn tế rất lâm ly cảm kích (Văn tế nghĩa sĩ trận vong Cần Giuộc, văn tế lục tỉnh nghĩa sĩ trận vong; văn tế điếu Trương Định; văn tế nghĩa sĩ Giồng Gạch). Cụ làm nhiều thơ hịch: hịch đánh chuột, thơ điếu Phan Thanh Giản, thơ nước lụt, thơ ngựa Tiêu sương; ngũ kinh gia huấn ca, Dương Từ Hà Mậu; *"Ngư tiều vấn đáp"* là quyển chẳng những luận về phép làm thuốc mà còn luận về đời.

Về sau được tin Hàm Nghi xuất bôn cụ rất phấn khởi; được tin Hàm Nghi bị bắt, cụ buồn rầu vô cùng, và cụ từ trần năm 1888, hương thọ 66 tuổi, thi hài an táng ở làng An Đức, gần chợ Ba Tri, trung hiếu vẹn toàn; ông là người đã đem tài văn chương lỗi lạc của mình để ca ngợi quần chúng ái quốc. Đồ Chiểu là nhà thơ có tài nhất và có tác dụng nhất của thời kỳ cận đại trong lịch sử Việt Nam.

2. Phan Văn Trị

Tục gọi là Cử Trị, sinh tại Gia Định; thi đỗ cử nhân khoa Kỷ Dậu (1849); chẳng thích nghề làm quan, ghét bọn phong kiến vô tài, hống hách và sâu mọt, ông quy điền ẩn sĩ, dạy học trò ở làng Bình Cách (Tân An) về sau thì ở Phong Điền (Cần Thơ); ông tự mình đi cày cuốc, đi câu cá, làm tất cả các việc của người nông dân. Cử Trị đã thường lấy vật lấy việc xung quanh mà ngâm vịnh để phát biểu tư tưởng, tư tưởng ấy đi gần với sự ca ngợi nghề lao động chân tay và kịch liệt công kích bọn cầm quyền đê mạt.

Ví như nói đến *thợ may*, thì ông viết:

... "Chấp nối âm dương vài sợi chỉ,
Mở mang trời đất một đường kim".
"Nhờ công cá nước che sương gió,
Giúp sức nhà vương xủ áo xiêm".

Nói về *chiếc cối xay* thì:

"Công danh trên thế đố ai tày,
Ra gạo cũng nhờ cái cối xay,
Một trận chi sờn cơn gió bụi,
Trăm vòng nào nại sức lung lay,
Mòn răng nợ chủ lòng mong trả,
Trặc họng khen ai khéo đặt bày,
Bao quản thớt trên mòn thớt dưới,
Hễm gì còn giặc phải ra tay".

Nói về *hột lúa*, thì:

... "Cởi giáp vàng kia phơi chốn chốn,
Bày da ngọc nọ rạng nơi nơi;
Ông cha giúp nước đà ghe thuở.
Giòng giống nuôi dân biết mấy đời"...

Nói về *câu cá*, thì:

... "Nửa cần thú vị trời trời nước,
Một sợi kinh luân gió gió trăng;
Thao lược đã đành ngàn dặm bủa;
Giang sơn tóm róc một tay phăng"...

Ít khi một nhà văn của thời phong kiến mà ngâm vịnh nhiều về những thực tế dính liền với lao động sản xuất mà lại nghiêng về mặt nhân dân như ông Cử Trị. Còn những đầu đề như con cào cào, con rận, v.v... đều là những dịp để Cử Trị chống tham quan ô lại.

https://tieulun.hopto.org

"Lời hay dám hỏi quan lương thú,
Đuổi nó phòng toan tới xứ nào".

Đến lục tỉnh kháng chiến thì Cử Trị cùng Đồ Chiểu rất tương đắc với nhau trong việc giúp sức các lãnh tụ khởi nghĩa. Sau Đồ Chiểu hay là cùng với Đồ Chiểu, ông Cử Trị là người mà văn chương có tác dụng nhất trong cuộc kháng chiến và mãi về sau nữa; có thể nói rằng về sau, sau khi phong trào Cần vương đã qua rồi thì văn chương ái quốc của Phan Văn Trị còn tác dụng giáo dục rộng lớn và lâu dài vì bát cú hay tứ tuyệt dễ nhớ và dễ được phổ biến hơn là văn tế phú của Nguyễn Đình Chiểu (trừ Lục Vân Tiên).

Cử Trị hưởng thọ trên 80 tuổi, sống nghèo nàn, thanh bạch, thủy chung, không hợp tác với Pháp.

3. Nguyễn Thông (tức Nguyễn Thái Thông)

Nguyễn Thông tự là Hy Thẩn hiệu Kỳ Xuyên, người ở Kỳ Sơn (Kỳ Xuyên), Tân An vốn là một người ở đợ, được một phiếu mẫu nuôi cho đi ăn học. Năm Tự Đức thứ 2, đỗ cử nhân. Đương làm tu soạn ở nội các thì Gia Định có binh lửa, ông xin tòng quân về Nam, làm bố chính nên tục gọi là bố Thông. Khi ba tỉnh miền Đông mất, ông xuống Vĩnh Long ở với Phan Thanh Giản; trong phong trào tị địa thứ nhất, ông đem cả xương cốt của thầy tinh thần là nhà nho Võ Trường Toản về miền Tây (Toản là nhà nho thời Gia Long). Ông không trực tiếp tham gia kháng chiến như Thủ khoa Huân, Hồ Huấn Nghiệp, không trực tiếp hoạt động cho kháng chiến như Đồ Chiểu, Cử Trị. Khi làm Đốc học Vĩnh Long, ông cùng hội thân sĩ lục tỉnh lập miếu Khổng Tử, rồi dạy học ở đó, các sĩ tử đi lên tòng quân ở miền Đông đến ghé ông được ông khuyến khích.

Ba tỉnh miền Tây mất, ông hô hào một số người tị địa lần thứ hai ra Bình Thuận. Xướng phong trào "thập niên sinh tụ, thập niên giáo hội", ông lập Đồng châu xã, ông lại tán thành việc họ Đặng

lập chiến khu Tính Linh ở Đồng Nai Thượng, một cơ sở kháng chiến cho Nam Kỳ. Ra Trung ông trở lại làm quan, bị cách chức, được phục hồi, rốt cùng về hưu, khẩn đất ở Phan Thiết. Hưởng thọ 68 tuổi. Tác phẩm của ông có *Việt sử cương giám khảo lược, Ngọa du sào thi tập, Độn am văn tập, Kỳ xuyên văn sao, Kỳ xuyên công độc.* Thơ văn ông viết toàn chữ hán, văn cổ kính, khúc mắc. Đặc điểm cần chú ý là ca ngợi cái tốt đẹp của đất nước, kể chuyện liệt sĩ anh hùng kháng chiến; thơ đối đáp qua lại giữa Nguyễn Thông và Nguyễn Tử Giản (người Bắc vào Nam chống Tây) nay hãy còn có thể có ích lợi lớn trong cuộc đấu tranh để thống nhất Bắc Nam. Nguyễn Thông là nhà văn có nhiều tác phẩm nhất trong thời kỳ lịch sử ấy.

4. Phan Thanh Giản (1796 - 1867)

Dù Phan Thanh Giản có những tội lớn trong việc ký kết hòa ước nhượng ba tỉnh miền Đông rồi lại ba tỉnh miền Tây, ông là một nhà nho có tiết tháo; rõ ràng không sánh được với các nhà nho khác như Thủ khoa Huân, Hồ Huấn Nghiệp, Cử Trị, Đồ Chiểu, nhưng mà ông là một người quan thanh liêm, thật đau lòng vì nước mất mà ông lầm tưởng rằng không tránh khỏi. Ông là một nhà văn đáng kể của Nam Kỳ thủa ấy, văn chương điêu luyện tao nhã, mà khí phách thì tàn lụn, ai oán, chua xót, không có tác dụng tốt, chỉ ủ thêm cái thất chí của kẻ sĩ chịu bó tay.

Cha Phan Thanh Giản là Phan Văn Ngạn, mà người đời gọi là ông thày ở gành mù u (Ba Tri, Bến Tre). Người cha làm quan, không năng thu thuế nên bị nhà nước bỏ tù. Phan Thanh Giản tự là Tịnh Bá, hựu tự là Đạm Như, hiệu là Lương Khê, biệt hiệu Mai Xuyên. Nhà vốn nghèo, đi học chỉ có ăn 30 con mắm với 30 bát gạo mỗi tháng học với thầy Noa.

Năm 1825, Phan Thanh Giản đậu cử nhân, năm 1826 đậu Tiến sĩ thứ nhất của Nam Kỳ. Phan Thanh Giản phò vua ba triều: Minh Mạng, Thiệu Trị và Tự Đức; tính tình ngay thẳng, thanh liêm, làm

https://tieulun.hopto.org

quan đến tột phẩm, được Tự Đức trọng dụng nghị hòa với Pháp, rồi được cử đi sứ qua Pháp. Năm 1867, trước áp lực của địch, Phan Thanh Giản bấy giờ là khâm sai ở ba tỉnh miền Tây, giao đất cho địch mà không đánh; Tây dụ hàng không theo; nhịn ăn 17 ngày rồi uống thuốc độc mà tự tử (4-8-1857). Phan Tôn, Phan Liêm là con, trái với ý thúc thủ của cha, là vận động đồng bào Vĩnh Long, Trà Vinh, Bến Tre, Sóc Trăng kháng chiến; bị thua, anh em họ Phan ra Hà Nội giữ thành cùng Nguyễn Tri Phương rồi bị bắt bị đày qua đảo If bên Pháp (1873).

Tất cả thi văn của Phan Thanh Giản đều gom lại ở bộ gọi là *Lương Khê thi văn*, chia làm 18 quyển "Thi thảo", ba quyển "Văn thảo", một quyển "Thi thảo bổ di", một quyển "Văn thảo bổ di".

Câu "Nam Kỳ hải nhai lão thơ sinh Phan công chi mộ", trên tấm bia đá trước mộ, phần nào tiêu biểu cái chán ngán làm quan với một triều đình mục nát mà Phan Thanh Giản phục vụ tận tụy.

5. Thủ khoa Bùi Hữu Nghĩa (1807 - 1872)

Bùi Hữu Nghĩa hiệu Nghi Chi, con của Bùi Hữu Vĩ làm nghề hạ bạc ở Bình Thủy (Cần Thơ), học với ông đồ Hoành (Biên Hòa); năm 1835, Nghĩa đậu giải nguyên ở Gia Định tiếng tăm lừng lẫy. Được bổ làm Tri huyện, lúc ở Biên Hòa, lúc ở Trà Vinh (dưới quyền của Trương Văn Uyển). Tính tình can trực không chịu bợ đỡ kẻ có quyền cao, không chịu người khác bợ đỡ mình, nên Nghĩa thỉnh thoảng lại bị giáng chức, bị bắt nữa. Ông ít nhiều phản đối chính sách của triều đình Huế tàn sát người Khơ-me khởi nghĩa; đi qua Hà Âm (nay là Giang Thành, Hà Tiên) thấy đông xương ngùn ngụt, ông làm bài *Cảm tác*:

"Mịt mịt mây đen kéo tối sầm,
Đau lòng thuở nọ chốn Hà Âm
Đống xương Vô định sương phau trắng,
Vũng máu phi thường cỏ nhuộm thâm;

Gió trốt dật dờ nơi chiến lũy,
Đèn trời leo lét dặm u lâm;
Nghĩ thương con tạo sao dời đổi,
Vẳn vỏi đêm trường tiếng dế ngâm".

Rốt cùng, Thủ khoa Nghĩa xin về hưu trí ở Bình Thủy, mở trường dạy học.

Trong thời kháng chiến ở Nam Kỳ thì nhà Thủ khoa Nghĩa là nơi thân hào thân sĩ tứ phương lui tới bàn việc nước.

Sự nghiệp văn chương của Thủ khoa Nghĩa tuy không có phục vụ trực tiếp cho kháng chiến như của Đồ Chiểu, Cử Trị, nhưng không phải là nhỏ.

"Đồng Nai có bốn rồng vàng,
Lộc họa, Lễ phú, Sang đàn, Nghĩa thi".

Nghĩa chính là Thủ khoa Nghĩa. Thủ khoa Nghĩa vừa làm thơ vừa viết tuồng. Bổn tuồng có tiếng nhất là "Kim thạch kỳ duyên". Sự tích vở tuồng thì cũng tầm thường như truyện Lục Vân Tiên thôi, nhưng văn hay, mặc dù Thủ khoa Nghĩa dùng quá nhiều chữ Hán, ông đã biết chú trọng lựa ca dao tục ngữ để vào rất nhiều, làm cho vở tuồng hay ở chỗ đó; Nghĩa tỏ ra thâm hiểu tâm lý của các hạng người trong xã hội bấy giờ. Về mặt tư tưởng thì ở đây, luân lý trung hiếu Nho giáo pha lẫn với triết lý nhân quả nhà Phật. Trong điều kiện chính trị bấy giờ là lúc mà có những hạng người theo giặc, những quan điểm trung hiếu, tiết nghĩa đều có tác dụng đến kháng chiến.

Về thi ca thì Thủ khoa Nghĩa làm khá nhiều bài Đường luật, trong đó những bài như *Cây vông*, *Cây bần* công kích kẻ quyền cao chức trọng mà bất tài bất lực, gian ác, phản trắc. Vịnh cây vông:

https://tieulun.hopto.org

"Uổng sanh trong thế mấy thu đông,
Cao lớn làm chi vông hỡi vông,
Da thịt càng già càng lộp xộp
Ruột gan chẳng có có gai chông,
Rường soi cột trổ chưa nên mặt;
Giậu mỏng rào thưa phải dụng lòng,
Mới biết cây nào sanh giống ấy,
Xuân qua bởn tởn cũng đơm bông".

Vịnh *cây bầu* thì:

... "Lá xinh tơ liễu nhành thưa thớt,
Bông bạc dường mai nhụy sượng sần;
Quyến luyến bầy cò theo sập sận,
Chiêu quy đoàn khỉ tới dần lân...".

Còn vịnh *Ngũ Tử Tư xuy tiêu, Quan công thất thủ Hạ Bì* chính là khêu gợi lòng thương nước, lòng chung thủy:

... "Trời Sở oán theo mây cuồn cuộn,
Đất Ngô buồn giục gió hiu hiu,
Tám ơn tơ tóc so dày mỏng,
Ngàn dặm non sông cảm ít nhiều"...

* * *

..."Chén rượu anh em keo gắn chặt,
Tấm son tôi chúa được chong cao;
Theo rồng đôi nhóm mây trời Hán,
Xuống ngựa đâu tham bạc đất tàu"...

Thủ khoa Nghĩa không được như Cử Trị hay Đồ Chiểu trong tư tưởng, song là bậc đàn anh tiết tháo, nhiều tình cảm chân thành; tình cảm chân thành đối với vợ con được toát ra tha thiết trong câu đối sau đây:

"Đất chẳng phải chồng, bao nỡ thịt xương hòa với đất,
Trời không chết vợ, đặng coi gan ruột thử cho trời".

* * *

Thời ấy còn có một số nhà văn nổi tiếng khác nữa như Huỳnh Mẫn Đạt, học sinh Lạc. Huỳnh Mẫn Đạt, đỗ cử nhân, làm Tuần phủ An Giang. Khi Tây đến xâm chiếm nước ta thì ông đã già về hưu rồi, mà lòng ái quốc hãy còn. Nói đến văn chương của Mẫn Đạt là nói đến những bài vịnh chó già, trâu già, v.v...

Học Lạc, tức Nguyễn Văn Lạc, là một bần sĩ, giỏi chữ mà không thi cử, nên người gọi là học sinh Lạc, thầy học Lạc. Tây đến Định Tường ông về ở Thuộc Nhiêu làm thuốc dạy học trò, bói quẻ. Luôn luôn công kích bọn ra làm tôi làm tề cho địch:

"Chi chi trong khám sắp ngang hàng,
Nghĩ lại thì ra mấy bợm làng,
Trong bụng trống trơn mang cổ giữa
Trên đầu trọc lóc bịt khăn ngang
Vào buồng gọi tổ châu đầu lạy,
Ra rạp rằng con ních nách mang
Dám hỏi hàm ân người lớp trước
Hay là một lũ những quân hoang".

(Ông làng hát bội)

Văn chương đã một thời rất thịnh đạt ở Nam Kỳ vì nhân dân nổi dậy kháng chiến và để phục vụ cho nhân dân kháng chiến.

* * *

TÓM LẠI

Trong thời gian nhân dân Việt Nam ở Nam Kỳ phấn dũng đấu tranh chống cuộc xâm lăng, thì nền văn chương kháng chiến rất là thịnh đạt, trở thành một vũ khí sắc bén chống giặc, hiệu triệu

https://tieulun.hopto.org

quần chúng. Các thể văn đều được ứng dụng, đặc biệt hịch, văn tế, vè, thơ lục bát, bát cú; chữ nôm rất được thông dụng.

Trong văn chương, lúc đấu tranh với thực dân, thì mọi cuộc đấu tranh giữa phe kháng chiến và phe đầu hàng tiêu biểu rõ rệt, sự phân hóa bắt đầu. Trong số các nhà văn ái quốc và kháng chiến, đáng nêu cao nhất là Đồ Chiểu và Cử Trị; văn chương hai ông chẳng những có tác dụng cổ võ đương thời mà còn có tác dụng thích ứng cho các thế hệ về sau tiếp tục cuộc kháng chiến.

Chương 9

CHÍNH SÁCH THUỘC ĐỊA CỦA PHÁP Ở NAM KỲ LỤC TỈNH

I. BỘ MÁY ĐÀN ÁP, CAI TRỊ ĐỘC TÀI KHỐC LIỆT

1. Bộ máy cai trị

Từ 1860 đến 1867 là thời kỳ thực dân chinh phục Nam Kỳ: lấy Gia Định, chiếm ba tỉnh miền Đông, rồi tràn đến ba tỉnh miền Tây. Sau đó, mãi cho đến gần 1880, nhân dân Nam Kỳ không ngớt khởi nghĩa; khởi nghĩa lớn hay nhỏ, đấu tranh bằng mọi hình thức, bất hợp tác với kẻ xâm lăng.

Địch đến đâu thì các quan phủ huyện, các vị cầm đầu tổng xã đều bỏ đi, giấu hết bộ sổ hay đốt bộ sổ đi; các sĩ phu đều không chịu ra làm việc với giặc. Chẳng những thế, toàn dân và thân hào thân sĩ tổ chức kháng chiến. Ai không trực tiếp tham gia kháng chiến cũng không ra làm tôi cho giặc dù rằng giặc dụ dỗ hứa hẹn nhiều. Phó Đô đốc Ri-ơ-ni-ê phải than rằng những kẻ (ít ỏi thôi) cộng tác với Pháp thì:

"Hoặc là người công giáo hoặc là bọn côn đồ đều giả".

(C'étaient, dit un témoin, des chrétiens ou des coquins).

https://tieulun.hopto.org

Lời nhận xét đó khá chua chát; mà nó cũng là một lời gián tiếp thán phục tinh thần bất khuất của dân Việt Nam.

Thực dân Pháp cố tìm nho giả để dùng đó chứ! Ấy thế mà địch than rằng:

"Đám hay chữ và người bản xứ làm huyện làm phủ cho ta có đóng vai trò ích lợi gì đâu. Trước mắt dân chúng, thì những người hay chữ nào mà sớm chiều đã bỏ chính phủ của họ để tìm địa vị đem lại nhiều tiền, những người ấy còn có thế lực ảnh hưởng gì nữa?"[1].

Xưa nay đều thế; kẻ xâm lăng, nếu tìm được tay sai dù đắc lực,vẫn khinh bỉ kẻ tay sai ấy, huống gì là tay sai bất lực? Người ái quốc, dù đầu rơi máu chảy, tù tội, nghèo khó, ngay kẻ địch cũng phải cúi đầu kính trọng. Một thường dân bị địch bắt đi chỉ chỗ ở của nghĩa quân, thường dân ấy nhất định không chỉ. Địch bắn anh tại trận nhưng phải ghi trong truyện:

"Nếu là ở Hy Lạp cổ đại thì người ta đã phải dựng tượng đồng cho anh này rồi".

Tên thực dân C. Lơ-mia[2] viết rằng:

"Tôi được trông thấy nhiều cuộc xử tử hình. Thế mà tôi không bao giờ thấy một người Việt Nam nào sợ hãi trước cái chết. Nhiều khi, chỗ xử tử xa chỗ giam. Thường người ta dắt kẻ bị xử tử đi bộ tới nơi xử tử. Một hôm nọ, tôi thấy kẻ bị xử tử tự nhiên vừa đi vừa hút thuốc lá đến pháp trường; trước có mã tà đánh thanh la báo hiệu, đằng sau người đọc án và tên đao phủ gươm trần trong tay, sau chót là kẻ bị xử tử, kẻ bị xử tử này lấy làm hài lòng mà thấy rằng ở pháp trường đã để sẵn cái quan tài"[3].

1. Vial, tập I, tr. 137.
2. Charles Lemire.
3. Cochinchine française Lemire, tr. 141 – 142.

Kẻ địch buộc lòng ca tụng.

Nếu có một số đồng bào công giáo vì sự khuyến dụ của cha cố địch mà ủng hộ kẻ xâm lăng, thì trừ một vài trường hợp rất cá biệt như Trương Vĩnh Ký là kẻ có học rộng, tất cả là vô học mà lại không có thế lực ảnh hưởng gì trong nhân dân ta.

"Ở đây, cần phải được sự hợp tác của giai cấp thống trị, phải nắm được quan làng thì mới nắm được các xã, các tổng. Nếu vì một phép mầu nào mà sĩ phu Annam hợp tác với người Pháp phản lại vua của họ, thì việc cai trị Nam Kỳ sẽ dễ như một trò chơi thôi. Nhưng người Annam có học thức, hạng thượng lưu trung thành với luật pháp của đất nước họ, họ chỉ có thể xem chúng ta là kẻ thù. Nông dân, vì đồng ruộng mùa màng súc vật của họ mà họ ở lại trong làng; mới ngó qua thì tưởng chừng như họ chịu khuất phục; thật ra thì họ có khuất phục đâu. Còn hạng quan lại thì, hễ ta đến chiếm ở đâu, họ bỏ đi mất cả..."[1].

Tình hình này chính là cái lý do (không phải duy nhất, song căn bản) cắt nghĩa tại sao trong đám thực dân bấy giờ, có cái xu hướng của Ô-ba-rê, Phi-lát[2], rằng người Pháp không thể cai trị được người Nam, chỉ nên đô hộ về mặt kinh tế, quân sự mà không nên chiếm đất lan rộng. Tình hình này lại là cái lý do cắt nghĩa tại sao từ 1861 đến 1879, Pháp đặt chế độ quân trị, trực trị ở Nam Kỳ lục tỉnh, chế độ trực trị này cả Bô-na La-gơ-răn-đi-e ở Sài Gòn và Sác-sơ-lu Lô-ba ở Pa-ri đều không muốn, bởi vì nó hao tổn, nguy hiểm hơn là chế độ bảo hộ, chế độ thống trị nhân dân bằng cách xỏ mũi và lợi dụng bộ máy quan lại phong kiến cũ.

Riêng ba tỉnh miền Đông lúc ấy (1861) có 7 phủ, 16 huyện, 72 tổng và 955 xã, với số dân non già một triệu; khó mà tìm cho ra ngần ấy phủ huyện tổng lý. Lúc Sác-ne sang Sài Gòn thì chính

1. Cultru-Histoire de la Cochinchine, tr. 189.
2. Philastre.

https://tieulun.hopto.org

mình cũng không rõ là phải xâm chiếm đến mức nào, và khi đã xâm chiếm được một nơi nào rồi thì cụ thể phải làm gì. Đến khi chiếm rộng, tất nhiên phải cai trị. Mà theo lời địch "cả bộ máy cầm quyền của người Annam đột nhiên biến mất". Sác-ne phải đặt ở mỗi phủ, huyện mà nó chiếm được, những "quan phủ", "quan huyện" lấy trong số sĩ quan Pháp; còn ở Sài Gòn thì quan tư A-ri-ét, giám đốc "dân vụ" chỉ huy cái lũ quan mới ấy. Bọn Pháp lượm lặt một số bồi bếp du côn, phản phúc đặt làm tổng lý ở một số nơi quanh đồn trại của chúng. A-ri-ét phải công nhận rằng:

"Số nhân viên này được ta cho họ có quyền uy, nhưng bản thân họ thì không có uy quyền gì cả".

Tên Đại tá Béc-na[1] nhận xét về cái hạng "cộng sự" với Pháp:

"Bị xua đuổi khỏi làng vì... tội lỗi, bọn du hí du thực kéo ra thành phố khúm núm, quỵ lụy để tìm cách sống, không kể gì đến cuộc chiến đấu của dân tộc họ và sẵn sàng phục vụ bất cứ ai, bất cứ chủ nào. Chính trong bọn này mà ta tuyển lựa số nhân viên cần thiết cho việc hành chính hay trong việc hầu hạ như bồi bếp, cu ly, chạy giấy, thông ngôn, ký lục được đào tạo, cấp tốc và qua loa ở trường giòng".

Béc-na lại nói thêm:

"Rất hãnh diện về cái vỏ học thức Tây phương mới nhận được, bọn người trẻ tuổi này trở nên thơ ký, thông ngôn, tụ thành một tầng lớp vong bản lợi dụng chính quyền để bóp nặn dân chúng có việc bắt buộc phải tới cửa công".

Bô-na đến; hắn tưởng là vì người Việt Nam không được làm phủ huyện nên xui dân "làm loạn"; hắn đặt ở Biên Hòa, những phủ huyện của hắn nặn ra, dưới quyền của một tham biện chủ tỉnh người Pháp. Đặt vừa xong, các bù nhìn Tây chưa ngồi nóng mặt ghế thì:

1. Bernard.

"... Khởi nghĩa nổi lên khắp các nơi; các ông huyện chạy trốn hay qua phe khởi nghĩa, hay bị bắt giết".

Bô-na trở lại trực trị như trước đó. Các chủ tỉnh, phủ huyện Pháp có đủ tất cả các quyền hành như những tên vua con, chúa nhỏ, thống trị tùy ý, không luật lệ gì cả, thu thuế, bắt sưu, xử án, đặt tề, bắn giết rồi báo cáo, cầm quân đi càn quét, v.v... Tên chủ tỉnh Pháp tự xưng vừa là "quan án" vừa là "quan bố", cũng như Sác-ne đã đặt hai tên Pháp làm "tổng đốc" ở Sài Gòn và Mỹ Tho. Bọn đô đốc vừa chỉ huy quân sự vừa làm thống đốc (mà ngay ở Pa-ri thì sự cai trị thuộc địa cũng thuộc vào Bộ Hải quân).

Đến thời La-gơ-răn-đi-e (từ 1863 đến 1867) thì cuộc kháng chiến và sự bất hợp tác của nhân dân vẫn tồn tại, phát triển. Cái chế độ quân trị và độc tài khốc liệt vẫn tiếp tục mãi, quân trị về cả hai mặt cán bộ và phương pháp: nhà binh cai trị và cai trị theo kiểu nhà binh, nhà binh này là quân đội xâm lược. Cultru bào chữa và cắt nghĩa:

"Trực trị là một nhu yếu để tự vệ; không thể nào tổ chức bảo hộ trong một xứ không chịu khuất phục, nơi mà cái hạng người có khả năng cai trị thì hoặc là vắng mặt, hoặc là chống lại".

Từ 1870 đến 1873, vì chiến tranh và chiến bại, vì cách mạng vô sản ở Pa-ri, vì còn bị Đức chiếm đóng, nên Pháp lo gì mấy đến Nam Kỳ; vả lại bọn đô đốc thống đốc thay nhau luôn, không tên nào ở lâu, tên nào qua Sài Gòn thì cũng hối hả vơ vét cho đầy túi đặng rồi co về Tây sống an nhàn cái tuổi già.

Đến 1873, Đô đốc Pô-thu-ô[1] tổ chức lại sự cai trị ở Nam Kỳ cho nó hơi giống tí nào với chế độ đệ tam cộng hòa bên Pháp. Bên Pháp có phân quyền thì, Pô-thu-ô cũng vẽ ra sự phân quyền ở các tỉnh Nam Kỳ. Bấy giờ hắn đặt ba tên tham biện ở mỗi tỉnh chia

1. Pothuau.

https://tieulun.hopto.org

nhau việc, chia nhau quyền, gọi là để giảm sự độc tài. Nhưng thực tế, thì độc tài không giảm tí nào mà số ký sinh trùng trong bộ máy cai trị đã nặng lại càng thêm nặng - chính đó là đặc điểm của chính sách thuộc địa Pháp, bộ máy quan lại người Pháp vô cùng nặng nề, lương cao, rút của của dân như một đàn đỉa đói; lương của mỗi chủ tỉnh tới 13.000f chớ phải ít đâu, trong lúc đó thì lương của mỗi ký lục người Việt Nam độ 100f một tháng, lương của lính mã tà 20f; tính theo đầu dân thì bộ máy Pháp ở xứ ta nặng 10 lần hơn bộ máy Anh ở Ấn Độ - bọn thực dân phải công nhận rằng:

"Thực tế, không có phân quyền gì cả; bởi vì, nếu cả ba ông tham biện có nhiệm vụ khác nhau, thì một ông là thủ trưởng của hai ông kia, hai ông kia tùy thuộc, tức không thể cãi lại".

Độc tài, hà lạm, lộng quyền cứ tiếp tục, Luy-rô[1] lập ra trường đào tạo tham biện, dạy cho số thực dân kia biết tiếng Việt, đọc chữ nho, hiểu phong tục Việt Nam để thống trị một cách đắc lực hơn; bọn tham biện mới ở trường này ra sẽ là bọn ra tổ chức bộ máy cai trị Pháp ở Bắc Kỳ sau này.

2. Đàn áp, cướp của

Trong một diễn văn ở nghị viện Pháp năm 1963, để giải thích vì sao Pháp chiếm Nam Kỳ, Bộ trưởng Sác-sơ-lu Lô-ba đã trình bày rằng ở Nam Kỳ, dân hãy còn nhiều phong tục hung dữ (moeurs cruels), Pháp phải đem văn minh công giáo (civilisation chrétienne) để mà.

Thì đây, ta hãy nhờ người Pháp, người thực dân Pháp, để ghi lại một số sự hung dữ ấy quả có ở Nam Kỳ, nhưng không phải là phong tục Việt Nam mà là phong tục thực dân. Tên Thống đốc Lơ-mia đờ Vi-le[2] nói về một số việc "tư pháp" của Pháp trong thời kỳ thống trị của các đô đốc:

1. Luro.
2. Le Myre de Vilers.

1. *"Thưa ngài giám đốc: tôi hân hạnh gửi theo đây một bản án xử những người làm rối loạn mà tôi đã bắn rồi"*[1].

Bắn rồi mới gửi bản án lên cho tên giám đốc dân vụ; theo nghị định năm 1868, thì (vì đã xảy ra quá nhiều vụ "tiền trảm hậu tấu" do bọn tham biện, quan án, quan bố, quan huyện người Pháp gây ra, nên mới có nghị định này) các vụ từ 150f trở lên và một tháng tù trở lên phải gửi lên cho thống đốc chuẩn y mới được thi hành; thế mà nghị định thì nghị định; phong tục thực dân tự tiện giết người cứ tiếp diễn.

2. Vụ điển hình sau đây chứng tỏ rằng thực dân không cần bằng có để xử tử dân, chỉ cần xem tướng mạo.

"Vì rằng ba người này đến đầu thú chậm 2 ngày sau khi tên Huân đã bị xử tử (đây là địch muốn nói đến Thủ khoa Huân); vì rằng cứ xem tướng mạo của chúng nó thì dường như là chúng nó sinh ra để ăn cướp và để khởi loạn; vì rằng chúng nó không khai báo đầy đủ; cho nên chúng tôi tuyên bố rằng chúng nó phạm tội khởi loạn... và chúng tôi tuyên án xử tử cả ba"[2].

Vụ này không bắn người trước khi báo cáo, mà đưa lên thống đốc. Tên thống đốc ra lệnh đem hành hình ngay. Như thế, sự duyệt y của thống đốc không kém tàn bạo hơn tàn bạo của bọn võ quan cai trị địa phương.

3. Bọn thống đốc muốn đày đọa người ái quốc Việt Nam thì tự ý, không cần pháp luật gì cả; ví như Phan Tôn, Phan Liêm bị bắt tại Hà Nội; thống đốc Nam Kỳ tự ý nghị quyết đầy chung thân hai người ấy sang đảo If ở ven biển nước Pháp.

4. Sau đây, lại là một trong hàng trăm vụ cướp đất bằng "tư pháp"; tháng 5 năm 1875, một nghị định của Thống đốc Duy-pơ-rê, chuẩn y lời khống cáo của tay sai, tịch thu mấy nghìn mẫu ruộng

1. Le Myre de Vilers, *Les Institutions de la Cochinchine*, tr. 67, 68, 69.
2. Le Myre de Vilers, *Les Institutions de la Cochinchine*, tr. 67, 68, 69.

https://tieulun.hopto.org

của con cháu ông Hống ở Tân An, lấy cớ rằng những người này là bị tình nghi có tham gia xa hay gần vào những cuộc vận động bài Pháp. Trong nháy mắt, ruộng này đã về tay tên Huyện Sĩ và bè lũ tay sai thực dân. Lẽ tất nhiên Đuy-pơ-rê có lãnh phần của hắn mà tên Huyện Sĩ không thể không đem đến để "trả ơn".

3. Bắt lính, tổ chức mã tà, lính tập

Theo chỉ thị của Sác-ne thì mỗi tên huyện trưởng (người Pháp) liền sau khi đến nhận chức thì chú ý trước hết đến ba việc: lập đội lính mã tà, tổ chức trạm (liên lạc) và tìm người để bổ làm hội tề. Chúng dùng người Việt để đánh người Việt.

Bản thân Sác-ne tổ chức ngay 4 đại đội mã tà với một đoàn 900 cô ly thường trực phụ thuộc vào quân đội viễn chinh của chúng với một đội kỵ binh người Ta-gan.

Bô-na đến. Hắn đặt ở mỗi huyện 50 mã tà, 100 lính cầm thương và mỗi đội 5 người có một người cầm súng. Phải nói ngay rằng không phải chúng dễ tìm mã tà, súng của mã tà là súng cũ trước 1850. Ngày 4-2-1862 Bô-na ra nghị định bắt mỗi xã phải nộp một số lính để lập ở mỗi tỉnh một tiểu đoàn lính tập gồm 6 đại đội, mỗi đại đội 125 người do một hạ sĩ quan Pháp cầm đầu, và 3 lính Pháp làm nòng cốt, võ trang bằng súng cũ kiểu 1842. Thực tế thì va chỉ lập 1 tiểu đoàn ở Gia Định mà thôi; các xã không chịu nạp người, thanh niên không chịu đi lính. Báo cáo của thực dân đều ghi lại những vụ người Việt trốn lính, bắt lính, nhà nào có con đi lính thì như một đám ma - có kẻ chặt ngón tay trỏ bên phải để khỏi đi; có rất nhiều người đi lính rồi bán súng, bán đạn cho quân khởi nghĩa, hoặc chạy qua hàng ngũ kháng chiến. Trên các con đường trạm, mỗi chặng có 50 lính tập canh gác, nơi đây là nơi mà người kháng chiến vận động đắc lực nhất để mua súng đạn hay kéo cả lính mã tà và lính Ta-gan qua phe mình. Sau khi địch lấy cả ba tỉnh miền Tây thì số lính ngụy mà chúng lập ra lên đến 4.000 người, chuyên

việc canh gác ban ngày (ban đêm thì lính Tây canh gác) và đi đàn áp ở các nơi, dưới quyền chỉ huy của tên thống đốc và các tên chủ tỉnh; đó cũng là cái khí cụ để chúng đi bắt sưu và thu thuế.

II. CHÍNH SÁCH SƯU THUẾ CỦA THỰC DÂN

Trước 1880, chủ yếu của sự bóc lột của thực dân ở Nam Kỳ là sưu thuế, chưa phải là sự đem hàng hóa của Pháp đến mà bán đất. Đô đốc Bô-na vừa đến là chú trọng ngay đến việc sưu thuế, tìm đủ cách để làm ra tiền lấy của dân Việt mà chinh phục và thống trị người Việt. Hắn:

1. Lập lại tất cả các thứ thuế của Tự Đức.

2. Cấm đánh bạc ngoài đường, mở thêm sòng bạc mà hắn cho thầu. Riêng Chợ Lớn năm 1862 đã có 10 sòng mở cửa từ 6 giờ sáng đến 9 giờ tối.

3. Mở thêm tiệm hút á phiện, bán á phiện và thu thuế tiệm hút.

4. Đánh thuế nấu rượu và bán rượu.

5. Đánh thuế thuyền biển. Mở thương cảng Sài Gòn.

6. Thu chiến phí của Tự Đức.

7. Bán đất trong thị xã Sài Gòn - Chợ Lớn.

Dân ta còn chống cự mạnh, địch chỉ thu được 1.245.269 đồng năm 1862; thuế phiện là 45.000 (mỗi đồng hơn 5f); bán đất được 48.000 đồng; sòng bạc 1.562 đồng, thuế tẩu đỗ 13.197 đồng và 220.000 chiến phí. Ta biết rằng năm ấy, chiến trường Nam Kỳ tốn cho Pháp 22 triệu quan.

Năm 1863, La-gơ-răn-đi-e sang thay Bô-na. Theo một nghị định của Pa-ri thì chính phủ thuộc địa ở Sài Gòn phải tự lực tìm tại chỗ đủ tiền để chi phí, trừ khoản lục hải quân; hơn nữa, theo nghị định ấy, chính phủ Sài Gòn phải nộp hàng năm vào quỹ của bên Pháp.

https://tieulun.hopto.org

Cho nên, lúc ấy, nếu làng nào thiếu thuế thì tên tham biện chủ tỉnh kéo quân đến bắt bớ, tịch thu tài sản của dân để bù vào. Cộng với mọi phương sách nặn ra tiền của Bô-na, La-gơ-răn-đi-e lo tìm lại các điền bộ và hộ bộ mà làng xã ta hoặc đã giấu hoặc đã đốt; năm 1864, nó bắt đầu kiểm kê số dân và số đất. Ruộng, vườn thì từ nay phải nộp thuế bằng tiền: mỗi héc-ta (một mẫu tây) đóng 5f đến 5f50, trừ 10 xã Gia Định và 20 xã Mỹ Tho phải nộp bằng thóc để chúng phát lương cho nhân viên, lính tráng. Mỗi đầu dân đinh đóng 5f (lúc ấy 5f = 1$00, mỗi tạ lúa 1$50). Ruộng muối đóng cho đến 190f mỗi mẫu.

Thuế nặng quá; theo địch thì bấy giờ người Việt chỉ khai 3/5 diện tích, giấu 2/5. Đó là chưa kể số dân cũng không làng nào khai thiệt.

Mỗi tên chủ tỉnh đều có quyền bắt sưu. Mức sưu dịch là mỗi dân đinh phải đi sưu 4 ngày trong một tháng, tức một tháng rưỡi mỗi năm. Pháp tính toán là ở ba tỉnh miền Đông có 35.992 dân đinh; chúng bắt được 1.727.716 ngày công hay là 869.808f vì chúng trả tiền công 0f50 mỗi ngày.

Cũng năm 1864, địch quy định thuế môn bài 4 loại từ 50$ đến 600$; đến 1869, chúng lại đặt thêm hai hạng nữa 25$ và 12$50 đánh vào người bán rất nhỏ mà đây lại là số đông.

Do đó, số thuế thu vào tăng lên, dân càng bị ép nặng.

1862: 130.000f	thuế thân
1863: 216.000f	
1864: 438.000f	

Năm 1864, thuế trực thu là 1.300.000f; gián thu là 1.290.000$00, tất cả:

3.012.000f: năm 1864

4.083.000f: năm 1865

5.056.000f: năm 1866

5.740.000f: năm 1867

Năm 1867, Nam Kỳ đã nộp về Pháp 1.500.000f, nghĩa là 1/4 số thu thuế. Năm ấy có 37.354 dân đinh đóng thuế thân, 208.725 héc-ta điền và thổ nộp số thuế 1.701.000f, phần lớn nhất của ngân sách.

* * *

Sau chiến tranh 1870, sưu thuế lại càng nặng nề hơn nữa. Bọn thực dân cố truy đất chưa khai; mỗi năm nó bắt 1/5 số xã phải chỉnh lý điền hộ. Nó lập chế độ thầu nấu và bán rượu; lúc ấy Nam Kỳ có 2.500 nhà nấu rượu có khai báo; chế độ thầu giết chết bao nhà nấu trong làng. Thực dân bắt dân phải đóng tiền thay cho sưu dịch, ấy là sau nhiều cuộc toan khởi nghĩa của số dân phu bị tập trung đông, thành ra thuế thân lên đến 29f, bằng hai tháng tiền công nhật.

"Năm 1873 là năm đầu tiên mà người ta thu sưu dịch bằng tiền, tổng số thuế đến 16.913.819f, số ấy nặng quá đối với một xứ nghèo, không vốn dự trữ, mới thành thuộc địa và chỉ có cấy lúa".

"Nếu so sánh số thuế mà người Annam phải đóng dưới chế độ cũ với số thuế mà họ phải đóng dưới chế độ Pháp, thì đến năm 1875, thuế ngày nay nặng hơn thuế ngày xưa"[1]...

Năm 1875, tổng số thuế thu là 14.446.513f (so với 5.740.000 năm 1867). Sở dĩ năm này thu ít hơn năm 1873 là vì năm 1873, dân bị bắt buộc phải chuộc tất cả sưu dịch, còn năm 1875 thì địch giữ lại một số ngày sưu dịch để bắt dân đó làm không công.

Bóc lột phi kinh tế thực là trắng trợn và tàn nhẫn. Thực dân như Cultru mà còn nói như thế thì dân ta rên siết đến thế nào nữa?

1. Cultru, tr. 264.

https://tieulun.hopto.org

III. CHÍNH SÁCH KINH TẾ THỰC DÂN Ở NAM KỲ LỤC TỈNH

Đặc điểm của thời kỳ này là thời kỳ chinh phục, "bình định"; trọng tâm hoạt động của thực dân là quân sự và cai trị; Nam Kỳ lục tỉnh nằm dưới sự độc tài cá nhân của bọn đô đốc, bọn sĩ quan hoành hành như những tên vua con, những chúa nhỏ.

Đặc điểm của thời kỳ này cũng là thời kỳ mà kinh tế nước Pháp chưa hẳn đã cấp bách cần dùng thị trường Nam Kỳ để lấy nguyên liệu cho kỹ nghệ của nó và để đem hàng hóa, vốn liếng của nó sang Nam Kỳ.

Vả lại tình hình đối ngoại của Pháp ở Âu châu trước và sau chiến tranh 1870 thất bại, chưa cho phép thực dân Pháp ở Pa-ri chú trọng nhiều đến sự khai khẩn Nam Kỳ: Pa-ri chưa có một chính sách kinh tế rõ rệt ở đây.

Tuy nhiên, sự bóc lột kinh tế vẫn là mục đích và hoạt động thường xuyên của bọn thực dân càng ngày càng thấy Nam Kỳ là béo bở. Tiền tệ được thông dụng hơn trước nhiều, nền kinh tế tự nhiên (trong căn bản) hồi trước 1859 lần lần bước vào kinh tế thực dân tư bản trong đó quan hệ bóc lột phong kiến ở nông thôn được tăng cường vì thực dân khuyến khích sự chiếm đất, khuyến khích điền sản của địa chủ. Địa chủ cố góp thêm nhiều tô để xuất cảng. Hồi Pháp mới đến thì ở miền Đông Nam Kỳ, tài sản phong kiến rõ rệt, còn ở miền Tây thì chưa có địa bộ; Pháp chiếm ba tỉnh miền Tây thì địa bộ ở đó mới thành, nghĩa là vô số đất ruộng của nông dân và của người điền chủ ái quốc nữa bị bọn tay sai của địch cướp lấy.

1. Thực dân ở Sài Gòn, Chợ Lớn

Cả vùng Sài Gòn, trước khi Tây đến, có 40 làng, với số dân non già 50.000. Đại bác của giặc nổ. Địch đốt nhà cướp của; dân ta lại tự động làm tiêu thổ kháng chiến. Sài Gòn lúc bị chiếm chỉ còn ít

nhà ở lại dưới quyền chúng tại Chợ Quán. Mãi đến 1863 thì, kể cả bộ máy xâm lược của giặc và cả một số dân hồi cư, một ít người công giáo tản cư đến, hoặc người bị bắt đem về, chỉ có 8.000 dân ở trong 40 làng tại Sài Gòn mà thôi. Phần lớn Sài Gòn trở thành như đám rừng hoang.

Thực dân bắt đầu sự "khai hóa" kinh tế của nó bằng cách ngay sau khi đã phá Đại đồn, chiếm tỉnh Gia Định, tuyên bố rằng đất nào vắng chủ là của chính phủ Pháp. Nghị định ngày 25-2-1864 bán rẻ cho Tây cả vùng đất thuộc Đại Đồn, cứ mỗi héc ta là 200f, trả trong 3 năm; hay mướn thì mướn từng lô 20, 30 héc-ta trong 25 năm, mỗi năm 10f, một héc-ta. Rồi tiếp theo đó, cứ đất vắng chủ là chúng bán. Riêng từ 30-3-1865 đến 1-8-1866 chúng bán đến 4.119 héc-ta, với số tiền là 1.739.846f, cho thuê 87.269f (Tây và tay sai của nó mua và mướn hầu hết). Chúng tự tiện đào vô số mồ mả người Việt trên đất chúng mướn hay mua.

Lúc 1864, thì Sài Gòn đã có 6.000 Hoa kiều và 200 Ấn kiều. Hoa kiều hầu hết là buôn bán, Ấn kiều hầu hết là chăn nuôi và đánh xe. Năm ấy, địch xây dựng sở Ba Son làm hàn, làm tiện; làm dây, làm gạch, làm sườn nhà và sửa chữa thuyền. Một số thầu khoán người Việt và Hoa lãnh làm một bến tàu dài 1.800 mét, làm chợ, vét kênh; tàu sâu 4m20 đã cập bến được: thuế xuất nhập cảng thành một nguồn lợi quan trọng của thực dân. Đến 1866 thì với thợ Việt và Hoa, thực dân lập ụ sửa tàu đầu tiên: năm ấy chúng mua từ Pháp sang 800.000f máy móc của hãng Cơ-rơ-zô[1]: 2 cầu sắt, 14 ca-nô, xà lan sắt, v.v...; Nam Kỳ bắt đầu là thị trường cho kỹ nghệ của bên Pháp.

Bọn cô lông lục tục đến, giành các món làm ăn ngon cho chúng: ví như, năm 1866, hai tên cô lông E. Luy-rô[2] và L. Lô-bơ-rôn[3] thầu vệ sinh và quét bùn.

1. Nhà xuất bản chưa tra được từ nguyên.
2. E. Luro.
3. L. Bebrun.

https://tieulun.hopto.org

Chợ Lớn bấy giờ (1865) trước chia làm 20 làng nay chia làm 4 khu với 40.000 dân; ở đó thì buôn bán thịnh nhất Nam Kỳ, thuế môn bài nhiều, cờ bạc, rượu, phiện đều được thực dân cho thầu.

Thuế thì vô số, trong đó có cả thuế đi qua cầu.

Nhà băng "Comptoir d'Escompte" đã lập một chi nhánh ở Sài Gòn và có đại diện trực tiếp trong hội đồng thành phố. Số nhà buôn và cô lông Pháp cũng đã khá nhiều, nên đã có 7 tên làm ủy viên trong hội đồng này trước 1869.

2. Công nghệ, nông nghiệp, thương mại

Thấy rằng ở Long Thành có di tích của nhiều lò rèn lớn, nên năm 1869, địch ở Sài Gòn tổ chức một đoàn đi tìm mỏ, bên Pháp lại gởi kỹ sư Pơ-ti-tôn[1] cũng đi tìm mỏ. Tìm không ra, nhưng việc đi tìm là đáng chú ý.

Trước đó thì La-gơ-răn-đi-e từ lúc mới qua Sài Gòn đã nghĩ đến việc bóc lột bằng công nghệ; mà bấy giờ thì ở Nam Kỳ có mấy nghề nhỏ như để tằm kéo tơ, ép dầu, làm đường, lò nhuộm v.v...

Năm 1865, La-gơ-răn-đi-e sai y sĩ Tuyệt nghiên cứu vấn đề công nghệ; năm 1870, thực dân gởi tơ Châu Đốc về Ly-ông[2] cho bọn tư bản nghề dệt xem, chúng chê xấu và đắt (Giá tơ ở Sài Gòn lúc ấy là từ 32 đến 35f. Một ki-lô, mà đem qua Pháp thì chỉ bán từ 25 đến 30f). Một người Pháp, một người Hoa kiều làm nhà máy xay lúa. Sau 1877, Pháp lập xưởng cầu ốc ở Chợ Quán, nhưng rồi thất bại, đóng cửa xưởng. Người Hoa kiều tên Hoàng Tài làm lò gạch ở Chợ Lớn. Nhà máy kéo sợi mở ra năm 1869 thì năm 1876, phải đóng cửa. Pháp lập lò đường (1870), 3 chủ đều thất bại kế tiếp nhau. Chúng lập hãng rượu Bi-e[3] (1874) thì năm 1878 đổ. Hồi năm 1869, chúng lập nhà máy cưa lại thất bại, 1875 lập lại lần nữa.

1. Nhà xuất bản chưa tra được từ nguyên.
2. Lyon.
3. Nhà xuất bản chưa tra được từ nguyên.

Thế là về công nghiệp, ngoài cái Ba Son, mấy lò gạch và một số nhà máy gạo thì chưa có gì đáng kể.

Năm 1862, các rừng rú, đất hoang đều bị tuyên bố là đất của chính phủ thực dân; địch buộc dân, dù làm củi để đun, cũng phải xin phép và nộp thuế.

Đô đốc Rô-zơ tạm thay cho La-gơ-răn-đi-e, lập "ban canh nông và công nghệ" Nam Kỳ. Nực cười là ban canh nông và công nghệ này hầu hết là sĩ quan mà tên tham mưu trưởng Phốc-đờ Jông-ke[1] làm Chủ tịch. Chúng bày ra triển lãm sản phẩm hàng năm; trong cuộc triển lãm 1867, đã có thấy một ít hàng hóa từ Pháp sang, nhất là tơ lụa, nhưng chưa phải là bao nhiêu.

Đã có một số ít tên thực dân chiếm đất ở miền Đông như Mô-rô[2] trồng thuốc lá. Cha cố có đem cà phê trồng thử thì đều chết sạch. Pháp đem đay, va-ni, ca cao đến trồng cũng hoàn toàn thất bại. Năm 1878, Nam Kỳ có 3.000 héc-ta mía của nhân dân; không hơn gì 10 năm về trước.

Nói chung, những công nghệ và nông nghiệp kiểu Tây phương lúc ấy không đứng nổi. Ngược lại, cái hướng bóc lột chính là ruộng nương, xuất cảng lúa. Lúa gạo là món ăn căn bản của nhân dân, thì địch cố tìm đủ cách vơ vét để xuất cảng:

Năm 1867 xuất cảng 192.997 tấn gạo.

Năm 1877 xuất cảng 5.104.591 bao, tức là 510.495 tấn, giá 8.543.000$00. Điều đáng chú ý là trong năm đó, có 403 tàu vào Sài Gòn trong số này 235 là tàu Anh, 41 là tàu Đức, chỉ có 86 là tàu Pháp. Pháp còn nắm phần ít ngoại thương; ngoài ra có 183 thuyền Trung Quốc và 3.200 thuyền Việt Nam ra vào bến. Trong sự xuất cảng này, bọn thực dân lời to, chính phủ thuộc địa thu thuế nhiều, mà đó cũng là cách hay nhất của địch làm cho địa chủ

1. Nhà xuất bản chưa tra được từ nguyên.
2. Nhà xuất bản chưa tra được từ nguyên.

https://tieulun.hopto.org

phong kiến lần lần dính líu quyền lợi với Pháp, cộng tác với địch, làm tề làm tổng cho địch, bắt bớ người ái quốc trong làng[1]; đó là cái lý do chính cắt nghĩa tại sao lần lần Pháp lập được bộ máy cai trị ở huyện, tổng và xã. Không phải rằng tất cả thân hào theo Pháp; ngay cho đến đầu thế kỷ XX, số thân hào chống Pháp hãy còn đông, nhưng ý chí đề kháng của họ đã nhụt bớt đi nhiều. Ở thành thị, một tầng lớp tư sản mọc lên, yếu ớt, chưa có ý thức chính trị. Từng nhóm công nhân đã thành hình trong mọi sự kiến trúc của thực dân song hãy còn ít ỏi vì phần lớn sự kiến trúc đều do địch bắt phu làm sưu, cho nên đấu tranh của dân công, của phu thực tế chỉ là đấu tranh của nông dân (ví dụ cuộc đấu tranh của 4 vạn dân công làm kênh chu vi Sài Gòn - Chợ Lớn).

IV. CHÍNH SÁCH GIÁO DỤC, ĐÀO TẠO TAY SAI VÀ NHỒI SỌ NHÂN DÂN

Bao giờ cũng thế, kẻ xâm lăng vừa đàn áp bằng võ lực, vừa ép nặng về kinh tế và vừa đàn áp bằng tư tưởng: không thể chạy ra ngoài hay thiếu một trong ba hình thái giai cấp đấu tranh ấy; mà dân ta cầm gươm giết giặc, không chịu đóng thuế cho giặc, tuyên truyền chống giặc, cũng là sử dụng ba hình thái của cuộc dân tộc và giai cấp đấu tranh. Bốn điều kiện sau đây quyết định chính sách "giáo dục" của thực dân trong thời kỳ xâm lăng và "bình định" này:

1. Tất cả sĩ phu đều chống giặc, bất hợp tác với giặc, làm cho giặc không thể có môi giới sẵn để cai trị nhân dân.

2. Bọn tay sai của địch đều là những tên côn đồ, vô loài, chữ nghĩa chẳng có gì, chữ Tây không có đã đành, mà nho học cũng chỉ là năm ba chữ; bọn thực dân lại càng không biết chữ và tiếng ta mà phải trực trị; không biết cả phong tục luật lệ Việt Nam.

1. *Cochinchine française ch. Lemire*, tr. 138.

3. Tiếng nói Việt Nam đã được La-tinh hóa từ lâu và đã được dùng ít nhiều trong việc truyền đạo. Số đông các người cộng tác với Pháp lại là những người theo công giáo, mặc dầu rằng không phải số đông đồng bào công giáo cộng tác với Pháp.

4. Chính sách thuộc địa được Pháp áp dụng ở Phi châu lâu nay hướng về ngõ đồng hóa cái xứ thuộc địa.

Việc đầu tiên của Sác-ne, về mặt này, là lập ra trường đào tạo thông ngôn; Bô-na (cựu Thống đốc đảo Ta-hi-ti, Guy-dan) tiếp tục việc ấy. Cần dùng thông ngôn thì nhiều. Pháp bắt đầu dùng những cha cố và cựu học sinh trường đạo (đã lập từ lâu ở Pê-năng[1] Nam Dương); cha cố Pháp thì ít, cha cố Việt Nam và cựu học sinh trường Pê-năng thì chỉ biết chữ La-tinh thôi, còn bọn võ quan cai trị thì chữ La-tinh chẳng có mấy; thông ngôn bằng La-tinh rất tối, nói gà ra ngỗng, vấn đề lập ra trường thông ngôn là vấn đề mất còn của địch. Nhưng, khốn nỗi, tìm người đi học không ra; bọn thực dân vừa ép buộc, vừa dụ dỗ, chẳng mấy ai đi học, rốt cùng phải quơ quàng bắt bồi bếp đi học thông ngôn, đặt cho cha cố tìm người đi học.

Như thế mà người Việt đi học làm thông ngôn, chỉ đếm được trên 10 đầu ngón tay cho nên Bô-na phải lấy lính Pháp vào trường để cho học tiếng Việt Nam.

Trường này do cha Cơ-róc[2] và cha Thu phụ trách. Rồi chính bọn du côn vô loài, vô học, bập bẹ ba chữ Tây này sẽ đẻ ra những tên "quan to" như Phủ Ca, huyện Sĩ, Tổng đốc Lộc, v.v... tàn nhẫn khét tiếng. Nếu đọc lại tờ báo Pháp *Le Courrier de Sàigon* lúc đó, ta sẽ thấy vô số các vụ thông ngôn thừa cơ hãm hại đồng bào cướp của, giật ruộng, ăn hối lộ, tàn sát; nhân dân rất bất bình, cho đến đỗi có khá nhiều lần, ngay bọn Pháp (đã chia phần sư tử với đám

1. Penang.
2. Croc.

https://tieulun.hopto.org

thông ngôn kia) cũng phải đưa ít đứa vào tù hay đi Côn Lôn để che miệng thế gian.

Để mua chuộc sĩ phu, địch tổ chức trường dạy chữ nho, vào trường ra trường không cần phải học chữ Pháp cũng có thể làm thơ ký hạng nhất. Chúng lập lại kỳ thi chữ nho; không một ai đi thi với chúng.

Chúng ra nghị định năm 1863, lập lại hệ thống giáo dục của triều đình Huế với cái chức đốc học ở tỉnh, huấn đạo ở Phủ, Huyện, giáo thụ ở thôn xã. Nhưng, vô hiệu: các sĩ phu không ai ra làm, họ chỉ dạy trẻ ở nhà họ và dạy trẻ là tuyên truyền ái quốc chống xâm lăng. Rốt cùng, địch phải hủy bỏ nghị định.

Địch lại bắt đầu tổ chức một số trường Pháp Việt cho trẻ em; ví dụ như trường "Cha Cả" do cha Puy-gi-nhê[1] (một cái tên mà sau này nổi tiếng trong việc chinh phục Bắc Kỳ) phụ trách. Chiêu sinh như thế nào: - Chúng bắt trẻ mỗi làng mấy đứa như là bắt lính; bắt con nhà nào đi học thì buộc làng ấy phải bồi thường. Để ghi lại kết quả của các trường Pháp Việt này, xin để cho Cultru nói:

"Kết quả chẳng ra làm sao cả; phần đông trẻ con đi học thì học đọc và học viết chữ quốc ngữ; không mấy đứa học và nói tiếng Pháp, có nói được cũng dở quá. Sau một năm học, 4, 5 đứa bị bắt đi làm thông ngôn ở các đồn lính... còn số đông thì phải tống chúng nó ra làm thủy thủ trên tàu chiến Duperre"[2].

Tại sao trẻ con không học tiếng Pháp mà chỉ học chữ quốc ngữ? - Không phải thanh niên ta không thông minh; mà chính vì các em cũng như các anh và các cụ giàu lòng ái quốc, bị bắt đi học chớ không muốn phục vụ cho kẻ xâm lăng. Mở trường "Pháp Việt", như thế, không phải là nơi gieo rắc văn minh, khoa học gì, chẳng qua là nơi tạo thông ngôn, chẳng qua là một cách bắt lính dưới nhãn hiệu văn hóa.

1. Puginier.
2. Cultru, tr. 242.

Có một điều đáng chú ý đến, là, sở dĩ Pháp dạy chữ quốc ngữ vì: thứ nhất, nhà nho không cộng tác với nó, thứ nhì, chúng cố dùng nhà trường để truyền đạo, thứ ba, chúng cố đấu tranh về tư tưởng và chính trị với sĩ phu và nhân dân, tuyệt nhiên không có một ý nghĩ gì rằng quốc ngữ là cỗ xe chở văn hóa, chúng không dè và không thể dè rằng cái quốc ngữ đó phát triển lên sẽ trở thành một vũ khí sắc bén để chống kẻ xâm lăng một cách rất đắc lực. Từ 1882 thì tất cả các công văn không còn làm bằng chữ nho nữa, chỉ làm bằng quốc ngữ. Lúc ấy ở Sài Gòn đã có hai tờ báo bằng chữ quốc ngữ là *Gia Định báo* và *Nhật kim Nam Kỳ* của Pháp và bọn tay sai xuất bản làm cơ quan nhồi sọ nhân dân; những truyện sách chữ nôm trước kia nay được in bằng quốc ngữ. Báo Pháp có 2 tờ, *Courrier de Saìgon*, và tờ *L'Indépendant*, 2 tờ này luôn luôn tuyên truyền rất mạnh việc xâm lấn Bắc Kỳ.

Đến năm 1867, nghĩa là sau 7 năm, chúng mới lập nổi có 56 trường tiểu học mà số học trò thì chỉ có 1.300 mà thôi, mỗi trường trung bình 25 trẻ.

Năm 1869, sau khi đã lấy xong ba tỉnh miền Tây, sự cần dùng tay sai càng nhiều hơn: bọn thực dân bèn lập thêm 6 trường dạy tiếng Pháp do hạ sĩ và săng đá làm hiệu trưởng và giáo sư! Buồn cười nhất là các trường do săng đá dạy này lại có nhiệm vụ đào tạo giáo sư người Việt, để sau đó thì dạy tiếng Pháp cho trẻ em Việt. Đến năm 1871, thực dân lấy một cái nhà tù ở gần trường thi cũ để làm một trường sư phạm. Còn ở mỗi tỉnh thì chúng lập một trường Pháp Việt tại tỉnh lỵ; học trò ít quá, chúng dụ dỗ cho 10f mỗi tháng cho học sinh nội trú; học ở đây hết ba năm thì lên trường trung học ở Sài Gòn, lấy tên của tên trùm thực dân là Sác-sơ-lu Lô-ba; đáng chú ý là cái trường này được chỉ thị hoàn toàn không dạy sử Việt Nam. Về giá trị của trường, Cultru nói rõ:

"Trung học chỉ có một tối thiểu số, chỉ vài trăm người thôi; còn tiểu học thì không có dạy văn chương, cũng không dạy luân lý: trên

https://tieulun.hopto.org

phương diện này, chương trình năm 1874 thua rất xa chương trình ở các trường chữ nho".

Mà, như ai nấy đều biết: chương trình trường chữ nho đã không phải là cao cả gì. Cái trường gọi là Pháp Việt chỉ chú trọng dạy chữ Pháp và chữ quốc ngữ, ngoài ra thì hầu như không có gì ngoài 4 phép toán. Lời của Cultru không phải là sai: *"Lấy sự dạy chữ Pháp và chữ quốc ngữ làm cơ sở cho sự giáo dục là thủ tiêu giáo dục... là tạo ra người vô học"*. Bọn thực dân, kỳ thật, có muốn giáo dục đâu? Chúng chỉ muốn tạo thông ngôn mà thôi và lúc đó chúng có cuồng vọng là đi tới chỗ làm cho dân Việt chỉ nói tiếng Pháp!!!

- Ngoài các trường kể trên, còn hai trường khác: trường giòng và trường đào tạo tham biện.

Thực dân cố sức lập nhiều trường giòng: ở Mỹ Tho, ở Cai Lậy, ở Sài Gòn, v.v... lợi dụng lòng mộ đạo tin Chúa của một số dân để đào tạo thông ngôn, thơ ký cho bọn xâm lược.

Để khuyến khích người Pháp học chữ Việt, tiếng Việt, làm thông ngôn và làm tham biện, chính phủ thực dân có nhiều đặc quyền cho những kẻ xuất thân từ trường hậu bổ do Luy-rô cầm đầu. Trường này, lập từ 1873 chiêu mộ một số sĩ quan hay hạ sĩ quan Pháp, và cả một số người bên Pháp sang. Sở dĩ địch lập trường này vì thấy rằng bọn tham biện chủ tỉnh mà không biết tiếng của dân, không biết phong tục luật lệ cũ, không biết cả luật lệ Pháp, không biết "làm nghề cai trị" thì bất lợi cho chúng. Trong trường này có dạy cả quốc ngữ, chữ nho, luật pháp Việt Nam, địa lý, kinh tế v.v... lương hậu khi thi đỗ; thông ngôn Pháp thì lương từ 2.000 tới 8.000f (còn lương của thông ngôn Việt Nam là từ 360 tới 1.800f); lương chủ tỉnh thì từ 5.000 đến 18.000f mỗi tháng. Lương đã cao, mà cái triển vọng hối lộ thì càng cao. Theo nhiều nhà sử thực dân thì sinh viên Pháp vào trường này có ba đặc điểm: trí tuệ rất tầm thường, bên Pháp thì đã tự xem như vào mạt lộ rồi, qua

thuộc địa để phiêu lưu kiếm cho mau mau đầy túi (xem Cultru, trang 252): về "tài đức" của bọn này, Cultru có than rằng:

"Khi họ đến trấn nhậm ở đâu thì ăn cướp và phiến loạn nổi lên một cách không tránh khỏi"[1].

Cái trường cặn bã này chẳng những có mục đích đào tạo người Pháp cai trị ở Nam Kỳ (và Khơ-me), lại còn có mục đích càng ngày càng rõ là chuẩn bị cán bộ thực dân cho việc chiếm lấy Bắc Kỳ sau này.

V. NHỮNG CÁI GỌI LÀ "CẢI CÁCH" LƠ-MIA ĐỜ VI-LE (LE MYRE DE VILERS)

Chung quanh 1880, đế quốc chủ nghĩa Pháp thành hình. Nhu cầu bóc lột mới, nhu cầu xâm chiếm mới cần phải có loại người thống trị mới và thống trị một cách mới. Lơ-mia đờ Vi-le sang làm Thống đốc Nam Kỳ, chấm dứt thời kỳ thống trị của đám đô đốc dài 20 năm. Đó là lý do; lý do sự thay đổi, tuyệt nhiên không phải là đệ tam cộng hòa Pháp có mỹ ý bỏ hay bớt cái độc tài quân sự ở thuộc địa, càng không phải là thực dân làm "một cuộc cách mạng" trong sự cai trị Nam Kỳ như sử thực dân thường nói. Lúc ấy, ở An-giê-ri, tên Thống đốc An-be-gơ-rê-vy[2] thay cho tướng San-zy[3] cũng như ở Nam Kỳ Lơ-mia đờ Vi-le thay cho Đô đốc La-phông[4].

Trong vòng 20 năm nay, một mặt thì thực dân đã nhận chìm trong vũng máu hàng chục cuộc khởi nghĩa của nhân dân; phong trào dân tộc giải phóng ở Nam Kỳ, trong căn bản, phải sớm đi qua một giai đoạn mới, không phải "thủ hiểm" và bạo động lẻ tẻ nữa dù rằng hãy còn có khởi nghĩa hay chuẩn bị khởi nghĩa nhất

1. Cultru, tr. 303.
2. Albert Grévy.
3. Nhà xuất bản chưa tra được từ nguyên.
4. Lafont.

https://tieulun.hopto.org

là trong dịp thực dân đánh chiếm Bắc Kỳ sau này. Một mặt khác: lần lần, thực dân đã tìm được một số (không phải nhỏ) phong kiến địa chủ đầu hàng làm tay sai cho chúng ở các tổng, các xã, sự xuất cảng lúa gạo làm cho nhân dân khổ, nhưng lại làm giầu cho một số đại địa chủ, và lần lần, trong sự bóc lột bằng công thương, thấy mọc ở một số thị trấn, nhất là ở Sài Gòn, một tầng lớp còn nhỏ thôi của tư sản mại bản: thầu cho giặc, mua sỉ hàng hóa của giặc, v.v... Vấn đề đối với thực dân là liên kết mạnh hơn với các lớp người ấy để thống trị quần chúng. Đó là ý nghĩa của câu của Đờ Vi-le khi hắn viết:

... *"Điều ấy chỉ đủ cho sự đòi hỏi của một tổ chức đơn giản, nhưng tất nhiên là không đủ đáp ứng nhu cầu của một thuộc địa có hơn 1.500.000 dân cư và có ngân sách trung bình 14 triệu... Theo ý tôi thì đã đến lúc phải nghiêm chỉnh đưa người bản xứ vào cùng lo việc của họ"*[1].

Người bản xứ mà Vi-le nói đây là và chỉ có thể là: các quan lại cao cấp nào đó đã tỏ trung thành với thực dân Pháp, lớp phong kiến địa chủ nào đó đã làm tổng lý cho thực dân và cái số tư sản mại bản mới mọc lên. Và chúng làm như thế chỉ là để đặt quyền thống trị thực dân trên một cơ sở mạnh hơn, rộng hơn, đặng dễ trị quần chúng hơn; điều này rất cần thiết hơn nữa và vì chính lúc đó là lúc mà thực dân chuẩn bị xâm chiếm Bắc Kỳ và toàn bộ nước Việt Nam.

1. Về mặt chính trị

Trước khi Vi-le đến, chế độ chính trị ở Nam Kỳ là chế độ độc tài lõa lồ quá: tên quan thống đốc, dù có một hội đồng tư vấn kề bên, là một ông vua tuyệt đối nắm toàn quyền về tài chính, tư pháp, cai trị, quân sự; các tên quan chủ tỉnh là hình ảnh nhỏ hơn của tên quan thống đốc.

1. *Institutions civiles de la Cochinchine.*

Đờ Vi-le muốn giảm bớt sự lõa lồ đó bằng một tấm màn thưa thớt.

Bộ trưởng Jô-rê-guy-be-ri thỏa thuận cho Vi-le (Nghị định 8-2-1880) lập ra cái hội đồng quản hạt Nam Kỳ trứ danh với tên "Hội đồng oui" mà người dân Việt Nam cho nó; nó gồm sáu người Pháp do người Pháp phổ thông đầu phiếu cử ra, và 6 người Việt do một số cử tri nhỏ cử ra, 2 người đại biểu của phòng thương mại, và 2 người do thống đốc chỉ định trong số hội đồng tư vấn. Thành phần đã rõ; nó không đại diện cho đội Nam Kỳ, lẽ tất nhiên; mà nó không có quyền gì ngoài quyền để đạt ý kiến về thuế vụ, ngân sách; nghị định nói rõ là cấm thảo luận chính trị trong hội đồng quản hạt. Cả Nam Kỳ với 1.500.000 dân, chỉ có 2.273 người có quyền đi bầu cử; buồn cười nhất là số cử tri này lại cử 2 đại biểu người Pháp và 4 tên tay sai thực dân người Việt trong một hội đồng 14 người.

Ngay những người Pháp có con mắt để mà trông vào thực trạng cũng phải viết:

"Sự cải cách có một tai hại nghiêm trọng là đặt vào tay một đa số người Pháp cả một ngân sách 14 triệu - ngân sách này sẽ gấp rút lên tới 20 triệu - phần lớn ngân sách đó là do người bản xứ đóng thuế, nhưng không phải là chi phí ra theo quyền lợi của nhân dân đóng thuế"[1].

Đúng là một tấm màn thưa che cái độc tài lõa lồ của thực dân sâu mọt, chúng đưa 3, 4 tên phản quốc vào để làm nhiệm vụ đỡ cái màn ấy mà thôi. Đó là cái mà chúng gọi là "cải cách chính trị".

2. Về mặt tư pháp

Ta biết rằng Bô-na định lập lại y nguyên chế độ xét xử của triều đình Huế với luật lệ của triều đình, khác một điều là hắn thay Tự

1. Cultru, tr. 327.

https://tieulun.hopto.org

Đức; nhưng tìm không ra sĩ phu Việt Nam cộng tác với nó, nó phải thôi. Suốt thời kỳ các đô đốc chuyên quyền thì hoàn toàn không có gì gọi là tư pháp, chỉ có tự ý của bọn Pháp cai trị từ nhỏ đến lớn, từ thấp đến cao, chỉ có "tòa án" binh là chính.

Tình hình bấy giờ (1879) có khác trước. Nhờ nhận chìm trong máu bao cuộc khởi nghĩa, nhờ triều đình phản phúc quyền lợi dân tộc, nên thực dân có củng cố được chính quyền của nó. Những vụ kiện cáo về đất đai, tài sản, buôn bán, v.v... nhiều lên, thực dân phải bênh vực không nhiều thì ít phần nào quyền lợi của những lớp mà nó xem là đồng minh của nó. Vi-le đặt một bộ máy tư pháp riêng ở các tỉnh và ở Sài Gòn, nhưng điều đáng chú ý nhất là quyền xét xử của bọn tham biện chủ tỉnh và của tên thống đốc không bị thủ tiêu; nói một cách khác hơn, dưới danh nghĩa "cải cách" thực dân tròng thêm vào cổ dân một bộ máy đàn áp nữa, một số lớn ký sinh trùng mà dân phải nộp thuế để nuôi; bọn tư bản Pháp thực dân này lãnh lương từ 10.000 đến 20.000f chớ phải ít đâu.

"*Ở một xứ mà trong nhân dân không có công dân, chỉ có những thuộc dân (sujet), ở một xứ mà tiếng nói và phong tục hoàn toàn khác với tiếng nói và phong tục của ta, điều căn bản là làm sao cho người thay mặt cho chính phủ phải có quyền hành đặc biệt để cho chỉ thị của họ được có hiệu lực, để cho dân chúng thấy rõ cái chủ quyền của ta*"[1].Vô luận tên tham biện và chủ tỉnh nào cũng có quyền bắt giam người Việt Nam, chẳng những bắt giam mà niêm phong tài sản nữa.

3. Về mặt hành chính, cai trị

Chỉ có sự thay đổi chi tiết về hành chính để làm cho bộ máy thực dân có hiệu suất trấn áp cao hơn. Vấn đề ta cần chú ý là vấn đề lính mã tà, lính tập.

1. Lời của Bộ trưởng Bộ Thuộc địa, ngày 21-5-1881.

Từ trước đến nay, các sĩ quan làm chủ tỉnh, chỉ huy lính mã tà. Từ nay đã là chủ tỉnh thì không phải là võ quan nữa, Pháp lựa chủ tỉnh trong số cử nhân luật hay học sinh trường tham biện; họ không chỉ huy được quân vì thế mà có nghị định lập ra đội lính tập (2-12-1869). Đội lính tập này (có 3.000 người không kể người Pháp) là một đội lính nhà nghề, đi lính 15 năm; các làng phải nộp lính, hễ lính nào trốn thì làng phải nộp người khác thay vào. Bọn thực dân tính rằng, làm như thế sẽ có một đội quân cách bức với dân, để dùng vào việc trấn áp dân, phụ tùng đắc lực cho quân viễn chinh Pháp. Ngoài số lính tập ra thì chúng lập lại các đội mã tà cũ nhưng đổi tên lại là mã tà tỉnh, chuyển việc canh gác trạm giao thông và các khám ở tỉnh, huyện.

Như thế bộ máy đàn áp của địch nặng nề hơn trước, điều ấy gián tiếp chứng tỏ rằng phong trào kháng chiến của nhân dân Nam Kỳ không tắt. Ngược lại, nó bước vào một bước mới; bước tổ chức quần chúng thành đoàn thể bí mật mà rộng rãi, một loại tổ chức đó là "Thiên địa hội".

4. Về mặt thuế vụ

Mười mấy năm thống trị của thực dân đã đưa lại một số biến đổi về mặt xã hội:

- Chính mình Lơ-mia đờ Vi-le, sau khi nghiên cứu sơ sài, đã phải công nhận rằng trong nhiều vùng ở nông thôn, những điền sản nhỏ biến mất đi, số nông dân không chút ruộng vườn càng ngày càng đông. Điều này rất dễ hiểu; bọn tay sai của Pháp thừa cơ giật ruộng đất của nông dân; dưới chế độ Pháp thì chủ điền bóc lột nông dân hơn trước; đồng tiền thông dụng, kinh tế thương mại trong một cơ cấu nông thôn phong kiến tất nhiên đem đến sự bần cùng hóa nông dân rất là mau, Gia dĩ:

Từ khi Pháp đến thì nó đã bắt đầu biến ngay lúa gạo thành món hàng để xuất cảng. Dưới quyền của triều đình Huế, trừ số

https://tieulun.hopto.org

lúa phải đem đi Trung Kỳ và trừ những năm rất được mùa, thì nhà nước cấm xuất cảng lúa gạo. Nay không phải như vậy nữa: năm mất mùa, bọn thực dân và con buôn vẫn vơ vét để xuất cảng mà lấy lợi, bọn địa chủ vẫn vơ vét để bán đi lấy tiền. Vì vậy mà đời sống của nhân dân điêu linh cực khổ hơn trước; xứ nhiều lúa mà dân đói; năm 1870 chính là năm đói cũng như năm 1866.

Thuế vụ ngày nay, so với trước, lại tăng lên. Thí dụ: 25 tỉnh Trung Bắc Kỳ đóng thuế cho Huế 21 triệu; còn 6 tỉnh Nam Kỳ phải đóng thuế cho Tây 20 triệu (năm 1881). Dân Nam Kỳ càng cơ cực.

Thu thuế trong làng gây ra nhiều sự hà lạm phi thường[1]. Bọn chủ tỉnh Pháp chỉ cần biết rằng xã trưởng phải nộp đủ thuế và đúng hạn, chúng nó để mặc hội tề đè nén, cướp giật của dân, ăn một phần, đóng một phần; nếu không thì tại sao làm xã trưởng lại phải đi lo lót với "quan trên"; nghề thu thuế là một nghề "làm ăn" rất khá. Thực dân thả tay cho bọn tay sai của chúng, vì kẻ cướp có kèn trống chia nhau.

Thuế điền thổ rất nặng; dân giấu diện tích; đó là một cách đấu tranh. Ví như làng Lai Hòa, Sóc Trăng, khai có 40 mẫu (năm 1868), khai 103 (năm 1877) và khai 846 (năm 1880). Cả Nam Kỳ có độ 650.000 héc-ta thì khai có 419.000. Chủ điền bị thuế nặng thì đè cổ dân đen càng dữ tợn. Cho đến đỗi ngay tên Đờ Vi-le mà ta không thể nghi ngờ rằng nó có chút cảm tình với dân nghèo, đã phải nói rằng:

"Đó là thuê lũy tiến ngược đầu, càng nghèo càng trả nhiều"[2].

"Sự áp bức dân nặng nề hơn trước"[3].

1. *Moisy Études sur l'impôt foncier des villages.*
2. *Institutions civiles*, tr. 143.
3. Cultru, *Histoire de la Cochinchine*, tr. 356.

Và kết luận rằng:

"Chúng ta đã tiêu hủy cái quá khứ, mà chúng ta không thay cái gì vào cả. Chúng ta đang đứng trước một cuộc cách mạng xã hội sắp nổ bùng ra, nguyên nhân của cuộc cách mạng này là cuộc chinh phục của chúng ta"[1].

Chính vì để ngăn trở cuộc cách mạng mà Đờ Vi-le để ra "cải cách" để bảo vệ quyền lợi của thực dân và kẻ đồng minh phong kiến của chúng. Cái trò hề cải cách này là:

Giảm mức thuế điền thổ; kỳ thật là để số điền thổ chưa khai lại được khai, tổng số thu sẽ không bớt, khai sai thì bị phạt rất nặng; rốt cùng thuế điền thổ sẽ tăng.

Trước cuộc uất ức và đấu tranh của người dân nghèo khổ, Pháp phải nhượng bộ bằng cách giảm thuế thân; nhưng để bù vào và để thay số thuế trực tiếp bằng một số thuế gián tiếp to hơn, nó đặt thuế phụ thu đánh vào mỗi bao gạo xuất cảng; số thuế này lẽ tất nhiên lại đổ vào lưng của nông dân mà thôi.

Thực dân không mất vào đâu cả, mà lại có cái "danh" giảm thuế.

Bằng có là năm 1879, khai 416.244 héc-ta điền thổ, thì năm 1881, khai đến 748.587 héc-ta; số thuế điền thổ thu được, không bớt mà tăng từ 2.604.430f, lên 2.626.000f. Năm 1881, xuất cảng 6 triệu bao gạo (mỗi bao 60 ki-lô), mà phụ thu 5 xu thì số thu này lại thừa để bù vào và mỗi năm càng cao vì mỗi năm số lúa xuất cảng càng nhiều; như thế địch bớt thuế thân đi 1/3 là không bớt gì cả, song có tác dụng lâm thời là đánh lừa được một số quần chúng.

Nói đến thuế gián thu:

Trước hết là thuế á phiện.

Nhắc lại rằng, ban đầu thì chính phủ thuộc địa cho hai người Pháp thầu (Telessio và Ségassie); hai tên này gian lận quá; nên Pháp

1. *Institutions civiles*, tr. 146.

https://tieulun.hopto.org

lại cho người Hoa kiều tên Hoàng Tài (anh này là chủ lò gạch) và ban Quảng Châu thầu; sau lại về tay ban Phúc Kiến. Ban này làm tiệm cầm đồ, buôn bán, bán hàng, làm đủ việc, thế lực rất to; họ có thuyền, thủy thủ được võ trang, lắm khi họ cạnh tranh bằng cách ngăn thuyền Việt Nam không cho đi sớm tới Sài Gòn - Chợ Lớn để họ bán cao giá; thủy thủ của bọn thầu á phiện này được Pháp xem là công chức. Cần biết rằng đến năm 1880 thì tiền thầu cái độc quyền buôn á phiện là 6.760.000f. Nghĩa là gần một phần ba số thuế cả Nam Kỳ. Xem đó thì rõ ràng Pháp đầu độc và bóc lột nhân dân đến bậc nào.

Thực dân "cải cách" cách nào?

Nó đem cái việc mua bán á phiện về thành độc quyền của nhà nước thuộc địa; nghĩa là tiếp tục đầu độc, lấy cái tiền thuế, 6, 7 triệu, lấy cả tiền lời khổng lồ của ban tư sản Phúc Kiến thu trong việc bán á phiện!

Về rượu cũng thế. Cũng chuyển thành độc quyền của nhà nước thực dân. Cái độc quyền này càng bị nhân dân phản đối dữ dội. Cultru nói rõ sự thật:

"Cuộc cải cách không có hiệu quả. Sự tổ chức độc quyền tỏ ra thật là tàn ác; thực hành rất là gớm ghiếc; các nhân viên kiểm soát thường hung tợn".

Bao nhiêu trăm bao nhiêu ngàn người nông dân nghèo từ thuở nay đặt rượu uống và bán trong làng, giờ bị cấm làm, bị bắt bớ, vu cáo, phải vạ, bỏ tù. Cùng với thuế thân, cái thuế rượu, là thứ thuế bị nhân dân ghét cay đắng nhất.

Lại nói về sưu dịch.

Vì lý do gì mà có "cải cách" về sưu dịch? Hãy nghe Cultru trình bày:

"Những người khốn khổ này, ở làng thì bị hội tề bóc lột, ra đi sưu dịch thì tai họa vô cùng; đi sưu họ ăn uống rất tệ, được trả tiền

rất tệ, bị bắt ngủ ngoài trời, tụ họp họ đông đảo như thế mất vệ sinh và có hại cho an ninh công cộng, bọn phiến loạn tuyên truyền tìm đồng đảng, và nhà nước chú ý thấy rằng mỗi kỳ đi sưu dịch lớn đều có những cuộc toan khởi biến. Cho nên từ 1879, nhà nước phải chịu, không dám bắt dân đi sưu dịch nữa".

"Cải cách" rốt cuộc chỉ là: tạm công nhận sự thật ấy, công nhận cái thắng lợi của nhân dân đấu tranh, mà tìm cách khác hơn, khéo hơn, sâu độc hơn, để thực hiện chính sách vơ vét. Nhưng bọn thực dân gỡ lại bằng cách bổ vào mỗi người dân từ 21 đến 60 tuổi phải đóng thêm một quan và hơn nữa phải đi sưu 5 ngày trong vòng 6 cây số ngoài làng. Đến năm 1883 thì bọn thực dân lập lại chế độ sưu dịch tàn khốc như trước để có nhân công rẻ mạt mà làm đường sá, kinh rạch, cầu kỳ, nhà cửa, cần yếu cho sự bóc lột và sự thống trị của nó, và cần yếu cho sự xâm chiếm Bắc Kỳ.

* * *

TÓM LẠI

Thực dân Pháp ban đầu, toan dùng bộ máy quan liêu cũ của triều đình để thống trị, toan khuyến rũ nhà nho ra cộng tác với chúng; nhưng quân đội của chúng đi đến đâu thì phủ huyện tổng lý đều biến mất với sổ hộ. Nhà nho không chịu theo giặc, mà cương quyết chống giặc; cho nên Pháp phải đặt võ quan cho đến phủ huyện, dùng bọn vô loài làm quan làng. Chúng đàn áp vô cùng tàn nhẫn, bắn giết không luật pháp nào cả; chúng tổ chức mã tà, lính tập, dùng người Việt đánh người Việt. Lúc đầu chủ yếu của sự bóc lột là sưu thuế còn nặng nề hơn là sưu thuế đã nặng của triều đình; độc quyền phiện và rượu bắt đầu, thảm hại.

Về mặt kinh tế thì chúng cướp đất, vơ vét lúa gạo để bán ra, gây nên nạn đói ở trong một vựa thóc lớn là Nam Kỳ; và mặt giáo dục, thì trước hết là chúng lo và chỉ lo đào tạo thông ngôn. Dân ta chống sưu thuế, cũng chống việc đi học làm thông ngôn.

https://tieulun.hopto.org

Năm 1880 trở đi, với Đờ Vi-le, tên thống đốc văn đầu tiên có những sự gọi là cải cách là cốt để hợp tác chặt với một số phong kiến đầu hàng; mục đích của chúng nó là đi bóc lột nặng hơn nhưng không lõa lồ bằng tăng cường bộ máy cai trị và quân sự, nhất là chuẩn bị sự xâm chiếm miền Bắc Việt Nam.

QUYỂN THỨ HAI

Bắc Kỳ kháng Pháp

https://tieulun.hopto.org

Lời nói đầu

Quyển thứ hai của bộ *"Chống xâm lăng"* bao gồm thời kỳ lịch sử Việt Nam từ sau khi mất Nam Kỳ lục tỉnh cho đến khi Pháp đánh phá Thuận An, buộc triều đình Huế ký hòa ước 1884 nhận quyền đô hộ của nó.

Chủ yếu là ghi lại cuộc xâm lăng của thực dân và chống xâm lăng của nhân dân ta từ khi địch chiếm Hà Nội lần thứ nhất đến trước ngày Hàm Nghi xuất bôn. Còn từ Hàm Nghi xuất bôn trở về sau thì sẽ thuộc quyển thứ ba: Phong trào Cần vương.

Trong sự viết đoạn lịch sử này có vài điểm đáng chú ý:

1. Phong trào kháng Pháp của nhân dân ngoài Bắc rất ít được ghi chép; được ghi chép ít hơn là phong trào kháng Pháp ở trong Nam. Có lẽ vì Pháp và Huế chú ý nhiều đến các cuộc đánh lớn hoặc giữa quân triều đình và quân thực dân, hoặc giữa quân Thanh và quân thực dân, mà không để ý ghi chép phong trào quần chúng - đó là lẽ tất nhiên. Hoặc là có những sự ghi chép trong dân gian mà ngày nay đã mất mát hay chưa tìm lại được. Nhưng dù sao, cái thành kiến nói rằng ở đất Bắc phải đợi tới sau khi có hịch Cần vương của Hàm Nghi mới có nhân dân kháng chiến, cái thành kiến ấy là sai xa, sai hẳn; thành kiến này có lẽ xuất phát ở sự thờ ơ, ít tìm kiếm của một số đông những người làm sử hồi thời trước. Nói như thế không phải là nói rằng tôi siêng tìm kiếm hơn; nhưng tôi bắt đầu từ một nguyên lý rằng không lẽ Tây vào, triều đình thụt lùi, mà dân không đánh; không lẽ ở đất Bắc là nơi phong trào nông dân tự thiên cổ đã cao hơn ở miền Nam, truyền thống chống xâm lăng ăn vào xương máu của mỗi người,

https://tieulun.hopto.org

mà khi kẻ địch Tây phương đến, dân lại ngồi im xem triều đình đối phó ra làm sao? Tuy không tìm thấy đầy đủ, tôi đã nắm được một số bằng cớ tối thiểu để chứng minh vai trò của quần chúng mà một người học sử theo quan điểm Mác - Lê nhất thiết phải chú ý đến.

2. Mãi cho đến rất gần đây, nhiều nhà sử học cách mạng vẫn còn xem rất nhẹ vai trò của Lưu Vĩnh Phúc, thậm chí gọi Lưu là giặc; trong các trường, ảnh hưởng của các nhà làm sử này không phải ít; ảnh hưởng đó có lúc đã biểu lộ trong chương trình giảng dạy. Nhiều nhất là trước đây, người ta xem Lưu và Lưu đoàn như là một toán quân đánh giặc mướn cho triều đình, còn thường lệ thì nói rằng Lưu đoàn chỉ là một toán giặc cỏ có tổ chức.

Nay cần đính chính cho rõ. Cần nói đúng sự thực lịch sử.

Sau bài tôi viết trong báo *Nhân dân* ngày 3-10-1956, có nhiều bạn đọc gởi thơ chất vấn; thì, quyển hai này giúp tôi giải đáp cụ thể cho các bạn về "vấn đề quân Cờ đen". Tôi nói nhiều đến Lưu Vĩnh Phúc trong quyển hai cũng như đã nói nhiều đến Pô-kum-Pao trong quyển một, là tôi có dụng ý đặt lại mọi việc ở vị trí xứng đáng của nó. Tôi thành công hay không, đó lại là một vấn đề khác.

3. Có một quan điểm phi lịch sử cần được đả phá là sự lẫn lộn giữa triều đình Huế, các tỉnh thần và thân hào ở địa phương. Tất cả là phong kiến; đúng như thế. Nhưng trong thời kỳ lịch sử này không thể nói là cả phong kiến đầu hàng giặc xâm lăng, cần thấy cái quá trình phân hóa về chính trị. Không vì lẽ ngày nay ta làm cách mạng phản phong, rồi ta bất chấp thời gian và không gian mà nói bâng quơ rằng giai cấp phong kiến theo Tây từ đầu.

Sự thật là trong thời gian lịch sử này, triều đình Huế đi lần từ chỗ do dự, thụt lùi, đến chỗ đầu hàng giặc; tuy thế, cánh kháng chiến ở Huế không phải đã tiêu hết. Và tuy thế, ngay trong số người lên làm vua và số đại thần lớn nhất, cái ý chí chống xâm lăng không hẳn đã tàn rụi đi rồi. Một số (chỉ một số thôi) các quan

hàng tỉnh thì sợ giặc, miễn cưỡng theo thái độ do dự và đầu hàng của triều đình, phần lớn vẫn kháng địch tuy rằng thái độ của họ không bằng thái độ của các quan và tổng lý hào mục ở Nam Kỳ hồi Tây mới đến.

Thân hào ở địa phương thì chủ yếu là đấu tranh để giữ gìn độc lập. Pháp sợ nhất là sĩ phu; dân tin tưởng nhất là sĩ phu. Nói chung, dầu sự đào ngũ không phải là ít, nhưng trong căn bản, thân hào thân sĩ đất Bắc đã cùng với nhân dân mà kháng chiến kéo dài cho đến cuối thế kỷ XIX; sự rơi rụng mỗi lúc thêm nhiều trước những sự thất bại liên tiếp và trước chính sách của Pháp mà đặc điểm là tìm cách liên minh với giai cấp thống trị cũ để thống trị nhân dân.

Tôi thiết tha trông mong các bằng hữu xa gần, nếu còn gia phả và ký sự gia đình có can hệ đến thời kỳ lịch sử này, thì giúp cho tôi tài liệu để đính chính chỗ sai, bổ sung chỗ thiếu. Trong số các chỗ sai, tôi nhờ các bạn chú ý cho những cái sai về tên đất, tên người, v.v... mà tôi chưa có điều kiện để tìm biết chính xác; trong số các chỗ thiếu, tôi nhờ các bạn chú ý cho chỗ thiếu về sự hoạt động kháng Pháp bằng văn chương của các bậc tiền bối.

Hà Nội, ngày 7-11-1956

Trần Văn Giàu

https://tieulun.hopto.org

Chương 10

CHÍNH SÁCH CỦA TRIỀU ĐÌNH HUẾ SAU KHI MẤT NAM KỲ CUỘC ĐẤU TRANH TƯ TƯỞNG GIỮA DUY TÂN VÀ THỦ CỰU

I. ĐỐI NỘI: TĂNG CƯỜNG BÓC LỘT VÀ ĐÀN ÁP

1. Tăng cường bóc lột nhân dân

Chiến tranh từ 1858 đến 1862 tuy không phải là rộng lớn lắm - vì ban đầu thì chỉ có quanh Đà Nẵng và sau đó thì chỉ trong ba tỉnh miền Đông Nam Kỳ - nhưng đã làm khánh kiệt tài chính của triều đình; nền tài chính ấy chính vì không dựa vào công thương, chỉ dựa vào thuế thân, thuế đất, nên thực tế chẳng là bao. 25 tỉnh Trung Bắc chỉ thu có 21 triệu quan mà thôi. Nền tài chính tiêu biểu cái "sức khỏe" của một quốc gia. Khi Tự Đức mới lên ngôi thì Trương Quốc Dụng đã tâu rằng "Tài lực của nhân dân nay không bằng 5, 6 phần 10 năm trước". Năm 1860, khi Nguyễn Tri Phương vào Nam, ông đã tâu rằng: "Quân và dân, của đã hết, sức đã yếu". 6 tỉnh Nam Kỳ mất thì tài chính lại càng kiệt quệ hơn nữa; năm 1862, chính Tự Đức cũng đã than rằng nguy ở chỗ "tiền

https://tieulun.hopto.org

hoang binh khuyết". Thế mà khi nước đang bị xéo cắt, tiền của đang khô cạn, Tự Đức cứ tiếp tục làm mồ làm mả, xây dựng cung điện, hao tốn vô cùng.

Không thể tăng thuế thân được nữa; thuế ruộng đã nặng quá rồi; tài lực của dân khô cạn.

Làm sao kiếm tiền?

Để gọi là tiết kiệm thì Tự Đức làm những việc nhỏ nhặt như là bãi lệ thưởng bằng sa (một thứ lụa) trong dịp vua cày ruộng tịch điền, bãi lệ ban yến tiệc trong dịp thi Hội, giảm tiền dầu sáp và thuốc bắc trong cung điện. Thật là, không hẹn nhau mà vua Tự Đức làm tựa như vua Lu-y XVI của Pháp, "tiết kiệm những gốc nến đốt dở". Vĩ nhân gặp nhau mà tiểu nhân cũng không phải là không gặp nhau!

Để kiếm thêm tiền, Tự Đức không cấm á phiện nữa mà lại đánh thuế mua bán hút á phiện rất nặng, cho trưng thầu đồng niên là 302.000 quan. Lúc còn ba tỉnh Vĩnh, An, Hà thì cho con buôn Hoa kiều trưng đóng thuế rượu. Năm thứ 24, lại sẽ chuẩn cho ban công điền để làm ruộng tư; địa chủ lâu nay đã chấp chiếm nhiều ruộng công, nay lại càng có cơ hội chấp chiếm thêm, tình cảnh của dân nghèo thôn xã đã điêu linh lại càng điêu linh hơn nữa. Rồi năm 31, Tự Đức lại sẽ cho người Hoa kiều trưng thuê mỏ than ở Quảng Yên, trưng thuê mỏ sắt ở Bái Giản (Sơn Tây). Đồi bại hơn nữa là, Tự Đức cho phép lấy tiền chuộc tội, làm cho nhà giàu đã bạo ngược với nhà nghèo, nay lại càng bạo ngược thêm, "trong tay sẵn có đồng tiền, mặc dầu đổi trắng thay đen khó gì?". Số phẩm hàm bay như lá rụng mùa thu, ai có tiền thì mua quyền tước, không còn kể gì đến tài năng, công đức nữa.

2. Không quyết khai mở công nông thương

Sứ giả đi Pháp, đi Xiêm, đi Hương Cảng, đi Bắc Kinh, v.v... có những người trông thấy là phải "ngụ binh ư thương", dựa vào công

thương mà làm cho nước giầu xứ mạnh. Triều đình, trước sự tâu báo của nhiều người trong triều hay ngoài dân, cũng có ý định tăng cường việc khai mở, nhưng mà không quyết, làm chiếu lệ, thường bỏ dở, không khuyến khích dân, không tạo điều kiện cho dân làm hay cho nhà nước làm. Và chăng, chính sách kinh tế chủ yếu của Tự Đức sau khi Nam Kỳ thất thủ vẫn là bế quan tỏa cảng.

- Trong nước có những người như Giai, Thiệu, Liễn xin khai mỏ sắt ở Quảng Bình; Trần Đình Túc tâu xin nhà nước khai mỏ sắt ở Hương Trà; triều đình ra lệnh tìm mỏ ở các tỉnh (năm 21): khai mỏ than ở Phú Lương (Thái Nguyên), mỏ sắt ở Phố Lý (Thái Nguyên), mỏ than Hòn Ngạc (Quảng Yên); song nhiều mỏ khai rồi thì lại bỏ. Công nghiệp không, được chú ý chút nào. Bao nghìn người thợ bị trưng dụng làm lâu đài lăng tẩm và xưởng của hoàng cung, còn mấy ai dám trổ nghề khéo léo?

Thường lệ thì chủ nghĩa phong kiến hay trọng nông; mà triều đình Huế lại cũng không chú ý nhiều đến nghề nông. Việc khẩn đất, đắp đê làm sơ sài, không triển vọng; có tỉnh xin đắp đê khác ở xa sông để bớt sức nước, bớt nạn lụt (Hà Nội); có tỉnh xin mướn tầu cuốc vét sông rồi bỏ đê (Nam Định); có tỉnh xin chữa chỗ hỏng (Hưng Yên); rút cục, chỉ vá qua loa chỗ hỏng, lấy cớ là sợ tốn tiền của quỹ, sợ tốn công của dân. Việc khẩn hoang gần như không có gì; chỉ có việc đắp đê chống nước mặn dài 3.000 trượng ở Giao Thủy, lấp cửa sông Ngự Dũng cũng để chống nước mặn và mở cửa cống ở Long Hầu để tiêu nước ứ là đáng kể ít nhiều thôi.

Về thương mại, vận tải, thì nhà nước có mua ít nhiều tầu đồng đặt tên là Mẫn Thỏa, Viễn Thông, Đằng Huy, dùng được ít lâu thì hai chiếc đụng ghềnh leo cồn chìm ở hải phận Nghệ Tĩnh và Thừa Thiên. Triều đình lại sai giám mục Hậu (người Pháp) cùng giáo đồ Nguyễn Trường Tộ, Nguyễn Điển đi Tây thuê thợ, mua máy, nhưng cũng làm chiếu lệ, không đáng là bao.

https://tieulun.hopto.org

Năm 25 có thương thuyết tại Hương Cảng để giao thương với nước Phổ nhưng không đi đến đâu. chỉ mua một chiếc tầu nhỏ.

Năm 31, mở nhà thương chính Hải Dương.

Về việc học nghề, lúc còn ba tỉnh miền Tây, nhà nước có lệnh chọn vài chục người khéo léo, cấp lương đi học ở Gia Định. Cho đến năm 31 mới thi hành nghị định đi học nước ngoài, nhất là đi Pháp, đi Hương Cảng. Đi học được chữ một nước và một nghề như về tầu, súng, khai mỏ, luyện binh thì như đỗ tú tài, được cửu phẩm; học được chữ hai nước, hai nghề thì như đỗ cử nhân không phân số; học được chữ ba nước, ba nghề thì như cử nhân có phân số, lập tức bổ làm quan. Nhưng nghị quyết thì có, thực hiện không ra gì, không quyết tâm, không tranh thủ thời gian, địch thì chạy, ta thì bò.

3. Học thuyết ít canh cải

Ngay trong xứ, có lập một vài trường để học tiếng Pháp và gửi người vào Gia Định học tiếng Pháp với Trương Vĩnh Ký. Lại do dịch sách chữ Pháp; những binh thư Âu châu không ai dịch nổi thì lệnh vua bảo để lại chờ học sinh đi học thành tài khi về sẽ hay! Tỉnh thần Hải Dương, năm 32, được lệnh "in nhiều bán rộng" những sách thiết thực như *Bác vật tân biên*, *Vạn quốc công pháp*, *Hàng hải kim châm*, *Yếu pháp khai mỏ*.

Nhà vua đã chú ý đến tài ba về công nghệ, nhưng vẫn còn kéo theo đó cái tài "biết bói, giỏi lịch số" để làm tiêu chuẩn chọn hiền năng! Thi cử thì cứ là tứ thư ngũ truyện. Cả nước không một trường dạy nghề xứng đáng.

4. Việc binh cứ thủ cựu

Về quân sự thì năm 22, chiêu mộ bất cứ ai, vô luận thuộc quốc tịch nào, có thể đến xin việc ở bộ binh nếu biết làm súng đạn, biết máy móc.

Năm 25, xuất cho Nghệ An đúc 500 cỗ súng thần công và 2.000 súng tay, theo kiểu rất xưa, lòng láng, nạp tiền!

Thế là rốt cùng rồi Tự Đức cũng phải ít nhiều chú ý đến sự duy tân, nhưng vừa trễ tràng, vừa lẻ tẻ và không tranh thủ thời gian, nhất là hoàn toàn không chú ý đến dân sinh mà ngược lại thì tình cảnh của quần chúng rất lao đao, bị chiếm đất, bị thuế vụ cao, bị thiên tai và bị đàn áp hơn lúc nào hết.

5. Trấn áp nhân dân khởi nghĩa

Phần lớn các cuộc khởi nghĩa trong thời này, căn bản là có tính chất quần chúng, nhân dân. Ngay như vụ biến Trưng, Trực ở kinh thành, chủ yếu không phải ở ý muốn riêng của Trưng và Trực, càng không phải ở người con của Hoàng Bảo, mà chủ yếu là ở hàng nghìn binh lính, dân thợ, dân phu bị bắt vào làm Khiêm Lăng.

Cuộc khởi nghĩa năm 1863 ở Bắc Ninh của Nguyễn Thịnh, tục gọi là Cai Vàng dù là phù tá Lê Duy Mẫn làm minh chủ, dù lấy danh nghĩa phù Lê diệt Nguyễn, điều ấy không làm lu mờ được tính chất nông dân của cuộc khởi nghĩa 1862, 1863 ở Việt Bắc. Thành phần khởi nghĩa căn bản là nông dân nghèo, mục đích khởi nghĩa là đánh đổ triều đình tàn ác, tiêu diệt tham quan ô lại; các hiệu triệu đều kêu gọi dân nghèo nổi lên. Những vè của nhân dân đặt ra để ca tụng "vợ ba Cai Vàng" được phổ biến và truyền tụng, điều ấy càng chứng minh rằng nhân dân tin tưởng và hy vọng nhiều vào cuộc khởi nghĩa và ủng hộ khởi nghĩa.

Ngoài những cuộc nông dân khởi nghĩa, ở Bắc triều đình lại còn phải đối phó vất vả với dân tộc Mèo, với giặc khách, giặc cỏ, với những dư đảng của Thái bình Thiên quốc ở khắp vùng thượng du Bắc Kỳ, với giặc biển và với cuộc làm loạn của Lê Phụng ở vùng Quảng Yên, Hải Dương.

Như thế là trọng tâm hoạt động của triều đình không phải là ở chỗ kiến thiết, mở mang quốc kế dân sinh, để cường dân phú

https://tieulun.hopto.org

quốc, mà ở chỗ đem binh đàn áp khởi nghĩa và dẹp loạn ở Bắc Kỳ, bỏ rơi cuộc kháng chiến anh dũng ở miền Nam. Tài lực, binh lực của đất nước bị hao mòn không có gì bồi bổ.

II. ĐỐI NGOẠI: LẠI ĐỂ MẤT MỘT THỜI CƠ VÔ CÙNG THUẬN LỢI ĐỂ LẤY LẠI 6 TỈNH

Năm 1870, nước Pháp mắc vào cuộc chiến tranh với Đức. Cuộc chiến tranh bắt đầu ngày 2 tháng 8; chưa đến cuối tháng 8 thì đại quân của Pháp bị bao vây hàng chục vạn trong thành Mết-zơ. Na-pô-lê-ông III còn 13 vạn quân, đến 1-9, số quân đó bị đại quân Đức bao vây và bị 700 đại bác nện vào, 5 giờ chiều ngày ấy Na-pô-lê-ông III kéo cờ hàng và cả hoàng đế cũng bị bắt với 10 vạn tân binh. Từ trước đến đó, trong lịch sử nước Pháp chưa hề có một cuộc bại trận lớn lao đến thế.

Ngày 4-9 nhân dân Pa-ri đòi nghị viện phế Na-pô-lê-ông III; một chính phủ mới gọi là chính phủ quốc phòng được thành lập. Ngày 27-10 tất cả 173.000 quân Pháp ở thành Mết-zơ đầu hàng.

Quân Đức tiến đến công phá Pa-ri. Chính phủ tư bản phản động sợ cách mạng bên trong nổ lên, nên đầu hàng Đức, ký đình chiến (28-1-1871), Pháp cắt hai tỉnh An-zát[1] và Lô-ren[2] giao cho Đức (1.600.000 dân), phải trả 5.000 triệu quan trong thời hạn 3 năm, trong khi trả chiến phí chưa xong thì 65 vạn quân Đức còn chiếm đóng 27 quận của miền Bắc và miền Đông, tức là 1/3 nước Pháp.

Nước Pháp lúc bấy giờ lâm vào một tình trạng suy sụp cả về tinh thần và vật chất. Kinh tế bị khủng hoảng, hàng vạn thợ mất việc, đói khổ; các nhà băng đều đóng cửa, công thương không có vốn làm ăn, bị tê liệt. 40 vạn người trai trẻ Pháp bị cầm tù ở Đức, 10 vạn bị giam giữ ở Thụy Sĩ (lính thất trận chạy vượt biên giới

1. Alsace.
2. Lorraine.

nước ngoài); chiến tranh làm chết hết 14 vạn nữa và 15 vạn bị thương tật; vì thế mà nông thôn thiếu người cày cấy. Ai ai nhất là tư sản (trừ vô sản Pa-ri và một số thành phố) đều thất vọng, ngã lòng thấy các viễn cảnh đen tối, suy sụp của nước Pháp.

Tình thế nước Pháp như thế, không ai ở Pa-ri mà có thể nói đến một cuộc chiến tranh thuộc địa. Thế mà Tự Đức điềm nhiên, không biết thừa một cơ hội duy nhất, tốt nhất để lấy lại đất nước.

Sợ trái hòa ước chăng? Hòa ước ký với kẻ xâm lăng, đất nước bị cắt, thì lúc nào hòa ước ấy cũng là có thể xé cả, nếu cần và nếu có cơ hội. Và lại Pháp lấy luôn 3 tỉnh miền Tây thì đã có hòa ước nào? Triều đình cũng không nói tới. Xin lại Biên Hòa không được, rồi cũng im thôi.

Bảo rằng không biết tin tức chăng? Pháp ở Sài Gòn không giấu được rằng có chiến tranh và Pháp bị thất bại trong chiến tranh đó, nên đã báo cho Huế biết. Triều đình đã chẳng thừa dịp để hưng binh mà phục thù, lại có "nhã ý" chúc tụng Đại Pháp chiến thắng, và cả "nhã ý" chia buồn khi hoàng đế Pháp bị phế; Tự Đức chỉ khoanh tay ngồi chờ tên thống soái Pháp tự động rút quân về Tây! Khờ khạo làm sao! Chính lúc chiến tranh Pháp Phổ là lúc mà số đông các chiến hạm Pháp bị tập trung ở Thiên Tân (Trung Quốc) và Hoành Tân (Nhật) để đối phó với người Trung Quốc và với chiến hạm Đức.

Nói rằng ngoài Bắc còn nhiều việc loạn lạc. Thì có thật, nhưng lúc ấy là lúc mà các cuộc bạo động lớn đã bị triều đình đàn áp rồi. Tự Đức và triều đình chủ trương điềm nhiên tọa thị, để cho giặc yên ổn qua được cơn khốn đốn. Ở triều đình có một cánh quân nhân chủ trương dùng võ lực lấy lại 6 tỉnh, nên Tự Đức đã phải viết thơ cho Đô đốc Cóc-nu-li-ê xin[1] tên ấy giao lại miền Nam "để hai nước Pháp Nam giữ mãi tình hòa hảo". Địch làm ngơ mà Tự Đức cũng không động tịnh gì cả.

1. Cornulier-Lucinière.

https://tieulun.hopto.org

Nếu thừa cơ chiến tranh ở Âu châu, thừa cơ Pháp bị đại bại mà cử binh đòi lại đất nước, hiệu triệu và giúp đỡ nhân dân Nam Kỳ và Khơ-me nổi lên, thì thực dân không thể nào chống cự lại nổi, dù rằng vũ trang của triều đình và của dân có kém hơn của địch.

Hơn nữa, chẳng phải chỉ chiến tranh và chiến bại, tư bản Pháp lúc ấy còn bị cuộc cách mạng vô sản nổi lên ở Pa-ri và phong trào công nhân rất mạnh ở nhiều tỉnh. Pa-ri Công xã thành lập từ 18 tháng 3 đến tháng 5-1871 mới thất bại. Những cuộc khủng bố kéo dài đến 1875.

Và sau khi Công xã Pa-ri thất bại, giai cấp tư sản Pháp còn phải vướng vít rất nhiều trong cuộc tổ chức chính quyền, trả bồi thường cho quân Đức rút lui, cuộc đấu tranh gay gắt xảy ra giữa phái cộng hòa và phái quân chủ, không thể chú tâm nhiều đến thuộc địa xa xăm được.

Tự Đức đã bỏ lỡ một cơ hội hãn hữu.

III. ĐẤU TRANH GIỮA TƯ TƯỞNG THỦ CỰU VÀ TƯ TƯỞNG DUY TÂN

1. Những đề nghị duy tân đã thành một phong trào tư tưởng, tuy hãy còn yếu và thiếu cơ sở xã hội

Đi sứ sang Pháp về, Phan Thanh Giản thấy rõ Tây phương giầu mạnh cốt ở công thương, kỹ thuật. Ông có ý muốn ít nhiều phải duy tân; đình thần và nhà vua vẫn thủ cựu không nghe!

"Từ ngày đi sứ đến Tây kinh,
Thấy việc Âu châu phải giật mình;
Kêu rủ đồng bào mau thức dậy,
Một lời năn nỉ chẳng ai tin".

Thực ra thì Phan Thanh Giản không làm được một điều trần nào cho có hệ thống; cũng không có "kêu rủ đồng bào mau thức dậy" mà chiếu theo hành động của ông ở hội nghị hiệp thương

với Ô-ba-rê và ở ba tỉnh miền Tây thì phần lớn và thực tế là ông làm cho đồng bào run sợ Pháp, xem rẻ lực lượng bản thân, bó tay trước giặc, cũng như các ông sứ run rẩy trước lời dọa nạt của Na-pô-lê-ông III trong một buổi hoàng đế nước Pháp đọc diễn văn bầy tỏ chính sách của chúng nó.

Từ ngày triều đình lùi hết bước này đến bước khác trước quân Pháp, mất lần đất cát, thì càng lúc càng có nhiều người đề nghị cải cách để vượt qua tình trạng suy đốn, để cho dân được giầu, nước được mạnh mà đối phó nổi với sức xâm lăng của tư bản Pháp. Nam Kỳ lục tỉnh mất thì những đề nghị cải cách lại càng nhiều (thực ra, trước đó, trước khi Pháp đánh lấy Đà Nẵng, Gia Định, thì rải rác từng lúc cũng có những ý kiến muốn cải cách ít nhiều, phần lớn là do những người đi công cán đi ra ngoại quốc, đi Sinh-ga-po, đi Trung Hoa v.v..., một phần nữa là do những người được giáo sĩ đem đi Âu châu về).

Tư tưởng duy tân này xuất phát từ sự phản ứng với tình trạng suy đốn, từ sự áp chế của tư bản Tây phương, nhưng một phần nào cũng từ nhu cầu phát triển của đất nước, từ ý chí còn rời rạc của những nhóm người kinh doanh công thương trong nước hay trực tiếp và gián tiếp mua bán với nước ngoài. Sở dĩ tư tưởng duy tân ở xứ ta yếu, không trở thành một phong trào phổ cập hóa giữa thế kỷ XIX là bởi vì những nhóm công thương kia chưa thành một tầng lớp giai cấp đông đúc, có thế lực; đô thị ít ỏi, thủ công nghiệp còn chưa nhiều mà bị kiềm chế, đè ép; một phần quan trọng nhất của ngoại thương là do quan triều đình làm.

Triều đình thì thủ cựu triệt để, bác lần hết các đề nghị duy tân, tiêu biểu cho phong kiến cận thị. Đến khi có ý muốn duy tân thì sẽ không còn thì giờ nữa, nhà đã đổ rồi. Chớ thật ra, nếu từ khi mất ba tỉnh, hay mất sáu tỉnh đi nữa, mà cương quyết duy tân thì tuy muộn, cũng không phải là không kịp. Từ 1862 cho đến khi Pháp gây hấn ở Bắc Kỳ có gần 20 năm chớ ít ỏi gì đâu? Không so với

https://tieulun.hopto.org

Nhật Bản là xứ mà ở miền Nam, công thương đã phát triển khá, làm cơ sở xã hội cho cuộc duy tân của Minh Trị, xứ Xiêm La lúc ấy chả phải là có phần kém hơn Việt Nam lúc ấy sao, ấy thế mà với một chính sách ít thiển cận hơn, ít thủ cựu hơn, Xiêm cho hàng chục nước tới buôn bán, tự đặt công sứ, chúng bóc lột dân (thì lẽ tất nhiên), mà chúng cũng cạnh tranh nhau, dòm chừng nhau, nhất là Anh và Pháp - do đó Xiêm giữ được một sự độc lập ít ra là hình thức trong lúc ấy.

Cho nên, Tự Đức phản kháng sự duy tân, khác với Minh Trị, điều ấy cũng như muôn ngàn hiện tượng tự nhiên và xã hội khác, đều có lý do - lý do là thiếu một cơ sở xã hội để mạnh dạn ủng hộ đề nghị duy tân; nhưng nếu lấy đó mà, hoặc để bào chữa cho Tự Đức và triều đình, hoặc để bảo vệ một loại thuyết tiền định thì không còn gì sai hơn nữa.

Các nước xa gần đã đi mạnh trên con đường tư bản chủ nghĩa; tư bản chủ nghĩa và chế độ phong kiến tuy có mâu thuẫn nhưng chế độ phong kiến không tuyệt đối mâu thuẫn với chế độ tư bản như là chế độ tư bản chủ nghĩa với chế độ xã hội chủ nghĩa; cho nên, nhà cầm quyền sáng suốt của một nước phong kiến vẫn có thể đưa nước ấy đi trên con đường phát triển tư bản đến chừng mực nào đó mà không phương hại gì đến quyền lợi của giai cấp địa chủ, của nhà vua.

Cứ xem cái việc hoàng đế Pi-e-rơ-lơ Giờ-răng[1] ở Nga chống lại tư tưởng thủ cựu của đình thần và quý tộc mà cương quyết duy tân xứ sở, hay ngó ngược lại thời gian trong lịch sử của Việt Nam, cứ xem vua Quang Trung mở thương cảng, mướn người ngoại quốc tới, dùng kỹ thuật mới mà làm bao nhiêu việc cho nước mạnh, cho kinh tế, quân sự được phát triển, thì mới càng thấy rằng chính sách thủ cựu của Tự Đức và triều đình là một tội lỗi nặng nề đối với quốc gia.

1. Pierre le Grand (Pierre đại đế).

Tội lỗi càng nặng khi ta thấy rằng riêng viện quốc sử của triều đình, tuy đã bỏ sót nhiều mà còn ghi tới hàng chục lời điều trần xin duy tân, xin cải cách, xuất phát từ nho sĩ có, từ quan lại có, từ kẻ cao cấp của triều đình có, từ thường dân có, từ đồng bào công giáo có, từ đồng bào lương cũng có. Ấy thế mà đình thần và Tự Đức cứ đui, điếc! Có khi triều đình lại hỏi ý của Pháp xem có nên dùng người nước này nước kia không, thì lẽ cố nhiên là Pháp ngăn trở để cho nó có độc quyền và để có điều kiện cho nó xâm lăng toàn bộ đất nước.

2. Một số các đề nghị cải cách, duy tân

1. Năm Tự Đức thứ 21 (1868), tháng 11, có người giáo dân là Đinh Văn Điền, huyện Yên Mô, mật trình một đề nghị đại để như sau: đặt lại doanh điền; khai mỏ; đóng tầu; chiêu đãi người Tây phương; mướn người Anh giúp; lập việc buôn bán ở các nước xa gần để lưu thông tài chính hàng hóa; bỏ việc cấm lưu hàng; học tập binh thơ binh pháp; quân lính phải chuyên tập nghề bắn; bớt việc và tăng lương cho họ; khiến họ siêng năng tập dượt, lâm sự thì hậu ban phẩm trật, bị chết thì nuôi dưỡng con cháu, thương tật thì cấp lương suốt đời.

Đề nghị của Đinh Văn Điền như thế rất hợp thời và chính xác. Khi ta biết rằng sự doanh điền từ lâu đã bị bỏ lăng khiến dân đông đảo không có đất cấy cầy; mỏ thì nhiều mà khai thì ít, lại hạn chế; thuyền bè hồi trước có mười, bây giờ không còn một, buôn bán, vượt biển làm sao, dân có thuyền bị trưng dụng mãi phải đục thuyền đi thì thương mại có cơ gì phát đạt? Chú ý nhất là Điền tuy học với giáo sĩ Pháp mà không thân Pháp (vô số người công giáo khác cũng thế) lại thấy nguy cơ ở thực dân Pháp, xin mời nhà kỹ thuật Anh và nhiều nước khác để cho Pháp không có độc quyền, người các xứ tranh đua nhau. Dưới thời phong kiến nhà Nguyễn, chúng sợ dân học binh thơ làm loạn thì Điền xin để tự do, đó là tin vào sức dân, vào lòng ái quốc của dân, muốn tăng cường tinh

https://tieulun.hopto.org

thần thượng võ của dân tộc trước mối họa xâm lăng. Quân triều đình bị bạc đãi, khốn khổ, bị bắt làm việc như người nông nô, mỗi năm tập bắn một lần, mỗi lần bắn có 6 phát, thì làm sao thành lính giỏi? Làm sao họ có tinh thần chiến đấu cao. Đề nghị của Đinh Văn Điền sát với nhu cầu của quân đội, với tình thế.

Ấy thế mà đình thần phê là chưa hợp thời thế, bảo gác lại.

Cũng năm ấy, mà sớm hơn Đinh Văn Điền, các ông Trần Đình Túc, Nguyễn Huy Tế đi công cán ở Hương Cảng về tâu rằng: cửa bể Trà Lý là nơi rất tiện lợi, quan yếu, giáp mối của bao đường thông thương thủy bộ, Bắc, Trung, các tỉnh trung châu, thượng du đều đến được, thuyền bè ngoại quốc cũng thường đậu; vậy nên "mở điếm khai trương" chiêu dân thiên hạ đến đó, tụ của thiên hạ lại đó để mưu cái lợi lâu dài.

Hai ông muốn làm cho Trà Lý trở nên một Hương Cảng của nước Việt Nam ở miền Bắc.

Đưa xuống đình thần nghị bàn, thì người cho hay, kẻ cho dở, kẻ khác nghi ngờ, rốt cuộc không thi hành.

Năm Tự Đức thứ 25 (1872) viện bạc thần xin khai thương ba cửa bể Đà Nẵng, Ba Lạt, Đồ Sơn, đình thần thương nghị, cho là khai thương như thế có 5 điều lợi mà có 8 điều khó, chưa nên vội làm, cho nên bác đề nghị khai thương 3 cửa bể ấy.

Xin kể lại những cái "lợi" và những cái "khó" mà triều đình nêu ra để quanh co mà rốt cuộc giữ chính sách bế quan tỏa cảng:

Năm lợi là:

a. Tụ tập dân ở bờ biển, nhân đấy giữ vững được bờ cõi.

b. Chứa đựng của cải tiền tài vào dân, ngụ binh ở việc buôn.

c. Chợ búa ở dọc bể, tin tức liền nhau, đông tây ứng phó nhau, có thể chống giặc biển.

d. Hải cảng đã mở, binh thuyền tất phải tụ ở đấy, có thể đuổi giặc, bảo vệ vận tải.

đ. Thông thương thì là tụ tập hàng hóa, tới lui với các nước, có thể dò biết được tình hình nước ngoài.

Đúng như thế, và còn nhiều hơn nữa, nhất là việc bảo vệ độc lập cho xứ sở, làm cho nước giàu, có đủ cơm tiền để mà tổ chức kỹ nghệ tân thời, mới có thể lấy lại Nam Kỳ đã mất.

Ấy thế mà bọn đình thần cận thị, cố chấp lại nêu ra tám cái "khó" để bác đề nghị khai thương

Tám khó là:

a. Mở cửa bể tụ tập phú thương, tất phải có thành lũy, súng ống, bộ binh, thủy quân mới có thể tin cậy được, mà hiện nay tài chính kém, sức lực mỏi mệt, chi phí không nổi. (Thật không khác nào như là kêu đói bụng mà nói vì đói bụng nên chân mỏi không nên đi nấu cơm! Không mở cảng, không công thương thì lấy tiền đâu mà xây dựng hải lục quân? Chờ có tiền xây dựng hải lục quân rồi mới mở cảng thì chờ đến chừng nào?)

b. Với những quân thủy, bộ phòng bể thì phải trả lương hậu hơn là lương tòng chinh, kẻ buôn phải trả, e họ oán (?).

c. Kẻ buôn ở các nước đến, để ứng tiếp họ, thế là cần phải nhiều có người đủ tài, đủ cơ mưu, mà ta thì không có. (Thật giống những kẻ về sau này bảo rằng phải có đi học trường võ bị rồi mới tổ chức quân đội đánh thực dân được, không biết rằng nhân tài chỉ có thể đào tạo trước hết là trong công việc).

d. Cứ gượng mở thương cảng linh tinh cô lập thì làm sao các cảng ấy tự tồn được?

đ. Vượt bể, dời đê, cần nhà nước bỏ vốn ra, dân mới vui đến. Đương lúc đa sự, không nên phí tiền cưỡng dân.

https://tieulun.hopto.org

e. Chứa của ở nơi tuyệt địa (triều đình gọi bờ bể là tuyệt địa); dân giàu không muốn đi đâu nữa, bị ràng buộc trong sự buôn bán, làm mồi cho giặc đến cướp bắt (khác nào nói không muốn có tiền vì sợ ăn trộm).

f. Tụ dân ở mặt biển mà không có trọng trấn để cai trị, một mai có kẻ khác tới tranh thì ở trong tất có kẻ thông đồng với giặc rồi sinh họa.

g. Ta chưa chiêu thương, họ còn lẻn vào sông, vượt điều cấm mà ra bể, huống chi nay lại khai thương, chiêu họ đến thì khác nào là chứa kẻ gian, chịu cái vạ của họ gây ra.

Thật "8 khó" của triều đình không có cái nào đứng vững cả. Thế mà chúng dựa vào đó để bác đề nghị khai thương cảng của những người đã biết chắc rằng chỉ có phát triển công thương thì mới làm cho nước mạnh dân giầu, giữ được độc lập.

4. Chúng tôi xin kể thêm vài ý kiến cải cách quan trọng khác.

- Sứ bộ Nguyễn Hiệp đi Xiêm về, tâu rằng: nước ấy, trước tiên có người Bút Tư Kê (Bồ Đào Nha) đến thông thương; về sau Xiêm cũng cùng ký hiệp ước kinh tế với nước Anh, người Anh không gây hấn nên không mất đất[1] lại hòa nghị được với 9 nước Âu - Mỹ - mỗi nước ấy đều có lãnh sự, mà lãnh sự Anh là đứng đầu các lãnh sự các nước đó; nước Xiêm nắm quyền của mình chớ không vì lẽ có lãnh sự ngoại quốc mà mất quyền.

Nguyễn Hiệp và sứ bộ có ý xin làm như Xiêm, mở các cửa khẩu, để các nước đặt lãnh sự, như thế không sợ bị người hiếp chế.

Không có tiếng vang!

- Khoa đạo Lê Đính đi Hương Cảng về, vua sai người đến hỏi có nghe thấy gì và người ngoài có nói gì đến việc nước ta. Đính tâu:

1. Ở đây Nguyễn Hiệp không biết sự mâu thuẫn giữa Anh - Pháp là như thế nào, và vì sao mà cả hai nước Anh - Pháp không chia hẳn nước Xiêm mà lại chia phạm vi ảnh hưởng.

"Mọi nước thái tây được phú cường không ngoài việc buôn bán và việc binh mà thôi. Lấy binh bảo vệ việc buôn, dùng buôn nuôi binh, cho nên chỉnh đốn việc thông thương càng khẩn cấp. Gần đây, Nhật Bản bước kịp thái tây, bốn mặt đều thông thương. Nước Thanh cũng bắt đầu làm, đã dần dần cường thịnh. Có người khen nước ta có sản vật phong phú, và các loại mỏ than, mỏ kim loại, có nhiều người khéo léo, vì biết phân phát tự gắng sức làm thì cái nghiệp phú cường cũng không khó lắm, chỉ phải văn thư quá phiền, nhiều việc câu chấp quá thôi".

Lời tâu của Lê Đính, bản thân nó đã là một sự phê bình chính sách triều đình, một sự thúc giục nên duy tân theo đường mà Nhật đã đi.

Nhà vua nghe rồi để đấy.

Trong khoảng thời gian đó thì nhiều nước ngoài đến xin thông thương, triều đình không cho; nhiều người ngoại quốc đến xin nước ta mướn họ, dùng họ, hoặc cho họ làm nhà máy ở xứ ta, cũng không được.

Tỉ dụ như: Năm Tự Đức 23, sứ Y Pha Nho đến báo lễ và xin thông thương, triều đình không trả lời. Người Mỹ, người Anh, người Hà, người Ý, v.v... đều có đến mà vua cũng cứ bế quan tỏa cảng. Có người Ý viết thơ cho bạc thần, nói việc mở giao thương giữa Địa Trung Hải với xứ ta; triều đình đem hỏi sứ Pháp coi có nên hay không; lẽ cố nhiên là Pháp bảo không nên nghe người ấy. Có người Đức xin đến trông coi việc tầu thuyền cho xứ ta, vua lại sai hỏi sứ Pháp, Pháp bảo "người ấy là kẻ thù không nên thuê mướn". Có người Pháp, người Ý xin khai mỏ than ở Quảng Yên, nấu đường và cất rượu, làm rượu mạch nha, nhưng xin cấp vốn, sau sẽ làm máy móc phụng nạp; người Ý ấy xin nước ta đặt lãnh sự ở Ý. Những việc đó, bạc thần lại không dám tự liệu mà đem hỏi sứ

https://tieulun.hopto.org

Pháp! Lẽ tất nhiên là Pháp yêu cầu nhà vua trả lời rằng "lời vô căn cứ, bất tất phải phúc đáp".

* * *

Kể những việc trên để chứng tỏ cái ý muốn thông thương, mở cảng "ngụ binh ư công thương", duy tân, là một ý kiến khá rộng, trong ngoài nước đều có sự đòi hỏi; những điều đã kể trên là tiêu biểu cho sự đòi hỏi ấy đã đi đến tận triều đình.

Ấy thế mà triều đình vẫn ngoan cố đến cùng cho đến mất nước, chứ thực ra thì sau khi mất Nam Kỳ, sự duy tân tuy có trễ, nhưng hãy còn có thì giờ, cơ hội và điều kiện. Không thể đổ cái vạ mất nước vào công thức "tất yếu lịch sử?"; triều đình phong kiến phải mang cái tội ấy đối với lịch sử của dân tộc. Trong các lời đề nghị duy tân đương thời, có hệ thống nhất, xác thực nhất, và nhiều người chú ý nhất là đề nghị cải cách của Nguyễn Trường Tộ. Về đề nghị cải cách của Nguyễn Trường Tộ, xin giới thiệu tài liệu của bạn đồng nghiệp Nguyễn Lân, và sau đây xin lấy gần nguyên văn của bạn đồng nghiệp Đào Duy Anh tóm tắt một phần bản đề nghị lịch sử ấy.

3. Điều trần của Nguyễn Trường Tộ

Nguyễn Trường Tộ là một nhà nho học, nhờ một người giáo sĩ đạo Thiên Chúa dạy cho chữ Pháp và đem du lịch ở Âu châu trong ít năm, nên lại có thêm được cái học thức thiết thực của một nhà tân học. Từ năm 1861 đến năm 1871, thấy việc nước mỗi ngày một khó, thế nước mỗi ngày một suy, ông nghĩ ra những phương sách làm cho nước giàu mạnh và dùng hết lời lẽ thống thiết để đưa lên triều đình mấy chục xấp điều trần.

Chương trình cải tạo của Nguyễn Trường Tộ có thể chia ra 6 mục:

Chính trị và giáo dục - vốn là một nhà nho, Nguyễn Trường Tộ vẫn chủ trương "vua là quý, quan là trọng". Muốn cải tạo xã hội thì việc đầu tiên là cải tạo quan lại. Ông muốn châm chước chế độ

dân chủ của Tây phương để cho những người tài giỏi trong nhân dân được tham gia ý kiến vào việc nước, và muốn dùng chế độ pháp trị để cho quan lại không có thể chuyên chế tác uy tác phúc đối với dân.

Nhưng muốn có những người có tài năng và mẫn cán để làm quan lại để xứng đáng thì cần phải cải cách chế độ giáo dục. Lối học cũ chỉ chú trọng từ chương và hư văn, cho nên người có học chỉ biết gọt giũa văn chương, ngâm nga thi phú, khi gặp những vấn đề thiết thực thì không biết đường nào mà lần. Cái học ấy là cái lò rèn luyện ra một hạng người không những là vô dụng mà còn làm hại xã hội, tức là bọn hủ nho mà Nguyễn Trường Tộ hết sức mạt sát. Ông cho rằng chính vì hủ nho mà nước nhà suy yếu, dân trí thấp hèn, chính vì những người ấy mà những đồi phong bại tục vẫn tồn tại mãi.

Nguyễn Trường Tộ xin đặt thêm những môn học mới là các môn học thực dụng: luật học, nông học, kỹ nghệ học, cách trí học, vạn vật học, thiên văn, địa lý, ngoại ngữ v.v... Về môn sau này, không những phải học tiếng các nước mạnh ở Tây phương mà còn phải học các tiếng Trung Hoa, Chà Và, cùng các tiếng Thái, Thượng, Lào, Miên ở xung quanh nước ta nữa. Ông lại xin mời giáo sư ngoại quốc về dạy học, dịch sách kỹ thuật và khoa học của Tây phương, và phái học sinh du học ở ngoại quốc.

Song để có nền học vấn mới ấy thì chữ Hán là một lợi khí hết sức bất tiện, nên Nguyễn Trường Tộ còn đề nghị cải cách văn tự, dựa vào chữ Hán mà đặt một thứ quốc tự tương tự với chữ Nhật Bản. Vấn đề này, không phải chỉ để khởi nguyên tắc, Trường Tộ đã nghiên cứu về mặt thực hành nữa. (So với chữ quốc ngữ của các cha cố đã đặt và đã dùng thì đề nghị này vẫn là lạc hậu - T.V.G).

Kinh tế - Cải cách việc học là cốt để đào luyện những nhân tài mới, có học thức tài năng thiết thực để có thể mưu cho nước giầu, dân mạnh. Mà muốn nước giầu dân mạnh thì vấn đề phải lo trước

https://tieulun.hopto.org

nhất là sinh tài. Cái phương pháp sinh tài cho dân cho nước không ngoài ba việc canh nông, kỹ nghệ và thương mại.

a. Canh nông - Nông nghiệp là nền tảng kinh tế của nước ta, quốc kế dân sinh của ta, từ bao nhiêu đời vẫn là nhờ vào nó. Nhưng từ nghìn xưa kỹ thuật của nhà nông vẫn sơ sài thô vụng, trí thức của nhà nông vẫn thấp thỏi, cho nên nghề nông đã không phát đạt mà còn bị khổ vì nạn hạn và lụt. Những tệ hại ấy nguyên do là ở chỗ triều đình không chăm lo đến chính sách canh nông.

Điều cần thiết đầu tiên trong nông chính là phải dạy cho dân hiểu biết cái nghề của mình. Nguyễn Trường Tộ đề nghị sưu tập kinh nghiệm của nhân dân, đem so sánh với sách nông học của các nước văn minh mà soạn thành sách nông học mới dể dạy dân, và đặt ngạch nông quan để chỉ dẫn cho dân trong việc làm ruộng trồng cây.

Nhà nước lại phải để phòng cho dân những nạn hạn và lụt. Nguyễn Trường Tộ bàn rất kỹ lưỡng, để khởi cả một chương trình công tác và trị thủy (đắp đê khai cừ) và dẫn thủy nhập điền.

Để mở thêm nguồn lợi cho nông dân, ông lại đề khởi chính sách khẩn hoang và di dân, và xin triều đình đặt luật lệ nhất định và rộng rãi để khuyến khích và nâng đỡ những người hăng hái. Đối với những miền xa xôi không có nhân công khai phá, thì ông đề nghị chính sách dinh điền, dùng những kẻ tù tội và côn đồ, và kể rõ đến 20 điều lợi của phương pháp di dân ấy.

Nhưng sợ rằng người ta khai hoang, nếu không có phương pháp, thì có thể hại đến rừng rú, cho nên ông lại đề nghị đặt giới hạn những khu rừng cấm, tức là phép bảo hộ sơn lâm.

Sau hết, để khuyến khích nông nghiệp, ông xin nhà nước tưởng lệ những nhà nông lành nghề và mở những cuộc triển lãm và thi đua về canh nông.

b. Kỹ nghệ - Muốn mở mang kỹ nghệ, trước hết triều đình phải tỏ cho dân biết rằng nhà nước không những quý trọng học trò mà cũng quý trọng nhà nghề nữa.

Song muốn dạy cho dân biết kỹ nghệ thì cần phải có trường có thầy và có sách. Chính Nguyễn Trường Tộ đã được phái đi theo viên giám mục Xa Đoài là Gô-chê[1] sang Pháp để trù biện việc lập trường kỹ nghệ, song vì triều đình không quả quyết nên việc không thành.

Nguyễn Trường Tộ lưu ý nhất về việc khai khoáng. Ngay từ năm 1864, ông đã bày tỏ cặn kẽ những lẽ cần phải khai những mỏ người mình đã biết, như mỏ đồng, mỏ sắt và tìm những mỏ chưa biết, như mỏ than. Ông tình nguyện đi xem xét các địa phương trong nước để dò tìm mạch lạc của khoáng chất mà lập địa đồ, đề nghị cách khuyến khích việc đi tìm mỏ, và xin triều đình phái người ra ngoại quốc để học nghề khai mỏ.

c. Thương mại - Muốn mở mang thương mại, trước hết phải có đường giao thông tiện lợi. Ông tự nguyện đứng trông nom đào một con sông từ Hải Dương đến kinh thành (Ông đã thực hành một phần điều sở ước ấy trong khi, năm 1866, giúp Tổng đốc Hoàng Tá Viêm trông nom việc đào kênh sắt ở Nghệ An). Để vận tải thì ông đề nghị đóng thuyền theo kiểu Tây phương, thuyền nhỏ mà chở được nhiều, hai bên bờ sông thì ông chủ trương đắp đường bắt bò và ngựa kéo thuyền để đỡ sức người.

Về việc thông thương với ngoại quốc thì ông chỉ dẫn kỹ càng cách thức mua hỏa thuyền thế nào là lợi là hại, và đường lối đem hàng hóa ra bán ở ngoại quốc. Để che chở sự vận tải trên mặt biển, ông đã phác họa cả một chương trình lập đội tuần dương để tiễu trừ giặc tầu ô.

Để bênh vực sản vật nước nhà, ông chủ trương dùng chế độ bảo hộ mậu dịch. Ông lại xin triều đình khuyến khích lập những

1. Gauthier (Giám mục).

https://tieulun.hopto.org

hội hợp cổ, và hậu thưởng những người góp vốn từ 100 vạn trở lên. Sau hết ông lại đề nghị mở mang thành thị theo quy mô các nước văn minh.

Tài chính - Cái chủ chốt của tài chính là thuế khóa. Nhưng muốn cho thuế khóa được dồi dào đầy đủ mà lại công bằng thì triều đình cần phải biết rõ tình hình nhân lực và tài lực ở trong nước về đủ các phương diện. Ông đề xướng phép thống kê. Ông nói: Tôi thiết nghĩ, nhà nước đối với dân cũng như cha mẹ đối với con. Nay cha mẹ không biết con có mấy đứa, đứa nào làm nghề gì, đứa nào giầu, đứa nào nghèo, đứa nào sống, đứa nào chết, đứa nào đau khổ, đứa nào lợi hại ra sao, thì chưa xứng đáng với đạo làm cha mẹ. Nay nếu triều đình không biết trong nước có bao nhiêu trai gái, bao nhiêu người già, bao nhiêu người trẻ, bao nhiêu người giầu, bao nhiêu người nghèo, bao nhiêu người làm nghề gì thì trí đạo còn khiếm khuyết nhiều lắm. Ở Âu Tây thì hết thảy những người sống, chết, giàu, nghèo; học thức, ngu độn, cho đến quan và lính, đều có lý lịch biên chép cẩn thận. Lại trong mỗi năm, ở các thành phố hàng hóa ra vào, thuyền bè đi lại, quán khách nhà trọ, vật giá cao thấp, cùng những món lợi về bách cốc, lục súc, sơn đầu, hải khẩu, khoáng sản, tạo tác và những việc tiêu dùng nhất nhất đều kê biên tường tận cho được biết rõ sự thịnh suy lợi hại. Đồng thời với phép thống kê, Nguyễn Trường Tộ chú ý đặc biệt về việc điều tra nhân khẩu, việc đạc điền và việc họa đồ cương giới. Những việc ấy mà làm rành mạch thì thuế khóa được công bằng và việc cai trị cũng được dễ dàng. Việc họa đồ cương giới không những lợi về thế khóa và việc chính trị, mà lại lợi cho việc võ bị nữa.

Về chế độ thuế khóa thì ông chủ trương những phép hợp lý, ví như thuế đinh thì tùy theo gia thế mà đánh, tức là phép thuế sở đắc, thuế điền thì các nông quan phải so sánh vốn canh tác và số hoa lợi mà chia hạng cho phân minh.

Ông đề nghị đánh thứ thuế xa xỉ và du hí, ví như thuế chè tầu, thuế hàng tơ lụa tầu, thuế rượu, thuốc lá, thuốc phiện và hí trường. Các thứ thuế ấy không những bổ ích cho tài chính của Nhà nước, mà lại còn giúp cho sự cải lương phong tục nữa.

Xã hội - Sau khi bày tỏ những kế hoạch sinh tài làm cho dân và nước đều giầu, Nguyễn Trường Tộ lại nghĩ đến vấn đề cải tạo xã hội. Nghĩ chú trọng sự thay đổi tính tình và phong tục của nhân dân. Ba cái tính ông cho là xấu nhất của nhân dân là: ích kỷ, biếng nhác và mê tín. Ông đặt những kế hoạch thiết thực ví như đánh thuế xa xỉ và du hí cho nặng, cùng là nghiêm cấm tệ tục ở hương thôn.

Ông chú ý đến sự giáo hóa những bọn côn đồ vô hại, cùng những tù phạm để cho họ có thể thành người hữu dụng trong xã hội, lại đề nghị cả kế hoạch về công cuộc xã hội cứu tế.

Võ bị - Nước đã giầu, dân đã khôn, tất nhiên có thể giữ nước, mà muốn giữ nước, trước hết phải cần võ bị. Nguyễn Trường Tộ cho việc võ bị là một vấn đề khẩn cấp hết sức, nên trong các tập điều trần ông nhắc đi nhắc lại rất nhiều. Muốn chấn chỉnh việc võ bị của nước, trước hết phải cải tạo cái tâm lý trọng văn khinh võ của người mình. Hủ nho thường tưởng rằng: "Làm xong Kinh Xuân Thu thì loạn thần tặc tử đều phải sợ", thì cần gì phải giảng cầu võ bị. Nhưng chỉ lấy một bài thơ, một lời nói, hỏi có thể làm cho quân giặc thua được không? Đến khi hữu sự, nếu không có võ lực trấn áp, thì tất nhiên cả quốc gia, quan quyền, luật lệ, chính trị và pháp độ phải giao vào tay quân giặc, phỏng các quan văn lấy gì mà trị nước?

Nguyễn Trường Tộ chủ trương phải phát dương cái tinh thần thượng võ và phải chú ý việc đào luyện tướng sĩ bằng cách soạn sách và mở trường võ bị ở mỗi tỉnh. Trong các trường ấy cần mời những huấn luyện viên người Tây phương để thường ngày họp

https://tieulun.hopto.org

với võ quan của ta mà giảng tập cho quân lính về binh pháp và trận thế.

Nhà nước cần phải chỉnh đốn việc lựa chọn tướng sĩ, cần lựa những người có tài năng học thức mà dùng để đào thải những hạng liệt nhược ngu độn. Lựa lính thì chỉ nên lựa những người trai tráng không có vợ con và sức lực khỏe mạnh. Những người như thế mới có thể chịu đựng được những công việc nặng nề vất vả và luyện tập nhanh chóng. Trong lúc thái bình cũng cần có quân lính tinh nhuệ sẵn sàng. Nhưng muốn cho người ta vui lòng chuyên về việc học tập võ nghệ thì không nên bắt người ta làm những công việc như đầy tớ. Muốn cho quân lính hết lòng vì nước vì dân, Nhà nước phải nuôi nấng cho hậu, đối đãi cho có ân tình.

Nguyễn Trường Tộ nói kỹ về kế hoạch tổ chức lục quân và thủy quân, cùng là cách thức xây đồn lũy theo lối mới, nhất là ở các cửa biển và các nơi quan ải. Cũng như về các vấn đề, khác về vấn đề chỉnh đốn võ bị, Nguyễn Trường Tộ vạch ra chương trình rất chu đáo.

Ngoại giao - Nhưng muốn giữ nước, chỉ một mặt dùng vũ lực để chống cự ngoại lực cũng không đủ. Nhất là lấy thế một nước yếu ở giữa thế giới cạnh tranh ngày nay thì việc ngoại giao lại còn quan trọng hơn võ bị nữa. Ngay sau Hòa ước 1862, Nguyễn Trường Tộ đã tha thiết nói với triều đình rằng: Sự thế bây giờ thì hòa ước với nước Pháp là thượng sách. Về sau đến khi mất hết Nam Kỳ, ông vẫn chủ trương giảng hòa và mở cửa thông thương. Đã giao hảo với Pháp rồi thì sẽ giao thiệp với các cường quốc khác, để lợi dụng cái thế cạnh giữa các nước, cũng mở cửa biển cho họ tự do thông thương. Họ đã có lợi thì họ sẽ giúp đỡ mình, dạy vẽ cho mình, mà còn che chở cho mình không để cho một nước nào đè ép mình mà chuyên hưởng quyền lợi. Ông khuyên triều đình trước hết nên giao thiệp với nước Anh là nước có thế lực lớn nhất ở Á Đông, rồi đến nước Tây Ban Nha. Lại cũng nên giao hảo với

giáo hoàng La Mã nữa. Ông xin triều đình theo gương nước Trung Hoa, từ triều đình Thanh, đã biết thuê người Âu lập xưởng máy, dạy trí xảo, chế đồ đạc, đóng tầu bè, mướn người Âu làm quan để sai họ đi sắm các khí cụ. Lại đặt đại sứ ở các nơi, phái sứ thần đi các nước lớn để mưu cái chước liên hiệp dọc ngang (họp tùng liên hoành); theo gương nước Nhật đã giao thiệp với người Hà, người Bồ, người Mỹ mà trở thành một nước rất thịnh vượng; theo gương nước Xiêm lấy nước Anh, nước Pháp làm bạn, nước Tây Ban Nha, nước Bồ Đào Nha làm khách, để cho họ tự do đến buôn bán mà mình nghiễm nhiên là chủ nhân ông.

Trong các vấn đề điều trần, có lẽ Nguyễn Trường Tộ thiết tha nhất về vấn đề này cho nên ông đã lắp đi lắp lại từ 1863 đến 1871 trong 12 tập điều trần. Ông vốn biết rằng những việc cải cách đề xướng đó cần rất nhiều tiền, nên ông lại xin triều đình vay tiền của các nhà tư bản ngoại quốc, ví như các nhà tư bản Anh ở Hương Cảng. Lại sợ người ta cho là những việc khó không có người làm, nên mỗi khi đề xướng việc gì hơi khó thì ông lại cam đoan rằng tự mình có thể đảm đương được[1].

Ở đây xin trích vài đoạn trong "Tế cấp bát điều" của nhà ái quốc tiến bộ Nguyễn Trường Tộ về học thuật thực dụng, để càng trông thấy rõ tư tưởng cao quý và văn chương đanh thép của nhà ái quốc.

"Gọi rằng học, tức là học những điều chưa biết để cầu cho biết mà làm việc. Làm việc gì và làm ở đâu, đều là việc thực trước con mắt và để cho hữu dụng về sau. Xét ra cái học đời nay, thầy dạy gì, trò học gì, toàn là việc quá khứ, dầu trong sách đôi khi có chép một vài việc thiết thực, song cũng không thể truyền lại được...

Nay người nước mình, lúc nhỏ học văn từ thi phú mà trái lại lớn lên ra đời phải biết hình luật, lịch số, binh pháp; lúc nhỏ học tính Sơn Đông, Sơn Tây là những chỗ mắt không hề thấy, mà trái lại lớn

1. Đào Duy Anh, *Lịch sử Việt Nam*, quyển hạ, tr. 407 - 413.

https://tieulun.hopto.org

lên ra đời cần phải đi Nam Kỳ, Bắc Kỳ; lúc nhỏ học thiên văn, địa lý, chính sự, phong tục nước Tàu, mà trái lại lớn lên ra đời cần phải biết thiên văn, địa lý, chính sự, phong tục bất đồng của nước Nam; lúc nhỏ học lễ nhạc, chiến phạt và cách ẩm thực cũ rích của người Tàu, mà trái lại, lớn lên ra đời cần phải biết lễ nhạc, chiến phạt và cách ẩm thực cư xử của nước Nam. Những điều như thế có hàng ngàn, hàng muôn, kể đến bút cùn mực cạn cũng không xiết".

Thật là lời phê bình rất chí lý, chứng tỏ rằng Nguyễn Trường Tộ có tư tưởng rất sâu xa và rất thiết thực, cương quyết chống học vẹt, học từ chương, học mà không hành, lý luận xa rời thực tế. Còn đoạn sau đây chứng minh được lòng ái quốc thiết tha của nhà học giả đang đấu tranh cho sự duy tân:

"Nước ta, trên đầu có trời, ấy là thiên văn đó; dưới chân có đất, ấy là địa lý đó; giữa khoảng trời đất, nước ta cũng là một xứ đất đai tốt, không phụ thuộc nước Tàu, tựu trung cũng có dân sự nhân luân, ấy là việc mà hiện nay và sau này chúng ta cần phải làm. Nước ta cũng có tổ tiên, sự tích các vua quan đời xưa để lại, có thể cho ta biết được những lẽ dở hay, rõ những cớ vì sao mà trị, vì sao mà loạn. Chúng ta cần phải nghiên cứu cho rõ lai lịch... Núi sông, bờ cõi, hình thế, bể hồ, thành lũy, đồn ải cho đến địa chính biến đổi thế nào, chúng ta nên hiểu biết để tránh những điều lầm lỗi trong khi hành chánh. Phong tục tập quán nước ta, cùng những điều hay dở, những cách dậy dỗ, những thói tốt xấu trong dân gian ta nên xem xét để sửa đổi, bổ cứu, nếu không làm được trong một tỉnh, một phủ, thì hãy làm thử trong một làng. Đất nước ta có các loại kim thạch cùng các thứ khác, chúng ta nên đào lấy thứ nào riêng thứ ấy để dùng cho đủ. Hiện giờ nước ta bốn bề bị dọa nạt, sắp lọt vào tay giống khác, chúng ta nên bầy mưu hiến sức, để cố gắng chống với nước ngoài để giữ nước giữ nhà. Ở nước ta, các bậc danh thần đời trước tới nay vẫn còn lừng lẫy tiếng tăm, cho đến các danh thần đời nay cùng các quan chức trong triều, làm được việc gì đáng làm gương, sao không truyền tụng để cho người ta nghe mà hăng hái lên. Sao ai nấy cứ ngày đêm kêu gào những

người nước Tàu đã chết trên vài nghìn năm nay như bọn Tiêu Hà, Hàn Tín? Chúng ta mang ơn họ chăng? Người đời nay không bằng người đời xưa chăng? Kêu gào cho họ sống lại chăng? Như thế mà học cho đến đỗi răng long đầu bạc thì cũng khó hiểu thật".

Nguyễn Trường Tộ cực lực công kích những người sâu mọt, bất tài mà tham quyền cố vị, những kẻ tư thông với ngoại quốc và yêu cầu đàn áp, trừng trị bọn phản quốc:

"Ở nước ta trong dân gian hiện nay, có bọn không cày mà muốn ăn, không dệt mà hòng mặc, không học mà muốn làm quan, không tài mà muốn có vị, cùng các tụi nhỏ nhen láo xược, lười bỏ bổn phận, luân lý mập mờ, âm thầm quyến rũ những người vô học, gieo sự ngờ vực trong lòng họ để bí mật giao kết với người nước ngoài, lại có tụi trốn vào Gia Định để dò địa thế, hạng người ấy liên lạc Bắc Nam, toan tính cùng nhau làm điều tội ác xấu xa, chực lấy dân ta làm cá thịt. Hạng người ấy sao không dò xét mà đàn áp chúng đi, để chúng hiểu rằng trong khoảng trời đất này, chúng không chỗ dung thân? Ấy là một việc vì chính phá tà vô cùng quan trọng và can đảm nói cái trách nhiệm của triều đình: dân gian đều có thể làm được sao không làm đi?".

Nguyễn Trường Tộ truy căn nguyên của sự lụn bại:

"... Chỉ vì học thuật làm nên nông nỗi ấy. Mà sở dĩ học thuật chưa được hẳn hoi là vì không biết nhận rõ vua thế nào mới là quý, quan thế nào mới là trọng, dân và nước quan hệ với nhau thế nào, cho nên ai nấy chỉ biết mình là hơn, ít kẻ thật lòng vì lợi ích chung; vì thế, mình đã lầm lạc còn làm cho người khác lầm. Xét ra học thuật không rõ ràng, một nửa vì sách vở, một nửa bởi triều đình; song ở đây tôi chưa dám nói hết lời, có can ngại điều gì chăng, nếu không vì thế mà bị tội, tôi sẽ xin nói rõ ràng hơn nữa".

Thật Nguyễn Trường Tộ là người ái quốc, người có kiến thức rộng rãi và chính xác nhất nước lúc bấy giờ. Nước loạn cần có tay chủ trương, thuyền lạc cần có người cầm lái: người ấy lên tiếng;

https://tieulun.hopto.org

triều đình đã chẳng trọng dụng lại không nghe. Một ông vua nếu biết lo cho nước và lo cho cả ngôi mình, ắt phải vời Nguyễn Trường Tộ đến triều, nếu không phải làm thủ tướng, ít ra cũng làm một vị cố vấn tối cao. Nước ta lúc ấy đòi hỏi duy tân, có cả một luồng tư tưởng đòi hỏi cải cách, có điều kiện xã hội để duy tân tuy không phải là đầy đủ, có thì giờ để duy tân tuy không phải là rộng lắm. Mà phương thuốc giải nguy căn bản lúc ấy để cứu quốc là duy tân, là phát triển tư bản. Mất nước không phải là điều không tránh khỏi được. Một điều ta đáng chú ý trong việc đấu tranh giữa tư tưởng thủ cựu và tư tưởng duy tân là, đương thời, những người có ý kiến duy tân rứt khoát, phần lớn là đồng bào công giáo hay chịu ảnh hưởng của công giáo. Điều ấy cho phép ta có vài suy luận:

1. Hầu hết đồng bào theo công giáo vẫn là ái quốc. Các ông Đinh Văn Điền, Nguyễn Trường Tộ đều vì nước mà làm bản điều trần; các bản điều trần của họ hợp với nhu cầu phát triển của nước nhà để tránh cái vạ bị mất nước. Ta cần nhận định rứt khoát như thế.

2. Trong tình thế lúc ấy, tư tưởng Nho giáo yếu đuối ở Việt Nam thật không đủ thỏa mãn trí tuệ của một số trí thức đương thời; còn công giáo đến thế kỷ XIX thì nhiều hay ít, đã tư bản hóa, các giáo sĩ mang theo họ một phần nào cái học thuật thiết thực, tiến bộ của thời kỳ tư bản chủ nghĩa đang lên; cho nên một số nhà nho của ta như ông Điền, ông Tộ hướng về phía công giáo để tìm cái mới. Ở xứ ta lúc bấy giờ hoàn toàn chưa thấy có truyền bá chút nào những tư tưởng tiến bộ của duy vật luận thế kỷ XVIII ở Pháp, càng không có trang sách nào của chủ nghĩa xã hội khoa học đã bắt đầu thành lập và phát triển vào giai đoạn lịch sử này ở Âu châu. Cho nên, trong tình thế đó, và trong tình thế xã hội Việt Nam lúc ấy, ta không lấy gì làm lạ mà thấy rằng tư tưởng duy tân được những người ái quốc công giáo làm đại diện xuất sắc nhất, những người đó ít nhiều học khoa học Tây phương, ít nhiều đã có

giao tiếp rộng với người Tây phương, có đi quan sát ở Tây phương, thấy sự thực, so sánh được rõ giữa phong kiến và tư bản và ít bị chi phối bởi tinh thần thủ cựu, cố chấp của các loại Nho giáo đang thống trị tư tưởng ở Việt Nam.

3. Dĩ chí người dân lao khổ Việt Nam trong buổi này là lúc mà họ đau khổ quá nhiều, mấy lần nổi dậy để đánh phong kiến, lần nào các cuộc tranh đấu của họ cũng bị nhận chìm trong vũng máu, thì, trong điều kiện ấy, nếu có một số nông dân nghèo khổ theo công giáo, căn bản là đi tìm (đúng hay sai là vấn đề khác) một lối giải thoát: chưa giải thoát được trong đời sống, cho thân thể, họ tìm lối giải thoát ở đời sau, cho linh hồn, mà đạo Thiên Chúa hứa hẹn cho họ. Họ không có tơ hào tâm trạng phản quốc, tuy trong bộ phận nào đó, họ có thể bị giáo sĩ Pháp hay bọn tay sai của Pháp như Lê Phụng lợi dụng họ.

* * *

TÓM LẠI

Sau khi Nam Kỳ bị chiếm, triều đình Huế vẫn khư khư không chịu duy tân mà cứ thủ cựu, cứ bế quan tỏa cảng. Ngược lại hơn nữa, nó tăng cường mọi thứ bóc lột nhân dân; thậm chí trước cấm phiện thì giờ lại như khuyến khích để thu thêm nhiều thuế; và thậm chí ai có tiền nộp thì tội gì cũng qua.

Công nghiệp không tiến bao nhiêu; toan khai mỏ thì nhiều, đi khai thì ít, bỏ dở là phần lớn, thương mại với nước ngoài có nhút nhít một ít, có mua tàu, mua máy, nhưng chẳng đáng là bao; nếu có chỗ làm được đê chống nước mặn thì sông ngòi cạn đi ai vét lại bị quở trách. Về việc võ bị, không có bước tiến nào đáng kể; cái "đáng kể" mà xấu xa là thẳng tay đàn áp mọi cuộc khởi nghĩa, mà nhất luật không chịu cải cách tí nào cho dân chúng dễ sống hơn.

Lúc ấy thì xung quanh Việt Nam, thế lực tư bản chủ nghĩa Tây phương đánh tới như sóng; nhiều nước hoặc phải duy tân, hoặc

https://tieulun.hopto.org

phải bị xâm chiếm. Ngay cả thành trì của chủ nghĩa thủ cựu là nhà Thanh cũng phải bị buộc mở cửa nhiều thương cảng.

Thì lẽ tất nhiên là ở trong nước Việt Nam, tuy chưa có một giai cấp tư sản, vẫn có càng ngày càng nhiều nhà ái quốc chủ trương phát triển tư bản là kế hay nhất để bảo tồn độc lập, để phú quốc cường dân. Đinh Văn Điền xin mở cửa buôn bán, xin cho hàng hóa tự do lưu thông trong nước, xin lập quân đội tân thời; đình thần cho là không hợp.

Nguyễn Huy Tế xin "mở điếm khai thương", mở cửa Trà Lý làm như một Hương cảng Việt Nam; bàn mãi không đi đến đâu. Viện thương bạc tiến tới một bước xin mở 3 cửa Đà Nẵng, Ba Lạt, Đồ Sơn; triều đình thấy hại nhiều hơn lợi. Lê Đính đi Xiêm về, xin làm như Xiêm, như Nhật, nghĩa là tiếp tất cả các tàu và các sứ các nước; cũng không được.

Nhiều nước ngoài đến xin thông thương, không cho. Thêm nữa là sự can ngăn của Pháp mà triều đình lại nghe theo!

Trong tất cả các đề nghị duy tân, có điều trần của Nguyễn Trường Tộ là đầy đủ sâu sắc và có hệ thống hơn cả; điều trần này cũng là một cáo trạng đối với chế độ cũ. Nguyễn Trường Tộ xin cải cách về chính trị, giáo dục, kinh tế (công, thương, nông và tài), xin cải cách về xã hội, về quân sự, về ngoại giao, đủ tất cả các phương diện. Điều trần này chứng tỏ rằng Nguyễn Trường Tộ là một chính khách sáng suốt, một nhà tư tưởng cao, một vị ái quốc chân thành lại là một nhà văn lớn. Người đáng làm tể tướng thì Tự Đức chỉ dùng vào cái việc đi mua năm ba chiếc máy.

Cơ hội duy tân thừa có mà không dám mạnh dạn duy tân.

Cơ hội khôi phục chủ quyền trên 6 tỉnh trong và sau chiến tranh 1870 lại bị bỏ dở.

Thì thực dân Pháp ở bên cạnh tất nhiên sẽ tìm cách xâm lăng nữa.

Chương 11

PHÁP XÂM CHIẾM HÀ NỘI LẦN THỨ NHẤT: 1873 HÒA ƯỚC 15-3-1874

I. ĐẶC ĐIỂM CỦA TÌNH HÌNH PHÁP VÀ TÌNH HÌNH VIỆT NAM TRƯỚC VÀ TRONG KHOẢNG (1873 - 1874)

1. Việt Nam từ khi mất 6 tỉnh Nam Kỳ đến nay là 10 năm, không ghi được những sự tiến bộ gì đáng kể trên con đường duy tân tức là con đường duy nhất lúc bấy giờ để bảo vệ độc lập, để khỏi biến thành thuộc địa của Tây phương tư bản. Ngược trở lại, triều đình Huế cứ bảo thủ, cứ bế quan tỏa cảng. Đối nội thì nó trấn áp nhân dân; ngoài Bắc thì nó không đủ sức để dẹp cướp biển, chỉ vừa đủ sức để giữ gìn quyền thống trị - phong kiến, ngăn ngừa bạo động của dân cày và dân thiểu số, hoàn toàn bất lực trong việc bảo vệ nghề nông cho đỡ thiên tai liên tiếp, khiến quần chúng khốc cực vô cùng. Chính quyền của nhà vua không còn uy tín gì đáng kể đối với nhân dân. Tuy trong khoảng này không có nhiều cuộc khởi nghĩa lớn, nhưng cũng không có bình trị được; phe đảng nhà Lê vẫn hoạt động. Người Pháp trong Nam vẫn liên lạc mật thiết với bè lũ của chúng ở miền Bắc để chuẩn bị điều kiện xâm lăng, ít nhất là

https://tieulun.hopto.org

để cho triều đình mải lo việc Bắc mà không có điều kiện chú ý đến sự mất đất ở miền Nam nữa. Ở trung châu, thường thường mỗi tỉnh chỉ có từ 300 đến 500 quân không tinh nhuệ, không tinh thần. Ở các tỉnh miền núi thì hoặc luôn luôn bị cướp phá mà bản thân triều đình không lúc nào dẹp yên, hoặc phải phong tước, cắt đất cho những toán quân (gốc ở phong trào Thái bình Thiên quốc) từ miền Nam Trung Quốc tràn sang trước sự khủng bố dã man của nhà Mãn Thanh. Bộ máy thống trị của triều đình Huế tựa hồ như một cái nhà mục nát, chỉ chờ gió đến là có thể đổ nát.

Điều ấy sẽ cắt nghĩa tại sao, năm 1873 - 1874, quân Pháp ít ỏi mà chiếm được Hà Nội và nhiều tỉnh lỵ. Nói như thế, không phải là bảo rằng nhân dân thờ ơ với đất nước, lừng chừng trước lũ xâm lăng. Thật ra, một vài tiểu hay trung đội giặc với một vài chiếc tầu, có thể hạ một thành, chiếm một tỉnh lỵ, viên tổng đốc, viên lãnh binh có thể bỏ chạy; nhưng khi giặc vào làng thì gặp ngay sự kháng cự, lên trung du thì càng bị kháng cự mạnh hơn nữa. Nhân dân tuy không được nhà nước phong kiến tổ chức và khuyến khích đấu tranh, vẫn có nhiều khả năng tự vệ, đề kháng.

Ở miền Nam, sau cuộc kháng chiến của Trương Định, Trương Quyền và Nguyễn Trung Trực không còn có cuộc nào rộng lớn bằng; các cuộc khởi nghĩa và mưu toan khởi nghĩa cũng thưa đi. Lần lần, một số đại địa chủ liên hiệp với thực dân, làm tay sai đắc lực cho thực dân để thống trị quần chúng. Bộ máy nhà nước của địch có được củng cố lên: chúng tổ chức được ngụy quân, mở rộng thế lực của chúng xuống các thôn xã; sự xuất cảng lúa gạo ra càng nhiều thì càng nhiều nhà địa chủ thấy gần thực dân, ra làm tổng lý cho giặc càng đông. Triều đình muốn hòa hảo với Pháp nên hoàn toàn bỏ rơi những nhà ái quốc Cần vương ở Nam Kỳ, bỏ rơi những nhà ái quốc đã tổ chức cuộc tị địa lần thứ hai từ Nam Kỳ ra Bình Thuận, lập đồng châu xã (1868) và lập căn cứ quân sự Tĩnh Linh.

2. Xét tình hình hồi 1873 - 1874 của nước Pháp, nếu nội chính Việt Nam được củng cố, quân đội được tăng cường, thương mại được mở mang, phong trào kháng chiến Nam Kỳ được ủng hộ, thì nhất định là bọn thực dân ở Sài Gòn không dám gây chuyện ở phía Bắc, không dám ra lấy Hà Nội và làm mưa làm gió như chúng đã làm. Tuyệt đối không thể nói rằng Tự Đức không có thời gian và cơ hội, thời gian vẫn dài, cơ hội vẫn nhiều.

Lúc bấy giờ, sau chiến tranh 1870 và sau Công xã Pa-ri, chính phủ Pháp bị vướng mấy cái trở ngại lớn sau đây:

- Một phần đất nước còn bị chiếm đóng và Pháp còn phải trả chiến phí hết sức nặng.

Khi đất Pháp được hoàn toàn giải phóng rồi thì đại lực của quân Pháp phải luôn luôn để phòng mặt Đức, khó dám hở tay.

Cánh tả và cánh hữu trong nghị viện Pháp còn rất mạnh, sợ rằng Bít-mác[1] thủ tướng Đức nhử cho Pháp đem quân đem sức đi xa Âu châu để rồi Đức có thể lại lần nữa đè bẹp Pháp ở Âu châu. Mà thực tế lúc bấy giờ chính sách đối ngoại của Đức, chủ yếu là chính sách lục địa với nhiều ảnh hưởng thế lực của bọn Jun-ker (địa chủ) Phổ, cho nên Đức quả có muốn cho Pháp chú ý đến phương trời xa mà ít chú ý đến lục địa Âu châu.

Năm 1873 lại xảy ra những việc có khả năng làm cho chiến tranh Pháp Đức lại có thể nổ ra nữa. Thủ tướng Pháp Chi-éc[2] đổ; phái quân chủ lên cầm quyền; dưới chính phủ Chi-éc, phái quân chủ đã cổ võ kịch liệt việc trả thù, việc phải đánh Đức để lấy lại các tỉnh An-zát và Lô-ren. Bây giờ họ lên cầm quyền. Bít-mác, thủ tướng Đức, lại sợ phái này là phái công giáo, có thể dễ liên kết đồng minh với triều đình Viênnơ (Áo - Hung) cũng là công giáo và cả với triều đình Mạc Tư Khoa (triều đình này tuy không phải là công

1. Bismarck.
2. Nhà xuất bản chưa tra được từ nguyên.

https://tieulun.hopto.org

giáo, song có quan niệm chính trị gần giống với quan niệm của phái hữu Pháp). Năm 1872, Pháp lại đề ra luật tòng quân nghĩa vụ và bắt đầu tổ chức lại quân đội.

"Để ngăn ngừa sự tái lập lực lượng võ trang của Pháp, Bít-mác sẵn sàng hăm dọa chiến tranh... hắn thấy rằng không có lý do gì để mà chờ đợi lúc nước Pháp lập lại được thế lực quân sự, mà ngược lại, phải đánh một cú quyết định trước khi nguy cơ trở thành thực tại"[1].

Tuy cuộc chiến tranh không xảy ra, nhưng Pháp cũng mất vía, cố để phòng, không dám gây chiến ở đâu xa xôi. Sở dĩ, bấy giờ Bít-mác không đánh, không phải vì hắn ngại Pháp có sức chống đỡ. Nạn chiến tranh tạm qua, vì hắn sợ rằng hễ đánh Pháp nữa thì không thể không gây chuyện với các cường quốc khác, đặc biệt là với Áo và Nga, cả nước Anh là một nước muốn có thế quân bình ở lục địa Âu châu. Dù sao, Pháp hoảng hốt đem hết sức lập phòng tuyến ở phía đông một cách rất gấp rút, các đồn lũy đó được gọi một cách mỉa mai là "đồn lũy của sự hoảng hốt".

Năm 1875 lại xảy ra một khả năng Pháp - Đức chiến tranh nữa, lần này vì Pháp quyết định tăng số tiểu đoàn trong mỗi trung đoàn. Bít-mác lại chuẩn bị tấn công nữa. Pháp lại phải một cơn sốt rét; cuộc chiến tranh khỏi xảy ra vì Nga sớm can thiệp vào.

Lại một lần có khả năng Pháp - Đức chiến tranh nữa năm 1877. Như thường lệ Bít-mác hay dùng báo chí làm khí cụ ngoại giao. Hội nghị Công-tăng-ti-nốp[2] vừa thất bại, thì Bít-mác lấy cớ rằng có tin kỵ binh Pháp tập trung, cho nên Đức đề nghị liên kết đồng minh với Anh, để ngăn cuộc tấn công của Pháp qua Đức. Pháp thấy cái nguy trước mắt, trông rõ cách khiêu khích của Bít-mác. Nhưng Anh không bị đánh lừa. Nguy cơ chiến tranh lại tạm qua một lần nữa.

1. Potenkine, *Histore de la Diplomatie*, quyển 2, tr. 20.
2. Constantinople.

Những điều đã kể trên cắt nghĩa tại sao trong khoảng mấy năm sau chiến tranh 1870, tuy không ngớt thèm thuồng và chuẩn bị xâm chiếm cả nước Việt Nam, cả Đông Dương, chính phủ Pháp trù trừ không dám, và khi Phơ-răng-xi Gác-nhê[1] gây chuyện ở Bắc, chiếm lấy Hà Nội thì Pháp lại rút quân đã đem ra Bắc về Sài Gòn; Pháp sợ sa lầy ở Viễn Đông, sợ Trung Hoa can thiệp trong lúc nó phải lo bảo toàn tính mạng ở Tây Âu. Những người tư bản Pháp bôi bác sử, nói rằng sở dĩ Pháp không chiếm giữ Bắc Kỳ lúc đó là vì không muốn xâm lăng, mà chỉ muốn hòa hảo; những kẻ ấy không có ý gì khác hơn là muốn biện hộ cho chủ nghĩa thực dân đểu giả.

II. TƯ BẢN PHÁP MUỐN KHAI PHÓNG ĐƯỜNG SÔNG NHỊ HÀ ĐỂ XÂM NHẬP VÂN NAM: JĂNG ĐUY-PUY[2] KHIÊU KHÍCH Ở BẮC KỲ

Nhắc lại rằng sở dĩ quân Pháp, sau khi thất bại ở Đà Nẵng hồi 1859 phải đem quân vào đánh chiếm Nam Kỳ (là nơi mà, một mặt là chúng nó có ít cơ sở chính trị hơn ở Bắc cũng là nơi mà phong trào nông dân và tình thế giặc giã ít gay go cho triều đình Huế hơn là ở Bắc), bởi vì chúng nó ngại sự can thiệp trực tiếp của Trung Quốc, bởi vì chúng nó ngỡ có thể đi vào miền nam Trung Quốc bằng sông Cửu Long.

Nay tình thế đã biến đổi khá nhiều. Một mặt thì triều đình Mãn Thanh bị nhiều cuộc thất bại về quân sự và chính trị, đã phải mở cửa tất cả các tỉnh duyên hải, mở sông Trường Giang cho tư bản Âu châu; một mặt khác, nhà Mãn Thanh thống trị đã bắt tay với tư bản Âu - Mỹ để đàn áp phong trào cách mạng của nhân dân nhất là đàn áp phong trào Thái bình Thiên quốc. Ví như Mãn Thanh sai tướng Mã đem quân đến Vân Nam, tàn sát nhân dân khởi nghĩa.

1. Francis Garnier.
2. Jean Dupuis.

https://tieulun.hopto.org

Mã nhờ bọn tư bản Anh và Pháp tải bán súng ống đạn dược cho hắn theo con đường Trường Giang. Trong bọn lái buôn súng này, có tên côn đồ Pháp là Đuy-puy. Mà cửa ngõ thiên nhiên của vùng Vân Nam, cả phần lớn Quý Châu, tức miền tây nam Trung Quốc là lưu vực sông Hồng Hà. Bọn tư bản Âu châu, đặc biệt là tư bản Pháp dòm ngó miền tây nam Trung Quốc - và lúc ấy chúng cũng đang mưu mô chiếm Diến Điện. Diến Điện giáp giới với Vân Nam, thì, lẽ tất nhiên, chúng nó không thể không để ý đặc biệt đến Bắc Kỳ, đến lưu vực Hồng Hà.

Vả lại, cuộc tìm đường vào miền tây nam Trung Quốc bằng lòng sông Cửu Long đã bị thất bại rồi. Đoàn này được thành lập từ 1866, do tên hiếu chiến Đu-đa đờ La-gờ-rê cầm đầu; tên này bị ốm chết ở Vân Nam. Thực ra, đợi chi đến biên giới Vân Nam, từ cuối địa phận Khơ-me, sông Cửu Long đã có nhiều thác mà thuyền lớn không vượt qua được. Đoàn do thám của Đu-đa đờ La-gờ-rê đồng ý với Đuy-puy là cần phải mượn đường Bắc Kỳ là đường gần nhất và hình như dễ đi nhất, và mượn cớ khai phóng Hồng Hà để chiếm luôn Bắc Kỳ làm bàn đạp phát triển thế lực của tư bản Pháp sang Vân Nam. Bản báo cáo của Đu-đa về sự thất bại của cuộc tìm đường đi Vân Nam bằng lưu vực Cửu Long giang và về sự cần thiết phải khai phóng Hồng Hà, làm cho bọn thực dân ở Sài Gòn từ lâu đã chú ý đến Bắc Kỳ, nay lại càng chú ý thêm.

Năm 1866, mạt cưa mướp đắng gặp nhau ở Hán Khẩu, Đuy-puy và bọn Gác-nhê (thay cho La-gờ-rê chết) bàn định kế hoạch xâm nhập Bắc Kỳ. Đuy-puy được tướng Mã nhờ mua súng và cả Mã lẫn Đuy-puy trông cậy vào đường Hồng Hà. Đuy-puy đi Sài Gòn bằng cách xuôi sông Hồng. Đô đốc Đuy-pơ-rê, Thống đốc Nam Kỳ lúc ấy, rất quan tâm đến việc chuẩn bị xâm chiếm miền Bắc, nên mặc dù là sắp về Pháp, hắn còn sai quan ba Sơ-nê[1]

1. Nhà xuất bản chưa tra được từ nguyên.

cưỡi tầu Bu-rai-nơ[1] ra vịnh Hạ Long để điều tra tình hình. Còn Đuy-puy thì muốn mượn đường Hồng Hà, nhưng bất chấp triều đình Huế, không đếm xỉa đến chủ quyền Việt Nam, cứ thẳng về Pháp mua hàng, hắn và bọn thực dân ở Sài Gòn định rằng, càng không xin phép triều đình, càng có dịp để khiêu khích và có dịp để đem binh chiếm Bắc Kỳ.

Vài sự kiện lịch sử sau đây sẽ làm sáng tỏ thêm vấn đề sông Hồng, là một vấn đề khá cũ rồi, nhưng lúc bấy giờ trở thành vấn đề rất nóng hổi và rất quan trọng.

- Năm 1625, những đoàn giáo sĩ Pháp vào Bắc Kỳ. Đức cha Pa-lu, năm 1669 có gửi một bức giác thư cho Côn-be bấy giờ là Bộ trưởng Bộ Hải quân, xin hải quân Pháp chiếm lấy lưu vực Hồng Hà. Năm 1684, công ty Đông Ấn gửi Lơ Sa-pơ-li-ê[2] sang Bắc Kỳ. Thế nghĩa là Pháp đã dòm ngó từ lâu.

- Trong lúc Pháp ở Nam Kỳ lo thám hiểm sông Cửu Long (1866) để lên tây nam Trung Quốc thì người Anh cũng làm việc ấy từ Diến Điện, theo lưu vực sông I-ra-oa-đi[3] và sông Sa-lu-en[4]. Như năm 1867 hai tên quan ba Uy-liêm[5] và Luy-a[6] kết luận rằng không thể dùng được sông mà phải xẻ đường bộ qua hai lưu vực Cửu Long giang và Sa-lu-en để đi từ Vân Nam về Diến Điện, nhưng núi đứng cao quá. Năm 1868, một đoàn khai mỏ người anh do Sla-đen[7] cầm đầu toan đi từ Diến Điện qua Vân Nam và toan liên kết với người Hồi giáo ở tây nam Vân Nam nhưng thất bại. Về phía bên Trung Quốc, tầu Anh do Đô đốc Hốp[8] cầm đầu ngược sông Dương Tử vào năm 1868 để tìm con đường nối liền miền tây

1. Nhà xuất bản chưa tra được từ nguyên.
2. Le Chapelier.
3. Irrawaddy.
4. Nhà xuất bản chưa tra được từ nguyên.
5. William.
6. Nhà xuất bản chưa tra được từ nguyên.
7. Nhà xuất bản chưa tra được từ nguyên.
8. Nhà xuất bản chưa tra được từ nguyên.

https://tieulun.hopto.org

nam Trung Quốc với Ấn Độ của Anh. Lúc ấy nhân dân Tứ Xuyên khởi nghĩa, Hốp không vào sâu được; Cô-pơ[1] tiếp tục, lại ngược sông Dương Tử, tới biên giới Vân Nam nhưng không vào Vân Nam được.

Tất cả các cuộc thám hiểm này dắt đến những kết luận sau đây của bọn thực dân, dù Anh hay Pháp:

a. Không có đường thiên nhiên từ tây nam Trung Quốc sang Ấn Độ dương.

b. Đường sông Cửu Long, thuyền không đi được.

c. Miền tây nam Trung Quốc có 50 triệu nhân khẩu một thị trường rất lớn và có nhiều hầm mỏ, sản vật.

d. Chỉ còn có con đường Hồng Hà - ngoài con đường sông Dương Tử dài hơn.

Về tây nam Trung Quốc và đường Hồng Hà, tên Duy-puy nói:

"Con đường này chẳng những đáp ứng với nhu cầu của Vân Nam, mà cũng đáp ứng với nhu cầu của một phần Tây Tạng, Tứ Xuyên, Quý Châu, Quảng Tây, Lào và Bắc Kỳ.

Mở đường này ra là nối liền hơn 50 triệu người với văn minh Âu châu, khai phóng một thị trường vô biên cho sản vật của ta và đặt sát gần Sài Gòn một sự giao thông tiện lợi và ít tốn với những vùng giầu có bậc nhất trên thế giới mà đến nay hãy còn đóng cửa đối với thương mại ngoại quốc"[2].

Thực dân Pháp càng sợ người Anh tranh đoạt, sợ người Anh sớm tay nắm lấy miền tây nam Trung Quốc sau khi đã nắm lấy thương mại lớn lao của lưu vực Dương Tử giang, nên càng gấp rút lo khảo sát đường Hồng Hà. Sau này, để quyết định sự cần thiết phải chiếm lưu vực Hồng Hà thì bọn tư bản tính rằng, mở sông

1. Nhà xuất bản chưa tra được từ nguyên.
2. J. Dupuis, *Les Evenements du Tonkin*, tr. 1 - 2.

này thì mỗi năm số tiền buôn bán của Pháp ở đó có thể lên đến 800 triệu quan, một con số rất lớn của đương thời.

Về Pháp năm 1872, tên tư bản Duy-puy giao thiệp với nhiều chính khách để giải thích cho họ:

"Nhận thấy rằng quyền lợi của nước Pháp là đặt chân lên Bắc Kỳ, ít ra là để củng cố tình hình ở Nam Kỳ".

"Củng cố tình hình Nam Kỳ" đây có ý nghĩa là nếu đánh Bắc thì bắt buộc Tự Đức phải chính thức thừa nhận nhường 3 tỉnh miền Tây Nam Kỳ mà quân Pháp đã chiếm xong, triều đình tới nay vẫn chưa công nhận; lại bắt buộc triều đình Huế ngó về Bắc mà sẽ không còn chú ý gì được đến Nam Kỳ nữa.

Đô đốc Duy-pơ-rê cũng đã báo cáo về Pháp rằng:

"Bắc Kỳ là miếng mồi dễ ăn".

Nhưng mà, như ta đã biết, sau 1870 - 1871, bận việc ở Âu châu quá nhiều, nên Đô đốc Pô-thu-ô bấy giờ là Bộ trưởng Bộ Hải quân và thuộc địa trả lời cho Duy-puy rằng:

"Chúng tôi không thể can thiệp vào vụ này, anh phải tự liệu lấy, thắng thì nhờ, thất thì chịu".

Nói một cách khác hơn, Pô-thu-ô tuy không hứng can thiệp chính thức mà vẫn khuyến khích Duy-puy; Pô-thu-ô viết thơ gửi gắm Duy-puy cho Duy-pơ-rê ở Sài Gòn.

Duy-puy mua 7.000 súng, 30 đại bác, 15 tấn đạn cho tướng Mã để tên này đàn áp nông dân đương khởi nghĩa ở vùng đông nam Vân Nam. Qua Sài Gòn, Duy-puy được tướng Đac-bô[1] (quyền Thống đốc) hứa hẹn ủng hộ và gửi theo để ủng hộ Duy-puy chiếc chiến hạm Bu-rai-nơ đã từng do thám ở duyên hải Bắc Kỳ, có Lơ-gờ-răn-đơ la Li-rai đi theo chỉ đạo về mọi mặt chính trị. Chiến

1. d' Arbaud.

https://tieulun.hopto.org

hạm này và 3 tầu nữa tới trước ở Bắc Kỳ để thị uy và ủng hộ cho Đuy-puy; chúng tự tiện vào Quảng Yên, lên Bắc Ninh theo sông Đuống vào Hà Nội và chờ đợi Đuy-puy. Đuy-puy đến với 2 chiến hạm, 1 tầu máy và 1 tầu gỗ chở hàng với một vài trăm người có đầy đủ võ trang. Nhà buôn có chiến hạm thì gọi là buôn bán làm sao?

Lạ gì mà quan quân ở Bắc không thể không hoài nghi là phải.

Lúc bấy giờ là năm Tự Đức thứ 26 (1872).

Bọn thực dân lập tức khiêu khích. Đuy-puy hẹn cho quan kinh lược Bắc Kỳ bấy giờ là Lê Tuấn trong hai tuần phải cho triều đình Huế biết hắn ta muốn mượn đường đi Vân Nam và trong hai tuần đó, triều đình Huế phải có trả lời đến tay Đuy-puy! Thật là không còn coi chủ quyền của xứ khác ra gì nữa. Chưa được phép, Đuy-puy cứ thẳng đường lên Vân Nam bán súng đạn không có trở ngại gì, trừ sự trở ngại thiên nhiên. Cần phải chú ý rằng, Đuy-puy khiêu khích nhiều lần, như là vừa đến Hải Phòng thì xả đại bác bắn thị uy; vào sông Hồng cũng thế, đến Hà Nội cũng thế; hơn nữa, ở Hà Nội, Đuy-puy thừa dịp cố Puy-gi-nhê làm lễ để cho lính mang súng lên bờ mà thị uy. Đứng trước những sự khiêu khích của Đuy-puy, nhân dân tỏ ý phản kháng bằng nhiều cách như không thèm bán củi và thức ăn, như không cho mượn thuyền mành, và có chỗ lại đóng cọc trên sông như ở Hải Dương.

Khi hắn từ Vân Nam trở về Hà Nội, được tướng Mã cấp thêm cho 150 quân, hắn lại càng hung hăn hơn nữa. Hắn tự tiện đóng quân trên bờ sông, đòi quan triều đình phải thả những người Việt Nam trái phép nước, cộng tác với hắn; hắn lại bắt một người chức trách để làm con tin. Bản thân hắn có quân, có tàu chiến, hắn được chiến hạm của bọn thực dân Sài Gòn theo ủng hộ, lại được tên tướng Mã hứa hẹn giúp đỡ nếu xẩy ra xung đột, thì hắn khiêu khích càng hăng. Hắn muốn có nhượng địa tại Hà Nội, hắn muốn tự do xuôi ngược Hồng Hà, muốn có than đá, có muối để chở lên

Vân Nam; quan Việt Nam đáp lại rằng "chưa có lệnh vua, không ai dám làm một cách sơ xuất vội vàng".

Triều đình thấy tình thế càng ngày càng găng, nên một mặt thì sai Nguyễn Tri Phương ra trấn thủ Hà Nội, một mặt khác yêu cầu "Phú Súy" (tức là bọn Pháp ở Sài Gòn) can thiệp (!!) mà bảo cho Đuy-puy đừng khiêu khích. Dại dột thay! Triều đình không biết rằng khi đi phép trở về Sài Gòn, trước khi biết vụ Đuy-puy, Đô đốc Đuy-pơ-rê đã xin chính phủ Pháp dùng cách chiếm lấy Kẻ Chợ (Hà Nội) để buộc Tự Đức nhận giao ba tỉnh miền Tây Nam Kỳ cho Pháp (thơ ngày 22-12-1872). Cũng trong thơ này Đuy-pơ-rê trình bẩy rằng Đức, Anh đều dòm ngó Bắc Kỳ, rằng từ Hồng Kông, người Đức đã phái đại biểu đến Huế để nghị với Tự Đức một hiệp ước gồm 42 khoản. Đuy-pơ-rê càng thúc giục Pa-ri phải cho phép cho hắn sớm hành động ở Bắc.

Trong thơ gởi về chính phủ Pháp, để ngày 19-5-1873, Đuy-pơ-rê nói:

"Chúng ta mà chiếm cứ được cái đất giầu có này (Bắc Kỳ), cái xứ ở sát Trung Hoa, cái đường thông thương tự nhiên của những tỉnh tây nam trù phú của Trung Hoa, chiếm được đất này, theo ý tôi là một vấn đề sống chết cho tương lai của quyền thống trị của chúng ta ở Viễn Đông. Chúng ta phải đặt chân lên đất này, có thể bằng cách đồng minh với Tự Đức để mà lập lại uy quyền của nhà vua, hoặc là bằng cách chiếm đóng, bằng quân sự...".

Như thế là trước khi xẩy ra vụ đưa Gác-nhê ra Bắc, ý kiến của bọn Pháp ở Nam Kỳ là phải chiếm lấy Bắc Kỳ bằng cách này hay bằng cách khác, bằng cách tầm ăn hay bằng cách dùng đại bác.

Đến tháng 6 năm 1873, sau khi được báo cáo mới từ Bắc gửi về Sài Gòn, Đô đốc Đuy-pơ-rê lại viết thơ thêm về Pa-ri rằng:

"Mặc dầu hiện nay có những sự khó khăn, nên cho phép chúng tôi dùng vũ lực xâm chiếm hẳn đồng bằng sông Hồng Hà".

https://tieulun.hopto.org

Và ngày 28 tháng 7 năm 1873, Đuy-pơ-rê điện cho Bộ trưởng Bộ Hải quân:

"Bắc Kỳ đã được khai phóng bằng sự thắng lợi của Đuy-puy (đi lên Vân Nam). Tác động lớn lao trong thương mại Anh, Đức, Mỹ; tuyệt đối cần thiết phải chiếm Bắc Kỳ và đưa về tay Pháp cái đường thông thương duy nhất này. Tôi không cần có viện binh gì cả; tôi làm với khả năng mà tôi có. Chắc chắn thành công".

Ở Hà Nội, Đuy-puy cứ hoành hành; hắn cho xé bản bố cáo của Nguyễn Tri Phương vừa mới từ Huế ra; hắn gỡ cả chiếc lọng che bố cáo đó mà đem cả bố cáo và lọng vào phố bêu diễu khắp các ngả đường. Khiêu khích như thế là cùng. Hắn lại tự tiện dán bố cáo của hắn! Hắn cho lính Pháp và thổ phỉ mà hắn mướn lên bờ bắt quan bắt lính, bắt dân ta đem xuống tàu. Hơn nữa, hắn đòi Nguyễn Tri Phương bồi thường 200.000 lạng bạc vì hắn không mướn được thuyền. Hắn tự tiện lập đồn lũy ở bờ sông Hồng với gần 400 quân có võ trang đầy đủ, liên lạc với những bọn thừa nước đục thả câu, với những cha cố người Pháp (đặc biệt với cố Puy-gi-nhê) luôn luôn thông tin tức, đem tiếp tế và mộ người cho Đuy-puy. Đuy-puy lại cho tên Mi-lô[1] về Sài Gòn đầu tháng 6 để quả quyết với Đuy-pơ-rê rằng, chiếu theo tình hình chính trị ở Bắc Kỳ thì riêng lực lượng của hắn và những bọn tay sai cũng đã có đủ chiếm đóng Bắc Kỳ.

"Tự tôi có sức đánh được quan lại triều đình Huế, lập lại nhà Lê và đặt Bắc Kỳ dưới quyền đô hộ của Pháp mà Pháp không phải tốn một người nào, cũng không phải tốn một xu nào. Nếu thống đốc muốn tự mình hành động thì 200 lính đủ làm cho Bắc Kỳ trở thành thuộc địa của Pháp"[2].

Lẽ tất nhiên là Đuy-pơ-rê tán thành Đuy-puy, và gửi tờ trình về Pháp xin đánh lấy Bắc Kỳ, Đuy-pơ-rê gửi tiền cho Đuy-puy hoạt

1. Millot.
2. Dupuis, *Les évènements du Tonkin*, tr. 100.

động và hứa hẹn trong 3 tháng sẽ can thiệp bằng vũ trang. Tức tốc Đuy-pơ-rê gửi điện về Pháp, thúc chính phủ Pháp nên hành động ngay, lấy cớ rằng nếu không hành động ngay thì người Âu khác hay người Trung Quốc sẽ chiếm Bắc Kỳ đi thôi. Để cho chính phủ Pháp dễ tán thành, Đuy-pơ-rê nói rằng hắn không đòi Pháp gửi tiền, gửi súng, gửi lính gì thêm cả. Hắn lại viết thơ nói với Bộ trưởng Bộ Hải quân rằng:

"Tôi sẵn sàng chịu tất cả trách nhiệm về kết quả của cuộc viễn chinh này... dù sẽ phải bị bỏ rơi, phải bị gọi về Pháp hoặc bị mất chức... Tôi không đòi hỏi ngài tán đồng, không đòi hỏi ngài cho viện binh; tôi chỉ xin ngài làm ngơ, rồi nếu tôi thất bại thì ngài cứ có thể tuyên bố là không hề tán thành hành động của tôi"[1].

Bá tước Đờ Sáp-pơ-len[2] lãnh sự Pháp ở Quảng Châu, trong bản báo cáo ngày 8-7-1873 gửi về cho Bộ Ngoại giao Pháp, cũng có viết:

"Không phải 2.000 quân và 4 chiến hạm, như ông Sê-nê[3] yêu cầu, mà chỉ cần một chiến hạm, vài pháo thuyền đã nằm sẵn ở Sài Gòn, và một tiểu đoàn thủy quân lục chiến, gửi đến cửa sông Cái là đủ biến xứ Bắc Kỳ thành thuộc địa. 6.000 người công giáo mà giám mục Puy-gi-nhê tự cho có trách nhiệm chiêu mộ, có vài ba người huấn luyện viên, sẽ đủ để mà giữ Bắc Kỳ..."[4].

Như thế chúng ta thấy rằng, tuy bên Pháp bọn cầm quyền ngần ngại vì tình thế Âu châu, bọn thực dân ở Sài Gòn rất quả quyết muốn chiếm Bắc Kỳ mà chúng quả quyết như thế là bởi vì chúng trông thấy rõ sự suy đốn của chính quyền Tự Đức, thấy rằng Tự Đức sẽ không dám cương quyết chống cự. Thật vậy, trong lúc Đuy-pơ-rê và Đuy-puy ráo riết chuẩn bị cuộc võ trang can thiệp

1. *Archives du ministère de la Marine et des Colonies.*
2. Chappelain.
3. Nhà xuất bản chưa tra được từ nguyên.
4. *Évènements du Tonkin*, tr. 258, 259.

https://tieulun.hopto.org

vào Bắc Kỳ, cuối tháng 8 năm 1873, triều đình Huế triệu kinh lược xứ Bắc Kỳ là Lê Tuấn, Tán lý Nguyễn Văn Tường về kinh, cùng với Nguyễn Tăng Doãn đi vào Gia Định để hội đàm với quân Pháp Duy-pơ-rê đặng xin đi sứ sang Pháp mà thương thuyết.

Đuy-pơ-rê tuyên bố láo với đoàn sứ giả triều đình rằng không cần phải đi đâu xa; rằng hắn đã có toàn quyền định đoạt rồi. Thực ra thì Đuy-pơ-rê sợ đoàn sứ giả này sang Pháp thì người Việt Nam có thể biết tình trạng khốn đốn của nước Pháp lúc bấy giờ và biết tình ý chưa dám chủ trương một cuộc xâm lăng ở xa xôi của kẻ cầm quyền Pháp lúc bấy giờ ở Pa-ri, do đó mà đoàn sứ giả và triều đình Huế có thể làm trở ngại kế hoạch xâm lăng của bọn thực dân ở Sài Gòn; hắn lại hứa với đoàn sứ giả rằng hắn sẽ can thiệp gọi Đuy-puy ra khỏi Bắc Kỳ nếu Đuy-puy trái phép. Khờ dại, mà cũng không biết làm sao đi được nếu Đuy-pơ-rê không cho đi, đoàn sứ giả mắc vào mưu của Đuy-pơ-rê dẫn dắt đến chỗ yêu cầu Đuy-pơ-rê gởi một sĩ quan đến Hà Nội để xem xét tình hình tại chỗ.

"Đô đốc Đuy-pơ-rê chộp ngay cái yêu cầu của Tự Đức, yêu cầu này cung cấp cho Đuy-pơ-rê cái cớ tốt nhất để can thiệp vào Bắc Kỳ"[1].

Bản thân Đuy-pơ-rê viết:

"Đuy-puy hành động như y ở trên một nước đã bị chiếm cứ rồi. Chính phủ Annam yếu ớt lắm nên mới nhờ tôi buộc Đuy-puy ra khỏi Bắc Kỳ. Nếu tự lực Đuy-puy mà y đã đánh bại lực lượng khốn nạn của chính phủ Annam, thì có tốn gì cho ta để đặt chân lên đất nước này?"[2].

Đuy-pơ-rê định ý là do lời triều đình xin Sài Gòn can thiệp để trục xuất Đuy-puy khỏi Hà Nội mà gửi một đạo quân, lấy nê rằng phải có gửi quân ra thì mới trục xuất nổi Đuy-puy. Khi quân của

1. *Histoire militaire de l'I.C*, tr. 46.
2. *Événements du Tonkin*, tr. 256.

Sài Gòn ra đến Hà Nội rồi thì sẽ không rút về nữa, cứ ở đó chiếm thành Hà Nội và một cứ điểm ở duyên hải cho đến khi nào Tự Đức chịu nhận một hòa ước bảo hộ[1].

Đuy-pơ-rê khẩn khoản yêu cầu Pa-ri cho hắn sớm chiếm Bắc Kỳ, nếu chậm thì người Âu hay người Vân Nam chiếm mất. Thực ra là lúc ấy Đuy-pơ-rê có nhờ Góp-phơ-roa[2] đại biểu Pháp ở Trung Quốc - can thiệp cho tổng lý nha môn ra lệnh cho các vị tổng đốc Lưỡng Quảng, Vân Quý đừng can thiệp vào Bắc Kỳ, đừng gửi quân sang đóng dọc theo sông Hồng (số quân này đang nằm không) sau khi trấn áp cuộc khởi nghĩa Hồi giáo. Và thực ra, bọn tư bản Anh ở Hương Cảng có ý định lấy nê rằng xưa kia họ có một thương điếm ở Bắc Kỳ để bây giờ gia nhập một căn cứ ở cửa sông Hồng. Đuy-pơ-rê lại xin Pa-ri chuẩn cho y cho hắn một cái mưu cao là sau khi đem quân ra chiếm đóng Hà Nội rồi thì có thể nhử Tự Đức đớp cái mồi móc trên lưỡi câu như sau đây: Y theo yêu cầu của Huế, Pháp trả lại ba tỉnh miền Tây cho triều đình, nhưng vẫn giữ công xứ và quân đội ở Vĩnh, An, Hà, còn Tự Đức thì phải nhận Pháp bảo hộ trên cả nước, làm sao cho dải đất Đông Dương từ Cửu Long ra Đông Hải, không có thế lực của nước nào khác hơn Pháp.

Pa-ri đồng ý và ngày 22-10-1873 trả lời cho Đuy-pơ-rê:

"Trả lại sự quản trị ở ba tỉnh để đổi lấy bảo hộ, thực sự phải có ý nghĩa là ta phải chiếm cả nước Annam; tuyệt đối phải được như vậy, phải có đủ bảo đảm thì ngài mới nên ký. Nên đòi chiến phí hàng năm bằng tất cả hoa lợi của ba tỉnh"[3].

Bọn thực dân sẽ gửi ra Hà Nội một sĩ quan, mà cùng với tên sĩ quan đó, cả một hạm đội và một đội quân nói để giàn xếp, thực sự là để xâm lược.

1. M.Dutieb, *L'Amiral Dupré et la conquête du Tonkin*, tr. 32,33.
2. Nhà xuất bản chưa tra được từ nguyên.
3. M.Dutieb, *L'Amiral Dupré et la conquête du Tonkin*, tr. 38, 39.

https://tieulun.hopto.org

III. QUÂN PHÁP CHIẾM HÀ NỘI VÀ MỘT SỐ TỈNH BẮC KỲ LẦN THỨ NHẤT

1. Đuy-puy tiếp tục khiêu khích rất trắng trợn. Cả đám phong kiến triều đình bất lực trong sự đối phó với một đứa con buôn phiêu lưu

Đuy-puy đậu tàu ở dưới sông, đóng quân ở trên bờ (ở vùng Bệnh viện Đồn Thủy hiện nay), chở muối hàng chục thuyền lên Vân Nam, hợp tác với một số nhà buôn Hà Nội và Hoa kiều để mua tơ lụa gửi hàng trăm thùng đi Hương Cảng, công khai chiêu mộ mấy trăm thổ phỉ khách đem về Hà Nội, cướp mấy thuyền gạo của triều đình ở bến đò Lương Yên (Phà đen bây giờ), ruồng bắt quan, lính và dân ta ở thành phố; nó tuyên bố rằng thị trấn Hà Nội thương mại đã về tay nó, quan kinh lược phải có nhượng bộ cho nó thì nó mới trả lại thị trấn thương mại lại cho. Nó nhờ cố Puy-gi-nhê mà liên lạc với một số người du đảng của tên Phụng. Nguyễn Tri Phương đi ra bờ sông để xem xét địa thế thì nó giàn binh ra và công kích.

"Chúng tôi phải quyết định mau lẹ và cương quyết để làm cho Nguyễn hoảng sợ, và làm cho ông ấy đỡ hoạt động đối với chúng tôi"[1].

Dân chúng Hà Nội xôn xao tản cư về thôn quê. Cố Puy-gi-nhê mật tin cho Đuy-puy - cốt thúc đẩy Đuy-puy và Đuy-pơ-rê vào ngay cuộc võ trang xâm lược - rằng Nguyễn Tri Phương đi kinh lý miền Duyên Hải để ra lệnh đắp cản, và đi kinh lý miền Sơn Tây đặng ra lệnh đóng hàng nghìn bè tre nứa chở đầy dầu và chất bồi để làm kế hỏa công đốt tàu Đuy-puy[2]. Lúc bấy giờ quân số của tên con buôn Pháp đã lên đến 300 người rồi. Thực tế thì Nguyễn Tri Phương có điều một số quân địa phương về đóng trong và ngoài

1. *Évènements du Tonkin*, tr. 104.
2. *Évènements du Tonkin*, tr. 133, 134.

thành để phòng bất trắc nhưng triều đình tuyệt nhiên không có ý định phản công, mà vẫn mong ở sự giàn xếp của Đuy-pơ-rê. Còn Đuy-pơ-rê thì nhờ công sứ Pháp ở Hương Cảng mà ra lệnh cho Đuy-puy rằng *"Phải tránh đánh nhau đã để chờ lúc can thiệp đúng thời cơ"*[1]. Tuy thế, chỉ vì một tên bồi (người Việt Nam) làm việc cho một tên Pháp, bị quan Phủ của thị trấn bắt giam, mà Đuy-puy đem quân lên cửa Nam phá tan cửa công rồi bắt quan Phủ xuống tàu Lào Cai của hắn. Quan quân triều đình cũng chẳng dám đối phó gì mặc dầu việc này xảy ra ở sát vách thành Hà Nội. Đó là vào đầu tháng 10 năm 1873. Tri Phương nhân nhượng thả tên bồi ra, rồi nhờ Puy-gi-nhê mời Đuy-puy đến thương thuyết; nó không chịu đến lại nhắn bảo rằng nếu Nguyễn Tri Phương muốn gặp nó thì hãy xuống tàu nó mà gặp.

Thật khiêu khích và vô lễ đến thế là cùng; thái độ Đuy-puy còn quá quắt hơn là thái độ của một bọn thực dân đã làm chủ đất nước người khác rồi. Chính lời ấy "il se conduit comme en pays conquis" là lời của Đuy-pơ-rê.

Tháng 10 này, Hà Nội được yên tĩnh là vì Đuy-puy đã tự tiện mang bao muối lên Vân Nam, không đóng thuế. Nhưng mà, dọc đường nó tự nhiên đánh phá nhiều đồn của quân Việt và quân Cờ đen trên hai bên sông, đốt cháy rất nhiều mảng và bè của nhân dân trên sông. Khi nó trở về Hà Nội, Nguyễn Tri Phương hỏi hắn vì sao, thì hắn trả lời rằng sẽ còn đốt phá nữa khi hắn cần lúc ấy chiến thuyền của Phơ-răng-xi Gác-nhê cũng vừa vào tới Cửa cấm. Đuy-puy mừng reo: "Sài Gòn đến rồi!". Cuộc xâm lăng trù tính từ lâu sẽ bắt đầu, bắt đầu trong lúc quan triều đình hy vọng một cuộc giàn xếp ổn thỏa nên không chuẩn bị để phòng cẩn mật, trong lúc có sự bất bình và hoang mang trong tinh thần của quân quan và phần nào là của dân ở Hà Nội và một số nơi thấy kẻ bề trên bất lực đối với kẻ địch vô cùng hóng hách; tiếng súng sắp nổ, mà địch

1. *Évènements du Tonkin*, tr. 150.

https://tieulun.hopto.org

đã chiếm một số ưu thế về tinh thần rồi, ấy là bởi thái độ của triều đình khiến cho địch khinh rẻ quân ta và dân ta.

2. Ý định xâm lăng của Gác-nhê và bè lũ

Toàn quyền Đuy-pơ-rê giao phó việc xâm chiếm Bắc Kỳ cho Phơ-răng-xi Gác-nhê là một sĩ quan đã từng thám hiểm lưu vực Cửu Long, bàn việc chiếm cứ lưu vực Hồng Hà với Đuy-puy, nghĩa là quen biết vấn đề, từng nhúng tay vào việc mua gian bán lậu và do thám ở Trung Quốc, cũng là người đã đương nuôi hy vọng lập những thuộc địa rộng rãi của Pháp ở Viễn Đông.

Phơ-răng-xi Gác-nhê được quyền tùy tiện và hành động với chỉ thị của Đuy-pơ-rê là nên mời Đuy-puy ra khỏi đất Bắc là nơi mà nếu hắn cứ dồn quân thì trái với hòa ước, nhưng chỉ thị cũng nói rõ là Gác-nhê phải ở lại, phải trú quân ở Bắc đến khi Tự Đức nhận sự bảo hộ. Đuy-pơ-rê dặn Gác-nhê là hễ thiếu tiền thì hỏi các cha cố, hễ cần tin tức thì hỏi cha cố, muốn liên lạc thì nhờ cha cố. Gác-nhê đi trước với 2 chiến hạm. Hắn ghé Đà Nẵng đưa thơ của Đuy-pơ-rê cho Tự Đức, rằng Gác-nhê ra Bắc để giải quyết vấn đề Đuy-puy. Trong thơ, Đuy-pơ-rê tuyên bố là không thể trì hoãn sự khai thông sông Hồng cho thương mại. Cũng trong bức thư đó kể ngày 11-10-1873 Đuy-pơ-rê đòi triều đình Huế phải tỏ lòng thân thiện với Pháp bằng cách cách chức những ông quan nào chống Pháp, thay bằng những ông quan có thiện ý với Pháp hay ít ra là bằng những người nào xưa nay chưa hề có hành vi và ngôn ngữ chống Pháp bài xích công giáo. Triều đình sai quan cùng đi ra Bắc với Gác-nhê.

Trong bức thư của Gác-nhê gửi cho Đuy-puy ngày 26-10-1873 do những cha cố Y Pha Nho, vùng Hải Dương bí mật đem lên Hà Nội, Gác-nhê nói rõ mục đích và chiến thuật của hắn.

- Chính thức thì điều tra và xử xét vụ Đuy-puy kiện Huế và Huế kiện Đuy-puy.

- Thực tế là được lệnh của Đuy-pơ-rê ra Bắc để "mở Bắc Kỳ cho thương mại", để "đánh dẹp Bắc Kỳ".

- Nhưng chớ vội.

Gác-nhê lên đến Hà Nội ngày 3-11 thì việc đầu tiên của chúng là bắn 23 phát đại bác để thị uy, gọi là để chào nhau. Cũng để thị uy, chúng giàn quân trên bộ, trong đó có một đại đội của Vân Nam. Chúng không chịu đóng quân ở dựa bờ sông Hồng; triều đình nể nang lo sợ, cho chúng đóng quân ở Trường Thi. Chúng xem như thị trấn Hà Nội ngoài thành là của chúng. Tình hình rất căng thẳng. Chiến thuyền Pháp lục đục từ Sài Gòn và Hương Cảng đến. Gác-nhê liên lạc ngay với bọn phiến loạn ở ven biển và với Đuy-puy để bàn việc xâm lăng; hai bên, một bên là kẻ cầm quân, một bên là người phụ trách mọi sự truyền giáo ở ngoài Bắc, bàn luận với nhau coi phải lấy danh nghĩa "khôi phục nhà Lê" để xâm chiếm, hay là để ý nhà Nguyễn mà lập bảo hộ.

"Tôi đã gặp cố Puy-gi-nhê; cố khuyên tôi nên hoãn sự hành động lại ít lâu nữa để có thì giờ liên lạc với một số thân hào bản xứ... Tôi chờ tin tức ngoài ven biển sắp đến để mà hành động.

Trong lúc chờ đợi, hãy giữ bí mật thật kỹ đừng để cho thành Hà Nội hay, họ hay thì họ sẽ chuẩn bị gấp hơn. Nguyễn Tri Phương mới ra lệnh điều động 2.000 quân"[1].

Trong thơ này, Gác-nhê bảo Đuy-puy bí mật thương thuyết với những bạn người Hoa kiều ở Hà Nội về vấn đề thương chính. Từ lâu nay, đóng đồn ở ven sông Hà Nội, Đuy-puy đã do thám kỹ lưỡng trong thành, có cả tay sai ở trong thành, nhờ đó mà hắn biết mọi sự điều quân, biết cả chủ trương của quan trấn thủ, biết rằng cùng với Nguyễn Tri Phương có hai anh em Phan Tôn, Phan Liêm từ Nam ra, lo việc thủ thành Hà Nội. Cần phải nói rằng, nhờ dựa vào thế lực cha cố, dựa vào sự đồng tình của một số ít tư sản mại

1. Thơ của Gác-nhê gửi cho Đuy-puy ngày 11-11-1873.

https://tieulun.hopto.org

bản, gián tiếp dựa vào sự bất lực, do dự, chủ quan của quan quân triều đình, bọn Gác-nhê quyết định đánh một cú bất ngờ. Ngày 16, cố Puy-gi-nhê, cha Duy-mu-lanh, 9 người nhà buôn (Hoa kiều) và bọn sĩ quan Pháp đã chẳng tiệc tùng với nhau để trông chờ ngày quyết định hay sao?

Triều đình ngỡ là Pháp muốn yên chuyện, cho nên ngay Nguyễn Tri Phương cũng không đề phòng cẩn thận về mặt quân sự; đến khi quân Pháp đánh bất ngờ mới trở tay mà trở tay không kịp. Nguyễn Tri Phương một mực yêu cầu Gác-nhê buộc Đuy-puy phải tuân phép nước Việt Nam. Ngược lại, sau khi Gác-nhê được tiếp viện từ Sài Gòn gửi đến 2 lần, với một số chiến hạm và quân đội mới nữa, thì hắn lên mặt gay gắt, hắn yết thị tại Hà Nội bản tuyên bố rằng hắn được gửi đến đây là "để bảo vệ thương mại bằng cách khai phóng Hồng Hà và đặt xứ Bắc dưới quyền bảo hộ của nước Pháp".

Hắn gửi thơ cho Nguyễn Tri Phương nói rằng:

"Nếu ông không có quyền giải quyết các vấn đề thương mại thì tôi sẽ giải quyết một mình tôi thôi". (12-11)

Hắn lại viết:

"Sao ông lại ra lệnh rằng hễ ai có việc gì kêu nài thì trước phải kêu nài với ông rồi sau mới qua đến tôi?

... Tôi đến đây để thay mặt cho văn minh, cho nước Pháp...

... Tôi sẽ tuyên bố cho thương gia rằng nước Pháp bảo hộ họ mãi mãi... theo biểu thuế mà quan đô đốc quyết định...

... Tôi sẽ tuyên bố cho dân rằng họ được đô đốc bảo hộ...

... Tất cả trách nhiệm về hành động của ông sẽ rơi trên đầu ông".

Có thể tin rằng Nguyễn Tri Phương trầm tĩnh lắm trước sự khiêu khích này; trầm tĩnh đến đỗi thiếu cảnh giác, không kịp đề

phòng, không gấp rút đề phòng, cho nên thượng tướng sẽ chết về tên tiểu quỷ hiếu chiến và bất tài này.

Quân tiếp viện lại từ Sài Gòn đến nữa. Dưới tay Gác-nhê đã có bốn chiến hạm và các lực lượng riêng của Đuy-puy; hắn liên kết chặt chẽ với cha cố Pháp để chỉ định sẵn một số người sẽ làm tổng đốc, tuần phủ, tri huyện v.v... Ngày 19-11, Gác-nhê không kể đến chính quyền triều đình, tự tiện tuyên bố rằng Hà Nội và Hồng Hà từ nay được khai phóng cho thương mại Pháp, Y Pha Nho và Vân Nam. Pháp giữ quyền đô hộ các loại thuế thương khẩu trước đều bị thủ tiêu và ai nấy phải theo thuế thương khẩu mới của hắn tự đặt ra và hắn bắt buộc Nguyễn Tri Phương phải công nhận trước 24 giờ. Đại ý là:

a. Từ ngày 15-11-1873 Hồng Hà khai phóng từ bể lên Vân Nam, tầu Pháp, Y Pha Nho, Trung Quốc tự do lên xuống.

b. Mở 2 cảng Hải Phòng và Thái Bình.

c. Thuế thương chính 2%.

d. Hàng đi ngang Bắc Kỳ lên Vân Nam chỉ đóng 1% thuế.

đ. Hàng Pháp từ Sài Gòn ra chỉ đóng 0,5% để lên Vân Nam, và 1% để vào Bắc Kỳ.

e. Tầu các nước vào Bắc Kỳ chỉ tùy thuộc ở Pháp hoàn toàn không tùy thuộc chính quyền Việt Nam.

g. Mọi nhà buôn bán ngoại quốc được tự do mua đất mua nhà ở Hà Nội.

h. Thủ tiêu tất cả mọi quyền thu thương chính của Việt Nam ở Bắc Kỳ.

Bản bố cáo này, Gác-nhê dán lên ngày 18, không thèm hỏi ý của Nguyễn Tri Phương, chỉ thương thuyết với các nhà buôn lớn Hoa kiều và các cố đạo.

https://tieulun.hopto.org

Gác-nhê buộc Nguyễn Tri Phương phải lập tức giải giáp quân đội, rút hết súng trên thành!!!

3. Thành Hà Nội bị hãm

Ngày 20-11, tờ mờ sáng tầu chiến Pháp châu súng bắn xả vào thành suốt nửa giờ, đặc biệt là nơi mà Nguyễn Tri Phương làm việc hàng ngày và nhằm vào vùng cột cờ. Hải quân Pháp được hải quân yểm hộ, xông đến cửa thành, nhằm vào hai cửa Đông và Nam, trong lúc đó thì Đuy-puy và quân riêng của hắn chiếm giữ các phố buôn bán. Tri Phương không dè bọn địch tấn công sớm nên sự giữ thành không cẩn thận, sự tập trung và bố trí lực lượng không chu đáo. Quân địch đã sát vách rồi thì đại bác mới nổ một cách vô ích, bắn vung ra ngoài xa, không trúng ai cả. Ngược lại, địch đẩy đại bác tới sát cửa Nam bắn thẳng vào; cửa thành vỡ; đây là nơi Nguyễn Tri Phương và con là phò mã Lâm chống giữ. Lâm (rể Tự Đức) bị đạn chết, Phương bị trọng thương ở bụng. Rồi các cửa khác đều vỡ, thành bị hãm chỉ trong vòng một giờ đồng hồ thôi! Thự đốc Bùi Thức Kiên và Án sát Tôn Thất Trác không trấn tĩnh nổi nhân tâm tán loạn sau khi Tri Phương bị trúng đạn, mặc dầu là quân lính còn đông, các ông ấy thoát thân chạy trốn về phía Bắc. (Sau đó thì Bùi Thức Kiên bị cai tổng Đức bắt đem nộp cho Pháp mà lãnh 100 quan tiền!). Còn khâm phái Phan Đình Bình, Bố chính Võ Đường và Đề đốc Đặng Siêu đều bị bắt giải về Sài Gòn. Tri Phương bị thương, quân Pháp canh giữ trong khi cứu chữa; trong số người đến thăm Nguyễn Tri Phương có hai người con Phan Thanh Giản là Phan Tôn, Phan Liêm đã ra Bắc cùng phòng thủ Hà Nội với Tri Phương. Rủi tên thông ngôn của Pháp là người Gia Định, biết mặt hai anh em họ Phan, mách cho Pháp bắt cả hai, đem về Pháp đầy ở cù lao If (Địa Trung Hải).

Trong trận này quân triều đình chết 80, bị thương độ 300. Quân số trong thành có trên 5.000, địch chỉ trên 300, mà thành bị hãm

trong vòng một giờ thôi, điều ấy chứng tỏ rằng, một mặt Nguyễn Tri Phương bị đánh bất ngờ, một mặt khác, tổ chức quân sự của triều đình không ra gì cả.

Địch thừa thế đánh ra phủ Hoài Đức là nơi mà quân triều đình tụ hợp lại sau khi thành Hà Nội bị hãm.

Và các cha cố người Pháp không để mất thì giờ, lập tức tuyển mộ ngụy quân, gửi tầu về Sài Gòn để xin thêm 3.000 súng tay và một trăm người Pháp để làm nồng cốt chỉ huy số ngụy quân mà Puy-gi-nhê hứa hẹn chiêu mộ và thực tế đã chiêu mộ được hàng nghìn rồi, riêng ở Hoài Đức chúng chỉ định tri huyện mới và đóng 300 mã tà võ trang bằng súng kiểu cũ của Pháp.

Được tin thành Hà Nội thất thủ, Tự Đức mới tỉnh người rằng đã mắc mưu "Phú Súy".

"Hôm trước thuyền của Phú Súy phái đến là do hảo ý (!), ta cũng không lo họ trả (!!), cho đến đậu ở tỉnh thành Hà Nội để tỏ ý khoản đãi, không ngờ phái viên nọ giảo quyệt (!!!) đến để gây chuyện, thật là kinh ngạc, mà trong việc nay tưởng không khỏi có Phú Súy dặn dò"[1].

Biết Pháp từ 1858 mà còn kinh ngạc nỗi gì? Cái điều mà người dân Việt Nam kinh ngạc là, sau khi Pháp chiếm Hà Nội và nhiều tỉnh lỵ thì Tự Đức sai quan Thương bạc viết "hảo thư báo cho Phú Súy biết" (!!!) và tư cho sứ thần ở Gia Định "khéo giảng giải sao cho họ bảo An Nghiệp (F. Garnier) giao trả tỉnh thành mới tiện việc đính ước mới".

Địch lấy xong thành Hà Nội thì mâu thuẫn giữa chúng nó với nhau lại nổi lên: bọn sĩ quan không bằng lòng để cho quân của tên nhà buôn Đuy-puy canh phòng thị trấn; Đuy-puy mâu thuẫn với Gác-nhê; Đuy-puy muốn đánh Sơn Tây, Gác-nhê nghe lời Puy-gi-nhê muốn đánh Nam Định; Đuy-puy mâu thuẫn với

1. *Đường sự thủy mạt.*

https://tieulun.hopto.org

Puy-gi-nhê vì Puy-gi-nhê bênh vực Gác-nhê. Gác-nhê định mua lại tất cả tầu chiến của Đuy-puy. Lũ cướp tranh nhau phần của cướp.

4. Quân địch chiếm thêm nhiều tỉnh lỵ khác

a. Nhân dân kháng địch ở Hà Nội. Quan triều đình thúc thủ sợ sệt, nhưng nhân dân Hà Nội triệt để chống địch. Ví như, trong lúc địch và ta găng nhau đến tột độ, địch sẵn sàng đánh thành Hà Nội, thì đã có mấy lần người ái quốc vô danh đốt kho của địch ở bờ sông, trong đó địch chứa 200.000 viên đạn và nhiều thuốc súng (7 và 9-11); địch dập tắt được. Hay ví như, liền sau khi Hà Nội bị chiếm, tầu Mãng Hảo của địch lên Sơn Tây bị quân ta và quân Cờ Đen bắn lui, địch không dám đổ bộ lên bờ để đánh đuổi như các lần trước (2-12). Lại ví như địch qua chiếm Gia Lâm thì ngày 4-12 quân và dân ta phản công nhổ đồn của địch, Tây và mã tà phải chạy cả qua bên Hà Nội. Còn ở Hoài Đức thì đêm 7-12, đồn địch bị quân ta công phá, lính Pháp và mã tà kinh hồn bỏ chạy tứ tán hết. Những việc trên đây làm cho toán quân Pháp ở thành Hà Nội rất lo ngại nhất là khi được tin rằng đại quân ở Sơn Tây đang kéo xuống và sắp đánh Hà Nội bằng ba mặt. Đó mới là bắt đầu.

b. Triều đình lo phòng ngự trễ tràng và yếu ớt. Được tin Hà thành thất thủ, triều đình xuống lệnh điều quân Nghệ và kinh binh ra Bắc. Lại lấy những người gốc ở Hà Nội như phủ doãn Thừa Thiên Nguyễn Trọng Hợp, hộ bộ biện lý Nguyễn Phan, nội các sung biện Bùi Ân Niên, đi cùng với Trần Đình Túc ra Bắc Kỳ để triệu tập dân binh. Các tỉnh đều cắm cọc rào, chế tạo bè khóa ở những khúc sông hiểm yếu. Trong lúc Trần Đình Túc, Trương Gia Hội cùng giám mục Bình, linh mục Đăng (người Pháp tức Sô-hi-ê và Cô-lô-me[1] của nhà thờ Hàm Long) đi đến Hà Ninh để thương thuyết với Pháp, thì triều đình lại sai quân nối theo sau; Lê Thập, Chu Đình Kế đem 1.000 quân ra Ninh Bình cản trở địch; Hồ Oai, Nguyễn Chính đem binh đóng ở núi Tam Điệp giáp giới Thanh,

1. Colomer.

Ninh để phòng ngự. Quan quân còn đi trên đường thì ở Bắc Kỳ, Gác-nhê lần lượt bức chiếm nhiều tỉnh lỵ và huyện lỵ, đặt người cai trị, chiêu mộ ngụy quân và bắt các tỉnh phải mở cửa các bến, nhổ rào các sông, niêm yết thương ước.

Lúc bấy giờ Sơn Tây là nơi mà quân lực Việt Nam tập trung nhiều nhất dưới quyền của Hoàng Tá Viêm. Đuy-puy muốn đánh Sơn Tây để khai mở Hồng Hà và để đánh tan chủ lực quân của Việt Nam. Hắn nghĩ khá đúng rằng ở Bắc Kỳ chỉ có Viêm ra lệnh được cho các tỉnh thần; nếu bắt được Viêm thì Bắc Kỳ không còn ai cầm đầu nữa, tỉnh nào lo nhà nấy, sớm muộn sẽ bị chiếm hay đầu hàng. Còn Gác-nhê thì muốn đánh các tỉnh để nắm con đường từ Huế ra và để chiếm nơi đông dân nhất và để kiểm soát đường ra bể; hắn nghĩ rằng với số quân còn ít của hắn, sợ không đương đầu nổi với Hoàng Tá Viêm. Địch không có nhiều quân, chỉ cậy vào tầu chiến trước hết, nên không thể phân chia quá nhiều nơi được. Vả lại giám mục Puy-gi-nhê khuyên Gác-nhê đánh Nam Định, Ninh Bình là nơi mà thế lực công giáo có nhiều hơn các tỉnh khác.

c. Địch chiếm Hải Dương, Nam Định, Ninh Bình. Lần lượt quân Pháp chiếm thành Hải Dương (5-12), hộ đốc Lê Hữu Thường, lĩnh Tuần phủ Đặng Xuân Bảng, Bố chính Nguyễn Hữu Chỉnh và Án sát Nguyễn Đại kháng cự không lại, thoát ra giữ các huyện Gia Lộc, Cẩm Giàng. Ở Hưng Yên thì tỉnh thần Nguyễn Đức Đạt, Tôn Thất Phan không dám đánh, nhổ 10 thước cọc cho thuyền địch đi qua, chịu tuân lệnh của địch.

Một cánh quân Pháp, sau khi chiếm Phủ Lý thì thẳng xuống Ninh Bình. Tên Tuần phủ Nguyễn Thứ đem quan quân ra ngoài thành xếp hàng dựa mé sông mà nghênh tiếp! Quái gở thật! Pháp thẳng đến nắm tay Thứ kéo vào thành (5-12). Hóa ra thành kiên cố mà quân Pháp lấy được, khỏi phải tốn viên đạn nào. Nhưng mất thành chưa phải là mất tỉnh, nhân dân Ninh Bình sẽ kháng cự rất oanh liệt.

https://tieulun.hopto.org

Sau đó thì Gác-nhê hội binh từ Hà Nội, Ninh Bình và Hải Dương để tiến đánh thành Nam Định, hộ đốc Nguyễn Hiên, Lãnh binh Nguyễn Văn Lợi, thương biện Phạm Văn Nghị đón đánh địch ở đồng Đốc Bộ, bị thua lui về đóng giữ hai huyện Phong Doanh và Ý Yên. Sớm ngày 12-12, quân địch ở trên sông Vị Hoàng mở súng bắn vào thành; thành vỡ, bị hãm. Trong lúc đó thì quân của Hoàng Tá Viêm từ Sơn Tây kéo xuống đánh Hà Nội. Gác-nhê phải vội vã rút quân về giữ.

Thế là trong một tuần nhật, 4 tỉnh thành nối nhau thất thủ. Thành quách phong kiến đủ chống đỡ với súng đá, với gươm giáo, làm sao cự được với đại bác. Nếu nghĩ rằng giữ tỉnh là giữ thành thì còn gì sai hơn? Nếu không huy động sức dân đánh giặc thì vài chiếc tàu có thể phá bất cứ thành trì phong kiến nào. Tự Đức đổ hết trách nhiệm cho ngoại thần và Viện Bạc. Viện Bạc bị giáng chức 4 cấp, tỉnh thần Nam Định, Ninh Bình bị cách chức, tỉnh thần Hải Dương bị cách lưu. Triều đình mật lệnh cho Hoàng Tá Viêm và Tôn Thất Thuyết trích 1.000 quân đưa lên đóng giữ phủ Từ Sơn, hiệp với tỉnh thần Bắc Ninh là Vũ Huy Thụy, Trương Quang Đản phòng ngự. Hoàng Tá Viêm từ nay được thăng làm Tiết chế Bắc Kỳ quân vụ.

5. Gác-nhê bị giết

Thống đốc Tam Tuyên Hoàng Tá Viêm và Tham tán Tôn Thất Thuyết, liền sau khi được tin Hà thành thất thủ thì tụ tập quân sĩ, chuẩn bị đối phó. Khi địch lan ra đồng bằng, Hoàng Tá Viêm triệu tập tướng Lưu Vĩnh Phúc lãnh tụ Cờ Đen, đem cả đoàn về Sơn Tây đợi lệnh. Lưu Vĩnh Phúc và Lưu đoàn vốn là một đạo quân ái quốc của nhân dân đã nổi lên chống Mãn Thanh và tư bản châu Âu, bị thua qua trú ngụ ở vùng Tam Tuyên, gọi là quân Cờ Đen; có công dẹp thổ phỉ, Lưu được triều đình phong chức Bảo Thắng phòng ngự sứ. Lưu Vĩnh Phúc về đóng quân ở xã Hương Canh, huyện

Từ Liêm, rồi kéo về xã Yên Quyết giáp cửa ô Hà Nội phía tây (Cầu Giấy). Lúc ấy Gác-nhê đang hội nghị ở trú thự của Trần Đình Túc (là sứ giả của triều đình vừa mới đến Hà Nội ngày 29-10), nghe tin Lưu đoàn đến sát thành, hắn lập tức đem bộ thuộc ra nghênh chiến, Lưu đoàn giả lui; Gác-nhê đuổi theo đến Cầu Giấy bị phục binh đổ ra đánh úp, giết được nhiều Pháp, trong số đó có Gác-nhê và Ban-ny[1] là tên sĩ quan thủ thành Hà Nội. Lưu đoàn thắng trận vẻ vang, cắt đầu Gác-nhê và Ban-ny mà Gác-nhê và Ban-ny cũng là cái đầu của quân viễn chinh Pháp ở Bắc Kỳ lúc ấy. Ảnh hưởng trận Cầu Giấy rất lớn, mặc dù rằng bản thân trận Cầu Giấy chỉ là nhỏ thôi. Quân Pháp núng động, dân ta phấn khởi, bọn tay sai của địch kinh hồn.

Duy-puy có ghi lại tình hình và tâm lý của bọn chúng lúc ấy như sau đây:

"Sự khủng khiếp lớn lao tràn ra trong thành nhất là trong đám người Pháp. Chỉ còn có 40 người khỏe mạnh, mà, ngay trong số này, nhiều người đã mệt mỏi vì mấy ngày trước đã hành binh nhiều. Trừ số người chết ra, còn có 7, 8 người bị thương. Ông Banh[2] bị cảm xúc rất mạnh, trong tình hình hoảng hốt chung, ông Banh đã quyết định bỏ thành và rút quân xuống tàu. Ông đã lệnh cho quan ba Góoc-giờ[3] sửa soạn thuyền để ông xuống ẩn"[4].

Thế mà triều đình Tự Đức nhất là Hoàng Tá Viêm không chịu thừa thế vừa đánh vừa thương thuyết. Lúc ấy cũng là lúc mà quân và dân ta vây đánh Nam Định, Hải Dương, Ninh Bình, nhất là ở Nam Định, cho đến đỗi bọn Hác-măng[5] giữ thành Nam Định đã toan bỏ thành chạy về Hà Nội, may có tầu chiến đến cứu viện mới nấn ná lại được. Ngay ở quanh Hà Nội, ví dụ như ở Đông

1. Balny.
2. Bain.
3. Georges.
4. *Les Evè nements du Tonkin.*
5. Harmand.

https://tieulun.hopto.org

Ngạc, Trương Quang Đảng (làm chức thị giảng) chiêu mộ quân lính; thừa đêm tối lội qua sông Chiêm Đức đánh giặc lấy lại phân phủ Thuận Thành, giết nhiều lính Pháp, bắt được 150 ngụy quân. Lực lượng Pháp quanh Hà Nội đã bị lùa vào nội thành, phủ Hoài Đức đã được khắc phục, ví như đánh mạnh hơn nữa thì số địch ở Ninh Bình, Nam Định, Phủ Lý, Hải Dương, chắc chắn bị tiêu diệt thôi, trước hết là vì dân số chúng nó rất ít lại phân tán rất nhiều, cái số 1.500 ngụy quân ở Hà Nội càng thất vía trước cái chết của Gác-nhê. Ngay quân Pháp ở Hà Nội cũng khó mà yên thân được. Tên Banh, thủ thành, đã mất vía rồi, đã sắp cuốn gói xuống tàu rồi. Chính lúc này là lúc Puy-gi-nhê trổ tài để khuyên giải Banh chớ vội, Banh do dự chưa kéo bè lũ xuống tàu, chưa bỏ thành, chỉ là vì sau trận Cầu Giấy, quân triều đình thỏa mãn, không thừa phút tâm lý mà tiếp tục tấn công. Nếu đánh mạnh thì chiếu theo tình thế ở Pháp lúc ấy và Việt Nam lúc ấy, Hòa ước 1874 sẽ khác xa trong nội dung, Pháp không thể đòi hỏi gì mấy. Thương thuyết trong lúc thế yếu thì tất nhiên bị thiệt. Lưu Vĩnh Phúc đã sai đóng hàng trăm thang dài để leo thành Hà Nội, vào giết giặc bên trong; ấy thế mà triều đình ngăn ông không cho Lưu đoàn tiêu diệt địch, sợ địch phẫn nộ trả thù!

Triều đình Tự Đức chủ trương ngược lại. Bản thân Tự Đức nghĩ rằng:

"Lưu đoàn dụ giết được An Nghiệp chỉ là kết quả nhất thời đột xuất, bằng đường đường chính chính tranh thắng với họ, tưởng cũng khó giữ lâu được. Nay đang thương thuyết, đã dần có đầu mối, nếu bằng xử trí toàn cục thì tất không phải chuyên ủy cho cái đoàn ấy mà có thể làm được"[1].

Mà Tự Đức cũng không để cho quân và dân Việt Nam tiếp đánh! Hắn ra lệnh cho Hoàng Tá Viêm triệt Lưu đoàn về ngược, án binh

1. *Dương sự thủy mạt.*

bất động, "đợi mọi tỉnh giao lại xong, sẽ phái đi tiễu giặc". Nói một cách khác hơn, Tự Đức chủ trương dùng thương thuyết với giặc Pháp xâm lăng, để dưỡng sức mà trừ khử nhân dân khởi nghĩa.

Tuy thế, Hoàng Tá Viêm cũng chưa chịu triệt binh ngay; mà trái lại, đánh địch thắng nhiều trận nhỏ quanh thành Hà Nội như ở Phủ Hoài, Phủ Thường, Gia Lâm v.v... Trần Đình Túc phải cho người thân hành đến truyền lệnh thì Viêm mới bất đắc dĩ triệt binh về Sơn Tây, để cho Đình Túc bình yên thương nghị với Ét-mê là kẻ thay thế cho Gác-nhê.

Giữa lúc sứ giả triều đình là Trần Đình Túc đến Hà Nội thương thuyết, và trận Cầu Giấy trong đó Gác-nhê mất đầu, thì Nguyễn Tri Phương từ trần sau nhiều ngày tuyệt thực. Quân đội triều đình mất một viên lão tướng, can đảm có thừa, lòng ái quốc rõ rệt, nhưng chiến lược, chiến thuật chỉ có thể thích ứng với những cuộc chiến tranh của thời trung cổ.

IV. NHÂN DÂN KHÁNG CHIẾN Ở NINH BÌNH, HẢI DƯƠNG, NAM ĐỊNH

1. Nhân dân kháng chiến ở Ninh Bình

Nhắc lại chuyện thành Ninh Bình thất thủ: tên độ Hốt-tơ-phơi[1] cầm đầu một chiếc xà lúp võ trang bằng một đại bác có 6 phát đạn thôi, 6 thủy thủ, 2 người chạy máy và cha Sáu; đạn súng trường chỉ có 250 viên. Với số lính và số đạn đó, chúng đánh được ai, nếu triều đình ra lệnh cho quân dân ta chống cự lại; với số lính và số đạn đó, chúng đâu dám vào sâu trong nội địa ta nếu lão giám mục Puy-gi-nhê không hứa hẹn nhiều điều. Thế mà, ngày 5-12, khi địch đến Ninh Bình, trên thành kiên cố có 26 khẩu đại bác bằng đồng, 20 khẩu đại bác bằng gang, 4 kho thuốc đạn, 6.080 thước khối gạo và muối, 500 quân, không có một tiếng súng nào nổ lên

1. Hautefeuille.

https://tieulun.hopto.org

cả! Đừng nói chi là bắn, là đánh, đóng cửa thành mà ngó địch, địch cũng chẳng làm gì được với số quân ấy, số đạn ấy; vả lại, tàu địch đến Ninh Bình thì tàu ấy nổ hỏng cả; địch đang lâm vào chỗ chết không thể cứu được. Ấy thế mà quan tuần phủ tàn lọng rềnh ràng, sợ hãi ra đón địch để "thương nghị". Địch tóm lấy tuần phủ bị dí súng vào tai, sợ chết, phải nộp thành cho 6 tên giặc, lại còn ra lệnh cho binh sĩ xếp hàng quỳ gối, bỏ vũ khí cho giặc điểm số. Thật là nhục nhã!

Cấp thời cha Gê-lô[1], hiệu trưởng trường Phúc Nhạc, cha Pi-na-ben[2], cha Sáu v.v... chiêu mộ một số ngụy quân cho giặc, số ngụy quân đó sớm lên đến nghìn người, được Sài Gòn, Hà Nội tiếp viện súng đạn.

Về phần nhân dân và những nhà văn thân thì các vị liền tổ chức kháng chiến, không chờ lệnh, cũng không chờ quân của Hồ Oai còn ở tận đâu xa. Triều đình gởi quân đến đóng ở chân núi Tam Điệp, đường vào Thanh; quân triều đình chưa đến thì địch đã chiếm đèo ấy rồi. Hai nhà ái quốc vô danh đem nhiều thuốc súng chất trong một cái nhà cạnh núi Ninh Bình đốt lên để phá thành hại địch; thuốc nổ, địch không thiệt hại gì, mà một người ái quốc ta bị chết, người kia bị xử tử. Các nơi, nhân dân nổi dậy, địch đặt tri huyện ở Yên Hòa thì nghĩa quân đánh Yên Hòa, giết tên huyện ấy, làm cho địch và ngụy quân ở thành Ninh Bình hoảng hốt. Nghĩa quân kéo vào huyện Gia Viễn giao chiến với 300 Pháp và ngụy quân. Nghĩa quân cũng đến đánh huyện Yên Khánh và giao chiến với địch ở Ninh Gia. Địch toan vào phía Phủ Nho Quan, bị ta chận đánh ở Đại Hưng, Đò Giáng, tàu địch phải lui về Yên Hòa. Yên Hòa trung tâm của lực lượng kháng chiến, cuộc chiến đấu xảy ra khá lớn giữa 250 Pháp và ngụy quân với nghĩa quân cố thủ trong làng được bảo vệ bằng những hàng rào kiên cố; sau

1. Gélot.
2. Pinabel.

dậu tre, nghĩa quân bám lấy đất, bắn nhau với địch; theo lời của Hốt-tơ-phơi, thì máu chảy xuống tới mé sông; đại bác của ta bắn vào tầu Mang Hảo, phá vỡ ống khói. Hôm sau địch rút lui về Ninh Bình. Và hôm sau nữa, cả bọn bỏ thành Ninh Bình xuống tàu ra biển, về Hải Phòng, không quên, trước khi đi, đổ tất cả thuốc súng xuống sông, đập phá đại bác trên thành, thiêu hủy gươm giáo, và "yên ủy" những bọn Việt gian mất vía muốn xin theo tàu mà tàu không chịu chở...

Như thế, nếu quan triều đình rước giặc vào thành Ninh Bình lúc địch mới có mươi người, thì khi địch đã võ trang được hàng ngàn người, nhân dân Ninh Bình kháng chiến anh dũng và thắng lợi, không làm hổ vùng đất Việt đã làm nơi dụng võ cho Đinh Tiên Hoàng khai quốc.

2. Nhân dân kháng chiến ở Hải Dương

Không có nhiều tài liệu nói về cuộc nhân dân kháng chiến ở Hải Dương. Phần lớn là bởi vì tên Trăng-ti-nhăn[1] ở đây không tổ chức được nhiều quân. Sau cuộc đánh chiếm thành khá quyết liệt, địch chỉ gom góp được 600 ngụy quân, cho đến đỗi không đủ người để giữ cái hành bát giác rộng lớn, địch phá bớt thành đi, thì nói gì đến sự xông xáo ra các huyện mà quân chính quy đang gìn giữ khá cẩn thận. Không có một viên phủ huyện nào ra hàng địch; địch đi ruồng bắt một số người để cử làm phủ huyện, những người ấy chối từ, Trăng-ti-nhăn bắt con trai của họ giam ở đồn Hải Dương để làm tin, để bắt buộc họ sợ con bị giết mà ít nhiều làm việc cho nó. Nhưng cũng vô hiệu. Phủ Nam Sách là nơi tụ tập nhiều nghĩa quân đang chuẩn bị để đánh vào Hải Dương, Trăng-ti-nhăn đem 300 quân đi đối ứng, thì trong lúc ấy tin Gác-nhê tử trận đến Hải Dương làm tan rã tinh thần địch, địch hối hả rút lui về Hải Dương cố thủ cho đến ngày 2-1-1874 thì chúng rút hết về Hà Nội.

1. Trentinian.

https://tieulun.hopto.org

3. Nhân dân kháng chiến ở Nam Định

Nam Định là nơi mà nhân dân kháng chiến mạnh nhất lúc ấy.

Gác-nhê về cứu cấp cho Hà Nội thì tên kỹ sư Hác-măng ở lại chỉ huy quân Pháp tại Nam Định. Hác-măng được giúp đỡ khá đắc lực bởi cha Paulus Trịnh, mưu toan lập lại nhà Lê, nhưng Gác-nhê không dám tán đồng với ý kiến ấy, vì Gác-nhê và bọn thực dân ở Sài Gòn định buộc Tự Đức nhận đô hộ chớ không phải là muốn thay Tự Đức bằng một triều đình khác.

Các vị văn thân chia nhau từng huyện để vận động kháng chiến; địch sợ nhất là cha con ông Nguyễn Mậu Kiên, người thường dân rất giàu và hào hiệp. Gác-nhê đã hứa trọng thưởng những ai cắt được đầu nhà thân hào ái quốc ấy. Ông và con là Nguyễn Hữu Cương, Nguyễn Bản tụ họp hàng nghìn nghĩa quân ở Trực Ninh (Kiến Xương ngày nay) mà bản thân ông cung cấp lúa gạo, tiền bạc, quần áo và vũ khí. Hác-măng đem quân đến đánh, nhưng đánh không được.

Phần lớn các làng của Nam Định đều được rào lại kỹ lưỡng, được võ trang và sẵn sàng chống địch. Ví như có lần Hác-măng sai 200 quân đi đánh các làng Bảo Long, Châu Ninh, Vóc, thì bọn này đi ra rồi lại đi về, không dám vào làng, làng nào cũng có súng ống. Hác-măng phải tự mình cầm 300 quân, mới đốt phá được làng Bảo Long và Chấn Ninh. Qua đến làng Ngô Xá thì địch bị tổn thất nhiều, phải rút lui về Nam Định. Hác-măng phát tờ kêu gọi các nhà văn thân ra làm việc với nó thì nó sẽ trọng đãi, bằng chống lại thì nó tiêu diệt; không một ai nghe theo.

Tin Gác-nhê chết đã được truyền ra. Các nhà nho hoạt động càng nhiều. Hác-măng cố thủ trong thành và đã sửa soạn trước một chiếc thuyền lớn để khi bị tổng công kích thì mở đường chạy ra biển. Các cụ đem quân đánh chiếm lại Vụ Bản rồi giao chiến với 300 quân địch trong hai ngày ở giữa đường Nam Định - Ninh Bình. Một trung tâm kháng chiến ở Nam Định là huyện Chấn

Định. Nghĩa quân đánh chiếm đồn Chấn Định, phát hịch cho dân biết rằng chủ tướng của giặc đã bị giết tại Hà Nội rồi, dân Nam phải nhất tề đứng dậy. Ngày 31-12, Hác-măng đem tàu Ét-panh-gôn-lơ[1] và hơn một trăm quân đến, dùng đại bác bắn vào đồn Chấn Định, quân ta mới rút lui, nhưng địch chỉ lên phá đại bác rồi trở về Nam Định, không dám ở lại như trước nữa. Quân lính của hắn nay chống đông; mai đỡ tây, mệt nhừ, hết đạn, không còn giày dép, nên từ đó hắn chỉ giữ thành Nam mà thôi. Cho đến ngày 10-1-1874 thì Hác-măng kéo cờ Pháp xuống, trao trả thành cho hai ông quan của triều đình từ Hà Nội xuống.

V. HÒA ƯỚC 1874

1. Vì sao?

Tại sao trước những thắng lợi tương đối về mặt quân sự, thực dân Pháp lại chịu thương thuyết, chịu trả lại các thành và rút quân khỏi Bắc Kỳ? - Vì những lẽ chính sau đây:

1. Tình hình bên Pháp chưa sáng tỏ, tình hình Âu châu đương nguy hiểm cho Pháp, bọn Duy-pơ-rê không thể trông mong chính phủ Pháp lúc ấy tán thành lăn vào một cuộc chiến tranh xa xăm không biết lúc nào dứt. Chính vì thế mà ngày 20-11-1873, Bộ trưởng Bộ Hải quân Pháp điện cho Duy-pơ-rê là chính phủ Pháp không đồng ý chiếm Bắc Kỳ; Duy-pơ-rê phải suy nghĩ; nhưng điện của bộ trưởng còn ít hiệu lực hơn tin Gác-nhê chết.

2. Nếu cứ theo kế hoạch táo bạo và cận thị của Gác-nhê thì, tuy Tự Đức không muốn, tình thế và nhân dân Việt Nam bắt buộc triều đình phải toàn diện đấu tranh ở Bắc Kỳ và ở cả Nam Kỳ. Quân Pháp ở Nam và ở Bắc không thể nào giữ được đất đã chiếm đóng, nói gì là lấy thêm. Những cuộc chiến đấu quanh Hà Nội, Nam Định và Ninh Bình đã chứng tỏ điều ấy.

1. Espingole.

https://tieulun.hopto.org

3. Những cuộc rối loạn để hưởng ứng với Pháp mà Puy-gi-nhê hứa hẹn với Gác-nhê không xảy ra như là chúng mong ước, mặc dầu địch có mộ được một số khá đông mã tà.

4. Chiếm lấy Bắc Kỳ, nhất là trung du và thượng du đã không phải là việc mau, việc dễ, mà khi lên mạn ngược lại càng khó hơn nhiều; hơn nữa, có thể sẽ xung đột ngay với Trung Quốc, mà lúc ấy không phải là lúc Pháp có thể dám chịu đựng một khả năng chiến tranh như thế.

Đuy-pơ-rê đã tỏ dấu lo ngại ấy từ trước trong 2 bức thơ của hắn gởi cho tổng đốc Vân Nam (ngày 1-9-1873) và cho tổng đốc Lưỡng Quảng (cũng ngày 1-9-1873):

"Ngài chớ lo lắng gì đến một việc mà tôi phải lo lắng; ngài cũng không cần gởi quân để ủng hộ ông Đuy-puy"[1].

"Nếu tôi để cho ngài cả cái gánh nặng nề là bảo vệ quyền lợi thương mại ở Bắc Kỳ gần gũi Sài Gòn, thì đó sẽ là một điều bất công... Trong những điều kiện đó, thì sự có mặt của quân đội Trung Quốc trên nước Annam còn có lợi gì đâu? Đường sá xa xăm và khó nhọc, nước lại độc, nếu nuôi quân ở đó thì tốn hao lắm. Lòng ngài không thể không đau xót. Cho nên tôi xin ngài rút quân Lưỡng Quảng về và cả quân Vân Nam nữa để cho họ khỏi bị đồn trú xa xôi mệt nhọc và nguy hiểm"[2].

Đằng sau những lời đường mật lộ liễu ấy, ta thấy rõ cái mối lo âu của Pháp đối với Trung Quốc trong vấn đề Bắc Kỳ.

5. Bên cạnh sự lo ngại khả năng can thiệp của Trung Quốc, Pháp còn lo ngại Anh nữa. Mấy năm trước, khi Pháp chiếm Khơ-me thì người Anh đã không bằng lòng. Mấy năm nay, người Anh tìm cách nối Diến Điện với miền tây nam Trung Quốc; nay Pháp chiếm Bắc Kỳ thì chính phủ Pa-ri sợ Anh càng bất bình hơn nữa

1. Thơ gởi cho tổng đốc Vân Nam.
2. Thơ gửi cho tổng đốc Lưỡng Quảng.

và đi đến ra mặt phản đối, mà Pháp phải nhờ vào Anh để có thể đương đầu với Đức ở lục địa Âu châu. Cho nên Bộ Thuộc địa, liền sau khi được tin trận Cầu Giấy, điện cho Đuy-pơ-rê:

"Ông hãy gấp rút bằng mọi cách để ký hiệp ước, kết quả của hiệp ước này là sự giao trả thành Hà Nội; bởi vì, tôi xin nhắc lại với ông rằng chính phủ đòi hỏi một cách tuyệt đối rằng không thể chiếm đóng lâu dài, tất nhiên là không thể chiếm đóng mãi mãi bất cứ một bộ phận nào của xứ Bắc Kỳ"[1].

6. Về phần bọn cầm binh của Pháp chúng cũng không vững dạ tí nào. Tên Ban-ny ở Hà Nội, khi nghe tin là quân Pháp lấy được Ninh Bình thì hắn đã ghi lại cảm tưởng sau đây:

"Khi nghe tin lấy được Ninh Bình thì cảm tưởng đầu tiên là sung sướng hết sức; nhưng mà, suy nghĩ kỹ, đó là một tin tức rất nghiêm trọng. Nếu chúng ta có 500 người để chiếm đóng cái vị trí ấy thì thật là tuyệt; nhưng mà số quân của ta ít ỏi làm cho sự phân tán như vậy là không thể làm được hay là nguy hiểm".

Bản thân Đuy-pơ-rê rất sợ hãi khi được tin Gác-nhê lan rộng quá; sợ giàn mỏng ra thì chết; sợ làm dữ quá thì Tự Đức dù rụt rè, sẽ bị bắt buộc phải hô hào chiến tranh toàn diện mà không chịu thương thuyết nhượng ước nữa; sợ chính phủ Pháp khiển trách; sợ cho cái chức vị của hắn mặc dầu mấy tháng trước hắn quả quyết ngược lại. Khi được tin Gác-nhê chết thì Đuy-pơ-rê lại càng hoảng hốt hơn nữa.

Vì tất cả những lý do đó mà phía thực dân muốn ký ước. Còn bên triều đình thì lâu nay khiếp sợ trước lực lượng võ trang của thực dân, lâu nay kìm hãm sự kháng chiến của nhân dân, cứ lùi mãi trước tấn công của địch, không thông thạo tình thế thế giới ở Âu châu, nhất là lo sợ các cuộc nông dân bạo động, muốn giữ lực lượng vũ trang để chống lại quần chúng, không muốn đưa lực

1. L'Amiral Dupré et la conquête du Tonkin M.Dutrieb, tr. 40.

https://tieulun.hopto.org

lượng đó ra đối địch với giặc mà họ cho là vô địch đi rồi. Vì vậy mà triều đình Huế thương thuyết và nhận Hòa ước 1874.

2. Cuộc thương thuyết và sự trao trả các thành

Triều đình Huế dùng hai ngả để thương thuyết; một mặt từ kinh ra Bắc; đốc thân Hà, Ninh là Trần Đình Túc cùng Nguyễn Trọng Hợp đến Hà Nội để thương thuyết với Gác-nhê chuẩn bị cho một đoàn từ Đà Nẵng ra cùng với sứ giả Pháp. Gác-nhê cho quân vây kín 2 quan triều đình, không cho giao tiếp với người ngoài thành; đám Việt gian nhốn nháo, mưu ngăn công việc, có ý định làm hỗn, nhưng lại có bọn khác cản, trù trừ không dám hạ thủ. Bọn Túc và Hợp ở trong vòng vây sợ sệt và sẵn sàng theo điều kiện của bọn Gác-nhê, y như tinh thần của đám Phan, Lâm lúc nọ. Ngay sau khi Gác-nhê bị giết chết ở Cầu Giấy, Trần Đình Túc và Nguyễn Trọng Hợp lại càng sợ nên sẵn sàng ký tên nhận một hình thái của sự đô hộ. Ngay lúc họ sắp hạ bút thì họ được tin rằng họ không còn có quyền thương thuyết nữa, quyền ấy từ nay thuộc Nguyễn Văn Tường.

Một mặt khác, triều đình trực tiếp thương thuyết với viên Toàn quyền Pháp Đu-pơ-rê ở Sài Gòn. Việc này giao cho Lê Tuấn làm chính và Nguyễn Văn Tường làm Phó Toàn quyền. Tuấn và Tường nói với Đu-pơ-rê rằng triều đình sẵn sàng khai phóng Hồng Hà, nhưng với điều kiện là rút Gác-nhê và quân Pháp về Sài Gòn. Đu-pơ-rê vừa gởi tầu chiến Đê-cơ-réc[1] và binh lính ra tiếp viện cho Gác-nhê, vừa gởi người ra Huế để nói chuyện nghị hòa, người ấy là Phi-lát, một viên thanh tra chính trị biết tiếng Việt. Phi-lát giống với Gác-nhê ở chỗ cả hai đều muốn đặt nước Việt Nam dưới quyền đô hộ của Pháp; hai kẻ ấy lại khác nhau ở chỗ Phi-lát muốn ăn lâu mà chắc như tằm, dùng triều đình Huế và quan lại triều đình làm tay sai; còn Gác-nhê thì muốn ăn mau, trực trị.

1. Nhà xuất bản chưa tra được từ nguyên.

Phi-lát cùng đi thuyền ra Huế với Nguyễn Văn Tường; thuyền ấy đem giao trả luôn những ông quan bị bắt ở Hà thành. Nguyên Phi-lát chỉ có lệnh đi đến Huế rồi trở về Sài Gòn. Những tin từ Bắc vào cho biết tình thế càng khẩn trương hơn, đường đi bộ thì xa xăm khó nhọc, nghẽn tắc, nên Phi-lát cũng đáp tầu với quan triều đình ra Cửa Cấm ngày 24-12, ở đây tin sét đánh cho Phi-lát hay rằng Gác-nhê tử trận. Phi-lát càng thấy phải nghị hòa cho mau xong. Nguyễn Văn Tường không lường được tâm lý của Pháp, tưởng đâu là Gác-nhê chết thì Đuy-pơ-rê và Phi-lát tức khí không chịu giảng hòa nữa, nên Tường hết lời giảng giải cho Phi-lát rằng:

"Trả thành để mau đính ước là lệnh của quý súy, thu thành rồi mới bàn hòa đó là mệnh của bản quốc. Bọn chúng ta đây chỉ tuân phụng mệnh lệnh ấy. Còn như Hà Nội giết An Nghiệp cũng như An Nghiệp giết Nguyễn Tri Phương đều là ra ngoài ý, cũng không phải bọn chúng ta đã làm, chỉ đem những điều đồn báo suông, không những quý súy ở xa suy xét khó tường mà bọn ta đi chuyến này thực cũng phụ lòng ủy thác nhiều lắm"[1].

Ngày 26, Phi-lát cùng Nguyễn Văn Tường lên đến Hải Dương. Tường lại phi tư cho Bắc Ninh, Hưng Yên trích ra 1.000 quân để chuẩn bị tiếp thu thành Hải Dương (2-1-1874). Ở đây mặc dầu tên võ quan Pháp là Trăng-ti-nhăn cứng đầu muốn chiếm giữ mãi, mặc dầu tên nguỵ Tổng đốc Trương (Gác-nhê mới đặt lên, vốn là người thợ rèn theo công giáo) muốn mưu bắt Nguyễn Văn Tường để phá hoại sự nghị hòa (Tường biết mưu gian đó, bàn với Phi-lát bắt Trương đem giữ ở dưới thuyền máy), Phi-lát hạ lệnh trao trả thành lũy cho quan Nam triều và ra lệnh chuẩn bị trao trả Nam Định, Ninh Bình. Hác-măng và Hốt-tơ-phơi tuy phản đối mà cũng thấy rằng như thế là chóng được thoát khỏi nguy cơ bị tiêu diệt nên chúng rút lui không mấy phàn nàn.

1. *Dương sự thủy mạt.*

https://tieulun.hopto.org

Mồng 3 tháng giêng 1874, Nguyễn Văn Tường và Phi-lát đến Hà Nội. Bọn Đuy-puy và nhiều tên thực dân khác truyền bá rằng Phi-lát ăn hối lộ của triều đình Huế; chúng cố sức phá hoại sự thương nghị.

Chỉ cần kể lại một buổi nói chuyện giữa Phi-lát và Đuy-puy, thì đủ trông thấy không khí xung đột trong đám thực dân lúc bấy giờ ở Hà Nội. (Nên chú ý rằng trong vụ xâm lược này, các cha cố Y Pha Nho không chịu ủng hộ bọn Gác-nhê và Puy-gi-nhê).

Từ mấy hôm rày, Đuy-puy tới lui tìm gặp Phi-lát một là để hỏi tại sao tàu chiến của Pháp đốt phá 28 thuyền chở gạo Bắc Kỳ sang Hương Cảng ở ngoài cửa Cấm, trong số gạo này, có vốn của Đuy-puy hùn với các nhà tư sản Hoa kiều, hai là để kêu xin đừng trả lại thành Hà Nội cho triều đình Huế; Phi-lát không cho gặp.

Mấy hôm sau, khi được gặp Phi-lát, Đuy-puy xin đừng trả thành, xin bồi thường thiệt hại cho hắn (1 triệu quan), xin được bảo vệ cho thuyền hắn đi Vân Nam, thì Phi-lát không nhận lời nào. Đuy-puy kêu nài có vẻ hung tợn thì Phi-lát nói:

"Người bán than làm chủ cái tiệm than của mình; các quan Annam là chủ trong nhà của họ; họ không muốn anh đến ở nhà họ thì anh lấy quyền gì mà anh cứ đến, cứ ở?".

Đuy-puy nóng tiết lên hỏi lại:

"Nếu tôi đến ở Bắc Kỳ trái với nguyện vọng của người Annam thì thử hỏi người Pháp tới ở Nam Kỳ có đúng với nguyện vọng của người Annam không?"

Lẽ tất nhiên Phi-lát cứng họng, liền đáp:

"Chúng ta đến Nam Kỳ với tư cách của kẻ cướp, kẻ trộm. Anh và Gác-nhê cũng là kẻ cướp kẻ trộm thôi.

Nếu Gác-nhê không chết thì hắn sẽ bị truy tố ở tòa án quân sự".

Đuy-puy đòi lấy của triều đình trong các thành để bồi thường cho hắn, thì Phi-lát trả lời rằng, Đô đốc Đuy-pơ-rê không có dặn gì về khoản này cả; Đuy-pơ-rê lại bảo Đuy-puy xa lánh Bắc Kỳ đi, đi lên Vân Nam đi, đi mà không được đem pháo thuyền quân đội như dạo trước.

Còn giám mục Puy-gi-nhê, từ khi Phi-lát đến với Nguyễn Văn Tường thì xuống nước hẳn đi, khóc lóc. Ông thổi phồng thêm những chuyện có thật, là các quan và các nhà nho bắt giết người công giáo đã theo Pháp đánh lại đất nước Nam; ông kể lể cho Ba-lê-zô[1] rằng nhiều làng công giáo đã theo Pháp nay bị đốt; thì Ba-lê-zô đáp:

"Các quan Annam cố sức ngăn cản sự trả thù được chừng nào hay chừng ấy, việc xảy ra nào phải lỗi tự họ đâu; người công giáo phải trả cái gì họ đã vay trong lúc Pháp chiếm đóng, đó là lẽ tự nhiên".

Puy-gi-nhê than:

"Bây giờ các ông lại đổ lỗi cho chúng tôi".

"Tôi đã mất hết uy tín đối với tín đồ công giáo rồi"[2].

Không phải Phi-lát và Ba-lê-zô cầm cân công lý đâu. Chúng vẫn là cánh thực dân cả. Song thực dân Pháp đang ở trong cái thế không thể không hòa được, vì thế mà chúng phải bóp bụng chịu vậy, chúng sáng suốt hơn là bọn Đuy-puy, Gác-nhê, chúng sợ rằng nếu đánh lúc ấy thì đã chẳng lấy được Bắc Kỳ lại còn sợ mất cả Nam Kỳ nữa.

Trong và sau khi thương nghị trả thành, ở Ninh Bình, Nam Định, Hải Dương và Hà Nội, nhất là 10 ngày theo sau các cuộc trả thành, có nhiều vụ trả thù, nhiều vụ bắt bớ, giết chóc và trục xuất cảnh ngoại. Triều đình phần thì sợ Pháp can thiệp nữa, phần thì

1. Nhà xuất bản chưa tra được từ nguyên.
2. *Evènements du Tonkin*, tr. 250.

https://tieulun.hopto.org

bất lực, nên chỉ ngồi ngơ không có chính sách khoan hồng, cũng không có chính sách đoàn kết lương giáo; nhưng ta hãy ghi rằng tất cả các cha cố đã tận lực mộ ngụy binh cho Pháp, kéo quân đi đánh phá nơi này nơi nọ, chỉ điểm cho giặc, làm thông ngôn cho giặc, đều được yên toàn cho đến khi 10 năm sau, lúc Hăng-ri Ri-vi-e đến thì họ lại trở lại làm cái việc mà họ đã làm trong cuối 1873 và đầu 1874. Lại có một điều rất đáng được chú ý và để cao là phe kháng chiến lúc này đã biết truyền hịch cho đồng bào công giáo, cho mã tà công giáo chớ nên nghe lời địch cầm vũ trang chống lại nước nhà, mà hãy trở lại với dân với nước, quay súng đánh Tây[1]; lời kêu gọi đó cũng có kết quả: tin đồn quân triều đình ra gần tới Tam Điệp thì nhiều mã tà ở Ninh Bình, Nam Định bỏ hàng ngũ địch. Ngay trong số cha cố, há không có người ái quốc? Duy-puy đã chẳng gọi cha Huân (liên lạc và thông ngôn của quan Nam triều) là mật thám của triều đình hay sao?

Lại đặc biệt chú ý đến điều này là các làng công giáo nào mà không có tham gia giúp Pháp chiếm lấy Bắc Kỳ thì không có ai đụng chạm đến đó là trường hợp của tất cả các xứ đạo do cha cố Y Pha Nho cầm đầu. Các xứ đạo này có số tín đồ trên 10 vạn gần bằng một phần nửa số tín đồ do cha cố Pháp cầm đầu. Ngay trong các xóm công giáo có người theo Tây thì nói chung, chỉ có những kẻ tàn ác và kẻ làm lò rèn rèn vũ khí cho ngụy binh mới bị trừng trị[2].

Bên phía Phi-lát thì yêu cầu làm đính ước mới trong khi trao trả thành; nhưng lúc bấy giờ thì Tường thương thuyết trên cái thế tương đối mạnh. Bên triều đình đòi lập lại tình thế trước khi xung đột rồi sẽ đính ước mới. Nhờ có thắng trận Cầu Giấy! Còn Pháp thì bối rối do dự, nên Phi-lát được toàn quyền ủy nhiệm của Duy-pơ-rê để giao thành trước rồi mới đính ước sau. Ninh Bình được giao trả ngày 6-1-1974, Nam Định ngày 10-1. Quân viễn

1. *Evènements du Tonkin*, tr. 275.
2. Lemire, *L'Indochine*, tr. 301.

chinh cũng rút khỏi Hà Nội trừ một trung đội ở lại làm hộ vệ cho viên lãnh sự Ray-na. Tên con buôn côn đồ Giăng Đu-puy bị trục xuất, tất cả tài sản của hắn bị niêm phong ở Hải Phòng. Ngày 16-2, thành Hà Nội được giao trả. Ngày 4-3, Phi-lát về Sài Gòn để chuẩn bị hòa ước. Trải qua một trận phong ba, ai ai đều trông thấy càng rõ sự mục nát của bộ máy phong kiến, càng trông thấy rõ lòng ái quốc của nhân dân.

3. Nội dung Hòa ước 1874

Phi-lát (mà bấy giờ ta gọi là Thông sát Hoắc đạo sinh) hợp với Lê Tuấn và Nguyễn Văn Tường lập xong hòa ước. Nội dung căn bản của hòa ước này, trong nét chính, đã được giao ước ngay từ ở Hà Nội. Hai bên ký hòa ước ở Gia Định ngày 15-3-1874. Hòa ước 1874 gồm 22 khoản, có những điều chính sau đây:

- Điều 2 nói: *"Tổng thống nước cộng hòa Pháp thừa nhận chủ quyền của vua Annam và quyền hoàn toàn độc lập của nhà vua đối với tất cả các cường quốc khác, hứa giúp đỡ nhà vua, và hễ khi nhà vua yêu cầu thì, không đòi tổn phí, Pháp sẵn sàng giúp nhà vua để giữ gìn trật tự và an ninh trong nước, để bảo vệ nhà vua khỏi một cuộc tiến công và để tiêu diệt kẻ cướp đường phá hại một phần duyên hải của vương quốc".*

Nói một cách khác hơn, Pháp có thể lấy cớ đánh giặc bể và gìn giữ trị an giùm mà đem binh vào Trung, Bắc nhất là Bắc, điều ấy chúng sẽ tự tiện làm về sau; lúc chúng quyết định chinh phục cả nước Việt Nam, chúng sẽ viện cớ là đem quân vào đánh Lưu Vĩnh Phúc. Theo điều 2 này, Tự Đức đã mất một phần quyền nội chính rồi. Hơn nữa câu *"Độc lập của nhà vua đối với tất cả các cường quốc"* trong trí của Pháp, có ý nghĩa là Tự Đức được coi như là hoàn toàn không tùy thuộc gì đối với triều đình Bắc Kinh.

- Điều 3: *"Để trả ơn cho sự bảo hộ đó, nhà vua Annam cam kết là chính sách ngoại giao của mình sẽ chiếu theo chính sách ngoại*

https://tieulun.hopto.org

giao của Pháp; nhà vua cũng cam kết không thay đổi gì trong sự quan hệ ngoại giao hiện tại".

Nhà vua không được ký thương ước với nước nào trái với ý muốn của Pháp mà không cho Pháp biết trước.

Như hết là nếu thi hành Hòa ước 1874 thì, về mặt ngoại giao, triều đình Tự Đức đã làm chư hầu của Pháp rồi. Và thị trường Việt Nam bị bắt đầu thành ra nơi dành riêng cho tư bản Pháp.

- Điều 4 nói rằng Pháp sẽ biếu cho Tự Đức 1.000 súng tay, nhưng mỗi khẩu chỉ có 500 viên đạn, 100 đại bác nhưng mỗi khẩu chỉ có 200 viên đạn, và 5 tầu máy nhỏ; lẽ tất nhiên đó là miếng mồi để nhử Tự Đức phải nhận dùng võ quan Pháp để huấn luyện bộ đội, dùng thủy quân Pháp để trông nom tầu, và hơn nữa, dùng chuyên gia về tài chính để tổ chức thuế vụ, dùng giáo sư Pháp để lập trường trung học ở Huế.

Đó là cách hay nhất để nắm cả tài chính, quân đội.

- Điều 5: Triều đình Huế thừa nhận chủ quyền của Pháp trên tất cả Nam Kỳ lục tỉnh (Ta nhớ rằng tới nay triều đình chưa thừa nhận việc Pháp chiếm ba tỉnh miền Tây Nam Kỳ.) Điều này thật là quá ý muốn của Đuy-pơ-rê, tên này đã nghĩ rằng có thể "trả" lại ba tỉnh miền Tây nếu Tự Đức nhận ký hiệp ước đặt quyền bảo hộ của Pháp.

- Điều 8: Nói rằng triều đình Huế phải ân xá tất cả những người Việt Nam đã cộng tác với Pháp.

- Điều 9: Triều đình thừa nhận quyền tự do đi lại truyền giáo của các giáo sĩ Tây phương, vào làng ra xóm khỏi phải trình, quyền tự do theo đạo và làm lễ của người Việt Nam; triều đình không được thống kê người theo đạo, người theo đạo được quyền đi thi cử, được quyền làm các chức vụ; triều đình không được dùng lời lẽ thóa mạ công giáo. Họ đạo có quyền lập nhà thờ, trường học v.v...

Bằng 8 điều này, thực dân Pháp tiếp tục chuẩn bị những điều kiện chính trị để hành động mạnh hơn khi có thời cơ thuận lợi hơn nay.

- Điều 11: Triều đình cam kết mở cảng Thi Nại (tức Quy Nhơn) ở Bình Định, Ninh Hải (tức Hải Phòng), ở Hải Dương mở thương cảng Hà Nội, mở sông Nhị Hà. Và tùy theo tình thế về sau, sẽ mở thêm nhiều sông rạch và thương cảng khác.

- Điều 12: Ở các tỉnh thành đã kể trên, người Pháp được tự do làm thương mại hay kỹ nghệ mà triều đình phải cung cấp đất cát cho họ cất kho, làm nhà. Họ được tự do mua bán với Vân Nam, được tự do mướn người Việt Nam vào các công việc của họ.

- Điều thứ 13: Ở mỗi nơi khai phóng cho thương mại thì người lãnh sự hay viên đại lý Pháp có quyền có tối đa 100 quân lính riêng.

Như thế Pháp có khả năng có nhiều quân ở Trung Bắc hơn là hồi Gác-nhê hoành hành.

- Điều thứ 15: Người Pháp hay người ngoại quốc nào muốn đi vào nội địa Việt Nam phải có giấy thông hành của Pháp cho, và họ không có quyền buôn bán, nếu buôn bán thì hàng hóa bị tịch thu.

Rõ ràng là Pháp muốn giành hẳn thị trường này cho Pháp, Pháp cố ngăn trở không cho triều đình Huế giao thiệp với nước nào khác trừ nước Pháp.

- Điều thứ 16: Có sự kiện cáo giữa người Việt Nam và người Pháp thì tòa án Việt Nam không có quyền tự ý xử người Pháp; và ngay trên đất Trung và Bắc của Việt Nam, người Việt Nam và người Pháp có gì xung đột nhau thì chỉ có tòa án Pháp có quyền phân xử mà thôi.

Đó là nhận quyền trị ngoại, đó là cầm cố chủ quyền của đất nước rồi.

https://tieulun.hopto.org

- Điều thứ 17: Người Việt Nam nào làm "rối loạn trị an", trên đất Nam Kỳ mà chạy qua vùng nhà vua cai trị, thì nhà vua phải bắt nộp cho Pháp khi Pháp đòi hỏi.

Thật là cùng cực! Lâu nay triều đình bỏ rơi nhà ái quốc lục tỉnh, nay tiến tới một bước là chịu bắt họ giao cho Pháp.

- Điều thứ 22: Điều ước này có giá trị vĩnh viễn. Làm tại Sài Gòn, 15-3-1874, nhằm ngày 27 tháng giêng năm Tự Đức thứ 27.

Bên triều đình có Lê Tuấn và Nguyễn Văn Tường ký.

Bên thực dân Pháp thì Đô đốc Duy-pơ-rê ký.

Cứ theo điều ước này thì Nam Kỳ bị triều đình công nhận là thuộc địa của Pháp, còn Trung Bắc là bán thuộc địa của Pháp tuy rằng sự đô hộ chưa chặt chẽ, dù rằng trong lúc thương lượng để ký Hòa ước 15-3-1874 này triều đình Huế có vận động để xin lại ba tỉnh miền Tây Nam Kỳ (mà Pháp chiếm lấy trái với hòa ước trước) và bên người Pháp cũng đã có hứa hẹn rằng với những điều kiện nào đó thì sẽ trả lời; lời hứa này, Pháp sẽ cố ý nuốt luôn (xem thơ của Đô đốc Duy-pơ-rê gửi cho Đô đốc Đờ-mông-te nhắc Bộ trưởng Bộ Thủy quân và Thuộc địa, để ngày 2-5-1875, sau khi Hòa ước đã được chánh phủ Pháp chấp nhận ngày 13-4-1875). Mà ví như ba tỉnh này có được trả lại đi nữa, mà Hòa ước 1874 được triệt để thi hành thì trong căn bản chủ quyền xứ ta cũng đã mất một phần lớn đi rồi, cả nước đã bị "bảo hộ" rồi.

Bọn thực dân lúc ấy đều nói rằng theo Hòa ước 1874 thì Việt Nam là đất bảo hộ tuy trong hòa ước không có chữ ấy (C'était le protectorat moins le mot). Nắm được hòa ước, Duy-pơ-rê lật đật về Tây để báo cáo và xin chính phủ Pháp chuẩn y ngay (nhưng chính phủ Pháp rất chần chờ). Ngay sau khi Duy-pơ-rê xuống tầu về Tây thì một trong hai người Việt ký hòa ước, ông Lê Tuấn buồn rầu tự tử vì xét lại thấy hòa ước này là một hòa ước bán nước. Ngày 13-4-1874 tại Huế cử hành việc triều đình công nhận Hòa ước

15 tháng 3. Người ta khó hiểu tại sao triều đình hăm hở sớm ký một hòa ước nô lệ như thế ký một năm trước Pháp!

Ấy thế mà Pháp chưa vừa ý; cho nên đến 31-8-1874 hai bên lại ký thêm một bản hiệp ước thương mại gồm 29 khoản.

VI. THƯƠNG ƯỚC THÁNG 8-1874

Mục đích của thương ước tháng 8-1874 là làm cho hàng hóa của Pháp, tầu bè của Pháp và người Pháp được đặc quyền kinh tế ở khắp Việt Nam, mà các người ngoại quốc khác không thể cạnh tranh nổi, nhất là khi nói rằng, hễ hàng hóa từ Sài Gòn ra thì chỉ trả có phân nửa thuế thương chính thôi. Theo thương ước này thì một mặt, quyền nắm thuế thương chính ở các thương cảng căn bản là ở trong tay quan lại Pháp, mà phân nửa số thu đã phải để trả lương cho người Pháp và để phát triển thương cảng. Bọn thực dân, trong thương ước này, lại để phòng cẩn thận việc các tầu ngoại quốc hay tầu của nhà vua có thể chở "lậu" những vũ khí vào đất Việt Nam; mọi sự xuất cảng nhập cảng đều do Pháp kiểm soát, cho phép hay không cho phép. Hơn nữa, nước Pháp có quyền gởi tầu chiến tới đậu ở các thương cảng nói trên để "giữ trị an", để "tăng quyền uy cho các lãnh sự; hơn nữa, hải quân Pháp, nếu muốn ghé vào bất cứ nơi nào ở duyên hải và sông lạch Việt Nam trừ Thuận An và sông Hương thì triều đình Huế phải tiếp đãi tử tế, giúp họ mua ăn, sửa chữa. Triều đình lại phải cung cấp năm mẫu tây đất ở mọi nơi Quy Nhơn, Hải Phòng, Hà Nội để làm nơi cho Pháp đóng quân và lãnh sự quán; người dân Pháp, thì có quyền mua đất, nhất là chung quanh lãnh sự quán, chỉ trả thuế đất mà không phải trả bất cứ một thứ thuế nào khác. Tại Hải Phòng (bấy giờ gọi là Ninh Hải) lãnh sự Pháp và quân Pháp vẫn có quyền chiếm giữ luôn các đồn lũy cũ.

Nhân dân Việt Nam vô cùng bực tức với Hòa ước 1874, nhiều nơi sôi nổi chuẩn bị khởi nghĩa chống triều đình đê mạt và để hủy

https://tieulun.hopto.org

bỏ hòa ước nô lệ ấy. Trong thơ của Ray-na gởi cho tên tổng chỉ huy quân Pháp ở Bắc Kỳ ngày 11-3-1874 có câu sau đây, chứng tỏ thực trạng ấy và chứng tỏ rằng chiến thuật chính trị của Pháp lúc ấy là ủng hộ Tự Đức chống nhân dân, xui giục Cờ Vàng chống Cờ Đen để làm yếu thế lực chống Pháp[1].

"Tình hình bắt đầu rõ và tôi tin rằng chẳng bao lâu nữa, chúng ta sẽ gặp rắc rối lớn. Hòa ước chắc sẽ được chấp thuận không khó khăn gì; nhưng ở đâu cũng thế, chính quyền nhà vua không còn được tôn trọng nữa; nó bất lực; đa số các sĩ phu không thừa nhận hòa ước và sẽ nhất tề nổi lên tất cả; hiện đang yên hay hơi yên là vì cuộc nổi dậy chắc sẽ khắp mọi nơi. Chúng ta sẽ phải tự bảo vệ; bảo vệ những ai theo chúng ta, và bảo vệ cả nhà vua nữa.

Các toán quân của đám nhà nho đã gần sẵn sàng rồi, họ được Cờ Đen ủng hộ nếu mà Cờ Đen không phải xung đột với Cờ Vàng".

Năm 1875, triều đình có tỏ ý muốn Pháp bỏ lãnh sự quán và đồn quân ở Hà Nội (lấy cớ là ở Hải Phòng đã đủ rồi), nhưng Pháp không chịu nhận, cũng như chúng nuốt lời hứa giao trả 3 tỉnh miền Tây Nam Kỳ có điều kiện.

Những Hiệp ước 1874, vừa đủ cho Pháp của thời đó, vì thời đó Pháp bị chiến tranh 1870 - 1871 làm suy yếu, và mắc lo lắng vào tình thế Âu châu còn nguy ngập.

"Trong các chính giới Pháp, không có một ai, lúc bấy giờ, nghĩ rằng hòa ước này khiếm khuyết... người báo cáo, Đô đốc Jô-rét thấy không ích lợi gì để cắt nghĩa vì sao nước Pháp không thu được những kết quả toàn vẹn hơn; mà cũng không có ai trong nghị viện đặt câu hỏi ấy"[2].

Năm 1875 thì Ray-na nguyên là thanh tra chính trị của Sài Gòn, được cử làm công sứ ở Huế; hắn đặt lãnh sự Pháp ở Hải Phòng, Hà

1. Documents n. 28.857. Archives, Hà Nội.
2. P. Renouviss, *La question d'Extrême Orient 1840 - 1940*, tr. 123.

Nội, mỗi nơi có một đồn quân 100 người; đồng thời ở những nơi đó, Pháp tổ chức cơ quan thu thuế thương chính; Ray-na lại buộc triều đình bắt hành hình một số người đã can vào các vụ trả thù ở Nam Định - Ninh Bình.

* * *

TÓM LẠI

Từ Hòa ước 1862 đến 1873, mười năm đã qua mà triều đình Huế không mở mang được đất nước, gần như là giẫm chân một chỗ. Còn Pháp thì sau khi bại trận ở Méc-xíc, lại đại bại trong cuộc chiến tranh với Đức năm 1870; bị Đức đe dọa luôn luôn, bị mất đất và tốn rất nhiều tiền, nước Pháp bấy giờ như người vừa khỏi ốm. Nhưng cánh đại tư bản ở Pháp và cánh thực dân ở Sài Gòn không ngớt hoạt động. Chúng cho người đi dò đường sông Cửu Long để lên miền tây nam Trung Quốc; đường không đi thuyền được; chúng lại dòm ngó đến Hồng Hà.

Tên lái buôn phiêu lưu Pháp là Duy-puy được sự ủng hộ của bọn quân phiệt thực dân ở Sài Gòn, tự tiện mở đường Hồng Hà, đem quân của hắn đóng ở Hà Nội, khiêu khích bất chấp chủ quyền của nước Việt Nam. Quan triều đình ở Hà thành bất lực với một thằng con buôn, nên mắc vào cái mưu của tên Đô đốc Duy-pơ-rê, nhờ hắn sai quân ra dàn xếp.

Gác-nhê đem quân ra Bắc, tiếng là dàn xếp mà ý là lấy Hà thành và một số căn cứ ở Bắc Kỳ, chiếm đường Hồng Hà.

Quan thủ thành là Nguyễn Tri Phương không thấu âm mưu lộ liễu của địch, ông bị đánh bất ngờ. Thành Hà Nội rồi tiếp đó thì Hải Dương, Nam Định, Ninh Bình lọt vào tay của một số Pháp tuy nhỏ mà được bọn cha cố Pháp như Puy-gi-nhê hết lòng ủng hộ về các mặt do thám, tuyên truyền, mộ ngụy quân, v.v...

Nhưng Gác-nhê bị giết tại trận Cầu Giấy, quân Pháp bị Lưu đoàn đánh bại một trận rất đau. Trong lúc đó thì nhân dân ở Hải

https://tieulun.hopto.org

Dương, Nam Định, Ninh Bình đều nổi lên chống giặc làm cho giặc không lan ra được.

Nếu dễ nuốt thì bọn Đuy-pơ-rê, Gác-nhê đã nuốt trộng Bắc Kỳ rồi, chính phủ Pháp cũng không phải không đồng ý. Duy rằng cuộc diện chiến tranh ở Bắc Kỳ và Nam Kỳ không cho phép Pháp mong đánh mau ăn mau ở Âu châu, năm 1873 là năm mà thủ tướng Bít-mác hăm dọa đánh Pháp một lần nữa, Pháp kinh hồn không dám chia lực lượng ở xa xăm; một mặt khác thì triều đình Tự Đức yếu đuối mong giảng hòa và chịu nhượng ước. Vì vậy mà Đuy-pơ-rê gửi Phi-lát ra Huế rồi ra Bắc với Nguyễn Văn Tường để điều đình.

Các thành được trả lại cho triều đình, nhưng Hòa ước 1874 lại trói Huế vào chân của thực dân Pháp. Nội dung của Hòa ước 1874 là đặt quyền bảo hộ của Pháp duy không có chữ bảo hộ.

Triều đình cho đó là một sự thắng lợi, một sự thoát khỏi cơn nguy. Nhưng nhân dân Việt Nam thì kịch liệt phản đối Hòa ước 1874, từ nay càng có nhiều nhà ái quốc nhận định rằng nếu không chống lại triều đình suy mạt và phản phúc thì khó bề chống được với chủ nghĩa thực dân.

Chương 12

TỪ 1874 ĐẾN 1880: TƯ BẢN CHỦ NGHĨA PHÁP PHÁT TRIỂN ĐẾN GIAI ĐOẠN MỚI: SỰ LỤN BẠI ĐẾN TỘT ĐỘ CỦA TRIỀU ĐÌNH HUẾ

I. BƯỚC PHÁT TRIỂN MỚI VỀ KINH TẾ CỦA TƯ BẢN ÂU CHÂU VÀ SỰ CHẠY ĐUA CỦA CHÚNG ĐỂ XÂM CHIẾM THUỘC ĐỊA GIỮA KHOẢNG 1875 VÀ 1880

Vào khoảng sau chiến tranh 1870 thì cuộc chạy đua xâm chiếm các thuộc địa trở thành gay gắt, trở thành một nhu yếu rất bức thiết của các nước tư bản châu Âu, châu Mỹ. Trong mỗi nước đó, chủ nghĩa tư bản phát triển mạnh hơn trước; chẳng những sản xuất kỹ nghệ tiến bước lên nhiều hơn, kỹ thuật cao hơn, mà tư bản ngân hàng và tư bản công nghệ bắt đầu hiệp nhất với nhau thành tư bản tài chính; hiện tượng tập trung càng mạnh hơn trước, tập trung các công nghệ, tập trung các ngân hàng; và, các xứ tư bản lớn đã lần lượt đưa vốn ra ngoại quốc, đó là bắt đầu một hiện tượng mới dắt đến thời kỳ đế quốc chủ nghĩa từ sau 1880.

https://tieulun.hopto.org

Dựa bên các xứ công nghệ cũ như Anh, Pháp, Mỹ ta thấy xuất hiện ở Âu châu những nước công nghệ mới như Đức, Áo, Bỉ, Ý, v.v... cạnh tranh với những nước công nghệ tiến trước. Vì thế, sự cạnh tranh để giành nhau thị trường gay gắt thêm lên.

Năm 1873 trở đi, nền kinh tế quốc gia ở Đức và Áo - Hung phát triển sung túc đến một mực mà xưa nay chưa từng thấy; rồi chính vì sự phát triển và sung túc ấy mà các nước này đi đến một cuộc khủng hoảng sâu sắc, mãnh liệt cũng xưa nay chưa từng thấy. Cuộc khủng hoảng này, sau khi xẩy ra ở Đức, Áo - Hung, lại xẩy ra ở Mỹ; rồi đến 1877 - 1878 lại xẩy ra ở Anh; Pháp cũng không khỏi bị nạn kinh tế khủng hoảng. Đến 1879 - 1880 thì khắp Âu Mỹ, thấy hồi phục trở lại, để rồi, tới 1881 - 1882 lại xẩy ra một cuộc khủng hoảng rất dài kéo mãi đến 1889 mới hết.

Nói một cách khác, trong thế giới tư bản Âu Mỹ, thì khoảng thời gian từ 1870 đến 1880, là một thời gian khủng hoảng, sản xuất tăng lên rồi sụt xuống, sụt xuống lại tăng lên, như một người sốt rét cơn; tình trạng đó phát sinh ra tình trạng chạy đua giữa các nước tư bản để tranh giành nhau thị trường thương mại. Chúng đua nhau tìm lấy những vùng nào có nhiều nguyên liệu, có dân cư đông, để có nhân công rẻ giá, để có thị trường rộng rãi, để đem vốn đến kinh doanh lấy lợi, để làm nơi độc chiếm mà chống cự lại bằng thuế thương chính cao, với sự cạnh tranh gay gắt của các nước khác.

Cuộc chạy đua giành thuộc địa này sẽ kéo dài đến cuối thế kỷ XIX; chừng ấy trên căn bản thì, mặt địa cầu sẽ bị lũ cướp đế quốc chia tay xong rồi, đến đầu thế kỷ XX thì sẽ bắt đầu một cuộc đấu tranh gay gắt hơn nữa để chia lại thế giới đã bị chia xong.

Trong cuộc chạy đua giành thuộc địa này, hai nước kỹ nghệ cao nhất và có hải quân mạnh nhất lúc bấy giờ là Anh và Pháp chiếm phần sư tử. Bên Âu châu, tư bản Pháp bị các xứ tư bản trẻ

hơn (như Đức, Ý) cạnh tranh rất mạnh trên các thị trường Trung và Đông Âu, và ngay trong thị trường nội địa của nó; cho nên không lấy gì làm lạ rằng Anh, Pháp lùng cả thế giới để giành lấy thuộc địa.

Đối với Pháp, tuy mâu thuẫn về mặt chính trị giữa Pháp và Đức là điều mà Pháp lo lắng nhất, nhưng, trên mặt kinh tế, thì sự cạnh tranh giữa Anh và Pháp vẫn là gay gắt từ lâu nay, mà lúc này là gay gắt hơn lúc nào cả. Nước Pháp không chịu để cho nước Anh bỏ mình ở đàng sau xa trong cuộc chạy đua giành thị trường này; trong khoảng từ 1875 trở đi, Anh đi chinh phục thuộc địa rất mạnh, thì Pháp càng lo lắng vô cùng.

Vài nét về sự chạy đua giành thuộc địa của Anh lúc bấy giờ, ít ra là để cắt nghĩa một phần - mà phần này cũng là phần quan trọng - tại sao Pháp cũng hối hả đi cướp thuộc địa trong khoảng thời gian này:

- Năm 1869: Kênh Suez được đào. Kênh Suez là đường gần nhất từ Anh sang Ấn Độ. Ấn Độ là "hạt kim cương trên mão Anh hoàng". Cho nên mặc dầu người Pháp chủ trương việc đào kênh, người Anh mua phần lớn cổ phần của Ai Cập mà nắm quyền kinh tế trên con kênh huyết mạch. Anh lại chiếm lấy đảo Síp(1), căn cứ chủ yếu ở đông Địa Trung Hải, chiếm bá quyền ở eo biển Công-stăng-ti-nốp và ngăn trở không cho Nga ra vào tự do ở cái cửa yết hầu này.

- Anh xui đẩy Thổ chống Nga, làm cho Nga phải chú ý vào Cận Đông để cho Anh chuẩn bị chiến tranh đánh Á Phú Hãn (1878, 1880) toan đặt quyền đô hộ trên xứ này.

Năm 1874, Anh đã chiếm một vùng giàu có ở Đông Nam Á châu là bán đảo Mã Lai rồi về sau chiếm miền Nam Diến Điện.

1. Chypre.

https://tieulun.hopto.org

Năm 1879, Anh bắt đầu chiến tranh chinh phục người Zu-lu[1] Nam Phi châu, năm 1877 nó đã chiếm vùng Tờ-răng-sơ-van[2].

"Nước Pháp không chịu rớt đằng sau Anh. Quyền lợi của bọn độc quyền tài chính của nó là yếu tố chủ yếu của chính sách thuộc địa của Cộng hòa Pháp. Tuy nhiên, mâu thuẫn Pháp Đức là một sự kìm hãm nghiêm trọng đối với sự mở mang thuộc địa của Pháp: điều ấy không cho phép nước Pháp đưa nhiều lực lượng quân sự ra khỏi biên giới miền đông của Pháp; bởi vì, hễ khi nào mà mâu thuẫn Pháp Đức tồn tại, thì một sự xung đột giữa Pháp với Anh sẽ vô cùng nguy hiểm cho nước Pháp. Và, một cuộc xung đột như thế luôn luôn có thể xảy ra khi mà chủ nghĩa tư bản Pháp đi xâm chiếm thuộc địa"[3].

Nhưng đến 1877 thì một nội các cộng hòa lên cầm quyền ở Pháp. Đặc điểm của phái cộng hòa ôn hòa này là:

1. Nó là tay sai của bọn tư bản tài chính.

2. Nó có khả năng làm dịu mối quan hệ giữa Đức và Pháp.

3. Do đó, họ có thể hoạt động mạnh hơn về hướng đi xâm chiếm thuộc địa.

Cuộc đi xâm chiếm thuộc địa này dính liền với chính sách tài chính của những nhà băng quan trọng như "Crédit lyonnais". Mà kẻ thù xướng chính sách thuộc địa cương quyết là tên "Cộng hòa ôn hòa"(!) Phe-ri, một tên chính khách đều giả mà Ăng-ghen[4] gọi là:

"Tên sát nhân bẩn thỉu nhất trong số những tên sát nhân đã hãm hại Công xã Pa-ri và một trong những kẻ đại diện chính cống của giai cấp tư sản đầu cơ đã cai trị nước Pháp để mà, như một con đỉa đói, hút máu của nước Pháp và các thuộc địa"[5].

1. Zoulou.
2. Transvaal.
3. Potemkine, *Histoire de la diplomatie*, quyển 2, tr. 68.
4. Engels.
5. Marx et Engels, *Oeuvres tome XVI*, phần 2, tr. 386.

Kẻ thù của dân tộc thuộc địa cũng là kẻ thù của giai cấp công nhân ở ngay xứ đi xâm chiếm thuộc địa.

II. TƯ BẢN CHỦ NGHĨA PHÁP TỪ SAU 1875 ĐẾN 1885 VÀ NGUYÊN NHÂN CĂN BẢN CỦA CHÍNH SÁCH THUỘC ĐỊA PHÁP TRONG THỜI GIAN ĐÓ

Tất cả các nhà viết sử thực dân và tay sai của thực dân, khi tìm nguyên nhân của cuộc chinh phục thuộc địa, đặc biệt là cuộc xâm lược Việt Nam, thì căn bản là họ nói rằng đó là tại lỗi của xứ bị chinh phục.

Ví như khi nói đến sự xâm chiếm Tuy-ni-dy[1] năm 1881 thì quyển sách của Ma-lê[2], I-sắc[3] mà trường thực dân nào cũng phải học, nói rằng sở dĩ Pháp phải chiếm Tuy-ni-dy vì:

- Các bộ lạc Tuy-ni-di qua quấy rối biên cảnh An-giê-ri của Pháp.

- Nếu Ý lấy thành Tuy-ni thì "chìa khóa nhà của Pháp" trong tay người khác.

Hay ví như lấy Ma-rốc[4], thì họ trình bày nguyên nhân sau đây:

- Ma-rốc chứa người qua quấy phía tây An-giê-ri.

- Vua Ma-rốc nhu nhược, trong nước không có trị an, chỉ có cướp bóc, Pháp phải đến để lập lại trị an.

Còn như về nguyên nhân xâm lược xứ Công Gô (1883) thì chúng nói:

- Công Gô không có chủ.

- Người dân Công Gô tin cậy những người "thám hiểm" Pháp như Bơ-ra-da.

1. Tunisie.
2. Malet.
3. Isaac.
4. Maroc.

https://tieulun.hopto.org

Lại như về nguyên nhân xâm lược Ma-đa-gát-ca (1883), chúng bảo rằng:

- Người Hô-va tưởng đâu rằng bạc đãi người Pháp là vô phạt; vì người Hô-va bạc đãi người Pháp nên Pháp chiếm lấy Ta-ma-ta...

Đến việc vũ trang can thiệp vào Bắc Kỳ lần thứ hai, thì họ tìm nguyên nhân là:

- Tự Đức không thi hành Hòa ước 1874.

- Người theo đạo bị giết, đức cha Puy-gi-nhê lo lắng cho tính mạng của 10 vạn tín đồ..

Lưu Vĩnh Phúc ngăn sông Hồng Hà.

- Trung Quốc không thừa nhận Hòa ước Việt - Pháp 1874, và xui Tự Đức chống lại Pháp, v.v...

Nói một cách khác, vì các dân tộc, các quốc gia yếu nhỏ làm rộn, làm rầy Pháp nên Pháp buộc lòng phải xâm chiếm. Đó là "sử" của chủ nghĩa thực dân.

Nếu nhà sử đế quốc làm sử cho thanh niên Pháp đọc thì chúng cũng phải tuyên truyền tư tưởng tư sản, cũng phải nói một phần sự thật khách quan, nên họ thêm một vài câu mà ai cũng biết, nhưng chưa lột được nguyên nhân của sự xâm chiếm.

"Nước Pháp cần tìm thị trường cho kỹ nghệ của mình, và những cứ điểm cho hải quân của mình cũng cần làm sao cho khỏi bị các nước khác đương tranh đừng bỏ nước Pháp đàng sau".

Đó là cái lối chúng trưng bày để cho người dân Pháp vào trường học, tưởng đâu sự xâm chiếm thuộc địa là lợi cho cả nước Pháp, cả dân Pháp, để cho nhân dân Pháp không dè rằng *"một dân tộc nào đi áp bức một dân tộc khác thì bản thân nó không được tự do"*. (Lênin)

* * *

Vậy vào khoảng 1880 nguyên nhân căn bản của cuộc xâm chiếm thuộc địa nói chung, nguyên nhân căn bản của sự xâm chiếm Việt Nam nói riêng là gì? Xâm chiếm thuộc địa cho ai? Vì ai? Để đạt những mục đích gì?

1. Cuộc chiến tranh Bắc Kỳ gây ra là vì quyền lợi của đám tài phiệt, vì quyền lợi của một nhà băng độc quyền[1]

Ở nước Pháp, sau chiến tranh 1870, xảy ra một số hiện tượng mới rất căn bản là những độc quyền đầu tiên xuất hiện; những độc quyền đó sẽ đòi hỏi xâm chiếm thuộc địa, và sự xâm chiếm thuộc địa lại làm cho các độc quyền giàu có phát triển thêm lên.

Năm 1872 - 1873, các nhà băng "Comptoir d'escompte" và "Société Générale" đều xin chính phủ Pháp cho đặc quyền in giấy bạc để thành lập một nhà băng ở Nam Kỳ. Trước thì hai nhà băng ấy xin riêng; sau lại cùng xin; và, rốt cuộc thì nhà băng "Banque de Paris et des Pays Bas" lại hiệp với hai nhà băng kia để cùng xin và cùng xây dựng nhà băng Đông Dương. Nhà băng Đông Dương này được thành lập từ 1875, thì liền được đặc quyền và độc quyền in giấy bạc. Trong số những kẻ bỏ vốn lớn vào nhà băng Đông Dương có tên của tất cả những nhà băng quan trọng của vùng Lyon. Bên kia - Pháp - thì các nhà băng này sẽ thúc giục chính phủ mở rộng sự chinh phục để tăng gia số lợi; còn bên này - Nam Kỳ - nhà băng Đông Dương sẽ thu lượm càng ngày càng nhiều lợi tức: từ 1875 tới 1885, lợi tức hàng năm của nhà băng Đông Dương tăng lên 5 lần! Trước 1884 thì những cổ phần được chia mỗi năm 10 tới 14%; rồi từ 1887 đến 1888, khi đã chinh phục xong Việt Nam thì số tiền lợi chia cho nhau là từ 24 đến 28%. Từ 1885 đến 1905 số lời hàng năm của nhà băng Đông Dương sẽ tăng lên tới 6 lần; 1885: 393.000fr; 1905: 2.666.000fr; 1914: 6.664.000fr! Lợi nhuận tối đa quả là động cơ hoạt động của đế quốc chủ nghĩa.

1. P. Chavanay, *Cahiers internatinaux*, Paris, số 56, 57, tr. 65 - 76.

https://tieulun.hopto.org

Một đặc điểm mới là: các nhà băng thuộc địa trước đây đều có một viên giám đốc do chính phủ Pháp chỉ định, còn giám đốc nhà băng Đông Dương là một người do 100 người (hội viên) bỏ nhiều vốn nhất cử ra. Về sau ở Đông Dương sẽ có một tên toàn quyền (Pasquier) khi bị các nhà trồng cao su phê bình tại sao đã làm quan toàn quyền mà lại tùy thuộc nhà băng Đông Dương, thì tên toàn quyền kia trả lời một cách trắng rằng: *"Các người bảo tôi độc lập! Làm sao được, nếu cuối mỗi tháng tôi phải gõ cửa nhà băng để vay tiền trả lương cho công chức?"*. Nhà băng Đông Dương là chủ thực tế của tất cả mọi chính quyền và chính sách của Pháp ở Đông Dương.

Như thế là từ nay, chính sách thuộc địa và chính sách tài chính đi đôi với nhau, giúp nhau: chính sách thuộc địa bây giờ là chủ trương của tư bản tài chính đương mọc. Như thế, rõ ràng cuộc xâm lược Việt Nam chính là vì quyền lợi của tư bản tài chính; tư bản tài chính là tư bản ngân hàng thống nhất với tư bản công nghệ. Sau 1875, tư bản tài chính Pháp đã có đủ vốn to để thành lập chẳng những thành những công ty mà thành những độc quyền, chẳng những dùng số vốn ở trong nước mà còn đem ra ngoài nước Pháp; xuất vốn ra ở xứ lạc hậu thì lợi nhuận to hơn là ở Pháp; mà xuất vốn qua xứ thuộc địa thì lại càng lợi hơn nữa; thuộc địa càng rộng lớn và đông dân thì lợi càng lớn, cho nên, chính là bọn tư bản tài phiệt Pháp chủ trương đánh Bắc Kỳ, chiếm toàn bộ Việt Nam, Lào và muốn xâm lược cả nước Xiêm. Trong luận cương Tiến sĩ luật về nhà băng Đông Dương, ông Bô-đu-anh[1], 1903 có viết rằng[2]:

"Trước hết, chúng ta định chiếm đồng bằng Hồng Hà; nhưng cả lịch sử chứng minh rằng những dự định chiếm cứ hẹp là những mộng tưởng mà kinh nghiệm bảo rằng cần phải tránh đi thôi. Muốn đứng vững ở đồng bằng thì phải chiếm miền thượng du.

1. Beaudouin.
2. *Beaudouin: la Banque I.C. Cifé par Chavanay.*

Kế đó, chúng ta phải đòi hỏi lấy sông Mê Kông làm cương giới, hoạt động của chúng ta bao gồm cả nước Lào, chắc chắn là sẽ lan qua tới Xiêm... Vì sự kinh doanh của nó được mở rộng như thế, cho nên ban quản trị nhà băng Đông Dương xin chính phủ kéo dài đặc quyền của nhà băng thêm 20 năm nữa từ 1895".

Không còn chối cãi gì được. Chủ trương xâm lược Bắc Kỳ và toàn bộ Việt Nam là chủ trương của đám tài phiệt Pháp. Chính mình Phe-ri là kẻ chủ trương đánh lấy Bắc Kỳ và cả Việt Nam đã tuyên bố ngày 28-7-1885 rằng thuộc địa, đối với một nước giàu như nước Pháp là nơi "bỏ vốn được lợi to nhất".

2. Xâm chiếm thị trường để bán hàng hóa của kỹ nghệ Pháp ứ đọng

Sau khi đã trả xong chiến phí cho Đức thì năm 1873, kỹ nghệ, thương mại nước Pháp chẳng những đã trở lại kịp mức 1869, mà còn tăng lên cao hơn. Kỹ nghệ sắt thép mọc lên rất mạnh ở vùng Lô-ren; ở vùng núi An-pho[1] là kỹ nghệ điện; kỹ nghệ tập trung và tập hợp mạnh, xưởng nhỏ bị xưởng lớn nuốt đi, khoảng sau chiến tranh 1870, Pháp còn là xứ kỹ nghệ thứ 2 ở Âu châu, Đức theo chưa kịp. Ấy thế mà ngay ở thị trường Pháp hàng hóa ngoại quốc tới cạnh tranh mạnh; lần lần Pháp phải bỏ chế độ tự do xuất nhập cảng mà đặt chế độ thương chính nặng để bảo vệ hàng hóa và công nghệ của mình. Các nước khác cũng thế. Tình thế đó (sản xuất thêm nhiều, cạnh tranh giữa các nước thêm mạnh, các nước đánh thuế thương chính nặng để bảo vệ nội thị trường) bắt buộc các nhà công nghệ phải thúc giục chính phủ tìm thuộc địa là những nơi mà chúng có thể một mình một chợ, bán hàng hóa với giá đắt đỏ để có lợi to, không sợ ai cạnh tranh.

1. Alpe.

https://tieulun.hopto.org

Phe-ri nói trắng ra những lý do vì sao Pháp phải xâm chiếm cả Việt Nam:

"Vâng cái gì thiếu thốn cho đại kỹ nghệ của ta đã hướng vào đường xuất cảng, cái gì càng ngày càng thiếu cho nền đại kỹ nghệ ấy, ấy là thị trường. Vì sao? Vì gần bên ta, nước Đức dựng lên những vách thành thương chính; vì, bên kia Đại Tây Dương, nước Mỹ theo một chế độ thương chính gắt gao;... vì các nước lớn bắt đầu đổ vào thị trường nước ta những món hàng hóa mà trước kia không có thấy... Ta có thể dự đoán rằng thị trường Nam Mỹ từ lâu lắm rồi, ở trong tay ta, nay sẽ bị giành giật, thị trường đó sẽ bị hàng hóa của Bắc Mỹ chiếm đi".

Vì vậy mà phải có thị trường Việt Nam, thị trường Đông Dương, thị trường miền Nam Trung Quốc. Duyn Phe-ri[1] tiếp:

"Có thể nào chính phủ để một nước khác đặt chân lên đất Tuy-ni-di chăng? Để cho một nước khác kiểm soát cửa sông Hồng Hà chăng?... Để cho các nước khác giành mất những vùng ở Phi châu Xích đạo chăng...?".

Thế là rõ nguyên nhân vì sao Pháp xâm lược xứ ta; không phải tại cấm đạo; không phải tại Hòa ước 1874 không được thi hành; không phải tại lý do nào khác hơn những lý do mà chính bọn đế quốc đã nói bên trên: vì quyền lợi của tài phiệt, của đại công nghệ của Pháp.

Phe-ri không còn giấu giếm gì được nữa, hắn tuyên bố trắng trợn rằng:

"Trong thời buổi chúng ta sống đây, sở dĩ một nước là nước lớn chỉ vì hành động của nó chớ không phải vì văn hóa của nó soi rọi một cách hòa bình;... cho nên, nếu nước Pháp muốn giữ địa vị một

1. Jules Ferry.

nước lớn, nó phải đem tới bất cứ ở đâu có thể đem được tiếng nói, phong tục, lá cờ và vũ khí của mình"[1].

Đó là ý kiến của chính khách.

Còn đây là ý kiến của tờ báo *Journal das Chambres de Commerce* lúc mà bên Pháp, trong chính phủ, đương bàn nhau coi phải đánh hay không phải đánh vào Bắc Kỳ (tháng chạp 1882):

"Từ vài năm nay, nền thương mại Pháp bị một cuộc khủng hoảng rất nguy ngập... Theo chúng tôi, cái tai hại ấy do sự cạnh tranh tai hại của ngoại quốc mà ra, và ta chỉ có thể tìm phương thuốc đúng nhất bằng cách mở ra những thị trường thương mại mới...

Ở Á châu, chúng ta dường như từ bỏ cuộc viễn chinh tại Bắc Kỳ; cuộc viễn chinh này sẽ mở cho xứ ta những thị trường to lớn mà ta không phải tốn phí bao nhiêu... Chúng ta mong rằng chính phủ và nghị viện sẽ không bỏ lỡ việc này".

Tháng giêng năm 1883, tờ báo ấy viết:

"Bây giờ nền thương mại Pháp nhiệt liệt đòi hỏi phải mở xứ Bắc Kỳ và con sông của Bắc Kỳ, nền thương mại Pháp sẽ tìm thấy một thị trường tự nhiên mà ngày nay nó còn thiếu".

Và hồi tháng 5 năm 1883:

"Vấn đề Bắc Kỳ nay đã vào thời kỳ hành động. Tất cả các vùng của nước Pháp đều thấy lợi của mình trong sự khai phóng cái thị trường lớn này... Mác-xây[2]*, Boóc-đô*[3] *về phương diện hàng hải; Ly-ông cho tơ lụa của nó; Năng-tơ*[4]*, Lơ-hao*[5] *vì hàng hóa từ thuộc địa đến.*

1. *Discours et Opinions de J. Ferry A.Cobin.*
2. Marseille.
3. Bordeaux.
4. Nantes.
5. Le Havre.

https://tieulun.hopto.org

Sự chiếm cứ một xứ có 15 triệu người tiêu thụ... đáng cho ta cố gắng"[1].

Đúng như lời của văn sĩ tiến bộ A-na-tô Fơ-răng *"ở Bắc Kỳ năm 1885, người Pháp chẳng những phải chết cho nhà băng Đông Dương mà cho cả bọn chủ kỹ nghệ".*

3. Con đường đi vào xâm chiếm thị trường miền nam Trung Quốc

Việt Nam với miền nam Trung Quốc là như môi với răng. Môi hở răng lạnh. Con đường Hồng Hà là con đường vào Vân Nam, Quí Châu: tư bản Pháp nhằm vào Bắc Kỳ cũng vì nhằm vào cái thị trường miền nam Trung Quốc đông đúc dân cư hơn mấy lần Bắc Kỳ. Tờ báo của những phòng thương mại Pháp tháng năm 1883 cũng có nói rồi:

"Sự xâm chiếm chiến lược vùng Hồng Hà chỉ đáp ứng một phần ý nguyện của nền thương mại Pháp. Muốn nghiêm túc góp sức để ngăn ngừa cuộc khủng hoảng kinh tế, phải chiếm cả con đường thương mại của sông Hồng Hà, phải chiếm cả Bắc Kỳ với 15 triệu dân".

Như để bổ sung cho tờ báo tư bản, chính khách bậc nhất của Pôn-đê-sa-nen[2] nói:

"Sự thống nhất chính trị và lực lượng của chính phủ Trung Quốc càng ngày càng yếu đi, thì, nhờ tự do giao dịch ở đó mà thương mại và công nghệ sẽ phát triển... nước Pháp... là nước có hải quân mạnh thứ nhì trên thế giới, tất nhiên không thể nào lại không tham gia sự phát triển kinh tế không giới hạn ấy"[3].

Chúng ta còn nhớ rằng chung quanh cuộc Pháp xâm chiếm Bắc Kỳ lần thứ nhất, bọn tư bản Pháp nhằm vào cái thị trường 90

1. Chavanay trích lục.
2. Nhà xuất bản chưa tra được từ nguyên.
3. *La Question du Tonkin*, Paris, 1883, tr. 333.

triệu dân ở miền tây nam Trung Quốc. Chẳng những tư bản Pháp; tư bản Anh cũng thế.

Năm 1878, tại cuộc đại hội quốc tế về địa lý thương mại (do chính phủ Pháp bảo trợ) Đuy-puy trở lại vấn đề Bắc Kỳ và nói rằng:

"Trong lúc mà vấn đề tìm thị trường mới trở nên quan trọng đặc biệt cho nền thương mại của chúng ta, thì phải ngó về phía Bắc Kỳ. Phía đó có một thị trường lớn lao cần phải chiếm lấy; nhưng hãy mau tay, không thì người Anh sẽ khai thông về họ cả nguồn lợi thương mại ở miền tây nam Trung Quốc. Hãy lo ngại rằng, gần tới đây, người Anh sẽ chiếm Miến Điện và lan qua bảo hộ cả đất Lào. Khi mà họ đứng trước cửa Vân Nam rồi, thì cái dự án khai đường I-ra-oa-đi ở Ta-li[1] *sẽ trở thành sự thật mặc dầu rất khó làm đường này".*

Cho nên cuộc Đại hội này tỏ lời yêu cầu chính phủ Pháp:

"Hãy chú ý đến con đường Hồng Hà và có biện pháp để bảo đảm sự thi hành Hòa ước 1874"[2].

Chính lúc này là lúc các đế quốc đua nhau chia xẻ Trung Quốc thành những phạm vi ảnh hưởng của chúng, Pháp chú ý nhất đến vùng Nam và Tây Nam giáp giới với Bắc Kỳ.

4. Một nguồn nhân công rẻ giá để tư bản kiếm lời to và một nguồn nguyên liệu rẻ giá cho kỹ nghệ Pháp

Một mặt của quyền lợi của tư bản công nghệ là bán hàng hóa với giá cao nhất nhờ độc chiếm thị trường thuộc địa; một mặt khác của quyền lợi của chúng là dùng nhân công nhiều và rẻ giá để kinh doanh lấy lợi to nhất, to hơn, cao hơn ở xứ Pháp là nơi mà

1. Đại Lý (ở Vân Nam).
2. *Journal officiel*, 10-10-1878.

https://tieulun.hopto.org

giá nhân công đắt hơn. Chúng ta hãy nghe tiếng nói của tư bản công nghệ Pháp:

"Ở đây, nhân công như là không có giá cả gì hết, rẻ lắm...; nhà tư bản chắc chắn là khỏi phải bị xơ xác; ở cái xứ Annam này, thiên nhiên đã phú cho nhiều điều có thể làm cho nhà công nghệ nhẩy lên để reo mừng khi trong tay họ có một ít tiền"[1].

Và trong một quyển sách tuyên truyền[2]:

"Ở Bắc Kỳ thì nhân công nhiều vô hạn, rẻ vô cùng... Người Pháp đến thì làm chủ kinh doanh, làm cai, làm cán bộ...

Bắc Kỳ là một xứ giầu, giầu lắm.

... Đây là một xứ thuộc địa để khai khẩn. Cần phải có nhiều vốn, cần phải có cán bộ tốt.

Chính quốc sẽ nhập cảng vô số các món hàng mà lời thì vô kể.

Ngành xuất cảng Pháp sẽ có một nguồn thị trường sinh lợi to lớn.

Vậy hãy tiến tới! Tiến lên! Cần lập nhiều công ty thương mại khắp mọi nơi để khai khẩn cái thuộc địa non trẻ của chúng ta...; thành công chắc chắn!"

Và trong bài diễn văn ngày 28-7-1885, Phe-ri nói.

"Hình thức đầu tiên của sự chiếm thuộc địa là để cho một xứ nghèo hay là xứ có dân cư đông đúc, đưa số dân thừa đến làm ăn.

Nhưng có một hình thức chiếm thuộc địa nữa thích hợp cho xứ nào có thừa vốn, thừa hàng...

Nước Pháp bao giờ cũng có nhiều vốn và đã xuất cảng vốn ra ngoại quốc rất nhiều, tới hàng bao nghìn triệu, nước Pháp phải nghĩ đến cái loại chiếm thuộc địa này".

1. *Bulletin de la Société de Géographie commerciale de Paris 1885*, tr. 450.
2. Vavigny et Bichoff, *Les Richesses du Tonkin*.

Những lãi to tát của nhà băng Đông Dương chứng thật lời nói của tên Phe-ri, đại biểu và phát ngôn của tư bản tài chính Pháp.

Những điều đã kể trên chứng tỏ rằng sự xâm chiếm Bắc Kỳ, xâm chiếm Việt Nam là nguyện vọng thiết tha của tất cả các loại tư bản Pháp lúc ấy; nhà băng, công nghệ, thương mại, cho vay... trước hết và trên hết là của tư bản tài chính, tuy mới mọc mà đã xỏ mũi được chính phủ tư bản, bắt chính phủ cộng hòa Pháp phải thi hành nguyện vọng xâm lăng của chúng nó. Những tướng tá chỉ huy cuộc xâm lăng không giấu giếm gì rằng chúng nó làm việc cho bọn tư bản; chính tên H. Ri-vi-e viết cho tờ *Thời báo:*

"Ngày 12 tháng 3, tôi chiếm vịnh Hạ Long: đây là xứ Bắc Kỳ hầm mỏ, đây là hầm mỏ của ông Fuchs".

III. BỌN TƯ BẢN PHÁP THÚC GIỤC CHÍNH PHỦ PHÁP PHẢI MAU XÂM CHIẾM BẮC KỲ VÀ CẢ VIỆT NAM

Như chúng ta đã ngó thấy bên trên, bọn tư bản Pháp ngó vấn đề một cách rất thiết thực: lợi nhuận, thị trường, nhân công, công ty, than đá, v.v... chỉ có những tên bồi bút của chúng nó mới nói đến "bênh vực tự do giảng đạo", "Tự Đức không muốn thi hành hiệp ước", "chống Lưu Vĩnh Phúc" v.v... Những lời tuyên truyền này, lúc ấy cốt để đánh lừa người thường dân Pháp, kế đó là cốt để lấy một cái cớ mà xâm lăng, và sau cùng là để nhồi sọ thanh niên Việt Nam cho người Việt Nam không trông thấy cái dã tâm của Pháp, tưởng đâu là Pháp bất đắc dĩ mới can thiệp, xâm chiếm, chớ thực tình thì chúng chỉ vì muốn reo rắc văn minh thôi!

Thấy lợi trước mắt, bọn tư bản vận động cho chính phủ Pháp phải ráo riết chuẩn bị xâm lăng, và đổ nhiều lực lượng để xâm lăng. Từ sau 1875, người Pháp đi ruồng khắp Bắc Kỳ, nhất là ở vùng Duyên Hải, Quảng Yên và Hải Ninh để tìm các thứ sản xuất và các thứ mỏ. Chúng nó đã xuôi ngược các sông ngòi để nghiên cứu; đã đo dò bờ biển, v.v... Để chuẩn bị cơ hội về sau; cứ xem bản

https://tieulun.hopto.org

địa đồ miền Bắc mà chúng đã trình bày ở cuộc đại hội địa lý năm 1878 tại Pa-ri thì rõ. Từ 1800 chúng nó có hai đoàn tiếp nối nhau đi nghiên cứu mỏ than ở Quảng Yên, Hòn Gai, đặc biệt là đoàn kỹ sư Phúc đã đem than ấy về Pháp đặng thử, thấy rằng nó rất tốt; than lại ở trên mặt đất và sát mé biển; số lượng có thể là vô tận. Cả bọn tư bản Pháp reo mừng và càng thúc đẩy chính phủ Pháp phải mau hưng binh xâm chiếm. Chúng tuyên bố rằng cuộc viễn chinh sở dĩ được tổ chức là cốt[1]:

"Đem những tài nguyên hầm mỏ của xứ Bắc Kỳ và của vùng tây nam Trung Quốc để sát bên cửa Âu châu".

Ngay hồi 1881 là lúc mà chính phủ Pháp chưa nói gì đến cuộc viễn chinh của H. Ri-vi-e, thì tờ "Bulletin de Géographie commerciale de Paris" đã lộ bí mật rằng ở Sài Gòn đương chuẩn bị một cuộc viễn chinh để giải quyết vấn đề Bắc Kỳ một cách triệt để. Cuối 1882, khi bên Pháp, ông Gơ-rê-vy[2] công kích cuộc viễn chinh, tố cáo rằng cuộc viễn chinh này được tổ chức vì lợi quyền của những công ty tài chính, thì tụi tư bản nhao nhao lên ra mặt làm áp lực mạnh cho chính phủ Pháp đừng do dự. Trong số nhiều nghị quyết của các công ty thương mại, công nghệ và nhà băng gửi lại cho chính phủ Pháp đòi phải chiếm lấy Bắc Kỳ, có bức thơ của tên Hi-ê-ta[3] đại diện cho nghiệp đoàn chủ nhân, gửi cho Phe-ri, đây là một đoạn của thơ ấy:

"Thưa ông bộ trưởng, tôi thiết tưởng rằng, khi nói lên cái nguyện vọng này, nghiệp đoàn công thương chỉ nghĩ đến quyền lợi thương mại, và, để cho ông vui lòng công nhận ý kiến chúng tôi, chúng tôi chỉ cần ông chú ý đến điểm này là sự giải quyết sớm vấn đề xâm chiếm Bắc Kỳ, sẽ đem lại quyền lợi vô cùng lớn lao cho thương mại và kỹ nghệ của chúng ta".

1. *Bulletin de la Société de Géographie commerciale de Marseille*, 1882.
2. Jules Grévy.
3. Nhà xuất bản chưa tra được từ nguyên.

Lẽ tất nhiên là Phe-ri thuận với ý muốn của bọn chủ, với quyền lợi của nhà băng Đông Dương mà hắn là kẻ thay mặt.

Pôn Đê-sa-nen[1], một chính khách bậc nhất của tư bản Pháp, bấy giờ, viết quyển *Vấn đề Bắc Kỳ* (1883) mà "hội địa lý thương mại" hết sức tán dương; trong quyển sách đó, Đê-sa-nen nói:

"Làm sao để buộc xứ Annam thừa nhận quyền đô hộ của ta? Một phát đại bác vào tai nhà vua sẽ đem lại nhiều kết quả hơn là 10 năm thương thuyết... Nhà vua sẽ nhượng bộ; chữ đô hộ sẽ được ghi trong hòa ước mới; để được bảo hộ, nhà vua sẽ nhượng cho ta cái độc quyền khai thác các mỏ".

Không còn gì rõ ràng hơn nữa.

Thời gian từ 1875 đến 1885 là thời gian mà tư bản độc quyền tư bản tài chính mọc lên ở Pháp, nó thúc đẩy chính phủ Pháp tăng cường sự chạy đua xâm chiếm thuộc địa; chiếm Tuy-ni-di (1881); mở rộng xâm lăng ở miền Nam An-giê-ri (1881, 1882); can thiệp vào Ma-đa-gát-ca (1883), xâm nhập Phi châu Xích đạo (1875 - 1880), bắt đầu chiếm Su-đăng[2] miền Tây (1880) và bắt đầu xâm chiếm Bắc Kỳ, đặt đô hộ ở Việt Nam. Tất cả vì quyền lợi của bọn đại tư bản đương đòi hỏi thị trường, nguồn nguyên liệu, chỗ đầu tư, nơi mà nhân công rẻ giá.

Cần ghi rằng sau 1875 cho đến 1879, tuy Pháp làm chủ nền thương chính ở Bắc Kỳ, tuy nó có lãnh sự và đồn quân ở Hải Phòng và Hà Nội, cái phần lợi về kinh tế của nó không phải là ưu việt so với các nước khác. Ba tháng sau ngày 15-9-1875, cảng Hải Phòng chỉ thấy tàu Anh, tàu Đức và tàu Trung Quốc, mà không thấy một tàu Pháp nào cập bến cả. Tuy hàng của Sài Gòn ra Hải Phòng được trả nửa thuế, thế mà chẳng có bao nhiêu hàng: trị giá của hàng từ Sài Gòn ra chỉ là 23.000f, như là không có. Còn hàng của Hồng

1. Nhà xuất bản chưa tra được từ nguyên.
2. Soudan.

https://tieulun.hopto.org

Kông đến thì giá trị nhiều hơn tới 41 lần, 3 triệu rưỡi tức. Năm 1878 và 1879, bốn năm sau hòa ước, Bắc Kỳ xuất cảng vào Sài Gòn chỉ vài ba chục vạn quan mà thôi, còn bao nhiêu là qua Hương Cảng. Cho nên, người Anh ở Hương Cảng đã nói rằng Pháp chiếm các đồn lũy ở Bắc Kỳ chẳng qua là để làm các việc *"lau vách trong các vị trí ấy"*[1]. Không phải tại sông Hồng bị đóng, mà tại Pháp dù có vị trí chính trị và quân sự mạnh hơn, vẫn cạnh tranh không nổi với Anh, Đức. Đó lại thêm một lý do vì sao Pháp muốn chiếm hẳn Bắc Kỳ để có độc quyền.

IV. TRIỀU ĐÌNH HUẾ TRONG THỜI GIAN 9 NĂM TỪ 1874 ĐẾN CUỘC XÂM CHIẾM BẮC KỲ LẦN THỨ HAI

Từ 1874 là năm ký hòa ước cho đến năm 1882 là năm quân Pháp đánh Bắc Kỳ lần thứ hai, thời gian dài 9 năm. Trong những năm đó triều đình Tự Đức sau mấy lần thất bại, sau bao kinh nghiệm xương máu, đã làm gì để bảo vệ quyền độc lập còn lại của đất nước?

Có thể trả lời rằng gần như không có gì.

Phần nhiều sức lực của nhà nước phong kiến bấy giờ là đổ vào trấn áp nhân dân, cùng với quân Pháp mà đánh những đám giặc bể, đánh phá cả những cuộc đấu tranh của quần chúng. Hai chiếc tàu Pháp At-pít[2] và Ê-pin-gan[3] và quan tư Duy-jắc-chê[4] đã chẳng nhiều lần, do sự yêu cầu của quan triều đình, mà tàn sát quần chúng khởi nghĩa hay sao? Triều đình lại nhờ Pháp đánh dẹp hải phỉ cho Pháp, xin Pháp cất đồn ở đảo Cát Bà, vị trí yết hầu của vịnh Bắc Kỳ. Triều đình bất lực trong sự trị an cho đến nỗi phải nhờ tàu, nhờ lính nước ngoài đàn áp dân mình thì cái chủ quyền của nó, thử hỏi đã còn được mấy?

1. *Lemire l' Indochine*, tr. 300.
2. Nhà xuất bản chưa tra được từ nguyên.
3. Nhà xuất bản chưa tra được từ nguyên.
4. Nhà xuất bản chưa tra được từ nguyên.

1. Trong số các cuộc khởi nghĩa, ngoài những rối loạn thường xuyên ở vùng Hải Dương, Quảng Yên, lúc ấy đáng kể nhất là những cuộc sau đây:

- Trần Tấn, Đặng Như Mai nổi lên ở Nghệ An.

- Trần Quang Cán nổi lên ở Hương Khê.

- Tù trưởng Mường ở Quảng Bình là Trương Quang Thử nổi lên, toan đánh thành Hà Tĩnh để cứu thoát Nguyễn Huy Điển tức là tú Khang.

Trần Quang Cán hợp với Trương Quang Thử đánh hãm thành Hà Tĩnh, cứu được Nguyễn Huy Điển, rồi chiếm thành, thanh thế rất mạnh. Lễ bộ thượng thư là Lê Bá Thận được sai đi trấn áp; Thận đóng quân tròn tháng mà không dám tiến. Nhà vua sai thêm Nguyễn Văn Tường tới tiếp ứng mới khắc phục được thành Hà Tĩnh, giết được Quang Cán và Huy Điển.

Đó là chưa kể rằng triều đình phải tốn biết bao công sức để trị loạn ở lưu vực sông Đà do bọn Diệp Thành Lâm, gốc người châu Khâm. Thực ra, quân triều đình bất lực, phải nhờ đến Lưu Vĩnh Phúc thì bọn Diệp Thành Lâm mới về hàng.

Như thế cuộc nổi loạn ngoài Bắc không ngớt, giờ đã tràn vào Hà Tĩnh, Quảng Bình, cách kinh thành không còn bao xa nữa.

* * *

Cuối năm Bính Tí, năm Tự Đức thứ 29 (1877) thự hà phủ Nguyễn Hữu Độ trong bản "kế sách nội tu ngoại phòng" gửi lên Tự Đức có nói rằng:

"Hiện nay binh lửa liên miên, của hết, sức khuất, ý người (Pháp) muốn gây hấn".

Câu ấy chứng tỏ rằng khởi nghĩa, giặc giã trong khoảng này là việc thường thường không rút. Lại chứng tỏ rằng ngay hồi 1877,

https://tieulun.hopto.org

không phải không có người cảnh giác thấy trước âm mưu xâm lăng mà địch sắp bày ra; duy nhà vua không ngó thẳng vào kẻ thù mà chỉ chú ý đàn áp dân. Thấy đánh mãi không xong, nhà vua đã từng tìm cách chiêu dụ, hễ xã huyện nào mà "không theo giặc, không che giấu kẻ giặc thì được miễn thuế sau khi giặc đi"; ấy thế mà giặc giã cứ liên miên.

2. Ngoài cuộc khởi nghĩa của nhân dân thì có những toán quân gốc ở Thái bình Thiên quốc từ Quảng Tây, Vân Nam bị nhà Thanh đánh dồn sang, không khỏi quấy nhiễu nhân dân. Ví dụ như toán quân của Hoàng Anh quấy nhiễu, chiếm đóng ở nhiều vùng thuộc Tam Tuyên, không quy thuận triều đình như trường hợp của Lưu Vĩnh Phúc; thanh thế của họ khá mạnh, nên quân thứ Tam Tuyên phải lấy quân dũng Cao Lạng cùng đánh chớ tự mình cũng thấy khó thắng; triều đình phối hợp với quân Thanh do Lưu Ngọc Thành chỉ huy, trị cũng không xong, nên lại nhờ tỉnh thần Hà Nội thử hỏi Ray-na coi có thể cùng giúp sức mà tiễu phạt không? Mãi khi Hoàng Anh bị giết triều đình sai truyền đầu đi khắp các nơi ở Bắc Kỳ và đóng hòm đưa sang triều đình Bắc Kinh, điều ấy là bằng cớ rằng phong kiến nhà Thanh cũng như nhà Nguyễn thù hằn lớn với Hoàng Anh, với dư đảng của Thái bình Thiên quốc. Từ đó thì triều đình nhiều lần cùng liên hiệp với thực dân Pháp mà trấn áp nhiều cuộc khởi nghĩa hay là chống lại giặc cướp, tỏ ra bất lực, tự mình làm mất bớt chủ quyền của mình.

Năm Tự Đức thứ 31 (1879) Lý Dương Tài đem mấy nghìn quân từ châu Khâm, sang đánh Lạng Sơn, Lý Dương Tài nguyên là bộ hạ của Đề đốc Lưỡng Quảng Phùng Tử Tài, không phục quan trên, quy tụ đảng chúng kéo qua Việt Nam có ý lấy đất này mà xưng vương. Quan quân Việt Nam tuy giữ được tỉnh thành Lạng mà Lý Dương Tài vẫn trú quân được ở nông thôn. Lý Dương Tài cấu kết với Pháp. Pháp có ý ủng hộ cho Lý Dương Tài, nên

mặc dầu triều đình yêu cầu giúp đỡ, Pháp vẫn làm ngơ. Quân triều đình thoạt tiên bị quân Lý phục kích trên đường đi Lạng Sơn chiếm lấy hàng trăm gánh diêm hoàng, làm thuốc lửa. Hoàng Tá Viêm được vua Tự Đức đặc phái đi tiễu trừ, đi chưa đến nơi thì Lý Dương Tài đã chiếm Thái Nguyên, Bắc Cạn; Viêm nhờ Tán Thuật lên Bảo Thắng triệu Lưu đoàn về tiếp sức. Lưu về, trận đầu đã đại thắng cứu được Thái Nguyên. Lúc ấy cũng là lúc mà Phùng Tử Tài hội 26 doanh ở Long Châu sang Việt để cùng đánh Lý Dương Tài ở Bắc Cạn; tiền đội của Phùng là Đảng Mẫn Tuyên bị Lý đánh bại, tới cầu viện Lưu đánh giúp Tân Nhai; Phùng thấy Lưu thắng trận Tân Nhai rồi, sợ Lưu lập đầu công trong việc bắt Lý nên yêu cầu Lưu đoàn trở về Hưng Hóa, còn liên quân Thanh - Việt lên Bắc Cạn đánh tan quân Lý Dương Tài. Bọn Pháp đã tổ chức nội ứng ở đồng bằng để ủng hộ Lý, nhưng bị mất một cơ hội hiếm có. Đó là vào năm 1880.

Chưa kể rằng giặc bể ở vùng Hải Dương, Quảng Yên, cứ phá rối mạnh như lâu nay. Bè đảng tên Công vào tới trong sông mà quấy nhiễu. Ám sát Nguyễn Hoán (Hải Dương) hiệp với quân Pháp mà đánh phá; cướp bể không bị tan, mà chỉ rút về ngoài khơi, lập căn cứ ở đảo Cát Bà.

* * *

Trong khoảng thời gian từ 1874 đến 1882, triều đình có "duy tân" được chút nào không? Có phát triển kinh tế được mấy không?

Cũng gần không có gì đáng kể nếu so với mức nhu cầu của thời cuộc. Ngự sử chỉ ghi những việc sau đây:

- Sự lập phố buôn bán ở Ninh Hải (tức Hải Phòng) từ năm 1875 không phải có dụng ý mở mang thương mại, phát triển kinh tế theo hướng mới, mà cốt để cho các lái buôn người Trung Quốc không đi cùng các nơi, và để cho Pháp chỉ đóng ở Hải Phòng mà bỏ lãnh sự quán ở Hà Nội.

https://tieulun.hopto.org

Hải Phòng lúc bấy giờ là trung tâm thương mại của đất Bắc. Năm 1876, nhập cảng chỉ có 460.000 quan; và xuất cảng chỉ có 258.000 quan; đến 1880 thì nhập cảng lên 5.470.000 quan và xuất cảng lên đến 7.510.000 quan. Trong sự xuất nhập cảng này thì thương thuyền của Anh chiếm 35%; kế đó là thương thuyền của công ty Nam Hải của Lý Hồng Chương, không kể phần của các công ty và tư nhân Trung Quốc khác; kế đó là Mỹ và Đức; cuối cùng mới đến Pháp; Pháp chỉ có 5% thôi. Lúc ấy mỗi tuần có 2 chuyến tàu giao thông thường xuyên đi Hương Cảng nhưng chỉ có một chuyến đi Sài Gòn. Thương cảng Hải Phòng chiếm 4/5 sự xuất nhập cảng của Bắc Kỳ.

- Từ Minh Mệnh, Thiệu Trị, nhà vua thường phái thuyền đi mua bán, thám xét. Lâu nay đình chỉ việc ấy, nên triều đình không biết tình hình các nước. Bấy giờ - gần lúc tan vỡ - Tự Đức mới sai viện bạc cùng các quan bộ hộ, bộ công phái thuyền đi mua bán ngoài nước. Xét ra, đây không phải là một cố gắng để mở mang thương mại, mà chỉ là nhờ các thương mại lẻ tẻ do triều đình tổ chức từng chập, từng hồi, để cho triều đình biết ít nhiều tình hình các nước mà thôi. Thương mại với ngoại quốc của Tự Đức chỉ tựa như người ốm đang đắp chiếu, hé chiếu lên nghe lỏm người xung quanh nói chuyện thuốc men.

- Triều đình có định lệ thương nghiệp hộ dệt nhưng ở Hà Nội, khuyên sức dân xã Thoa Cầu lập thêm hộ, tặng cửu phẩm cho người thợ giỏi, miễn thuế cho họ. Lại tham gia cuộc đấu xảo bên Pháp, cho người đi học tập ở trường cơ khí ở bến Thủ Long và đi học ở Hương Cảng. Sai hữu ty trù liệu khai mọi mỏ vàng, đồng trong nước; nhưng cứ trù liệu mà không làm được việc gì đáng kể. Thống kê của Pháp làm hồi 1885, thì khi Pháp đến ở Bắc Kỳ chỉ có độ 100 mỏ khai thác, mà phần lớn đã thôi vì không lời, chỉ độ 30 mỏ còn làm; mỏ vàng thực ra chỉ là đãi vàng ở trên sông chứ không có đào ở mỏ; mỏ sắt toàn do chủ Trung Quốc làm, đóng

thuế 4.000 ki-lô; còn mỏ đồng đóng thuế chỉ có 1.200 ki-lô, mỏ chì có 340 kilô. Nghĩa là ít ỏi quá[1]. Triều đình gửi người đi học thì gửi quá ít; khuyến khích thủ công ở một chỗ này thì trưng dụng thợ giỏi ở nhiều chỗ khác. Những việc "duy tân" rất lẻ tẻ, chưa chứng tỏ một cố gắng nào để tranh thủ thời gian mà duy tân xứ sở. Thậm chí, khi đốc thần Hải Dương Phạm Phú Thứ thấy sông ở xã Cuống Dực, Đồng Lợi bị lấp, hẹp, bắt dân khai rộng và sâu ra cho thuyền bè đi lại dễ dàng thì Thứ bị nhà vua giáng chức cho rằng làm tốn của dân. So với việc phát triển kinh tế của Pháp năm 1870, so với sự duy tân của Nhật Bản lúc ấy, thì những việc làm của Tự Đức chưa đáng là trò trẻ con.

Trong sự xây dựng đất nước thì triều đình ngó gần, làm nhỏ, du dự, cứ luyến tiếc giữ gìn được phần nào hay phần nấy cái chính sách bế quan tỏa cảng. Nhưng có một việc mà triều đình làm rất to, ấy là lễ Ngũ tuần đại khánh của Tự Đức (1878), làm tốn hao của cải của dân của nước trong lúc nước suy dân nghèo đến tột bậc. Hạn hán, lụt lội, chết đói xảy ra luôn luôn. Trận đói lớn xảy ra năm 1879, hàng chục vạn người lưu vong, chết dọc đường; riêng tại Văn Miếu Hà Nội đã có 6.000 người ăn xin ăn mày bị nhà nước dồn vào đó và "phát chuẩn" cho mỗi 2 ngày một nắm cơm. Chết chóc rất nhiều. Dân chúng miền Bắc điêu linh khổ cực vô cùng.

Kinh tế như thế, mong gì có tài chính dồi dào, không có tài chính dồi dào mong gì quân đội được mạnh mẽ. Chín, mười năm sau khi thất thủ Hà Nội lần thứ nhất, quân của triều đình không tăng chất cũng không tăng lượng, chỉ mua thêm được một ít súng đạn mà không biết thuật giữ gìn, khi xảy ra chiến tranh nữa thì triều đình chẳng những không đủ lực lượng mà cũng không đủ quyết tâm để chiến đấu, ngay trong lúc chống cướp bể và đàn áp nông dân đã phải nhờ và lực lượng hải lục quân Pháp, ngay trong lúc đánh lại những toán quân phiêu dạt ở Việt Bắc, thì đã cần phải

1. L.de Lanessan, *L'Indochine Française*, tr. 351, 352, 353.

https://tieulun.hopto.org

nhờ vả lực lượng của phong kiến quân phiệt nhà Thanh rồi; thì đến lúc Pháp cử binh xâm phạm, triều đình có sức đâu mà đánh? Chính sách của triều đình Huế luôn luôn là chính sách ép nạn nhân đến tận xương, tận tủy, đàn áp thẳng tay, bộ máy quan liêu vô cùng sâu mọt, cho nên lòng dân Trung Bắc không nhiệt tâm ủng hộ triều đình; lòng dân trong Nam bị bỏ rơi, oán than; những người theo đạo, hầu hết lúc ấy là kẻ nghèo khó; sở dĩ theo đạo khá đông là vì, không tìm thấy sự giải thoát một sự bình đẳng trong thực tại của xã hội của đời này, họ mở mang một sự giải thoát, một sự bình đẳng mà công giáo hứa hẹn cho họ ở đời sau; không phải tại đám cha cố người Pháp lúc ấy có tài làm mất lòng ái quốc của nông dân công giáo, mà chính vì sự đàn áp mù quáng bất công của triều đình gián tiếp giúp cha cố thực dân kia chia rẽ dân tộc ta, xúi giục nông dân thiếu ý thức, tin tưởng rằng chỉ có Pháp bảo hộ là quyền tự do tín ngưỡng của họ mới được bảo vệ. Triều đình không thấy rằng cái xu hướng chính trị chính của đồng bào công giáo không phải là xu hướng của tên thợ rèn được Gác-nhê đặt lên làm ngụy Tổng đốc Hải Dương, mà là xu hướng của Nguyễn Trường Tộ chân thành muốn cho đất nước sớm duy tân để bảo vệ độc lập, trong sự duy tân đó, người công giáo tranh thủ quyền tự do tín ngưỡng của mình.

Không kịp duy tân từ mất 3 tỉnh miền Đông cho đến thất thủ Hà thành lần thứ nhất, điều ấy đã là một cái lầm, cái tội lớn rồi; đến khi 3, 4 trăm Pháp của tên háo thắng Gác-nhê lấy gần hết các tỉnh lỵ trung châu Bắc Kỳ, thì ngoan cố đến đâu cũng phải tỉnh ngộ. Sự phát triển công thương có thể không xóa bỏ quyền hành của lũ vua quan, thực tế bao nước lúc ấy đã chứng minh như thế. Ấy thế mà triều đình lại bỏ mất 10 năm nữa, là 20 năm, hầu như giẫm chân ở một chỗ, có thể nói là thụt lùi ở trên tất cả các phương diện căn bản nếu so sánh với sự phát triển của xứ xâm lược.

Bảo rằng không có thời gian thì hẳn là sai. Có 20 năm kia mà?

Bảo rằng trong nước Việt Nam lúc bấy giờ chưa có một giai cấp tư sản, chưa có một tối thiểu công thương tư bản cho nên không thể duy tân được; bảo như thế, xét cho cùng, cũng chẳng phải đúng lắm đâu: nếu chung quanh ta nhiều nước đã vào con đường công thương, nếu kẻ khác nhờ "trú binh ư công thương" mà mạnh, thì một nước phong kiến sao lại không thể mở mang công thương ít nhất là để bảo vệ độc lập, nếu nước ấy được cai trị bởi những người ngó xa thấy rộng; tư bản phát triển có hại gì cho tài sản của địa chủ đâu? Miễn nam Nhật Bản có quan hệ tư bản ít nhiều rồi thì Minh Trị để duy tân hơn ở xứ ta, nhưng ở Việt Nam lúc ấy không phải là tuyệt nhiên không có yếu tố thị dân, không phải là không có tầng lớp thương gia, cho nên càng không thể nói rằng sau 1862 hay sau 1874 sự mất nước là điều không tránh khỏi; nếu nói rằng mất nước là điều không tránh khỏi thì Tự Đức và bè lũ còn có tội gì; mà chúng là tội nhân của lịch sử dân tộc.

Bảo rằng triều đình lầm tưởng là Pháp thành thật muốn hòa bình và hợp tác chăng? Cũng không nữa. Khắp trong nội ngoài dân, ai ai cũng tin rằng Pháp sẽ phá ước, gây hấn. Thư hà phủ Nguyễn Hữu Độ, chẳng bao lâu sau khi hòa ước và thương ước được ký kết đã thấy triệu chứng Pháp lấn át, tâu lên rằng:

"Thiên hạ cũng như nhà người ta, phên dậu cứng, con cháu mạnh thì kẻ trộm lớn dù ở bên, rồi cũng phải lui mà thôi. Hiện nay binh lửa liên miên, của hết, sức khuất. Ý họ muốn phá ước gây hấn, mà thế ta thì chưa có thể chống... Ngoài thì nên khéo léo để yên lòng họ; trong thì vỗ về dân ta, bền vững bờ cõi ta, cưu mang con em, xây vững phên dậu... xin chia thiên hạ làm 5 đạo. Phàm công việc mọi đạo được nhất nhất chiếu kiểm, thổ hào nào cũng có thể sử dụng được, xin lục dụng, khiến cho trong ngoài có chỗ dựa

https://tieulun.hopto.org

nhau, nanh vuốt cùng vây, có thể vòng quanh mà cùng ứng tiếp với nhau được"[1].

Vua khen nhưng rồi bỏ qua.

Bỏ qua là vì mải lo trấn áp quần chúng, không lo cải cách.

Bao người đòi hỏi mở mang công thương mà triều đình thì không hề đặt việc mở mang kinh tế làm gốc, có sai thuyền ra ngoài buôn bán là chỉ để nghe ngóng tin tức thế giới thôi. Hai năm sau khi ký hòa ước, triều đình sai sứ cống nạp cho nhà Thanh, được nhà Thanh hứa hẹn là không thừa nhận Hòa ước 1874, và hứa hẹn ủng hộ khi bất trắc, thì Tự Đức và phe lũ lại càng không chủ tâm để xây dựng lực lượng kinh tế tài chính quân sự của mình, mà ngược lại thì cố bám với tình trạng cũ, ỷ lại vào nhà Thanh mà nhà Thanh là như một cái nhà mà cột đã dứt chân rồi.

Còn như bảo rằng Hòa ước 1874 đã trói buộc lắm, thì cũng không hẳn là đúng. Có trói buộc thật, nhưng thực tế về nội trị ở Trung Bắc không có gì ngăn cản việc mở mang sản xuất, tăng cường tài chính và duy tân quân lực, ngoài cái đầu óc thủ cựu của triều đình; đối ngoại thì mặc dầu Pháp la ó, triều đình vẫn tự mình gửi sứ đi Bắc Kinh, đi Vọng Các và có thể thông thương, giao dịch với bất cứ nước nào. Hơn nữa, người Đức, người Anh, người Tây Ban Nha đều có tỏ ý muốn giao thiệp về chính trị kinh tế mặc dầu bị Pháp ngăn trở. Nghĩa là có khả năng cho triều đình lợi dụng mâu thuẫn giữa các nước tư bản Âu châu để mà trong chừng mực nào đó phát triển kinh tế và bảo vệ chủ quyền. Nhưng triều đình không chịu làm.

Cái lẽ chính yếu khiến cho triều đình Tự Đức đưa nước nhà đến chỗ vong quốc là triều đình ngoan cố đổ hết tâm và lực vào cuộc trấn áp nhân dân và để phòng nhân dân khởi nghĩa nhất là ở Bắc Kỳ và miền bắc Trung Kỳ.

1. *Dương sự thủy mạt.*

V. CHÍNH SÁCH VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA BỌN THỰC DÂN PHÁP Ở VIỆT NAM TỪ SAU 1874 ĐẾN 1882

Về mặt kinh tế thì, tuy rằng đường thông thương Hồng Hà không được hoàn toàn tự do, thương gia Pháp vẫn được phép chở hàng cho Vân Nam, khi chịu nộp thuế đúng lệ, ví dụ như bọn Cuốc-tanh[1], Vin-lơ-roa[2]. Mãi đến khi chính phủ Pháp quyết tâm đánh lấy Bắc Kỳ, nghĩa là đến 1882 (Tự Đức năm thứ 34) thì khi ấy Pháp mới kêu ca rằng Lưu đoàn (đoàn quân của Lưu Vĩnh Phúc) ngăn trở việc buôn bán. Kỳ thực không có một chuyến buôn nào của Pháp bị ngăn cản trên sông Hồng, chỉ có bản thân sông Hồng ngăn cản sự buôn bán ấy[3]. Khi chúng kêu ca và dùng nhiều áp lực thì triều đình một mặt sai Thúc Nhân vào Sài Gòn thương biện, một mặt lệnh cho Thống đốc Tam Tuyên là Hoàng Tá Viêm xử trí với Lưu đoàn, toan cắt vây cánh của mình để thỏa mãn tham vọng của kẻ địch muốn đặt đồn trên ven sông ấy.

Năm Tự Đức thứ 29 (1877) lãnh sự Pháp ở Hải Dương xin phép cho người Pháp đi Đông Triều, Quảng Yên tìm mỏ, và được phép. Cũng năm đó Pháp chuẩn bị mở nhà thương chánh của họ ở Thi Nai (Quy Nhơn). Về sau (1881 - 1882) người Pháp đi tìm mỏ lại càng ráo riết, chẳng những ở duyên hải mà ở các tỉnh Bắc Kỳ; đặc biệt là một phái đoàn Pháp đi lấy than Hà Lầm đem về Pháp thí nghiệm. Chính sau hai lần đi tìm mỏ than này, Pháp đem binh đánh vào Bắc Kỳ và Hăng-ri Ri-vi-e không ngần ngại gì tuyên bố rằng một chủ đích của cuộc viễn chinh là chiếm mỏ than, đem than Bắc Kỳ để kề bên cửa Âu châu.

Để tiện việc giao thông, buôn bán Pháp thúc giục triều đình vét lại sông Luộc, mở thêm đường sông Lô; chúng phái người đi xem tình hình thượng du, đi dò đường sông Thao, đặt giây thép

1. Courtin.
2. Villeroi.
3. Gouin, *Le Tonkin - Bulletin de la Société de la Géographie de Paris*, 1886, tr. 141.

https://tieulun.hopto.org

từ Ninh Hải, Đồ Sơn lên Hải Dương, Hà Nội, lập lãnh sự và cơ sở ở Hà Nội, Hải Dương, Ninh Bình, Nam Định, Hải Phòng, Bình Định, v.v... thường gửi người đi kiểm soát thuế vụ.

Những quyền lợi kinh tế của Pháp ở Bắc Kỳ càng ngày càng thấy nhiều lên; nhiều xứ tư bản khác cũng chú ý đến. Anh và Đức tỏ ý muốn gửi lãnh sự đến Bắc Kỳ, nhất là tới Hải Phòng (1878), thì Pháp ngăn trở, nhà vua lại ngu ngốc làm ngơ, Y Pha Nho gửi Đại tá Oc-đô-nê[1] và tùy viên Bộ Ngoại giao Ê-tê-nô-sa[2] đến thương thuyết với triều đình Huế (1880); thương thuyết đã xong, nhưng khi Y Pha Nho gửi đại diện Toàn quyền Rô-đri-gu-ê[3] đến thay mặt chính phủ Ma-drid[4] ở Trung, Xiêm và Việt, thì Pháp cản trở không cho, triều đình cũng nhịn thôi.

Không phải đợi đến 1882, Pháp mới quyết định xé Hòa ước 1874; chúng nó đã cố ý xâm chiếm cả Việt Nam, từ ngay sau khi ký Hòa ước 1874. Trong bức thơ ngày 19-4-1875 của Đô đốc Mông-tai-nhắc[5], Bộ trưởng Bộ Thủy quân và Thuộc địa gửi cho Đê-ca-zơ[6], Bộ trưởng Bộ Ngoại giao có câu:

"Những tin tức mà tôi nhận được về các vấn đề Bắc Kỳ, chứng tỏ rằng tình hình tốt lắm; thái độ của cựu Bộ trưởng Ngoại giao, Phạm - là người trước đây chống báng chúng ta - chứng tỏ rằng triều đình Huế thật thà nhận kết quả của hòa ước đương được chuẩn y".

Bọn thực dân nhận định Tự Đức thuận theo hòa ước, thế nhưng, cũng trong thơ đó, lại có câu:

"Bây giờ nước Annam bị suy nhược, nó tự nhận là không đủ sức cai trị thần dân của nó (ý muốn nói việc Tự Đức nhờ quân Pháp

1. Nhà xuất bản chưa tra được từ nguyên.
2. Nhà xuất bản chưa tra được từ nguyên.
3. Rodriguez.
4. Madrid.
5. Montaignac.
6. Decazes.

hợp tác để giữ trị an - T.V.G) một nước như thế sẽ bị một cường quốc lớn đô hộ. Vị trí mà chúng ta chiếm được ở Nam Kỳ không cho phép chúng ta để cho một thế lực nào khác hơn thế lực của chúng ta đè trên vai Tự Đức. Trước đây, khi chúng ta mới bắt đầu xâm chiếm thì chúng ta còn có thể không lập căn cứ vững chắc ở Viễn Đông. Nhưng bây giờ thì không thể như thế nữa. Chúng ta đã chiếm ba tỉnh rồi, lại chiếm sáu tỉnh của nước Annam, chúng ta đã đặt bảo hộ ở Khơ-me... chúng ta phải tiếp tục công nghiệp của chúng ta, không hấp tấp mà không bao giờ đi lạc, nhất là không thoái lui và không để mất lợi quyền của công lao chúng ta"!

Thế là rõ; mực Hòa ước 1874 chưa khô, Pháp đã toan xé để lấy cả nước ta, cũng như mực Hòa ước 1862 vừa ráo thì chúng lấy ba tỉnh miền Tây.

Những cớ viện ra như Lưu đoàn ngăn Nhị Hà, như đàn áp công giáo, v.v... đều là những cớ của chúng dựng đứng lên, nếu không có thứ này, chúng sẽ bầy thứ khác.

Trong bức thơ của Đô đốc Duy-pơ-rê, Thống đốc Nam Kỳ, gửi cho Đô đốc Mông-tai-nhắc, Bộ trưởng Bộ Hải quân và Thuộc địa, ngày 2-5-1875, có câu:

"Triều đình Huế không thể không biết rằng, khi dự thảo ra Hòa ước 15 tháng 3, thì chính phủ Pháp đã công nhận rằng, dưới những điều kiện nào đó, Pháp sẽ trả lại 3 tỉnh miền Tây. Tôi dám mong rằng sự nhượng ước đó sẽ không bao giờ được thực hiện; bằng thực hiện thì hãy bỏ cả Nam Kỳ, hoàn toàn rút khỏi Viễn Đông lại còn hơn".

Hứa trả 3 tỉnh, không trả; ký nhận hòa ước, lại muốn xé hòa ước để xâm chiếm toàn bộ Việt Nam! Đó là mới hồi 1875. Nghĩa là đúng một năm sau Hòa ước 1874. Ai tráo trở?

* * *

https://tieulun.hopto.org

Mà dù Tự Đức và các quan Nam triều có ngờ vực Pháp, cái đó là một lẽ rất cố nhiên, nguyên nhân của lẽ ấy, chẳng những ở bản chất xâm lược của tư bản Pháp, nguyên nhân của lẽ ấy còn ở tại mưu mô lộ liễu của họa thực dân Sài Gòn và Pa-ri. Trong bức thơ của Mông-mô-răng[1] đặc sứ Pháp ở Trung Quốc gửi cho Đê-ca-zơ, Bộ trưởng Ngoại giao Pháp, ngày 30-9-1877, có đoạn nói.

"... Vả lại Đô đốc Duy-pơ-rê tỏ ra là ông ta xử trí với nước Annam như nước này là một chi nhánh phụ thuộc cho chính phủ Sài Gòn, và ông ta nghĩ rằng Pháp đã đô hộ hẳn nước Annam rồi".

Vậy, ký Hòa ước 1874, Pháp thừa nhận Việt Nam độc lập, mà bọn ở Sài Gòn, trong cử chỉ hành động xem nước Việt Nam là thuộc địa, thì bảo triều đình Huế không ngờ vực Pháp thế mới là lạ.

1. Năm 1878, khi triều đình Huế đã tốn công thương thuyết với chính phủ Pháp để một mặt là Pháp rút số quân "bảo vệ" lãnh sự quán ở Hà Nội, một mặt khác là giao trả Sở Thương chính cho Việt Nam, thì bọn Đô đốc La-phông ở Sài Gòn hết sức ngăn trở cả hai việc ấy; La-phông nói rằng *"chính sách của Pháp ở Annam không nên tùy theo một lòng khoan hồng nào cả"*; rằng sự có mặt của những toán quân Pháp kế bên lãnh sự tạo cho Pháp một địa vị đặc biệt, bởi vì do đó mà *"các chính phủ khác không muốn đặt đại biểu ở các thương cảng được mở, họ thấy rằng, nếu đặt đại biểu, họ sẽ ở trong một vị trí kém hơn Pháp nhiều quá"*; La-phông cũng trắng trợn nói rằng *"nếu bây giờ mà rút toàn quân Pháp ra khỏi Hải Phòng, Hà Nội thì các chính phủ khác sẽ đến mà ký hiệp ước thương mại với nước Annam"*[2].

Như thế, còn gì rõ ràng hơn nữa là Pháp cố tình ngăn cản các nước khác không được giao thương với xứ ta, nghĩa là ngăn cản

1. Montmorand.
2. Xem thơ của La-phông, Thống đốc Nam Kỳ gửi cho Pô-tu-ô, Bộ trưởng Bộ Hải quân và Thuộc địa Pháp, ngày 21-3-1878.

mọi khả năng, tiến bộ của nền kinh tế ta, để giữ cho Pháp cái độc quyền buôn bán; ngay từ lúc đầu khởi nghĩa thực dân ngăn trở sự phát triển của lực lượng sản xuất ở Việt Nam, cố giữ tình trạng lạc hậu để dễ xâm lăng, để dễ bóc lột.

Hơn nữa, vì trong Hòa ước 1874 không có chữ "bảo hộ" mà Pháp thì muốn đặt quyền "bảo hộ"; cho nên bọn thực dân lúc ấy *"mong rằng, nhờ lực lượng quân sự xung quanh các tên lãnh sự, các tên lãnh sự đó sẽ lần lần trong thực tế, đóng vai của kẻ đại diện của một cường quốc bảo hộ"*. Nói một cách khác hơn, cả chính sách Pháp lúc ấy là lấn dần, gậm dần cho đến khi nuốt trọn được Việt Nam[1].

2. Ở Bắc Kỳ và Trung Kỳ, những ông cố đạo, những người con buôn và sĩ quan Pháp tiếp tục gây những cuộc nổi loạn để cho có dịp can thiệp vào, chúng nó thấy rằng càng có nhiều cuộc rối loạn, Tự Đức càng phải nhờ đến quân Pháp, thì Pháp càng chiếm một vị trí mạnh mẽ, xâm nhập càng sâu vào nội chính của Việt Nam. Bức thơ ngày 5-12-1878 của lãnh sự Tuyệt ở Hải Phòng gởi cho Đô đốc La-phông đã là bằng chứng rõ rệt; rõ rệt là chúng mưu mô liên lạc với nhiều tay sai ở nhiều tỉnh, tìm cách đặt một tên công sứ Pháp ở các tỉnh nào mà với sự ủng hộ của chúng, tay sai của chúng có thể giật lấy chính quyền.

"Tôi đang chờ đợi một cuộc khởi loạn nổ ra ở Thanh Hóa và ở Nghệ An; những kẻ âm mưu muốn có một ông vua thuộc vô luận nhà Lê, nhà Lý, nhà Mạc hay nhà Trần, dưới sự bảo hộ của Pháp và với một người công sứ Pháp dựa bên mỗi ông tổng đốc của tỉnh"[2].

3. Trong cuộc xâm nhập miền đông bắc Bắc Kỳ của 2 vạn quân Lý Dương Tài thì bọn thực dân Pháp định thi hành một kế hoạch thích ứng như thế nào để mà, trong cả hai trường hợp, trường hợp

1. Thơ của Jô-rê-ghi-be-ri Bộ trưởng Bộ Thủy quân và Thuộc địa gởi cho Vat-dinh-tôn Bộ trưởng Bộ Ngoại giao ngày 1-10-1879.
2. Correspondances diplomatiques.

https://tieulun.hopto.org

mà Lý Dương Tài thắng cũng như là trường hợp mà Tự Đức nhờ Pháp mà kháng cự với Lý, trong cả hai trường hợp đó, Bắc Kỳ phải hoàn toàn lọt vào tay của Pháp. Chúng tính rằng, nếu Lý Dương Tài thắng thì chúng thỏa hiệp với Lý mà chúng ủng hộ; nếu Tự Đức muốn đánh Lý thì tất phải nhờ Pháp, Pháp sẽ nhân cơ hội đó mà ép Tự Đức công nhiên nhận chữ "bảo hộ". Pô-thu-ô đã chỉ thị cho La-phông rằng khi Tự Đức cần viện thì hãy đòi phải sửa chữa Hòa ước 1874, bắt buộc Tự Đức phải giao hết quyền ngoại giao cho Pháp, phải nhận quyền xử đoán của lãnh sự Pháp đối với người Pháp, người ngoại quốc và người Việt có việc kiện cáo với người Pháp và người ngoại quốc; phải nhận Pháp có toàn quyền thu và chi toàn bộ thuế thương chính.

Chắc hẳn là triều đình trông thấy cái mưu khá lộ liễu của Pháp nên tuy có viết thơ nhờ Sài Gòn trợ lực chống Lý Dương Tài, nhưng rồi triều đình chỉ hợp tác với phong kiến Trung Quốc mà đánh bẹp Lý Dương Tài.

Trong cuộc xâm nhập của Lý Dương Tài, thì một số người Pháp đã can dự vào cuộc vận động để xui rối loạn ở miền nam Bắc Kỳ, ở Nghệ An, Thanh Hóa[1].

Jô-rê-ghi-be-ri cùng Vát-dinh-tôn[2] bèn thương lượng với nhau rằng, cả trường hợp mà chúng dự đoán ở trên không đến như ý muốn của chúng, thì bây giờ phải lấy nê rằng sông Hồng Hà không được khai thông là trách nhiệm ở Tự Đức; phải buộc Tự Đức làm sao cho việc thông thương khỏi bị cản trở; mà muốn buộc như thế phải chuẩn bị một cuộc viễn chinh lấy Bắc Kỳ, đội quân viễn chinh này, theo kế hoạch ước lượng, thì sẽ gồm:

- 3.000 pháp

- 3.000 ngụy

1. Xem thơ của Lơ-mia đờ Vi-li-ê, Thống đốc Nam Kỳ gửi cho Jô-rê-ghi-be-ri ngày 24-1-1880.
2. Washington.

- 12 chiến thuyền.

Đó là hồi tháng 6 năm 1879 nghĩa là 2 năm trước khi triều đình Huế gởi sứ sang cống nạp thường lệ cho triều đình Bắc Kinh; nói như thế để chứng tỏ rằng từ 1879 Pháp đã thiết thực chuẩn bị binh mã sang chiếm Bắc Kỳ lần thứ hai, chớ không phải đợi đến 1881, khi Tự Đức cống nạp cho nhà Thanh thì Pháp mới "lo ngại cho Hòa ước 1874" mà chuẩn bị can thiệp. Theo lệ xưa nay mà Tự Đức vẫn theo, cứ 4 năm một lần, Huế phải cống nạp cho Bắc Kinh. 4 năm trước, Pháp chẳng nói gì dù đã có Hòa ước 1874; sau này Pháp đã quyết chiếm toàn bộ xứ ta, nên khi được tin đoàn sứ Việt Nam sang Trung Quốc thì đại diện Pháp ở Trung Quốc là Bua-rê điện tin về Pháp, và Pháp ầm ĩ lên rằng Tự Đức không theo Hòa ước 1874, "đã đặt quyền bảo hộ của Pháp"; kỳ thật, trong hòa ước đó có chữ độc lập, nào có chữ bảo hộ; nhưng mà, cũng trong hòa ước đó, Tự Đức đã nhận chiếu chính sách ngoại giao của mình theo chính sách ngoại giao của Pháp; Hòa ước 1874 dựng trên một sự mâu thuẫn, mù mờ do chỗ thực dân Pháp hồi 1873 - 1874 chưa đủ sức bắt triều đình nhận hẳn sự bảo hộ như chúng nó còn ý định, có triều đình Huế cũng không đủ sức để giữ toàn vẹn chủ quyền mình.

* * *

Trong lúc Pháp ráo riết âm mưu can thiệp bằng võ trang để lấy Bắc Kỳ lần thứ hai thì Tự Đức tuy ngờ vực Pháp mà vẫn hy vọng ở Pháp, đó là mâu thuẫn chăng? Đúng là mâu thuẫn; song cần biết rằng cái thái độ mâu thuẫn của triều đình Tự Đức chính là phản ảnh cái mâu thuẫn thực tế của xã hội, trong đó Tự Đức vừa muốn giữ trọn quyền hành của mình, vừa muốn nhờ Pháp để tiêu diệt nông dân. Mà, trong căn bản, khi nông dân Việt Nam, kể cả những người nông dân Trung Quốc chạy sang Việt Nam, tranh đấu chống lại sự đàn áp của triều đình và của Pháp, thì đó là tiền đề của cuộc vận động phản phong và phản đế vậy. Trên kia ta đã thấy người

https://tieulun.hopto.org

dân Nam Kỳ trong lúc đánh Pháp phải chống lại triều đình hàng giặc (ngọn cờ để "Phan - Lâm mãi quốc, triều đình khí dân" của Trương Định, "trảm Càng Đước chi thủ" của Cử Trị v.v...; còn ở ngoài Bắc Kỳ thì trong lúc nổi lên chọi lại với triều đình phản động thì nông dân Việt Nam đã phải đương đầu với tầu chiến của Pháp, với những toán quân của lãnh sự Pháp ở Hà Nội, Hải Phòng được Tự Đức cầu viện đi đánh nông dân).

Sau bao lần nhờ quân Pháp mà bình định được các vùng Hải Dương, Bắc Ninh, Bắc Giang và Quảng Yên mãi cho đến cuối năm 1779 mà Tự Đức hãy còn nhờ tên Tuyệt, lãnh sự ở Hải Phòng gởi tầu chiến Duy-cu-ơ-đích[1] đi vùng Trà Lý và tầu La Han-lơ-bác-đờ[2] đi Nam Định để thị uy trấn áp quần chúng (xem thơ của Jô-rê-ghi-be-ri gởi cho Đờ Phờ-rây-xi-nê[3] Bộ trưởng Bộ Ngoại giao): những sự nhờ vả, liên kết như thế đã là cơ hội để cho đến 1879, Pháp lại tăng quân số lên bằng 2 ở Hà Nội nhất là càng làm cho Pháp quyết tâm toan tính sự xâm chiếm, cũng làm cho nhân dân Việt Nam khó bề đem toàn tâm toàn ý ủng hộ một chính quyền thối nát, phản phúc như chính quyền của Tự Đức khi binh lửa sẽ nổ ra.

Tự Đức thấy mình bất lực mà không thấy mưu sâu của giặc, nên chỉ trông mong ở sự thương lượng cầu may: Tự Đức gửi thơ từ riêng cho Phi-lát, gửi sứ 2 lần sang Pháp để xin lại mấy tỉnh Nam Kỳ, toan lấy nhân nghĩa Khổng - Mạnh mà "cảm hóa" bọn thực dân ăn cướp để chúng động lòng mà trả lại!!! Thật là ngu xuẩn. Vốn là tên công sứ Pháp Phi-lát ở Huế muốn học chữ nho, Tự Đức mừng rỡ cho người giúp đỡ, và tưởng đâu là Phi-lát bị cảm hóa, nên nhờ Phi-lát làm sao cho Pháp trả lại Nam Kỳ cho mình để "khỏi mang tiếng tội với tổ tiên và ô danh với hậu thế".

1. Nhà xuất bản chưa tra được từ nguyên.
2. La Hallebarde.
3. De Freycinet.

Như thế là vào cuối thời kỳ 1874 - 1879 bước qua 1880, mưu mô ý chí của thực dân Pháp định xâm lấn Bắc Kỳ và cả Việt Nam đã rõ rệt vô cùng, sự chuẩn bị đã bắt đầu, náo nhiệt; cũng vào lúc đó triều đình Huế chẳng những do dự mà lại từng lúc tin cậy vào Pháp, bắt tay với Pháp để chống dân, trong lúc đó thì các cuộc khởi nghĩa ở Nam Kỳ xuất phát từ U Minh, Thất Sơn, Hóc Môn đều bị triều đình bỏ rơi và ngay căn cứ Tánh Linh (ở Bình Thuận) của các chí sĩ từ Nam ra tổ chức cũng bị bỏ rơi mà chủ yếu là Tự Đức muốn hòa hảo với kẻ xâm lược. Địch không thể gặp được một đối tượng nào hèn nhát hơn, ngu xuẩn hơn, suy nhược hơn. Họa mất nước lộ ra trước mắt. Ở Sài Gòn cơ sở nhà băng Đông Dương đã vững vàng hơn trước; văn quan Lơ-mia đờ Vi-lê thay cho Đô đốc La-phông báo hiệu một chính sách mới trong đó thế lực của tư bản tài chính là yếu tố quyết định; ngoài Bắc số quân Pháp ở Hà Nội tăng lên, số tầu chiến ven biển và trong sông tăng lên; kỹ sư hầm mỏ Phuýt đi ruổng khắp xứ. Bên Pháp chính quyền càng lúc càng vào tay của các nhóm đại tư bản, các nhóm tài chính mà quyền lợi ở Việt Nam, ở Viễn Đông càng lúc càng được đặt lên hàng đầu; trong chính phủ Pháp ta sẽ thay mặt những tên trùm đã từng làm thống đốc Nam Kỳ, đã từng chủ trương can thiệp võ trang vào Bắc Kỳ, thì cuộc chiến tranh xâm lược tất nhiên sẽ nổ.

Nếu ở Viễn Đông này mà Pháp còn đắn đo một điều gì trước khi gửi quân viễn chinh ra đánh Bắc Kỳ, ấy là thế lực của Trung Quốc mà 3 tỉnh Vân Nam, Quảng Tây, Quảng Đông đều là giáp giới với miền Bắc Việt Nam. Nhưng ở Viễn Đông này, trong lúc Nhật Bản gấp rút duy tân thì Trung Quốc lại như giẫm chân một chỗ. Các xứ Âu - Mỹ chia xẻ Trung Quốc thành từng vùng ảnh hưởng. Từ 1875, cả sự quản trị thương chính của một nước Trung Quốc mênh mông lại nằm trong tay của một người Anh là

https://tieulun.hopto.org

Sia Rô-be Ha[1], tên này có nhiều uy quyền về ngoại giao, kinh tế. Anh từ Ấn lần lần qua Tây Tạng, và từ Diến Điện dần dần sang Vân Nam; chỉ nội việc một tên thông ngôn Anh bị người thiểu số Vân Nam giết khi nó cùng đi do thám với một đoàn người Anh, mà đế quốc Anh làm hùm làm hổ, bắt chính phủ nhà Thanh phải xin lỗi, bồi thường và ký quy ước Sê-phu[2] năm 1876; theo quy ước này thì Trung Quốc phải mở thêm 5 cảng trên sông Trường Giang và hải cảng Bắc Hải trên vịnh Bắc Kỳ; Trung Quốc lại phải nới rộng thêm những quyền hạn đã rộng của chế độ tô giới. Ở miền Tân Cương, nhân dân thừa lúc Thái bình Thiên quốc nổi lên mà đánh đuổi quân Thanh (1864); nhà Thanh phải mất 10 năm chinh chiến mới đánh được quân khởi nghĩa (1874); nhưng Nga hoàng thừa cơ hội để chiếm lưu vực sông I-ly[3]; Hòa ước 1879 giữa Nga hoàng và nhà Thanh nhượng cho Nga một phần đất và nhiều quyền lợi kinh tế ở miền Tây; cuộc chiến tranh sắp xẩy ra giữa Nga - Hoa, nhà Thanh đã tập hợp 60.000 quân ở Tân Cương, nhưng rồi lại rút quân về...

Những điều kể trên chứng tỏ rằng Trung Quốc dưới quyền thống trị của nhà Thanh lúc ấy vẫn yếu ớt thôi, bị các nước tư bản cứ gậm lần mà không vùng vẫy nổi cho bản thân mình, huống hồ giúp sức đắc lực cho triều đình Huế chống xâm lăng. Tư bản Pháp, trông thấy điều đó, cho nên nó càng quả quyết chiếm cứ Việt Nam.

* * *

TÓM LẠI

Từ 1874 đến 1880, tư bản chủ nghĩa Pháp phát triển lên một tầng cao hơn trước. Trong thời kỳ đó, qua nhiều cuộc khủng hoảng, kinh tế Âu Mỹ tiến lên tư bản độc quyền, tư bản tài chính.

1. Sin Robert Hart.
2. Chefoo.
3. Ili.

Các nước lớn càng gấp rút đua nhau chia xẻ mặt địa cầu. Chính sách thuộc địa của Pháp, vì thế, mà nếu trước đây có những hồi do dự của Pháp, vì thế, mà nếu trước đây có những hồi do dự, chập chững, thì bây giờ càng quyết liệt.

Vào 1880 trở đi, nguyên nhân của cuộc xâm lược không hẳn giống như hồi giữa thế kỷ, lúc mà Pháp mới đặt chân lên đất nước Việt Nam. Cuộc xâm chiếm Bắc Kỳ gây ra là vì quyền lợi ích kỷ của đám tài phiệt, của bọn nhà băng, vì bọn tư bản công nghệ cần thị trường độc hữu để bán hàng hóa đắt và lấy nguyên liệu rẻ; Việt Nam nói chung và Bắc Kỳ nói riêng là một nguồn nhân công rẻ giá, bỏ vốn vào ít mà có thể lấy lời to; Bắc Kỳ lại là con đường cho đế quốc xâm nhập thị trường to lớn của miền Tây Nam Trung Quốc.

Chưa dám nghĩ đến sự phục thù ở lục địa Âu châu, tư bản Pháp cố xây dựng đế quốc của nó trên mặt biển, nhất là ở Phi châu và Viễn Đông; chúng càng thúc giục chính phủ Pa-ri mau đặt đô hộ ở bán đảo Đông Dương.

Trong thời gian ấy, Tự Đức ngu xuẩn nhờ lực lượng quân sự của Pháp giúp đỡ mà đàn áp dân ta, cũng không dám mạnh dạn duy tân, bước tới rồi lại sụt lùi, cứ luyến tiếc cái cũ đã mục nát; bọn Pháp thì cố tình ngăn trở mọi sự giao tiếp kinh tế, chính trị với nước ngoài.

Lúc bấy giờ Pháp ở Nam Kỳ thì ráo riết chuẩn bị cán bộ cho sự xâm chiếm miền Bắc; ở ngoài Bắc thì tuy thương mại của chúng nó không kịp với các nước tư bản khác, nó đi dò xét đường sông, đường đất, tìm mỏ; hơn nữa chúng nhiều lần âm mưu để thừa loạn mà nắm lấy quyền hành, ví như thừa cuộc xâm nhập của quân đội Lý Dương Tài.

Việc đòi mở một con sông đã mở (Hồng Hà), việc đòi ngược tàu một con sông mà tàu không ngược được, việc đòi thi hành bản

https://tieulun.hopto.org

Hòa ước 1874 vẫn được thi hành, tất cả các việc ấy chẳng qua là những cớ viện ra để năm 1882 tư bản Pháp gửi quân sang chiếm Bắc Kỳ; kỳ thật, bọn thực dân ở Sài Gòn đã chuẩn bị từ lâu, và từ 1879, chính phủ Pa-ri cũng đã dự liệu một cuộc viễn chinh để xâm lấn. Trong lúc đó thì Tự Đức chỉ biết lo hòa hiếu mà không lo chuẩn bị đối phó, chỉ biết nhờ Tây tìm cho cách "chuộc lại" sáu tỉnh mà không hay rằng Pháp đang toan lấy cả nước Việt Nam.

Chương 13

HÀ NỘI THẤT THỦ LẦN THỨ HAI

I. QUYẾT ĐỊNH XÂM LĂNG CỦA THỰC DÂN PHÁP: HAI ĐƯỜNG LỐI, MỘT MỤC ĐÍCH

Khi chúng ta đã trông thấy sự phát triển tư bản của các cường quốc trước và trong khoảng 1880 - 1890, thấy sự nhu cầu xâm chiếm thị trường, thấy sự chạy đua giữa họ với nhau để chia nốt những vùng đất còn "trống".

Khi chúng ta đã trông thấy sự hoạt động của tư bản Pháp phục hưng sau chiến tranh 1870, lần lần được tương đối rảnh rang trên biên giới miền đông, chiếm nhiều đất ở Phi châu, đi vào giai đoạn đế quốc chủ nghĩa; tư bản Pháp lại đưa lên chính quyền những phái, những tay triệt để chủ trương "làm lại sự cường thịnh của Pháp" căn bản không phải bằng cách hạ Đức, lấy lại hai tỉnh An-zát, Lô-ren - một điều khó khăn lúc ấy - mà bằng cách mở rộng thuộc địa ở khắp các châu.

Khi ta thấy bọn thực dân ở Pháp cũng như ở Sài Gòn rộn rịp đi tìm mỏ ở Bắc Kỳ, đã đem than Hòn Gai, Hà Lầm về Pháp mà thử, đã thấy than rất tốt, mỏ rất lớn, ở mặt đất, lại sát biển; trên địa đồ Bắc Kỳ chúng còn ghi nhiều thứ khoáng sản khác, và khi ở ngoài

https://tieulun.hopto.org

cương giới phía Bắc của Việt Nam, nước Trung Quốc đang suy yếu và bị liệt cường tư bản chia xẻ càng ngày càng nhiều, tự mình không đủ sức đương cự với ngoại xâm, đừng nói chi là tiếp viện đắc lực cho Việt Nam bị nguy cơ xâm chiếm.

Thì rất dễ hiểu tại sao, vào đầu niên kỷ 80 trở đi, Pháp quyết định xâm lấn Việt Nam một lần nữa. Lúc ấy bọn thực dân chỉ đoán thấy, trông thấy hai trở ngại căn bản: một là ở bên Pháp, quần chúng và những đảng phái tiểu tư sản không tán thành mà phản đối việc đem quân đi xâm lăng, đem quân đi xa Âu châu; một phần nào thì phái cực hữu lo việc trả thù trước hết, nhưng đã lo trả thù thì tức phải lo phát triển quân đội, đã phát triển quân đội tư bản là tạo điều kiện cho sự xâm lăng; ở Pháp còn có nhiều người ngờ hay tin rằng Đức xui Pháp dốc lực lượng đi ra xa xăm để Pháp không thể lo việc phục thù ở Âu châu. Những phái phản đối một cuộc viễn chinh ở Viễn Đông hãy còn mạnh ở Nghị viện Pháp, tuy rằng cánh thực dân triệt để càng ngày càng thắng thế ở Nghị viện. Điều này cắt nghĩa tại sao, lúc tên Bộ trưởng Jô-rê-ghi-be-ri (1879, tháng 10) định gửi thêm 6.000 quân, 12 tàu chiến sang đánh Việt Nam và xâm chiếm hẳn Bắc Kỳ, thì tên Bộ trưởng Bộ Ngoại giao Vát-đinh-tôn lại chưa tán thành, và tại sao mãi đến 1882 thì Pháp mới quyết định hẳn.

Thực dân Pháp lại thấy cái trở ngại thứ hai là Trung Quốc. Trung Quốc phong kiến tuy yếu mà to lớn, gần Việt Nam; Việt Nam là đường vào Quảng Tây, Vân Nam. Giữa Việt Nam và Trung Quốc lại có quan hệ chính trị lâu đời, hai triều đình cộng tác lắm khi mật thiết mà vụ đàn áp Lý Dương Tài, cũng như các cuộc lễ cống nạp sau 1874 từ Huế đi Bắc Kinh, hoặc việc Bắc Kinh tuyên bố không thừa nhận Hòa ước 1874, những việc ấy chứng tỏ rằng một cuộc xâm lăng Bắc Kỳ có thể hay chắc chắn bị sự kháng cự bằng vũ lực của Trung Quốc, ít ra là để cho miền Nam và miền Tây Nam Trung Quốc được yên toàn đối với tư bản Tây phương, mặc dù rằng Pháp bây giờ có một hạm đội ở Đông Hải sẵn sàng

can thiệp ở mặt bể Trung Quốc. Pháp không thể không thấy rằng, Tự Đức càng bị Pháp uy hiếp thì càng tìm chỗ dựa ở triều đình Bắc Kinh, các lần cống nạp là các lần thương thuyết để tìm chỗ dựa ấy. Tìm chỗ dựa ấy không phải là sai lầm nhưng sai lầm ở chỗ Tự Đức không biết tự cường bằng mọi cách, nhất là bằng cách duy tân mà lúc ấy người mình gọi là "phú quốc cường dân".

Bọn thực dân Pháp lúc ấy, bị ám ảnh "bở ăn" của vụ F. Gác-nhê, chúng không muốn thấy cái trở ngại căn bản là lòng dân Việt Nam chống xâm lăng.

Cho nên trước 1882, Pháp tuy đã quyết định đặt hẳn bảo hộ ở Việt Nam, chiếm hẳn Bắc Kỳ, nhưng bọn thực dân hãy còn bàn luận giữa hai phương pháp để đạt mục đích, chẳng những bàn luận, mà đã dùng.

1. Lấn dần.

2. Dùng võ lực mà đánh hẳn.

Lấn dần bằng những cách khác nhau: Can thiệp vào nội chính càng ngày càng sâu sắc, ví dụ như viên huyện Yên Khánh bắt đánh một người công giáo, bọn giáo sĩ Pháp xin lãnh sự Pháp can thiệp, lãnh sự Pháp buộc quan triều đình phải bắt viên huyện bồi thường, và đổi viên huyện ấy đi nơi khác; tổng đốc Ninh Bình phải nghe theo. Hay ví dụ như theo lời yêu cầu của Tự Đức mà đi đánh cướp bể, đi đàn áp nông dân Hải Dương, gởi tàu đi đàn áp ở Trà Lý, ở Nam Định v.v... Chúng lại còn tự tiện tăng cường quân ở Hà Nội, Hải Phòng, mặc dầu rằng hòa ước chỉ cho phép đóng nhiều nhất là 100 quân ở mỗi nơi; theo chúng, tăng viện để "ra mặt là một cường quốc bảo hộ" mặc dầu rằng trong Hòa ước 1874 không có chữ bảo hộ. Lại ví dụ như chúng tự tiện không cho Y Pha Nho đặt đại biểu ngoại giao và thương mại ở Việt Nam, cố sức ngăn cản Anh, Đức, Trung Quốc giao thông với Việt Nam. Đặc biệt là bọn thực dân không ngớt tổ chức, xúi giục một số hào mục, cha cố, người theo công giáo theo phe chúng mà chuẩn bị thời cơ; thời cơ Lý Dương

https://tieulun.hopto.org

Tài vào Lạng Sơn, Bắc Giang, Thái Nguyên đã mất rồi, chúng lộ mặt can thiệp, mà triều đình không dám đối phó tới chừng mực cần thiết, thì chúng nó chờ đợi thời cơ khác, hoặc tạo ngay cơ hội để can thiệp và làm cho triều đình càng ngày càng phải nhờ sự can thiệp của Pháp (sâu độc nhất là chúng xui những cuộc rối loạn nào đó để rồi, theo lời yêu cầu của triều đình, tầu chiến của chúng đến thị uy, thì rối loạn ấy yên đi, cứ như thế). Chúng ta sẽ thấy bọn thực dân trao nhiều súng đạn cho đức cha Puy-gi-nhê để làm hậu thuẫn cho lực lượng xâm lăng.

Đại biểu rõ ràng nhất của phương pháp lấn dần, nuốt dần chính là Lơ Mia đờ Vi-lê, bấy giờ là Thống đốc Nam Kỳ.

"Phương pháp của Lơ Mia đờ Vi-lê là không phải buộc dùng võ trang, mà làm sao thu được những sự nhượng bộ liên tiếp trong chừng vài năm thì ta có quyền hành nào. Ta hãy mở hải cảng, nối dây điện tín, làm đường xe lửa, khai mỏ; ta hãy chiếm lấy Sở Bưu điện, quản trị Sở Thương chính, nắm sự thông thương trên sông Hồng Hà bằng cách lập những đồn trại dọc theo bờ sông; ta hãy làm sao cho ảnh hưởng của ta trở thành to lớn nhất, làm sao cho triều đình nhất thiết phải cần đến sự can thiệp của ta"[1].

Lẽ cố nhiên rằng tên thực dân Lơ Mia đờ Vi-lê vì đã áp dụng phương pháp "tằm ăn" thắng lợi ở Cao Miên, mong có thể dùng phương pháp ấy để nuốt dần Việt Nam, khỏi tốn súng đạn mà bụng vẫn no, khỏi sự xung đột với Trung Quốc mà cũng làm chủ Việt Nam; nhưng đến khi quyết định dùng võ lực xâm lăng thì hắn không ngần ngại gì mà lăn vào cuộc tàn sát và cướp giết.

Đại biểu rõ rệt nhất của chủ trương dùng võ lực là Jô-rê-ghi-be-ri. Chẳng đợi đến 1882, ngay 3 năm trước đó (1879), khi Trung Quốc kẹt vào vụ Kun-gia[2] ở đông bắc, khó bề can thiệp vào miền Nam thì Jô-rê-ghi-be-ri đã định thừa cơ gửi đông đảo quân bộ và

1. André Masson, *Correspondance politique du Cdt Rivière du Tonkin*, tr. 11,12.
2. Nhà xuất bản chưa tra được từ nguyên.

tàu chiến qua đánh Việt Nam; lúc ấy sứ thần Pháp ở Bắc Kinh đã được chính phủ Pháp mật báo là quân Pháp sẽ đồng thời thị uy ở Huế và ở sông Hồng Hà[1].

Nhưng chính phủ Vát-dinh-tôn đổ; kế hoạch của Jô-rê-ghi-be-ri chưa kịp thực hiện. Tháng chạp năm ấy, hắn lại là Bộ trưởng Thuộc địa của chính phủ Phờ-rây-xi-nê; hắn đưa vấn đề Bắc Kỳ ra Nghị viện, lần này bị tiểu ban ngân sách bác. Phờ-rây-xi-nê đổ. Suốt năm 1881, nước Pháp phải tập trung ý chí xâm lăng vào sự xâm lăng Tuy-ni-di và can thiệp vào Ai Cập, cho nên mặc dầu sự đòi hỏi của Phe-ri và Găm-bết-ta[2] là những tên trùm thực dân triệt để, Pháp chưa có thể tổ chức ngay cuộc xâm lăng Việt Nam bằng vũ lực, chỉ lâm thời chú ý hoạt động theo kiểu "tằm ăn". Đến năm 1881, tháng 9, thì Bộ trưởng Hải quân là Lơ Mia đờ Vi-lê quyết định hành động bằng quân sự, bắt đầu bằng một cuộc thị uy, bằng sự đem thêm nhiều quân vào Hà Nội, Hải Phòng, tập trung hải quân ở vịnh Bắc Kỳ; cuộc hành động này do Ri-vi-e chỉ huy. Câu sau đây tiêu biểu cho ý chí của bọn thực dân Pháp lúc ấy[3]:

"Không đời nào, không đời nào mà chúng ta thu được một sự nhượng bộ của chính phủ bây giờ (triều đình Huế) nếu không phải là bằng cách uy hiếp, hay bằng võ lực; tư tưởng về sự nhượng bộ là tuyệt đối trái với tấm lòng của họ (Việt Nam) đối với ta (Pháp); mà, chừng nào đổi được bản chất con người thì mới làm cho Việt Nam thân Pháp"...

Đó là giọng chung của báo chí của bầy sói thực dân ở Sài Gòn ngay từ năm sau 1874.

"Thuộc địa (Nam Kỳ) của chúng ta ở trong một tình trạng khủng hoảng mà chúng ta không thấy lợi ích gì để giấu giếm sự thật ấy; cái

1. H. Cordier, *Histoire des relations de la Chine avec les puissances occidentales 1860 - 1890*, quyển II, tr. 308.
2. Gambetta.
3. Thơ của Ray-na, đặc sứ Pháp ở Huế, gởi cho Lơ Mia đờ Vi-lê.

https://tieulun.hopto.org

cách hay nhất để mau mau thoát khỏi tình trạng đó là hành động kiên quyết ở Bắc Kỳ.

Vậy, không còn do dự gì nữa; quyền lợi của ta bảo ta như thế, vinh dự của ta đòi hỏi như thế"[1].

Bọn thực dân, dầu ở Sài Gòn hay ở Pa-ri đều quyết chí nuốt cả Việt Nam, mà Hòa ước 1874 chỉ là một bước tới trước của chúng nó. Chính chúng nó phá Hòa ước 1874, cũng như chính chúng nó phá Hòa ước 1862. Nhưng trung thành với câu ngụ ngôn của chúng "la raison du plus fort est toujours la meilleure" - "cái lý của kẻ mạnh hơn là cái lý vững nhất", chúng nó viện cớ rằng Tự Đức không thi hành hòa ước để mà can thiệp bằng vũ lực.

II. NHỮNG "LÝ", NHỮNG "CỚ" CỦA BỌN THỰC DÂN ĐƯA RA ĐỂ CAN THIỆP

Để vũ trang can thiệp, để đem binh vào Bắc Kỳ một lần nữa, và lần này quyết nuốt trôi cả nước Việt Nam, thực dân Pháp đưa ra nhiều cớ, nhiều lý, mà tựu trung là để che đậy những nguyên nhân thực sự của cuộc xâm lăng:

"Hòa ước chưa được chuẩn y và trao đổi thì đã bắt đầu ở Bắc Kỳ một cuộc đàn áp dữ dội những người đã công nhận quyền lực của Pháp. Mặc dầu có những điều khoản cho người công giáo được tự do tín ngưỡng, hàng ngàn người công giáo bị giết chóc".

Đó là lời của tên quan võ thực dân Thomazi (La conquête de l'Indochine, trang 132); đó là lời của tất cả các người thực dân hay tay sai của thực dân viết sử để nhồi sọ quần chúng ở Việt Nam và ở Pháp.

Sự thật có như thế không?

Không phải ta có ý bênh vực triều đình Tự Đức. Những cuộc bắt giết một số đồng bào, việc cấm đạo, trước kia thì hẳn có; không

1. J. Blanc Subé, *Indépendent de Saigon*, 15-11-1875.

ai cần bênh vực cái chính sách thiển cận, ngu ngốc của triều đình. Nhưng sau Hòa ước 1874 thì không phải như thế nữa, mà những lời của Pháp nói đó chỉ là những lời vu cáo cốt để gây dư luận "tán thành" của nhân dân bên Pháp, nhân dân Pháp không ưa gì mà lại còn phản đối sự xâm chiếm thuộc địa, nhưng bọn thực dân mong rằng một phần số có thể ủng hộ chúng nó nếu chúng làm cho họ tưởng đâu sở dĩ phải can thiệp vì phải "bênh vực công giáo"; ta nhớ rằng lúc ấy đại đa số người Pháp là người công giáo.

Sở dĩ thái độ và hành động của vua quan triều đình Tự Đức sau 1874 không như trước nữa, hẳn không phải là vì bấy giờ Tự Đức tán thành tự do tín ngưỡng; cũng không phải vì Tự Đức không còn nghi ngờ cha cố và dân ta theo đạo; lại không phải vì bọn thực dân không còn lợi dụng công giáo, nhất là cha cố người Pháp, người Âu để mưu đồ sự xâm chiếm. Mà bởi vì Tự Đức sợ thực dân Pháp, bởi vì quân Pháp đóng ở Hà Nội, Hải Phòng, Tự Đức phải nhờ tới luôn, bởi vì Tự Đức hy vọng hòa hảo lâu dài để rồi năn nỉ, xin xỏ lại 6 tỉnh Nam Kỳ, cho nên nếu liền sau khi quân Pháp rút khỏi Nam Định, Ninh Bình (1874), có một số xóm công giáo bị đốt, chủ yếu là vì sự mâu thuẫn lương giáo lâu nay, chứ căn bản không phải là chủ trương của triều đình nữa. Ngược lại đã nhiều lần triều đình đã cách chức, bỏ tù hay xử tử hình một số người can các vụ đàn áp công giáo.

Ta hãy lấy lời của thực dân để chứng minh rằng thực dân nói láo để viện cớ xâm chiếm xứ ta. Trong bức thơ của Đờ Kec-ga-ra-dec[1], lãnh sự Pháp ở Hà Nội, gởi cho Đô đốc La-phông, Thống đốc Nam Kỳ, đề ngày 1-5-1879, có câu:

"Mặc dù là số người thất cơ, thất nghiệp ở thành phố là đông đảo và nghèo khổ, ở đây không có sự rối trật tự. Quan hệ của tôi với nhà đương cuộc Annam luôn luôn tốt. Chỉ có một việc còn tồn tại mà

1. De Kergaradec.

https://tieulun.hopto.org

quan trọng chút đỉnh thôi là một việc vi phạm khoản 9 của hòa ước, mà một ông quan ở Ninh Bình phạm phải. Trong một huyện gọi là Yên Khánh, có một số người công giáo cãi cọ nhau với một số người dân khác, thì họ bị quan huyện bạc đãi... Ra tòa, quan huyện có rầy rà họ tại sao họ lại theo đạo, bảo họ phải thôi đi đạo. Quan huyện ấy lại bắt đánh đập một số, và một người công giáo chết vì bị đòn. Sau khi được báo tin, tôi viết cho tổng đốc Trần là khâm sai ở Hà Nội... và đồng thời tôi gởi chiếc tầu chiến Cu-tơ-la đi Ninh Bình, mời ông tổng đốc Ninh Bình gấp gấp can thiệp. Tôi phải nhìn nhận rằng vị tổng đốc đã ra lệnh thả ngay những người công giáo bị giam giữ và ra lệnh xử phạt quan huyện... Chúng ta đã hoàn toàn được như ý; quan huyện bị cách chức và phải trả tiền bồi thường, những người thừa hành của quan huyện cũng bị xử phạt; ta bằng lòng với thái độ của các vị quan trong vụ này".

Trong suốt 144 bức thơ, báo cáo, chỉ thị về vấn đề Bắc Kỳ từ ngày ký Hòa ước 1874 đến cuối năm 1882, hầu như không có tăm hơi một vụ nào như vụ Yên Khánh, mà ngay trong vụ Yên Khánh thì viên lãnh sự cũng nói là không quan trọng gì, quan huyện lại bị xử phạt; như thế mà bọn "sử gia" hay chính khách thực dân loại Thô-ma-gi dựng đứng lên rằng có hàng ngàn công giáo bị tàn sát thì thật là hoàn toàn láo. Cũng tên Kéc-ga-ra-dec báo cáo về cho La-phông, nói rằng những ông giáo sĩ thường kêu nài không căn cứ cho nên lãnh sự Pháp bỏ qua không xét đến[1].

Còn như sự trừng trị một số người Việt Nam đã cộng tác với Pháp, giết hại đồng bào, đốt phá nhà cửa, cướp giật của cải trong lúc Pháp xâm chiếm Bắc Kỳ lần thứ nhất thì, thực tế, Pháp đã chở một bọn về Sài Gòn, bọn khác thì núp dưới lốt tu hành, còn quân Pháp thì ở Hà Nội, Hải Phòng, sẵn sàng để can thiệp; triều đình không phải là không ấm ức, nhưng không dám làm gì để Pháp bất bình, *"lương giáo thù nhau vẫn chưa yên đẹp, bên tư cho các tỉnh*

1. *Affaires du Tonkin*, tr. 114.

thần phải gia tâm kiềm chế, hiểu dụ, sao cho yên ổn"[1] đó là chủ trương chính thức của triều đình. Hòa ước 1874 chưa đính, chưa trao thì Tự Đức càng dè dặt, càng muốn được lòng người Pháp để trong lúc thương lượng, cố nài xin lại các tỉnh Nam Kỳ. Ngược lại, triều đình nhu nhược cho đến đỗi có những người Pháp, phần lớn là giáo sĩ, can vào các vụ âm mưu khuynh đảo trong dịp Lý Dương Tài vào Đông Bắc, mà triều đình cũng không dám hành động để trừng trị.

Cái cớ thứ hai của Pháp viện ra để cử binh đến xâm lăng là không được tự do thông thương trên sông Hồng Hà từ bể tới Vân Nam. Sự thật trong việc này là:

Sau 1874, Đu-puy và một số người Pháp có được phép chuyên chở đi Vân Nam mấy chuyến. Nhưng một mặt thì kỹ sư dò lòng sông của Pháp thấy rằng, trên ngược, việc đi thuyền lớn rất là khó khăn, hầu như không được; một mặt khác là Pháp toan lập đồn trại trên ven sông Hồng mà điều này thì quan triều đình cũng như Lưu Vĩnh Phúc không chịu cho; phải như thế, như thế là đúng. Cần phải nói rằng triều đình sợ Pháp quá, cho nên mãi đến 1881 thì Hoàng Tá Viêm mới sai Lưu Vĩnh Phúc đi Trung Quốc mua súng đạn để phòng ngự một cuộc xâm lăng mà Pháp đã công nhiên chuẩn bị. Thực ra, Pháp không đi lên Vân Nam được, không phải vì Tự Đức ngăn cản mà vì Trung Quốc không cho Pháp vào Vân Nam; ngày 18-7-1876, Bơ-rơ-nhê đơ Mông-mô-răng sứ Pháp ở Bắc Kinh xin triều đình Bắc Kinh cho phép tên Kec-ga-ra-dec, lãnh sự Pháp ở Hà Nội đi vào Vân Nam thì Bắc Kinh không nhận, rồi sau đó lại cho đi một lần (1876 - 1877); đi về Kec-ga-ra-dec càng nhận thấy rằng tàu không thể leo sông Hồng đi Vân Nam được, vả lại cái chủ tâm của thực dân Pháp lúc bấy giờ chính là mỏ Hòn Gai, Cẩm Phả, không phải là Hồng Hà. Ta cứ xem như việc binh đao xẩy ra liền sau khi Pháp nổ ra nghiên cứu mỏ Hòn

1. *Dương sự thủy mạt.*

https://tieulun.hopto.org

Gai, liền sau khi chúng nghe tin triều đình sẽ cho một hội Hoa kiều mướn để khai thác mỏ Hòn Gai, và chúng đoán rằng sau lưng hội Hoa kiều ấy tất có người Anh, vốn Anh, thì biết rằng việc khai thông Hồng Hà chỉ là mượn cớ.

Nói rằng Đề đốc Lưu Vĩnh Phúc ngăn sông Hồng, điều ấy sai hẳn sự thật, Lưu Vĩnh Phúc chỉ ngăn giặc Pháp đóng đồn bốt trên sông Hồng. Trong một bản bố cáo, Lưu Vĩnh Phúc có nói[1]:

"Ừ muốn thông thương lên Vân Nam thì cứ việc thông thương, muốn đi Bảo Thắng thì cứ việc đi. Còn đất Việt Nam, há người Pháp được quyền chiếm lấy à?"

Thực dân nói nhiều về sự giao hảo giữa hai triều đình Huế và Bắc Kinh, qua các lần cống nạp hay qua cuộc đàn áp quân khởi nghĩa của Lý Dương Tài. Ở Huế cũng như ở Bắc Kinh, đại biểu Pháp nói rằng việc thông hảo từ Huế đi Bắc Kinh, cũng như việc Bắc Kinh cho quân vào Việt Nam đánh Lý Dương Tài, là trái với hòa ước 1874. Thực ra thì chính bọn thực dân cũng công nhận rằng Hòa ước 1874 là mù mờ, trong đó ý của Pháp thì muốn đặt bảo hộ, nhưng trong đó thì không có chữ bảo hộ, lại có chữ thừa nhận độc lập. Đô đốc Pô-thu-ô Bộ trưởng Hải quân và Thuộc địa, gởi thơ cho Vát-dinh-tôn, Bộ trưởng Ngoại giao, ngày 30-12-1878, có nói:

"Tình hình của chúng ta ở Bắc Kỳ sinh ra nhiều việc lo âu cho hai bộ chúng ta, và đã nhiều lần chúng ta đã cùng nhau than phiền rằng hòa ước (1874) thiếu sự rõ ràng và nó lại khiếm khuyết nữa. Thực vậy, về phần ta, thì hòa ước này bao hàm phần lớn các nhiệm vụ mà một nước đi bảo hộ phải đảm nhận, nhưng nó lại không bao hàm một quyền lợi nào cả. Nước Annam có quyền đòi ta giúp sức chống nội họa hay ngoại họa nào nguy hại cho chủ quyền nó, nhưng đối với các nước khác thì chúng ta không thể căn cứ vào vai trò của ta để đòi hỏi cái quyền có một ưu thế trong chính trị ngoại giao".

1. Trung - Pháp chiến tranh, tài liệu.

Thế là rõ! Pháp không thể vin vào Hòa ước 1874 được. Càng rõ hơn nữa là câu sau đây:

"Tôi có cần phải nói không, tình hình này là do cái Hòa ước 1874; hòa ước này rõ ràng là được thảo ra với ý định thành lập quyền đô hộ của ta trên xứ Bắc Kỳ, nhưng nó không nói đến chữ đô hộ. Vì vậy mà, thực ra, những người đại diện của ta, dù có quân đội ủng hộ, họ không phải là đại diện của một quyền đô hộ mặc dù họ có làm một phần việc ấy, cũng không phải là đại diện lãnh sự, bởi vì họ không có quyền tài phán".

Cho nên, trên mặt ngoại giao, dựa trên cơ sở hòa ước, những lời kêu ca của Pháp về sự không thi hành Hòa ước 1874 là không có giá trị, chính trong nội bộ của chúng, chúng đã thấy rõ như thế.

Còn như việc triều đình Huế nhờ cộng tác với quân đội của bọn phong kiến Bắc Kinh mà đàn áp Lý Dương Tài, điều ấy Pháp cũng kêu, cũng phản đối, nói rằng trái Hòa ước 1874. Nhưng đó là chúng túng thế, phải nói vậy thôi chứ sự thực là Tự Đức đã gởi thơ cho "Phú Súy" ở Sài Gòn để nhờ trợ lực, bọn thực dân có gửi quân thêm ra Bắc, nhưng chỉ để tăng viện cho hai đồn Hà Nội, Hải Phòng chớ không dám ra trận vì sợ 20.000 quân của Lý Dương Tài chà nát cũng có, nhất là vì sợ đụng chạm với Trung Quốc, lại vì mưu mô của chúng là giữ sinh lực để phòng khi Lý tràn được xuống trung châu thì chúng sẽ thương thuyết với Lý. Nay Lý bị thất bại thì Pháp lại ong óng lên phản đối vì sao Tự Đức nhờ quân Lưỡng Quảng. Nhưng bên trong thì bọn thực dân tự trách với nhau là đã làm mất một cơ hội tốt để can thiệp vũ trang và do can thiệp vũ trang mà khẳng định quyền đô hộ của chúng. Ta hãy đọc một đoạn thơ của Pa-tơ-nốt[1] sứ Pháp ở Bắc Kinh gửi cho Vát-dinh-tôn Bộ trưởng Bộ Ngoại giao Pháp, để ngày 25-12-1879:

1. Patenôtre.

https://tieulun.hopto.org

"Nếu chúng ta đã phạm một sai lầm là không đảm đương lấy việc lập lại trật tự ở Bắc Kỳ, và nếu vì thế mà chúng ta mất một cơ hội để khẳng định quyền hạn của ta do điều khoản 2", thì có lẽ rằng đó là một lý do thêm khiến chúng ta từ nay phải coi chừng đừng để cho nước khác đem quân vào nước Annam nữa"[1].

Mất một cơ hội, bọn thực dân còn trông mong vào cơ hội khác có thể xảy ra như thế:

"Phải chờ dịp mà các toán quân khác lại tụ hợp ở biên giới chăng? Các việc biến cố đã vừa xảy ra chứng tỏ thừa thãi rằng nước Annam không đủ sức tự vệ. Hơn nữa, nạn cướp thì tỉnh nào cũng có luôn luôn ở Bắc Kỳ; một ngày kia, chắc hẳn là tàn quân của Lý Dương Tài lại tụ hợp dưới cờ của một tướng nào đó và lại xâm nhập Annam. Thì khi ấy chúng ta... sẽ đặt đồn quân của ta ở bất cứ nơi nào mà ta cho là cần thiết..."[2].

Nói một cách khác, đối với thực dân, tất cả các cơ hội, các duyên cớ đều tốt để xâm lăng, để đặt bảo hộ, để nuốt trọn xứ ta. Việc đòi thi hành Hòa ước 1874 theo ý muốn của Pháp là một cớ, chỉ là một cớ thôi, cớ đó bản thân bọn cầm quyền Pháp cũng nhận là không vững chắc. Cái mà chúng nó tin là vững chắc là sức mạnh của súng đạn để toan quật phục một nước, một dân tộc không muốn làm nô lệ cho chúng.

III. HĂNG-RI RI-VI-E[3] ĐEM QUÂN RA BẮC KỲ

Tháng chạp 1881, chính phủ Gâm-bết-ta ra lệnh tăng viện cho đồn quân Pháp ở Hà Nội. Tháng giêng 1882, chính phủ Phờ-rây-xi-nê thành lập ở Pháp, tên thực dân triệt để trở lại nắm Bộ Hải quân và thuộc địa; tuy không gửi được một đạo quân viễn chinh mà hắn dự định là 6.000, còn Phờ-rây-xi-nê dự định là 3.000 người,

1. *Affaires du Tonkin*, tr. 137 - 138.
2. *Affaires du Tonkin*, tr. 137 - 138.
3. Henri Rivière.

Jô-rê-ghi-be-ri gửi thêm viện binh sang Viễn Đông và quyết định đưa thêm quân ra Bắc. Lơ-mia đờ Vi-le đồng ý với đại đa số trong nội các Pháp về chính sách lấn lấn càng ngày càng mạnh, dựa vào lực lượng vũ trang càng ngày càng lớn, để đặt bảo hộ cho kỳ được. Trở về Sài Gòn, Lơ-mia đờ Vi-le giao quyền chỉ huy cuộc chinh phục Bắc Kỳ cho Hăng-ri Ri-vi-e một võ quan có tham vọng phức tạp, muốn làm văn sĩ, muốn "qua đường Bắc Kỳ để vào cửa viện Hàn Lâm", muốn làm thủy sư Đô đốc Ri-vi-e được thực dân tín nhiệm vì, vừa qua hắn đã có công đàn áp một cuộc khởi nghĩa lớn của nhân dân đảo tân Ca-lê-đô-ni[1], Vi-le lại mới vừa thử thách tài nghệ ngoại giao của Ri-vi-e bằng cách đưa hắn lên Khơ-me vận động với vua Nô-rô-đôm giao cho Pháp cái độc quyền mua bán á phiện. Giết dân tân Ca-lê-đô-ni được, dụ dỗ vua Nô-rô-đôm để chiếm quyền bán á phiện trong nước Khơ-me cũng được. Vi-le nghĩ rằng như thế Ri-vi-e là người vũ dũng và ngoại giao song toàn, đưa ra Bắc là xứng đáng nhất.

Cuộc viễn chinh của Ri-vi-e đã chuẩn bị từ cuối 1881. Đến tháng 3 thì quân đội xâm lăng khởi hành từ Sài Gòn ra Bắc và đến Hà Nội vào ngày 3-4-1882. Chúng vừa đem binh đi, vừa cho triều đình Huế hay để không có thì giờ đối phó kịp; chúng hối hả vào ngõ sông Luộc từ sông Cấm qua Hồng Hà mà quân triều đình không có lệnh ngăn trở, và bất thình lình đổ bộ lên Hà Nội. Hoàng Diệu không ngờ, không dám đối phó ngay mặc dầu chúng vi phạm Hòa ước 1874. Tuy Hòa ước 1874 chỉ cho phép quân đồn đóng của Pháp ở Hà Nội lên tới mức 100 người thôi, nhưng, từ cuối năm ngoái và đến nay thì số quân ấy đã lên quá 500 với một số chiến hạm trên sông, một hạm đội khác lởn vởn ngoài vịnh Bắc Kỳ và một số quân khá đông sẵn sàng ở Sài Gòn để tiếp viện.

Lúc Hăng-ri Ri-vi-e đến Hà Nội thì đường lối xâm lăng của Pháp ra sao?

1. Calédonie.

https://tieulun.hopto.org

Ở Pari, thì Jô-rê-ghi-be-ri cũng như Phờ-rây-xi-nê tán thành đưa đủ quân sang. Nhưng lúc đó, nhiều nhân vật Pháp lo sợ xảy ra một cuộc chiến tranh ở Viễn Đông trong lúc ở Tây Âu, nguy cơ chiến tranh không phải đã dứt. Tuy thế những kẻ có uy quyền và trách nhiệm đều quyết định phải xâm lăng bằng cách này hay cách khác.

Ở Sài Gòn thì Lơ-mia đờ Vi-le tuy nặng nề sự xâm lăng bằng cách tằm ăn, nhưng không phải là không tán thành những cuộc hành quân táo bạo để lấn thật mạnh. Sở dĩ đờ Vi-le chủ trương xâm lược theo kiểu đó, là vì hắn tin rằng:

"Để đạt mục đích không cần phải chiến tranh, vì lẽ rằng trước mặt chúng ta, không có một lực lượng nào có sức kháng cự lại chúng ta"[1].

Bọn thống trị ở Pa-ri và Sài Gòn lúc bấy giờ nghĩ rằng, nếu chúng xâm lược theo kiểu đó thì triều đình Huế chỉ dám phản kháng thôi, mà phản kháng suông thì không ngăn cản được sự xâm lăng từ từ; còn chính phủ Trung Quốc thì cũng sẽ không phản kháng gì được bởi vì Pháp không tuyên chiến với Việt Nam (xem thơ đã nói trên). Lịch sử sẽ chứng tỏ rằng cái dự toán của thực dân là sai: triều đình Tự Đức tuy không có lực lượng có thể đương đầu với Pháp, nhưng dân Việt Nam có lực lượng đương đầu với Pháp; Pháp chiếm Bắc Kỳ, dòm ngó Vân Nam, Quảng Tây, dù bằng cách nào không thể không làm cho Trung Quốc lo ngại và đối phó.

- Sứ Pháp ở Thiên Tân là Bu-rê[2] thấy rõ điều này hơn, thấy rằng triều đình Huế không thể không nhờ Bắc Kinh và Bắc Kinh không thể không can thiệp bằng vũ lực nếu Pháp toan nuốt trọn Bắc Kỳ. Cho nên Bu-rê đã thương thuyết với triều đình Bắc Kinh, đề nghị chia Bắc Kỳ ra làm hai, phía hữu sông Hồng trở xuống thì

1. Thơ của Jô-rê-ghi-be-ri cho Phờ-ray-xi-nê, ngày 4-3-1882.
2. Bourée.

Pháp chiếm hẳn, còn từ phía hữu trở lên thì thuộc quyền của bọn phong kiến Trung Quốc.

- Ở Hà Nội, bọn Hăng-ri Ri-vi-e, bọn võ biền thực dân thì háo thắng hơn cả, bọn quan thầy thực dân của hắn đặc biệt là bọn chủ mỏ và chủ nhà băng đã xui hắn, bảo hắn phải hành động mau lẹ, phải đặt những chính khách trong nghị viện Pháp trước một sự đã rồi. Và sở dĩ, ít hôm nữa, Ri-vi-e dám tự phụ viết rằng hắn "làm cho vấn đề Bắc Kỳ đi tới trước", điều ấy có ý nghĩa rằng hắn đã thực hành chỉ thị của bọn triệu phú giật dây những chính khách tư sản. Vả lại, đó là một cách tìm sự ủng hộ mạnh mẽ của đại tư bản để "vào viện hàn lâm bằng đường Bắc Kỳ". Hăng-ri Ri-vi-e đâu có ngờ rằng sẽ có trận Hoài Đức? Vả lại trong chủ trương của Pa-ri cũng như của Sài Gòn, không có nơi nào bắt buộc Ri-vi-e không được dùng võ lực cả; nội việc đem quân ra Bắc, lập căn cứ thêm ở ngã ba sông Lô, và mượn cớ đánh "quân cướp Cờ Đen" để dồn quân suốt lưu vực sông Thao, sông Đà, sông Lô thì đã là dùng võ lục, là xem Hòa ước 1874, là một cách tuyên chiến rồi, chớ nào phải đợi đến khi súng nổ?

"Khi nào nhất thiết phải nổ súng thì anh mới nổ súng". Đó là câu chứng tỏ cái chủ trương thống nhất của bọn thực dân với nhau; nếu đe dọa bằng vũ lực mà triều đình Huế nhượng bộ, chịu nhận bảo hộ, thì không còn gì hơn, vì như thế là đỡ tốn người tốn của, đỡ xung đột quốc tế; nếu không được như thế mà phải nổ súng để đặt bảo hộ hẳn thì phải nổ súng thôi. Trong bức thư gửi cho Ri-vi-e, để ngày 17-1-1882, Đờ Vile đặt rõ nhiệm vụ của Ri-vi-e:

"Anh bắt quan triều đình phải nhượng đất để đóng thêm đồn, kiểm soát cả Hồng Hà, nếu họ không cho thì cứ lấy càn, không phải đếm xỉa tới họ, khi anh thấy là cần thiết; vả lại tôi tin rằng họ không kháng nghị gì lắm đâu"[1].

1. *Affaires du Tonkin*, tr. 203.

https://tieulun.hopto.org

và:

"Đối với chúng ta thì Cờ Đen là cướp, anh phải đối phó với họ như đối phó với cướp nếu họ ngăn trở anh... bắt chúng, gửi về Sài Gòn, tôi sẽ đẩy chúng đi Côn Lôn".

Như vậy tức là bảo khẽ phải dùng võ lực mà xâm lăng, nhưng cứ nói lớn lên rằng không dùng vũ lực.

Cho nên, khi Hăng-ri Ri-vi-e đánh chiếm thành Hà Nội thì Đờ Vi-le công khai tán thành và chính phủ Pa-ri cũng nhiệt liệt ủng hộ, mặc dầu rằng chúng không thể không lo ngại với những hậu quả của cuộc hành quân này.

Học sử mà nhấn mạnh vào "ý của Vi-le chỉ muốn hành động bằng chính trị, hòa bình và cai trị" là không rõ thâm ý của thực dân, không rõ chủ trương thực của chúng nó.

IV. ĐỐI SÁCH CỦA TRIỀU ĐÌNH

Đứng trước hoạt động xâm lăng của Pháp, triều đình Tự Đức đối phó ra sao?

Trước ngày Ri-vi-e đem binh ra Hà Nội thì triều đình không phải là không có đối sách nhưng đối sách sai lầm, không đủ sức cứu vớt được đất nước chứ thật ra 9 năm từ đầu 1874 đến đầu 1882 có phải là ngắn đâu. Đối sách của triều đình lúc ấy, chủ yếu có hai việc: giữ mềm mỏng nhân nhượng với Pháp và thông hiếu cầu viện với Trung Hoa; còn việc tự lực tự cường thì hầu như không làm được gì cả. Cho nên tất cả các kế hoạch xâm lăng của bọn thực dân đều nói rằng triều đình đương đổ nát, chỉ cần lấn là nó chịu thôi, trừ Lưu đoàn ở Tam Tuyên thì không có lực lượng nào dám đối kháng với Pháp. Nhận định của thực dân thật không phải là sai hẳn, duy chúng không tính đến quần chúng.

Nay quân của Hăng-ri Ri-vi-e ra Bắc, đông đúc hơn, có tổ chức hơn, có mệnh lệnh rõ rệt hơn là hồi Gác-nhê ra Bắc; chúng nói rằng "ra để đánh đuổi Lưu đoàn, bảo vệ buôn bán". Tiếng phao ấy không lừa ai được. Nguyễn Lập mật tấu về kinh, Tự Đức biết rằng Tây định lấy Bắc Kỳ, bèn lệnh sao phát tờ tâu của Nguyễn Lập cho các tỉnh từ Ninh Bình trở ra để các tỉnh ấy cần phải phòng bị trước.

Lúc ấy mới gấp rút phòng bị thì thật là quá trễ! Sắc rằng:

"Phàm mọi việc nên chủ yếu xếp khéo, chớ để động hình lộ tích, như có thể cứ im lặng mà làm cho họ thay đổi rút đi càng tốt; bằng họ dám hoạnh, việc đến nước cùng thì tùy đó mà làm để giữ trọn trách nhiệm giữ đất".

Đã phòng bị trễ mà không dám phòng bị một cách công nhiên! Sợ Tây nó thấy thì nó càng lấn (Bá Nghi trước đó cũng lý luận theo kiểu này nên mất đứt Biên Hòa và Nam Kỳ).

Trong lúc Lại bộ Thượng thư Nguyễn Chính được sung làm Bắc Kỳ kinh lược sứ, thì Hộ bộ Tả thị lang Nguyễn Thành Ý được phái vào Gia Định để biện thuyết với người Pháp, "cắt nghĩa phải trái về sự kiện Lưu đoàn". Thế là đến phút cuối cùng, khi Tây sắp lấy Hà Nội lần thứ hai, Tự Đức hãy còn mong vào biện thuyết trước hết.

Nhóm tỉnh thần Hà Nội, Sơn Tây (Hoàng Diệu, Nguyễn Đình Nhuận, Hoàng Hữu Xứng) mật bày một kế sách dự phòng khá xác thực, chỉ hiềm rằng triều đình không để ý thi hành đầy đủ. Đại khái kế sách ấy là:

"Hình thể Bắc Kỳ, bên tả từ Ninh Bình suốt lên Mỹ Đức, Sơn, Hưng, bên hữu thì Bắc, Thái, ra đến Đông Triều, ngoài bể đều có sơn phận hiểm yếu, có thể giữ được, nếu tự ta biết kinh lý kỹ hơn, làm mạnh thượng du để bảo vệ trung châu, bọn kia tiện ở nước mà không tiện lên núi thì cũng biết là khó mà không dám động"[1].

1. *Dương sự thủy mạt.*

https://tieulun.hopto.org

Ý kiến "làm mạnh thượng du để bảo vệ trung châu" là một sách lược mới đáng kể, rất hay. Nhóm này xin triều đình sở cậy vào Hoàng Tá Viêm và căn cứ vào hạt Sơn Tây để mưu kháng cự.

Kinh lược Nguyễn Chính không đến đóng ở Hà thành mà đến đóng ở thành Sơn để cùng với Hoàng Tá Viêm bàn bạc. Viêm không đóng ở thành mà di trú tùy chỗ để phòng bất trắc. Từ trước khi quân Pháp đánh thành, các tỉnh thần Hà Nội, Hải Dương đã được lệnh mỗi tỉnh ủy một quan lớn văn, một quan lớn võ đóng giữ tuần phong ở ngoài thành, cùng để phòng bất trắc, lần này không sở cậy vào thành cao hào sâu nữa.

Nhưng cách đối phó chính của nhà vua là biện thuyết với Pháp mong Pháp yên cho. Ở Huế, khi Bạc thần bàn với sứ Pháp về việc Ri-vi-e ra Bắc thì bọn Pháp bảo "cứ để tự nhiên mới khỏi sinh hấn". Tự Đức không thể không trông thấy nguy cơ cháy mày, chỉ biết than thở và sợ sệt:

"Lòng độc của họ đã lộ rõ... Việc đã vào ở thế đối chọi, không dự phòng thì rơi vào thuật của họ, dự mà không đương nổi cũng vô ích, chỉ còn trông cậy vào kẻ hào kiệt chuẩn bị mà không lộ hình tích, hễ động thì có thể đối phó được ngay là tốt nhất, không thể lấy lời nói mà truyền"[1].

Quân Pháp đổ bộ lên Hà Nội thêm đông. Nhân tâm xôn xao náo động, Thống đốc quân thứ Tam Tuyên là Hoàng Tá Viêm xin đem quân thứ về tập trung ở trung châu để đối ứng. Đó là một lẽ rất đúng, rất cần. Thế mà Tự Đức cho là:

"... rối rít, nếu triệt hết binh về trung châu thì sợ phỉ đồ lại tụ tập, lại thêm lộ tiếng tăm".

Triều đình cứ sợ là Tây biết ta phòng bị đối phó với cuộc xâm lăng. Triều đình Tự Đức không thể quan niệm nổi rằng nếu ta tích cực, thực sự chuẩn bị chống xâm lăng thì thực dân chùn bước. Rõ

1. *Dương sự thủy mạt.*

ràng rằng thái độ nhu nhược, thất bại của triều đình là một cái lý do lớn đã xô đẩy bọn thực dân dạn dĩ xâm chiếm nước ta.

Khi Ninh Bình tâu rằng chiến thuyền Pháp đi đi lại lại nhiều quá đáng lo, còn Nam Định tâu xin tăng việc đắp lũy và đặt súng trên đường sông, thì Bạc thần tâu với Tự Đức rằng:

"Ở trong xin dự bị quân lính khí giới, ở ngoài thì mật kết thân hào... lâm sự thì trong ngoài tựa nhau, có phương cản địch. Đến như các khoản đắp cản, nên đình lại cho khỏi bị ngờ".

Vua tôi đều đồng ý ở chỗ sợ Pháp ngờ nên không dám triệt để chuẩn bị đối phó mặc dầu rằng ai ai đều thấy rằng Pháp sẽ nay mai tấn công mà thôi.

V. THÀNH HÀ NỘI THẤT THỦ LẦN THỨ HAI. HOÀNG DIỆU TỬ TIẾT

Số lượng của quân Pháp tại riêng Hà Nội bấy giờ là trên 600 người với 3 tàu chiến đậu ngang vùng Đồn Thủy. Quân số trong thành Hà Nội thì không rõ là bao nhiêu, nhưng chắc chắn là đông hơn Pháp gấp mấy lần; vách thành thì từ lâu đã được tu bổ: trước thấp quá, dễ bắc thang leo lên, nay đã nâng cao lên thêm 1m50 nữa; cửa nẻo làm lại chắc chắn bằng gỗ lim, sau cửa có chất nhiều bao đất; số đại bác cũng nhiều hơn. Một số quan quân ra trú ở ngoài thành; số lớn vẫn ở trong.

Từ ngày Ri-vi-e đến Hà Nội thì lính Pháp mang súng nghênh ngang đi lại ngoài thành, phao tin lên rằng sẽ vào đóng trong thành. Hoàng Diệu, tổng đốc Hà Nội, gấp rút phòng bị. Pháp buộc Diệu phải triệt quân ra khỏi thành và phá hủy các sự phòng bị; lẽ cố nhiên là Diệu không chịu. Thái độ khiêu khích và kế hoạch xâm chiếm của Ri-vi-e đã rõ từ lúc hắn vừa đặt chân lên Hà Nội. Nhân dân Hà Nội ngửi ngay mùi chiến sự; hôm 4-4 khi Ri-vi-e đi vào thành yết kiến Hoàng Diệu, qua các phố thì hắn thấy "nhân dân

https://tieulun.hopto.org

rất im lặng" như chờ một cuộc xung đột sẽ xảy ra. Đến ngày 10-4 hắn gởi cho Đờ Vi-le xin thêm 10 vạn viên đạn và 130 cân chất nổ. Trong thơ gởi cho Jô-rê-ghi-be-ri ngày 17-4, có những câu tố cáo:

"Tuy tôi đồng ý rằng cần phải chiếm cứ đồng bằng Bắc Kỳ bằng cách từ từ có tính toán, tôi vẫn xem là rất nguy hại nếu để thành Hà Nội ở trong tay người Annam. Thành này còn ở trong tay người Annam thì nó là một uy thế tinh thần và một lực lượng vật chất mà một ngày kia phải đếm xỉa tới. Nếu ta lấy thành, thì không cần phải giữ, cũng không cần phải ở trong đó. Cứ phòng thủ mà ở ngoài tô giới của ta dựa mé sông, giao thông dễ, thì vẫn hơn là ở trong cái bộ máy bất tiện và cồng kềnh này (1.200 mét mỗi bề). Chỉ cần làm cho thành trở thành vô dụng bằng cách phá cửa của nó, phá các đại bác, vứt đại bác xuống hồ và phá 2, 3 chỗ trong vách thành".

Hắn lại nói thêm rằng chiếm và phá thành Hà Nội như thế thì:

"Chúng ta sẽ thống trị được cả tỉnh về mặt quân sự. Rồi chúng ta sẽ chiếm những cứ điểm Sơn Tây, Nam Định, Bắc Ninh, chúng ta sẽ dễ dàng mà chiếm cả một vùng lớn dọc theo sông Hồng Hà. Lợi thì to mà không tốn công gì mấy".

Để kịp thời chuẩn bị cuộc đánh chiếm Hà thành, Ri-vi-e tập trung súng đạn của sư đoàn Hải quân Pháp về Hà Nội (lúc đó ở Hải Phòng, Pháp có 7 tầu chiến và 2 tàu máy sẵn sàng trợ chiến). Lại lấy thêm mấy đại đội từ Hải Phòng lên, sai tàu chiến đi Phát Diệm để tư thông với bọn cố đạo Pháp.

Sáng ngày 20-4-1882, Ri-vi-e gửi tối hậu thư cho Hoàng Diệu, đặt những điều xấc xược không thể tiếp nhận được:

"Tôi đề nghị với ông phải giao thành, theo những điều kiện mà tôi nói ngay đây. Ngay ngày hôm nay, ngay sau khi tiếp được thơ này thì ông phải ra lệnh cho quân đội ông rời khỏi thành sau khi đã hạ hết khí giới và mở cửa thành. Để làm cho bản chức tin rằng ông thi hành những điều tôi đòi hỏi, thì ông phải nạp mình cho tôi; cả các

ông tuần phủ, quan bố, quan án, đề đốc, chánh lãnh binh và phó lãnh binh đều phải đến nạp mình ở dinh bản chức đúng 8 giờ sáng".

Hoàng Diệu ủy cho Án sát Tôn Thất Bá ra ngoài thành thương thuyết xin thêm một ngày nữa để trả lời mục đích để có thì giờ chuẩn bị thêm. Bá vừa ra khỏi cửa thành thì quân Pháp đã bắn bức. Từ 8 giờ đến 10 giờ, 3 chiến hạm của Pháp nã súng đại bác lên thành. Một phát trúng vào kho thuốc nổ cháy rực trời. 10 giờ, Ri-vi-e dàn binh đánh vào cửa Bắc và cửa Đông (cửa Đông thì địch giả đánh để chia quân ta); trong thành, quân ta bắn trả, nhân dân tự thiêu hủy các phố nhà lá, nhà gỗ thành một bức tường lửa, ngăn cản sự tiến binh của địch và buộc địch mấy lần phải dời ổ đại bác. Nhưng lửa cháy không lâu được. Tường lửa hạ xuống, quân địch băng qua chiến hào đầy nước và bùn. Hoàng Diệu cùng với Tuần phủ Hoàng Hữu Xứng chia đường đốc quân kháng chiến. Kho đạn nổ sinh ra rối loạn trong hàng ngũ. Phần thì từ lâu quân Pháp đã mua chuộc một số quan lại ở trong thành (Tôn Thất Bá), chúng biết rõ địa đồ, binh lực. Địch bắc 40 chiếc thang trèo lên thành, vào được bên trong nhưng cửa Bắc được ngăn trở bởi nhiều tường đất cho nên địch phải dùng nhiều thuốc súng mới phá vỡ được. Thành bị hãm hồi 11 giờ, Hoàng Diệu chạy tắt lẫn trong đám quân đã loạn, rồi một mình đến trước đền Quan Công thắt cổ dưới cây lớn. Hầu hết quân lính rút ra khỏi thành, để lại 40 người chết, 20 bị thương.

Người đời nay sẽ khó hiểu tại sao Hoàng Diệu lại tự tử? Nhưng phải nhớ rằng, cứ theo luật lệ của triều đình phong kiến, mất thành là bị tử tội. Thực ra, mất thành không phải mất tỉnh; Hoàng Diệu chết đi, quân lính Hà Nội như rắn không đầu, cho nên khi Ri-vi-e được biết Hoàng Diệu chết thì rất mừng mà báo cáo rằng:

"Sáng 20-4, chúng tôi được tin ông tổng đốc thắt cổ. Ông ấy là người bình tĩnh và kiên quyết; nay ông chết là lợi cho ta lắm. Cái can đảm và cái ảnh hưởng của ông, nếu ông sống, chắc hẳn là gây

https://tieulun.hopto.org

nhiều rắc rối cho ta, nhất là nếu ông liên kết với Hoàng Tá Viêm ở thành Sơn Tây".

Nhận xét của địch ở đây không phải là sai. Ta càng thấy rằng khí tiết của Hoàng Diệu là không phải chỗ. Cái tự sát của ông rất có hại cho cuộc kháng chiến. Cổ kim, anh hùng không nhất thiết ở chỗ thành bại, mà trước hết là ở chỗ kiên trì chiến đấu cho nghĩa lớn, làm hết nhiệm vụ của mình. Ông Hoàng Diệu, tự Quang Viễn, hiệu Tĩnh Trai, đúng là:

"Vốn người tính nóng lòng ngay
Dũng cương chẳng biết đãi Tây như Trần".

(Hà thành thất thủ ca)

nhưng, hắn phải suy nghĩ xem có phải là:

"Hơn thua một vận truân phong,
Nghìn thu để tiếng anh hùng sử xanh".

(Chính khí ca)

Đề đốc Lê Văn Trinh, bố chánh Phan Văn Tuyển, Lãnh binh Lê Trực, Phó Lãnh binh Hồ Văn Khương, Nguyễn Đình Đường đều chạy. Hữu Xứng bị bắt, Tây dụ không hàng, chẳng ngớt mắng chửi. Tây sai người đi đón Tôn Thất Bá (trú ở xã Nhân Mục) về giao tỉnh thành để nhờ tay Bá mà cai trị cho dễ hơn. Thấy Bá vào, Xứng (đương nhịn ăn đã thành bệnh) chửi Bá là hàng giặc; Bá giả bộ khóc; hai người bàn nhau nhận thành để rồi tư thông với Hoàng Tá Viêm, Nguyễn Chính và các tỉnh; nhưng Bá không phải thực yêu nước như Xứng, duy Xứng chưa rõ hắn thôi nên lại bàn kế giữ nhà với kẻ trộm.

Ri-vi-e chiếm luôn sở thương chính, giao cho lãnh sự Kéc-ga-ra-đéc. Đồng thời hắn tức tốc phá công sự trong thành trước khi giao một phần thành lại cho Bá, hắn phá tất cả các cửa thành, phá

đại bác, vứt thuốc đạn xuống hố; hắn chiếm giữ và phòng bị ở hành cung, sửa sang phòng bị thêm tô giới ở bờ sông. Và vì được tin Hoàng Tá Viêm chuẩn bị nhiều mảng đầy chất cháy có thể bất thần thả xuống đốt chiến thuyền Pháp ở Hà Nội, nên Ri-vi-e bắt lấy nhiều thuyền dân, cột lại cản đường sông trên mức Hà Nội để đề phòng bất trắc.

Trong thành, địch tịch thu được 15.000 đồng bạc Mễ Tây Cơ, nhiều tiền kẽm trị giá 65.000 quan.

Chẳng những ở Hà Nội bọn Pháp chiếm lấy sở thương chính, chúng lại lấy luôn sở thương chính ở Hải Phòng, cướp trên 100.000 đồng bạc.

Ri-vi-e nhờ quan án Tôn Thất Bá hiểu dụ nhân dân. Tên Tôn Thất Bá này đã bị Ri-vi-e vận động mua chuộc. Từ khi Ri-vi-e đến Hà Nội, Bá đã nhiều lần tới lui với Ri-vi-e, Bá đã nhận những đề nghị của Ri-vi-e mà tìm cách vận động cho Hoàng Diệu giao thành không kháng cự. Hắn không dám cử sự sớm chỉ vì sợ uy thế của Diệu và Viêm.

Lấy xong thành Hà Nội, phá xong thành ấy, Ri-vi-e và bọn thực dân tính rằng cần cấp tốc chỉ trong 3 ngày thôi, bắt buộc Tự Đức phải ký hòa ước mới, nhận cho Pháp quyền đóng 600 quân ở Hà Nội, quyền tự do cho tầu chiến Pháp đi lại khắp các nơi, quyền một mình nắm giữ thương chính, như thế là đủ để đặt sự bảo hộ hắn trên đất Việt Nam, ít nhất là trên đất Bắc Kỳ[1].

Ri-vi-e và bọn thực dân cũng thấy ngay rằng triều đình Huế có thể không thừa nhận sự bảo hộ đó.

Chú ý là lúc ấy viên lãnh sự Anh ở Băng Cốc, tên Pan-gơ-rao, tiên đoán rằng triều đình Huế sẽ kêu gọi Trung Quốc can thiệp. Ri-vi-e hé thấy rằng nếu Trung Quốc can thiệp thì khó khăn cho

1. A. Masson, *Correspondance politique du Cdt Rivière du Tonkin*, tr. 84.

https://tieulun.hopto.org

Pháp sẽ lớn lao, có thể Pháp phải bị bức rút khỏi Bắc Kỳ. Pháp lại càng "thính" hơn là Anh nữa. Cho nên bọn thực dân cố sức tranh thủ thời gian, cố bắt Tự Đức phải sớm ký hòa ước mới.

VI. THÁI ĐỘ CỦA TRIỀU ĐÌNH HUẾ - THÁI ĐỘ CỦA BINH SĨ VÀ NHÂN DÂN VIỆT NAM SAU KHI HÀ THÀNH THẤT THỦ LẦN THỨ HAI

Ri-vi-e đánh chiếm Hà Nội. Lơ-mia đờ Vi-le ở Sài Gòn hoan nghênh, Jô-rê-ghi-be-ri ở Pháp tán thành nhiệt liệt, chứng tỏ rằng cái chủ trương gọi là "lấn lấn một cách hòa bình" của chúng chỉ là một trong hai cách xâm lăng, cách nào tiện nhất thì chúng không từ chối. Đờ Vi-le tin chắc rằng triều đình Huế "tổ chức rất kém, không thể kháng cự mà chỉ xu hướng tránh sự xung đột", nếu có điều đáng ngại rằng "phải tốn nhiều năm mới thắng nổi dân quân du kích" (trang 91, A. Masson).

Thật như thế, triều đình Huế, khi được thông điệp của Pháp rằng Pháp đem quân ra Hà Nội, thì đã hứa hẹn ngay rằng sẽ nhượng ước theo ý muốn của Pháp, xin Pháp đừng đưa quân ra Hà Nội. Và khi được tin Hà Nội thất thủ, triều đình lại càng lúng túng hơn nữa. Kịp khi tàu chiến của Pháp từ Hải Phòng vào Thuận An, báo tin rằng Ri-vi-e sẽ trả thành, thì vua tôi Tự Đức tưởng đâu lại có thể như hồi 1873 - 1874, bèn sai Trần Đình Túc và Nguyễn Hữu Độ theo thuyền Pháp ra Hà Nội hội thương và nhận lãnh.

Một số đại thần xin đánh: Hoàng Tá Viêm, Nguyễn Chính, Bùi Ân Niên. Những vị này, ngược lại với triều đình, ngó thấy rõ thâm ý của giặc.

"Binh thuyền Pháp phải đến chuyến này vì bội hẳn điều khoản hòa ước. Các quan tỉnh Hà Nội hỏi đến thì họ lấy cớ rằng đến để đuổi Lưu đoàn. Kịp khi các quan đặt phòng bị trong thành, họ tức thì đến công phá, rồi lại nói giao trả, ai vẹo ai thẳng đã rõ mọi nước, mà họ còn quy lỗi cho đốc thần cũ, và họ tuyên bố hễ nơi nào phòng

bị thì họ đến gây hấn. Khinh nhờn đến thế, ai chẳng đau lòng! Từ khi họ cầu lợi đến nay, cứ 10 năm lại đổi ước, cứ mỗi kỳ thay đổi thì đem binh đánh, hạ thành lại trả thành, hống hách uy hiếp để thỏa lòng tham lam... Xét ý họ muốn tăng đặt thương cục ở sông Vị tỉnh Nam, ở Bạch Hạc tỉnh Sơn, khiến ta không còn chỗ nào phát triển được. Tỉnh nào khiếp thuận thì họ lấy phăng, nơi có phòng bị cẩn thận thì họ hỗ lực đánh cướp; không lấy hết toàn hạt Bắc Kỳ thì họ không thôi. Ý họ đã lộ ra hết rồi. Vì cứ từng lúc y theo họ khi họ trái ước thì cũng có thể tạm yên; chỉ sợ cứ sa dần vào trong thuật của họ, không khỏi để nhà vua nhọc nhiều lo lắm. Lũ thần xét kỹ tình thế, thấy nên đánh một trận rồi sau có hòa thì hòa, mới át được lòng lang sói của họ"[1].

Nói như Viêm, Chính, thì tương đối là chí lý mặc dù những vị này còn nghĩ rằng Pháp cũng có khả năng nhân nhượng, giàn xếp.

Nhưng Tự Đức thì vin đủ cớ để không chịu đánh:

"Sao không ngay từ lúc nghe tin Hà thành, lập tức quây lại mà đánh họ cho họ biết gờm. Nay nó đã giao trả, đánh tất trái về mình, lại ngăn cơ hội không sớm yên được. Đánh, tất phải dụng Lưu đoàn, càng làm cho Pháp giận khó giải. Huống chi họ vốn phụ khí, chỉ mượn uy dọa bởi việc, nay mà bách họ, sợ họ càn, sinh ra chuyện khác nữa".

Giặc tới nhà, phá nhà, đánh lại nó thì "sợ có càng giận!" cầm đầu đất nước mà như vậy thì lẽ sống dân tộc đã bỏ đi đâu?

Tự Đức và triều đình chẳng những không chịu cho đánh mà lại còn đình nghị chuẩn phạt những người chủ chiến như Hoàng Tá Viêm đều phải giáng 4 cấp, lưu!!

Trần Đình Túc, Nguyễn Hữu Độ ra Bắc thấy nhân tâm sĩ khí muốn đánh, muốn quyết trống mái với giặc, lại tự bản thân thấy

1. *Dương sự thủy mạt.*

https://tieulun.hopto.org

rằng Pháp không có chút thành ý nhượng ước, nên cũng tâu về xin rằng: hoặc phải đem toàn quốc ra đánh giặc, giết hết giặc, hoặc phái người đi Pa-ri, đi Sài Gòn mà trách hỏi (nghĩa là Túc, Độ vẫn đi nước đôi). Tự Đức trả lời rứt khoát là không thể tiến quân, đi Pháp thì xa, với Sài Gòn thì đã nói, chỉ nê trách biện với phái viên Pháp ở Hà Nội dù:

"Họ đòi quá mực, cũng nên trù định thế nào để cho nén đi được".

Tự Đức lại còn ra lệnh cho Hoàng Tá Viêm đòi ngay Lưu đoàn từ Sơn Tây về Thái cho Pháp bớt nghi ngờ. Quái gở hơn nữa là, khi Hà thành thất thủ lần thứ hai, tầu chiến Pháp lai vãng ở cửa Thuận An, ai ai đều đòi hỏi rằng bến Thuận phải được phòng bị khẩn mật; lẽ tất nhiên Tự Đức muốn yên toàn trong cái ổ của ông ta, ông ta phải chuẩn y việc phòng bị; sứ Pháp Ray-na liền đến trách hỏi phán đối; thái độ của Pháp ngang chướng như thế; ấy thế mà Viện Bạc thần, nhất phẩm triều đình Trần Tiến Thành tâu lên rằng phòng bị như thế *"chỉ làm cho họ nghi ngờ thêm mà cố chấp. Xin đình việc đắp lũy mới ở Thuận An, và triệt hết biền binh mới phái đến về kinh chuyên việc huấn luyện".*

Thế mà nhà vua cũng chuẩn y lời tâu của Trần Tiến Thành. Hơn nữa đối với việc ngoài Bắc, vì Pháp yêu sách là phải đuổi Lưu đoàn đi (ta nhớ: Pháp nhận định rằng ở Bắc duy có Lưu đoàn là cái chướng ngại đáng kể trên việc xâm chiếm Bắc Kỳ), và giải tán binh dũng đương tập trung ở các tỉnh; nên Tự Đức một lần nữa dụ cho Hoàng Tá Viêm làm ngay theo yêu cầu của Pháp; lại khiến Nguyễn Hữu Độ đi ngay đến chỗ Tá Viêm đóng quân và các tỉnh Sơn, Nam, Bắc, trực tiếp buộc Viêm phải dời Lưu đoàn đi và buộc các tỉnh phải giải tán ngay binh dũng "không được trù trừ nước đôi rồi đến hỏng việc".

Tá Viêm không tuân dụ. Trong bản phúc tâu của Viêm có những đoạn rất khảng khái tỏ ra rằng Hoàng Tá Viêm còn cương

quyết chủ chiến trong thời gian lịch sử nguy khốn này; ông vạch mặt bọn quan khâm sai đã bị Pháp mua chuộc và chỉ trích triều đình là không thấy mưu địch:

"Khâm sai đại thần giao nhận chưa xong mà thương thuyết cũng không được gì, xét rõ tình trạng họ (Pháp) giao trả tỉnh thành vốn không phải thực ý. Nay đã nắm được các quan khâm sai trong tay, họ bèn tha hồ muốn đòi gì thì đòi. Vì ta nghe họ, đuổi đoàn dũng, mọi tỉnh bỏ không, không phòng bị, thế có thể lan tràn được thì họ còn lấn hoạnh thế nào?...

... Toàn hạt Bắc Kỳ, duy miền thượng du Sơn Tây, đường sông hơi nông, dân tâm còn thuần, có thể là đất trồng trọt. Nay bằng tuân dụ đem dời hết đoàn dũng về Thái, còn tôi thì về ở Thục Luyện, thì khi lâm sự khó mà ứng phó"[1].

Mặc Tự Đức khiển trách rằng *"tội trái mệnh thật không chối cãi được, có phải tự cho là tướng ở ngoài có lúc không tuân mệnh vua gởi đến chăng?"* Viêm vẫn tìm cách chuẩn bị phòng khi tác chiến, ít ra là hễ để phòng cẩn mật thì Pháp chưa dám lan ra.

Toàn quân toàn dân lúc ấy rất bực tức với thái độ do dự, đầu hàng của triều đình. Tuy sử chép rất ít về lòng dân, chúng ta hãy còn ghi được những hiện tượng đáng chú ý sau đây: các ông thống đốc, kinh lược, đốc học, tri phủ đều có mật tấu về triều đình rằng lòng dân xin đánh, đòi đánh. Trong kinh thì có Vũ Đình Đức và Phạm Đình Thực cũng đều có mật tâu như thế. Nhân tâm, sĩ khí vô cùng công phẫn cho nên, ở Hà Đông, Tự Đức dụ cho Trần Đình Túc phải hoãn việc nhận thành mà trước hết lo đi chiêu an lòng dân các phủ huyện ngoài thành.

Chính mình Ri-vi-e đã khen Trần Đình Túc và Nguyễn Hữu Độ là đã có công phủ dụ ngoài thành làm cho quân Pháp ở Hà Nội yên tâm hơn. Sứ Pháp ở Huế chuyển lời của Ri-vi-e xin triều đình

1. *Dương sự thủy mạt.*

https://tieulun.hopto.org

ra lệnh cho nhân dân đừng triệt việc đem gạo ra bán ở Hà Nội cho quân Pháp, điều ấy chứng tỏ rằng nhân dân ta không được triều đình cho đánh bằng vũ trang, thì đánh địch bằng cách bao vây lương thực. Ta cũng biết rằng, ngay từ lúc Tây chiếm Hà thành, thì ở các tỉnh Đông, Sơn Nam và Bắc các đội dân dũng mọc lên như nấm, Tự Đức rất lo sợ và ba lần dụ cho kinh lược và khâm sai ra lệnh giải tán cùng một lúc với lệnh triệt Lưu đoàn về Thái Nguyên mạn ngược. Chính Lơ-mia đờ Vi-le cũng phải nhắc cho Ri-vi-e biết rằng, đáng lo không phải là quân đội chính quy của triều đình, đáng lo là dân dũng du kích phải nhiều năm mới bình định nổi. Chính vì lòng dân sôi nổi muốn chiến đấu để giải nguy cho đất nước mà các quan ở Sơn Tây, Bắc Ninh, Nam Định, Hải Dương dám từng lúc không tuân mạng triều đình; chính vì bị toàn dân đất Bắc phản đối mà Trần Đình Túc, sau khi phái Nguyễn Hữu Độ đi một vòng kinh lý ở Sơn Tây, Ninh Bình, Nam Định và Bắc Ninh, phải đệ sớ về kinh xin Tự Đức hủy chức Khâm mạng đại thần của mình (Tự Đức ngoan cố trong chủ trương nhượng bộ của hắn, nên lại cho Túc thêm nhiều quyền hạn hơn). Chính vì lòng dân muốn kháng chiến, tự động đắp cản, rào làng mà quân Pháp phải kiêng nể, không dám sớm mở rộng thế lực lên lưu vực Hồng Hà, Ri-vi-e phải chờ thêm viện binh mới dám đặt đồn ở cửa sông Lô; hắn sợ rằng nếu bớt quân đồn trú ở Hà Nội chia lên Việt Trì thì nguy cơ sẽ không thể gỡ được.

Ấy thế mà triều đình cứ muốn yên lòng giặc để thu hồi thành Hà Nội bằng cách hòa bình. Để trao trả một cái hành cung trong thành đương bị quân Pháp đóng, Pháp đòi phải giải tán dân dũng, triệt thoái Lưu đoàn. Để xin lại cái hành cung tượng trưng cho uy quyền mục nát, triều đình Tự Đức quyết định giải tán dân dũng, bắt Hoàng Tá Viêm phải rút Lưu Đoàn về mạn ngược và bản thân Viêm không được ở Sơn Tây nữa mà phải rút về Hưng Hóa, vào tuốt trong Thục Luyện đồn Vàng.

Triều đình không biết rằng kế hoạch của Lơ-mia đờ Vi-le là chờ đến tháng 10, chờ qua mùa mưa để chiếm cả lưu vực Hồng Hà lên tới Lào Cai (thơ ngày 17-6-1882 của Đờ Vi-le gửi cho Ri-vi-e). Triều đình cũng không biết rằng "dưới danh nghĩa mở sông Hồng Hà - một con sông mà tàu bè không đi được thì không thể nói là mở nó - là cái chương trình chinh phục cả Bắc Kỳ" (thơ của Ri-vi-e gửi cho Vi-le ngày 4-7-1882). Triều đình cũng không biết rằng chính sau khi chiếm thành Hà Nội thì Pháp phải vướng vào vấn đề Ai Cập, không tập trung ý chí và lực lượng ở Viễn Đông được; có kẻ muốn đánh thẳng vào Huế để ép buộc Tự Đức phải hàng ngay thì bọn xâm lăng thức thời sợ rằng, nếu làm như thế trong trường hợp đó, trong tình hình chính trị lúc đó, Pháp không thể nào thi hành được kế hoạch xâm lăng của nó bởi vì Tự Đức có thể vì bị bức quá đỗi mà hô hào toàn quốc chiến tranh.

Thái độ đầu hàng của triều đình sau vụ Hà Nội thất thủ càng khuyến khích cho thực dân mở rộng cuộc xâm lăng: sau Hà Nội là Hòn Gai, Nam Định.

* * *

TÓM LẠI

Thực dân Pháp định rằng có thể làm như tằm ăn lên, lấn lần mỗi lúc một mạnh để rồi cuối cùng triều đình Huế phải nhận sự đô hộ hoàn toàn; lại có thể dùng vũ lực mà đánh một lúc, để nhờ thắng trận mà bắt buộc triều đình Huế ký ước mới. Trong có hai trường hợp, áp lực quân sự đều cần, và cần gây những rối rắm thêm trong dân chúng.

Chúng nó lấy lý do là Hòa ước 1874 không được thi hành, rằng sự cống nạp của Huế cho Bắc Kinh là trái ước, rằng phải đánh Lưu Vĩnh Phúc mà khai thông Hồng-hà, lấy cớ ấy đặng sai Ri-vi-e đem binh ra Hà Nội (1882). Một số đông tinh thần ở Bắc biết rằng trước sau Pháp sẽ sinh sự nên xin chuẩn bị kháng cự. Ngược lại Tự

https://tieulun.hopto.org

Đức do dự, dụ bảo để phòng bí mật mà thôi, sợ Pháp sinh nghi và gây chuyện.

Ri-vi-e được thêm viện binh, tư thông với cha cố người Pháp, đòi Hoàng Diệu phải nộp thành và nộp mình. Nó tấn công, Hoàng Diệu không đủ để phòng; thành bị hãm; Hoàng Diệu tử tiết vô lý bỏ phận sự của người có trách nhiệm giữ nước chống ngoại xâm. Sĩ phu, quân đội, nhân dân muốn đánh còn Tự Đức thì mong Pháp trả thành như hồi 1874, nên triều đình sai Trần Đình Túc ra Bắc để thương lượng và buộc Hoàng Tá Viêm cùng đoàn Cờ Đen của Lưu Vĩnh Phúc phải lui về Sơn Tây và mạn ngược. Quái lạ hơn nữa là lúc Ri-vi-e đánh chiếm Hà thành, hạm đội Pháp cũng uy hiếp tinh thần của Tự Đức bằng cách lai vãng trước cửa Thuận An, đình thần xin đắp cản, đặt thêm súng phòng ngự, Tự Đức chuẩn y, Pháp sứ Ray-na phản đối, thì nhà vua lại nghe theo đề nghị của Trần Tiễn Thành rằng nên đình chỉ mọi sự phòng bị và rút biền binh về kinh chuyên việc huấn luyện!

Ngược lại nhân dân ngoài Bắc vô cùng sôi nổi, không được đánh giặc bằng súng đạn thì tụ nghĩa khắp nơi không tuân lệnh giải tán của nhà vua mà Trần Đình Túc và Nguyễn Hữu Độ đã chạy ngược chạy xuôi, để truyền bá; dân Hà Đông lại tự động bao vây kinh tế địch rất là nghiêm ngặt ở Hà Nội; nhờ phong trào đó mà Ri-vi-e không dám chia quân ra khỏi Hà thành; nó phải chờ viện binh thêm thì mới có thể mở rộng cuộc xâm chiếm.

Chương 14

CHÍNH TRỊ CỦA PHONG KIẾN TRUNG QUỐC ĐỐI VỚI TÌNH HÌNH VIỆT NAM SAU KHI HÀ NỘI THẤT THỦ LẦN THỨ HAI. ĐỊCH LẤN RỘNG CHIẾM HÒN GAI, NAM ĐỊNH - TRẬN CẦU GIẤY

I. HAI XU HƯỚNG CĂN BẢN CỦA TRIỀU ĐÌNH HUẾ SAU KHI HÀ NỘI THẤT THỦ LẦN THỨ HAI

Sau khi Hà Nội thất thủ lần thứ hai thì ở triều đình Huế có hai xu hướng căn bản. Xu hướng thứ nhất là xu hướng hòa nhượng với Pháp, xu hướng thứ nhì là xu hướng cầu viện triều đình Bắc Kinh. Tất nhiên là có số ít đình thần đòi đánh; số đòi đánh, phần lớn là không phải ở trong triều đình mà ở các tỉnh, nhất là chung quanh Hoàng Tá Viêm lúc bấy giờ. Ngay Hoàng Tá Viêm chủ chiến, nhưng thâm ý của Viêm cũng là đánh để sau những trận thắng lớn hay nhỏ, trong sự lúng túng của địch, đi đến thương thuyết cho có hiệu lực hơn.

https://tieulun.hopto.org

Mãi đến cuối 1882 ở triều đình, xu hướng hòa nhượng với Pháp là chính, cho nên triều đình bắt buộc các tỉnh ngoài Bắc phải giải tán dân dũng, không được đắp cản, phải triệt Lưu đoàn về ngược và buộc Hoàng Tá Viêm rút lui về Thục Luyện. Cho đến lúc ấy, xu hướng hòa nhượng với Pháp là chính cho nên khâm sai Trần Đình Túc mới chịu nước lép mà thương thuyết với quân Pháp ở Hà Nội, riêng một việc nhỏ như xin Pháp rút ra khỏi ngôi chùa trong thành cũng không được, đừng nói chi đến việc sửa chữa lại cửa thành và vách thành; Ri-vi-e chỉ cho phép Túc ở trong thành dưới sự kiểm soát của hắn, với 300 quân bảo vệ mà Ri-vi-e không cho cầm súng bắn mau, cũng không cho tăng lên 500 như yêu cầu của Túc. Cho đến lúc ấy, xu hướng hòa nhượng vẫn là chính cho nên ở Bắc mặc dầu Hoàng Tá Viêm muốn đánh, triều đình vẫn để cho chiến thuyền Pháp hằng ngày lên dò xét lòng sông Thao đến Yên Bái, lòng sông Lô đến Tuyên Quang và thường trực đậu ở Bạch Hạc; chiến thuyền địch cũng đi khắp trung châu, địch tự do vào đến Nga Sơn, động Từ Thức, thậm chí chiếm đóng Hòn Gai mà triều đình hoàn toàn không có một sự phản kháng nào. Còn ở tại Huế, sứ Pháp là Ray-na thuyết khách cho đến đỗi triều đình đã nhận về nguyên tắc là cần làm thêm một bản phụ lục cho Hòa ước 1874, trong phụ lục này sẽ ghi chữ "bảo hộ" vào. Sở dĩ triều đình chưa ký với Pháp một bản hòa ước mới là vì, trong thời gian ấy, quân đội nhà Thanh vào Việt Bắc và Lý Hồng Chương đã sai sứ Thanh đến tận Huế dưới danh nghĩa một đoàn thương mại.

Triều đình Huế từ lâu đã tự thấy đuối sức, không dám kháng cự, nên trước khi Hà Nội thất thủ lần thứ hai thì đã hai lần đi cống nạp cho nhà Thanh, tuy chưa phải đã cầu viện quân Thanh giúp sức nhưng mong mỏi lấy uy lực nhà Thanh mà làm cho bớt phần nào hống hách, giảm phần nào uy hiếp. Đến khi Hà Nội thất thủ và khi Pháp kiên trì không chịu giao hẳn thành mà lại còn đòi sửa đổi Hòa ước 1874, đem hẳn chữ "bảo hộ" vào giấy tờ, thì xu hướng cầu viện nhà Thanh càng ngày càng mạnh, xu hướng này, thật ra,

cũng là biểu lộ bằng một cách khác sự bất lực của phong kiến Việt Nam, sự không tin tưởng rằng lực lượng của dân tộc Việt Nam có thể bảo vệ được độc lập. Sau này, triều đình bắt buộc phải đánh là bởi vì bị Pháp bức bách quá, bị dồn vào thế không thể không đánh, mà đánh với tất cả sự tin tưởng rằng không thắng được, nếu có cầm cự được là chỉ khi nào dựa dẫm vào quân Thanh; đến 1884 thì triều đình lại xem chiến cuộc ngoài Bắc là việc riêng của Pháp và Thanh.

II. THÁI ĐỘ CỦA TRIỀU ĐÌNH NHÀ THANH

1. Pháp cương ngạch

Hòa ước 1862 giao 3 tỉnh Nam Kỳ cho Pháp và Hòa ước 1874 mở Hồng Hà cho tàu Pháp, cho phép Pháp đóng quân ở Hà Nội và Hải Phòng, hai hòa ước ấy, lúc đầu thì nhà Thanh không chú ý đến mấy, bởi vì việc trong nhà của nó, đối với nhân dân Trung Quốc và đối với ngoại xâm, cũng đã nặng nề và rắc rối lắm rồi. Mãi đến năm 1876 thì Thanh sứ ở Pa-ri mới tuyên bố không thừa nhận Hòa ước 1874.

Từ đó đến 1882 thì Huế và Bắc Kinh thường nhắc nhở lại mối quan hệ chính trị xưa nay. Nay Hà Nội thất thủ lần thứ hai, sau khi sứ Pháp ở Thiên Tân xin mở thông thương với Vân Nam thì sứ Thanh ở Pa-ri đòi chính phủ Pháp phải rút quân khỏi Bắc Kỳ như hồi Gác-nhê (thơ ngày 6-5-1882); nhà Thanh khẳng định rằng Tự Đức là thần thuộc nhà Thanh. Pháp không công nhận ý của sứ Thanh, mà nói với sứ Thanh rằng do Hòa ước 1874, Annam là xứ bảo hộ của Pháp, "những sự xảy ra ở Hà Nội không can phạm gì đến Trung Quốc".

Sứ Thanh cực lực phản đối:

"Trung Quốc đã bao thế kỷ có ưu quyền ở Bắc Kỳ, có biên giới chung dài hàng ngàn dặm với Bắc Kỳ, có kiều dân đông đúc ở Bắc Kỳ, có quyền lợi kinh tế lớn lao không kém một xứ nào, vả lại sông

https://tieulun.hopto.org

Hồng Hà là đường thông thương của miền tây nam Trung Quốc, nếu do những điều ấy mà chính phủ Thiên triều không có quyền chú ý đến thời cuộc Bắc Kỳ thì, thưa ông bộ trưởng, tôi muốn biết coi còn phải cái gì nữa mới có quyền ấy?"

Phờ-rây-xi-nê, Bộ trưởng Ngoại giao Pháp lúc ấy, và lúc ấy vì Pháp bận rộn trong vấn đề Địa Trung Hải (Ai Cập), dịu giọng lại mà nhờ sứ Pháp ở Thiên Tân cắt nghĩa rằng *"không phải Pháp tuyên chiến với Annam, chúng ta chỉ tiếp tục thi hành Hòa ước 1874, kẻ thù duy nhất của chúng ta ở Bắc Kỳ chỉ là bọn kẻ cướp thôi"*, chớ *"không có ý xâm chiếm đất nước của Tự Đức"*, càng không có ý làm mất quyền lợi của Trung Quốc. Pháp muốn chờ giải quyết xong vấn đề Ai Cập thì sẽ đổi giọng, sẽ có điều kiện tăng viện binh lực cho Ri-vi-e và sẽ có thái độ cứng hơn đối với Trung Quốc.

Trong lúc, trên mặt ngoại giao với Trung Quốc, Pháp nói mềm mỏng như thế thì một bức thơ của Đuy-cơ-léc[1] (Bộ Ngoại giao) gởi cho Jô-rê-ghi-be-ri (Bộ Thuộc địa) ngày 26-9-1882, có câu:

"Hồi đầu tháng 7, chính phủ Nam Kỳ (Pháp) có lúc tưởng rằng đã có thể vượt qua những khó khăn hiện tại. Triều đình Huế, một lúc có giận dữ vì ta lấy Hà Nội, nay đã có thái độ hòa nhượng hơn, và ta tin rằng họ có thể ký một hòa ước phụ thuộc cho Hòa ước 1874, cương quyết hơn và rõ ràng hơn, đặt nước Annam dưới sự bảo hộ của ta, trong những điều kiện na ná với xứ Tuy-ni-di. Thình lình, một chuyển hướng xảy ra trong trí của những cố vấn của vua Tự Đức, họ tuyệt đối không nhận những đề nghị của ta nữa. Cũng như ngài, tôi nghĩ rằng sở dĩ như thế là vì ảnh hưởng của Trung Quốc... cho nên cũng như ngài, tôi đồng ý là chính phủ Pháp phải có một thái độ cương quyết và quyết định để phá những mưu mô có thể đem lại những kết quả tai hại. Vả lại, từ lúc cuộc viễn chinh này bắt đầu thì bản bộ đã theo một đường lối giống hẳn như đường lối bây giờ".

1. Duclerc.

Pháp quyết định ra lệnh cho sứ Pháp ở Huế là Ray-na tìm cách ngăn cản, không cho sứ Nam sang Bắc Kinh như hồi 1880 nữa.

Lại ra lệnh cho Bu-rê ở Thiên Tân cho tổng lý nha môn biết nếu rằng triều đình Thổ Nhĩ Kỳ không thể bắt buộc Pháp rút quân ra khỏi Tuy-ni-di, thì triều đình Bắc Kinh cũng không thể bắt buộc Pháp rút quân ra khỏi Bắc Kỳ.

Pháp chuẩn bị một cuộc xâm lăng lớn với số quân đông đúc:

"Tôi kết luận rằng phải hành động để chính thức đặt quyền bảo hộ của chúng ta... nhưng mà, không nên giấu giếm những sự khó khăn trong việc này. Chiếm lấy Bắc Kỳ là dễ thôi về mặt quân sự; còn giữ xứ ấy là việc khó hơn. Ta trả giá sự xâm chiếm Nam Kỳ với một sự hy sinh nhân mạng tương đối ít... Ấy thế mà cần phải 6.000 người để giữ... Nếu muốn bảo đảm nền thống trị của ta ở Bắc Kỳ và ngăn cản sự xâm nhập của các toán quân Trung Quốc không chính quy thì thường trực phải có 3.000 quân Pháp và 3.000 người lính Nam"[1].

Tiếp theo đó Jô-rê-ghi-be-ri định đem thật nhiều hải quân thị uy lớn ở Huế, bắt Tự Đức phải trực tiếp với sứ quán Pháp ký ngay hòa ước mới, và nhận cho Pháp đặt tại Huế một đội quân 300 người. Đồng thời Pháp sẽ gởi thêm quân ra Bắc Kỳ, đội quân này sẽ gồm 6 chiến thuyền và 6.000 lính, chưa kể số đã có sẵn ở Bắc, Pháp tính rằng hễ Tự Đức ưng thuận - mà phải ưng thuận - thì việc thương thuyết với Trung Quốc sẽ dễ thôi (thơ ngày 31-10-1882 của Jô-rê-ghi-be-ri gởi cho Đuy-cờ-léc).

Kế hoạch của Pháp rõ ràng như thế. Thế mà Pháp vẫn lẻo mép với Bắc Kinh rằng chỉ thực hiện Hòa ước 1874 thôi. Lẽ tất nhiên Bắc Kinh hiểu rõ tình hình Pháp hơn là Tự Đức.

1. Jô-rê-ghi-be-ri gửi cho Đuy-cờ-léc - 15-10-1882.

https://tieulun.hopto.org

2. Quân Thanh xâm nhập Bắc Kỳ

Mùa thu năm 1882, nhà Thanh được biết Pháp sửa soạn ráo riết một cuộc xâm chiếm trực tiếp và lớn lao ở Bắc Kỳ, nên lệnh cho Lưỡng Quảng, Vân Nam đều phái nhiều quân tụ hợp ở biên thùy (phủ Lâm An và Quan Hóa giáp Tuyên, châu Quy Thuận giáp Cao, Long Châu giáp Lạng, châu Liêm và kinh giáp Quảng Yên). Lại sai quan ở Vân Nam là Tạ Kinh Bửu đem ba doanh đến Quảng Ty (Hưng Hóa) về phía Hồng Hà, một số quân khác xuống tới Tuyên Quang, Thái Nguyên do Triệu Ốc chỉ huy (5 doanh). Rồi các tỉnh Cao, Lạng, Thái, Bắc Ninh đều có quân Thanh do Hoàng Quế Lan (12 doanh) đến đóng. Thế nhưng có điều lạ kỳ là giữa quân Thanh và quân Pháp hoàn toàn không có sự xung đột nào: lúc ấy Thanh cũng như Pháp đương thương lượng với nhau và Pháp cố đánh lừa Thanh để Thanh rút quân về nước.

Trong dân gian ta, người người đều đồn với nhau rằng người Thanh tranh lấy Bắc Kỳ để làm kế tự thủ. Tự Đức xuống dụ đính chính rằng nếu nghĩ như thế tức là *"đem cái lòng tiểu nhân mà đo bụng người quân tử, lẽ nào người Thanh lại làm cái hành động bất nghĩa ấy"* và *"ấy là Thiên triều quyến luyến nghĩ đến thần dân không lúc nào ngơi"*; ý muốn nói rằng quân Thanh là quân tử, lo giúp chớ không có tình ý gì khác, còn nhân dân cảnh giác đòi tự mình đánh Pháp chớ không phải cầu viện Thanh thì Tự Đức cho là tiểu nhân!

Ta hãy xem ý kiến của nhà Thanh lúc bấy giờ là thế nào?

Liền sau khi Hà Nội thất thủ thì Tổng đốc Trực Lệ kiêm Thông thương Sự vụ đại thần Trương Thụ Thanh, nguyên Tổng đốc Lưỡng Quảng, đã tâu rằng:

"Người Pháp hiểm ngầm; đất Nam Kỳ của Việt Nam đã giao cho họ rồi; Bắc Kỳ cũng khó mà mong giữ cho còn; nhưng người Pháp đang do dự xét kỹ, không dám ra tay nuốt chiếm ngay, cố nhiên vì địa phương Bắc Kỳ đất đai hiểm trở gai góc, sức họ khó mà thắng ngay, họ cũng lo là vô cớ khởi tranh, sợ Trung Quốc trách nghị,

cho nên họ trói buộc Việt Nam quanh quẩn trong điều ước thông thương, thừa cơ nắm lấy chỗ sơ hở để buộc là vi phạm điều ước, ghì bắt phải làm điều ước mới, tức là họ cố làm làm sao cho có thể thực tế chiếm được đất mà ngoài mặt thì tránh được cái tiếng cướp nước. Họ không có thể tiến qua xâm phạm Trung Quốc, ta cũng không có lý tìm gây hấn trước với họ. Đấy là cái mưu rất giảo quyệt của Pháp. Cho nên Trung Quốc không thể trì hoãn được, mà phải có mưu gì ở Việt Nam"[1].

Tổng lý nha môn, Vương đại thần, lại nói thêm:

"Ngày nay kế sách phòng biên của Trung Quốc, duy có sai Điền, Úc phòng quân đem giữ hẳn ở ngoài cõi, vẫn lấy tiếng là trừ thổ phỉ ở Việt mà mưu tính tiến bước lên đóng giữ, như thế sẽ phải lo chính sách tằm ăn lá của Pháp. Tóm lại sông Hồng Pháp đã chú ý, việc Bắc Kỳ ta cần phải dự. Giữ phải cả bốn cõi, phòng việc trước khi việc xảy ra, Việt Nam khó thể tự mưu, Trung Quốc tất không thể tự nhẫn"[2].

Cho nên, một mặt thì vua Thanh khiến Tăng đại thần (đại sứ ở Pháp) chất vấn chính phủ Pháp, một mặt sai quân Hoa Nam vừa giữ nơi ách yếu, vừa từng bộ phận xâm nhập Việt Nam chớ "không nên làm cái kế đóng cửa tự thủ nữa".

Sứ Pháp ở Thiên Tân là Bu-rê nhận định rằng chiến tranh với Trung Quốc xem như là không thể tránh được. Nhận định này sẽ không sai.

Về phần Tự Đức thì triều đình Huế sai hình bộ thượng thư là Phạm Thận Duật và Tham tri Nguyễn Thuật đi công cán Thiên Tân; lại sai biện lý Nguyễn Phan đi Quảng Đông để báo tin và xin giúp.

Về phần Trung Quốc thì Tăng Quốc Thuyên gọi thương cục Dương Đình Canh, Mã Phục Bôn về hỏi chuyện và phái Đường

1. *Dương sự thủy mạt.*
2. *Dương sự thủy mạt.*

https://tieulun.hopto.org

Cảnh Tùng đến Việt Nam dò xét, bàn luận. Đường Cảnh Tùng bàn: *"Sức mạnh chưa chắc đã có thừa, lý luận may ra có thể giải quyết"*.

Câu *"Sức mạnh chưa chắc đã có thừa, lý luận may ra có thể giải quyết"* khiến cả hai triều đình Huế và Bắc Kinh mặc dầu rộn rịp điều động quân đội ở Bắc Kỳ, nhưng lại để cho Pháp hoàn toàn yên tĩnh, bản thân Ri-vi-e cũng lấy làm lạ:

"Từ ngày quân đội Trung Quốc bao vây chúng tôi, chúng tôi lại ở trong một tình trạng hoàn toàn yên ổn. Tôi không có một việc xung đột nhỏ nào, một triệu chứng nhỏ nào để báo cáo với ngài cả. Nếu có xảy ra một sự lộn xộn nào thì điều ấy sẽ do nơi tôi mà ra"[1].

Lúc ấy có hai xu hướng mâu thuẫn nhau: một bên là nhân dân, quân đội và một số tướng tá Việt Nam muốn đánh, muốn thừa cơ hội này mà quét sạch quân Pháp hãy còn tương đối ít ỏi ở Bắc Kỳ; cho nên ở Bắc thì dân gian đồn đại với nhau rằng triều đình sắp ra lệnh kháng chiến; khắp Trung Nam Bắc dân gian lại đồn đại với nhau rằng sao chổi xuất hiện, rằng năm 1860 nó xuất hiện một lần mà đuôi của nó có quét về hướng đông nên ta thua, còn nay thì đuôi của sao chổi quét về phương tây, cho nên Tây sẽ thua, nhất định phải thua.

Ở Bắc Kỳ, Hoàng Tá Viêm đã gọi Lưu đoàn từ Bảo Thắng trở về Sơn Tây; ở Ninh Bình, Nam Định, dưới áp lực của dân, các quan văn và võ không đón tiếp tầu chiến Pháp như trước nữa mà đóng cửa thành, chĩa đại bác xuống tầu, tầu Pháp không dám vào đậu ở Ninh Bình, Nam Định.

Nhất là ở Nam Kỳ, sĩ khí dân tâm rất sôi nổi, nơi nơi chuẩn bị rộn rịp để chờ cơ hội xảy chiến tranh ở Bắc là lấy lại 6 tỉnh. Bản thân tên Thống đốc Nam Kỳ Lơ-mia đờ Vi-le rất lo ngại. Hắn tin cho Ri-vi-e biết rằng:

1. Thơ ngày 2-10-1882 của Ri-vi-e gửi cho Đờ Vi-le.

"Tôi thấy rõ rằng nhân dân đương sôi sục; người ta lấy danh nghĩa của Tự Đức mà quyên tiền như là thu thuế; sự mua lậu súng đạn cũng khá nhiều. Chuyện sao chổi mà người ta khéo lợi dụng thì dân dễ nghe theo... Một cuộc nổi loạn... sẽ nguy hại nghiêm trọng lắm, trong vòng vài ngày chúng ta sẽ mất cả cái vùng đất mà ta đã phải tốn 4 năm để chinh phục...".

Một điều rất đáng chú ý là chẳng những dân tâm lúc ấy vô cùng sôi nổi đòi đánh mà thôi, mà ở Khơ-me bấy giờ một cao trào kháng chiến dựng lên. Ở các vùng Kra-chê[1], Sam-bo, Sam-boc, dọc theo sông Cửu Long, từ Pnông-Pênh lên tới Lào, lòng dân rất bất bình với Pháp và nhà vua, họ nổi lên, quan quân Pháp - Khơ-me không cai trị được nữa, Pháp phải phái chiến thuyền Mút-cơ-tông lên do thám và trấn áp. Đồng thời trong vùng Puột-sạc, Bat-tam-bang, Siêm-rê-áp, sát biên giới Xiêm, hai bên biên giới chưa ổn định đó, hoàng thân Vô-tha[2] hoạt động rất mạnh (Vô-tha, anh em với Nô-rô-đôm, mới 20 tuổi đã kéo cờ khởi nghĩa, luôn luôn chiến đấu đến chết, năm 1891). Vô-tha chuẩn bị kéo binh về Nam Vang. Còn ở vùng Kom-pong Soai (Kom-pong Thom), hữu ngạn sông Cửu Long, giữa Cửu Long với Tông-lê-sáp thì A-Keo đã khởi nghĩa; mặc dầu ông vừa mới bị bắt, bị chém đầu hồi tháng 9 năm 1882, nhân dân ở vùng ấy vẫn còn chiến đấu.

Như vậy, thực tế là, nếu bấy giờ triều đình Huế không vương vào cái chủ trương "sức đánh chưa chắc đã có thừa, lý luận may ra có thể giải quyết", mà hô hào toàn quốc chiến đấu, quân đội nhà Thanh cũng không thể ngồi yên, nhân dân Việt Nam và Khơ-me nhất trí, rất có thể Pháp phải mắc vào một cuộc chiến tranh Méc-xic lần thứ hai. Chính phủ Pháp lúc bấy giờ còn do dự, nghị viện còn phản đối một cuộc chiến tranh nguy hiểm ở xa xăm quá, Đờ Vi-le và Ri-vi-e còn nhận những chỉ thị mâu thuẫn, khi cương quyết, khi hòa hoãn đối với quân Thanh.

1. Kratié.
2. Siwotha.

https://tieulun.hopto.org

Ấy thế mà không!

Triều đình Huế, mặc dầu không xin lại được ngôi chùa trong thành, mặc dầu quân Pháp không chịu trả lại Sở Thương chính, vẫn cho rằng "Hà thành đã giao, không còn việc gì thương thuyết nữa", chuẩn cho Trần Đình Túc bớt nha khâm sai, chuyên làm việc tỉnh. Còn ở Thiên Tân thì bởi sự do dự của nhà Thanh, do hoạt động của Bu-rê, nhà Thanh ra lệnh rút lần quân ra khỏi Bắc Kỳ.

3. Thanh, Pháp toan chia nhau Bắc Kỳ

Cuối năm 1882 và đầu năm 1883, tại Thiên Tân, thực dân Pháp và phong kiến Thanh bàn nhau chia xẻ Bắc Kỳ mà triều đình Huế thì hoàn toàn không hay biết gì cả.

Thanh thì nói rằng Việt Nam phụ thuộc Thanh. Pháp cãi lại rằng từ 1874 Việt Nam phụ thuộc Pháp. Rốt lại thì Vương đại thần của nhà Thanh đề nghị với Bu-rê là thành lập một ban để chuẩn bị thỏa ước gồm có 1 đại biểu Pháp, 1 đại biểu Thanh và có thể 1 đại biểu của Huế để tham nghị (điều này Bu-rê không nhận). Bu-rê đến Thiên Tân trông thấy quân Thanh chuẩn bị chiến tranh khá ráo riết, có lực lượng hải lục quân tân thời mà Bu-rê cho rằng Pháp không thể thắng nổi. Hắn đề nghị cho Lý Hồng Chương là sẽ chia Bắc Kỳ thượng cho nhà Thanh, còn lại thì của Pháp; cả hai Thanh và Pháp "bảo đảm hiện trạng". Lý Hồng Chương đồng ý. Thảo luận với Bu-rê, Lý Hồng Chương nói:

"Chúng tôi có thể nào tuyên bố rằng: một mặt Trung Quốc thừa nhận chủ quyền của nước Pháp tại Việt Nam ở nơi nào mà Pháp có chủ quyền ấy rồi, nghĩa là ở Sài Gòn và 6 tỉnh; mặt khác thì Pháp thừa nhận quyền bảo hộ (Suzenaineté) của Trung Quốc ở phần Việt Nam còn lại, rồi cả hai đều cùng nhau đô hộ chăng? Một lời tuyên bố như thế sẽ được quảng cáo rộng rãi nhất, như thế danh nghĩa của chúng tôi được bảo vệ mà quyền lợi của các ông không tổn thất gì cả"[1].

1. Biên bản thương nghị giữa Lý Hồng Chương và Bu-rê ở Thiên Tân ngày 27-11-1882.

Lại nói:

"Chúng ta chắc chắn sẽ dàn xếp với nhau được và tôi sẽ nhờ Tổng lý nha môn gấp rút ra một chỉ thị để rút quân chúng tôi về"[1].

Lý Hồng Chương ra lệnh cho Vân Nam và Lưỡng Quảng rút quân và yêu cầu Pháp đừng tăng quân thêm nữa.

Bọn thực dân Pháp ở Sài Gòn, Hà Nội, khi nghe được tin Bu-rê và Lý Hồng Chương dự định chia hai Bắc Kỳ, sôi nổi lên chống lại, chúng muốn một mình chiếm cả Việt Nam.

"Ông Bu-rê mà Bắc Kinh và Pa-ri đều thừa nhận ý kiến, đương làm một hòa ước rất ngu ngốc; theo hòa ước đó thì cả Bắc Kỳ gạo sẽ về tay ta, còn cả Bắc Kỳ mỏ thì về tay Trung Quốc..."[2].

Và nói thêm:

"Nếu quả người ta đã bỏ cả vùng mỏ thì thật là đáng tiếc; theo ý tôi chỉ nên bỏ Cao Bằng, Lạng Sơn, một phần nhỏ Tuyên Quang và một phần Thái Nguyên nhỏ hơn nữa. Vùng này khó mà tới lui, đường giao thông ít và gay; trị an khó mà lập được ở đây, thì tốt hơn hết là không phải lo đến nó. Một phần mỏ Thái Nguyên, Tuyên Quang còn về ta, mỏ Hưng Hóa, Bắc Ninh, Quảng Yên - nhất là mỏ than đáng chú ý lắm - cũng còn về ta"[3].

Quân Thanh vừa rút lui thì quân Pháp ở Sài Gòn ra tăng viện 4 đại đội cho Ri-vi-e. Chẳng những chúng tăng viện mà chúng còn mở rộng cuộc xâm lược.

Sứ Pháp ở Trung Quốc sẽ bị gọi về Pháp, chính phủ mới ở Pháp quyết định không thừa nhận dự kiến của Bu-rê - Lý Hồng Chương.

1. Biên bản thương nghị giữa Lý Hồng Chương và Bu-rê ở Thiên Tân ngày 27-11-1882.
2. Ri-vi-e, thơ cho Ray-na 15.U883.
3. *Questions du Tonkin.*

https://tieulun.hopto.org

III. PHÁP MỞ RỘNG CUỘC XÂM LĂNG

1. Chiếm Hòn Gai

Cuối tháng giêng 1883, Thương cục của Lý Hồng Chương thương thuyết với triều đình Huế để xin khai thác mỏ Đông Triều, xin lập một nhà máy lọc đường và xin cho mướn mỏ Hòn Gai (chính mỏ này, kỹ sư Tuyệt (Pháp) vừa mới đem than về Pháp nghiên cứu. Than tốt, mỏ rất giầu, ở trên mặt đất, lại sát mé biển).

Ray-na, sứ Pháp ở Huế, lật đật tin cho Ri-vi-e và yêu cầu Ri-vi-e chiếm ngay Hòn Gai, kẻo trễ. Ray-na định làm một kế như sau: vốn là có người Hoa kiều tên An Chi Lộc - công dân và thám tử của Anh ở Sinh-ga-po buôn bán ở Bắc, hành hung, bị tổng đốc Hải Dương xử tử; người Anh can thiệp đòi 20.000$ bồi thường; nhưng rút cùng người Anh không đòi nữa; việc đã xong mà Huế chưa biết. Ray-na định giấu và nói thêm rằng Anh đòi 60.000$, mà Pháp phải trả; như thế triều đình mắc nợ Pháp; Pháp cứ chiếm lấy mỏ Hòn Gai để số nợ ấy được bảo đảm: hễ chiếm rồi thì làm công sự phòng thủ ngay để triều đình không thể nào lấy lại được.

Bọn thực dân sợ đụng chạm Trung Quốc, nhưng Ray-na nói:

"Dù sao đi nữa, nếu chúng ta muốn chộp lấy cơ hội cuối cùng để làm chủ mỏ than thì chúng ta phải làm mau, không để mất thì giờ. Có lẽ cần phải hỏi ý kiến Pa-ri, nhưng thơ từ lâu lắc quá mà chắc là trong một tháng hay 6 tuần thì mỏ Hòn Gai sẽ bị giao rồi...

... Không bao giờ, không đời nào mà người ta vui lòng cho chúng ta một việc gì. Vậy muốn được cái gì thì chúng ta hãy chiếm lấy, bắt buộc họ phải theo ý chí của ta... Tôi xin lỗi ông, tôi nói trắng trợn quá, tôi viết vội vàng quá; nhưng thì giờ thúc lưng, tôi phải gởi thơ ngay không thì mất cơ hội"[1].

1. Thơ của Ray-na gởi cho Ri-vi-e ngày 9-2-1883.

Chính trong lúc đó, tầu Cô-re-giơ[1] bên Pháp chở thêm qua 250 lính cho Sài Gòn và 500 lính cho Ri-vi-e. Ri-vi-e buộc quan cai trị ở Hải Phòng phải giao đồn trại Việt Nam cho nó đóng 1 đại đội, tên quan cai trị ưng thuận. Ở Hà Nội, Ri-vi-e buộc quan tổng đốc phải nhượng hai kho thóc (mỗi cái dài 174 mét, rộng 10 mét) trong thành để đóng 4 đại đội.

Ri-vi-e lập tức chiếm căn cứ Hòn Gai, tháng 3-1883. Cần nói rằng ở Hòn Gai không có thành quách nào của triều đình. Quân Pháp sau khi dò xét địa hình, bèn xây đồn đóng tại trên đồi bãi Cháy, khống chế cả vịnh Hòn Gai và vịnh Hạ Long, khống chế cả vùng mỏ; có thể nói rằng vị trí ấy, khi có hải quân, thì khống chế cả hải phận Bắc Kỳ vì đây là một vịnh sâu rộng có thể chứa bất cứ tàu bao lớn và bất cứ số tầu nào. Ri-vi-e gọi là "tiểu Gi-bờ-ran-ta[2]" (12-3-1883).

"Sự chiếm đoạt phía tây của vịnh Hòn Gai cho chúng ta cái chìa khóa giữ cả mặt bể của Bắc Kỳ và cho chúng ta cái chủ quyền trên vùng mỏ"[3].

Ri-vi-e định làm như thế là chiếm tay trên của Lý Hồng Chương và đằng sau Lý Hồng Chương là tư bản Anh. Vài ngày sau khi đổ bộ quân đóng ở bãi Cháy thì Ri-vi-e lại sai Mô-ren Bô-li-e[4] đem tàu chiến Pác-sơ-van[5] đến chiếm Quảng Yên, đóng đồn trên bờ phía nam cửa Lục. Triều đình Huế hay tin, chỉ biết *"sai tỉnh thần tư cho lãnh sự Pháp ở Hải Phòng bắt thuyền Pháp không được làm như thế có hại cho hòa hảo"*! Chừng như quân đội thực dân và lãnh sự thực dân không đồng ý với nhau!

1. Corrège.
2. Gibraltar.
3. Thơ gởi cho Thom-sơn, Thống đốc Nam Kỳ, ngày 17-3-1883.
4. Nhà xuất bản chưa tra được từ nguyên.
5. Nhà xuất bản chưa tra được từ nguyên.

https://tieulun.hopto.org

2. Quân ta chuẩn bị tác chiến

Sự tăng viện của lực lượng quân sự Pháp gây ngay cái cảm giác rằng chiến tranh lại sắp nổ ra nữa như hồi tháng 4 năm ngoái.

Nam Định khống chế con đường vào Huế, khống chế con đường Hà Nội ra bể bằng sông Hồng Hà mà lúc bấy giờ là con đường lớn và duy nhất và khống chế cả con đường sông Trà Lý đi từ Hồng Hà qua Cửu Cấm.

Liền sau khi Pháp được tăng viện thêm 4 đại đội thì Sơn, Bắc, Nam, nơi nào cũng rộn rịp lo phòng bị. Sơn Tây thì quân đội ta mạnh nhất, Ri-vi-e chưa dám đụng đến; Bắc Ninh thì quân ta cũng khá mạnh, địch đụng đến Trung Quốc, Ri-vi-e càng chưa dám làm gì; Nam Định là nơi trọng yếu, mà Pháp sở cậy nhiều ở tàu chiến, thế lực cha cố Pháp ở đó không ít, Ri-vi-e đã có ý định từ lâu là lấy Nam Định, song chưa đủ quân. Nay có viện binh thì hắn cử sự. Nhân dân chuẩn bị làm cản chống tàu, nhưng theo lệnh triều đình thì chỉ chuẩn bị gỗ, đất, chưa làm cản; tàu Tây vẫn đi lại ở vùng Nam Định ngăn ngừa sự làm cản. Ri-vi-e gửi tàu đến Thuận An để cho sứ Ray-na xuống ẩn, sợ triều đình tức giận mà đàn áp chăng, nhưng Ray-na tin rằng Tự Đức sẽ không làm gì nếu Ri-vi-e nay lấy thành này, mai lấy thành khác mà không tổng tấn công một lượt khắp các nơi; Ray-na cũng ướm nói với Thương bạc rằng hắn sẽ bỏ về Sài Gòn, như theo lời hắn gửi cho Ri-vi-e, là để dọa cắt đứt liên lạc cho triều đình Huế hoảng sợ mà nhượng bước.

Ngoài Bắc dân tâm vô cùng sôi nổi. Đốc thần Bắc Ninh là Trương Quang Đản dâng sớ nói:

"Pháp phải tăng thêm binh thuyền sấn vào mặt hơn trước, bên ta há điềm nhiên, chịu chết mà đợi người khác ở xa đến hay sao? Việc binh sẽ trễ nải mất. Nghĩ cần chỉnh đốn ngay những thứ ứng chiến ngõ hầu mới tránh được tâm sự bó tay"[1].

1. *Dương sự thủy mạt.*

Đản xin mật sắc cho Hoàng Tá Viêm đưa đoàn Lưu Vĩnh Phúc trở lại Sơn Tây, xin phong Lương Đình Âu làm tiễu sứ Cao Thái, mộ nghìn quân mạnh xuống đóng ở giáp giới Bắc Thái. Xin rằng nếu chiến sự ở Nam Định xảy ra thì Hải Dương và Nam Định nên đem quân bộ, tiến đánh Hải Phòng, có hai đạo Sơn, Bắc tiếp ứng.

Tự Đức lờ mờ bảo: *"Có việc, tùy thích đáng mà làm, không thể vạch đại khái ra cả. Trước đó ít lâu, triều đình phái người đi Quảng Châu, Thiên Tân, báo cho nhà Thanh biết mà "tiện điều đình với công sứ Pháp", "xem xét cơ sở khu xử, nói cho Pháp phải nghe mà rút quân"*. Nói một cách khác hơn, gần đến phút cuối cùng, triều đình vẫn nghĩ và chỉ nghĩ tới việc "điều đình cho Pháp rút lui". Thật là ngu xuẩn cực độ!

3. Nam Định thất thủ

Lệnh của triều đình chưa tới để cho phép đắp cản thì tàu Pháp đã công phá thành Nam Định rồi.

Quân Pháp xuất phát từ Hà Nội, Ri-vi-e trực tiếp chỉ huy. Quân lực của chúng tụ hợp trước thành Nam Định là 10 tàu máy và một số thuyền gỗ, với số quân gần 500, bằng số vừa mới đem đến tiếp viện cho Hà Nội. Từ 24, quân Pháp đi qua Ninh Bình mà quân triều đình tuyệt nhiên không ngăn trở tí nào cả! Sáng 26, quân Pháp đổ bộ lên gần thành, chiếm lấy những trại lính ta mà quân triều đình đã bỏ trống; trong thành không có một tiếng súng bắn ra! Địch ở đó suốt đêm sau mà quân triều đình không làm gì cả. Ri-vi-e gởi thơ buộc Tổng đốc Vũ Trọng Bình nạp thành. Sáng 27-3-1883, súng bắt đầu nổ suốt 1 giờ, rồi quân Pháp xông đến cửa đông thì cuộc đánh nhau trong đường phố khá mạnh, một quan năm Pháp bị thương. Đề đốc Lê Văn Điềm và Án sát Hồ Bá Ôn bản thân cầm quân ra ngoài cửa thành kháng cự. Dân ta đốt các dãy phố dọc theo sông Vị Hoàng để làm chậm sự tiến công của địch. Đằng sau dãy nhà cháy là hào lũy mà trên mé thì có hàng rào tre

https://tieulun.hopto.org

nhọn, cây có gai, đằng sau nữa lại là quân đội triều đình giữ cửa. Quân Pháp qua hàng rào lửa sau khi ngọn lửa xuống, hàng rào tre không có hiệu nghiệm gì, cửa thành gỗ không chịu nổi thuốc súng và thủy lôi; quân Pháp lớp bắc thang leo thành và lớp vào thẳng cửa bị phá. Trong thời đại tư bản, cửa thành quách trung cổ chống chọi thế nào được, kinh nghiệm từ Gia Định đến nay trên 20 năm, quân triều đình không thu lượm được tí nào cả.

Tổng đốc Vũ Trọng Bình giữ thành không nổi, rút quân chạy ra cửa tây. Kinh lược Nguyễn Chính đóng đại quân ở xã Đặng Xá, huyện Mỹ Lộc để làm thế ỷ dốc cho Nam Định, thế mà điềm nhiên không đến tiếp viện, cứ phi tư phi sức, phái đi ngăn đi phòng, không chịu nhúc nhích, thành mất thì lui xa về Vụ Bản, nói để giữ nước, kỳ thật là để giữ thân. Bản thân Ri-vi-e cũng lấy làm lạ mà viết rằng:

"Một cái đặc sắc của nước Annam là sự không đồng tình giữa các ông tổng đốc. Khi một ông tổng đốc nào bị đánh thì ông ấy mới lo, chớ không hề lo đến tỉnh gần bên bị đánh".

Thật là một loại "tư tưởng chiến thuật" cổ kim chưa hề có.

Ngược lại, đáng tuyên dương nhất trong trận Nam Định là ông Nguyễn Bản; Nguyễn Bản tuy nhà hào phú song vẫn là người dân thường trong hạt, trước đã có công quyên tiền giúp nước, nay Tây vừa mới đến thì lập tức đem quân mộ vào thành cùng với quân chính quy mà chống giữ, xung phong gương mẫu, bị địch bắn chết (sau được liệt vào đền làng).

Địch không phá, mà giữ thành Nam Định, trong đó chúng thu được 98 đại bác, vô số lúa gạo, hàng kho tiền kẽm và đồng. Địch sẽ dùng tiền đó, không những để chi phí bền lâu cho quân chúng ở Nam Định mà cả cho quân chúng ở Hà Nội nữa. Người ta có cảm giác như là một bọn quan nào đó của triều đình tích trữ sẵn cơm

tiền cho quân Pháp, cho đến đỗi Ri-vi-e báo cáo về Sài Gòn rằng chiến tranh Bắc Kỳ không tốn hao mà lại có lời:

"Cho đến nay, từ một năm rồi, cuộc viễn chinh ở Bắc Kỳ chẳng những không tổn gì mà lại còn lời 1.000.000 quan tây" (thơ ngày 3-4-1883). 195.000 quan nam và 10.000 nén tiền đồng" (mỗi quan ta là 2$50 - mỗi nén là 3$).

Ri-vi-e nghĩ rằng quân Pháp đóng ở Hà Nội, ở Hải Phòng, Quảng Yên và Hòn Gai, ở Nam Định, như thế là xem như cả trung châu đã bị chiếm đóng rồi; còn những thành Ninh Bình, Hải Dương, Hưng Yên thì nhỏ, yếu thôi, lúc nào chiếm cũng được. Tuy hắn nhiều quân hơn Gác-nhê, hắn không dám phân tán lực lượng như Gác-nhê. Ấy thế mà hắn cũng không thoát khỏi vận mạng của Gác-nhê 10 năm về trước.

Được tin Nam Định lại thất thủ, Tự Đức chỉ biết than vãn với đình thần:

"Trước đến nay, thân sĩ đã từng nguyện đoàn kết ứng phó để bảo vệ, sao đến đỗi không mưu toan trước để cho chúng nó được nhàn rỗi, được Lũng rồi trông Thục, dây dưa lan rộng, khó chống lại, sĩ khí quả đã ngày càng tan rã!"[1].

Trong thơ ngày 17-3 gửi cho Ri-vi-e 10 ngày trước khi Nam Định thất thủ, Khâm sứ Ray-na ở Huế đã chẳng bắt mạch được tâm trạng của Tự Đức rồi sao?

"Ở đây (Huế) người ta (đình thần) ngồi không và vô tư vô lự trông đợi kết quả của hai phái đoàn (đi Quảng Châu và đi Thiên Tân). Không có ai tin tưởng lắm đâu; tâm trạng của mọi người là chắc rằng (Huế) phải nhượng bộ khi chúng ta đòi hỏi nước Annam từ biên canh Trung Quốc đến Nam Kỳ phải trở thành xứ bảo hộ của ta. Nhưng không ai dám nói thẳng với nhà vua cho nhà vua nhìn

1. *Dương sự thủy mạt.*

https://tieulun.hopto.org

nhận ngay từ giờ. Người này đánh lừa người kia, bảo nhau mong đợi ở hai phái đoàn, tin cậy ở cái cản. Nhưng mà họ cũng hiểu với nhau cả".

Khâm sai Nguyễn Chánh hoàn toàn ngồi yên, không quấy rối Nam Định, mặc dầu rằng trong lúc ấy ở Gia Lâm và Hà Đông, quân ta tấn công vào Hà Nội. Pháp lập ngay đồn thương chánh, nó tuyên bố thủ tiêu các chặng thuế thương chính nội địa để được lòng thương gia, nhất là thương gia Hoa kiều[1]; những thương gia này và một số nhỏ tổng lý đã cộng tác ngay với Pháp sau khi Pháp lấy Nam Định. Pháp lại nắm ngay sở buôn bán á phiện và các nhà đánh bạc mà trước đó triều đình cho người tư nhân thầu. Lúc ấy cố Puy-gi-nhê và cha Nghiêm (Pháp gọi là père Majesté) hoạt động rất dữ để cho người theo đạo ủng hộ quân Pháp và để xui người giáo đánh đập người lương, hăng hái cho đến đỗi Ri-vi-e phải cho là thất sách. Chúng giao súng cho Puy-gi-nhê (50 cây). Puy-gi-nhê tổ chức ngụy quân ngụy quyền ở vùng công giáo. Ri-vi-e nói: *"Nhà thờ là một tổ chức kiên cố và rất có kỷ luật, cho nên sẽ là tay sai đắc lực nhất cho ta trong cuộc chiến tranh ở xứ Annam này"*. Pháp bắt đầu trả lương nhữ cho các cấp quan lại về làm việc cho chúng.

Lúc ấy ở Huế, Ray-na thấy tình hình quá găng, không còn thương thuyết gì, Pháp sắp ra tay tấn công ngay ở Huế; hắn bỏ sứ quán mà về Sài Gòn. Ray-na rời khỏi Huế ra ở Bắc, Ri-vi-e được tự do hành động hơn. Đến tình thế này mà triều đình cũng chưa ra lệnh kháng chiến. Trong lúc ấy hạm đội Đông Hải của Pháp đến đậu ở vịnh Hạ Long dưới đồn của Pháp vừa mới xây dựng, Ri-vi-e sẽ mượn thêm quân của hạm đội ấy mà hoạt động ở Hà Nội. Được tin Hà Nội bị bao vây và bị tấn công ngay trong lúc chúng đánh Nam Định, Ri-vi-e lật đật về Hà Nội.

1. Số tiền mướn thầu a phiến tại Nam Định là 63.000 quan digature, mỗi năm. Ấy là một số tiền rất lớn theo hồi đó, chứng tỏ tiền bạc rất thông dụng.

IV. TẤN CÔNG CỦA TA VÀ PHẢN CÔNG CỦA ĐỊCH QUANH HÀ NỘI

1. Trận Gia Lâm

Đạo quân Bắc Ninh và đạo quân Sơn Tây thừa lúc Ri-vi-e đem binh đi Nam Định, kéo về thắt chặt vòng vây quanh Hà Nội. Trương Quang Đản và Bùi Ân Niên dâng sớ về kinh xin đánh và đồng thời đem quân đóng ở tả ngạn sông Hồng, tại Gia Lâm, Văn Giang, đối diện với địch ở Đồn Thủy, tự mình Đản và Niên đốc chiến.

"Hiện nay binh trận mọi đạo đều đã nghiêm chỉnh, nghĩ nên trước tiên khởi sự ở chỗ nó đóng tại Hà Nội, may nhờ uy phúc của nước nhà, có thể sấn đến nhổ được cái Đồn Thủy của nó, rồi, một thì để quân chiếm giữ lấy, một nửa chọn mấy đạo quân luyện đi nhanh nuốt đường xuống cứu viện Nam Định, ngõ hầu đuổi kịp sự cơ"[1].

Ngày 24-3-1883, liền sau khi Ri-vi-e đem binh đi Nam, nhân dân Hà Nội bắt đầu tản cư. Để thị uy, để làm yên lòng những nhóm người thân Pháp, Béc-tơ đờ Vi-le[2] (người thay cho Ri-vi-e giữ Hà Nội) đem 230 quân, dưới mưa to, đi vòng quanh thành và qua các phố; hắn võ trang cả cho những người Pháp đang ốm để phòng bị cuộc tấn công.

Lúc ấy quân ta tụ tập đông đảo ở tả ngạn, ban đêm tiếng còi lệnh inh ỏi; sự chuẩn bị tấn công không bí mật. Thấy 50 thuyền đậu ở tả ngạn, Vi-le sợ quân Bắc Ninh đổ bộ sang Hà Nội nên ra lệnh cho quan tổng đốc bắt dân phải dời thuyền ấy qua hữu ngạn dưới sự kiểm soát của tàu chiến Lê-o-pác-đi[3].

Đêm 26 rạng 27, từ 1 giờ đến 3 giờ, quân ta đánh vào thành, tấn công kho thóc là nơi mà mấy hôm trước quân Pháp còn đóng nhiều, hiện còn đóng ít. Địch nghi rằng ý định của quân ta bấy

1. *Dương sự thủy mạt.*
2. Berthe de Villers.
3. Leopardi.

https://tieulun.hopto.org

giờ là đánh để quân Pháp ở Đồn Thủy kéo đến cứu viện rồi thừa hư mà qua sông vào chiếm Đồn Thủy, nơi trung tâm của địch. Cho nên địch không tiếp viện thành. Nhưng quân ta cũng không chiếm được kho thóc.

Hôm sau, địch đem 100 quân qua sông. Một toán địch tiến thẳng vào làng Gia Quất và Thượng Cát. Vi-le vừa lên bờ để toan cắt con đường về Bắc Ninh thì bị quân ta chặn đánh. Gia Quất và Thượng Cát là những làng được quân ta phòng thủ, có nhiều đại bác, địch bị chặn đứng lại. Đến chiều địch không tiến nổi, phải rút lui qua sông, quân ta truy kích.

Ngày 28-3, địch lại đem 200 quân qua sông, lục lọi các xóm ở bờ sông rồi tiến về Gia Quất, có đại bác tàu chiến yểm hộ. Quanh làng có lũy đất và rào tre. Tại Gia Quất, hai bên đấu súng rồi đánh giáp lá cà. Theo lời của Vi-le thì "người Annam đánh đến cùng, giật cả súng của lính Pháp". Như vậy tức là trận Gia Quất này rất kịch liệt. Quân ta ở Gia Quất rút lần về hướng Bắc Ninh và hướng làng Bát Tràng. Địch phóng hỏa đốt rụi cả làng Gia Quất. Căn cứ Thượng Cát vẫn tiếp tục chống cự với địch, đến khi quân ta rút lui thì địch lại đốt luôn cả làng Thượng Cát. Quân ta lại tụ hợp trên sông Đuống mà phản công, toan đi vòng cắt đường rút lui của địch; địch phải hối hả rút qua sông Hồng sau khi đốt nhiều xóm làng khác nữa. Trong trận này Trương Quang Đản trực tiếp đốc quân.

2. Lục đục trong các tướng lĩnh của triều đình và giữa triều đình với các tướng lĩnh

Trương Quang Đản, Bùi Ân Niên đánh được vài trận, thổi phồng công mình lên, dâng sớ trách Hoàng Tá Viêm. Kỳ thật, quân Pháp với số quân bấy giờ, chỉ có thể mở rộng vòng vây, phá những căn cứ sát bờ sông, và điều ấy thì chúng nó làm được. Triều đình thấy trong lúc Nam Định thất thủ, và Pháp bị đánh lui ở Gia Lâm mà Hoàng Tá Viêm không làm gì thì khiển trách Viêm, Viêm bị

cách lưu (triều đình không biết rằng Viêm đã điều động quân về Hà Đông và đã cho quân vào đánh đồn kho thóc Hà Nội. Thực tế thì giữa Viêm và Đản lúc ấy không có kế hoạch ăn khớp với nhau, kẻ đánh người nghỉ, kẻ nghỉ người đánh, rất loạc choạc). Viêm cũng đệ sớ tâu về kinh rằng Bùi Ân Niên chưa am hiểu việc binh, xin rút Đản về kinh. Trong lúc Niên chưa có chỉ triệu. Viêm thường giục giao quân của Niên cho mình chỉ huy. Niên bực tức tố cáo rằng:

"... Người Pháp mưu quấy tỉnh Bắc, việc phòng Bắc nghiêm khẩn, từng đem việc trình lên. Thống đốc thần không thẩm xét bàn bạc gì cả, luôn luôn tự kéo lấy quân, tất muốn cho mình mà bạc láng giềng, lại muốn làm trái lệnh nhằm cơ hội, thêm tội cho người khác. Đại thần dụng tâm như thế, thực không thể hiểu. Gần đây, cứ theo ý Lưu Vĩnh Phúc, tiến, ở, chậm, nhanh, Thống thần cũng chỉ theo Vĩnh Phúc chủ định. Thế là không nghĩ đến việc nước, chỉ biết nắm quyền để đè nén kẻ dưới, khiến người ta không cất tay lên được"[1].

Như thế, sự mất đoàn kết ấy, trong lúc nước nhà nguy biến, thật là khác hẳn với sự đoàn kết của nhà Trần lúc quân Nguyên sang đánh nước ta.

3. Thanh quân lại nhập Việt

Trước sự lan rộng của Pháp, Bố chính Quảng Tây Từ Trần Húc đem quân đến biên giới; Thanh Thống lĩnh, Hoàng Quế Lan, đem quân qua đóng ở Lạng Giang, phái Trần Đắc Quý tiến quân đóng ở huyện Yên Dũng và phái Diệp Phùng Xuân tiến đóng ở tả ngạn sông Đáp Cầu, còn Vi-tri-Lễ[2] tiến đóng ở Hùng Lâm, tất cả làm thanh ứng cho nhau.

Nhưng khi sứ thần tỉnh Bắc thương lượng với Quế Lan, yêu cầu Quế Lan sang đóng ở hữu ngạn hai sông Nguyệt Đức, Chiêm

1. *Dương sự thủy mạt.*
2. Nhà xuất bản chưa tra được từ nguyên.

https://tieulun.hopto.org

Đức thì Quế Lan chối từ, nói rằng chưa có lệnh, chỉ giúp ngầm và cung cấp súng đạn cho Lưu đoàn.

Bên mặt Sơn Tây thì Đường Cảnh Tùng - phái viên Thanh sau khi ở Huế về Hải Phòng, lên bộ, đi mọi tỉnh Bắc Kỳ để điều tra tình hình - được Hoàng Tá Viêm xin lưu lại cùng với Lưu Vĩnh Phúc giúp lo việc binh. Tự Đức được báo tin, dụ cho sứ thần "phải tự lo việc của mình", nhưng đồng thời lại truyền cho khắp dân gian rằng Đại Thanh quyết cùng ta giữ toàn bộ bờ cõi Bắc Kỳ, gây tâm lý ỷ lại cho binh sĩ.

Chính trong lúc Đường Cảnh Tùng ở Sơn Tây là lúc hắn ta nhân danh khâm sai của nhà Thanh để mấy lượt xui Lưu Vĩnh Phúc thừa cơ quan quân Việt Nam suy yếu để bắt Hoàng Tá Viêm, giải tán quân đội Việt Nam, rồi lên ngôi vua; hắn, Đường Cảnh Tùng và Hoàng Quế Lan sẽ giúp cho, mà đó là lệnh của "Thiên triều" nhà Thanh. Đường cho mời Lưu đến dinh, đuổi kẻ hầu cận ra rồi nói trắng với Lưu:

"Vua Việt thế thua, vận suy, địa phương rối loạn... ông có thể nhân thời cơ ấy đem số quân Việt Nam giết hết đi, tức là lên ngôi cửu ngũ, làm sao mà không được?... Đường mỗ đây thấy thời không thể bỏ lỡ, xin đặc biệt giúp ông, ấn tín đã dự bị sẵn cả, ông nên đi trước hành sự không thể bỏ lỡ cơ hội tốt; người xưa nói "Thức thời vụ là hào kiệt""[1].

Lưu Vĩnh Phúc bất bình, không lãnh ý và đáp ngay:

"Trung thần thờ vua cần nhất răn dối trá, dối trá còn không nên, huống chi thân chịu ân nước Việt, chức đến đề đốc, lại đi làm cái việc thoáng nghịch đấy ư?"[2].

Tên thầy địa lý Đường Cảnh Tùng cứ nằn nì rằng nếu Lưu không làm theo kế va thì va không dám về phục mạng ở "Thiên Triều" nữa; Lưu lại bảo:

1. Trích *Trung Pháp chiến tranh* - Lưu Vĩnh Phúc chống Pháp lần thứ hai.
2. Trích *Trung Pháp chiến tranh* - Lưu Vĩnh Phúc chống Pháp lần thứ hai.

"Tôi chỉ nói một điểm đạo lý thường thức thôi, hiện nay nước Việt là phiên thuộc của thiên triều; nước Việt hữu sự, thiên triều còn cần phải đem quân sang giúp, hết sức duy trì mới là biện pháp chính đáng. Sao lại có thể nhân lúc người ta nguy mà cướp đất của người ta? Vì có được, người Việt tất không phục"[1].

Càng rõ các câu chuyện này, người Việt Nam đã kính trọng tài ba của Lưu đề đốc, lại càng cảm phục đạo đức của ngài.

Chuyện này ăn khớp với chuyện Lý Hồng Chương và Bu-rê bàn nhau chia tay đất nước Việt Nam. Đề đốc Lưu Vĩnh Phúc chẳng những là một viên thượng tướng, cũng là một đại trượng phu.

V. TRẬN CẦU GIẤY. ĐỀ ĐỐC LƯU VĨNH PHÚC ĐẠI THẮNG LẦN THỨ HAI. RI-VI-E BỊ GIẾT

Pa-ri tán đồng việc đánh lấy Nam Định, mặc dầu có ít nhiều trách cứ tại sao Sài Gòn để cho Ri-vi-e hành động có hơi sớm, chỉ thị cho Ri-vi-e rằng phải ngừng lại đó thôi, bởi vì Pháp không thể gửi binh tăng viện trước tháng 5 được, bởi vì chừng ấy nghị viện mới chuẩn y quân phí. Nhưng đồng thời, điện cho Sài Gòn sẵn sàng tiếp sức Hà Nội; Sác-lơ Bơ-ron[2] Bộ trưởng Bộ Hải quân và Thuộc địa điện cho Đô đốc May-de chỉ huy hạm đội Pháp ở Hương Cảng phải dời đến Bắc Kỳ mà giúp sức cho Ri-vi-e. Chính phủ Pháp lại sai Đờ Kéc-ga-ra-dec trước là lãnh sự ở Hà Nội, nay trở qua Việt Nam, làm đặc sức với nhiệm vụ là chuẩn bị về chính trị để đặt sự bảo hộ hoàn toàn, làm sao cho các quan triều đình chịu để quân Pháp chiếm đóng tất cả các tỉnh Bắc Kỳ mà khỏi phải nổ súng như hồi 1867 ở miền Tây Nam Kỳ, làm sao cho triều đình Huế nhận mất quyền ngoại giao, thương chính và quân sự.

Từ Trung Quốc, Bu-rê điện về cho Lơ-coan[3], Bộ trưởng Bộ Ngoại giao Pháp, rằng trước đây chính phủ Bắc Kinh tin rằng có

1. Trích *Trung Pháp chiến tranh* - Lưu Vĩnh Phúc chống Pháp lần thứ hai.
2. Charles Brun.
3. Nhà xuất bản chưa tra được từ nguyên.

https://tieulun.hopto.org

thể thương lượng với Pháp được nên lần lượt rút quân; nay Pháp không chịu thương lượng, nên 10.000 quân ấy lại vượt qua biên giới và sẽ còn qua đông hơn nữa; cả Trung Quốc đương chuẩn bị chiến tranh; *"nếu các ông cứ theo đường lối đã qui định thì hãy sửa soạn một cuộc đấu tranh cẩn thận nhất mà lời lẽ hòa nhã nào cũng không còn có thể ngăn cản được. Tôi sẽ là một nhân viên không thành thực nếu tôi không nói với các ông như thế"*. Bu-rê liền bị truất chức phái viên Pháp ở Trung Quốc. Pháp chuẩn bị gấp rút một cuộc viễn chinh lớn khi nghị viện sẽ công nhận ngân sách cho cuộc viễn chinh là 5.500.000f.

Đầu tháng 5, quân ta khép chặt thêm vòng vây chung quanh Hà Nội, và từ đêm 8, đại bác bên kia sông nhả đạn vào Hà Nội; đêm 15-5 quân ta vào đánh căn cứ nhà thờ Hàm Long của địch. Ri-vi-e hoảng hốt xin binh từ Hải Phòng lên, từ hạm đội Pháp đóng ở vịnh Hạ Long đến, và từ Sài Gòn ra (gồm có quân Pháp đóng ở Quy Nhơn và ngụy quân Nam Kỳ). Ri-vi-e thấy hắn bị kẹp giữa hai đạo quân Sơn Tây và Bắc Ninh; vòng vây càng ngày càng nghẹt thở, Ri-vi-e có đem binh qua sông Cái đốt phá các làng ven sông một lần nữa, nhưng đến chiều thì rút về Đồn Thủy; đêm đến đại bác bên Gia Lâm lại nổ qua, có đêm đến hàng 80 phát.

Được tiếp viện, quân Pháp ở Hà Nội cũng không yên tâm. Lưu Vĩnh Phúc trong đạo quân Sơn Tây dán yết thị ngay trong phố xá Hà Nội gọi Ri-vi-e ra đánh trên cánh đồng phủ Hoài Đức. Thừa đêm, quân ta vào thành phố đốt phá cơ sở địch. Ri-vi-e không xuất quân thì không trấn tĩnh tinh thần của bè lũ, xuất quân thì liệu có thể bị đánh bại. Hắn định nới bớt vòng vây "cho có không khí để thở"; Sài Gòn cũng đồng ý như thế.

Tuy Ri-vi-e giữ kế hoạch hành quân rất bí mật, đến 6 giờ chiều ngày 18 mới phát rượu mạnh và thịt tươi cho lính; 3 giờ rưỡi sáng quân lính dậy ăn uống rất êm để xuất trận, nhưng quân báo của Lưu Vĩnh Phúc biết được động tĩnh và phương hướng của giặc.

Quân ta bố trận đón giặc sau Cầu Giấy; cánh tả có đội quân của Dương Trứ Ân, cánh hữu có đạo quân của Ngô Phương Điển, Lưu Vĩnh Phúc và Hoàng Trung Thư ở trung quân mà ứng chiến. Quân mai phục rất kín trong các làng ở sau Cầu Giấy cốt cho địch sang cầu rồi mới đánh rất gần. Quân số Việt Nam ở vùng Cầu Giấy không quá 1.000; đại quân thì đóng ở phủ Hoài Đức, võ trang khá, tập luyện thuần thục, tất cả dưới quyền chỉ huy của Hoàng Tá Viêm. Trong lòng địch thì tin tức hành quân của Ri-vi-e được người thông ngôn Nguyễn Văn Lộc đưa ra bí mật cho Hoàng Tá Viêm.

Bấy giờ trong Hà Nội, Pháp có 750 quân. Địch ỷ vào đại bác và tàu chiến. Trong trận xuất quân này, bên Pháp để lại Đồn Thủy chỉ 200 người, xuất trận 550 với 3 đại bác dã chiến. Địch xuất phát từ 4 giờ sáng. Đi đầu là đại đội thủy quân lục chiến do quan hai hải quân Sin-tít[1] chỉ huy; trung quân gồm phần lớn lực lượng Pháp, với đại bác, do quan hai hải quân Pi-se-rơ[2] chỉ huy; kế đó là cu ly tải thương; hậu quân lại một đội thủy quân lục chiến khác. Tất cả dưới quyền chỉ huy của Đại tá Vi-le đi với đại quân chính giữa mỗi cây súng có 100 viên đạn. Ri-vi-e ngồi xe ngựa theo sau. Đây là lần xuất quân đông đảo nhất của Pháp xưa nay ở Bắc Kỳ. Bọn Pháp tưởng cũng bở ăn như lần khác, cho nên có những cậu không có vai trò gì, như một viên kỹ sư đường thủy cũng xin đi, lót tót theo xe.

Tất cả theo đường Sơn Tây mà tiến lên hướng Phủ Hoài. Quân ta đóng ở ngoại ô, rút lui ra khỏi những làng hai bên đường, địch trông thấy mà không bắn vì lệnh của chúng là tới 700m mới được bắn. Tiền quân địch chia nhau lục lọi các thôn gần đó, không thấy gì, địch tiến mau lên Cầu Giấy mục đích là để quân ta không kịp phá cầu, nào dè rằng ngụ ý của quân ta là để cầu cho địch qua cầu rồi sẽ đánh. Tiền quân Pháp vừa qua cầu thì súng ta nổ lên, cách

1. Nhà xuất bản chưa tra được từ nguyên.
2. Nhà xuất bản chưa tra được từ nguyên.

https://tieulun.hopto.org

địch chỉ có 30 thước, quét địch chết nhiều ngay trong phút đầu; địch đã lỡ trớn cố qua cầu, cố chiếm trận địa ở hai bên tả hữu con đường cái cách làng Hà Yên Khê bằng một con rạch nhỏ (Hà Yên Khê tức Hà Yên Quyết hoặc Kẻ Cót, làng này ở bên kia và về phía tả Cầu Giấy). Trên đường đê địch giàn đại bác sau Cầu Giấy.

Địch do Săn-tít cầm đầu xông vào Hà Yên Khê. Lúc đó pháo binh địch qua cầu. Quân ta ở trong làng Địch Vọng Trung (cũng gọi là Trung thôn) bắn súng trường và liên thanh ra tiếp ứng cho Hà Yên Khê. Địch sợ tập trung đông quá ở trong một làng dù là làng lớn như Hà Yên Khê thì dễ bị tiêu diệt nên mặc dầu chúng chưa chiếm được Hà Yên Khê, chúng cũng chia bớt ra, một toán địch xông vào Địch Vọng Tiền (tức là Tiền thôn) mà nhất là Địch Vọng Trung, đại quân của chúng vẫn đánh trong Hà Yên Khê. Trung thôn có lũy tre dày, địch khó vào, hễ xáp đến thì bị bắn rát.

Bên phía Pháp thì viên tổng chỉ huy, Đại tá Đờ Vi-le bị tử thương rồi. Nhưng bên ta thì trong các cuộc đánh xáp lá cà, tả dực Dương Trứ Ân cũng bị tử thương, hữu dực Ngô Phương Điển lại bị thương nữa, quân sĩ hơi lùi. Lúc ấy Lưu Vĩnh Phúc và Hoàng Thư Trung xông ra trận, tả dực được điều động đánh vào sườn hữu của địch, địch chết rất nhiều, Pháp bị chặn đứng lại. Địch bắn liên thanh tới tấp để bảo vệ - sườn hữu mà không ngăn được Lưu Vĩnh Phúc tiến tới. Núng thế, địch bắt đầu lo rút lui; địch hối hả chạy đi gọi toán đánh ở Trung thôn tả dực của chúng về, sợ bọn này lại bị bao vây. Một toán địch rất khó nhọc mới có thể rút qua cầu, núp sau đê yểm hộ cho đại quân của chúng rút qua cầu. Thấy địch đang rút quân, ta thổi còi, hò thét xung phong, càng đánh hăng trên cả ba mặt, bắn xả vào đại quân địch dồn chật trước cầu, đương chen lấn nhau qua cầu. Tiếc rằng lúc đó không có phục binh sau cầu bên đường về Hà Nội, có một đội phục binh như thế thì có thể chuyển cái đại bại của quân Pháp thành một sự tan rã hoàn toàn. Lính Pháp bỏ đại bác chạy, các võ quan phải xúm lại kéo đại bác, tất cả chen nhau chạy qua cầu hẹp dưới làn đạn của ta,

không mang được người bị thương và người tử trận trong số ấy có tổng chỉ huy Pháp ở Bắc Kỳ Hăng-ri Ri-vi-e. Lúc ấy là 7 giờ; cuộc chiến đấu bắt đầu từ 5 giờ sáng. Địch không sức mà cũng không còn hồn phách để phản công:

"Giá thử như tụ hợp được một đội xung kích đủ mạnh để phản công thì một lần thất bại nữa sẽ đưa đến chỗ hoàn toàn tan rã"[1].

Sợ rằng đường từ Cầu Giấy về thành dài trên 3 cây số, làng mạc đông đúc hai bên, lại có thể bị đánh nữa nếu chậm trễ, nên địch chạy mau về phía chỗ Gác-nhê chết hồi 10 năm về trước, lập một hỏa tuyến thứ hai yểm hộ cho đại quân chạy hổn hển về Hà Nội.

Quân ta không truy kích.

Địch chết 5 sĩ quan, 6 sĩ quan bị thương, 28 lính tử thương, 45 bị thương nặng, và rất nhiều bị thương nhẹ. Mãi đến tháng 9 năm 1883, địch mới dám bén mảng đến Cầu Giấy để tìm xác, tìm đầu của chủ tướng Ri-vi-e và các quan quân tử trận khác. Ri-vi-e đền tội trước dân ta, mà cũng đền tội trước nhân dân Tân Đảo, nơi đây năm 1878, Ri-vi-e tàn sát phong trào ái quốc khởi nghĩa của người Ca-nác[2] dưới quyền lãnh đạo của A-Tai[3]. Bọn Pháp ở Hà Nội nhờ Nguyễn Hữu Độ và mấy người Hoa thương ra Phủ Hoài xin thây Ri-vi-e và bè lũ, nhưng đám này đành về không.

Lưu Vĩnh Phúc được triều đình thăng thụ đề đốc, chánh nhị phẩm; Hoàng Thư Trung được thăng thụ Tuyên úy sứ Lãnh binh; Ngô Phương Điển được thăng thụ Tuyên úy phó sứ Phó Lãnh binh; Thống đốc Hoàng Tá Viêm được khôi phục nguyên hàm, gia thưởng hai cấp quân công mặc dầu quân bảo bộ của ông chỉ xem đánh mà không tham gia, cũng không biết đón đường địch, khi địch triệt thoái lộn xộn. Viêm không phải là một viên tướng có tài. Dương Trứ Ân truy thụ tuyên úy phó sứ Phó Lãnh binh. Dân

1. Lời báo cáo của Pít-se gởi cho Thống đốc Nam Kỳ về trận Cầu Giấy.
2. Kanak (cũng viết là Canaque).
3. Ataï.

https://tieulun.hopto.org

tâm sĩ khí quật khởi. Pháp đã có lệnh rút hết quân ở Quy Nhơn, Hòn Gai; đội quân đóng ở Nam Định cũng được lệnh chuẩn bị bỏ thành nếu bị công kích. Ấy thế mà triều đình không làm gì cả, như bằng lòng với một trận Cầu Giấy. Nam Định có hàng mấy nghìn quân chính quy chứ phải ít đâu? Bên kia sông, Trương Quang Đản chỉ bắn đại bác qua Đồn Thủy. Bên này Hoàng Tá Viêm rút quân về Phủ Hoài (cách Cầu Giấy 3 cây số). Gặp lúc nước hè lên mạnh, phần lớn quân triệt về Sơn Tây. Viêm lại điều số quân của Trương Quang Đản đã phải sang cùng hội tiểu trở về tả ngạn.

Được tin Ri-vi-e tử trận, chính phủ Pháp chỉ định tên Đô đốc Mai-de[1] thay thế, Phe-ri[2] càng gấp rút vận động cho nghị viện chuẩn y ngân sách lớn (5.500.000 quan) để gửi đại quân sang xâm chiếm toàn bộ Việt Nam. Triều đình Tự Đức không biết thừa phút tâm lý mà tranh thủ thời gian để tiêu diệt địch đương bị rung động, phân tán và còn ít; Huế không biết hô hào toàn dân kháng chiến, nhất là ủng hộ dân Nam Kỳ nổi lên giết giặc. Ngược lại triều đình Huế cứ chờ chờ đợi đợi, còn các tướng lãnh trừ Lưu Vĩnh Phúc thì mượn cớ nước hè lớn để nghỉ quân, không chịu tấn công vào thành Hà Nội. Chiến đấu mà quên mà nhẹ yếu tố tâm lý, yếu tố tinh thần thì thắng làm sao? Chiến đấu mà không biết quý thời gian, không chịu đánh địch đang giao động, ít người, bị động, chờ khi nó tỉnh lại, tăng viện và chủ động, thì mới chống đỡ, đánh giặc như thế thì thắng làm sao?

* * *

TÓM LẠI

Khi Hà thành thất thủ lần thứ hai thì tại Huế có hai xu hướng chính trị: một là hòa nhượng, nhận lời Pháp sửa đổi Hòa ước 1874; hai là cầu viện quân Thanh, mà cầu viện quân Thanh không phải để hợp sức với Thanh, đem toàn lực quốc gia đánh bật Pháp ra

1. Mayer.
2. Ferry.

khỏi toàn bộ lãnh thổ, mà nhờ quân Thanh làm áp lực cho Pháp không đòi hỏi gì thêm hay đòi hỏi thêm được ít thôi.

Năm 1876 sứ Thanh ở Pa-ri đã tuyên bố không nhận Hòa ước 1874. Bây giờ, 1882, sứ Pháp ở Trung Quốc là Bu-rê tuyên bố với Bắc Kinh rằng Thổ Nhĩ Kỳ không thể bắt buộc Pháp ra khỏi Tuy-ni-di thì Trung Quốc không thể bắt buộc Pháp ra khỏi Bắc Kỳ được. Nhà Thanh sợ Pháp lấy Bắc Kỳ làm bàn đạp xâm phạm tây nam Trung Quốc, nên cũng đem binh vào Bắc Kỳ bằng hai đường Vân Nam và Quảng Tây, nhưng tuyệt nhiên không đụng chạm với Pháp. Hơn nữa, Bu-rê và Lý Hồng Chương đã thương lượng với nhau chia đôi Bắc Kỳ; với điều kiện đó quân Thanh chịu rút về.

Bọn thực dân Pháp ở Hà Nội, Sài Gòn được tin ấy, bèn nhanh tay chiếm lấy Hòn Gai, để vùng mỏ khỏi lọt vào tay Lý và đằng sau Lý Hồng Chương là Anh. Địch mở rộng cuộc xâm chiếm ra Nam Định. Quân Thanh thấy thế lại nhập Việt lần thứ hai.

Mặc dầu triều đình do dự, quân và dân ngoài Bắc quyết trống mái với địch một phen; quân thứ Bắc Ninh do Trương Quang Đản kéo về chiếm lại Gia Lâm, bắn đại bác qua Đồn Thủy, Hoàng Tá Viêm đem binh Sơn Tây xuống bao vây Hà Nội.

Ri-vi-e bị kẹp giữa hai đạo quân siết Hà Nội ngày càng chặt, cố nới vòng vây ấy ra mà chờ viện binh. Ngày 19-5-1883, một trận kịch chiến xảy ra ở phủ Hoài Đức, ngoài Cầu Giấy. Quân Pháp đại bại; quân ta đại thắng; một lần nữa Lưu Vĩnh Phúc lập kỳ công giết được Ri-vi-e. Quân Pháp các nơi rủn chí, đang dự bị rút khỏi Nam Định, Hòn Gai, Quy Nhơn. Ấy thế mà bên triều đình không để cho Vĩnh Phúc tiến đánh vào thành, cho các quân thứ xông vào cứ điểm của địch, mà chỉ chẩn chờ mong Pháp rút quân tự giao thành như hồi 1874. Nước lớn lên, đê vỡ, hai quân thứ Bắc Ninh, Sơn Tây trở về căn cứ, địch có thì giờ củng cố và tăng viện để đối phó.

https://tieulun.hopto.org

PHỤ LỤC CỦA CHƯƠNG 14

I. LƯU VĨNH PHÚC LÚC MỚI ĐẾN VIỆT NAM

(Viết theo tài liệu của bộ "Trung Pháp chiến tranh")

Lúc bấy giờ lực lượng của Thái bình Thiên quốc đã tan rã trước sự tấn công của nhà Thanh liên hiệp với các đế quốc (Thái bình Thiên quốc, căn bản là một cuộc nông dân chiến tranh, phản phong và phản đế).

Lưu Vĩnh Phúc là tả dực của Ngô Á Trung ở Quảng Tây. Lương thực của Ngô Á Trung gần hết mà hàng vạn quân Thanh bốn mặt bức gần. Lưu Vĩnh Phúc muốn đi Ba Đẩu để tìm lương, ba lần bàn với Ngô, Ngô mới cho đi. Lưu cùng với 200 quân đi Ba Đẩu; nhân dân các thôn lớn ngưỡng mộ tiếng tăm của Lưu, nên ông đến đâu đều được cung cấp đầy đủ. Bộ tướng của ông là Nông Tu Nghiệp bàn đi qua Thái Nguyên, Việt Nam, ông cho đi; Nông và Hoàng Thủ Trung sang Việt Nam. Còn Lưu thì ở lại Ba Đẩu, cũng không về với Ngô. Binh sĩ bàn nhau xin với Lưu không về với Ngô, xin Lưu tự dựng một ngọn cờ riêng.

Anh em thề nguyền với nhau, tuy lương hết, nhưng tin rằng "thuyền đến đầu gành sẽ thấy đường sông", "trời sinh chúng ta, khó lòng nói chết đói được", "vừa đi vừa tính". Bấy giờ là năm Ất Sửu, Lưu 29 tuổi.

Lưu bàn sang Việt Nam tìm nơi dụng võ, tìm chỗ dung thân. Mọi người đều nghe. 200 người kéo nhau qua Đại Lĩnh, vào yết kiến Hứa Nguyên Bân, người Na-lặc[1], vốn ở Khâm Châu, xưng hùng cứ hiểm ở tại núi này chống với triều đình Thanh, vốn anh em cá nước với Lưu. Lưu bày tỏ rằng:

1. Nhà xuất bản chưa tra được từ nguyên.

"Đệ ngu hèn, sao đủ mưu đồ đại sự; chỉ thấy hiện nay Annam đang bị bọn Miêu Dao làm phản, đều giữ một phương, vua nước Việt đánh thì thua, không có cách gì cứu trăm vạn sinh dân; đệ đi chuyến này xem xét tình hình, ý muốn giúp vua Việt đánh giặc Miêu Dao; việc có thể làm được thì làm, không làm được thì lại tùy cơ mà ứng biến".

Hứa Nguyên Bân xin Lưu "nếu như gió tiện, xin báo tin" để Hứa sẽ cùng qua.

Ngày hôm sau Lưu đoàn đến Cao Bằng.

Từ Cao Bằng, Lưu đi Chợ Rã; trên đường đi Chợ Rã, gặp phố lớn Tô Nhai, đầu mục vùng này là Đặng Chí Hùng (tức Đặng Vãn), Lương Tuấn Tú (tức Lương Sơn Đại) có hơn 100 người chiếm giữ ở đây, được người Thổ ủng hộ. Nông Tú Nghiệp, Hoàng Thủ Trung đến hội. Nông và Hoàng có ý định giết Đặng rồi rước Lưu về làm chủ. Lưu nghe rõ, bảo rằng:

"Không làm như thế được! Chúng ta mới bắt đầu ra làm việc, chưa biết nam bắc đông tây, ai là định cục, chuyên giảng nghĩa khí mới có thể tin dùng mà hy vọng phát đạt; bằng làm như thế thì ân đem báo thù, lần sau muốn đi xứ khác, phong khí truyền đi, ai còn dám dung? Ta e không chỗ nương thân nữa; trời đất tuy rộng, còn nơi nào là chỗ trú chân? Rất may là anh chưa làm việc ấy, bằng việc ấy xong rồi, như ta biết rõ tình tiết cũng bất tất đến nữa. Anh phải luôn luôn ghi nhớ, chớ có khinh động mới là thượng sách".

Lưu ở Tô Nhai 5 tháng, kết nghĩa với Đặng Chí Hùng bàn với Đặng cùng "qua đánh Lục Yên châu, may mở con đường tốt". Trên đường đi gặp quan quân triều đình tuần tiễu, Lưu vẫn giao thiệp, hoặc tránh đi, chiêu mộ thêm người ở Ba Bể và các nơi, đi tới đâu mua bán tử tế. Đến Lục Yên châu, Lưu đoàn đã trên 400 người, được dân hoan hô, Lưu bèn công bố trật tự, lập ra quân Cờ Đen, Đoàn Trung Hòa, tự nguyện đem hết sức bảo hộ dân, được dân cung cấp đầy đủ lương thực; lúc bấy giờ ông 31 tuổi.

https://tieulun.hopto.org

Vùng Lục Yên châu, lâu nay, người Mèo cát cứ, triều đình không làm gì được; dân chúng dưới đồng tin cậy ở Lưu để chống lại người Mèo. Sau mấy trận đánh lớn nhỏ, người Mèo thua nặng, không khuấy rối nữa, còn các vùng xa gần Lục Yên dù cách 7, 8 ngày đường cũng phục lòng Lưu Vĩnh Phúc, tình nguyện cấp lương thực, cầu ông che chở chống phỉ. Ông lại dùng mưu giết được Bàn Văn Nghĩa đóng ở gần sông Hồng hùng cứ đã lâu ở đây, triều đình không trị nổi, sống bằng cướp bóc, sau vụ bình phục Bàn Văn Nghĩa thì Lưu Vĩnh Phúc liên lạc với quan quân triều đình Việt Nam, được triều đình thưởng thất phẩm Thiên hộ. Sau đó cả vùng Lục Yên - Lao Cai rộng lớn được Lưu trị an dưới quyền của quan tuần phủ; Tuần phủ Tam Tuyên tán dương Lưu: *"Được ông đến trừ cho mối lo lớn, muôn dân cảm khích, triều đình dựa trọng như Trường thành"*.

II. TRÍCH TỜ HỊCH CỦA ĐỀ ĐỐC LƯU VĨNH PHÚC BÁ CÁO BỐN BỂ

("Trung Pháp chiến tranh")

Việt Nam Tam Tuyên đề đốc bá cáo bốn bể:

... *(Đoạn này, ý muốn nói chính nghĩa về ta, Pháp xâm chiếm là phi nghĩa).*

Trước kia Pháp Lan Tây đã gây sự chiếm Sài Gòn làm cho Việt Nam nghèo yếu mãi đến bây giờ. Năm Đồng Trị thứ XII, đột nhiên đánh Bắc Kỳ, nghị hòa thông thương. Đến nay đã 10 năm, chưa hề có một lỗi nhỏ với người Pháp. Năm ngoái vô cớ đánh Hà thành; tổng đốc tuẫn nạn; binh thuyền Pháp giữ cả hạ du. Hốt nhiên sứ Pháp là Bảo Hải ở Thiên Tân đưa ra bàn việc chia giới hạn thông thương. Ừ muốn thông thương lên Vân Nam thì cứ việc thông thương; muốn đi Bảo Thắng thì cứ việc đi. Còn đất nước Việt Nam há người Pháp được quyền chiếm lấy à? Và nước Việt đã lâu nằm

ở trong sự che chở của Đại Hoàng Đế, hàng năm đem quân tiễu trừ thổ phỉ, chưa thấy giúp đỡ được một viên đạn thì còn nói bảo hộ vào đâu? Cướp thành người ta, vơ vét kho tàng người ta, lại còn nghiễm nhiên tự xưng là bảo hộ, há không đáng xấu hổ ư? Kịp đến khi bàn ước ở Thiên Tân xin Trung Quốc lui quân, mà Bảo Hải hốt nhiên về Tây, tăng thêm quân sang Việt Nam, bỏ lễ bội tín đến thế là cùng, không những ngược đãi Việt Nam, thực là dối lừa Trung Quốc. Xin đem hỏi những nước lớn Hải ngoại, xem ai vẹo ai ngay, ai mở cuộc binh đao, e rằng khó có lời mà gỡ cho Pháp Lan Tây.

Ngày 19 tháng 2 năm nay, đánh vỡ Nam Định ta, tháng 3 ngăn lương ở Phú Xuân, đánh Tân Hà thuộc Bắc Ninh, cướp Đan Phượng của Sơn Tây chỉ định nuốt cả, ngang ngược đã cùng cực. Vĩnh Phúc này là người Quảng Tây Trung Quốc, nên vì Trung Quốc mà che giữ biên cương; lại là Tam Tuyên Phó Đề đốc của Việt Nam, nên vì Việt Nam mà tiêu trừ thù địch, đốc xuất toàn quân, bức công Hà Nội, khảng khái thề quyết chiến.

(Đoạn sau đây kể lại chiến công và chí phục hồi toàn bộ lãnh thổ Việt Nam).

Chiều mùng 9 tháng tư, đốt cháy (đồn trại ở) giáo đường Hà Nội. Ngày 13, thân đem quân mạnh huyết chiến với giặc lâu 3 tiếng đồng hồ, súng nổ rền như sấm, thịt nát bay như sao, quân ta hùng dũng xông lên, không ai là một không địch nổi mười, đường đường chém tướng giặc: một quan năm, một quan ba, ba quan một, quân Pháp tử thương vô kể, ta cướp được rất nhiều súng và ngựa. Quân giặc tan chạy bị truy kích đến phía Tây thành Hà Nội, đóng cửa không ra. Than ôi! việc người Pháp đã làm, thần và người đều giận, nay bị thua lớn như thế, đạo trời thật rõ ràng. Nếu biết lỗi lui quân, theo lại hòa hiếu cũ, thì Vĩnh Phúc cũng vì dân tiếc mệnh, còn mong gì hơn. Vì bằng còn ngang trái không đổi, ngoan cố không phục, thì Vĩnh Phúc không thể cùng đội trời

https://tieulun.hopto.org

chung, nhất định gắng sức cắt hết cừu thù. Bằng lại tìm cách rông càn với Trung Quốc thì ta sẽ lễ trọng bậc anh tài, cũ hợp người trung nghĩa, một lời hịch đã phát ra, muôn quân đều tụ lại, lại nêu cờ nghĩa, đi chiếm lại Sài Gòn. Nguyên thiên hạ tức giận đã lâu, đợi cơ nương náu, như lửa đợi cháy, có kẻ xướng lên tất có họa theo, mọi người đều phẫn nộ khích phát ra, không giáo điều nào có thể cấm được.

(Đoạn kế muốn nói với những người lầm đường theo giặc, khuyên họ trở về với Tổ quốc)

Còn như giáo dân Việt ta, ở ăn trên đất này, chịu ơn nước đã sâu, lại cam làm tôi tớ cho kẻ thù, lúc cùng với quân Pháp hòa hảo thì tạm tha cho lũ các ngươi. Nay đã đánh nhau với Pháp, thì những người theo giáo là nghịch đảng rồi. Bằng nay biết cải quá tư tân, báo cho ta biết địch tình, kết với ta bằng nội ứng, thì vẫn được khen thưởng hậu đãi.

Lại như dân cũ ở Sài Gòn, há lại không nhớ về cố quốc; thế mà lại nguyện làm hướng đạo cho giặc, mất hết thiên lương; nếu ở trận tiền biết chạy qua, thì tha cho tội chết.

Còn những họ lồng lộng áo mũ, những kẻ thảo mãng anh hùng cũng tạm nương chân ở đấy, ngầm mưu giấu kế; đây đã trộm nghe thấy họ tên mà miệng không nỡ nói ra; chỉ mong ngày nay là Hán gian mà ngày mai là nghĩa sĩ; Vĩnh Phúc vẫn lấy lễ mà kính trọng.

(Cuối cùng Lưu Vĩnh Phúc yêu cầu người tài chỉ bảo cho mình)

Vĩnh Phúc ở biệt ra một góc, trí lực thiếu ngắn, cúi xin các bậc đại hiền tuấn kiệt, kỳ tài dị năng, giúp cho những chỗ lực chưa đủ, thêm cho những chỗ thuật chưa kịp mức, xin nguyện thành khẩn chịu mệnh, như thế thì nước Việt Nam may mắn lắm.

Nên đặc biệt có tờ hịch báo cáo bốn bể đều biết.

(Chu Thiên dịch)

III. CÁO THỊ CỦA LƯU ĐỀ ĐỐC

(Bản cáo thị này dán tại Hà Nội, Hải Phòng, Nam Định đang bị Pháp đóng)

Chiểu theo luật đời Xuân Thu, trước tiên nghiêm trị di hạ; cái thù quân phụ không đội trời chung. Từ khi Pháp Lan Tây trộm quấy Đông Kinh đến nay, những người có chí đều rất phẫn khích, nghĩ sao ăn được thịt chúng, nằm trên da chúng mới thỏa. Phương chi là bản đề đốc lạm giữ binh phù, nhầm được trao gánh nặng, lại có thể yên cùng chúng đứng giữa khoảng trời đất này ư? Trời chưa chán loạn, rong ruổi hai trận đánh, kẻ già yếu khổ vì chuyên chở, thanh niên trai tráng chết bón đồng ruộng, ấy chính là lúc gối gươm mà đợi sáng là dịp hiến sách để tòng quân. Vì bằng bọn quan dân các ngươi đều có tâm như tâm bản đề đốc, thì chúng nó dù vững như thành lũ tiểu sửu kia khó gì mà không giết hết? Trả lại thành ấp cho ta, giết lũ chó dê nọ, bóc thây để làm kinh quán, dâng tù để tế tiên vương, há chẳng hùng tráng ư? Ai ngờ bọn ngươi không nghĩ lợi hại, không rõ thuận nghịch, rút lại bị chúng lung lạc làm nanh vuốt cho chúng, ai nghe cũng thấy hết sức kinh lạ! Nghĩ kỹ lại, bọn các ngươi tuy ngu, cũng còn có thiên lương, sao đến nỗi quên cái thù quân quốc chịu cho hổ lang uy hiếp? Như thế tức là quân Pháp đem lợi mà dụ, dùng thế mà bức, bọn các ngươi chưa kịp nghĩ kỹ, nên bị chúng lừa dối. Bản đề đốc tuy nghiêm khắc ghét ác tà, nhưng đối với các ngươi rất nhân từ, không nỡ không dạy mà đã giết, nên đem mọi điều lợi hại thuận nghịch nhất bảo bọn các ngươi.

Người Pháp giả dạng mượn tiếng bảo hộ, âm làm kế trộm cướp, lăng nhục quận trưởng, gian dâm phụ nữ, đốt phá ruộng vườn, ai trông thấy mà chẳng đau lòng, ai nghe qua mà không căm tức. Bọn các ngươi can tâm cho chúng sai bảo, thì trên không đối được với cha mẹ, dưới không đối được với vợ con, đó là một điều không nên. Quân Pháp sau những lúc thua to, nhiều lần lại điều

https://tieulun.hopto.org

binh, gọi là mấy nghìn, kỳ thuật không quá mấy trăm, gian lận đến thế là cùng. Rồi dụ các ngươi đi tiền khu tên đạn lưỡi gươm các ngươi chịu mà chúng không mắc phải, bọn các ngươi không nghĩ đến tính mệnh ư? Đó là hai điều không nên. Người Pháp làm rất nhiều sự vô lễ, không những bản đề đốc biết. Hiện nay, chúng chưa thể rông càn, bất đắc dĩ phải dùng lời ngọt, lợi nhiều để dụ kết các ngươi; tương lai đắc chí tất đến cướp điền sản của các ngươi, chiếm vợ con các ngươi, về sau các ngươi truy hối, cần rốn có kịp nào? Đó là ba điều không nên...

Hiện nay bản đề đốc đã đón lừa người Pháp vào hố hãm, bọn giặc hôi tanh xuẩn ngốc ấy đã ở trong nắm tay rồi; bọn các ngươi ví cứ chấp nê không tỉnh, tất sẽ bị mắc hết vào lưới pháp luật. Bản đề đốc không truy cái lỗi ngày trước lại mở cho đường tự tân. Vì thế, hiểu dụ bọn các ngươi; kẻ nào có thể chém được đầu tướng Pháp đem đến trước quân, được thượng thưởng; kẻ nào dò xét được quân tình của chúng, làm tai mắt cho ta, thì được trung thưởng, kẻ nào biết cử hợp đội ngũ theo ta mà hiệu lực lập công thì được hạ thưởng. Bằng tội ác vẫn không đổi thì khi đại binh đến, ngọc đá đều tan! Việc cũ không xa, xe trước đã đổ, nên trông gương mà tránh, chớ bảo bản đề đốc không nói sớm trước.

Vậy khẩn thiết đặc thi.

(Chu Thiên dịch)

IV. LƯU VĨNH PHÚC TRỞ VỀ TRUNG QUỐC

Khi Thanh và Pháp cùng ký đình chiến ngày 4-4-1885 đạo này đến đạo khác quân Thanh rút khỏi Bắc Kỳ. Quân Cờ Đen của Lưu Vĩnh Phúc, căn cứ hai mươi năm nay ở Bảo Thắng (Lào Cai) không muốn rút đi. Dân Việt Nam ở vùng lưu vực sông Thao ghét Sầm Dục Anh bao nhiêu thì thương Lưu Vĩnh Phúc bấy nhiêu; ghét Sầm vì Sầm sách nhiễu quần chúng, không hề dám đánh Pháp, chỉ chuyên chạy trước, nay lại thúc giục Lưu Vĩnh Phúc rút quân.

Bữa Sầm xuống thuyền về Vân Nam, trời mưa sấm sét thì dân kêu lên: "sấm sét đánh Sầm Dục Anh chết rồi!". Lưu Vĩnh Phúc dần dà không muốn rút quân mặc dầu lệnh của Tổng đốc Lưỡng Quảng, Tổng đốc Vân Quý và lệnh của triều đình dồn dập đến; các lệnh ấy đều nói rằng khi nào Lưu đi khỏi Bảo Thắng thì Pháp mới rời Bành Hồ. Lưu nấn ná ở Việt Nam vì nghĩa nặng với nhân dân và đất nước Việt Nam, vì tự nghĩ rằng về bên kia phận mình và binh sĩ chắc cũng khổ nhiều bề. Phần thì ra đi thì bỏ lại không biết bao nghìn gia đình binh sĩ đã hơn 20 năm trời mưa gió có nhau, ngọt đắng cùng nếm; nghĩ đến khi giặc Pháp đến Bảo Thắng, nhất định chúng sẽ trả thù.

Đoạn sau đây trong một tờ báo cáo của Lưu, biểu lộ được tấm lòng người thượng tướng:

"Trộm nghĩ Vĩnh Phúc sang Việt đã hơn 20 năm, không ngày nào là không ở biên phòng tiễu phỉ, binh dũng quan viên trận vong để lại cô nhi quả phụ có đến hơn nghìn nhà; hiện nay hành doanh hơn 3.000 sĩ tốt khỏe mạnh đều có vợ con ngong ngóng đợi ăn, thật khó mà đủ số, 10 năm tôi đều cung cấp cơm áo cho họ no ấm. Nay được điều về Việt (Quảng Đông) tức phải tuân chiếu, nhưng không có vị trí, kể còn gian nan. Vả lại cô nhi quả phụ của hơn nghìn nhà ấy cho đến cả mấy nghìn gia đình, khổ không biết xếp đặt vào đâu. Nép nghĩ, hơn 20 năm, gió mưa có nhau, ngọt đắng cùng nếm với nhau, bằng đặt vào một nơi mà không nhìn đến, thực sợ gõ ngựa cùng theo đi, bằng bỏ ở lại, thật không nỡ trông thấy cái tình trạng lênh đênh ấy".

Rồi Lưu xin để con mình là Lưu Thành Lương "ở lại Bảo Thắng xếp đặt cung đốn cho lũ cô nhi quả phụ ấy để yên ủy trung hồn".

Thật Đề đốc Lưu Vĩnh Phúc là người trung hậu. Lúc khó không quên săn sóc đến đời sống của bộ hạ và nhân dân đã có công lao. Không phải như ai, khỏi lỗ vỗ về, chỉ biết lo lấy thân mình.

https://tieulun.hopto.org

Lưu còn yêu cầu chính phủ Thanh đòi Pháp hứa hẹn rõ ràng là không trả thù tàn sát dân Nam sau khi ông rút quân. Tổng đốc Lưỡng Quảng trả lời rằng Pháp đã "tình thực" hứa. Nhưng Lưu Đề đốc vẫn căn dặn nhân dân cách đối xử. Khi Pháp đến Lưu cản ngăn số người Việt Nam định kéo dân đến đánh Sầm Dục Anh vì Sầm Dục Anh giục Lưu rút quân về Trung Quốc. Tháng 6 âm lịch, nhằm tháng 7 dương lịch năm 1885, Lưu Vĩnh Phúc đem 3.000 quân và 2.000 tùy tùng qua biên cảnh Vân Nam rồi về Quảng Đông. Nhà của ông sẽ là nơi tụ hội của nhiều vị văn thân Việt Nam thất thế.

Nghĩa Lương nam Tam Tuyên Đề đốc Lưu Vĩnh Phúc là người có công trạng lớn trong lịch sử Việt Nam. Ở thời ấy, ông tiêu biểu cho mối đồng minh chiến đấu của hai dân tộc Việt - Trung.

V. NGƯỜI VIỆT NAM VỊNH VỀ LƯU VĨNH PHÚC

Lưu Vĩnh Phúc được lòng người Việt Nam quý mến. Cụ Nguyễn Quang Bích, người đã làm môi giới đưa Lưu về với triều đình Việt Nam, cũng là người cùng Lưu Vĩnh Phúc chiến đấu với Pháp ở Sơn Tây, Hưng Hóa, sau từ lúc Hàm Nghi xuất bôn thì làm Khâm sai đại thần ở miền Bắc, cụ Nguyễn Quang Bích có vịnh mấy bài sau đây về Lưu Đề đốc:

Nói về chiến công của Lưu và Lưu đoàn ở Việt Nam:

"Sơ lai vụ ngọc diệc nan phân,
Nhất phiến trung thành cửu bệ văn,
Kỷ thứ long biên nhung tiệp báo
Nhân dân truyền thoại hắc kỳ quân".

Tạm dịch nôm là:

"Lúc đầu ngọc đá nhận chưa quen,
Sau lại lòng son được chúa khen
Mấy độ Long Biên tin chiến thắng,
Người người ca tụng đội Cờ Đen".

Nói về tài cung kiếm của Lưu và lòng Lưu quyết chống Pháp:

"Khả lân vô học muội từ thân,
Cung kiếm tài cao thục tỵ luân,
Đáo để hùng tâm chung bất tỏa,
Bắc quy do thệ sát dương nhân".

Tạm dịch nôm là:

"Giữ mình ít học cũng nên thương,
Cung kiếm tài cao ít kẻ lường,
Đáo để anh hùng lòng bất khuất
Về Tầu còn nguyện giết Tây dương".

Kẻ về Bắc, người tiếp tục chiến đấu ở trời Nam, cả hai lưu luyến nhau:

"Văn đạo Nam khê khứ bộ từ
Quân tâm bất lạc ngã tâm bi
Viên thiên vụ lộ trường minh khắc,
Do hựu lai nhân đính hội kỳ".

Tạm dịch nôm là:

"Nghe nói Nam Khê chậm bước đường,
Lòng kia buồn bã, dạ này thương,
Trời nam mưa mốc xin ghi nhớ,
Còn có người qua ước hội trường".

Cụ Nguyễn Quang Bích có công việc đi qua Bảo Thắng sau khi Lưu đoàn đã triệt thoái về Trung Quốc, thấy cảnh nhớ người, trách ai nặng tội đối với giang sơn và tình hữu nghị Việt Trung.

"Địa quan thuẩn xỷ tiếp phân ai.
Toán thụ thùy nhân diệc mậu tai,
Bạ đắc lương cung hà xứ khứ,
Thu phong sất sắt đọc giang đài".

https://tieulun.hopto.org

Tạm dịch nôm là:

"Bắc nam tiếp giáp phong cương,
Hở môi răng lạnh, đôi đường tương quan.
Hỡi ai quên nghĩa kết đoàn,
Quên tình hữu nghị nhỡ nhàng thủy chung.
Chim còn mà cất lương cung,
Để chim vỗ cánh bay tung phương trời.
Qua đây vườn cũ tả tơi,
Gió thu hiu hắt, giang đài trơ trơ.
Đâu là tình cũ nghĩa xưa?"[1].

1. Trích trong tập thơ của Nguyễn Quang Bích, do cụ Kiều Hữu Hỷ dịch, tài liệu của tổ sử Việt Nam cận đại.

Chương 15

KINH THÀNH BỊ TẤN CÔNG LẦN THỨ NHẤT; HÒA ƯỚC 1883 SƠN TÂY THẤT THỦ

I. QUÂN PHÁP Ở BẮC KỲ ĐƯỢC TĂNG VIỆN LỚN. QUÂN TRIỀU ĐÌNH NGỪNG CHIẾN ĐẤU

Tháng 5, trước khi Hăng-ri Ri-vi-e bị giết tại trận Cầu Giấy thì nghị viện Pháp đã quyết định gửi số lớn viện binh sang Bắc Kỳ. Sách sử của thực dân thường nói rằng cái chết của Ri-vi-e như một roi quất vào lưng dư luận và nghị viện Pháp, buộc nghị viện và dư luận Pháp phải giải quyết. Trong một bức thơ tư của Ri-vi-e gửi về Pháp, Ri-vi-e cũng tự hào là bằng cách lấy Hòn Gai và Nam Định, hắn làm cho "vấn đề Bắc Kỳ đi tới".

Nói như thế không đúng sự thật.

Sự thực là sau khi các vấn đề rắc rối ở Địa Trung Hải, Ai Cập, Tuy-ni-di đã được thu xếp trong căn bản, khi trên biên giới miền Đông của Pháp không có sự uy hiếp gì đáng lo ngại, thì Pháp đã quả quyết chinh phục hẳn Việt Nam; duy muốn gửi nhiều quân, tiêu nhiều tiền thì phải thông qua nghị viện; tháng năm, vấn đề cấp chiến phí mới được đưa ra nghị viện; cho nên, khi được tin Ri-vi-e lấy Hòn Gai, Nam Định thì chính phủ Pháp tỏ ý lo ngại, lo

https://tieulun.hopto.org

ngại rằng viện binh chưa qua kịp mà mở rộng chiến tranh sớm thì sợ không đủ sức đối phó, chỉ thế thôi. Những báo cáo của Bu-rê từ Trung Quốc về Pa-ri, rằng Trung Quốc gấp rút chuẩn bị chiến tranh lại càng làm cho Pháp gấp rút chuẩn bị cuộc viễn chinh lớn.

Ngày 16 tháng 5, nghĩa là 3 ngày trước trận Cầu Giấy, nghị viện Pháp đã chấp thuận 5.500.000 quan chiến phí ở Bắc Kỳ, gửi 3.000 quân từ Pháp sang, 1.000 ngụy quân Việt Nam và nhiều tàu bè ra Bắc. Sứ thần Pháp ở Trung Quốc Bu-rê bị triệu hồi, bằng cớ ngoại giao của một sự thay đổi cách thực hiện chính sách. Cái chết của Ri-vi-e, bọn thực dân ở Pa-ri lợi dụng kêu gọi "trả thù", để buộc dư luận trong và ngoài nghị viện ủng hộ cuộc viễn chinh, 10 năm trước, Gác-nhê chết, chúng nào có hô hào "trả thù", vì lúc ấy chúng chưa sẵn sàng. Nay chúng đã sẵn sàng thì "trả thù" chỉ là một cái cớ. Nhờ cái cớ ấy mà sau khi thượng nghị viện, chuẩn y ngân sách, ngân sách ấy trở lại hạ nghị viện thì lần này tất cả nghị viện thực dân đều đồng thanh tán thành.

Ở Hà Nội, Đô đốc Mai-de thay cho Ri-vi-e, muốn bỏ Nam Định, và định bỏ cả Hà Nội nếu quân ta công phá mạnh, để rút về cố thủ Hải Phòng. Tên Thống đốc Nam Kỳ Thom-sơn[1] chỉ thị lại rằng nếu cần thì rút Nam Định, nhưng phải liều chết giữa Hà Nội với bất cứ giá nào để chờ viện binh. Thom-sơn sai 500 quân từ Sài Gòn ra Bắc ngay. Hắn đòi hỏi Pháp gửi ngay sang 6.000 quân và báo cáo để nghị rằng phải đánh ngay vào Huế thì Tự Đức sẽ đầu hàng thôi.

"Sau khi thất bại Hà Nội nên bỏ cái cách dùng thương thuyết. Khi nào Tự Đức nghe tiếng đại bác đầu tiên thì Tự Đức mới ký hòa ước; cho nên phải đánh ở Huế. Muốn đánh Huế thì phải lấy pháo đài Thuận An".

1. Thomson.

Quân Pháp từ Pháp cũng lục đục sang, từ Tân Đảo đến chính phủ Pari lại ra lệnh cho sứ thần mới là Tri-cu[1] giữ mối liên hệ với chính phủ Bắc Kinh, dò xét tin tức quân sự nhưng không ngại tuyệt giao. Pháp cắt cử tên lãnh sự của nó ở Băng Cốc là Hác-măng làm cao ủy Bắc Kỳ, nắm tất cả các quyền hành chính chính trị và quân sự ở Trung, Bắc mà trước đó thì thống đốc Nam Kỳ đã nắm; hắn có nhiệm vụ cắt mối quan hệ giữa Huế và Bắc Kinh mua chuộc hay tiêu diệt Lưu đoàn, ngăn trở sự can thiệp của Trung Quốc, bắt triều đình Huế ký hòa ước mới, tổ chức sự bảo hộ hoàn toàn và vĩnh viễn. Hác-măng được lệnh chỉ thị ngày 8-6-1883 của Sác-lơ Bơ-ron, Bộ trưởng Thủy quân và Thuộc địa là tạm thời chỉ nên chiếm lưu vực Hồng Hà không quá Bắc Ninh và Hưng Hóa, ngoài biển thì chiếm tới Vạn Ninh (tức Mống Cái). Làm như thế là để làm cho Trung Quốc có phần yên tâm mà không can thiệp. Hác-măng cũng được chỉ thị là, về mặt cai trị, nên liên kết với quan trường cũ, xỏ mũi họ, mua chuộc họ, xui người Bắc chống người Trung, giành một phần chức vị cho người theo công giáo, hết sức sử dụng các cha cố, lấy một số chủ tỉnh người Pháp ở Nam Kỳ, và bọn phụ trách các lãnh sự quán ở Hà Nội, Hải Phòng, nay bỏ đi, làm công sứ ở các tỉnh Bắc Kỳ, chiêu mộ người công giáo để làm lính cho người Pháp đỡ tốn sinh mạng. Chỉ thị của Sác-lơ Bơ-ron sau khi nói rõ phải dùng người Việt đánh người Việt, lại nói rõ là phải dùng tiền của Việt Nam để chinh phục Việt Nam:

"Tiền của cần yếu để đóng vào ngân sách chiếm đóng thì trước hết phải tìm ở thuế thương chánh Bắc Kỳ... Nếu không đủ thì phải lấy trong số thuế khác... Hãy tịch thu các số tiền thóc thuế của triều đình Huế mà dùng".

Pháp chỉ định Đô đốc Cuốc-bê[2] thành lập và chỉ huy một hạm đội đặc biệt gồm ba thiết giáp hạm, 2 tuần dương hạm và một số

1. Tricou.
2. Courbet.

https://tieulun.hopto.org

ngự lội hạm, hạm đội này chuyên việc phong tỏa bờ bể Việt Nam ở phía Bắc và vịnh Bắc Kỳ tới Hải Nam, ngăn trở hải quân Trung Quốc. Vượt quá Hải Nam về phía Trung Quốc thì Pháp có một hạm đội khác do Đô đốc Mai-de chỉ huy để tiếp ứng với hạm đội Cuốc-bê khi cần. Ở đất liền thì tướng Bu-ê[1] phụ trách cả một đội tàu nhỏ hoạt động trong sông rạch. Trên tất cả lực lượng lục và hải quân ấy là bác sĩ Hác-măng, tên này đã từng đi cùng với Gác-nhê xâm chiếm Bắc Kỳ lần thứ nhất hồi 1873, đã từng xông xáo "thám hiểm" "nghiên cứu" ở Trung Kỳ, Nam Kỳ, Khơ-me và Lào, trước đây là lãnh sự ở Băng Cốc.

Tháng 6, tướng Bu-ê gấp rút cố thủ Hải Phòng, Hà Nội, Nam Định với số quân Pháp lúc ấy là 3.500 ở Bắc Kỳ (đại quân của Pháp chưa qua tới). Ngoài số quân đó, hắn bắt đầu chính sách dùng người Việt đánh người Việt; như tên Vơ-la-vi-a-nốt[2] một tên phiêu lưu đã cộng tác với tên phiêu lưu Đuy-puy, tổ chức được 600 ngụy quân gốc ở các loại người vong bản, gọi là Cờ vàng - để phụ tá cho chủ lực của Pháp. Thế là ở Bắc Kỳ lúc ấy Pháp đã có trên 4.000 quân, không kể số vũ trang đã phát cho Puy-gi-nhê và bọn tay sai khác. Ở Nam Định là nơi mà quân Pháp, tính bỏ đi nếu quân ta đánh mạnh, triều đình vẫn lặng yên; bản thân Ba-đen[3] lấy làm lạ; trong hai tháng 6 và 7 tên này đem quân ra thành xục xạo làm oai cho quân triều đình ngỡ rằng chúng sửa soạn tấn công chớ không phải là chuẩn bị rút lui. Còn ở Hà Nội thì Pháp chẳng những sửa chữa thành, lại còn sửa chữa vòng đê bao bọc chung quanh thành phố như một đồn lũy to lớn, đóng quân ở chùa Quán Thánh. Quân Pháp ở Hà Nội chỉ thỉnh thoảng ra ngoại ô thám thính không thấy động tĩnh gì, duy có lần thuyền Pháp chạy vào Hát Giang, đến giang phận Nhật Chiêu thì bị quân lính của quan huyện Phúc Thọ là Tôn Thất Hoành và Lãnh binh Đặng

1. Nhà xuất bản chưa tra được từ nguyên.
2. Vlavianos.
3. Nhà xuất bản chưa tra được từ nguyên.

Văn Ân bắn lui. Chính lúc ấy là lúc Hoàng Tá Viêm và Lưu đoàn rút về Sơn Tây chờ nước xuống, trả quân Bắc Ninh về tả ngạn. Lần này Tự Đức trông báo tiệp thắng trận nữa, trông hoài không thấy. Sứ Pháp ở Huế là Ray-na đã bỏ về Gia Định rồi, đường thương thuyết như đã tuyệt; khâm phái Nguyễn Thành Ý từ Gia Định báo cáo về kinh rằng Pháp "vét quân tăng viện ra Bắc"; Ý không biết rằng Pháp đã quyết định sai đại quân sang đánh lớn. Tự Đức dụ rằng: *"Tá Viêm, Vĩnh Phúc sau một trận được, không thấy nhân thắng mà tính mau đi, lại để cho họ có thì giờ mưu chiêu viện đến, ngày nào mới rút được tổ, lật đổ được thuyền, đuổi nó đi xa, lấy lại hai thành?... Và nay như đã cưỡi hổ rồi, ta không tính nó, nó cũng tính ta, đi trước mới thắng"*. Đồng thời Tự Đức lệnh cho Khâm sai tại Thiên Tân và Khâm phái tại Quảng Đông "báo bẩm" lên cho Lý Hồng Chương "trù liệu vạch kế sớm cho khỏi sinh ra việc khó khăn thêm". Nói một cách khác hơn, triều đình bị bức phải "cưỡi hổ" không thể không cự, thương thuyết thì hết đường, nên lại nhờ vả Lý Hồng Chương uy hiếp Pháp mong cho Pháp thua vài trận rồi yên, "khỏi sinh thêm khó".

Cuối tháng 7, Cuốc-bê đến với phần lớn hạm đội của hắn. Cuốc-bê, Bu-ê, Hác-măng hợp nhau ở Hải Phòng bàn kế hoạch.

Lúc đó Tự Đức chết. Cái đời của một ông vua bất tài vô lực đã kéo dài quá rồi! Triều đình lục đục về việc tôn vua mới. Địch thừa thế quyết hành động lớn.

Đến phút cuối cùng, triều đình Huế chỉ mong mỏi ở Lý Hồng Chương. Nhưng thái độ của triều đình Bắc Kinh lúc bấy giờ ra sao? Ở Pa-ri, đại sứ Tăng và Phe-ri thảo luận với nhau, thì Tăng nói rõ là không phải triều đình Bắc Kinh muốn bênh vực cả nước Việt Nam mà chỉ cần một vùng "trái độn" giữa Pháp và Hoa. Khi Phe-ri đề nghị với Tăng là Pháp sẽ cùng với Thanh mà sửa đổi lại biên giới Bắc Kỳ sao cho sự "yên toàn" của Trung Quốc được bảo đảm thì, Tăng tỏ vẻ bằng lòng, điện về Bắc Kinh.

https://tieulun.hopto.org

Ở Trung Quốc, Lý Hồng Chương được cử làm phó vương các tỉnh miền Nam, Lý tuy chuẩn bị đối phó, nếu cần thì bằng võ lực, nhưng cũng không muốn đoạn tuyệt cuộc thương thuyết với sứ Pháp Tri-cu, Tri-cu tin rằng nếu quân Pháp tiến công thì lực lượng của Lý ở Bắc Kỳ sẽ thoái lui thôi, Tri-cu trực tiếp với Lý Hồng Chương, thì Lý Hồng Chương bằng lòng truyền lệnh cho quân chí nguyện Hồ Nam trở về quê, không nam hạ nữa, và bản thân Lý sẽ không đi xuống Quảng Châu như đã định. Sự thật là triều đình Bắc Kinh lúc bấy giờ vừa không muốn cho Pháp chiếm hẳn Bắc Kỳ, vừa ngại ngùng chiến tranh với Pháp, chỉ muốn giúp cho Lưu đoàn tác chiến, kéo dài tình thế găng cho dư luận Pháp mỏi mệt. Ngược lại thì nhân dân Trung Quốc muốn giúp cho Việt Nam; ví như ở Hồ Nam có hàng vạn người nghĩa dũng xin đi đánh Pháp; ở các tỉnh miền Nam, dân vẽ trận Cầu Giấy truyền khắp nơi; tại Quảng Châu, nhân dân đốt phá tô giới, bọn tư bản Âu phải trốn xuống tàu.

Nắm được thái độ do dự, co dãn đó của Lý, Tri-cu đề nghị về Pháp là nên đánh thẳng vào Huế, bắt Huế quy thuận là yên việc sớm. Người Pháp cũng không thấy lợi gì mà gây chiến với Trung Hoa, nên vừa giữ cuộc thương thuyết vừa lấn mạnh cho triều đình Huế đầu hàng.

Trên đã nói rằng công xứ Ray-na của Pháp ở Huế đã rời bỏ kinh thành, thì khâm phái Nguyễn Thành Ý và phó lãnh sự Trần Doãn Khanh "xét rằng từ trước đến nay công việc không thấy được gì cả, bằng cứ lưu ở Gia Định sợ có hại cho lục tỉnh" nên họ cũng bỏ Gia Định mà về Huế. Ngoại giao giữa ta và Pháp như thế là đoạn tuyệt; nhưng theo chỉ thị của Pa-ri, Hác-măng cũng đã tìm cách báo cho Tự Đức biết là Pháp nhất định sẽ đòi sửa đổi Hòa ước 1874, lập hòa ước mới với 27 khoản, đòi lập hẳn bảo hộ, quyền ngoại giao, thương chính, thuế vụ và quyền quân sự sẽ hoàn toàn về tay Pháp.

Trong lúc triều đình bối rối thì quân dân cương quyết kháng chiến. Hác-măng phải báo cáo về Pháp rằng: những pháo thuyền lên do thám Sơn Tây mỗi lần đều bị đại bác và súng trường bắn lui; số pháo thuyền và hỏa thuyền không đủ dùng. Ngày 19, ở Nam Định, Ba-đen xuất quân, đánh nhau lưu huyết với quân Việt Nam - chúng nói là ta bị chết 200, bị thương 400 - nhưng không chiếm thêm được một tấc đất nào. Pháp rút lui thì quân Việt liền tay chiếm lại đất cát.

"Lòng cương quyết của kẻ địch (Việt Nam) mà trận ngày 19 không phải là tỉ dụ đầu tiên, làm cho chúng ta phải suy nghĩ, và chứng tỏ rằng, lần này người Annam quyết tâm tự vệ một cách nghiêm chỉnh.

Phải biết ngó thẳng vào sự thật và bỏ những ảo vọng nay đã quá thời. Chúng ta phải cố gắng rất nhiều, rất lớn hơn và hy sinh nhiều hơn là chúng ta tưởng tượng...

Cần phải chuẩn bị cho dư luận làm quen với sự thật là ngày nay, chiếm Bắc Kỳ là một việc khó khăn, mà số tiền chiến phí 5 triệu đã được chuẩn y là còn xa với số tiền mà ta phải tiêu phí từ đây đến cuối năm"[1].

II. QUÂN TA Ở BẮC PHÁ NHIỀU CUỘC HÀNH QUÂN CỦA ĐỊCH. PHÁP MẤT CÔNG DỤ LƯU VỀ HÀNG

1. Trận vọng, 15, 16-8-1883

Trong cuộc hội nghị quân sự Hải Phòng thì Pháp quyết định đánh Huế và Sơn Tây; Sơn Tây là trung tâm kháng chiến lúc ấy, còn Huế là trung tâm chính trị. Huế mất thì Sơn Tây phải nhụt; Sơn Tây mất thì Huế không còn hy vọng gì.

Đầu tháng 8 thì viện binh địch từ Pháp đến khá đầy đủ ở Hà Nội, người, ngựa, súng đạn, quân số địch cũng lên đến 4.500 rồi. Hác-măng (văn) muốn đánh sớm vào Sơn Tây; Bu-ê (võ) muốn

1. Điện ngày 25-7-1883 của Hác-măng gửi cho Sác-lơ Bơ-ron.

https://tieulun.hopto.org

thong thả, chỉ mở rộng vòng vây Hà Nội, vòng vây bắt đầu ở phía sau sông Tô Lịch nhất là từ đền Lý Ông Trọng ở Chèm xuống Vọng quanh về sau đê La Thành.

Ngày 15-8, tướng Bu-ê muốn giành lại thế chủ động; đem gần 2.000 quân (4 lần số quân của Ri-vi-e ở Cầu Giấy) với 14 khẩu đại bác ra đường Sơn Tây để mở rộng vòng vây. Trên đường này, ở vùng Phủ Hoài, trên sông Nhuệ, cách Hà Nội 9 cây số, quân ta có lập phòng tuyến khá quan trọng, đào nhiều dãy chiến hào mặc dầu lúc ấy là đương mùa lụt. Đại quân của Hoàng Tá Viêm vẫn ở Sơn Tây.

Phòng tuyến của ta có 3 lớp: thứ nhất đi từ Cầu Giấy và những làng dọc theo sông Tô Lịch, đi qua Yên Thái thẳng lên Chèm (tức là Đông Ngạc và Thụy Phương). Lớp thứ hai, đi từ phủ Hoài Đức qua làng Cổ Nhuế lên Hoàng Xá; ở đây có nhiều đại bản tàu và một số đồn kiên cố. Lớp thứ ba là sau Nhuệ Giang, các làng, các xóm, các chùa, các đồi đều được biến thành căn cứ chiến đấu. Sông Nhuệ không sâu, không rộng, nhưng cũng là một phòng tuyến thiên nhiên sau lưng Hà Nội bảo vệ con đường Sơn Tây.

Địch muốn nắm thế chủ động, ra phá 3 phòng tuyến này, tiêu diệt bớt sinh lực của ta, dồn quân ta về Sơn Tây. Địch cũng chia ra làm ba đạo giống nhau, bằng nhau, với một đạo chiến thuyền đi dọc theo Hồng Hà. Lần này trong hàng ngũ địch có 600 ngụy quân "Cờ Vàng" gồm những bọn đầu trộm đuôi cướp và một số người mà các cha cố Pháp gởi đến.

Từ 15 hôm nay, trời mưa tầm tã, các chiến hào của ta hư sập. Địch thừa trăng đi sớm.

Đạo cánh hữu (Bi-sô[1]) có tàu chiếm yểm hộ, ngược theo bờ đê Hồng Hà, mở cuộc công kích từ 5 giờ sáng, đến 9 giờ mới đến gần đến Lý Ông Trọng ở Chèm thì bị chặn đứng lại; địch toan

1. Nhà xuất bản chưa tra được từ nguyên.

xông qua các xóm nhà cửa làng Chèm để bọc hậu, nhưng bị quân và dân trong làng đánh rát, không qua nổi. Đêm đến, địch ở lại ven làng Chèm.

Đạo trung ương (Cô-rô-na[1]) của địch đi từ Hà Nội lên Nội (Yên Thái), chiếm Nội. Một trận đánh ác liệt xảy ra ở làng Yên, đánh đến tối, đạo này cũng không tiến được và không liên lạc được với 2 đạo tả và hữu. Đêm ấy địch phải cố thủ ở Nội.

Đạo cánh tả (Rơ-vi-ông[2]) xa sông, không được thủy quân yểm hộ, nên có nhiều đại bác đi theo con đường mà Ri-vi-e đã đi; lừa ngựa mỏi mệt quá không chịu kéo; bọn Pháp phải tự kéo đại bác. Qua Cầu Giấy, đến Phủ Hoài, thì ở sau Phủ Hoài là Vọng, nơi căn cứ của quân ta. Giữa Phủ Hoài với Vọng có một đồng trống, nước lênh láng. Bọn ngụy quân bị xua đi trước, quân ta chặn đánh lui; quân Pháp theo sau lại bị bắn lui nữa, cả đạo quân cánh tả của Pháp, đến chiều không tiến được, phải lui về đóng ở Cầu Giấy.

Đêm 16 rạng 17, mưa tầm tã; đê Hồng Hà vỡ phía trên Chèm; quân ta ở đền Lý Ông Trọng đã rút lui về phía tây. Địch lại phá đê ở phía dưới Chèm để khỏi bị nước ngập đến. Sáng sau, đạo trung ương của địch rút lui về Yên Thái rồi về Hà Nội.

Thế là đạo cánh tả của địch hoàn toàn thất bại. Đạo trung ương của địch không thu được kết quả gì. Đạo cánh hữu của địch có tiến được ít cây số rồi bị chặn đánh lại. Ba đạo cách nhau không xa mà không liên lạc với nhau được. Quân ta rút lui ở dọc sông, căn bản là vì đê vỡ. Cuộc kháng cự khá mạnh mẽ, địch phải nhìn nhận rằng:

"Những trận ngày 15 và 16 tháng 8 chứng minh rằng hiện phải đương đầu với một kẻ thù có vũ trang tốt, có tổ chức hơn trước, mạnh mẽ hơn là ta tưởng tượng, khác hẳn với những toán quân ô hợp trước kia mà một nhóm người nhỏ cũng có thể đánh tan".

1. Nhà xuất bản chưa tra được từ nguyên.
2. Nhà xuất bản chưa tra được từ nguyên.

https://tieulun.hopto.org

Trong các trận này, quân Pháp thú nhận bị thiệt hại khá nặng, 81 người chết và bị thương, trong đó có 3 sĩ quan. Tướng Bu-ê điện về cho Pây-ron[1], Bộ trưởng Bộ Hải quân và thuộc địa:

"Số địch quân tăng lên; vũ khí của họ tăng lên; không thể phủ nhận giá trị của họ; vị trí phòng tuyến của họ dài hằng mấy cây số; các điều ấy làm cho tôi và tất cả các võ quan ở đây nghĩ rằng, để mở chiến dịch tháng 10, thì phải có một sư đoàn đầy đủ trang bị theo thời chiến, với tất cả các binh chủng, vật liệu; sư đoàn ấy phải có mặt ở đây lối giữa tháng mười... Xin ông gởi pháo binh công và thủ".

2. Địch dụ hàng Lưu Vĩnh Phúc

Lưu Đề đốc cự tuyệt.

Ở đây xin chép lại thư của Pháp chiêu hàng Lưu Đề đốc để làm tan rã lực lượng kháng chiến của Việt Nam ở Bắc.

"... Nước Pháp tuy đánh Đề đốc, nhưng cũng kính Đề đốc là tướng thông minh trí dũng, quân của Đề đốc là quân dũng hãn. Ví bằng Đề đốc về với Đại Pháp ta, Đề đốc sẽ được làm đại thần, được mọi điều danh vọng và lợi lớn...

Bản chức vốn vì thiên hạ mà tiếc người tài, được Đề đốc về hàng thì Đề đốc sẽ có quyền lớn xứng với tài mình, thật không tiếc phẩm tước, mà các hàng quan Đại Pháp cũng nguyện đồng tâm với Ngài, không có ngang trái gì. Ý Ngài như thế nào, xin lập tức cho bản chức biết mà theo, hay Ngài muốn bản chức phái người đem giấy thông hành đến cho khỏi trở ngại, xin Ngài lập tức cho biết, để cho Ngài cùng chúng tôi gặp nhau cùng giải quyết việc lớn...".

Bức thơ dụ hàng này đồng thời là cái gậy hất rớt mặt nạ của Pháp bấy lâu luôn luôn tuyên truyền rằng Lưu Vĩnh Phúc và đoàn Bắc Kỳ là giặc cướp.

1. Peyron.

Lưu Vĩnh Phúc trả lời cương quyết:

"Việt Nam Tam Tuyên Đề đốc Nghĩa Lương Nam Lưu gửi thư cho Pháp quốc Lại bộ Thượng thư biết:

"Đại phàm cái đạo trị nước, tất phải trên thuận lý trời, dưới hợp lòng người, mới có thể trị lâu dài, giữ được cương thổ. Nước Việt Nam ta đều chưa mất lễ bao giờ. Nước Pháp anh vô cớ xâm lấn. Bản tước đề đốc có quân một lữ, lâu năm chiến đấu với anh, anh bị hao quân gãy tướng cũng đã nhiều. Nhân dân Việt Nam mắc phải nạn binh lửa này cũng rất khổ. Ấy là mối loạn gây ra do các anh trước, trời giận, người oán đều đổ dồn vào các anh cả. Bằng không biết hối lỗi tất sẽ bị thiên hạ không thương đâu. Nước anh muốn làm càn, gây giận, vay quốc trái, bắt hắc nô, làm việc trái lẽ trời để mong cướp nước ta. Nhưng anh chiếm miền bể, ta chiếm núi, ta có nguồn lương vô cùng, anh không đủ binh phí lâu dài, ví bằng anh có lập bến giữ, ta sẽ luôn luôn dấy quân giết người anh, đốt nhà anh, làm cho anh không được nằm yên gối, tuy có sông Hồng là mối lợi, nước Pháp anh há hưởng được lâu ư?

Nay anh là Thượng thư, đã rõ lẽ trời không thể cưỡng trái, nghĩ đến nhân dân ta bị lầm than lâu rồi, nếu muốn cùng bản tước đề đốc bàn hòa, cái ý ấy rất tốt. Nhưng bản tước là người Quảng Tây nước Thanh, không thể trái nước mẹ; lại là cực phẩm nguyên nhung nước Việt Nam, ơn tri ngộ không thể quên. Anh bằng nói đến việc nghỉ binh bảo vệ dân, các nước đều giữ hòa hảo thì bản tước đề đốc sao lại dám không nghe. Nhưng thư đến, anh đem quyền to lợi thịnh ra dụ nhau, muốn hãm bản tước làm con người bất trung, bất hiếu, bất nhân, bất nghĩa; bản tước đây lòng như vàng đá, há vì anh mà lay động hay sao? Phương chi, tước cao lộc hậu, bản tước đề đốc đã sẵn có rồi, còn cần gì đến nước anh nữa?

Nay Thượng thư anh quả muốn thực ý giảng hòa... cứ thực mà nói rõ ra... Ví bằng cậy mạnh mà hành hung, giữ mê không chịu tỉnh

https://tieulun.hopto.org

thì bọn đầu tướng của anh tất có cái vạ như An Nghiệp, Lý Uy Lợi đấy, hối thì đã muộn.

Nên ghi lời phúc đáp này".

Địch muốn chia rẽ hàng ngũ ta, thì Lưu quyết tâm đoàn kết kháng chiến; người tín nghĩa đáng ghi tạc muôn đời, tiêu biểu nhất cho mối đồng tâm Trung Việt lúc bấy giờ. Trong trí của Lưu, có thể kháng chiến lâu dài và thắng lợi; không dè triều đình Huế sẽ ra lệnh bãi binh. Lưu Vĩnh Phúc và Hoàng Tá Viêm, nhất là Lưu, sẽ chống lại lệnh bãi binh ấy.

III. QUÂN PHÁP CÔNG PHÁ THUẬN AN - HÒA ƯỚC 1883

1. Quân Pháp công phá Thuận An

Thuận An là cổ họng của kinh thành Huế. Từ sau khi Hà Nội thất thủ lần thứ hai, triều đình lo tăng cường phòng thủ kinh thành bằng cách phòng thủ Thuận An và đắp cản trên sông Hương. Hệ thống thủ Thuận An gồm có tất cả 13 pháo đài mà 2 pháo đài chính là nằm sát hai bên cửa bể. Trước cửa sông Hương có đặt nhiều đại bác. Qua các đồn ấy thì không còn gì ngăn trở đường kinh thành, ngoài mấy chiến cản.

Vào khoảng thời gian này, triều đình Huế còn một "lực lượng hải quân" gồm non 200 chiếc thuyền gỗ trung bình 12 tấn mỗi chiếc, mỗi chiếc có 6, 7 đại bác. Nhưng đã từ lâu, chiếc thuyền gỗ đi bằng buồm bằng chèo, đã nằm lỳ trong sông, vỏ đang mục nát, súng đang rỉ, thủy quân xơ xác, đánh cướp bể không xong làm sao đánh giặc Pháp bằng "chiến thuyền" ấy được. Trên sông Hương cũng có một tàu máy đang chữa! Tình trạng chiến thuyền này là hiện thân của tình trạng bản thân triều đình Huế.

Chính phủ Pa-ri chuẩn y đề nghị đánh Huế của bọn Cuốc-bê. Tự Đức vừa chết ở điện Cần Chánh (17-7, ngày bại binh Pháp rút về Hà Nội từ những vị trí ngoại ô). Tự Đức không có con mà cũng không kịp làm tờ di chúc; triều đình đang lộn xộn tang lễ và tôn

vương, thì đó lại là cơ hội tốt cho địch tấn công. Tự Đức không có con, sự tôn vương lại càng rắc rối, các phải hoàng tộc tranh giành nhau trong triều, các quan văn võ xa gần lo ngại cho địa vị của mình. Vua Dục Đức (cháu Tự Đức) được tôn lên có mấy hôm thì Nguyễn văn Tường lại phế xuống. Lãng quốc công (em Tự Đức) lại được lên ngôi là vua Hiệp Hòa. Phan Đình Phùng thấy phế lập là việc lớn, và đang lúc nước nhà nguy biến, nên can ngăn. Các quan sai trói giam Phan ở nhà giam cầm y rồi cách chức đuổi về tỉnh. Giữa lúc nhà sắp tan, nước đang mất, thì bọn phong kiến tranh giành địa vị với nhau rất là đê tiện và tai hại, trong quan trường lại chia rẽ thành nhiều phái chống báng nhau. Chiến thuyền Pháp đang tập trung ở Đà Nẵng sắp lên đánh Thuận An. Tình hình bi quan, cho nên những bọn đầu hàng thực dân đồn đãi "tin lạ" để làm lung lạc tinh thần của mọi người: nào là khi làm lễ tấn tôn ở điện Thái Hòa, đương xếp hàng, có một con chim bay đến đậu vào cây ở điện kêu 4 tiếng; nào là lúc tuyên chiến có đàn dê đi qua ngoài cầu Kim Thủy (ý muốn nói mé rằng người Tây đương đánh lấy kinh thành, lấy cả nước). Triều đình hỗn loạn. Thuận An và kinh thành bị quân Pháp tấn công trong lúc đó.

Ngày 16-8, tất cả hạm đội Bắc Kỳ và các tàu chiến từ Sài Gòn đến tụ hợp ở Đà Nẵng. Vũ lực sẵn, kể bên đó thì những tay quan văn: Hác-măng, Sam-pô cũng sẵn sàng để tiếp theo tiếng đại bác mà "thương thuyết".

Sáng 18-8, địch từ Đà Nẵng kéo ra Thuận An. Bên triều đình thì tất cả binh quyền trong tay Tôn Thất Thuyết. Quan triều đình ở Thuận An, giữa lúc chiến tranh đã nóng hổi, lại đi thuyền ra tàu địch hỏi "đến đây có việc chi?". Cuốc-bê đưa tối hậu thư đòi triều đình giao tất cả các pháo đài trong vòng 2 giờ. Từ 4 giờ chiều đến 8 giờ tối, tàu chiến Pháp bắn đại bác vào các đồn ở cửa Thuận An. Sóng to, súng Pháp bắn không được trúng mấy; đại bác trong đồn bắn trả lại mà không đến tàu đậu ở xa vì nước cạn. Ngày 19, cuộc

https://tieulun.hopto.org

đấu pháo tiếp diễn, 2 chiến hạm Bay-a[1], Vi-pe[2] của địch bị trúng đạn. Sáng 20, lại đấu pháo nữa. Đến chiều quân địch trên 1.000 đổ bộ. Đồn phía bắc bị hãm trước; đồn lớn nhất ở phía nam bị địch tập trung hỏa lực bắn rất dữ; thế là Trấn Hải đài cũng bị hãm luôn. Đến tối thì địch chiếm tất cả Thuận An.

Các quan trấn thủ Thuận An là Lê Sỹ, Lê Chuẩn đều tử trận; Lâm Hoàng và Nguyễn Trung đều tự tử. Triều đình nghe vọng tiếng đại bác trong mấy ngày liền, được tin thất bại, rất hoảng hốt, bèn phái người đi cầu hòa. Không một quan to nào trong triều dám chủ trương đánh đến cùng dầu phải mất kinh thành. Nguyễn Văn Tường cùng đi với cố Cát-pa[3] (thông ngôn) đến gặp Cuốc-bê xin đình chiến 48 giờ. Pháp buộc triều đình rút quân ở tất cả 12 đồn trên cửa và trên bờ sông Hương, dỡ tất cả các cản dưới sông Hương, đổ xuống sông tất cả các đạn dược của quân triều đình và trả lại cho Pháp 2 chiếc tàu máy mà Pháp đã nhượng sau 1874.

Hác-măng và Sam-pô đi ngay lên Huế, đặt điều kiện cho hòa ước mới.

2. Hòa ước 25-8-1883

Trong tình hình rối loạn của triều đình sau khi vua Tự Đức chết, trong tình hình thất bại ở Thuận An dồn dập đến, triều đình Huế bị áp lực của súng đồng phải làm hòa ước mới. Giữa lúc đó tin thắng trận ở ngoại thành Hà Nội không làm cho triều đình phấn khởi tí nào. Triều đình sai Trần Đình Túc và Nguyễn Trọng Hợp làm chính và Phó Toàn quyền đến sứ quán Pháp; nói thương thuyết, chớ kỳ thật là đến nhận điều kiện của Hác-măng.

Theo hòa ước này thì triều đình Huế hoàn toàn thừa nhận sự đô hộ của Pháp. Tỉnh Bình Thuận bị sáp nhập vào Nam Kỳ lục tỉnh

1. Bayard.
2. Vipère.
3. Caspar.

(thuộc địa). Quân Pháp vĩnh viễn chiếm đóng phòng tuyến Thuận An và các pháo đài ở cửa sông Hương. Triều đình thừa nhận Pháp đặt ở mỗi tỉnh Bắc Kỳ và Thanh Hóa, Nghệ An, một viên công sứ, có một đội quân của Pháp trợ uy; (ý định của Pháp từ nay đã rõ là chia cắt Việt Nam ra làm ba, Nghệ Tĩnh trở ra và Bình Thuận trở vào là thuộc địa, triều đình Huế còn lại một số tỉnh nghèo nàn, ít dân, thì bị "bảo hộ". Mở hải cảng Xuân Đài và Đà Nẵng. Tất cả thuế thương chính của toàn bộ Việt Nam về tay Pháp quản trị. Pháp có quyền lập đường dây thép từ Sài Gòn đến Hà Nội qua các tỉnh. Ở Huế có một khâm sứ giám sát mọi việc của triều đình. Vua phải trực tiếp với khâm sứ. Triều đình giao tỉnh Bình Thuận nhập vào Nam Kỳ thì khỏi phải trả chiến phí. Nhưng ít ra thì mỗi năm, nhà vua được lĩnh lương 2 triệu lấy trong số tiền thuế và thương chính ở Bắc Kỳ. Sứ giả Pháp không quên ông bầu của sự xâm lăng: tiền của nhà băng Đông Dương đã lưu hành ở Nam Kỳ nay được lưu hành cả nước Việt Nam.

Hác-măng liền trở ra Bắc Kỳ để tiếp tục chiến tranh. Trước khi đi, hắn xin Pháp gắn huân chương cho vua Hiệp Hòa và cho 2 sứ giả của triều đình là Trần Đình Túc và Nguyễn Trọng Hợp (Bộ trưởng Bộ Nội vụ và Bộ trưởng Bộ Ngoại giao), xin gắn huân chương cho cố Cát-pa - những kẻ "có công" với Pháp trong việc lập hòa ước nô lệ 1883 (cũng gọi là Hòa ước Hác-măng).

Hòa ước này chứng tỏ thái độ đầu hàng của phần đông bọn cầm quyền ở Huế, trừ số đông của cánh võ quan muốn đánh. Hòa ước này không khỏi làm nhụt một phần chí khí chiến đấu của quan quân và nhân dân ở các nơi. Tuy nhiên quân dân ngoài Bắc vẫn quyết tâm đánh giặc và nhân dân Trung Nam, mặc dầu không lệnh khởi nghĩa, đã tụ hợp nhau để ứng phó làm cho Hòa ước Hác-măng không được thực hiện đầy đủ (ví như ở Bình Thuận, ở Thanh - Nghệ Tĩnh Pháp không đặt công sứ được).

https://tieulun.hopto.org

IV. TRẬN PHÙNG (1, 2 THÁNG 9 NĂM 1883)

Trở lại chiến trường ngoài Bắc. Sau trận Vọng thì quân ta bỏ phòng tuyến sông Nhuệ mà lui về phòng tuyến sông Đáy (giữa sông Nhuệ và Sơn Tây) cũng gọi là sông Hát. Làng Phùng ở phía đông sông Đáy trên con đường đi Sơn Tây. Ngày 28, địch lên Cầu Giấy; ngày 30 chúng lên Ba Giàng để điều tra đều bị quân ta bắn lui.

Sáng ngày 1-9-1883, địch chia làm 2 đạo kéo lên ngả Phùng: một cánh, cánh hữu, theo đê Nhị Hà; một cánh, cánh tả, theo đường ruộng; tất cả là 1.200 Pháp và 600 ngụy quân của đám Cờ Vàng với một đại đội pháo binh.

Cánh hữu của quân ta đóng ở làng Sấu (tức Dương Liễu) và làng Giá (tức Yên Sở); trung quân của ta đóng ở làng Phùng; cánh tả về phía Nhị Hà thì quân ta đóng ở Thượng Mỗ, Hạ Mỗ. Cổ Ngõa Hạ và Cổ Ngõa Thượng, chống giữ con đường đê từ Nhị Hà vào Phùng.

Quân địch hai ngả tấn công suốt ngày 1, không lấy được làng Phùng. Hai bên đánh giáp lá cà rất kịch liệt. Đêm đến, trời mưa như cầm tinh mà đổ. Trong đêm quân ta rút qua bên hữu ngạn sông Đáy, địch không dám qua sông. Sau lưng địch quân ta phá rối đường về; ngày 3 địch không dám về đường bộ, phải ra Ba Giàng, tức là chỗ đê Phùng ra vùng sông Nhị Hà, để đáp thuyền về Hà Nội. Chúng để lại một số quân giữ Ba Giàng. Trong trận này một số lớn quân "Cờ Vàng" chạy qua ta, một số khác tan rã. Bên ta, cũng chính mình Lưu Đề đốc, đốc chiến ở trận tiền; dũng tướng của Đề đốc là Đặng Sĩ Xương cầm binh rất anh hùng, bị đạn ngã lại đứng lên xung phong lùa giặc xuống đồng nước, tranh giật lại đầu của đồng đội đã bị Pháp chém, cho đến khi Đặng cũng tử trận. Hoàng Thư Trung cũng tỏ ra là một vị tướng lãnh can đảm phi thường, biết vì ân tri ngộ của nước Việt, biết vì bạn đồng đội mà báo thù, làm cho địch khiếp đảm. Địch phải thừa nhận rằng:

"Kẻ địch tỏ ra rất can đảm, vị trí của họ rất mạnh mẽ, họ có quân số đông, có súng ống tân thời, đạn dược đầy đủ, nhưng may thay, họ thiếu đại bác. Cho nên phải nghĩ rằng nếu muốn thắng họ, phải cố gắng lâu dài và bền bỉ, phải có quân số đầy đủ và phương tiện nghiêm túc".

Vì vậy mà tướng Bu-ê một lần nữa điện về Pháp xin quân tiếp viện. Sau những trận ngày 15, 16-8, hắn đã xin tiếp viện một lần rồi. Bu-ê thấy khó ăn, không dám đánh liều. Hác-măng thì thúc giục phải đánh Sơn Tây ngay đi. Văn và võ xung đột nhau, Bu-ê trước những sự thất bại liên tiếp bị rút về Pháp, quan năm Bi-sô lên tạm thay. Trong tình thế này, nếu triều đình dám làm cái việc mà Hàm Nghi sẽ làm - ra sơn phòng, kêu gọi toàn quốc kháng chiến, thì - Việt Nam hãy còn cơ hội thắng địch cũng như nhân dân Méc-xích đã thắng Pháp.

V. NHÂN DÂN KHẮP BẮC KỲ NỔI LÊN ĐÁNH GIẶC

"Cuối tháng 9 năm 1883, tình thế không sáng sủa tí nào", đó là nhận định của địch.

Địch hy vọng rằng khâm phái của Huế gửi theo Hác-măng ra Bắc có thể ra lệnh cho dân và quân giải giáp tuân theo hòa ước bán nước tháng 8-1883. Đoàn khâm phái này gồm Nguyễn Trọng Hợp (Lại bộ Thượng thư), Trần Văn Chuẩn (Công bộ Thượng thư), Hoàng Phi (Lại bộ Tham tri), Đinh Văn Giản (Lễ bộ Biện lý); khâm phái được lệnh chỉ thị cho Hoàng Tá Viêm và tất cả quan quân ở Bắc phải "lập tức triệt hết quân để tỏ rõ tín nghĩa" với Pháp(!!!) và với Hòa ước Hác-măng(!!!). Một lần nữa triều đình tin lời hứa hẹn của Pháp là nếu dụ cho quan quân ở Bắc triệt binh về kinh thì sẽ trả lại các thành! Cái khờ dại ở đây là đồng nhất với cái phản phúc. Nhưng quân dân ầm ầm lên phản đối; bọn khâm phái núp dưới cờ Pháp cũng cứng họng, bó tay, không làm gì được mấy. Hoàng Tá Viêm không chịu thi hành mạng lệnh ngừng chiến của triều đình,

https://tieulun.hopto.org

nhưng ý chí để kháng đã bắt đầu lung lay rồi. Lưu Đề đốc, người triệt để chủ chiến, đã nói:

"Độ trước vì nước lớn quá, nên tôi chưa tiến quân được; nếu nước tiêu mau, Lưu này chính là chuẩn bị khởi quân giết phiên nô làm cho toàn cõi nước Việt không còn bóng giặc Pháp, ta mới vui lòng, làm sao lại bắt lui quân? Phương chi chúng tôi không phải là thua nó. Nếu quả như hai quân đánh nhau, đều có được thua, thì bàn hòa cũng phải, nhưng chúng tôi trận nào cũng được, lần lượt giết phiên nô đến mấy nghìn, và mỗi trận tất giết được đại tướng, tự cổ lai chưa có cái lý gì trận nào cũng thắng mà lại phải hòa với giặc"[1].

Nghĩa quân các nơi quy tụ mỗi ngày thêm đông dưới cờ kháng chiến của Hoàng Tá Viêm ở Sơn Tây hay với Trương Quang Đản ở Bắc Ninh, trong số này có hàng trăm Hoa kiều. Tất cả các đồn trại của Pháp đều luôn luôn bị công kích. Triều đình phản phúc ra dụ chẳng những triệt binh ngay mà còn triệu hồi Thống đốc quân vụ Bắc Kỳ là Hoàng Tá Viêm và tổng đốc Ninh Thái kiêm quân thứ Trương Quang Đản, với các Đề đốc Ngô Tất Ninh, Lê Văn Hổ, Nguyễn Văn Chử, các tán lý và tán tương Lương Quy Chính, Nguyễn Thiện Thuật, triệt họ về kinh, bắt họ rút biển binh về kinh. Nguyên khâm sứ Pháp trú kinh là Săm-pô nói với triều đình là Pháp quyết đánh quân Thanh, buộc triều đình phải triệt hồi các võ tướng. Triều đình sai Nguyễn Trọng Hợp và cả một đoàn quan to đi làm việc ấy, khiến trách quan quân ta rằng "không được thông đồng với quân Thanh, còn bằng lưu giúp quân Thanh là trái mệnh triều đình". Pháp đặc biệt đòi Huế triệu hồi Hoàng Tá Viêm mà chúng nó cho là kẻ thù số một lúc ấy. Nguyễn Trọng Hợp nói:

"Chọn điều họa thì lấy cái nào nhẹ hơn, xin triệu Hoàng Tá Viêm về kinh để mặc quân Pháp tự làm mới mong bớt việc"[2].

1. Trích *Trung Pháp chiến tranh* - Lưu Vĩnh Phúc chống Pháp lần thứ hai.
2. *Dương sự thủy mạt.*

Lúc bấy giờ Cơ mật xem việc kháng chiến là một cái họa, không xem việc mất nước là cái họa! Thật là phản phúc đến cùng rồi.

Nhưng lòng dân và quân ở Bắc muốn đánh, muốn liên kết với quân Thanh để kháng chiến. Nhiều vị quan bị Pháp bắt, không chịu hàng giặc mà tử tiết: như Tri huyện Trần Đôn, Bố chính Vũ Túc. Tuy nhiên, cũng có một số không nhỏ các quan cầu an mà tuân lệnh triều đình, làm rối hàng ngũ kháng chiến: Đề đốc Hải Dương là Tôn Thất Hòe theo lệnh mà về kinh. Số bất tuân thì đông hơn, thà trả ấn tín cho triều đình, ở lại mộ nghĩa dũng mà đánh giặc như Tạ Hiện Đề đốc Nam Định, tán tương Nguyễn Thiện Thuật. Nguyễn Thiện Thuật nguyên tán tương Sơn Tây sẽ đóng một vai trò quan trọng trong sự mộ nghĩa dũng ở Hải Dương. Án sát Phan Vụ Mẫn, Tri phủ Kiến Xương Hoàng Văn Hòe cũng đều nạp ấn rồi vận động kháng Pháp. Đến như khi Cuốc-bê tự bảo hộ đốc Hà Nội là Nguyễn Hữu Độ kén cử người cộng tác với Pháp, Độ chọn Nguyễn Trực (học sĩ), Nguyễn Khuyến (quyền lĩnh tổng đốc), Thành Ngọc Uẩn (thị độc) tất cả các vị đều không chịu đến nhận chức với Hữu Độ và Pháp. Tối đại đa số các tỉnh thần văn võ Bắc Kỳ đều không tuân mệnh triều đình, họ tiếp tục kháng chiến; mãi đến khi Sơn Tây, Bắc Ninh, Hưng Hóa thất thủ thì có một số ít lục tục về kinh, số đông vẫn tiếp tục chiến đấu hoặc cùng với quân Thanh, hoặc độc lập.

Tháng 9, quân Pháp chiếm lấy Ninh Bình, triệt phủ thành Yên Khánh, lấy tiền lấy thóc, thu hết sổ sách văn thư, sức dân khai sổ đinh điền, thu thuế. Thế mà triều đình muốn cho Tôn Thất Úy (Bố chính) cùng ở lại cộng tác với Pháp. Úy cùng với các chánh phó lãnh binh không chịu ở với địch, rút ra thôn quê cùng với nha sơn phòng Ninh Bình mà chống giữ.

Được thêm 600 quân nữa, mà Cuốc-bê, tổng chỉ huy, chỉ có thể giữ các căn cứ đã chiếm, không mở rộng phạm vi ra nông thôn được. Sát bên Hải Phòng, dân ta trưng binh, quyên lương, chống

https://tieulun.hopto.org

giặc. Giặc phải đào thêm sông Cấm (đại lộ Kinh Lấp hiện giờ) để yên toàn trên một cù lao, phòng du kích ban đêm đến đánh phá. Có điều sai lầm là lương giáo xung đột càng lúc càng mạnh.

Pháp vừa đặt một công sứ ở Hải Dương, một số lính đi từ Nam Định qua Hải Dương để tùng sự cho công sứ ấy, bị quân và dân ta đón đường tiêu diệt sạch. Ngày 13-11, 800 nghĩa quân ta vào đánh thành Hải Dương. Tầu số 7 của Pháp đi từ Hải Phòng lên Hải Dương thám thính tình hình, bị một ngàn quân và dân ta cầm cờ đỏ đi đầu, chặn đánh dưới sông Cấm, quân và dân ta đặt súng trên thuyền gỗ cản địch; tàu Ku-ri Ma-ru[1] do quan ba Pít-man[2] cầm đầu chở đầy lương thực, cũng bị quân và dân ta chặn đánh ở đường sông Hải Phòng lên Hải Dương. Ngày 17-11, 1.500 quân và dân ta lại công phá Hải Dương lần nữa. Đêm ấy, thêm 1.500 quân chính quy vào Hải Dương, lập chiến lũy trên đường phố ngăn sự giao tiếp giữa thành và các đồn Pháp. Mặc dầu Pháp có thủy quân và chiến hạm yểm hộ, mãi đến 19-11 thì chúng mới giải vây được Hải Dương.

Trong trận Hải Dương này, quân ta dùng một thứ khí giới lợi hại làm cho địch rất sợ; đó là một thứ hỏa pháo vừa gây được hỏa hoạn vừa giết được địch bằng tên thuốc. Hỏa pháo ấy cắm vào đầu súng mà bắn vào đồn địch.

Tất cả các nơi đều bao vây Pháp, cho nên Cuốc-bê phải ra lệnh thiết quân luật ở Hà Nội, Nam Định, Ninh Bình, Hải Dương, Quảng Yên.

Chính phong trào kháng chiến của nhân dân đã thúc đẩy cánh kháng chiến trong triều đình trước đây bị lép, nay lại bắt đầu nổi lên được.

1. Nhà xuất bản chưa tra được từ nguyên.
2. Nhà xuất bản chưa tra được từ nguyên.

VI. SƠN TÂY THẤT THỦ (THÁNG 12 NĂM 1883)

- Trong lúc khâm phái của triều đình đem hết sức hoạt động để triệt quan quân ta về kinh, không cho nhân dân đánh giặc, thì quân Pháp, đầu tháng 12 năm 1883, được tăng viện thêm 5 tiểu đoàn nữa. Cuốc-bê tuy thêm được 5 tiểu đoàn nữa nhưng nói rằng số ấy "chưa thấm tháp gì"; hắn xin thêm bộ binh (ở Bắc Kỳ lúc bấy giờ số bộ binh Pháp đã lên quá 8.000 người rồi, với một sư đoàn hải quân).

1. Công sự phòng thủ căn cứ Sơn Tây

Trung tâm là thành Sơn. Thành Sơn có một tháp canh làm cột cờ, cao 18 mét. Trong có doanh trại, dinh thự, kho tàng; vòng thành là một cái hình 5 góc, cao 3 mét 50, cửa Bắc ra sông Nhị Hà, cửa Đông qua làng Phù Sa đi về Hà Nội, cửa Tây về Hưng Hóa, phía nam có một con sông nhỏ. Ngoài thành có hào đầy nước và một dãy lũy tre. Xa hơn nữa có những công sự đã xây dựng từ mấy năm nay, đặc biệt là công sự Phù Sa trên đường cửa Đông, công sự này được củng cố nhất là sau trận Phùng.

Thống đốc quân vụ Bắc Kỳ Hoàng Tá Viêm không đóng ở trong thành mà đóng đại quân ở Vân Chủng, cách thành Sơn 8 dặm, tiếng là để làm thế ỷ đốc cho Lưu, mà tới việc thì chẳng đánh chác gì cả, không tiếp viện cho Lưu, không đánh hậu quân của Pháp. Trong và quanh thành thì Nghĩa lương nam Đề đốc Lưu Vĩnh Phúc, nhị phẩm triều đình, đóng giữ. Lúc bấy giờ Đường Cảnh Tùng, nhà Thanh, cũng có mặt ở thành Sơn; lại có 2.000 quân Thanh ở Bắc Ninh đến do bọn Giả Văn Quý và Điền Phúc cầm đầu. Lại có 1.000 quân của Vân Nam do Mạc Đông Thanh cầm đầu.

Phù Sa ở ngã ba hai con đê, là cửa của ngoại vi thành Sơn, được biến thành một vị trí phòng thủ mạnh như một pháo đài hình tam giác mà thành đê đều có rào tre và gai, mặt đê thì đầy những hố tác chiến và giao thông hào.

https://tieulun.hopto.org

Địch cũng thừa nhận rằng đây là một vị trí phòng thủ "vĩ đại". Nhưng thực tế thì chiến thuật này có thể hay cho 100 năm về trước. Trong một vị trí nhỏ như thế mà tập trung hàng nghìn quân, phòng bị không phải xa và rộng hàng chục cây số mà sát ở mé thành với kẻ địch có súng bắn xa và đại bác mạnh, tầu chiến bắn vào thành Sơn vừa tầm, thành Sơn lại ở một nơi mà vị trí của nó bảo vệ cho Hà Nội chớ không phải là một vị trí tự bảo vệ chắc chắn vì hai mặt nó có sông to, địch ở Bắc đến thì khó, song quân địch từ Đông đến và có thủy quân, có thể bao vây và tiêu diệt tất cả. Độ trước Viêm lấy Hưng Hóa làm căn cứ là đúng hơn; nay dồn hết quân về Sơn là nguy hiểm (khi ta bị tấn công), chỉ lợi khi ta căn cứ vào Sơn mà tấn công Hà Nội (thời ấy đã qua) để cho sinh lực tích tụ trong mấy năm trường có thể bị một trận mà hao tổn phần lớn. Hoàng Tá Viêm cũng biết dùng người, nhưng bản thân và bộ hạ thì chỉ làm hậu vệ, không bao giờ xuất trận. Khen thưởng không phân minh, mưu lược tầm thường, khiến cho Lưu Vĩnh Phúc nhiều khi bất mãn. Lưu Vĩnh Phúc can đảm có thừa, nhưng chưa theo kịp với lối chiến tranh cận đại của Tây phương; cả hai Lưu và Hoàng đều cậy vào quân mà ít cậy vào dân, cả hai cố giữ thành trì, cho rằng mất thành là mất tỉnh, cái chết ở chỗ đó.

2. Quân Pháp quyết định đánh Sơn Tây

Lúc bấy giờ ở Bắc Kỳ, hai trung tâm để kháng của ta là Sơn Tây và Bắc Ninh. Với số quân trên 8 ngàn, địch chưa đánh Bắc Ninh được; đánh Bắc Ninh vừa có thể đụng phải quân chính quy của nhà Thanh, mà ở đây thủy quân khó tiếp ứng được bộ binh, nhất là hễ phải qua hai sông (Nhị và Đuống) để đánh Bắc Ninh thì thành Hà Nội trống có thể bị Hoàng Tá Viêm, Lưu Vĩnh Phúc công phá. Cho nên Cuốc-bê quyết định đánh Sơn Tây trước, đánh Sơn Tây thì quân thứ Bắc Ninh không công phá được Hà Nội, mà đường đi Sơn Tây, thủy bộ đều tiện.

Cuốc-bê huy động tất cả là 5.900 quân lên Sơn Tây gồm hai đạo cánh tả của chúng (quan năm Bơ-lanh[1]) gồm 3.300 người (trong đó có 700 ngụy quân); cánh hữu của chúng (quan năm Bi-sô) gồm 2.600 quân (có ba đại đội ngụy). Dưới sông Hồng có một hạm đội yểm hộ trong đó có nhiều thuyền gỗ vận tải. Ngày 11, chúng xuất phát từ Hà Nội. Cánh tả đi bộ. Cánh hữu đi thuyền, đổ bộ lên vàm sông Đáy, đóng ở Phùng đêm ấy để sáng 13 thì cả hai cánh chiếm lãnh trận địa cách thành Sơn 8 cây số. Lạ một điều là trên con đường dài ngoài 20 cây số, địch tiến quân không bị quân ta chặn đánh lúc nào cả; trên sông, tầu địch nhiều, nước xuống cạn, ấy thế mà những sự toan tính đánh hỏa công chẳng thấy thực hành.

3. Trận Phù Sa

11 giờ sáng ngày 14, địch tiến vào Phù Sa; tiền đội của chúng vừa vào tới hai làng Linh Chiểu và Thanh Chiểu thì quân ta bắn một loạt dữ dội, gây thiệt hại nặng cho địch; rồi quân ta nhảy ra khỏi công sự mà phản công, lùa địch chạy lui về bờ đê phía nam, nơi đây chúng hối hả làm công sự mà cố thủ.

1 giờ trưa, địch đem 6 đại bác và tất cả đại bác dưới thuyền châu vào Phù Sa mà bắn. Đại bác của ta bắn trả lại, nhưng càng lúc càng yếu.

Một cánh địch đi vào làng Thiệu Xuân (giữa đường cửa Bắc và đường cửa Đông). Quân ta từ đông môn thành Sơn theo đường Phú Thọ mà bọc qua cánh tả của địch và toan đánh vòng sau lưng địch. Địch trông thấy, đưa quân đến cản trở, có đại bác của chúng đặt trên đê để yểm hộ. Trên mặt này hai bên không phân thua thắng, mà đánh kéo dài đến chiều.

4 giờ chiều, sau khi đã dọn đường bằng đại bác, địch tấn công dọc theo hai con đê vào ngã ba. Quan ba Đu-xê[2] của chúng bị

1. Belin.
2. Nhà xuất bản chưa tra được từ nguyên.

https://tieulun.hopto.org

bắn chết, nhưng đến chiều tối thì phần lớn công sự Phù Sa bị địch chiếm, trừ một chiến lũy kiên cố, ở đây quân ta tử chiến, địch không chiếm nổi cho đến tối.

Suốt đêm diễn ra trận đánh ác liệt, bọn lính Pháp gọi đêm ấy là "đêm kinh khủng" (nuit terrible). Nhưng các cuộc phản công của ta trong đêm không đẩy lui được địch ra khỏi Phù Sa; cho nên, cũng đêm ấy, quân ta rút khỏi các phòng tuyến ngoại vi Sơn Tây, vào gần vách thành, trong thành và sau thành, để lại vô số chướng ngại vật làm cho suốt ngày sau, ngày 15, địch mới chiếm từ đồn Phù Sa, vòng qua Phù Sa đến quá ngoại vi cửa Bắc, qua đến ven làng Phú Nhi, nghĩa là bao được non phần nửa thành Sơn về phía sông Hồng, qua đến xóm Lò Gốm gần cửa Tây.

4. Thành Sơn bị hãm

Ngày 16, địch tấn công mạnh vào thành Sơn. Quân ta từ cửa Tây định đánh bật cánh hữu của địch ra sông Hồng, nhưng không được. Địch quyết đánh vào cửa Tây để chặn đường rút lui của quân ta về Hưng Hóa. Tất cả đại bác của địch trên bộ và dưới thuyền đều tập trung hỏa lực vào thành. Quân ta chống giữ từ tấc đất. Theo lời địch thì:

"Cuộc chiến đấu xảy ra ác liệt và dữ dội, quân tiến rất chậm"[1].

Mãi cho đến 5 giờ chiều thì địch mới xáp được lại gần vách thành. Địch ùa vào phía cửa Tây. Quan ba Men[2] của địch bị giết. Nhưng cửa bị phá đổ. Địch vào thành. Quân ta chống giữ suốt đầu hôm từ góc đường, từ nhà. Địch không dám hung hăng sục sạo. Địch chỉ chiếm được cửa Bắc và cửa Tây. Thừa đêm, quân ta lui ra khỏi thành, bỏ lại rất nhiều gạo và muối, 4 tạ chất nổ, nhưng không bỏ lại một cây súng nào, lui về phía Hưng Hóa, đem theo hầu hết người bị tử trận hay bị thương.

1. *Histoire militaire de l'I.C.*
2. Nhà xuất bản chưa tra được từ nguyên.

Trong trận Sơn Tây này quân của Hoàng Quế Lan gởi sang chẳng đánh chác gì cả. Tây chưa đến vách thành thì Giã Văn Quý đã kéo quân chạy mất, Mạc Đồng Thành cũng thế. Đường Cảnh Tùng cũng lặng lẽ rút bao giờ không rõ. Sự tháo chạy này làm núng thế quân của Lưu Đề đốc, Lưu mới nhổ toàn đội kéo lên Hưng Hóa.

Theo báo cáo chính thức của địch (bao giờ cũng thấp xa sự thật) thì bên địch có 83 chết trong đó có 5 sĩ quan, 320 bị thương trong đó có 22 sĩ quan. Từ đầu cuộc xâm lược Bắc Kỳ của địch đến nay, trận này là trận lớn nhất và địch bị thiệt hại nhiều nhất. Hà Nội, Sài Gòn, Pa-ri, bọn thực dân huênh hoang không biết xấu hổ rằng: nếu trận Sedan làm mất uy tín của quân Pháp thì Pháp "gỡ" được bằng trận Sơn Tây!

11 ngày sau, ngày 27-12-1883, giữa lúc địch còn vui mừng thắng trận, tiệc tùng Nô-en[1] chưa tàn hơi rượu, thì cả kho chứa đạn và đại bác của địch ở Hà Nội bị dân và quân ta hoàn toàn thiêu hủy.

5. Sau trận Sơn Tây

Tỉnh thần Sơn Tây là Nguyễn Đình Nhuận cùng Đề đốc Tam Tuyên Lưu Vĩnh Phúc về Hưng Hóa. Hoàng Tá Viêm, trong ngày địch công phá Sơn Tây thì đóng ở ngoài cửa Nam vòng thành, nay về đóng ở Thục Luyện, sau đó thì Nguyễn Đình Nhuận cũng về với Hoàng Tá Viêm. Đường Cảnh Tùng đem quân về đóng ở Bắc Ninh; Lưu đoàn thì chia nhau giữ hai phủ Lâm Thao, Vĩnh Tường. Lúc ấy tuần phủ Quảng Tây đến Lạng Sơn lo việc phòng ngự; Hoàng Tá Viêm định kiểm điểm và chấn chỉnh lại quân sĩ rồi chuyển sang Bắc Ninh để hội thương và hiệp sức với quân thứ Bắc Ninh và quân Thanh để chống Pháp.

Triều đình thì vẫn nằng nặc quyết một đòi Hoàng Tá Viêm và tất cả các đề đốc triệt binh về kinh "để mặc quân Thanh"! Bọn khâm phái Nguyễn Trọng Hợp, Trần Văn Chuẩn ở Bắc Kỳ không

1. Noël.

https://tieulun.hopto.org

làm được việc gì; Pháp đã không trả thành nào, lại còn mở rộng chiếm đóng bắt giết nhiều tuần thủ, quan tỉnh, truy nã các đề đốc, trực tiếp chỉ thị cho phủ huyện tịch thu vũ khí của cải, thuế má, bắt khai sổ đinh điền, rốt lại thì các quan, một số theo Tây, hay về triều, nhưng đa số thì hoặc uống thuốc độc, nhẩy xuống sông, hoặc mang ấn ra thành, trả ấn từ quan, hoặc truyền hịch khởi quân, có kẻ thất vọng không biết làm sao đánh Tây, hễ gặp thì đâm chém người Pháp để rồi tự vẫn. Nguyễn Trọng Hợp bất lực xin về kinh giải chức. Sin-vết[1] thay cho Hác-măng, thấy rằng tự tay Pháp không thể trị an được, mà phải yêu cầu triều đình Huế giúp sức:

"Từ khi Khâm sai Bắc Kỳ Nguyễn Trọng Hợp và Trần Văn Chuẩn trở về kinh, họ (các quan) không vui làm việc, mọi người đều hoài nghi, giặc cướp (dân chúng) nổi lên tứ tung, xin phái một quan có tài cán đến ngay để xử trí cho sớm yên ổn".

Cho nên, triều đình, theo lời yêu cầu của Pháp, lại phái Công bộ Thượng thư Đoàn Văn Hội và Tham tri Hoàng Hữu Tường, lang trung Lê Cơ ra Bắc hiểu dụ một lần nữa cho quan quân và dân đừng chống Pháp mà phải cộng tác với Pháp, ngoan ngoãn nhận sự đô hộ. Cũng không hiệu quả gì mấy.

VII. CHÍNH PHỦ PA-RI VÀ TRIỀU ĐÌNH BẮC KINH THƯƠNG NGHỊ VỀ VẤN ĐỀ BẮC KỲ TRONG KHOẢNG CUỐI NĂM 1883

Trong lúc chiến sự ở Việt Nam tiếp diễn càng lúc càng kịch liệt ở miền Bắc, trong lúc quân Pháp càng ngày càng mở rộng phạm vi chiếm đóng của nó, và trong cuộc chiến tranh này, đặc biệt ở Sơn Tây, đã có một ít doanh của quân Thanh tham gia chiến đấu, thì ở Pa-ri cũng như ở Thiên Tân, chính phủ Pháp và triều đình Bắc Kinh thương nghị luôn về vấn đề Bắc Kỳ.

1. Nhà xuất bản chưa tra được từ nguyên.

Ngay trong bữa súng đại bác của Pháp nã vào Thuận An, quân Pháp đổ bộ lên Thuận An thì La-cua[1], Bộ trưởng Ngoại giao và đại sứ Tăng thương nghị (18-8); vừa thương nghị với Trung Quốc rằng Pháp "không có tình ý gì muốn sáp nhập đất nước Việt Nam, Pháp vừa bắt buộc Huế phải đầu hàng và lập ước mới, đồng thời ra lệnh phong tỏa bờ bể Việt Nam, không cho tàu bè Trung Quốc tự do thông thương vào các bến Bắc và Trung nữa. Triều đình Bắc Kinh không muốn chiến tranh, không có ý bênh vực triều đình Huế, chỉ muốn rằng trong cuộc thương nghị mới giữa Huế và Pa-ri thì Bắc Kinh có tham gia, và thực tế là chỉ muốn đẩy lùi biên giới xuống hướng nam hơn nữa. Để phần nào viện trợ cho tư tưởng ngoại giao của họ, triều đình Bắc Kinh - không trực tiếp viện trợ cho Hoàng Tá Viêm - chỉ lo viện trợ cho Lưu Vĩnh Phúc là chính, không cốt đánh bại Pháp mà cốt làm sao để Pháp nhân nhượng; cho đến đỗi Pháp tuyên bố phong tỏa bờ bể Việt Nam, cấm tàu Trung Quốc đến, ấy thế mà chính phủ Bắc Kinh và đại sứ Tăng chỉ yếu ớt báo lại rằng *"để họ điều tra lại coi có tàu chở vũ khí không"*.

Sau khi quân Pháp đã chiếm Thuận An bắt buộc triều đình Huế ký hòa ước mới mà chúng nó gọi là Hòa ước Hác-măng thì Pháp lại càng có cơ sở vững hơn để thương nghị với Trung Quốc. Giữa tháng 9, Pháp đề nghị với nhà Thanh một đường tạm thời lấy từ một điểm ven biển giữa vĩ tuyến 21 và 22 để băng lên trên thành phố Lào Cai, giữa đường đó và biên giới Trung Hoa thì quân hai bên không có ai đóng, không có ai lập đồn lũy, nếu có quân đội nào đến thì hai bên hợp nhau tiễu phạt rồi rút về; Pháp lại đòi mở một thương cảng trên sông Hồng Hà trong địa phận Vân Nam (Mãn Hảo). Làm như thế là Pháp định nhờ tạm có một vùng "trung lập", "trái độn", để hoàn thành cuộc xâm lược Việt Nam mà khỏi phải xung đột với quân đội nhà Thanh, rồi sau sẽ chiếm vùng ấy không muộn gì.

1. Lacour.

https://tieulun.hopto.org

Đối với đề nghị của Pháp thì ở Pa-ri đại sứ Tăng muốn quy định cương giới hơn là muốn lập một vùng "trung lập", muốn lấy Sơn Tây thay cho Mãn Hảo (cuộc hội đàm 18-9-1883 giữa Juyn Phe-ri và đại sứ Tăng). Ở Bắc Kinh thì Lý Hồng Chương cũng muốn như thế, nghĩa là muốn chia hẳn Bắc Kỳ (báo cáo của Tri-cu cho La-cua ngày 26-9). Trong cuộc hội đàm sau nữa, Tăng đề nghị là cái vùng chia cho Pháp là hữu ngạn sông Hồng còn tả ngạn sông Hồng và vùng lưu vực Thái Bình thì về tay nhà Thanh. Phe-ri nhất định không chịu mất phần Bắc Kỳ mỏ. Triều đình Thanh không nhận lấy đề nghị của Pháp làm cơ sở cho sự thương nghị, nhưng nhà Thanh vẫn không muốn có hành động quyết liệt nào. Tuy không muốn có hành động quyết liệt nào sau khi Huế ký hòa ước năm 1883, nhà Thanh vẫn phải tăng cường quân đội ở phương nam, bởi vì ngay sự có mặt của sư đoàn hải quân Pháp ở Hương Cảng đã là một sự đe dọa lớn cho Trung Quốc rồi.

Đến tháng 10 năm 1883, Lý Hồng Chương thấy rằng sau khi Huế đã nhận Hòa ước 1883 rồi thì nhà Thanh cũng khó lấy danh nghĩa nào mà đòi hỏi Pháp về mặt chính trị. Mặt khác bọn Anh, Pháp, Đức hiệp với nhau để đe dọa Trung Quốc, sau vụ nhân dân đánh phá tô giới của chúng ở Quảng Châu; Lý càng lo ngại Pháp lại vừa cho đại sứ Tăng biết rằng sẽ đem binh lên đánh Bắc Ninh; Tăng đáp lại rằng ở vùng Bắc Ninh có quân nhà Thanh đóng theo lời yêu cầu của Tự Đức (17-11-1883).

Đa số nghị viên Pháp tán thành chính sách xâm lược ở Bắc Kỳ. Chính phủ Pháp càng lấn lướt. Triều đình Huế, nhân lúc tôn tân vương, muốn gởi sứ sang Bắc Kinh thụ phong thì Pháp không cho sứ bộ rời ra khỏi Huế.

Tình hình càng căng thẳng. Tổng lý nha môn gởi cho Đờ Sa-ma-li[1] đại sứ Pháp ở Trung Quốc một bức thông điệp (ngày 19-11-1883) trong đó có câu:

1. Nhà xuất bản chưa tra được từ nguyên.

"Chính sách xâm lược của chính phủ Pháp không ngừng ở chỗ đó; chính phủ Pháp thừa cơ hội Annam quốc vương chết, thừa lúc xứ Annam để tang và tôn vua mới, để dùng võ lực bắt buộc xứ phiên thuộc của chúng tôi phải ký ước mới mà mục đích là tước quyền chính trị của Trung Quốc đối với Annam"[1].

Và có câu:

"Nếu chính phủ Pháp, như chúng tôi cảm thấy, không quý trọng danh dự và công lý, mà cố tình xâm chiếm những vùng mà quân Thiên triều đương đóng ở Bắc Kỳ, thì chính là chính phủ Pháp là người có trách nhiệm chấm dứt hòa bình. Bởi vì, khi ấy, quân Thiên triều bị bắt buộc tự vệ, sẽ dùng võ lực để đối phó với võ lực".

Cuộc chiến tranh Trung - Pháp liệu bề không tránh được.

* * *

TÓM LẠI

Sau trận đại bại ở Cầu Giấy, Pháp gấp rút tăng viện cho quân đội viễn chinh của nó. Lệnh từ Pa-ri sang Hà Nội bảo bọn thực dân ở Hà Nội và Sài Gòn cố lấy tiền của Việt Nam để nuôi quân xâm lược.

Tháng 7 năm 1883, Cuốc-bê, tổng chỉ huy quân sự mới, Hác-măng tân cao ủy, và tướng Bu-ê họp ở Hải Phòng bàn định tấn công vào Huế. Chính trong lúc đó Tự Đức chết, triều đình bận việc tang lễ và tôn vương; địch thừa cơ để đánh một lần quyết định, bắt Huế theo một hòa ước mới 27 khoản mà chúng đã làm sẵn ở Pa-ri.

Ở Bắc Kỳ, tháng 8, địch muốn nới vòng vây để hướng về ngõ Sơn Tây, bị quân ta đánh lui ở Vọng; những trận này chứng tỏ nhiều sự tiến bộ dài của quân ta về mặt vũ khí và chiến thuật. Địch cố dụ Lưu Vĩnh Phúc về hàng, Lưu cự tuyệt.

1. *Affaire du Tonkin*, quyển 2, tr. 259, 260.

https://tieulun.hopto.org

Tháng 8, ở miền Trung, địch tập trung nhiều chiến hạm công phá cửa Thuận An. Thuận An bị chiếm, đường vào kinh thành đã bắt đầu trống. Triều đình sai Trần Đình Túc và Nguyễn Trọng Hợp đến nhận điều kiện của Hác-măng, ký hàng ước 1883, chịu sự đô hộ. Vua Hiệp Hòa đã lên ngôi rồi, một cái ngôi hết vị.

Tại chiến trường ngoài Bắc, dân và quân không vì lẽ triều đình quy hàng địch mà giải giáp chịu thua. Trận Phùng, tháng 9 năm 1883 chứng tỏ can đảm phi thường của người lính Việt Nam và Cờ Đen, bắt buộc tướng Bu-ê lùi bước, phải cấp tốc xin thêm viện binh mới dám dòm ngó đến Sơn Tây. Nhân dân các tỉnh đều nổi lên nhưng triều đình lại ra lệnh cho quan quân đất Bắc hãy "để mặc quân Thanh chống cự với Pháp" rồi triệu các văn quan võ tướng về kinh. Phần lớn các cụ không tuân mệnh; các cụ trả ấn, ra mộ quân ứng nghĩa.

Tháng 12 năm 1883, quân Pháp đánh vào thành Sơn Tây. Cuộc chiến đấu rất ác liệt. Giữa chừng các quân doanh nhà Thanh rút lui, làm rối hàng ngũ, thành Sơn thất thủ, quân ta lui qua sông Đà về Hưng Hóa. Sau trận Sơn Tây triều đình lại phái khâm sai ra triệu hồi các quan về kinh một lần nữa, nhưng một lần nữa, đa số quan văn võ đều không tuân mệnh.

Pháp và Thanh lại thương nghị, lần này Pháp có vị trí vững hơn: lấy được Sơn Tây và đã có Hòa ước Hác-măng với Huế. Lý Hồng Chương muốn lùi biên giới Trung Quốc xuống dưới Lào Cai, Lạng Sơn; Pháp muốn lập một vùng hoãn xung để có viện binh thêm rồi nuốt tất cả. Trong lúc đó triều đình Huế lại xem cuộc chiến tranh ngoài Bắc như việc riêng giữa Pháp và Thanh, không chịu thừa cơ Thanh - Pháp chiến tranh để hô hào toàn quốc nổi lên kháng địch, như thế là bỏ qua cơ hội thuận tiện cuối cùng để giành lại chủ quyền cho đất nước trong giai đoạn lịch sử đen tối này.

Chương 16

BẮC NINH THẤT THỦ, HÒA ƯỚC "PA-TƠ-NỐT" 1884, ĐẠI BẠI CỦA PHÁP Ở CẦU QUAN ÂM

I. CUỐI 1883, ĐẦU 1884: NHÂN DÂN KHÁNG CHIẾN Ở NAM ĐỊNH, NINH BÌNH. PHẾ LẬP TẠI TRIỀU ĐÌNH HUẾ

1. Nhân dân tranh đấu

Mặc dù triều đình phủ dụ giải binh, mặc dầu ở triều đình việc phế lập lung tung, quân dân miền Bắc tự động kháng chiến, đặc biệt là ở Nam Định (tiếc rằng Hải Dương, Sơn Tây, Nam Định chống giặc mà không có thống nhất với nhau theo một kế hoạch, mạnh nơi nào nơi nấy đánh, nơi trước, nơi sau). Ở Nam Định, Ninh Bình và Thái Bình, từ lâu nay, sau khi quân Pháp chiếm thành, các quan đề đốc không chịu về Huế mà lập căn cứ ở Phủ Điện (nay thuộc Thái Bình), cộng tác với đông đảo thân sĩ, thân hào, chiêu mộ 5 nghìn nghĩa quân, gom góp súng đạn, có cả những đại bác bằng đồng. Về phía miền núi Ninh Bình thì có những đội quân đồng bào Mường tham gia hăng hái. Các vùng Phong Sa, Yên Cừ cũng là trung tâm của phong trào kháng chiến

https://tieulun.hopto.org

này; Đề đốc Tạ Hiện thống lãnh binh quyền. Tán tương Nguyễn Thiện Thuật chiêu mộ nghĩa dũng ở Hải Dương. Tạ Hiện mật thiết cộng tác với quân nhà Thanh. Cùng với Tạ Hiện, có Án sát Phạm Vụ Mẫn, Tri phủ Kiến Xương, Hoàng Văn Hòe, đều trả ấn cho triều đình mà tham gia kháng chiến. Trong Thanh Hóa, Nghệ An, phong trào nhân dân đòi đánh cũng lên mạnh, ủng hộ cho nghĩa quân ở Nam Định.

Ngày 29 tháng 12 năm 1883, nghĩa quân Nam Định và quân Pháp đánh nhau tại căn cứ Phong Sa, Yên Cư, Yên Hòa. Nghĩa quân bị bại trận trước sự tấn công của hai tiểu đoàn địch (trong đó có 300 ngụy quân) và một tàu chiến địch.

Ngày 2-1-1884 lại xảy ra một trận khác ở thành Phủ Điện, trên hữu ngạn sông Trà Lý, nơi đây là căn cứ chính của Đề đốc Tạ Hiện, có 5.000 dân quân chống giữ. Trong trận này quân ta bị chết non 100 người, mất 6 đại bác và Tạ Hiện bị thương.

Nhân dân vùng Nam vẫn tiếp tục chiến đấu, giữ được hầu hết nông thôn. Vùng Đông (Hải Dương) sau khi công phá Hải Dương không thắng lợi, và sau trận Bình Quan (ngày 28-11-1883), nghĩa quân của Nguyễn Thiện Thuật lui về căn cứ Phú Thuận; theo lời của địch thì ở căn cứ Phú Thuận là một nơi khá lớn mạnh (un parti assez considérable). Còn ở ngoại vi Hải Phòng và Quảng Yên lúc bấy giờ thì địch nói rằng "tuy nhiên các tỉnh ấy chưa phải đã hết côn đồn và thổ phỉ" tức là nhân dân vẫn còn tiếp tục chiến đấu cũng dưới quyền thống lĩnh của Nguyễn Thiện Thuật.

Ở Hà Đông, nghĩa quân chẳng những đánh Tây mà còn đánh cả quân triều đình đang cộng tác với giặc, ví như hai lần nghĩa quân bao vây phủ thành Ứng Hòa. Tri phủ Cao Xuân Dục trấn áp nghĩa quân rất tàn bạo, Pháp bằng lòng, khen thưởng, tin cậy và về sau sẽ đưa Dục về triều đình làm quan tột phẩm.

2. Pháp tăng cường viện binh

Bên Pháp, vào cuối 1883, ở nghị viện cũng như trong nhân dân, cuộc tranh luận về vấn đề Bắc Kỳ rất là sôi nổi. Cánh tả và cánh hữu trong nghị viện đều công kích chính sách của chính phủ Pháp ở Viễn Đông. Cánh hữu lâu nay vẫn là cánh "phục thù" chăm chú nhất vào lục địa Âu châu, quan tâm nhiều về phía biên giới Vô-jơ. Cánh tả lúc bấy giờ chủ yếu là thay mặt cho tư sản tự do và tiểu tư sản, họ lo ngại cho tiền đồ của nước Pháp nếu Pháp vì sa lầy ở Viễn Đông mà trở thành yếu đuối ở Âu châu. Có một số đại biểu tư sản tuy muốn xâm chiếm thuộc địa ở Thái Bình Dương, nhưng lo ngại một cuộc chiến tranh với Trung Quốc trong đó Pháp chưa chắc đã có đủ cơm tiền, binh lính và vũ khí. Nhưng thế lực của tư bản tài chính đã đủ mạnh để làm cho đa số nghị viện Pháp thi hành một chủ nghĩa thực dân quyết liệt. Ngày 11-12-1883, bằng 308 phiếu thuận chống 201 phiếu nghịch, nghị viện đã tín nhiệm chính sách xâm lược của Phe-ri, lại còn yêu cầu chính phủ Phe-ri sẽ "đem hết nghị lực cần thiết để bênh vực quyền hạn và vinh dự Pháp ở Bắc Kỳ", nghĩa là để chiếm hẳn Việt Nam dù phải xung đột với Trung Quốc.

Phe-ri gấp rút chuẩn bị tổ chức một sư đoàn quân viễn chinh, theo lời yêu cầu của Bu-ê và của Cuốc-bê. Nhưng lúc ấy số thủy quân lục chiến thì không đủ để gởi đi; phải lấy bộ binh; mà giữa bộ binh với thủy quân có mâu thuẫn. Bộ binh không bằng lòng để cho một đô đốc thủy quân làm thống lĩnh bộ binh ở Bắc Kỳ. Tướng Cam-pơ-nông[1] lúc ấy là Bộ trưởng Bộ Chiến tranh, đòi hỏi có quyền lựa chọn một viên thống lãnh lực lượng võ trang Pháp ở Bắc Kỳ thì hắn mới chịu đưa bộ binh qua Viễn Đông. Phe-ri phải chịu. Cho nên ngày Cuốc-bê hạ thành Sơn Tây cũng là ngày mà chính phủ Pháp điện qua cho Đô đốc Cuốc-bê phải giao quyền tư lệnh

1. Campenon.

https://tieulun.hopto.org

cho tướng Mi-dô[1], còn Cuốc-bê thì chỉ giữ phần chỉ huy sư đoàn chiến thuyền.

Đám võ quan cao cấp trong đội viễn chinh này đều là những tay có kinh nghiệm trong nghề đi cướp thuộc địa. Bản thân Mi-dô năm 1860 đã tham gia cuộc đánh phá Trung Quốc. Tướng Bờ-ri-e đờ Lin đã tham gia cuộc xâm chiếm Nam Kỳ và Cao Miên, đã làm Thống đốc xứ Ê-nê-gan (Phi châu); Nê-gờ-ri-ê thì đã tham gia cuộc xâm chiếm miền nam xứ An-giê-ri. Cả 3 tên này rời tân cảng Tu-lông từ cuối 1883 với tất cả số quân đủ binh chủng là 6.500 người; cộng với 9.000 quân Pháp bấy giờ sẵn có ở Bắc Kỳ, 1.000 thủy quân lục chiến và 1.500 ngụy quân là 17.000 người.

3. *Việc phế lập và phân tranh ở Huế*

Trong lúc nhân dân tự động kháng chiến thì quân đội chính quy của triều đình ở Bắc Kỳ không đánh nữa, chỉ trông chừng, chờ đợi; nhiều người ái quốc mộ binh kháng chiến mà lại lấy danh nghĩa nhà Thanh nên không mấy được nhân dân hết lòng ủng hộ. Còn ở triều đình thì việc phế lập biểu hiện mâu thuẫn ở hai phe chủ hòa và chủ chiến, mà cũng bộc lộ mâu thuẫn địa vị giữa các cánh quan đại thần ở triều đình thường lo lợi riêng của mình hơn là quyền lợi chung của đất nước.

Nhắc lại Tự Đức chết ngày 19-7-1883. Tự Đức không con, nuôi 3 người cháu làm con nuôi, con nuôi trưởng là Thụy quốc công Dục Đức; thứ hai là Kiến Giang quận công Chánh Mông; con thứ ba là Dưỡng Thiện. Di chiếu của Tự Đức nói rằng Dục Đức không đáng làm vua; Dưỡng Thiện đáng hơn; nhưng Dưỡng Thiện còn quá nhỏ, thế nước đương nguy, cần có vua lớn tuổi, nên đành lập Dục Đức làm vua, nhưng bên cạnh phải có một hội đồng phụ chánh gồm Trần Tiến Thành, Nguyễn Văn Tường và Tôn Thất Thuyết.

1. Millot.

Nguyễn Văn Tường và Tôn Thất Thuyết không chịu lập Dục Đức là người mà họ thấy rằng không có chi cả, không mưu việc lớn được, nên bỏ di chiếu của Tự Đức đi mà lập em ruột của Tự Đức tức Lãng quốc công Hồng Dật lên làm vua, lấy niên hiệu là Hiệp Hòa, còn Dục Đức thì bị giam, bị bỏ đói đến chết. Phan Đình Phùng can ngăn không được việc phế lập, bị trói giam ở nhà giam Cẩm y rồi bị cách chức đuổi về tỉnh nhà.

Sau Hòa ước 1883, triều đình Huế vẫn còn chia làm hai phái, đầu hàng và kháng chiến; phái đầu hàng là đa số; phái kháng chiến là thiểu số ở triều đình; nhưng Thuyết nắm binh quyền, làm Binh bộ Thượng thư, lại có một số khá đông quan quân ngoài Bắc lục đục kéo về theo lệnh triệt binh của triều đình, nên phần lớn triều đình phải nghe theo Tôn Thất Thuyết. Tường đi nước đôi, gặp cơ hội thì xoay trở.

Hiệp Hòa thấy Tôn Thất Thuyết và Nguyễn Văn Tường không chịu thi hành tân ước bảo hộ, mà cứ chủ trương kháng chiến thì sợ cho địa vị làm vua của mình, và biết chỗ khác nhau giữa Thuyết và Tường, nên vua Hiệp Hòa tư thông với khâm sứ Pháp và mưu đổi Thuyết sang bộ lại, Tường sang bộ binh. Biết mưu gian ấy Thuyết và Tường xin với Từ Dũ Thái hậu bỏ Hiệp Hòa, mà lập Hoàng tử Dưỡng Thiện 15 tuổi, con nuôi thứ ba củaTự Đức, lên ngôi vua, niên hiệu là Kiến Phúc. Đó là cuối năm 1883. Hiệp Hòa bị phế, việc ấy cũng đúng thôi, làm vua lại tư thông với giặc thì chỉ là giặc, bị phế rồi thì tất nhiên trong tình trạng xã hội và triều đình lúc bấy giờ không thể nào không bị ám hại được.

Tuy là thiểu số ở triều đình, Thuyết nắm binh quyền nên vẫn giữ được ưu thế, vừa bí mật liên kết với các quan văn võ ở các tỉnh kháng chiến ngoài Bắc, vừa chuẩn bị ở miền Trung: từ Ninh Bình trở vào Nghệ An đến Quảng Trị, nơi nơi đều có tổ chức và củng cố sơn phòng. Tỉ như Lê Doãn Nhạ, ký lục, mộ người khẩn được 2.070 mẫu ruộng đất trong núi sâu Nghệ An được thăng thưởng

https://tieulun.hopto.org

hai lần; quan tỉnh trích số quân lên đặt chi đồn, hiểu dụ nhân dân lên lập thành thôn ấp to kế lâu dài; ở Quảng Trị tại Cam Lộ, sở sơn phòng to lớn hơn cả, tục gọi là phân sở, đem cả phủ nha Quảng Trị vào xã Bảng Sơn là nơi rộng rãi và hiểm yếu ở Cam Lộ; ở đây Thuyết đem chứa châu báu vàng bạc và lương thực, lập cả thành trì, khai khẩn đất rừng, phòng khi cần sẽ đem vua lên đó.

Tại Huế, Thuyết thừa mọi cơ hội để kích thích lòng trung nghĩa. Ví như truy tặng những quan võ trận long ở thành Hải An, chiểu theo hàm tước mà tuất ấm, chi các tỉnh tế lễ một lượt, liệt thờ vào đền trung nghĩa. Những người bị can vào tội thất thủ Hà Nội, Nam Định, Thuận An mà sống thì khoan giảm; liệt Hoàng Diệu vào đền Trung nghĩa và nêu cao sĩ khí. Bộ binh làm danh sách 256 người lính chết trong cuộc phòng thủ Thuận An, từ quản suất trở xuống, chuẩn tặng tuất ấm nhiêu có thứ bậc để khuyến khích binh sĩ.

Đa số đình thần và cả vua Kiến Phúc với hoàng gia lại thường tư thông với khâm sứ Pháp ở Huế, làm trở ngại công việc của Tôn Thất Thuyết, cho nên đến tháng 7 năm 1884 chúng ta sẽ thấy Kiến phúc chết bất ngờ, mờ ám, Tôn Thất Thuyết và Nguyễn Văn Tường sẽ chọn Ưng Lịch tôn lên ngôi là vua Hàm Nghi mới 12 tuổi: lúc ấy thì quân Pháp đã chiếm thêm được nhiều tỉnh Bắc Kỳ, nhưng thất trận ở sông Thương và trận cầu Quan Âm sẽ làm cho hải quân Pháp và hải quân Thanh bắt đầu chọi nhau mạnh hơn trước.

II. QUÂN PHÁP TẤN CÔNG VÀ CHIẾM ĐÓNG BẮC NINH

1. Tình hình quân Việt và quân Thanh ở vùng Bắc Ninh

Ở vùng Bắc Ninh, đốc thần của triều đình là Trương Quang Đản. Trương Quang Đản tuy không triệt binh về Huế nhưng lại có thái độ do dự, nhất là sau khi Hoàng Tá Viêm bị thất trận ở Sơn Tây và lui về Thục Luyện, thái độ của Đản trước kia là cộng tác với quân Thanh chống Pháp, bây giờ thì trung lập; Đản không đóng

thành Bắc; thành Bắc do quân Thanh đóng, trên kỳ đài của dinh Đốc bộ thì họ kéo cờ hiệu Thanh Đại, chứng tỏ một lần nữa rằng Thanh không vì Việt Nam mà đánh Pháp, chỉ vì họ thôi, và họ không tôn trọng chủ quyền lãnh thổ Việt Nam. Ta có quyền trách quan quân ở tỉnh Bắc có thái độ tiêu cực, nhưng ta cũng hiểu rằng thái độ ấy một phần nào cũng do thái độ của quân Thanh ảnh hưởng. Trương Quang Đản đem quân về đóng ở huyện Tiên Du, còn để lại quanh thành Bắc Ninh các quan Bố chính Nguyễn Tu, Án sát Nguyễn Ngọc Trân liên lạc với quân Thanh.

Từ Bắc Ninh trở lên tới Lạng Sơn qua đến Thái Nguyên, tất cả các vị trí đều do quân Thanh đóng. Hoàng Tá Viêm ở Thục Luyện không qua tiếp ứng, cũng không thừa hư mà đánh Sơn Tây, Hà Đông, chỉ có Lưu Vĩnh Phúc đem đoàn qua trợ chiến. Thành Bắc Ninh ở giữa một cánh đồng, quanh có một số đồi núi không cao không thấp; các đồi núi ấy đều được biến thành vị trí quân sự, nhất là trên núi Trang Sơn giữa sông Đuống và thành Bắc, nhưng phòng thủ sơ sài, Lưu Vĩnh Phúc sẽ phải kêu là kém cỏi.

Cũng từ lâu quân ta lập công sự phòng thủ con đường cái từ Hà Nội đi Bắc Ninh lên Lạng Sơn, bây giờ quân Thanh chiếm các vị trí ấy. Trên hệ thống sông Thái Bình, nhất là con sông Cầu chảy đằng sau Bắc Ninh và cũng từ lâu quân ta đã đắp hai cản lớn để chặn tàu địch, không cho tàu địch đi vòng sau lưng thành Bắc. Bây giờ quân Thanh và nghĩa quân Việt chiếm giữ các cản đó và các đồi xung quanh cản. Bản thân thành Bắc thì được liệt vào hạng kiên cố như thành Nam Định, Sơn Tây. Có nhiều nghĩa quân Việt Nam phụ sức với quân Thanh.

2. Lưu Đề đốc sang tiếp ứng Bắc Ninh

Lúc bấy giờ Hoàng Tá Viêm nằm yên trong Thục Luyện. Nhà Thanh lệnh cho Sầm Dục Anh từ Vân Nam đem 10 doanh xuống Hưng Hóa. Nhưng Sầm vẫn nằm yên, không trực tiếp đến cứu

https://tieulun.hopto.org

Hoàng Quế Lan, mà cũng gián tiếp cứu Bắc Ninh bằng cách đánh Sơn Tây. Các ông tướng nhà Thanh không kém các ông tướng của triều đình Huế về cái tật địa phương chủ nghĩa. Một mình Lưu đoàn sang Bắc, đến nơi thấy Hoàng Quế Lan "ngày đêm vui chơi như cảnh thái bình, ca hát non sông, người người ba hoa theo lối Tây không để ý gì cả". Lưu kêu gọi Hoàng phòng thủ kiên cố các cao điểm, Hoàng lơ là.

3. Quân Pháp trước trận Bắc Ninh

Bọn của Mi-dô qua tới Việt Nam giữa tháng 2 năm 1884, chia quân ra làm 2 đại đoàn, một ở Hà Nội do tướng Bờ-ri-e đờ Lin, một ở Hải Dương do tướng Nê-gơ-ri-ê[1]. Kế hoạch tấn công Bắc Ninh thì Cuốc-bê đã chuẩn bị xong. Đầu tháng 3, tất cả 6.000 viện binh Pháp đã đến cả. Trong số binh chủng của Pháp dùng bấy giờ, có một công cụ mới để điều tra trận địa là chiếc ba lông bơm khinh khí để gần đến trận địa thả lên, người quan sát được cất theo lên cao để điểm chỉ cho pháo binh và bộ binh tiến bắn.

Để chuẩn bị cuộc tấn công vào Bắc Ninh, Pháp bắt đầu từ ngày 25-2-1884, đánh lấy Lục Nam, nơi mà sông Lục Nam, sông Cầu, sông Đuống tụ hội với nhau, một vị trí chiến lược rất quan trọng. Ở đây sự kháng chiến khá kịch liệt: một tiểu đoàn và 4 tàu chiến địch chiếm được vị trí sau một ngày đấu pháo. Hông phía đông của quân Thanh ở Bắc Ninh bị uy hiếp; quân Thanh phản công liên tiếp trong hai tuần, nhưng không lấy lại được vị trí Lục Nam. Lục Nam sẽ là xuất phát điểm của đại đoàn thực dân thứ hai do Nê-gơ-ri-ê cầm đầu.

4. Trận Bắc Ninh

Ngày 7-3, hai đại đoàn Pháp bắt đầu tiến lên Bắc Ninh, một từ Hà Nội, một từ Lục Nam. Chủ đích của thực dân là tránh con

1. Nhà xuất bản chưa tra được từ nguyên.

đường Hà Nội, Bắc Ninh - đường này được phòng thủ vững vàng, đánh rất khó, mặc dầu nó là đường gần nhất. Địch định đánh Bắc Ninh bằng hướng đông nam và từ Lục Nam, được sông Cầu che chở ở hông phải, đánh lên vị trí Đáp Cầu mà cắt đứt đường liên lạc giữa Bắc Ninh với Lạng Sơn. Pháp đưa 10.000 quân và 55 đại bác vào trận Bắc Ninh này. Trước ngày khởi quân, địch lại cho tầu chiến đi dò sông Đuống, tầu bị bắn thiệt hại nhiều, nhưng quân Thanh tưởng đâu là địch cốt qua sông Đuống ở trước Hà Nội nên dồn nhiều quân phòng thủ mặt ấy.

Ngày 8-3, cánh hữu địch đi từ Lục Nam lên lấy vị trí Yên Định trên nam ngạn sông Cầu, giàn quân từ Yên Định đến làng Chi trên sông Đuống. Ngày 8, 9-3, cánh tả địch đi từ Gia Lâm lên Chi, theo phía nam sông Đuống, làm cầu bằng thuyền mà qua sông hợp nhau. Địch từ Yên Định lên chiếm làng Xuân Hòa, cách Đáp Cầu không xa; làng Xuân Hòa có một xóm công giáo khá đông; bên kia sông là vị trí núi Neo; trên sông có cản; làng Xuân Hòa bên hữu ngạn, làng Bưởi bên tả ngạn sông Cầu đều được phòng thủ, có cầu ván để qua lại. Đến chiều, vị trí Yên Định và làng Bưởi bị chiếm; quân Thanh ở dọc sông Đuống rút về Bắc Ninh, cánh tả của địch đi từ chợ Chi lên Bắc Ninh; trên đường vào Bắc Ninh bằng con đường Hải Dương, Bắc Ninh, thì đụng phải nhóm vị trí núi Trung Sơn. 12-3, phía trên thì địch tiến vào Đáp Cầu, lấy được đồn vào buổi chiều, con đường Lạng Sơn bị cắt; liền theo đó địch lại cắt đường Bắc Ninh đi Thái Nguyên. Phía dưới thì quân Pháp, cũng ngày 12, đưa lính ngụy và lính An-giê-ri đi trước đánh vào vị trí Trung Sơn và núi Con Rùa.

Tối ngày ấy thì quân Pháp chiếm được Bắc Ninh.

Quân Thanh ở vùng Bắc Ninh có 10 doanh chừng 1 vạn người, Hoàng Quế Lan đóng trong thành, Triệu Ốc đóng ngoại vi; tất cả đều rút về hướng Thái Nguyên, chạy lên Lạng Sơn; về sau Hoàng

https://tieulun.hopto.org

Quế Lan bị triều đình Thanh xử uống thuốc độc mà chết. Quân của Lưu Vĩnh Phúc vừa đến thì thành Bắc Ninh vừa mất ngày 12. Lưu đoàn lui về Hưng Hóa.

Trương Quang Đản mấy ngày nằm yên ở Tiên Du, nay nghe Pháp vào Bắc Ninh rồi cũng không xấu hổ kéo quan quân về Bắc Ninh, tưởng đâu Pháp lấy Bắc Ninh thì giao thành lại cho mình cai quản. Pháp không cho vào, nên Đản đóng lại ở huyện Yên Phong.

5. Nhân dân Việt Nam ở các tỉnh phía Bắc nổi lên chống Pháp

Trong và sau lúc quân Pháp đánh chiếm Bắc Ninh, mặc dầu quân đội triều đình do Trương Quang Đản chỉ huy chỉ ngồi yên xem Pháp - Thanh đánh nhau, thì hằng nghìn nghĩa quân Việt Nam cộng tác với binh lính Thanh mà chống giặc; đông hơn nữa là quần chúng khắp vùng Bắc Ninh nổi lên chống giặc khi giặc bắt đầu đặt chính quyền của nó. Hiện chúng ta chưa có nhiều tài liệu về phong trào quần chúng, nhưng nội đoạn sau đây mà sử sách triều đình còn ghi lại trong *Dương sự thủy mạt* đã chứng minh sự thật hiển nhiên rằng, vùng Bắc nông dân xưa nay chống triều đình rất là quyết liệt, thì bây giờ cũng quyết liệt đấu tranh chống thực dân:

"Đốc thần Trương Quang Đản từ Tiên Du nghe báo rằng Pháp đã lấy thành Bắc liền đem quân nguyên tùy thứ về tỉnh, đến nơi đã thấy quân Pháp vào chiếm giữ thành, nên nhân đóng lại ở huyện Yên Phong, làm sớ đầy đủ tâu về. Thế rồi ở hạt hạ nơi nơi đều xuẩn động. Phủ huyện không thể kiềm chế được. Đốc thần ấy bèn chuyển quân tùy thứ cũ đến hai phủ Lạng Giang, Đa Phúc đi tuần dẹp. Lúc ấy khâm sai đại thần Đoàn Văn Hội ở Hà Nội cũng ủy người đi thám báo về tâu. Chuẩn nguyên Bố chính Nguyễn Tu quyền biện Tổng đốc, Án sát Hà Nội Nguyễn Xuân Duân (v.v...) cho kịp thời vỗ yên".

Như thế tức là:

Liền khi Tây đến tỉnh Bắc nhân dân khắp các nơi ở đông bắc đều nổi dậy. Bọn phong kiến phản quốc gọi là xuẩn động, gọi là ngu dại mà nổi lên chống xâm lược, còn chúng ngồi yên để giặc chiếm đất lấy thành đó mới là khôn ngoan!!

Cuộc kháng chiến của nhân dân rất mạnh cho nên các phủ huyện không thể kiềm chế nổi; nói một cách khác, quan triều đình cố kiềm chế nhân dân, cố giải thích rằng việc Pháp lên Bắc Ninh là đánh quân Thanh chớ không can hệ gì đến ta, nhưng nhân dân không nghe, không tin, không tuân theo; trước đây nhân dân đã nhận định rất đúng rằng quân Thanh chủ yếu không phải cứu giúp Việt Nam, mà chính là mượn đất Việt Nam để lo phên dậu của họ, còn lúc đó thì triều đình cãi lại rằng nhân dân nói như thế là "lấy trí tiểu nhân xét người quân tử", rằng quân Thanh thành thật giúp ta; đến khi Tây đánh, quân Thanh chống Tây, thì nhân dân thấy rằng khách quan, quân Thanh cùng ta có một kẻ thù chung, dân nổi lên cùng đánh giặc Pháp, thì triều đình lại cho rằng "xuẩn động". Thực tế, kẻ xuẩn là triều đình, duy nó không "động" mà bó tay trước địch.

Cuộc kháng chiến của nhân dân vùng Bắc rất là rộng rãi từ trên Lạng Giang, miền núi đông bắc, xuống đến Đa Phúc (tỉnh Bắc lúc bấy giờ gồm cả Bắc Giang, Phúc Yên, Gia Lâm) và thu được nhiều thắng lợi ví như đốt rụi tàu Mác-xen Cuốc-tanh[1] của địch ở Lạc Sơn (Đông Triều).

- Bọn phong kiến triều đình lại đóng cái vai trò tôi đòi của thực dân đã bằng lòng với những chức tổng đốc, án sát, tuần phủ dưới quyền kiểm soát chặt chẽ của địch, làm cái việc gọi là "vỗ yên", nghĩa là đàn áp, kiềm chế phong trào quần chúng để cho Pháp rảnh tay xâm chiếm.

1. Marcel Courtin.

https://tieulun.hopto.org

III. QUÂN PHÁP CHIẾM THÁI NGUYÊN, HƯNG HÓA, TUYÊN QUANG, NHÂN DÂN KHÁNG CHIẾN Ở TRUNG DU

1. Sau khi địch đã chiếm Bắc Ninh thì chúng thừa thế mà mở rộng phạm vi chiếm đóng, phân làm hai cánh, một tiến về hướng Lạng Sơn (tướng Nê-gơ-ri-ê), một tiến về phía Nhã Nam, Thái Nguyên (tướng Bờ-ri-e đơ Lin) là hai hướng rút lui của quân Thanh và quân ta. Quân Thanh và quân ta rút về hướng đông bắc thì còn để lại một toán để giữ Phủ Lạng Thương. Ngày 15, lục và thủy quân Pháp xua ngụy quân đi trước qua sông chiếm đồn Phủ Lạng Thương, rồi ngày sau tiến đến Kép, sau những trận đánh trên đường ở Đồng Nhân, làng Yên, Kép ở trên sông Thương, là nơi cuối cùng của vùng đồng bằng và bắt đầu vào vùng đồi núi. Địch chiếm Kép không khó khăn gì, quân Thanh không chú ý đánh mà chú ý rút về phía Lạng Sơn. Nê-gơ-ri-ê không dám đuổi theo qua đường Chi Lăng hiểm yếu, hắn trở về Bắc Ninh.

2. Một cánh khác của địch đi về ngả Thái Nguyên, qua đường Yên Thế. Ở Yên Thế, từ 6 năm nay, có xây dựng một thành tuy nhỏ hơn Bắc Ninh nhưng ở một vùng hiểm yếu; chủ đích lúc trước là hễ cần phải rút khỏi Bắc Ninh thì về Yên Thế mà cố thủ. Địch chiếm Yên Thế ngày 16, lấy được nhiều đại bác, tiền kẽm, gạo, dầu lạc. Địch phá thành. Trên đường đến Thái Nguyên, quân dân ta chặn đánh địch ở Đức Tân, Phủ bình. Ở Thái Nguyên bấy giờ, thủ úy của thành là Nguyễn Quang Khoang với 1.000 quân Việt Nam; có 5 doanh quân Thanh nữa đến đóng ở đó do Trần Đức Triệu chỉ huy; còn Lưu đoàn không dự được trận Bắc Ninh đã lui thẳng về Hưng Hóa ở cùng với quân doanh của Triệu Ốc. Cuộc giao chiến trước thành Thái Nguyên khá kịch liệt. Thủ úy Nguyễn Quang Khoang bị đạn chết. Quân Thanh lớp lui về Tuyên, lớp về Cao Bằng; giặc vào thành phá hết 3 cửa thành, đốt tất cả văn thư kho tàng, chở tất cả vàng, bạc, tiền, gang, thiếc, đồng về tỉnh Bắc. Liền theo đó, triều đình Huế tiếp sức với giặc Pháp bằng cách sai Án sát

Hà Tĩnh là Dương Danh Lập lên làm Tuần phủ Thái Nguyên cùng với Án sát Triệu Đức Vọng và Bố chính Vũ Giốc, dưới quyền kiểm soát của quân đội thực dân để "chiêu an". Quân Pháp ở đây, cũng như ở Yên Thế, phá thành để tránh hậu họa cho chúng.

3. Trong lúc hai cánh quân địch lên Kép và qua Thái, thì nhân dân vùng đông tỉnh Bắc tự tổ chức thành nghĩa binh, vào dải núi Đông Triều mà làm căn cứ để đánh giặc. Nghĩa binh đã đánh được, đốt được chiếc tàu Mác-xen Cuốc-tanh của giặc (15-3) đi qua Lạc Sơn. Địch phải đem quân từ Hải Phòng lên trấn áp; nghĩa quân rút vào núi; Lạc Sơn bị địch thiêu hủy. Khắp vùng Hải Phòng, Đông Triều, nghĩa quân đều tỏa ra đánh giặc; ba đoàn quân địch đông đảo (do tàu Mát-xuy[1], hay do quan tư Đuy-gien-nơ[2], quan ba Đô-mi-nê[3]) phải ngày đêm đối phó mà không đánh tan được. Trong vùng Sơn Tây, quan năm Đuy-gien-nơ[4] của địch đụng luôn với nghĩa binh dọc theo tả ngạn sông Hồng (vùng Vĩnh Yên hiện giờ); tất cả các báo cáo của chúng lúc bấy giờ đều nói rằng chúng đã "gây được nhiều thiệt hại nghiêm trọng cho nghĩa quân" và "bắt buộc họ phải phân tán", nghĩa là không tiêu diệt được nghĩa quân hoạt động rất hăng hái khắp các nơi. ít lâu nữa, trong lúc địch hành quân lên Hưng Hóa thì quan tư Ray-cát[5] lại phải điều một tiểu đoàn quân Pháp đến đánh nghĩa quân đã làm chủ huyện, Kinh an, trận đánh ở xã Đông Lai là kịch liệt nhất, số quân mà địch phải điều động lên đây (3 đại đội) bằng số quân mà Pháp dùng để xông ra Cầu Giấy năm nọ, chứng tỏ sự quan trọng của cuộc kháng chiến ở địa phương ấy; số 227 tù binh mà địch tuyên bố là đã bắt được càng chứng minh sự quan trọng của trận Đông Lai. Ngày 14-4, quan ba Păn-te[6] cầm đầu 4 đại đội lên Đa Phúc đánh với nghĩa quân đang

1. Massuy.
2. Dugenne.
3. Dominé.
4. Nhà xuất bản chưa tra được từ nguyên.
5. Nhà xuất bản chưa tra được từ nguyên.
6. Nhà xuất bản chưa tra được từ nguyên.

https://tieulun.hopto.org

chiếm cứ vùng ấy, lúc đó thì nghĩa quân hợp với quân Thanh đã chiếm lại Thái Nguyên; ngày 15-4, quan tư địch là Ray-cát đem quân lên toan chiếm Thái Nguyên một lần nữa. Chiến đấu kịch liệt suốt ngày, bị bao vây, đường vận lương khó, Ray-cát lại phải rút về; ngày 10-5 quan năm Don-phê[1] đem quân trở lại nhiều gấp bội, lần này chúng mới chiếm đóng được thành Thái lâu dài.

Nhân dân nổi lên khắp nơi: Pháp phải lập nhiều binh đoàn lưu động để trấn áp.

"Những cuộc hành quân ở Bắc Ninh và Hưng Hóa thu hút phần lớn số quân viễn chinh, cho nên số những đám ăn cướp (muốn nói là nghĩa quân) nhân lên gấp mấy lần trong khắp trung châu. Những tháng 4, tháng 5 là những tháng mà quân ta (Pháp) phải tổ chức ra nhiều binh đoàn lưu động, hợp tác chặt chẽ với chiến thuyền để giải tán các đám ấy"[2].

4. Địch chiếm Hưng Hóa (12-4) - Hưng Hóa làm chủ con đường sông Thao, đã trở thành tỉnh lỵ Tam Tuyên sau ngày Sơn Tây thất thủ. Ở đây, có quân đội của Hoàng Tá Viêm, đoàn của Lưu Vĩnh Phúc và một số doanh của quân Thanh thuộc quân đội Vân Nam và Quý Châu.

Địch chia làm hai ngả lên Hưng Hóa, một ngả từ nam Hưng Hóa sang (do tướng Bờ-ri-e đờ Lin), một ngả từ đông Hưng Hóa lên (do tướng Nê-gơ-ri-ê), tất cả đều vượt qua sông Đà, bị quân ta đón đánh ở Hạ Bì, La Thượng, Pháp tập trung 7.000 quân để chiếm Hưng Hóa. Viên tổng đốc Vân Nam, Quý Châu của nhà Thanh, tên là Sầm Dục Anh nhận định nhát nhúa rằng không thể giữ được Hưng Hóa, cho nên đã chỉ thị cho các tướng Thanh là Đình Hòe, Mã Trụ tự rút lui về Yên Bái, bỏ thành Hưng Hóa, không phải đóng giữ. Thấy quân Thanh rút đi, Hoàng Tá Viêm từ đồn Dao

1. Nhà xuất bản chưa tra được từ nguyên.
2. Thomazi, *La conquête de l'I.C*, tr. 187.

Phương lại rút đại binh vào trong Thục Luyện, chỉ để lại tại Hưng Hóa có một số đơn vị của Lưu đoàn. Thự Tuần phủ Nguyễn Quang Bích thấy đại binh dời đi thì lo ngại, ra đóng ngoài thành.

Nhờ ba lông, Pháp đã trông thấy đại quân của Viêm và Thanh rời khỏi Hưng Hóa rồi, nên chúng nó càng mạnh dạn tiến lên; lẽ tất nhiên là số ít của Lưu đoàn không địch nổi với 7.000 quân Pháp; sau ít trận nhỏ, đoàn cũng rút lui nốt về Lâm Thao rồi lên Tuyên Quang, Pháp chiếm cả thành Hưng Hóa và vào tới Thục Luyện phá các đồn ụ.

Triều đình được tin Pháp chiếm Hưng Hóa thì một mặt cắt quan đến làm việc cai trị dưới quyền kiểm soát của giặc; Tuần phủ Nguyễn Văn Thi, Bố chính Bùi Quang Thích, Án sát Lê Ngọc Uẩn kêu gọi nhân dân thôi kháng chiến; một mặt nữa thì triều đình một lần nữa dụ rút Hoàng Tá Viêm, Lương Tư Thứ, Ngô Tất Ninh, Nguyễn Đình Nhuận, Nguyễn Quang Bích về kinh đợi chỉ. Lần này Hoàng Tá Viêm theo lệnh của triều đình đi theo vết chân của các quan văn võ, kể cả Trương Quang Đản mà Hoàng Tá Viêm đã bao lần công kích thái độ đầu hàng Pháp. Đây là một nhân vật lịch sử tiêu biểu cho sự biến chuyển tư tưởng và thái độ của cánh phong kiến kháng chiến mà giữa chừng trở lại chẳng những thôi kháng chiến mà còn chống lại kháng chiến để giữ địa vị của mình. Ông Nguyễn Quang Bích không tuân lệnh và ở lại sát cánh với Lưu Vĩnh Phúc để chiến đấu lâu dài.

Trong lúc địch lên chiếm Hưng Hóa thì nhân dân miền đông bắc kháng chiến mạnh, nhất là trên lưu vực sông Lục Nam; quan ba tàu Lê-ô-pa[1], ngày 30-4 đụng phải một toán gần 1.000 nghĩa quân vũ trang, bằng súng ống và cung nỏ. Đầu tháng 5, quan tư Đuy-gien-nơ vào đánh nghĩa quân trong chân núi Đông Triều, hắn bị thương và đại đội của hắn phải tháo lui.

1. Nhà xuất bản chưa tra được từ nguyên.

https://tieulun.hopto.org

Sau đó tên quan ba Xéc-vi-e[1] lại trở lại đánh nữa, cũng không phá được căn cứ này.

5. Địch chiếm Tuyên Quang, nhưng lại bị vây hãm 8 tháng ở thành Tuyên.- Vào cuối tháng 4 năm 1884, tướng Mi-dô thành lập một hội đồng chấp chánh ở Hà Nội gồm có hắn là chủ tọa, 2 tên quan võ, 2 tên quan văn người Pháp. Hội đồng này theo lệnh Pa-ri mà thực hiện chính sách dùng người Việt đánh người Việt, lấy chiến tranh nuôi chiến tranh. Chúng định tổ chức một đạo ngụy quân 12.000 người chủ yếu để chiếm đóng; nếu làm được như thế, chúng nó mới có đủ quân số mà đương đầu với phong trào nhân dân khắp nơi, giữ các đường lộ, sông rạch, kinh đào. Lúc bấy giờ Mi-dô tính với số quân ấy, chỉ có thể chiếm giữ xa nhất là tới Nam Định, Bắc Ninh và Hưng Hóa. Ngày 12-5, hắn ra nghị định thành lập 2 trung đoàn ngụy quân theo kiểu trung đoàn ngụy quân ở Nam Kỳ đã thành lập từ 1879, bắt buộc mỗi xã phải nộp một số người đi lính (điều ấy chứng tỏ rằng đại bộ phận ngụy quân này, dù sao đi nữa, cũng không phải là do đồng bào công giáo tình nguyện theo Tây đông đảo để cầm súng đánh lại Tổ quốc); chính một số tổng lý cường hào ở xã làm cái việc bắt lính cho giặc trong số người lương, người giáo vô luận. Ngày 28-6, Mi-dô lại ra nghị định tổ chức tới 3 trung đoàn ngụy quân, rồi ngay sau đó số ngụy quân sẽ lên tới 4 trung đoàn, mà cán bộ chỉ đạo là hoàn toàn người Pháp.

Sau khi Hưng Hóa thất thủ, Hoàng Tá Viêm về Huế, thì Lưu Vĩnh Phúc và đoàn Cờ Đen không còn ai chỉ huy nữa, vừa chính thức, vừa thực tế không còn như là bộ phận của quân đội người Việt Nam nữa. Đoàn lui về mạn ngược, lấy Tuyên Quang làm căn cứ. Lãnh binh của Lưu đoàn là Hoàng Thư Trung đem 2.000 quân từ Hưng Hóa vào thành Tuyên bắt tuần thủ Hoàng Tương Hiệp đem đi an trí ở phủ Yên Bình, lấy hết kho tàng sổ sách đem đi; Án

1. Servière.

sát Nghiêm Niệm giả bệnh, Bố chính Lê Văn Duyên trốn về Hà Nội "tâu" với Pháp và Pháp dùng Duyên chỉ lối đem binh lên lấy thành Tuyên, đặt Duyên và Niệm trở lại chức cũ dưới sự kiểm soát của chúng.

Bên địch thì quan năm Duy-gien-nơ đem quân lên, Lưu đoàn bỏ thành; Tây vào Tuyên ngày 31-5, không đánh chác gì; nhưng khi số quân Pháp rút bớt về Hưng Hóa, thì Lưu đoàn trở lại bao vây công hãm Tuyên Quang trong 8 tháng trường, nhốt tiểu đoàn của Đô-mi-nê trong thành, cắt đứt đường bộ ở phủ Đoan Hùng và đường sông Lô. Quân Pháp bị kẹt ở đông bắc và đồng bằng không thể đến giải vây được.

IV. QUY ƯỚC THIÊN TÂN GIỮA PHÁP VÀ THANH (17-5-1884)

Nhà Thanh theo dõi tình hình chiến sự ở Bắc Kỳ. Từ Điền Húc ngồi chết ở Lạng Sơn không biết đốc quân cho đến đỗi Bắc thành không giữ được, hắn bị rút về kinh xử tội. Hoàng Quế Lan, Triệu Ốc đều bị cách chức đợi xét xử; Trần Đắc Quý thất thủ đồn sông Phù Lương, Đảng Mẫn Tuyên nhát sợ không dám tiến, lập tức đem xử trảm trước ba quân để làm gương. Triều đình Thanh lại sai Tuần phủ Phan Đình Tân đốc biện quân vụ, cùng trù liệu. Người ta chỉ có thể cắt nghĩa thái độ mâu thuẫn của triều đình Thanh (một bên thì dễ dàng ký quy ước Thiên Tân, một bên thì xử trảm những tướng cầm binh thất trận, bằng các mâu thuẫn của bản thân của nó trong lúc ấy: một mặt thì muốn giữ toàn quyền như xưa nay, một mặt là bắt tay với đế quốc thực dân. Nhà Thanh, nhất là Lý Hồng Chương, có hy vọng rằng có thể xin các đế quốc khác như Anh, Đức ngăn trở Pháp, chống lại Pháp; họ thấy cái mâu thuẫn mà không thấy cái nhất trí giữa các đế quốc thực dân, nhất là lúc bấy giờ là lúc mà mặt địa cầu chưa phải là đã bị chia tay xong cả rồi. Ví như nước Nga hoàng lúc đó còn xúi Pháp xâm lấn mạnh

https://tieulun.hopto.org

ở miền Nam để nó có thể xâm nhập đông bắc hơn nữa, nên sứ thần Nga điện cho Pháp hay việc nhà Thanh xử tử một số võ quan, nói xốc hông rằng đó là Thanh tuyên chiến với Pháp, rằng Pháp chỉ phải tốn 600 triệu là ăn trọn gói. Nhưng thái độ do dự của Lý Hồng Chương lại càng rõ rệt; Lý Hồng Chương không chủ trương chiến tranh, mà từ lâu đã chủ trương nhượng ước. Mối ngoại giao chính thức giữa Pháp và Thanh đã đứt rồi, nên một người Đức là Đêt-trinh làm việc trong Sở Thương chính của Trung Quốc, đứng ra làm trung gian giữa Pháp và Thanh để thu xếp cuộc chiến tranh không có tuyên chiến. Lý Hồng Chương muốn như thế mà Phe-ri cũng muốn như thế. Đêt-trinh đi Pa-ri, biết rõ ý kiến của Phe-ri, trở về Hương Cảng gặp một võ quan Pháp là Phuốc-nhê[1], kẻ chỉ huy chiến hạm Vôn-ta[2], Phe-ri cử Phuốc-nhê thương thuyết. Phuốc-nhê và Đêt-trinh[3] đi Thiên Tân. Cuộc thảo luận không bao lâu đưa đến quy ước giữa Pháp và triều đình Thanh về vấn đề Bắc Kỳ. Quy ước gồm 5 khoản để làm cơ sở cho một hòa ước lâu dài. Cứ theo quy ước này thì quân Thanh sẽ lần lượt rút ra khỏi Bắc Kỳ. Phuốc-nhê khoái trá, đánh điện ngay cho tướng Mi-dô là ngày 6-6 Mi-dô có thể đem quân chiếm Lạng Sơn, Cao Bằng, Thất Khê, ngày 26-6 có thể đem quân lên chiếm Lào Cai, vì khi ấy quân Thanh sẽ đi cả rồi!

Pháp tưởng đâu như thế là công việc xâm chiếm Việt Nam đã xong trong căn bản rồi, "thời kỳ quân sự" chấm dứt chỉ còn có bình định mà thôi. Nào dè mấy ngày lại xảy ra vụ cầu Quan Âm: quân Pháp hối hả lên chiếm Lạng Sơn, chưa đi khỏi Phủ Lạng Thương được mấy đoạn đường, ỷ thế cậy oai không kể đến những toán quân Thanh còn đương đóng dọc đường vào ngả Chi Lăng lên đất Lạng Sơn. Vừa mới chân ướt chân ráo qua khỏi sông Thương, bị

1. Fournier.
2. Nhà xuất bản chưa tra được từ nguyên.
3. Nhà xuất bản chưa tra được từ nguyên.

một trận đánh khá đau, phải bỏ cả lương thực và thương binh chạy đổ về Bắc Lệ.

Tình hình giữa Pháp - Hoa lại căng thẳng, sẽ dẫn dắt đến một thời gian chiến tranh ác liệt dưới biển cũng như trên bộ, từ 1884 đến 1885; cuộc chiến tranh ác liệt này không thể không gián tiếp khuyến khích nhân dân Việt Nam cả những phần tử phong kiến muốn kháng chiến (trong triều đình và ở các tỉnh) thêm hăng hái đấu tranh chống xâm lăng.

V. HIỆP ƯỚC PA-TƠ-NỐT NGÀY 6 THÁNG 6 NĂM 1884

Từ cuối tháng 4, Pa-tơ-nốt là người đặc sứ của Pháp cử sang Trung Quốc để chính thức thay cho Bu-ê, được lệnh ghé Huế để lập một hòa ước mới quy định thêm rõ sự đô hộ của Pháp trên toàn bộ lãnh thổ Việt Nam. Hòa ước 1883 (cũng gọi là Hòa ước Hác-măng) ký sau ngày Thuận An thất thủ, nay được sửa đổi ít nhiều. Sự sửa đổi này nhằm hai mục đích là, về mặt kinh tế, quân sự, ngoại giao thì cột rất chặt chẽ, còn về một số mặt hành chính thì có ít nhiều nới ra cốt để mua lòng đám phong kiến cho họ cộng tác với Pháp một cách chặt chẽ hơn, chứ không phải vì rộng lượng nào hay vì ngại dư luận quốc tế nào.

Bên phía Pháp có Pa-tơ-nốt (triều đình gọi là Ba-đức-nô) và công sứ Ray-na (triều đình gọi là Lê-na). Bên phía triều đình thì có Hộ bộ Thượng thư Phạm Thân Duật được cử làm Khâm sai Toàn quyền, Công bộ Thượng thư Tôn Thất Phiên làm phó, Tham tri Chu Đình Kê và Thị lang Lương Thành Dung chức Hộ tiếp. Hòa ước làm sẵn ở Pa-ri gồm 19 khoản, đem qua cho triều đình Huế ký nhận. Đại khái là:

Khoản 1 - Nước Đại Nam tự nhận quyền nước Đại Pháp bảo hộ. Do đó, nếu Đại Nam có cùng giao thông với ngoại quốc nào thì nước Pháp che chở làm hộ công việc ấy; người Nam cư trú ở nước ngoài thì thuộc quyền bảo hộ của Pháp.

https://tieulun.hopto.org

Khoản 2 - Quân Pháp chiếm đóng đồn Thuận An từ Thuận An suốt đến kinh thành, mọi đồn lũy, mọi công sự phòng bị ở ven sông đều phải triệt bỏ hết.

Khoản 3 - Địa giới nước Đại Nam từ giáp giới với tỉnh Biên Hòa (Nam Kỳ) tới giáp giới với tỉnh Ninh Bình (Bắc Kỳ); các quan viên đều làm việc cai trị như cũ. Trừ các việc thương chính và tạo tác cần có quan Pháp quản trị, thì những việc thường khác nếu có dùng người Pháp hay bác vật, những người này chỉ làm quản đốc thôi.

Khoản 4 - Từ giáp Biên Hòa đến giáp Ninh Bình, trong mọi tỉnh, trừ bến Thi Nại đã mở buôn bán rồi, nay hai bến Đà Nẵng thuộc Quảng Nam và Xuân Đài thuộc Phú Yên, phải khai mở buôn bán, ngoài ra mọi bến từ nay về sau nếu xét ra có lợi ít thì cùng hội nghị bàn khai thương thêm, nước Pháp sẽ đặt quan ở những nơi khai thương thêm đó. Các quan ấy đều tuân theo mạng lệnh của trú kinh khâm sứ đại thần.

Khoản 5 - Trú kinh khâm sứ đại thần của Đại Pháp chuyên giữ việc bảo hộ Đại Nam, giao thiệp với ngoại quốc, không dự vào việc chính trị các tỉnh trong giới hạn của khoản 3, khâm sứ đại thần ấy lại được vào điện tâu với Hoàng đế Đại Nam. Tại kinh thành, quan khâm sứ ấy có quân Pháp tùy tùng.

Khoản 6 - Nước Đại Nam từ giáp Ninh Bình vào giáp Biên Hòa, tỉnh nào mà xét thấy có việc cần kíp thì Đại Pháp đặt các quan công sứ, hoặc phó công sứ, các quan này đều theo lệnh của trú kinh khâm sứ đại thần. Tỉnh nào có công sứ hay phó công sứ thì công sứ hay phó công sứ cư trú ngay trong tỉnh thành, gần chỗ quan tỉnh cư trú, có quân Pháp hoặc quân Nam theo hầu.

Khoản 7 - Công sứ Pháp đặt ở tỉnh nào ở Bắc Kỳ cũng không có dự làm mọi việc dân chính ở tỉnh ấy, các quan tỉnh vô luận thuộc phẩm hạng nào cứ cai trị hạt dân như cũ, duy quan Pháp kiểm soát

coi viên quan Nam nào nên đổi cách, nếu quan Pháp xin đổi cách thì lập tức quan Nam thi hành đổi cách.

Khoản 8 - Bất luận hạng viên chức nào của Pháp như có việc gì nên tư báo với nước Đại Nam thì do công sứ Pháp tư báo mà thôi.

Khoản 9 - Nước Đại Pháp sẽ lập một đường điện báo theo duyên lộ từ Sài Gòn đến Hà Nội do người Pháp chuyên đảm nhận, số tiền được lợi từ khoản này, Pháp sẽ trích một phần cho nước Nam tiêu dùng vì nước Nam có phần nhường đất để xây dựng nhà cửa, phòng làm việc, cư trú cho nhân viên điện báo.

Khoản 10 - Mọi người ngoại quốc ngụ ở nước Đại Nam từ giáp giới Ninh Bình đến giáp giới Biên Hòa và cả địa hạt Bắc Kỳ đều do nước Đại Pháp xử đoán; như người Nam với người ngoại quốc, hay người ngoại quốc với người ngoại quốc, có việc gì kiện nhau thì do Đại Pháp phân xử.

Khoản 11 - Trong nước Đại Nam từ giáp Biên Hòa đến giáp Ninh Bình, quan bố chính chiếu lệ thu thuế nộp về triều đình Đại Nam như cũ, không có quan Đại Pháp kiểm soát đến. Còn như địa hạt Bắc Kỳ thì các quan công sứ hợp với các quan bố chính cùng tính mọi số thuế mỗi tỉnh thu riêng cho tiện kiểm soát số thu và số chi, thu xong, hai bên Pháp - Nam họp hội đồng chuẩn định chi phí các cở và công nhu, còn bao nhiêu sẽ nộp về kho ở kinh cho triều đình nước Đại Nam.

Khoản 12 - Tất cả các Sở Thương chính trong nước Đại Nam tái lập lại đều giao cho quan Đại Pháp chuyên biện. Chỉ nên mở Sở Thương chính ở Duyên Hải và biên giới mà thôi. Các Sở Thương chính, hễ từ trước đến nay các võ quan Pháp đã làm như thế nào từ nay nước Đại Nam không nên hỏi đến nữa. Còn như điều lệ các Sở Thương chính, thể lệ mọi thuế ngoại ngạch và lệ cấm thuyền không được vào bến khi có bệnh dịch khí, thì trong nước Đại Nam, kể cả các sở Bắc Kỳ đều theo y điều lệ của Nam Kỳ lục tỉnh.

https://tieulun.hopto.org

Khoản 13 - Trong địa hạt Bắc Kỳ và các nơi khai thương tại Đại Nam, người Pháp và người được nước Pháp bảo hộ đều được đi lại mua bán, mua đất, mở hiệu dễ dàng. Còn về khoản mọi giám mục, linh mục, giảng dạy giáo dân, đã từng đính ước từ ngày 15-3-1874, tức năm Tự Đức 27, tháng giêng, ngày 27, khoản thứ 9, nay Hoàng đế Đại Nam cũng phê chuẩn điều ấy.

Khoản 14 - Nếu có người ngoại quốc muốn vào trong nước Đại Nam làm việc gì, thì phải xin giấy thông hành của khâm sứ Pháp hay của thống đốc Nam Kỳ, rồi đem trình cho nước Đại Nam phê áp chữ "đã trình" mới có thể đi được.

Khoản 15 - Nước Đại Pháp tự hứa từ nay về sau bảo hộ Hoàng đế nước Đại Nam toàn hảo và quan tâm đến việc trừ thù trong giặc ngoài, do đó nước Pháp xem hễ trong nước Nam, hoặc ở Bắc Kỳ, thấy chỗ nào là chỗ cần đóng quân thì đem quân đến đóng để bảo trợ.

Khoản 16 - Trừ những điều đã định trong ước này thì ngoài ra Hoàng đế nước Việt Nam cai trị trong nước như cũ.

Khoản 17 - Nước Đại Nam thiếu nước Đại Pháp số tiền (khoản nợ Y Pha Nho) thì sẽ nghị định thảo luận trả sau; nước Đại Nam không được vay nợ nước ngoài.

Khoản 18 - Sau này quan của hai nước sẽ hội đồng để phân định giới hạn các nơi phải khai thương, định chỗ đất nhường ở trong chỗ khai thương, và quy định việc đặt vọng đăng ở ven bể nước Đại Nam từ giáp giới Biên Hòa đến giáp giới Ninh Bình, cùng địa hạn Bắc Kỳ, cùng là định lệ thuế khai mỏ, lệ thuế dùng tiền bạc; hội đồng sẽ định chia rõ các Sở Thương chính và lệ thuế tạp, thuế điện báo, và chia các thuế chưa liệt vào khoản 11, trích giao cho nước Đại Nam nhận dùng. Tờ ước này đệ về chính phủ Đại Pháp và dâng lên Hoàng đế Đại Nam phê chuẩn để hỗ giao.

Khoản 19 - Tờ ước này thay thế cho các tờ ước khác đã ký ngày 15-3, ngày 30-8, ngày 23-11-1874 tây lịch. Khi nào hai bên như muốn đổi lại nghĩa lý gì trong tờ ước này thì cứ ở bản chữ Pháp làm chính. Hai bên toàn quyền đại thần và áp ấn vào tờ ước này làm bằng. Tờ ước này đã lập tại kinh vào năm Đại Nam Kiến Phúc nguyên niên, ngày 13-5, ngày 16-6-1884 có quan phụ chính đại thần Nguyễn Văn Tường, Toàn quyền đại thần Phạm Xuân Duật, Phó Toàn quyền đại thần Tôn Thất Phiên đều ký tên vào[1].

Hòa ước Pa-tơ-nốt 6-6-1884 sẽ là cơ sở lâu dài và chủ yếu cho cả quyền đô hộ Pháp trên đất nước Việt Nam. Trong hình thức thì nó có giao lại cho triều đình các tỉnh Thanh Hóa, Nghệ An ở phía Bắc, tỉnh Ninh Thuận ở phía Nam để cho phần nào đó triều đình Huế đỡ kêu ca và cộng tác với Pháp nhiều hơn. Kỳ thực chẳng những Bắc và Nam, mà cả Trung Kỳ cũng sẽ lần lượt mọi hoạt động hoàn toàn trong tay Pháp. Hơn nữa, hòa ước này cắt Việt Nam làm ba, với ba chế độ cai trị khác nhau, đó là điểm chính trong cả chính sách chia để trị của chủ nghĩa thực dân: tuy nhiên hòa ước vẫn còn để trong tay của triều đình Huế cái quyền có một đội quân riêng.

Pa-tơ-nốt và Ray-na còn bắt buộc triều đình Huế giao lại cho Pháp cái di tích cuối cùng của quyền hạn nhà Thanh đối với Huế - chiếc ấn. Pa-tơ-nốt hai ba lần đòi như thế, Nguyễn Văn Tường xin nấu tan, rốt cùng Pháp thuận nghe, nhưng bắt buộc rằng phải lập tức nấu tan đi cùng một ngày hỗ giao. Triều đình bèn chuẩn sai Thân Duật Phan hội đồng Pháp, đem ấn ấy đến tòa sứ Pháp mà nấu tan đúc thành một thoi bạc.

Pa-tơ-nốt đi sứ sang Thanh, còn Ray-na ở lại Huế làm khâm sứ. Sang sau năm (1885), Pháp sẽ ghép vào tờ ước Pa-tơ-nốt này một quy ước mới nữa về chế độ hầm mỏ ở Bắc Kỳ và Trung Kỳ; đến

1. *Dương sự thủy mạt.*

https://tieulun.hopto.org

1886 thì chính phủ Pháp chuẩn y toàn bộ Hòa ước Pa-tơ-nốt; đó là văn kiện chủ yếu đặt nền thống trị của Pháp trên toàn bộ lãnh thổ Việt Nam sau khi chúng đã cướp giật Nam Kỳ lục tỉnh.

VI. SỰ KIỆN CẦU QUAN ÂM

Liền sau khi được điện của Phuốc-nhê, cả bọn thực dân ở Hà Nội nhảy nhót vui mừng, tin rằng chiến tranh Bắc Kỳ đã kết liễu. Chính phủ Phe-ri rút bớt một tiểu đoàn ở Bắc Kỳ để đem đi dự vào sự chinh phục đảo Ma-đa-gát-ca. Tướng Mi-dô, tổng chỉ huy quân Pháp ở Bắc Kỳ chuẩn bị gấp rút để lên chiếm Lạng Sơn, Thất Khê, Cao Bằng. Một binh đoàn đầu tiên được tổ chức dưới quyền của quan năm Đuy-gien-nơ, tụ họp tại Phủ Lạng Thương, gồm trên 1.000 người với hơn 1.000 phu khuân vác bị bắt theo. Ngày 13-6, Đuy-gien-nơ xuất phát.

Sau vụ thất thủ Bắc Ninh thì Tô Nguyên Chương, thự Đề đốc Quảng Tây thống lĩnh cả 17 doanh của Vương Đức Bảng, Phương Hữu Thăng, Hoàng Xuân Nguyên, chia ra đóng từ ải Nam Quan đến cầu Quan Âm (trên sông Thương). Quan Tuần phủ Lạng Sơn của ta là Lã Xuân Oai liên lạc với nguyên tán tương Đông thứ là Nguyễn Thiện Thuật, Đề đốc Tạ Hiện và Ngự sử Phạm Huy Quang và 18 cán bộ của khu Hải Dương đem một số đông quân dũng đến tỉnh Lạng để tiếp ứng cùng quân doanh nhà Thanh mà đánh giặc Pháp. Sau khi Bắc Kinh ký quy ước Phuốc-nhê thì triều đình Thanh ra lệnh cho quân doanh họ yên tĩnh đợi chờ, chớ khai quân trước.

Binh đoàn Đuy-gien-nơ rầm rộ và hống hách kéo lên Lạng Sơn. Mới ra đi thì số người ái quốc Việt Nam trong đoàn dân phu dụ dân trốn vào rừng không chịu khuân vác; trời mưa, nước to, địch đi rất chậm, qua sông suối rất khó, chưa đánh đã bị thương, bị đánh rất nhiều, dọc đường bị dân quân ta đón bắn tỉa, phải xin thêm tiếp viện. Trong một tuần dài chúng chỉ mò được có 40 cây số. Ngày 22, địch đến bờ sông Qua Hóa (nhánh sông Thương)

cách cầu Quan Âm ít dặm. Bên kia cầu là quân Thanh và quân của Nguyễn Thiện Thuật, Tạ Hiện, Phạm Huy Quang. Ngày 23-6, dưới mưa đạn của nghĩa quân Việt, địch qua sông ở một nơi không có cầu nhưng lòng sông cạn. Khi địch đã qua sông, thì tướng Thanh sai quân đem thơ ra cho Đuy-gien-nơ, nói rằng tuy đã biết có quy ước Thiên Tân, nhưng chưa có lệnh rút quân, Pháp nên chờ đợi và điện cho Bắc Kinh rõ đặng ra lệnh mới. Đuy-gien-nơ vừa hống hách, vừa sợ rằng nó đang ở trong một vị trí khó - trước mặt có địch, sau lưng có sông - không chịu trở lại bên kia sông. Cho nên hắn gửi lại một tối hậu thư, buộc quân Thanh và quân Việt phải rút ngay đi, trong một giờ nữa quân Pháp tiếp tục tiến lên.

Trong một giờ, quân của Đuy-gien-nơ tiến lên. Súng nổ đến tối, quân Pháp không tiến được. Sáng sau, cuộc chiến đấu tiếp tục. Quân Pháp bị bao vây 3 mặt và bị đe dọa cắt đứt đường rút lui về Hà Nội. Đuy-gien-nơ thất thế, ra lệnh vội vã rút lui. Số phu còn lại tán loạn chạy, bỏ cả lương thực, ngựa lừa, đạn dược; quân Pháp cũng tán loạn. Tới chiều, binh đoàn của Pháp mới qua sông Thương được, chạy về Bắc Lệ với một số đông tử thương và thương binh trong đó có 2 quan ba, 2 quan hai, 1 bác sĩ, tất cả gần 1/10 số quân bị thương nặng nhẹ.

Tán tương quân vụ của nghĩa quân Việt Nam là Hoàng Đình Kinh, đốc nghĩa dũng đánh lấy lại Bắc Lệ, bắt được 1 quan hai, lại phái nghĩa dũng tiến mau ngăn đánh địch ở núi Thiên Cầu, giết và bắt được một số địch giải về tại quân doanh Thanh. Quân Đuy-gien-nơ lui riết về tới Bắc Cần (Kép). Trận cầu Quan Âm mà Pháp gọi là sự kiện Bắc Lệ có tiếng vang rất mạnh ở Pháp; càng mạnh là vì chính phủ và bọn tướng lãnh Pháp nghĩ rằng chiến sự xong rồi, không còn gì quan trọng nữa, không còn gì khó khăn nữa, triều đình Huế đã bó tay, triều đình Thanh đã ký quy ước rút quân. Giữa tháng 4, trong một bữa tiệc, rượu ngà ngà, Phe-ri, thủ tướng Pháp, đã vội nói: "Còn về phần Bắc Kỳ thì tôi có quyền tuyên bố rằng giai

https://tieulun.hopto.org

đoạn quân sự đã qua rồi". Sau khi đã chiếm được Hưng Hóa, tướng Mi-dô cũng đã tự đắc huênh hoang mong rằng: *"Bây giờ kẻ địch không thể không biết rằng ta có thể chiếm đóng Lạng Sơn, cũng như Thái Nguyên, với cái thì giờ cần thiết để đi đến nơi ấy"*, - có ý muốn nói rằng hễ tới thành nào thì lấy ngay được thành ấy, không phải đánh lâu. Nào dè!

Nay tin đại bại Quan Âm về tới Hà Nội. Tướng Nê-gơ-ri-ê kéo quân lên tiếp viện thì quân ta đã lấy lại Bắc Lệ, Mi-dô điện về Pháp. Phe-ri hô hào "trả thù!". Phe-ri hấp tấp nghĩ rằng sự kiện Quan Âm là một mưu sâu của nhà Thanh không muốn quy ước Thiên Tân vừa mới ký, bèn ra lệnh cho Đô đốc Cuốc-bê hành động ngay trên đất nước Trung Hoa. Phe-ri điện cho Lý Hồng Chương rằng: "Hai sư đoàn hải quân của Cuốc-bê đương nhằm hướng Bắc mà tiến phát"; Đô đốc Lê-pét điện từ Thượng Hải về Pháp rằng: *"Ở Bắc Kỳ, tốt nhất là phải đánh chiếm Lạng Sơn"*. Cuốc-bê xin *"phải dùng cái tiếng nói có hiệu lực nhất là tiếng nói của đại bác"*.

Tuy Pháp sừng sộ dữ tợn trong phút đầu như thế, nhưng rồi không dám tuyên chiến ngay. Trong điều kiện ấy, cuộc chiến tranh Trung Pháp đã đứng trước mặt. Cánh kháng chiến ở Việt Nam bây giờ mong mỏi cuộc chiến tranh ấy, xem đó là một điều kiện thuận lợi cho mình; phong trào nhân dân trong dịp này sẽ nổi lên càng rộng rãi khắp Bắc Trung Nam và Khơ-me nữa.

* * *

TÓM LẠI

Vào khoảng cuối 1883 và đầu 1884, mặc dầu triều đình trước do dự rồi sau lại ra lệnh giải binh và mặc dầu rằng ở triều đình có sự phế lập lung tung, nhân dân miền Bắc vẫn anh dũng chống giặc, đặc biệt là ở Hải Dương, Nam Định, Sơn Tây, Hà Đông, có đồng bào Kinh, đồng bào Mường tham gia hăng hái. Ở Nam Định có Tạ Hiện, Phạm Vụ Mẫn, Hoàng Văn Hòe trả ấn tín, ra mộ binh.

Ở Hải Dương có Nguyễn Thiện Thuật, quân ta đánh ngay vào thị trấn Hải Dương, vào chu vi Hải Phòng, Quảng Yên. Ở Hà Đông, nghĩa quân đánh cả bọn quan triều đình đã cộng tác với Pháp (Phủ Ứng Hòa). Bên phía Pháp, Mi-dô thay cho Cuốc-bê mà cầm binh quyền; chúng thêm nhiều viện binh nữa.

Ở Huế, Hiệp Hòa được tôn; Dục Đức bị phế. Rồi Hiệp Hòa lại bị phế và Kiến Phúc lên ngôi; sự phế lập tiêu biểu sự chia rẽ ở triều đình trong lúc mà nước nhà cần đoàn kết nhất; sự phế lập ấy, gốc tại chỗ đấu tranh giữa phe kháng chiến và phe đầu hàng ở triều đình. Phe kháng chiến này, do Tôn Thất Thuyết cầm đầu nắm binh quyền và nội vụ, theo Hòa ước 1883 thì về hai mặt đó, triều đình Huế hãy còn quyền hạn ít nhiều.

Giặc Pháp sau lấy Sơn Tây, thì lên đánh Bắc Ninh. Thành Bắc do quân Thanh chiếm giữ từ lâu. Tháng 3 năm 1884, địch dốc toàn lực vào Bắc Ninh. Quân Thanh thua chạy về Lạng Sơn. Trương Quang Đản không chịu cùng quân Thanh mà chống Pháp, hơn nữa, hắn trở mặt đi đánh dẹp nhân dân, chờ Pháp giao thành. Nhân dân vùng Bắc Ninh, ngược lại, nổi lên rất mạnh khắp từ Lạng Giang cho đến Gia Lâm, khắp từ dải núi Đông Triều qua đến Thái Nguyên.

Sau Bắc Ninh, địch qua Yên Thế, Thái Nguyên. Thành Thái Nguyên bị cướp đi lấy lại mấy lần, rốt cùng Pháp mới chiếm giữ được; thành thủ úy Nguyễn Quang Khoang tử trận.

Tháng tư, địch lên Hưng Hóa, Hoàng Tá Viêm không đánh, lui vào Thục Luyện rồi về Huế và câu kết với cánh đầu hàng. Quân Thanh cũng không đánh, lui về Yên Bái. Duy Lưu Vĩnh Phúc và cụ Nguyễn Quang Bích chống cự, thế cô, hai ông lui về Lâm Thao, Yên Bình.

Địch thừa thắng lên chiếm thành Tuyên Quang. Nhưng vừa chiếm xong thì lại bị nghĩa quân ta, Lưu Vĩnh Phúc và một số quân Thanh vây hãm suốt 8 tháng trường.

https://tieulun.hopto.org

Trong cái đà thắng thế ấy, Pháp buộc nhà Thanh ký quy ước Thiên Tân (17-5-1884), nhà Thanh nhận rút quân khỏi Bắc Kỳ. Tháng 6 cũng năm 1884, Pa-tơ-nốt đến Huế, buộc triều đình sửa đổi Hòa ước Huế năm 1883, nhận hòa ước mới gồm 19 khoản, làm cơ sở chủ yếu và lâu dài cho sự đô hộ.

Trong lúc Pháp tưởng đâu đại sự đã xong, thì quân Pháp kéo lên phía Bắc để chiếm lĩnh Lạng Sơn, bị đánh một trận nên thân ở cầu Quan Âm; binh đoàn Đuy-gien-nơ tháo lui về Phủ Lạng Thương. Sự giao thiệp giữa Pháp và Thanh trở lại găng lên còn hơn trước nữa.

Chương 17

CHIẾN TRANH TRUNG PHÁP NHÂN DÂN VIỆT NAM KHÁNG CHIẾN CÀNG MẠNH

I. CHIẾN TRANH TRUNG PHÁP Ở DUYÊN HẢI TRUNG QUỐC

1. Thương thuyết vô hiệu quả

Sau trận cầu Quan Âm, tình hình giao thiệp giữa Pháp và Trung Quốc rất là căng thẳng. Vừa được điện báo tin đại bại của Mi-dô báo về thì Phe-ri điện cho Lý Hồng Chương những câu khiêu khích, nông nổi: *"Chúng tôi đã ký một hiệp ước nghiêm túc. Mực mới ráo thì hiệp ước đã bị vi phạm. Chính phủ Thiên triều phải chịu trách nhiệm kinh khủng. Đô đốc Cuốc-bê dẫn hai sư đoàn chiến hạm lên phía Bắc"*. Nhưng sự thật, kẻ "chịu trách nhiệm kinh khủng" ấy là quân Pháp của Đuy-gien-nơ. Chính tình trạng suy nhược của phong kiến nhà Thanh cho phép thực dân hống hách như thế, chính chính sách nhượng bộ của Lý Hồng Chương khuyến khích giặc Pháp xâm chiếm Bắc Kỳ và uy hiếp Hoa Nam. Ngày xảy ra trận cầu Quan Âm là ngày mà họ Lý đến Sơn Phúc

https://tieulun.hopto.org

(tỉnh Sơn Đông) trả lễ thăm viếng với Đô đốc Pháp Lê-pét. Ai ai đều tưởng đâu là Pháp tuyên chiến ngay với Trung Quốc; song, qua phút phản ứng nhanh thì bọn đế quốc Pháp suy nghĩ lại, thấy không phải là chuyện dễ, đã không dễ thắng Trung Quốc lúc ấy như 20 năm về trước, mà vị tất dư luận ở Pa-ri, đặc biệt là nghị viện, đã dễ dàng tán thành chủ trương mạo hiểm của anh chàng từng nhúng tay trong bể máu của công xã Pa-ri.

Một cuộc thương thuyết mới bắt đầu.

Thực dân Mỹ cố xen vào. Bộ trưởng Mỹ Frê-ling-huy-sen[1] điện cho Đại sứ Móc-tu[2] đưa lại cho Phe-ri (23-7-1884) một đề nghị làm trung gian để thu xếp: *"Chính phủ Pháp chắc không thể không thấy rằng, thật là quan trọng chẳng những cho một mình nước Pháp, mà cho tất cả các cường quốc có giao thương lớn với Trung Quốc, tránh được chừng nào hay chừng nấy những kết quả của tình trạng chiến tranh, tình trạng này không thể không hại đến quyền lợi buôn bán".*

Pháp chộp ngay cơ hội, nhờ Mỹ làm trung gian, nhận rằng nó không rõ đầu đuôi việc cầu Quan Âm. Nhưng Pháp đặt điều kiện rằng Trung Quốc phải rút ngay hết quân khỏi Bắc Kỳ và trả một số bồi thường là 250 triệu quan. Lý Hồng Chương chỉ muốn bồi thường 3 triệu rưỡi, và đại sứ của nhà Thanh đã rời khỏi Pa-ri điện cho Phe-ri rằng *"Trung Quốc không sợ chiến tranh, chỉ lo tránh thiệt thòi cho thương mại quốc tế".*

Kỳ thật cánh mại bản triều đình Thanh mà Lý Hồng Chương là lãnh tụ không muốn chiến tranh, có ý yêu cầu Tổng thống Mỹ xét xử hộ, hắn chỉ muốn nhượng bộ mà đỡ tổn thương danh dự một phần nào. Cò kè bớt một thêm hai, Pháp đòi 50 triệu và dặn Pa-tơ-nốt rằng nếu Lý chịu nguyên tắc trả 50 triệu thì "chừng

1. Nhà xuất bản chưa tra được từ nguyên.
2. Nhà xuất bản chưa tra được từ nguyên.

nào trả cũng được"; "50 triệu hay là chiến tranh", đó là lời của tên thủ tướng tư bản Phe-ri (điện ngày 3-8-1884). Lời lẽ của kẻ cướp đường! Lý nhận trả nhiều hơn là 3 triệu rưỡi, nhưng đòi Pháp nhận để Việt Nam theo lệ cống nạp như cũ. Đây chỉ là một vấn đề "danh dự", "mặt mày" của Lý mà thôi. Lẽ tất nhiên Pháp không chịu, tuy Pháp thấy rằng đòi 50 triệu là quá đáng và chỉ có thể làm cho Lý phải từ chối thôi.

Trong lúc Pa-ri và Bắc Kinh thương thuyết với nhau thì hai bên đều chuẩn bị chiến tranh rất gấp rút. Trung Quốc chuẩn bị phòng thủ các cửa bể. Pháp chuẩn bị đánh Đài Loan và Phúc Châu. Không khí chiến tranh càng nóng. Nhân dân Trung Quốc ở miền Nam xôn xao, không tán thành nhượng bộ; kiều dân Pháp ở Quảng Châu phải rút vào trong vòng tô giới Sám Sẻn để ẩn trú.

Cuộc thương thuyết kéo dài, Pháp quyết định đánh phía Bắc Đài Loan để lấy mỏ than và để ép Bắc Kinh thừa nhận điều kiện của Pháp, Phe-ri ra trước nghị viện xin thêm tiền và quân. Ngày 15-8 trong cuộc bỏ thăm ở nghị viện, Phe-ri chỉ được 173 phiếu tán thành, có 50 phiếu chống lại và có đến 250 phiếu trắng; điều ấy chứng tỏ rằng dư luận ngay của các đảng tư bản lo sợ một cuộc chiến tranh với Trung Quốc, duy bọn tư bản tài chính vẫn ít nhiều thắng thế. Pháp dám gây chiến vì hải quân của nó ở Viễn Đông đã mạnh hơn hải quân của Trung Quốc, vì tình trạng suy yếu của phong kiến Thanh và vì Pháp thấy rằng các đế quốc khác có lợi mà để cho Trung Quốc suy nhược hơn một chút nữa.

Ngày 21-8, trước sự đòi hỏi quá độ của Pháp, Tổng lý nha môn của triều đình Bắc Kinh trả lời cho tối hậu thơ của Pháp bằng cách trả lại thông hành cho sứ Pháp đi về Thượng Hải. Cuộc chiến tranh bắt đầu, sau 7 tuần thương thuyết vô hiệu và chuẩn bị náo nhiệt.

https://tieulun.hopto.org

2. Các giai đoạn chính của cuộc chiến tranh trên duyên hải Trung Hoa

a. Ở Bắc bộ Đài Loan: Những sư đoàn hải quân của Pháp tập hợp lại để tấn công Trung Quốc thì gồm trên 20 chiến hạm, nhiều hơn hải quân của Trung Quốc. Đô đốc Lê-pét được lệnh ra đánh chiếm mõm cực bắc của Đài Loan là "nơi dễ lấy nhất, để giữ và ít tổn hao nhất". Hải quân Pháp bắn phá pháo đài Cơ Long (5-8) rồi đổ bộ, bị quân Trung Quốc do Lưu Minh Truyền cầm đầu đánh bật trở xuống biển mất cả quân nhu và đại bác. Lê-pét không làm gì được đành phải xin thêm quân lính, nhưng xin không được, đành phải rút lui có "trật tự". Thế mà hôm 8-8, Phe-ri tưởng đâu hễ Pháp đến nơi nào thì lấy được nơi ấy, nào dè! Nên hắn đã tự đắc thông tư cho đại sứ Thanh ở Pa-ri rằng Cơ Long đã về tay Pháp rồi (!) để cho nghị viện Pháp phấn khởi lên một ít. Các báo thế giới đều thuật lại sự thất bại của Pháp ở Đài Loan. Phe-ri trơ trẽn!

b. Chiến sự ở hải cảng Phúc Châu: Phần đông hạm đội Pháp đều đậu tại Mã Vĩ, gần Phúc Châu để thị uy. Sau khi được đa số nghị viện Pháp giao toàn quyền hành động, Phe-ri ra lệnh cho Cuốc-bê không tuyên chiến mà tự thình lình phá hủy hạm đội Trung Quốc trong bến Mã Vĩ ấy và sở đóng tàu đúc súng lập từ 1867 ở Phúc Châu. Phúc Châu lúc bấy giờ đã là một trong những hải cảng sầm uất nhất của Trung Quốc. Ngày 23-8, Cuốc-bê ra lệnh tấn công bất ngờ. Cuộc chiến đấu rất ác liệt, trong hai ngày, hải quân Pháp bắn hỏng phần lớn hải quân và thương thuyền Trung Quốc, phá nhiều pháo đài, nhưng không dám ở lâu, sợ rút ra không khỏi Phúc Châu là một hải cảng cách biển 20 cây số, trên bờ sông Min sự phòng thủ chu đáo và tân thời. Cuốc-bê phải rút lui. Để đi 20 cây số ấy, quân Pháp tốn đến 7 ngày vô cùng vất vả và rất tổn hại. Dù sao trận Phúc Châu, phần thắng về Pháp. Nhà Thanh thiếu đề phòng, thiếu quả quyết, chứ thực ra thì có đủ điều kiện để hoàn toàn tiêu diệt hạm đội Cuốc-bê trong một cái hang sâu và hiểm yếu như sông

Min. Bọn thực dân bên Pháp trông mong rằng trận Phúc Châu bắt buộc Tổng lý nha môn phải y theo những đòi hỏi của Pháp, nhưng Pa-tơ-nốt phải cải chính rằng: *"Phúc Châu ở xa Bắc Kinh cho nên không thể có hiệu quả quyết định gì đâu"*.

Sau trận đánh lén ở Phúc Châu, kế hoạch của Cuốc-bê lúc bấy giờ là lên đánh Lữ Thuận và làm lại cái việc mà Pháp đã làm ở Việt Nam đối với Huế: phong tỏa gạo không cho tàu đem gạo từ Trường Giang vào miền Bắc Kinh qua Bột Hải, Phe-ri không dám theo kế hoạch ấy, một là sợ triều đình Bắc Kinh nột quá, sẽ không tiếp tục thương thuyết nữa, hai là sợ đụng chạm đến nhiều quyền lợi của các xứ tư bản khác, nhất là của Đức. Ở Hăm-bua[1] lúc ấy số đông tư bản đã ký đơn yêu cầu Bít-mác không để cho hải quân Pháp phong tỏa những hải cảng đã được khai phóng; Bít-mác đã gửi thông điệp cho Phe-ri và Bít-mác đã được Phe-ri hứa hẹn sẽ không theo kế hoạch Cuốc-bê.

c. Trở lại Đài Loan: Cuốc-bê đòi tuyên chiến vì có tuyên chiến thì dễ hoạt động quân sự, Phe-ri không chịu tuyên chiến, vì nếu tuyên chiến thì đụng chạm ngay với các nước đế quốc khác, nhất là đụng chạm với Đức mà chính phủ Pháp vẫn sợ như gà sợ cáo. Sau trận Phúc Châu, Bắc Kinh nhật báo xem quy ước Thiên Tân như chước quỷ của Pháp để có thì giờ chuẩn bị lực lượng, mà chính Pháp là kẻ vi phạm quy ước ấy ở cầu Quan Âm, Pháp phải rút khỏi Phúc Châu nên rốt cùng cũng bị Trung Quốc xem như là chúng nó thất bại; các căn cứ và đơn vị Trung Quốc được lệnh chống trả bất cứ nơi nào mà quân Pháp đến. Kiều dân Pháp được phép ở lại Trung Quốc nhưng nếu tham gia chiến sự thì bị trừng trị. Bắc Kinh thông tư cho các xứ trung lập yêu cầu đừng bán than đá cho hải quân Pháp.

1. Hambourg.

https://tieulun.hopto.org

Trái lại Pháp xem trận Phúc Châu như là đại thắng và xem Cuốc-bê như đã đem lại "vinh dự" mà Pháp đã mất từ trận Sơ Đăng (1870), Cuốc-bê được tự do hành động, bèn đem tất cả hải quân trở lại Cơ Long (Đài Loan). Lần này vì quân số tập trung nhiều, Pháp chiếm được ngoại vi Cơ Long (ngày 1-10) sau 3 ngày vất vả và tổn thất; địch lại cố chia quân Trung Quốc bằng cách đánh Tam Thủy bên phía tây; ở đây, Pháp lại thất bại nữa. Trầy trật mãi, Cuốc-bê nhớ lại vụ chiếm Đà Nẵng năm 1858 trong đó Pháp không ra khỏi châu thành nhỏ hẹp mà quân đội hao mòn lần vì tử thương, vì bệnh tật. Thế mà không thể bỏ được. Bỏ đi thì mất mặt. Ở lại thì không biết để làm gì. Viện binh từ An-giê-ri đến cũng không làm cho Pháp mở rộng được phạm vi chiếm đóng là bao, sau 3 tháng ra Đài Bắc. Cuộc phong tỏa Đài Loan cũng không thực hiện được hoàn toàn, vì Đài Loan rộng quá, biển tứ bề, chiến thuyền Pháp không đủ tuần tiễu khắp nơi và mọi lúc. Cuộc phong tỏa này có hai mục đích, một là ngăn việc tiếp viện từ lục địa sang và ngăn tin thất bại ở Tam Thủy từ Đài Loan về lục địa (điện của Pa-tơ-nốt gửi cho Phe-ri ngày 10-10). Anh thấy Pháp ở lâu dài ở Cơ Long cũng đâm lo và không cho hải quân Pháp tự do tìm tiếp tế ở các hải cảng của Anh nữa.

d. Phong tỏa Trường Giang: Tuy Pháp, Trung đang thực tế chiến tranh, nhưng cả hai bên đều không ngớt gián tiếp điều đình với nhau. Lý Hồng Chương, qua đại sứ Mỹ, hỏi điều kiện của Pháp để thương thuyết trở lại. Pháp đòi Trung Quốc rút hết quân khỏi Bắc Kỳ, công nhận quy ước Thiên Tân; rồi Pháp sẽ trả Cơ Long đến khi Trung Quốc rút hết quân ở Bắc Kỳ; Pháp không nói đến chiến phí nữa, nhưng đòi giữ quyền thương chánh và khai thác ở Cơ Long, Tam Thủy trong một số năm. Lý Hồng Chương đề nghị lại rằng, Pháp tạm giữ Tam Thủy, Cơ Long thì Trung Quốc tạm giữ Lạng Sơn, Lào Cai; sau hòa ước, Pháp rút khỏi Đài Loan, Trung Quốc rút khỏi Bắc Kỳ. Trung Quốc sẽ vay của Pháp số tiền 400 triệu trả

trong 40 năm có bảo đảm bằng một phần thương chính, Trung Quốc sẽ mướn nhiều kỹ sư, đốc công Pháp và mua vật liệu hỏa xa của Pháp, Phe-ri không chịu nhận, mà đòi quân Trung Quốc phải rút ngay, rút trước, khỏi Bắc Kỳ. Chính phủ Bắc Kinh cũng bác bỏ đề nghị của Pháp.

Tình hình vẫn căng thẳng.

Sau đó, Lý Hồng Chương lại đề nghị rằng Trung Quốc sẽ chấp thuận quy ước Thiên Tân, nhưng đòi Pháp để cho Việt Nam cống nạp Bắc Kinh như cũ, và sửa đổi lại biên giới Hoa - Việt theo một đường ranh ở dưới Lạng Sơn, đông ra tới biển, tây về phía Diến Điện.

Hai bên giằng co nhau, trong lúc đó thì chiến sự ở Bắc Kỳ, lại trở lại kịch liệt, Pháp hướng về phía Lạng Sơn mà đánh.

Cuốc-bê tính rằng không thể vừa chiếm Cơ Long, phong tỏa Đài Loan lại vừa đánh Lữ Thuận, phong tỏa Bột Hải; ngay ở Cơ Long, Pháp cũng khó chịu đựng lâu dài vì du kích và quân chính quy ngày đêm đánh phá (điện của Pa-tơ-nốt ngày 13-2-1885 cho Phe-ri). Trong lúc này thì ở Bắc Kỳ quân Pháp đã vào Lạng Sơn, Kỳ Lừa. Ở Đông Hải, ngày 15-12, trong một trận thủy chiến, vài tàu Trung Quốc bị đánh chìm; lúc ấy là lúc mà triều đình Bắc Kinh đang ký hợp đồng với ba công ty vận tải để chở từ Thượng Hải lên Thiên Tân 700.000 bao gạo. Cuốc-bê thừa thế mà phong tỏa Trường Giang, định rằng có thể nhờ cách đó mà buộc Bắc Kinh nhượng bộ cũng như chúng đã phong tỏa gạo Sài Gòn ra Huế hồi 1860 và bắt buộc Huế phải nhịn thua. Phe-ri gửi qua Viễn Đông thêm một sư đoàn hải quân nữa. Pa-tơ-nốt không mất thời gian để báo cho Lý Hồng Chương biết hầu làm cho Trung Quốc rủn chí. Trong lúc phong tỏa Trường Giang thì Cuốc-bê không thể giữ được Cơ Long, phải rút đi và qua chiếm quần đảo Bành Hồ nhỏ bé giữa Đài Loan và Phúc Kiến.

https://tieulun.hopto.org

Rốt cùng, vào tháng 3 năm 1885, triều đình Bắc Kinh thừa nhận sẽ chấp nhận quy ước Thiên Tân mà không đòi hỏi gì thêm. Mà Pháp cũng "quên", không đòi hỏi số tiền bồi thường khổng lồ mà nó đã đòi hỏi sau trận cầu Quan Âm. Lúc ấy chính là lúc mà quân Pháp dưới quyền của tướng Nê-gơ-ri-ê lại bị một đòn đau điếng ở Lạng Sơn, phải bỏ Lạng Sơn mà chạy về hướng nam.

Cuộc chiến tranh Trung - Pháp tuy kéo dài và có phần ác liệt ở ven biển, nhưng chiến trường quan trọng nhất, chiến trường quyết định nhất cho vận mạng nước Việt Nam vẫn là ở trên đất Việt Nam, giữa nhân dân Việt Nam và quân đội xâm lược Pháp.

II. NHÂN DÂN KHÁNG CHIẾN TRONG KHOẢNG CUỐI NĂM 1884 VÀ ĐẦU 1885

Sau trận cầu Quan Âm, phong trào kháng chiến của nhân dân ở trung châu và trung du lên cao hơn trước, bắt buộc địch phải phân tán nhiều lực lượng.

"Những toán địch (nghĩa quân) tới hoạt động ngay ở các xã dưới họng đại bác của thành quách của chúng ta, và các đồn binh phải luôn luôn xuất trận với sự cộng tác của các pháo thuyền"[1].

"Chúng ta sẽ không nói đến những cuộc hành quân phụ thuộc ở các vùng của miền trung châu chống những toán thổ phỉ (nghĩa quân) và dư đảng của Cờ Đen, những toán này được sự ủng hộ bí mật của triều đình Huế, làm cho chúng ta phải luôn luôn lo lắng.

Các cuộc hành quân này rất là mệt nhọc cho quân đội của ta"[2].

Đến nay thì trong sử sách của triều đình không thấy ghi những cuộc chiến đấu ấy của nhân dân, còn Pháp có ghi lại các cuộc hành quân nhưng tên tuổi và hành động của các lãnh tụ nhân dân thì chúng không nói đến.

1. Thomazi, *La conquête de l'I.C*, tr. 233.
2. J. Sarzeau, *Les Français au Tonkin*, tr. 277.

Ở đây xin kể lại những cuộc chiến đấu chính của nhân dân Bắc mà sử học của ta còn phải tìm tòi để hiểu biết rõ ràng hơn.

- Từ lâu nay tuy phủ Quốc Oai không xa Hà Nội, nhưng vẫn còn ở trong tay ta. Ngày 2-7-1884, quân Pháp lên Quốc Oai; viên Phủ sau khi bỏ thành ra ở trong dân thì trở lại đầu hàng, còn các thôn xã thì tiếp tục rào cửa rào đường không cho giặc vào. Quân Pháp tuyên bố rằng các thôn xã nào rào lại thì bị chiếm bị đốt, nhưng hàng rào vẫn dày hơn mà không bớt chút nào. Ngày 5-7, xảy ra trận đánh ở Phương Cách là căn cứ chính của nghĩa quân ở phủ Quốc Oai. Nghĩa quân bị thua ở đây lại tụ họp ở Vĩnh Cước, phía bắc Quốc Oai; trận đánh ngày 12-7 ở Vĩnh Cước cũng ác liệt như ở Phương Cách. Đến ngày 20-7, cuộc chiến đấu diễn ra ở xã Hoàng Xá.

Cũng trong vòng Sơn Tây một đội hải quân Pháp đi thuyền lên đánh căn cứ Bùi Xá, bắt được người lãnh đạo là Lê Quán Chi; Pháp gọi ông này là một "người lãnh đạo đáng sợ" chứng tỏ rằng nghĩa quân ở đây đã hoạt động từ lâu và đã thu được nhiều thắng lợi.

- Ở tỉnh Bắc Ninh, từ 12 đến 20-7, quân Pháp và nghĩa quân đánh nhau ở Ngọc Trì.

Quyển *Histoire militaire de l'Indochine* có ghi rằng ngày 19-7 quân Pháp phải hỏa thuyền và một đội bộ binh đến xã Cơ Phát trên hữu ngạn sông Hồng để "giải thoát" làng ấy khỏi tay nghĩa quân. Vài ngày sau thì quan hai thủy quân Măng-sơ-rông[1] đem chiến thuyền đánh một số đông đúc nghĩa quân trên sông Cà Lồ nhưng chỉ nã súng mà không lên bờ được. Các chiến thuyền La Ha-sơ[2], Mút-cơ-tông[3], Ác-cơ-buy[4], Mát-xuy luôn luôn phải đi trấn áp trên các ven sông Hồng, sông Thương, sông Lục Nam. Trên

1. Nhà xuất bản chưa tra được từ nguyên.
2. Nhà xuất bản chưa tra được từ nguyên.
3. Mousqueton.
4. Nhà xuất bản chưa tra được từ nguyên.

https://tieulun.hopto.org

sông Lục Nam và sông Thương nghĩa quân chẳng những đóng giữ các thôn xã mà còn làm đồn trại khá kiên cố; sau trận Lục Nam Măng-sơ-rông được nêu tên trong toàn quân viễn chinh, điều ấy gián tiếp chứng tỏ rằng nghĩa quân đông đúc và đánh mạnh ở khắp lưu vực sông Thái Bình.

- Khắp vùng sông Cầu là căn cứ của nghĩa quân nhất là các xã Vạn Cót và Trương Đồng. Pháp đem trên 100 quân Pháp và ngụy đến đánh phá và đốt ruội hai xã ấy (3-8).

- Cuộc kháng chiến ở Hà Nam và Nam Định không kém sôi nổi. Được tin nghĩa quân từ phía tây sông Đáy sang sông tiến đánh về hướng Nam Định, quan năm Bri-ôn-van cầm đầu 500 quân, từ ngày 5-8 đi đốt phá các thôn xã Yên Phụ, Yên Bộ, Yên Hòa, Đô Xá, bến đò mới, v.v... thuộc tỉnh Hà Nam và ngày 7-8 chúng đến Lai Thông là căn cứ chính của nghĩa quân, Bri-ôn-van không tiến vào được, phải xin đại bác từ Ninh Bình đến tiếp sức. Nghĩa quân rút vào núi Kê Sơn. Địch thêm một đại đội viện binh theo đuổi nghĩa quân trong vùng núi, nhưng thất bại, ngày 10-8 chúng phải lui về, nghĩa quân liền trở lại căn cứ Lai Thông, ở đây vài tuần sau xảy ra một trận lớn với đội quân Pháp do quan năm Duy-giác-đanh[1] cầm đầu. Số quân của địch huy động trong cuộc hành quân này chứng tỏ sức mạnh của nghĩa quân vùng Hà Nam. Đến nay, ta chưa biết người tổ chức và lãnh đạo khu kháng chiến này là ai, sự hoạt động của nghĩa quân rộng lớn cụ thể tới mức nào.

Tướng Mi-đô, tổng chỉ huy Pháp ở Bắc Kỳ, đứng trước phong trào của nhân dân kháng chiến ở trung châu và trung du đã phải chủ trương rằng *"trước phải tiêu diệt phong trào ấy thì sau mới có thể đem toàn lực lên đánh quân chính quy của nhà Thanh"* trên phía Bắc.

1. Nhà xuất bản chưa tra được từ nguyên.

"Vào đầu tháng 9, tình hình của chúng ta ở Bắc Kỳ tuy không phải là nghiêm trọng, nhưng cũng thật khó khăn"[1].

Tướng Mi-đô bị thất trận ở cầu Quan Âm, không tiến quân được, xung đột với các cấp dưới tay, không trị nổi nghĩa quân ở đồng bằng, nên bị rút về Pháp, tướng Bờ-ri-e đờ Lin tiếp tục việc càn quét ở đồng bằng và ở trung du, đặc biệt là ở vùng Hải Dương và Sơn Tây.

Trong các cuộc kháng chiến của nhân dân ngoài Bắc trong thời kỳ này, sử sách còn ghi lại mấy tên tuổi anh hùng ngoài Nguyễn Thiện Thuật, Tạ Hiện, v.v... mà chúng ta đã kể ở trên:

- Dương Khải, lãnh đạo nhân dân Bắc Ninh, người làng Dương Xá, đã đỗ cử nhân, vừa mộ quân chống Pháp (1884) tụ tập được ngót 5.000 nghĩa dũng, sau khi thất bại ông vào Thanh dạy học và làm thuốc.

- Nguyễn Quang Bích, người làng Trung Phố, tỉnh Nam Định, đỗ Tiến sĩ, làm tuần phủ chống giữ thành Hưng; ông cùng với một số nho sĩ lên thượng du mộ binh chống Pháp, lập nhiều công trong việc vây đánh quân Pháp ở Tuyên Quang; Pháp bắt mẹ ông để dụ về hàng; mẹ ông chết trong ngục.

- Nguyễn Cao, người làng Cách Bi, tỉnh Bắc Ninh, đỗ nguyên khoa, làm Tri huyện Yên Dũng, Tri phủ Lạng Giang, Bố chính Thái Nguyên, rồi làm Tán lý quân thứ Bắc Ninh. Năm 1884, ông hoạt động ở Bắc Giang. Thất bại, ông về động Hương Tích mưu cư sự nữa. (Năm 1887 ông sẽ bị giặc bắt và giết).

Lúc bấy giờ ở trong Nam Kỳ, phong trào "Thiên địa hội" sôi nổi, tổ chức được nhiều vạn nhân dân kháng Pháp. Còn ở Khơ-me thì hoàng thân Vô-tha lại khởi nghĩa nữa.

1. *Histoire militaire*, tr. 94.

https://tieulun.hopto.org

III. ĐỊCH TIẾN VỀ PHÍA BẮC

Khi tướng Mi-dô bị gọi về Pháp và tướng Bờ-ri-e đờ Lin lên thay thế thì đạo quân viễn chinh của Pháp ở Bắc Kỳ gồm có 434 sĩ quan và 17.570 lính. Chiến thuyền riêng dưới quyền của Bờ-ri-e đờ Lin gồm 22 chiếc, Pháp lại tăng viện thêm 2 trung đoàn nữa. Quân số địch lên trên 2 vạn, một số rất cao trong thời kỳ ấy.

Trên ven biển Trung Quốc, chiến sự diễn ra thì ở thượng du Bắc Kỳ quân Thanh cũng được tăng viện từ Vân Quý và Lưỡng Quảng, đối diện với quân Pháp ở vùng trung châu.

1. Trận Chu

Liên hiệp với nghĩa quân Việt Nam ở vùng Bắc Giang, quân Thanh đóng khá đông ở Chu và Kép. Chu là một vị trí trên sông Lục Nam cách Phủ Lạng Thương trên 30 cây số. Kép ở giữa đường Phủ Lạng Thương đi Bắc Lệ, gần sông Thương. Hai vị trí này án ngữ con đường đi Lạng Sơn.

6-10, ba đạo quân địch (do Nê-gơ-ri-ê cầm đầu) tiến về Chu, giữa đường đã bị chặn đánh. Cuộc chiến đấu kéo dài ác liệt, đến 12 thì Pháp mới chiếm được Chu, song thiệt hại 200 người; quân Thanh lui về Đèo Quán.

2. Trận Kép

Thừa thắng địch tiến về ngả Kép. Trận đánh ở Kép kịch liệt hơn ở Chu nhiều; tất cả đơn vị Việt Trung thủ ở chùa Kép chết đến người cuối cùng thì Pháp mới vào chùa được. Địch huy động tất cả pháo binh bắn vào Kép, xung phong ba đợt đều bị đánh lui. Đến đợt thứ 4 mà địch chuẩn bị bằng pháo binh rất ráo riết, hai bên xáp lá cà, thì quân Thanh mới rút lui, tướng Nê-gơ-ri-ê bị trọng thương, một quan năm địch bị chết; địch thiệt hại trên 100 người.

Trong và sau các trận Chu, Kép, nhân dân Bắc Ninh, Hải Dương, Hưng Yên hoạt động mạnh hơn trước nữa. Địch phải phái quan tư

Xéc-vi-e[1] vào càn quét ở vùng Đông Triều, phái quan năm Đuy-gien-nơ vào đánh phá vùng Lâm Quỳnh và Mai Điểu, và quan tư Đô-mi-nê vào đánh phá vùng Bố Hạ. Ngay ở vùng Bãi Sậy, gần Hà Nội, nghĩa quân đã tụ tập đông đảo, địch phái quan năm Béc-jê[2], 2 quan tư, 1 quan ba cầm quân vào đánh phá từ 3-10 đến 7-11, đốt phá làng mạc nhưng không hiệu quả gì rồi phải rút về Hải Dương.

3. Tuyên Quang, Hòa Mộc

Tuyên Quang là một vị trí lớn trên sông Lô, lúc ấy cũng gọi là Tam Kỳ; triều đình Huế có xây dựng ở đây một thành quan trọng. Khi Hưng Hóa, Thục Luyện thất thủ thì Viêm tuân mạng về kinh; nhưng một số đông quân lính và thân sĩ, ví như cụ Nguyễn Quang Bích, người đã liều chết giữ Hưng Hóa, cùng với Lưu đoàn kéo quân về phía Yên Bình, Tuyên Quang, Yên Bái, mộ thêm đồng bào mạn ngược mà chống giặc. Lúc bấy giờ vì Viêm đã đi rồi, triều đình Huế đầu hàng rồi, thì Đề đốc Lưu Vĩnh Phúc được nhà Thanh phong tướng, cấp mão hoa lông chim, lệnh cho Lưu tiến quân đánh Pháp. Không phải nhà Thanh ưa gì Lưu là người nguyên thuộc đảng của Thái bình Thiên quốc; không phải Lưu thần phục hẳn nhà Thanh, nhưng cả hai đều gặp nhau ở chỗ chống Pháp mà Lưu là một người cương quyết bậc nhất.

Lúc bấy giờ Lưu đã về ở Bảo Thắng từ sau khi rời bỏ Hưng Hóa, Lâm Thao. Quân của Sầm và Lưu hiệp lực kéo xuống vây thành Tuyên, tiêu diệt các tiền đồn, đẩy địch vào trong thành, cắt đứt đường tiếp tế đường bộ và sông Lô của địch. Từ 31-5-1884 quan năm Đuy-sên của thực dân đã đóng ở Tuyên Quang. Từ đầu 1885 thì địch không còn đi ra khỏi thành được nữa. Tuần tự, bên ta đào đường hầm từ xa vào đến chân thành, khép chặt mãi vòng vây (tháng 2-1885). Từ Tuyên Quang xuống Việt Trì không có bóng địch. Bên ta dùng thuốc nổ để đánh phá thành Tuyên. Lắm lúc

1. Servière.
2. Berger.

https://tieulun.hopto.org

quân hai bên, ngoài và trong thành đào hầm đụng nhau dưới đất và đánh nhau trong hầm. Địch bị tỉa lần bằng súng đạn mà thời tiết phong thổ mạn ngược cũng tai hại vô cùng cho địch. Chiến tranh bằng mìn quanh tường thành làm tiêu hao nặng đồn binh của địch: ví như riêng ngày 22-2, quả mìn thứ ba của ngày đó giết được 16 giặc, trong đó có 1 quan ba và làm bị thương 20. Quân ta xung phong rất nhiều lượt vào thành.

Đến 3-3 thì một đại đoàn của địch do tướng Giơ-va-ni-nê-li[1] hối hả đem từ Lạng Sơn về có 9 pháo thuyền cùng chờ chiến lên giải vây cho quân Pháp sắp bị tiêu diệt ở thành Tuyên. Quan tư Đô-mi-nê và 600 quân Pháp ở Tuyên thoát chết, nhưng số thiệt mạng và bị thương trong 6 tuần kịch chiến sau cùng đã lên đến 300 rồi. Còn riêng binh đoàn của Giơ-va-ni-nê-li, trong trận Hòa Mộc để phá vòng vây, phải bị chết hết gần 100 mạng, bị thương 787 đứa, trong đó có 21 sĩ quan. Đây là một trận mà Pháp bị thiệt hại nhiều nhất lâu nay ở Việt Nam chứng tỏ rằng quân ta đóng ở miền núi và quân của Lưu Vĩnh Phúc đánh giặc rất can đảm và có tài giỏi. Dù địch được thoát chết, giải vây được Tuyên Quang, nếu xem xét trận đồ và chiến sự ở Tuyên Quang từ cuối 1884 đến 1885, thì ai cũng phải nhận rằng Lưu Vĩnh Phúc thật là một thượng tướng. Địch công nhận rằng: "trận này là trận gay go nhất xưa nay ở Bắc Kỳ" ngay trong cuộc đánh vào Lạng Sơn mấy hôm trước địch cũng không tổn bằng. Lời nói này phù hợp với lời nói của Lưu Vĩnh Phúc là "đã vào trăm trận, chưa có trận nào thắng lớn như trận này".

Số là Lưu biết rằng quân Pháp hết lương hết đạn, bị vây kín trong thành thì sớm muộn địch phải lên cứu viện. Ông bày ra một thứ địa lôi hỏa công tại đồng Hòa Mộc giữa bờ sông và triền núi là nơi mà địch tất phải đi qua; hai vạn cân thuốc lửa được nhét vào vô số ống tre to, nhỏ, dài ngắn, sắp vào 500 hòm vuông bằng gỗ, chôn theo hai bên đường cái trên đồng cỏ tranh. Ngoài ra còn làm vô số tên

1. Giovanninelli.

lửa, ống thuốc dài mấy trượng. Địch đến quân ông nghinh chiến rồi tháo lui dụ địch vào đồng địa lôi, thì, ầm ầm địa lôi nổ, tên lửa bắn, đá bay, cỏ cháy, địch bị tổn thất rất nặng, kẻ nào sống thì chạy ngược lại, chờ viện binh mới tiến vào thành. Quân của Sầm tuy đông mà vẫn bất động, chỉ xem 2.000 Lưu đoàn và nghĩa quân Việt Nam giáp chiến với 5.000 quân Pháp; Pháp chưa vào đến Tuyên Quang thì quân Sầm lại kéo chạy làm núng hàng ngũ của Lưu, Lưu cũng đã hết đạn rồi nên phải lui ra đóng ở ngòi Thanh Thủy.

Sở dĩ chậm trễ việc tiếp viện giải vây cho chúng ở Tuyên Quang mãi cho đến tháng ba là vì một mặt chúng bị kìm hãm ở đồng bằng bởi sức chiến đấu của nhân dân, một mặt khác vì chúng theo chỉ thị bên Pháp mà chuẩn bị cuộc tiến quân lên Lạng Sơn, lấy Lạng Sơn xong chúng mới chia quân về tiếp viện giải vây cho chúng ở thành Tuyên.

IV. CÁC TRẬN LẠNG SƠN

1. Ý kiến mâu thuẫn trong phe địch

Tháng 11, năm 1884, tại hạ nghị viện Pháp, cánh tả và cánh hữu công kích chính sách của Phe-ri ở Viễn Đông. Lúc ấy không phải rằng hai cánh này không tán thành sự xâm chiếm Việt Nam; họ không tán thành chính sách mà họ gọi (không được đúng lắm) là "không chiến không hòa" của Phe-ri. Tuy nhiên Phe-ri vẫn được 361 phiếu thuận chống 166 phiếu nghịch; trong cuộc thảo luận này tiểu bang ngoại giao chủ trương là, trong lúc chiến tranh tiếp diễn ở hải phận Trung Quốc thì ở Bắc Kỳ, quân Pháp phải lên chiếm các vùng thượng du.

Trong chính phủ Phe-ri, Bộ trưởng Bộ Hải quân là Đô đốc Pay-ron[1] tán thành đem quân lên thượng du và biên giới Bắc Kỳ; lúc ấy tướng Bờ-ri-e đờ Lin, đã gởi thư về cho Pay-ron hống hách

1. Peyron.

https://tieulun.hopto.org

nói rằng với số 2 vạn quân mà hắn chỉ huy thì hắn đi đâu cũng được, không sợ gì 10 vạn hay 15 vạn quân Trung Quốc; không cần phải có viện binh cũng lên chiếm biên giới được. Trước Bờ-ri-e đờ Lin, Mi-dô đã nói khoác như thế, nhưng rồi Mi-dô cũng nếm mùi thất bại ở cầu Quan Âm, Bờ-ri-e đờ Lin sẽ không khỏi dấu xe của Mi-dô được.

Còn Bộ trưởng Bộ Chiến tranh là Đại tướng Cam-pơ-nông thì cho rằng lên biên giới lên "vùng Bắc Kỳ có ăn" thì tỉ như leo lên một chiếc thang giữa trời, leo càng cao thì càng nguy hiểm. Nếu muốn lên Việt Bắc thì phải gởi thêm viện binh; mà gởi thêm viện binh thì lực lượng Pháp ở Âu châu sẽ yếu đi. Cho nên, tốt nhất, theo Cam-pơ-nông, là chiếm lấy cơ sở cho vững ở vùng "Bắc Kỳ có ăn" đã.

Từ trước tới nay thì Phe-ri theo ý kiến của Cam-pơ-nông. Bây giờ, bởi vì cuộc thương thuyết với Trung Quốc không thấy có kết quả gì mặc dầu Pháp đã lấy sức mạnh của hải quân mà đánh phá làm áp lực; để lòng vòng lắm thì không biết bao giờ vấn đề Bắc Kỳ mới giải quyết xong, mà có thể là không lâu nữa chính phủ Phe-ri cũng phải đổ vì bất lực; vả lại, theo va, nếu không đánh bại hẳn Trung Quốc thì một số quan văn võ phong kiến khá lớn của triều đình Huế vẫn còn ý chí để kháng, số nào đã cộng tác với Pháp thì vẫn lo sợ Pháp thua, không dám hết lòng, cho nên lần này Phe-ri lại ngả theo ý kiến của Pay-ron.

Cam-pơ-nông xin từ chức; tướng La-van lên thay và đòi được cho Bộ Chiến tranh chỉ huy chiến sự ở Bắc Kỳ chứ không phải là Bộ Thủy quân nữa; hắn chuẩn bị gửi thêm 6.000 viện binh, chỉ thị cho Bờ-ri-e đờ Lin cấp tốc chiếm Lạng Sơn.

2. Càn quét, thám thính, chuẩn bị

Trong tháng 11 và 12 năm 1884 thì Pháp đem phần lớn lực lượng của chúng để càn phá các đội nghĩa quân ở trung châu để

tương đối yên ổn sau lưng đặng có thể chuẩn bị tiến lên Lạng Sơn (xem *Histoire militaire*, trang 103). Địch cũng lo thám thính tình hình ở đông bắc, luôn luôn đụng phải quân Trung Quốc và nghĩa quân ta ở mạn ngược Bắc Giang; nhiều trận khá quan trọng xẩy ra ở vùng này, như trận Giáp Thượng và Giáp Hạ cách Chu 7 cây số về phía đông, tiểu đoàn của Pháp bị đánh bại liểng xiểng. Nê-gơ-ri-ê phải đem thêm 2 tiểu đoàn đến cứu viện mới thoát chết.

Có điều đáng chú ý nhất là Pháp lục lạo bắt phu để chuẩn bị cho cuộc đánh Lạng Sơn, nhưng "không thể tìm được coolie"[1]. Đó là một bằng có rất sáng chứng tỏ rằng phong trào kháng chiến của nhân dân, ngay trong năm 1884, rất là sâu rộng, bao gồm tuyệt đại đa số nhân dân chớ không phải là yếu ớt, càng không phải là đợi đến khi có lệnh Cần vương của Hàm Nghi rồi mới nổi lên. Duy lúc ấy có nhiều trận đánh giữa quân chính quy, quy mô hơn, bọn đế quốc hay phong kiến lại không ưa gì cao trào nhân dân, cho nên cả địch và triều đình đều không ghi chép các cuộc chiến đấu của nhân dân. Cái ý kiến nói rằng phong trào nhân dân ở Bắc trong lúc Pháp xâm chiếm Bắc Kỳ kém xa phong trào nhân dân Nam Kỳ trong lúc Pháp chiếm lục tỉnh, là một ý kiến không thể chính xác được; ở Bắc là nơi nông dân nghèo khổ lắm, có nhiều truyền thống đấu tranh chống xâm lăng, phản phong và cả phản đế nữa, thì không thể nào không sớm có phong trào nhân dân kháng chiến mạnh.

Không tìm ra phu khuân vác gánh gồng ở một trung châu đông đúc hằng 3, 4 triệu con người; vả lại, ta còn nhớ hằng nghìn phu đã bỏ trốn trước và trong trận cầu Quan Âm, làm cho Pháp mất rất nhiều quân trang, quân dụng, vũ khí, đạn dược, nên Bờ-ri-e đờ Lin phái quan ba Đờ-lết-trất[2] đi Thượng Hải để mộ phu; số phu mộ ấy cũng không được bao nhiêu. Pháp bấy giờ đương đánh

1. *Histoire militaire de l'Indochine*, tr. 104.
2. Nhà xuất bản chưa tra được từ nguyên.

https://tieulun.hopto.org

Trung Quốc tất nhiên dù nghèo đói cũng không thể sẵn sàng làm tay sai cho giặc được. Cuộc chuẩn bị của Bờ-ri-e đờ Lin vì đó mà trễ tràng, mãi đến tháng 2 thì hắn mới động binh được.

3. Trận núi Bóp

Tháng 3 năm 1885 tướng Nê-gơ-ri-ê từ Chu tiến về núi Bóp với 5 tiểu đoàn để đánh tiền quân của quân Thanh đang giữ con đường đi Lạng Sơn. Hai bên chiến đấu trong 2 ngày, quân Thanh rút lui, mà Nê-gơ-ri-ê cũng trở về Chu với 100 người thiệt mạng và bị thương trong đó có 1 quan ba, 2 quan hai.

4. Trận Phố Vỹ

Lực lượng của binh đoàn thực dân lên đánh Lạng Sơn là 7.200 quân chia ra làm 2 đại đoàn, một do tướng Nê-gơ-ri-ê chỉ huy và một do quan năm Giơ-va-ni-nê-li chỉ huy; tướng Cơ-rê-tanh[1] (nghĩa Việt Nam là thằng ngốc) làm tham mưu trưởng. Có 4, 500 phu. Chúng xuất phát từ Chu ngày 3-2-1885. Trên đường đi từ Chu lên Phố Vỹ, địch đã bị tổn thất nhiều ở Hạ Hòa, phải tốn 5 ngày mới đi được non 30 cây số đường hiểm yếu, nhưng chưa gặp phải đại quân Thanh. Chỉ gặp nghĩa quân Việt Nam làm chậm bước tiến của chúng nó. Pháp lần lần trèo lên chiếc thang. Ngày 11, địch đến Phố Vỹ, gần Lạng Sơn. Trận này là một trận lớn; địch phải tổn thất ở chiến trường này trên 200 mạng mới vào được Lạng Sơn (13-2). Sự tiếp tế của địch rất khó khăn. Ngày 23-2, một đại đoàn của địch tập hợp ở Kỳ Lừa, tiến về Đồng Đăng. Đồng Đăng thất thủ, quân Thanh lui về ngả Thất Khê và ngõ Nam Quan. Ngày 25, Nê-gơ-ri-ê phá cửa Nam Quan, tiến vào nội địa Trung Quốc 4, 5 cây số rồi trở lại. Địch cũng lên thám thính ở Thất Khê, các cuộc do thám của chúng ở biên giới không thấy động tĩnh gì. Bọn thực dân tưởng đâu là đã thành công hoàn hảo cuộc chiếm tỉnh Lạng Sơn với một số thiệt hại vừa phải. Bên Pháp Phe-ri huênh hoang

1. Nhà xuất bản chưa tra được từ nguyên.

đại thắng, tuyên bố rằng *"bây giờ Pháp đã đứng trên thế mạnh để mà nói chuyện với Trung Quốc"*. Hơn nữa hắn điện qua cho Bờ-ri-e đờ Lin là phải phái Nê-gơ-ri-ê vượt qua biên giới đánh thẳng vào Long Châu. Nào dè! Lấy Long Châu hãy còn là ảo mộng thì mất Lạng Sơn lại đáng thành sự thật.

Mấy hôm trước, khi đã chiếm được Lạng Sơn, địch liền trích một số quân do Giơ-va-ni-nê-li cầm đầu về cứu bọn chúng đang bị Lưu Vĩnh Phúc vây rất ngặt ở Tuyên Quang. Trận Hòa Mục Tuyên Quang chúng ta biết.

V. NHÂN DÂN NỔI LÊN KHÁNG CHIẾN Ở VÙNG SÔNG THAO, SÔNG ĐÀ - TRẬN LÂM THAO

Trong thời gian mà quân Pháp tiến lên chiếm đóng Lạng Sơn và tiến lên sông Lô giải vây cho bọn chúng bị uy hiếp ở Tuyên Quang, thì quân và dân ta hoạt động náo nhiệt ở vùng sông Đà, sông Thao, uy hiếp vị trí Hưng Hóa, Việt Trì, Sơn Tây của địch. Ở đây, ngoài quân dân người Kinh thì lại có đoàn của Lưu Vĩnh Phúc, đặc biệt là đồng bào Mường ở Hòa Bình, Phú Thọ và cả Thanh Hóa tham gia.

Trên sông Thao, chiếc tàu Gác-nhê của địch lảng vảng bên trên Hưng Hóa bị công kích ngày 10-3. Quân dân ta tập hợp ở phủ Lâm Thao đánh lui tiểu đoàn Si-mông của địch, địch thú nhận thiệt hại 35 tên, phải xin thêm tiểu đoàn Mi-nhô[1] đem đại bác lên trợ chiến mà cũng không khỏi rút lui về Hưng Hóa.

VI. ÁP LỰC CÀNG MẠNH CỦA PHÁP ĐỐI VỚI TRIỀU ĐÌNH HUẾ

Từ khi Kiến Phúc bị phế và Hàm Nghi lên ngôi thì Pháp càng ngày càng lo ngại vì Tôn Thất Thuyết và cả hội đồng phụ chính không chờ hỏi sự đồng ý của khâm sứ Pháp để tôn vua. Tôn Thất

1. Mignot.

https://tieulun.hopto.org

Thuyết rút quân ở Bắc về kinh càng ngày càng đông; Khâm sứ Săm-pô mấy lần muốn triệt Thuyết ra khỏi hội đồng phụ chính mà không được. Tướng Bờ-ri-e đờ Lin nghĩ rằng tình hình ngoài Bắc sở dĩ không được yên ổn, chủ yếu là tại Huế chưa khuất phục hẳn chớ không phải chủ yếu tại quân Thanh, mà Huế chưa khuất phục hẳn là vì Tôn Thất Thuyết nắm binh quyền. Bờ-ri-e đờ Lin nghĩ rằng, nếu muốn bình định vùng trung châu Bắc Kỳ thì phải thay đổi hẳn tình hình ở Huế; hắn đề nghị về Pháp là phải hoàn toàn thủ tiêu quân đội riêng của triều đình Huế. Hắn đã cố làm việc ấy; ví dụ như ở Hải Dương, hắn thương lượng lấy 600 lính của tỉnh giao lại cho Pháp chi lương và huấn luyện. Lĩnh đốc Hà Văn Quán xin chỉ thị của Huế; Huế bàn định rằng nếu để quân Pháp chi lương thì triều đình sai phái rất khó, chỉ có Pháp sai phái được thôi, mà Pháp sẽ không để cho Nam triều dùng số quân đó nữa, nên bảo Quán nói rằng *"như họ có lý tốt thì họ nên phái quan đến luyện tập, lương tháng do ta chiêu cấp ổn thỏa"*. Bờ-ri-e đờ Lin thấy Huế muốn giữ quân đội riêng, càng quyết thủ tiêu quân đội ấy; hắn vận động mua chuộc, ép buộc một số quan lại và vài "sĩ phu" vô liêm sỉ ở Bắc Kỳ ký một bản kiến nghị (15-3) yêu cầu Bộ trưởng Bộ Chiến tranh Pháp can thiệp để chấm dứt tính chất hai mặt của triều đình Huế lúc ấy. Theo ý kiến của Bờ-ri-e đờ Lin thì khâm sứ Pháp phải đóng ở Hà Nội, nắm cả quyền chính trị và quân sự, còn ở Huế chỉ có một đại diện phụ thuộc cho khâm sứ mà thôi, Pháp phải giải tán binh lực của triều đình, khóa tất cả các đại bác của Nam triều, đưa lính Việt về đồn đóng ở các tỉnh huyện xã, còn quân Pháp thì đóng ở nơi hiểm yếu: biên giới, ven biển, trung tâm. Ngay lúc ấy, hắn muốn đem toàn lực lên biên giới, nhưng vì lo ngại Tôn Thất Thuyết trở mặt, sợ nhân dân trung châu, đến phải để một số lớn quân ở đồng bằng. Địch còn có một ý định dã man sau đây, là ý định phá đê cho nước lụt vào làng dân đói không nuôi quân được, quân tất nhiên phải tan rã hay là sẽ chạy xa lên mạn ngược mà kiếm ăn:

"Lúc này, ý định của quan tổng tư lệnh là tháo nước lũ để xô đẩy quân đội Vân Nam lên khỏi Tuần Quán (trên Yên Bái), lập căn cứ mạnh ở trên ấy, rồi đem quân sang đông bắc để tiến về Long Châu.

Nhưng, để thực hiện cái kế hoạch lớn đó, phải trừ bỏ cái lo xảy ra biến động nghiêm trọng ở Trung Kỳ"[1].

Tháng 11 năm ngoái (1884), theo ý kiến của Bờ-ri-e đờ Lin, viên khâm sứ Pháp ở Huế là Lơ-me[2] đã yêu cầu Huế triệt bỏ vũ khí của thành. Số là lúc ấy, năm đầu Kiến Phúc, Thuyết sai quan Thống chưởng mọi doanh thủy bộ ở kinh thành sửa sang bốn mặt trên thành và mọi cửa thành, sửa đài Trấn Bình, đặt thêm đại bác, có những cỗ chĩa mũi ngay sứ quán Pháp bên kia sông. Thương thuyết không xong, sứ Pháp xin Đờ Lin tăng thêm quân Pháp ở Huế và ở Thuận An, Đờ Lin không có quân để tăng viện, và yêu cầu Pháp sứ đòi triệt ngay vũ khí ở Huế. Vua chuẩn cho Thần cơ thống chế Tôn Thất Phê và quan trấn thủ kinh thành Nguyễn Hữu Ngoạn cùng với các võ quan Pháp hội xét. Pháp đem quân lên đòi khóa miệng 45 cỗ đại bác ở đài Bắc, rồi lại đòi khóa luôn các đại bác ở đài Nam, và cả đài Trấn Bình nữa. Đình thần phải chịu.

Đại bác bị khóa thì Tôn Thất Thuyết lại đem nhiều bộ binh về Huế hơn, đóng chặt thành. Đại tá Péc-nô[3] lại đòi triều đình giao đại bác cho chúng. Lần này Thuyết không thuận và đem đại bác đi nơi khác.

Lúc bấy giờ (tháng 3 năm 1885) quân Pháp đại bại ở Lạng Sơn, hối hả rút lui không chút trật tự nào về Phủ Lạng Thương và phe kháng chiến trong triều đình định đến tháng 4 thì khởi sự. Pháp biết trước.

1. *Histoire militaire de l'Indochine.*
2. Lemaire.
3. Pernot.

https://tieulun.hopto.org

Trong lúc Pháp uy hiếp triều đình ở tại Huế thì chúng lại đem quân đến Bình Định chiếm nha thương chính, lấy hết tiền, chiếm việc thu thuế, nhất là thuế a phiến (như ở Đà Nẵng); chúng kéo quân đến đài Hải Phòng, Bình Định, khóa 67 cỗ đại bác lại, bao nhiêu súng nhỏ, gươm đao thì chúng lấy đi hết.

Trong lúc chúng tìm hết cách tước vũ khí của quân đội triều đình để yên tâm lên đánh mạn ngược, để quật ngã cánh phong kiến kháng chiến và để làm cho cánh phong kiến đã cộng tác với chúng yên tâm cộng tác hơn nữa, thì Pháp cũng tăng cường thực hiện chính sách dùng người Việt đánh người Việt, mộ càng ngày càng nhiều lính tập. Ví như, tháng 4-1885, chúng tổ chức thêm 2 vệ lính tập ở Hà Nội, rút 6.000 quân triều đình của các tỉnh, huấn luyện, chi lương, giao súng nhẹ và cũ rồi phái đi càn quét đàn áp ở các nơi; sau đó thì ở các tỉnh Bắc Kỳ, địch sẽ lần lượt đặt một số lính tập như thế.

Những quan triều đình nào ở Bắc Kỳ mà thuộc cánh của Tôn Thất Thuyết, Tạ Hiện thì Pháp triệt đi; ví như chúng bắt thự đốc Hải Dương là Văn Hà Quan, vây nhà quan đề đốc và trụ sở lãnh binh, lấy sạch ấn tín, giấy tờ, vàng bạc trong kho, tất cả các đồ quí của tỉnh, rồi đem Quan xuống tàu chở về Sài Gòn. Tuy thế, Bờ-ri-e đờ Lin vẫn lo sợ vì được tin rằng ở những tỉnh Thanh, Nghệ, Thuyết động viên quân đội, rằng Hoàng Tá Viêm đã dọn một con đường trong núi từ Thanh ra phía trên Hưng Hóa để liên lạc với quân đội Vân Nam. Hắn chủ trương bắt buộc ngay triều đình Huế phải giảm số quân ít nhất là xuống mức hòa bình, và bắt buộc hội đồng phụ chính phải từ chức để đưa một hội đồng phụ chính thân Pháp lên cầm quyền. Áp lực gắt gao này sẽ bức Tôn Thất Thuyết và Hàm Nghi ra vùng Sơn phòng mà kháng chiến một cách trễ tràng nhưng cương quyết.

VII. PHONG TRÀO KHÁNG CHIẾN Ở NAM KỲ, THIÊN ĐỊA HỘI

Lúc bấy giờ phong trào chống Pháp ở Nam Kỳ đã có một tính chất mới hơn trước. Những giáo phái mọc lên ở vùng Hậu Giang, nhất là vùng 7 núi, thu nạp tín đồ khắp các tỉnh, mưu việc đánh Pháp. Tổ chức ái quốc lúc ấy là Thiên địa hội. Mấy năm nay, các nhà ái quốc ngấm ngầm hoạt động, thừa các vụ hàng vạn dân bị bắt đi phu, đắp lộ xẻ kênh, để vận động khởi nghĩa, rốt cùng Pháp sợ tụ tập đông đúc nhân dân mà sinh họa nên bỏ lối bắt phu mà đổi thành món thuế gọi là sưu. Bọn chủ đất thừa cơ mà bóc lột[1].

"Sưu dịch đối với người dân là một loại chế độ nô lệ; chỉ có người dân mới bị chịu cảnh sưu dịch: mỗi người chủ đất (inscrits) bắt dân làm trên đất họ, chính phủ đòi người chủ điền chịu sưu dịch thì chủ điền bắt dân làm. Tỉ dụ như trong lãng có 10 người chủ đất và 20 ngày sưu dịch, nghĩa là chính phủ đòi 2.000 công sưu; nếu trong làng có 1.000 dân thì các người chủ đất bắt người dân làm 20.000 căn hộ. Những người lao khổ này thường ngày thì bọn quan làng bóc lột trong làng xóm, lại đến khi có công sưu lớn thì còn đau khổ hơn nữa; những cuộc tập họp lớn một số đông đảo con người thiếu ăn, tiền công ít, ngủ ngoài trời, những cuộc tập họp đó vừa tai hại cho vệ sinh, vừa tai hại cho sự trị an; những kẻ chuyên việc phá rối trị an thừa dịp mà tuyển lựa hội viên của họ; chính phủ thấy rằng gần như mỗi kỳ có công vụ bắt sưu dịch to là mỗi lần có toan mưu khởi loạn".

Lúc ấy cũng là lúc mà tổ chức Thiên địa hội có mục đích phản Thanh phục Minh bên Trung Quốc lan tràn sang Nam Kỳ với những nhà ái quốc bị bắt buộc phải lưu vong. Ban đầu người ái quốc Việt Nam vào Thiên địa hội ấy. Rồi sau thì chia ra, tổ chức Thiên địa hội của người Việt Nam Kỳ có mục đích đánh Pháp rõ rệt, mặc dầu Pháp bắt bớ nhiều, tổ chức ấy (mãi đến cuối chiến

1. Cultru, *Histoire de la Cochinchine française*, tr. 371.

https://tieulun.hopto.org

tranh 1914 - 1918 mới tan) đã thành một đoàn thể bí mật đông đúc trên 7 vạn người Việt, không phải dưới quyền lãnh đạo của cánh kháng chiến Huế, mà hoạt động độc lập Thiên địa hội ở Nam Kỳ của người Trung Quốc cũng chống Pháp. Lúc bấy giờ Pháp đã rút nhiều quân ở Sài Gòn đem đi ra Bắc. Thiên địa hội định khởi nghĩa vào đầu năm 1885. Nhưng sau một vụ ám sát tên chủ quận ở Hóc Môn tay sai ghê tởm của Pháp thì phong trào bại lộ; địch bắt rất nhiều người lãnh đạo; mưu toan khởi nghĩa phải dời lại.

VIII. PHONG TRÀO KHÁNG CHIẾN Ở KHƠ-ME: HOÀNG THÂN VÔ-THA

Năm 1884, trong lúc ép buộc triều đình Huế phải ký hòa ước nô lệ thì Pháp cũng siết chặt dây thống trị của nó ở Khơ-me. Toàn quyền Nam Kỳ lúc ấy là Thom-sơn buộc vua Nô-rô-đôm phải ký một Hiệp ước mới (1884), theo hiệp ước này thì tất cả các tỉnh, tất cả các cơ quan trung ương đều do Pháp chỉ huy, triều đình Pnông-Pênh không còn chút quyền hành gì nữa dù là nội trị. Thân Pháp như Nô-rô-đôm cũng có ý bất bình, muốn nhờ Anh hay Y Pha Nho can thiệp; thì có thể dễ hiểu rằng mối bất bình trong nhân dân Khơ-me to rộng là đường nào. Cánh kháng chiến nắm lấy cơ hội để vận động khởi nghĩa. Hoàng thân Vô-tha, trước kia bị thất bại, trú ở hạ Lào, nay lại trở về chiến đấu. Ngày 8-1-1885, quân khởi nghĩa đánh đồn Sam-bóc[1] giết quan thủ đồn của Pháp là Bén-lăng-jê[2], quân Pháp phải chạy trốn dưới thuyền và chạy về Pnông-Pênh. Địch phải gọi viện binh từ Nam Kỳ lên mới chiếm lại vị trí; rất nhiều nơi nhân dân nổi lên. Trên sông Cửu Long, pháo thuyền Pháp bị công kích, các đồn địch tuy không bị lấy mà bị vây đánh. Pháp phải tổ chức nhiều đội quân lưu động để càn quét.

1. Nhà xuất bản chưa tra được từ nguyên.
2. Nhà xuất bản chưa tra được từ nguyên.

"Đây là một cuộc chiến tranh nhỏ rất là mệt nhọc, kéo dài nhiều tháng"[1].

Trong cuộc khởi nghĩa này, ta lại thấy một lần nữa, người Khơ-me và người Việt hợp tác với nhau chặt chẽ. Quân khởi nghĩa Việt Khơ-me chiếm được tỉnh Kampôt (Cẩu Giọt) rồi kéo quân đánh lấy Hà Tiên (Nam Kỳ); Pháp phải hối hả động viên lính thủy của những chiếc tàu chiến đang sửa chữa ở Sài Gòn đem xuống trấn áp.

Mãi đến cuối 1885 thì phong trào khởi nghĩa này mới bị dập tắt. Trong lúc ở đồng bằng Bắc Kỳ, ở vùng sông Đà, sông Thao, ở Huế, ở Nam Kỳ và ở Cao Miên, Pháp gặp nhiều khó khăn thì nó lại nếm một cuộc bại trận thê thảm ở Lạng Sơn.

IX. PHÁP ĐẠI BẠI Ở LẠNG SƠN

1. Sau ngày lấy được Lạng Sơn thì tướng Bờ-ri-e đờ Lin, chủ quan, điện cho Bộ trưởng Bộ Chiến tranh bên Pháp rằng:

"Nếu chính phủ muốn cầm của làm tin ở đất Quảng Tây thì có thể đánh lấy Long Châu, một thành phố cũng quan trọng như Hà Nội".

Triều đình Bắc Kinh bị sự uy hiếp của Pháp ở duyên hải, cũng như ở Quảng Tây; lúc ấy lại là lúc mà Nhật Bản sinh sự ở Triều Tiên, và lại các nhà băng Âu châu do Pháp vận động nên không cho triều đình Bắc Kinh vay tiền; bên trong phong trào phản Thanh vẫn âm ỉ, Bắc Kinh phải thương thuyết với Pháp, nhưng cuộc thương thuyết kéo dài không thấy kết quả sớm.

Còn Pháp thì, bên Tây, chúng lo ngại một cuộc viễn chinh lâu ngày tốn kém hút nhiều quân đội, chính phủ Phe-ri đã lung lay lắm rồi; bên Việt Nam, Khơ-me thì rục rịch hay đã nổ ra những cuộc kháng chiến, những cuộc khởi nghĩa rộng rãi. Không ký được hòa

1. Tho-ma-zi, tr. 252.

https://tieulun.hopto.org

ước mới với Trung Quốc thì khó mà tránh một cuộc nổi lên của quân đội của Tôn Thất Thuyết liên lạc với quân Thanh. Cho nên chính phủ Pháp tìm một thắng lợi quyết định trên chiến trường để triều đình Bắc Kinh sớm ký kết ước mới. Ngày 5-3, Bộ trưởng Bộ Chiến tranh Pháp đã tán thành nguyên tắc đem quân qua đánh Long Châu. Hắn không dè rằng chẳng những không đánh tới Long Châu mà lại sẽ phải bỏ cả Lạng Sơn chạy về tới Phủ Lạng Thương như chuột gặp nước sôi.

2. Pháp giải vây được quân của chúng ở Tuyên Quang, gửi tin lên Lạng, thì quân Pháp từ trên tới dưới tin rằng chiến tranh dứt rồi. Các đội thám thính của chúng thấy quân Thanh lo đắp lũy bên kia biên giới thì chúng càng tin rằng quân Thanh lo thủ, chỉ lo giữ Long Châu cách Nam Quan 80 cây số. Nhưng đêm 21 rạng 22-3, quân Thanh trở qua chiếm lại cửa ải Nam Quan, quân Pháp ở đó chạy về Đồng Đăng. Hai bên kịch chiến với nhau hai ngày không phân thắng bại. Nê-gơ-ri-ê định đem toàn lực ra ăn thua và định rằng sẽ thừa thắng mà kéo qua bên kia biên giới ít nhất là đánh lấy vị trí Bằng Bo là nơi chỉ huy của quân Thanh; hắn góp cả những đội quân làm đường về dự trận Đồng Đăng.

Sáng 23, binh đoàn của Nê-gơ-ri-ê lướt qua cửa ải, kéo thẳng đến Bằng Bo, quân Thanh chặn đánh trên đường; sáng sau trận đánh tiếp tục, hai bên giành nhau các cao điểm. Địch thừa sương mù để cố chiếm ngọn đồi cao nhất bên hữu đường Nam Quan Bằng Tường, trên đó có đồn lũy quan trọng; một đợt tấn công, rồi hai đợt tấn công, địch đều bị đánh bật ra; bộ binh, pháo binh địch đã tiêu hết phần nhiều đạn dược mà không tiến nổi. Nê-gơ-ri-ê ra lệnh rút lui về phía bên này biên giới, bản thân hắn đoạn hậu, 1/5 quân Pháp bị thương hay bị giết (gần 100 chết, 200 bị thương), quan trọng và tai hại nhất cho địch là bởi vì trong số tử thương và trọng thương này phần số sĩ quan rất cao; hơn nữa, địch phải rút lui mà không mang về được những kẻ đã bị giết hay bị trọng

thương; có nhiều tiểu đoàn vứt bỏ mất bao bị đặng chạy cho mau; địch xô nhau, giành nhau suốt đêm chạy tán loạn về Lạng Sơn. Nhưng về tới Đồng Đăng chưa kịp nghỉ chân thì quân Thanh đã từ ngõ Nam Quan và Thất Khê đổ xuống Đồng Đăng. Nê-gơ-ri-ê lâu nay tự xưng là tên quan "mau lên" thì bây giờ cũng "mau lên" ra lệnh bỏ Đồng Đăng chạy riết về tới Lạng Sơn ngày 26.

Tại Lạng Sơn lúc ấy, số viện binh của Pháp đã đến; số quân của Nê-gơ-ri-ê bấy giờ là 4.500, có non triệu viên đạn, 18 đại bác mỗi cỗ 150 đạn, 20 ngày ăn; nhiều quân khác sắp đến. Nê-gơ-ri-ê tính rằng có thể giữ được Lạng Sơn và án ngữ hai con đường từ Lạng Sơn và Phủ Lạng Thương. Trong số viện binh này có bọn quân ngụy mà Sin-vết tuyển lựa đưa lên Lạng Sơn để đặt lại bộ máy cai trị. Các quan Việt Nam ở tỉnh lạng đã cùng quân Thanh rút ra khỏi thành từ hôm thành Lạng thất thủ, nay lại cùng quân Thanh mà tiến đánh Lạng Sơn.

3. Ngày 28-3, quân Thanh đánh vào Kỳ Lừa, sát bên thành Lạng. Trận Kỳ Lừa rất ác liệt, Pháp phải công nhận rằng quân Thanh được chỉ huy cứng cỏi và đánh rất gan dạ. Đến chiều, Nê-gơ-ri-ê bị trọng thương ở ngực. Đại tá Héc-bin-je[1] lên thay. Quân Thanh mỗi lúc đến càng đông và định cắt đường từ Lạng Sơn về Phủ Lạng Thương; Héc-bin-je liệu không thể giữ được Lạng Sơn mà cũng không thoát khỏi bị tiêu diệt trên sông Kỳ Cùng, nên ra lệnh gấp rút bỏ Lạng Sơn bằng hai đường Đồng Sông và Bắc Lệ chạy sống chạy chết về Phủ Lạng Thương; 10 giờ tối ngày 28, cuộc triệt binh hối hả bắt đầu. Đại bác nặng nề, địch quăng xuống sông Kỳ Cùng để lấy sức ngựa mà chở đạn súng nhỏ; quẳng cả 130.000 bạc trắng nữa mặc dầu rằng từ tháng giêng đến giờ số đông quân lính chưa lĩnh lương. Lính Pháp lấy rượu để "trợ oai", không kịp đổ ra bầu ra cốc, cứ đập thùng trụ mỏ như lợn uống thôi mê miệt rồi ném cả cái gì có thể ném được cho nhẹ mình. Địch chia ra làm hai đạo, tắt

1. Herbinger.

https://tieulun.hopto.org

đèn đuốc, lặng lẽ bỏ Lạng Sơn. Một đêm mà phải chạy 50 cây số đường núi, kể cũng đã giỏi. Trên đường triệt thoái. Pháp không gặp phải những trận phục kích lớn, đáng lẽ phải có, và nếu có thì quân Pháp lúc ấy không còn có tinh thần chiến đấu chút nào. Ngay khi chạy về đến Đồng Sông, Héc-bin-je được lệnh của Bờ-ri-e đờ Lin rằng phải giữ vị trí ấy, Héc-bin-je vừa hứa hẹn "tử chiến" thì lại vội vàng (ngày 30-3) đốt cả giấy tờ sổ sách, đập vỡ các máy điện tín, bỏ tất cả các hành lý để chạy luôn. Ngày 1-4, cả đại đoàn của Nê-gơ-ri-ê, Héc-bin-je về đến Chu. Quân Thanh chỉ xa xa rượt theo. Bọn tướng lĩnh bấy lâu ngồi ở Hà Nội trông ngóng tin thắng trận, nay lên Bắc Giang để "dựng lên lại" cái tính thần suy nhụt đến tột độ của binh lính bằng những câu láo khoác chứng tỏ sự dốt nát của chúng về sử học: *"Các anh phải biết rằng từ ngày có vũ trụ, chưa hề có đạo quân Tầu nào lấy được một vị trí do người Âu phòng thủ!"* Binh lính Pháp chỉ biết rằng mới mấy ngày rồi vị trí Đồng Đăng, Kỳ Lừa, Lạng Sơn, Đồng Sông đều bị lấy.

Nếu trong lúc Pháp bị mắc ở Lạng Sơn và Tuyên Quang, mà quân đội của Tôn Thất Thuyết ở triều đình lại nổi lên đánh Pháp, Hàm Nghi ra lệnh Cần vương, thì cơ thắng lợi không phải là không còn nữa.

X. SAU TRẬN LẠNG SƠN, PHE-RI ĐỔ. HÒA ƯỚC MỚI GIỮA PHÁP VÀ THANH

Ảnh hưởng của cuộc đại bại Lạng Sơn về bên Pháp rất là lớn. Người ta còn nhớ những lời phách lối của Phe-ri, Mi-đô, Bờ-ri-e đờ Lin. Dư luận nhân dân được đà để phản đối cuộc xâm lược phiêu lưu. Ngay bọn tư bản cũng hoảng sợ; tại nhà bourse những giấy cho vay 3% xuống giá còn nhiều hơn là hồi chiến tranh 1870 nổ ra. Tất cả các báo đều ầm lên công kích chính phủ Phe-ri; báo nào cũng đăng to bức điện về Pháp của Bờ-ri-e đờ Lin.

"Tôi đau đớn mà báo cáo rằng tướng Nê-gơ-ri-ê bị trọng thương, bị bắt buộc phải rút lui khỏi Lạng Sơn. Quân Trung Quốc rất là đông đúc, chia làm ba đạo tiến công rất mãnh liệt những vị trí của ta ở trước Kỳ Lừa. Đại tá Héc-bin-je, quân số kém hơn nhiều, đạn dược đã hết, cho tôi hay rằng đại tá bị bắt buộc phải lui về Đồng Sông. Tôi tập trung tất cả các lực lượng của tôi ở Chu và Kép. Địch mỗi lúc thêm đông trên sông Hồng... Xin chính phủ gửi quân tiếp viện càng sớm càng hay".

Tại nghị viện, cánh tả và cánh hữu lâu nay có lúc không tán thành chính sách của Phe-ri ở Viễn Đông, bây giờ gặp một cơ hội để công kích Phe-ri rất kịch liệt, Phe-ri ra trước nghị viện như một tội nhân, chống đỡ yếu ớt; nghị viện la hét om sòm như một buổi chợ cá. Phe-ri tự bào chữa nhưng không ai nghe tiếng của hắn. Bằng 306 phiếu phản đối chống 149 phiếu tán thành, nghị viện lật đổ chính phủ Phe-ri; hơn nữa có 152 nghị sĩ đòi nghị viện đem Phe-ri ra tòa án.

Phe-ri đổ, tư bản tài chính vẫn cầm quyền. Ê-kíp khác thay cho Phe-ri để tiếp tục một chính sách xâm chiếm thuộc địa.

Những người lãnh đạo quân sự chính trị nhà Thanh lúc bấy giờ không thừa thắng Lạng Sơn. Lúc ấy trên sông Hồng quân Vân Nam. Quý Châu có 20 doanh, ấy thế mà tuyệt nhiên Sầm không chịu nhúc nhích. Bởi vì từ lâu chúng đã lo việc thỏa hiệp với đế quốc; việc Việt Nam và Pháp chưa xong, thì việc Triều Tiên và Nhật lại đến. Các cường quốc tư bản tuy mâu thuẫn nhau, nhưng đều muốn cho Trung Quốc thêm suy nhược để chia xẻ thị trường Trung Quốc lớn lao cho dễ dàng hơn.

Từ tháng giêng, Bắc Kinh đã nhờ tên Jêm Đun-căn Câm-ben[1] là một viên chức trong sở thương chánh Trung Quốc đi qua Pa-ri trực tiếp với Phe-ri để thương thuyết, nói rằng triều đình Thanh sẵn sàng chuẩn y quy ước Thiên Tân. Ngày 27-2-1885, Tổng lý nha môn giao cho tên Sia Rô-be Hạc, một người thanh tra thương

1. James Douncan Campbell.

https://tieulun.hopto.org

chánh, các đặc quyền thương hiệu, tên này trao quyền lại cho Câm-ben. Ngày 4-4-1885, nghĩa là 3 ngày sau khi binh đoàn Pháp chạy về đến Phủ Lạng Thương thì Pa-ri và Bắc Kinh ký đình chiến. Pháp tăng viện cho đạo quân viễn chinh lên thành 3 sư đoàn do Đờ Cuốc-xy[1] thống lãnh. Hiệp ước đình chiến Pháp - Thanh gồm có 3 khoản:

"Khoản 1 - Một bên, Trung Quốc thuận chuẩn y quy ước Thiên Tân ngày 11 tháng 5 năm 1884; và một bên nước Pháp tuyên bố rằng Pháp không theo đuổi một mục đích nào khác hơn là sự thực hiện đầy đủ và hoàn toàn cái quy ước ấy.

Khoản 2 - Cả hai cường quốc thuận chấm dứt cuộc xung đột khắp các nơi, lệnh chấm dứt xung đột sẽ được phát ra ngay và hễ được lệnh thì thực hiện ngay; nước Pháp thuận chấm dứt ngay cuộc phong tỏa Đài Loan.

Khoản 3 - Nước Pháp thuận gởi một đặc sứ lên miền Bắc, nghĩa là lên Bắc Kinh hay Thiên Tân để thu xếp một bản hòa ước chi tiết, và hai cường quốc khi ấy sẽ định ngày rút quân".

Tiếp theo thỏa ước này thì triều đình Thanh nhận rút quân ra khỏi đông bắc Bắc Kỳ trước ngày 30-4 và ra khỏi tây bắc trước ngày 30-5.

Như thế là cuộc chiến tranh Trung - Pháp chấm dứt.

Như thế là tiếp theo việc triều đình Huế thừa nhận quyền của thực dân Pháp làm chủ toàn bộ Việt Nam thì triều đình Thanh cũng thừa nhận quyền đô hộ của Pháp ở Việt Nam. Pháp tin rằng dân tộc Việt Nam chỉ còn có nước bó tay.

Nhưng dân tộc Việt Nam không khiếp sợ trước ba sư đoàn của Pháp, cũng không vì phong kiến Trung Quốc bỏ cuộc mà không tiếp tục kháng chiến để cứu nước. Một thời kỳ lịch sử mới sẽ bắt

1. De Courcy.

đầu vô cùng anh dũng, thời kỳ Cần vương dài 15 năm từ 1885 đến 1898.

* * *

TÓM LẠI

Sau trận cầu Quan Âm, tình hình căng thẳng giữa Pháp và Thanh; cuộc thương thuyết còn kéo dài, Pháp đòi Trung Quốc bồi thường quá đáng, thì chính phủ Phe-ri ra lệnh cho hải quân Pháp đánh phá Trung Quốc.

Địch đổ bộ ở bắc Đài Loan, thất bại. Cuốc-bê thình lình tấn công Phúc Châu. Rồi chúng trở lại lấy một cứ điểm ở bắc Đài Loan, phong tỏa đảo này. Chúng lại thừa mùa Hoa Trung chở gạo lên Hoa Bắc để phong tỏa Trường Giang.

Trong lúc đó, ở Việt Nam, đặc biệt là ở đồng bằng miền Bắc, cuộc kháng chiến của nhân dân ta sôi nổi, địch phải tổ chức nhiều binh đoàn lưu động lớn đi đàn áp các nơi bằng thủy và bộ. Ở Nam Kỳ, phong trào Thiên địa hội đang lên gồm hàng mấy vạn hội viên người Việt, người Hoa kiều và chuẩn bị khởi nghĩa; trên Khơ-me, hoàng thân Vô-tha lại khởi nghĩa nữa.

Vào tháng 2 năm 1885 quân Pháp tiến về Lạng Sơn cố chiếm biên giới và uy hiếp miền Nam Trung Quốc để bắt buộc Trung Quốc chịu thua. Phải vất vả nhiều ở núi Bóp, Phú Vỹ, địch mới vào được Lạng Sơn và chiếm cả ải Nam Quan.

Chiếm xong Lạng Sơn, một đại đoàn của địch cấp tốc chuyển về cứu viện đạo quân của chúng bị vây gần chết ở Tuyên Quang. Trận địa lôi ở Hòa Mục cũng như trận đánh hầm ở quanh thành Tuyên đều nêu cao tên của Lưu Vĩnh Phúc một vị tướng tài cao trí cả nhất nhì trong suốt thời kỳ 40 năm kháng Pháp của dân tộc Việt Nam. Địch ở thành Tuyên được giải vây, nhưng khắp vùng sông Thao, sông Đà, sông Lô cuộc kháng chiến của dân Việt Nam

https://tieulun.hopto.org

lại càng lên mạnh. Ngoài những cứ điểm thưa thớt, địch không cai trị được dân.

Ở Huế, Pháp ép triều đình khóa súng, giải binh, ép triều đình không để Tôn Thất Thuyết cầm binh quyền nữa. Triều đình có nhượng bộ ít nhiều, song Thuyết giữ vững quân đội, gấp rút chuẩn bị sơn phòng, cũng định cử đại sự vào tháng tư.

Ở Lạng Sơn, quân Thanh phản công mãnh liệt, Pháp đại bại ở Nam Quan, Kỳ Lừa và hối hả rút chạy về Phủ Lạng Thương. Sau trận này, chính phủ Phe-ri đổ, nhưng Pháp vẫn tiếp tục sự xâm lược. Cuộc thương thuyết từ lâu ở Pa-ri đưa đến hiệp ước đình chiến giữa Pháp và Thanh. Thanh công nhận quy ước Thiên Tân trước đó, rút hết quân ở Bắc, công nhận quyền đô hộ của Pháp ở Việt Nam; Pháp rút khỏi Bành Hồ. Trung Pháp chiến tranh chấm dứt. Từ nay cuộc kháng chiến của dân tộc Việt Nam bước qua một thời kỳ mới tự lực đấu tranh để khôi phục quyền độc lập, đó là thời kỳ Cần vương.

QUYỂN THỨ BA

Phong trào Cần vương

https://tieulun.hopto.org

Lời nói đầu

Quyển *Phong trào Cần vương* là quyển thứ ba của bộ *Chống xâm lăng.*

1. Trước hết, tôi xin trình với bạn đọc vì sao mà, khác với các bạn đồng nghiệp thường đặt phong trào Cần vương trong lịch sử cách mạng Việt Nam, tôi lại đặt nó trong lịch sử cuộc chống xâm lăng - phân biệt với lịch sử cách mạng. Tôi nghĩ rằng, mỗi cuộc cách mạng dân tộc giải phóng đều là chống đế quốc xâm lược, nhưng không phải mỗi cuộc chống đế quốc xâm lược đều là cách mạng dân tộc giải phóng. Ví như ở Việt Nam ta, mãi cho đến hết thế kỷ XIX thì mục đích của cuộc kháng Pháp là lập lại nền độc lập với chế độ quân chủ như trước, cuộc chiến đấu này, nói chung, là do cánh phong kiến chống thực dân lãnh đạo quần chúng. Mãi đến sau khi Hàm Nghi bị bắt rồi, các lãnh tụ kháng Pháp hãy còn lấy danh nghĩa Hàm Nghi mà cổ võ nhân dân. Muốn nói đến cách mạng, cần phải có thấy xuất hiện một tầng lớp giai cấp mới lãnh đạo cuộc chiến đấu, hay ít ra là trong cuộc chiến đấu, một mục đích mới được đề lên: đánh đuổi Pháp để lập nên một nước Việt Nam độc lập với một chế độ xã hội có tính chất mới - lúc bấy giờ chỉ có thể là một chế độ hướng về ngõ tư bản chủ nghĩa. Phải đến đầu thế kỷ thứ XX, với phong trào của Phan Bội Châu thì cuộc vận động chống thực dân ở Việt Nam mới lần lần thực là phong trào cách mạng. Chính mình cụ Phan Bội Châu và các cụ Đông du cũng phân biệt rõ Cần vương với cách mạng; mặc dầu rằng tư tưởng quân chủ không phải xa lạ gì với các cụ, cái quân chủ mà các cụ muốn lập nên trong khoảng đầu thế kỷ XX, trước chiến tranh

https://tieulun.hopto.org

1914 - 1918, căn bản là quân chủ lập hiến trong một nước độc lập và phát triển theo lối của Nhật từ Minh Trị về sau, nghĩa là phát triển tư bản. Ở đây và trong quyển sách này, tôi không nói gì đến lịch sử Việt Nam sau 1900; nhưng có đủ những tài liệu tối thiểu để ta thấy rằng cuối thế kỷ XIX và nhất là đầu thế kỷ XX, trong nước Việt Nam mới có điều kiện xã hội tối thiểu cho một loại tư tưởng tư sản, điều kiện đó được căn bản phát sinh bởi chính sách khai thác, bóc lột mới của thực dân mà Pháp áp dụng từ khi Toàn quyền Pôn Đu-me[1] qua Hà Nội (1897), điều kiện ấy lại được tăng cường bởi ảnh hưởng của Nhật Bản nhất là sau 1905, và bởi những chính khách Trung Quốc đang đấu tranh để chống phong kiến Thanh liên hiệp với bọn đế quốc Âu Mỹ. Trong phong trào Cần vương (1885 - 1898) chưa có những điều kiện ấy, hay là những điều kiện cũng chỉ mới manh nha thôi. Tôi chưa nắm, mà chắc cũng không thể nào nắm được - vì nó chưa có - một bằng chứng nào để dám nói rằng phong trào Cần vương đã có tính chất tư sản như một ít người đã quyết đoán vội vàng. Nói rằng phong trào Cần vương có tính chất tư sản thì cũng sai lạc như nói rằng phong trào cách mạng vào đầu thế kỷ XX không có tính chất tư sản, chỉ có tính chất phong kiến.

Lẽ tất nhiên, không phải vì phân biệt Cần vương với cách mạng mà ta không thấy mối liên hệ sâu sắc giữa hai phong trào, hai thời kỳ lịch sử; ngược lại, cái này chuẩn bị cho cái kia, cái kia tiếp nối cái này trên một tầng cao hơn.

2. Tôi thử chia phong trào Cần vương ra làm ba giai đoạn: giai đoạn thứ nhất bắt đầu từ Hàm Nghi ra sơn phòng đến khi Hàm Nghi bị bắt; nói nôm na, đó là Cần vương có vua; trong lúc này Pháp chưa lập chính phủ Đông Dương.

Giai đoạn thứ hai, từ khi Hàm Nghi bị bắt đến 1897, Cần vương mà không vua, không vua mà vẫn kháng Pháp mạnh; trong lúc

1. Paul Doumer.

này, Pháp đã thành lập chính phủ Đông Dương rồi, nhưng việc chính hãy còn là việc hoàn thành sự xâm lược bằng quân sự. Giai đoạn thứ ba, là những năm 1897, 1898, 1899 trong lúc này, với Đu-me, Pháp bắt đầu thi hành một chính sách thuộc địa có hệ thống nhằm khai thác bóc lột mạnh hơn trước, các cuộc chiến đấu cứ hiểm của dân tộc ta, nói chung, đã chấm dứt; các nhà ái quốc không cứ hiểm mà vận động nhân dân quanh các thành phố lớn, khởi nghĩa đánh vào những trung tâm cai trị và kinh tế của địch; ngọn cờ họ Nguyễn đã rơi mất đi rồi, có vùng thì toan lập họ Mạc, có vùng toan lập họ Lý, có vùng khác thì lãnh tụ kháng Pháp muốn tự mình xưng vương; đây là bước giao thời, tiền triệu cho thời kỳ cách mạng trong đầu thế kỷ thứ XX.

Sở dĩ tôi chia ra ba giai đoạn như thế, vì theo ý riêng tôi, tôi thấy có ba giai đoạn như thế; lại vì lẽ rằng, nếu viết lịch sử Cần vương mà kể từng cuộc khởi nghĩa, nghĩa là chỉ căn cứ vào yếu tố không gian, cách viết ấy có giản tiện, nhưng nó đúng không? Còn nếu chỉ căn cứ vào yếu tố thời gian, biên niên, thì lộn xộn quá, không còn ai có thể gỡ được cái mối nữa khi mà một lúc phải nói đến nhiều cuộc khởi nghĩa khác nhau ở rất nhiều địa phương, kéo dài hàng mười mấy năm. Một sự phối hợp trở nên cần thiết.

Trong mỗi giai đoạn Cần vương, tôi nói trước đến chính sách kinh tế và cai trị của Pháp, điều ấy không có ý nghĩa rằng chính chính sách kinh tế và cai trị đó gây ra kháng chiến; Tây đến là dân ta đánh; mất nước thì nổi lên giành lại độc lập, vô luận kẻ cướp nước thi hành chính sách nào. Nhưng, một chính sách kinh tế và cai trị nào đó có thể làm cho khởi nghĩa mạnh lên hay yếu xuống, cũng như tình hình khởi nghĩa có thể bắt buộc địch phải thi hành một chính sách cai trị này hay một chính sách kinh tế nọ; hai bên tương quan với nhau, ảnh hưởng lẫn nhau. Điều chắc chắn hơn cả là, lịch sử không phải chỉ là lịch sử của các cuộc chiến đấu vũ trang; lịch sử cũng là lịch sử của sự sinh sống, sự bóc lột và bị bóc

https://tieulun.hopto.org

lột, tức lịch sử của các chính sách kinh tế văn hóa và cai trị với sự phản ứng của nhân dân đối với chính sách ấy bằng mọi hình thức.

3. Tôi xin thú nhận rằng, khi viết lịch sử của phong trào Cần vương, tôi rất lúng túng về mấy điều sau đây:

Các cuộc khởi nghĩa của miền Nam Trung Bộ, từ Quảng Nam đến Bình Thuận, từ 1885 đến 1887 và về sau nữa rất là oanh liệt; thế nhưng ta viết đã ít, Tây viết cũng ít; tôi cố tìm trong "Kho lưu chiểu của Phủ Toàn quyền Đông Dương" thì hiện nay không thấy gì khác hơn là những cái bìa để "vụ Quảng Nam", "vụ Bình Thuận" v.v... những bìa ấy rất nhiều, nhưng bên trong thì rỗng, Pháp đã lấy đi hết cả trước khi chúng nó rời Hà Nội vào Sài Gòn hồi năm 1954. Tôi rất thiết tha xin các bạn xa gần, nhất là các bạn Liên khu V chỉ dẫn cho tôi tìm lại tài liệu kháng chiến Cần vương ở miền Nam Trung Bộ.

Về tên đất, tên sông, tên làng xóm, kể cả tên người, đặc biệt là khi phải viết lịch sử kháng Pháp ở rừng núi Bắc Bộ, thì tôi gặp một trở ngại hiện giờ là nan giải. Giá có điều kiện thì giờ và giao thông để đến từng nơi mà tra cứu thì chắc là đỡ một số lớn sai lầm. Thì giờ của một thầy giáo, quả là không có để mà đi đây đi đó, vả lại muốn đi cho khắp, có lẽ phải tốn khá nhiều năm, vì tỉnh nào, huyện nào của vùng núi và đồng bằng mà không phải là chiến trường, mà không có để tên làng, tên người trong sử sách kháng Pháp? Sách địa lý của ta ngày xưa quá sơ lược mà tôi cũng chưa đọc được mấy; quyển *Danh sách các làng miền Bắc* của Sở Địa chính và địa hình thì không ghi được hết những tên cũ, chỉ giúp ích được phần nào thôi; Một bộ "địa lý lịch sử" vẫn còn là một nhiệm vụ của các nhà sử học. Vì vậy, tôi rất mong bạn đọc hễ thấy tôi sai ở chỗ nào thì biên thơ chỉ dẫn giùm tôi, tôi rất đội ơn.

- Chương cuối cùng về những biến đổi trong xã hội Việt Nam sau 40 năm xâm lăng và chống xâm lăng, lẽ ra phải là một quyển sách, nhưng hiện giờ trong khuôn khổ của một giáo trình, tôi

chỉ làm một chương thôi, chắc các bạn đọc chưa được thỏa mãn lắm; tôi cũng chưa thỏa mãn. Tôi sẽ nghiên cứu thêm; nhất là khi Bắc Nam thống nhất, người học sử có thể ứng dụng được tài liệu Huế - Sài Gòn - Hà Nội và của Pa-ri nữa, thì điều kiện nghiên cứu mới thật là đầy đủ.

Trong thời kỳ lịch sử từ 1858 đến 1898 này, hãy còn nhiều vấn đề, rất nhiều vấn đề cần được đào sâu. Với ba quyển sách nhỏ của tôi trình bày đây, tôi chỉ xới lên được một lớp đất còn mỏng, mỏng lắm; có hy vọng rằng, trong thời gian ngắn, 5, 10 năm, trường Đại học ta có thể rọi được ánh sáng trên các mặt căn bản của lịch sử một cuộc đấu tranh vô cùng oanh liệt viết bằng máu, một sự nghiệp vĩ đại mà ông cha ta đã xây bằng xương, làm cho kẻ địch dù có tạm thời thôn tính được nước ta, cũng phải công nhận rằng dân tộc Việt Nam là một dân tộc anh hùng bất khuất.

Hà Nội, ngày 1-1-1957

Trần Văn Giàu

https://tieulun.hopto.org

Chương 18

CAI TRỊ VÀ BÓC LỘT CỦA THỰC DÂN PHÁP Ở VIỆT NAM TỪ 1884 ĐẾN 1889

I. HỆ THỐNG TIỀN TỆ CỦA PHÁP Ở VIỆT NAM

Lúc bấy giờ ở Việt Nam, Khơ-me, Trung Quốc, Nhật Bản, Mã Lai, ở hầu hết Viễn Đông này, đồng bạc Mễ Tây Cơ (bằng bạc) là chúa tể của đời sống hàng trăm triệu con người; ở mỗi nước, tên nó có khác; song ở các nước kể trên, thực giá của nó gần giống nhau. Nhà buôn nào cũng công nhận nó và chỉ công nhận nó mà thôi trong sự giao dịch quốc tế: người Âu, người Á, người Trung Quốc, người Việt, người Nhật, v.v... Ngay hồi Pháp mới đặt chân lên đất nước ta, đã là thế rồi. Đồng bạc này gốc ở người Y Pha Nho lúc ấy là kẻ đô hộ Phi Luật Tân, trước kia đô hộ Mễ Tây Cơ, xứ nhiều mỏ bạc. Mễ Tây Cơ xuất cảng bạc bằng cách đúc bạc thành đồng bạc, đem đổi lấy các thứ hàng các nước ở Viễn Đông. Có thể nói rằng đồng bạc trắng là đồng tiền đơn vị chung cho cả Viễn đông. Điều này là một yếu tố chứng tỏ sự thương mại quốc tế ở vùng Đông Á trong đầu thế kỷ XIX trở về trước, và phần nào biểu lộ yếu tố tiền tư bản ở Việt Nam phong kiến dưới nhà Nguyễn.

https://tieulun.hopto.org

Chính vì thế mà khi Pháp xâm chiếm Việt Nam, đồng bạc trắng con cò trở thành đồng tiền chính thức của Pháp ở xứ ta, ngay trong lúc triều đình và dân ta vẫn còn dùng đồng tiền kẽm. Đơn vị tiền tệ của nước Pháp là đồng quan; nhưng Việt Nam (và Khơ-me) lúc ấy và lâu về sau này cũng thế, là những xứ quan hệ buôn bán nhiều với Đông phương hơn Tây phương; cho nên đồng quan vàng không đả phá nổi đồng bạc trắng. Ta biết rằng, lúc ấy món hàng xuất cảng chủ yếu của Việt Nam là gạo, mà các nước Đông phương như Nhật, Trung Quốc, Nam Dương, Mã Lai mới là khách mua của Việt Nam, các nước ấy chỉ có thể trả tiền bằng đồng bạc. Nam Kỳ xuất cảng nhiều gạo, nhiều hơn là số nhập cảng hàng hóa của các nước mua gạo Nam Kỳ. Trung và Bắc không xuất cảng gì mấy, nhưng không thể thoát ly hệ thống kinh tế của Việt Nam nói riêng và của Đông phương nói chung, nên Trung Bắc cũng dùng đồng bạc.

"Chớ tham đồng bạc con cò
Bỏ cha bỏ mẹ đi phò Lang sa".

Câu ca dao đó phần nào nói lên được uy thế của đồng bạc trong xã hội ta lúc bấy giờ.

Ngay từ khi mới chiếm Nam Kỳ làm thuộc địa, bọn thực dân Pháp đã sớm muốn đặt xứ ta trong hệ thống kinh tế, tài chính, tiền tệ của Pháp; nhưng không phải chúng nó dễ dàng thành công, phần lớn là bởi vì kinh tế Pháp chưa cung cấp được đa phần hàng nhập cảng của xứ ta, càng không mua được đa phần hàng mà xứ ta xuất cảng. Bọn thủy sư đô đốc có thể tự cho là giỏi về quân sự, nhưng bọn nó rất dốt về kinh tế chính trị học, chúng nó lắm lúc vỡ đầu xệp mũi vì đụng phải những quy luật khách quan suốt 25 năm dài và về sau nữa. Cho nên ở Nam Kỳ từ 1860 đến 1881, Sài Gòn lập sổ thuế tính bằng quan, mà thu chi bằng bạc; từ 1881 đến 1886, sổ thuế tính bằng đồng bạc và thu chi bằng đồng bạc, rồi năm 1887 trở lại kiểu một, để năm 1888 trở lại kiểu hai[1].

1. Lanessan, *L'Indochine française*, tr. 512.

Vì sao? Lợi hại thế nào và lợi cho ai, hại cho ai?

Ví như trong giai đoạn thứ nhất: theo sự tính toán của Pháp thì 1$=5f. Nhưng đồng quan vàng thì đứng giá còn nói chung đồng bạc trắng thì giá thay đổi, thường là sụt trên thị trường, có khi sụt đến 4f8. Đồng bạc sụt xuống, kẻ đóng thuế tức là dân Việt Nam có lợi gì không? Trái lại với ý kiến của La-nét-săn[1], ta biết rằng dân chẳng có lợi gì cả; ví như muốn có một đồng bạc phải bán một tạ lúa thì đóng thuế 1$ tức đóng thuế một tạ lúa, có kém gì? Duy hàng Pháp qua, mà dân ta phải mua thì, ví như trước 1 tạ lúa mua được một món gì thì nay phải 1 tạ mốt, tạ hai mới mua được; ta lỗ chứ không lời, đó là chưa kể rằng bọn con buôn Pháp tất nhiên tăng giá hàng hóa để cho sự sụt giá của đồng bạc không giảm lời của nó. Duy người công chức, người lính mã tà thì lỗ; công chức thì lương định bằng quan mà trả bằng bạc; ví như lương 200f, không phải họ lãnh được 20$, mà chỉ lãnh có 18$20 mà thôi, trong lúc đó, nếu một người Pháp làm công chức mà muốn gửi tiền nhờ nhà băng đưa về Pháp thì, để cho bên nhà va lãnh được 100f, va phải đóng ở nhà băng 21$82 (còn khi lãnh lương thì chỉ lãnh 18$20. Hơn nữa, ngân khố vãi tiền quan ra, mua mỗi 1$ bằng 5f, rồi khi trả lương thì cái 5f đó lại là giá 5f50. Lời to.

Thế là rút cuộc, dân ta và công chức Nam và cả công chức Pháp đều bị lỗ; nhà băng và ngân khố lời. Vì vậy mà, theo hệ thống tiền tệ này, chẳng những có mâu thuẫn sâu sắc giữa dân ta với giặc Pháp, mà cũng có mâu thuẫn giữa Pháp tư bản và nhà nước với Pháp công chức. (Về sau, sau chiến tranh thế giới lần thứ nhất, trong những việc cột đồng bạc vào đồng quan, mâu thuẫn trong phe thực dân càng lớn, nhất là giữa bọn chủ đồn điền và bọn chủ nhà băng Đông Dương); mâu thuẫn sau là mâu thuẫn phụ, mâu thuẫn trên mới là mâu thuẫn chính.

1. Lanessan.

https://tieulun.hopto.org

Bọn công chức Pháp kêu lên. Chính phủ Pháp, năm 1877, "sửa chữa" bằng cách gửi qua những đồng 5f, có ý thay cho đồng bạc trắng; bọn tư bản và tài phiệt ở Sài Gòn quơ quét hết các đồng 5f với giá 4f80 mà gửi ngược trở về Pháp đổi ra đúng năm quan, lời một mẻ khá lớn.

Từ 1882 đến 1886, sổ thuế của Pháp làm theo đồng bạc mà l$ = 5f. Đám quan lại, nhất là Pháp, vẫn cứ kêu, vì ở ngân khố l$ = 5f, mà ở thị trường thì l$ = 4f60, đó là vào năm 1882. Vào năm 1886 thì l$ = 3f75 ở thị trường mà ở ngân khố thì vẫn l$ = 5f. Để bù cho quan lại người Pháp, còn nhân dân thì chúng để mặc kệ, bọn cầm quyền từ 1886 phụ cấp cho họ 16$ mỗi 100$, nghĩa là lương 100$ thì lãnh 116$; kẻ đóng thuế phải trả thêm cho đám ký sinh trùng đông đúc ấy.

Từ 1887, bọn thực dân trở lại hệ thống tiền tệ hồi thời kỳ các tên đô đốc; nghiệt một điều là, năm này, giá đồng bạc xuống đến một phần nữa, cho nên, nếu tính thuế theo đồng quan mà thu bằng đồng bạc, thì dân Việt Nam đột nhiên bị tăng thuế lên 50 phần trăm. Dân ta kêu, tranh đấu; thực dân phải sửa biểu thuế, nhưng không sửa đến đâu, chúng bớt một thì lại thêm hai.

"Kết quả đầu tiên của hệ thống tiền tệ mới do nghị định 3, 1/1887 ban hành, là tăng thuế mà tôi có thể tính được tối thiểu là 4 triệu đồng"[1].

Hơn nữa, vì lúc này Pháp quy định giá đồng bạc thay đổi theo mỗi tháng, cho nên bọn Pháp và tay sai của nó thừa thế mà đánh lừa dân chúng, thu quá mức, dân chúng rất bất bình; dân bị bóp nặn thêm lên. Bọn tư bản có tiền nhiều thì chờ giá đồng quan lên chúng mới lĩnh ngân phiếu, kẻ nghèo thì giá bạc xuống cũng phải lĩnh. Một phong trào đầu cơ sôi nổi: bọn tư bản Pháp nhờ quan lại Pháp mua l$ - 3f85 để gửi về Pháp thì được l$=4f20. Ngân khố lỗ thì chính quyền thực dân lại gõ vào dân đóng thuế. Tai hại hơn

1. Lanessan, *La situation financière et monétaire de L' Indochine*, tr. 522.

nữa cho dân Việt Nam là hễ đồng bạc hạ giá, chính phủ Pháp lại tăng lương lên 1 phần 5 cho lũ quan lại Pháp, cái lũ đĩa lương đã cao quá rồi mà số lại đông; tất nhiên, để trả lương tăng ấy, lại phải tăng thuế nữa.

Thế là mọi người mình đều thấy rõ ràng, cột đồng bạc vào đồng quan là một phương tiện tiền tệ của thực dân để tăng cường sự bóc lột, chỉ có lợi cho bọn tư bản tài chính trước hết. Đại đa số người, kể cả người công chức Pháp và người tư bản Pháp ở Đông Dương làm việc buôn bán với các nước Đông phương, làm đồn điền, v.v... đều kêu. Cho nên đến 1888 thì trở lại hệ thống tiền tệ từ 1882 đến 1886, nghĩa là lập ngân sách bằng đồng bạc trắng, chi thu bằng đồng bạc trắng 26 gram rưỡi. Hệ thống này cũng được thực dân Pháp ứng dụng ở ngoài Bắc (từ ngày chúng nó chiếm Bắc Kỳ, vào 1883).

1. Qua các chính sách tiền tệ đã được áp dụng, chúng ta thấy:

2. Thực dân, ngoài sự bóc lột về kinh tế, có nhiều cách bóc lột phi kinh tế rất là tàn nhẫn, cái lối bóc lột bằng chính sách tiền tệ là một.

3. Mâu thuẫn giữa nhân dân Việt Nam với thực dân Pháp là chủ yếu, song cũng có ít nhiều mâu thuẫn ngay trong phe thực dân, giữa tư bản tài chính với nhóm công chức, tư bản khác.

Một quy luật kinh tế ở Đông Dương là thị trường này không thể tách rời các thị trường Viễn Đông mà sáp nhập vào làm một với thị trường Pháp; cho nên mỗi sự cột đồng bạc vào đồng quan đều làm thiệt hại lớn đến sinh hoạt của quần chúng và đến nền kinh tế Đông Dương.

II. MỘT PHƯƠNG PHÁP LÀM TIỀN RẤT DÃ MAN CỦA THỰC DÂN PHÁP: CÁC NHÀ ĐÁNH BẠC

Ở những quyển trước, chúng ta đã nói đến phương pháp làm tiền cho ngân quỹ bằng cách bán á phiện cho thầu và sau đó là độc

https://tieulun.hopto.org

lập độc quyền á phiện của chính phủ thực dân Pháp. Ở đây xin nói đến nhà đánh bạc, lúc ấy cũng gọi là nhà "xéc".

Nếu lúc ấy có một số người Pháp nào ở Pháp phản đối việc chính thức mở sòng bạc để lấy thuế cho ngân quỹ thuộc địa, thì bọn thực dân trả lời lếu láo rằng đó là chúng "tiếp tục cái truyền thống lâu đời" của nền tài chính của triều đình Huế. Nhưng,

"Sự thật là trái hẳn lại. Chính phủ Annam bao giờ cũng nghiêm khắc cấm các nhà đánh bạc và phạt rất nặng những ai chứa sòng bạc"[1].

Khi Pháp chiếm Nam Kỳ thì nó liền đặt các nhà đánh bạc để lấy tiền Việt Nam mà nuôi quan quân xâm lăng của nó, để kéo người vào chỗ sa ngã là xa đường đấu tranh cứu quốc, và để dễ chiêu mộ một số người vào lính mã tà hay lính tập. Nhân dân ta, các nhà nho, các thân hào phản đối mạnh. Năm 1874, vấn đề này vượt trùng dương mà lọt vào nghị viện Pháp và từ 1875, nhà "xéc" bị đóng cửa. Thế nhưng, đến năm 1883 thì có một cánh thực dân vận động lập lại: chúng bị thất bại tạm thời. Đến 1886, chính quyền thực dân ngụy trang các "xéc" cờ bạc dưới cái nhãn "Bourses de commerce chinoises" - (phòng thương mại Trung Hoa) kỳ thật thì đó chỉ là những tiệm me tức là sòng đánh bạc.

Tỉnh nào, huyện nào, thậm chí làng nào cũng nhan nhản những sòng me: ba bốn lớp thầu: tư bản hoa kiều thầu của Pháp, rồi cho thầu lại ở tỉnh, rồi có bọn ở huyện xã lên thầu lại ở tỉnh, thậm chí ở trong một nhà đánh bạc có thầu từng chiếu. Mỗi sòng bạc có 2, 3 buồng đánh me, đánh ba quan, bài cào, và nhiều buồng, nhiều ván, mỗi cái đều có bàn đèn á phiện. Đây cũng là một cách của thực dân cổ võ dân hút á phiện mà độc quyền đã về tay chúng nó rồi.

Người ta có thể tưởng tượng được kết quả tai hại vô cùng của sự cờ bạc phổ biến xưa nay chưa từng có trong lịch sử Việt Nam,

1. Lanessan, *L'Indochine française*, tr. 537.

và có lẽ cũng chưa từng thấy ở các nước khác. Riêng chính phủ Nam Kỳ cho thầu lấy được 2 triệu rưỡi một năm. Nếu kể tiền lời của bọn thầu to thầu nhỏ thì chắc là ít nhất cũng bằng số ấy, nghĩa là, vô hình trung, người dân Nam Kỳ phải đóng thêm 5 triệu bạc thuế trong cái năm 1887 là năm mà riêng 1.500.000 dân Nam Kỳ đã phải đóng 38 triệu thuế rồi. Có một nơi kia, dân phải đóng thuế trực thu 20.000 quan, thế mà kẻ thầu cờ bạc ở đó tính số (thấp hơn sự thật) là nó thu được 16.000 đồng, nghĩa là 80.000 quan! Thuế gián tiếp bằng cờ bạc cao bốn lần hơn thuế trực tiếp!!!

Ruộng, trâu bị cầm cố: tiền vay càng nặng lãi: quần áo vòng vàng bạc hướng vào cửa của hệ thống tiệm cầm đồ mà Pháp ban cho Phúc Kiến thầu.

Nhà nho, quan lại, nhân dân lương thiện kêu ca hết sức vì nạn cờ bạc hợp pháp này; thậm chí những người buôn bán lớn, ví như các chủ nhà máy xay gạo, cũng kêu ca, vì rất nhiều trường hợp, người phái đi mua hàng bị dụ dỗ vào sòng me cúng cả vốn liếng. Trộm cướp, sát nhân, đàn điếm mọc lên như nấm. Bọn quan thực dân càng có dịp mà làm giàu.

"Nói tóm lại, xui giục điếm đàng, tăng thuế nặng nề, xáo trộn sâu sắc những điều kiện kinh tế, người Annam bị bần cùng hóa đi, sự phát triển của nghề nông bị chặn đứng lại, số vụ trộm cắp và giết người tăng lên, gây nên những vụ cướp bằng vũ trang và những vụ phiến loạn: đó là kết quả không tránh khỏi đã có rồi hay sẽ có của việc lập lại các sòng bạc"[1].

Ở Nam Kỳ, tiếng kêu và sự phản đối mạnh quá, cho nên tháng 6 năm 1887, chính phủ Sài Gòn phải thủ tiêu cái độc quyền sòng bạc đi. Số sòng bạc công khai không còn nữa, nhưng thực dân vẫn còn cho phép một nhà tư bản Hoa kiều thầu mở 8 sòng lớn. Cứ theo lời khai của tên này (cố nhiên dưới sự thật rất xa), mỗi tháng

1. Lanessan, *L'IC française*, tr. 550.

https://tieulun.hopto.org

ngoài số thuế nộp vào kho cho Pháp thì hắn lấy được 12.000$ và 8 tên thầu nhỏ thầu 8 sòng kia cũng lời được chừng ấy; tiền xâu mỗi bàn là 10% nghĩa là hễ trúng được mỗi chén được 10$ thì xâu 1$. Như thế cộng cả hai lớp thì mỗi tháng hơn một triệu quan lọt ra khỏi túi người Việt Nam. Chưa kể sòng bạc lậu mà cò bót cho phép hay làm ngơ để đầy túi.

Ở ngoài Bắc, nghề đánh bạc hợp pháp cũng "thịnh" lắm.

Cái tên Toàn quyền Pôn Be[1] cho thầu ở đây năm 1886 là 600.000 quan; đến năm 1887 thì tiền thầu lên 800.000 quan. La-nét-săn tính rằng ở ngoài Bắc như thế là hàng năm vì cờ bạc mà vô hình trung, chính phủ Pháp như đã tăng thêm hai triệu quan thuế.

"Đó là như thêm hai triệu thuế vào số các thuế khác, làm cho người bản xứ bị kìm hãm trong vòng khốn khổ".

Một người bạn của giáo sư La-nét-săn viết thơ cho ông và kể rằng:

"Trong hơn ba tuần, ở Hà Nội đêm nào, cũng đúng giờ ấy, thì nhiều nhà cháy. Quan Annam đi điều tra thì nói rằng đó là tại nấu bếp không cẩn thận. Có kẻ đồn đại cho dân bản xứ rằng đó là người Pháp đốt nhà tranh của khu phố Annam để có trống đất mà xẻ đường to. Còn chúng tôi thì chúng tôi biết rằng nguyên nhân thực của các cuộc hỏa hoạn này là sự phát triển rất mau của số nhà đánh bạc từ khi mà chính phủ Pháp mới lợi dụng tính xấu của người Annam để thu thêm thuế".

Những năm ấy, cờ bạc thịnh cho đến đỗi ngoài đường Hà Nội, Hải Phòng, Nam Định v.v... đâu đâu cũng có sòng bạc ở trên vỉa hè. Trong Nam thì đánh me ngoài Bắc thì đánh "cổ nhân" (36 con thú).

1. Paul Bert.

Ở xứ Khơ-me cũng thế. Tệ lậu, xấu xa, đê hèn hơn nữa, là vì ở đây, Pháp mở sòng cờ bạc, lấy thuế này để trả tiền lương cho vua Khơ-me và quan lại người Khơ-me.

Ở Trung Kỳ chưa có nạn này. Pháp vận động với triều đình Huế để được mở sòng bạc ở Thanh Hóa, nhưng không được. La-nét-săn phải xấu hổ mà than rằng:

"Chỉ có Trung Kỳ là, đến ngày nay, còn chưa bị cái tai vạ của sòng bạc, và rất buồn mà thú nhận rằng sở dĩ còn được như vậy là vì chúng ta (người Pháp) chưa can thiệp nhiều vào nội trị của Trung Kỳ, Trung Kỳ còn do luật pháp Annam, luật pháp này nghiêm cấm cờ bạc".

III. CHẾ ĐỘ THƯƠNG CHÍNH

1. Chế độ thương chính trước tháng 6-1887

a. Ở Nam Kỳ. Ở Nam Kỳ trước 1887, hàng hóa nước ngoài vào thì không có bị đánh thuế thương chính, trừ ra rượu, vũ khí, thuốc nổ, pháo, các loại dầu. Có thể hiểu được tại sao nhiều hàng nhập cảng không đóng thuế thương chính. Ấy là vì hàng hóa của Pháp đem sang còn rất ít, bọn thực dân ở Sài Gòn thấy rằng nên để hàng vào tương đối tự do để rồi nó đánh thuế nội thương thì thu được nhiều hơn.

Ngược lại, gạo Nam Kỳ mỗi năm bán ra càng nhiều cho nên thuế xuất cảng là 0$15 mỗi bao (60 ki-lô); thuế trâu bò bán ra 0$20 mỗi con.

Lúc ấy ở Nam Kỳ Pháp đã lập độc quyền mua bán á phiện rồi, cho nên phiện nhập vào thì khỏi thuế, phiện xuất cảng thì đánh thuế 3$ mỗi thùng.

Tàu Âu châu đi từ Âu sang hay đi sang Âu, đi từ Úc châu sang hay đi sang Úc châu thì không có thuế ra vào bến Sài Gòn, còn vô

https://tieulun.hopto.org

luận thuyền bè ở trong xứ Việt Nam cũng như ghe biển chạy bằng buồm (tức là của người Việt hay người Trung Quốc) đều bị đánh thuế nặng.

b. Ở Khơ-me. Vô luận hàng hóa nào đi ra khỏi nước hay đi ở trong nước, hễ đi ngang một cái trạm thuế thương chính thì lại đóng thuế một lần, mỗi lần đóng thuế như vậy là 10% giá hàng tùy theo ước lượng của thằng Tây đoán! Bóc lột vô cùng lớn lao! Ở Khơ-me lúc đó có 21 trạm thương chính phần nhiều ở trên 3 đường sông chính, cả ba đều tụ lại ở Pnông-Pênh. Ta nhớ rằng hồi năm 1884, Pháp lấy cớ là nhà vua không chịu bỏ thuế thương chính nội địa để chúng bắt Nô-rô-đôm phải chịu Hiệp ước 17-6-1884; nhưng khi đã ký xong hiệp ước, toàn bộ quyền hành đã rơi vào tay Pháp, Pháp giữ lấy chế độ thương chính cũ và tăng mức thuế lên, lập thêm nhiều đồn thương chính, bất cứ nơi nào mà thuyền bè qua lại nhiều, bất cứ nơi nào mà xe cộ qua lại nhiều.

Lúa gạo Khơ-me xuất cảng bị đánh thuế đặc biệt 0$12 mỗi bao; lúa gạo từ Xiêm-rệp, Bát-tăm-băng (lúc đó thuộc Xiêm) mà phải qua Khơ-me để đi Sài Gòn thì bị đánh 5% thực giá, cá bị 10%. Con gà đẻ trứng vàng bị thịt đi: trước tháng tám 1885 thì mỗi năm có 50 vạn bao lúa Xiêm qua Khơ-me, sau đó chỉ còn có 15 vạn; phần kia lộn ngược lại mà qua đường Băng Cốc để được xuất cảng.

Nhân dân Khơ-me rất bất bình.

Sự bất bình cao độ này là một trong những nguyên nhân của các cuộc khởi nghĩa lúc ấy, đặc biệt là cuộc khởi nghĩa của hoàng thân Vô-tha.

c. Bắc Kỳ và Trung Kỳ. Từ khi Pháp chiếm Hải Phòng, Hà Nội, Thuận An cho đến tháng 6 năm 1887 thì chế độ thương chính ở Bắc và Trung khác hẳn ở Nam và Khơ-me. Tất cả hàng hóa ở nước ngoài đến thì nộp thuế 5% giá hàng; hàng Sài Gòn ra thì nộp phân nửa mức thuế ấy.

Tiền đồng và tiền kẽm bị đánh thuế 20% trị giá.

Phiện vào Trung và Bắc, nếu chưa nấu thì thuế từ 550f đến 780f mỗi bao; nấu rồi thì 1.560f.

Hàng xuất cảng, nhất loạt đóng 5% và nếu xuất cảng qua cho Pháp thì 2,5%.

Rõ ràng là Pháp muốn làm cho xứ ta trở thành thị trường riêng của một mình nó. Ấy thế mà lúc ấy, Pháp cạnh tranh không nổi với Anh. Vì như năm 1886, Trung, Bắc nhập cảng 28 triệu quan; trong 28 triệu quan đó chỉ có 6 triệu của Pháp; mà ngay trong số 6 triệu này có nhiều triệu hàng Anh từ Ấn Độ sang Sài Gòn, rồi từ Sài Gòn ra Đà Nẵng hay Hải Phòng; mà ta đã biết rằng lúc ấy, hàng vào Sài Gòn không phải đóng thuế thương chính nhiều loại, tàu chỉ đóng tiền cập bến mà thôi.

Vì vậy mà Pháp quyết định lại rằng hàng từ Sài Gòn ra, nếu là của Pháp thì mới được biệt đãi.

Lấy cái thuế muối để mà trông thấy rõ sự bóc lột tàn nhẫn của thực dân. Từ trước cho đến 1886, thì thường mỗi năm, riêng Trung Kỳ xuất cảng 11 triệu bao muối - mỗi bao là 108 ki-lô - xuất cảng đi Hương Cảng, Ma-ni. Thuế muối của nước ta ngày xưa không cao lắm. Tên Toàn quyền Pôn Be muốn làm tiền to. Nó ra nghị định đánh thuế 0$25 mỗi bao hay là 1f để có thêm 11 triệu thuế mỗi năm; nó làm bài toán của học trò lớp 1; thực tế xã hội có phải là bài toán lớp 1 đâu? Lúc ấy giá muối chỉ có 0f15 hay 0f20 một bao. Ấy thế mà thuế phải nặng đến 5, 6 lần giá bán thì ma nào lại làm muối để bán ra ngoại quốc được nữa? Thuế vừa đánh thì luồng xuất cảng tắt hẳn. Nó phải giảm xuống chỉ còn có 0f60 mỗi bao, song vẫn còn cao quá, không ai muốn xuất cảng nữa; hàng chục vạn dân mất kế sinh nhai, rất bất bình. Ấy thế mà đến tháng 3 năm 1887, Pháp cũng đánh thuế 0f60 mỗi bao muối bán trong nước! Làn sóng bất bình trước đó chỉ ở trong số người sản xuất và

https://tieulun.hopto.org

xuất cảng, nay tràn rộng ra tất cả dân chúng. Đột nhiên giá muối lên 3, 4 lần! Nhưng đắt mấy cũng phải mua; ai là người không ăn muối? Muối không còn xuất cảng được nữa; lắm nơi thuyền chở muối lậu bị bắt, dân ném muối xuống biển chớ không thèm đóng thuế; rất nhiều làng bị phá sản; nhiều đống muối cao như đồi, tích tụ ở dọc bờ bể Trung Kỳ, để ế, mưa xuống lại trở thành nước bể; thuế của địch thu tăng lên vùn vụt, vì dù sao miền xuôi miền ngược dân đều phải mua muối; đồng bào miền núi lại càng khổ vô cùng!!

Ăn muối quá đắt là một tai nạn cho dân rồi, lại thêm một tai nạn nữa, là hàng mấy thế kỷ nay, thuyền Trung Quốc vào các tỉnh miền Trung để bán hàng vì khi về có muối để chở đi; bây giờ không mua được muối nữa, họ không vào hay vào rất ít, các hàng hóa thông dụng đột nhiên ít đi, đắt lên gấp mấy lần. Đó là chưa kể rằng vì thế mà hàng vạn gia đình sống về nghề chuyên chở bằng thuyền bị thất nghiệp!

Khốn nạn hơn nữa là:

Tự xưa nay, cho đến 1886, tháng 12, thì ghe thuyền Việt Nam đi biển chở hàng từ tỉnh này đến tỉnh nọ đều không phải đóng thuế gì đặc biệt. Đến tháng 12-1886, Pháp đặt thuế thương chính đánh vào hàng đó, thuyền đó, y như là thuế xuất nhập cảng. Một món hàng đi biển từ Thanh ra Nam Định, hay từ Thanh vào Nghệ, hay từ đầu một tỉnh đến cuối tỉnh ấy, phải đóng thuế xuất cảng (!) ngang với thuế phải chịu nếu đi ra Hương Cảng hay Ma-ni. Thật là quái gở và tàn bạo!

Quái gở và tàn bạo hơn nữa là, theo thông tư của tên Giám đốc Sở Thương chính:

"Chính phủ ân huệ cho những món hàng chở trong xứ từ đầu một con sông đến cuối sông ấy khỏi phải đóng thuế xuất cảng; nhưng không thể có ân huệ ấy, nếu, món hàng được chở bằng đường sông mà phải qua từ hai con sông khác nhau mới đến nơi; ví dụ như, hàng đi đường sông từ Hà Nội xuống Hải Phòng thì phải nộp thuế xuất cảng, còn từ Hà Nội lên Sơn Tây hay Hưng Hóa thì khỏi"[1].

Hàng vạn người lái thuyền, nhà buôn kêu gào phản đối. Thông tư kia sẽ bị thủ tiêu, mà chỉ thủ tiêu ở Bắc Kỳ thôi, còn ở Trung Kỳ thì cứ tiếp tục có hiệu lực. Người đương thời có ghi lại rằng: từ Đà Nẵng đến Hội An mấy chục dặm, có một con sông nhiều ngọn, ấy thế mà hễ đi từ thị trấn này đến thị trấn kia, phải nộp thuế xuất nhập khẩu!

Hai năm 1886 và 1887, là những lần đầu tiên mà nhà buôn (nhỏ hay lớn) Việt Nam đấu tranh chống chính sách của thực dân Pháp, đấu tranh tiêu cực và kêu ca chớ không phải biểu tình khởi nghĩa như nông dân. Người đương thời còn ghi lại vô số việc thuế vụ vô lý khác như là, tàu, ghe vào bến nào, vô luận bến đó có đèn pha hay không cũng đóng thuế đèn pha, vô luận có cần hoa tiêu hoặc có hoa tiêu hay không, đều phải đóng thuế hoa tiêu; một chiếc thuyền kia leo lên gành ở bãi bể vì trời tối, Pháp đến bắt đóng thuế đèn pha ở một nơi mà cách đó hàng trăm dặm không có một trụ đèn nào[2]. Đó là chưa kể rằng có một thứ thuế riêng gọi là thuế chuyên chở hàng chuyến, ghe nhỏ bị đánh nặng bằng mấy lần thuyền to.

Vì ai nấy đều bất bình với thuế thương chính và thuế ghe thuyền, vì con gà đẻ trứng vàng bị bóp nặn gần chết, vì phong trào kháng chiến nổi lên mạnh, Pháp không dập tắt nổi, cho nên sau 1887, tên Pôn Be phải chuẩn bị sửa đổi lại[3]: từ nay thì hàng hóa Pháp vào Bắc Kỳ hoàn toàn không nộp thuế; hàng nước khác mà không cạnh tranh với hàng Pháp thì bị đánh thuế 5%; các loại hàng khác thì bị đánh thuế 10%. Như vậy là chúng sát nhập Bắc Kỳ vào thị trường của Pháp, giữ riêng cho kỹ nghệ Pháp, làm cho

1. Circulaire du 18-12-1886 de Mr le Directeur des Douanes.
2. J. Lafitte, *La vérité sur le Tonkin, l'Annam, le Cambodge et la Cochinchine 1888*, tr. 44.
3. J. Chaillay, *Paul Bert du Tonkin*, tr. 221.

https://tieulun.hopto.org

giá hàng mà dân phải mua sẽ cao vọt lên, cao hơn nhiều so với thị trường Sinh-ga-po hay Hương Cảng. Còn tình trạng khốn nạn đã kể trên thì cứ kéo dài mãi, chính quyền của thực dân chỉ muốn cải thiện cho sự buôn bán của tư bản Pháp mà thôi.

Tệ hơn nữa là dự án của Pôn Be, đã khắc nghiệt, lại bị bãi bỏ, mà một chế độ thương chính mới khắc nghiệt hơn được ban hành từ nửa năm 1887 cho tất cả Việt Nam và Khơ-me, chủ yếu là "bảo vệ" cho kỹ nghệ ở Pháp. Hàng Pháp vào thì khỏi thuế mà hàng nước khác thì đánh thuế 25% hay cao hơn 2, 3 lần như thế, tùy món, có món đến 100% cái giá bán của món ấy.

Kết quả là giá hàng lên quá đỗi; nhập cảng tụt xuống; ví như ở Nam Kỳ, 6 tháng đầu năm 1887, nhập 7.700.000f thì 6 tháng cuối năm chỉ nhập 4.100.000f; các cửa bể vắng đi, tàu Hoa kiều bắt đầu kéo đi xứ khác, bọn tư bản công nghệ bên Pháp thì hoan nghênh; song chúng hãy còn đòi tăng thuế đánh hàng các nước khác cho cao hơn nữa mới "bảo vệ" được hàng Pháp, còn bọn tư bản thương mại Pháp ở Việt Nam thì kêu ca. Tại sao bọn kỹ nghệ ở bên Pháp lại cho rằng mức thuế đánh hàng nước khác đến Việt Nam còn thấp trong lúc mọi người đã cho là cao quá rồi? - Vì giá thành của hàng Pháp cao, mà nhất là bọn tư bản kỹ nghệ còn muốn lời to hơn nữa kia, lúc ấy tàu Pháp chở hàng đến Việt Nam chưa mang được gì về Pháp, nên sở tổn lại càng lớn. Lâu nay, Việt Nam buôn bán với Hồng Kông, Sinh-ga-po mấy lần nhiều hơn là với Pháp, từ nay phải phụ thuộc, phải nô lệ vào thị trường Pháp xa xăm, thị trường ấy không có mua gì ở Việt Nam là bao, thì người ta thấy rõ rằng chính sách thương chính thực dân một mặt là kìm hãm sức sản xuất, một mặt khác là làm cho sinh hoạt rất đắt đỏ, rốt cùng người dân phải chịu tất cả mọi sự tác hại đó. Sự bóc lột kinh tế này còn mấy lần cao hơn, nhiều hơn là sự bóc lột ở một đồn điền, một nhà máy nào, bởi vì mỗi người tiêu thụ đều phải mỗi ngày trả giá đắt bằng hai ba. Đó là một phần ý nghĩa của câu *"Việt Nam, thị trường của kỹ nghệ Pháp"*. Lúc bấy giờ bọn thương gia Pháp ở Sài Gòn tính rằng, nội cái việc theo chánh sách thương chính mới này thì số lời của bọn kỹ nghệ Pháp riêng ở Nam Kỳ được phụ trội là 3 triệu, chưa kể người tiêu thụ phải mua đắt hàng nước khác với giá cao hơn trước ít nhất là 20 hay 30%, nhiều khi 100%.

IV. VIỆC BUÔN BÁN LÚA GẠO

Trước kia, dưới triều đình Huế thì ngay ở Nam Kỳ là nơi có nhiều gạo, cứ mỗi năm trong mấy tháng thì triều đình cấm xuất cảng gạo để giá gạo được thấp, để không có đói và để mua gạo rẻ và nhiều ở miền Nam đem ra miền Trung thiếu gạo. Khi Pháp chiếm Nam Kỳ, nó biến món ăn chủ yếu của dân thành món hàng xuất cảng chủ yếu của tư bản.

Lúc bấy giờ, nhất là từ 1880 trở đi, thì chính bọn thầu á phiện là bọn làm chúa tể trong cái nghề vơ vét lúa gạo đem bán đi ra ngoài; việc "cho tiền trước" mua "lúa còn đứng" càng phổ biến hơn nữa, khi khắp xứ mọc lên những sòng bạc, sòng me hợp pháp. Nạn cho vay nặng lãi rất là khủng khiếp.

Mà thuế điền thổ lại rất cao.

"Thuế điền thổ rất nặng. Năm 1880, ruộng hạng nhất đóng 8f mỗi héc-ta, mà thu hoạch thì không hơn 40f"[1].

Từ 1863 đến 1883 số xuất cảng lúa gạo mỗi năm cứ tăng lên; ví như năm 1881 bán ra 4.190.000 bao, giá 6.300.000$ tức 29 triệu quan; năm 1883 bán ra 8.648.000 bao, giá 12.326.000$, tức 57b triệu quan; năm 1884, bán ra 8.700.000 bao, giá 12.000.000$, tức 64 triệu quan; đến năm 1885 thì sụt xuống, bán ra chỉ được 8.300.000$, tức 36.500.000 quan; năm 1886 bán ra 36 triệu quan, và năm sau lại còn sụt hơn nữa: 35 triệu quan. Số gạo, số tiền đều sụt, giá lúa ở làng càng sụt. Theo lời ghi chép của La-nét-săn

1. Lanessan, *L'IC. Française*, tr. 358.

https://tieulun.hopto.org

thì người Nam Kỳ và người Khơ-me lúc đó "thất vọng", "thối chí" trong nghề làm ruộng.

Đối với ta, điều này có một ý nghĩa sâu sắc; chính sách thuộc địa của Pháp tàn bạo sâu độc, nguy hiểm ở chỗ này là, vì nó biến xứ ta làm một xứ độc canh, mà trồng lúa là để xuất cảng cho nó có lợi to như thế là không khác nào treo mạng sống của hàng triệu dân Việt và Khơ-me trên một sợi dây, chỉ trên một sợi dây thôi, sợi dây ấy lại mỏng manh là vì gạo Nam Kỳ chỉ đem ra bán ở Viễn Đông, năm nào mà Trung Quốc, Nhật Bản, Nam Dương được mùa thì gạo Nam Kỳ tất không bán ra được mấy, nghề ruộng bị khủng hoảng và kéo theo nó tất cả các ngành nghề khác. Về sau này hiện tượng độc canh, xuất cảng liều mạng, khủng hoảng nông nghiệp này sẽ diễn đi diễn lại rất nguy ngập, chẳng những số đông nông dân mà ngay một số chủ điền cũng bị phá sản.

Trong lúc đó, như ta đã biết vì chính sách thuế thương chính mới của Pháp, ở khắp Việt Nam thuế đánh hàng nhập cảng rất cao, giá hàng vọt lên trong khi giá lúa trụt xuống, thì ta cứ tưởng tượng tình cảnh của dân là thế nào?

Gia dĩ các loại thuế đều tăng. Năm 1881 tất cả các ngạch thuế ở Nam Kỳ là 20 triệu quan; năm 1887 là 38 triệu; trong 7 năm mà tăng gấp đôi, trong lúc dân nghèo xuống. Thuế má nhiều để kiến thiết thêm nhiều chăng? - Không đâu. La-nét-săn viết:

"Khi họ phải đóng thuế nặng nề như thế, thì người làm ruộng Annam có hưởng được những công trình tạo tác gì (của chính quyền) để làm cho nghề nông tăng lên, để tiện lợi hơn về các mặt chuyên chở lưu thông chăng?..

Tôi đã trả lời cho câu hỏi ấy... Ở đây tôi chỉ nhắc lại rằng từ 8 năm nay, gần hết số tiền thu thuế là để trả lương cho viên chức mà số lượng quá đông đúc và để xây dựng công sở..." (trang 373 - 374).

Để lấy tiền thuế thêm nhiều, bọn thực dân lại nghĩ cái việc quái gở này là cho xuất cảng lúa mà không cho xuất cảng gạo. Vì nó đánh thuế từng bao, bao gạo và bao lúa đóng thuế như nhau, mỗi bao đóng 0$15. Nếu xuất cảng lúa thì nhiều bao hơn là gạo, hơn một phần ba. Kết quả là nhiều nhà máy xay đóng cửa, nhiều công nhân thất nghiệp, nhiều nhà dân xay giã bị mất cách làm ăn, số xưởng số thợ dệt bao, số người dùng cám chăn nuôi, mua bán tấm v.v... sụt xuống, nghèo đi, hàng vạn người bị thiệt hại.

* * *

Trong lúc đế quốc Pháp cố vơ vét lúa gạo Nam Kỳ để xuất cảng ra Hồng Kông, Ma-ni, Sinh-ga-po thì Trung, Bắc thiếu gạo, lại phải nhập cảng từ Hồng Kông. Cái ấy mới là quái gở!!! *Quái gở vô cùng ở hai chỗ: thứ nhất là đồng bào Trung, Bắc phải ăn gạo đắt hơn là gạo Nam Kỳ của Việt Nam nếu gạo ấy được đem thẳng ra từ Sài Gòn; đằng này, gạo xứ ta ở miền Nam, đem ra Hồng Kông, rồi trở lại Hải Phòng!!! Quái gở thứ hai là chủ nghĩa thực dân phá cái thị trường dân tộc của nước Việt Nam chúng ta, cố ý chia rẽ nước ta chẳng những về mặt cai trị bằng cách chia ra làm ba chế độ cai trị khác nhau, mà còn chia rẽ về mặt kinh tế bằng cách chia ra làm ba thị trường cách bức nhau, rời rạc nhau.*

Theo con số chính thức của Sở Thương chính thì Bắc Kỳ, năm 1887, nhập cảng gạo tới 6.300.000 quan, năm sau, cao hơn; năm 1887 - 1888 này nạn đói hoành hành ở ngoài Bắc, trong lúc đó thì gạo Nam Kỳ của Việt Nam hoặc ứ lại, hoặc đi ra ngoại quốc với giá rẻ mạt. Sài Gòn bán ra Hồng Kông mỗi bao lúa là 0$90, còn Hải Phòng mua của Hồng Kông mỗi bao là 1$50! Quy Nhơn gần sát Nam Kỳ, mua của Hồng Kông lại còn đắt hơn, gần 2$00 kia!! Rồi vụt vụt, giá lúa gạo ở Bắc đang đói lên tới 5$00 mỗi bao trong cuối năm 1887; và đầu năm 1888, thì bản thân bọn tư bản Pháp thừa cơ hội chở gạo Sài Gòn ra bán, mua một, bán năm, lời bốn, khi ấy thì

https://tieulun.hopto.org

tạm thời nó bỏ cái thuế đánh gạo đem từ Sài Gòn ra Hải Phòng để lời thêm 5% nữa!!

Thật là tàn bạo không xiết được.

V. NHÀ BĂNG VÀ NẠN CHO VAY NẶNG LÃI

Lúc bấy giờ ở Sài Gòn có 4 nhà băng: nhà băng Đông Dương, Hongkong Shanghai Banking corporation, nhà Chartered Bank of India Australia and China, và nhà Chartered mercantile le Bank of India London and China.

Nhà băng Đông Dương là của Pháp, ba cái kia là của Anh, có vốn Trung Quốc một phần. Nhà băng Đông Dương có đặc quyền in giấy bạc 100$, 20$, và 5$, nó được thành lập từ năm 1875, có chi điếm ở Hải Phòng, Hà Nội, rồi từ 1888, lại có chi điếm ở Ca-lê-đô-ni, Ta-hi-ti v.v...

Thế lực kinh tế, chính trị của nó càng ngày càng lớn. Tiền lời của nó càng ngày càng to. Tiền ra vào của nó trong năm 1886 tới 161.061.232 quan, so với năm 1885 là hơn 6 triệu - năm 1886 đó, nó đã chia lời được 17,6% cho những người có cổ phần, hơn bằng rưỡi năm 1884, cao hơn bất cứ nhà băng nào ở Âu châu. Nó đã và còn cho chính quyền vay để thực hiện mọi sự xâm lược, đàn áp. Bản thân nó bỏ tiền ra, chủ yếu cũng là để cho vay, (Về sau, Lê-nin có nhận định rõ tính chất cho vay của tư bản tài chính Pháp)[1]. Có người ngỡ rằng mức tiền lời của nhà băng thấp hơn mức tiền lời mà bọn Sết-ty[2] (người Ấn kiều cho vay), của bọn con buôn Hoa kiều và của bọn hào phú ở nông thôn, thì dân chúng có đỡ đi. Kỳ thực là không đỡ mà còn ngược lại.

Ở nông thôn cũng như ở thị trấn Việt Nam đã lâu nay và nhất là từ hồi Tây đến, nạn cho vay nặng lãi rất là nguy hại. Cứ theo lệ

1. Lénine, *L'impérialisme dernière étape du cap talisme.*
2. Chetty.

cũ của triều đình thì mức lời tối đa là mỗi năm 36%; Tây đến, nó cứ để như thế; hơn nữa, vì nó làm cho con người cần dùng đồng bạc hơn lúc nào cả, vì nó khuyến khích mọi sự cờ bạc, hút xách - như ta đã thấy - và lại nó khuyến khích sự mua và bán đất, khuyến khích sự kiện tụng, cho nên nạn cho vay nặng lãi lại càng hoành hành hơn lúc nào cả.

Nhà băng Đông Dương cho ai vay? Ai có ruộng nhiều - "có tóc" - nó mới cho vay; bọn này nhờ vốn của nhà băng, đem về thôn quê bành trướng sự cho vay lâu nay bị hạn chế vì chúng ít tiền; mức lãi thường từ 30 đến 50% nếu vay to và hàng năm, và 100% nếu vay nhỏ và hàng tháng phải trả lời. Do đó mà lúc bấy giờ ruộng đất bị mãi, bị thục (cũng gọi là "mãi lại thục") càng ngày càng nhiều, ruộng đất tập trung càng ngày càng mạnh.

"Người ta không thể nào vay mượn được mà đồng thời lại giữ quyền làm chủ tài sản của mình.

Và lại, nếu người công dân cầm cố được đất mình, người nông dân ấy phải trả tiền lời của số tiền vay; mà mức lời, thường cao hơn mức hợp pháp, ít ra là 50% hay 60% thì, phá sản vì nợ, người nông dân không đời nào có thể hoàn lại số tiền vay để mà lấy lại đất. Hoa lợi của đất không quá 20% thu hoạch số hoa lợi ấy như vậy là không đủ để trả tiền lời, thì tất nhiên không thể trả bớt số vốn đã vay được"[1].

Số rất đông nông dân vì cần tiền mà phải vay nặng lãi ở những lái buôn lúa Hoa kiều, lãi đã nặng mà phải bán lúa non, nghĩa là trả tiền vốn bằng cách bán lúa với giá thật rẻ cho người cho vay ấy.

Còn ở thành phố, đối với tiểu thương và công chức thì, số khá nhiều bị đám Sết-ty thắt hầu thắt họng; bọn này làm giàu mau cho đến đỗi lúc ấy, phần lớn những đất cất nhà được ở Sài Gòn là trong tay họ và hầu hết các nhà cửa lớn là của họ.

1. Luro, *Le Pays d'Annam*, tr. 241.

https://tieulun.hopto.org

VI. CÔNG THƯƠNG TRONG XỨ

Công nghệ của người Việt Nam trước, trong và liền sau khi Pháp mới vào thì không có sự thay đổi gì lớn, vẫn là thủ công thôi, thủ công lẻ tẻ từng nhà, hay thủ công tập trung từng làng, từng đường phố; trước sau có khác một vài điều là dưới quyền của triều đình, hàng hóa không lưu thông bằng dưới quyền của thực dân; song, dưới quyền của thực dân, đã bắt đầu có những nghề phải chết lần lần để nhường chỗ cho hàng hóa ngoại quốc và kỹ nghệ của người Pháp, tuy nhiên lại có một số kỹ nghệ mới mọc lên.

- Nghề thợ bạc (làm trang sức bằng vàng, bạc, đồng, đá), nghề thêu thùa, nghề thợ mộc là những nghề rất lâu đời đâu đâu cũng có. Thợ bạc riêng rẽ một hai người một nhà; nghề thêu thì thường là từng gia đình ở thành phố; tại Hà Nội, tiệm thêu gồm cả một đường phố; nghề thợ mộc phát đạt, nhiều thợ con quây quần chung quanh thợ cả, có tính chất tập hợp rộng lớn hơn là hai nghề trên; xứ ta xưa nay nhiều gỗ quý và kiến trúc bằng gỗ nhiều hơn là bằng gạch, nên nghề mộc vẫn phát đạt. Pháp đến, không đem được gì hơn, duy có sự kiến trúc bắt đầu khá nhiều ở thành thị đã tập trung một số khá đông thợ nề, thợ mộc, và cũng do đó, một số lò gạch, một số trại cưa khá lớn mới được lập ra, không phải làm với máy móc, mà làm theo lối thủ công xưởng. Nhưng lúc bấy giờ phần lớn những nhân công kiến trúc cho thực dân là người nông dân bị bắt đi làm công sưu.

- Nghề trồng dâu, để tằm, dệt lụa, dệt vải, cũng là những nghề cổ truyền. Nếu những nghề trên, tất cả đều để dùng và bán trong dân, trong nước, thì, những nghề này từ lâu và nhất là khi Pháp vào đã có nhiều xu hướng làm để xuất cảng. Tơ lụa Việt Nam tốt nhất là tơ lụa Biên Hòa, Bình Định, Quảng Nam; tơ lụa của Pháp đem qua thì đẹp hơn, nên cạnh tranh rất dữ với tơ lụa Việt Nam; họ đã làm bằng máy, ta còn làm bằng tay nên ta khó tồn tại lâu dài và khó phát triển được. Có lúc bọn tư bản Pháp mua tơ tằm của

ta đem về Pháp để bán, nhưng, một ki-lô tơ tằm đem qua Pháp lại đắt và xấu hơn tơ tằm ở Pháp. Năm 1867 - 1868 bọn tư bản Pháp lập xưởng dệt lụa ở cù lao Năm Thôn và ở Sài Gòn, lấy tơ tằm Châu Đốc về dệt, nhưng thất bại; năm 1869 một xưởng dệt Pháp mới mọc lên ở Chợ Lớn, máy chạy bằng hơi nước, có chi điếm ở Châu Đốc, Tân Châu; lại thất bại nữa. Tơ lụa Pháp, nhất là tơ lụa Anh và tơ lụa Bombay đến cạnh tranh làm cho nghề dệt lụa của người Việt Nam nhất là ở Nam Kỳ bị điêu tàn lần.

Còn về nghề trồng bông, kéo chỉ thì hồi thời kỳ trước khá thịnh vượng, nơi nào cũng có, cung cấp gần đủ cho dân dùng. Bây giờ có khác; vải vóc trong nước chỉ còn để cung cấp được một phần mười của cần dùng mà thôi. Vải vóc Manchester và Bombay vào, ta cạnh tranh không nổi. Nhà buôn Hoa kiều quơ mua rất rẻ hầu hết bông tốt trồng ở Thanh và Nghệ để bán ra và bán về cho Bình Định là nơi có nhiều nhà dệt mà không có trồng bông. Nghề trồng bông ở Nam Kỳ thì chết tiệt, nghề dệt vải cũng thế. Lúc ấy bọn Pháp thấy rằng bông ở miền Bắc khá tốt và rất rẻ, nhân công nhiều, mà giá vải vóc lại cao nên nó dự định lập xưởng dệt ở miền Bắc.

- Nghề làm đường và mật là cái nghề có nhiều triển vọng, ví như ở vùng Đông Nam Kỳ, dân trồng mía nhiều và rất nhiều làng có lò đường, máy ép do trâu kéo, làm ra đường đỏ. Bọn Pháp lập xưởng đường ở Biên Hòa, nó lấy cái chùa của thành cũ mà làm nền xưởng! Dân không bán mía! Pháp phải đi quơ từng làng; rốt cuộc xưởng đường của Pháp đóng cửa (1869). Năm 1875 chúng lại thất bại một lần nữa.

- Nghề làm vôi gạch ngói, lò gốm: Ở Trung, Bắc làng nào cũng có lò gạch, ai làm nhà thì làm gạch lấy, đó là thường lệ hồi trước. Nhưng hồi trước cũng đã có lò gạch khá lớn mà các làng ở quanh Hà Nội đều làm. Trung Kỳ làm gạch ngói tốt nhất.

Xứ ta lúc ấy chỉ có lò làm mái, hũ, nồi, niêu, bát đĩa, gần như không có lò làm kiểu mà ta mua của Trung Quốc.

https://tieulun.hopto.org

Nghề làm đồ đồng là nghề cổ truyền từ mấy nghìn năm, làm mâm, làm nồi, làm chân đèn, làm lư hương, đúc chuông, đúc tượng, v.v... có những làng chuyên làm nghề này.

Lò vôi khá thịnh vượng. Đá vôi nhiều; ở Trung - Bắc đâu cũng có. Từ lâu lắm, vôi Trung Kỳ đã được xuất cảng ra ngoại quốc và đem ra Bắc vào Nam.

- Nghề làm muối, nước mắm, ta đã nói rồi, là một nghề nuôi hàng chục vạn dân ta ở dọc bể; một phần ruộng muối trong tay Hoa kiều. Xuất cảng rất nhiều qua Trung Quốc, Phi Luật Tân, cũng xuất cảng lên Khơ-me là nơi làm nhiều cá khô và mắm cá, và xuất cảng lên Vân Nam, Quảng Tây là nơi không có biển để tự làm muối. Tây đánh thuế muối cao quá nghề làm muối sụp xuống.

Nghề đánh cá và làm nước mắm khá thịnh, nhất là ở Phú Quốc, Phan Thiết, thực tế thì làng nào ở ven biển cũng làm nước mắm. Nghề này kéo theo nó nhiều nghề khác, như làm lò gốm, đóng thùng, làm thuyền, làm muối, vận tải ngược xuôi khắp nước. Về sau bọn Pháp cố sức vận động đặt ra độc quyền nước mắm cũng như chúng đã đặt độc quyền á phiện, cờ bạc.

- Nghề xay giã, làm bún: trước đây phần lớn gạo xuất cảng là do xay giã bằng tay. Pháp đến, nắm việc xuất cảng gạo, thì nghề xay giã mới thành công nghệ khá lớn làm bằng máy móc (từ 1882 trở đi); rồi tiếp theo đó, người Hoa kiều và người Việt Nam cũng lập nhà máy xay gạo, phần lớn tập trung ở Chợ Lớn là nơi mà bấy giờ có tập trung đông đúc công nhân hơn tất cả các tỉnh thành ở Việt Nam, đám chủ nhà máy xay này rất giàu có, có nhà máy, có vốn, có ghe chài, có tàu kéo, vơ vét lúa khắp Nam Kỳ và Khơ-me.

Cạnh nghề xay lúa, có nghề nấu rượu rải rác khắp các xã ở nông thôn và nghề làm bún thịnh hành ở các đô thị.

- Nghề khai mỏ: hồi thời Tự Đức, nước ta có khai độ một trăm mỏ. Tây đến, dân chạy, giặc phá, phần nhiều các mỏ bị bỏ hoang.

Địch chú tâm vào việc tìm mỏ và khai mỏ ở Bắc và ở Trung, nhưng thực tế là lúc bấy giờ chúng nó chỉ biết khá rõ mỏ Hòn Gai mà thôi; tên Pháp Ba-viê Sôfua[1] lập công ty luyện than ở Hồng Kông, lấy than Việt Nam ra đó luyện rồi bán, chớ chưa phải luyện than ở ngay xứ ta; Đuy-puy thì được làm chủ mỏ than Cái Bầu. Ở đó, ở Đông Triều và ở Hòn Gai, bọn Pháp chẳng làm gì khác hơn là mộ nhiều phu cuốc đất, xúc những lớp than trên mặt đất, làm theo lối thủ công đại quy mô, chưa có máy móc gì.

Còn các mỏ khác thì bọn Pháp vẫn theo thể lệ cũ mà cho mướn cho thầu, chẳng sản xuất được mấy.

Ngoài nghề mỏ và cái số rất ít công nghệ của bọn Pháp mà ta đã nói bên trên, chúng còn làm nhà máy rượu bia, xưởng chữa tàu và đóng ca nô ở Sài Gòn, xà phòng ở Hải Phòng, nhà máy nước đá ở vài thị trấn lớn. Một tầng lớp công nhân bắt đầu tụ hợp ở những thành phố như Chợ Lớn, Sài Gòn, Hải Phòng kể bên tầng lớp tư sản nay tương đối ít, thưa thớt hơn trước, trong đó rất ít người làm kỹ nghệ, cũng ít người buôn bán lớn; phần lớn nhà buôn là ở trong tay Hoa kiều; trong Nam thì Hoa kiều chiếm hầu hết các ngành thương mại. Ngoài Bắc nhà buôn Việt Nam mạnh hơn trong Nam nhiều. Thực dân chưa chú ý nhiều đến công nghệ mà chú ý nhiều đến thương mại là món dễ ăn hơn. Trong các nghề trên, chính sách của chúng nó đã làm suy sụp, tiêu diệt một số nghề nghiệp quan trọng của nhân dân ta. Ngay từ lúc đầu này, chúng ta đã trông thấy tính chất kiềm chế, phá hoại của chính sách kinh tế, chính sách công thương, chính sách thương chính của chủ nghĩa thực dân.

VII. NGOẠI THƯƠNG

Trong những phần ở trên, khi nói về thương chính và việc mua bán lúa gạo, chúng ta đã nói đến ngoại thương rồi. Ở đây cần chú ý thêm đến vài điểm nữa.

1. Chauffour.

https://tieulun.hopto.org

Trong thời kỳ này, sự nhập cảng cao hơn sự xuất cảng, dầu là ở Nam Kỳ. Ví như ở Nam Kỳ, năm 1886, nhập cảng 55 triệu rưỡi quan, xuất cảng 45 triệu, năm 1887, Trung Bắc nhập cảng 38 triệu mà xuất cảng 10 triệu. Lấy chung cả Việt Nam và Khơ-me thì năm 1886 nhập cảng 85 triệu rưỡi, mà xuất là 63 triệu tám.

Điều này chỉ có ý nghĩa là nhân dân bị bóc lột nhiều lên, mua vào đắt bán ra rẻ và hơn nữa là do nhập nhiều xuất ít, thuế phải tăng để bù vào lỗ hổng, mà lỗ hổng này chính là chi phí chiến tranh xâm lược của Pháp. Một xứ - nếu không có đầu tư ở ngoài nhiều - mà cứ nhập nhiều xuất ít là triệu chứng rằng nó đang nghèo khó thêm.

Ta lại chú ý rằng, trong sự xuất nhập cảng này, tuy xứ ta đã là thuộc địa của Pháp, cái phần buôn bán của Pháp lại nhỏ hơn cái phần của các nước khác. Ví như năm 1886, Việt Nam và Khơ-me nhập cảng 15 triệu quan hàng của Pháp và 68 triệu rưỡi quan hàng của các nước khác. Cũng năm ấy, xuất về Pháp là 1 triệu 200 ngàn quan, còn xuất ra các nước khác là 58 triệu. Ở Sài Gòn lúc ấy có 40 công ty bảo hiểm (công thương), trong số này chỉ có 5 công ty Pháp và có 35 công ty các nước khác; về số các nhà buôn lớn Âu châu, Pháp thì thua Anh, Anh thua Đức và Đức thì thua Hoa kiều. Điều này nói lên những gì? điều ấy nói lên rằng thế lực kinh tế của Pháp chưa mạnh mẽ gì lắm ở Đông phương nói chung và ở Đông Dương nói riêng so với các nước tư bản khác; lúc ấy chủ yếu của sự bóc lột của chúng, tuy đã vào mặt kinh tế nhiều rồi nhưng còn rất nặng về mặt thuế vụ trực tiếp và gián tiếp, về việc cho vay nặng lãi; điều ấy cũng nói lên rằng thị trường Việt Nam xưa nay, bấy giờ, và về sau tự nhiên phải mật thiết với Viễn Đông không thể dính với Pháp nhiều hơn là với Đông phương được, mỗi sự hành động của Pháp để ràng buộc đồng bạc vào đồng quan, ràng buộc kinh tế Việt Nam vào kinh tế Pháp đều nguy hại cho kinh tế và nhân dân Việt Nam.

Người Trung Quốc, người Ấn Độ, người Anh và cả người Đức - ngoài nhà băng ra - thì chiếm địa vị thương mại mạnh hơn người Pháp; và trong số người ngoại quốc thì người Hoa kiều bấy giờ chiếm ưu thế, có thể nói rằng họ chiếm hầu hết thương mại ở trong nước Việt Nam, điều này làm trở ngại rất lớn cho sự phát triển của tư sản Việt Nam. Cho nên ở các thị trấn đã từ từ mọc lên, ta nhận thấy rằng những nhóm công nhân Việt Nam thành lập và mau đông đúc hơn là từng lớp công thương Việt Nam, trong công thương thì người Việt Nam chỉ nắm được một phần ít của sự buôn bán nhỏ và phần lớn của các nghề thủ công chớ chưa giành được phần nào đáng kể trong việc xuất nhập cảng, ngay trong việc bán sỉ lớn, trong công nghệ. Tình trạng này sẽ kéo dài rất lâu.

Chúng ta lại chú ý đến vài điểm sau đây, thuộc sự giao dịch với những xứ chung quanh Việt Nam, bằng đường bộ hay sông.

- Đối với Vân Nam thì bây giờ đã lòi hẳn ra là bọn tư bản Pháp (ví như bọn Đuy-puy, Đuy-pơ-rê, v.v...) thổi phồng sự quan trọng về thị trường của Vân Nam, về khả năng thông thương của sông Hồng, để dư luận tư bản bên Pháp chú ý đến Viễn Đông và để chiếm lấy Bắc Kỳ.

Đến 1886 - 1887, bọn Pháp mới thừa nhận công khai rằng miền Nam Vân Nam chỉ nghèo nàn thôi, sông Hồng Hà không khai mở được, đường Lạng Sơn vào Long Châu không bằng đường Bắc Hải (ở Quảng Đông), Pháp chiếm Bắc Kỳ rồi thì sự thông thương với Vân Nam không còn gì nữa; thương mại của Vân Nam đổ về phía Quảng Tây, thương mại của Quảng Tây thì ra Quảng Châu hay là Bắc Hải, mà không qua Bắc như trước nữa; ví dụ lúc Pháp chưa chiếm Bắc Kỳ, như năm 1879, thì Bắc Hải chỉ xuất nhập có 33 vạn lạng; còn khi Pháp chiếm Bắc Kỳ rồi thì Bắc Hải xuất nhập, năm 1884 lên 1.800.000 lạng và năm 1886 lên 3 triệu lạng. Các hàng trước vào Hải Phòng để lên Lạng Sơn đi Long Châu, để lên Lào Cai đi Vân Nam bây giờ đều qua Bắc Hải cả.

https://tieulun.hopto.org

Đến những năm 1886 - 1887 thì sự giao thương giữa Lạng Sơn với Long Châu hầu như không còn nữa. Những hiện tượng này, phần nào cũng chứng tỏ thái độ của nhân dân miền Nam Trung Quốc đối với sự xâm lăng của Pháp ở Việt Nam.

Đáng để ý tới việc Pháp đã tìm cách thông thương với Lào bằng các đường bộ từ Bắc Kỳ và từ Trung Kỳ. Năm 1886 - 1887 và 1888, tên Pa-vi[1] phó lãnh sự Pháp ở Luang Prabang đã tìm đường đi từ kinh đô ấy sang Bắc Kỳ bằng ngõ Điện Biên Phủ; hắn đi với đoàn quân của tên quan năm Péc-nô[2]; trong cuộc dò la này, tên tham mưu trưởng của đoàn quân Péc-nô bị nghĩa quân chặn đánh ở Điện Biên, quân Pháp suýt bị tiêu diệt, còn bản thân Péc-nô thì bị nghĩa quân chặn đánh ở Tuần Giáo. Pa-vi lại tìm đường đi từ Luang Prabang để ra Thanh Hóa và Hòa Bình; lần này hắn đi qua Chợ Bờ về Hà Nội. Sau đó, bọn Pháp dò các con đường đèo từ Trung sang Lào, cũng như trước đó, chúng đã dò con đường sông từ Khơ-me lên Lào. Sau khi Pháp chiếm Việt Nam và Khơ-me thì càng ngày càng rõ rệt là chúng muốn chiếm luôn trung lưu và thượng lưu của sông Cửu Long, mặc dầu rằng lúc ấy thương mại của vùng này chưa có gì là đáng kể.

VIII. CAI TRỊ

1. Ở Nam Kỳ. Trước đây, chúng ta đã nói đến những cải cách của Lơ-mia đờ Vi-le. Bây giờ hãy xét coi những cải cách ấy đã đưa đến đâu?

Chúng ta thấy rằng để tỏ vẻ "dân chủ", Pháp lập ra hội đồng quản hạt chỉ có một số ít quan lại và nhà giàu to cử ra, và trong hội đồng quản hạt đó người Việt Nam là số ít mà ngay cái số người Việt Nam ấy là bọn tôi tớ rất trung thành của Pháp; nói với La-nét-săn:

1. Pavie.
2. Pernot.

"Từ bốn năm nay, tôi làm Hội đồng, tôi chưa hề thấy ông hội đồng người Annam bỏ thăm mà không hỏi người thông ngôn xem ý kiến của chính phủ ra sao; và khi đã được biết ý kiến ấy rồi, thì tôi thấy rằng bao giờ các ông hội đồng Annam cũng bỏ thăm tán thành"[1].

Tiếng hội đồng "oui", "nghị gật" bắt đầu từ đó. Hội đồng quản hạt có ý kiến về thuế vụ và ngân sách; thuế vụ do người Việt đóng; dùng ngân sách thì do các ông hội đồng Pháp quyết định, họ là đa số. Mà họ là ai? Họ chính là những tên thầu khoán, những chủ đồn điền, bọn chiếm giữ cái độc quyền nào đó.

Lúc ấy, hầu như chỉ có quan lại Pháp là bỏ thăm cử hội đồng quản hạt, nên hội đồng quản hạt này rất có lợi mà xin tăng mãi số quan lại, xin bỏ nhiều tiền ngân sách vào việc cất nhà cửa cho bọn quan to:

"Người ta làm rất "tài", cho nên trong 10 năm, sưu thuế Nam Kỳ tăng lên hơn gấp hai. Năm 1878, ngân sách địa phương chỉ là 14.300.000f; năm 1880, 18.300.000f; năm 1887 là 30.119.000f cộng với 5.300.000f ngân sách hàng tỉnh và 3 triệu ngân sách xã, tất cả là trên 38 triệu"[2].

Ngân sách đó để làm gì?

"Trong số công trình có ích có thể thực hiện trong 10 năm đó, người ta chỉ kê được vài sự cải thiện nho nhỏ kể bên Sài Gòn, những đường để dạo mát quanh thành phố và vài cây số đường xá ở các tỉnh"[3].

Lúc ấy, có nhiều tỉnh Nam Kỳ, mỗi tỉnh nuôi một số quan Tây, thầy ta, chuyên lo chỉ huy làm cầu đường với số lương 25.000f một năm mà trong năm đó chỉ có 3 hay 4.000f công việc cầu đường!

1. Lanessan, *L'IC. Française*, tr. 670.
2. Lanessan, tr. 673.
3. Lanessan, tr. 673.

https://tieulun.hopto.org

Nghĩa là ngồi không ăn lương. La-nét-săn kể lại rằng ở Cần Thơ, người ta cho ông xem một công trình của Sở Trường tiền, công trình ấy là một chiếc cầu đá, dưới cầu không có nước chảy, trên cầu không có đường đi; rằng ở Sa Đéc, Sở Trường tiền dùng 5 công chức mà trong 5 năm họ chỉ huy đắp được 1 cây số rưỡi đường! Đường Biên Hòa, Bà Rịa, do một ông hội đồng quản hạt Tây thầu mấy năm rồi, mà chỉ có vài cây số từ Biên Hòa và một cây số từ Bà Rịa, kỳ dư thì chỉ có đường ở trên bản đồ. Bao nhiêu tiền công quỹ vào túi bọn cá mập cả.

"Cái công quỹ khổng lồ kia, mỗi năm bị nuốt hết bởi bộ máy quan lại quá đông đảo và bởi những công trình không sản xuất"[1].

La-nét-săn lại nói thêm:

"Tất nhiên rằng để tăng thuế lên đến cái số khổng lồ 38 triệu, người ta phải trổ ra tất cả các nghệ thuật ép nặn người đóng thuế. Thuế điền thổ bị đưa lên đến mức cuối cùng, thuế thân cộng với công sưu đóng bằng công và bằng tiền, thuế gián thu đủ hình đủ kiểu, và cuối cùng là thuế thương chính khi hàng ra rồi thì hàng vào chồng chất mãi lên cho đến lúc người ta không có gì để đánh thuế nữa, cho nên người ta gián tiếp tăng thuế bằng cách đổi ngân sách bằng đồng bạc sang ngân sách bằng đồng quan, và bằng cách lập cái độc quyền đánh bạc. Đó là cái việc mà người ta đã làm hồi 1887 với tất cả sự đồng tình của Bộ Thuộc địa ở Pháp"[2].

Chính cái năm 1887 là năm mà chính quyền thực dân vừa mới tăng thuế 25% và lập lại hệ thống nhà xéc, cho thầu cờ bạc. Ai ai đều kêu ca, cho nên chính phủ thực dân bên Pháp quy định lại quyền hạn của hội đồng quản hạt, không cho nó có ý kiến quyết định về mức thuế và sử dụng số thuế nữa mà chỉ có ý kiến tham nghị thôi, không cho những người Pháp thầu khoán và công chức

1. Lanessan, tr. 675.
2. Lanessan, tr. 675.

ứng cử vào hội đồng quản hạt nữa. Nhưng đó là một trò hề để đánh lừa dư luận: lũ nhà băng can thiệp, chính phủ thực dân trả lại hầu hết quyền hạn cho bọn Pháp ở hội đồng quản hạt và bọn thầu khoán to cứ ứng cử, cứ được, và cứ bản thân chúng cho chúng những vụ thầu tạo tác to nhất để có lời lớn nhất. Một trong những sự quái gở của sự tạo tác lúc ấy là việc làm đường xe lửa Sài Gòn - Mỹ Tho; bọn thực dân bên Pháp cần bán các hàng bằng sắt; bọn thực dân ở Sài Gòn cần chia nhau số công quỹ; chúng mới định rằng phải làm đường xe lửa Sài Gòn - Mỹ Tho, tốn công quỹ mỗi năm 600.000f, để cho gạo Hậu Giang tụ tập ở Mỹ Tho rồi thì xe lửa chở lên Sài Gòn, Chợ Lớn; làm đường ray xong không một ai chở gạo bằng xe lửa cả, vì đã có đường sông từ mấy trăm mấy nghìn năm nay, chuyên chở thuận tiện và rẻ hơn xe lửa; ngay bộ hành cũng thưa thớt; bọn Pháp bèn định không vét lại các con sông rạch nối liền Tiền Giang với Vàm Cỏ và Vàm Cỏ với Đồng Nai, để cho bùn lấp sông rạch và toan nhờ kiểu đó để cứu vãn tài chính cho đường xe lửa Sài Gòn - Mỹ Tho; (lúc ấy thì một công ty tư nhân làm đường xe lửa nhỏ từ Sài Gòn vào Chợ Lớn lại được lời nhiều).

Những sự hà lạm khác không biết kể làm sao cho hết; ví dụ như năm 1887, thình lình, tên trùm của Hội đồng quản hạt là tên Giám đốc dân vụ, lương đã cao, tự nhiên thấy lương mình được hội đồng tăng lên 100%! Nhiều tên khác cũng thế. Người Pháp ủng hộ chủ nghĩa thực dân, như ông La-nét-săn, còn phải kêu lên rằng Hội đồng quản hạt là một cơ quan tuy có vẻ dân chủ nhưng lại là một khí cụ của tụi độc tài và cũng là khí cụ để làm cho người dân phá sản (un instrument de despotisme et de ruine).

2. Tình hình chính trị và cai trị ở Trung và Bắc. Hòa ước 6-6-1884 cắt Bắc Kỳ và Trung Kỳ ra làm hai xứ khác nhau với hai chế độ cai trị khác nhau xa. Pháp cố tình phá sự thống nhất của đất nước ta. Ở Bắc, Pháp được quyền cắt cử công sứ ở hàng tỉnh để giám sát mọi sự cai trị và hoạt động của quan Nam. Ở Trung từ Bình Thuận

https://tieulun.hopto.org

tới Thanh Hóa thì Pháp có quyền đặt quan thương chính ở những cảng được mở và đặt quan cầm đầu các Sở Thương chính và tạo tác - những sở nào có dùng kỹ sư nhân viên người Pháp.

Về mặt thuế vụ thì, ở Bắc, bọn công sứ Pháp nhờ tay các quan bố thu thuế lại cho chúng giữ, rồi cùng nhau (nghĩa là sứ bảo bố nghe) định sự chi phí, còn bao nhiêu sẽ gởi về cho triều đình; thực tế là hoàn toàn không còn gì để gởi cho triều đình; ở Trung, quan Nam tự mình thu thuế cho triều đình; không có bọn sứ kiểm tra; như thế, cứ vào Hòa ước 6-6-1884 thì về mặt thuế, trừ thương chánh, thì triều đình còn ở ngoài vòng kiểm tra của Pháp.

Sở dĩ địch chia hai Trung Bắc làm hai chế độ khác nhau, ấy vì nó có ý định rất rõ rệt là ngày nào đó sẽ biến Bắc Kỳ thành thuộc địa tách rời hẳn với Huế. Điều này làm cho các tầng lớp nhân dân, đặc biệt là sĩ phu hết sức lo ngại và thù oán. Các cuộc khởi nghĩa chứng tỏ điều ấy. Tên Hác-măng là đại diện ngoan cố nhất cho cái xu hướng của Pháp quyết tách Bắc Kỳ ra làm thuộc địa như Nam Kỳ; năm 1885, hắn lại còn cắt Bình Thuận nhập vào Nam Kỳ và cắt Thanh Hóa nhập vào Bắc Kỳ, mục đích trước mắt của hắn là làm cho Trung Kỳ nghèo nàn quá không thể tự sống được, rốt cùng thì lại sẽ có thể lấy da Trung Kỳ mà xáo thịt Trung Kỳ. Năm 1883 ấy, chủ trương của Hác-măng là sau khi chiếm Thuận An, Pháp phải đánh chiếm luôn Huế; còn Cuốc-bê thì khôn hơn, sợ triều đình Huế vì nột quá mà phải hô hào toàn quốc kháng chiến, nên hắn không tấn công kinh thành, chỉ cần Huế nhận hòa ước mới. Song Hòa ước 1883 làm cho ngay bọn quan Nam triều dù sợ Pháp cũng bất bình; sĩ phu nhân dân nổi lên; vì vậy mà có Hòa ước 1884 tháng 6, có những phần nới rộng tròng cổ cho triều đình Huế mà Huế cũng không chạy đâu được.

Từ đó, bọn chính khách thực dân ở xứ ta chia ra làm 2, 3 xu hướng khác nhau: có bọn cho rằng cần phải lấy hẳn Bắc Kỳ làm thuộc địa mà tha cho Trung Kỳ; có bọn cho rằng cần cắt bớt Trung

Kỳ nhập vào Bắc và Nam; có bọn bảo cứ để như vậy rồi từ từ Nam, Trung, Bắc cũng đều là thuộc địa cả.

Do Đờ Cuốc-xy bức bách, do ý định của Cuốc-xy muốn chiếm hẳn Trung Kỳ như chúng đã chiếm Bắc Kỳ nên việc biến lớn ở kinh thành xẩy ra ngày 5-7-1885. Hàm Nghi ra Sơn phòng với Tôn Thất Thuyết, truyền hịch Cần vương; cả nước Việt Nam nổi dậy. Nguyễn Văn Tường trở lại với Pháp, nhưng không giảm bớt nổi phong trào, không mời Hàm Nghi trở lại được. Bọn Pháp thấy rằng các thuyết của chúng trước đây có nói rằng có dân tộc Bắc Kỳ khác dân tộc Trung Kỳ, người Bắc bị người Trung thống trị nên muốn được giải phóng v.v... các thuyết ấy đều hoàn toàn vô căn cứ.

"Thực ra, tinh thần dân tộc - sentiment national - của người Annam rõ ràng sâu sắc hơn là chúng ta thường tưởng tượng"[1].

Bọn Pháp thấy không thể nào xâm chiếm cả, trực trị cả, cho nên Cuốc-xy, Sam-pô, Sin-vết cùng với Nguyễn Văn Tường và Nguyễn Văn Độ họp nhau ngày 30-7-1885 để ký một quy ước phụ thuộc cho Hòa ước 1884; theo quy ước này thì Trung Kỳ và Bắc Kỳ có một chế độ bảo hộ gần giống nhau, lập một đạo quân do cán bộ Pháp chỉ huy mà do triều đình chịu tổn phí, lập ngân sách duy nhất cho cả Trung Bắc, lập một hội đồng nội các trong đó, hễ bộ nào quan trọng thì có người Pháp tham dự cạnh quan thượng thư Việt Nam, triều đình Huế tùy theo sự đề nghị của quan kinh lược mà cử các quan hàng tỉnh ở Bắc, còn quan kinh lược thì tự mình cử huyện phủ; Pháp vẫn nắm quyền thương chính, tạo tác, quân sự, ngoại giao.

Đó là cách "bảo hộ" ở Tuy-ni-di.

Tên Bộ trưởng Bộ Chiến tranh ở Pháp là tướng Cam-pơ-nông không tán thành thống nhất chế độ cai trị và chính trị ở Bắc, Trung; hắn đưa ra một quy ước khác, quy ước này giữ sự chia cắt

1. Lanessan, tr. 683.

https://tieulun.hopto.org

Bắc và Trung như Hòa ước 1884, và còn nặng nề hơn nữa. Theo quy ước mà Cam-pơ-nông và chính phủ Pa-ri để nghị (điện ngày 13-8-1885) thời:

- Khâm sứ Pháp chủ tọa hội đồng nội các của triều đình.

- Phụ chính, thượng thư của triều đình muốn được cử ra thì phải được khâm sứ Pháp chuẩn y; khâm sứ Pháp có quyền đòi cách chức vô luận ông phụ chính hay thượng thư nào.

- Chế độ bảo hộ ở Bắc Kỳ có thể được thực hiện ở những tỉnh Trung Kỳ, nếu khâm sứ Pháp thấy cần.

- Triều đình Huế phải nhận và trả lương cho một phái bộ quân sự Pháp; quân Nam triều sẽ không quá 10.000 người và phải do người Pháp chỉ huy; quân đội người Việt ở Bắc thì riêng, triều đình không có quyền hạn gì đến số quân ấy.

Bọn thực dân Pháp ở Việt Nam thấy rằng nếu công bố bản quy ước này thì nhân dân khởi nghĩa càng mạnh hơn lên nữa, mà cả cái triều đình thân Pháp của Đồng Khánh cũng bất bình lo ngại, vì nếu theo quy ước này thì Huế tuyệt nhiên không thể còn chút ảnh hưởng nào nữa đối với sĩ phu và dân, cho nên bọn Pháp không đem chỉ thị của Bộ trưởng Cam-pơ-nông ra thực hiện mặc dầu chỉ thị của Cam-pơ-nông là phải thực hiện ngay.

Cuốc-xy là một tên võ phu vô chính trị; thấy Tường không làm gì cho hắn được mấy; hắn bắt đầy Tường, tịch thu gia sản của Tường; Tường bị đày, bị chết chẳng ai thương; nhưng ảnh hưởng của Tôn Thất Thuyết thì lại tăng lên rất nhiều, Sam-pô thấy nguy nên từ chức.

Pôn Be sang xứ ta làm Toàn quyền thì hắn nuôi cái ý định cắt Trung Bắc, hắn tin một bọn thực dân và Việt gian hạng nặng hót xung quanh hắn rằng triều đình Huế đồng ý giao hẳn Bắc Kỳ cho Pháp nếu Pháp chịu bỏ quyền bảo hộ ở Trung. Pôn Be đi tới một

bước nữa là: giữ bảo hộ ở Trung, mà cắt đứt hẳn Bắc Kỳ ra khỏi Huế, nhập vào Pháp như Nam Kỳ; chúng ta biết rằng từ 1883 - 1884, trong thành Hà Nội, bọn Pháp có nuôi và nuôi mãi đến 1890, một người đàn bà mà chúng nó nói là giòng giõi nhà Lê, con đàn bà họ Lê đó là một con bài mà một bọn Pháp muốn dùng để tách hẳn Bắc Kỳ ra khỏi Trung Kỳ, con đàn bà đó còn làm việc chiêu đãi lính Tây. Mãi đến 1894 thì cuộc toan tính lập "nước" Bắc Kỳ có vua Lê tách khỏi "nước" Trung Kỳ có vua Nguyễn, mới chấm dứt.

Tháng 9 năm 1886, Pôn Be đề nghị cho Huế một quy ước đại ý như sau: Pháp lấy hẳn Bắc Kỳ, còn ở Trung Kỳ thì Pháp nắm quyền ngoại giao, thương mại, thương chính, tất nhiên là giữ y nguyên các khâm sứ, công sứ, đồn quân, đồn thương chánh; Pôn Be lại đòi Huế phải mua bán chỉ với Pháp thôi để làm các công trình xây dựng.

Chính phủ Nam triều trả lời là không nhận. Pôn Be đã chết mấy hôm trước rồi.

Chính lúc mà Pôn Be đề ra dự thảo quy ước này thì hắn cho phép quân đội thực dân ở Nam Kỳ ra chiếm Bình Thuận và Khánh Hòa. Báo Sài Gòn không hề giấu giếm rằng bọn thực dân ở Sài Gòn có ý định giữ hai tỉnh ấy trong bản Nam Kỳ thuộc địa. Hòa ước 1884 bị xâm phạm, như tất cả các hòa ước trước đây đều bị chính Pháp xâm phạm. Chẳng những thế, quân Pháp ở Nam Kỳ tiến lên chiếm Phú Yên và Bình Định, bất chấp triều đình; bản thân tên Trần Bá Lộc đã tự khắc con dấu bạc xưng mình là tổng đốc khâm sai Bình Phú, khâm sai không ai sai làm khâm sai cả.

Còn ở phía Bắc Trung Kỳ thì Pôn Be ra lệnh cho quân Pháp vào chiếm lấy Thanh, Nghệ, Tĩnh để nhập vào bản đồ Bắc Kỳ thuộc địa như Nam Kỳ hay là "nước" Bắc Kỳ có vua Lê. Những cuộc khởi nghĩa ở Thanh, Nghệ, Tĩnh, nhất là khởi nghĩa Ba Đình chính là sự chống lại cuộc xâm lăng ấy. Tên tuổi, uy thế của Hàm Nghi càng lên cao trong sĩ phu và nhân dân.

https://tieulun.hopto.org

Triều đình Đồng Khánh có xin Pôn Be (Toàn quyền) và Bi-hua[1] (Khâm sứ), giải thích về sự xâm phạm Hòa ước 1884; nhưng bọn này không thèm trả lời. Triều đình bù nhìn không dám làm gì hơn là toan gửi thư kêu nài về bên Pháp, không xin xỏ gì nhiều lắm đâu, chỉ xin theo Hòa ước 1884 mà trả lại các tỉnh cực nam, cực bắc của Trung Kỳ, xin quân Pháp đừng đóng ở các chùa trong các tỉnh, thành, xin Toàn quyền đóng trụ sở ở Huế, xin nhà vua có quyền trực tiếp cử quan hàng tỉnh ở Bắc và được thu thuế điền thổ ở Bắc, v.v... toàn là những cái xin của kẻ tôi đòi. Từ trước đó viện Cơ mật đã phải nhường cho Pôn Be cái quyền cử quan lại ở Bắc bằng cách cho quan kinh lược Bắc Kỳ theo ý Pháp mà cử các quan ấy không phải hỏi Huế, nghĩa là về hình thức cũng như về nội dung, Bắc Kỳ đã lọt hẳn vào tay của Pháp, na ná như Nam Kỳ. Nay viện Cơ mật nghĩ rằng: "thời kỳ loạn đã qua rồi" giao thông giữa Hà Nội và Huế đã lập lại được thì không cần giao quyền cho quan kinh lược chỉ định quan hàng tỉnh huyện ở ngoài Bắc nữa. Về mặt tài chính thì, từ 1884, Pháp đã chiếm tất cả thương chính rồi, triều đình không có thu được gì nữa, Nam và Bắc là nơi có nhiều ruộng thì Pháp giữ cả thuế điền thổ, chỉ cho lại Huế có 1.500.000 quan mà thôi (phần nửa bằng tiền, phần nửa bằng gạo): đối với một triều đình mà sống và hoạt động với 750.000f, mấy trăm tấn gạo, thì sống làm sao? Vả lại Pháp cho phân nửa, còn phân nửa thì kỳ kèo hẹn mãi từ 1886 đến 1887 chưa trả, đến 1887 thì số tiền triệu rưỡi này chưa được tính trong ngân sách của Pháp ở Bắc. Cơ mật kêu đói, Bi-hua bảo rằng chỉ có thế thôi, sống làm sao được thì sống. Triều đình không dám hở môi nữa, nhưng quan lại của Huế thì bất bình.

Trong tình cảnh "chết đói" ấy, triều đình đồng ý với đề nghị mới của Pháp là từ nay Pháp nắm luôn quyền quy định và thu chi các ngạch thuế trong xứ ở Trung Kỳ. Hơn nữa, từ nay Pháp lại nắm

1. Nhà xuất bản chưa tra được từ nguyên.

quyền tổ chức và chỉ huy công an ở khắp các tỉnh. Thế là một bước đi sâu vào việc bỏ những quyền hạn còn sót lại của triều đình, sau khi mất những quyền hạn căn bản như ngoại giao, thương chính, quân sự, Pháp sẽ cứ theo đường này mà lấn lướt mãi cho đến khi nhà vua chỉ còn có cái quyền phong các ông thần ở các đình làng. Cũng từ 1887, chẳng những khâm sứ Pháp ở Huế có quyền chủ tọa hội đồng nội các, hắn còn có quyền tham dự bất cứ phiên họp nào của viện Cơ mật, lại có quyền cử viên chức Pháp vào phụ trách công việc ở vô luận bộ nào, vô luận tỉnh nào; bọn công sứ hàng tỉnh ở Trung Kỳ xuất hiện từ đây, cũng như đã có ở Bắc Kỳ từ lâu. Đạo chỉ dụ ngày 3-6-1887 chấm dứt hoàn toàn những quyền hạn của triều đình Huế mà Hòa ước 1884 để lại ít nhiều. Từ nay, chẳng những không còn có ngoại giao, quân đội, công an, thương chính của triều đình mà cũng không còn có ngân sách của triều đình nữa; từ vua cho đến người chạy giấy đều là do Pháp trả lương.

Còn ở Bắc Kỳ, chính sách cai trị của Pháp ra sao? La-nét-săn thú thật:

"Ở Bắc Kỳ, tình hình của chúng ta (Pháp) còn rắc rối hơn nữa. Cái chính sách trực trị mà chúng ta thi hành, đã đưa đến những sự tiêu phí lớn lao, lại làm cho nhân dân bất bình nổi lên chống chúng ta và bắt buộc ta phải chiếm đóng bằng quân sự tốn hao vô cùng. Chúng ta không chịu chủ tâm thi hành đúng Hòa ước 6-6-84 mà chúng ta đã bắt buộc chính phủ Annam phải ký nhận; chúng ta không chịu thực hiện chính sách bảo hộ đã ghi trong hòa ước ấy; chúng ta không chịu dựa vào nhà vua, và quan lại và vào sĩ phu để cai trị Bắc Kỳ và Trung Kỳ; những người đại diện của chúng ta, ngược lại, lại có ý thức ít hay nhiều theo chính sách của các cha cố, mà cơ sở của chính sách của các cha cố là thủ tiêu quan lại và sĩ phu Annam. Kết quả của chính sách ấy là phải chinh phục Trung Kỳ và Bắc Kỳ với một sự tiêu tốn rất lớn về người và về tiền".

https://tieulun.hopto.org

"Không dám tiếp tục chính sách đó ở Trung Kỳ - nếu thực hiện nó thì phải thủ tiêu nhà vua trước đã - các công sứ của ta cứ châu vào Bắc Kỳ.

Họ tưởng tượng một cách sai lầm rằng họ thi hành chính sách ấy ở Bắc dễ hơn ở Trung. Do đó mà từ 1883, người ta cứ lo cái việc cắt rời Bắc và Trung về mặt cai trị, ý kiến này than ôi, đã lọt vào trong Hòa ước 1884.

Mà, những hành động nào có mục đích làm giảm bớt ảnh hưởng của vua và triều đình, giảm bớt ảnh hưởng của các quan và của những người sĩ phu, những hành động đó đều đã có những kết quả rất khác xa với kết quả mà nhân viên của ta mong muốn.

Người ta (các cha cố) hứa với họ (nhân viên Pháp) rằng nếu ở Bắc mà chúng ta đánh đổ các quan Nam triều thì chúng ta sẽ được lòng người Bắc Kỳ; người ta hứa với họ rằng nếu chúng ta chiến tranh để tiêu diệt sĩ phu thì dân chúng sẽ cảm ơn ta, cảm tình với ta; sự thật là dân chúng có bị quan Nam triều đè nén, mà họ bị ta đè nén còn hơn về các mặt thuế vụ, công sưu, nên chi, hoặc dân chúng không theo ai, hoặc họ chống lại ta, mà số quan lại và số sĩ phu chống ta thì càng ngày càng đông.

Chúng ta thấy bị đe dọa bởi tinh thần để kháng của nhân dân, nên ở Bắc Kỳ sau khi bình định về vật chất, chúng ta bị bắt buộc phải đồn trú một số rất đông binh lính Âu châu và bản xứ, đặt rất nhiều đồn bốt, tổ chức nhiều binh đoàn lưu động, làm nhiều cuộc càn quét, quân lính chúng ta mệt nhọc, đuối sức, bao nhiêu tiền bạc phí tổn hàng năm mà không có lợi ích gì cho xứ này, nhân dân càng bất bình thêm vì sưu dịch và vì nhà binh luôn luôn can thiệp vào đời sống của người bản xứ.

Để làm thăng bằng cái ngân sách quân sự lớn lao mà cái chính sách đáng bị ghét bỏ kia bắt buộc phải có, người ta không làm được những công trình tạo tác cần thiết nhất, mà lại tạo ra những thuế

thương chính tai hại..., nói tóm một câu, ta đã hy sinh thương mại công nghệ, tất cả các nguồn làm giàu của xứ này"[1].

Đó là bức tranh thu gọn chính sách cai trị của Pháp ở Bắc Kỳ lúc bấy giờ; cùng với sự xâm lược, đó là cơ sở kinh tế và chính trị của phong trào kháng Pháp của nhân dân Việt Nam ta, của phong trào Cần vương.

Phong trào kháng Pháp trong những năm 1887 - 1888 lên rất cao khắp Bắc Kỳ. Không có đường bộ và đường sông nào mà địch đi lại một cách vô sự được, đồn bốt của địch đóng dày trên con sông đào từ Hải Phòng sang sông Hồng, mà tàu của tên khâm sứ đi qua đều bị quân ta công kích. Ngay xung quanh Hà Nội, ngày của địch, đêm của ta, từ Hà Nội đi Bắc Ninh, địch muốn đi phải có quân bảo vệ cẩn thận. Các bốt thì nhiều mà hầu hết lính địch không ra khỏi hàng rào bốt ấy; các đoàn quân lưu động của địch luôn luôn đi càn quét quyết phá chủ lực nghĩa quân nhưng không hề dám đóng lâu ở một địa điểm ở nội địa nông thôn.

"Các đạo quân du kích ở Bắc Kỳ ngày nay, hầu hết đều có vũ trang tốt: họ không thiếu súng bắn mau; họ mua lậu súng ống, họ còn được lính mã tà người bản xứ cung cấp cho họ.

Người ta không nói đến, nhưng ai cũng biết rằng, lính mã tà Bắc Kỳ bán đạn, bán cả súng, hoặc bán để có tiền tiêu, hoặc cố ý giúp quân phiến loạn mà trong số đó họ có bè bạn, bà con"[2].

Tất cả các thị trấn ở trong tay địch; nhưng lúc ấy hầu hết nông thôn thì thực tế ở trong tay của nghĩa quân. Địch thú nhận rằng phe kháng chiến, phe Cần vương, trở thành một đảng dân tộc (un parti national) mà nông dân ở nhà quê, thợ thuyền ở thành thị đều nghe theo mệnh lệnh.

1. Lanessan, *L'IC française*, tr. 711 - 712.
2. Lanessan, tr. 713.

https://tieulun.hopto.org

Lúc bấy giờ ảnh hưởng của cố Puy-gi-nhê rất sâu sắc đối với thực dân Pháp. Puy-gi-nhê rất thù hằn với các nhà sĩ phu, hắn cho rằng không tiêu diệt tầng lớp sĩ phu thì không bình định được Bắc Kỳ. Đối với số quan Nam triều theo Pháp thì Pháp xem họ như không có; chúng thiếu người cộng tác, chúng đem những bọn tay sai lưu manh vào làm những chức cao có quyền nhiều:

"Lựa chọn người như thế là chúng ta vâng theo chính sách lâu nay của cha cố, chính sách này có mục đích là tiêu diệt tầng lớp sĩ phu, như thế là chúng ta đi ngược lại với quyền lợi chính trị trực tiếp nhất của chúng ta bằng cách xô ra xa chúng ta cái bộ phận khôn ngoan nhất, hoạt động nhất và cũng là bộ phận có ảnh hưởng nhất trong dân chúng Bắc Kỳ, cái bộ phận mà thợ thuyền ở thành thị và dân cày ở nông thôn đều nhằm mắt nghe theo, cái bộ phận mà ngay những cha cố cũng phải thừa nhận là một đảng dân tộc"[1].

La-nét-săn lại kể rằng:

"Trong lúc mà chúng ta làm cho các vị quan và các sĩ phu xa lánh chúng ta bằng trăm nghìn cách rầy rà họ và bằng cách đụng chạm đến quyền lợi trực tiếp của họ, thì chúng ta cũng làm cho nhân dân oán ghét chúng ta vì chúng bắt phu nhiều quá đỗi, ở các làng thì đội quân lưu động nào, đồn bốt nào cũng bắt phu; quân lính chúng ta lại đối xử tàn tệ với những người phu ấy... làm cho rất đông người chết, có đi không về... số người chết đông đảo đáng ghê sợ. Tỉnh Bắc Ninh trước trù mật biết mấy nay thưa thớt dân cư vì các cuộc bắt phu; dân bỏ làng đi trốn để khỏi bị bắt. Chính mắt tôi thấy trên đường Phủ Lạng Thương đi Kép tàn tích của khá nhiều làng bị bỏ trống và vô số ruộng bị bỏ hoang"[2].

Làng mạc còn bị tàn phá bởi những đội quân lưu động lớn của địch, binh đoàn lưu động của tên quan năm Gô-đa[3] hoạt động

1. Lanessan, tr. 715.
2. Lanessan, tr. 716 - 717.
3. Godard.

trên hai bờ sông Luộc từ Hải Phòng qua Hồng Hà, đốt gần sạch tất cả các thôn xóm. Địch phải thừa nhận rằng *"các binh đoàn lưu động đã chẳng bình định được gì mà lại còn làm cho các cuộc nổi loạn kéo dài mãi"* mặc dầu bắn giết không biết là bao nhiêu, mặc dầu *"người ta đã cho lưỡi lê hoạt động tự do như hồi của tướng Nê-gơ-ri-ê cầm quân"*.

Đó là ở trung châu và trung du.

Còn ở thượng du thì La-nét-săn thuật lại lời của một võ quan Pháp:

"Những cuộc chinh phạt hiện nay, tôi không tin là có kết quả gì mấy. Kẻ địch của ta cứ tránh giáp chiến, bắt buộc quân ta phải đuổi sức vì đuổi theo hoài, đuổi theo mãi mà không làm gì được họ, vì trong cả môn "thể thao" này thì chúng ta thua họ xa lắm".

Cho nên La-nét-săn viết:

"Không thể nào kéo dài cái tình trạng này, vì tình trạng này làm cho cả chính quốc lẫn Bắc Kỳ đều phá sản".

Năm 1888, trong cái ngân sách 54 triệu quan cho Bắc Kỳ thì riêng quân sự đã nuốt hết 40 triệu rồi. Dân không chịu đóng thuế; địch trù liệu chỉ thu 7 triệu mà thu cũng không đủ.

3. Tình hình chính trị và cai trị ở Khơ-me. Sự xâm nhập của cha cố công giáo vào nước Khơ-me đã bắt đầu từ giữa thế kỷ XVI; trước tiên là cha cố Bồ Đào Nha (Luiz Cardoz và Jean Madiera). Rồi thì tới cha cố Y Pha Nho (1581). Độ ấy, cha cố đã can thiệp vào nội trị nước Khơ-me bằng cách bênh vực một cánh trong hoàng tộc chống với cánh khác trong một cuộc đảo chính. Đến đầu thế kỷ XVII (1610) thì cha cố Pháp mới vào Khơ-me. Vua Khơ-me luôn luôn để công giáo tự do, duy người Khơ-me thì rất ít đi đạo. Năm 1863, Đô đốc La-gơ-răn-đi-e xâm chiếm Khơ-me. Năm 1884 tên Thống đốc Nam Kỳ là Thom-sơn bắt buộc vua Nô-rô-đôm ký tân

https://tieulun.hopto.org

ước 7 tháng 6, nhà vua thừa nhận tất cả các sự sửa đổi về cai trị, tòa án, tài chính, thương mại mà Pháp thấy cần làm, các quan Khơ-me ở các tỉnh cũng như vua Khơ-me ở Pnông-Pênh đều hoàn toàn do quan Pháp điều khiển, thậm chí các sở của các bộ ở triều đình, nơi nào có dùng người Pháp thì sở ấy đều do Pháp trực tiếp chỉ huy.

Chính cái tân ước này là nguyên nhân trực tiếp của cuộc khởi nghĩa của hoàng thân Sri Vôtha.

Ngày 1-11-84, Thống đốc Nam Kỳ là Thom-sơn ra nghị định lập ở Khơ-me một chế độ chính trị, cai trị và pháp lý na ná như ở Nam Kỳ: người đời sau không khỏi lấy làm lạ tại sao nước Khơ-me gọi là "được bảo hộ" mà lại do tên thống đốc Nam Kỳ trực tiếp điều khiển bằng nghị định của nó. Thực tế lúc ấy lũ thực dân Pháp xem Khơ-me là thuộc địa như Nam Kỳ và đã bắt đầu sáp nhập nước Khơ-me vào Nam Kỳ. Theo nghị định của Thom-sơn thì Pháp chia nước Khơ-me làm 8 tỉnh, mỗi tỉnh chia từ quận, mỗi quận chia từ tổng, mỗi tổng gồm nhiều xã. Tất cả sự quản trị các tỉnh, quận, tổng, xã này đều trực tiếp dưới tay của khâm sứ Pháp; mỗi tỉnh lại có một công sứ Pháp cai trị; dưới quyền tên công sứ ấy, có quan lại người Khơ-me. Xã (sroc) tổ chức y hệt như xã ở Nam Kỳ, có hội tề, có xã trưởng (me sroc) làm sổ hộ dân đinh, ruộng đất, thu thuế, bắt lính, tuần phòng, v.v... Chú ý đến điều này là tất cả các sở ở triều đình Pnông-Pênh là trực thuộc với các phòng các sở ở Nam Kỳ!

Như thế, Pháp xem xứ Khơ-me như một tỉnh của Nam Kỳ; nó lại xáo trộn cả sinh hoạt xã hội của xứ Khơ-me là xứ mà, đến 1884, chế độ tư hữu tài sản về ruộng đất, nói chung là chưa có như ở Nam Kỳ, chế độ nô lệ còn nhiều quan hệ sâu sắc, kinh tế tự nhiên còn là chính yếu. Tên Ba-đen vâng lệnh thống đốc Nam Kỳ lên chinh phục lại Khơ-me cho chính quyền thực dân ở Nam Kỳ; nó đem thay cái độc quyền á phiện ở Khơ-me bằng cái độc quyền á phiện của chính quyền ở Nam Kỳ; tất cả các thuế gián thu

Khơ-me đều do Nam Kỳ thu cả, thuế thân, thuế đất chẳng có bao nhiêu (vì dân ít, đất tư hầu như chưa có, nên chúng để hai loại thuế đó cho triều đình Khơ-me; còn về phần chúng thu tất cả thuế của độc quyền mở sòng bạc. Cho nên, chẳng những dân, mà cả quan lại Khơ-me cũng không đủ sống.

Không lạ gì mà bắt đầu vào sự "cải cách" này, nói cho đúng hơn, vào cái mưu sáp nhập Khơ-me vào thuộc địa Nam Kỳ của Pháp, thì cuộc khởi nghĩa nổ lên dữ dội, kéo dài hai năm, bắt buộc Pháp phải thực hiện một chính sách mới vào cuối năm 1886.

Trong suốt hai năm, toàn dân toàn quốc khởi nghĩa đó, 6.000 quân Pháp đàn áp rất dữ dội. Tên quan năm Ba-đen, lúc ấy là Khâm sứ đóng dọc theo 4 cánh sông tới trên 30 đồn; trên bộ hơn 20 đồn; pháo thuyền địch xuôi ngược bắn phá. Đó là chưa kể các đội quân lưu động. Mỗi đồn không đủ quân số cao nên quân ấy không mấy khi dám ra khỏi hàng rào; đường sá khó khăn, vận tải lương thực đạn được rất tai hại cho dân: địch bắt phu, bắt xe trâu; riêng để tiếp tế cho 2 đồn gần Pnông-Pênh là Pnông-Ba-sắc và Kompông-Tun, mà địch đã phải sung công mỗi tuần từ 200 tới 300 xe trâu của dân. Dùng thế nào? Địch lúc ấy cũng còn ghi lại rằng bọn Pháp hay ngừng giữa đường rồi giết chết trâu mà ăn, ăn một đùi vứt cả con trâu; nhân dân thán oán vô cùng, ít nhất là họ bỏ sroc, mà vào rừng núi sâu để làm ăn hay để chống cự lại.

Cho nên, đến 1887 thì, ít hay nhiều, Pháp phải sụt lùi và trở lại một phần cai trị trước 1884. Cả Khâm sứ Pi-kê và vua Nô-rô-đôm ra bản hiểu dụ nhân dân rằng Pháp từ bỏ chính sách đã áp dụng từ 1884.

Thực tế, thì bóp bằng cách này không được, nó cố bóp bằng cách kia; từ nay (1887), thì tuy số các đồn bốt phải rút bớt đi nhiều, vua Nô-rô-đôm bị buộc phải "mời" khâm sứ Pháp chủ tọa hội đồng vương quốc!! Pháp nắm tất cả.

https://tieulun.hopto.org

"Nói tóm lại, ở xứ Khơ-me, không có gì mà có thể nói rằng đó là bảo hộ: về phương diện tài chính thì quan lại Pháp ở Nam Kỳ bóc lột, làm cho Khơ-me phá sản; về phương diện cai trị và chính trị, đâu đâu cũng là vô trật tự, vô chính phủ"[1].

Bọn Pháp cốt đưa nhiều tên quan lại Pháp vào bộ máy thống trị để rút rỉa; tỉ như Sở Thương chính về á phiện phải tốn cho bọn này 30% số tiền thu được; hay tỉ như năm 1888, tòa án Pháp ở Pnông-Pênh tiêu 74.000f mà, 3 tháng cuối năm chỉ "xử" có một vụ rầy rà giữa một chị bán cà phê và hai anh hát dạo!!!

Lúc ấy, vào 14-2-1887, Khâm sứ Pi-kê và nhà vua Pnông-Pênh ra hai đạo dụ quan trọng:

- Từ nay, tất cả quan lại lớn nhỏ, cao thấp người Khơ-me đều trực thuộc tòa Khâm sứ. Như thế là nhà vua không còn quyền hành gì nữa trừ quyền hành trong bốn bức tường của hoàng cung.

- Từ nay, công điền, công thổ (tức là hầu hết điền thổ và sơn lâm xứ Khơ-me) có thể được bán và mua làm của tư nhân.

Đến tháng 4 năm 1887, dưới áp lực Pháp, Nô-rô-đôm "chỉ thị" cho Khâm sứ Pi-kê từ nay sẽ hoàn toàn phụ trách việc tổ chức và chỉ huy tài chính của nước Khơ-me cũng như hắn làm chủ tịch hội đồng vương quốc; từ nay thì không có ngân sách riêng của "bảo hộ" và của triều đình mà chỉ có một ngân sách của thực dân, từ vua đến quan Khơ-me đều do Pháp trả lương cả, từ việc làm điện vua đến việc mua giấy mực của quan đều hỏi nơi Pháp. Ấy thế mà bọn thực dân ở Nam Kỳ và ở Pa-ri cũng không muốn; chúng không muốn để xứ Khơ-me thành một đơn vị riêng tuy vẫn là xứ thuộc địa của Pháp; chúng muốn sáp nhập Khơ-me vào sự quản trị của Sài Gòn, chính Pa-ri quyết định ngân sách cho Khơ-me và chính Sài Gòn tiếp tục chỉ huy sự thu và chi cho Khơ-me. Ý định và hành động này là một với ý định và hành động của bọn thực

1. Lanessan, *L'IC française*, tr. 738.

dân ở Sài Gòn đối với bốn tỉnh miền Nam Trung Kỳ mà chúng đã thực tế sáp nhập vào thuộc địa Nam Kỳ của chúng nó.

4. Lập chính phủ thuộc địa Đông Dương. Từ lâu, bọn thực dân ở Sài Gòn nuôi ý muốn hút Khơ-me và miền Nam Trung Kỳ vào địa bàn của chúng, đó là chưa nói rằng chúng đã tỏ ý muốn thu hút cả nước Việt Nam. Các cuộc khởi nghĩa của người Việt cũng như của người Khơ-me, cả sự phản đối nhiều hay ít của hai triều đình Pnông-Pênh và Huế cũng đã phần nào ngừng tay chúng nó. Chúng nó bèn để ra cái ý lập Liên bang Đông Dương (Union Indochinoise) mà Sài Gòn sẽ là trung tâm. Nếu trong sự toan tính thu hút Khơ-me và miền Nam Trung Kỳ vào Nam Kỳ bị nhiều cánh thực dân khác phản đối, thì cái ý lập Liên bang Đông Dương, cũng gọi là "Đông Pháp", thì được tất cả bọn thực dân đồng ý. Lập chính phủ thuộc địa Đông Pháp, thực dân sẽ được nhiều sự tiện lợi:

Thống nhất chỉ huy và hành động của chúng nó để chống các dân tộc bị chinh phục.

Chia rẽ hẳn Việt Nam ra làm 3 phần với 3 chế độ cai trị khác nhau.

Đặt các đơn vị của liên bang trong một cái khuôn hẹp, khuôn ấy lại ở trong hệ thống thuộc địa của Pháp; các vương quốc gọi là được "bảo hộ" đã chẳng được trực tiếp với Bộ Ngoại giao cũng không được trực tiếp với Bộ Thuộc địa, mà chỉ trực tiếp với Phủ Toàn quyền Đông Pháp, Phủ Toàn quyền này là một cấp dưới của Bộ Thuộc địa. Sự áp bức sẽ nhiều tầng hơn, sẽ nặng nề hơn, như trên chậu cá chồng 2, 3 tấm thớt.

Theo những tầng nghị định ngày 17 và ngày 20 tháng 10 năm 1887, chính quyền thuộc địa Đông Dương thành lập. Trụ sở ở Sài Gòn, do một tên toàn quyền Pháp cầm đầu, dưới tay hắn có thống đốc Nam Kỳ, khâm sứ Khơ-me, khâm sứ Trung Kỳ và khâm sứ Bắc Kỳ; ở Sài Gòn, dưới tay của tên toàn quyền có các nha sở cho

https://tieulun.hopto.org

toàn Đông Dương. Mỗi xứ trong bốn xứ đều có ngân sách riêng, trong một cái ngân sách chung toàn Đông Dương. Bộ máy cai trị đã nặng nề vô cùng lại càng nặng nề hơn nữa; số viên chức Pháp tăng vọt lên. Vì vậy mà thuế cũng tăng, các việc gọi là "công ích" đã ít rồi lại càng giảm hơn nữa.

Chương 19

KINH THÀNH VŨ TRANG KHÁNG PHÁP HÀM NGHI RA SƠN PHÒNG VÀ TRUYỀN HỊCH CẦN VƯƠNG

I. TÌNH HÌNH Ở VIỆT NAM SAU KHI QUY ƯỚC THIÊN TÂN GIỮA PHÁP VÀ THANH ĐƯỢC CHUẨN Y VÀ THI HÀNH

Sau khi quy ước Thiên Tân được chuẩn y và bắt đầu thi hành thì tình hình có sự thay đổi quan trọng cho tiền đồ của ta lúc ấy. Thực dân Pháp nay đã rảnh tay ở phía Trung Quốc sẽ tập trung lực lượng vào việc tiêu diệt ý chí đề kháng còn lại ở triều đình Huế, vào việc mà chúng gọi là bình định, nghĩa là tiêu diệt các trung tâm kháng chiến của nhân dân, xâm chiếm những vùng tự do còn rộng lớn mà bấy lâu nay chúng nó không đủ sức đánh phá. Về phần triều đình nhà Thanh thì nó cốt hòa với các đế quốc để "trị an" bên trong; cuộc chiến tranh Trung - Pháp vừa qua làm bộc lộ thêm rõ hơn nữa tình trạng thối nát của phong kiến Thanh mà một cánh phong kiến ở Huế bấy lâu muốn dựa dẫm để ít nhiều chống Pháp. Thanh chẳng những bỏ rơi Huế mà còn bắt đầu đi vào đường mở miền nam và tây nam Trung Quốc cho thế lực của chủ nghĩa thực dân Pháp. Môi hở thì răng lạnh, tránh khỏi thế nào? Việt Nam bị

https://tieulun.hopto.org

chiếm thì ngõ cửa miền nam Trung Quốc bị trống trải. Về phần triều đình Huế thì quy ước Thiên Tân nhất định đã làm cho cánh đầu hàng Pháp mạnh thêm lên, chúng càng có lý do để biện luận rằng Thanh kia còn phải chịu thua, nếu ta chủ trương để kháng thì chỉ là dại dột. Trong căn bản, tình hình có đen tối đối với tiền đồ của xứ ta lúc ấy; trước mắt thì khó trông thấy sự thắng lợi; tuy vậy cánh kháng chiến vẫn duy trì kháng chiến, anh dũng phấn đấu, cố trì cứu để đợi cơ hội thuận lợi mới, thà chết không thà làm nô lệ, điều ấy càng làm nổi bật chí khí quật cường, tấm lòng yêu nước của dân tộc Việt Nam ta.

1. Về phần của thực dân Pháp. Khi được tin quân Pháp thảm bại ở Lạng Sơn thì bọn tư bản tài chính Pháp đoán trước rằng chính phủ J. Phe-ri của chúng nó không thể đứng vững được; chúng lại sợ rằng dưới áp lực của công luận nhân dân, hạ nghị viện Pháp có thể làm trở ngại phần nào cho cuộc xâm lược Việt Nam; cho nên, trước khi nghị viện họp để chất vấn Phe-ri về "vấn đề Bắc Kỳ", thì bọn tư bản tài chính và Phe-ri đã đồng mưu với nhau để tranh thủ thời gian, hối hả gửi thêm 6.000 viện binh sang Việt Nam. Quy ước Pháp Trung đã ký ngày 4-4-1885, nhưng Pháp vẫn tiếp tục cho quân đó đi qua Viễn Đông, một phần vì Pháp nghĩ rằng phải có số quân đông đảo, thì mới buộc được nhà Thanh thi hành quy ước Thiên Tân (vả lại, trong thời quy ước này, không có nói đến việc bãi bỏ cuộc phong tỏa Trường Giang, lúc ấy Cuốc-bê vẫn còn phong tỏa Trường Giang), nhưng phần ý nghĩa quan trọng của sự điều động thêm binh lính này là cốt để đối phó với nhân dân Việt Nam nổi lên, kháng chiến khắp các nơi. Kinh nghiệm xương máu của địch ở Nam Kỳ là, chiếm thành quách, đánh quân chính quy, bức bách triều đình nghị hòa v.v... là những điều không khó bằng sự trấn áp quần chúng của một dân tộc đã biết sống độc lập cả nghìn năm. Ngày 24-4, tướng Bờ-ri-e đờ Lin đã chẳng đánh điện về Pháp mà báo cáo rằng:

"Những toán giặc được thành lập khắp các nơi trong cả vùng đồng bằng".

Và cũng báo cáo rằng hắn ta đã phải:

"Tổ chức nhiều đoàn quân lưu động đánh nhiều trận tuy nhỏ thôi nhưng gian khổ và nguy hiểm, trong lúc chờ mùa thu trở lại mới có thể hoạt động với quân số quan trọng hơn".

Pháp trông mong rằng quy ước Thiên Tân làm nản chí của dân Việt Nam. Nó lầm. Dân Việt Nam không nản chí mà quyết tự lực cánh sinh. Chính phủ Brit-sông[1] lên thay cho chính phủ Phe-ri ở Pháp và tiếp tục chính sách thuộc địa của tư bản tài chính Pháp. Pháp gởi sang Việt Nam tướng Đờ Cuốc-xy với toàn quyền quân sự, chính trị và cai trị; ngày 1-6 thì tên giặc này đến vịnh Hạ Long, vài ngày trước khi tên Đô đốc Cuốc-bê chết ốm. Cuốc-xy vừa làm thống sứ Bắc Kỳ, vừa làm khâm sứ Trung Kỳ, vừa là tổng tư lệnh quân viễn chinh thực dân, hắn là một đảng viên đảng bảo hoàng phản động hạng nặng; hắn là một tên khát máu đã từng có mặt ở các chiến trường thuộc địa. Song kinh nghiệm đánh nhau thì hắn quả có ít nhiều còn về chính trị và ngoại giao thì hắn dốt đặc thôi, cái dốt ấy sẽ lòi ra ngay ngày hôm sau, sau khi hắn đến Huế.

Lúc ấy, bọn thực dân lo làm ba việc chính: một là chiếm cứ các yếu điểm ở biên giới và thượng du sau khi quân Thanh đã rút đi về; sự rút lui của quân Thanh phải hết tháng 5-1885 mới xong; nhưng lúc bấy giờ là mùa mưa, Pháp không thể hành quân đông đảo lên Việt Bắc được, và lại ở trung du, quân khởi nghĩa mạnh, chúng nó phải để nhiều lực lượng để đánh chiếm vùng đất có vị trí chiến lược quan trọng là vùng đất từ sông Hồng lên Tam Đảo.

Việc thứ hai của địch là chia quân đi trấn áp các cuộc tập trung nghĩa quân ở đồng bằng.

1. Brisson.

https://tieulun.hopto.org

Việc thứ ba là mưu toan đánh gãy cánh chống Pháp ở triều đình Huế mà Tôn Thất Thuyết là vị thủ lãnh cương quyết. Chúng mong rằng nếu bắt được Thuyết, giải tán được quân của Thuyết, thì mới "bình định" được các cuộc khởi nghĩa địa phương; chúng nó nghĩ rằng chính cánh Tôn Thất Thuyết chỉ đạo các cuộc khởi nghĩa nhân dân ở địa phương, chúng không biết rằng chủ yếu là chính các cuộc khởi nghĩa nhân dân ở địa phương nuôi dưỡng ý chí đề kháng của cánh Tôn Thất Thuyết tại triều đình Huế.

2. Về phần nhà Thanh. Sau khi ở Pa-ri, giữa đại diện của Lý Hồng Chương (là Rô-be Hạc[1]) và đại diện của Pháp ký kết hiệp ước, thì ở bên này, một đoàn đại biểu chính phủ nhà Thanh đến Hải Phòng để ra lệnh cho quân Thanh lui về bên kia biên giới. Cuộc triệt quân chấm dứt hồi tháng 5. Tháng 6, Lưu Vĩnh Phúc cũng triệt quân, để lại một mối tình quyến luyến với đất nước Việt Nam, nơi đây ông đã giết nhiều giặc, lập nhiều công, nhưng không khỏi uất hận đối với hai triều đình Thanh, Nguyễn. Một số đông đầu mục binh sĩ của Lưu không chịu về, quyết ở lại cùng với dân chúng thiểu số Việt Bắc, sau này sẽ cùng với dân mà chống Pháp; ví như Lục Đông Hoàn, Vương Ngọc Châu, Tham Thông Chính, Chu Bằng Thanh, Lưu Văn Khiêm, Lưu Chí Hồng, Hoàng Tuấn Phương, Lương Mậu Lâm, Tạ Binh An và Diệp Thành Lâm, đều bỏ Lưu mà tự hùng cứ.

Rồi ngày 9-6-1885, Lý Hồng Chương ký với Pa-tơ-nốt một hiệp ước mới nữa, theo hiệp ước này thì nhà Thanh cam kết không để quân vượt qua biên giới Trung Việt nữa, cam kết không phản đối những hiệp ước mà Pháp đã ký hay sẽ ký với triều đình Huế. Trong vòng 6 tháng, một ban hỗn hợp Pháp Trung sẽ quy định rõ cương giới Trung Việt; còn Pháp thì rút quân khỏi các hòn đảo và cứ điểm ở Trung Quốc mà nó đã chiếm trong cuộc chiến tranh Trung Pháp vừa qua. Như thế là nhà Thanh hoàn toàn chịu cho thực dân

1. Nhà xuất bản chưa tra được từ nguyên.

Pháp đô hộ Việt Nam; nước Việt Nam mất về tay thực dân thì Quảng Tây, Vân Nam của Trung Quốc đã như cửa bỏ trống. Người Trung Quốc không thể không thấy rõ điều ấy, cho nên mặc dầu đã triệt quân, một số quan to nhỏ nhà Thanh ở miền nam sẽ ủng hộ Tôn Thất Thuyết mãi đến 1894.

3. Về phía triều đình Huế. Nói chung thì triều đình Huế đã hàng giặc rồi, đã nhận sự đô hộ rồi. Duy có cánh Tôn Thất Thuyết thì còn muốn bảo vệ chủ quyền của triều đình về mặt nội trị và quân sự. Ngày nay ta ngó lại lịch sử trước mà xét thì hẳn là ngay Thuyết cũng không phải lúc nào cũng quyết tâm chống Pháp để khôi phục giang sơn. Nắm binh quyền trong tay, Thuyết không sớm thừa những thời cơ hầu như cuối cùng khi Pháp thua trận ở cầu Quan Âm hay ở Lạng Sơn mà cổ võ đồng bào cả nước nổi lên đánh Pháp và bản thân mình cầm quân đánh Pháp; một cuộc tổng ứng nghĩa như thế rất có thể làm nức lòng người Khơ-me ái quốc, có thể tăng thêm nhuệ khí cho quân đội Trung Quốc; nói cho cùng lý mà nghe, thái độ "rút quân ngồi xem" và chuẩn bị chậm chạp, cử sự trễ tràng của cánh Thuyết ở triều đình Huế không khỏi gián tiếp khuyến khích phe cầm quyền nhà Thanh không tiếp tục chiến tranh chống Pháp nữa, và ngay những người đầy cảm tình với nước Việt Nam như thượng tướng Lưu Vĩnh Phúc, cũng có lúc nản lòng thấy triều đình Huế xem việc chống Pháp như là việc riêng của Trung Quốc. Nhưng, mâu thuẫn thay, Tôn Thất Thuyết vẫn tiếp tục lo tu bổ các cứ điểm trong vùng núi, gọi là sơn phòng, ông tập trung quân ở các tỉnh ở Bắc Kỳ về giữ Huế, ông đặt nhiều đại bác trên thành, chĩa họng vào sứ quán Pháp ở bên kia sông Hương; ông phế giết vua nào thân Pháp, đó là những bằng chứng rằng ý chí đề kháng của phe ông không phải đã nhụt đi. Nhưng đồng thời ông chịu cho Pháp lấn lướt mãi, như chúng đánh lấy thành Bình Định, bắt triều đình khóa các đại bác trong thành, ông vẫn phải bóp bụng chịu, không dám sớm cử sự. Hơn nữa, khi

https://tieulun.hopto.org

quân Pháp và đại diện nhà Thanh lên Hưng Hóa, Tuyên Quang để báo tin cho quân Thanh rút qua biên giới, vị nguyên Bố chính Sơn Tây là Nguyễn Văn Giáp cầm đầu nghĩa quân đón đánh kẻ địch thì triều đình định nghị rằng Giáp là mưu phản, là đại nghịch (!), lên án tử hình, nhưng may là Giáp không bị bắt. Do dự, mâu thuẫn này, ta có thể cắt nghĩa được bằng bản chất của giai cấp phong kiến trong điều kiện lịch sử lúc bấy giờ là lúc mà chúng không còn thấy tiền đồ rõ nữa; cũng có thể cắt nghĩa được bằng sự có mặt trong cánh đề kháng, một số người chỉ dám đề kháng bằng mồm, như Nguyễn Văn Tường, một người chỉ biết chuyên biện lắm khi cũng khéo nhưng không dám quả quyết hành động, khi nghĩ đến kháng chiến thì cũng đã nghĩ đến đầu hàng.

Dù sao đi nữa, trong triều đình Huế, Thuyết là lãnh tụ cang cường nhất lúc ấy, tiêu biểu nhất cho ý chí đề kháng; chỉ có những người hoặc là tôi đòi của thực dân, hoặc thiếu suy nghĩ kỹ, mới không chịu thấy rằng mặt tốt của Thuyết là căn bản; chỉ có những ai bị sử thực dân mê hoặc quá mới xem đạo quân Phấn Nghĩa của Thuyết tổ chức lựa lọc là để cướp phá giết chóc, là để cho Thuyết chuyên quyền cá nhân. Thuyết là một nhà ái quốc. Từ những vụ phế vua đến ám sát Trần Tiễn Thành, các hành động đó, căn bản đều có mục đích cứu nước chống Pháp cả, tiêu diệt những phần tử thân Pháp, đầu hàng, là điều phải làm, làm khôn khéo chăng, đúng mực chăng, ấy là việc khác. Thuyết nắm binh quyền tức là thực quyền, cho nên không phải tên khâm sứ Pháp ở Huế muốn gì cũng được; mặc dù rằng tên Lơ-me[1] có quân đóng ngay ở Huế, bên kia sông và ngay ở Mang Cá, Lơ-me vẫn phải kiêng nể Thuyết, chưa dám bức bách triều đình một cách quá chừng mực. Lơ-me vừa lấy làm lạ, cho là "phi luận lý" vừa lấy làm mừng mà thấy rằng Tôn Thất Thuyết án binh bất động ngay trong những lúc chiến tranh ác liệt diễn ra ở Tam Tuyến, Lạng Sơn, v.v...

1. Lemaire.

4. Về phía nhân dân Việt Nam. Thái độ đầu hàng của triều đình từ ngày quân Pháp đánh chiếm Thuận An đã khuyến khích thái độ đầu hàng hay ít ra là tiêu cực của một số khá lớn quan trường; trong khi Pháp đem quân xâm chiếm tỉnh này hay tỉnh nọ, thì nơi nào chúng nó cũng đem cái thứ quan ấy theo để làm việc "chiêu an", thật là khác xa với cái thời 20 năm hơn về trước, khi Pháp đặt chân lên 3 tỉnh miền Đông Nam Kỳ. Bọn quan trường theo Pháp này lấy danh nghĩa đại diện cho triều đình Huế mà làm tay sai đắc lực cho giặc; chính họ đã giúp cho Pháp bắt được một số dân tráng đủ để tổ chức hai trung đoàn. Nhưng số lớn các quan khác lại bỏ ấn đi kháng chiến dưới hiệu lệnh của nhà Thanh, hoặc độc lập chiêu mộ nghĩa quân, tìm nơi hiểm yếu mà làm cứ điểm. Khi quân Thanh rút lui, các vị này vẫn ở lại với dân mà chống giặc. Một trong những sai lầm căn bản của các cụ lúc bấy giờ là kèm khẩu hiệu "sát tả" theo khẩu hiệu "bình tây"; miền Trung là nơi có nhiều cuộc xô xát đổ máu đáng tiếc ấy.

Quần chúng lao khổ thì lúc nào cũng sẵn sàng theo tiếng gọi của kháng chiến, một người dựng cờ khởi nghĩa lên thì ở đâu cũng có hàng trăm hàng ngàn người theo; chính họ khai phá, xây dựng các sơn phòng ở mỗi tỉnh. Nhưng, lúc ấy cũng có rất nhiều toán cướp làm cho vàng thau lắm khi lẫn lộn, dân chúng đã khốn khổ lại càng thêm khốn khổ; các tổ chức nghĩa quân chân chính vừa phải làm việc trị an đánh cướp, vừa phải ngăn trở các cuộc càn quét tấn công của giặc Pháp. Pháp càng lan ra chiếm đóng nông thôn thì càng gặp sức kháng cự mãnh liệt của quần chúng. Không phải quần chúng không biết rằng Thanh đã ký hòa ước với Pháp rồi nhưng ai nấy đều nhớ rằng một đầm Dạ Trạch, một núi Lam Sơn vẫn có thể làm xuất phát điểm cho sự thành công của sự nghiệp chống xâm lăng, và lại luân lý của các cụ nhà nho là "gặp việc nghĩa phải làm, không cần biết thành hay bại, thành đã làm mà bại cũng cứ làm".

https://tieulun.hopto.org

II. ÂM MƯU CỦA TƯỚNG ĐỜ CUỐC-XY

Ngày 27 tháng 6, tên tướng Đờ Cuốc-xy cùng với quan năm Cơ-rê-tanh cầm đầu 4 đại đội bộ binh, đáp hai tàu chiến từ Hải Phòng vào Huế.

Khi Đờ Cuốc-xy đi vào Huế với quân đội của hắn thì tên tướng Bờ-ri-e đờ Lin ở Hà Nội tuyên bố rằng:

"Tôi lại luôn luôn nghĩ rằng cái cách duy nhất để giải quyết hiện tình là phải bắt cóc hai người quan phụ chính".

Hai người quan phụ chính đó là Tôn Thất Thuyết và Nguyễn Văn Tường. Bản thân Đờ Cuốc-xy đã nói nửa úp nửa mở:

"Phải giải quyết cả vấn đề này ở tại Huế".

Ch. Gốt-sơ-lanh có chép lại một đoạn trong bức thư của một tên thực dân viết vào ngày 1-7-1885:

"Trễ còn hơn không. Ta sẽ bắt Tường và Thuyết chăng, hay là ta sẽ làm sao cho họ không còn có cách gì phá hoại ta nữa"[1].

Cái điều làm cho bọn thực dân hậm hực nhất là Tôn Thất Thuyết, Nguyễn Văn Tường nắm cả bộ binh và bộ lại, nghĩa là thực quyền còn lại trong tay của triều đình Huế. Thuyết và Tường hành động không phải hỏi ý kiến của khâm sứ thực dân. Pháp càng hậm hực hơn nữa là vì Thuyết và Tường một mặt tập trung nhiều quân về Huế, đồng thời đem của cải vàng bạc, lương thực ngày càng nhiều lên các sơn phòng. Địch dự đoán rất đúng rằng *"nếu một hôm nào đó, triều đi sẽ đi theo số của cải ấy, thì không có gì là lạ cả".*

Pháp nhất quyết lần này phải nắm hẳn toàn bộ hội đồng phụ chính, tẩy trừ Thuyết, Tường ra khỏi hội đồng này, và nhất là giải tán quân đội của Tôn Thất Thuyết, tức là siết chặt nền đô hộ, làm cho triều đình hoàn toàn phụ thuộc vào thực dân Pháp.

1. Gosselin, *L'Empire d'Annam*, tr. 197.

Tường là một quan văn, trước là Tri huyện Quỳnh Lôi, sau làm phủ doãn Thừa Thiên, từ năm 1875 vào viện Cơ mật; ông là một nhà ngoại giao khéo léo, mềm mỏng, ngọt dịu, thường thấu tâm trạng của chính khách; cũng là kẻ mưu sâu và cũng biết giấu kín mưu sâu, thâm tâm xảo quyệt, có ý nuôi dưỡng bộ đội chỉ là để bảo tồn một số quyền hành nội trị của triều đình mà thôi, chớ không có quyết tâm khôi phục chủ quyền của đất nước. Tường làm phụ chính thứ nhất, trước Thuyết. Vấn đề mâu thuẫn giữa Tường và Thuyết không phải vấn đề địa vị nhất nhì như các nhà sử thực dân thường nói, mà căn bản là hai màu, hai độ khác nhau của một cánh đề kháng trong triều đình. Tường chú trọng về thương thuyết, nhờ sức mạnh của bộ đội để mà nói chuyện với Pháp, còn Thuyết thì tư tưởng đề kháng mạnh hơn, có thể đi đến võ trang tranh đấu nếu Pháp lấn lướt quá. Thuyết là một vị võ quan, trước đã từng chiến đấu dưới quyền của Hoàng Tá Viêm ở Sơn Tây, Tuyên Hóa; người rất khỏe mạnh, tóc cắt ngắn cho gọn gàng, không thích ăn mặc se sua, ít nói, cương quyết, Thuyết đã được Tự Đức chỉ định làm một trong ba phụ chính cho vua Dục Đức.

Đã nhiều lần bọn khâm sứ Pháp ép buộc triều đình đổi Thuyết từ bộ binh sang bộ lại, đưa bộ binh về tay người thân Pháp, nhưng âm mưu của chúng không thành. Cũng đã nhiều lần, chúng nó cố ép buộc triều đình không để Thuyết trong hội đồng phụ chính nữa; chúng cũng thất bại. Để đối phó, cánh của Lơ-me, Sam-pô, cả Bờ-ri-e đờ Lin chủ trương rằng không nên dùng võ lực để bắt Thuyết vì chúng sợ rằng ví dầu Thuyết có thua trận ở kinh thành đi nữa, Thuyết có thể đem triều đình vào sơn phòng, kêu gọi toàn dân kháng chiến, như thế cuộc chiến tranh sẽ không biết bao giờ mới dứt, tốn hao, nguy hiểm; cánh thực dân này chủ trương lấn áp từ từ, càng ngày càng mạnh, nhưng không vội vã, hãy lo gây thêm vây cánh bên trong và ngoài triều đình, trong và ngoài hoàng tộc, cứ lo chiếm vững ở Bắc, ở Nam, ở Huế, ở Đà Nẵng, ở Quy Nhơn,

https://tieulun.hopto.org

nắm thương mại, thương chính, thuế vụ, thì dầu Tôn Thất Thuyết có muốn day trở thế nào cũng không làm gì nổi. Chính đó cũng là ý kiến của các giáo mục từng có công với thực dân như Puy-gi-nhê ở Hà Nội và Cát-pa ở Huế.

Ý kiến của Đờ Cuốc-xy lại khác. Hắn muốn giải quyết mau, ăn mau, ăn trọn.

Thực ra không phải đợi đến khi Đờ Cuốc-xy sang thì mới có bọn thực dân muốn giải quyết mau, ăn mau, ăn trọn bằng cách bắt Thuyết và Tường, giải tán quân đội Việt Nam. Ngày 6 tháng 8 năm 1884, nghĩa là vừa hai tháng sau Hòa ước 6-6-1884, tên Đại tá Ghe-ri-ê[1] đã mang 600 quân, 2 đội pháo binh và chiến thuyền vào Huế với nhiệm vụ là chiếm lấy hoàng thành nếu viện Cơ mật không tuân theo tối hậu thơ của hắn; nhưng tối hậu thơ đưa đến; Thuyết không nghe; Ghe-ri-ê không dám làm gì; địch xoay cách khác; ngày 17-6-1884 ấy, tên khâm sứ Pháp và các võ quan thực dân vào triều đình yết kiến nhà vua, thì Thuyết giàn giá quân lính và văn võ bá quan rất chỉnh tề; vua Hàm Nghi chỉ ngồi trên ngai mà tiếp khâm sứ Pháp, không đi xuống đón, cũng không đứng dậy tiếp; sau lễ yết kiến, Thuyết cho quan hầu dắt cả đoàn Pháp đi ra bằng cửa hông, không cho ra cửa chính; bọn thực dân rất tức tối; song cả nước Việt Nam lúc bấy giờ phấn khởi, hoan nghênh thái độ cử chỉ của Tôn Thất Thuyết, nhất là của vua Hàm Nghi. Trong quyển *Le roi Proscrit*, tác giả Mác-xen Gô-chi-ê[2] viết:

"Như thế, vua Hàm Nghi giữ được tính chất thiêng liêng đối với thần dân mình. Vô tình vị vua trẻ tuổi vừa mới làm một việc mà ảnh hưởng vang dội lớn lao trong cả nước: khẳng định cái ý chí muốn giữ độc lập và dù Pháp có đóng quân ở Huế thì triều đình vẫn không quy lụy trước họ. Cái thái độ tiêu biểu của vị vua trẻ tuổi ấy là do hội đồng phụ chính bày vẽ thôi, hội đồng phụ chính rất có lý mà tin

1. Nhà xuất bản chưa tra được từ nguyên.
2. Marcel Gauthier.

chắc rằng quần chúng nhân dân trông vào thái độ của vua để mà noi theo, xem thái độ ấy như là một mệnh lệnh không nói ra bằng lời, để cho nhân dân kháng cự với kẻ mới đến"[1].

Đó là năm ngoái. Pháp ấm ức nhưng giả như không biết bởi vì chiến tranh Trung Pháp lúc ấy hãy còn đang cháy. Năm nay, chiến tranh Trung Pháp dứt rồi, Pháp muốn có ở Huế một ông vua ngoan ngoãn, hay nghe, dễ bảo, muốn có một viện Cơ mật và một hội đồng phụ chính gồm toàn người thân Pháp; muốn được như vậy thì theo kế hoạch của Đờ Cuốc-xy phải bắt cóc Thuyết và Tường, giải tán quân đội Huế; Thuyết bị bắt thì, theo Đờ Cuốc-xy, cánh đề kháng sẽ tự nhiên tan rã. Hắn nghĩ rằng với 1.000 quân, mấy tàu chiến, số đại bác mà hắn có ở Huế, hắn đủ làm cho triều đình kinh tâm khiếp đảm, phải quỳ gối trước hắn. Hắn nghĩ rằng quan triều đình không thể, không dám hành động chống hắn bằng quân sự. Hắn không giấu giếm kế hoạch táo bạo của hắn với những giới Pháp thân cận ở Hà Nội và Huế. Đờ Cuốc-xy là một tên võ phu chủ quan hạng nặng, tự phụ vô song, không hề nghe ý kiến của ai cả.

Những tên trùm thực dân có kinh nghiệm và hiểu biết về người về cảnh Việt Nam như giám mục Cát-pa, Khâm sứ Săm-pô đều khuyên đừng vội, thì chiều ngày 4-7, liền trước khi nổ súng, Đờ Cuốc-xy nói một cách tự đắc:

"... Trong đường công danh của bản chức, bao giờ bản chức cũng thành công, nơi nào mà bản chức đến thì ngôi sao của bản chức không hề mờ xuống. Bản chức thấy rằng ngôi sao ấy sắp rạng tỏ thêm lên".

Nhưng, mấy ngày sau, mấy tháng sau, ngôi sao của Đờ Cuốc-xy chẳng những mờ đi mà bản thân da mặt của Đờ Cuốc-xy cũng sẽ

1. Marcel Gauthier, *Le Roi proscrit*, tr. 40 - 41.

https://tieulun.hopto.org

xanh ngắt cho đến đỗi bị triệt hồi rồi chết buồn tủi trong cái thất bại của một cuồng vọng xâm lăng tàn bạo.

Ngày 3-7, Đờ Cuốc-xy mời Tường và Thuyết qua bên kia sông để "thương nghị" tại dinh của hắn. Lẽ cố nhiên là hễ hai vị lãnh tụ của cánh để kháng mà qua sông thì sẽ không trở lại nữa, hoặc nếu có trở lại thì đó là sau khi quân đội đã bị giải tán rồi, sau khi một hội đồng phụ chính khác đã thành lập rồi. Cuốc-xy tưởng là mưu cao, hóa ra cái âm mưu loại Hồng môn hộ yến này, ở Viễn Đông trẻ con nào lại không biết? Thuyết cáo bệnh không đi. Chỉ có Tường và Phạm Trọng Duật qua sông. Bắt Tường và Duật thì không có lợi ích gì cả, vì binh quyền nghĩa là thực quyền là ở trong tay của Thuyết. Cuốc-xy nài bảo Thuyết phải đến. Thuyết càng thấy rõ âm mưu lộ liễu của giặc Pháp nên để phòng thêm cẩn mật.

Lộ mưu này bày mưu khác, Đờ Cuốc-xy đòi vào yết kiến Hàm Nghi mà đem cả quan quân hộ vệ của hắn qua Ngọ Môn thẳng đến điện Cần Chánh: hắn lại muốn cho Hàm Nghi thi hành tất cả các lễ tục khi tiếp đón một sứ giả của triều đình nhà Thanh sang Huế, để chứng tỏ rằng nước Việt Nam bây giờ là nước chư hầu, nước bảo hộ của Pháp. Thuyết không nhận; đình thần trả lời cho Cuốc-xy rằng "hãy chờ Thuyết mạnh đã". Thực ra Thuyết có ốm đau gì.

Bên địch có tất cả từ Thuận An vào Huế trên 1.400 quân lính, 15 đại bác, một pháp thuyền trên sông Hương; 3 đại đội địch đóng ở Mang Cá, 2 đại đội khác bên hữu ngạn sông Hương. Cuốc-xy chuẩn bị hành động gấp rút.

Thấy tình hình căng thẳng, Thuyết gấp rút chuẩn bị đối phó; một mặt, gởi gấp đi ra Quảng Trị nhiều tài sản quý báu của triều đình, cả súng đạn; một mặt khác thì làm chiến lũy trong thành, tập trung thêm quân vào trong nội. Hoàng thành xây từ 1805 đến 1820 là một cái thành vuông mỗi bề 2 kilômét rưỡi, một mặt giáp sông Hương, ba mặt có hào sâu; tường thành làm bằng gạch đá cao

10 mét; trên mặt tường có dư trăm đại bác. Trong thành có dư vạn binh lính. Các cuộc phòng ngự và hoạt động này, giám mục Cát-pa đều biết và đều có báo cáo hàng lúc cho Đờ Cuốc-xy. Cuốc-xy vẫn khinh thường thôi.

Triều đình bị bắt buộc phải kháng cự bằng võ lực hay là phải bó tay nạp các lãnh tụ ái quốc và giải tán quân đội; bằng không nạp Thuyết và giải tán quân đội thì Đờ Cuốc-xy sẽ nổ súng trước. Những việc đã xảy ra ở Hà Nội năm 1873 và 1883 với Gác-nhi-ê[1], với Ri-vi-e còn rành rành trước mắt; những bài học đau đớn của Nguyễn Tri Phương, Hoàng Diệu còn rành rành trước mắt nay quan quân và nhân dân kinh thành sắp phải gặp cảnh tấn công man trá của địch thì phải làm sao? Cuộc đổ máu đêm 4-7-1885 ở Huế tuyệt đối không thể gọi là cái "bẫy trấp" của Tôn Thất Thuyết, mà là một cuộc chiến đấu tự vệ của quân và dân ta trước sự tấn công, trước âm mưu cạm bẫy của địch. Nguyễn Văn Tường bàn hòa hoãn; Thuyết không chịu để Tây hạ thủ trước. Đứng về lý mà nói, chắc hẳn khỏi phải thảo luận rằng Pháp đã gây chiến tranh xâm lược Việt Nam từ 1858, lần lượt chiếm miền Nam, rồi miền Bắc, rồi miền Trung, thì tất nhiên không có hòa ước nào ký kết giữa Pháp và triều đình là không bất công là không ép buộc cả; dân tộc bị áp bức, bị xâm lược có quyền kháng cự bất cứ lúc nào, đó là quyền thiêng liêng: vả lại "sứ giả" gì mà đi đến với 1.400 quân? "Sứ giả" gì mà muốn giải tán quân đội nước khác trái với hòa ước mà bọn nó mới ký năm ngoái? Cho nên ví dụ rằng đêm 4-7-1885 Thuyết nổ súng trước thì thực tế kẻ gây chiến vẫn là thực dân Pháp, vẫn là Đờ Cuốc-xy. Chính bọn thực dân lúc bấy giờ đã phải nói rằng:

"Cái sai lầm lớn lao vô cùng của đại tướng (Đờ Cuốc-xy)... là không biết gì về nước Annam cả. Ông khinh khi người Annam lắm, ông tin rằng các quan Annam không dám hành động gì; và ông nghĩ

1. Garnier.

https://tieulun.hopto.org

rằng tiểu đoàn (Zouaves) và đại đội bộ binh đã đủ cho ông làm cho cả hội đồng phụ chính, triều đình và dân Annam khiếp sợ"[1].

III. KINH THÀNH NHUỘM MÁU; CUỘC KHÁNG CỰ CỦA TÔN THẤT THUYẾT; HÀM NGHI BỎ KINH THÀNH RA SƠN PHÒNG

Đêm ấy; 4-7-1885, nhằm 22 tháng 5 âm lịch, Cuốc-xy đãi tiệc cho quan quân Pháp ở bên kia sông Hương; trong bữa tiệc hắn một lần nữa bày tỏ mưu của hắn với tên Đại tá Mêt-zin-ghe[2] rằng hắn sẽ bắt được Thuyết, giải tán được quân đội Việt Nam, lập lại hội đồng phụ chính và hội đồng nội các v.v...

11 giờ, tiệc Pháp tàn; trăng chưa mọc.

Thuyết mật chia mọi doanh vệ làm hai đạo, một đạo giao cho em là tham biện Tôn Thất Lệ mà Thuyết vừa gọi từ sơn phòng về, đạo này nửa đêm sang sông Hương, hợp cùng với một số đề đốc và hiệp lý thủy quân, để đánh úp vào tòa sứ Pháp. Còn Thuyết thì tự mình cùng với chưởng vệ đạo quân Phấn Nghĩa là Trần Xuân Soạn chỉ huy một đạo khác đánh úp doanh trại của quân Pháp ở phía nam đài Trấn Bình.

Mấy hôm rày, Nguyễn Văn Tường và đình thần, kẻ thì sợ "găng quá sinh ra biến", kẻ cho rằng "như vậy cũng đã đủ làm thành thế phòng bị rồi". Họ sợ chiến tranh lại nổ ra ở kinh thành, phá rối an nhàn thiên cổ của họ.

Đầu canh tư (1 giờ sáng), Thuyết hạ lệnh nổ súng bắn vào đài Trấn Bình (tức Mang Cá). Tiếng đại bác mỗi lúc lại dòn dã dày dặt thêm, vang trời, chuyển đất. Quân Pháp trong đài Trấn Bình kiên thủ ẩn nấp; Đề đốc Trần Văn Soạn ngờ là chúng đã chết hết rồi. Thuyết liền chuyển họng đại bác bắn qua khu tòa sứ Pháp bên kia

1. Gô-sơ-lanh, *L'Empire d'Annam*, tr. 203.
2. Metzinger.

sông, trong lúc đó thì đạo quân của Tôn Thất Lệ tiến đánh tòa sứ, đốt cháy những nhà phía trên gió; quân ta xung phong vào chiếm được cửa của khu tô giới, đánh giáp lá cà với địch rất gan dạ; bọn quan quân Pháp kháng cự hỗn loạn, cốt giữ kho đạn, nhà giây thép cho khỏi bị cháy và cố thủ chờ sáng, đồng thời Cuốc-xy điện xin Hải Phòng cấp tốc gửi quân cứu viện. Hầu hết các doanh trại, quần áo của lính Pháp đều bị quân ta đốt cháy sạch; sứ quán ăn rất nhiều quả đạn trúng đích nhưng đại bác của ta ít công phá.

Đến sáng, địch chỉnh đốn hàng ngũ, đánh vào thành. Quân ta trong thành đánh giữ từng gian nhà, từng tấc đất, địch lấy chiến lũy này thì chiến lũy khác mọc lên với đá, gạch, bàn ghế, xe cộ. Hai bên đều tổn thất nặng.

Trong lúc đạo quân trong nội kiềm chế sức tiến của giặc thì hữu quân Đô thống Hồ Văn Hiến và Nguyễn Văn Tường rước vua Hàm Nghi và ba cung bỏ kinh thành ra đi theo cửa tây nam. Thuyết rút quân ra sau cùng, hộ giá lên Trường Thi (ở xã La Chữ), ở đây có một phần của đạo quân Tôn Thất Lệ hộ tống. Cùng với xa giá chỉ còn có 100 quân mà thôi.

Cứ theo lời thuật của Lễ tấn Nguyễn Nhược Thị trong *Hạnh thục ca* thì Từ Dũ khi ra khỏi thành đã bảo Tường ở lại Huế để thương lượng với giặc Pháp.

Địch chiếm thành, cướp hết của cải quý báu trong hoàng cung, vàng bạc tơ lụa của nhà quan nhà dân, đốt cháy hai bộ binh và bộ lại mà Thuyết và Tường phụ trách. Khói lửa bốc, hai ngày mới hết. Địch đụng ai giết nấy, đốt cái gì có thể đốt được, cướp cái gì có thể cướp được, hiếp ai có thể hiếp được. Dân ta tổn thất vô kể. Quân ta tổn thất trên 1.000 người, mất 812 khẩu đại bác và nhiều vũ khí đạn dược khác. Nhưng chính địch cũng phải thừa nhận rằng:

"Đại tướng làm chủ hoàng thành và thành phố Huế, điều ấy không ai chối cãi được, nhưng mà quyền hành của ông không vượt

https://tieulun.hopto.org

ra ngoài cương giới hẹp hòi ấy. Sự thật là sau khi thắng trận, ông bị rắc rối vô cùng vì cuộc xung đột đổ máu ngày 5-7 đã biến đổi tất cả ở xứ Annam. Vị vua trẻ tuổi đã rời kinh thành rồi, thì ở Huế không còn có chánh phủ, chánh quyền, không còn có ai để thi hành các điều ước liên tiếp mà ta đã ký kết với xứ Annam"[1].

Tôn Thất Thuyết thất bại trong cái kế diệt quân Pháp ở kinh thành, song các võ quan Pháp đều đồng thanh khen ngợi rằng Thuyết tổ chức rất chu đáo, sở dĩ thua là tại võ khí kém hơn; họ phải nhận rằng những cuộc bạo động của Tôn Thất Thuyết đã làm là được thúc giục bởi lòng chân thành yêu nước. Địch còn phải công nhận như vậy; ấy thế mà "quân chủ hơn vua", có nhiều người hồi thời Tây thống trị, cố mạt sát Tôn Thất Thuyết; họ nhận thức sai cũng có, mà cũng dễ hiểu rằng họ cần làm vừa lòng các ông chủ.

Có người (Diệp Văn Kỳ) nói rằng *"Thế là Phú Xuân kinh thất thủ, nước Nam mất chủ quyền từ đó"*, sai hẳn! Hai tờ Hòa ước 1883 và 1884 đã được ký kết rồi, những hòa ước đó đã ký là nước mất chủ quyền; việc Hàm Nghi xuất hạnh là một trong những cố gắng của dân ta để khôi phục lại chủ quyền đã mất chớ không phải chủ quyền mới bị mất từ tháng 7.

Ra khỏi thành, chưa đầy mấy dặm thì Nguyễn Văn Tường trốn ở lại, trở về với Pháp; ngược lại xa giá càng đi xa thì càng có nhiều toán tàn binh và quan lại chạy theo kịp. Tường vào nhà thờ Hàm Long tìm cố đạo Cát-pa (giám mục Lộc) xin nhờ Cát-pa dắt ra đầu thú với Đờ Cuốc-xy (5-7-1885); Tường không quên chỉ điểm rằng lúc ấy vua Hàm Nghi còn ở làng Kim Luông. Lẽ tất nhiên rằng Đờ Cuốc-xy dầu không thích Tường chút nào, cũng trông mong nhiều rằng Tường có thể gỡ rối cho hắn bằng hai cách: cùng với hắn ký tên các tờ hiệu triệu nhân dân, và cố sức đem vua trở

1. Gosselin, *L'Empire d'Annam*, tr. 207.

về Huế; Cuốc-xy ra lệnh cho Tường trong hai tháng phải vỗ yên bá tánh cho kỳ được: Tường dù đã ngoan ngoãn đầu hàng vẫn bị giam lỏng ở dinh Thượng bạc, có lính Pháp canh gác, phải nói tiếng nói của Cuốc-xy, thì Tường còn có ảnh hưởng gì trong dân nữa? Nhưng nguy hiểm là ở chỗ Tường còn liên lạc với Từ Dũ và Tam cung, nên còn hoạt động có lợi cho thực dân Pháp.

Trên đường đi Quảng Trị, đến xã Văn Xá, Thuyết thừa mệnh Hàm Nghi truyền chiếu chỉ Cần vương, kể lại tình hình chiến đấu, lý do xuất hạnh, hô hào toàn dân ứng nghĩa chống xâm lăng; tờ hịch được truyền đi khắp Trung Bắc Nam. Cũng trong lúc ấy, thừa lệnh của giặc, Nguyễn Văn Tường gởi tên binh bộ thị lang là Phạm Hữu Dụng đi lên Quảng Trị tâu vua Hàm Nghi rằng Đờ Cuốc-xy muốn mời xa giá trở về. Thuyết nhất định không cho Dụng làm cái việc phản phúc ấy; trở về là như lọt vào tù của giặc rồi; Thuyết rước vua vào sơn phòng Quảng Trị; nhưng một lầm lạc của Thuyết là để ba cung ở lại hành cung thành Quảng Trị, Thuyết sợ rằng cả số đàn bà, ông già trẻ con này làm rộn việc đi đường, đi chậm quá, lương thực lại thiếu, địch thế nào cũng đuổi theo; Thuyết đã có dặn Đản chớ nghe mưu gian của Tường. Nhưng Tuần phủ Quảng Trị lúc bấy giờ là Trương Quang Đản cho rằng Quảng Trị không thể giữ được, nên thông đồng với Nguyễn Văn Tường mà đưa ba cung về Huế. Ba cung về Huế thì giặc Pháp nắm được một lá bài chính trị mới để âm mưu tôn vua mới theo Pháp chống lại Hàm Nghi; địch sẽ nhờ Từ Dũ Thái hậu và đám hoàng tộc tôn vua mới ở Huế.

IV. CHIẾU CẦN VƯƠNG CỦA VUA HÀM NGHI

Dụ:

"Từ xưa, kế sách chống giặc không ngoài ba điều: đánh, giữ, hòa. Đánh thì chưa có cơ hội; giữ thì khó định hẹn được sức; hòa thì họ đòi hỏi không biết chán. Đang lúc sự thế thiên vạn nan như vậy, bất

https://tieulun.hopto.org

đắc dĩ phải dùng quyền. Thái dương ra đời ở đất Kỳ, Huyền Tông sang chơi đất Thục, người xưa cũng đều đã có làm.

Nước ta gần đây ngẫu nhiên gặp nhiều việc. Trẫm tuổi trẻ nối ngôi, không lúc nào không nghĩ đến tự cường tự trị. Kẻ Phái của Tây ngang bức, hiện tình mỗi ngày một quá thêm. Hôm trước chúng tăng thêm binh thuyền đến, buộc theo những điều mình không thể nào làm được; ta chiếu lệ thường khoản tiếp, chúng không chịu nhận một thứ gì. Người kinh đô nào sợ nguy ngay trong chốc lát. Kẻ đại thần mưu quốc, chỉ lo nghĩ đến kế yên xã tắc; trong triều đình, đắn đo về hai điều: cúi đầu tuân mạng, ngồi để mất cơ hội, sao bằng nhìn thấy chỗ âm mưu biến động của địch mà đối phó trước? Vì bằng việc xảy ra không thể tránh, thì cũng còn có cái việc ngày nay để mưu tốt cái lợi sau này, ấy là do thời thế xui nên vậy. Phàm những người đã được cùng dự chia mối lo này, tưởng cũng đã dư biết. Biết thì phải tham gia công việc, nghiến răng dựng tóc, thề giết hết giặc, nào ai là không có cái lòng như thế? cũng há không có người nào gối gươm đánh dầm, cướp giáo lăn chum ư? Vả lại nhân thần đứng ở triều, chỉ có theo nghĩa mà thôi; nghĩa đã ở đâu là sống chết ở đấy. Hồ Yển, Triệu Thôi nước Tấn; Quách Tử Nghi, Lý Quang Bật nhà Đường là người thế nào đời xưa vậy?

Trẫm đức mỏng, gặp biến cố này không thể hết sức giữ được, để đô thành bị hãm, xe giá phải dời xa, tội ở mình trẫm cả, thật là xấu hổ vô cùng. Nhưng chỉ có luân thường quan hệ với nhau, bách quan khanh sĩ không kể lớn nhỏ, tất không bỏ trẫm: kẻ trí hiến mưu, người dũng hiến sức, giàu có bỏ của ra giúp quân nhu, đồng bào đồng trạch chẳng từ gian hiểm, như thế là phải. Cứu nguy chống đổ, mở chỗ truân chiên, giúp nơi kiển bách, đều không tiếc gì tâm lực, ngõ hầu lòng người giúp thuận, chuyển loạn thành trị, chuyển nguy thành an, thu lại bờ cõi. Ấy cái cơ hội này, phúc của tôn xã tức là phúc của thần dân, cùng lo với nhau thì cùng nghĩ với nhau, há chẳng tốt lắm ư? Bằng cái tâm sợ chết nặng hơn lòng thương vua, nghĩ lo cho nhà

hơn là lo cho nước, làm quan thì mượn cớ tránh xa, đi lính thì đào ngũ trốn lẩn, người dân không biết trọng nghĩa cứu cấp việc công, kẻ sĩ cam bỏ chỗ sáng đi vào nơi tối, ví không phải sống thừa ở trên đời, thì áo mũ mà làm ngựa trâu, ai nỡ làm thế? Thưởng cũng hậu mà phạt cũng nặng, triều đình sẽ có điển hình hẳn hoi, chớ để sau này phải hối! Phải nghiêm sợ mà tuân theo! Khâm thử".

Hàm Nghi nguyên niên, tháng 6, ngày mồng 2

Sau đây xin lục một bản cáo thị truyền ra ở các tỉnh sau khi các tỉnh được chiếu chỉ Cần vương.

Cáo thị của tỉnh Cao Bằng

Bắc Kỳ quân thứ, vì trích lục việc như sau:

"Trước đã phụng thượng dụ, trong lược kế: quốc gia gặp lúc nhiều nạn này, thần, người đều giận. Phàm ai có lòng căm thù giặc, vô luận là quan quân sĩ thứ, hoặc đến thành Cam Lộ hộ giá, hoặc khởi nghĩa ở ngay địa phương, để có thể giết sạch quân thù, tôn phù quốc tộ, đều được tùy tâm lực mà làm. Triều đình sẽ có thành điển để định công ban thưởng. Vội trích mọi điều như thế để cho mọi người biết mà hưởng ứng ngay. Vậy nên phải trích lục chu tri cho quan dân sĩ thứ các hạt Bắc Kỳ".

Hàm Nghi nguyên niên, tháng 7, ngày 15.

Việt Nam Cao Bằng hạ tỉnh phụng sao.

Tờ chiếu thứ hai của vua Hàm Nghi, đề 3 tháng 6 là một tờ chiếu trong đó Hàm Nghi khai phục nguyên hàm cho Hoàng Tá Viêm, sung Viêm làm tiết chế quân vụ đại thần ở toàn Bắc Kỳ; khai phục nguyên hàm cho nguyên Tổng đốc Sơn Hưng là Nguyễn Đình Nhuận, sung làm Hiệp thống quân vụ đại thần; thăng thụ Tuần phủ Lạng Bình, Lã Xuân Oai làm Tổng đốc kiêm Tham tán đại thần; thăng thụ nguyên Đề đốc Tạ Hiện làm Đô thống. Các ông Nguyễn Văn Như, Nguyễn Văn Giáp, Nguyễn Cao, Nguyễn

https://tieulun.hopto.org

Thiện, Vũ Giốc, Ngô Quang Huy, Hoàng Đình Kinh đều khai phục và thăng chức.

Ngoài những chiếu chỉ gởi đi khắp nước, Hàm Nghi còn gởi Nguyễn Quang Bích sang nước Thanh, trình quốc thơ, xin nước Thanh tiếp viện.

V. ĐỜ CUỐC-XY CÀNG BỐI RỐI ĐIÊN CUỒNG; ÂM MƯU LẬP ĐỒNG KHÁNH LÊN NGÔI VUA

Kết quả cấp thời của hịch Cần vương là nhân dân tứ phía nổi lên; người mù lòa như ông Nguyễn Đình Chiểu trong Nam cũng vô cùng phấn khởi. Khắp Bắc, Trung, các đồn Pháp bị bao vây, các cánh thân Pháp bị tiêu diệt. Cuốc-xy xin binh cứu viện và để ra kế hoạch hành quân thì chính phủ Pháp ở Pa-ri lúc bấy giờ không chịu gởi thêm viện binh lại không cho phép Đờ Cuốc-xy hành quân hấp tấp; chúng sợ công luận Pháp đang sôi nổi nhất là trước cuộc tuyển cử nghị viện vào tháng 9.

Trong lúc bối rối ấy, Đờ Cuốc-xy vừa nhận thấy rằng nhân dân Bắc Kỳ nổi lên rất mạnh, vừa thấy rằng việc ở triều đình chẳng biết giải quyết cách nào, nên hắn ta đề nghị về cho Bộ trưởng Bộ Ngoại giao Pháp rằng nên triệt quân ở Bắc, bỏ đất Bắc mà vào chiếm Trung Kỳ, đại ý nói rằng:

"Cái điều mà tôi sẽ đề nghị với Ngài có thể gọi là rất bạo dạn, dù sao điều ấy là điều mà Ngài không thể nghĩ đến: bỏ Bắc Kỳ đi, hay ít ra là bỏ những cái gì mà ta đã có hay ta muốn có bên trên vùng đồng bằng, rồi lấy Trung Kỳ; nếu ta cai trị nó yên ổn, nếu ta có thể gửi bớt quân về Pháp, ta sẽ đỡ tốn, ta sẽ có một thuộc địa có giá trị hơn.

Như thế ta sẽ không còn lo sợ gì đối với Trung Quốc nữa. Nhiều nhất là Trung Quốc chỉ có thể bắt buộc ta triệt quân khỏi đồng bằng Bắc Kỳ.

... Tôi dứt thơ bằng cách xin Ngài xét xem coi có nên nắm trong tay ta một vị trí chắc chắn mà Trung Quốc không bao giờ chiếm nổi, hơn là tiếp tục một cuộc xâm chiếm trong đó ta tổn hao nhiều người nhiều của và còn tốn hao nhiều hơn nữa, nhưng lại không chắc có lượm được kết quả gì tốt không".

Đờ Cuốc-xy viết nhiều thơ như vậy về Pa-ri sau khi khói lửa ở Huế mới vừa tàn. Điều này chứng tỏ sự bối rối vô cùng của giặc; giặc có 3 vạn quân từ Bắc vào Huế nhưng không tin rằng với số quân đó có thể vừa chiếm Bắc vừa chiếm Trung. Nhưng giữa lúc Cuốc-xy bối rối vô cùng thì Từ Dũ và Tam cung về Huế, trong số này có các hoàng thân Thọ Xuân - chú Tự Đức - có Chân Mộng là một con nuôi của Tự Đức, cũng như Hàm Nghi, Cuốc-xy liền nắm cơ hội này để lập lại viện Cơ mật với số người thân Pháp do Tường cầm đầu, Nguyễn Hữu Độ làm phó (Độ là phó vương Bắc Kỳ được Pháp tin cẩn) lập một số bộ, trong đó có bộ binh do tên Khâm sứ Sam-pô cầm đầu; Cuốc-xy ép đám hoàng thân cử Thọ Xuân làm phụ chánh, ép Thọ Xuân làm bản tuyên cáo nói rằng Tôn Thất Thuyết là nghịch đảng, rằng các quan ở Bắc, Trung phải cộng tác với quân Pháp để tiêu diệt nghịch đảng, v.v... Nhưng chính địch cũng phải thừa nhận rằng ông già Thọ Xuân 76 tuổi "không có ảnh hưởng gì trong nhân dân cả", càng không có ảnh hưởng gì với tầng lớp thân sĩ trí thức.

"Cái khả năng duy nhất của ông phụ chánh chỉ là ký tên mà thôi"[1].

Tại Huế lúc bấy giờ tuy cánh thân Pháp là số đông của hoàng gia, nhưng vẫn còn có vây cánh kháng chiến liên lạc với Tôn Thất Thuyết, trong số này có Phạm Thận Duật nguyên Hộ bộ Thượng thư, Tôn Thất Đính, v.v... những người này bị Pháp bắt cầm tù. Hơn nữa Cuốc-xy bắt cả những người đã đầu hàng nó mà không

1. Gosselin, *L'Empire d'Annam.*

https://tieulun.hopto.org

làm việc được vừa ý nó, như Nguyễn Văn Tường. Nguyên Cuốc-xy hạn định cho Tường trong 2 tháng phải "lập lại trật tự"; 2 tháng qua, Tường không lập được trật tự gì, bị Pháp bắt đưa đi Côn Lôn, rồi đi đảo Tai-hi-ti, tất cả của cải của Tường đều bị tịch thu. Tường bỏ xương một cách xấu hổ ở hải đảo mặc dầu nhiều lần hắn gửi thơ minh oan rằng hắn vẫn thành thật với Pháp; tên đào ngũ cũng toan minh oan với hậu thế bằng thơ:

Sơn sắc thiên trùng thương túy liễu;
Thần tâm nhất dậu luyến đan đình,
Thị phi nhiêu phò thiên thu luận,
Xã tắc quân vương thục trọng khinh?

Những người đời sau hẳn không một ai bào chữa cho Tường, lúc Hàm Nghi xuất bôn thì không thể có xã tắc nào mà chống lại với Hàm Nghi, chống lại với phong trào Cần vương và càng không có xã tắc nào ở dưới gót giày của Cuốc-xy tại thành Huế.

Hàm Nghi không chịu về Huế; khởi nghĩa nổi khắp nơi; phải có giải pháp chính trị nào để ủng hộ giải pháp quân sự? Thực dân bị đặt trước hai vấn đề nan giải. Hoặc là không còn kể rằng có vua, có triều đình nữa, đem cả nước Việt Nam biến thành thuộc địa trực trị như Nam Kỳ, đó là cách giản tiện nhất, nhưng nếu làm như vậy thì sẽ gặp hai khó khăn lớn: một là, số đông phong kiến bảo hoàng sẽ bất bình không theo Pháp, phụ họa với bất bình càng lớn của nhân dân; xâm lược một nước mà không đồng minh với giai cấp thống trị cũ của xứ ấy thì không cai trị được, đó là một nguyên lý của khoa học chính trị đế quốc; hai là, nếu xóa bỏ triều đình thì như là bản thân Pháp xóa bỏ quy ước Thiên Tân, làm như vậy thì có thể gây lại cuộc chiến tranh Trung Pháp mà Pháp rất ngán. Có lúc, chính phủ Pa-ri, thực dân ở Sài Gòn, Hà Nội, Huế có ý muốn biến cả nước Việt Nam thành thuộc địa, nhưng rồi phải bỏ kế hoạch nguy hiểm ấy.

Hoặc là tôn một ông vua khác do Pháp lựa chọn và nắm chặt; cách này cũng một có phần nguy hiểm là vì trong mắt của nhân dân, của số đông thân hào thân sĩ vua Hàm Nghi là vua chánh thống, lại là người tiêu biểu cho tinh thần tự cường độc lập của dân tộc; triều đình mới nào do Pháp đặt ra, nhất định không có ảnh hưởng gì với dân, phe kháng chiến có đầy đủ lý và tình để kêu gọi Cần vương, chống lại Pháp và chống lại một triều đình được Pháp gây dựng lên, cuộc khởi nghĩa Cần vương này sẽ không biết bao giờ mới chấm dứt.

Như thế, hai khả năng đều có sự bất lợi lớn. Pháp lựa khả năng thứ hai, lựa giải pháp thứ hai là giải pháp ít hại hơn cho nó; tôn vua mới, lập Đồng Khánh. Đồng Khánh, 23 tuổi, thường có cơn điên, là người mà Pháp dễ nắm nhất; Đồng Khánh lên ngôi ngày 19 tháng 9 sau khi dưới mũi súng địch, hoàng gia đã hội họp và Từ Dũ tuyên cáo cho các tỉnh, hứa hẹn rằng nếu Hàm Nghi trở về thì sẽ làm chức Quận công cai trị các tỉnh Thanh Nghệ Tĩnh. Những quyết định này của Huế và của Pháp không ảnh hưởng gì đáng kể đến nhân dân, nhân dân Việt Nam vẫn xem Hàm Nghi là vua của nước. Khác hẳn với Hàm Nghi, vua bù nhìn Đồng Khánh thân hành qua sông Hương chào Cuốc-xy, nhận chức vua của Pháp ban cho; hắn lại "xin" Pháp cho một đội "thân binh" gồm toàn người Pháp; hắn tiệc tùng luôn với quan quân Pháp; nhân dân rất khinh bỉ hắn. Nguyễn Hữu Độ vừa mừng được làm phụ chính cùng Phan Đình Bình, vừa được thấy Tường đã bị triệt. Phường tôi tớ giành nhau món cơm thừa!

"... Sự lập vua mới ở Huế không đem lại kết quả mong muốn trong việc bình định xứ này; cả nước Nam không chịu nhận lấy những việc đã rồi, ngược lại, từ Bắc chí Nam, đâu đâu nhân dân cũng nổi lên theo lời kêu gọi của ông vua xuất hạnh"[1].

1. Gosselin, *L'Empire d'Annam*, tr. 236 - 237.

https://tieulun.hopto.org

Nhân dân vẫn biết rằng Đồng Khánh là con nuôi của Tự Đức, nhưng điều này không bù lại được với tâm trạng bất chấp, khinh khi hay là oán ghét của đại đa số nhân dân đối với Đồng Khánh. Phái đối lập không ngớt chống Đồng Khánh, rằng Đồng Khánh được ta đặt lên ngôi, Đồng Khánh giành ngôi của em mình là Hàm Nghi; uy thế vua Hàm Nghi vì thế mà được nâng cao lên, tên của ông đã trở thành ngọn cờ của nền độc lập quốc gia"[1].

Cả tam cung được Pháp khen thưởng (cái "công" đã tôn Đồng Khánh lên ngôi) với số tiền 2 vạn lạng bạc và 2 vạn quan tiền đồng mà Pháp vừa lấy trong kho nhà vua; từ nay trở đi thì Pháp hoàn toàn nắm ngân khố cũng như nó hoàn toàn nắm binh quyền. Không tiền, không lính, triều đình Huế từ nay như một tên bồi của giặc Pháp. Chỉ có quyền đóng dấu ký tên.

VI. HÀM NGHI LÊN TÂN SỞ VÀ RA QUẢNG BÌNH

Từ Quảng Trị, Hàm Nghi và Tôn Thất Thuyết đi lên Tân Sở; thành Tân Sở được xây dựng từ 2 năm nay ở phía trong thành Cam Lộ về hướng biên giới Lào - Việt, sau một cái đèo hiểm trở. Nhưng ở đây không phải là một địa bàn để hoạt động vì đất quá nghèo, dân quá ít, Thuyết định dời vua lên phía Nghệ Tĩnh là nơi có thể là trung tâm cho cuộc kháng chiến lâu dài, chứ ở Tân Sở thì, nếu địch chiếm đóng Cam Lộ, Tân Sở sẽ trở thành cái rọ mà cửa đã đóng rồi, ra biển, lên Lào, đi Nam, đi Bắc đều bất tiện. Thành Tân Sở có ba vòng thành liên tiếp bao bọc một số lâu đài kho lẫm, trại lính, có đủ thóc, muối, súng, đạn, châu báu; nhưng vách thành Huế kia còn không vững thì nếu ở đây, sao khỏi bị bắt một ngày nào? Thuyết hạ lệnh bỏ Tân Sở mà lên Quảng Bình; đi đến Thuỵ Ba thì được tin quân Pháp đã đổ bộ lên Quảng Bình đón đường đặng ngăn không cho Hàm Nghi ra vùng Thanh Nghệ Tĩnh là nơi mà hịch Cần vương đã gây lên phong trào rất mạnh. Hàm Nghi

1. Gosselin, *L'Empire d'Annam*, tr. 238 - 239.

và Thuyết lộn về Tân Sở thì một đạo quân địch do tên quan ba Bát-tít-đơ[1] cầm đầu, được hai cố đạo Ma-tay[2] và Pa-ti-nhi-ê[3] dẫn đường đã lên chiếm thành Cam Lộ. Thuyết phải vội vã rời Tân Sở đi đường núi, ra phía Bắc, bỏ lại vô số của cải, kho tàng, báu vật, mà Pháp cướp liền. Nhân dân các làng Mai Lộc, Bang Mai, Đan Sơn cương quyết chống giặc đang đuổi theo, để cho Hàm Nghi có thì giờ chạy thoát: các làng này bị giặc đốt rụi. Bên kia đỉnh núi Trường Sơn, đồng bào Mường Ma hã-say nuôi nấng vua Hàm Nghi, dắt đường, bảo vệ rất là nhiệt tình; đến vùng đèo Quy Hợp thì Nguyễn Chính, người chỉ huy sơn phòng Hà Tĩnh, đã đem 500 quân đón tiếp Hàm Nghi và Tôn Thất Thuyết bấy giờ xa giá chỉ còn có một ít quân hầu cận mà thôi. Chính lúc này cánh Phan Đình Phùng hoạt động ráo riết, tổ chức quân Cần vương ở Nghệ An; ở Hà Tĩnh thì Lê Ninh, người La Sơn, con Bố chính Lê Kiên, lãnh đạo thân hào thân sĩ và nhân dân chiếm tỉnh thành Hà Tĩnh giết Lê Đại, bắt Trịnh Văn Báu là những bọn chống lại phong trào Cần vương; toàn hạt Hà Tĩnh nổi lên. Kỳ diệu và quý báu thay! Khi tiếng gọi chống Pháp được tung ra thì những sự xích mích xung đột giữa người Kinh và người Thượng tan ra mây khói, cả những chia rẽ giữa phái theo Lê và phái theo Nguyễn Tân Lãnh binh Trương Quang Ngọc, con của một ông quan đã từng bị triều đình đày lên làng Ve, quên nỗi thù nhà, mộ đồng bào miền núi, theo hầu cận Hàm Nghi (về sau Ngọc sẽ bị mua chuộc, rồi bội phản bắt vua Hàm Nghi nạp cho Pháp).

Tôn Thất Thuyết lựa xóm Lim làm nơi đóng đô mới; vua ở nhà tranh vách đất, đồng bào là tường thành vững chắc hơn là tường thành Huế. Thực dân Pháp bị lúng túng cả ở Trung lẫn ở Bắc. Đờ Cuốc-xy phải ra Bắc để cố chỉnh đốn hàng ngũ, hợp với ba

1. Bastide.
2. Mathai.
3. Patinier.

https://tieulun.hopto.org

tướng Bờ-ri-e đờ Lin, Nê-gơ-ri-ê và Vác-nê[1] tại Hải Phòng để bàn kế hoạch đối phó khẩn cấp với tình hình bằng quân sự. Tình hình ấy, ở Trung Kỳ địch có ghi lại như sau:

"Quyền đô hộ của chúng ta chỉ được thừa nhận ở tại kinh thành và ngoại vi trực tiếp của các đồn binh, những đồn binh ấy lại không phải nhiều nhõi gì; còn trên tất cả xứ Trung Kỳ thì hoàn toàn vô trật tự"[2].

Ở Bắc cũng thế, mặc dầu ngoài Bắc có gần 30.000 quân Pháp và địch đóng đồn nhiều hơn:

"Cái vòng vây chung quanh các đồn trại của ta càng ngày càng thắt chặt lại, đó là vòng vây của những toán cướp, một số các toán này rất đông đảo, gồm lính chính quy Trung Quốc bị loại, lính Cờ Đen, những người phu chạy trốn, những người nông dân nghèo khổ trong làng... Một toán cướp đóng trại ở sát thành Bắc Ninh, tay chủ tướng của họ nắm quyền cai trị cả tỉnh, thu thuế, bổ quan này, cách quan nọ; cả miền đông của miền Trung châu sôi nổi dữ dội, chiếc pháo thuyền Bu-rát-cơ[3] *bị tập kích, họ đốt phá ngay ở ngoại ô Hà Nội, Hải Phòng. Ở Lạng Sơn, khi quân Trung Quốc đã rút rồi thì các quan lại Annam trở lại tổ chức cai trị lấy; nhiều vị trí ở gần Kép ở sát thành Sơn Tây bị đánh phá; giữa sông Lô và sông Thao, quân phiến loạn đông đúc hằng mấy nghìn người, chiếm giữ một trận địa vững chắc và cai trị cả vùng, họ nhiều lần xuống đánh vị trí của ta ở Bạch Hạc"*[4].

Nhân dân ứng nghĩa rộng rãi và lớn lao như thế, khiến cho những ai bấy giờ đọc lại lịch sử Việt Nam trong thời bị xâm lược không thể không oán trách triều đình đã kìm hãm cuộc kháng chiến chống thực dân từ ngày Hà thành thất thủ lần thứ hai cho

1. Varnet.
2. Thomazi, *La conquête de l'Indochine française*, tr. 275.
3. Bourrasque.
4. Thomazi, *La conquête de l'Indochine française*, tr. 275 - 276.

đến biến cố tháng 7 ở Huế. Ví như trong khoảng Trung Pháp chiến tranh mà triều đình kêu gọi Cần vương, thì cơ đồ ắt còn điều kiện để khỏi đổ nát, nước Nam ta ắt còn có thể khỏi bị trở thành thuộc địa.

Trong mùa hạ 1885 này, quân Pháp chẳng những bị cột chân và công phá, chúng nó lại còn bị thời tiết giết hại rất nhiều bởi vì chúng phải luôn luôn hành quân mệt nhọc vô cùng, ăn ngủ không yên. Chỉ trong vòng 4 tháng mà 4.000 địch trong đó có trên 30 sĩ quan chết bệnh hay bị thương rồi bị bệnh mà chết luôn; lại có 3.200 tên trong đó có trên 70 sĩ quan bị bệnh nặng hay bị thương nặng, phải mang về Pháp điều trị. 5.000 quân Pháp phân tán dọc trên 1.000 cây số bờ biển Trung Kỳ, thật không thấm vào đâu khi cả xứ nổi dậy. Khi cả xứ nổi dậy mà trên toàn địa hạt Bắc Kỳ lúc ấy, địch chỉ đóng quân được ở 45 vị trí thôi, thì rõ ràng là phần lớn của đất nước chưa lọt vào tay địch. Cuốc-xy ra Bắc vào Trung như thoi đưa, không biết làm sao gỡ rối. Xin viện binh, chính phủ Pháp ngần ngại không cho. Đến cuối năm 1885, ảnh hưởng cuộc khởi nghĩa Cần vương dội đến dư luận nước Pháp. Vấn đề Việt Nam được đưa ra nghị viện; thủ tướng Bơ-rít-sông xin thêm chiến phí; tiểu ban về vấn đề Việt Nam do ông Pen-lơ-tăng[1] làm báo cáo viên, phản đối chiến phí. Ra nghị viện, phe chính phủ chỉ thắng có 4 phiếu mà thôi; 274 phiếu thuận chi tiền vào việc xâm lăng, 270 phiếu nghịch; suýt chút nữa thì quân Pháp đã phải vì không tiền mà phải rút về. Dù sao nội các Bơ-rít-sông cũng bị đổ, tướng Đờ Cuốc-xy bị triệt hồi.

Nhìn chung lại thời kỳ Cần vương thì việc Hàm Nghi xuất bôn, tờ hịch của Tôn Thất Thuyết là cái danh nghĩa, cái tiếng gọi; còn thực chất của phong trào là nhân dân kháng chiến chống ngoại xâm dưới sự lãnh đạo của sĩ phu ái quốc; phong trào này không vì quân Thanh rút lui mà yếu; ngược lại, điều này chứng tỏ tinh

1. Pelletan.

https://tieulun.hopto.org

thần tự lực cánh sinh cao độ của dân tộc Việt Nam ta. Phong trào này không vì Hàm Nghi, Tôn Thất Thuyết bỏ kinh thành ra sơn phòng mà có, nó đã có từ khi Tây đến xâm lăng; việc Hàm Nghi xuất bôn làm cho lòng dân thêm phấn khởi, cuộc chiến đấu càng có danh chính ngôn thuận. Phong trào này không vì hoàng tộc tôn vua bù nhìn mà kém sút chút nào; ngược lại, chúng ta sẽ thấy rằng khi Pháp bắt Đồng Khánh cùng với quân Pháp đi ra phía Bắc để vỗ yên dân chúng thì làng nào dân cũng phản đối vua bù nhìn, ngày nào đoàn vua bù nhìn cũng bị nghĩa quân chặn đánh, chỉ đi tới Đồng Hới một cách vất vả rồi quay về bằng đường biển, không dám đi bằng đường bộ nữa. Có người chứng kiến cuộc "du hành" ấy, ghi lại rằng:

"Ở bất cứ một xứ nào, ở bất cứ một thời nào, chưa hề có một ông vua bị thần dân phản đối như là Đồng Khánh"[1].

Bởi vì Đồng Khánh là bù nhìn, là tay sai của thực dân Pháp, bởi vì dân tộc Việt Nam quyết đấu tranh để bảo vệ nền độc lập. Pháp càng cổ võ cho Đồng Khánh bao nhiêu thì uy tín của Hàm Nghi lại càng tăng bấy nhiêu.

* * *

TÓM LẠI

Khi quy ước Thiên Tân giữa Pháp và Thanh được chuẩn y và thi hành thì Pháp lại cứ tăng viện quân sang Việt Nam để làm áp lực cho Thanh không thể không thi hành được, nhất là để lên chiếm cứ vùng biên giới Bắc Kỳ, trấn áp các cuộc khởi nghĩa của nhân dân, và bắt buộc triều đình Huế phải hoàn toàn quy phục. Nhà Thanh rút hết quân, dục Lưu về phương Bắc bắt đầu hoạch định biên giới với Pháp nhưng không phải là đã hoàn toàn chịu nhịn Pháp, mà lo rằng Hoa Nam có thể sớm chiều bị xâm phạm. Ở Huế cánh kháng Pháp của Tôn Thất Thuyết vẫn cương quyết không

1. *L' Empire d'Annam*, tr. 267.

chịu nhượng bộ thêm cho Pháp mà Pháp lúc ấy quyết đưa người thân Pháp lên nắm lấy binh quyền ở triều đình. Nhân dân Việt Nam thì không vì lẽ Pháp - Thanh hòa nghị mà thôi kháng chiến, ngược lại, quần chúng tin tưởng ở sức mình.

Tướng Đờ Cuốc-xy của Pháp sang nắm cả quyền quân sự và chính trị ở Bắc Kỳ và Trung Kỳ, có nhiệm vụ "bình định" Việt Nam và quật phục cánh Tôn Thất Thuyết. Hắn đem quân vào Huế, âm mưu bắt Tôn Thất Thuyết và Nguyễn Văn Tường. Một bọn Pháp không tán thành âm mưu dùng võ lực của Cuốc-xy, nhưng Cuốc-xy không nghe, Cuốc-xy mời Thuyết dự tiệc để bắt Thuyết, Thuyết không đi, cáo ốm. Cuốc-xy muốn đem quân vào Thành, Thuyết không cho.

Biết rằng nếu ta không ra tay trước thì Cuốc-xy sẽ diễn lại ở Huế việc mà Gác-nhê, Ri-vi-e đã làm ở Hà thành. Thuyết hạ lệnh tấn công đêm 4-7-1885. Cuộc tấn công thất bại. Địch phản công lại, lấy hoàng thành, cướp phá giết chóc rất nhiều. Thuyết phò Hàm Nghi lên Tân Sở là nơi mà Thuyết đã xây thành đồn lương tụ hợp châu báu của triều đình. Nguyễn Văn Tường trốn ở lại, trở về cộng tác với Pháp. Hàm Nghi đến Quảng Trị, rồi vào Tân Sở. Tường âm mưu mời tam cung đang ở Quảng Trị, trở về Huế. Cam Lộ là nơi sơn cùng, không có thể kháng chiến, nên Thuyết phò xa giá ra phía bắc, bị địch đón đường, trở về Cam Lộ, địch truy kích nên phải vòng núi Trường Sơn mà ra Hà Tĩnh, Quảng Bình. Hịch Cần vương đã truyền ra các tỉnh, nhân dân nơi nơi phấn khởi nổi lên chống giặc càng rộng, càng mạnh.

Pháp rất lúng túng vì, tuy chỉ chiếm được kinh thành mà cả nước Việt Nam đã nổi lên; tại Huế không còn chính phủ để thi hành các hiệp ước đã ký kết. Có bọn Pháp chủ trương xóa bỏ triều đình. Có bọn chủ trương bỏ một phần Bắc Kỳ đem quân vào lấy Trung Kỳ. Có bọn chủ trương lập vua mới. Sau khi Tam cung trở về Huế, Pháp lập vua Đồng Khánh bù nhìn. Đồng Khánh do địch

https://tieulun.hopto.org

tôn lên, không có chút uy quyền trong dân chúng; Tường nói tiếng nói của giặc, dụ Hàm Nghi trở về không được, vỗ yên nhân dân không được, nên bị Cuốc-xy bắt đày đi. Ảnh hưởng của Hàm Nghi và Tôn Thất Thuyết càng lớn.

Phong trào Cần vương bắt đầu.

Chương 20

PHONG TRÀO CẦN VƯƠNG TỪ QUẢNG BÌNH ĐẾN BÌNH THUẬN

Đoạn này lược thuật các cuộc chiến đấu của nhân dân miền Trung từ khi Hàm Nghi ra Sơn phòng đến khi Hàm Nghi bị bắt, chủ yếu là phong trào ở Hà Tĩnh, Quảng Bình. Ở Quảng Trị, Thừa Thiên, Nam Nghĩa, Bình Phú cho đến Khánh Hòa, Bình Thuận đều có khởi nghĩa nhưng sử liệu mà chúng tôi nắm được hãy còn ít; lúc bấy giờ quốc sử quán đã về tay bọn đầu hàng Pháp rồi nên chúng ghi lại sơ sài những cuộc khởi nghĩa Cần vương, bỏ bớt, xuyên tạc rất nhiều. Trong các quyển sử cận đại của ta rất ít khi ta nói đến nhân dân kháng chiến ở miền Trung và miền Nam Kỳ, đó là điều thiếu sót cần bồi bổ; sự thật là cả dân tộc Việt Nam từ Lạng Sơn đến Hà Tiên, không sót tỉnh nào, làng nào, đều có góp phần xương máu vào việc bảo vệ đất nước chống xâm lăng, tuy rằng vì điều kiện địa lý mà phong trào Cần vương từ Quảng Trị trở vào Bình Thuận không thể kéo dài bằng phong trào Cần vương từ Quảng Bình trở ra. Điều kiện địa lý ấy chủ yếu là sự cô lập tương đối về phương diện tiếp tế vũ khí đạn dược.

https://tieulun.hopto.org

I. HOẠT ĐỘNG CHÍNH TRỊ VÀ QUÂN SỰ CỦA PHÁP SAU KHI ĐỒNG KHÁNH LÊN NGÔI

Cuối tháng 7, quân Pháp đã chiếm thành Đồng Hới chủ yếu là để chặn đường không cho Hàm Nghi đi ra phía Bắc; chúng nó chỉ chiếm được thành đó thôi, còn từ đó suốt ra tới ngoài Thanh Hóa thì địch chưa đặt chân lên đất liền được. Mãi đến tháng 8, quan năm Pháp là Sô Mông mới đem một tiểu đoàn và 3 tàu chiến từ Đà Nẵng ra sông Lam, chiếm thành Vinh. Hầu hết các quan ta bỏ tỉnh thành và rút vào thôn dã mà kháng chiến; nếu địch có ra ngoài thành thì nhân dân làm vườn không nhà trống. Địch tưởng đâu, nếu lấy được Vinh thì có giảm bớt uy thế của phe Cần vương, nào ngờ! Chính Gô-sơ-lanh[1] phải ghi lại rằng, khi Pháp chiếm Vinh thì:

"... Các quan, đặc biệt là quan lại cao cấp hầu hết đều bỏ đi, họ nhập bọn với Tôn Thất Thuyết; ảnh hưởng của Tôn Thất Thuyết như là tăng lên hàng ngày; sĩ phu nổi lên võ trang tranh đấu... không ai cắt lúa chín ngoài đồng; một vài ông quan lại hiếm có còn ở lại thì, mặt mày họ mơn trớn với quân ta, mặt kia họ một lòng với kẻ phiến loạn"[2].

Còn Mác-xen Gô-chi-ê[3] nói:

"Ở tất cả những nơi nào mà người Pháp tới đóng thì sự sống lui đi đâu mất; tất cả các cửa đều đóng! Mỗi người dân nếu đem đi được cái gì thì họ đem đi hết, đi đến những chỗ yên toàn hơn; chỉ còn lại những người đau ốm hay già cả, họ sợ đi xa thì chết xa mồ mả ông bà"[4].

Chắc Gô-chi-ê không biết rằng các ông già ở lại vẫn làm tai mắt cho quân kháng chiến. Những lời của địch gián tiếp mô

1. Gosselin.
2. Gosselin, *L'Empire d'Annam*, tr. 247.
3. Marcel Gauthier.
4. M. Gauthier, *Le Roi Proscrit*.

tả tinh thần yêu nước, tinh thần chống giặc của toàn thể nhân dân ta.

Từ Vinh và Đồng Hới, các đội của quân địch tỏa ra để đốt phá, bắn giết nhân dân, đốt phá chùa chiền, tập trung người công giáo về ở gần thành để dễ mộ ngụy binh, để bắt phu và để buộc đồng bào tiếp tế cho chúng nó. Ở đây cần phải nói rằng một cái sai lầm quan trọng của phong trào Cần vương này là nhiều vị thân sĩ chủ trương đốt phá nhà thờ để trả thù cho việc Tây xui giục một số người công giáo đốt phá đình chùa, và nhiều nơi có giết dân đi đạo khi nào ở đó những cha cố mộ được binh lính cho giặc, xui người điềm chỉ cho giặc; lương giáo rất thiếu đoàn kết để kháng chiến.

Vào tháng 2 năm 1886, khi được biết rằng Hàm Nghi ra sơn phòng Quảng Bình Hà Tĩnh thì địch chiếm thành Hà Tĩnh và lập căn cứ Chợ Đồn ở cửa sông Gianh.

Lúc ấy, vào tháng ba, tình hình khởi nghĩa ở Bắc Kỳ rất là sôi nổi, sôi nổi hơn lúc nào cả, ba vạn quân Pháp không đủ sức trị an, nên đầu tháng 3-1886, bọn chỉ huy Pháp ở Hà Nội ra lệnh cho các đội quân lưu động của chúng ở miền Trung rút ra ngoài Bắc mà tiếp ứng cho chúng, chúng bỏ nhiều căn cứ mà chúng đã chiếm ở Nghệ An, Hà Tĩnh, Quảng Bình, chỉ còn giữ mấy đồn đặc biệt là ở cửa sông Gianh; quân ta trở lại chiếm đóng các vị trí lớn, các tỉnh thành trong một luồng không khí vô cùng phấn khởi. Cuộc triệt quân này lại làm cho triều đình ngụy của Đồng Khánh khiếp sợ đến tột bậc.

Để trấn tĩnh tình hình, một mặt thì theo đề nghị của giám mục Hoàng, bọn thực dân ở Huế, tổ chức cuộc "bắc tuần" của Đồng Khánh, một mặt khác là lập ngụy quân dưới danh nghĩa quân đội triều đình. Cuộc bắc tuần của Đồng Khánh bắt đầu trong mùa hạ, với mục đích là kêu gọi nhân dân rời bỏ kháng chiến. *"Chẳng*

https://tieulun.hopto.org

phiến đánh dẹp ra uy, thấy vua dân phải hết nghi xin đầu"[1]. Để "hộ giá" có cả nghìn quân Pháp; kề bên Đồng Khánh có một nhân viên văn phòng của Tổng Khâm sứ Pôn Be để quyết định mọi cử chỉ và lời nói của tên vua bù nhìn. Nhân dân Thừa Thiên, Quảng Trị và Quảng Bình được lệnh của ngụy triều là phải đặt hương án dọc đường để nghinh giá; nhưng dọc đường không án mà cũng không hương "xa giá" nghỉ ở đâu thì đêm đêm quân khởi nghĩa đến đánh úp. Nhờ quân Pháp mở đường, "xa giá" mệt nhọc lắm mới mò đến Đồng Hới, ở đó ba tuần, không dám lên nữa, không dám về bộ, cả Pháp lẫn vua nói láo rằng Đồng Khánh "cảm mạo phong sương" không đi xa nữa được. Đồng Khánh phải xuống tàu Pháp chuồn về Huế, không đạt được một tí mục đích chính trị nào cả. Kẻ địch phải nói rằng chưa hề ở xứ nào, ở thời nào mà có một ông vua bị thần dân ghét oán như vua bù nhìn Đồng Khánh. Còn bản thân Đồng Khánh, khi trở lại kinh thành, đã nói với bọn Pháp:

"Không đời nào mà tôi có thể tin rằng Hà Tĩnh, Quảng Bình trung thành với tôi, bởi vì hai tỉnh ấy có nhiều sĩ phu quá".

Thật là vinh hạnh cho sĩ phu, vinh hạnh cho dân hai tỉnh khi được tên vua bù nhìn không tin cậy như thế.

Đi bắc tuần không được gì, Pháp và Đồng Khánh ra tờ hiểu dụ để kêu gọi sĩ phu đầu thú, cốt lấy mồi phú quý an nhàn mà tách văn thân với Tôn Thất Thuyết; xin chép lại tờ hiểu dụ để ta thấy mưu xảo trá lừa phỉnh của thực dân và ngụy triều:

"Tuấn kiệt cốt phải thức thời, quân tử quý biết sửa lỗi. Sau việc kinh thành năm trước, Hàm Nghi chạy ra, lúc ấy có kẻ bách vì công phẫn, tự gọi Cần vương, thành ra thế cưỡi hổ, trốn tránh trong hang rừng, thường đem Hàm Nghi ra tạ khẩu. Trước đã dụ chuẩn cho rước Hàm Nghi về lập phong tước công hoặc làm tổng trấn Bắc Kỳ,

1. *Hạnh Thục ca*, Tiền triều lễ tần Nguyễn Nhược Thị.

thân hào ra đầu thú đều được miễn tội. Gần đây lại thân giá đi xét việc quân. Trước hết đi đến Quảng Trị, hào mục nhiều kẻ ra đầu thú, dân hạt lần lần được yên. Nhưng còn nhiều thân hào Quảng Bình tụ hợp kêu gào. Ôi! triều đình cho chiếu khoan đãi mà thảo đã không có lòng thành nghe theo, thế là riêng có tâm gì? Há không phải là bản quốc khó bảo toàn cho các ngươi ư? Không nghĩ hiện nay, thế đại cục thiên hạ đã định, trị tượng mới cả, nước bạn giữ hòa hảo như cũ, một chính một lệnh ban ra đều giữ quyền tự chủ, có ai trở ngại đâu mà lại lấy thế trì nghi, cam tâm lẩn trốn ư? Hay lại bảo Hàm Nghi về lần này thì không có quyền lộc gì, bọn các người cũng không nhờ vào dân ư? Nhưng người nhân đối với em, thân thì muốn cho được sang, yên thì muốn cho được giàu. Hàm Nghi là em trẫm. Trẫm nay suy rộng lòng nhân, Hàm Nghi như có về, chuẩn phong cho làm tổng trấn Thanh Nghệ Tĩnh, hậu cấp bổng lộc, cũng đủ ăn uống, nhất nhất như vương giả nào kém gì? Hiện chuẩn cựu thần Hoàng Tá Viêm khai phục đông các đại học sĩ... là cũng muốn cho yên chớ không phải là cần được. Từ nay thân hào nên sớm hồi đầu, giải tán binh dũng, bó mình về mạnh, do các địa phương hoặc do các thủ, tỉnh bẩm biện lên. Trừ Lê Thuyết thế khó khởi dụng, nếu chịu quay lại, tạm cho lui về nghỉ nhàn tán, còn các đầu sỏ khác ai có chức cũ, như Trương Văn Ban, Nguyễn Trực, Nguyễn Chủ, Lê Mộ Khu, Nguyễn Nguyên Thành, Phan Trọng Mưu, Nguyễn Xuân Ôn, Lê Doãn Nhạ, Ngô Xuân Kình đều cho giữ nguyên hàm, lượng bổ từ Bình Trị trở vào mọi tỉnh, cho mưu lại cái tiết cuối tuổi. Đến những kẻ vốn chưa được chuẩn phong, như Trần Xuân Soạn, Nguyễn Phạm Tuân, Phan Đình Phùng, nếu quả biết quay đầu về, có đủ thực trạng, xét rõ là chân tâm hối cải, trẫm cũng khoan giảm tội trước, thưởng riêng chức hàm cho khỏi phản trắc... Khoản này, nhân dịp Toàn quyền Đại Pháp Pôn Be đến kinh cận yết, trẫm đã tận mặt thương thuyết với quý đại thần, ý hợp, quyết không nuốt lời. Đều nên mạnh dạn xét kỹ. Bằng dùng dằng không quyết, bằng ngu muội không thấy trước, đến lúc đại quân đã tới,

https://tieulun.hopto.org

ngọc đá đều cháy, trẫm dẫu chí nhân, cũng khó mà tính kế hộ cho các ngươi được".

Trong tờ hiểu dụ này, ta thấy rõ kế ly gián của địch, địch mong lấy chức tước tiền tài mà làm mồi câu kẻ vì danh vì lợi, lấy vũ lực để đe dọa kẻ yếu vía. Nhưng chẳng mấy ai mắc kế, chẳng một lãnh tụ kháng chiến nào về làm hàng thần lơ láo trong ngụy triều của Đồng Khánh. Trong lúc Đồng Khánh nói "tự chủ" thì triều đình ngụy để Pháp lấy đài Trấn Bình ngay ở vách hoàng thành làm nhượng địa và phá các khẩu súng đồng đem đúc thành tiền đồng.

Tình hình vào cuối năm 1886 ở Trung Kỳ là quân Pháp chỉ có một số ít cứ điểm lẻ tẻ trên đường quốc lộ.

"Từ cứ điểm này đến cứ điểm kia, trạm chỉ đi được khi nào có đông quân đội hộ vệ có võ trang, nếu không thì bị phục kích".

Những quan lại mà chính phủ mới gửi đến các cứ điểm ấy để thay thế cho các quan đã theo Tôn Thất Thuyết, đều không được dân thừa nhận, họ không làm trò trống gì được. Ông nào, khi đi lãnh trách nhiệm, cũng đòi xin có quân đội Pháp đóng ở nơi họ đóng trụ sở[1]. Ví như Pháp đặt một tên phủ ở Bố Trạch, thì tên phủ này nằm mãi trong đồn Quảng Khê, chỉ cai trị được vài xóm quanh đồn; lại ví dụ như tên phủ Bố Trạch khác thì cất nhà ở sát cạnh đồn, anh ta chỉ ló ra hai lần để đi vào hai làng kế cận nhất, hắn gởi người đi ra bắt dân đi lính thì tay sai ấy bị giết ngay. Từ Quảng Khê đến Ròn (tỉnh Quảng Bình) chỉ có 15 cây số dọc theo biển, ấy thế mà, theo lời của Gô-sơ-lanh:

"Đường quốc lộ giữa hai đồn này bị quân phiến loạn chiếm; trạm không đi được; có gửi trạm đi thì phải có 20 lính hộ vệ".

Từ Quảng Khê tới Hà Tĩnh trở lên thì địch hoàn toàn không đi được; từ Quảng Khê vào Đồng Hới cũng thế, thỉnh thoảng có đi

1. Gosselin, *L'Empire d'Annam*, tr. 269.

thì địch phải huy động rất nhiều quân. Nghĩa quân Quảng Bình do Đề đốc Lê Trực trực tiếp chỉ huy. Lê Trực vốn người Thanh Thủy, nguyên là Đề đốc ở Hà Nội khi Ri-vi-e tới đánh; Trực bị triều đình giáng chức; sau vụ kinh thành đại biến, Trực được Tôn Thất Thuyết phục chức. Nghĩa quân chẳng những bao vây địch ở trong đồn mà còn công phá thành trì của địch; căn cứ chủ yếu của Lê Trực là vùng Thanh Thủy trên sông Gianh, đó là tiền đồn kiên cố của căn cứ địa gồm hai tỉnh Quảng Bình, Hà Tĩnh.

Ở Quảng Trị, Pháp giữ thành Đồng Hới và cố lập một tiểu đoàn ngụy quân; nhưng quyền hành địch không khỏi tầm súng của chúng; đầu năm 1886, địch bị vây cho đến đỗi quân thám thính của chúng không ra được khỏi thành; nghĩa quân lại dùng rất nhiều thang dài mà công hãm thành; địch may nhờ có quân cứu viện từ Huế đến do tên Các-đô[1] cầm đầu mới thoát khỏi bị tiêu diệt. Đến cuối 1886, nhờ lần lần tổ chức được ít nhiều ngụy quân nên thế lực của địch có nới rộng ra. Ở Thừa Thiên, phong trào Cần vương kém hơn, địch tổ chức được ít nhiều cơ sở ngụy quyền.

II. KHÁNG CHIẾN Ở QUẢNG BÌNH. QUÂN PHÁP BỊ ĐÁNH BẠI Ở LẬP CÁP, CỰA KÊ, SÔNG NÁI

1. Căn cứ địa của Hàm Nghi. Căn cứ địa của Hàm Nghi là miền sơn cước của hai tỉnh Quảng Bình, Hà Tĩnh, một vùng hiểm yếu, chủ yếu là tỉnh Quảng Bình. Giữa hai tỉnh có một dải núi cao bắt đầu trong dải Trường Sơn đi thẳng ra biển. Người ta chỉ có thể đi từ Hà Tĩnh vào Quảng Bình bằng đường thiên lý sát biển, hoặc bằng đường đèo Tân Ấp (tức đèo Bái Đức); từ vài năm nay, một đường quốc lộ mới được mở trong núi, song song với đường thiên lý ngoài biển để đề phòng địch chiếm cứ duyên hải thì ta vẫn liên lạc được; đường thiên lý trong núi này gọi là "thượng đạo" đi, qua đèo Tân Ấp là nơi mà sông Ngàn Sâu (chảy về Bến Thủy) và sông

1. Cardot.

https://tieulun.hopto.org

Gianh (chảy về Quảng Khê) hai nguồn sông cách nhau 15 cây số. Vùng căn cứ chủ yếu của Hàm Nghi là vùng thượng lưu hai con sông nói trên, tiến thì có thể làm chủ cả hai lưu vực trù phú và đông dân, do đó mà liên lạc với các tỉnh phía Bắc; thoái thì vào vùng rừng sâu núi cao sát biên giới Lào - Việt; để mà yên toàn ra Thanh - Nghệ hay Bắc Kỳ. Nói về căn cứ này, địch viết:

"Địa thế này được chọn lấy một cách khôn khéo, nó liên lạc giữa hai tỉnh từ hàng mấy thế kỷ nay được nổi danh là đất nhà quan đất sĩ phu; còn hơn là tỉnh khác, hai tỉnh này sẵn sàng chống lại uy quyền của ta"[1].

Lưu vực sông Gianh là vùng kháng chiến quan trọng nhất của Hàm Nghi: ngoài cửa bể thì có cồn cát làm cho chiến thuyền giặc ít khi vào được. Khỏi Thanh Thủy trở lên thì lưu vực sông Gianh bị cắt ra từng đoạn bằng những ngọn núi thỉnh thoảng bó hẹp đồng bằng, trên các đồi này quân canh gác rất tiện bề dòm chừng sự vận động của địch, ít khi nào địch vào căn cứ mà ta không biết từ rất xa. Phía dưới đông thì người Kinh, phía rừng núi khi đồng bào Mường; lúc bấy giờ người ta tính rằng riêng ở lưu vực sông Gianh này đã có 4 vạn dân mà một phần tư là người công giáo. Trung tâm thương mại thịnh nhất là chợ Đồn, mỗi tháng họp chợ 3 kỳ, mỗi kỳ chợ có trên vạn người đến họp. Hàm Nghi đóng đô lâm thời ở thượng lưu sông Gianh (thuộc huyện Tuyên Hóa, lúc bấy giờ gọi là châu Quy Hợp), trực tiếp với nghĩa binh hai tỉnh Hà Tĩnh và Quảng Bình.

2. Các trận đánh quan trọng trên thượng du. Sau khi địch chiếm thành Vinh thì một đạo quân Pháp, vào cuối tháng chạp 1885, đi theo lưu vực sông Ngàn Sâu, lên Bái Đức, qua đèo, đột nhập vùng trung tâm của căn cứ địa. Đến làng Ve (tức là gần La Trọng ngày nay, trên đường xe lửa rút), quân Pháp bị quân ta, do

1. Empire d'Annam, tr. 249.

Lãnh binh Ngọc cầm đầu, chặn đánh một trận kinh hồn, quan ba Pháp là Hu-gô bị thương rút tàn quân chạy một mạch về đến Vinh (3-1-1886). Vài ngày sau, lại một đoàn lưu động Pháp bị quân ta tiêu diệt ở Cửa Kê.

Hai trận này có ảnh hưởng rất lớn, nghĩa quân nhập ngũ càng đông đảo, đông đảo cho đến đỗi Tôn Thất Thuyết không thể chứa hết ở các đồn trại ở vùng Thanh Thủy, mà phải rải về đồng bằng để dò xét, báo tin thắng trận, mộ thêm nghĩa binh.

Cũng tháng giêng 1886, đoàn quân lưu động khác của địch do Ca-muýt cầm đầu, lên đánh Thanh Thủy rồi tiến vào sâu hơn; quân ta thừa đêm ra đánh xáp lá cà, khi địch hoàn hồn thì quân ta lên núi Ma Rài, rồi qua sông Nái (tức trung lưu sông Gianh); địch rượt theo cùng qua sông Nái, qua tới giữa dòng sông thì quân ta phục kích bên bờ nổ súng, buông cung, địch chết chìm một số lớn, Ca-muýt bị một mũi tên thuốc vào vai, kéo quân lùi lại bờ bên kia; cuộc chiến đấu tiếp diễn; địch toan qua sông một lần nữa; lần này chúng bị đánh rát hơn, chủ tướng bị giết ngay dưới sông, bọn sống sót chạy thẳng một mạch về Quảng Khê.

Ba trận thắng liên tiếp trong vòng nửa tháng làm nức lòng quân dân. Thuyết truyền tin báo tiếp đi khắp các nơi; lại ra lệnh cấm quân lính ăn thịt trâu bò của dân, khuyến khích đào mương cấy lúa, để có lương thực, lo trấn áp thổ phỉ, trừng trị kẻ phản quốc. Trong sự trừng trị kẻ phản quốc này, các vị văn thân không có chính sách giáo lương đoàn kết, bên này đốt chùa chiền thì bên kia đốt nhà thờ, giết hại lẫn nhau, gián tiếp làm lợi cho địch, địch tập trung đồng bào công giáo về Hương Phương, Mỹ Hòa, Đan Xá. Dù sao vẫn có một số đồng bào công giáo kháng chiến, mà người nổi tiếng nhất lúc bấy giờ là Lãnh binh Nguyễn Phiên (Nguyễn Phiên bị địch bắt giết năm 1887).

https://tieulun.hopto.org

Muốn gỡ 3 trận thất bại, vào tháng 2 năm 1886, một đoàn quân lưu động của Pháp do quan năm Pen-lơ-chi-ê[1] cầm đầu đánh lên chiếm Sơn phòng Hà Tĩnh; địch nhờ gián điệp nên băng rừng đến bao vây ngôi chùa mà Hàm Nghi ở; sự tận tâm quyết tử của nghĩa quân cứu thoát được Hàm Nghi, và từ nay Hàm Nghi về Sơn phòng Quảng Bình, rồi, vì quân Pháp tiến lên đồn Trúc Lâm nên Thuyết lại đem vua về bến Vây - chỗ ở của thổ ty Trương Quang Thủ. Tôn Thất Thuyết sang Trung Quốc tìm viện trợ, để lại hai người con trẻ tuổi mà can đảm phi thường, thao lược cao kỳ, là Tôn Thất Đạm (19 tuổi), Tôn Thất Thiệp (15 tuổi), cùng với Đề đốc Lê Trực và Nguyễn Phạm Tuân với nhiều đình thần khác để bảo vệ Hàm Nghi và tiếp tục kháng chiến. Việc Tôn Thất Thuyết đi ra Bắc rồi sang Trung Quốc có phải là "đào ngũ" như những nhà "văn" nhà "sử" trước đây om ỏm lên chăng? Có một điều đáng chú ý là cái số người mạt sát Tôn Thất Thuyết kia chính là những người hoặc tay sai của Pháp, hoặc đầu hàng Pháp, họ không bằng một góc nhỏ nào của Thuyết cả; nội cái việc rằng Tây thù Thuyết, Thuyết thù Tây đã khiến cho ai có lòng chống Pháp, dù chỉ chống trong tâm, phải xem Tôn Thất Thuyết là nhà ái quốc đáng kính. Trong thời kỳ ấy, Thuyết đi qua xứ Thanh là có lợi, qua xứ Thanh, Thuyết nhân danh nghĩa là phụ chánh có thể và đã vận động quan quân nhà Thanh ở miền Nam giúp súng, giúp người, dễ dàng cho nghĩa quân qua lại biên giới, do đó một phần mà kháng chiến kéo dài làm cho Pháp thất điên bát đảo, mãi đến 1894 Thuyết hãy còn được viện trợ. Vả lại, ra ở trên biên giới Việt - Trung, Thuyết trực tiếp với các nhà lãnh tụ Cần vương đất Bắc, liên lạc với Lưu Vĩnh Phúc và các quan Thanh, giúp đỡ các đạo Cần vương về súng ống đạn dược; Thuyết sang xứ Thanh hoạt động cứu nước rất nhiều còn thành bại là vấn đề khác. Như thế thì sao gọi là đào ngũ? Ngay sau khi Hàm Nghi bị bắt, Thuyết vẫn hoạt động mãi với danh

1. Pelletier.

nghĩa Hàm Nghi; và khi hai con mình bị chết ở chiến trường, thân già cũng không vì lẽ ấy mà thoái chí nản lòng; như thế Tôn Thất Thuyết là người trung quân ái quốc đáng trọng, vì nước, vì vua, nhất thiết không phải vì tư lợi. Nội các việc Thuyết đánh Pháp và đến chết không khuất phục Pháp, nội điều ấy đã không cho phép học giả Việt Nam nào mạt sát Tôn Thất Thuyết được[1].

Chính lúc phong trào Cần vương ở Quảng Bình gặp khó khăn thì ở ngoài Bắc, cuộc kháng chiến của nhân dân sôi nổi đến cao độ, vào tháng 3 năm 1886 Pháp phải rút ba binh đoàn quân lưu động ở miền Bắc Trung Kỳ ra Bắc, và rút các đồn lẻ ở Hà Tĩnh và Quảng Bình, chỉ giữ ba cứ điểm ở duyên hải Quảng Bình. Quân Cần vương thừa dịp mà chỉnh đốn và phát triển, hai lưu vực Ngàn Sâu và sông Gianh được đại đa phần giải phóng. Nghĩa quân lại tấn công xuống đồng bằng, dồn địch vào các cứ điểm, chúng không ra được, và hơn nữa, nhiều lần ta công hãm đồn Quảng Khê, Ròn, Chợ Đồn và một lần công hãm thành Đồng Hới. Nhưng lực lượng của để Lê, tức Lê Trực, tuy số người thì đông đảo nhưng khác với nghĩa quân từ Thanh Hóa trở ra Bắc được tiếp tế và được mua bán với Trung Quốc. Vũ khí của để Lê thì thô sơ, suốt mạn lưu vực sông Gianh không có quá 50 súng trường và 8 đại bác, nên không đánh bật địch ra khỏi các căn cứ của chúng. Mãi đến đầu tháng 11-1886, địch mới hoạt động trở lại; quan ba Mu-tô[2] do cố đạo Tót-tuy-đô[3] dắt đường, đem quân Pháp và trên 200 ngụy quân do cha này chiêu mộ luyện tập và chỉ huy, lên đánh Thanh Thủy. Tót-tuy-đô bị trọng thương, địch lui về Quảng Khê; cuối tháng 11 địch lại trở lên, cũng bị đánh bại.

Thấy dùng quân sự không đem đến kết quả gì, địch xoay qua dùng chính tộ: Đồng Khánh sai Hoàng Tá Viêm làm kinh lược sứ,

1. Xem các bài về Tôn Thất Thuyết ở các báo *Tràng An*, *Thanh Nghệ Tĩnh*, *Đàn bà mới* và *Impart al Annamite* năm 1933.
2. Moutot.
3. Nhà xuất bản chưa tra được từ nguyên.

https://tieulun.hopto.org

ra Quảng Bình để dụ vua Hàm Nghi và các vị văn thân về hàng (trước đó thì triều đình Huế đã sai Phan Đình Bình và Võ Bá Liêm đi dụ hàng một lần rồi, lần ấy Võ Bá Liêm đã chẳng dụ được ai mà lại còn bị văn thân bắt giết đi); Viêm tuy trước có nhiều công lao và danh vọng, nhất là trong thời kỳ ở Sơn Tây, Hưng Hóa, nhưng từ ngày hắn phản vua Hàm Nghi mà chạy về với Đồng Khánh, từ ngày hắn được Đồng Khánh khai phục hàm tước, làm việc cho Pháp thì uy tín của Viêm không còn chút nào. Viêm ra đóng dinh ở gần Chợ Đồn, trong nách giặc, tìm cách liên lạc với Lê Trực, đề nghị Hàm Nghi nếu quy thuận sẽ được cai quản cả Thanh Nghệ Tĩnh, bổng lộc rất hậu, các quan đều khai phục chức tước v.v... Nhưng Viêm hoàn toàn thất bại trong việc chiêu hàng nên vào đầu năm 1887, thì Viêm bị "đòi về kinh đợi chỉ" chớ không đi Thanh Nghệ Tĩnh như đã tính trước.

3. Tiết nghĩa của đề Lê. Trong lúc Đề đốc Lê Trực hoạt động ở hạ lưu sông Gianh thì Tôn Thất Đạm luyện quân ở hai vùng Kỳ Anh, Cẩm Xuyên trên lưu vực Ngàn Sâu - Hà Tĩnh. Nguyễn Phạm Tuân, Tôn Thất Thiệp phò vua Hàm Nghi ở phía tây huyện Tuyên Hóa - Quảng Bình. Về phía bọn Pháp thì tên quan Mu-tô đem quân lên đánh Thanh Thủy rồi bắt dân các làng đem của đem công xây đồn Minh Cầm, mé trên Thanh Thủy, thuộc trung lưu sông Gianh. Mu-tô tìm cách dụ dỗ Lê Trực về hàng, nguyên nó bắt được một người hầu cận của đề Lê, nhờ người ấy đem thơ về cho đề Lê; đề Lê trả lời trong một bức thơ đề "năm Hàm Nghi thứ 2, tháng 12, ngày rằm", đề Lê tố cáo việc Pháp xui giục người công giáo đốt phá đình chùa; ông nói rằng trước kia các hoàng đế Việt Nam ra lệnh đàn áp công giáo, nhưng người dân theo Phật giáo thì không có giết người theo công giáo, sao nay Pháp xui giục cha cố biến nhà thờ thành đồn lũy, tổ chức võ trang, rồi đi đốt phá đình chùa và giết dân lương? Ông nói: *"Bản chức tập hợp nhân dân, kêu gọi nhân dân võ trang để tự vệ, không phải để mưu giết người công giáo"*; ông lại nói rằng không bao giờ ông đầu hàng người Pháp hay là về thú với bọn quan của ngụy triều Đồng Khánh.

Ngay khi Mu-tô lên tới Minh Cầm thì quân Cần vương do Lê Trực cưỡi voi cầm đầu, từ thượng lưu sông Gianh kéo xuống ứng chiến; Nguyễn Phạm Tuân lại kéo quân từ thượng lưu sông Rào Nam đến Cao Mai để tiến về đánh địch ở Minh Cầm. Đêm 20 tháng 2 năm 1887, quân ta công phá Minh Cầm bằng đại bác và súng trường.

Địch tổ chức hai đoàn quân lưu động, một đi từ Quảng Khê lên sông Rào Nam, một đi từ Minh Cầm lên sông Rào Nam để gặp nhau ở vùng Quy Đạt. Cuộc hành quân này thất bại ngay từ lúc đầu, địch không xông xáo được lên vùng căn cứ chính.

Mu-tô tiếp tục dụ Lê Trực về hàng. Lê Trực trả lời càng khẳng khái, nói rằng: *"Sau vụ kinh thành, cha cố gây ra các vụ tàn sát, cướp phá, bản chức cầm quyền ở Quảng Bình phải hô hào thân hào thân sĩ để lập lại trật tự; từ tháng chạp năm ngoái, bản chức đã ra lệnh lập lại sự yên hòa giữa lương giáo; nhưng ông (Mu-tô) lại lập đồn ở Minh Cầm để xâm nhập nội địa, nhân dân tự nhiên lo ngại; vì vậy bản chức nghĩ rằng ông nên dỡ đồn Minh Cầm mà trở về Quảng Khê thì mới có yên ổn được"*.

Mu-tô không được như ý, gửi thư khiêu khích buộc Lê Trực phải bó tay đầu hàng không điều kiện, nếu không thì sẽ bị bắn chết. Trực trả lời càng khẳng khái hơn nữa:

"Hàm Nghi năm thứ 3, tháng 3, mồng 3.

Đề đốc Lê Trực, thủ lãnh Hoàng quân ở Quảng Trị gửi đại úy Pháp đồn Minh Cầm:

Tôi trả lời cho ông; tôi được thơ ông gửi, trong đó ông nói rằng bản chức viết thư đề niên hiệu Hàm Nghi là lòng bản chức chưa thật, rằng ông quyết đánh bản chức.

https://tieulun.hopto.org

Hàm Nghi là em Kiến Phước do Thái hậu tuyên bố nối ngôi Kiến Phước, bá quan văn võ đồng tình, toàn dân công nhận. Từ khi Pháp mưu gian đánh phá hoàng thành, hoàng đế xuất hạnh, tuy kẻ bất chính xiêu lòng, song người tiết nghĩa ai cũng công nhận rằng về tất cả các mặt, hoàng đế chúng tôi là xứng đáng, nay vẫn còn như vậy.

Bản chức thọ ân dày của các tiên đế, bao giờ bản chức lại thay lòng đổi dạ?... Nếu bản chức trở mặt, sai lời thì đã không đáng sống trên trời đất, mà khi chết rồi còn hổ thẹn với tiên hoàng. Cho nên bản chức không thể không trung thành với Hoàng đế Hàm Nghi.

Nhà ta bị các ngươi đốt; ta rày đây mai đó... Nếu ông nói ông là người ngay thẳng, thì ông phải phá đồn Minh Cầm, rút quân về Quảng Khê hay Đồng Hới..."[1].

Mu-tô biết rằng không thể hứa hẹn quyền tước, an ninh, vàng bạc mà mua chuộc, không thể lấy cái vũ lực mà đe dọa Lê Trực được. Trong bức thư cuối cùng hắn báo cho đề Lê rằng sẽ tấn binh; đề Lê trả lời rằng quân ta sẽ kháng cự đến giọt máu cuối cùng.

III. BƯỚC SUY TÀN CỦA PHONG TRÀO CẦN VƯƠNG Ở QUẢNG BÌNH

1. Nguyễn Phạm Tuân. Tết năm 1887, Tôn Thất Đạm thiếu cảnh giác, cho quân lính về quê ăn tết; quân chủ lực không còn có mấy ai; do thám của địch biết rõ tình hình, bọn Mu-tô bèn tổ chức hai đoàn biệt kích đi lên căn cứ của Nguyễn Phạm Tuân ở làng Yên Lương, trên sông Rào Nam, do một đứa bồi tên Dừa chỉ dẫn. Địch thừa đêm mà đi đường tắt từ Minh Cầm sang lưu vực sông Rào Nam, qua một dẫy núi khá hiểm trở. Khi địch tới làng Yên Lương thì gặp lúc những quân canh gác đi ăn cơm sáng, nên Mu-tô đến hàng rào tre quanh nhà của Nguyễn Phạm Tuân thì trong nhà mới hay có biến. Tuân và quân ta chống với địch rất dũng cảm, nhưng,

1. Không có nguyên bản, dịch theo bản chữ Pháp.

bị đánh bất ngờ, Tuân bị trọng thương ở ngực và bị bắt. Tuân chửi mắng địch và đòi địch cứ giết ông đi. Mu-tô đem ông và những vị quan bị bắt về Minh Cầm tra hỏi dữ dội, nhưng không một ai khai báo chỗ ở của Hàm Nghi. Tuân chết vì vết thương, còn hầu hết các người khác bị bắt đều bị xử tử ở chợ Minh Cầm, tất cả các người bị xử tử đều chịu chết một cách can đảm. Bốn ngày sau một toán nghĩa quân đột nhập Minh Cầm bắt và giết tên Dừa; tên này nguyên là một nhân viên phản gián của Tuân đưa vào trá hàng để giết Mu-tô, nhưng hắn đã bội phản. Bọn phản trắc khác kinh tâm tán đởm, mặc dầu rằng Mu-tô đã giết được Nguyễn Phạm Tuân một linh hồn của phong trào Cần vương ở Quảng Bình.

Phạm Tuân chết, phong trào Cần vương ở Quảng Bình sút xuống ngó thấy. Địch lần lượt chiếm đóng các làng Cổ Liễn, Yên Lương trên Rào Nam và lên đánh vùng thượng lưu sông Gianh.

2. Căn cứ của Đề đốc Lê Trực cũng bị biệt kích. Đêm 18 rạng 19 tháng 6, sau khi nhờ gián điệp chỉ điểm, một đội biệt kích do bản thân tên quan ba Mu-tô cầm đầu lên vùng núi của vùng Thanh Thủy, đột kích căn cứ của Lê Trực. Địch đánh bất ngờ trong đêm tối, hầu hết những người trong đồn bị bắt trong đó có vợ con của Lê Trực và Lãnh binh Phạm Tường; Lê Trực chạy thoát. Lãnh binh Phạm Tường là thủ hạ đệ nhất của Lê Trực; địch còn sợ ông hơn là sợ Lê Trực; ông đã chỉ huy các trận đánh từ 2 năm nay; địch đem ông về giết ở quê ông là làng Thọ Ngõa, còn tất cả các tù binh khác, kể cả đàn bà trẻ con, chúng đều giết tại Minh Cầm. Lê Trực tiếp tục chiến đấu; không còn có những trận lớn thì phe Cần vương hạ những tay sai của địch làm tổng huyện, nay đánh chỗ này mai đánh chỗ khác, xuất kỳ bất ý, địch không dẹp nổi. Mu-tô tàn sát rất dữ dội, tiền trảm hậu tấu; tên đại tá Pháp chỉ huy đại đoàn ở miền trung khi ra Minh Cầm đã viết giấy để lại chỉ cho Mu-tô là:

"Ông hãy làm như là lúc nào lệnh đem tù binh về Huế cũng tới tay ông một cách quá trễ tràng".

https://tieulun.hopto.org

Chính đó là cái lý do khiến ngụy triều Đồng Khánh cảm tạ Mu-tô, ban Kim khánh cho Mu-tô khi hắn về nước.

3. Địch mưu mô để bắt vua Hàm Nghi. Mùa mưa đến làm trở ngại nhiều cho sự hành binh của giặc Pháp. Hàm Nghi và Tôn Thất Thiệp tổ chức những toán quân lưu động nhỏ đi nhanh, dễ lẩn, xuống đồng bằng đánh lấy lại đất đã mất; bản thân Hàm Nghi cũng đã đến nhiều làng mạc với dân. Nhưng thế của phong trào Cần vương giảm sút dần, địch đóng càng nhiều đồn, mộ càng nhiều ngụy quân, vùng núi ít của ít dân lại bị phong tỏa; địch dùng chiến tranh gián điệp có nhiều thành công, căn cứ kháng chiến Quảng Bình không còn được yên toàn nữa, Lê Trực còn sống nhưng giảm hẳn sự hoạt động đi; còn bền gan nhất chỉ là hai anh em Đạm, Thiệp. Quan cận thần của vua Hàm Nghi là Phan Văn Mi ra đầu thú với Hoàng Tá Viêm. Viêm gởi Mi lên đồn Minh Cầm cho Pháp sử dụng; Mi không biết đích xác vua ở nơi nào nhưng điểm chỉ rằng Pháp có thể dùng Ngọc, người bảo vệ của Hàm Nghi để làm tay trong. Mi viết thơ riêng cho Ngọc để khuyên Ngọc đầu hàng, "lập công" với Pháp bằng cách bắt Hàm Nghi đem nộp.

Lúc ấy chỉ còn có vùng Thanh Lang, thượng lưu sông Gianh là thật tự do. Ở đồng bằng, phần nhiều căn cứ bị địch chiếm; địch lấy các kho lương của nghĩa quân và thóc lúa của người kháng chiến để phát cho người công giáo, càng đào sâu sự chia rẽ lương giáo đã sâu. Hàm Nghi không sớm dời căn cứ ra phía Thanh Nghệ Tĩnh mà trù trừ cứ hiểm ở vùng núi Quảng Bình chật hẹp. Giữa tháng 7 năm 1887, địch từ Minh Cầm tiến lên làng Ve, vào làng Thanh Cuốc theo đường suối, và được biết rằng Ngọc ở xóm Chà Mạc; địch liền chia làm hai toán, một toán đi xuống, một toán đi bộ lên Chà Mạc để vây Ngọc. Nghĩa quân hay được, kháng cự, Ngọc chạy thoát; địch xét trong nhà của Ngọc, thấy còn ít lương thực và có bàn đèn á phiện; địch nhờ một người đưa thơ cho Ngọc rồi, khi về Minh Cầm, lại qua tay cha vợ của Ngọc mà gửi gạo trắng và á

phiện lên cho Ngọc, yêu cầu Ngọc bắt vua Hàm Nghi thì sẽ được trọng thưởng. Địch lại nhờ Từ Dũ và Đồng Khánh viết thơ cho Hàm Nghi, dụ Hàm Nghi về thì chỉ trên Đồng Khánh dưới Hàm Nghi, không bị bạc đãi, v.v... Thơ này cũng giao cho Ngọc đưa lại. Ngọc nhận gạo, á phiện của Pháp, hứa lo việc Pháp yêu cầu; nhưng Tôn Thất Thiệp bấy giờ mới 17 tuổi, rất tận tâm bảo vệ vua Hàm Nghi. Ngọc không dám trao thơ của triều đình cho Hàm Nghi. Như thế là sự phản phúc của Ngọc bắt đầu, và 15 tháng sau, nhờ sự phản phúc này và nhiều vụ phản phúc khác mà vua Hàm Nghi sẽ bị bắt. Ngọc là Lãnh binh đội bảo vệ: chắc vì Thiệp và Hàm Nghi không tin tưởng vào Ngọc nên để Ngọc bảo vệ ở vòng ngoài; Ngọc là lãnh tụ đồng bào địa phương, nên dù các quan cận thần ngờ rằng Ngọc có thể phản phúc, Hàm Nghi và Thiệp vẫn phải dùng Ngọc cho đến 5 tháng trước ngày tên này thực hiện kế hoạch của địch, mai phục lâu dài là một cách đánh nguy hiểm còn hơn là đánh chính diện.

4. Đạm, Thiệp và Lê Trực gây dựng lại phong trào. Từ đó cho đến 1888, địch nhiều lần tấn công lên mạn ngược nhưng đều thất bại. Ở đồng bằng Hà Tĩnh, Quảng Bình, phong trào kháng chiến lại phục hồi, khôi phục lại chủ quyền trên nhiều tổng đã bị địch chiếm.

Mu-tô đuối sức, về Pháp, đem theo mối thất vọng đối với mưu mô bắt Hàm Nghi. Bản thân tên quan năm chỉ huy trung đoàn Pháp ở Trung Kỳ, ra Quảng Bình tổ chức cuộc tấn công; địch nhận thấy rằng hễ chúng đến đâu thì dân:

"Các làng đều tản cư đi đâu mất hết, tuyệt đối không phục tùng các quan của triều đình Huế mà chúng ta đã đặt để"[1].

Quan ba thất bại, quan năm cũng không thành công. Đạm và Trực bền gan chiến đấu, Đạm mới 21 tuổi mà đã tỏ ra là một vị tư lệnh xứng đáng, ngay kẻ thù cũng phải kính phục:

1. Gosselin, *L'Empire d'Annam*, tr. 299.

https://tieulun.hopto.org

"Chúng ta truy nã rất dữ và không ngớt, quân lính của ta mệt nhọc vô cùng, nhưng chúng ta không bắt được hai địch thủ ấy; chúng ta phải công nhận rằng vinh dự thay cho họ, mặc dù họ chống lại chúng ta luôn luôn, mặc dù họ có ít phương tiện, họ đã bắt buộc chúng ta kính trọng và mến phục họ là những người có đường lối cao cả, có tấm lòng trung thành vô hạn với một nghĩa vụ không còn mấy tiền đồ nữa"[1].

Vua Hàm Nghi và Tôn Thất Thiệp, mặc áo nâu như dân, ăn chỉ cơm tẻ và dưa muối như dân, nhưng kiên trì và tin tưởng, được đồng bào Mường cung cấp lương thực và bảo vệ.

Vào cuối mùa hè 1888, địch không có tiến được bước nào, lại còn mất đất; cả Pháp lẫn ngụy đều bắt đầu thối chí. Mùa thu đến, địch đã định bỏ các đồn bốt trên thượng lưu sông Gianh để rút quân về các đồn lớn ngoài mé biển. Chính lúc ấy là lúc tên xuất đội Nguyễn Đình Tình trong đội bảo vệ của Hàm Nghi ra hàng Pháp và mưu việc phản trắc.

5. Hàm Nghi bị bắt, phong trào Cần vương ở Quảng Bình tan rã. Pháp gửi Tình lên gặp Ngọc, rồi chúng nó cùng Pháp chuẩn bị cuộc phản trắc cuối cùng. Hai tên này biết rõ chỗ ở của Hàm Nghi và Thiệp, biết chỗ sơ hở của sự canh phòng. Đêm 1 tháng 11 năm 1888, bọn phản trắc chỉ có một nhúm người, được Pháp võ trang đầy đủ, xuyên rừng núi đi từ Thanh Lang vào nơi mà Hàm Nghi mới ở từ 6 tháng nay thôi; nhà lợp lá gồi, vách nứa, cất gỗ, cắt dựa bờ suối, trên sàn nhà chỉ có chiếc giường duy nhất, trải chiếu cho vua còn các quan đại thần đều nằm dưới sàn như dân giã trong vùng núi. Bọn phản phúc mò đến thình lình, những lính bảo vệ không kịp chống cự đã bị giết; lệnh của Pháp là giết tất cả, trừ Hàm Nghi thì bắt sống; các quan đại thần bị lũ côn đồ đâm chết. Lúc ấy là 10 giờ đêm, Thiệp nghe động xách gươm xông ra, bị địch

1. Gosselin, *L'Empire d'Annam*, tr. 300.

núp đâm xuyên qua ngực. Lũ côn đồ xông vào buồng Hàm Nghi; Hàm Nghi cầm gươm toan chống cự, nhưng thấy bị bao vây, Ngài đưa gươm cho Ngọc và bảo: *"Mày cứ giết tao đi còn hơn là bắt tao giao cho bọn Pháp"*, Ngọc mới đầu, xấu hổ trước khí khái của vị thiếu quân; một tên nhảy vào ôm, bắt Hàm Nghi võng ra Ngã hai rồi đem Hàm Nghi bằng mảng về nạp cho Bu-lăng-giê[1], chúng không quên lấy đầu Tôn Thất Thiệp và các vị quan về bêu ở đồng bằng để nói với nhân dân rằng vua bị bắt, quan bị giết, khởi nghĩa nữa cũng không làm gì.

Hàm Nghi lúc bấy giờ mới 17 tuổi, trạc tuổi với Thiệp. Quân Pháp sắp hàng, bồng súng, thổi kèn tiếp đón theo cách tiếp đón vương giả; Hàm Nghi không thèm đếm xỉa đến; chúng hạch hỏi, Hàm Nghi không trả lời, cũng không nhận mình là Hàm Nghi, Pháp đưa Hàm Nghi về cửa Thuận An rồi đày qua xứ An-giê-ri[2].

Mười mấy tên a tòng trong vụ bắt vua, được thưởng mỗi đứa mấy đồng bạc; vài tên đầu sỏ của sự bội phản được triều đình Huế phong chức đội. Tình được chức cao hơn, nhưng không dám về ở quê nhà, phải xin đi Bình Thuận, rồi mất tích. Ngọc được phong Lãnh binh, cái chức mà nó đã có khi nó phò vua Hàm Nghi; Tây cho đi trấn ở tỉnh này tỉnh nọ, đi đến đâu thì từ dân chí quan cũng phỉ nhổ vào mặt, nó không ở đâu được lâu; rốt cùng Ngọc phải về làng nằm co hút á phiện ngẫm nghĩ các tội phản vua phản nước; trong làng hẳn ở thượng lưu sông Gianh, nhân dân cũng phỉ nhổ

1. Boulanger.
2. Lúc Hàm Nghi bị chở về tới Thuận An, tên Pháp là Ray-na cùng với Diệp Văn Cương ra gặp Ngài; Cương nói Từ Dũ ốm, hỏi Ngài có muốn gặp Từ Dũ lần cuối cùng không, thì Ngài trả lời: *"Không! Tôi bây giờ không còn nước non, mẹ con, anh em chi nữa hết"*! Ray-na thấy Ngài có thái độ mà nó gọi là "vô lễ" đối với nó, nó nói: *"Nay ông là người có tội như đứng trước miệng súng đồng, ta là kẻ châm ngòi, chã gì tôi cũng là đại thần một nước. Nếu tôi lấy nhân đạo mà đối với ông, ông đã không biết ơn lại còn xấc xược đến thế?"* Hàm Nghi đáp: *"Ông này quên rồi sao? Lúc tôi bị bắt, tôi đã bảo kẻ bắt giết tôi đi, song nó dỗ, nên tôi mới còn sống đây. Tôi có cầu sống đâu mà ông lại lấy cái chết mà dọa tôi? Nếu ông là người châm ngòi súng đồng thì ông cứ châm đi. Tôi có bảo ông đừng châm đâu mà ông kể ơn?"*. (Diệp Văn Kỳ kể chuyện lại trong báo *Công luận* 1933).

https://tieulun.hopto.org

vào mặt hắn, nhưng sợ giết hắn thì Tây đến giết cả làng. Đến 1893, một buổi chiều, nghĩa binh Cần vương do Lãnh binh Thạc trong quân Cần vương của Phan Đình Phùng xông vào đồn của Ngọc; Ngọc đang hút á phiện, chưa kịp chụp cây ná thì đầu nó đã bay rồi. Ngọc đền tội ngay ở cái làng nơi đó nó đã bắt vua. Cái chết của tên Ngọc cũng như tên Dừa vừa cảnh cáo bọn phản phúc, vừa làm nức lòng người dân thương nước.

6. Tôn Thất Đạm tự tận, Lê Trực ra hàng. Hàm Nghi bị bắt, tạm thời gây một luồng tư tưởng bi quan ở nhiều nơi. Trong Nam, ông Đồ Chiểu buồn rầu đến chết, ở Quảng Bình, Hà Tĩnh, thì Tôn Thất Đạm hội tướng tá quần thần binh sĩ còn lại, bàn nhau trở về làng làm ăn và đợi thời cơ, không theo Pháp, cũng không theo triều đình Huế. Đạm tự tử trên núi Hoành Sơn, ở ngôi chùa Vân Liễu nơi đây là căn cứ trung tâm của ông từ mấy năm nay; trước khi chết, Đạm viết thư cho Hàm Nghi xin Hàm Nghi tha lỗi không bảo vệ được nhà vua; Đạm cũng viết thư cho quan tư Đa-ba[1] báo cho Pháp biết rằng quân ta trở về làng làm ăn mà không theo triều đình Huế, Đa-ba mời Đạm ra đồn Thuận Bái, hắn sẽ tiếp đãi kính cẩn và trọng hậu; nhưng Đạm nói với đồng đội lúc chia tay và chia cõi rằng: *"Còn về phần tôi thì nếu bọn Pháp hỏi tôi ở đâu, các người sẽ nói với chúng rằng chúng hãy tìm trong rừng sâu thì sẽ gặp thầy tôi".*

Còn Đề đốc Lê Trực thất chí đem ít quân ra hàng ở đồn Thuận Bái (Hà Tĩnh); trong tờ xin thú gửi về kinh, để Lê vẫn giữ giọng khảng khái: triều đình muốn bắt tội: bọn thực dân có chính trị khéo hơn, xin để cho ông về quê nhà ở Thanh Thủy; ông giữ được lòng kính mến của nhân dân trong vùng.

Hàm Nghi và quần thần thiếu cảnh giác đối với gián điệp, với bọn bị mua chuộc, thiếu cái quyết tâm theo đề nghị của Tôn Thất

1. Nhà xuất bản chưa tra được từ nguyên.

Thiệp chuyển căn cứ ra phía Bắc, nên sớm gặp cuộc thất bại đau đớn không nhất thiết phải xảy ra lúc ấy. Tôn Thất Đạm trung thành nhất mực với nhà vua, với quyền độc lập của đất nước, lẽ phải kiên trì chiến đấu, hợp với phong trào Cần vương ở đàng ngoài; tự tận là tiêu cực, bỏ lỡ nhiệm vụ, chữ trung quân hẹp hòi đã làm cho Đạm nghĩ rằng mất vua là mất nước rồi chăng? Dù sao Hàm Nghi tỏ là một vị vua quả cảm, Đạm, Thiệp là những người kiên quyết, có tài, ba người trẻ tuổi tuy thất bại vẫn để lại cho lịch sử những tấm gương sáng lạn.

Tôn Thất Thuyết không vì vua bị bắt, con bị chết, mà nản lòng; ông tiếp tục hoạt động; ông sẽ có lúc bị nhà Thanh an trí ở Thiều Châu[1] rồi chết ở Long Châu vào năm 1913; trên mộ ông còn có hai câu điếu của người Trung Quốc:

"Thù nhung bất cộng đái thiên, vạn cổ phương danh lưu Tượng quận.

Hộ giá biệt tâm tĩnh địa, thiên niên tàn cốt ký Long Châu".

(Thù Tây không đội trời chung, muôn thuở tiếng thơm ghi Tượng quận.

Hộ giá riêng tìm cõi thác, ngàn năm xương bọc gởi Long Châu)

Phong trào Cần vương từ Hoành Sơn trở ra không vì sự kiện đau xót cuối năm 1888 mà chấm dứt hay yếu đi. Nhân dân vẫn kiên trì chiến đấu. Duy phong trào Cần vương ở miền Trung từ Hải Vân quan trở xuống thì bị giặc Pháp liên hiệp với triều đình Huế tạm thời nhận chìm trong vũng máu sớm hơn đàng ngoài.

IV. PHONG TRÀO CẦN VƯƠNG Ở MIỀN NAM TRUNG KỲ

Ở miền Trung Kỳ, từ Hải Vân quan trở vào Bình Thuận, phong trào Cần vương không phải yếu cũng không phải hẹp; tỉnh nào

1. Phan Bội Châu, *Việt Nam vong quốc sử.*

https://tieulun.hopto.org

cũng có nổi lên, mãi đến 1888 mới tạm dứt. Nhưng cho đến nay thì tài liệu tìm được về các cuộc khởi nghĩa này hãy còn ít. Dù sao những sự kiện kể ra sau đây do triều đình Huế ghi lại cũng đủ chứng tỏ rằng không nơi nào trên đất nước Việt Nam mà nhân dân, sĩ phu không hy sinh kháng chiến.

Liền sau khi vua Hàm Nghi bỏ kinh thành ra sơn phòng, truyền hịch Cần vương thì toàn tỉnh Quảng Nam nổi dậy do sơn phòng sứ là Trần Văn Dự cầm đầu, chống giữ tỉnh thành. Quân Pháp ở Đà Nẵng tiến đánh, nghĩa quân bị bức phải rút ra khỏi thành, nhưng địch chưa dám vào sâu trong nội địa. Tháng 2 và tháng 3 năm 1887, tên quan năm địch là Boi-le-vơ[1] đem một tiểu đoàn lên vùng tây bắc Quảng Nam vùng Ái Thìa, nó hiệp với tiểu đoàn của quan năm Bra-xa-ni[2] mà đánh phá 2.000 nghĩa quân tụ họp ở Ái Thìa. Tháng 5 nghĩa quân Quảng Nam xáp chiến với địch rất dữ dội ở sông Thu Bồn. Từ tháng 10 năm 1886 đến tháng 6 năm 1887, riêng đồn Trường Phọc của địch bị nghĩa quân tấn công 13 lần, địch và ta ở vùng này đánh nhau tất cả 37 trận.

Nguyễn Thân nguyên là quan phụ trách sơn phòng Quảng Ngãi, nhưng hắn ta tùy gió phất cờ, trơ mặt theo Pháp, không tuân hịch Cần vương. Thân hào và nhân dân Quảng Ngãi nổi lên dưới quyền chỉ huy của Nguyễn Loan (con của Nguyễn Bá Nghi) liên hiệp với nghĩa quân của Bùi Diệu, Đặng Đề đốc ở Bình Định kéo đến Quảng Ngãi mà đánh Nguyễn Thân. Nghĩa quân thất bại. Trong số những nhà lãnh đạo ở Quảng Ngãi, cần kể đến cụ Lê Trung Đình, Trần Du, cùng là đồng hương với Nguyễn Thân, mà cũng đều chết về tay của Nguyễn Thân. Kế đó, Nguyễn Hiệu, Phan Bá Phiến, và Hồ Học một danh tướng xuất thân là người thường dân mộ quân đánh với Nguyễn Thân một lần nữa, Thân nhờ Pháp giúp sức, bắt được

1. Nhà xuất bản chưa tra được từ nguyên.
2. Nhà xuất bản chưa tra được từ nguyên.

Nguyễn Hiệu trên núi Phúc Sơn. Thân tàn sát rất dã man, đóng cũi giải Nguyễn Hiệu về Huế mà lập công; Pháp cho hắn được hàm Thượng thư, thưởng hắn chiếc kim khánh hạng nặng với những chữ mỉa mai "cao năng khả giả". Theo *Việt Nam vong quốc sử* của Phan Bội Châu, thì địch tra tấn Hiệu rất dữ, Hiệu chỉ nói: "chém Hiệu đây là đủ, không cần phải hỏi gì thêm". Phan Sào Nam than:

"Than ôi! hai người ấy (Hiệu và Học) nhà tan không nghĩ đến, thân chết không nghĩ đến, chỉ nghĩ đến giữ còn nghĩa đảng để mưu về sau; trong mắt họ, trong bụng họ, chỉ có Tổ quốc thôi, chỉ có đồng bào thôi, con trảng như thế thật là trời đất phải khâm phục, quỷ thần phải tôn thờ".

Ở Bình Định, tin tức kinh thành thất thủ và Hàm Nghi xuất hạnh, đến trong lúc mấy nghìn sĩ tử đang ngồi thi tại trường thi; tất cả đều xếp bút nghiên ào ào đạp phá trường, tất cả đều về quê tụ nghĩa kháng Pháp. Nhân dân khởi nghĩa dưới cờ của Mai Xuân Thưởng, Bùi Điền, Nguyễn Đức Nhuận. Cuộc khởi nghĩa thất bại, 11 người lãnh đạo bị bắt và bị xử chém. Theo *Việt Nam vong quốc sử* thì Phạm Toản - một vũ học sinh *"là người rạng rỡ hơn cả. Chống với Pháp ba năm không được, ông vào núi mà chết. Người Pháp thuê người vào núi tìm được mả, quật xác lên đốt ra tro".*

Ở Phú Yên, Bố chính Phạm Như Xương không chịu theo kháng chiến cho nên nhân dân và thân hào Phú Yên nổi lên bắt giam Phạm Như Xương, đem cả tỉnh Phú Yên vào phong trào Cần vương. Ở Bình Thuận nhân dân cũng nhất tề khởi nghĩa. Quân Pháp do quan tư Đờ-lốt-mơ[1] và công sứ Ay-mô-ni-ê[2] hợp với Trần Bá Lộc (tay khát máu đã tàn sát nghĩa quân lục tỉnh, nhất là nghĩa quân Mỹ Tho, Tân An), đem nhiều quân từ Nam Kỳ ra đàn áp dữ dội, chém giết rất bừa bãi, cướp giật tất cả cái gì có thể cướp giật được.

1. Delorme.
2. Aymonier.

https://tieulun.hopto.org

Nói chung, đến cuối 1888 thì phong trào Cần vương bị tạm thời tắt ở miền Nam Trung Kỳ. Địch chiếm miền duyên hải, đồng bằng, nhưng chưa đặt chân vào trong vùng rừng núi Tây Nguyên. Nam Kỳ chưa kịp tổ chức khởi nghĩa để hưởng ứng; lúc ấy ở lục tỉnh chính quyền của thực dân đã có thì giờ tổ chức khá mạnh, các đợt khởi nghĩa lẻ tẻ trước đã bị dập tắt rồi. Ba tỉnh Phú Yên, Khánh Hòa và Bình Thuận từ 1885 đến 1887 bị chính quyền thực dân ở Nam Kỳ xem như là đất thuộc địa cai trị y theo kiểu của Nam Kỳ; hành động này trái với hòa ước, nhân dân đã phản đối mà một số quan lại ở triều đình Huế cũng không bằng lòng. Vì vậy mà giữa khâm sứ Pháp ở Huế và thống đốc Pháp ở Sài Gòn có sự xung khắc. Tên khâm sứ yêu cầu Bộ Ngoại giao Pháp vận động với Bộ Thuộc địa ra lệnh cho tên thống đốc Nam Kỳ rút quân ra khỏi Phú Yên, Bình Thuận, Khánh Hội, giao hai tỉnh này lại cho bọn công sứ Pháp và quan lại triều đình; theo ý của bọn thực dân thì có làm như thế thì triều đình Huế mới có thể còn có ít nhiều tác dụng trong sự giúp Pháp đàn áp phong trào Cần vương.

* * *

TÓM LẠI

Đồng Khánh là tên vua thứ nhất trong một loạt các tên vua mà thực dân Pháp đặt lên ngôi. Trong lúc đó thì Pháp đem nhiều binh đoàn lớn vào miền Bắc Trung Kỳ, toan lấy Thanh Nghệ Tĩnh nhập vào bản đồ Bắc Kỳ mà Bắc Kỳ thì tách ra khỏi Trung Kỳ, nhân dân ta ở Trung nổi lên kháng địch rất cương quyết, các quan bỏ thành, dân chúng làm vườn không nhà trống; địch cũng chiếm Đồng Hới, chợ Đồn, Hà Tĩnh khi biết Hàm Nghi ở thượng lưu sông Gianh. Ngoài Bắc chiếu chỉ Cần vương đến thì cuộc kháng Pháp càng mạnh, càng rộng, cho đến đỗi Pháp phải rút cái binh đoàn lưu động của nó ở Thanh, Nghệ, Tĩnh về ngoài. Địch thấy bất lực bằng vũ khí thuần, bèn tổ chức cuộc bắc tuần của Đồng Khánh để phủ dụ quần chúng, để mua chuộc thân sĩ thân hào; cuộc bắc

tuần thất bại thê thảm, ảnh hưởng của Hàm Nghi càng lên cao. Tôn Thất Thuyết đi ra Bắc, đặt người lãnh đạo ở Thanh, Nghệ, ở Bắc Kỳ, rồi sang cầu viện nhà Thanh, tổ chức quân đội và tiếp tế súng đạn ở biên giới.

Căn cứ địa chính của Hàm Nghi là vùng thượng du Quảng Bình, Hà Tĩnh, vùng lưu vực sông Gianh và sông Ngàn Sâu. Nhiều trận thắng liên tiếp trong buổi đầu tại Lập Cáp, Cửa Kê, sông Nải nâng cao sĩ khí dân tâm. Địch lập đồn Minh Cầm, mộ ngụy quân trong số đồng bào công giáo mà chúng nó tập trung quanh các đồn. Đồng Khánh sai Hoàng Tá Viêm ra đóng dinh ở chợ Đồn để dụ dỗ. Địch cố mua chuộc Đề đốc Lê Trực là người lãnh đạo kháng chiến ở Quảng Bình; Đề Lê cự tuyệt. Tết 1887, một lãnh tụ Nguyễn Phạm Tuân bị bắt giết, căn cứ Thanh Thủy của Lê Trực cũng bị phá; phong trào Quảng Bình bắt đầu xuống; địch nhiều lần mưu bắt Hàm Nghi bằng các đội biệt kích, bằng cách mua chuộc một vài tên quan hầu cận của Hàm Nghi, như tên Ngọc, âm mưu ấy thất bại.

Tôn Thất Đạm, Tôn Thất Thiệp, Lê Trực gây dựng lại phong trào; bản thân Hàm Nghi cũng đi đến các làng với dân chúng; phong trào nổi lên trở lại vào 1888. Nhưng lưới gián điệp của địch thì càng dày. Nguyễn Đình Tình, tên Lãnh binh Ngọc phản vua, thừa một lúc thiếu để phòng của Thiệp mà vào bắt Hàm Nghi nộp cho Pháp. Ngày 1 tháng 11 năm 1888 Hàm Nghi bị đày đi Bắc Phi; trong lúc bị bắt ngài giữ thái độ đúng đắn. Thiệp và tất cả các quan hầu cận vua đều bị giết. Tôn Thất Đạm tự tận. Lê Trực ra hàng, phong trào Cần vương ở Quảng Bình tạm kết thúc.

Trong lúc nhân dân từ Bình Trị ra Bắc nổi lên theo chiếu chỉ Cần vương thì từ Hải Vân quan trở vào Bình Thuận, nhân dân cũng hưởng ứng khởi nghĩa, phong trào mạnh nhất và dai dẳng nhất là ở trên lưu vực sông Thu Bồn: ở Quảng Ngãi có Nguyễn Loan; ở Bình Định có Mai Xuân Thưởng đều khởi nghĩa. Kẻ thù

https://tieulun.hopto.org

lợi hại của phong trào Cần vương ở mấy tỉnh này, chẳng những là quân Pháp, mà cũng là Nguyễn Thân. Phú Yên, Khánh Hòa, Bình Thuận cũng nhất tề khởi nghĩa; Pháp ở Nam Kỳ thừa thế đem quân ra chiếm lấy ba tỉnh cực nam Trung Kỳ nhập vào bản đồ Nam Kỳ, bất chấp Hòa ước 1884; tên Trần Bá Lộc giết chóc vô cùng tàn bạo.

Có thể nói rằng phong trào Cần vương từ Bình Thuận ra đến Quảng Bình thì đến 1888 là bị dập tắt trong căn bản. Các cuộc đấu tranh của nhân dân rất anh dũng, nhưng, vùng này, nhất là cực nam vì điều kiện địa lý làm cho việc tiếp tế súng đạn không thực hiện được, hoặc vì các lãnh tụ không chủ tâm tự đúc lấy súng như Phan Đình Phùng, nên cuộc kháng địch bằng vũ trang không kéo dài ra được như ở ngoài Bắc. Trọng điểm của cuộc kháng Pháp là miền Bắc, đó là đúng; nhưng Tôn Thất Thuyết thiếu sự chăm lo kêu gọi, tổ chức, giúp đỡ cho phong trào Cần vương ở miền Nam Trung Kỳ, dĩ chí Nam Kỳ và Khơ-me, vì vậy mà không chia rẽ được nhiều sức lực của địch.

Chương 21

CUỘC KHÁNG PHÁP Ở THANH NGHỆ TĨNH TRONG GIAI ĐOẠN THỨ NHẤT CỦA PHONG TRÀO CẦN VƯƠNG KHỞI NGHĨA BA ĐÌNH

I. TÌNH HÌNH CHUNG CỦA THANH NGHỆ TĨNH TRONG GIAI ĐOẠN THỨ NHẤT CỦA PHONG TRÀO CẦN VƯƠNG

Về phía địch thì âm mưu chính trị của chúng trong thời gian này là muốn tách miền bắc Trung Kỳ từ đèo ngang trở ra mà nhập vào Bắc Kỳ, muốn làm sao cho Bắc Kỳ lại trực thuộc Pháp, không thuộc triều đình Huế nữa, hay nếu còn có sự dính dấp gì thì ấy là về mặt hình thức mà thôi. Chúng ta đã nói rằng âm mưu chính trị của thực dân cũng là xén ba tỉnh cực nam Trung Kỳ nhập vào bản đồ thuộc địa Nam Kỳ của nó, chính đó là việc của những binh đoàn Pờ-ruy-đơm[1] vào tháng 8, 9 năm 1885, binh đoàn Duy-ma[2] vào tháng 7 năm 1886, binh đoàn Duy-ma và Sơ-vơ-rơ[3] vào tháng 2 năm 1887.

1. Prudhomme.
2. Dumas.
3. Chevreux.

https://tieulun.hopto.org

Từ tháng 7-1885 đến tháng 11-1885, những toán trú quân của địch ở thành Thanh, thành Nghệ, thành Hà Tĩnh hoàn toàn bị tràn ngập bởi phong trào khởi nghĩa Cần vương. Pháp gấp rút lập một binh đoàn mạnh, gọi là binh đoàn Mi-nhô hay cũng gọi là binh đoàn Trung Kỳ đi từ Ninh Bình vào ngày 17-11-1885, đi dọc theo bờ biển và ngừng lại ít hôm ở mỗi tỉnh thành. Từ ngày 25-11 đến ngày 5-12-1885 binh đoàn Mi-nhô đồn đóng ở thành Thanh và tên quan năm Boa-le-vơ[1] đem một bộ phận quân lên đánh với nghĩa quân của Hà Văn Mao (cũng gọi là cai Mao) trên sông Mã. Chúng liền rút về Thanh để ngày 5-12-1885, binh đoàn Mi-nhô đi vào Nghệ; 9-12 chúng đến đóng ở vùng Hoàng Mai và đội quân địch do quan tư Pen-lơ-chi-ê cầm đầu vào phá kho lương thực của nghĩa quân ở Tam Lễ. Địch vào tới thành Vinh ngày 15. Từ Vinh địch do quan tư Pơ-la-nhôn[2] lên đánh phá sơn phòng Nghệ An lập trên sông Cả; cũng vào giữa tháng 12-1885, địch và ta đánh nhau ở Xã Đoài, và ở trên sông cả nhiều trận đánh giữa quân của Nghè Ôn và quân của quan ba Va-lăng-xơ[3]; địch hợp với đồn quân của chúng, lập thành những binh đoàn nhỏ: binh đoàn Pơ-lăng-hôn[4], binh đoàn Hu-gô[5], binh đoàn Ca-muýt[6], binh đoàn Pen-lơ-chi-ê, binh đoàn Gơ-rê-goa[7], và binh đoàn Bô-đa[8]; tất cả những binh đoàn nhỏ này đều hoạt động chống nghĩa quân ở lưu vực sông Ngàn Sâu, Hà Tĩnh và lưu vực sông Cả. Sau đó thì có binh đoàn của quan năm Met-zin-giơ[9], như ta đã biết, đến làng Ve, chỗ Hàm Nghi ở, và đã bị đánh lui.

1. Boilève.
2. Plagnol.
3. Vallence.
4. Planhol.
5. Hugot.
6. Camus.
7. Grégoire.
8. Bodard.
9. Metzniger.

Ngày 25-12-1885 binh đoàn Mi-nhô vào Hà Tĩnh, nó để lại đây ba binh đoàn nhỏ để trấn áp phong trào đang nổi lên.

Đến cuối tháng 3-1886 thì một toán nhỏ của binh đoàn Mi-nhô vào tận Huế; còn bao nhiêu đều phải lộn ngược trở lên Thanh Hóa và trở về Bắc bởi vì nghĩa quân ở Bắc nổi lên dữ dội. Quân Cần vương lại thừa thế quân Pháp phải rút bớt ở Trung Kỳ ra Bắc để đánh mạnh hơn: tiêu diệt hoàn toàn toán quân của quan ba Bết-son[1] ở Nam Tùng (giữa Huế và Đà Nẵng) ngày 1 và 2-3-1886; ngày 12-3-1886 quân ta công phá thành Thanh Hóa, trong đó có 165 quân Pháp, và ta đón đánh các đoàn liên lạc tiếp tế của địch ở khắp các nơi.

Lúc bấy giờ quân đội Pháp ở ba tỉnh Thanh, Nghệ, Tĩnh là dưới quyền của tên quan năm Mét-zin-giơ, và Mét-zin-giơ thì thuộc đệ nhất sư đoàn Bắc Kỳ của địch; ở ba tỉnh này địch có ba binh đoàn lưu động, binh đoàn Đốt[2], binh đoàn Mét-zin-giơ và binh đoàn Tê-ri-lông[3]. Vào cuối năm 1887, Pháp gởi vào Huế một phái đoàn quân sự gồm 52 sĩ quan và 248 hạ sĩ quan dưới quyền của quan năm Bơ-rít-sô[4] để tổ chức cho triều đình Đồng Khánh một đạo quân riêng gồm 6 tiểu đoàn, mỗi tiểu đoàn 4 đại đội, cốt lấy quân đó mà dẹp phong trào Cần vương; nhưng suy nghĩ lại, Pháp thấy có sự nguy hiểm, vả lại triều đình Huế lúc đó không có tiền, cho nên Pháp không thi hành kế hoạch ấy mà chỉ giữ 4 tiểu đoàn ngụy quân trong tay nó.

Về phía ta thì, liền sau khi chiếu chỉ Cần vương đến; nhân dân Thanh, Nghệ, Tĩnh nổi lên rất đều; Hà Tĩnh có Phan Đình Phùng, Lê Ninh; Nghệ An có Nghè Ôn, Lê Doãn Nhạ, Thanh Hóa có Hà Văn Mao, Phạm Bành, v.v... khi Tôn Thất Thuyết đi

1. Besson.
2. Dodds.
3. Térillon.
4. Brissaud.

https://tieulun.hopto.org

sang Thanh thì để Soạn là người chỉ huy vùng Thanh Nghệ thay mặt cho triều đình.

Trong tất cả phong trào khởi nghĩa Cần vương ở giai đoạn thứ nhất tại Thanh, Nghệ, Tĩnh, lịch sử đã chú ý nhất đến khởi nghĩa Ba Đình (Thanh Hóa) song cũng phải chú ý đến Nghè Ôn, Nguyễn Hữu Chính và Nguyễn Sĩ ở Nghệ An, Lê Ninh và Hà Văn Mỹ ở Hà Tĩnh.

II. Ở HÀ TĨNH: KHỞI NGHĨA LÊ NINH, PHAN ĐÌNH PHÙNG

Hà Tĩnh lúc đầu của phong trào Cần vương, có cậu Ấm Ninh hiệu là Mạnh Khang là người hoạt động nhất[1]. Khi ấy, ở thành Hà Tĩnh, tên Bố chính Lê Đại theo Pháp, không tuân chiếu chỉ Cần vương của Hàm Nghi. Ấm Ninh còn trẻ tuổi lại tự động ra Nghệ, thám thính tình hình rồi trở về làng Trung Lễ (xã Cổ Ngư, tổng Văn Lâm, huyện La Sơn, phủ Đức Thọ, Hà Tĩnh), xuất tiền của của gia đình mình mà mộ lính luyện quân; mộ ở Phù Long và Yên Trường (thuộc Nghệ An quê vợ của Ấm Ninh) được 5 vệ, đều kéo về Trung Lễ; trong cả vùng, hễ nhà nào có 3 đinh thì bắt 2, có 2 thì bắt 1, quân của Ấm Ninh đều mặc áo đen thắt dây lưng ngại (màu xanh pha vàng như lá mạ). Tất cả gồm có 5 đạo. Ấm Ninh cùng với nghĩa quân của vùng Tông Nga, huyện Kỳ Anh phủ Thanh Hà, kéo về Hà Tĩnh hạ tỉnh thành, bắt giết nguỵ Bố chính Lê Đại, "làm rõ mặt tinh hào người Hồng Sơn, Lam Thủy".

Hạ thành Hà Tĩnh, giết tên Lê Đại, thế lực và ảnh hưởng của Ấm Ninh lên rất mạnh; Ấm Ninh về lập bản doanh ở nhà mình. Đại quân của Lê Ninh tập trung ở vùng sông La Giang. Ninh lại lên vùng núi Hà Tĩnh mà thụ phong là bang biện quân vụ, dưới quyền điều khiển của Phan Đình Phùng. Phan Đình Phùng và Lê Ninh cùng đánh giặc Pháp, kéo đến Thọ Ninh và Đinh Trường

1. *Hát dặm Nghệ Tĩnh* - Nguyễn Đổng Chi. Chuyện cậu Ấm Ninh khởi nghĩa: Lê Thước (*Tri Tân* số 156).

(2 làng công giáo); bên ta thua, địch thừa cơ đốt phá và cướp giật không xiết. Khi Lê Ninh thất bại, làng ông bị triệt hạ hoàn toàn, chỉ còn một đám đất hoang, dân làng không chết thì bị tù, không tù thì phiêu dạt hết, trừ một số ít người đi theo Lê Văn Khuê, tức bang Khuê, theo Pháp thì mới lập thành thôn Quí Nhàn. Những dân làng về sau trở lại nguyên quán thì không được lấy tên làng cũ nữa, tên Trung Lễ đổi thành tên Lạc Thiện. Ngay trong lúc khởi nghĩa, thì quang cảnh Trung Lễ là: *"trống nghĩa đánh vang, lòng nao nức bốn phương sĩ tử, Cần vương cờ mở, mây rỡ ràng năm rãy xương môn"*. Trung Lễ bị đốt sạch, dân vẫn nuôi hy vọng: *"cháy nhà ta lại làm nhà, phượng ngậm rồng leo đủ thức; cháy lúa mùa liền được lúa, trâu nằm voi mọp từng cồn"*[1]. Tất cả đều: *"may nhờ ông Ấm, nghe tiếng Nghè Ôn; Vin vảy rồng mà lớn giúp uy linh, trên có quan Đình, bảng Hạnh; vỗ cánh phượng mà mang giùm thánh thể, trong thời quan tế bang Đôn"*. Lê Ninh ốm chết năm 1886. Quân của ông đều về với cụ Phan Đình Phùng. Lê Ninh tuy là dưới quyền của cụ Phan, nhưng lại là người tổ chức khởi nghĩa trước cụ Phan. Bình về Lê Ninh, cụ Sào Nam nói rằng: *"công tuy không thành, ông thật là người tiêu biểu nhất trong nghĩa đảng"*, Sào Nam nhắc đến tên của thư sinh ứng chiến là Hà Văn Mỹ, có tài do thám, cướp súng đạn, khi bị thương, thì tự sát chớ không để địch bắt; Sào Nam khen Mỹ là *"bậc lẫm liệt nhất trong nghĩa đảng Hà Tĩnh"*.

III. NGUYỄN XUÂN ÔN (TỨC NGHÈ ÔN) Ở NGHỆ AN

Nguyễn Xuân Ôn, người làng Lương Điền, huyện Đông Thành, tỉnh Nghệ An, thi đỗ đồng Tiến sĩ, có làm Án sát ở Bình Thuận, sau về Nghệ, chiếu chỉ Cần vương phát ra, Nghè Ôn mộ quân kháng Pháp; ông ít được các quan lớn hưởng ứng, mà lại được thư sinh ủng hộ mạnh bạo; nên ông có câu:

1. Lê Trọng Đôn, *Trung Lễ thất thủ phú*.

https://tieulun.hopto.org

"Bách chiến thư sinh đồ bảo báo quốc
Hoàng quan tể tướng yếu quy hương".

Nguyễn Xuân Ôn và Tiến sĩ Nguyễn Hữu Chính hoạt động ở Nghệ An, đồng thời với Ấm Ninh ở Hà Tĩnh.

Giữa tháng 11 năm 1885 quân của Nghè Ôn và quân pháp đã đánh nhau ở Xã Đoài, quân ta bao vây toán quân địch do Va-lăng-xơ cầm đầu; nhờ quan tư Pen-lơ-chi-ê trong binh đoàn Mi-nhô vừa tới Vinh đến cứu viện thì Va-lăng-xơ mới thoát chết. Nghè Ôn lui về phía tây bắc Xã Đoài và hoạt động càng mạnh hơn nữa, nhất là trong lúc quân Pháp tập trung lực lượng ở Thanh Hóa để đánh phá Ba Đình - Mã Cao. Pháp phải chia quân ra, một đạo do quan ba Pen-lơ-chi-ê cầm đầu, vào Vinh, giáp chiến với nghĩa quân của Nghè Ôn ở vùng Cây Chanh (trên ông Cả, vùng tây bắc thành Vinh); đó là vào tháng giêng 1887; đến cuối tháng 4-1887, nhiều trận đánh nhỏ quanh đồn Đô Lương của giặc, nhất là ở làng Gay là một căn cứ của nghĩa quân, hai bên đánh xáp lá cà với nhau (29-4).

Tháng năm, ngày 25, một người cận vệ của Nghè Ôn bị bắt gần đồn Yên Mã; bị tra tấn, người này dắt quan một Bu-lơ[1] đến chỗ Nghè Ôn. Một toán ngụy quân giả làm nông dân, giấu súng đi trước đại quân của Pháp; chúng thình lình bao vây và bắt được Nghè Ôn; 20 quân cận vệ cụ Nghè xông ra cứu thì quân Pháp vừa đến, hai bên giáp chiến kịch liệt, nhưng Nghè Ôn bị bắt đi.

Pháp dụ dỗ Nghè Ôn, mong Nghè Ôn về hàng. Cụ không hàng, địch đóng cũi giải cụ về Huế; vài năm sau cụ chết, để lại danh tiếng một nhà nho ái quốc, quả cảm và hay chế giễu những đám quan to nhỏ ở triều đình.

1. Bulleux.

IV. KHỞI NGHĨA BA ĐÌNH: PHẠM BÀNH, ĐINH CÔNG TRÁNG[1]

Suốt thời kỳ 1885 - 1888, trong số các cuộc khởi nghĩa của vùng Thanh Nghệ Tĩnh, cuộc khởi nghĩa Ba Đình là quan trọng nhất. Gọi là khởi nghĩa Ba Đình thì không đúng lắm; nếu gọi là nhân dân khởi nghĩa ở Thanh Hóa thì đúng hơn; duy lúc đó trung tâm của cuộc khởi nghĩa là vị trí Ba Đình ở gần đường quan, và Mã Cao ở trong vùng giáp núi. Nói về các trận đánh ở Ba Đình, địch công nhận rằng:

"Trong chiến dịch (thu đông) 1886 - 1887 thì cuộc công hãm Ba Đình là cuộc chiến đấu nghiêm trọng nhất. Cuộc chiến đấu này thu hút nhiều quân nhất và làm cho cấp lãnh đạo lo ngại nhất"[2].

Pháp phải tập trung nhiều bộ binh pháo binh Trung Bắc, đem 4 chiến hạm (Thusmine, Surcouf, Le Prieur, Daudin) đến trợ lực, bao vây lâu dài, công phá từng bước, tấn công nhiều đợt mới hạ nổi vị trí Ba Đình. Giốp-phơ-rơ[3] lúc ấy là quan ba, về sau là thống chế tổng chỉ huy quân Pháp và đồng minh năm 1914 - 1918, sau chiến tranh thế giới, có trở lại Đông Dương và diễn lại cái trận Ba Đình lịch sử, nội điều ấy đã chứng tỏ rằng trận Ba Đình là một trận rất gay go, quyết liệt nhất nhì trong lịch sử 40 năm Pháp xâm lược Việt Nam.

Sau đây là những tài liệu - đến nay có thể xem là đầy đủ nhất - mà ban Văn Sử Địa đã cung cấp cho độc giả:

1. Địa thế và vị trí Ba Đình

Tại vùng Thanh Hóa, nơi giáp với Ninh Bình, giữa khoảng sông Hoạt Giang và sông Đại Lại (chạy qua huyện Nga Sơn thuộc tỉnh Thanh Hóa) có một cánh đồng đầm rất trũng. Nước đầm sâu ngập

1. *Lịch sử Cách mạng cận đại Việt Nam*, tài liệu ban Văn Sử Địa, tập I.
2. *Histoire militaire de l'I.C.* tr. 139.
3. Joffre.

https://tieulun.hopto.org

quá đầu người, đó là chưa kể bùn lấy lún xuống. Trên cánh đầm sâu đó, 3 làng Mỹ Khê, Thượng Thọ và Mậu Thịnh nổi lên như một hòn đảo, mặt đất cách mặt đầm độ 2 thước. Xung quanh mỗi làng có lũy tre kín mít. Vào 3 làng chỉ có một con đường độc đạo chạy từ bờ đê sông đào xuống (sông nối Hoạt Giang với Đại Lại). Trên khu đất tiếp giáp của 3 làng có một ngôi đình lớn. Cả khu vực đó gọi là Ba Đình.

Từ tháng 9 năm 1886, sau khi đã quan sát thấy địa thế hiểm yếu của khu Ba Đình, một số nhà văn thân chọn nơi đó làm cứ điểm chống Pháp và bố trí công sự phòng thủ. Trần Xuân Soạn cắm đất, Đinh Công Tráng điều khiển nhân công xây thành.

Mùa gặt tháng 5 năm 1886 đã xong, đồng ruộng tạm khô ráo. Vị trí Ba Đình bắt đầu xây dựng. Nghĩa quân cấp tiền cho dân 3 làng, khuyên những người già cả, đàn bà, con trẻ tản cư sang mấy làng lân cận như Xã Liễn, Nghi Vinh. Trai tráng ở lại chống giặc.

Mỗi làng thuộc 2 huyện Nga Sơn và Tống Sơn phải nộp 30 cái rọ lợn, 100 cây tre và 10 gánh rơm. Nghĩa quân lấy nhân dân 2 huyện trên và ở Ba Đình để đào hào xung quanh ba làng. Hào rộng 4 thước, sâu 3 thước, lấy đất ở dưới hào đắp lên thành; đi trên mặt thành có thể tuần tiễu quanh Ba Đình được. Tường thành dày từ 8 đến 10 thước, ngoài mặt thành cắm chông, cứ độ 5 thước lại cọc nhọn là trên mặt nước. Phía ngoài cùng là một hàng rào tre kín mít chung quanh có chông chà tua tủa trên một bề mặt rộng đến 50 thước. Hàng mấy nghìn rọ lợn đựng đầy bùn, lần lượt xếp trên mặt thành.

Người ở trong thành có thể nhìn rõ người ngoài qua các kẽ hở của rọ, mà người ngoài thì không thể trông thấy bên trong được. Thành Ba Đình xây đắp chỉ mất ngót một tháng là xong. Sau khi đắp xong người ta tháo nước sông vào đồng. Có tài liệu nói, công

sự Ba Đình làm là do ông Đốc Khế chỉ huy, một trong những lãnh tụ Ba Đình.

Sau khi quân Pháp lọt được vào Ba Đình xem xét cách kiến trúc và phòng thủ, chúng cũng phải nhận rằng đó là một bố trí rất khoa học và rất lợi hại về quân sự.

Chiếm chỗ này làm căn cứ, nghĩa quân có thể khống chế quãng đường quan lộ nối Bắc Kỳ với Trung Kỳ, có thể thông với Lào, có thể tiếp tế bằng thuyền mảnh từ ngoài biển vào.

2. Những lãnh tụ của Ba Đình

Sau khi Hàm Nghi, Tôn Thất Thuyết ra sơn phòng Quảng Trị và Hà Tĩnh thì Trần Xuân Soạn tức Đề Soạn ra Thanh Hóa hiệu triệu các văn thân khởi nghĩa. Lúc bấy giờ có các ông tuần Bất Nộ, người Tĩnh Gia, Tổng đốc Lê Nhu Rạng, Bố chính Ngô Xuân Quỳnh, Tri huyện Nông Cống Tôn Thất Hàm, hưởng ứng. Phạm Bành được các sĩ phu cử làm lãnh tụ. Về tổ chức mỗi huyện có một tán tương, như Lê Ngọc Toản ở Cổ định là tán tương Nông Cống; Nguyễn Văn Thao là tán tương Đông Sơn; Hoàng Bất Đạt là tán tương Hậu Lộc. Hầu hết nghĩa quân ở Thanh Hóa đều tụ tập ở cả Ba Đình. Về danh nghĩa, người đứng đầu Ba Đình bấy giờ là Đốc học Phạm Bành. Phạm Bành là người làng Tương Xá, huyện Hậu Lộc, tỉnh Thanh Hóa; ông đỗ cử nhân năm 1864 làm Án sát ở Nghệ An, có tiếng là tốt về chính sự. Khi thực dân Pháp chiếm nước ta, ông bỏ quan về, chiêu tập nghĩa dũng cùng Hoàng Bất Đạt và Đinh Công Tráng lập đồn ở Ba Đình để chống Pháp. Ông nhận chức ttán lý quân vụ, Đinh Công Tráng là Lãnh binh và Hoàng Bất Đạt là tán tương quân vụ khi khởi nghĩa, ông Phạm Bành đã quá 60 tuổi. Nhưng sự thực người chỉ huy quân sự bấy giờ là Đinh Công Tráng. Năm Ất Dậu 1885 ông Đinh Công Tráng bí mật mộ quân nghĩa dũng, hễ thấy bọn địch đến vùng ông ở thì ông dùng lối đánh du kích mà giết đi. Sau ông đem quân hợp với Phạm Bành ở Ba Đình.

https://tieulun.hopto.org

Có tài liệu nói: ông người Tràng Xá, Hà Nam, đã khởi nghĩa đánh nhau với quân Pháp ở Bắc. Sau ông thất bại chạy vào Thanh, đem theo dân chúng và 50 khẩu súng phối hợp Phạm Bành, và chính ông đã bàn với Phạm Bành lập cứ điểm ở Ba Đình. Người ta công nhận ông là linh hồn của Ba Đình. Đinh Công Tráng không phải là một nhà khoa mục như các lãnh tụ bấy giờ, mà là một cựu chánh tổng ở Ninh Bình. Trước kia Đinh đã từng theo Lưu Vĩnh Phúc đánh Pháp nhiều lần nên ông thông thạo chiến lược và quen trận mạc. Đinh đã bị thương và bị bắt hai lần nhưng đều trốn thoát. Đầu năm 1886, ông từ Bắc Kỳ vào Thanh Hóa, hợp tác với Đề đốc Soạn. Trong khi Đinh ở Ba Đình thì đề Soạn vẫn đóng quân ở ngoài để làm thế ỷ giốc cho nhau.

Một người không xuất thân trong làng khoa bảng như Đinh mà có thể đứng vào địa vị chỉ huy bấy giờ, là đã làm cho các nhà văn thân phải kính phục thì Đinh phải là người trung thành, trí dũng và hy sinh lắm mới có thể đứng vững và nổi bật lên được.

3. Những chiến công của Ba Đình

Từ đầu tháng 10 năm 1886, nhiều đoàn xe Pháp đi qua đã bị đánh chặn. Những đội quân thám thính của Pháp thường bị từng tràng súng từ núi rừng bắn ra.

Sau đó, Pháp bắt đầu mở cuộc càn quét và bao vây nghĩa quân. Một đạo quân của Đại tá Mét-ni-gie cai quản vùng Thanh Hóa hợp với một đạo bộ binh, thủy binh của Đại tá Đốt cai quản vùng Nam Định, tiến đánh Ba Đình. Cuộc bao vây bắt đầu từ tháng chạp năm 1886. Những bộ binh và pháo binh cốt ngăn cản việc tiếp tế lương thực và đường giao thông của nghĩa quân ra ngoài.

Ngày 18-12-1886, sau những bước tiến đầu, Pháp mở một đợt đại tấn công bằng trọng pháo, chiếm được mấy làng nhỏ tại phòng

tuyến thứ nhất bao xung quanh vị trí nghĩa quân, nhưng chúng bị giết chết rất nhiều.

Về phía Bắc vị trí, đại quân của Đại tá Đốt được một vài thắng lợi lúc đầu. Thiếu tá Nuy-giang[1] chỉ huy đại đội Bắc Kỳ thứ hai chiếm được một đồn tiền tiêu ở Thượng Thọ, và tiến đánh những vị trí phía sau cách đó một vài trăm thước. Nhưng đến đây quân Pháp bị đánh chặn lại bởi phòng tuyến thứ hai, chúng phải lui quân để lại nhiều xác chết và lôi những tên bị thương về trong đó có Thiếu úy O-đi-be[2].

Về phía Nam, cuộc tấn công của Đại tá Met-zin-giơ cũng thất bại nốt. Một đạo quân do thiếu úy Da-nê[3] và Thiếu úy Tup-phi-ê[4] dẫn đạo, cố sức xung phong vào chỗ nước ngập đến vai. Đến gần vị trí thì từng loạt súng thình lình ở trong bắn ra. Da-nê bị một phát đạn trúng đầu chết ngay cùng với một số lính Pháp chết chồng chất trong chiến hào. Tuy vậy, Tup-phi-ê vẫn cứ thúc quân xông vào, một tay hắn cầm súng, một tay cầm đại đao, cố mở một đường máu để tiến, nhưng cuối cùng Tup-phi-ê cũng bị trúng thương với một số lính Pháp nữa, Thiếu tá Bờ-le-dờ[5] cố che chở cho toán quân tháo lui cũng bị thương nốt. Sau nhờ có trọng pháo 80 ly yểm hộ để ngăn quân ta từ vị trí xông ra truy kích, chúng mới thoát chết được.

Sau trận thua đau này, quân Pháp chỉ còn cách bao vây như cũ. Mặt khác chúng phải chuyển quân từ các nơi khác về, cầu cứu đến cả đoàn thủy quân tại biển Trung Quốc.

Đầu tháng giêng năm 1887, Pháp đã tập trung được một đạo quân lớn đóng xung quanh Ba Đình. Trong đó có 2 đại đội bộ

1. Nugent.
2. Audibert.
3. Zanner.
4. Tuffier.
5. Blaise.

https://tieulun.hopto.org

binh (260 người) do Thiếu tá Răm-bô[1] cùng 2 Thiếu tá Đê-xon[2] và Coóc-te[3] chỉ huy; đại đội thủy binh và bộ binh (180 người) do Thiếu tá Va-lăng-xơ chỉ huy, một đại đội của sư đoàn ngoại quốc thứ hai (200 người) do Thiếu tá Prê-tê[4] chỉ huy, một đại đội thuộc tiểu đoàn thứ 3 của bộ binh Phi châu (180 người) do Thiếu tá Béc-na[5] chỉ huy; một đại đội quân đổ bộ của chiến hạm Turenne (150 người) do viên thiếu úy quản tàu chỉ huy.

Về pháo binh có 10 cỗ đại bác 81 ly (120 người), 4 cỗ đại bác 95 ly (60 người) do Thiếu tá Gi-ra[6] và Giê-ra[7] chỉ huy. Thêm vào đấy 4 cỗ đại bác 65 ly của thủy quân (30 người), 2 đại bác Hốt-kít (15 người) và 4 khẩu thần công đại bác kiểu xưa (80 người).

Về công binh có 3 hạ sĩ quan và 46 công binh do Thiếu tá Giốp-phơ-rơ và Trung úy Net-tê[8] chỉ huy.

Ngoài ra, Pháp còn có 1.950 ngụy binh dưới quyền điều khiển của các thiếu tá: Mô-ni-ô[9], Nuy-giăng, Bu-sa-giơ[10], O-đơ-ri[11], Bơ-le-dơ và các trung úy: Lam-bơ-lanh[12], Đờ-ruy-dông[13], Sa-chi-ê[14].

Như vậy tổng số bộ binh, pháo binh kể cả ngụy quân có 3.388 tên, trong đó có 1.580 quân lính người Pháp.

Bên những đạo quân kể trên, Pháp còn có mấy pháo hạm sau đây để yểm hộ cho những đường tiếp tế của chúng:

1. Rambaud.
2. Deixonne.
3. Cortès.
4. Prétet.
5. Bernard.
6. Girard.
7. Gérard.
8. Netter.
9. Monniot.
10. Bouchage.
11. Audry.
12. Lambelin.
13. Drujon.
14. Châtier.

Pháo hạm Ét-tốc[1] do Trung úy Tu-min[2] chỉ huy. Pháo hạm Mu-lăng[3] do Trung úy Suyacúp[4] chỉ huy. Pháo hạm Bốt-săng[5] do Trung úy Lơ Pơ-ri-ơ[6] chỉ huy. Pháo hạm A-va-lăng-sơ[7] do Trung úy Đăng-tanh[8] chỉ huy.

Theo tài liệu của giặc Pháp chúng còn có 5.000 cu ly bắt trong miền Phát Diệm để giúp việc phong tỏa và tiếp tế.

Tất cả lực lượng quân Pháp đặt dưới quyền tổng chỉ huy của Đại tá Bờ-rít-sô.

Sau khi quan sát tình hình và vị trí Ba Đình, Bơ-rít-sô định một chương trình tổng công kích.

Đầu tiên là đám công binh đắp chiến hào dọc theo bờ đê để tiến từng bước một. Nhưng càng đến gần thì càng nguy hiểm. Chúng xẻ đường để cho nước thủy triều chảy xuống rồi lại bịt lại khi nước triều lên cốt làm cho nước cạn dần.

Ngày 6 tháng 1 năm 1887, sau những tràng đại bác bắn vào, quân Pháp chia làm ba mũi xung phong. Đến 2 giờ chiều thì cả 3 đạo quân đều tiến tới chiến hào trên đê.

Đạo thứ nhất do Trung úy Đờ-ruy-dông và Trung úy Phô-rê[9] chỉ huy, chỉ còn cách 100 thước nữa thì tới chiến lũy của ta. Nhưng nó vẫn vấp phải hàng rào tre kiên cố phải phá bằng mìn và búa. Trong lúc ấy những làn đạn lửa dữ dội từ trong bắn ra. Tuy vậy Đơ-ruy-dông cứ tiến sấn tới cổng làng, đến giữa chừng hắn bị trúng thương cùng với Phô-rê. Chúng phải rút quân về.

1. Estoc.
2. Thoumine.
3. Moulun.
4. Nhà xuất bản chưa tra được từ nguyên.
5. Bossant.
6. Le Prieur.
7. Avalanche.
8. Dantin.
9. Fauret.

https://tieulun.hopto.org

Đạo thứ nhì tức là đạo quân đi giữa, dưới quyền chỉ huy của Thiếu tá Bu-sa-giơ gồm có toán quân của Trung úy Lăm-bơ-lanh một đạo quân Bắc Kỳ thứ hai mà một toán thuộc đạo quân Bắc Kỳ thứ tư do Thiếu úy Gơ-rinh[1] cai quản. Chúng tiến theo giữa ruộng về phía trái của đạo quân thứ nhất, nhưng đến cách chiến lũy 20 thước, bị những tràng súng từ trong bắn ra phải tiến chậm lại. Nhiều lính Pháp ngã gục. Lăm-bơ-lanh và hai hạ sĩ quan Pháp bị thương. Nhiều lính công binh và ngụy binh bị chết.

Đạo thứ ba, tức là đạo quân phía tả, dưới quyền chỉ huy của Trung úy Côn-lô[2] gồm có một toán quân thuộc đạo quân Bắc Kỳ thứ hai. Cũng như hai đội quân kia, đội công binh mang chất nổ đi đầu, sau đó là cu ly mang bó củi, sọt đất và những khí cụ khác. Núp dưới vệ đường, chúng có thể tiến dễ dàng hơn tới chiến lũy. Nhưng vừa tới thì tên cu ly mang chất nổ bị bắn chết liền. Rồi hai làn đạn bắn chéo cánh sẻ, quân Pháp không thể tiến gần được nữa.

Trước tình hình ấy, Đại tá Đốt phải thổi kèn lùi quân. Nhưng đội quân đi giữa đã tiến sâu quá, khó lòng lui ngay được, cần phải yểm hộ. Thiếu tá Bu-sa-giơ đốc thúc toàn bộ binh và toán quân tiếp ứng tại mé trái của Gơ-rinh vào cứu. Tình thế cực kỳ nghiêm trọng. Gơ-rinh bị bắn trúng vai. Quân Pháp bị sa lầy dưới ruộng không thể tiến lên được nữa. Bu-sa-giơ định cho quân lùi và khiêng người bị thương về, nhưng rồi hắn cũng bị đạn trúng bắp đùi. Sau hết, quân Pháp chỉ còn dùng trọng pháo yểm hộ cho quân rút lui và ngăn nghĩa quân khỏi xông ra đánh giết.

Đến lượt Thiếu tá A-ma[3] thuộc đạo quân Bắc Kỳ thứ hai cũng bị thương nốt trong khi điều động toán bộ binh yểm hộ việc rút lui.

1. Goering.
2. Collot.
3. Amar.

Kết quả trận này, giặc chết và bị thương 4 sĩ quan và một số đông binh lính.

Chiến thuật của nghĩa quân là: cứ đợi cho quân địch tới gần mới từ trong bắn ra một cách chắc chắn. Mỗi khi một tên tướng Pháp ngã xuống thì từ trên trời cao có tiếng loa gọi quân xông ra cướp xác để lấy giải thưởng.

Sau trận này, quân giặc phải bỏ cái mộng xung phong vào chiến lũy ta. Cũng từ đó, mỗi buổi chiều, nghĩa quân từ trong chiến lũy gọi loa ra thách quân Pháp xông vào nếu muốn vùi xác trong bùn lầy.

Nghĩa quân còn dùng loa động viên nhau quyết chí giết giặc và chỉ định những người can đảm ra lấy đầu tướng Pháp đem về lĩnh thưởng. Một số phụ nữ cũng tham gia chiến đấu. Đồng thời, những nghĩa quân từ phía ngoài quấy rối quân Pháp và chực cắt đường giao thông của chúng giữa những đồn binh ở Bắc và Trung Kỳ.

Nhưng tướng Pháp Bơ-rít-sô, một tên đã có kinh nghiệm nhiều trong cuộc bao vây thành Puchla ở Mễ Tây Cơ, nhất định bao vây chặt chẽ hơn bằng hai vòng để giữ không cho ở trong ra và đối phó với ngoài đánh vào. Chúng mong vây chặt lâu ngày như vậy sẽ làm cho nghĩa quân mất tinh thần. Mặt khác, chúng thu nhặt những dây sắt và tre gỗ tại các nơi lại một chỗ, dựng thành một hàng lũy liên tiếp; từng quãng lại có một đồn phòng thủ để quân Pháp ẩn núp ban ngày. Ban đêm chúng canh gác ven theo hàng lũy. Gặp chỗ nào nước sâu quá, chúng lập đồn phòng thủ trên thuyền hay bè bọc sắt để đề phòng quân ta xông vào.

Sau khi tập trung những trọng pháo, Bờ-rít-sô ra lệnh tổng phóng pháo. Trong khi ấy đạo công binh tiếp tục tìm cách vào cho được vị trí mà không bị chết hại như trước.

https://tieulun.hopto.org

Sau đó, ba đạo quân Pháp cùng tiến vào. Hai đạo ở phía nam thuộc quyền điều khiển của Mét-ni-gie, một đạo phía bắc thuộc quyền chỉ huy của tướng Đốt.

Ngày 15-2-1887, những toán quân Pháp đi đầu đã đến cách vị trí ta độ hơn 100 thước. Tuy vậy chúng vẫn không biết rõ cách kiến trúc phòng thủ của ta ở trong ra sao, chỉ thấy những lũy tre kín mít và những hàng cọc đóng lởm chởm ở dưới nước, và phỏng định được chiến lũy của ta dài độ 1.200 thước, ngang độ 400 thước tây.

Từ đó chúng càng vào sâu một bước, càng thêm khó khăn một bước. Ngay đến những xác chết từ mấy tuần lễ trước cũng không sao nhặt chôn được, cứ đứa nào nhô đầu ra khỏi chiến hào là bị trúng đạn ngay. Mùi hôi thối xông ra không thể chịu nổi.

Mỗi đêm quân Pháp thỉnh thoảng bắt được một vài người trốn ra hoặc để cầu cứu với ngoài, hoặc để thoát khỏi nơi hiểm địa mà đại bác của Pháp nhả đạn cả ngày lẫn đêm. Do việc tra hỏi những người bị bắt, giặc Pháp biết được cách bố phòng và tinh thần hiện thời của nghĩa quân, chúng định tấn công một cách gấp rút hơn.

4. Nghĩa quân rút khỏi Ba Đình

Trong khi quân pháp đang tiến dần từng bước để thắt chặt vòng vây Ba Đình thì Bơ-rít-sô bị ốm sau những ngày mỏi mệt và không quen thủy thổ, nhất là khí ẩm thấp của Ba Đình. Tình cảnh quân Pháp bấy giờ đã khốn đốn lắm. Thiếu tá Mát-sông[1] một người có mặt trong cuộc hành quân đó, viết trong quyển *Những kỷ niệm về Trung và Bắc Kỳ* (Souvenirs de l'Annam ef du Tonkin) bằng những câu sau đây đủ tỏ nỗi lo sợ và hoảng hốt của chúng:

1. J. Masson.

"Tình cảnh chúng ta trước Ba Đình lúc đó đã đến nỗi chúng ta không thể trông địch đầu hàng hơn là trông địch rộng lượng một khi chúng ta bại trận"[1].

Lời phát biểu bi quan của tên tướng địch cũng cho ta thấy rõ tinh thần chiến đấu dũng cảm của nghĩa quân Ba Đình đã làm cho hàng ngũ kẻ thù phải hoang mang rối loạn, mặc dầu chúng có tàu súng lớn.

Cuộc chiến đấu gian khổ và anh dũng của quân khởi nghĩa Ba Đình cũng đã vang động sang nước Pháp. Bọn thực dân ở bên Pháp muốn che lấp những trận thua của chúng và muốn tính cho xong mau việc cướp nước ta, ra lệnh cho bọn tay sai ở bên này phải thanh toán cho kỳ được bất cứ với một giá nào và chỉ được báo những tin thắng lợi để khỏi kinh động nhân dân Pháp, coi như việc quân sự bình định tại Bắc Kỳ đã hoàn xong. Nhận được mệnh lệnh, Bơ-rít-sô phải cố sức kết thúc cuộc bao vây. Y đổi phương hướng tiến quân dồn cả 3 đạo quân phá hoại vào phía bắc Thượng Thọ. Đồng thời pháo binh bắn dữ dội để mong phá vỡ một khoảng chiến lũy và đốt cháy những nhà trong vị trí.

Trong thành tiếng loa vẫn luôn luôn kêu gọi những người ngụy quân quay súng lại diệt Pháp và liên kết với nghĩa quân. Hầu hết mỗi đồn tiến tuyến của Pháp đều bị đánh. Dưới ánh lửa của những đám cháy, quân Pháp chiếu ống dòm nhìn vào thấy nghĩa quân vẫn còn đông và vẫn còn chiến đấu.

Ngày 19-1, toán công binh phá hoại đã đến phòng tuyến thứ nhất trước chiến lũy. Chiến lũy là một bức thành kết bằng tre vít ngang, vít dọc, trái phá không thể xuyên qua. Bọn công binh Pháp liền nghĩ ra một cách là dùng vòi rồng phun dầu vào bụi tre rồi đốt

1. "Notre situation dovant Ba-đình était telle que nous ne pouvions pas plus compter sur une capitulation de la place que sur la génépositė de nos ennemis, au cas où nous aurions été vaincus".

https://tieulun.hopto.org

cháy. Tiếng tre nổ hòa với tiếng súng trường, chen lẫn tiếng đại bác gây thành một âm thanh và một trạng thái náo nhiệt, hỗn độn.

Trước những ngọn lửa lan tràn, nghĩa quân không thể dập tắt hết đành phải chuyển sâu vào phía trong. Đại bác của giặc rót vào tới tấp. Quân Pháp thừa thế giẫm lên trên xác chết, núp vào sau những phên tre, mỗi lúc một tiến sát vào pháo đài. Lựu đạn nổ và quả nổ ném vào có tới 16.000 trái.

Từ mấy hôm trước Đinh Công Tráng đã viết thư mật gửi cho Đề đốc Soạn tại Quảng Hóa giục đánh mạnh ở bên ngoài để quân Pháp không thể đem toàn lực vây bức nghĩa quân ở trong. Đề đốc Soạn bấy giờ có độ 2.000 quân đóng cách Ba Đình độ nửa ngày đường; ông không dám đem quân đánh sát vào hậu phương của Pháp, mà chỉ mỗi đêm sai quân lính từ phía xa xa bắn rộ lên từng tràng súng mong uy hiếp tinh thần quân địch. Địch vẫn tập trung hỏa lực đánh phá Ba Đình dữ dội.

Đã đến lúc nghĩa quân phải mở một con đường máu để đánh tháo ra! Chập tối hôm ấy, dưới ánh lửa sáng rực trời, Đinh Công Tráng hạ lệnh cho quân sĩ xung phong thoát ra khỏi hiểm địa hợp với một số nghĩa quân từ mấy làng lân cận đánh vào. Ban đêm sương mù dày đặc người ta chỉ còn phân biệt quân mình và quân thù bằng những ánh sáng lóe ra trong cuộc giao chiến. Đạn và trái phá nổ tứ phía. Một cuộc chém giết lộn ẩu diễn ra vô cùng ác liệt.

Tảng sáng hôm sau, cảnh tượng kinh hoàng hiện ra trên cánh đồng lấy cách phòng tuyến Pháp 800 thước, thây chết ngổn ngang, bùn đỏ những máu.

Theo tin của Pháp thì nghĩa quân chỉ có chừng 150 người thoát nạn. Nhưng theo bức thư báo cáo của Đinh Công Tráng, thì 10 giờ đêm ngày 20-1-1887, Phạm Bành và ông đã chọc thủng phòng tuyến của giặc mà ra. Một số lớn quân Pháp bị giết. Còn nghĩa quân vừa bị chết vừa bị thương độ 150 người.

8 giờ sáng ngày 21-1, quân Pháp lọt vào được Ba Đình, thấy nhiều xác chết chưa kịp chôn và tại sân một ngôi đình ngổn ngang xác chết, một mùi hôi thối xông lên không chịu nổi. Ruồi, muỗi, nhặng, bọ nhiều vô kể. Người ta thấy xác đề đốc Khê chết tại một trong những nơi chiến đấu dữ dội nhất.

Về phương diện giặc Pháp, cố nhiên chúng đã khoe khoang khi hạ được Ba Đình. Bơ-rít-sô được chính phủ Pháp ban khen và thăng chức tướng. Nhưng theo những tài liệu mà quân Pháp bắt được thì trong một bức thư gửi cho vị chỉ huy nghĩa quân ở Mã Cao, Đinh Công Tráng đã báo tin sắp rời bỏ Ba Đình, vì hàng nghìn quân Pháp và ngụy quân chết rải rác xung quanh vị trí, nước bị tù hãm, hôi thối, bệnh dịch tả phát sinh, nên phải sửa soạn rời về cứ điểm thứ hai.

Phá xong Ba Đình, tướng Pháp Bờ-rít-sô triệt hạ ba làng Mỹ Khê, Thượng Thọ, Mậu Thịnh và xin với bọn phong kiến Nam triều, xóa bỏ ba làng nọ trong bản đồ, rồi dựng tại đó một cái bảng viết những câu xấc láo sau đây:

"Đây là ba làng, Mỹ Khê, Thượng Thọ và Mậu Thịnh đã bị triệt hạ vì bọn cướp và bọn phiến loạn đã xây thành đắp lũy và đóng ở đây, mà dân cư không báo trước với các nhà chức trách. Các làng ấy đang phải biến mất trên mặt đất này. Những người phạm tội sẽ bị trừng trị".

Nhưng dù giặc Pháp có đe dọa, có đàn áp dã man đến dâu cũng không thể dập tắt được tinh thần yêu nước của nhân dân ta. Lớp người này ngã xuống thì lớp người khác xông lên. Sau Ba Đình là bao nhiêu cuộc khởi nghĩa khác liên tiếp nổ ra. Cũng như kế tục tinh thần yêu nước của nhân dân ba làng Thượng Thọ, Mậu Thịnh và Mỹ Khê, là bao nhiêu nhân dân các địa phương khác vẫn tích cực ủng hộ nghĩa quân để tiêu diệt thực dân Pháp xâm lược.

https://tieulun.hopto.org

5. Nghĩa quân rời đến Mã Cao

Trước khi ông Đinh Công Tráng rút quân khỏi Ba Đình, Mã Cao đã là một cứ điểm kháng Pháp của một số văn thân tản mác từ các nơi tự làm trong đó có cả một số quân Cờ Đen. Lãnh tụ Mã Cao lúc đó là Hà Văn Mao. Vị trí Mã Cao, xung quanh là rừng rậm có đường xuyên sơn thông sang Lào và Vân Nam. Pháo đài trung ương xây dựng ngay cạnh chỗ lượn của một con sông sâu đến 15 thước và rộng tới 40 thước, dùng làm chiến hào. Giữa dòng sông có những mô đá lởm chởm và có chỗ nước sâu ghê gớm. Cửa sông có một con đê của nhân dân địa phương đắp đê phòng lụt. Nghĩa quân đào ở giữa đê một chiến hào. Xung quanh pháo đài chính có 6 pháo đài nhỏ đắp trong vòng 3 cây số vuông ẩn sâu trong rừng rậm. Người ta nói ít ra phải 5 ngày mới thăm dò được hết. Đất ở đây khô và rắn chắc nên xây dựng rất vững vàng, đạn súng trường bắn vào không suy chuyển chút nào. Một trong những pháo đài ấy là pháo đài Hồ Sen, có xưởng làm thuốc súng. Khu rừng rậm vây xung quanh là rừng Cự Bảo, chỗ nào cũng chằng chịt những chiến hào. Dựa vào địa thế hiểm yếu và đường giao thông tiếp tế thuận tiện, nghĩa quân dùng Mã Cao làm nơi căn cứ chống Pháp. Trong thời gian Ba Đình hãy còn, Mã Cao là một vị trí hỗ trợ cho Ba Đình.

Sau khi từ Ba Đình rút về Mã Cao, Đinh Công Tráng tưởng có thể giành lấy thời gian để củng cố cứ điểm và hàng ngũ, quyết chiến với quân thù một lần nữa. Nhưng giải tán Ba Đình rồi, giặc Pháp liền chia làm hai ngả để truy kích nghĩa quân. Một toán do Đại tá Đốt chỉ huy tiến vào mạn phủ Quảng. Một toán do Đại tá Mét-ni-gie chỉ huy; ngược theo hữu ngạn sông Mã tiến về phía tây đến phủ Thọ. Hai toán quân này đều hẹn gặp nhau ở Mã Cao. Một toán thứ ba là đạo công binh của thiếu tá Giốp-phơ-rơ trưng thu tất cả các thuyền bè trong vùng để vận tải lương thực và khí giới.

Từ lâu những đường giao thông giữa hai đồn phủ Quảng và phủ Thọ thường bị ta chặn đánh, quân Pháp vẫn chưa hiểu quân ta từ đâu đến và lực lượng thế nào.

Trưa ngày 2-2-1887, hai toán quân Pháp đã gặp nhau ở chỗ hẹn. Khi chúng đi qua phủ Thọ, tên tri phủ phản quốc ở đấy bắt 2 người đi dẫn đường cho chúng. Hai người này bị viên tri phủ bắt vì tình nghi là nghĩa quân Mã Cao, nhưng không đủ chứng cớ nên được tha. Họ chính là yếu nhân của nghĩa quân. Nhân dịp này họ định giết quân Pháp bằng cách dẫn đi lạc đường và tìm cớ chia lực lượng Pháp. Nhưng giặc Pháp nghi ngờ không nghe, đòi đi thẳng ngay đến vị trí của ta và bắt hai nhà ái quốc phải đi đầu với đội tiền phong.

Quân thám thính Pháp vừa đi đến một thung lũng sâu, ngang qua một dòng suối thì từ mé bên kia bắn ra một phát đại bác và một loạt súng trường. Tức thì Bơ-rít-sô hạ lệnh cho quân Pháp rút về trung tâm điểm để tránh nạn bao vây tứ phía, rồi lại tỏa ra ba đường bằng ba đạo quân lớn cùng những tốp nhỏ để dò lối chặn đường mong bao vây vị trí nghĩa quân. Ba đạo quân này do Đốt dẫn đi mé phải, Mét-ni-gie dẫn đi mé trái và Đi-ghê[1] đi giữa. Toán quân lưu động do thiếu tá Nuy-giang và hai trung úy Phô-rơ và Bét-dơ-le[2] chỉ huy.

Lúc ấy súng đã nổ ran bốn phía, quân Pháp không biết chắc chỗ nào mạnh yếu ra sao. Bờ-rít-sô cho đạo quân đi giữa tiến lên, lội qua sông và chiếm lấy một pháo đài nhỏ chắn ngang đường. Còn đội tiền phong tiếp tục đi sâu vào rừng rậm, đồng thời những đạo quân khác tìm cách vượt ra khỏi vị trí bao vây của ta.

Sau một giờ tiến bước, đội tiền phong của Pháp phải ngừng lại trước một lũng sâu đóng khung và đầy bụi rậm. Bỗng từng loạt

1. Diguet.
2. Betzelère.

https://tieulun.hopto.org

súng bắn ra cách phía trái quân Pháp độ vài ba thước và từ bờ bên kia thung lũng cách đội tiền phong của Pháp độ 30 thước. Một số lính Pháp đi sâu bị chết. Ngay lúc ấy, hai nghĩa quân mà bọn Pháp bắt dẫn đường, băng mình vào thung lũng kêu gọi các đồng chí của mình mau mau diệt Pháp hiện có mặt tổng chỉ huy và bộ tham mưu Pháp ở cả đây. Không may hai nhà ái quốc, can đảm ấy bị mấy tên lính khố đỏ bắn rượt theo hy sinh cả.

Sau cuộc xung phong của đội tiền phong Pháp, có bộ binh dưới nước và những đội quân khác giúp sức, nghĩa quân phải lui về một cứ điểm khác. Rồi một trận ác chiến lại xảy ra. Tiếng trống, tiếng cồng, tiếng loa gọi rầm rĩ giữa những tiếng súng. Quân Pháp dùng móc-chi-ê bắn vào pháo đài. Trong pháo đài cũng bắn trả lại kịch liệt, từng tràng súng từ các pháo đài bắn tập trung vào chỗ quân Pháp. Phần nhiều pháo đài đều ẩn trong bụi rậm phía sau là thung lũng chạy bao quanh bằng vũng lầy làm cho quân địch không tiến đến gần được.

Cuộc kịch chiến diễn ra trong suốt một buổi chiều. Sau cùng nghĩa quân sợ bị bao vây và bị cắt đứt đường rút lui phải bỏ vị trí, rút vào thung lũng.

Chập tối quân Pháp từ phía bắc lọt vào được pháo đài. Nghĩa quân rút theo phía nam.

Mặc dầu có thắng lợi, quân Pháp bị chết và bị thương rất nhiều. Một tên trung úy thuộc đoàn bộ binh thủy quân bị một viên đạn trúng ngực tử thương khi xung phong vào pháo đài trung ương. Trung úy Phô-dê[1] thuộc đạo quân Bắc Kỳ thứ hai cũng bị trọng thương cùng với một số lính Pháp và khố đỏ.

Chiếm được pháo đài trung ương, quân Pháp định sửa soạn đánh những pháo đài khác vào hôm sau, nhưng ngay đêm ấy, nghĩa quân đã vượt rừng rút ra nơi khác rồi.

1. Fausé.

Sau khi quan sát kỹ càng, bọn Pháp công nhận rằng vị trí Mã Cao còn vĩ đại hơn vị trí Ba Đình và khâm phục những nhà lãnh đạo nghĩa quân đã biết đặt đúng chỗ và bố trí những phương pháp phòng thủ.

Cuộc khởi nghĩa Ba Đình, kéo dài đến đây là hết. Vùng Thanh Hóa từ nay không có những cứ điểm lâu dài nữa; nghĩa quân lưu động mà đánh, hết nơi này lại nơi khác, nhưng đến mãi về sau không còn có trận nào lớn bằng và quan trọng bằng trận Ba Đình; phong trào ở đồng bằng có xuống, cuộc chiến đấu có chiều chuyển lên mạn ngược hơn là ở vùng đồng bằng như trước tới giờ.

6. Bước đường cùng của Đinh Công Tráng

Về phía ông Phạm Bành, đêm hôm ông chọc thủng vòng vây rút về Mã Cao, bọn Pháp bắt mẹ và con ông để dụ ông ra hàng. Để cứu mẹ, Phạm Bành ra thú, khi giặc thả mẹ và con, ông tự sát ngay hôm đó. Ông đặt chữ hiếu lên trên chữ trung. Trong thời biến sao không nhớ rằng chư tử cũng có người nói "đánh giặc hết lòng ấy là hiếu vậy".

Sau khi không thể cố thủ ở Mã Cao được, tàn quân của các nhà văn thân tan rã gần hết. Ông Đinh Công Tráng, người kiên trì nhất, định tìm cách tổ chức lại quân đội trong những vùng lân cận. Nhưng bọn Pháp sục dữ quá, Đinh phải bỏ Thanh Hóa sang Nghệ An. Đến mùa hè năm 1887, ông bị bắt và bị giết chết trong một trường hợp sau đây:

Ngày 5-10-1887, thiếu tá Pháp là Cốt-tơ[1] cai quản đồn Đô Lương ở trên sông cả, được tên lý chưởng làng Tang Yên đến báo cho biết là Đinh Công Tráng mới đến vùng đó. Tức thì Cốt-tơ cùng với trung úy Đờ Phít Giam[2] dẫn 65 lính đi luôn đêm và một

1. Coste.
2. De Fitz James.

https://tieulun.hopto.org

phần ngày hôm sau, ngược dòng sông Cả bằng thuyền, rồi lại đợi đến đêm mới bắt đầu đi.

Làng Tang Yên cách sông độ 20 cây số, nhưng đường rất khó đi, nhất là bị mưa lâu ngày. Đêm hôm ấy mưa to gió bão; giặc Pháp có người dẫn đường. Ba giờ sáng giặc đến làng Tang Yên giữa cảnh im lặng như tờ. Tới khi chúng xông lên nhà sàn, nghĩa quân mới biết. Từ trong khe cửa bắn ra 2 viên đạn, 2 tên ngã gục xuống. Cốt-tơ và một tên lính khố đỏ phản quốc là Nguyễn Tuyên cứ xông vào. Sau nhiều phát súng lục, hai người trong nhà bị bắn chết. Hai người ấy chính là Đinh Công Tráng và em vợ ông[1].

Bình luận về Đinh Công Tráng, ngay một kẻ thù của chúng ta là tên Đại tá Mát-sông, người đã dự trận ở Ba Đình, đã phải khâm phục: *"Là người có trật tự và chí khí cương trực; Tráng biết giữ kỷ luật và nghiêm trị những tên quân đi nhũng nhiễu các làng; Tráng có óc quan sát và trí nhẫn nại. Tráng hiểu quân mình và biết quân người nên không khi nào dùng quân một cách vô ích để đến nỗi hao binh tổn tướng. Tráng lại giỏi lập địa thế và khéo nhử quân Pháp vào chỗ nguy".*

"Sau hết, chẳng hề tránh nguy hiểm, Tráng bao giờ cũng đi đầu, suy nghĩ cẩn thận, mạnh bạo trong việc làm, lại có lòng yêu nước chân thành; Tráng là một người bình dân, nhờ có những đức tính ấy mà đã đứng đầu được một số quan lại phần đông là kiêu hãnh. Nếu được một số người cứng cáp hỗ trợ thì quân Pháp còn bị chật vật với Tráng chưa biết đến bao nhiêu lần nữa và vị tất đã thắng nổi".

* * *

1. Có tài liệu nói khi Mã Cao thất bại ông Tráng kéo quân về Ngọc Lạc. Trên dọc đường đi phủ Tương Dương, Nghệ An, ông gặp lính tuần của Pháp. Hai bên giao chiến, ông bị bắt rồi tự sát.

TÓM LẠI

Trong giai đoạn thứ nhất của phong trào Cần vương, thì Thanh Nghệ Tĩnh là một vùng kháng Pháp rất mạnh mẽ, rất bền bỉ và rất đều đặn. Có thể nói rằng ở đây quân Pháp vất vả hơn bằng mấy lần ở miền Trung và Nam Trung Kỳ; Thanh Nghệ Tĩnh xưa nay, đã có đông dân và nhân dân có một truyền thống chiến đấu lâu đời; Thanh Nghệ Tĩnh lại có địa bàn tương đối rộng lớn.

Địch âm mưu tách Thanh Nghệ Tĩnh ra khỏi quyền của triều đình, nhập vào Bắc Kỳ, và tách Bắc Kỳ ra khỏi quyền của triều đình, biến Bắc Kỳ thành thuộc địa như Nam Kỳ. Binh đoàn Mi-nhô từ Bắc vào đi dọc theo duyên hải, tiếp xúc với quân đội đồn trú đang bị bao vây, để trấn áp phong trào Cần vương nhất là ở Nghệ Tĩnh. Nhưng chúng phải rút phần lớn về Bắc ngay vì phong trào Cần vương ở Bắc là nơi xung yếu nhất đã sôi nổi rất mạnh.

Ở Hà Tĩnh có Ấm Ninh mộ nghĩa quân đánh lấy thành Hà Tĩnh, giết bố chính Lê Đại là người theo Tây. Ở Nghệ An có Nghè Ôn lãnh đạo nhân dân kháng Pháp, cả Nghè Ôn và Ấm Ninh đều dưới quyền của cụ đình nguyên Phan Đình Phùng.

Ở Thanh Hóa thì Đề đốc Trần Xuân Soạn là người thống lãnh binh quyền trong cuộc khởi nghĩa Cần vương. Ở Thanh Hóa trận đánh Ba Đình là trận quyết liệt nhất; Ba Đình cũng là một trong những trung tâm kháng Pháp nổi tiếng nhất trong lịch sử cận đại Việt Nam. Đinh Công Tráng là một người anh hùng có tài tổ chức, có mưu lược cao và can đảm phi thường. Pháp phải tập trung những tướng tài nhất, tập trung nhiều bộ binh pháo binh và thủy chiến hạm, chịu hy sinh rất lớn về người, về của, mới lấy được căn cứ Ba Đình. Bị bao vây chặt chẽ như thế mà Đinh Công Tráng lại có thể giữ chủ lực, mở đường kéo về vị trí Mã Cao ở phía tây bắc. Mã Cao không thể giữ được, Đinh Công Tráng vào Nghệ An; ở đây ông bị phản gián mà rơi vào tay địch.

https://tieulun.hopto.org

Ba Đình thất thủ; Lê Ninh, Phạm Bành, Đinh Công Tráng chết, Nghè Ôn bị bắt; nhưng phong trào Thanh Nghệ Tĩnh không tắt: Tống Duy Tân ở Thanh, Cao Thắng ở Nghệ Tĩnh gây dựng lại tổ chức nghĩa quân; phong trào Cần vương ở miền Bắc Trung Kỳ sẽ có dịp lên cao một lần nữa mặc dầu vua Hàm Nghi đã bị bắt.

Chương 22

KHÁNG PHÁP Ở BẮC KỲ TRONG GIAI ĐOẠN THỨ NHẤT CỦA PHONG TRÀO CẦN VƯƠNG

I. NHỮNG NÉT CHUNG CỦA TÌNH HÌNH KHÁNG PHÁP Ở BẮC KỲ TỪ 1885 ĐẾN 1888

1. Cứ theo lời của địch thì từ lúc chiến tranh Trung - Pháp chấm dứt cho đến 1890 thì "những đồng bằng đã được chiếm cứ nhưng chưa được bình định; mạn ngược thì chỉ thuộc Pháp về danh nghĩa mà thôi, còn phải chiếm cứ và bình định" (*Histoire militaire de l'I.C*, trang 119). Nói một cách khác, về mặt của Pháp thì thời kỳ này là thời kỳ "bình định đồng bằng và chiếm cứ mạn ngược"; ít ra đó là nhiệm vụ mà chúng tự đặt ra.

2. Trong sự "bình định" đồng bằng thì, trong giai đoạn này, Pháp dùng những binh đoàn lưu động lớn để càn quét trong những mùa thu đông rồi trở về căn cứ. Hãy kể một số những binh đoàn lưu động ấy.

a. Binh đoàn Nê-gơ-ri-ê và binh đoàn của Đô-ni-ê[1] (1885) càn quét vùng đồng bằng tả ngạn sông Hồng từ Hà Nội đến sông Luộc.

1. Nhà xuất bản chưa tra được từ nguyên.

https://tieulun.hopto.org

b. Binh đoàn Muốc-lăng[1] (1885) càn quét ở vùng giữa sông Đáy và sông Hồng (Sơn Tây, Hà Đông, Hà Nam, Nam Định)

c. Binh đoàn Bra-xi-ni[2] (1885), binh đoàn Mu-ni-ê[3] (1885) càn quét từ sông Luộc đến ven biển.

d. Binh đoàn Nen-ny[4] (1885) đánh phá phủ Nam Sách, Hải Dương.

đ. Binh đoàn Phan-công[5], Phô-rơ[6] (1885) chống nghĩa quân Đốc Tít ở Trại Sơn, Hải Dương.

e. Binh đoàn Ru-xô[7] và Phu-kê[8] (1886) càn quét vùng Đông Triều.

f. Binh đoàn Be-lơ-ma-rơ[9] (1886), binh đoàn Ba-zi-nê[10] (1886), binh đoàn Pơ-ruy-đom[11] (1887), binh đoàn Buy-ma[12] (1887) và binh đoàn Pi-ê[13] (1887) càn quét ở các tỉnh trung châu.

g. Binh đoàn Spit-zen[14] (tháng 8 năm 1888), binh đoàn Mông-ghi-đô[15] (tháng 9 năm 1888) và binh đoàn Xéc-vi-e (tháng 12 năm 1888) ở vùng sông Đuống. Tất cả các binh đoàn này đều do tướng hay tá chỉ huy, nội điều ấy cũng đã chứng tỏ được sức mạnh lớn lao của phong trào kháng Pháp. Càn quét liên tiếp trong hơn 4 năm trường, điều ấy lại chứng tỏ tính chất dẻo dai, bền bỉ của

1. Mourlan.
2. Nhà xuất bản chưa tra được từ nguyên.
3. Munier.
4. Nhà xuất bản chưa tra được từ nguyên.
5. Nhà xuất bản chưa tra được từ nguyên.
6. Faure.
7. Rousseau.
8. Nhà xuất bản chưa tra được từ nguyên.
9. Nhà xuất bản chưa tra được từ nguyên.
10. Nhà xuất bản chưa tra được từ nguyên.
11. Prudhomme.
12. Nhà xuất bản chưa tra được từ nguyên.
13. Nhà xuất bản chưa tra được từ nguyên.
14. Nhà xuất bản chưa tra được từ nguyên.
15. Nhà xuất bản chưa tra được từ nguyên.

phong trào nhân dân trên một địa thế hẹp không đầy 20.000 cây số vuông, trên đó không có rừng núi đáng kể, lại có sông rạch nhiều, địch đóng ở nhiều cứ điểm lớn, dễ dàng hành quân, kéo pháo và dùng chiến thuyền.

3. Chính trong cuối giai đoạn này, để bình định đồng bằng, địch đã phải làm một vòng đai cứ điểm ở trung du để ngăn trở sự xuất quân về đồng bằng từ miền núi, để ngăn việc tiếp tế súng đạn từ mạn ngược về, và tất nhiên là ngăn sự mộ binh đem lương từ đồng bằng lên miền núi.

4. Trước 1890, địch dùng quân sự là chính, nhẹ về chính trị; ở Bắc Kỳ chúng đã tổ chức nhiều lính cơ, song chúng nắm hết lính cơ mà ít khi để cho các quan Nam triều hàng tỉnh, hàng huyện chỉ huy những lính cơ ấy, trừ một số trường hợp không phổ biến như trường hợp Hoàng Cao Khải, Trần Lưu Huệ. Các cuộc hành quân của Pháp có tính cách từ xa đến một địa phương, bắn giết, đốt phá, khi chúng rút đi thì các quan và tổng lý địa phương lại sợ nghĩa quân nên chúng hoạt động không mấy tích cực.

5. Cuộc kháng Pháp ở đồng bằng thì nơi nào cũng có, tuy nhiên Nam Định thì yếu nhất, Hải Dương lại mạnh nhất. Nghĩa quân ở đồng bằng Bắc Kỳ thì hầu như không có cứ điểm, còn ở trung du thì có nhiều cứ điểm hiểm yếu được phòng thủ rất là công phu.

6. Ở vùng núi thì trong giai đoạn này, chủ yếu là Pháp đi chiếm cứ những nơi chiến lược trên biên giới (Móng Cái, Lạng Sơn, Cao Bằng, Bảo Lạc, Hà Giang, Lào Cai) và những đường giao thông chính (sông Đà, sông Thao, sông Lô, đường Lạng Sơn), giữa những nơi ấy và đường ấy thì quân ta vẫn còn làm chủ gần như hoàn toàn. Hầu hết các lãnh tụ dân tộc thiểu số đều cùng với người Kinh và một số người Trung Quốc, cùng nhau phát động chiến tranh tự vệ.

7. Tôn Thất Thuyết ở ngoài biên giới vận động có hiệu lực cho sự tiếp tế vũ khí đạn dược và cả binh lính nữa. Biên giới Việt -

https://tieulun.hopto.org

Trung chưa phân định rõ rệt, đồn bốt địch đóng quá thưa, sự qua lại biên giới còn dễ dàng, súng ống đạn dược không những về tới đồng bằng Bắc Kỳ mà còn về tới trong Thanh Hóa nữa. Nhà Thanh tuy đã ký hòa ước với Pháp, tuy đã rút quân, nhưng luôn luôn còn hục hặc với Pháp trong vấn đề biên thùy, nên một số lớn quan quân Hoa Nam, nhất là dân Trung Quốc có thái độ cảm tình, ủng hộ cuộc kháng Pháp của dân tộc Việt Nam.

8. Sự lãnh đạo cuộc kháng chiến ở miền Bắc trong giai đoạn này thì có thống nhất, ít ra là về mặt hình thức. Trước tiên thì Hàm Nghi khai phục nguyên hàm cho Hoàng Tá Viêm, cho Viêm làm khâm sai ngoài Bắc, nhưng Viêm đã chẳng theo Cần vương lại còn theo Pháp, cho nên chức vụ ấy thuộc về ông Ngô Quang Bích; thực tế chỉ là sự liên lạc giữa các cụ phụ trách ở các địa phương, không có bằng cớ gì để nói rằng có chỉ huy thực sự thống nhất; Tạ Hiện ở vùng biển. Nguyễn Thiện Thuật ở trung tâm đồng bằng, Bố Giáp ở Sơn, Tuyên, Hưng, Hoàng Đình Kinh ở Bắc Giang, Bắc Ninh, v.v... đều tác chiến riêng rẽ, báo tin về cho Ngô Quang Bích và báo tin ra cho Tôn Thất Thuyết.

Đó là một số đặc điểm trong tình hình ở Bắc Kỳ trong giai đoạn thứ nhất của phong trào Cần vương ngoài Bắc, nơi đây kháng chiến mạnh nhất, mà nơi đây số quân của Pháp cũng đông nhất.

II. NHỮNG NÉT LỚN CỦA CUỘC KHÁNG PHÁP MIỀN TÂY BẮC, BẮC KỲ

Để chiếm miền tây bắc thì địch bò lên bằng ba đường sông mà giáp mối là Việt Trì.

1. Quân Pháp lên chiếm lưu vực sông Thao, sông Đà

Đến khi Trung - Pháp chiến tranh chấm dứt thì trên đường sông Thao, Pháp mới chiếm Hưng Hóa. Quân Thanh rút lui thì nghĩa quân ta đóng ở tất cả các vị trí của quân Thanh đã đóng.

Vùng sông Thao này chủ yếu là do Bố chính Nguyễn Văn Giáp cầm đầu. Địch tổ chức ba cuộc hành quân lớn; binh đoàn của tướng Ja-mông[1] lên chiếm Than Mai (tức một địa điểm ở gần đền Hùng) vào tháng 10 năm 1885; binh đoàn của tướng Ja-me[2] bèn chiếm Tuần Quán (tức một địa điểm ở phía nam Yên Bái vài dặm) vào tháng 2 năm 1886; binh đoàn của quan năm Mốt-xi-ông[3] lên chiếm Lào Cai vào tháng 5 năm 1886. Hai binh đoàn Ja-mông và Ja-me đều là những binh đoàn mà địch phóng lên tấn công lực lượng của Bố Giáp và đến đầu năm 1887 thì từ Lào Cai, quân Pháp do quan tư Be-lơ-chê[4] cầm đầu đi dọc biên giới, chiếm Phòng Tô và căn cứ vào Phòng Tô mà gởi những đạo quân lưu động đi chiếm vùng biên giới. Đến năm 1888, tháng giêng, địch từ Phòng Tô, do quan năm Péc-nô cầm đầu kéo quân qua Lai Châu tới Điện Biên Phủ, cuộc hành quân này căn bản là địch muốn phá lực lượng kháng Pháp của Điêu Văn Trì; rồi chúng kéo xuống Sơn La, nơi đây một binh đoàn khác của địch đi từ Bảo Hà (giữa Yên Bái và Lào Cai) đã đến do tên quan tư U-đờ-ri[5] cầm đầu; hai binh đoàn địch lại từ Sơn La về sông Thao. Như thế là sau khi chiếm lưu vực sông Thao, địch qua chiếm lưu vực sông Đà và sông Mã trên 12 châu Thái; thực tế là mãi đến 21-12-1888 thì quân Pháp do quan tư Pen-nơ-canh[6] mới chiếm đóng Điện Biên Phủ.

Trên đường sông Đà thì chỉ có thể đi thuyền trên con sông này lên tới Chợ Bờ (lúc ấy gọi là thác Hào Tráng). Cho nên, để đi vào vùng Sơn, Lai, địch dùng những con đường bộ mà dân ta đi từ sông Đà ra sông Thao, đường từ Yên Lương đến Văn Bù, đường từ Bảo Hà, vào Than Uyên đi Văn Bù, đường từ Ba Xát đi Phòng Tô qua Lai Châu và Điện Biên Phủ. Địch chiếm vùng sông Đà, sông Mã là cắt đường tiếp tế giữa Tôn Thất Thuyết với Thanh Hóa.

1. Jamont.
2. Jamais.
3. Maussion.
4. Nhà xuất bản chưa tra được từ nguyên.
5. Oudri.
6. Pennequin.

https://tieulun.hopto.org

Còn về phía hạ lưu sông Đà thì năm 1885, địch đã chiếm Bất Bạt ở Sơn Tây; đến cuối năm 1885, quân địch do Jác-na đờ la Can[1], lên đóng đồn ở Tu Vũ, Phương Lâm và Chợ Bờ. Rồi đến 1887 thì binh đoàn của tướng Bơ-rít-sô lập các đồn Mai Châu, Phú Lễ và nhất là đồn Yên Lang nơi đây sẽ có những trận khá quyết liệt giữa ta và địch.

Còn trên đường sông Lô thì đến 1885 địch chiếm Tuyên Quang rồi tuần tự lên đóng ở Bắc Mục, Vĩnh Tuy, Chiêm Hóa, vào đóng ở Sơn Dương, qua đóng ở phủ Yên Bình.

Nói chung thì mãi cho đến 1891 địch mới chiếm đóng một số ít căn cứ cốt kiểm soát đường giao thông bộ và thủy, từ căn cứ chúng thỉnh thoảng gởi quân đi càn quét; nhưng chưa chiếm được đất, không cai trị được dân, không đánh được các đội quân kháng Pháp. Lúc ấy, địch chưa đóng quân được trên biên giới từ Lào Cai qua Hà Giang, song đã đóng được quân trên biên giới từ Lào Cai sang Lai Châu. Chúng đã đặt tổng lãnh sự của Pháp là Pa-vi ở Luang Prabang, tên này cũng tham gia cuộc xâm chiếm sông Đà, sông Mã. Xiêm có gởi tướng Phia-Suriss[2] lên 12 châu Thái, song rốt cùng, trong sự tranh chấp đó, Pháp được phần thắng.

2. Các trận đánh lớn ở Tây Bắc

Trong giai đoạn thứ nhất của phong trào Cần vương ở Tây Bắc Bắc Kỳ, những đối thủ chính của giặc Pháp là Ngô Quang Bích, Bố chính Nguyễn Văn Giáp và Điêu Văn Trì; ngoài ra, còn có một số lãnh tụ địa phương nữa. Những trận đánh ở Phú Thọ, Yên Bái, vùng Thanh Hóa đạo (tức là vùng đất giữa hai lưu vực sông Thao và sông Đà), và vùng lưu vực sông Lô, sông Chảy, đều là những trận giữa quân ta dưới quyền của Bố Giáp và Ngô Quang Bích chống Pháp xâm lăng; còn những trận ở vùng từ Điện Biên qua

1. Jasna de la Cale.
2. Nhà xuất bản chưa tra được từ nguyên.

Lai Châu, Phòng Tô, Sa Pa, phần lớn là do quân của Điêu Văn Trì đánh Pháp. Bố Giáp và Quang Bích đều kháng chiến đến chết, còn Điêu Văn Trì sẽ hàng Pháp để giữ quyền thống trị của ông ta đối với vùng thượng lưu sông Đà mà họ Điêu đã thống trị từ lâu đời.

a. Trận Than Mai. Than Mai là căn cứ lớn của Bố Giáp ở giữa Việt Trì và Hưng Hóa, giữa hai sông Thao và sông Lô. Than Mai là cái đinh trong con mắt của Pháp ngó lên lưu vực sông Thao và cả vùng Tây Bắc Bắc Kỳ. Cho nên muốn lên Tây Bắc thì trước hết phải đánh Than Mai, là nơi mà nghĩa quân tung ra luôn luôn cản trở địch trên 4 sông Hồng, Lô, Thao, Đà, uy hiếp cả Sơn Tây và Vĩnh Yên. Nhưng muốn đánh Than Mai, địch phải lo đánh trước đội nghĩa quân Tam Đảo mà căn cứ chính là vùng Lập Thạch, Liễn Sơn, đội nghĩa quân này, cũng thuộc Bố Giáp là người chỉ huy cả vùng Sơn Tuyên Hưng, mà Vĩnh Yên lúc ấy thuộc Sơn Tây; nghĩa quân này lấy đồng bằng Vĩnh Yên làm kho lương, nguồn binh, lấy núi Tam Đảo làm nơi thoái thủ, và hoạt động tận Hà Nội.

"Tuy rằng thời tiết còn nóng nực quá, trước khi kéo quân lên sông Hồng, phải quét vùng Tam Đảo đã, phải đánh tan những toán quân phiến loạn căn cứ ở vùng Tam Đảo mà hoạt động tận chu vi Hà Nội, Bắc Ninh, Thái Nguyên và Việt Trì"[1].

Ngày 23-6-1885, binh đoàn Muốc-lăng gồm 1.000 quân qua đánh khu Vĩnh Yên, nhất là vùng Liễn Sơn. Càn quét hàng tháng, địch không làm gì được hơn là đóng lại ở Liễn Sơn một đồn quân chơi vơi; nghĩa quân lui vào trong núi Tam Đảo, lại trở ra hoạt động khi Muốc-lăng rút về Sơn Tây.

Tháng 10, đầu thu, địch do tướng Ja-mông cầm đầu, đem 3 binh đoàn lên đánh Bố Giáp ở Than Mai. Việt Trì là hành dinh của địch. Ba binh đoàn địch là:

1. *Histoire militaire de l'I.C*, tr. 121.

https://tieulun.hopto.org

- Binh đoàn của tướng Ja-me gồm 71 sĩ quan, 2.183 lính (trong đó có 1.035 Pháp và An-giê-ri và 434 lính cơ), 2 đội đại bác;

- Binh đoàn của tướng Mu-ni-ê gồm 47 sĩ quan và 1.827 súng trong số có 698 Âu và 508 lính cơ; và 7 đội đại bác.

- Binh đoàn của quan năm Muốc-lăng gồm có 65 sĩ quan và 1.657 súng, trong đó có 1.087 Âu, A-rập và 41 lính cơ, và 2 đội đại bác.

Mỗi binh đoàn còn có một đội công binh; trên sông còn có pháo thuyền của địch cốt ngăn quân ta qua sông Thao. Như thế là để đánh Than Mai, địch huy động đến 6.000 quân và 11 đội đại bác!

Nội số quân, số súng mà địch phải huy động, sau khi quân Thanh đã rút lui rồi, đủ chứng tỏ gián tiếp lực lượng của nghĩa quân mà một phần quan trọng là nguyên binh lính của quân thứ Sơn Tây trước kia.

7-10, tướng Ja-me xuất phát từ Việt Trì đã đi qua tả ngạn sông Lô, theo tả ngạn đó rồi đến ngang Phù Ninh thì qua hữu ngạn sông Lô, để bao bọc phía bắc của vị trí Than Mai; thế là Ja-me hành quân như đậy nắp rọ lại, nghĩa quân chỉ còn ở trong 3 mặt của các sông lớn, dưới sông ấy là tàu chiến Pháp qua lại phòng ngừa, Ja-me đánh Than Mai bằng ngõ phía bắc, từ Phù Ninh, Cổ Tích.

Binh đoàn của tướng Mu-ni-ê tập trung ở Việt Trì và Cầu Đỏ, toán quân ở Cầu Đỏ cốt để ngăn lối thoát của nghĩa quân từ Than Mai qua sông Thao về núi Ba Vì; còn đại bộ phận quân của Mu-ni-ê thì tiến từ Việt Trì đến Than Mai, từ phía nam bằng đường bộ Minh-nông và bằng phà mang đại bác theo rạch Than Mai mà lên.

Binh đoàn của Muốc-lăng thì tập trung ở Nam Cường trên Hưng Hóa, hữu ngạn sông Thao; trước một chiếc cồn giữa sông Thao, cốt để bộ binh qua sông cho dễ rồi đánh vào Than Mai bằng ngõ phía tây.

Trận đánh bắt đầu từ ngày 21 liền sau khi địch qua sông Lô và sông Thao, diễn ra liên tiếp trong những ngày 22 và 23, trận lớn nhất diễn ra ở làng Tắc Sơn, thì địch mới vào tới gần vị trí Than Mai - cách sông Thao chỉ non 10 cây số. Sáng ngày 24, địch tổng công kích Than Mai, bắt đầu với một cuộc dọn đường dữ dội bằng đại bác; 3 binh đoàn địch xông vào lấy Than Mai thì thấy rằng *"quân phiến loạn đã rút ra khỏi Than Mai từ đêm rồi, không biết bằng con đường nào"*.

Bố Giáp rút quân lên phía tây bắc, về hướng Tuần Quán - Yên Bái.

Tới nay chưa gặp tài liệu đầy đủ và rõ ràng về trận Than Mai này.

b. Trận Tuần Quán. Tuần Quán là một vị trí trên sông Thao, phía dưới Yên Bái chừng vài dặm. Vào đầu năm 1886, tướng Ja-me chỉ huy 4 binh đoàn (nhỏ hơn là những binh đoàn đã đánh Than Mai) lên đánh Tuần Quán; đó là binh đoàn của quan tư Gô-đanh[1], binh đoàn của quan năm Mốt-xi-ông, binh đoàn của quan tư Bê-răng-giê[2] và binh đoàn của quan tư Mi-bi-e-lê[3]; binh đoàn thứ nhất tập trung ở Tu Mỹ (hữu ngạn sông Thao) để qua sông đánh về mặt tây và để ngăn quân ta qua sông Hồng; binh đoàn thứ hai căn cứ ở Phú Thọ, theo tả ngạn mà lên Tuần Quán; binh đoàn thứ tư căn cứ ở Yên Bình trên sông Chảy về phía đông Tuần Quán đánh qua Tuần Quán và đón đường rút về phía bắc; binh đoàn thứ ba xuất phát từ Than Mai, đi giữa 2 sông lên Tuần Quán, cốt không cho quân ta lộn ngược trở lại xuống miền Nam. Từ Phú Thọ lên Yên Bái, đường đã gần mà Yên Bình sang Yên Bái lại càng gần hơn nữa. Thế mà địch phải mất trọn một tuần vừa đi vừa đánh, ba binh đoàn 1, 2, 4 mới đến Than Quan, còn binh đoàn thứ 3, đi trong nội địa, tính một giờ không được một cây số, không đến nơi nổi. Trên đường ven sông Hồng, làng Đông Viên, Phú Thọ, trên hữu ngạn, ghi những chiến công kháng địch rực rỡ.

1. Godin.
2. Béranger.
3. Mibiellé.

https://tieulun.hopto.org

Chiếm được Tuần Quán rồi, địch đặt đồn ở Yên Bái, Trái Hút, Phố Lu, châu Văn Bàn, mãi đến 29-3-1886 địch mới lên chiếm Lào Cai.

Còn Bố Giáp thì qua sông Thao, về đóng ở vùng Rừng già giữa đường Hưng Hóa và Cẩm Khê.

c. Trận Tiên Động. Ở Tiên Động, Bố Giáp xuất quân đánh Cẩm Khê, và các đồn dọc sông của địch. Quan ba Lơ-bi-cô[1] chỉ huy đồn Cẩm Khê, nhiều lần hắn đánh bạo vào rừng già, mỗi lần đều bị thất bại.

Tháng 6 năm 1886 đích thân tướng Ja-me đem đại quân vào phố Tiên Động, nhưng nó phải rút lui. Bố Giáp lại trở về Tiên Động.

Tháng 11 năm 1886, quan tư Béc-căng[2] lại tiến công Tiên Động một lần nữa; không kết quả gì mà, trái lại, các huyện Văn Bàn, Văn Chấn đều nhất tề nổi lên theo huyện Cẩm Khê; trừ các đồn địch ra thì ngoài tầm súng đồn, cả hữu ngạn sông Thao về tay ta.

d. Trận Đèo Go và đèo Hạn Bái. Vào cuối tháng chạp năm 1886, binh đoàn địch do quan năm Bơ-rít-sô[3] gồm cả một đại đoàn càn đi quét lại hai huyện Văn Bàn và Văn Chấn. Ngày 2-1-1887, Bơ-rít-xô theo lưu vực Ngòi Vân, gặp nghĩa quân của Bố Giáp giữ Đèo Go giữa Yên Lương và Cẩm Khê gần mé sông Thao. Hai bên giao chiến kịch liệt, tên quan hai địch là Bô-đanh[4] bị trọng thương. Qua được Đèo Go, địch tiến về phía Đại Lịch, đến đèo Hạn Bái thì lại xảy ra một trận nữa. Địch vào Đại Lịch 3-1-1887 nhưng Bố Giáp đã chuyển quân đi vào lập căn cứ ở đồng Nghĩa Lộ hiểm yếu.

đ. Trận Nghĩa Lộ. Bấy giờ, thanh thế của Bố Giáp và Ngô Quang Bích lại càng cao là vì một mặt các cuộc càn quét của địch đều thất

1. Lebicot.
2. Bercand.
3. Brissaud.
4. Baudin.

bại, một mặt khác tiếp tế vũ khí ở bên ngoài lại về càng nhiều; ở vùng sông Đà, Pháp lại gặp cái nguy cơ Xiêm có thể can thiệp bằng vũ trang; vả lại Tôn Thất Thuyết không phải là không biết điều ấy để xui cho Xiêm - Pháp xung đột. Trong quyển *Histoire militaire* Pháp nói rằng vào 1887 thì "Bố Giáp vẫn tiếp tục cai trị cả vùng Thanh Hóa đạo" (tức là giữa hai sông Thao và Đà).

Vào tháng 11-1887, quan ba Phờ-ray-xin[1] toan men vào Nghĩa Lộ, nhưng chưa đi tới đâu đã bị đánh bật ra bờ sông, mỗi bước tháo lui của hắn đều bị nghĩa quân đón đánh.

Tháng 4-1888, được thêm viện binh từ Nam Kỳ ra, địch phóng một cuộc tấn công nữa vào Nghĩa Lộ bằng hai mũi: mũi phía đông bắc gồm 400 quân do quan tư Bôt-xơ[2] đi từ Ngòi Hút, mũi thứ hai gồm 384 quân do quan tư Béc-giê[3] đi từ Ngòi Lao. Bôt-xơ vào cách bờ sông 40 cây số thì đụng nghĩa quân ở một đường độc đạo, vách núi đứng sừng sững. Địch bị thiệt hại nặng, lại bị bệnh dịch tả nổi lên, phần thì mưa to, lương thực của chúng hư hỏng, Bôt-xơ phải rút quân về mang theo 20 thương binh và 15 tên ốm dịch tả (3-5-1888).

Còn mũi quân của Béc-giê vào đến đèo Hát thì bị đón đánh, hắn chiếm được đèo Hát, nhưng thám thính không thấy tin gì của Bôt-xơ, quân hắn lại bị dịch tả, và bị nghĩa quân chặn đánh từng bước một, rốt cùng, ngày 6-5-1888 hắn phải rút lui, nhưng vẫn còn đóng một toán quân mạnh ở đèo Hát (tức Đại Lịch).

Đến tháng 9-1888, quan tư Sa-pơ-lê[4] mới vào Nghĩa Lộ mà quân ta đã bỏ đi rồi; chúng lập đồn Nghĩa Lộ; song quân ta trong đó có nhiều đồng bào Mèo mà một danh nhân kháng Pháp là Đào Triển Lộc, và đồng bào Mán mà một danh nhân kháng Pháp

1. Frayssines.
2. Bose.
3. Berger.
4. Chapelet.

https://tieulun.hopto.org

là Đông Phúc Thịnh, hãy còn giữ Tú Lệ, bao vây đồn địch ở đó; tướng Bi-sô[1] ra lệnh rút đồn Tú Lệ (phía tây bắc Nghĩa Lộ); địch rút không được; quan tư Buy-kê[2] ở đèo Hát đem quân lên giải vây cho Môn[3] ở Tú Lệ, hắn bị đánh bật về Nghĩa Lộ; địch gấp rút gởi viện binh từ Yên Lương vào, từ Sơn La sang, do quan tư Buy-kê cầm đầu để vào hợp với quân của chúng ở Tú Lệ mà rút về. Lần này địch rút được sau những trận mà địch gọi là "khá nóng" trong đó tên quan ba Nóc-kê[4] bị trọng thương với nhiều lính khác (9-11). Nghĩa quân thừa thế cắt đường giao thông giữa Nghĩa Lộ và đèo Hát, theo sát lưng quân của Buy-kê đang lui. Buy-kê và Môn xuất quân từ Nghĩa Lộ để nối lại giao thông; chúng bị chặn đánh, không trở vào Nghĩa Lộ được, phải qua luôn bên đèo Hát. Nóc-kê và một số quân Pháp bị giết chết. Quan tư Gô-na[5] chỉ huy tiểu khu Yên Bái liền đem quân vào giải vây cho Buy-kê.

Địch trở lại Nghĩa Lộ (26-11-1889).

Địch tập trung nhiều quân hơn nữa từ sông Thao sang, từ sông Đà đến tất cả do quan năm Pen-nơ-canh cầm đầu; Pen-nơ-canh dùng cách khủng bố tàn nhẫn và chính sách chia rẽ dân tộc. Vả lại lúc đó là lúc Bố Giáp từ trần, nên đến tháng 12 năm 1889 địch mới đánh lui được nghĩa quân ra khỏi vùng Nghĩa Lộ.

Nghĩa Lộ là một căn cứ nổi tiếng trong lịch sử kháng Pháp của Việt Nam.

e. Một số các trận lớn khác ở vùng sông Thao, sông Đà. Còn rất nhiều trận lớn nhỏ ở vùng này, chứng tỏ cuộc kháng Pháp ở Tây Bắc thật là mãnh liệt. Không thể kể hết, chỉ kể đến một số trận khá lớn:

1. Bichot.
2. Buquet.
3. Moll.
4. Nhà xuất bản chưa tra được từ nguyên.
5. Gonard.

- Đốc Di phục kích quân Pháp ở gần đồn Bảo Yên (hạ lưu sông Đà), 18-12-1888.

- Đốc Di đem 400 quân sang đánh địch ở Lâm Thao, từ 30 đến 31-12-1888.

- 200 quân ta đánh đồn Cẩm Khê và làng Vạn Phúc gần đó, 7-1-1889.

- Trận Hoàng Lương (giữa Cẩm Khê và Văn Bàn), 17-1-1889.

- Đốc Học đánh Thanh Ba, Phú Thọ, 10-4 và 22-5-1889 ông bị tử trận.

- Đốc Cơ và Tuần Can tiêu diệt gọn đồn Đông Sơn phía dưới Chợ Bờ, từ 5 đến 6-6-1889.

- Đốc Cơ chống trận càn lớn của tướng Buốc-jê[1] từ Ba Vì lên Phương Lâm, Chợ Bờ, tháng 6-1889.

- Nghĩa quân Ba Vì chống trận càn của quan ba Đen-mốt[2], từ 23 đến 29-6; sau khi Đốc Cơ chết thì Lãnh Canh lên thay.

f. Vài trận tiêu biểu trên vùng biên giới Tây Bắc. Vùng biên giới Tây Bắc là đường tiếp tế của nghĩa quân ở sông Đà, sông Thao và cả Thanh Hóa nữa. Cho nên một mặt thì địch muốn khóa biên giới, một mặt thì ta muốn cho biên giới tự do. Nhiều trận đã xảy ra, xin kể vài trận như trận Long-po, trận Bình Lư.

Ngày 13-8-1886, quan tư Đa-ruy[3] và một toán người Pháp và người Thanh, từ Lào Cai, đi phân định ranh giới, có một đội quân Pháp bảo vệ. 5 thuyền lần mò từ Lào Cai lên Long-po. Địch bị phục kích, tên quan hai Gen[4] bị trúng đạn vỡ đầu, tên quan ba

1. Bourget.
2. Delmotte.
3. Daru.
4. Geil.

https://tieulun.hopto.org

Hăng-ri[1] bị trúng đạn vào ngực, thuyền chìm, Đa-ruy rút quân về Lào Cai. Phía bên kia, ở Móng Cái, địch cũng bị một vố nặng bằng mấy lần hơn trận Long-po, khi chúng đi phân định ranh giới giữa Hải Ninh và Quảng Đông.

Trận Bình Lư là một trong những trận đánh giữa Điêu Văn Trì và Pháp. Lúc ấy Điêu Văn Trì ở dưới quyền điều khiển của Bố Giáp và Ngô Quang Bích. Bình Lư là một vị trí chiến lược nằm trên đường đi từ Lào Cai sang Lai Châu, và từ Phòng Tô đi Than Uyên trên một con suối tên là Nam Mê. Vùng này thì Điêu Văn Trì và Quan Phong (ở Dương Quỳ) tranh nhau. Quan Phong liên kết với Pháp, Điêu Văn Trì liên kết với Bố Giáp. Quan ba Ô-li-vi-ê[2] và Quan Phong đem 500 quân đánh lấy Bình Lư sau một ngày chiến đấu (6-11-1886); địch thiệt hại 31 tên, trong đó có tên quan ba Ja-nê[3] và quan hai Bơ-rít-xơ[4].

Điêu Văn Trì lại còn chống Pháp ở Lương Tiên, Than Qui, Mường Po, Sa Pa; bị binh đoàn Pen-lơ-chi-ê càn quét quá, Trì kéo quân về Lai Châu. Về Lai Châu ít năm thì ở đây Trì gặp phải sự tấn công về chính trị của quan tư Pen-nơ-canh và Pa-vi.

Pa-vi thương thuyết làm cho toán quân Xiêm dưới quyền của tướng Phia Su-rĩ-sạt[5] đóng ở Điện Biên rút lui; Pháp từ đó hành động tự do hơn trước ở khắp vùng 12 châu Thái (cuối 1888). Pa-vi lại thương thuyết với Điêu Văn Trì từ tháng 11-1888. Pháp lấy bớt đất của Quan Phong, không cho Quan Phong cai trị đến sông Đà nữa, đem những vùng sông Đà đó về cho Trì. Trì muốn yên thân lại đầu hàng Pháp, đuổi quân Cờ Đen về phía bên kia biên giới (tháng 3-1890).

1. Henri.
2. Olivier.
3. Nhà xuất bản chưa tra được từ nguyên.
4. Nhà xuất bản chưa tra được từ nguyên.
5. Nhà xuất bản chưa tra được từ nguyên.

3. Nguyễn Văn Giáp và Ngô Quang Bích, hai nhà ái quốc lớn của phong trào Cần vương

Kể lại những chiến công của nghĩa quân miền Tây Bắc Bắc Kỳ, luôn một số trong những chiến công của nghĩa quân Vĩnh Yên, Sơn Tây, chính là kể công lao đối với tổ quốc của ông Nguyễn Văn Giáp, và các đồng đội. Cụ chết vào năm Hàm Nghi thứ 3, tức năm 1887. Trước một số đông anh em đồng sự: đề đốc, lãnh binh, tán tương, thương biện, cụ Ngô Quang Bích vừa ở nước Thanh về, có đọc một bài ai điếu rất lâm ly thống thiết:

"Ôi than ôi!
Anh hùng đâu vắng?
Cây ngọc chôn vùi!
Mây trời ảm đạm,
Cảm niệm ngậm ngùi!
Nhớ Tướng công xưa:
Danh lưu khoa bảng,
Giá đáng ngọc lành,
Dân nhờ đức chính,
Vua ban sủng vinh.
Gặp cơn binh lửa,
Báo ân triều đình,
Đưa quân Cần vương,
Thề quyết tử sinh,
Cử hiểm chống giặc,
Hội nghị đồng tình.
Nào ngờ lâm bệnh.
Thời vận lênh đênh.
Phải về sơn phận
Điều dưỡng bệnh tình

https://tieulun.hopto.org

Vừa tan trận giặc
Đã mờ tướng tinh.
Than ôi!
Âm u gió bắc
Mù mịt phương trời,
Con thơ của Ngài
Kêu khóc trong nôi,
Linh cữu của Ngài,
Tiễn đưa vài người.
Kẻ còn người mất,
Thế sự đầy vơi,
Chiến trường ai nỡ?
Thảm kịch ai bày?
Nhiều người hèn nhát
Nước dạt sóng dồi,
Chỉ huy Tướng công,
Sẵn có tướng tài,
Trung hưng danh tướng.
Khấu Đặng sánh vai[1].
Địch khó làm hại,
Quỹ có làm tài,
Ghét thay số mạng,
Giấc mộng yên bài
Than ôi!
Kinh duy Tướng công
Hồn về thiên cảnh
Tiếng nổi Nam bang.
Khí tiết của Ngài,

1. Khấu Tuân và Đặng Vũ, hai danh tướng của Quang Vũ nhà Hán: triều Hán mất, hai ông giúp Quang Vũ khôi phục cơ đồ, đương thời gọi là Trung Hưng danh tướng.

Đầy lấp giang san,
Trinh trung của Ngài,
Gió tràn sấm vang.
Quốc thù còn lại,
Di hận chưa tan,
Xin giúp tướng sĩ,
Giết quân Pháp lang.
Mùa đông tháng một,
Hoa mai đầy ngàn
Rượu hòa nước mắt,
Khóc tế suối vàng[1].

Vùng Sơn Tuyên Hưng, lúc bấy giờ, Pháp sợ nhất là Bố Giáp, và sau đó, trong giai đoạn thứ hai, chúng sợ nhất là Đốc Ngữ trên hạ lưu sông Đà.

* * *

Trong thời gian kháng Pháp từ 1885 đến 1890, nên kể đến công trạng của cụ Ngô Quang Bích người đã ít hay nhiều thống nhất chỉ đạo phong trào Cần vương ở miền Bắc.

Cụ họ Ngô, họ kép là Nguyễn, húy Quang Bích, tự Hàm Huy, biệt hiệu là Ngư Phong, sinh ở xã Trình Phố, phủ Kiến Xương. 30 tuổi, thi hội, cụ trúng ba trường nhưng không đi làm quan mà về nhà dạy học, chủ trương cho dân khai cống, ngăn mặn đón ngọt, làm ruộng hai mùa. Năm 38 tuổi thi đình, cụ đỗ đệ nhị giáp tiến sĩ, đệ nhất danh, đình nguyên, được bổ Tri phủ Lâm Thao; công trạng đầu tiên là làm vắng cướp bóc, được thăng Án sát Sơn Tây, cụ được dân gọi là Phật sống. Lúc Lưu Vĩnh Phúc liên lạc với cụ, được cụ tiến cử làm Bảo thắng phòng ngự sứ. Lưu kính Ngô như thầy. Chính cụ tiến cử Lưu về giết Gác-nhê ở Cầu Giấy.

1. Dịch giả: Kiều Hữu Hỷ.

https://tieulun.hopto.org

Sau đó Quang Bích về kinh, đi trấn nhậm Bình Định, rồi lại trở ra làm sơn phòng chánh sứ Hưng Hóa. Cụ lập căn cứ Thục Luyện. Khi Sơn Tây thất thủ, Viêm góp vàng bạc về Huế, cụ ở lại Hưng Hóa. Cụ lập căn cứ vào huyện Cẩm Khê, được Bố Giáp từ Lâm Thao sang hiệp lực. Hàm Nghi phong cụ làm "Hiệp thống Bắc Kỳ quân vụ đại thần Thuần trung tướng Nguyễn", cho cụ có đặc quyền trên cả đất Bắc, văn từ tham tán, võ từ đề đốc, ngài được liệu nghi lục dụng.

Pháp sai ngụy Bố chính Hưng Hóa là Bùi Quang Thích và ngụy Tri phủ Lâm Thao là Nguyễn Khái Hợp lần lượt đến dụ hàng, mong được cụ giải quân, hoặc ra làm quan, hoặc trở về làng, Pháp hứa cấp hậu bổng. Quang Bích trả lời cho Pháp:

"Hiệp thống Bắc Kỳ quân vụ đại thần, thuần trung tướng Nguyễn đáp thơ"[1]:

... Cái nước nghìn vạn y quan lễ nhạc hầu hết thành của Pháp rồi. Lũ tôi không tự lượng sức, lấy hơn trăm thân sĩ với mấy nghìn quân mệt mà cùng với quý quốc đi tìm nhau trong chiến đấu, thật chẳng ngụy ư? Duy nghĩ cái nghĩa vua tôi đứng trong trời đất, cái phận hoa di chia nghiêm ngặt như sông Kinh núi Vị, lũ tôi không dám quên thân, cũng chỉ là quyết giữ cái danh nghĩa ấy thôi. Khi quý quốc gần đây, một rằng hòa hảo, hai rằng bảo hộ, thế rồi chiếm thành trì của ta, đuổi vua tướng của ta, lại tự quyền lập vua Đồng Khánh, chẳng qua là kế bịt tai trộm chuông, còn lợi quyền chính trị đều về tay quý quốc nắm cả, văn thần võ sĩ đều bị quý quốc trói buộc. Ôi! Còn lòng nào nữa? Gọi là hòa hảo, gọi là bảo hộ, lại có như thế ư? Đem đảng làm càn, ai là kẻ đúng hơn? Giả sử một nước lớn khác đến kinh lý quý quốc cũng như quý quốc đã làm ở nước chúng tôi, thì quý quốc cũng cứ nghe theo họ ư? Hay là cũng nghĩa kích ở lòng, giận lộ ra mặt, cũng làm như là chúng tôi đang làm? Mong rằng bình tâm nhẫn khí, đem cả họ mà về, phục Hàm Nghi ta, trả lại thành trì ta, khiến cho vua và dân ta được yên hòa nhà nước của mình mà quý quốc lại thông thương như cũ, há chẳng vĩ đại ư?

Còn nếu không như thế thì quý quốc cậy về sở trường, lũ chúng tôi cũng không chịu bỏ sở đoản của mình. May ra mà thắng, mà sống, thì là nghĩa sĩ của triều đình; chẳng may mà thua, mà chết, thì còn được là quỷ mạnh giết giặc. Thà chịu tội với quý quốc, quyết không dám chịu tội với vua ta. Thà chịu tội ở nhất thời, quyết không dám chịu tội với vạn thế. Một chữ "thú" xin chớ nói lại nữa. Muôn cam chết, chớ nên khuyên bừa! Quý quốc tự mưu cho".

Lời lẽ vừa thanh bai, vừa hùng tráng, tiêu biểu ý chí bất khuất của dân tộc Việt đứng trước sức mạnh của cường bạo Pháp.

Giặc Pháp bắt mẹ cụ bỏ tù, mong làm như thế thì cụ vì chữ hiếu mà gác bỏ chữ trung; nhưng không, cụ vẫn nuốt nước mắt mà tiếp tục kháng Pháp! Mẹ cụ không bảo con ra hàng, tỏ lòng ái quốc của người đàn bà Việt.

Cụ hai lần phụng chỉ mang quốc thơ sang Vân Nam cầu viện. Cụ trực tiếp nhận được của người Trung Quốc 600 khẩu súng, 60 hòm đạn, 2.000 cân á phiện để bán lấy tiền làm tổn phí nuôi quân.

Cụ lập căn cứ lớn ở Văn Chấn, làm kế lâu dài, có Bố Giáp, Đề Kiều, Đề Mạc, Lãnh binh Vương Văn Doãn xung quanh cụ. Gần thì đồng bào Thổ, Mường, Mèo, Mán quy tụ về cụ; xa thì có Đề Cương, Đề Cơ ở Sơn Tây; Đề Vân, Đề Vinh ở Bắc Ninh, Đề Vũ ở Nam Định; Đề Nhượng, Đề Quảng ở Thái Bình, Tán Thuật ở Hải Dương, Nguyễn Tử Ngôn ở Ninh Bình, tán tương Nguyễn (?) ở Bất Đạt, các đạo đi về tư báo như mắc cửi. Ở vùng căn cứ, có Lãnh binh Vương Văn Doãn là mãnh tướng lập được nhiều chiến công nhất. Văn Chấn thất thủ, cụ về lập căn cứ ở Yên Lập: lúc này Hiệp thống đại thần Nguyễn Văn Giáp mất. Đến 1890, cụ Quang Bích cũng mất. Các tướng sĩ như Đề Kiều, Đốc Ngữ, Đề Dị, Đề Thành tiếp tục sự nghiệp của hai cụ.

1. Tài liệu của Tổ sử Việt Nam Cận đại.

https://tieulun.hopto.org

III. NHỮNG NÉT LỚN CỦA CUỘC KHÁNG PHÁP Ở VÙNG ĐÔNG BẮC VÀ BẮC BẮC KỲ TỪ 1885 ĐẾN 1889

1. Trên ven biển. Địch đã đem quân thẳng ra Móng Cái, nhưng cuối tháng 11 năm 1855, trong một trận đánh lớn, nghĩa quân Thiên địa hội chiếm lại Móng Cái và tiêu diệt phái đoàn Hai-xơ[1] của địch. Đảo Cát Bà và Tiên Yên thì từ tháng giêng đến tháng 7 năm 1886, sư đoàn hải quân địch do Bô Mông[2] cầm đầu lần lượt chiếm cứ. Đến tháng chạp 1886 thì binh đoàn Duy-gien-nơ chiếm Móng Cái. Tên quan tư Xéc-vi-e đã lập đồn Đồng Bụt và mãi về đến 1888 tháng giêng chúng mới xây đồn Đình Lập để kiểm soát đường Lạng Sơn ra Tiên Yên. Vùng duyên hải từ Đông Triều đến Móng Cái luôn luôn là một vùng kháng Pháp mạnh mẽ.

2. Trên đường Phủ Lạng Thương - Lạng Sơn. Thì đến tháng chạp năm 1885 địch còn ở trong tỉnh Bắc Giang. Mãi đến ngày 18-12-1885 binh đoàn Xéc-vi-e mới chiếm Lạng Sơn. Và từ Lạng Sơn, địch tiến qua tây bắc, dọc theo biên giới cho đến Bảo Lạc trên thượng lưu sông Gâm; cuộc tiến chiếm của địch từ Lạng Sơn đến Bảo Lạc có 3 giai đoạn:

- Xéc-vi-e chiếm Đồng Đăng (20-12-1885) và Thất Khê (23-12-1885).

- Tướng Măng-xi-ê[3] đem cả một binh đoàn từ Lạng Sơn sang chiếm Cao Bằng (30-12-1886), rồi rất lâu về sau mới lập được các đồn Nước Hai, Mỏ Sắt, Trà Linh (tháng giêng 1887), đồn Phú Hòa (tháng 7-1887) và Trùng Khánh phủ (tháng 10-1887).

- Năm 1887, tháng 12 từ Mô-xát[4], quan năm Xéc-vi-e đến lập đồn ở Bảo Lạc, Bắc Mê và xuống vùng Ba Bể, trong lúc đó thì một

1. Nhà xuất bản chưa tra được từ nguyên.
2. Beaumont.
3. Nhà xuất bản chưa tra được từ nguyên.
4. Nhà xuất bản chưa tra được từ nguyên.

binh đoàn do Mi-sô[1] cầm đầu đi từ Chiêm Hóa cũng qua Ba Bể. Cả 2 binh đoàn địch đều trở lại căn cứ, không đóng quân được ở Ba Bể.

3. Trên đường Thái Nguyên - Cao Bằng. Theo lưu vực sông Cầu thì, mãi đến tháng 12 năm 1885, một binh đoàn địch do Muốc-lăng cầm đầu mới lên lập đồn được ở xã Hùng Sơn (Đại Từ). Nhưng, cứ theo lời của một võ quan Pháp có tham gia chiến trường lúc đó thì:

"Lập đồn Hùng Sơn này, cũng như bao nhiêu cuộc càn quét sau đó, đều không thể làm sao cho vùng núi Tam Đảo không còn là bàn đạp để cho các đám giặc cướp ở Chợ Chu, Chợ Mới căn cứ vào đó mà xuống đánh phá đồng bằng; muốn đuổi họ, phải có một sự nỗ lực lớn"[2].

Từ 1886 đến 1888, trong ba năm trường địch ở Thái Nguyên không lan ra được. Mãi đến 1889, ngày 17 tháng giêng, binh đoàn Bót-nhi Đề-bót[3] mới lên chiếm được Chợ Mới, và chiếm Chợ Chu ngày 2-2-1889. Thủ lĩnh Chợ Mới là Bá Kỳ rút vào Kẻ Thượng, còn thủ lĩnh Chợ Chu là Lương Tam Kỳ rút vào Linh Đàm. Địch trả Chợ Chu lại cho Lương Tam Kỳ (1890). Từ 1885 đến 1890 thì Bá Kỳ và Lương Tam Kỳ chống Pháp: còn từ 1890 đến 1895 thì Pháp cố giảng hòa với hai người ấy để cho họ chiếm cứ và ở yên một vùng, đặng chúng rảnh tay đánh phá nơi khác, đến 1895 địch sẽ tấn công tại vùng Bá Kỳ.

4. Trên đường sông Lô lên Hà Giang. Thì đến khi Trung - Pháp chiến tranh chấm dứt, địch mới chiếm đến thành Tuyên thôi.

Tháng 5 năm 1886, binh đoàn của quan tư Béc-gu-nhu[4] lên chiếm Bắc Mục, Vĩnh Tuy, Chiêm Hóa. Tháng 10-1886 địch chiếm Bắc Quang. Mãi đến 1-9-1887 địch mới chiếm được Hà Giang.

1. Nhà xuất bản chưa tra được từ nguyên.
2. Chabrol, *Les Opérations du Tonkin*, tr. 38.
3. Borgnis Desbordes.
4. Bergounioux.

https://tieulun.hopto.org

Vì phía tây sông Lô, địch lập đồn Yên Bình xã vào tháng 9-1887, nhưng rồi phải nhổ đi, không ở nổi, mãi đến 1893 chúng mới lập lại được.

Như thế, chúng ta thấy rằng đến 1889 - 1890, đại bộ phận vùng Bắc và Đông Bắc vẫn còn tự do, địch tiến lên rất chậm, rất vất vả và chỉ lập được một số ít cứ điểm cheo leo, các cứ điểm đó không kiểm soát được xung quanh, càng không kiểm soát được biên giới rộng lớn và hiểm yếu.

5. Đặc điểm của quân kháng Pháp ở vùng Bắc và Đông Bắc. Đặc điểm của quân kháng Pháp trong những vùng này là: ở vào phía trung du thì đa số các đạo nghĩa quân là người Kinh, ví dụ nghĩa quân của Hoàng Đình Kinh ở miền Bắc Giang; tuy nhiên, vẫn có người Trung Quốc cũng cộng tác chống giặc, ví như Lưu Kỳ ở vùng Đông Triều, cùng hợp tác với Đốc Tít, trong quân của Lưu Kỳ vừa có người Kinh, người Trung Quốc và đồng bào thiểu số Nùng. Về trên gần biên giới, thì hai bên biên giới, nói chung là một chủng tộc, người Thổ, người Nùng. Các quan ta ở Cao Bằng, Lạng Sơn chiêu mộ bất cứ ai muốn cầm súng đánh Pháp, người Việt, người Trung Quốc bất luận. Có một số quân người Trung Quốc, căn cứ bên kia biên giới, qua lại biên giới, đánh một trận, vài trận lại về. Lại có những thổ hào địa phương, người Thổ, người Mán, người Mèo, v.v... chống Pháp, để tự vệ, ví như Hà Cốc Thượng; hay có những người Trung Quốc sang từ lâu, chiếm cứ một vùng, như Lương Tam Kỳ. Chưa thấy có tài liệu gì để chứng minh rằng các vùng kháng Pháp ở đông bắc có sự chỉ huy thống nhất, nhưng điều chắc chắn là vùng này liên hệ với các vùng lân cận, ủng hộ nhau, chuyển nhau những vũ khí đạn dược từ ngoài về và chuyển nhau những tiền bạc, trâu bò, nông lâm sản đem ra bán bên ngoài biên giới để mua lấy vũ khí. Hầu hết các tướng lĩnh các vùng đều có sự liên lạc với Tôn Thất Thuyết.

6. Những trận quan trọng ở các vùng núi đông bắc

a. Vùng Móng Cái. Từ ngày hắn ra Móng Cái để cùng với đại biểu Thanh quy định biên giới thì tên Hai-xơ và tên quan hai Bốt-tin[1] đã được cha Gơ-rang Pi-e[2] cho biết rằng nhân dân vùng này đang vận động khởi nghĩa. Vùng này có một tổ chức quần chúng đông đảo và bí mật là Thiên địa hội. Thiên địa hội phát tuyên ngôn chống Pháp. Đêm 24 rạng 25 tháng 11-1885, gần 2.000 nghĩa quân đồng thời công phá thành Móng Cái và trụ sở của tên Hai-xơ; tên này chạy thoát vào thành. Cuộc công phá thành Móng Cái tiếp tục ngày đêm trọn mấy bữa 25, 26 và 27. Ngày 27 quân Pháp trong thành hết đạn dược, và chết đi còn có 23 tên thôi; chúng mở cửa nam chạy về phía sông Thác Mang. Nghĩa quân một mặt chiếm thành, một mặt đuổi địch. Địch chạy nhào xuống sông chết đuối nhiều; bọn Hai-xơ vừa leo lên bờ thì nghĩa quân cũng qua tới. Hai-xơ bị bắt, quân địch bị tiêu diệt hoàn toàn.

Lúc nghĩa quân công phá Móng Cái thì quan hai Bốt-tin cùng với một đội quân đi do thám ở vùng Pao-lung; nghe Móng Cái bị đánh, hắn quay về, bị 400 nghĩa quân phục kích đánh tơi bời.

Đến tháng 12 năm 1886, binh đoàn Đuy-gien-nơ ra chiếm lại Móng Cái. 29-12-1888 nghĩa quân lại tiêu diệt một đồn địch gần thành rồi lại phá Móng Cái một lần nữa. Suốt thu đông 1888 - 1889, binh đoàn của quan tư Bô-đa càn đi quét lại mãi từ núi Tiên Yên ra Đông Hưng, nhưng không bình định nổi. Đến 1892 địch đưa nhiều binh đoàn đến vùng Móng Cái nữa.

b. Vùng Lạng Sơn. Mẫu Sơn và Pô-mu là căn cứ quan trọng của nghĩa quân, cũng là vùng của nghĩa quân qua lại biên giới để vận tải súng đạn. Năm 1886, tháng 7, quan năm Sé-vi-e lên càn quét vùng này. Vì Lạng Sơn là nơi tập trung nhiều quân địch, và bọn

1. Nhà xuất bản chưa tra được từ nguyên.
2. Grandpierre.

https://tieulun.hopto.org

Pháp với quân Thanh ở Long Châu cộng tác với nhau nên lúc này ở Lạng Sơn không có trận nào quan trọng lắm; ngược lại, ở Cao Bằng thì chiến sự luôn luôn kịch liệt.

c. Vùng Cao Bằng. Ở Cao Bằng thì cho đến 1887, nghĩa quân còn làm chủ đồng bằng. Đến đầu 1888, ta thất thế, lui về giữa vùng núi Ba Châu, Lục Khu và Ngân Sơn. Nhưng cuối 1888, thì Tôn Thất Thuyết khuấy lại phong trào ở Cao Bằng, nghĩa quân từ Lục Khu, Ba Châu xuống chiếm lại đồng bằng, lập căn cứ đại đồn ở Cảnh Biên và Ân Lai chỉ cách Cao Bằng có mấy dặm về phía tây bắc mà thôi. Năm 1889, địch phản công mạnh, nghĩa quân bị chúng đánh lui về Lục Khu, Ba Châu, hai nơi này cũng bị công phá. Nhưng ta sẽ thấy nghĩa quân sẽ tổng phản công lại vào năm 1890, rồi vào năm 1892, rồi lại vào năm1894.

Ở Cao Bằng, những trận đánh lớn nhỏ cho đến 1889 - 1890 thì có hằng mấy trăm; không có những trận lớn, nhưng trận nhỏ thì vô số, địch tổn thất nay một ít mai một ít, nhiều ngày cộng lại thêm nhiều; ví dụ 2 tháng cuối ở một nơi phía bắc của tỉnh Cao Bằng thì địch còn ghi lại như sau: đoàn quân của tên quan ba Lơ-moan[1] đi từ Cao Bằng đến Nguyên Bình thì bị 80 súng ta đón đánh ở Ta-sa[2] trong 2 giờ; cũng vào đầu tháng 10 ta đánh Bô-gai[3], quan tư U-đơ-ri[4] lên cứu viện, đến Lủng Sun hắn bị đón đánh; 30-10, ở Hà Lang, quan tư Đa-vy[5] bị giết; tháng 11, ta tiến gần Mô-xát, U-đơ-ri đem quân cản trở, bị ta phục kích, quan hai Cát-tai-nhê[6] bị tử thương, U-đơ-ri bỏ chạy.

d. Vùng Bắc Sơn. Hoàng Đình Kinh căn cứ vào vùng núi Bắc Sơn mà kiểm soát con đường Phủ Lạng Thương đi Lạng Sơn; trên

1. Lemoine.
2. Nhà xuất bản chưa tra được từ nguyên.
3. Nhà xuất bản chưa tra được từ nguyên.
4. Oudri.
5. Nhà xuất bản chưa tra được từ nguyên.
6. Castaigner.

đường huyết mạch đó, địch không bao giờ đi về một cách yên ổn cả. Năm 1886, Cai Kinh dẫn 400 nghĩa quân ra vây đánh đồn Thanh Muội (31-5), địch phải đem quân tiếp viện từ Lạng Sơn về mới giải vây được. Cai Kinh cũng thường phát binh về đánh địch ở vùng bắc Phủ Lạng Thương. Địch cho rằng căn cứ của Cai Kinh là vùng hiểm yếu không thể vào được; cho nên chúng lập đồn xung quanh để bao vây, nhất là lập các đồn Võ Nhai, Mộ Ngải, Phố Bình Gia, Hương Giao để cản trở sự liên lạc của Cai Kinh với biên giới; rồi từ Lạng Sơn, Thất Khê, Tin Đạo và Thái Nguyên, chúng đem quân vào đánh phá vùng căn cứ Bắc Sơn. Chính trong cuộc đánh phá này quan năm Đuy-gien-nơ đã nổi tiếng tàn bạo bị chết vào tháng 12 năm 1887. Đến tháng 7 năm 1888 thì Cai Kinh bị địch phục kích khi ông đi sang biên giới; ông bị địch bắt và xử tử ngày 6 tháng 7. Cai Kinh chết nhưng đến 1898, địch vẫn phải nhận rằng:

"Con đường đi Lạng Sơn trên Kép không yên toàn chút nào cả". Dân trong vùng cảm mến nhà ái quốc đặt tên dải núi mà ông thường trú là dải núi Cai Kinh.

đ. Vùng Thái Nguyên, Bắc Cạn. Năm 1886, tháng 10, địch từ đồn Hùng Sơn vào Tam Đảo, đến làng Vạn Yên, bị 600 nghĩa quân (với 400 súng bắn mau) đón đánh suốt 4 giờ, địch thiệt hại nặng, trong số đó có quan hai Mơ-nhê[1]; địch thoái lui; mãi đến 1887 địch mới trở lại Vạn Yên và lần này chúng lập đồn Yên Rã trên sông Công. Cũng vào thu 1886, nhiều địch từ Tuyên Quang đi thám thính những đường đi qua Chợ Chu; ngày 26-10 nghĩa quân 450 súng đánh với 170 địch tại thung lũng Chợ Chu, địch chạy về sông Đáy, bị phục kích hằng ngày. Mãi đến 1889, sau hai năm không mon men đến thì địch mới trở lại công phá vùng Chợ Chu, Chợ Mới; ngày 12-1-1889, 1.000 quân địch và 1.200 người vận tải tập trung ở Thái Nguyên dưới quyền chỉ huy của tướng Bót-nhi Đề-bót, để kéo lên đánh Chợ Mới (Chợ Mới lúc bấy giờ do quân

1. Nhà xuất bản chưa tra được từ nguyên.

https://tieulun.hopto.org

của Bá Kỳ đóng giữ) và Chợ Chu (do Lương Tam Kỳ đóng giữ). Ngày 13-1-1889 địch xuất phát và 3 ngày sau chúng đến gần Bảng Ninh, vị trí phòng thủ thứ nhất cách Chợ Mới 6 cây số. Cuộc chiến đấu bắt đầu, quân của Bá Kỳ núp bên đường hiểm yếu mà tỉa địch. Địch 2 lần xung phong vào căn cứ Chợ Mới, 2 lần bị đánh bật ra, tất cả các sĩ quan đi đầu của địch đều bị thương hay bị chết khi chúng lôi binh lính của chúng qua con sông dưới vách thành Chợ Mới. Địch xin thêm tiếp viện từ Thái lên, nghĩa quân chặn đánh quân tiếp viện ấy. Đến lần xung phong thứ 3, địch vào được làng Chợ Mới thì làng đã ra tro rồi; lính địch chết 23, bị thương 74, quan ba Gác-đe[1] bỏ mạng, 7 sĩ quan bị trọng thương.

Địch để gần 500 quân giữ Chợ Mới, còn 500 quân nữa thì kéo lên Chợ Chu; đường sá hiểm trở, bị đánh bất ngờ luôn, những người dắt đường lại cố ý dắt sai đường, nên Đề-bót phải lộn ngược về Chợ Mới. Đường tiếp tế bị cắt mãi; Đề-bót phải rút số đông quân Pháp về Thái Nguyên để chuẩn bị một cuộc tấn công khác.

Lần này, Đề-bót lấy Hùng Sơn làm chỗ tập trung đại quân để đánh Chợ Chu từ phía nam theo con đường Quán Thông, Quán Nạp chớ không theo đường sông Cầu Chợ Mới nữa; hắn đồng thời phái 200 quân từ Chiêm Hóa sang đông để làm như là công kích Chợ Chu bằng hướng tây bắc. Địch toan bắt 1.200 phu vận tải; dân các làng trốn tránh, vả lại đã sắp tết rồi, trầy trật lắm mới bắt được phu. Lần này số quân địch có 37 sĩ quan, 779 Pháp và 278 lính cơ. Địch từ Chiêm Hóa cũng xuất phát và đồn địch Đồng Trâu trên sông Đáy cũng hoạt động để bảo vệ hông phía tả của tướng Đề-bót.

Lên đến Quán Thông thì địch bị đón đánh ngay (29-1-1889). Đề-bót gửi thơ cho Lương Tam Kỳ để dụ hàng; Lương Tam Kỳ đặt điều kiện là quân Pháp trước hãy rút lui về Thái Nguyên. Đề-bót cứ tiến quân. Cuộc kháng cự của Lương Tam Kỳ yếu ớt, Lương

1. Gardère.

rút khỏi Chợ Chu mà không đem đi hết các kho thóc, để địch bắt được trong lúc chúng đang đói; Lương Tam Kỳ không ngờ rằng địch tấn công bằng ngả Quán Thông - Quán Nạp, mà tưởng là địch sẽ đi từ Chợ Mới vào, nên chỉ lo phòng thủ ở đường ấy. Song sự thất bại của Lương Tam Kỳ chủ yếu là ở thái độ không cương quyết của va, đối với Pháp. Địch lập đồn Chợ Chu, rồi phần lớn rút về Thái Nguyên.

Chợ Mới, Chợ Chu bị chiếm, nhưng hai đồn địch chơi vơi giữa rừng núi, đã không cai trị được dân, mà lại bị bao vây công kích luôn, tiếp tế rất vất vả.

e. Vùng sông Lô. (Tuyên Quang, Hà Giang). Không có chiến cuộc quan trọng lắm, vì địch không hoạt động nhiều như là ở đông bắc và ở tây bắc. Từ 1890 trở đi thì phong trào kháng Pháp ở vùng này mới lên cao tương tự như phong trào của Đốc Ngữ ở Hưng Hóa, Hòa Bình.

IV. PHONG TRÀO KHÁNG PHÁP Ở ĐỒNG BẰNG VÀ TRUNG DU BẮC KỲ TỪ 1885 ĐẾN 1889 - 1890

1. Diễn biến chung của tình hình kháng chiến ở đồng bằng

Nói đến phong trào Cần vương ở đồng bằng Bắc Kỳ trong giai đoạn này thì mọi người đều nghĩ ngay đến khởi nghĩa Bãi Sậy. Có khởi nghĩa Bãi Sậy thật; nhưng Bãi Sậy chỉ là một phần của đồng bằng, mà cả đồng bằng đều nổi dậy chớ không riêng gì Bãi Sậy; vả lại Bãi Sậy không phải là một cứ điểm chủ yếu mà chỉ là một nơi tạm trú của nghĩa quân của một vài huyện khi bị càn quét mạnh quá; xét cho đúng thì trong các tỉnh miền đồng bằng có Hải Dương là tỉnh kháng Pháp mạnh nhất, mà trong Hải Dương thì trung tâm kháng chiến kiên cố nhất lại là Đông Triều. Nhìn chung sự diễn biến của cuộc tổng khởi nghĩa đồng bằng thì chúng ta thấy rằng:

https://tieulun.hopto.org

"Hồi tháng 6 năm 1885, cuộc khởi nghĩa của dân chúng miền đồng bằng là đều khắp mọi nơi"[1].

Năm 1885 ấy, 5 binh đoàn lớn của địch càn quét rất dữ khắp các nơi. Cho nên đến 1886 thì phong trào ở các tỉnh đồng bằng có xuống, trừ cái hình tứ giác giữa sông Hồng Hà, sông Thái Bình, sông Luộc và sông Đuống, đặc biệt là vùng Bãi Sậy của Tán Thuật. Từ tháng 2 năm 1886 đến tháng 2 năm 1887, địch phóng ra trên hình tứ giác hẹp ấy tới 4 binh đoàn (Rouchaud và Fouquet, Bellemare và Buzinet Pyot); đến 1887 này thì Bãi Sậy trong căn bản bị gẫy. Trong vùng giữa 4 sông đó thì chỉ còn có xung quanh Hải Dương là nghĩa quân đấu tranh mạnh, căn cứ vào Đông Triều (Đốc Tít). Năm 1888 phong trào lại lên; Đội Văn xuất hiện, chiến đấu mãnh liệt nhất là ở vùng sông Đuống, Pháp phải phóng ra liên tiếp ba binh đoàn (Sitzer, Montguillot và Servière) trong ba tháng cuối năm để đánh Đội Văn. Đến tháng 2 năm 1889, lúc này các đội nghĩa quân lớn ở đồng bằng phần lớn đã tan rã thành những toán nhỏ trừ Hải Dương và Bắc Ninh, địch bắt đầu thi hành một chính sách "bình định" mới, là rút bớt những binh đoàn lưu động ở các tỉnh mà giao nhiều quyền đàn áp cho quan thực dân và quan Nam triều, ở các tỉnh, ví như giao quyền đàn áp Đốc Tít và Đội Văn cho tên Tổng đốc Hoàng Cao Khải; lẽ tất nhiên là bao giờ các đội quân lớn người Âu cũng sẵn sàng để tiếp tay cho lính cơ của bọn quan Nam triều, nhất là khi bọn này bị nghĩa quân đánh bại. Đến tháng 5-1889 và tháng 6-1889 thì Đội Văn và Đốc Tít bị bắt. Tạ Hiện đã bị giết và Tán Thuật đã vượt qua biên giới rồi. Từ đó, đồng bằng sẽ không có cách khởi nghĩa nào lớn lắm, mặc dầu rằng tình hình khởi nghĩa chung vẫn chưa tắt, cho đến 1891, La-nét-săn sẽ còn phải nói rằng: *"cái gì thống trị ở vùng đồng bằng đầu năm 1891, đó là quân khởi nghĩa"*.

1. Chabrol, *Les Opérations du Tonkin*.

2. Khởi nghĩa Hải Dương (Bãi Sậy, Đông Triều, sông Đuống) Tán Thuật, Đốc Tít, Đội Văn

1885. Ở vùng từ sông Luộc trở ra bể và từ sông Thái Bình xuống tới Nam Định, cuộc khởi nghĩa nhân dân do Đề đốc Tạ Hiện chỉ huy. Hai tháng 11 và 12-1885, địch đem 10 đại đội bộ binh, hai trung đội pháo binh, một đoàn thuyền máy và vài chiếc phóng ngư lội hạm, tất cả do tướng Mu-ni-ê[1] cầm đầu chia ra làm 3 đạo để càn quét, đốt phá làng mạc. Trước số bộ binh và thủy quân địch mạnh, nghĩa quân không giáp chiến trận nào lớn, chỉ lẻ tẻ chiến đấu.

Bãi Sậy thì có Tán Thuật. Nguyên giữa các huyện Văn Giang, Khoái Châu và Mỹ Hòa (bây giờ thuộc tỉnh Hưng Yên, ngày đó Hưng Yên thuộc tỉnh Hải Dương) là một rừng sậy hoang vu, lầy lội. Trước thì Bãi Sậy là sào huyệt của kẻ cướp; từ 1883 - 1884, Bãi Sậy trở thành một địa điểm an toàn của nghĩa quân kháng Pháp, để nghĩa quân có thể xuất phát từ đó mà đánh Hải Dương, Bắc Ninh, Hà Nội, và khi thua có thể rút vào đó mà địch thì không có đường vào lối ra.

Tán Thuật đã cùng với quân Thanh kháng Pháp từ lâu nay, nay khi Pháp - Thanh ký hòa ước thì Nguyễn Thiện Thuật trở về quê mình (Hưng Yên, huyện Mỹ Hào, làng Xuân Dục) để tổ chức kháng chiến, liên lạc với Tạ Hiện ở Thái Bình và Đốc Tít ở Đông Triều.

Tướng Nê-gơ-ri-ê cầm đầu quân xuống Hưng Yên, tàn sát vô cùng dã man, bắn người ở xa, đâm người ở gần, tiếng "baionnettade" (đâm lê) của binh đoàn Nê-gơ-ri-ê vang động một thời, riêng hai huyện Văn Giang, Yên Mỹ mà trong 3 tháng cuối 1889 phải chịu 3 binh đoàn lưu động (Nê-gơ-ri-ê, Đô-ni-ê, Gô-đa) càn đi rồi quét lại, thì đủ biết Hưng Yên, Bãi Sậy khởi nghĩa là mạnh đến bậc nào. Và Bãi Sậy là cái đanh trong mặt của Hà Nội, quân Bãi Sậy có mặt luôn trên đường Hà Nội Bắc Ninh, Hà Nội Hải Dương và

1. Munier.

https://tieulun.hopto.org

cả Hà Nội Nam Định nữa, nên không lạ gì mà địch thù oán Bãi Sậy. Đánh quân khởi nghĩa bằng đường bộ không được, địch toan đánh bằng đường thủy hành quân một cách bí mật hơn; Jô-na đờ La-ca-lơ[1] đem pháo thuyền thừa đêm 10-8-1885 đổ bộ quân ở làng Canh Nông là một căn cứ quan trọng của nghĩa quân, kịch chiến với quân ta ở Mão Cầu (huyện An Thi) càn quét từ sông Luộc lên Hưng Yên. Nhân dân truyền khẩu đến ngày nay rằng Tán Thuật thần xuất quỷ một; sở dĩ được vậy là nhờ dân ủng hộ; địch đến làng cụ; bắt lý trưởng, hỏi cụ ở đâu; lý trưởng không khai; địch giết lý trưởng; địch bắt một thanh niên 16 tuổi, kề lưỡi lê vào cổ hỏi Tán Thuật ở đâu? Thanh niên không đáp; địch vừa chọc tiết thanh niên, vừa hỏi nữa; thanh niên thét: *"ông Hiệp thống hết lòng vì nước, ta tiếc chưa được cầm roi ngựa theo hầu ông, lẽ nào ta lại giúp bay làm việc bạo ngược?"* Địch đổ dầu vào người thanh niên mà đốt. Thanh niên mắng giặc đến chết.

Nghĩa quân xung quanh Hải Dương cũng mạnh, đóng ngay ở làng Phương Diễm (huyện Gia Lư), cách thành có mấy cây số thôi. Ngày 30-8-1885 một đại đội địch đến đánh, hai bên đều thiệt hại nặng. Nhưng căn cứ nghĩa quân vững nhất lại là Trại Sơn, cai quản cả vùng giữa Hải Phòng, Kinh Sơn và Hải Dương. Đốc Tít, tức Nguyễn Đức Hiệu, cầm quân ở đây. Trại Sơn là nơi hiểm yếu có núi dựng, có hang đá, có rừng, 3 con sông bao bọc (sông Kinh Thầy, sông Hán, sông Con). Năm 1884, như ta đã biết, một tiểu đoàn mạnh của Pháp vào Trại Sơn đã bị hoàn toàn thất bại và Đốc Tít nổi danh từ đó. Tháng 11 năm 1885, địch do quan ba Phan-công và Phơ-rơ[2] chỉ huy đem nhiều quân hơn, có nhiều pháo binh và pháo thuyền bao vây, tiến từng bước như công phá một thành lũy lớn. Cuộc chiến đấu liên tiếp trong hai tuần nhật. Đốc Tít rút hết 600 quân đi nơi khác.

1. Nhà xuất bản chưa tra được từ nguyên.
2. Nhà xuất bản chưa tra được từ nguyên.

Trong năm 1885 này, ở đồng bằng, cũng phải kể đến cuộc chiến đấu ở phủ Thanh Oai (Hà Đông); ngày 28-12 quan tư Bô-đa đem 400 quân vào đánh với nghĩa quân ở làng Mộc Xá, càn quét khắp vùng.

1886. Thế lực nghĩa quân ở Bãi Sậy còn vững vàng mặc dầu bị càn quét liên tiếp, 27 tháng 9 năm 1886, quân Bãi Sậy tiến đánh Bần Yên Phủ. 23 tháng 10, quân giả làm phu khuân vác đánh úp đồn Quỳnh Côi trên hữu ngạn sông Luộc, cướp được súng đạn. Tháng 12 năm 1886, nghĩa quân đánh với binh đoàn Ba-zi-nê ở vùng Kẻ Sặt, tại Lạc Đào, Cự Yên, Công Hà, Đại Từ. Địch tổn thất nặng; dân không chịu chỉ điểm, tất cả các xã đó đều bị địch đốt chạy sạch.

10-7, một đạo nghĩa quân lớn gồm 1.100 tay súng đến công phá đồn Đông Triều sau khi, ngày 9-7 đã dụ một số quân của đồn này đi trấn áp ở một địa điểm khác. Trận Đông Triều hôm đó là một trận ác chiến, trong đồn Pháp có một đại đội nhưng vì quân ta không có pháo nên không lấy đồn được mà phải rút lui, chịu nhiều tổn thất.

Năm 1886 này còn phải kể cuộc khởi nghĩa ở phủ Nho Quan, Mỹ Đức, mà binh đoàn Mu-ni-ê của địch đến đàn áp hồi tháng 2.

1887 - 1888. Vào đầu năm 1887, nghĩa quân Thái Bình mất một người lãnh tụ có tài là Đô thống Tạ Hiện. Đô thống Tạ Hiện sa cơ bị địch bắt và bị giết đêm 2 tháng 2 ở Bình Bắc. Chính tại Bình Bắc này nghĩa quân sẽ tiêu diệt đội quân địch do quan hai Marien cầm đầu kể cả Marien ngày 3-1 năm sau, và những ngày sau khi một đội quân khác đi tìm thây của bọn chúng. 1887 phong trào ở đồng bằng có phần xuống. Cụ Nguyễn Thiện Thuật đi qua bên kia biên giới để cùng làm việc với Tôn Thất Thuyết. Nhưng đến 1888 thì phong trào lại quật khởi. Nghĩa quân Hưng Yên do Quản Kỳ cầm đầu, đêm 25 rạng 26-3-1888, tiêu diệt hoàn toàn đồn Bình

https://tieulun.hopto.org

Phú ở Hưng Yên. Đêm 1 rạng 2-2-1888, 200 nghĩa quân đánh chợ Tống Long (Hải Dương). Đêm 26 rạng 27-4-1888, nghĩa quân Bắc Ninh do Đốc Kiệt cầm đầu, tập kích quân địch đóng ở Đa Phúc.

Vào giữa năm 1888 thì phong trào kháng Pháp ở đồng bằng lên cao nhất. 500 tay súng hoạt động ở vùng sông Cà Lồ; ở Hà Châu (Hưng Yên) 200 nghĩa quân giao chiến với địch cách đồn Hà Châu 2 cây số. Giữa Hà Nội và Bắc Ninh, rất nhiều đội du kích, hoạt động ráo riết, mỗi đội có từ 30 đến 50 súng, nhất là đánh phá bến đò sông Đuống suốt từ 25-6-1888 đến 26-7-1888. Nghĩa quân đánh vào Gia Lâm đêm 16 rạng 17 tháng 7, và đêm 30 rạng 31 tháng 7.

Các cuộc chiến đấu quan trọng nhất xảy ra ở biên giới hai tỉnh Bắc Ninh và Hải Dương: nghĩa quân của Đội Văn cắt đường Bắc Ninh Hải Dương (tháng 7-1888), đánh tất cả các toán quân liên lạc của địch; nghĩa quân triển khai thế lực tận phủ Từ Sơn, về đóng ở làng Quan Độ, và ngày 23-7 thì 500 nghĩa quân hoàn toàn tiêu diệt đội quân của tên quan hai Teyssandier - Laubarède, kể cả tên này, khi chúng từ Bắc Ninh đến. Tháng 10, mồng 10 giữa ban ngày nghĩa quân tới đánh đồn Lang Tài cách Hải Dương 6 cây số về phía tây. Ngày 11-11, thì 300 nghĩa quân đón đánh đội quân địch của tên Ney trưởng đồn Dương Hòa (Hưng Yên). Đội Văn lại đánh bến đò Đuống đêm 27 rạng 28-11. Nhờ cho du kích mặc theo kiểu lính cơ nên quân ta vào chiếm đồn núi Voi (vùng Hải Phòng) một cách không tốn đạn. Đêm 2-12-1888, trên 400 nghĩa quân tấn công một lượt 2 đồn địch cách Hải Dương 12 cây số về phía nam, là Tứ Kỳ và Yên Phương.

Những ngày 11, 12 tháng 9-1888, Đốc Tít đem quân đánh đồn Uông Bí; cũng trong mấy ngày cuối tháng 9 đó, nghĩa quân ở Bắc Giang đánh đồn Lấm, An Châu, Bình Hội, v.v...

1889. Vào đầu năm 1889, nghĩa quân Vĩnh Yên do đốc Khoát, đốc Giang cầm đầu tập hợp ở phủ Vĩnh Tường, giao chiến với

Pháp ở Kim Đê, rồi qua sông Hồng trong đêm 11 rạng 12-1-1889, sáng 12, tiến quân đánh phủ Quốc Oai trên sông Đáy.

Ở vùng Hải Dương, từ 5 năm nay, Đốc Tít tuy mất căn cứ Trại Sơn, nhưng vẫn giữ vững cù lao Hai Sông. Hoàng Cao Khải lúc bấy giờ là Tổng đốc Hải Dương cùng với Pháp đem 1.500 quân và nhiều pháo thuyền đánh phá mãi suốt mùa mưa năm 1889, mà không làm gì được Đốc Tít.

Nhưng có một điều mà Pháp và Hoàng Cao Khải vui mừng là Đội Văn ra hàng! Đội Văn đã hoạt động ba năm nay, nay lại hàng thì Khải cho rằng đó là đại thắng. (Nhưng hắn không biết rằng Đội Văn trá hàng và sẽ trở lại chiến đấu chống Pháp sau khi lấy được khá nhiều súng đạn). Bấy giờ Hoàng Cao Khải chĩa mũi dùi vào vùng Bãi Sậy, vùng sông Cà Lồ và vùng phủ Vĩnh Tường.

Đốc Tít thừa lúc Khải đi về hướng Bãi Sậy mà đem quân đánh vào thành Hải Dương (đêm 23-7-1889) và đồng thời đánh vào đồn Thuận Thành, sau khi đón đánh nhiều tầu địch ở trên sông Kinh Thầy, lấy được nhiều của cải, súng đạn (tháng 5).

Năm 1889 là năm mất mùa. Hoạt động của nghĩa quân từ tả ngạn sông Hồng đến trung du, Tam Đảo, Bắc Giang, Đông Triều lại càng mạnh hơn lúc nào cả, như là một cuộc tổng khởi nghĩa. Không còn có thể ghi lại hết những trận nho nhỏ nhưng lại xảy ra ở khắp các nơi, đặc biệt là ở các vùng Bắc Ninh, Bắc Giang, Thái Nguyên. Nhưng một thất bại lớn của nghĩa quân là Đốc Tít bị bắt vào ngày 12 tháng 8 năm 1889 ở cù lao Hai Sông.

Đốc Tít bị bắt[1]. Cứ theo bản báo cáo có tên Trần Lưu Huệ, Tổng đốc Sơn Hưng Tuyên, quyền kinh lược Bắc Kỳ, gửi cho thống sứ Pháp ở Bắc Kỳ, để ngày 21 tháng 7 năm Thành Thái thứ I, thì cuộc bao vây bắt Đốc Tít xảy ra như sau đây:

1. Archives, Hà Nội, báo cáo của Trần Lưu Huệ quyền kinh lược Bắc Kỳ về việc bắt được Đốc Tít, cho thống sứ Bắc Kỳ.

https://tieulun.hopto.org

Đạo quân do tên ngụy Tán lý Cao Xuân Dục đồn đóng ở xã Mai Động chặn một đường ra vào của Đốc Tít. Đạo quân do tên ngụy Tán lý Đào Trọng Kỳ đồn đóng ở xã Quỳ Khê, chặn đường sau lưng của Đốc Tít ngăn ngõ lui vào núi Đông Triều. Đạo quân của tên ngụy tán tương Nguyễn Hữu Vịnh đồn đóng ở xã Dương Động thì chặn cửa đường sông. Còn tên Hoàng Quý Đài (tức Hoàng Cao Khải) đóng ở trước mặt quân của Đốc Tít. Hơn 10 chiếc pháo thuyền của Pháp đến trợ chiến cho bọn Hoàng Cao Khải.

Đốc Tít bị bao vây kín từ cả tháng rồi. Địch gởi Lê Phụng Hiếu (nguyên là người của Đốc Tít đã hàng Pháp) vào dụ hàng; Đốc Tít hẹn một tháng; Khải không chịu; Đốc Tít lại hẹn 15 ngày; Khải muốn ưng thuận nhưng còn hỏi chỉ thị của Pháp; trong lúc đó thì có người tên Trần Đức Phong ra hàng Khải; Khải tra hỏi nên biết rằng trên sơn trại không còn đạn nữa, chỉ còn có 126 khẩu súng các cỡ với độ 200 quân. Khải càng đắc chí mà bắt buộc. Thế không kháng cự được, Đốc Tít (Nguyễn Đức Thiệu), trung quân Nguyễn Hữu Lan phải hạ khí giới, Cao Xuân Dục đưa Đốc Tít nạp cho Hoàng Cao Khải; Khải đem Đốc Tít về nạp cho giặc Pháp. Đốc Tít bị bắt, nhưng địch cũng phải thừa nhận rằng:

"Lũ ấy xưa nay vẫn là quân giặc cừ khôi kiệt hiệt ở xứ Đông Bắc, đã 7, 8 năm trường quan quân đến đánh chúng thì thường bị thua luôn; mới đây chúng lại chiếm cứ xứ Đông Triều là xứ rừng núi hiểm trở, càng ngày thanh thế của quân giặc càng bành trướng"[1].

Sau vụ này, Cao Xuân Dục được Pháp thăng thưởng hàm Tuần phủ, Nguyễn Hữu Vịnh được chức Bố chính, mỗi tên được một long bội tinh. Còn Hoàng Quý Đài (tức Hoàng Cao Khải) thì được "bái tổ vinh quy" hai tháng để khoe cái tài bọn nó đã tạm thắng quân cứu quốc, đã phù tá giặc Pháp một cách hết lòng và đắc lực.

1. Báo cáo của Trần Lưu Huệ.

Đội Văn trở lại đánh Pháp. Địch vừa vui mừng bắt được Đốc Tít thì phải toát mồ hôi khi được tin Đội Văn lại kéo quân trở lại chiến khu chống Pháp. 8 tháng trước, Đội Văn trá hàng. Ngày 17-9, một tháng sau khi Đốc Tít bị bắt, thì đội Văn và 500 quân lính, mang cả súng đạn của Pháp đã giao cho họ, trở lại kháng Pháp. Liên tiếp theo Đội Văn, tất cả những sĩ quan trước là bộ hạ của Đội Văn như lãnh Giới, lãnh Giám, Xuất Lý, lãnh Thiết, lãnh Bôi, v.v... (vì lẽ này hay lẽ khác đã ra hàng giặc) đều ùn ùn kéo quân lính trở lại chiến khu, tất cả trên 1.000 người có súng đạn đầy đủ; họ qua sông Đuống, nhập với nghĩa quân Yên Thế. Đứng trước tình hình này, Pháp rút hết các đội lưu động nhỏ về các đồn để lập những đạo quân lưu động lớn mà ứng phó. Đội Văn ốm nặng, bị cha cố Bắc Ninh biết được chỗ trú, mách với địch bắt đem về xử tử ở Hà Nội ngày 7-11-1889 ở gần bờ hồ Hoàn Kiếm.

Từ nay, cuộc kháng Pháp ở đồng bằng sút hẳn, còn ở trung du thì nghĩa quân sẽ lấy căn cứ Yên Thế miền Bắc Giang làm trung tâm chủ yếu.

3. Ảnh hưởng của cuộc kháng chiến ở Việt Nam sang Pháp

Cuộc kháng chiến anh dũng của nhân dân ta từ 1885 đến 1889 đã ảnh hưởng rất lớn đến dư luận bên Pháp và đến thời cuộc chính trị ngay trong nghị viện Pháp.

"Cần phải kể đến hàng nghìn bức điện từ cái xứ Bắc Kỳ nhỏ như một cái chéo khăn mù-xoa, đó là những bức công điện dồn dập đòi hỏi mà mẫu quốc thì đáp ứng sự đòi hỏi ấy một cách quá chậm chạp, hay là ít khi mà đáp ứng được. Trong số hàng nghìn công điện đó, xin lấy một, vô luận một công điện nào thì ta đọc: "nhất thiết cần phải có 2 đại đội bộ binh với 250 súng trường để gấp rút đối phó với tình thế. Chúng tôi không xin người Âu vì chúng tôi đã ăn hết bột mì rồi, mặc dầu ngay ngày hôm nay chúng tôi đã nhận được 40 thùng. Hơn nữa, chúng tôi chỉ còn có 300$ trong tủ; đoàn vận tải tiếp tế

https://tieulun.hopto.org

thường xuyên đi từ Lạng Sơn lên đầu tháng đã bị đón đánh ở Thất Khê rồi"...

Các ngài nhớ những câu "Bắc Kỳ chết đói", "Bắc Kỳ khốn khổ", "Bắc Kỳ nghĩa địa" "Bắc Kỳ dịch tả", hạ nghị viện và thượng nghị viện, trước những sự cố gắng không hiệu quả, đã cắt bớt ngân sách. Dư luận đã mệt mỏi vì nghe đi nghe lại mãi một tiếng chuông: tốn phí, hy sinh, giẫm chân một chỗ, tất cả cái đó không có đem lợi ích gì. Các gia đình không phải không biết những bức điện kia - mà than ôi! Những bức điện ấy đều đúng sự thực, nó nung nấu mãi sự xôn xao cấp cứu trong nghị trường: "trong cả năm bộ tổng chỉ huy không thể tìm dầu cho có chăn mềm cho binh lính, mà người ta biết rằng hai phần ba binh lính, bị chết hay trở thành vô dụng vì bệnh sưng phổi", v.v... Sự việc phát triển tới một mực cao độ, đến đỗi rằng, những năm khó khăn nhất, nghĩa là năm 1890, người ta thối chí hoàn toàn, người ta đã định thôi, không tính đến việc phát triển thuộc địa ở bán đảo (Đông Dương) nữa"[1].

Đọc đoạn trên đây, người Việt ngày nay không thể không tự hào với ông cha mình; ông cha ta đã bền bỉ làm du kích chiến tranh gây hại lớn cho địch, đến đỗi năm 1890 địch nản chí, ở nghị viện chính phủ chỉ thắng có 4 thăm trong việc bỏ phiếu ngân sách chiến tranh ở Đông Dương.

* * *

TÓM LẠI

Sau khi Trung - Pháp đình chiến, nhân dân miền Bắc vẫn tiếp tục tự lực kháng chiến. Đặc điểm chung của cuộc kháng chiến ngoài Bắc trong giai đoạn này là khắp đồng bằng và mạn ngược đều nổi lên. Chiến lược chung của giặc là chiếm một số cứ điểm trọng yếu rồi dùng những binh đoàn lưu động lớn mà đi đàn áp, đánh phá chủ lực nghĩa quân, đốt phá làng mạc, rồi rút về cứ điểm.

1. Hanoteaux. La fondation définitive de l'IC frse. Académie des sciences coloniales, quyển XII, tr. 244 - 245.

Ở vùng núi Tây Bắc, địch lên chiếm đường sông Thao, lập một số căn cứ từ Hưng Hóa lên Lào Cai, một số căn cứ trên sông Đà và trên sông Lô. Còn bao nhiêu đất cát thì hãy còn nằm trong tay của nghĩa quân ta. Ngô Quang Bích, Nguyễn Văn Giáp là những vị thủ lĩnh có uy tính ở khắp vùng này. Sự viện trợ bằng súng đạn của người Trung Quốc có giúp cho phong trào Cần vương ở đây chống địch một cách đắc lực. Đồng bào Mường, Thái, Mán, Thổ đều kháng chiến.

Ở vùng núi Đông Bắc từ sông Cầu trở ra đến biển, cuộc chiến đấu không kém kịch liệt. Tam Đảo là căn cứ vững mạnh cho nghĩa quân đánh về tới ngoại ô Hà Nội; các cuộc càn quét của địch từ Liễu Sơn lên, hay từ Thái Nguyên qua, không có kết quả gì. Ở Móng Cái, Thiên địa hội tổ chức nhân dân đánh thắng địch nhiều trận lớn. Địch từ Cao Bằng và từ Tuyên Quang không làm gì nổi 3.000 nghĩa quân đầy đủ súng ống chiếm từ sông Cầu, sông Gâm qua đến sông Đáy, sông Lô. Đông Triều, Bắc Giang vẫn là một căn cứ lớn sát địch mà bao nhiêu trận tấn công của chúng đều bị đánh bật ra. Hoàng Đình Kinh ở đông bắc, như Bố Giáp ở tây bắc là lãnh tụ Cần vương được mến phục. Tôn Thất Thuyết sang Trung quốc vận động tiếp tế được càng ngày càng nhiều vũ khí cho nghĩa quân bên trong.

Ở đồng bằng, duy có Nam Định là tương đối ít có phong trào võ trang kháng chiến, còn nơi nơi, nhất là Hưng Yên, Hải Dương, vùng từ sông Trà Lý ra ven biển, đều nằm trong tay của quân khởi nghĩa. Bãi Sậy và Nguyễn Thiện Thuật là cái đanh trong mắt của bọn Pháp ở Hà Nội. Vùng Trại Sơn Đông Triều có Đốc Tít. Vùng Vĩnh Yên, Sơn Tây có Đốc Khoát, lãnh Giang. Đội Văn cũng là người đã làm cho Pháp thất điên bát đảo trên vùng sông Đuống. Địch bắt được Tạ Hiện, Đốc Tít, Đội Văn; phong trào kháng Pháp có tổ chức ở đồng bằng từ 1890 trở đi sẽ sụt xuống; nhưng cuộc chiến đấu từ nay lại dời trung tâm lên các vùng trung du, đặc biệt

https://tieulun.hopto.org

là ở vùng Yên Thế và sông Đà với những lãnh tụ mới nổi tiếng: Đốc Ngữ, Đề Nam, Đề Thám.

Các cuộc chiến đấu bền bỉ rộng rãi của nhân dân ta đã có lúc làm cho dư luận Pháp phản đối sự tiếp tục xâm chiếm Bắc Kỳ, và vào 1889 - 1890, địch ở Pa-ri rất thối chí; ở nghị viện, chính phủ Pháp chỉ thắng có 4 phiếu trong cuộc bỏ thăm cho ngân sách chiến tranh ở Đông Dương.

Chương 23

CHÍNH SÁCH CỦA THỰC DÂN PHÁP TỪ 1888 ĐẾN 1896 Ở ĐÔNG DƯƠNG

Thời kỳ này, về phương diện của nhân dân Việt Nam, thì khác thời kỳ từ 1885 - 1888 ở chỗ phong trào cứu quốc thì vẫn là tiếp tục Cần vương, nhưng mà Cần vương mà không vua; Hàm Nghi đã bị bắt rồi, triều đình tan nát, chỉ còn có danh nghĩa thôi, về phía thực dân Pháp thì chúng nó đã bắt đầu thành lập khối Đông Dương thuộc Pháp, có Phủ Toàn quyền, có một chính sách cai trị kinh tế ngày càng rõ rệt nhưng chưa phải đã đến lúc mà chúng nó có một chính sách khai khẩn có hệ thống như đến khi Toàn quyền Đu-me sang (1897); Đu-me sang, vào lúc phong trào Cần vương bị dập tắt trong căn bản, hắn sẽ mở đầu một giai đoạn lịch sử mới của chủ nghĩa thực dân mà về sau ta sẽ nói đến.

I. CHÍNH SÁCH CAI TRỊ, TÀI CHÍNH VÀ THUẾ VỤ CỦA PHÁP Ở ĐÔNG DƯƠNG TỪ 1887 ĐẾN 1896

1. Sự thành lập chính phủ Đông Dương. Những nghị định tháng 10 năm 1887 do Ơ-gien E-chen[1] chủ trương, đem Trung Kỳ và Bắc Kỳ trực thuộc vào Bộ Thuộc địa ở Pa-ri (trước đó Nam

1. Eugène Etienne.

https://tieulun.hopto.org

Kỳ và Khơ-me trực thuộc Bộ Hải quân và thuộc địa, còn hai xứ Trung Kỳ và Bắc Kỳ thì trực thuộc Bộ Ngoại giao); nhưng nghị định tháng 10 năm 1887 ấy lại còn hợp ba kỳ Bắc, Trung, Nam và nước Khơ-me thành một khối Đông Dương thuộc Pháp, gọi tắt là Đông Pháp. Các tên thống đốc Nam Kỳ, khâm sứ Trung Kỳ, khâm sứ Bắc Kỳ và khâm sứ Khơ-me đều đặt dưới quyền điều khiển của tên toàn quyền Đông Dương, tên toàn quyền này được giúp đỡ bởi một tên tổng thơ ký và một thượng hội đồng. Mỗi xứ trong 4 xứ đều có cách tổ chức cai trị riêng, có chế độ ngân sách riêng.

Chính phủ thuộc địa toàn Đông Dương quản lý ngân sách chung cho Đông Dương, ngân sách này gồm có sự chi tiêu về quân sự, chi tiêu về bưu điện, chi tiêu về thuế gián thu, về thương chính, và bộ máy còn rất đơn giản của Phủ Toàn quyền. Ngân sách, bên Pháp có chịu một phần phí tổn về quân sự, ngoài ra thì ngân sách lấy ở khoản bưu điện và sự đóng góp bắt buộc của mỗi xứ trong Đông Dương.

Cứ xem các nghị định này thì ta thấy rằng:

Đế quốc Pháp, trong thực tế cũng như trong pháp lý đều hoàn toàn không phân biệt gì giữa thuộc địa và bảo hộ; thuộc địa hay "bảo hộ" đều là thuộc cả, duy lề lối thống trị có khác nhau trong chi tiết mà thôi, ở đây thì về hình thức còn có vua, ở đó thì không còn có vua nữa; ở nơi nào có vua thì vua chẳng có quyền hành gì, nhưng thực dân thì dựa vào bộ máy quan lại cũ kỹ và luật lệ khắt khe của phong kiến (luật Gia Long) để đàn áp nhân dân.

Cái thống nhất mà chính phủ Pa-ri đặt ra lần này giữa các xứ của Đông Dương thuộc Pháp, chủ yếu là một sự thống nhất về tài chính; xứ mà ngân sách dồi dào phải đóng góp nhiều (ví như Nam Kỳ) để thực dân Pháp có thể hoàn thành sự chinh phục ở xứ khác. Không phải rằng trước đây không có như thế; song trước đây chính phủ thực dân Nam Kỳ cho bọn thực dân ở Bắc Kỳ vay

tiền để chi tiêu trong sự chinh phục mà chính phủ Pa-ri phải hoàn lại cho Nam Kỳ.

Tuy vậy, Phủ Toàn quyền chưa có quyền hạn gì mấy, việc cai trị ở mỗi xứ hầu như hoàn toàn ở trong tay của bọn thống đốc, khâm sứ và bộ máy địa phương của chúng nó.

Nghị định 1887 thành lập Phủ Toàn quyền Đông Dương bị công kích rất kịch liệt, công kích cả hai phía "tả" và hữu, nên không sống lâu dài được. Bị công kích ở phía "tả" bởi vì dư luận của đông đảo nhân dân Pháp và dư luận của gần phần nửa nghị viện Pháp cho rằng đó là tấm màn thưa để che đậy sự thất bại của sự xâm chiếm Bắc Kỳ, Trung Kỳ, sự xâm chiếm và bình định này tốn của tốn người nhiều quá mà không đem đến kết quả mong muốn. Riêng bọn thực dân ở Nam Kỳ, mà bọn này thì có thế lực nhiều, công kích các nghị định tháng 10 năm 1887 vì chúng nó không muốn góp tiền của ngân sách dồi dào của Nam Kỳ vào ngân sách rất thiếu hụt của thực dân ở Bắc Kỳ; chúng nó chỉ muốn cho mượn, cho vay mà thôi; lúc ấy ở Nam Kỳ, bọn hội đồng quản hạt tha hồ chia tay nhau ngân sách béo bở, giống như một đàn quạ xúm nhau vừa kêu vang vừa vỗ cánh quanh một miếng mồi to, chúng nó no nức, làm giàu mau lẹ và lớn lao, thì lạ gì mà thấy rằng chúng muốn giữ phần thực cho chúng?

Các nghị định 1887 lung lay. Mấy tháng sau, vào tháng 4 năm 1888, cái phòng tổng thư ký vụ Đông Dương bị thủ tiêu, và tháng 5 năm 1888, chính phủ Pháp sửa đổi nghị định 1887, giữ lại tổ chức Phủ Toàn quyền Đông Dương mà Phủ Toàn quyền này thì không còn được có quyền hạn tài chính như trước nữa, nghĩa là thực tế không có quyền hạn gì đáng kể, gần như là chỉ làm một trạm thống nhất để báo cáo về Pháp và nhận chỉ thị của Pháp.

"Đông Dương dưới hai ông Toàn quyền Ri-sô[1] và Pi-kê trở lại tình trạng vô chính phủ về mặt cai trị và tài chính: ngân sách Bắc Kỳ

1. Richaud.

https://tieulun.hopto.org

bị sụp đổ dưới gánh nặng của những chi phí về quân sự, còn ngân sách Nam Kỳ thì tiếp tục bị lãng phí bởi hội đồng quản hạt"[1].

Đến năm 1891, theo nghị định ngày 21 tháng 4, - nghị định này sẽ có hiệu lực trong suốt 20 năm về sau - thì quyền hạn của tên quan toàn quyền rất lớn; nó kiểm soát mọi ngân sách tài chính; nó chỉ huy tất cả các bọn quan lại và võ quan; nó chịu trách nhiệm về sự trị an trong Đông Dương và phòng thủ Đông Dương đối với bên ngoài, và vì đó mà nó có quyền sử dụng, điều động bộ binh và hải quân, nó có quyền cắt cử quan lại (trừ một số ít, số ít ấy do nó đề nghị cho Pa-ri cắt cử), nó lại có quyền trực tiếp thảo luận với tất cả các đại diện ngoại giao và lãnh sự Pháp từ Viễn Đông. Lúc này là lúc La-nét-săn qua làm Toàn quyền Đông Dương.

Tuy quyền hành của toàn quyền to lớn như thế, song nhược điểm là Phủ Toàn quyền ấy chưa có một ngân sách riêng và lớn cho nó. Phải đến khi Đu-me sang thì quyền chính trị, cai trị và quân sự của Phủ Toàn quyền mới được hoàn bị bằng quyền hành về mặt sử dụng một ngân sách riêng và lớn.

2. Cai trị và tài chính từ 1891 đến 1897. Vào đầu niên kỷ 90 thì tình hình Khơ-me ra sao? Ha-nô-tô[2] và Mác-ti-nô[3] nói rằng: *"Xứ Khơ-me mà nước Pháp bảo hộ từ 8 năm nay đang ở trong một tình trạng khốn cùng và bỏ bê"*. Từ 1885, vì muốn "vỗ yên" nhân dân đang khởi nghĩa, cuộc khởi nghĩa này lại do Hiệp ước 1884 và chế độ thuộc địa mới gây ra, nên bọn Pháp ở đây đã phải hoãn lại sự thực hiện Hiệp ước 1884, và do đó, bộ máy cai trị của triều đình Khơ-me được lập lại. Về phần thuế vụ thì Pháp chỉ giữ cái thuế thương chính và độc quyền á phiện làm cơ sở cho ngân hàng của chúng ở Khơ-me. Thuế của người Khơ-me đóng vào kho bạc nhà vua là 350.000$; thương chính và độc quyền á phiện đưa về kho bạc bảo hộ 800.000$. La-nét-săn cho là ít quá. Hắn tìm cách

1. Hanotaux et Martineau, *Histoire des Colonies*, quyển V, tr. 450 - 451.
2. Hanotaux.
3. Martineau.

thu nhiều hơn. Hắn buộc vua Nô-rô-đôm ký ngày 22 tháng 8 năm 1891 một chỉ dụ, theo chỉ dụ này thì hoàn toàn không còn có ngân sách của triều đình Khơ-me nữa, chỉ có một ngân sách duy nhất; tất cả các món thuế đều vào tay Pháp; Pháp trả lương tháng cho vua, cho các quan hàng tỉnh và mọi công chức Khơ-me khác. Trong 4 năm, Pháp lại đưa thêm 6 tên công sứ thực dân đến trấn nhậm ở các tỉnh để kiểm soát chặt chẽ thêm lên; dân chúng Khơ-me bị bắt buộc phải đóng thuế thêm nhiều, nhiều cho đến đỗi rằng tuy kinh tế không có gì tiến bộ hơn mà, năm 1892, ngân sách Khơ-me thu 50 vạn nhiều hơn chi so với năm trước. Chính phủ đế quốc ở Pa-ri đánh giá "tài năng" và "đạo đức" của các tên toàn quyền bằng cái kết quả của sự thu thuế; càng ép ra được nhiều máu thì càng là quan cai trị giỏi.

- Ở Bắc Kỳ, tình hình kinh tế đình đốn, chiến tranh vẫn tiếp tục khắp các nơi. Pháp đã từ lúc đầu lấy "chiến tranh nuôi chiến tranh", bắt người Việt Nam trả tiền cho nó chinh phục Việt Nam, thế nhưng, riêng từ 1887 cho đến 1891, ngân sách bên Pháp phải tốn cho sự chinh phục Bắc Kỳ (và Trung Kỳ) đến 168 triệu quan. Đó là chưa kể rằng riêng ngân sách Bắc Kỳ từ năm 1887 đến 1891 phải tốn 20.246.949f chi tiêu về sự "bình định"! Lời chưa thấy là bao mà hãy còn thấy tốn nhiều quá, bọn tư bản thì không phải không làm ra tiền, nhưng ngân sách chính phủ thì như là cái tủ không đáy, tốn phí quá, vì phải giữ một số quân rất đông, phải trả sự chi phí cho vô số các cuộc hành quân vô hiệu quả. Theo lời của tên Bi-đô, thì tình hình chi thu ở Trung Bắc là một "trận Lạng Sơn về tài chính"; câu nói rất có ý nghĩa, hình ảnh khá "đẹp"! Riêng Bắc Kỳ năm 1887, hụt 2.700.000f, 1889 hụt 4.700.000f và năm 1890, hụt 10.200.000f. Bọn xâm lăng rất lúng túng. Cuộc trường kỳ kháng Pháp đem lại những kết quả lớn như thế, mà các nhà lãnh tụ Cần vương không rõ để nêu cao sĩ khí dân tâm.

La-nét-săn qua Đông Dương, xin Pa-ri cho phép tách ngân sách chiến tranh riêng ra, để cho bao nhiêu thuế vụ Bắc Kỳ đều chi

https://tieulun.hopto.org

phí vào tất cả các việc khác trừ việc chiến tranh, ngân sách chiến tranh do Pa-ri chịu, làm như vậy để có thể có xây dựng tí gì làm cho một vài tầng lớp xã hội Việt Nam có thể theo chúng một cách dễ dàng hơn; bằng không theo lời hắn thì, sự chinh đông phạt tây sẽ không có kết quả gì hết, và nhiều người đã cộng tác với Pháp cũng đã thấy sự tạm bợ, nghi ngờ rằng Pháp không biết có ở đây được lâu dài không. Ta biết rằng năm 1887, ngân sách Bắc Kỳ là 44.860.000f, trong số đó hết 31.255.000f, là riêng cho việc quân sự, tính như thế, chớ lúc thu cuối năm soát lại thì chỉ thu được có 15 triệu quan mà thôi.

La-nét-săn lập thêm nhiều thứ thuế gián thu ở Bắc Kỳ; thuế dùng dầu dừa, thuế diêm quẹt, thuế thuốc lá, thuế muối, thuế giấy con niêm, thuế rượu mà dân tự nấu trong thôn xã. Vô số thuế mới. Vì vậy mà bọn Pháp năm 1892 thu được thêm 34 vạn đồng, năm 1893 thêm 75 vạn, năm 1894 thêm 110 vạn; chính với số thuế mới này, địch xây thêm nhiều đồn trại lính và xây nhà thương Đồn Thủy cho quân lính của chúng.

- Ở Trung Kỳ, tên Toàn quyền La-nét-săn bắt buộc hội đồng phụ chánh (lúc này vua Thành Thái đã lên ngôi) phải nhận tất cả các thứ thuế mới mà hắn vừa đặt ở Bắc Kỳ; các thứ thuế mới đó do Pháp thu, thu rồi sẽ chia lại phần nào cho Nam triều. Ở đây Pháp chưa có thể lập một ngân sách duy nhất như ở Khơ-me - Nhân dân Việt Nam đang kháng chiến còn mạnh thì Pháp cũng không dám làm cho triều đình mất hẳn những tàn tích quyền hạn của nó. Nhưng Pháp đã tiến được một bước là buộc triều đình Huế phải phối hợp với bên bảo hộ để cùng lập ngân sách. Sau này nó sẽ tiến tới chỗ hoàn toàn thủ tiêu ngân sách của triều đình như nó đã làm ở nước Khơ-me.

Xoay sở mấy cũng không đối phó được với tình thế chiến tranh cứ tiếp diễn, nhân dân kháng chiến cứ kéo dài; nghị viện mệt mỏi với vấn đề Bắc Kỳ, cho nên La-nét-săn càng không dám xin trợ cấp

gấp rút; La-nét-săn kiếm tiền bằng cách nhờ bọn thầu khoán, bọn này đòi giá cả cao, rất cao, nếu chịu thì chúng tự lấy vốn làm trước, nhà nước sẽ lần lượt trả sau... Gian lận vì thế mà đầy dẫy. Chấn chỉnh tài chính không xong, bình định càng không được; ngày 10 tháng 3 năm 1894, La-nét-săn bị cách chức, *"bị đuổi như ta đuổi một người đầy tớ"*[1].

La-nét-săn bị cách chức, tình hình Việt Nam về mặt tài chính, kinh tế, nhất là quân sự vẫn cứ nghiêm trọng, càng nghiêm trọng, Pa-ri luôn luôn phải bù vào cái lỗ hổng gây ra bởi cuộc chiến tranh kháng Pháp của dân tộc Việt Nam. Từ tháng 3 năm 1895, đến Toàn quyền mới là Ác-măng Rút-xô[2], thượng nghị viện, nguyên Thứ trưởng Bộ Công chính và Thuộc địa; địch lựa một tên quan lớn như thế qua làm Toàn quyền, điều ấy chứng tỏ rằng một mặt chúng quyết tâm tàn phá cho kỳ được các cuộc kháng Pháp, một mặt khác, chúng toan thi hành một chính sách mới làm sao cho Trung, Bắc cũng như Nam thành một xứ thuộc địa khai khẩn đã không lỗ vốn mà còn đem lại nhiều lời cho thực dân. Rút-xô ra nghị định mở công trái 80 triệu đồng, lấy phần lớn của số tiền ấy mà trả những nợ nần của những năm chiến tranh; công trái là một loại thuế nặng nề, địch bắt buộc các tỉnh, huyện chia phần về xã, bắt một số dân phải mua. Rút-xô chưa làm được gì mấy theo kế hoạch của va thì va chết (1896). Tên Toàn quyền Đu-me sẽ sang Đông Dương và từ đây sẽ qua một giai đoạn mới trong chính sách thuộc địa Pháp ở Đông Dương.

- Trong lúc ở Trung và Bắc, bọn Pháp điên đầu với cuộc kháng chiến kéo dài không dứt thì ở Nam, tình hình tương đối yên ổn hơn, chúng ra tay bóc lột. Một lối bóc lột đặc biệt của Pháp và về phương diện này thì nó "ăn đứt" các đế quốc, là dùng rất nhiều công chức người Pháp và công chức người Pháp được trả lương rất

1. Hanoteaux, *Histoire des Colonies*, quyển V, tr. 463.
2. Armand Rousseau.

https://tieulun.hopto.org

cao. Ví dụ như riêng ở Nam Kỳ lúc ấy có 4.000 người Pháp, kể cả trai gái già trẻ, thì riêng công chức (không kể quân đội) đã là 1.700 người! Ví như ở đảo Mác-ti-nic, đảo Ca-lê-đô-ni hay ở Sê-nê-gan, một tên trưởng phòng ăn lương 7.000f thì ở Sài Gòn nó ăn 15.000f, bằng hai. Một tên cò-mi ở các nơi trên, ăn 4.000f thì ở đây ăn 7.000f; một tên tòa hòa giải, ở các nơi trên, ăn 5.000f, thì ở đây ăn 10.000f; Hội đồng quản hạt Nam Kỳ - mà đại đa số là người Pháp - có nhiều quyền, như quyền sử dụng ngân sách; nó mâu thuẫn với tên thống đốc, mâu thuẫn với tên toàn quyền. Ví như La-nét-săn có lần muốn giảm số viên chức Pháp để có tiền thêm cung phụng vào cuộc trấn áp phong trào Cần vương, thì hội đồng quản hạt, chống lại kịch liệt; rốt cùng hội đồng này còn, La-nét-săn bị đổ mặc dầu rằng có lần tên Ơ-gien E-chen đã tuyên bố ở hạ nghị viện rằng "phải thủ tiêu cái hội đồng quản hạt Nam Kỳ". Bọn quan lại Pháp và nhất là bọn thầu khoán hợp tác với hội đồng quản hạt, tiêu phần lớn ngân sách cho chúng nó; sự kiến thiết không có gì đáng kể; mà giá đồng bạc thì từ 4f năm 1892, xuống 2f60 năm 1895, lương công chức Pháp tính theo đồng phờ-răng thì dân Nam Kỳ như bị tăng 40% thuế để cung phụng đầy đủ cho bọn đỉa đói; lại vào năm 1892, hàng Pháp vào Nam Kỳ không còn phải đóng tí thuế nào, lỗ hổng càng to trong ngân sách thì bọn thực dân lại bắt dân đóng thuế nặng hơn nữa; ấy thế mà từ đó ngân sách Nam Kỳ lâu nay chi ít hơn thu, bây giờ bắt đầu chi nhiều hơn thu. Vả lại từ 1893, Pháp chiếm Lào, mà Lào thì của ít dân thưa, Pháp lo xây dựng những công sự xâm đoạt, đồn đóng nhiều quân, v.v... các "công trình" thực dân đó đòi hỏi phải có tiền; tiền ấy, nếu tiêu ở Thượng Lào thì do Bắc Kỳ và Trung Kỳ đóng góp, nếu tiêu ở Hạ Lào thì do Nam Kỳ và Khơ-me đóng góp. Gánh thuế của dân ta đã nặng lại càng nặng nề thêm; Pháp bắt ta đóng của tiền và xương máu để nó chiếm xứ ta; nó lại còn bắt ta đóng của tiền và xương máu để nó xâm chiếm xứ Lào. Chủ nghĩa thực dân là thế!

II. CHÍNH SÁCH KINH TẾ CỦA PHÁP TỪ 1888 ĐẾN 1896

1. Nông nghiệp. Theo nghị định ngày 9-11-1886 thì mỗi người thực dân Pháp mà xin đất làm nghề nông, chỉ có thể xin một lần từ 10 héc-ta trở lại. Đến nghị định ngày 6-10-1889 và 15-10-1890 thì bọn thực dân có quyền xin và bọn cầm đầu địa phương có quyền cho một lượt đến 500 héc-ta. Chính phủ thuộc địa quy định rằng trong 5 năm, một người đã xin được đất không có quyền bán hay cầm đất đi; sở dĩ có quy định này là vì có một số bọn Pháp cậy thần thế xin tay này bán tay khác chớ bản thân không khai khẩn, còn chính phủ thuộc địa thì muốn khắp xứ Việt Nam, nơi nào cũng có bọn Pháp sinh cơ lập nghiệp để tiện việc cai trị hơn. Ở miền Nam, cuộc chiếm đất bắt đầu từ lâu, nhưng sau khi chiếm Bắc Kỳ thì địch chiếm đất càng mạnh. Cho đến năm 1890 thì khắp xứ ta đã có 116 đồn điền trại ấp của Pháp (khai khẩn về nông nghiệp, không kể đất chiếm để khai mỏ) mà 100 cái là ở Nam Kỳ. Theo thống kê của Capus, Giám đốc Sở Nông lâm thì cho đến 1896 thì tổng số đồn điền Pháp ở Trung Kỳ là 10 với 3.957 héc-ta, ở Bắc Kỳ là 52 với 33.497 héc-ta; tất cả Trung Bắc là 62 đồn điền với 37.354 héc-ta. Số đông chủ đồn điền ở Nam Kỳ là công chức Pháp, còn chủ đồn điền Pháp ở Bắc Trung là bọn chủ đồn điền chuyên nghiệp. Lúc ấy đồn điền ở Bắc quy mô to hơn đồn điền ở Nam. Đến 1900, diện tích đất các đồn điền trại ấp của Pháp chiếm sẽ là 322.000 héc-ta, trong số đó 78.000 héc-ta ở Nam Kỳ và 198.000 héc-ta ở Bắc Kỳ. Như vậy là trong cuối thế kỷ XIX, trước khi Pháp tìm thấy đất đỏ trồng cao su thì chúng nó chiếm đất ở Bắc mau và nhiều hơn ở Nam.

"Có khi những đồn điền này thành lập bằng cách mua ruộng đất của người bản xứ. Song, thường thường là lấy trong số công điền công thổ, trong số đất hoang hay là trong số đất chỉ thỉnh thoảng cày cấy một lần, trong số rẫy nương trồng trọt bằng cách đốt rừng"[1].

1. Robequin, *L'évolution économique de l'I.C*, tr. 203.

https://tieulun.hopto.org

Nói một cách khác hơn và rõ hơn, có đất thường niên dân cày cấy, nay bị Pháp chiếm đoạt làm đồn điền của nó; có những nơi bãi cỏ dân ta nuôi trâu bò, nó nói rằng không chủ, nó chiếm đi, đó là chưa kể hàng vạn mẫu của người kháng chiến bị Pháp tịch thu, bị bọn thông ngôn thơ ký, quan quyền theo địch chấp chiếm. Phần nhiều đất đồn điền là nơi dân ta năm nay làm, sang năm bỏ trống, đặng năm khác trở lại làm (cái cách bỏ trống 1, 2 năm để có cỏ, có phân lúa mới tốt, cái cách này ngay ở Âu châu cũng có, không vì lẽ gì mà nói rằng đất ấy không phải là của người nào; đất rẫy cũng thế). Công điền, công thổ, Pháp không chừa. Thường thường, trong khoảnh đất 1, 2, 3 cây số vuông mà Pháp chiếm thì vừa có rừng, có rẫy, có công điền, có đất thuộc; Pháp chiếm ở đâu, đất thuộc trong vòng đồn điền, tất nhiên không thể không bán rất rẻ, như cho không, cho chủ mới, còn tất cả nông phu đều trở thành cu ly hay tá điền của Pháp. Đó là một cách tịch thu hàng vạn dân mà vô luận một nhà luật học nào cũng không thể phủ nhận chủ quyền trên đất nuôi sống họ mấy chục mấy trăm đời rồi. Pháp không dám chiếm nhiều đất ở vùng đông dân; nó chủ tâm chiếm vùng trung du ngoài Bắc, ở Trung, miền Đông và Tây Nam Kỳ.

Vào thời kỳ 1890 thì bên Pháp, bọn cầm quyền chẳng những cổ động cho công thương bỏ vốn đem hàng sang xứ ta, mà lại còn cổ động cho người Pháp di dân sang ta để làm nghề nông. Sác-lay Be[1] (năm 1896) phản đối cái tư tưởng cho rằng *"thuộc địa sở dĩ cần chiếm là để giành riêng cho giới công thương"*[2]; kẻ khác, dốt địa lý Việt Nam hơn, tuyên truyền rằng *"không còn nghi ngờ gì được rằng Bắc Kỳ có thể cung cấp cho ta lúa mì rẻ giá như Bắc Mỹ"*[3]. Điều chắc chắn hơn cả là, bọn cầm quyền tính rằng càng có nhiều người Pháp làm chủ đồn điền ở nông thôn, sơn lâm nước Việt thì Pháp càng dễ dàng thống trị dân Việt. Bên Pháp lúc ấy, số dân đã không tăng lên mà lại giảm xuống, phần thì nước Pháp không

1. Nhà xuất bản chưa tra được từ nguyên.
2. *La Politique coloniale de la France*, tr. 12.
3. E. Poiré, *L'émigration française aux colonies*, 1897, tr. 124.

thiếu đất tốt, cho nên người nông dân Pháp không ai muốn sang Việt Nam.

"Người ta tìm thấy những kẻ chú ý đến sự khai khẩn đất Đông Dương là chỉ ở trong số người đến đấy để làm những công việc khác: cố đạo, công chức hồi hưu, binh lính giải ngũ"[1].

Chú ý một điều là ở Việt Nam, ngay người nhà giàu Việt Nam cũng khó mà xin cho được một đồn điền: đồn điền như một miếng mồi dành riêng cho thực dân Pháp. Cũng thời là thực dân hết sức tàn ác, bọn Anh ở Mã Lai ăn miếng lớn và to, để miếng nhỏ và xấu cho bọn nhà giàu Hoa kiều, Mã Lai, Ấn kiều, bọn này cũng có một phần trong sự khẩn đất trồng cao su, v.v...; còn ở Việt Nam thì bọn thực dân Pháp gần như chỉ một mình chấp chiếm những vùng đất rộng lớn mà dân cư không đông; còn ở vùng dân đông thì, đặc biệt ở Nam Kỳ, Pháp để cho bọn tay sai của nó lần lần chấp chiếm phần quan trọng của công điền công thổ, vì vậy một phần mà ở Nam Kỳ ngày nay, số công điền còn lại rất ít. Độ 1893, ở miền trung du Bắc Kỳ, vì mấy năm chiến tranh, dân rất nhiều làng rút vào núi mà kháng Pháp, nên làng mạc thưa thớt đi; thực dân thừa cơ chiếm đoạt đất thuộc rất lâu nay; thằng Tây tự nhiên đến làm chủ hàng nghìn mẫu, biến cả dân làng và mộ người ở xa đến làm tá điền; có tên Thô-mê[2], năm 1895, nắm riêng trong tay nó 300 gia đình gồm 2.000 dân trong 14 làng[3]. Bọn chủ mới cho tá điền "cấy rẽ" nghĩa là mướn đất đóng tô, lại bắt tá điền ấy vay cả trâu bò, giống thóc, cày cuốc, cho nên những người làm ruộng mướn này vỏ là bần nông, ruột là cố nông, mà chính là một loại cố nông không tiền công hàng tháng, phải tự xoay sở mà ăn, mong cuối mùa còn thừa lúa chăng, nhưng cuối mùa thì lúa tô cộng với lúa mượn, thóc dụng cụ, thì không còn dư gì cả, lại phải đi vay để ăn làm mùa tới. Cái chế độ đó, bọn Pháp bấy giờ dám gọi là "hợp tác khai khẩn

1. Robequin, tr. 212.
2. Nhà xuất bản chưa tra được từ nguyên.
3. D. Lanessan, *La colonisation française en Indochine*, 1895, tr. 216.

https://tieulun.hopto.org

Pháp Việt". Toàn quyền La-nét-săn giao cho bọn chủ đồn điền ở đâu đều có quyền hành chánh ở đó, có nhà tù, có xử phạt, cử hội tề, có lính tráng như một ông vua nhỏ. Vì vậy mà một cuộc đấu tranh rất gay go và kịch liệt giữa nông dân các vùng trung du với thực dân Pháp, xảy ra ngay vào cuối thế kỷ XIX; một số đồn điền của Pháp sẽ bị giải tán, phải trả đất lại cho nông dân.

Lúc bấy giờ, hầu hết các đồn điền của Pháp là đồn điền trồng lúa, dù ở Bắc hay Nam. Ở Bắc, từ năm 1888, Pháp đã bắt đầu lập đồn điền cà phê 300 gốc ở Phủ Lý. Cũng bắt đầu nghĩ đến chè; chè Việt Nam tốt; bọn tư bản, năm 1894, phái một ông cha! là Mai-da (Maillard) đi Trung Quốc để nghiên cứu cách ướp chè. Thật "chữ chè cùng với chữ cha nửa vần"! Năm 1893 là năm đầu tiên mà Việt nam xuất cảng chè qua Pháp, nhưng mãi đến sau thế giới đại chiến lần thứ nhất thì sự trồng chè mới là quy mô. Đến 1897, ở Việt Nam bọn Pháp mới bắt đầu thử trồng vườn cao su, trước hết là ở Sài Gòn và nhất là ở Thủ Dầu Một.

Cũng chính lúc bấy giờ là lúc mà thực dân Pháp bắt đầu bắt phu miền Bắc vào đồn điền miền Nam, nhưng hãy còn ít thôi; Nam Kỳ thuở đó chưa quá 2 triệu dân; đến 1896, chưa có một điều lệ gì về phu đồn điền cả; chế độ phu ở đồn điền Nam Kỳ rất khắc nghiệt như chế độ một trại tù; từ 1896, bắt đầu có thể lệ về nhân công, thể lệ ấy chỉ nằm trên giấy. Ta còn nhớ những vụ gọi là "bắt mọi bòn bon" xảy ra ở Nam Kỳ; vốn là nước Pháp còn một ít thuộc địa ở Ấn Độ Dương, các đảo mà lúc ấy gọi là đảo Bua-bông(1); ở đảo Bua-bông Pháp trồng mía nhưng thiếu nhân công; bọn chủ đồn điền yêu cầu với bọn Pháp ở Nam Kỳ, bọn Pháp ở đây ruồng bắt dân mà chúng gọi là làm loạn; tới phiên chợ "bán mọi bòn bon" thì thực dân bỏ người vào bao, bó cột lại; tay sai của lũ chủ đồn điền mía đến, cứ hú họa chỉ mấy chục hay mấy trăm bao, mỗi bao đều giá tiền giống nhau, may gặp nhiều đàn ông và trai trẻ thì tốt, còn gặp đàn bà, già cả hay trẻ con thì không tốt bằng nhưng

1. Bourbon.

vẫn phải lấy đi. Thủ khoa Huân là một trong những người bị "bán mọi bòn bon".

Cuộc cướp đất công điền ở Nam gây ra nhiều sự phản ứng của nhân dân cũng như sự cướp đất ở các làng trung du Bắc Kỳ; cho nên, đến 1897 thì Pháp phải ngừng việc chấp chiếm công điền, khi ấy hơn phần nửa công điền đã lọt về tay địa chủ, tất nhiên là địa chủ đút lót cho quan Tây để chấp chiếm; cũng trong thời gian đó, nông dân trung du Bắc Kỳ đấu tranh kinh tế thắng lợi, lấy lại được nhiều đất, một số đồn điền Pháp ở đó bị giải tán. Ngược trở lại, thì từ tháng 10 năm 1897, triều đình Huế thừa nhận cho bọn thực dân Pháp được phép chiếm đất, mở đồn điền, và liền hai năm đầu (1897 - 1898), ở Trung Kỳ, Pháp chiếm một hơi 60 nghìn héc-ta; từ nay Trung Kỳ, trong thực tế, là thực dân địa của Pháp y như Nam Kỳ và Bắc Kỳ; sau này, khi vùng đất đỏ Tây Nguyên được thực dân tìm thấy thì sự chấp chiếm lại còn kịch liệt hơn đâu cả.

2. Kỹ nghệ. Trong thời gian này, ở Chợ Lớn Sài Gòn, một số nhà máy xay gạo mới đã được dựng lên, chạy bằng máy móc tương đối tân thời. Đến 1895 thì ở Nam Kỳ có tới 200 xưởng nhỏ xay gạo. Ngoài số đó thì ở Sài Gòn có 2 cái lớn chạy bằng hơi nước, ở Chợ Lớn có 7, trong số 7 nhà máy lớn đó, 4 là của người Trung Quốc. Vốn của tất cả các nhà máy này là 150.000.000$, một số vốn rất lớn; các nhà máy xay to nhất có đến 350 mã lực, 11 cối và xay được 1.209.000 bao lúa một năm (1893). Ở Bắc và Trung chưa có nhà máy xay gạo nào. Có người Pháp chủ đồn điền ở Nam Kỳ tự lập nhà máy xay gạo ở trong đồn điền, bán gạo không phải qua tay Hoa kiều chuyên chở; như thế là bọn thực dân Pháp cạnh tranh thêm mạnh với tư bản Hoa kiều, đồng thời làm mất nghiệp hàng nghìn, hàng vạn nhà Việt Nam lâu nay sống về nghề xay giã. Chẳng những trong địa hạt lúa gạo là địa hạt quan trọng nhất nhì, mà cả trong các địa hạt khác nữa; ví như trên sông Đồng Nai và trên sông Bé, bọn thực dân Pháp vừa khai khẩn đất, vừa làm rừng và lập trại cưa lớn (vùng 2 sông này là vùng có nhiều gỗ nhất Nam

https://tieulun.hopto.org

Kỳ), trại cưa chạy bằng máy và có gỗ xuất cảng; ở đây Pháp cạnh tranh với người Hoa kiều và cũng cạnh tranh với hàng trăm xưởng thủ công làm nghề cưa, nghề đóng bàn ghế của người Việt Nam xưa nay thịnh hành nhất ở Lái Thiêu.

Trước 1894 thì người Hoa kiều được Pháp cho mướn cái độc quyền nấu rượu; họ thu được lời to lắm; còn chính phủ thuộc địa thu được 600.000$ thuế mỗi năm. Nay lập chế độ mới thì số thuế sẽ lên tới 820.000$; đó là riêng Nam Kỳ, nơi mà dân phải nộp quá nhiều thuế rồi. Từ năm 1894, Pháp không để Hoa kiều độc quyền nấu rượu nữa, La-nét-săn ký nghị định ngày 1-1-1894 cho "nấu rượu tự do", đánh thuế từng lít. Pháp từ nay lập công ty nấu rượu lớn, cạnh tranh với Hoa kiều và tư nhân Việt Nam; công ty Pháp tất nhiên là được nhiều điều kiện dễ dãi nhất; công ty nấu rượu Pháp sau này lại hóa thành một cái độc quyền vô cùng tàn nhẫn.

Mãi đến 1895 thì cả Đông Dương mỗi năm mua 250 triệu bao diêm của Nhật Bản do người Hoa kiều nhập cảng. Người Hoa kiều thu một món lời rất cao là 80% giá bán diêm. Bọn Pháp thấy lợi xông vào. Năm 1891, đã có một người Pháp lập một xưởng diêm ở Hà Nội quy mô còn nhỏ. Người Thụy Sĩ tên là Măn-gơ[1] lập một xưởng diêm nữa ở Vinh. Công ty Buốc-goan Mép-phrơ[2] thành lập, có một xưởng dệt bắt đầu ở Hà Nội với 170 thợ, xưởng này không sản xuất được đều vì mua được ít tơ mà thôi; năm 1895 nó phải đóng cửa để năm 1897 sẽ mở lại; cũng công ty ấy lập một xưởng diêm lớn dùng đến 450 thợ. Ở Bắc Kỳ lúc đó, Pháp còn lập ra một số công ty khác: như công ty Sơ-nay-de[3], lập một nhà in và một nhà máy giấy (cạnh tranh đã mạnh với thủ công làm giấy cổ truyền của Việt Nam), công ty làm giấy này đã dùng đến 150 thợ; xưởng rượu của Đơ-nôi[4] và xưởng rượu Uyệt-lanh[5], xưởng

1. Nhà xuất bản chưa tra được từ nguyên.
2. Bourgoin Meiffre.
3. Schneider.
4. Denoe.
5. Wurhlin.

Bi-e[1] của Ha-men[2] ở Hà Nội, xưởng làm xà phòng ở Hải Phòng cũng đã mọc lên, còn nhỏ thôi. Năm 1892, Hải Phòng có nhà đèn điện, rồi tới phiên Hà Nội. Năm 1896, ở Bắc, thấy xuất hiện một loạt nhà máy do công ty Buốc-goan Mép-phrơ: nhà máy ngói, gạch, dùng đến 700 công nhân trong năm 1896 ấy.

Trong thời kỳ này cũng thấy xuất hiện một số công ty cơ khí: làm cầu sắt nhỏ, sườn nhà, hàng rào sắt và đóng tàu nhỏ: trước đó Đông Dương mua tàu nhỏ ở Hương Cảng, bấy giờ Hải Phòng mua sắt của Pháp mà đóng tàu, sửa tàu: đó là công ty Mác-ty Ap-đu-đi[3] làm cả vỏ và máy. Còn ở Đáp Cầu, tên thực dân Le-roa[4] lập xưởng làm cầu, thầu hầu hết các cầu sắt ở Bắc. Năm 1893, riêng ở Bắc Kỳ mua của Pháp đến 1.331 tấn sắt.

Trong cả Đông Dương, Bắc Kỳ là nơi trước có nhiều thủ công nhất, và cũng có nhiều khả năng phát triển kỹ nghệ nhất vì nguyên liệu nhiều, nhân công đông, thị trường sẵn. Trong Bắc Kỳ thì công nghệ đào mỏ có nhiều triển vọng nhất; trong các loại mỏ thì loại mỏ than được thực dân chú trọng nhất; than tốt và nhiều, ở mặt đất, gần biển. Pháp đến là nó lo chiếm và khai mỏ than ngay. Đến năm 1895 thì mỏ Hòn Gai và Cái Bầu đã sản xuất nhiều và xuất cảng từ 10.000 đến 12.000 tấn than; ở mỏ đó, đã có đường goòng xe lửa 15 cây số. Riêng mỏ Hà Tu có một lớp than trên mặt đất, dày 50 mét, tới 4 triệu tấn, dài 24 cây số, dùng có khi đến 3.000, 4.000 công nhân toàn là người Việt dưới quyền của độ 50 người Pháp; Pháp đem than Hòn Gai ra Hương Cảng, ở đây chúng có một nhà máy, nhà máy này mỗi ngày đóng 200 tấn gạch than để bán. Mỏ Cái Bầu cũng thịnh; từ 1891 đến 1895, Pháp bỏ 6 triệu quan vốn vào đó, có lập 15 cây số đường goòng xe lửa, có lập 2 nhà máy sàng và đóng thành gạch 300 tấn mỗi ngày; đến 1895 thì mỏ này có thể sản xuất 12 nghìn tấn mỗi tháng. Ở Nông Sơn, Quảng Nam, Pháp

1. Nhà xuất bản chưa tra được từ nguyên.
2. Hamel.
3. Maty Abduddie.
4. Leroy.

https://tieulun.hopto.org

đã bỏ triệu rưỡi vốn khai mỏ than, nhưng rồi phải đóng cửa. Tên tư bản Mác-ty tìm thấy mỏ than, ở Yên Bái và đã bắt đầu khai thác. Theo nghị định tháng 10 năm 1888 thì hễ mỗi tấn than, nhà tư bản đóng thuế 0f75, đóng thuế thêm 3% khi xuất cảng, và đóng thêm 0f10 tiền thống kê, nói chung thì đóng thuế 10% giá một tấn than, đó là mỏ Cái Bầu. Thế lực tụi chủ mỏ than tăng lên nhiều, nên từ tháng 4 năm 1893, Phủ Toàn quyền thủ tiêu lệ cũ mà chỉ đánh 0f50 mỗi tấn rồi từ tháng 10 năm ấy, mức thuế xuống còn 0f25. Lời của chủ mỏ đã to, ấy vậy mà mức thuế đánh vào than lại sụt xuống, cho nên lời lại càng to hơn. Các thứ thuế đất đều thủ tiêu, làm như vậy để bọn Pháp đua nhau tìm mỏ và khai mỏ nhiều hơn nữa, thuế này hồi 1888 là 10f mỗi héc-ta. Ta cứ xem như có chủ mỏ xin 4, 5 nghìn héc-ta, thì sự bỏ thuế này lợi cho chúng là bao, mà dân ta phải nai lưng ra đóng để lấp cái lỗ hổng trong ngân sách là bao; bọn chủ mỏ ấy chỉ cần trả một lần thôi, 20f mỗi héc-ta, là làm chủ đời đời cái vùng đất của nó chiếm. Hơn nữa, hai năm đầu chúng khỏi phải đóng bất cứ thứ thuế nào.

Trong suốt thời kỳ này, chưa thấy công ty tư bản nào, hay nhà tư bản Việt Nam nào có tiếng; duy ở Hải Phòng có người Việt Nam lập lò nấu muối nhỏ thôi, và ở Chợ Lớn có 3, 4 chủ nhà máy gạo; thấy có anh em Đinh Tráng, Đinh Hòe là bọn tư sản mại bản Việt Nam xuất hiện, bọn này thầu làm nhiều trại lính, đồn bốt của Pháp ở Hải Dương, Yên Bái, Bắc Ninh, thầu cái phà Hà Nội, thầu một phần đường xe lửa từ Hà Nội lên Phủ Lạng Thương. Bọn tư sản mại bản này đã làm chủ gần 500 công nhân, chúng có cách hay để bắt công nhân làm nhiều hơn là chủ Pháp. Bọn đó lại có cả lò vôi ở Ninh Bình. Tuy tài liệu không có ghi rõ, đám tư sản mại bản này, ngay lúc đó, không phải chỉ có vài ba tên đâu. Lúc ấy có người Pháp đã nói về bọn họ Đinh này: *"hắn không phải là người duy nhất trong số những người đi tìm việc với Pháp và đã trở thành ra cái hình thức của chủ nghĩa tư bản xứ"*.

Ta thấy rằng, thực tế thì công nghệ đáng gọi là công nghệ ở Việt Nam lúc ấy mới lè tè, còn ít ỏi thôi, ở trong tay của Pháp - và Hoa kiều - thế mà Pháp đã lo ngại rồi, lo ngại rằng, công nghệ ở Việt Nam cạnh tranh với hàng hóa và công nghệ ở bên Pháp. Ví như năm 1895, tên Toàn quyền La-nét-săn đã phải nói rằng chỉ nên mở mang những công nghệ nào mà không cạnh tranh với hàng hóa từ Pháp đem sang; theo hắn, tơ lụa có thể sản xuất ở Việt Nam phải nhập cảng của Nhật (năm 1893 Pháp phải mua 14.009.002 ki-lô tơ lụa sống của Trung Quốc và của Nhật là phần lớn). Còn đay thì, theo La-nét-săn, không nên mở xưởng sản xuất tại Bắc Kỳ vì bên Pháp đã có nhiều xưởng đay; hay nếu có lập xưởng thì không cho xuất cảng qua Pháp.

"Vì nhân công Đông Dương rẻ giá quá, cho nên nhà kỹ nghệ Pháp tin rằng rất dễ dàng mà cạnh tranh với xưởng dệt đay ở Pháp, làm cho trong một thời gian ngắn các xưởng đay bên Pháp phải đóng cửa. Các xưởng đay ở Săng-đéc-na-gơ[1] đang hăm dọa các xưởng đay bên Pháp vì hàng đay Săng-đéc-na-go vào Pháp không phải đóng thuế gì"[2].

Giấy, theo La-nét-săn thì chỉ nên sản xuất giấy bản và vàng mã mà thôi vì giấy "tây" thì đã có của Pháp đem qua, v.v... Ở gần Hà Nội có mấy làng thủ công làm sành sứ, ở Móng Cái, chưa thành công nghệ lớn, ấy thế mà thực dân Pháp đã lo rằng tiểu thủ công đó sẽ cạnh tranh với đồ sứ của Pháp. Trước khi bị cách chức, La-nét-săn còn căn dặn các bọn thực dân rằng:

"Các nha công nghệ Pháp cần để phòng cái tình trạng đã xảy ra ở Bom-bay. Ở Bom-bay, các xưởng dệt không phải ở trong tay các người tư bản Anh mà là ở trong tay các nhà tư bản và các nhà công nghệ người bản xứ".

1. Chandernagor.
2. Lanessan, *La Colonisation de l'I.C*, tr. 255.

https://tieulun.hopto.org

Tuy vậy, La-nét-săn cũng nói rõ thêm là ví như năm 1893, Đông Dương mua tới 6 triệu rưỡi cuộn sợi, nhất là Bắc Kỳ mua tới 1 triệu 8, bọn Pháp thèm thuồng lập xưởng kéo sợi và dệt vải ở Bắc. La-nét-săn nói:

"Ở Bắc Kỳ bây giờ, chưa phải lúc người bản xứ có thể lập được những xưởng dệt, nhưng có thể có người ngoại quốc có ý định như thế".

Ta thấy rõ cái đường hướng khai thác của thực dân là chỉ mở cái kỹ nghệ gì hoặc không cạnh tranh với kỹ nghệ Pháp, hoặc phụ thuộc cho kỹ nghệ Pháp, mà ngược lại thì cạnh tranh với các nghề làm ăn cổ truyền, thủ công, của người Việt Nam - cả người Hoa kiều nữa. Lúc bấy giờ, ngay ở nghị viện Pháp, đã một lần thảo luận sôi nổi về kỹ nghệ ở Việt Nam, bọn đại biểu tư bản ầm ầm chống sự thiết lập công nghệ dệt tơ lụa ở ngoài Bắc nói riêng và ở Đông Dương nói chung.

3. Thương mại. Năm 1885, ở Bắc Kỳ và Trung Kỳ, sự xuất nhập là 19 triệu quan; đến năm 1893, xuất nhập lên 95 triệu. Riêng số nhập năm 1893 của Bắc là hơn 37 triệu, của Trung là gần 4 triệu, cho cả hai là 41 triệu; so với hồi năm 1885, số nhập của cả hai là 18 triệu. Cũng năm 1885, riêng số xuất chỉ có non một triệu quan; đến 1893, Bắc xuất 12 triệu rưỡi, Trung xuất 2 triệu rưỡi, cả hai là 15 triệu. Thế là đến 1893, xuất 15 triệu, nhập 41 triệu, nhập gần 3 lần hơn xuất. Ai cũng biết rằng một xứ nhập nhiều hơn xuất là một xứ đang đi trên đường phá sản về kinh tế và tài chính.

Trong sự xuất nhập này, ta thấy rằng cái phần của Pháp có khá lên: năm 1887, một phần ít số nhập cảng là hàng Pháp; năm 1893, hàng Pháp nhập cảng chiếm hơn một phần ba. Nếu kể rằng năm 1887 ở Trung Bắc có 20.000 lính Pháp, năm 1893 còn 7.000 lính Pháp ở Trung Bắc (không kể mã tà lính tập) thì ta thấy rằng thị trường Trung Bắc đã bắt đầu là một thị trường béo cho kỹ nghệ Pháp rồi.

Phân tích những con số trên, ta thấy: năm 1893, trong số hàng nhập cảng vào Bắc Kỳ thì có 8.800.000f hàng Pháp, 11 triệu hàng Âu Mỹ, 6 triệu hàng các nước Á châu. Để tăng phần của nó, và đánh bại hàng các xứ khác, thực dân Pháp chủ trương là nhà tư bản Pháp phải lập ở Bắc những xưởng lò gốm, làm giấy, làm diêm, làm đường, kéo sợi và dệt vải, khi làm được những xưởng đó thì tăng thuế thương chính để giữ cho tư bản Pháp một ưu thế về giá cả trên thị trường Đông Dương. Còn, để bảo vệ cho hàng hóa từ Pháp sang thì đánh thuế nặng các hàng Âu Mỹ như vải, lụa, bột, sắt, xi-măng v.v...

Bắc Kỳ xuất cảng còn rất ít, dân không có mấy tiền. Và từ ngày Pháp đến thì giá đồng bạc trắng cứ sụt mãi, cho nên những giá hàng mà dân phải mua tự nhiên lại lên, lên gần 100% vì: ví như năm 1889 giá l$=4f, thì 1893 giá l$=2f50; người Pháp 3 năm trước mướn nhân công, ví dụ, 1 triệu, thì 3 năm sau cũng mướn một triệu, ấy thế mà để đi mua vật dụng thì giá trị tiền đó còn có phần nửa mà thôi, tức là dân ta lỗ, Pháp tự nhiên lại lợi thêm 100%.

Số xuất cảng của Bắc Kỳ năm 1893 là 11.131.000f, xuất qua Pháp có 300.000f mà thôi. Như thế lúc ấy Bắc Kỳ chưa thành một nguồn nguyên liệu quan trọng cho kỹ nghệ Pháp, trong khi nó đã là một thị trường khá quan trọng rồi. Ngược lại Bắc Kỳ xuất cảng hầu hết ra Hương Cảng (gạo, tơ, đỗ, riêng tơ thì năm 1893 đó, Bắc Kỳ xuất cảng 30.000 ki-lô), cá ở vịnh Hạ Long có 1.000 thuyền đánh cá hầu hết là của người Hoa kiều, bông vải (461.000 ki-lô, bã giấy, củ nâu (74.000 ki-lô), gỗ (1.249 tấn gỗ tốt, 1.544 tấn tre và 2.138 tấn củi), than (160.000 và các món lương thực khác. Bắc Kỳ xuất cảng có hơn 10 triệu quan mà đóng thuế tới gần 20 triệu quan vào ngân sách thì ta cứ tưởng tượng được tình cảnh nghèo khó của dân ta đến mức nào; trong lúc đó Nam Kỳ xuất cảng trên 80 triệu quan, đóng thuế vào ngân sách 35 triệu mà ngay một số nhà cầm quyền nhận thấy rằng thuế đã quá cao rồi, nếu tăng lên thì tăng lòng bất bình của quần chúng.

https://tieulun.hopto.org

Cũng trong khoảng thời gian này, trên sông Hồng, từ Vân Nam ra Hương Cảng, sự giao thông có tăng lên nhiều. Năm 1890, Pháp cho hai pháo thuyền nhỏ che chở cho từng đoàn thuyền 30, 40 chiếc, lên xuống sông Cái; chúng cũng dọn lòng sông ấy; riêng năm 1893, đã có 8 triệu rưỡi quan hàng hóa nhờ đường này đi từ Vân Nam xuống hay lên Vân Nam. Cho nên Pháp đã dự định ngay từ đó sự thành lập đường xe lửa Hà Nội - Côn Minh.

- Trong thời kỳ này Trung Kỳ xuất nhập lại nhiều hơn Bắc Kỳ: năm 1893 Trung xuất nhập đến trên 25 triệu nếu kể luôn cái số hàng đưa ra Bắc vào Nam và từ Nam, Bắc đưa vào. Kể như thế, thật ra là không đúng vì Nam Bắc Trung đều là Việt Nam. Nhưng Nam Trung Bắc lúc ấy đã bị Pháp chia ra làm ba chế độ cai trị có khác nhau với ba ngân sách khác nhau. Thực tế của kinh tế chứng minh rằng, dù Pháp chia cắt, sự mua bán và liên hệ giữa ba kỳ phải khăng khít; bằng cớ là ví như trong số 25 triệu quan kia thì gần 20 triệu là số hàng "xuất nhập" của Trung Kỳ đối với Nam Kỳ và Bắc Kỳ, chỉ có 6 triệu hơn là trực tiếp xuất nhập đối với nước ngoài. Ở đây thì Trung Kỳ chỉ nhập của Pháp 216.000f (trên 4 triệu) và xuất ra Pháp 236.000f (trên 2.400.000f - Nói một cách khác, phần của Pháp hãy còn ít hơn phần của các nước khác. Bấy giờ hàng hóa sang Lào hay từ Lào ra bể thực ra chưa có gì đáng kể. Duy sự chuyên chở bằng đường biển thì đã bắt đầu khá thịnh, trong nghề này thì trừ một ít tàu máy Pháp, hàng hóa đều do thuyền buồm Việt Nam. Những món hàng chính trong sự xuất cảng của Trung Kỳ là đồ sơn, lâm sản, đồ kỹ nghệ thì chủ yếu là tơ lụa và đường.

- Thương mại phát triển nhất là Nam Kỳ. Không kể cái xuất nhập đối với các xứ khác trong Đông Dương thì con số ngoại thương lên đến 116.250.000f năm 1892, trong số này, nhập là 35 triệu rưỡi mà hơn 9 triệu rưỡi là hàng Pháp, và xuất là trên 80 triệu rưỡi mà gần 9 triệu là hàng Pháp. Như thế, thị trường miền Nam đã là một thị trường khá quan trọng cho kỹ nghệ Pháp, Pháp bán nhiều nhất là vải vóc tơ lụa, những món kim khí, thức ăn và

rượu; nó mua nhiều nhất là gạo, các thức ăn khác. Năm ấy, trên số 80 triệu rưỡi xuất cảng thì phần lúa gạo đã chiếm tới 75 triệu rồi; hàng thứ hai là cá khô. Như thế ta thấy năm tháng càng qua thì vận mạng Nam Kỳ với hai triệu dân càng bị cột vào sự xuất cảng của một món hàng: lúa gạo; bán lúa gạo được thì sống được; gặp lúc Đông phương trúng mùa thì lúa gạo bán không được, tất cả đều nguy, chế độ độc canh rất tai hại. Ta lại thấy rằng lúc ấy, trừ dừa khô và da thú thì Nam Kỳ chưa cung cấp nguyên liệu gì đáng kể cho kỹ nghệ Pháp. Cao su mới trồng thử mà thôi. Ta lại thấy rằng, khoảng thời gian này Pháp mua lúa gạo Nam Kỳ nhiều hơn trước mà đánh thuế nặng lúa gạo Ấn - Diến vào Pháp (ví như năm 1891, Pháp nhập 36 triệu quan gạo Ấn - Diến, thì năm 1893, chỉ nhập 7 triệu rưỡi thôi); và lại giá đồng bạc trắng càng xuống so với giá đồng quan thì Pháp càng có lợi mà mua ở Việt Nam với giá rẻ hơn.

Gần tất cả sự xuất nhập cảng của Khơ-me đều qua Sài Gòn.

4. Công chính. Thời kỳ lịch sử này là một thời kỳ mà ngân sách luôn luôn hụt; tiền thu thuế trực tiếp và gián tiếp, thuế thương chính, v.v... không đủ để lấp cái hố do chiến tranh xâm lược đào ra. Cho nên, thực sự chưa có kiến thiết; *"cho đến 1891, vì thế mà người ta tuyệt đối từ chối không làm một công trình xây dựng nào ở Bắc Kỳ và Trung Kỳ"*[1] mà về sau, nếu có, thì phần lớn sự kiến thiết chú trọng vào phục vụ mục đích quân sự xâm lược. Bọn toàn quyền thấy cần phải kiến thiết cái gì *"để chứng tỏ cho dân Việt Nam rằng Pháp quyết ở lại, không chịu để bị đánh đuổi đi đâu"*; nhưng kiếm tiền không đủ; theo báo cáo của La-nét-săn thì ngay bọn cô-lông[2] Pháp cũng bắt đầu thất vọng về tương lai. Tên Toàn quyền Pi-kê năm 1890, có xin chính phủ Pháp cho vay 60 triệu để xây dựng; nhưng chẳng đợi đến nghị viện bỏ thăm, ngay tiểu ban ngân sách của nghị viện đã bác lời yêu cầu của toàn quyền Đông Dương rồi.

1. Lanessan, *La colonisation française en Indochine*, tr. 278.
2. Colomb.

https://tieulun.hopto.org

Nói một cách khác, nghị viện Pháp lúc đó không đủ tín rằng Pháp có thể ở lại Bắc Kỳ.

Mà phải xây dựng ít nhiều "để cho những người cô-lông có việc làm ăn" (lời của La-nét-săn) và "để cho người Việt bớt tin rằng người Pháp sắp cút". La-nét-săn tìm cách xoay sở, ép nặn dân để có một số tiền mà xây dựng. Nó xây dựng gì?

Trước hết, phần lớn là xây dựng trại lính, đồn bốt và nhà cho các quan Tây. Ví như năm 1892, xây dựng cho quân sự thực dân là 242.500$ mà xây dựng không quân sự chỉ là 16.400$. Năm 1893, xây dựng cho quân sự thực dân là 256.500$ mà xây dựng không quân sự chỉ là 87.000$. Tất cả các đồn trại các nơi từ gần đến xa, từ đồng bằng đến biên giới, đều làm bằng gạch ngói, tốn tiền của không biết mấy; nếu lúc ấy có lập vài nhà thương ở Hà Nội, Quảng Yên là cũng cho quân sự và bọn cô-lông thôi; các nơi xây dựng gọi là không phải quân sự thì đại khái chỉ các dinh toàn quyền, công sứ; thế thôi.

Hải Phòng (1893), Hà Nội (1895) có điện nước. La-nét-săn không ngại gì mà nói thật rằng *"phải làm máy điện, máy nước cho hai thành phố chính là Hà Nội và Hải Phòng là để cải thiện sinh hoạt cho người Âu châu ở Bắc Kỳ."* (tr. 286, 287)

Trong thời kỳ này, Pháp ra lệnh phá nhiều di tích lịch sử của ta như: phá thành Hà Nội, phá thành Nam Định, Ninh Bình, Hưng Hóa, v.v...

Từ khi Pháp đến miền Bắc cho đến 1890 thì gần 8 năm rồi, chúng không chú ý đến đê điều gì cả. *"Đê điều không được ta chú ý gì cả từ ngày ta đến Bắc Kỳ, vì nhân dân luôn luôn sôi nổi"*; đó là lời của La-nét-săn, bấy giờ mới qua làm Toàn quyền. Nói *"nhân dân sôi nổi"* mà không tu sửa đê, thì ở thượng du, nhân dân lúc ấy vẫn sôi nổi, và sôi nổi còn hơn ở Trung châu, sao lúc ấy Pháp đã có thể làm con đường ray qua đèo từ Phủ Lạng Thương đến Lạng Sơn để chở binh lính? Từ 1893, Pháp bắt rất nhiều dân đi làm sưu chữa

đê; riêng hai năm 92 và 93, dân ta ở Bắc phải làm đến 9 triệu ngày công sưu đắp đê. Lại phải làm 14 triệu ngày công để làm 500 cây số đường lộ ở trung châu mà mục đích là để cho địch dễ dàng hành quân vào các khu kháng chiến; trong số 14 triệu ngày công đó thì địch chỉ trả 40.000$ tiền công mà thôi, còn bao nhiêu thì chúng quỵt mất hết, tính trung bình ra thì mỗi ngày công chưa được nửa xu! Ở Trung Kỳ cũng vậy, duy Pháp bảo triều đình bắt dân làm đường nối các tỉnh lỵ, huyện lỵ. Cũng để "trị an", tới 1893, địch đã dựng trên 5.000 kilômét dây thép ở Trung và Bắc, nhu cầu quân sự càng nhiều, chúng kéo dây thép càng dài.

Càng thấy rõ hơn nữa là việc làm đường xe lửa Phủ Lạng Thương - Lạng Sơn. Đường này được đấu giá từ 1889, với một mục đích chiến lược là vận tải cho căn cứ Lạng Sơn của địch. (Năm đó là năm mà cai Kinh bị bắt). Đường Phủ Lạng Thương - Lạng Sơn bắt đầu làm từ 1890. Địch ban đầu sợ người Việt Nam, nên chỉ dùng nhân công Trung Quốc; về sau thì dùng toàn nhân công Việt Nam (6.000 người); nhân công chết vô số; các công trường bị nghĩa quân đến đánh luôn luôn: ví như ngày 1-7-1892 thì tên Pháp thầu khoán ở đó là Vezin[1] bị chính anh em nhân công bắt đem lên núi; đội quân của quan tư Bon-nô[2] áp tải một đoàn xe và người chuyên chở bị nghĩa quân đón đánh gần Bắc Lệ, Bon-nô và bè lũ bị tiêu diệt; tên thầu khoán Bu-ê[3] bị bắt kế đó; rồi tên thầu khoán Phơ-rít[4] lại mất tích hồi tháng 10; năm sau thì các tên thầu và cai Sét-nay[5], Lo-gi-ông[6] cũng bị nghĩa quân bắt mang đi; chưa kể những tên chủ sự các nhà ga, các nhà bưu điện; trên đường Chi Lăng hiểm yếu có gần 2 trung đoàn Pháp canh gác luôn luôn. Mãi đến cuối tháng 12 năm 1894 đường xe lửa Phủ Lạng

1. Nhà xuất bản chưa tra được từ nguyên.
2. Bonneau.
3. Bouyer.
4. Fritz.
5. Chesnay.
6. Logion.

https://tieulun.hopto.org

Thương - Lạng Sơn mới xong; 5 năm để làm một đường ray ít chục cây số, rộng có 0m60 thôi, tốn 16 triệu.

Các con đường khác, Pháp mới dự định thôi: Hà Nội Phủ Lạng Thương, Hải Phòng Lào Cai, Hà Nội Sài Gòn, v.v... nhưng điều chắc chắn là một số tư bản đã ngó thấy rằng:

"Thuộc địa phải làm lợi cho mẫu quốc ba mặt: thứ nhất là làm cho người mẫu quốc đến đây mà sanh sống; thứ nhì là tiêu thụ hàng hóa mẫu quốc; thứ ba là làm nơi tốt để cho số vốn của người ở mẫu quốc do công trái thu góp lại, được lấy lãi nhiều. Đông Dương đã làm lợi cho Pháp bằng hai cách trên rồi; tôi thấy rằng cần phải ứng dụng cách thứ ba nghĩa là kêu gọi vốn Pháp đem qua Đông Dương để lấy lãi"(1).

Lời nói của La-nét-săn sẽ được thực hiện khi Pôn Đu-me sang làm Toàn quyền Đông Dương.

III. PHÁP XÂM CHIẾM ĐẤT LÀO

1. Các xứ Lào. Những xứ Lào ở xung quanh trung lưu sông Cửu Long, cả hai bên sông, nhất là bên hữu ngạn: có những xứ như Luang Prabang, Viên Chăn, Ba-sắc, v.v... chưa thành một quốc gia thống nhất. Về phía tây thì nước Xiêm đã lần lần chiếm gần hết các xứ ở hữu ngạn Cửu Long. Các vùng phía đông như Sầm Nứa, Trấn Ninh, Cam Môn, Cam Cúc bên kia dải núi Trường Sơn thì nội thuộc Việt Nam từ thời Minh Mạng. Còn các xứ ở giữa Trường Sơn với sông Cửu Long, ví như Viên Chăn, Luang Prabang thì hãy còn tự chủ, nhưng thường lệ cống nạp cho cả hai triều đình Xiêm, Việt, và cả Bắc Kinh nữa; những xứ Lào đó như là trái độn giữa hai nước phong kiến Việt, Xiêm. Nói cho đúng, triều đình Huế chú trọng đến các xứ Lào là về mặt quân sự mà thôi; Lê Văn Duyệt đã nói rằng muốn phòng thủ Gia Định phải phòng thủ trên Nam Vang, và muốn phòng thủ Huế phải phòng thủ trên Trấn Ninh.

1. Lanessan, *La colonization française en Indochine*, tr. 338 – 339.

Còn về mặt kinh tế, xứ Lào giáp Việt Nam thì nghèo nàn, dân thưa thớt, núi rừng khó mà ở được, khác hẳn các vùng O-đon, Kô-rạt, Xiêng-mài mà nước Xiêm đã chiếm.

Lễ cống nạp ở đây không có nghĩa là thuộc địa, bảo hộ; ở phương Đông lúc ấy nước nhỏ đối với nước lớn thường có cống nạp như thế, nhưng nước nhỏ ấy vẫn là tự chủ.

Pháp chiếm Nam Kỳ thì lên lấy Khơ-me. Pháp chiếm Nam Kỳ và Khơ-me rồi thì sai phái đoàn Đu-đa đờ La-gờ-rê đi thám hiểm dòng sông Cửu Long từ Khơ-me qua Vân Nam từ đó ý chí xâm lăng của Pháp đối với trung lưu sông Cửu Long đã rõ. Về sau nữa, khi Pháp xâm chiếm Bắc Kỳ và Trung Kỳ của nước Việt Nam, lập Phủ Toàn quyền Đông Pháp thì vấn đề chiếm các xứ Lào thuộc tả ngạn Cửu Long là điều tất nhiên.

2. Phái bộ Pa-vi. Pa-vi vốn là một người lính, về sau làm nghề điện tín, được Lơ-mia đờ Vi-le giao nhiệm vụ về địa đồ Khơ-me. Năm 1885 hắn được cử làm phó lãnh sự ở Luang-Prabang. Đặc điểm của Pa-vi là giống như Đuy-puy, hắn giả dạng như người bản xứ, ăn mặc theo lối bản xứ, nói tiếng bản xứ; duy khác Đuy-puy ở chỗ Đuy-puy có quân lực và hàng hóa nên hung hăn xâm chiếm, còn Pa-vi thì dùng mưu mẹo để lừa đảo dụ dỗ mà xâm chiếm.

Đầu 1887, Pa-vi đến Luang Prabang; hắn có nhiệm vụ tìm một con đường từ Lào sang Bắc Kỳ, để hút Lào sang phía Đông. Miền Bắc xứ Lào, từ vài mươi năm nay, gặp nhiều cảnh rất khó khăn: dân thiểu số Hồi giáo ở Vân Nam khởi nghĩa bị đánh bại, tàn quân lui xuống theo lưu vực Cửu Long và cả sông Đà, đó là quân Cờ đỏ; rồi đến quân Cờ vàng; Xiêm thừa cơ đem quân vào đến sông Đà, trong số quân Xiêm, có người Anh tên là Mắc Các-thy. Sự có mặt của Mắc Các-thy ở thượng Lào và sông Đà biểu hiện sự cạnh tranh giữa Anh và Pháp ở vùng thượng Lào và vùng tây bắc Bắc Kỳ. Trong cái mâu thuẫn này có Tôn Thất Thuyết tìm cách chen

https://tieulun.hopto.org

vào để bẫy cho Xiêm và Pháp xung đột nhau. Pa-vi càng muốn gấp rút dò đường từ Lào sang Bắc. Pa-vi cố đi qua Mường Thanh (tức Điện Biên Phủ) và Mường Lai (tức Lai Châu); hắn bị ngăn lại giữa đường bởi quân đội của Đèo Văn Trì.

Lần khác, Pa-vi từ Lào sang để gặp binh đoàn của tên Péc-nô từ Hà Nội lên sông Đà. Trở về Luang Prabang, Pa-vi lại đi lên ngõ Cam Môn để dòm địa thế; ở đây quân Pháp và quân Xiêm đã bắt đầu xung đột nhau, nhưng rồi hai bên ký Hiệp ước 17-3-1889, theo hiệp ước đó thì hai bên đều giữ nguyên trạng, sau sẽ quy định biên giới. Lúc bấy giờ bên Pa-vi thành lập một tổ chức tư bản gọi là "Hội Thượng Lào". Pa-vi được cử làm lãnh sự ở Băng Cốc, lần này hắn đi với một đoàn văn võ, được "Hội Thượng Lào" bảo trợ, mang theo 15 tấn hàng hóa để bắt đầu mua bán trong vùng trung lưu sông Cửu Long, lập thương điếm ở đó, không phải kiếm lời ngay, mà để làm cái bằng có rằng ở trung lưu sông Cửu Long, Pháp đã có quyền lợi kinh tế. Trong lúc đó thì bọn Pháp khảo cứu lưu vực Cửu Long từ Vân Nam tới Khơ-me; bọn Pháp hoạt động ở đó suốt hai năm.

3. Xung đột Pháp - Xiêm. Một khi ở Việt Nam và Khơ-me, thế lực Pháp có phần vững thì tất nhiên Pháp sẽ xé Hiệp ước 17-3-1890; Pháp nói rằng Xiêm vi phạm hiệp ước đó; thật ra, trước và trong khi ký Hiệp ước 1890, quân Xiêm đã đóng hàng trăm cây số về phía tả ngạn sông Cửu Long gần sát núi Trường Sơn, và trên lưu vực Cửu Long thì họ đóng đồn ở Stung-Treng; thì quân Xiêm phá ước làm gì? Pháp cố phá ước là để chiếm luôn dải đất rộng rãi từ Trường Sơn qua tới Cửu Long như báo chí sách vở của chúng đã nói và đã đòi từ bao lâu rồi. Tháng 2 năm 1893, nghị viện Pháp quyết định cho phép chính phủ Pháp chiếm xứ Lào. Lúc bấy giờ, Toàn quyền Đông Dương là La-nét-săn; hắn ra lệnh cho một đoàn quân Pháp đi từ Quảng Trị lên đèo Ai Lao, nhổ các đồn Xiêm, qua đóng trên tả ngạn Cửu Long ở Kem-ma-rat[1]; một đoàn quân

1. Nhà xuất bản chưa tra được từ nguyên.

Pháp khác từ Vinh lên đèo Quy Hợp, qua Cam Môn, tên chỉ huy Pháp là Gờ-rốt-guy-ranh[1] bị quân Xiêm giết, nhưng chúng cũng qua đến tả ngạn Cửu Long; một đoàn khác từ Khơ-me lên chiếm Stung-Treng, Khôn; quan ba Pháp là Thô-rơ[2] bị quân Xiêm đánh lại và bị bắt, nhưng rồi Pháp cũng chiếm được vùng này.

Thế là quân Pháp ba mặt tấn công quân Xiêm; vậy mà Pháp vẫn nói láo rằng Xiêm phá ước. Nó lại điều động đoàn hải quân Viễn Đông của nó do Đô đốc Hu-man[3] cầm đầu, kéo đến vịnh Xiêm gọi là để buộc Xiêm đền mạng cho tên Gờ-rốt-guy-ranh. Hai chiếc chiến hạm Pháp toan vào sông Mê Nam để đi lên Băng Cốc thì bị đại bác Xiêm ngăn lại; một số quân Pháp tử trận, nhưng tàu Pháp lên đến Băng Cốc. Hải quân Pháp phong tỏa bờ biển Xiêm. Cuối tháng 7, Xiêm yếu thế phải nghị hòa. Lơ-mia đờ Vi-le sang Băng Cốc; Xiêm Pháp ký Hòa ước mồng 3 tháng 10 năm 1893. Theo hòa ước đó thì Xiêm công nhận cho Pháp chiếm tả ngạn Cửu Long (tức xứ Lào); Xiêm không được đóng quân ở một mảnh đất 25 cây số dọc hữu ngạn Cửu Long và ở Siem-rệp[4], Bat-tam-bang; trên sông Cửu Long và trên Biển Hồ, Xiêm không được có tàu chiến: Pháp chiếm hải cảng Chăng-ta-bun[5] cho đến khi nào hòa ước được hoàn toàn thực hiện.

4. Mâu thuẫn với Anh. Thực dân Anh đã lấy nước Diến Điện từ năm 1885 và đã lên lấy các xứ San (Thái ở miền bắc nước Diến), Anh có nhiều thế lực chính trị và kinh tế ở Băng Cốc. Một số hoàng thân Diến lại trốn sang ở Sài Gòn, có cái cuồng vọng là nhờ Pháp mà chống Anh! Tất nhiên mâu thuẫn Pháp - Anh gặp lúc nổi lên. Từ mấy năm nay, Pháp và Anh đã thương lượng với nhau để lập một vùng trái độn giữa thuộc địa Pháp và thuộc địa Anh, trên lưu vực Cửu Long giang; nhưng vùng trái độn ở chỗ nào, đó

1. Nhà xuất bản chưa tra được từ nguyên.
2. Nhà xuất bản chưa tra được từ nguyên.
3. Nhà xuất bản chưa tra được từ nguyên.
4. Siem Reap.
5. Nhà xuất bản chưa tra được từ nguyên.

https://tieulun.hopto.org

là vấn đề. Pháp phản đối việc Anh chiếm Mường Sing, ở Lào, trên tả ngạn Cửu Long, Pa-vi thu xếp mãi không được. Nhưng lúc ấy mặt địa cầu còn nhiều nơi chưa bị chia tay hết, bọn đế quốc có thể thương lượng hòa bình với nhau được, Anh và Pháp cùng tuyên bố ngày 15-1-1886, phân định ranh giới giữa Diến Điện và Đông Dương, Pháp và Anh đồng có quyền lợi như nhau ở trên các tỉnh Vân Nam, Tứ Xuyên của Trung Quốc; Anh Pháp xem nước Xiêm là trái độn giữa chúng nó, các vùng Xiêm ở bán đảo Mã Lai và phía tây sông Mê Nam là vùng ảnh hưởng của Anh, còn các vùng phía đông nước Xiêm, tiếp cận với Đông Dương, là vùng ảnh hưởng của Pháp.

Lào trở thành một xứ thuộc địa trong Đông Dương Pháp thuộc. Pháp đã lấy phần đông là lính ngụy Việt Nam và tất cả tổn phí đều là cơm tiền Việt Nam để chinh phục xứ Lào láng giềng, Pháp sẽ lấy thuế Trung Nam Bắc để xây dựng những cơ sở chính quyền đầu tiên của nó trên đất Lào.

Chương 24

CUỘC KHÁNG PHÁP CỦA NHÂN DÂN VIỆT NAM TỪ 1889 ĐẾN 1897: ĐẶC ĐIỂM CHUNG CỦA GIAI ĐOẠN; HAI CUỘC KHỞI NGHĨA LỚN Ở MIỀN TRUNG: HÙNG LĨNH, HƯƠNG SƠN

I. ĐẶC ĐIỂM CHUNG CỦA GIAI ĐOẠN

Đặc điểm chung của giai đoạn thứ hai trong phong trào Cần vương là:

1. Giai đoạn trước, nhân dân đấu tranh dưới cờ Cần vương của vua Hàm Nghi; chủ nghĩa ái quốc và chủ nghĩa trung quân còn lẫn lộn làm một; Hàm Nghi tuy ở một khu hẹp hòi trên sơn cước Quảng Bình Hà Tĩnh, nhưng danh nghĩa của ông sáng chói khắp nước, vùng nào cũng có khâm sai, đại diện của vua để cổ vũ lòng dân, tổ chức chống Pháp. Hàm Nghi bị bắt thì Pháp tưởng đâu phong trào Cần vương như rắn không đầu tất nhiên sẽ tắt, chúng nào dè rằng phong trào cứ tăng tiến, lắm lúc lại mở rộng; từ 1889 trở về sau là giai đoạn Cần vương mà không vua: không

https://tieulun.hopto.org

vua nhưng kháng chiến vẫn mãnh liệt; điều ấy chứng tỏ rằng trong nhân dân và sĩ phu ta, lòng ái quốc là chính mà nghĩa trung quân là phụ, vua còn có thể mất nước, mất vua có thể còn nước; nước, căn bản là dân tộc sống chung hàng mấy nghìn năm trên một dải non sông gấm vóc, cùng tiếng nói, cùng văn hóa, cùng lịch sử, mồ người chết còn đông hơn mạng người sống, tất cả những điều thiêng liêng ấy không thể để cho giặc mặc tình giày xéo; hơn nữa, quần chúng và sĩ phu không phải chỉ có đấu tranh quyết liệt khi nào vì danh vị, vì được có bên trên biết đến công lao, mà trước hết là đấu tranh vì lẽ sống còn của mình, vì dân tộc và đất nước. Đó là một điều vô cùng cao quý cần được khắc trên đá, ghi trong lòng.

2. Trong giai đoạn trước, đứng về phương diện của ta thì có sự chỉ huy tương đối thống nhất, ở Trung thì có triều đình ra Sơn phòng, ở Thanh - Nghệ thì có Trần Xuân Soạn, ngoài Bắc thì có Ngô Quang Bích khâm sai của Hàm Nghi, ở đông bắc có Hoàng Đình Kinh, ở tây bắc có Nguyễn Văn Giáp, ở trung châu có Nguyễn Thiện Thuật, còn bên ngoài có Tôn Thất Thuyết vận động sự giúp đỡ của nhân dân, sĩ phu và quan lại Trung Quốc; sự giúp đỡ ấy có thiết thực, không phải là ít, về phương diện súng đạn, tiền của và cả người nữa. Còn trong giai đoạn thứ hai này, Hàm Nghi bị bắt, Quang Bích chết bệnh, Tôn Thất Thuyết ở ngoài vẫn còn liên lạc mãi với các lãnh tụ địa phương, có giúp đỡ được, nhưng giúp đỡ càng ngày càng ít, thực tế không còn sự chỉ huy chung nữa. Trong giai đoạn này, đến 1894 - 1895 thì không còn sự giúp đỡ nào của Hoa Nam; trước 1894 thì quan quân Hoa Nam nhắm mắt trước việc mua bán và chuyên chở trâu bò, sản vật và súng đạn qua một biên giới chưa hoạch định. Song đến 1894, chiến tranh Trung - Nhật xảy ra, Thanh dồn lực lượng về đông bắc, hòa hoãn với Pháp, rồi Pháp - Thanh cộng tác mật thiết, hoạch định biên giới; địch chiếm được các cứ điểm dọc biên giới, đặt một cái lưới càng ngày càng dày, nguồn tiếp tế vũ khí lần lần cạn; hơn nữa nhà Thanh hợp tác với Pháp mà ngăn trở chúng ta, mà đánh nghĩa quân, tới đây

thì công tác ngoại viện của Tôn Thất Thuyết bị thất bại trong căn bản. Các phong trào kháng Pháp đến 1894 - 1895 trở đi là xuống dần, xuống nhiều; đến 1896 - 1897 thì trong đoàn thể Pháp đã hoàn thành sự xâm lược bằng quân sự của nó...

3. Về phương diện của kẻ cướp nước thì giai đoạn trước là lúc mà Pháp chưa thành lập Phủ Toàn quyền Đông Pháp; bấy giờ chúng đã thành lập Phủ Toàn quyền ấy và càng ngày càng có một sự chỉ đạo tương đối thống nhất hơn, chặt chẽ hơn về các mặt chính trị, kinh tế và quân sự. Cuộc xâm lăng xứ Lào, đặt quyền đô hộ của Pháp từ dải Trường Sơn đến tả ngạn Cửu Long giang có làm trở ngại rất nhiều cho cuộc kháng chiến của nhân dân ta, đặc biệt là ở Trung Kỳ và ở tây bắc Bắc Kỳ; kế hoạch của Tôn Thất Thuyết khơi cuộc chiến tranh lớn và kéo dài giữa Pháp và Xiêm nhân dịp Pháp xâm chiếm Lào, kế hoạch đó bị thất bại.

Trong giai đoạn thứ hai, thì ở đồng bằng, chúng nó ít dùng những binh đoàn lớn mà dùng những đạo quân nhỏ hơn nhưng dùng nhiều đạo, nhất là dùng ngụy quân do Pháp cầm đầu và có quân Pháp làm nòng cốt; chúng dùng chính trị nhiều hơn; nói một cách rõ hơn, trong giai đoạn trước, chúng theo đường lối của cố Puy-gi-nhê, chèn ép ngay những quan lại của triều đình đã hàng chúng nó, dùng làm quan nhiều tên trung thành với chúng nhưng không phải lấy trong từng lớp sĩ phu; trừ một số tay sai đắc lực có quyền tước khá lớn như Nguyễn Thân, Hoàng Cao Khải, Trần Lưu Huệ, Cao Xuân Dục, rất nhiều quan tổng đốc, phủ, huyện là những bù nhìn khoanh tay, không có quyền hạn gì, không có binh lính để sai khiến đi trấn áp; bây giờ, trong giai đoạn thứ hai, nhất là từ khi La-nét-săn sang làm Toàn quyền (1891) thì ở đồng bằng, Pháp liên kết chặt chẽ quân sự với chính trị, dùng bọn quan Nam triều một cách triệt để, cho chúng nhiều quyền để trấn áp, bóc lột, cho chúng điều khiển lính cơ để đi phá các cuộc khởi nghĩa, làm cho số quan Nam triều cộng tác với Pháp một cách đắc lực, cuộc

https://tieulun.hopto.org

kháng Pháp do đó gặp nhiều sự khó khăn hơn là khi phải đối chọi với những binh đoàn lưu động lớn của giặc, những binh đoàn đó càn quét ít lâu rồi rút hết về căn cứ, còn bấy giờ bọn tổng đốc, phủ, huyện thường xuyên đồn đóng, càn quét, bắt bớ, giết chóc, dụ dỗ quần chúng.

4. Trong giai đoạn thứ nhất thì Pháp chưa dẹp yên được đồng bằng, phần lớn đồng bằng trừ vài tỉnh, vẫn còn ở trong tay nghĩa quân, cho nên địch không thể có quân để đi lên đánh phá và chiếm đóng nhiều ở vùng rừng núi. Còn trong giai đoạn thứ hai này, cuộc khởi nghĩa của nhân dân ở vùng đồng bằng nói chung có sút xuống từ 1892 - 1893 trở đi và quy lại ở Nghệ Tĩnh, Hưng Yên, Bắc Giang; cho nên giai đoạn thứ hai cũng là giai đoạn mà Pháp hoàn thành sự xâm lược của nó ở miền núi mà trước đây hầu hết vẫn còn ở trong tay ta, trừ một số ít đồn bốt rất lẻ tẻ và bất lực của địch. Nói một cách khác hơn, trong giai đoạn thứ hai này, cuộc kháng Pháp của đồng bào miền núi được nổi bật lên anh dũng trong lúc ở vùng đồng bằng và trung du còn một số ít căn cứ kháng Pháp quan trọng nhưng đại bộ phận đã bị chiếm đóng và cai trị.

Đặc điểm riêng của giai đoạn này ở Trung Kỳ là từ Quảng Bình vào tới trong Nam thì nói chung, phong trào bị dập xuống, không còn có cuộc khởi nghĩa nào lớn, căn bản là bởi vì vùng này bị cô lập; tuy nhiên địch chỉ chiếm được các vùng đồng bằng dọc theo biển, còn vùng rừng núi và cao nguyên thì chúng chưa đến được, cũng chưa dám đến.

II. HÙNG LĨNH KHỞI NGHĨA (1888 - 1892)[1]

Ngọn cờ Cần vương của Tống Duy Tân phất lên ở vùng Hùng Lĩnh (Thanh Hóa) năm 1886 chính vào lúc phong trào văn thân đang rầm rộ nổi lên ở Trung, Bắc Kỳ. Riêng tại Thanh Hóa, Đinh Công Tráng xây công sự ở Ba Đình, Hà Văn Mao lập căn cứ ở

1. Tài liệu Văn Sử Địa và *Histoire militaire de l'IC.*

Mã Cao, Cầm Bá Thước đóng ở Nông Cống, và tại các địa điểm khác như (Nông Cống) đều có nghĩa quân nổi dậy. Lực lượng Cần vương đang phát triển mạnh.

1. Tổ chức nghĩa quân

Tống Duy Tân cùng các bạn đồng chí tổ chức hương binh; mỗi huyện lấy một cơ, mỗi cơ vào khoảng 200 người, có một cơ trưởng là người của nghĩa đảng chỉ huy.

Lãnh tụ nghĩa quân, ngoài Tống Duy Tân[1] ra, còn có Cao Điền[2], một người chỉ huy nghĩa quân rất gan dạ.

Chiến thuật của Tống và Cao khác với Đốc Ngữ, Nguyễn Thiện Thuật, mà giống với Phạm Bình, Đinh Công Tráng, Đề Nam, các ông không di chuyển luôn để tìm chỗ sơ hở của địch mà đánh; các ông chọn một địa điểm hiểm yếu, xây dựng công sự vững chắc để đương đầu với giặc. Khi nào lực lượng đối phương thật mạnh thì nghĩa quân mới chịu dời căn cứ đi nơi khác, chiến thuật cứ hiểm trong lúc quân Pháp có đại bác mạnh là một chiến thuật không hay, khó bảo toàn chủ lực. Nghĩa quân của Tống, Cao còn chú ý dùng phương pháp ngụy vận để làm yếu hàng ngũ địch.

2. Sáu năm chiến đấu anh dũng

Thời gian đầu là một thời gian chiến đấu ngắn ngủi. Sau khi vị trí Ba Đình và Mã Cao thất thủ (1887), Tống bị quân Pháp tấn công dữ dội, phải chạy ra Bắc Kỳ rồi sang Trung Quốc. Tuy vậy, trong trận chiến đấu với quân Pháp do thiếu tá Tê-ri-ông[3] chỉ huy ở làng Đông Khố, nghĩa quân đã tiêu diệt nhiều địch và đánh bại quân Pháp.

1. Tống Duy Tân người làng Đông Biện (Bồng Trung) huyện Vĩnh Lộc, Thanh Hóa, đậu cử nhân năm 36 tuổi, đậu Tiến sĩ năm 39 tuổi (đời Tự Đức). 44 tuổi làm Đốc học Thanh Hóa, được 4 năm thì chuyển sang thương biện tỉnh vụ Thanh Hóa, sau làm chánh sứ sơn phòng (Vĩnh Lộc). Chết năm 54 tuổi.
2. Cao Điền người làng Trịnh Sơn (Mỹ Hòa) trước là xuất đội ở Vũ Lâm.
3. Térillon.

https://tieulun.hopto.org

Tháng 11-1888, vua Hàm Nghi bị bắt đày sang An-giê-ri, Tống Duy Tân được lệnh của Tôn Thất Thuyết lại trở về Thanh Hóa, nêu việc trung quân ái quốc làm đích kêu gọi dân sĩ tiếp tục chống Pháp.

Đầu năm 1889, khu căn cứ nghĩa quân lập tại Vân Động thuộc miền Tây Nam Thanh Hóa, cách Nông Cống về phía tây bắc 20 cây số. Nghĩa quân đào hào đắp lũy, chuẩn bị tác chiến lâu dài. Tống Duy Tân hô hào các văn thân và dân chúng hưởng ứng cuộc khởi nghĩa. Một số thổ hào và đồng bào miền núi ở quanh vùng gia nhập nghĩa quân.

Ngày 8-10-1890, thiếu úy Pháp Moóc-phông[1], trưởng đồn Nông Cống được tin báo rằng có nghĩa quân ở Vân Động. Moóc-phông cùng 4 lính Pháp và 20 lính khố đỏ đi thám thính. Gần đến Vân Động, quân Pháp vấp phải một chiến lũy chặn ngang trong một quãng rừng thưa. Nghĩa quân nấp sau chiến lũy, bình tĩnh đợi quân Pháp đến gần 200 thước mới nổ súng. Chỉ trong một lúc tác chiến, Moóc-phông, 4 lính Pháp, 4 lính khố đỏ bị tử trận. Số ngụy binh còn lại hốt hoảng rút lui, bị tiêu diệt thêm một số nữa. Ba hôm sau (11-10), một đạo quân Pháp với 180 súng từ Thanh Hóa kéo lên Vân Động. Cuộc giao chiến thứ hai kết thúc, Pháp lại bị thiệt hại hàng chục. Bị thua luôn 2 trận, Pháp đưa đại quân đến. Ngày 22-10, Đại tá Bác-bơ-rê[2] chỉ huy 185 quân Pháp từ Thanh Hóa lên, tấn công Vân Động. Nghĩa quân rút trước đến Đa Bút, đóng ở vị trí hiểm yếu, chỉ có một đường nhỏ đi vào. Ngày 2-11, quân Pháp tiến đến nơi nã đại bác và cho quân xung phong vào vị trí. Hai bên kịch chiến suốt ngày. 3-11, nghĩa quân rút về phía bắc Phố Cát, quân Pháp đuổi theo nhưng không thấy. 9-11, Bác-bơ-rê trở về Thanh Hóa.

Cuối tháng 11 năm đó, một số quân của Đề Soạn nhập vào đội quân của Tống Duy Tân và Cao Điền.

1. Morfond.
2. Barberet.

Nghĩa quân mạnh hẳn lên và hoạt động tại vùng huyện Yên Định.

Nhìn thấy rõ lực lượng của nghĩa quân ngày một lớn, toàn quyền Đông Dương họp với nhà binh, chủ trương phải đàn áp phong trào cho nhanh, sợ ảnh hưởng của cuộc khởi nghĩa lan tràn đến các nơi khác. Trung tá Lơ-phe-vơ-rơ[1] thay Đại tá Bác-bơ-rê, đem thêm đến Thanh Hóa một đội kỵ binh có cả moóc-chi-ê 80 ly. Lúc đó nghĩa quân đóng ở Vạn Lại, cách Thanh 30 cây số về phía tây.

Ngày 30-11-1889, quân Pháp tiến đến Vạn Lại. Nhưng thấy nghĩa quân đông và có công sự kiên cố, Lơ-phe-vơ-rơ không dám đánh ngay. Sau khi điều tra vị trí và định kế hoạch, quân Pháp tấn công. Trong trận thử thách đầu tiên Lơ-phe-vơ-rơ đã bị thương nặng, quân Pháp chết một số. Lơ-phe-vơ-rơ phải về Thanh Hóa để cứu chữa, giao quyền chỉ huy cho Đại úy Cô-lé-ta[2] - Quân Pháp rút về Yên Lược (phía nam Vạn Lại). Thắng lợi này làm nghĩa quân rất phấn khởi. Thừa thế, đêm 1-12-1889, nghĩa quân chia làm 4 mũi cùng tấn công vào Yên Lược. Nghĩa quân không dùng súng mà dùng toàn giáo mác, xung phong vào đánh giáp lá cà trong hơn hai giờ rưỡi đồng hồ, gần sáng nghĩa quân rút ra. Tống Duy Tân hạ lệnh đốt Yên Lược. Trận này quân Pháp lại bị thiệt hại nặng. Pháp phải vội vã tiếp viện thêm 500 súng tay, hai khẩu đại bác. Trung tá Joóc-nơ đờ La-can[3] thay Trung tá Lơ-phe-vơ-rơ. Biết rằng không thể cứ cố thủ chống chọi với quân địch đông và mạnh hơn, Tống Duy Tân rút khỏi Vạn Lại, quân Pháp đuổi theo nhưng không kết quả gì. Ngày 12-12 chúng lại trở về đón ở Yên Lược, ngăn cản nghĩa quân tràn xuống đồng bằng.

1. Lefebvre.
2. Coletta.
3. Jorne de Lacale.

https://tieulun.hopto.org

Ngày 20-12, Jóoc-nơ đem 3 toán quân càn quét trong vùng. Sau 5 ngày vô ích, y lại trở về Yên Lược. Ngày 30-12, nghe tin nghĩa quân ở làng Sẻ, quân Pháp đem quân đến. Một giờ chiều 1-1-1890, hai đội tuần tiễu của hai bên gặp nhau. 5 giờ chiều, đại quân Pháp tiến đến làng Kẽm, một tiền đồn của nghĩa quân thì vấp phải một chiến lũy. Bên phía nghĩa quân có chừng 400 người với 140 súng. Trong 45 phút, quân Pháp nã đại bác vào phá được chiến lũy, cho quân xung phong vào vị trí. Sau một hồi kịch chiến, Đại úy Pháp Cờ-rít-tốp[1] bị trọng thương, với nhiều lính bị chết hay bị giết. Đến đêm, nghĩa quân rút đi.

Hai giờ đêm ngày 5 rạng ngày 6-3-1890 Tống Duy Tân tấn công vào Nông Cống. Nghĩa quân chia làm hai mặt, một mặt phá cầu ở gần đồn Nông Cống, một mặt đánh vào huyện lỵ. Sau khi rút lui, họ phao tin lên là tối sau sẽ tiêu diệt đồn Nông Cống. Quan một Jô-ly[2] trưởng đồn, sợ quá, báo cáo với công sứ Thanh Hóa xin tiếp viện. Lập tức công sứ Lơ-bờ-roong[3] cùng với mấy viên quan một Sa-vơ-rơ[4], Rê-my[5], Đê-chiên[6] và Mích[7] dẫn quân đến cứu viện. Nhưng đến nơi không thấy nghĩa quân hoạt động gì cả. Chúng lại phải kéo quân về. Trên đường về có tin báo nghĩa quân tập trung 200 quân ở một làng gần đó, chúng cho một lính giao thông mang tin về Thanh Hóa lấy thêm quân đến đánh úp nghĩa quân. Nghĩa quân theo dõi bắt được lính giao thông nên biết hết kế hoạch của địch. Cao Điển chỉ huy trận này, điều quân đến đánh trước toán quân của công sứ Lơ-bờ-roong. Lơ bị bao vây và bị thiệt hại phải bật trở lại Nông Cống. Jô-ly đem quân đến cứu nhưng vô hiệu. Ở Thanh Hóa, được

1. Christophe.
2. Jolly.
3. Lebrun.
4. Savereux.
5. Rémy.
6. Détienne.
7. Miche.

tin, công sứ Nơ-vin[1] cùng 100 quân Pháp đi Nông Cống, tưởng rằng đến phối hợp với Lơ đánh nghĩa quân. Nhưng đến nơi, Lơ đã bị thua và rút về Nông Cống rồi. Nghĩa quân cũng rút lui về miền thượng phủ Thọ Xuân, đóng ở Yên Lãng.

Lúc này nghĩa quân cũng chú ý việc tuyên truyền ngụy binh rời bỏ hàng ngũ Pháp mà quay về với xứ sở. Sau đây là một bức thư của Cao Điển kêu gọi binh lính đồn Thị Long, kêu gọi lương giáo đoàn kết:

"Ngày 24 tháng 2, niên hiệu Hàm Nghi thứ 6 (tức là 14-3-1890)

Tôi là Cao Điển, Đề đốc chỉ huy nghĩa quân rất hân hạnh được gửi mấy lời này với anh em quân đội đồn Thị Long. Bọn Pháp đánh chiếm nước chúng ta, thần và người đều giận. Phụ chánh và Tả quân Đô thống đã đi cầu viện Trung Hoa và nước Phổ (Đức) để đánh vào Bắc Kỳ, hỗ trợ cho chúng ta. Tôi được lệnh đi tiễu trừ gian phi. Lương, giáo, chúng ta cùng là con một nước không nên sát hại lẫn nhau.

Vậy nên tôi viết thư này báo để anh em biết rằng: lâu nay các anh em đã hành động chống lại quốc dân, các anh nên trở về gia đình làm ăn yên ổn, hoặc đánh lại giặc, cướp lấy súng nộp nghĩa quân thì không những được tha tội mà còn được lĩnh thưởng. Mỗi khẩu súng là một thoi bạc và các anh được nghĩa quân trọng đãi. Các anh có thể tự do trở về làm ăn với gia đình. Chúng tôi sẽ cấp giấy chứng nhận để các anh dùng sau này.

Một khi các anh đã bắt được thư này mà các anh vẫn theo địch, các anh sẽ không tránh khỏi kỷ luật của chúng tôi".

Sau khi bị thất bại ở Nông Cống, quân Pháp đi dò xét địa điểm đóng quân của Tống Duy Tân. Ngày 29-3-1890, quân Pháp chia làm hai ngả, một từ Nông Cống, một từ Thanh Hóa gồm 200 quân và 2 tiểu đội đại bác, đến bao vây Yên Lãng. Trong trận đánh này

1. Neuville.

https://tieulun.hopto.org

nghĩa quân thiệt hại một số trong đó có chánh tổng Yên Lãng. Đến ngày 16-4-1890, một cuộc giao chiến nữa diễn ra ở Na Lung, tiền đồn của Cao Điển. Sau hơn một giờ cầm cự từ trong chiến hào bắn ra, nghĩa quân phải rút lui để lại 5 xác chết, 6 súng. Địch thiệt hại bao nhiêu không rõ. Sau đó nghĩa quân do Cao Điển chỉ huy đóng ở làng Thanh Khoái, có độ 350 đến 400 quân với 160 súng trường; 2 súng giữ thành. Ba giờ chiều ngày 29-4, quân Pháp gặp nghĩa quân ở Mỹ Hòa. Chiến đấu một lúc, nghĩa quân rút về đồn chính. Đồn chính đắp trên gò cao giữa một thung lũng. Quanh đồn chông nhọn cắm ra tua tủa. Địch cố sức đánh vượt qua hàng rào. Quân của Vi-ô-la[1] và Bon-nê[2] có quân của Mác-li-ê[3] yểm hộ đánh vào mặt chính. Quân của Đê-chiên và Lơ-bơ-rơ-tông đánh bên sườn. Quân của La-mơ-ray[4] đóng cách đồn chính 1.500 thước chặn đường rút lui của nghĩa quân. Nhưng trận tấn công này quân Pháp lại bị thiệt hại nặng. Quan một Bon-nê chết. Vi-ô-la bị đạn bắn xuyên qua má phải, 6 lính cơ chết, nhiều đứa bị thương, 7 giờ chiều hôm đó địch rút lui. Cao Điển cũng rút về Cửa Đạt.

Đến ngày 6-10-1890, quân Pháp huy động 225 quân đến tấn công Cửa Đạt. Trên dọc đường bị nghĩa quân chặn đánh luôn. Cao Điển rút khỏi Cửa Đạt đi về An Lam.

Ngày 21-2-1891, Tống Duy Tân và Cao Điển rút về Lang Vinh đóng trên một mỏm núi cao. Giám binh Sô-lê[5] cùng quan một Hen-sen[6], Mác-li-nê, Noóc-măng[7] đem quân đến đánh. Chúng bắt dân chúng Lang Vinh tra hỏi và bắt lý trưởng dẫn đường đến vị trí của Cao Điển. Cách vị trí 60 thước, quân Pháp gặp nhiều bụi

1. Viola.
2. Bonnet.
3. Marlier.
4. Lameray.
5. Soler.
6. Henschell.
7. Normand.

rậm không tiến lên được. Chúng bắn lên thì nghĩa quân nấp vào rừng cỏ bắn lại. Hôm sau quân Pháp đang lội qua sông con thì nghĩa quân đổ ra tiêu diệt một số.

Từ cuối tháng 2 đến đầu tháng 4, nghĩa quân thua luôn mấy trận, hao người hao súng đạn.

3. Cuộc khởi nghĩa thất bại. Bước đường cùng của Tống Duy Tân và Cao Điển

Qua 6 năm chiến đấu, cuộc khởi nghĩa của Tống Duy Tân đã lập được nhiều chiến công oanh liệt. Nghĩa quân chiến đấu rất anh dũng, gan dạ, Tống Duy Tân và Cao Điển là những người chỉ huy vững chắc. Nhưng từ khi khởi nghĩa với chiến thuật cố thủ, luôn luôn bị địch tấn công, lực lượng nghĩa quân ngày một hao mòn. Từ tháng 4-1892 trở đi, Tống và Cao chỉ còn hơn 100 quân với 50 súng, rút về vùng Chính Văn. Quân Pháp hết sức khủng bố nhân dân để cắt đứt sự liên lạc giữa nghĩa quân và dân chúng.

Biết rằng cuộc khởi nghĩa không thể thành công được, Tống Duy Tân và Cao Điển giải tán quân sĩ, khuyên họ trở về quê hương. Tống và Cao cùng một số nghĩa quân thân tín ẩn tị một nơi hẻo lánh.

Từ ngày 24-9-1892, quân Pháp tổ chức đi lùng bắt Tống và Cao. Công sứ Thanh Hóa là Bu-lốt-sơ[1] phái một đội quân, mang theo tên Nguyệt, con trai cai Mậu (một tướng nghĩa quân) và tên Trương Lương (chú tên Nguyệt) để làm môi giới đi đường. Bu-lốt-sơ đến nhà một thổ ty Mường trước cũng là một nghĩa quân. Nhà thổ ty chính là nơi nghĩa quân tụ tập. Sáng sớm hôm giặc đến, ông đã biết trước, cho người dẫn Cao Điển đến nhà Đốc Tống ở Lang Chánh, cũng là một nghĩa quân tin cậy.

Bu-lốt-sơ đe dọa, bắt thổ ty phải "lập công chuộc tội" vì đã dám chứa chấp nghĩa quân. Vợ thổ ty sợ hãi dẫn hắn đi bắt Tống Duy

1. Boulloche.

https://tieulun.hopto.org

Tân. Bu-lốt-sơ phái viên quan một Hen-sen dẫn 20 quân theo vợ thổ ty lên đường hồi 6 giờ chiều ngày 4-10-1892. Vượt qua một con đường rất hiểm trở rồi trèo qua một dãy núi cao, 6 giờ sáng hôm sau (5-10) quân Pháp đến nơi. Tống Duy Tân ẩn ở trong một trái núi phía nam Niên Kỷ. Chỗ đó là một cái hang dài hai cây số, cửa vào rất hẹp. Lúc quân Pháp đến nơi thấy cửa hang còn một khẩu đại bác, cạnh đó có một cái mồi đang cháy dở. Tống Duy Tân bị giặc vây bất ngờ không chạy kịp. Chúng bắt giải ông về Thanh Hóa[1]. Bu-lốt-sơ lại bắt thổ ty dẫn đường đi lùng Cao Điền. Ngày 3-10-1892 hơn 30 quân Pháp được phái đi, nhưng giữa đường chúng bị chặn đánh luôn. Tới chỗ Cao Điền ở, hai bên đánh nhau kịch liệt, 2 nghĩa quân bị bắt, 6 người bị chết. Cao Điền thoát được cùng với 4, 5 người thân cận mang đi theo 2 khẩu súng. Từ đó Cao Điền không ở Thanh Hóa nữa. Mãi đến ngày 16 tháng giêng năm 1896 ông mới bị bắt ở Bắc Giang gần Yên Thế.

III. HƯƠNG SƠN KHỞI NGHĨA (1885 - 1896)

Một cuộc chiến đấu dẻo dai nhất và có tổ chức quy mô nhất trong phong trào văn thân kháng Pháp là cuộc khởi nghĩa ở Hương Sơn do Phan Đình Phùng chỉ huy. Cuộc khởi nghĩa đã kéo dài ngót 12 năm từ lúc chiếu chỉ Cần vương của Hàm Nghi phát ra (1885) mãi đến năm 1896; những trận đánh kịch liệt nhất là bắt đầu từ 1889 khi Cao Thắng đã tụ hợp được nhiều quân, đúc được nhiều súng và mời cụ Phan Đình Phùng từ Bắc về làm lãnh tụ khởi nghĩa. Tiếng súng cuối cùng của nghĩa quân Hương Sơn

1. Có một tài liệu khác nói rằng: sau khi thất bại Tống Duy Tân phải trốn vào miền Sơn Dương. Pháp tìm mãi không thấy. Bấy giờ có một tên môn sinh trước của Tống là Cao Ngọc Lễ lấy tình thầy trò vẫn đi lại thăm Tống. Cao Ngọc Lễ đã dẫn Pháp đến bắt Tống. Ông bị chúng giết và bêu đầu. Cao Ngọc Lễ được Pháp cho làm Tri huyện, rồi Án sát và sau này hắn còn lùng bắt nhiều nhà cách mạng nữa. Người đương thời có câu:

   "Vô địa khả mai Cao Ngọc Lễ,
   Hữu thiên ưng thục Tống Duy Tân".

   Cũng có người khác đọc là:

   "Vô được khả y Cao Ngọc Lễ,
   Hữu tiền nan thục Tống Duy Tân".

cũng là tiếng súng cuối cùng của cả phong trào văn thân tại Trung và Bắc Kỳ.

1. Địa bàn hoạt động của nghĩa quân

Tiếng rằng cuộc khởi nghĩa nổ ra ở vùng Hương Sơn (Hà Tĩnh), nhưng địa bàn hoạt động của nghĩa quân lan rộng trong cả 4 tỉnh Hà Tĩnh, Nghệ An, Quảng Bình và Thanh Hóa. Sau nhiều cuộc khởi nghĩa thất bại ở Trung Kỳ, một số văn thân và nghĩa quân lại tập hợp dưới sự chỉ huy của Phan Đình Phùng. Tại các miền đồng bằng và thượng du đều rải rác có đồn trại nghĩa quân. Đồn lớn do một đề đốc, đồn nhỏ do một lãnh binh chỉ huy. Địa bàn chính của nghĩa quân là vùng núi rừng Nghệ An và Hà Tĩnh. Đó là một vùng hiểm trở mà nghèo. Đời Trần đã dùng vùng này chống quân Nguyên cũng như Lê Lợi đã thủ hiểm ở đây 6 năm, sau tiến đánh quân Minh thắng lợi. Phía đông dãy núi Thiên Nhàn, phía bắc là những núi non vùng Thanh Hóa, phía nam là dãy Trường Vật chạy đến dãy Hoành Sơn, phía tây là dãy Trường Sơn còn gọi là Giăng Màn. Lưu vực sông Lam cùng các phụ lưu sông Lam là vùng Ngàn Phố (Hương Sơn) và Ngàn Sâu (Hương Khê). Đi về phía nam là vào Tuyên Hóa (Quảng Bình) rồi vào mãi Quảng Trị, Thừa Thiên. Phía bắc thông với Thanh Hóa và Hòa Bình. Khu Ngàn Trươi có dãy núi Vụ Quang ở Hương Sơn là khu trung tâm của nghĩa quân. Đó là một vùng rừng núi thật quanh co, hiểm trở. Ba con đường độc đạo, khúc khuỷu có thể từ Ngàn Trươi ra Hà Tĩnh, thông sang Lào sang Xiêm. Người ta nói rằng nếu không biết đường đi sẽ lạc vào những khu rừng lầy lội có khi bùn sâu tới bụng. Đại đồn nghĩa quân đóng trên núi Vụ Quang. Từ Vụ Quang đến dãy núi Trùng Khê, Trí Khê dài gần một trăm dặm, đồn trại kiên cố của nghĩa quân dựng lên liên tiếp. Đồn trại đều dựa theo thế núi và đặt gần sông hay suối để vừa tiện chiến đấu vừa tiện ăn uống, chuyển vận.

https://tieulun.hopto.org

Có núi cao, rừng rậm, sông ngòi, khe suối che chở, nghĩa quân có thêm điều kiện chiến đấu, lúc ẩn lúc hiện, lấy ít đánh nhiều, lấy yếu chống mạnh làm cho quân Pháp nhiều phen thua đậm.

2. Phan Đình Phùng, Cao Thắng và sự tổ chức nghĩa quân Hương Sơn

Phan Đình Phùng đứng về phe chủ chiến. Chính vì thế mà Tôn Thất Thuyết lúc nọ bỏ tù Án sát Tôn Thất Bá, giết thượng thư Trần Tiễn Thành, giết cả vua chủ hòa, nhưng chỉ cách chức Phan Đình Phùng khi Phan mắng Thuyết. Phan về làng thì Thuyết lại mật phong làm tham biện sơn phòng Hà Tĩnh. Phan biết ngụ ý của Thuyết nên không thù oán ông phụ chính độc tài và nhận nhiệm vụ.

Cuối 1885 Hàm Nghi và Tôn Thất Thuyết chạy ra Hà Tĩnh, Phan cùng với các bạn là Phan Quang Cư, Phan Khắc Hòa, Hoàng Xuân Phong, Ngụy Khắc Kiều, Phan Trọng Mưu, tìm đến yết kiến rồi nhận chiếu chỉ Cần vương, về quê nhà tổ chức khởi nghĩa, được nhiều vị danh nhân hưởng ứng như thám hoa Nguyễn Đức Đạt, hoàng giáp Nguyễn Quý, Tiến sĩ Nguyễn Xuân Ôn, Đinh Văn Chất, phó bảng Nguyễn Văn Hạnh, cử nhân Nguyễn Hành, Thái Vĩnh Chinh, anh em Ấm Ninh, Cao Đạt v.v...

Cụ Phan nêu cao tinh thần bất khuất. Năm 1886, giặc bắt anh cụ là Phan Đình Thông; ngụy tiểu phủ sứ Lê Kinh Hạp, trước là bạn thân của cụ, toan lấy việc hiếu để, tình cốt nhục mà dỗ cụ ra hàng, hứa nếu cụ ra hàng thì cụ Thông sẽ được thả, cụ Phan nhất định từ chối mặc dầu biết anh sẽ phải hy sinh. Cụ đáp thư của Hạp bằng một lời nhắn: "nếu ai làm thịt anh ta, nhớ gửi ta bát nước canh". Chư tướng cụ nghe ứa nước mắt. Địch sai quân đào mồ mả tổ tiên cụ Phan, cụ Phan không núng chí. Trong những ngày gian nan của phong trào, Hoàng Cao Khải từ ngoài Bắc viết thư dỗ cụ ra đầu thú, cụ viết thư trả lời nói rõ ý chí sắt đá của mình và

nguyền rủa bọn phản quốc. Đọc thư phúc đáp của cụ, Hoàng Cao Khải và Toàn quyền La-nét-săn kẻ xấu hổ người tức giận mà khâm phục. Bức thư của cụ Phan như sau[1]:

"Hoàng quý Đài các hạ,

"Gần đây, tôi vì bận việc quân ở mãi trong chốn rừng rú lại thêm lúc này tiết trời mùa đông, khí hậu rét quá, nông nỗi thiệt là buồn tênh. Chợt có người báo có thư của cố nhân gửi lại. Nghe tin ấy, không ngờ bao nhiêu nỗi buồn rầu lạnh lẽo tan đi đâu mất cả. Tiếp thư liền mở ra đọc. Trong thư cố nhân chỉ bảo cho lẽ họa phúc, bày tỏ hết chỗ lợi hại, đủ biết tấm lòng của cố nhân, chẳng những muốn mưu sự an toàn cho tôi thôi, chính là muốn mưu sự yên ổn cho toàn hạt ta nữa. Những lời nói gan ruột của cố nhân, tôi đã hiểu rõ, cách nhau muôn dặm tuy xa, nhưng chẳng khác gì chúng ta được ngồi cùng nhà nói chuyện với nhau vậy.

"Song lẽ tâm sự và cảnh ngộ của tôi có nhiều chỗ muôn vàn khó nói. Xem sự thế thiên hạ như thế kia, mà tài lực tôi như thế này, y như lời cổ nhân đã nói thân con bọ ngựa là bao mà dám giơ cánh tay lên muốn cản trở cỗ xe sao nổi; không biết việc tôi làm ngày nay sánh lại còn quá hơn nữa, chẳng phải như chuyện con bọ ngựa đưa tay ra cản xe mà thôi.

"Nhưng tôi ngẫm nghĩ lại, nước nhà ta mấy ngàn năm nay, chỉ lấy văn hiến truyền nối nhau, hết đời này qua đời kia, đất nước chẳng rộng, quân lính chẳng mạnh, tiền của chẳng giàu, duy có chỗ ỷ thị dựa nương để dựng nước được, là nhờ có gốc vua tôi, cha con theo năm đạo thường mà thôi. Xưa kia nhà Hán, nhà Đường, nhà Tống, nhà Nguyên, nhà Minh bên Tàu, bao nhiêu phen lăm le muốn chiếm lấy đất ta làm quận huyện mà vẫn chiếm không được. Ôi! nước Tàu với nước ta, bờ cõi liền nhau, sức mạnh hơn ta vạn bội, thế mà trước sau họ không thể ỷ mạnh mà nuốt trôi nước ta được, nào

1. Bản dịch của Đào Trinh Nhất, Phan Đình Phùng.

https://tieulun.hopto.org

có vì lẽ gì khác đâu, chẳng qua non sông nước Nam tự trời định phận riêng hẳn ra rồi, và cái ơn huệ thi thư lễ nghĩa vốn có chỗ đủ cho mình tự có thể trông cậy dựa nương lắm vậy. Đến nay người Pháp với mình, cách xa nhau không biết là mấy muôn dặm, họ vượt bể lại đây, đi tới đâu như gió lướt tới đó, đến nỗi nhà vua phải chạy, cả nước lao xao, bỗng chốc non sông nhà mình biến thành bờ cõi người ta, thế là trọn cả nước, nhà dân cùng bị đắm chìm hết thẩy, có phải riêng một châu nào hay một nhà ai phải chịu cảnh lầm than ấy đâu.

"Năm Ất Dậu, xe giá thiên tử ngự giá đến sơn phòng Hà Tĩnh, giữa lúc đó, tôi đang còn có tang mẹ, chỉ biết đóng cửa cư tang cho trọn đạo, trong lòng há dám mơ tưởng đến sự gì khác hơn. Song, vì mình là con nhà thế thần cho nên đôi ba phen đức Hoàng thượng giáng chiếu vời ra, không lẽ nào từ chối, thành ra tôi phải gắng gổ đứng ra vâng chiếu, không thể đừng được. Gần đây Hoàng thượng lại đoái tưởng, lựa chọn tôi mà giao phó cho việc lớn, ủy thác cho quyền to; ấy mệnh vua ủy thác như thế, nếu cố nhân đặt mình vào cảnh như tôi, liệu chừng cố nhân có đành chối từ trốn tránh được hay là không?

"Từ lúc tôi khởi nghĩa đến nay, đã trải qua mười năm trời, những người đem thân theo việc nghĩa, hoặc bị trách phạt, hoặc bị chém giết, vậy mà lòng người trước sau chẳng hề lấy thế làm chán nản ngã lòng bao giờ; trái lại, họ vẫn ra tài ra sức giúp đỡ tôi, và lại số người mạnh bạo ra theo tôi càng ngày càng nhiều thêm mãi. Nào có phải người ta lấy điều tai vạ hiểm nguy làm sung sướng thèm thuồng mà bỏ nhà dấn thân ra theo tôi như vậy đâu. Chỉ vì họ tin cậy lòng tôi, lượng xét chí tôi, cho nên hăm hở vậy đó. Ấy lòng người như thế, nếu như cố nhân đặt mình vào cảnh tôi, liệu chừng cố nhân có nỡ lòng mà bỏ đi cho đành hay không?

"Thưa cố nhân, chỉ vì nhân tâm đối với tôi như thế, cho nên cảnh nhà tôi đến nỗi hương khói vắng tanh, bà con xiêu giạt, tôi cũng chẳng dám đoái hoài. Nghĩ xem kẻ thân với mình mà mình còn

không đoái hoài, huống chi kẻ sơ; người gần với mình mà mình còn không bao bọc nổi huống chi người xa. Vả chăng, hạt ta đến nỗi điêu đứng lầm than quá, không phải riêng vì tai họa binh đao làm nên nông nỗi đâu. Phải biết quan Pháp đi tới, có lũ tiểu nhân mình túa ra bày kế lập công, thù vợ oán cha; người không có tội chúng cũng đâm thọc buộc ràng cho người ta là có tội; rồi thì bữa nay trách thế nọ, ngày mai phạt thế kia; phàm có cách gì đục khoét được của cải nhân dân, chúng nó cũng dùng tất không hề ngần ngại. Bởi đó mà thói hư mối tệ tuôn ra cả trăm cả ngàn, quan Pháp làm sao biết hết được mọi điều tật khổ của dân trong chốn làng xóm quê mùa, như thế thì bảo dân không phải tan lìa trôi giạt đi sao được?

"Cố nhân với tôi, đều là người sinh đẻ tại châu Hoan, mà ở cách xa ngoài muôn ngàn dặm, cố nhân còn có lòng đoái tưởng quê hương thay, huống chi là tôi đây đã từng lấy thân chịu đựng, lấy mắt trông thấy thì sao? Khốn nỗi cảnh ngộ bó buộc, và lại sức mình chẳng làm được theo lòng mình muốn, thành ra phải đành, chứ không biết làm sao cho được. Cố nhân đã biết đoái hoài thương xót dân này, thì cố nhân nên lấy tâm sự và cảnh ngộ tôi thử đặt mình vào mà suy nghĩ xem, tự nhiên thấy rõ ràng, có cần gì đến tôi phải nói dông dài nữa ư?

Phan Đình Phùng

phúc thư

Phan Đình Phùng nêu gương kiên quyết cho hậu thế, anh ruột bị bắt, mồ cha bị đào, cố nhân dụ dỗ, tất cả đều vô ích!

Tinh thần yêu nước của cụ đã hun đúc thêm tinh thần yêu nước của nghĩa quân khác, tất cả cùng cụ chịu đựng gian khổ, chiến đấu đến lúc cuối cùng.

Đối với nghĩa quân, cụ rất thương mến. Khi rảnh rỗi, cụ thường cùng nghĩa quân ngồi trên bãi cỏ nói chuyện vui. Trong những ngày gian nan, cụ bị đau ốm, nghĩa quân phải cáng đi chạy giặc

https://tieulun.hopto.org

vất vả, có lúc cụ thương anh em, khóc không nên lời. Có những trận chống càn gay go ác liệt, cụ đã hỏi ý kiến nghĩa quân xem nên đánh hay nên lui. Cũng vì tình đoàn kết giữa tướng và quân chặt chẽ nên tinh thần chiến đấu của nghĩa quân thêm hăng hái.

Đối với ngụy quân, cụ đã từng nói với quân sĩ: *"Hễ khi giao chiến, có gặp cảnh vạn bất đắc dĩ hãy bắn giết lính tập, bởi họ là anh em đồng bào với mình"*. Mỗi khi ngụy binh bị chết, giặc không lấy xác đi, cụ bảo nghĩa quân chôn cất tử tế.

Bên cạnh lãnh tụ Phan Đình Phùng là tướng Cao Thắng. Có thể nói ông là cột trụ của cuộc khởi nghĩa Hương Sơn cũng như Đinh Công Tráng là cột trụ của cuộc khởi nghĩa Ba Đình. Cao Thắng gia nhập nghĩa quân Hương Sơn ngay từ những ngày đầu. Ông là một tướng tài chỉ huy nghĩa quân, ông còn là một kỹ sư quân giới. Cao Thắng là người, sau giai đoạn tan rã đầu tiên, lúc Phan ra Bắc, thổi đống tro ấm cho lửa cứu quốc trở lại bừng lên. Cao là người làng Lê Động, huyện Hương Sơn Hà Tĩnh, con nhà bình dân nghèo, dáng dấp nhỏ, ngón tay ngón chân ngắn, anh em gọi là "ngũ đoản tướng quân"; có đi học chữ, nhưng thích võ nghệ và săn bắn với em là Cao Nữu. Năm 1874, Hà Tĩnh có khởi nghĩa của Đội Lựu, triều đình gọi là giặc cờ vàng, mà cậu bé Cao Thắng đã theo Đội Lựu, bị triều đình truy nã, nhờ anh của Phan Đình Phùng là Phan Đình Thuật che chở mới khỏi bị bắt. Lớn lên, Cao chiêu mộ một số người giang hồ mã thượng hùng cứ núi rừng; thường đánh phá nhà giàu; 1885, cụ Phan Đình Phùng dựng cờ Cần vương, Cao Thắng cùng bạn là Nguyễn Kiểu đem 60 bộ hạ ra xin theo, được làm quản cơ, lúc ấy Cao Thắng mới 20 tuổi, võ nghệ tinh thông nổi tiếng khắp một vùng. Một trong những vấn đề khó giải quyết nhất là vũ khí. Thế mà, với hai bàn tay trắng, ông đã cùng nghĩa quân chế ra súng đạn đầy đủ. Ông Cao Thắng còn có một tinh thần chiến đấu rất dũng cảm. Là người chỉ huy, bao giờ ông cũng xung phong đi đầu trong các trận đánh. Trong năm

1887-1889, khi cụ Phan ra Bắc, ông đã ở lại Hương Sơn gây dựng lại phong trào, ban đầu đúc súng hỏa mai 200 cây, mộ 400 quân, chia làm hai đoàn, cùng với Cao Đạt, Nguyễn Niên mà chống giặc Pháp; súng bắn chậm, ông lập mưu cho một đoàn bắn trước rồi nạp thuốc, trong khi đoàn đó nạp thuốc thì đoàn sau bắn; địch không rõ là súng của ông chỉ là súng hỏa mai mà thôi. Trong một trận phục kích bằng đoản đao, ông lấy súng bắn mau của địch rồi y theo đó mà đúc súng kiểu 1874. Trong quyển *Empire d'Annam*, trang 313, Gosselin viết: *"Tôi có đem nhiều khẩu súng đó về tận Pháp; xem nó giống đủ mọi vẻ như súng do các công binh xưởng nước ta chế tạo, giống cho đến đỗi các công binh xưởng phải sửng sốt lạ lùng, chỉ có khác kiểu súng ta vì lò so yếu và lòng không vạch"*.

Tới khi cụ Phan ở Bắc về thì cơ sở nghĩa quân đã khá vững vàng, có trên 1.000 người và 500 khẩu súng tốt. Khi ông mất, cụ Phan Đình Phùng cũng như bao nhiêu nghĩa quân khác thương khóc đến nửa tháng; lực lượng nghĩa quân không có ông cũng giảm sút nhiều.

Ngoài Cao Thắng, còn có Nguyễn Chanh, Lê Văn Tạc, Phan Đình Phong, Phan Đình Can, Phan Văn Trinh, Đề Niên, Đề Vinh, Hiệp Tuân, Đề Đạt, v.v...

Nghĩa quân chia ra làm 15 quân thứ. Quân thứ ở hạt nào đều lấy tên hạt đó cho tiện. Các tướng khác chịu trách nhiệm chỉ huy các quân thứ, phân phối như sau:

- Khê thứ (huyện Hương Khê): Nguyễn Thoại.
- Can thứ (huyện Can Lộc): Nguyễn Trạch, Nguyễn Dật.
- Lại thứ (tổng Lại Trạch): Phan Đình Nghinh.
- Bình thứ (tỉnh Quảng Bình): Nguyễn Thu.
- Hương thứ (huyện Hương Sơn): Nguyễn Huy Giao.
- Diễn thứ (phủ Diễn Châu): Trần Vinh.

https://tieulun.hopto.org

- Anh thứ (phủ Anh Sơn): Nguyễn Mậu.

- Nghi thứ (huyện Nghi Xuân): Ngô Quảng.

- Lễ thứ (làng Trung Lễ, phủ Đức Thọ): Nguyễn Cấp.

- Cẩm thứ (huyện Cẩm Khê): Huỳnh Bá Xuân.

- Thạch thứ (huyện Thạch Hà): Nguyễn Thuận.

- Kỳ thứ (huyện Kỳ Anh): Vũ Phát.

- Lệ thứ (huyện Lệ Thủy): Nguyễn Bí.

- Thanh thứ (tỉnh Thanh Hóa): Cầm Bá Thước.

- Diệm thứ (làng Tình Diệm, có núi Đại Hàm): Cao Đạn.

Mỗi quân thứ đều tùy theo địa thế và vị trí quan trọng mà đóng quân nhiều hay ít. Trung bình mỗi quân thứ có từ 100 đến 500 nghĩa quân. Riêng tại đại đồn Vụ Quang bao giờ cũng có từ 500 quân trở lên. Mỗi quân thứ có vài chục nghĩa quân cử đến đại đồn làm giao thông liên lạc, nhận những mệnh lệnh để chỉ huy cho thống nhất kế hoạch chung. Trang phục của nghĩa quân tại các quân thứ đều giống nhau. Quanh cụ Phan có một đội thân binh do Nguyễn Mục chỉ huy. Cứ xem cách tổ chức đủ thấy lực lượng nghĩa quân Hương Sơn khá mạnh mẽ, có quy củ.

Việc phối hợp tác chiến giữa các quân thứ làm phân tán lực lượng giặc Pháp và hỗ trợ cho nhau để chống càn và tiêu diệt giặc.

Lương thực của nghĩa quân do nhân dân Thanh, Nghệ, Tĩnh, Bình đóng góp. Nhân dân chính thức nộp thuế và cung cấp thóc gạo cho nghĩa quân. Nhân dân ở địa phương nào nộp ở quân thứ địa phương đó. Thóc gạo để ở quân thứ một phần đủ chi dùng, còn đưa lên đại đồn Vụ Quang làm kho dự trữ. Từ Vụ Quang đến Trùng Khê, Trí Khê, cứ cách độ 3 dặm lại có một hố chứa lương. Mỗi hố chu vi tới 30 trượng, đào sâu dưới đất, dùng củi đốt cho khô đất rồi đổ thóc xuống đó và lại hóa trang như chỗ đất thường.

Nghĩa quân cũng không quên để bên cạnh hố chứa lương một số dụng cụ xay giã cho tiện khi cần dùng.

Chiến thuật của nghĩa quân nói chung là dùng địa thế hiểm yếu của rừng núi và công sự kiên cố để đương đầu với giặc. Nhưng nghĩa quân cũng không phải chỉ thủ hiểm một chỗ, mà có khi phân tán để chặn đường giao thông tiếp tế của giặc, tập kích các đồn lẻ. Có những trận đánh tỏ ra nghĩa quân rất linh hoạt, biết nhử quân Pháp ra khỏi vị trí của chúng rồi phá đồn, có trận phục kích lớn đánh thẳng vào thành phố Hà Tĩnh, có trận dùng những hố chông và cạm bẫy để tiêu diệt địch, hoặc khi giặc càn quét ở vùng căn cứ thì nghĩa quân luồn về đồng bằng phá các chỗ xung yếu của địch làm chúng lại phải vội vã rút lui. Nghĩa quân còn chú ý đến việc nguỵ vận và trừ gian nữa.

3. Hơn mười năm chiến đấu anh dũng

a. Những ngày khởi nghĩa đầu tiên. Tháng 10 âm lịch năm 1885, sau khi Phan Đình Phùng yết kiến Hàm Nghi và Tôn Thất Thuyết ở Hà Tĩnh, cụ về quê nhà là làng Đông Thái khởi nghĩa.

Qua một vài trận chiến đấu, đầu năm 1886 nghĩa quân lui đến làng Phùng Công, huyện Hương Sơn. Rồi vì lực lượng mới nhóm lên đã phải đối phó với nhiều cuộc tấn công của giặc, nghĩa quân phải vượt lên vùng rừng núi, dùng lối đánh du kích để chống đỡ. Sang năm 1887, biết rằng lực lượng của mình là chiến đấu cô độc, đã không thể thắng được mà còn có thể bị tiêu diệt, cụ Phan quyết định ra Bắc Kỳ để liên lạc với văn thân ngoài ấy. Cụ dặn dò các tướng ở lại không nên bạo động vội, cần phải xây dựng lực lượng vững chắc và đợi đến khi nào cụ về sẽ nổi lên.

b. Một thời kỳ xây dựng. Cụ Phan đi rồi, tướng tá và nghĩa quân còn lại do Cao Thắng, Cao Nữu, Cao Đạt và Nguyễn Niên chỉ huy rút về làng Lê Động (quê Cao Thắng). Kinh nghiệm thất bại vừa qua giúp các ông nhận ra rằng muốn có thắng lợi, phải có một lực

https://tieulun.hopto.org

lượng mạnh mẽ, nghĩa là phải có đầy đủ nghĩa quân, lương thực và vũ khí. Không thể ham đánh mà phải bắt tay vào xây dựng.

Kinh nghiệm cũng cho các ông thấy nghĩa quân muốn mạnh thì không thể không dựa vào dân chúng địa phương.

Nhờ sự động viên của các ông, hàng trăm thợ rèn hai làng Trung Lương và Vân Tràng (huyện Can Lộc, Hà Tĩnh) đã về Lê Động rèn vũ khí cho nghĩa quân. Trai tráng nhiều nơi gia nhập nghĩa quân. Dân chúng ủng hộ lương thực. Một thời gian sau, súng đã có 200 khẩu, quân đã có 400 người. Nhưng so với lực lượng địch, nghĩa quân chưa thể ngừng lại ở đây mà phải tiếp tục phát triển lực lượng. Một yêu cầu thực tế đặt ra là nghĩa quân cần có vũ khí tốt ngang với địch. Ông Cao Thắng đã tìm cách giải quyết việc này. Trong một trận đánh úp trên quãng đường Nghệ An - Hương Sơn do một người dân báo cho, nghĩa quân tiêu diệt 2 sĩ quan Pháp và 15 ngụy binh thu toàn bộ 17 súng. Ông Cao Thắng và anh em thợ rèn đã tháo một khẩu súng Pháp, kiểu 1874 rồi y theo khuôn mẫu đó đúc thành những khẩu khác. Công việc gặp nhiều khó khăn vì không có máy móc, không có đủ nguyên liệu, dụng cụ; nhưng qua nhiều thất bại rồi các ông cũng thành công rực rỡ. Trong mấy tháng ròng rã, với nguyên liệu tại chỗ và một phần mua ở Xiêm về, nghĩa quân đã tự chế tạo được 350 súng kiểu 1874 của địch.

Đến năm 1889, trong doanh trại của Cao Thắng đã có 1.000 quân và trên 500 súng. Đã đến lúc nghĩa quân có thể đem lực lượng của mình ra chống chọi với kẻ thù.

Phan Đình Phùng ra Bắc, giả làm tú tài dạy học ở Sơn Tây mà liên lạc với các nhà ái quốc ở Hải Dương, nhất là với Đề Thám. Nhưng cụ thấy ít hy vọng. Cụ đang chuẩn bị về Hà Tĩnh đúng vào dịp Cao Thắng cho người thân tín đưa thư ra mời cụ về làm lãnh tụ nghĩa quân. Nghĩa quân lại gặp lãnh tụ, một người vừa có danh vọng vừa có lòng yêu nước thiết tha. Dân chúng nhiều nơi càng gia nhập nghĩa quân đông đảo nhất là sau khi xa gần nghe tin

cụ Phan sai quân lên thượng du Quảng Bình lấy đầu tên Trương Quang Ngọc để xử tội tên này đã bắt vua Hàm Nghi. Các ông Ngô Quảng, Nguyễn Cáp, Vũ Phát, Cầm Bá Thước đem quân về với cụ Phan là lúc này.

Rừng núi Nghệ Tĩnh thay đổi hẳn. Đại đồn Vụ Quang với 15 nơi quân thứ dần dần thành lập. Cụ Phan lúc ấy cũng có liên lạc với Tôn Thất Thuyết; Thuyết phong cụ làm Bình Trung tướng quân.

c. Bước vào thời kỳ chiến đấu quyết liệt. Trước sự bành trướng của nghĩa quân Hương Sơn, Pháp xúc tiến việc đàn áp. Chiến thuật của chúng là xây một hệ thống đồn bốt bao vây khu căn cứ nghĩa quân để triệt đường tiếp tế lương thực và ngăn cản nghĩa quân tràn xuống đồng bằng. Riêng ở Hương Sơn giặc xây hơn 20 đồn, mỗi đồn tối thiểu là 30 tên lính khố xanh chiếm đóng. Chúng dùng những đạo quân nhỏ xục xạo, thám thính, rồi tập trung lực lượng để càn quét.

Nhưng nổi bật lên là âm mưu thâm độc dùng người Việt đánh người Việt của chúng. Một tên tướng Pháp đã lộ rõ âm mưu ấy là: *"Sang chiếm được nước Nam là công lao của lính Pháp, mà dẹp được giặc văn thân ở trong xứ là công lao của lính tập"*. Nghị định ngày 11 tháng 2 năm 1886 của tướng Vác-nê và nghị định ngày 6-8-1886 của Toàn quyền Pôn Be, cấp tốc thành lập những cơ ngụy binh khố xanh để đàn áp phong trào văn thân. Tháng 11-1889, thượng hội đồng Đông Dương giao việc đàn áp nghĩa quân cho lính khố xanh ở Trung Kỳ.

Trong huyện Thanh Chương ngày 1-9-1889 một toán nghĩa quân đóng ở Cồn Chùa và Khe Đen, Đề Niên xây hai đồn nhỏ tại Mỹ Hoa, đánh thắng quân của thiếu úy khố xanh Đờ Ni-o[1]. Trước đó nghĩa quân còn tiêu diệt một lãnh binh ngụy và 16 lính

1. De Niort.

https://tieulun.hopto.org

khố xanh. Giặc phái Tuần phủ Hà Tĩnh và Giám binh Jắc-kê[1] đem quân đi càn quét.

Trong huyện Hương Sơn, nghĩa quân do Lương và Đinh chỉ huy, ngày 15 và 16 tháng 12 đã tấn công đồn Dương Liễu. Cuối tháng 12 lại đánh vào huyện Hương Sơn do thiếu úy Lăm-be[2] và Rô-ti[3] chiếm giữ; đến tháng 3 năm 1890 lại tấn công một lần nữa.

Trong huyện La Sơn và Thường Sơn quân của Đề Thắng và Phan Trọng Mưu chống càn tháng 3 năm 1890.

Trong huyện Hương Khê quân của Ban Trúc và Hiệp quản Điệp cũng hoạt động mạnh.

d. Tấn công liên tiếp đồn Trường Lưu và đồn Hương Sơn. Ở La Sơn ngày 13-4-1890, quân của Đốc Chanh và Đốc Trạch phục kích giặc tại làng Hốt, diệt nhiều khố xanh và dõng. Đêm 26 rạng ngày 27 tháng 5, do một cai khố xanh đồn Trường Lưu tên là Hép sang hàng ngũ nghĩa quân dẫn đường, nghĩa quân tấn công đồn Trường Lưu do thiếu úy Đờ-vốt[4] làm đồn trưởng. Đêm hôm 28-5 nghĩa quân đánh Đờ-vốt và Tờ-ru-vê[5] ở làng Hốt; chúng chạy về Trường Lưu, nghĩa quân truy kích và đến tấn công đồn. Đến 31 nghĩa quân lại tấn công lần nữa, rồi chuyển sang đánh đồn Hương Sơn.

Đến 3-6, nghĩa quân đánh đồn Hương Sơn mạnh hơn, đồng thời cho một toán nhỏ đến quấy rối đồn Linh Cảm. Ngày 2-6 tại Hà Trai quân của Đề Đạt phục kích một toán khố xanh do cai Lê Hai chỉ huy từ Na-pê[6] đến. Một khố xanh bị chết còn bao nhiêu chạy lộn về Na-pê. Ngày 4-6, nghĩa quân đánh quân của giám binh Lăm-be ở phía trên Hương Sơn. Ngày 26-6, nghĩa quân lại đánh

1. Jacquet.
2. Lambert.
3. Roty.
4. Devoogt.
5. Trouvet.
6. Nhà xuất bản chưa tra được từ nguyên.

quân của Lăm-be và hai thiếu úy khố xanh tại các làng Gia Định, Đông Tài và làng Hốt, Lăm-be tháo chạy. Nghĩa quân tiến lên tấn công Trường Lưu lần thứ tư.

đ. Giao chiến tại Trung Lễ, Lạc Hà, làng Liêu và đánh đồn Nam Huân. Đêm 28 rạng 29-6 nghĩa quân giao chiến với giặc ở Trung Lễ và Thượng Ích, giặc đốt phá hai làng này; ngày 20-7, nghĩa quân phục kích một tên thượng tá, giặc ở Linh Cảm đến cứu. Hai người chỉ huy nghĩa quân là đội Trạc và cai Hẹp bị thương.

Ngày 2-9, tại Cẩm Xuyên, quân Đốc Chanh đánh một toán giặc ở Hà Tĩnh và huyện Kỳ Anh tới. Ngày 14 lại đánh nhau với Lăm-be tại làng Liêu cách Hà Tĩnh 14 cây số.

Giặc đem Tuần phủ Hà Tĩnh là Đinh Nho Quang đến Trường Lưu rồi lại đến đồn Nam Huân, mục đích là dụ dỗ dân chúng địa phương không nên liên lạc với nghĩa quân. Tháng 10, nghĩa quân hai huyện Hương Khê và Hương Sơn hợp với quân Đốc Chanh tấn công Nam Huân. Nhiều cuộc giao chiến diễn ra tại các làng Gia Hanh, làng Hốt, và trong vùng lân cận kéo dài từ 20 đến 25-10.

Tháng 12-1890, giặc tăng viện. Chúng thọc vào vùng Trại Tháp cách Nam Huân độ 6, 7 cây số. Nghĩa quân một mặt chống càn, một mặt Mai Văn Vinh đêm 28-12 đem quân đến tấn công đồn Linh Cảm (gần làng Đông Thái).

Thế là bắt đầu từ ngày giao chiến, nghĩa quân đã hoạt động tại khắp các huyện Thanh Chương, Hương Sơn, La Sơn, Hương Khê thường là chủ động đánh đồn diệt viện.

Đêm 24-7-1890 nghĩa quân đánh đồn Quý Châu. Lãnh Thiệt bị hy sinh.

Giặc dò biết tình hình và cách bố trí đồn trại của Đề Mậu trong một khu rừng núi hiểm trở ở vùng giữa Cây Chanh, đồng Cốc và

https://tieulun.hopto.org

Trần Lương. Công sứ Vinh Luyt-xơ[1] tổ chức đánh đồn. Kế hoạch của địch là bí mật bao vây rồi ập vào công kích. Thiếu úy khố xanh Ha-ghê[2] ở đồn Cây Chanh chỉ huy toán chủ lực vòng đến đằng sau trại Đề Mậu, còn quân Đinh Huân Dương, lãnh Hy ở Phủ Diễn, Cửu Cát ở đồng Cốc đem quân vây các mặt. Ngày 22-8 cuộc chiến đấu nổ ra. Đề Mậu phải tạm rút lui. Nhưng đêm 2-11 nghĩa quân lại tấn công quân Cửu Cát ở đồn Mạc Hạ.

Ngày mùng 2-2-1891 bang biện Mai Văn Vinh chỉ huy một toán nghĩa quân đón đánh lính khố xanh đang đi từ đồn Nam Huân về Vinh. Từ 2 đến 9 tháng 3, giám binh Bu-đông[3] càn quét từ Tri Bản đến đèo Quí Hợp vào Hương Khê. Thấy không vấp một sức kháng cự nào, giặc Pháp cho thiếu úy Huy-nhi[4] đem khố xanh và dõng giải một số nghĩa quân bị bắt từ trước ở Nam Huân về Linh Cảm. Nghĩa quân bí mật tập trung ở Thiện Thôn và đón đánh. Giao chiến trong 4 giờ, giặc đang lúng túng, thì Hiệp quản Điệp bị hy sinh. Huy-nhi thừa cơ chạy thoát.

Khi giám binh Bu-đông càn quét vùng Tri Bản thì nghĩa quân kéo về dãy Trường Vật và Trại Tháp. Bu-đông vừa về đến Linh Cảm lại phải đối phó với nghĩa quân. Ngày 2 và 5-3, Đốc Đóp và bá hộ Thuận chặn đánh Lăm-be xung quanh tỉnh lỵ Hà Tĩnh. Ngày 28-3, Đề Thắng đánh thiếu úy Rô-be[5] tại Thường Bồn. Ngày 6 và 9-4 nghĩa quân tiêu diệt nhiều lính khố xanh khi chúng vào đánh đồn. Đêm 24-4 nghĩa quân đến bao vây phủ Đức Thọ.

Giặc xây 2 đồn Quí Lai và Đông Yên để án ngữ đường từ phủ Diễn Châu sang huyện Anh Sơn. Chúng khủng bố, dụ dỗ nhân dân quanh vùng Trung Lễ và Vạn Lâm. Một bọn làm tay sai cho

1. Luce.
2. Haguet.
3. Boudon.
4. Hugnit.
5. Robert.

giặc định chỉ cho giặc bắt nghĩa quân. Cụ Phan Đình Phùng cho nghĩa quân đến cảnh cáo và đánh đồn Trung Lễ luôn.

Những toán quân nhỏ của giặc thường bị chặn đánh. Tháng 6-1891, một toán lính của Bu-đông bị đánh úp. Tháng 7, lại có trận đánh phó Đoan ở Can Lộc.

Ngày 15-7, Lãnh binh Dương Lê đánh nhau với thiếu úy khố xanh Đuy-ra-vít-sô[1].

Giặc Pháp thấy cần tập trung lực lượng để càn quét vùng căn cứ nghĩa quân ở dãy Trường Vật. Giám binh Bu-đông cùng các tên thiếu úy Huy-nhi ở Linh Cảm, Buốc-joa[2] ở Nam Huân, Phô-sê[3] ở Hà Tĩnh, Ma-jít-tơ-rít[4] ở chợ Bong, Mác-kê và Rô-be ở Tri Bản đem quân xục xạo từ ngày 1-9 đến ngày 15-9. Một vài trận đánh nhỏ diễn ra, chúng phải rút về các đồn như cũ. Cuộc càn quét không đem lại kết quả gì.

Ngày 19-11, Ma-jít-tơ-rít, Đuy-ra-vít-sô và Mông-ti-nhô[5] vào rừng Trường Xim bị chặn đánh kịch liệt. Sau 1 giờ rưỡi chiến đấu, nghĩa quân rút lên Vụ Quang. Đêm 19-12, quân Đề Thắng đánh địch ở Lương Điền.

Ngày 7-3-1892, nghĩa quân bắt hai tên bá hộ phản động, giam tại Lạc Hà. Đêm 7, quân bá hộ Thuận đánh úp luôn huyện Thạch Hà bắt được tên tri huyện, đồng thời Cao Thắng đem một đạo quân ăn mặc giả lính khố xanh đến bắt được Tuần phủ Đinh Nho Quang làm tiểu phủ quân vụ huyện Hương Sơn. Y là một tay sai của giặc và lại dám viết thư mạt sát cụ Phan. Nghĩa quân không giết, cảnh cáo những tội của y rồi bắt đem tiến lên chuộc. Bọn tay sai của địch thấy sự trừng trị của nghĩa quân nên không dám hoạt động mạnh.

1. Duravisseau.
2. Bourgeois.
3. Focher.
4. Magistrit.
5. Montignau.

https://tieulun.hopto.org

e. Cuộc chống càn ở khu Trường Xim. Giặc Pháp lại ủy cho phó công sứ Đa-mát-đơ[1] tổ chức một cuộc càn quét lớn chống Đề Thắng từ đầu tháng 3 đến cuối tháng 4 trong vùng giữa sông Ngàn Phố và sông Cả cùng trong rừng Trường Xim. Đa-mát-đơ huy động hầu hết lính khố xanh trong tỉnh Hà Tĩnh vào cuộc càn quét này.

Lợi dụng những sơ hở của địch ở đồng bằng, nghĩa quân một số ở lại chống càn, một số luồn về hoạt động sát tỉnh Hà Tĩnh và các phủ huyện.

Ngày 2-3-1892, lính khố xanh vào sâu trong rừng núi. Một vài trận đánh nhỏ diễn ra ở Trường Xim. Giặc đánh tháo được cho tên Đinh Nho Quang cùng tên cử nhân Nhàn.

Ở Kỳ Anh và Nam Huân bọn Huy-nhi và Ma-ri-a-ni[2], phải đối phó vất vả với nghĩa quân ở rừng núi đánh vòng xuống. Ngày 20-6, nghĩa quân lập kế cho người báo với Huy-nhi chỗ bá hộ Thuận đóng quân. Chúng bắt người đó đưa đường. Huy-nhi đến nơi chỉ thấy một trại bỏ không từ lâu. Lúc ấy nghĩa quân mới từ Trại Chè kéo xuống tấn công vào Voi. Thiếu úy Bờ-ri-cu[3] đem lính ở Kỳ Anh đến cứu nhưng bị phục kích giữa đường. Trong 2 giờ chiến đấu, quân Pháp thiệt hại nặng. Bờ-ri-cu tháo chạy về Kỳ Anh. Huy-nhi đang loanh quanh ở chỗ trại bỏ hoang được tin Bờ-ri-cu thua và Voi lại bị đánh; y vội vã chia làm hai ngả kéo đến Voi, nhưng nghĩa quân đánh xong đã rút từ lâu rồi. Ở đồng bằng nghĩa quân hoạt động mạnh, trên rừng Trường Xim nghĩa quân cũng chống lại dẻo dai. Cuối tháng 4 quân Pháp phải rút quân từ Trường Xim về. Thế là cuộc càn quét của Đa-mát-đơ trong hai tháng không có kết quả gì hết.

1. Damade.
2. Mariani.
3. Bricout.

Từ tháng 4 đến tháng 8-1892 có những việc sau đây xảy ra: ngày 8-6, bọn khố xanh và dõng đi chợ Hương Bộc (cách đồn Nguỵ Giang 1 cây số) bị chặn đánh. Đêm 14-6, ba toán nghĩa quân đến các làng Trung Lễ, Đông Khê và Văn Lâm trừng trị một số Việt gian, giết một hiệp quản nguỵ ở Đông Khê. Tên thiếu úy khố xanh, trưởng đồn Linh Cảm, đem quân đến cứu, bị đánh úp tại Văn Lâm. Ba giờ sáng quân các đồn Nam Huân, Tri Bản vội vã đến đánh gỡ vây cho toán quân đồn Linh Cảm. Bắn nhau một lúc, nghĩa quân rút lui bắt theo một số tù binh. Tối 18-6, nghĩa quân vận chuyển lương thực ở làng Hà Tĩnh đã đánh nhau với một toán khố xanh. Rô-be đem thêm quân đến trợ chiến. Sau đó tại Trường Vật có cuộc giao chiến giữa nghĩa quân và Đờ Su-la-giơ[1], đồn trưởng đồn Nam Huân, cùng với Rô-be. Ngày 8 tháng 7, Huy-nhi và Lơ-pác[2] tìm đến trại bá hộ Thuận. Hai bên bắn nhau một chập, nghĩa quân rút đi nơi khác.

f. Cuộc chống càn tháng 8 và tập kích vào tỉnh lỵ Hà Tĩnh. Lúc này nghĩa quân đang hoạt động mạnh. Dân chúng địa phương vẫn ngầm giúp đỡ nghĩa quân về lương thực. Giặc Pháp lo ngại. Chúng cố gắng hoạt động trước mùa mưa. Chúng chuẩn bị một cuộc càn quét lớn, đánh sâu vào khu căn cứ chính của nghĩa quân.

Sau khi điều tra và chúng chắc chắn rằng: Phan Đình Phùng và một số chỉ huy quan trọng đóng tại Hội Trung với 150 súng; Tác Ngạn với một số ít nghĩa quân hoạt động ở La Sơn; bá hộ Thuận đóng ở Trại Chè và Đốc Chanh ở Thiên Thôn có chừng 100 súng.

Chúng đặt kế hoạch: hoạt động vùng Trại Chè để đánh lạc hướng tấn công chính; tránh làm kinh động Đốc Chanh và Phan Đình Phùng, rồi bất thình lình đánh mạnh vào Hội Trung định tiêu diệt Phan Đình Phùng. Sau đó càn quét vùng hữu ngạn Ngàn Sâu.

1. De Soulages.
2. Le Parc.

https://tieulun.hopto.org

Thi hành kế hoạch trên, chúng phân công cụ thể: các tên thiếu úy Lơ-pác, Buốc gioa, Huy-nhi, Lãnh binh Trọng đem quân càn quét từ Hà Tĩnh tới Trại Chè từ 5 đến 9-8-1892.

Trong lúc đó các lực lượng phải bố trí để đến ngày 12:

- Thiếu úy khố xanh Ha-ghê và Phô-sê đem 80 lính phải đến được Khê Thượng.

- Rô-be và Buốc-gia[1] đem 60 lính phải đến Trại Cuội (Hương Sơn).

- Giám binh Lăm-be cùng các thiếu úy Cờ-rê-mông[2] và Ma-ri-a-ni đem 50 khố xanh phải đến được Hương Khê.

- Rồi từ những địa điểm trên, đêm 12 rạng 13 tháng 8 cùng tấn công vào đồn trại nghĩa quân.

Nhưng giặc không thể biết hết thực lực lượng nghĩa quân. Tất cả các huyện đều có nghĩa quân chiếm đóng và liên lạc chặt chẽ với nhau. Những vị trí nghĩa quân, giặc điều tra cũng chưa được xác thực. Lực lượng nghĩa quân lúc này không những có thể chống càn thắng lợi mà còn chuẩn bị tấn công địch. Phan Đình Phùng đã biết kế hoạch của địch; nghĩa quân chuẩn bị đối phó.

9 giờ tối ngày 15-8, Rô-be vào hỏi Trùng. Đồn tiền tiêu nghĩa quân bắn rồi rút. Ngày 13, Rô-be vào rừng xục xạo không thấy động tĩnh gì. 10 giờ đêm ngày 13, bất thình lình nghĩa quân nổ súng phản công. Qua một lúc chiến đấu, nghĩa quân đã tiêu diệt 16 giặc, bắn trọng thương 15 tên thêm một số khác xéo phải chông bị thương, Rô-be hoảng hốt rút lui.

Chính lúc này giám binh Lăm-be còn ở bên kia núi, cách chỗ Rô-be 2, 3 cây số. Sáng 14, y mới tới một trại bỏ không. Thế là vì không biết rõ lực lượng và vị trí nghĩa quân, quân Pháp đã thua

1. Nhà xuất bản chưa tra được từ nguyên.
2. Crémont.

đau, hành động không ăn khớp với kế hoạch đã định. Ngày 30-8 chúng lục tục kéo quân về.

Một mặt nghĩa quân chống càn, một mặt tổ chức một trận tập kích lớn vào thị xã Hà Tĩnh. Ngày 23-8 bá hộ Thuận bí mật đem quân tới sát tỉnh lỵ. Giặc không biết gì cả. Một số nhỏ nghĩa quân giả đánh vào phố xá còn đại bộ phận chia làm hai mũi tấn công vào trại khố xanh và phá nhà tù Hà Tĩnh. Trong nhà tù có hơn 70 nghĩa quân và Duy Thịnh, anh bá hộ Thuận, bị giam ở đó từ trước.

Súng bốn mặt nổ ran, bọn khố xanh trong trại do Đội Sinh chỉ huy liều chết chống cự lại. Ngoài phố, chánh phó lãnh binh ngụy đem lính cơ ra đối phó nhưng nghĩa quân có đánh mạnh ở phố đâu. Ở trại giam, nghĩa quân ngoài đánh vào, trong tù phá ra. Kết quả trận này, hơn 70 nghĩa quân bị giam ra được cả. Duy Thịnh bị tuần phủ bắt giam ở lô cốt khố xanh không thể cứu thoát được. Nghĩa quân thắng lợi hoàn toàn rút đi ngay đêm đó.

Tối ngày 28-8, nghĩa quân do Nguyễn Cấp chỉ huy cũng đánh nhau với quân của Đờ Su-la-giơ để một toán nghĩa quân khác về tải lương thực tại Đông Khê, huyện La Sơn. Giặc Pháp rất hoảng sợ về việc nghĩa quân đột nhập thị xã Hà Tĩnh. Chúng lại đem quân về càn quét và khủng bố nhân dân vùng đồng bằng từ ngày 8-9 đến 2-10. Nghĩa quân rút lên núi.

Vì có mấy tên Việt gian chỉ đường, quân Pháp bố trí đánh toán quân của Đốc Chanh. Trong trận này Đốc Chanh đã hy sinh. Được thể chúng mở một cuộc càn quét luôn. Ngày 16-11, nghĩa quân rút đồn Phương Nga, ngày 30-11 rút đồn Trường Vật.

Ngày 15-12 nghĩa quân đánh nhau với Buốc-joa và ngày 17-12 với Rô-be ở núi Quạt.

Từ tháng giêng đến tháng 2-1893, quân Pháp lại huy động khố xanh và dõng càn quét dãy Trường Vật và Ngàn Trươi. Giám binh Lăm-be đốc xuất bọn quan một Huy-nhi, Ha-ghê, Đờ Su-la-giơ,

https://tieulun.hopto.org

Cờ-rê-mông, Lơ-pác, Ma-ri-a-ni và 200 lính đồn Sơn phòng. Kế hoạch của giặc là: 120 tay súng từ đèo Trường Vật lên đỉnh núi, từ phía nam tiến về phía bắc đến đồn trại nghĩa quân; số quân còn lại tiến từ phía bắc về phía nam đánh ập lại.

Đờ Su-la-giơ xuất phát từ Khiêm Ích ngày 7-1-1893 tiến về phía bắc. Sáng hôm sau chúng đến một trại bỏ không. Ha-ghê kéo từ Trường Xim lại phía nam bị chặn đánh ở Khê Thượng; hắn rút đi Hòa Duyệt. Ngày 23 giám binh Lăm-be vào khe Ngọn cũng bị chặn đánh. Ngày 21, Buốc-joa chạm phải một trại nghĩa quân, hắn rút lui báo tin cho Ha-ghê. Đêm 6-2 Ha-ghê đem nhiều binh đến. Nghĩa quân bố trí đánh lại. Chúng bị tiêu diệt một sếp và bị thương nặng 20 khố xanh. Nghĩa quân rút đi. Quân giặc cũng rút về.

Chúng rút đi thì nghĩa quân mấy ngày sau lại quay trở lại hoạt động. Chúng lại tổ chức càn nữa, Huy-nhi lúc này được nhắc lên làm giám binh đốc xuất bọn Ma-ri-a-ni. Rô-be và Đi-lanh-ghét-tơ[1] cùng 85 khố xanh ra đi. Ngày 3-3-1893 nghĩa quân chặn đánh từ 8 giờ đến 10 giờ sáng. Ngày 29-3, quân Đề Thắng cũng bắn nhau với Buốc-joa ở Mỹ Duệ rồi rút về Trại Chè. Đầu tháng 4, quân Đề Nam cũng đánh nhau với Buốc-joa và Rô-be ở gần Mỹ Duệ.

Ngày 28-4, Huy-nhi đánh vào Trại Chè. Nghĩa quân lại luồn về đồng bằng đánh các đồn Trung Lương, Kim Chúc (ở Can Lộc), đồn Hương Khê sát cạnh đồn Tri Bản và nhiều nơi khác trong huyện Nghi Xuân, Huy-nhi lại phải lộn trở về phân tán lính khố xanh đi các ngả để đối phó với nghĩa quân.

Từ ngày 12 đến 15-5, Đề Nam đánh Huy-nhi. Đờ Su-la-giơ và Đi-lanh-ghét-tơ ở gần tỉnh lỵ Hà Tĩnh. Ma-ri-a-ni ở đồn Khiêm Ích vừa đem quân đi lùng nghĩa quân thì nghĩa quân đến công đồn luôn. Ngày 7 tháng 7, Đốc Trạch đánh Ma-ri-a-ni cách đồn Nam Huân 6, 7 cây số.

1. Dillinguette.

g. Cuối năm 1893, một cái tang lớn của nghĩa quân: tổng binh Cao Thắng tử trận. Từ ngày khởi nghĩa tới nay lực lượng nghĩa quân đã phát triển nhiều. Quân số lên tới mấy ngàn người. Lương thực vũ khí đủ. Chiến thuật của nghĩa quân vẫn là chiếm cứ vùng núi rừng, chống phá càn quét của giặc và tấn công những đồn lẻ. Tuy nhiều khi giành được chủ động nhưng thực ra nghĩa quân vẫn ở vào thế bị bao vây trong một địa bàn nhỏ hẹp, không hoạt động mạnh ở đồng bằng được, do đó phong trào không lan tràn rộng rãi. Về phía giặc Pháp sau khi đàn áp những cuộc văn thân khởi nghĩa khác, càng ngày chúng càng tăng cường càn quét, siết chặt vòng vây bằng cách lập một hệ thống đồn bốt quanh khu căn cứ nghĩa quân Hương Sơn. Đường tiếp tế lương thực nghĩa quân thấy càng ngày càng khó khăn. Các quân thứ tại Thanh Hóa, Nghệ An, Quảng Bình cũng bị tấn công luôn.

Để gỡ thế bao vây và nhất là muốn mở rộng địa bàn hoạt động tại khắp 4 tỉnh Thanh, Nghệ, Tĩnh, Bình, ông Cao Thắng quyết định đánh một trận lớn. Cụ Phan không quyết; Cao Thắng nài nỉ xin trình kế hoạch: dùng một lực lượng lớn để chiếm thành Nghệ, trong lúc đó, các quân thứ trong các tỉnh hoạt động ráo riết để hỗ trợ cho quân chủ lực và làm phân tán lực lượng địch. Nghệ An chiếm xong, các quân thứ sẽ nổi lên chiếm Hà Tĩnh và Quảng Bình ngăn quân Pháp ở trong ra. Cao Thắng sẽ đối phó địch ở mặt Bắc vào và cả mặt biển. Tóm lại thì kế hoạch của ông Cao Thắng là muốn chiếm hẳn Nghệ An, Hà Tĩnh, Quảng Bình. Cao Thắng cho rằng nếu không đánh một trận lớn như vậy thì nghĩa quân cũng bị bao vây rồi đi đến chỗ bị tiêu diệt. Rốt cục cụ Phan bằng lòng.

Tháng 10 âm lịch (1893) ông Cao Thắng đem 1.000 quân xuất phát từ căn cứ Ngàn Trươi tiến về hướng Nghệ An. Ông và Nguyễn Niên chỉ huy 500 quân đi trước. Cao Nữu dẫn 500 quân đi sau. Cao Thắng vốn là một người chỉ huy tài, chính giặc Pháp và khố xanh cũng sợ nên quân của ông liên tiếp đánh phá được nhiều

https://tieulun.hopto.org

đồn. Tới đồn No, trong đồn có độ 100 khố xanh do tên thiếu úy ngụy quân Phiến chỉ huy. Phiến biết rằng đem lực lượng ra thì không thể đối phó được với Cao Thắng, nên một mặt hắn cố sức giữ đồn, một mặt cho quân phục ở ngoài đồn, khố xanh ở trong đồn bắn ra và ở đằng sau bắn tới, ông Cao Thắng bị tử trận. Năm đó ông mới 29 tuổi.

Thế là nghĩa quân mất một viên tướng tài, cụ Phan như mất cánh tay phải. Kế hoạch lớn bị thất bại.

Di hài Cao Thắng: được đưa về Ngàn Trươi an táng. Chính tay cụ Phan viết câu ai liễn thống thiết sau đây để thờ người anh hùng trẻ tuổi.

"Công cẩu tất thành, kích tiếp thệ tảo thanh quốc tặc. Sự nan dự liệu, cứ yên kim dĩ thiếu tư nhân".

Và câu:

"Vì tiệp tiên tử, thiên ý vị hà. Hữu chi phất thành, anh hùng dĩ hĩ".

Ông Võ Phát (Kỳ Anh) viết bài văn tế chữ nôm mà cụ Phan đọc ngày chung thất:

Than rằng:

Thanh bảo kiếm mười năm sẵn có, đấng anh hùng dồi mài mãi chưa thôi;

Áng nhung trường một phút như không, con tạo hóa ghét ghen chi lắm thế?

Nghĩa đồng ưu tưởng lại luống đau lòng;

Tình vãn điếu nghĩ càng thêm rơi lệ.

Nhớ Tôn linh:

Hào kiệt ấy tài!

Kinh luân là chí!

Vén mây nửa gánh giang san,

Vỗ cánh bốn phương hồ thỉ.

Gặp quốc bộ đang cơn binh cách, nghĩa giúp vua chung nỗi ân ưu,

Bỏ gia đình theo việc nhung đao, lòng đánh giặc riêng phần lao tụy.

Địa bộ muốn theo giòng Nhạc Mục, thét nhung bào từng ghê trận oai linh.

Thiên tài toan học chước Võ hầu, chế súng đạn biết bao chừng cơ trí,

Ơn quân tướng Đổng nhung vâng mạng, cầm ấn quan phòng.

Tước triều đình Chưởng vệ gia phong, kéo cờ tân chế,

Những chắc rằng: ba sinh có phước, hăm hở mài gươm chuốt đá, chí khuông phò không phụ với quân vương.

Nào ngờ đâu! một sớm không chừng, mơ màng đạn lạc tên bay, trường chiến đấu biết đâu là số hệ?

Trong ba kỷ xuân thu tuy chửa mấy, trên yên ngựa đòi phan roi thét, trọng cương thường quyết nở mặt nam nhi.

Ngoài mười sương, sự nghiệp biết chừng nào, trước cửa viên bỗng chốc sao sa, thu linh phách vội cướp công tráng sĩ.

Non thiên nhận phất phơ hơi gió thổi, thương người tiết nghĩa ngậm ngùi thay!

Nước tam thoa thấp thoáng bóng trăng soi, nhớ kẻ trung trinh ngao ngán nhẽ!

Thà chết nữa, song tay địch khái, theo về tổ phụ ấy càng vinh.

Kìa sống như mất kẻ hàng đi, ở với tinh chiên càng thêm bậy.

Nay nhân:

Chung thất tới tuần.

https://tieulun.hopto.org

Thúc sô dâng lễ.

Chén rượu thoảng bay mùi chánh khí, trước dinh đều đủ mặt quan liêu.

Nén hương nghi ngút khói bạch vân, dưới án đua chen hàng cơ vệ.

Chua xót thay, hai già tuổi tác, ngọt bùi cậy tay em thay đỡ, khối tâm tình chưa thoát khỏi cõi hoàng tuyền.

Cám cảnh thay đàn trẻ thơ ngây, ân cần nhờ công vợ dậy nuôi, may di phúc lại nẩy ngành đan quế.

Tinh phách ví dầu thanh sảng, hộ phen nẩy cho tướng mạnh quân bền.

Linh hồn nếu có khôn thiêng, rồi ngày khác lại sắc phong điện tế.

Thôi! Thôi!

Cửa tía lầu vàng đành kẻ khuất, đem thân bách chiến, để tiếng thơm cho tỏ mặt anh hùng.

Súng đồng gươm bạc mặc người còn, truyền lệnh ba quân, thét hơi mạnh để xây nền bình trị.

Thương ôi là thương!

Kể sao xiết kể!!!

Chính lúc này Pháp bảo Hoàng Cao Khải, người cùng làng với cụ Phan, dụ cụ Phan ra hàng (tháng 4 âm lịch). Bằng lời lẽ đanh thép nói rõ ý chí bất khuất của mình, cụ Phan đã làm cho Hoàng Cao Khải phải hổ thẹn nhục nhã. Biết rằng không thể lừa gạt được, giặc Pháp càng ra sức tiến đánh nghĩa quân.

Ngày 1-3-1894, nghĩa quân tấn công đồn Chợ Phố. Đến ngày 3, nghĩa quân lại cho một số giả hoạt động trong một làng gần đồn để nhử cho giặc phân tán một phần lực lượng đi đối phó. Ngày 4-3 là ngày phiên chợ, 50 nghĩa quân cải trang là người dân thường, 9 giờ sáng, bất thình lình nghĩa quân tấn công. Cũng ngày 4-3

nghĩa quân đón đánh Bờ-ri-cu tại một địa điểm khác. Ngày 29-3 Lãnh Lợi đón đánh tên thiếu úy Phiến tại Vạn Sơn (ở Nam Đồng). Trong trận này đốc binh Nguyễn Bảo đã bắn chết tên Phiến, trả thù cho Cao Thắng.

Đêm 31-3, quân bá hộ Thuận lại tập kích thành Hà Tĩnh một lần nữa. Trong tháng 4, 5 và 6-1894 có những trận giao chiến giữa nghĩa quân do Phan Duy Can, Đốc Cơ, Đốc Trạch chỉ huy với quân của Đờ Su-la-giơ, Phi-líp[1], Phan Duy Can bị giặc bắt.

Ngày 25-6 và đêm 12-7, nghĩa quân tập kích Quí Hợp. Ngày 14-7 nghĩa quân chặn đánh Sa-ma-răng[2] gần Vinh khi hắn đi càn quét phủ Diễn Châu và huyện Anh Sơn về.

Đêm 11-7, quân Pháp do Ra-li-ê đuy Ba-ti[3] chỉ huy tìm đánh bá hộ Thuận. Sáng 12, hai bên mắng chửi nhau rồi bắn nhau trong rừng rậm. Nhiều địch bị sa vào hố chông. Chúng cố tiến vào trại nhưng lại là trại không, rồi bị nghĩa quân ở ngoài đánh vật lại. Cũng đêm 11-7, có cuộc giao chiến giữa nghĩa quân và Sa-ma-răng. Ngày 27-7 Đờ Su-la-giơ mò vào Đại Hàm bị chặn đánh. Giặc vội vàng rút lui.

Trong tháng 8, nghĩa quân cũng đánh lại quân của Sa-ma-răng, Đờ Su-la-giơ, Gơ-ruy-ôn[4], Ra-li-ê đuy Ba-ti, Phôi-ê[5] ở Ngàn Cõ, núi Mò Ho.

h. Trận chống càn ở Đại Hàm. Lực lượng nghĩa quân lúc này đã sút kém. Giặc Pháp đã có lần thọc sâu vào đại đồn của nghĩa quân. Cụ Phan Đình Phùng phải di chuyển vào khu núi Đại Hàm. Cuối năm 1894 một trận chống càn gay go diễn ra giữa nghĩa quân có cụ Phan Đình Phùng đóng ở trên núi Đại Hàm với quân Pháp bao vây dưới chân núi.

1. Nhà xuất bản chưa tra được từ nguyên.
2. Nhà xuất bản chưa tra được từ nguyên.
3. Rallier du Baty.
4. Grualt.
5. Foeher.

https://tieulun.hopto.org

Núi Đại Hàm thuộc làng Tĩnh Diệm, nghĩa quân có một quân thứ ở đó (Diệm thứ) do Cao Đạn chỉ huy. Lúc này trên núi có 400 nghĩa quân và 200 súng. Giặc Pháp có vừa lính vừa phu tới 1.000 người. Trong lúc nghĩa quân đang bị hết lương thực, giặc lại đến tấn công, cụ Phan ngần ngại chưa biết đánh hay rút lui. Nhưng Nguyễn Mục và Cao Đạn thì cương quyết đánh. Cụ Phan đã hỏi ý kiến tất cả nghĩa quân xem nên đánh hay nên lui. Mọi người đều quyết tâm xin đánh. Lợi dụng địa thế hiểm yếu của trái núi, nghĩa quân đã cầm cự trong suốt 15 ngày. Nhiều lần giặc tấn công lên mỏm núi, nhưng nghĩa quân ở trên bình tĩnh bắn xuống, giặc bị thiệt hại nhiều, không tiến lên đỉnh được. Giặc lấy thêm 150 lính nữa ở Nghệ An tới, chúng chia làm hai mặt đánh lên. Nhưng nghĩa quân đã kịp thời rút từ đêm trước đến núi Quạt (Hương Khê), rồi, tháng 7 năm 1895 lại trở về Vụ Quang.

Nghĩa quân đang ở vào một giai đoạn gian nguy, nhưng chính trận này lại là một chiến công oanh liệt nhất kể từ ngày khởi nghĩa.

Tháng 7-1895, nghĩa quân trong đó có cụ Phan Đình Phùng từ núi Quạt rút về vùng Vụ Quang, định tiến lên đóng trên một quả núi hiểm trở trước kia là đại đồn nghĩa quân. Nhưng giặc Pháp đã chiếm mất quả núi ấy rồi. Nghĩa quân đành rút lên một mỏm núi khác cũng nằm trong thung lũng Vụ Quang. Sông Vụ Quang là một con sông lớn từ trên nguồn cao chảy xiết qua trước mặt khu trại nghĩa quân. Biết rằng quân Pháp thế nào cũng dồn lực lượng đến tấn công, nghĩa quân áp dụng một chiến thuật mới: nhờ thế nước để đánh giặc. Nghĩa quân chặt thật nhiều gỗ chắn ở đầu nguồn, ngăn nước sông Vụ Quang lại, dùng nhiều cây to thả sẵn ở trên nguồn, nhử cho quân Pháp lội qua sông, bất thình lình phá kè ở trên cho gỗ theo nước lao vào quân Pháp, đồng thời nghĩa quân phục ở hai bên bắn xả ra. Vài ngày sau, quân Pháp cùng với khố xanh đến tấn công thật, và nghĩa quân đã thực hiện đúng được kế hoạch. Kết quả trận thắng lợi này quân địch bị tiêu diệt 3 chỉ

huy Pháp, hơn 100 lính, nghĩa quân thu 50 súng và rất nhiều quân trang quân dụng.

i. Trận thắng lợi ở Cao Khê. Sau khi thất bại ở Vụ Quang, Sa-ma-răng ra sức càn quét để trả thù. Ngày 17-1-1895, hắn sục sạo dãy Trường Vật. Ngày 4-2, hắn đến đánh đồn Đốc Trạch. Một giờ chiều ngày 4-2, hắn dẫn quân đến trước đồn. Đốc Trạch ra bố trí xung quanh trại đợi cho Sa-ma-răng vào trại, nghĩa quân sẽ đánh áp lại. Quả nhiên Sa-ma-răng vào đồn, y bị bắn trúng cổ chết. Địch vừa đánh vừa rút lui xuống chân núi. Nghĩa quân truy kích.

Ngày 5-2 quân của Đề Đạt tiêu diệt một bọn khố xanh rồi rút đi nơi khác.

Tuy thắng được mấy trận lớn nhưng nghĩa quân vẫn bị bao vây và bị tấn công luôn.

Ngày 20, Huy-ghê[1] phái phó quản Di đem khố xanh đến giao chiến với nghĩa quân ở Lang Trai (huyện Nghi Xuân). Ngày 10-5, Ma-kê[2] tấn công Phan Đình Nghinh ở Trường Vật. Ngày 27-5 nghĩa quân của lý Võ đến tấn công quân của tên thiếu úy khố xanh Đô-phe[3], lý Võ bị hy sinh. Cuối tháng 5, Lãnh Dao ở phủ Diễn Châu cũng bị giặc bắt. Trong tháng 6 có những trận do Đề Đạt và Phan Đình Nghinh chỉ huy đánh với Huy-nhi, Gờ-ruy-ôn[4], Đờ Su-la-giơ, Ha-ghê, Phô-nê[5] tại Công Khê và Trường Vật.

j. Những ngày cuối cùng của Hương Sơn khởi nghĩa. Thực dân Pháp biết rằng nghĩa quân đã vào một thời kỳ suy yếu lắm. Chúng cố tâm đàn áp. Một mặt chúng ra sức khủng bố nhân dân địa phương để cắt đứt sự liên lạc giữa nghĩa quân và dân chúng, chặn nguồn tiếp tế lương thực của nghĩa quân. Vòng vây của chúng

1. Huguet.
2. Nhà xuất bản chưa tra được từ nguyên.
3. Daufes.
4. Gruyon.
5. Fonne.

https://tieulun.hopto.org

ngày càng thắt chặt và chia cắt nghĩa quân. Từ tháng 7-1895 tên đại Việt gian Nguyễn Thân lĩnh chức khâm mạng đại thần lấy danh nghĩa thay mặt cho triều đình Huế ra đánh dẹp Nghệ An, Hà Tĩnh và Quảng Bình. Đuy-vi-li-ê[1], công sứ Vinh giữ chức ủy viên chính phủ, chỉ huy ngụy quân ba tỉnh. Các tên giám binh Cốt-tô[2], Huy-nghi[3], Ha-ghê, Đờ Su-la-giơ và 12 viên thiếu úy khố xanh do giám binh Gô-đen[4] cầm đầu đốc xuất hơn 3.000 khố xanh đến bao vây khu căn cứ nghĩa quân.

Về phía nghĩa quân, thực lực đã suy sút dần từ hồi Tổng binh Cao Thắng tử trận. Lương thực, vũ khí ngày càng thiếu; quân số hao hụt. Nhân dân bị khủng bố dữ dội nên sự tiếp tế cho nghĩa quân bị hạn chế. Các quân thứ cũng bị tấn công và nhiều khi không liên lạc được với nhau. Nghĩa quân cứ phải di chuyển quanh ba địa điểm từ dãy núi Giăng Màn, núi Quạt rồi trở về Vụ Quang. Và trong lúc quân địch dùng một lực lượng lớn để đàn áp tới cùng thì cụ Phan Đình Phùng qua những ngày chiến đấu gian khổ đã mắc bệnh kiết lỵ nặng. Nói tóm lại thì lực lượng nghĩa quân đã sa sút lắm, không chỗ nào nghĩa quân có thể đóng yên ổn tới ba bốn ngày.

Giặc tập trung đại bộ phận tại Thổ Hoàng, mục tiêu của chúng là núi Vụ Quang vì chúng cho là Phan Đình Phùng ở đó. Ngày 12-7-1895, một toán tiếp tế của nghĩa quân bị Đờ Su-la-giơ cướp mất gạo, muối và cá khô. Ngày 19-7 Phó Lãnh binh Hồ Lai sa vào tay giặc.

Quân ta do Đề Mậu và Đề Vinh chỉ huy ở núi rừng Quì Châu, phủ Diễn và Anh Sơn, không thể luồn xuống đồng bằng được. Tháng 8, bọn Sten-giê[5] và An-lanh[6] đem quân đến đánh.

1. Duvillier.
2. Costo.
3. Huyghe.
4. Gaudel.
5. Stenger.
6. Alain.

Đại lực của địch bao vây vùng núi Vụ Quang rồi vào sục sạo. Nhưng cụ Phan đã chuyển đi nơi khác. Có một tài liệu nói rằng nghĩa quân tại các quân thứ bị tan rã, nghe tin cụ Phan ở núi Quạt nên đã kéo về đó tới 2.700 người. Nhưng thế lực nghĩa quân không thể hồi phục được mặc dầu nghĩa quân có một tinh thần chiến đấu tới cùng; lương thực hầu như là hết sạch; vũ khí mất vãn; trong những ngày chạy giặc phần lớn đều bị ốm yếu. Đốc binh Phương, Nguyễn Duyệt, Đốc Trạch lại thất chí ra hàng.

Ngày 21 tháng giêng 1896, cụ Phan Đình Phùng tạ thế tại sơn trại trên núi Quạt, thọ 49 tuổi.

Người ta kể chuyện rằng tuy trong lúc vội vàng nhưng các nghĩa quân an táng cụ rất cẩn thận. Họ lấy một cây gỗ vàng tâm lớn, đục hổng thân cây làm quan tài. Sau khi đặt di thể, họ gắn sơn thật cẩn thận rồi đem chôn người dưới chân núi Quạt, khi hạ huyệt xong nghĩa quân hóa trang như một khu đất thường để tránh giặc tìm tòi.

Mười ngày sau tên Nguyễn Thân tìm được mộ cụ, hắn sai đào lên rồi đốt di hài cụ thành than, nhồi với thuốc súng, bắn xuống sông La Giang.

Cụ Phan mất, song tinh thần yêu nước của cụ vẫn ăn sâu trong lòng nhân dân ta.

Sau khi cụ Phan mất, binh sĩ nản lòng, Đề Mậu, Tác Ngạn, Phan Đình Nghinh, Phan Đình Phong, Phan Đình Can, Phan Đình Trinh ra hàng; 23 tướng tá bị xử tử; Phan Đình Thoại, Tôn Thất Đinh, Tôn Thất Hoàng, Hiệp Tuân chiến đấu cho tới khi bị bắt. Đề Đạt và một số khác với nhiều quân lính rút sang Xiêm là nơi mà cô Tám, con của ông Hoàng Phúc đã từng qua lại gây cơ sở chính trị, mua hàng chục tấn súng đạn và chất nổ.

Giặc Pháp lại còn thi hành một chính sách hiểm độc vô cùng là "nuôi" con của cụ Phan để toan biến họ làm tay sai của nó, sau khi nó đã giết bác, đào mả tổ tiên, đào luôn cả mả cha người ta!!

https://tieulun.hopto.org

Trong Nam ngoài Bắc, Pháp đều có nhiều trường hợp cố làm cho con cháu phản lại ý chí của tổ phụ anh hùng.

Từ đó chấm dứt trong căn bản phong trào văn thân khởi nghĩa ở Trung Kỳ, nhưng cái tên tuổi của "Sơn Trung tể tướng" - danh hiệu mà nhân dân Thanh Nghệ Tĩnh Bình truy tặng cho cụ Phan - được lưu truyền mãi mãi, ý chí của cụ sẽ được luôn luôn tiếp nối. Địch đã phải nhận rằng:

"Cuộc phiến loạn do Phan Đình Phùng cầm đầu đã tràn lan rất mau và có thanh thế rất lớn; so sánh với cuộc phiến loạn của Phan Đình Phùng thì những quân phiến loạn nổi lên trước đó thật chưa thấm vào đâu. Nhưng vì chính sách cai trị, và vì không muốn làm dư luận bên Pháp xôn xao sợ hãi cho nên ở đây người ta cố giấu nhẹm được chừng nào hay chừng nấy"[1].

Giấu nhẹm làm sao? Sử xanh đã khắc tên vàng cho Phan Đình Phùng và Cao Thắng. Ngay lúc ấy, văn thân Nghệ Tĩnh có làm một câu đối truy điệu nhà lãnh tụ kính mến:

"Anh hùng thành bại kể chi? Dạ sắt son, lòng vàng đá, thề cùng các bạn giữ trước sau. Mặc châu đúc khí tinh anh, trung hiếu hẹn hò cùng sử sách. Ngao ngán nhẽ, lầu cao sụp đổ, một cột khó nâng; phòng vắng khói tan, liếc mắt non xanh thêm tức tối. Và bây giờ rồng bay mây ám, xót xa việc thế khôn lường, những thương La Việt giang sơn, văn hiến trăm năm thành trận mạc.

Trời đất xưa nay thế mãi. Đá dựng ngược, nước chảy xuôi, đó vẫn non sông phường tuấn kiệt. Lam Hồng nổi cơn bão tuyết, bá lòng úa rụng luống xông pha. Đau đớn thay, đê vỡ sóng vỗ, giữa dòng trụ đứng; sao dời vật đổi, ngảnh đầu người cũ phải bôn chôn. Đương lúc này gió thổi nhạn lìa, căm giận lòng trời cay nghiệt; riêng cảm Tùng Mai khí tiết, tinh thần một thác rạng trăng sao"[2].

* * *

1. Gosselin, *Empire d'Annam*.
2. Bản dịch của Đào Trinh Nhất.

TÓM LẠI

Giai đoạn thứ hai của phong trào Cần vương bắt đầu từ sau khi Hàm Nghi bị bắt cho đến 1897; đó là giai đoạn "Cần vương không vua", không vua mà phong trào cứu quốc lên rất cao; tuy phong trào lên cao nhưng sự chỉ huy đã thành rời rạc; vào giai đoạn này Pháp, Thanh sẽ bắt tay nhau hoạch định và đóng biên giới làm cho sự tiếp tế ngừng lại, cuộc kháng chiến sụt xuống. Về phương diện của kẻ xâm lăng thì chúng đã tổ chức chính phủ Đông Pháp, xâm lấn nước Lào, dùng nhiều chính trị hợp với quân sự mà hoàn thành sự "bình định" ở miền đồng bằng và sự chinh phục ở miền núi.

Trong thời gian này, ở miền Bắc Trung Kỳ có hai trung tâm khởi nghĩa quan trọng nhất là Hùng Lĩnh (Thanh Hóa) và Hương Sơn (Nghệ Tĩnh).

Tống Duy Tân, Cao Điền đã hoạt động Cần vương từ 1885; đến khi Phạm Bành, Đinh Công Tráng chết thì các ông trở thành những người kế tục lãnh đạo cuộc kháng chiến. Nghĩa quân bắt đầu hoạt động ở Nông Cống, biết lôi kéo ngụy quân về phe mình, biết kêu gọi lương giáo đoàn kết. Từ vùng Nông Cống, Tống Duy Tân rút quân về Yên Lãng gần lưu vực sông Chu, rồi lại về Cửa Đạt. Sau 6 năm chiến đấu, đến 1892, thấy tình thế càng ngày càng khó, đường liên lạc giữa đồng bằng và miền núi bị địch cắt đứt khó bề tiếp tế lương thực, đạn dược hết rồi, Tống Duy Tân và Cao Điền giải tán bớt nghĩa quân. Tống Duy Tân bị bắt tháng 10 năm 1892, còn Cao Điền thì ra Bắc, lên Yên Thế để tiếp tục chiến đấu; ông sẽ bị bắt vào tháng giêng năm 1896 ở Bắc Giang.

Cuộc khởi nghĩa Hương Sơn còn oanh liệt hơn là khởi nghĩa Hùng Lĩnh nữa; ở đây, có hai nhà lãnh tụ danh vọng và tài cao là Cao Thắng, Phan Đình Phùng. Cuộc khởi nghĩa đã bắt đầu từ 1885, nhưng thời kỳ quyết liệt nhất là từ 1889 khi Cao Thắng đã mộ được nhiều quân, đúc được súng đạn và mời cụ Phan Đình

https://tieulun.hopto.org

Phùng đã ra Bắc về Trung làm lãnh tụ. Sự tổ chức nghĩa quân có quy củ và rộng rãi từ Nghệ Tĩnh vào Quảng Bình và ra Thanh, song cuộc chiến đấu thì tập trung vào vùng Hương Sơn, có tính cách thủ hiểm. Năm 1893, vì quyết đánh một trận lớn vào thành Nghệ, Cao Thắng người tướng vũ dũng nhất của cuộc khởi nghĩa bị tử trận, Phan Đình Phùng như mất cánh tay phải, phong trào xuống dần. Trận Vụ Quang tuy là trận thắng lớn, nhưng cũng là dấu hiệu của những ngày khó khăn hơn nữa dẫn đến sự thất bại của một cuộc khởi nghĩa mà cả dân tộc lấy làm hãnh diện. Tháng giêng 1896, Phan Đình Phùng mất trên núi Quạt. Các tướng tá cùng thế ra hàng, có người tiếp tục chiến đấu, nhưng không quật khởi nổi. Phong trào Cần vương Trung Kỳ trong căn bản là chấm dứt từ đây.

Chương 25

CUỘC KHÁNG PHÁP CỦA NHÂN DÂN VIỆT NAM TỪ 1889 ĐẾN 1897: YÊN THẾ VÀ SÔNG ĐÀ KHÁNG PHÁP Ở THƯỢNG DU

I. ĐẶC ĐIỂM CHUNG CỦA CUỘC DIỆN CHÍNH TRỊ Ở ĐỒNG BẰNG VÀ TRUNG DU TỪ 1889 ĐẾN 1897

1. Một sự chuyển hướng của Pháp trong sự cộng tác với tầng lớp phong kiến đầu hàng

Trong óc bọn thực dân ở Pa-ri, sẵn có định ý rằng Bắc Kỳ là một nước riêng (như hồi Nguyễn - Trịnh phân tranh), rằng người dân Bắc Kỳ muốn được "giải thoát" khỏi "quyền thống trị của người Trung Kỳ"; để đi đến kết luận đó, chúng căn cứ vào một hiện tượng có thật, tức các cuộc khởi nghĩa liên miên của nhân dân miền Bắc chống triều đình Huế, chúng không hiểu hay không muốn hiểu rằng các cuộc khởi nghĩa ấy, dầu ở Bắc, ở Trung hay ở Nam, chỉ có ý nghĩa là nhân dân của một nước đấu tranh chống chính quyền phong kiến của nước ấy; thực ra là chúng lấy ý định chủ quan của

https://tieulun.hopto.org

chúng là muốn tách Bắc Kỳ ra khỏi Việt Nam, cũng như chúng đã tách Nam Kỳ ra khỏi Việt Nam để làm thuộc địa, lấy cái ý định chủ quan ấy để làm tiêu chuẩn mà nhận xét ý nghĩa của các cuộc khởi nghĩa. Lúc ấy, bọn chủ trương trực trị là đa số trong đám thực dân ở Sài Gòn, hay Pa-ri, hiếm vì, nếu muốn trực trị luôn ở Trung Kỳ thì phải bỏ vua, bỏ triều đình - điều ấy chưa tiện cho chúng nó - nên chúng nó hẳn tìm cách trực trị Bắc đã. Hãy đọc đoạn sau đây trong quyển *La colonisation française de l'Indochine* của La-nét-săn thì biết sơ qua chính sách cai trị của Pháp ở Bắc Kỳ từ 1885 đến 1891 ra làm sao.

"Mỗi khâm sứ hay là mỗi toàn quyền chỉ theo ý riêng mình mà lạm, hoặc chà đạp Hòa ước 1884, hoặc đòi hỏi thực hiện hòa ước ấy, tùy thời cuộc hay là tùy chủ trương của mỗi lúc khác nhau; ông này thì ra sức xâm chiếm phần đất này hay phần đất nọ của nước Annam, ông khác thì thôi, không chịu theo những phương hướng cố gắng của người đã cai trị trước mình; ông này thì hứa hẹn đủ điều với triều đình Huế, ông khác lại bác bỏ tất cả yêu cầu của triều đình Huế; vả lại, tất cả các ông ấy đều khinh miệt bộ máy cai trị của triều đình Huế ở Trung Kỳ cũng như ở Bắc Kỳ, tất cả đều để cho các công sứ cai trị theo ý riêng của họ. Không có quy củ thể lệ phương pháp gì cả, một ông công sứ có một phương pháp riêng, hễ công sứ đổi thì đổi cách cai trị. Mà từ 1883 đến 1891, đã có tới 20 ông quan tổng khâm sứ Bắc Kỳ và 7 ông khâm sứ Trung Kỳ. Tôi không nói đến sự thay đổi chành chạch những ông công sứ ở tỉnh tùy hứng của các ông khâm sứ với những lý do nhỏ nhặt. Thường thường người ta thấy nhiều ông công sứ hễ bị đổi từ tỉnh này sang tỉnh kia thì mang theo ông một số các quan Annam. Nhưng sự thay đổi chành chạch ấy chỉ tổ đem lại một tình trạng rất là vô chính phủ"[1].

Bọn thực dân Pháp lúc bấy giờ có ý định phế vua Thành Thái, bắt bỏ tù hay giết đi một số quan to ở triều đình mà chúng nó

1. Lanessan, *La colonisation française de l'Indochine*, tr. 23.

tưởng đâu là kẻ ngầm xui các cuộc khởi nghĩa không ngớt; kỳ thật triều đình chẳng dính dấp gì đến các cuộc khởi nghĩa cả; duy bù nhìn ngồi, không tý quyền hạn dù rất phụ thuộc, thì bù nhìn cũng bất mãn mà thực dân Pháp thì nay xéo góc cực nam của Trung Kỳ, mai xéo đầu cực bắc của Trung Kỳ, luôn luôn theo chính sách của Puy-ghi-nhê là chính sách triệt hạ sĩ phu, không tin dùng ngay cả số đông bọn quan lại theo triều đình Đồng Khánh (và Thành Thái) cho nên triều đình mất cái phần còn sót lại của uy tín của nó, nó bất mãn, huống hồ gì bổng lộc của họ chẳng còn là mấy, phần sư tử đã vào tay thực dân rồi. Triều đình bù nhìn Huế, dù bù nhìn cũng không thể không thấy Pháp chà đạp Hòa ước 1884, toan cắt 3 tỉnh nam Trung Kỳ cho Nam Kỳ và tách hẳn Bắc Kỳ ra khỏi Việt Nam.

Năm 1891, La-nét-săn sang làm Toàn quyền; tên này cai trị trên 3 năm. Hắn thấy rằng không thể trắng trợn cắt xéo như trước, không thể "bình định" mà không có sự cộng tác mật thiết hơn, sự tham gia tích cực hơn của cả bộ máy của triều đình Huế. Hắn nhận định rằng:

"Thực ra, Trung Kỳ, Bắc Kỳ mà cả Nam Kỳ nữa, là ba bộ phận của một vương quốc rất thống nhất (aussi uni que possible), trên đất ấy có một dân tộc cùng nói một thứ tiếng với nhau, có những phong tục giống nhau, có tôn giáo giống nhau, có tổ chức xã hội và cai trị giống nhau, tất cả đều công nhận uy quyền của Hoàng đế và kính trọng quan lại do Hoàng đế cắt cử. Thật đã có ở Bắc Kỳ những cuộc nổi loạn chống ông vua này hay ông vua khác, cũng như việc ấy đã xảy ra ở nước Pháp trước đây, nhưng không bao giờ Bắc Kỳ tự xem là tách biệt với nước Annam. Hơn nữa, danh từ Tonkin không có trong tiếng nói của người Annam, chỉ có danh từ Bắc Kỳ, tức những tỉnh ở miền Bắc nước Annam, cũng như Nam Kỳ là những tỉnh ở miền Nam của nước ấy... Bằng cách toan cắt đứt Bắc Kỳ ra khỏi nước Annam, chúng ta đã gây ra nhiều thù địch trong cả hai bộ

https://tieulun.hopto.org

phận của nước Annam, mà không có gây được chút lòng tin nào ở Bắc Kỳ như người ta đã hứa"[1].

Chữ "người ta" đây là một cánh thực dân và đám giáo sĩ Pháp.

Cuộc kháng chiến của dân tộc Việt Nam từ 1885 đến 1891, dù có Hàm Nghi đứng đầu hay là khi không còn có Hàm Nghi nữa, đã mở mắt bọn thực dân rằng đất nước Việt Nam là một, dân tộc Việt Nam là một. La-nét-săn đi đến kết luận là làm sao cho triều đình Huế mường tượng như có ít nhiều quyền hành ở ngoài Bắc, thực tế là dùng cả bộ máy của triều đình vào việc đàn áp các cuộc khởi nghĩa một cách tích cực hơn. Liền sau khi đến Huế (1891), La-nét-săn nói với bọn thực dân ở Huế chấm dứt cái mưu toan phế Thành Thái và viện Cơ mật. Hội đồng nhiếp chính của Huế liền "trả ơn" bằng cách phát hành một chỉ dụ cho tất cả quan lại các tỉnh Bắc Kỳ phải tuyệt đối tuân lệnh của La-nét-săn. Triều đình Huế lại còn sai hoàng thân Hoài Đức và Nguyễn Trọng Hợp (cả hai đều là phụ chính) ra Bắc để tra xét xem các tỉnh có chấp hành chỉ dụ ấy không. Cuối 1891, tại Nam Định có kỳ thi hội, thì Hợp tuyên bố "đem hết quãng đời cuối cùng" để giúp La-nét-săn "trong sự nghiệp hòa bình và tiến bộ" của thực dân.

Đối với bọn quan lại Nam triều và tổng lý ở Bắc thế nào?

Viên kinh lược Bắc Kỳ báo cáo năm 1891 với Pháp rằng sở dĩ nhân dân nổi lên mà không đàn áp nổi là vì:

"Xét đến cội rễ, tôi thấy quan nam đã chẳng có binh lính trong tay mà cũng không có uy tín, quyền hành gì; cho nên kẻ cướp, kẻ phiến loạn không sợ và nổi lên làm chủ các nơi".

Từ 1885 đến 1891, Pháp có hàng vạn quân ở Bắc Kỳ, tổ chức không biết bao nhiêu cuộc hành quân, ấy thế mà, hầu hết miền ngược, Pháp chưa chiếm được; phần lớn đồng bằng trong tay

1. Lanessan, *La colonisation française de l'Indochine*, tr. 25 - 26.

nghĩa quân, chỉ có Nam Định, Ninh Bình là phong trào bị dập xuống. Nhân dân nổi lên, ảnh hưởng nhiều hay ít đến những phần tử phong kiến, quan lại, tổng lý đương chức: đám này phần chưa được Pháp tin dùng lắm, vừa sợ khởi nghĩa, nên thường có thái độ "ấm ớ". Thực dân tàn sát nhân dân một cách dữ dội vô cùng, đốt phá vô số xóm làng.

"Những đạo quân cảnh binh mà tôi vừa nói trên làm những việc tàn bạo không tưởng tượng nổi. Tôi có thể kể lại chuyện ở một huyện gần Hà Nội: riêng huyện đó, nội 15 ngày (trong khi đốt làng, giết dân hàng loạt, dùng lưỡi lê mà đâm nhau), những đạo cảnh binh ấy giết cả 75 người hội tề vì lẽ rằng những ông hội tề này không thể điểm chỉ hay không biết để chỉ dẫn coi quân khởi loạn đi ngõ nào"[1].

Nói một cách khác hơn thì từ 1885 đến 1890, Pháp dùng chính sách vũ lực là chính, trong chính sách vũ lực đó thì dựa vào các đoàn quân lưu động trước hết. Đến 1891, thực dân Pháp, nhất là với tên Toàn quyền La-nét-săn, dùng một chính sách có mới hơn: cũng dùng vũ lực đàn áp, nhưng sự đàn áp đi đôi với chính trị, trong chính trị này thì chủ yếu là làm sao cho triều đình, kinh lược, các quan Nam hàng tỉnh và huyện cho đến tổng, lý, cộng tác với Pháp một cách tích cực và chặt chẽ hơn. Về hình thức thì La-nét-săn "tử tế", "trọng vọng", "lễ phép" với các quan Nam hơn trước. Hắn nói:

"Hình thức là rất quan trọng đối với dân tộc Annam là một dân tộc rất nho nhã, rất hay chữ".

Bọn quan lại cộng tác với Pháp chẳng mong muốn gì hơn, không nội dung thì hình thức vậy. Hơn nữa, vào năm 1891, La-nét-săn ra nghị định ngày 5-9 lập 4.000 lính cơ ở đồng bằng; theo nghị định này thì các đội lính cơ là trực tiếp dưới quyền sử dụng và chỉ huy của các quan lại Nam triều, mà các công sứ Pháp

1. Lanessan, *La colonisation française de l'Indochine*, tr. 30.

https://tieulun.hopto.org

thì có quyền kiểm soát chặt chẽ cả lính cơ ấy và quan Nam triều; tổng đốc có lính cơ mà phủ huyện cũng có lính cơ do Pháp võ trang cho, tập luyện cho. Bọn quan Nam triều xem rằng, như thế, là Pháp cho họ có quyền hành, quyền cầm quân đi đàn áp nhân dân khởi nghĩa theo lệnh của Pháp; chúng bằng lòng, và từ đó thì chúng càng tận tâm cộng tác với Pháp để nhận chìm các cuộc khởi nghĩa trong bể máu. Pháp kiểm tra rất ngặt nghèo các đội lính cơ ấy. Ví như ở một phủ tỉnh Vĩnh Yên, dân thừa sơ hở lấy mất mấy cây súng, lính cơ đó dưới quyền điều khiển của quan phủ, tên quan phủ liền bị tên quan kinh lược Hà Nội đến lập tòa án xét xử, xử bắn quan phủ có tội để lính cơ làm mất vài cây súng. Vài vụ như thế xảy ra ở Vĩnh Yên, thì ngay tổng đốc Vĩnh Yên cũng bị tước chức trong 6 tháng. Làm như thế tức là Pháp đòi hỏi bọn quan Nam triều phải rất mực trung thành và tích cực đối với chúng nó. Tên kinh lược Bắc Kỳ đã chẳng thông tri cho đến các phủ huyện rằng: *"các quan phải thêu trên chéo áo chữ "cảnh giác" để dè chừng luôn"*! Từ nay đám quan Nam triều này trở thành tay sai rất đắc lực của địch; cuộc kháng Pháp ở đồng bằng sẽ gay go hơn trước.

Chịu dưới quyền của Pháp, mà có quyền đàn áp và bóp nặn nhân dân, bọn quan Nam triều tích cực bắn giết, truy nã, bắt bớ, mà cũng tích cực thu thuế cho Pháp: năm 1891, địch thu 15 triệu; sang năm 1892, thu được tới 18 triệu rưỡi! Một vài người kháng chiến mệt mỏi thấy Pháp có phần giao một ít quyền hành cho quan Nam, nên ra đầu thú như Đốc Xuyết (vùng Đông Triều). Nhờ đám quan Nam triều mà cuối 1891 đầu 1892, Pháp bắt mấy chục vạn dân, kể cả đàn bà trẻ con, đắp tới 350 cây số đường cái rộng 11 thước và 7 thước để tiện việc hành quân của chúng nó.

2. Tình hình chung của cuộc kháng chiến ở đồng bằng và trung du Bắc Kỳ

Từ 1889 trở đi thì thời cuộc kháng chiến ở trung châu và trung du Bắc Kỳ biến chuyển đại để như sau đây:

Cho đến 1891 thì khởi nghĩa đều khắp các tỉnh trong số các tỉnh đồng bằng thì Bắc Ninh, Hưng Yên, Hải Dương, Hà Đông thì phong trào cao nhất, mà thấp nhất là Nam Định, Ninh Bình.

"Cái gì thống trị vùng đồng bằng vào đầu 1891, đó là quân khởi nghĩa"[1].

Đến cuối 1891 trở đi ở đồng bằng lực lượng khởi nghĩa quy tụ về hai trung tâm chính là Hưng Yên và Bắc Ninh.

Vùng trung du thì mãi cho đến 1893, ở các tỉnh Sơn Tây, Vĩnh Yên, Bắc Giang, Quảng Yên, nghĩa quân vẫn còn đánh mạnh mẽ, dựa vào rừng núi Đông Triều, Tam Đảo, Ba Vì.

Trung châu và trung du mật thiết liên lạc với vùng biên giới, với Tôn Thất Thuyết để có khí giới đạn dược. Phần lớn các vụ mà sử cũ nói rằng "giặc cướp trâu bò, lúa thóc", đó là nhân dân đóng góp của cải để đem qua bên kia biên giới mà đổi lấy vũ khí. Tuy nhiên ở vùng núi Đông Triều vẫn có nhiều thổ phỉ, phần lớn thuộc tàn dư của quân đội nhà Thanh, vừa đánh Pháp, vừa cướp phá nhân dân nữa.

Trong sự đàn áp các cuộc khởi nghĩa nhân dân ở đồng bằng trong thời kỳ này thì Pháp dùng nhiều lực lượng lính cơ của bọn tổng đốc và phủ huyện, còn trên vùng trung du thì chủ yếu là chúng dùng lực lượng Pháp với một số ngụy quân không nhỏ; với loại lính mã tà do Pháp làm nòng cốt và trực tiếp chỉ huy (cứ hai lính mã tà thì có một lính Pháp, hoặc có một lính Pháp để chỉ huy một đội mã tà), địch đóng nhiều đồn bốt trên vùng giáp cảnh của trung du và miền ngược để ngăn trở mọi cuộc vận tải khí giới và để ngăn trở các cuộc tấn công của nghĩa quân từ rừng núi về đồng bằng; từ 1895 trở đi chúng sẽ lập cái hàng rào ấy trên biên giới Hoa - Việt.

1. Lanessan, tr. 38.

https://tieulun.hopto.org

Từ 1894 trở đi, trừ Bãi Sậy và Yên Thế ra thì cuộc kháng Pháp dời lên mạn ngược, ở đó người Kinh và người thiểu số cùng nhau chống giặc.

II. CĂN CỨ KHÁNG PHÁP Ở YÊN THẾ: ĐỀ NAM, ĐỀ THÁM

1. Từ 1889 đến 1890

"Những vùng Bắc Ninh, Phủ Lạng Thương, vào thời kỳ 1889 - 1890, rất là sôi nổi loạn lạc"[1].

a. Ở Bảo Đài: Trận Thượng Lam (Chợ Buộm). Miền đông bắc Bắc Giang có núi Bảo Đài hiểm yếu khống chế cả một vùng trung du rộng. Vào 1889 - 1890 cũng như về trước bọn quan cai trị Pháp hay Nam ở đây đều công nhận rằng chúng không có một tí quyền hành gì. Vùng này là căn cứ của nghĩa quân Đốc Tiếu, Đốc Nghị, Tổng Bưởi chỉ huy, có một số đông người Trung Hoa tham gia dưới quyền chỉ huy của Lưu Kỳ. Theo sự điều tra của Pháp lúc ấy thì nghĩa quân "có độ 1.000 người, có đầy đủ súng đạn và được dân địa phương ủng hộ". Thế lực của nghĩa quân Bảo Đài rải ra khắp đồng bằng Bắc Giang. Địch nghĩ rằng "cần phải có một cố gắng lớn để chấm dứt một tình trạng nguy cấp và chiếm lại đất rõ ràng đã bị mất trong những vùng này"[2].

Tháng 8 và tháng 9 năm 1889, địch xua 3 đoàn quân đánh vào căn cứ Bảo Đài; Đoàn Pretet (350 súng) cốt đi từ Lầm vòng lên Bắc Lệ cắt đường triệt thoái của quân ta về núi; đoàn Pegna (250 súng) đi từ Kép để đánh doanh trại nghĩa quân ở Bảo Lộc, cố đuổi quân ta về phía đoàn thứ nhất của chúng; đoàn thứ ba phục kích ta ở phía bắc đường quan để quân ta không thể triệt về hướng Thái Nguyên; dưới sông Lục Nam có pháo thuyền địch để quân ta không thể tràn xuống đồng bằng.

1. *Histoire militaire de l'I.C*, tr. 190.
2. *Histoire militaire de l'I.C*, tr. 191.

Địch bắt đầu hành quân vào 25 tháng 8. Suốt mấy ngày đầu, địch xục xạo ở các làng trên núi như Bảo Lộc, tìm nghĩa quân, chỉ thấy doanh trại bỏ trống, không thấy quân, hỏi dân, nơi nào dân cũng nói rằng không thấy. Ngày 28, Pegna vào rừng để tìm, theo một đường mòn nhỏ dựa suối. Mới đi được có 500m thì địch bị quân ta chào bằng những loạt súng từ hai phía tả hữu bắn rất gần: mới loạt súng đầu thì địch đã bị chết và bị thương nhiều, trong đó có 2 tên quan hai Montera và Bonnafons, tất cả dân công bị địch bắt khuân vác đều chạy vào rừng, lính địch phải tự chúng nó khiêng 25 cái xác mà rút lui. Rút vừa ra khỏi rừng rậm, tưởng thoát chết, địch ra tới đồng cỏ trên đồi lại bị quân ta nằm trong cỏ nhảy ra đánh cho một trận nữa, địch bỏ các xác của chúng, hai bên đánh giáp lá cà, rốt cùng địch chạy về làng Mạnh. Ngày 31 lại xảy ra một cuộc giao chiến nữa rất kịch liệt ở Đèo Quán. Ngày 3, địch tập trung lực đánh vào làng Thượng Lam, một làng kháng chiến phòng thủ chắc chắn, hai hàng rào tre bao phủ trong đó có 250 nghĩa quân. Địch vừa xáp vào làng thì súng ta nổ, nhiều địch bị giết trong đó có quan hai Chavy, rồi kế quan ba Nourichel và 2 tên quan hai khác nữa. Cuối cùng địch vào làng được và đốt rụi cả làng Thượng Lam không chừa một nóc nào. Cuộc hành quân của địch kéo dài cho đến 20-9-1889, đốt phá bắt giết vô số.

b. Yên Thế: Trận Làng Lại. Vùng Yên Thế lâu nay luôn luôn nằm trong tay của nghĩa quân. Mãi đến lúc này địch chưa vào đây. Đây là căn cứ của Đề Nam, ở hữu ngạn sông Thương, về phía bắc Phủ Lạng Thương cũng như vùng Bảo Đài là ở đông bắc Phủ Lạng Thương.

Ngày 18-9, một đội quan do quan ba Gorce cầm đầu, từ Phủ Lạng Thương lên đánh làng Sặt trong đó có 250 quân ta đóng giữ. Trong trận này một số đông lính tập, mấy trăm người Việt (của Pháp) do đội Văn cầm đầu, chạy qua hàng ngũ kháng chiến, đem theo tất cả súng ống đạn dược. Địch bị đánh lui về Phủ Lạng

https://tieulun.hopto.org

Thương. Liền sau khi đội Vân qua phía kháng chiến thì đội Voi, lãnh Giới, lãnh Giám, suất Lý, lãnh Thiết, lãnh Bôi, v.v... đều mang số lính tập vùng Hải Dương của tên ngụy Tổng đốc Hoàng Cao Khải, theo gương đội Vân, kéo qua sông Đuống, lên phía Yên Thế mà nhập vào hàng ngũ nghĩa quân; nghĩa quân lập đồn đóng trại ở Nhã Nam, địch nhiều lần vào đốt phá nhưng không thể đóng ở Nhã Nam. Trong lúc đó thì nghĩa quân chiếm lại vùng núi Bảo Đài và phục kích mọi cuộc vận tải của địch từ Phủ Lạng Thương đi các nơi.

2. Từ 1890 đến 1891

Vào thu đông 1890 - 1891 thì trong vùng Bắc Giang, Bắc Ninh, nghĩa quân tụ hợp ở hai nơi chính: Yên Thế và núi Yên Tự. Ở Yên Thế, Đề Nam có 400 súng, nghĩa quân đông đúc nhưng thực ra chỉ non 100 là thường xuyên làm lính, còn hàng nghìn người khác thì chỉ là nông dân, khi động thì ra chiến đấu; Yên Thế có lập nhiều đồn lũy kiên cố và hiểm yếu. Về phía đông Bắc Ninh, Bắc Giang thì nghĩa quân đóng ở núi Yên Thế thì có đoàn quân của Cai Biểu hoạt động dọc sông Thương cho đến Đáp Cầu.

Vào mùa thu 1890, địch tập trung nhiều quân đánh vào Yên Thế, quân Pháp do tướng Gô-đanh cầm đầu; dựa một ông tướng ra cầm quân đánh Yên Thế, điều ấy đủ chứng tỏ sự quan trọng của cuộc chiến đấu. Ba đoàn quân địch xuất phát từ Thái Nguyên, Bắc Ninh và Bố Hạ, gồm 800 quân, 5 đại bác sơn pháo, 2 pháo thuyền. Địch tập trung mũi nhọn vào vị trí Cao Thượng cũng gọi là Cao Thường là nơi mà, trong mùa xuân hạ vừa qua, bao nhiêu lần địch đã cố vào nhưng đều bị đánh bại. Trận ngày 6-11, hai đạo quân địch (từ Thái Nguyên và Bắc Ninh đến) nhờ pháo binh mà tạm chiếm được Cao Thượng với một giá đắt. Bọn từ Bố Hạ đến tưởng đón đường triệt thoái của nghĩa quân, nhưng chỉ bị du kích đánh thiệt hại mà không làm trò gì được: lần này địch chiếm được

Nhã Nam, đóng đồn ở đó, song không tiêu diệt được chủ lực của ta mà quan hai tùy viên của tướng Gô-đanh lại bị thiệt mạng. Vào tháng chạp, địch theo sông Thương mà lên phía đông bắc, bị đánh một trận nên thân ở Hữu Thượng, quan tư Tan-nơ[1] mặc dầu có 250 súng trường và một đại bác, không vào làng Hữu Nhuế được, mà phải rút lui, để lại trước rào làng nhiều xác chết (11-12); quan tư thua thì quan năm thay, Winckel Mayer tụ họp 600 súng, 4 đại bác ở Nhã Nam, ngày 22-12-1890, trở lại Hữu Nhuế. Địch tả trận 22-12 như sau:

"Trong 3 giờ đồng hồ, cuộc chiến đấu tiếp diễn ở trong các bụi rậm rì gần như không tìm ra được ngõ: quân phiến loạn không sợ đại bác, cũng không sợ súng trường bắn vãi như mưa, họ phòng thủ vị trí của họ một cách vô cùng quyết liệt, vị trí của họ được xây dựng kiên cố đáng phục. Ba lượt liên tiếp, đạo quân cánh tả do quan tư Tan-nơ chỉ huy xung phong vào công sự phòng tuyến chính của làng Hữu Thuê, nhưng ba lần đều thất bại cả ba mặc dầu võ quan và binh lính rất can đảm. Trước sức kháng cự quyết liệt và trước những tổn thất nặng, viên chỉ huy đạo quân thấy rằng khôn ngoan nhất là đừng tiếp tục xung phong nữa mà phải lui về Nhã Nam để chờ viện binh và chờ lệnh mới".

Địch tổn thất rất nặng; quan hai Blaise bị giết với hằng 50 tên nữa. Chúng đã đem rất nhiều dầu hỏa để đốt rừng dọn đường và đuổi quân ta, nhưng vô hiệu, chỉ chạy đi bỏ lại nhiều dầu chưa rưới đốt kịp.

Địch toan gỡ đòn. Chúng tập trung 1.300 quân, móc chê, nhiều thuốc nổ, nhiều đạn đại bác, lần này do quan năm Frey đại đoàn trưởng cầm đầu. Ngày 9 tháng giêng 1891, nhờ nhiều trọng pháo, địch bắn ùa vào đồn của ta (đồn làng Nứa) suốt mấy tiếng đồng hồ; rồi, trong lúc bắn pháo, chúng phá đường rừng vào đồn; khi

1. Nhà xuất bản chưa tra được từ nguyên.

https://tieulun.hopto.org

chúng gần xáp vào đồn quân ta đã ra khỏi đồn hồi nào và phục ở trong những công sự ngầm, một lượt rước địch bằng những loạt súng nguy hiểm. Địch dội ngược rút lui ra xa, để lại nhiều xác chết, trong đó có quan ba De Guingé, những quan hai Bestagne, Brezzi.

Tuy thắng trận thứ hai oanh liệt, Đề Nam thấy rằng cần phải giữ chủ lực, một chiếc đồn nhỏ dù kiên cố đến đâu, một làng nhỏ dù toàn dân ủng hộ, cũng không thể giữ mãi. Đêm 10, ông tự động rút quân về phía bắc phân tán ra từng tốp nhỏ; ngày 11, khi địch lại vào đồn làng Nứa thì chúng không còn thấy một ai, chỉ thấy chiếc đồn xây dựng rất công phu và khoa học trên một quả đồi. Suốt một tháng nữa, địch lan ra quanh làng Hữu Nhuế, đi bước nào bị du kích ở bước ấy, rốt cùng chúng phải về Nhã Nam, sau khi phá đồn làng Nứa mà không phá được đội quân anh dũng, thiện chiến của Đề Nam.

Chính trong lúc ta và địch đánh nhau ở vùng Nhã Nam thì ở miền đông nam Bắc Ninh, 200 nghĩa quân (nguyên là đội quân của đội Văn, đội Văn lúc ấy đã trở lại hàng Pháp và bị Pháp xử tử ở Hà Nội) giao chiến với 1.300 địch ở phủ Thuận Thành, còn ở vùng Bảo Đài, quân ta giao chiến với đoàn quân của tên quan ba Simon.

3. Năm 1892

Suốt mùa xuân hạ, địch lo việc do thám. Đến tháng 10 năm 1891 thì có nhiều đoàn quân đi càn quét vùng Yên Thế Nhã Nam, do quan tư Bê-ra[1], quan ba Pê-lít-si-ê[2], quan hai Đơ-tờ-rê[3].

Bên ta cũng đã có thì giờ mộ nghĩa quân thêm, đổi trâu bò và lâm sản, lấy về thêm nhiều súng ống đạn dược, lập thêm rất nhiều công sự trong vùng đồi núi, phát triển thế lực xuống đồng bằng.

1. Nhà xuất bản chưa tra được từ nguyên.
2. Nhà xuất bản chưa tra được từ nguyên.
3. Nhà xuất bản chưa tra được từ nguyên.

Vào tháng giêng 1892, địch mở một chiến dịch lớn đánh vào khu Yên Thế. Khu Yên Thế được bảo vệ kiên cố ở phía nam là phía giáp với địch, bằng một chiến hào dài 3 cây số trên sườn đồi, về phía tây có Đề Dương, phía đông có đồn Đề Nam, gồm 5 công sự lớn; trước phòng tuyến ấy có những công sự quan sát sự xâm nhập của địch; đàng sau phòng tuyến có đồn trung ương nơi đóng hành dinh của Bá Phúc là người chỉ huy toàn bộ vùng Yên Thế lúc bấy giờ; tuy Bá Phúc là thủ lĩnh, vị tướng tài cầm binh khiển tướng chính lại là Đề Nam. Căn cứ Đề Nam nằm trên 2 bên sông Sỏi sát đường cái đi từ Bố Hạ qua Thái Nguyên. Trong căn cứ Yên Thế có tất cả 7 đồn, có khi gọi bằng số, có khi gọi bằng tên; số 1, đồn Đề Nam; số 2, đồn Đề Lâm; số 3, đồn Đề Tuất; số 4, đồn Đề Chung; số 5, đồn Đề Dương tức Đề Thám; số 6, đồn Tổng Tài; số 7, đồn Bá Phúc. Mỗi đồn như thế có một tường thành bằng đất và đá có lỗ châu mai bốn tầng khác nhau nghĩa là tường cao từ trên xuống chân có 4 tầng lính núp bắn ra (đồn Đề Nam là kiên cố nhất). Mỗi góc có "mặt trăng nửa vành" để dễ đánh địch xáp vào tường; ngoài đồn có nhiều hàng rào tre, giữa hàng rào tre và tường có hào, ụ, lỗ chông và hố tác chiến, với vô số bụi rậm, gai góc. Quan tư Sa-bờ-rôn[1] nói về cách phòng ngự này đã phải công nhận rằng *"những người không đi học trường cao đẳng quân sự mà biết lợi dụng địa hình địa vật như vậy thì thật là không chê được"*. So sánh chiến dịch Đông Triều với chiến dịch Yên Thế, Chabrol nhận định rằng Yên Thế hẹp hơn, núi non ít hơn, nhưng rừng rú lại dày đặc hơn; hơn nữa, quân khởi nghĩa của Đề Nam đánh một cách gan dạ, cương quyết hơn là binh lính của Lưu Kỳ, người Hoa kiều.

Căn cứ hành quân chính của địch là Bố Hạ, địch được tiếp tế bằng sông Thương, bằng đường xe lửa Phủ Lạng Thương Kép, bằng đường xe mà chúng vừa đắp từ Kép đến Bố Hạ để kéo đại bác 95.

1. Chabrol.

https://tieulun.hopto.org

Binh đoàn Bê-ra đi từ Thái Nguyên qua hướng đồn Đề Dương bị quân ta đón đánh ở cầu Rùa, dọc đường Quỳnh Lân; một cánh của hắn bọc lên phía bắc, về ngả trại An, hướng về đồn Bá Phúc. Trong thì giờ đó binh đoàn của Courtot đến Mỏ Sắt, binh đoàn của Bougie chiếm Làng Thượng, Am Đồng, Đình Tép. Binh đoàn của Geil tập trung ở Bố Hạ; tất cả sẵn sàng để đánh úp vào phòng tuyến Yên Thế: Bê-ra sẽ đánh Bá Phúc, Courtot sẽ đánh vào Đề Nam, Vandeubrock đánh vào Đề Chung, Hen-ry và Bertin đánh vào Đề Cương. Cuộc chiến đấu bắt đầu ngày 25 tháng 3 năm 1892.

Đội quân Hen-ry đụng vào đồn Đề Cương, bị bại trận rất đau, vì đồn được giấu kín cho đến đỗi địch tới gần mới biết nó ở đâu; mới trận đầu chúng đã mất 50 tên trong đó có 3 quan hai. Trọng pháo 95 địch đặt trên các đồi bắn vào các đồn suốt ngày 26 rồi tấn công bằng bộ binh. Tại mỗi đồn địch trả giá rất đắt mới lấy được; 2 đồn mà địch thiệt hại nhất là đồn Đề Dương và đồn Đề Nam. Ở đồn Đề Nam, địch vận dụng đến 6 sơn pháo, 2 móc-chê, bắn 200 quả vào đồn riêng ngày đầu; địch bắn tiếp luôn hai ngày đêm 27 và 28 nữa.

Quân ta ở trong các đồn núng thế vì đại bác, chớ bộ binh địch chưa dám xung phong sau trận đồn Đề Dương; thừa đêm quân ta đã bỏ hết các đồn rồi chỉ để lại những toán nhỏ làm hậu vệ để tỉa quân địch, khi chúng tiến vào. Đến ngày 31 tháng 3 thì địch hoàn toàn chiếm lĩnh khu căn cứ Yên Thế. Đại quân của ta lui về hướng đông bắc, nhưng phần lớn nghĩa quân chính là nông dân ở các làng, ngày đêm đánh địch không ngớt. Tuy thế, cũng có một số người thất chí ra đầu thú như Đề Sát, Đề Tuấn. Còn Đề Tiêu trá hàng, chỉ đem súng nạp tiền ra nạp cho Pháp, bị địch ngờ, địch xét nhà thấy còn nhiều súng bắn mau và nhiều đạn nên đem ông ra xử tử ngày 28 tháng 7.

Địch phóng vào cuộc tấn công này tới 5 đoàn quân do tướng Voyron cầm đầu, dưới quyền hắn có 8 quan tư và 2.217 binh lính, điều ấy chứng tỏ sự quan trọng của các cuộc hành quân.

Từ nay thì cuộc vận động kháng Pháp ở Yên Thế qua một giai đoạn mới. Nếu giai đoạn trước gọi là giai đoạn Đề Nam, thì giai đoạn sau là giai đoạn Đề Thám; giai đoạn trước thuần là giai đoạn kháng Pháp để giữ độc lập; giai đoạn sau ngoài ý nghĩa trên còn có ý nghĩa chống sự cướp đất của bọn thực dân mà ta đã nói đến.

4. Từ 1892 đến 1895: Đề Thám

a. Những trận thử thách đầu tiên. Cuối tháng 8-1892, nghĩa quân đã rút khỏi miền rừng núi phía bắc con đường Bố Hạ, Nhã Nam. Bọn Pháp lợi dụng dịp này đắp 40 cây số đường nối những khu trọng yếu trong rừng để tiện việc chuyển vận quân lính và đại bác.

Những cuộc giao chiến nhỏ vẫn diễn ra luôn. Theo báo cáo của Pháp thì đầu tháng 4-1892 đến tháng 8-1892, chúng cướp được 287 súng trường và 43 súng tay. Một số lãnh tụ nghĩa quân phải ra hàng.

Nhưng người mà giặc Pháp chú ý theo dõi nhất và mong đàn áp gấp rút nhất là Đề Thám. Nghĩa quân Đề Thám còn thì chúng còn không thể yên ổn được. Ngày 3-11-1893, Pháp được tin Đề Thám hứa ra hàng cùng với Đề Phúc, Thống Luận, Tổng Trụ và 49 thủ hạ có vũ khí. Tuy vậy, quân Pháp vẫn ngờ vực cho là cứ trá hàng để hoãn binh nên chúng tổ chức một cuộc đánh úp. Lúc đầu cuộc hẹn ra hàng vào ngày 19 rồi lại hoãn đến ngày 29. Tức thì đêm 29 rạng ngày 30, một đạo quân Pháp gồm 370 tên do thiếu tá Ba-ri[1] chỉ huy đến bao vây nghĩa quân ở làng Bằng Cục. Sau khi làm cho quân Pháp thiệt hại nặng, nghĩa quân rút lui.

1. Barri.

https://tieulun.hopto.org

Quân Pháp càn quét vào Yên Thế, nhưng không kết quả gì, nghĩa quân vào các làng mạc ẩn hiện bất thường. Ngày 20-12-1892, quân Pháp nghe tin quân Thám ở làng Bình Động, chúng tập trung lực lượng kéo đến thì nghĩa quân đã rút lui. Đêm 7 rạng 8-2-1893, quân Thám đến bắt Đề Sặt, người ra hàng từ một năm trước và làm tay sai cho Pháp. Nghĩa quân liên tiếp hoạt động trong 10 làng vùng Nhã Nam và rút đi trước khi quân của Đại úy Ve-rô[1] từ Nhã Nam đến. Đầu tháng 6-1893, Thám lại đem 30 tay súng đến đánh ngay gần đồn Nhã Nam. Ngày 19-6, một toán quân Thám đã xuất hiện ở gần phủ Từ Sơn (Bắc Ninh). Ngày 27-6, nghĩa quân đến đánh lính khố xanh gần Đáp Cầu, tiêu diệt 2 tên và làm bị thương 1. Viên công sứ Bắc Ninh là Bu-lô-sơ[2] vội phái 36 Pháp, 15 bộ binh đem một đại bác đến thì nghĩa quân đi xa rồi. Ngày 17, một cuộc giao chiến diễn ra trên đường Phủ Lạng Thương giữa quân Thám và quân của Bu-lô-sơ. Đêm 31-12-1893, quân Thám lọt vào một làng gần Nhã Nam hoạt động, khi rút đi bắn vào đồn Pháp.

Trước sự bành trướng thế lực của nghĩa quân Đề Thám, ngày 8-1-1894, quân Pháp tại các đồn Nhã Nam, Mỏ Trang và Bố Hạ cùng hiệp lực làm một cuộc càn quét. Toán quân Nhã Nam có 60 súng trong 6 giờ chạm trán nghĩa quân hai lần. Lần đầu thấy quân Thám đông, quân Pháp không dám đánh. Lần sau chúng bị tấn công bất ngờ.

Tháng 1 năm ấy, viên tổng đốc tỉnh Bắc Ninh đem 200 khố xanh và 600 lính cơ, phối hợp với quân Pháp tại các đồn mỏ Na Lương, Mỏ Trạng, Bố Hạ và Thái Nguyên. Tất cả dưới quyền chỉ huy của Thiếu tá Va-lăng-xơ, người cai quản đạo binh Phủ Lạng Thương để mở cuộc tấn công.

1. Verreaux.
2. Boulloche.

Lần này viên tổng đốc Bắc Ninh định dùng thủ đoạn chính trị hơn quân sự nên hắn tìm cách thương lượng với một số lãnh tụ nghĩa quân. Đề Phức từ lâu đã có thái độ lừng chừng, nay được giặc Pháp hứa cho làm thượng tá, y liền đem mấy thủ hạ ra hàng. Về phía cụ Thám cùng các ông Thống Luận, Tổng Lương, Tổng Trụ cũng hứa đến tết nguyên đán năm ấy, tức là 7-2-1894 sẽ ra hàng. Nhưng cụ nhất định không chịu nộp khí giới và ra điều kiện là quân Pháp phải rút hết các đồn ở khu vực Yên Thế. Mặt khác cụ vẫn tích cực tập hợp nghĩa quân lẻ tẻ các nơi về và chiêu dụ đám thổ phỉ Trung Quốc lại dãy núi Cai Kinh.

Đêm 12-2-1894, gần 50 nghĩa quân vào bắt hai anh em tên thổ hào làm tay sai cho Pháp, trong một làng bên bờ sông Thương vì bấy nay chúng ngăn cản không cho nghĩa quân qua sông. Cuối tháng 4, nghĩa quân đóng khắp các làng Leo, làng Mạc, làng Nứa, làng Văn và xây tại pháo đài Hữu Nhuệ mà tháng giêng năm 1891 đã bị Đại tá Fơ-rây[1] phá hủy.

b. Gian kế của Thương Phức. Giặc Pháp thấy cụ Thám không chịu khuất phục, một mặt chuẩn bị tấn công quyết liệt, một mặt bầy mưu cho Thương Phức, lúc này đã là một tay sai cho giặc, lừa kế ám hại cụ.

Thương Phức với cụ Thám không những là một bậc tiền bối mà còn là cha nuôi cụ Thám từ thuở hàn vi, nên cụ Thám vẫn kính nể. Tuy vậy từ ngày Phức ra hàng, cụ Thám cũng đã đề phòng. Hôm ấy Thương Phức mượn cớ vào thăm cụ tại đồn Hữu nhuế, đem theo hai thủ hạ và một mìn nổ đựng trong tráp. Vừa lúc ấy cụ Thám đang xem chèo ở nhà ngoài, cụ mời Thương Phức cùng ngồi xem hát, cầm trống chầu và hút thuốc phiện. Thừa cơ, Thương Phức nháy hai đầy tớ bí mật đặt tráp mìn vào gầm giường cụ Thám đang nằm. Mìn có ngòi cháy chậm. Sau khi tên đầy tớ ra hiệu cho biết

1. Frey.

https://tieulun.hopto.org

là đã châm lửa đốt mìn, tên phản bội Phức vội vã cáo từ viện cớ là đau bụng bất thình lình. Nhưng sau khi tiễn chân Thương Phức ra cửa rồi, cụ Thám không ở lại xem hát nữa mà đi vào nhà trong. Mìn nổ. Bức tường đất sau giường đổ sụp. Cụ Thám vẫn bình yên vô sự. Thương Phức ra tới ngõ nghe tiếng nổ, hắn yên chí đạt được mưu gian, vội chạy về báo cho giặc Pháp.

Sáng sớm hôm sau, quân Pháp ở Nhã Nam được tin báo là cụ Thám đã chết và quân trong đồn Hữu Nhuế đương hốt hoảng làm lễ an táng. Chúng vội phái một đạo quân đến chiêu hàng, nhưng lại bị quân Thám đổ ra đánh úp. Chúng phải chạy tháo thân. Thế là cụ Thám đã dùng mưu của giặc làm mưu của mình, giả cách chết nhử quân Pháp đến mà tiêu diệt.

c. Trận chống cự ở Hữu Nhuế. Tháng 5-1894 theo lệnh Muy-dơ-li-ê[1], công sứ Bắc Ninh, quân Pháp đến tấn công đồn Hữu Nhuế. Ngày 17-5-1894, quân Pháp chiếm làng Lèo và Mạc. Ngày 18-5, Muy-dơ-li-ê và Đại úy Tô-ken[2] đem quân và đại bác đánh thẳng vào Hữu Nhuế. Nhưng cũng như trận đánh của Plét-si-ê[3], Tan-nơ, Oanh-ken May-ê[4] hồi 1891, lần này đại bác cũng không có hiệu quả gì vì rừng rậm um tùm; dây nhợ lại chằng chịt. Lính khố xanh phải đẩy vào trước. Từng tràng súng ở trong bắn ra. Công sứ, giám binh, đồn trưởng đều kế tiếp ngã xuống. Quân Pháp thiếu người chỉ huy phải ngừng lại. Tức thì nghĩa quân từ trong chiến hào nhảy ra phản công dữ dội. Trong trận này Pháp bị thiệt hại nhiều, ngay công sứ Bắc Ninh và tên giám binh cũng bị trọng thương. Đêm 21-5, nghĩa quân rút đi và 10 ngày sau vẫn không thấy tin tức gì. Chiều 31-5, được tin nghĩa quân xây hai pháo đài mới ở phía bắc làng Nứa, Thiếu tá Va-lăng-xơ đem quân đến giao chiến.

1. Muselier.
2. Toquenne.
3. Plessier.
4. Nhà xuất bản chưa tra được từ nguyên.

d. Cuộc đình chiến lần thứ nhất. Đầu tháng 9-1894, cụ Thám được một nhà điền chủ trong vùng là Bang Kinh đem 50 nghĩa quân và khí giới đến gia nhập. Cuối tháng ấy, Pháp được tin báo là Đề Thám có ước chừng 200 người vũ trang dưới quyền chỉ huy của cụ cùng Thống Luận, Bang Kinh và Tổng Trụ đóng ở hai pháo đài.

Ngày 9-9 Đại úy Gơ-ri-mô[1] coi đồn Bố Hạ đi thám thính, bị Bang Kinh đánh úp.

Ngày 17-9-1894, một tên đại địa chủ Pháp là Sét-nay, chủ nhiệm tờ *L'avenir du Tonkin* và thầu khoán đường xe lửa Lạng Sơn đi với Lô-gi-u[2], bị nghĩa quân Bang King bắt được giữa quãng suối Gềnh - Bắc Lệ, rồi đưa về nhốt ở pháo đài Đề Thám.

Cũng ngày hôm ấy, quân Thám chặn đánh một đoàn xe lửa của giặc từ Phủ Lạng Thương đi Lạng Sơn.

Việc bắt tên đại địa chủ Sét-nay là một đòn đánh mạnh vào bọn thực dân Pháp. Trên báo chí, giới tư bản đòi bọn thống trị Pháp phải cứu cho được Sét-nay bất cứ bằng cách nào. Hơn nữa, lực lượng nghĩa quân Đề Thám ngày một phát triển và sau nhiều cuộc càn quét địch không thể đàn áp được, nên ngày 25-10-1894 chúng bắt buộc phải giảng hòa với cụ Thám; một tên cố đạo Tây Ban Nha ở Bắc Ninh làm môi giới.

Điều kiện giảng hòa là cụ Thám thả tên Sét-nay và Lô-gi-u ra, giặc Pháp phải chuộc một món tiền là 15.000$ (mua súng bên Trung Quốc thì phải trả bằng bạc trắng nên cụ Thám cho chuộc để lấy bạc); đồng thời Pháp phải rút quân ra khỏi các đồn trong khu vực Yên Thế và để cụ cai quản 4 tổng Nhã Nam, Mạc Sơn, Yên Lễ và Hữu Thượng. Thực dân Pháp còn phải công nhận là nhân dân 4 tổng không phải nộp thuế cho Pháp trong ba năm mà đem nộp số thuế ấy cho nghĩa quân. Giảng hòa như thế nghĩa quân có lợi là vì

1. Grimaud.
2. Nhà xuất bản chưa tra được từ nguyên.

https://tieulun.hopto.org

họ chính thức có một khu căn cứ và nhất là có thể tranh thủ thời gian xây dựng lực lượng.

Về phía giặc Pháp chủ trương và điều kiện giảng hòa này là do phái văn quan Pháp. Chúng muốn mua chuộc cụ Thám cũng như đã mua chuộc Lương Tam Kỳ và một vài thổ hào khác. Nhưng phái võ quan rất bất bình. Trong một lá đơn gửi cho thượng thư thuộc địa Pháp vào tháng 11-1894, chúng kêu là bọn văn quan đã nhượng bộ nhiều quá, dưỡng một mối nguy hiểm trong lòng xứ Bắc Kỳ, gần đường xe lửa Hà Nội - Lạng Sơn.

đ. Những ngày đình chiến. Sau khi giảng hòa với cụ Thám, bọn thống trị Pháp tăng cường bảo vệ đường xe lửa. Các đồn Bố Hạ, Mỏ Trạng, Mỏ Na Lương, Kép, chợ Phổng, chợ Tràng vây thành một hàng rào dọc đường xe lửa ngăn cản nghĩa quân phá hoại. Tại phía núi Bảo Đài, Pháp sợ quân Yên Thế tràn đến, nên giao quyền án ngữ cho một tên thổ hào tay sai là Đốc Xuyết và đặt sẵn một đạo quân luôn luôn để phòng những việc có thể xảy ra.

Về phía cụ Thám, thái độ cụ khác hẳn với thái độ Lương Tam Kỳ, sau khi được bọn Pháp dành riêng cho miếng đất chợ Chu, Kỳ chẳng những ngoan ngoãn thần phục Pháp mà còn cùng với quân Pháp chiếm Văn Lăng, địa bàn hoạt động của Lương Văn Sơn. Cụ Thám từ khi có một căn cứ nhất định và công khai, cụ ngầm súc tiến việc chiêu mộ nghĩa sĩ và cả những giang hồ hảo hán để bổ sung lực lượng.

Tháng 5-1895, một số đông nghĩa quân hoạt động tại Bắc Ninh và Thái Nguyên, sau khi không thể nương tựa vào Lương Tam Kỳ phải tràn sang Tam Đảo rồi bị quân Pháp ở Sơn Tây, Thái Nguyên theo đuổi, tháng 8-1895 họ tìm đến với cụ Thám ở gần Đức Thắng. Tại Tam Đảo, một toán nghĩa quân khác do Đề Nguyễn chỉ huy, đã một lần từ Kép thượng đến đánh chiếm trại lính Thái Nguyên. Một bộ phận khác của toán quân này tiến về phía đông và mặc

dầu bị khố xanh Bắc Ninh ngăn cản, họ đã đến Yên Thế nhập vào nghĩa quân Đề Thám. Cũng tại Tam Đảo, nghĩa quân Đề Công và Thượng Lẫm vẫn liên lạc chặt chẽ với quân Đề Thám.

Thấy cụ Thám không mắc mưu mua chuộc, mà ngày càng nguy hiểm cho chúng, cuối năm 1895, nghĩa là sau khi đình chiến được một năm, hai phái chấp chính và quân sự Pháp đồng ý đàn áp cho được nghĩa quân Đề Thám. Tên Đại tá Ga-li-ê-ni[1] làm tổng chỉ huy.

Để thắt chặt vòng vây quanh căn cứ nghĩa quân, Ga-li-ê-ni đem binh thuyền tuần phòng trên sông Thương giữa Lục Liễu và Bố Hạ; ngày 8-11-1895 cụ Thám có phái một đại biểu đến Nhã Nam để phản đối nhưng không kết quả. Ngày 23-11 ba đạo quân Pháp đã tập trung ở Yên Thế. Đạo thứ nhất tiến theo đường Mỏ Trang - Bố Hạ do thiếu tá Hôp-bơ-linh-gơ-rơ[2] đốc xuất. Đạo thứ hai tiến theo đường Bố Hạ - Nhã Nam do thiếu tá Rông-đô-ni[3] chỉ huy. Đạo quân thứ ba tiến theo đường Nhã Nam do Rô-giê[4] điều khiển. Ngày 15 sau khi bố trí sẵn sàng, Ga-li-ê-ni gửi cho cụ Thám một tối hậu thư đòi cụ hàng không điều kiện. Cụ Thám trả lời bằng hai bức thư cố hoãn thời gian tác chiến và báo sẽ đến nói chuyện trong một ngày rất gần. Nhưng Ga-li-ê-ni nhận được thượng lệnh là đến ngày 29-11-1895 nếu Thám không đến thì cứ việc tấn công. Ngày 29 cụ Thám vẫn không đến.

Mười giờ sáng hôm ấy, Đại úy Rô Mông thuộc đạo thứ ba tiến đến pháo đài Lâm Du. Đến trưa toán quân của Đại úy A-đơ-lin[5] thuộc đạo thứ hai tiến đến bãi Mẹt. Quân của Đại úy Gờ-răng Me-đông[6] thuộc đạo thứ nhất đến bãi Mẹt và Hố Cói cách vị trí

1. Galliéni.
2. Nhà xuất bản chưa tra được từ nguyên.
3. Nhà xuất bản chưa tra được từ nguyên.
4. Roger.
5. Nhà xuất bản chưa tra được từ nguyên.
6. Nhà xuất bản chưa tra được từ nguyên.

https://tieulun.hopto.org

chính 50 thước. Ban đêm 3 đạo quân Pháp tập trung một chỗ để sáng mai tấn công.

Trưa 30 nghĩa quân rút vào rừng, không có cuộc chiến đấu nào lớn.

Sau khi nghĩa quân rút đi, quân Pháp tổ chức càn quét. Theo nghị định ngày 24 tháng 12 năm 1895 của Toàn quyền Rút-sô thì vùng Yên Thế liệt vào khu nhà binh dưới quyền quản trị của tên thiếu tá Rông-đô-ni. Trong vùng càn quét gay go của giặc, một số tùy tướng của cụ Thám như Đốc Túc, Đốc Văn, Đốc Hy, phải ra hàng. Bên cụ Thám còn Đốc Khế, Đốc Hậu, Thống Luận và Tổng Trụ, với một số nghĩa quân. Nghĩa quân di chuyển trên ba địa hạt Bắc Giang, Bắc Ninh, Thái Nguyên.

Tuy vậy nghĩa quân Đề Thám tản mạn trong các làng mạc và được dân chúng ủng hộ, họ vẫn hoạt động ngay tại Yên Thế và các vùng lân cận. Ngày 6-1-1896, Đốc Khế đem 30 tay súng đóng ngay ở Long Vân thuộc Yên Thế, giao chiến với Rông-đô-ni.

Đầu tháng 2 năm 1896, có những cuộc xung đột giữa quân Pháp với quân của Đốc Khế, Đốc Hậu, Thống Luận và Tổng Trụ. Nghĩa quân phục kích luôn các toán lính đi tuần. Chẳng hạn trong trận Suối Cầu chúng bị thương một giám binh, một hạ sĩ quan và hai khố xanh.

Từ ngày 6 đến ngày 8-2, trong trận đánh tại dãy núi Phú Độ, quân Pháp bắt được vợ con Đốc Khế, Đốc Hậu cùng một số người nhà nghĩa quân. Do đó ngày 16-2, Đốc Khế và Đốc Hậu đem theo một số thủ hạ ra hàng công sứ ở Bắc Giang.

Ngày 21 tháng 2 một toán nghĩa quân giao chiến với Pháp ở Trại Tre thuộc Yên Thế. Cùng ngày, một trận kịch chiến diễn ra giữa 150 nghĩa quân có cả cụ Thám, Thống Luận, Đề Công, Tổng Trụ và Cả Dinh với quân Pháp ở Giốc Nghè.

Từ đó nghĩa quân thường lưu động trong vùng Giốc Nghè và Tam Đảo.

Biết rằng nghĩa quân cứ trà trộn vào dân chúng, giặc chú ý khủng bố dân chúng địa phương hòng phá vỡ cơ sở nghĩa quân.

Đêm 9-4 quân Thám hoạt động ở làng Bằng Cục rồi lại rút về phía Thái Nguyên.

Đến đây một tùy tướng chiến đấu lâu ngày của cụ Thám là Thống Luận cũng phải bức bách ra hàng. Nhưng cũng lúc này một số nghĩa quân của Đề Công ngày trước đang hoạt động tại Quảng Nạp, Yên Trạch đã gia nhập nghĩa quân của Đề Thám. Lực lượng kháng chiến lại mạnh hẳn lên.

Cuối tháng 7 sang đầu tháng 8, nghĩa quân đánh nhiều trận với khố xanh ở Thái Nguyên, kịch liệt nhất là trận Hùng Sơn (Thái Nguyên) và trận Phổ Yên (Thái Nguyên).

Ngày 15-8 một toán quân Thám đánh phá đồn điền của tên Gô-be[1] tại tây - bắc tỉnh Bắc Ninh, nghĩa quân đóng ngay ở huyện Kim Anh gần phủ Đa Phúc.

Ngày 2-10 theo lời đề nghị của công sứ Bắc Giang, Đại úy Lo-răng[2] đem 70 lính Pháp cùng 100 lính khố xanh tiến đánh quân Thám tại làng Quạt. Nghĩa quân lại quay về hoạt động ở Thái Nguyên. Ngày 10-1-1897 một đoàn vận tải Pháp do trung úy Ma-ti-va[3] điều khiển bị nghĩa quân đánh chặn ở gần Minh Lý. Ngày 30-1 quân Thám lại đánh chỗ trú quân của trung úy La-ba-ri-e-rờ[4] coi đắp con đường từ Chợ Mới đi Bắc Cạn. Ngày 25-2 một cuộc giao chiến nổ ra tại Lăng Quán giữa nghĩa quân Đề Thám với toán quân Pháp do quản đốc đồn mỏ Na Lương là Rô-bi-nô[5]

1. Gober.
2. Nhà xuất bản chưa tra được từ nguyên.
3. Nhà xuất bản chưa tra được từ nguyên.
4. Nhà xuất bản chưa tra được từ nguyên.
5. Nhà xuất bản chưa tra được từ nguyên.

https://tieulun.hopto.org

điều khiển. Pháp bị thiệt hại nặng. Tháng 4, các toán lính khố xanh thường bị đánh bất thình lình. Ngày 2-6 quản đốc đồn Đức Thắng là Bô-ve[1] bị nghĩa quân phục kích giết chết.

Thấy lực lượng nghĩa quân ngày càng phát triển mạnh và quân Pháp bị thua luôn mấy trận, thống sứ Bắc Kỳ lại ra lệnh dùng đại quân càn quét.

Đầu tháng 1-1897 một đạo lính khố xanh có một giám binh đốc xuất tiến đánh nghĩa quân. Đồng thời tướng Bi-sô chỉ thị cho các đồn Pháp phải hợp lực với các đạo quân trên.

Ngày 22-9 một toán lính khố đỏ do trung úy Mu-rê[2] dẫn đầu đi thám thính bị nghĩa quân chặn đánh ở Bình Trâm.

Sau 2 tháng 10 và 11 quần nhau với nghĩa quân, quân Pháp không thu được một kết quả gì. Đến tháng 11-1897, Pháp lại nghĩ cách thương lượng với cụ Thám.

Lần giảng hòa này (tháng 12 năm 1897), cụ Thám không được chúng nhượng bộ cho những quyền lợi đặc biệt như lần trước. Về danh nghĩa chúng coi như cụ Thám đã đầu hàng có điều kiện. Nhưng một điều gay go nhất giữa giặc Pháp và cụ Thám là việc nộp vũ khí. Chúng viện cớ cụ đã hàng thì phải nộp khí giới. Cụ Thám thì cứ hẹn ngày này sang ngày khác, cuối cùng cụ chỉ nộp một số vũ khí xấu lấy lệ, còn giữ lại một số, lấy lý do để giữ mình và tiễu phỉ. Những vũ khí tốt, nghĩa quân đều đem cất giấu cẩn thận.

Cuộc giảng hòa lần này lâu nhất, kéo dài từ cuối năm 1897 đến đầu năm 1909. Sau khi đình chiến, cụ Thám chiêu tụ người các nơi về làm ruộng ở đồn điền Phồn Xương. Nghĩa quân trở thành dân cày. Nhưng không phải cụ Thám đã chịu đầu hàng giặc Pháp và thủ tiêu ý chí chiến đấu. Một mặt mở đồn điền trồng cây, nhưng một mặt cụ vẫn bồi dưỡng lực lượng. Đồn Phồn Xương nơi bản

1. Nhà xuất bản chưa tra được từ nguyên.
2. Nhà xuất bản chưa tra được từ nguyên.

doanh của cụ là một vị trí kiên cố. Xung quanh là một chiến lũy bằng đá ong, dày một thước tây trên phủ đất và cỏ. Những gai găng chằng chịt và chông nhọn cắm đầy trên mặt đất. Nghĩa quân mỗi khi ra ruộng làm đều giấu súng bên bờ để phòng việc bất trắc xảy tới. Đồn Phồn Xương lúc này còn là một nơi hò hẹn của nhiều anh hùng nghĩa sĩ trong nước.

III. CĂN CỨ KHÁNG PHÁP Ở SÔNG ĐÀ: ĐỐC NGỮ

Vào năm 1889 - 1890 thì phong trào kháng Pháp ở vùng sông Đà lại nổi trở nên; các đội nghĩa quân lẻ tẻ tụ họp lại, thống nhất lại dưới quyền thống lĩnh của Đề Kiều, cộng tác với những ông Đề Mạc, Quyền Hạo, v.v... Thế lực của nghĩa quân lan rộng khắp Sơn Tây, Vĩnh Yên, Hưng Hóa, vào đến Hòa Bình; ví như ở hữu ngạn sông Hồng, Đề Mạc thường ngày chỉ có 40 người, nhưng động thì có hàng nghìn nông dân Sơn Tây bỏ cày vác súng. Ở Sơn Tây, nghĩa quân, tháng 8 năm 1889, đã giết cai tổng tổng Yên Lãng là Lý Đức Điển; ở Lâm Thao, trong thời gian đó, tri phủ ngụy đem 350 quân đi tuần tiễu, bị nghĩa quân tiêu diệt. Từ 1889, thì cả vùng sông Đà, hạ lưu sông Thao đều do nghĩa quân kiểm soát. Nghĩa quân lại có trực tiếp liên lạc với Tôn Thất Thuyết, Thuyết tiếp tế súng đạn cho các đội nghĩa quân sông Đà và làm cho số nghĩa quân này liên lạc hành động với nghĩa quân miền tây bắc Bắc Kỳ, trên thượng lưu sông Hồng và sông Đà.

"Đề Kiều có uy quyền thực tế. Dân các làng đều đóng lương trưng binh; chỉ có làng nào không chịu thì mới bị ông ta đánh"[1].

Sự hoạt động của nghĩa quân năm 1889 - 1890 nay còn ghi lại được những trận sau đây:

8-1889: Đánh tổng Yên Lãng; đánh tổng Lương sơn.

9-1889: Trận Ngòi Cao, Bắc Khê.

1. *Histoire militaire de l'I.C*, tr. 181.

https://tieulun.hopto.org

10-1889: Trận Mộ Xuân, trận Tiên Động, trận Quế Sơn, trận đánh vào đồn Văn Bản.

11-1889: Trận Đào Xá (cách Hưng Hóa 3 cây số, trong trận này Đốc Sĩ tử trận); trận đánh đồn Thanh Ba; đánh đồn Ngòi Lao và huyện lỵ Cẩm Khê.

12-1889: Trận Tú Mỹ (trong trận này Đốc Hội bị tử trận); trận Trí Chủ.

1-1890: Đánh đồn Văn Bản: trận đánh làng Bản Nguyên trước mặt Hưng Hóa; giết chánh tổng tổng Văn Phú; giết chánh tổng tổng Cẩm Khê.

2-1890: Giết chánh tổng tổng Yên Lãng; trận Ngòi Lao; trận Ba Tiên.

3-1890: Trận Văn Phú, cách huyện Cẩm Khê 800 thước; trận Tiên Động; trận Quế Sơn; trận Trịnh Xá; trận Bản Nguyên.

4-1890: Trận làng Nai; trận Tiên Động, trận Rừng Già; trận Xóm Tinh, trong trận này Quản Sinh tử trận. Lúc này, vì phong trào kháng Pháp lên cao nên số đông các lính cơ của phủ Lâm Thao chạy trở về với Tổ quốc, đem theo súng đạn.

5-1890: Trận Yên Kỳ, trận Phù Yên; trận Quản Lập là trận lớn nhất trong tháng, địch bị 300 quân ta đánh bại bỏ lại chiến trường nhiều xác Tây trong số đó có sĩ quan Ehrer.

6-1890: Đốc Đại đánh Hưng Hóa, đánh đồn Cổ Tuyết; trận Hương Xạ; trận Giãn; trận Ngòi Đăng (trong trận này ta giết được sĩ quan địch).

Kể lại những trận lớn nhỏ này để chứng minh rằng vào những năm đầu sau khi Hàm Nghi bị bắt thì phong trào kháng chiến của vùng sông Đà và hạ lưu sông Thao vẫn lên cao, cao hơn trước.

1891 - Chiến dịch thứ nhất của địch chống Đốc Ngữ. Vào năm 1891 thì quân của Đề Kiều lớn mạnh hơn lúc nào cả, đóng ở Các Trù, có ngoài 300 súng bắn mau và rất nhiều súng mà dân địa phương xưa nay đều biết làm để săn bắn; còn ở trên sông Đà từ Hưng Hóa vào đến Chợ Bờ là vùng đóng quân của Đốc Ngữ, quân Đốc Ngữ có 600 súng bắn mau, vừa rồi đánh chiếm lấy đồn Chợ Bờ của giặc, thu toàn bộ khí giới. Số là vào năm 1889 - 1890, địch lập đồn ở Chợ Bờ để bảo vệ tên tỉnh trưởng Rougery; Đốc Ngữ và nghĩa quân Mường làm việc địch vận có hiệu quả; đêm 29 rạng 30, quân ta tiến đánh ở Chợ Bờ, giết Rougery, lấy được 118 súng trường kiểu 1874, 4 súng lục, 40.000 viên đạn; quân ta lại phục kích ở Chợ Bờ, chờ một toán lính địch đi đặt đường dây thép về chiều 1-2, đánh một trận nữa, trong trận đó lính cơ tự giết lấy bọn Pháp rồi kéo qua phía kháng chiến. Đây là một trận lớn và được nhiều kết quả nhất trong thời gian kháng chiến ở Bắc Kỳ.

Vào cuối năm 1890 và đầu 1891, ngoài vô số những trận đánh nhỏ và những cuộc hành quân nhỏ, không tháng nào không có giết giặc lấy súng, thì lại có những cuộc hành quân lớn và trận đánh lớn. Các cuộc hành quân lớn của địch chống Đề Kiều và Đốc Ngữ; trong kế hoạch của địch, có mục đích là chia cắt quân ta làm cho Đề Kiều và Đốc Ngữ không liên lạc với nhau được, đẩy nghĩa quân ra khỏi các đồng lúa và xóm làng, làm cho người Kinh không thể ở rừng sâu được, như thế là tách đồng bào Kinh ra khỏi đồng bào Mường. Chiến dịch này do hành dinh địch ở Sơn Tây tổ chức.

Vào đầu tháng 3 năm 1891, địch phóng 2 đạo quân ra đánh: một do quan tư Geil, gồm 350 súng và hai đại bác; hai, do quan tư Bergougnioux, 125 súng cộng với 450 lính cơ của tên tổng đốc Sơn Tây, 150 lính tập; đạo một xuất phát từ Sơn Tây, đạo hai xuất phát từ Hưng Hóa. Đạo Sơn Tây qua sông Đà ở Tu Vũ; đạo Hưng Hóa vào đường Thục Luyện, hai đạo gặp nhau. Các làng xã của ta đều nhà không vườn trống, tất cả đồng bào vùng Hưng Hóa đều vào

https://tieulun.hopto.org

núi. Ngày 13 tháng 3, quân ta và trên 1.000 địch đụng nhau ở Xóm Giống, cuộc chiến đấu kéo dài suốt ngày, địch tổn thất một trung đội. Ngày 14 lại tiếp tục chiến đấu ở một địa điểm gần đó, trong trận này, Đốc Ngữ mất một số đạn trước đã lấy của Pháp khi tiêu diệt đồn Chợ Bờ. Đêm 21 rạng 22, nghĩa quân Mường đánh một trận quan trọng với đội quân Debay ở Cự Thắng. Ở vùng sông Đà khác với vùng Yên Thế, Đốc Ngữ không lập đồn trại, mà chỉ đánh vận động mà thôi không có căn cứ thường xuyên ở làng nào. Rốt cùng Geil lui về Sơn Tây, để lại Yên Lãng một đồn lính chơi vơi. Quân ta trở lại làm chủ lại mé sông Đà như cũ. Tháng 4, một tàu địch bị quân ta tiêu diệt giữa Tu Vũ và Phương Lâm; ta phát triển thế lực qua phía Sơn Tây; hoạt động vào tận những làng quanh thành Sơn.

Ngày 7-10-1891, ở Sơn Tây, một đội quân của địch do Moulin cầm đầu, bị quân ta tiêu diệt ở Cam Đài. Ngày 16-10, cách Sơn Tây 6 cây số về phía nam, nghĩa quân đón đánh 150 địch ở xóm Đông, địch chạy về thành Sơn. Ngày 3-11, 300 nghĩa quân vào đánh phá tan tành đồn điền của tên Bourgoin - Meiffre ở chân núi Ba Vì; địch đem đại quân vào càn quét chẳng thấy một bóng nghĩa quân ta lúc ấy đã về hoạt động ở phía Mỹ Cường, đông nam Sơn Tây. Ngày 26-12, ta và địch đánh nhau ở Thọ Lão.

Trong lúc binh đoàn của Geil đánh với Đốc Ngữ thì Bergougnioux khuấy rối Đề Kiều từ Cẩm Khê qua đến phủ Đoan Hùng; nhiều trận nhỏ đã xảy ra ở huyện Hạ Hòa, ở Đại Phạm, ở Thanh Ba, ở Gia Hòa, ở Ngòi Lao, ở lưu vực sông Chảy. Hành quân của địch hoàn toàn không kết quả gì.

1892

a. Chiến dịch thứ hai của địch chống Đốc Ngữ. Vào đầu năm 1892, địch nhận rằng:

"Cả vùng đất gồm Chợ Bờ; Sơn Tây, Hưng Hóa, Yên Bái đều càng ngày càng nổi loạn. Các lãnh tụ Đề Kiều, Đốc Ngữ là chúa tể tuyệt đối của những vùng này; lực lượng của họ, sự táo bạo của họ mỗi ngày cứ tăng lên vì chúng ta không thể nào trong một lúc mà đủ quân rải ra ở tất cả các địa phương của xứ Bắc Kỳ, mà chúng ta trái lại phải tập trung quân ở một vùng nào đó thôi, còn ở các vùng khác thì chỉ đóng đồn bốt"[1].

Đốc Ngữ tiêu diệt đồn Yên Lãng lần thứ hai.- Ngày 5 tháng 2 năm 1892, Đốc Ngữ lại lấy đồn Yên Lãng một lần nữa. 300 nghĩa quân thừa đêm xô rào vào đồn bằng bốn phía, giết lính canh gác, lấy đồn rất gọn, quan ba Pouligo, đồn trưởng bị tiêu diệt trước khi hắn trở tay; bọn Pháp đang ăn cơm tối ăn luôn những loạt đạn từ cửa sổ bắn vào. Bọn sống sót băng rừng chạy ra Tu Vũ, ta lấy được trên 50 súng và 35.000 đạn. Những trận đánh của Đốc Ngữ chứng minh rằng nghĩa quân có thế lực mạnh, có chiến thuật kỳ tập nhanh.

Lúc ấy là lúc địch đang tập trung lực lượng ở Yên Thế, nhưng cũng phải đưa một tiểu đoàn từ Hà Nội do quan tư Beaujeux cầm đầu, lên xây lại đồn Yên Lãng. Địch lại điều động 500 quân khác từ thượng lưu sông Hồng về Hưng Hóa, với 540 quân từ Yên Thế sang do quan năm Boiline chỉ huy, cộng tất cả trên 1.600 quân, mở một chiến dịch lớn đánh nghĩa quân trên sông Đà.

Khác với Đề Nam và Đề Thám, Đốc Ngữ không có xây dựng căn cứ nhất định, chỉ đóng ở nhà dân, đóng đâu thì làm công sự tạm thời ở đó. Lần này Đốc Ngữ ở Xóm Ruộng. Địch vào rừng núi thì bị du kích tỉa từng đứa, từng nhóm, vào tới Xóm Ruộng thì thấy nhà Đốc Ngữ đã bị quân ông tự đốt; dân chúng không một ai có mặt trong các làng. Rốt cùng địch lại phải rút về Hà Nội, hoàn toàn không thu được kết quả gì. Trong lúc địch hành quân lớn ở

1. *Histoire militaire de l'I.C*, quyển II, tr. 41.

https://tieulun.hopto.org

Hưng Hóa thì nghĩa quân nổi lên đánh mạnh ở bên kia sông từ Việt Trì lên Thanh Ba, suốt phủ Lâm Thao, thắng trận 4-3 ở làng Nam Phù, tiêu diệt các đồn nhỏ của địch. Quan ba địch là Bataille co lại trong đồn Việt Trì. Còn ở Vĩnh Yên, Đốc Khoát (thay cho Đốc Giang) đánh đồn Liễn Sơn, đánh tàu địch đi từ Liễu Sơn qua Việt Trì. Quân của quan ba Ganeval lục lạo các nơi, nhưng ở đâu cũng được dân ta trả lời rằng: "không"; "dân trong vùng hoàn toàn trung thành với kẻ cướp nên không cho chúng ta một tin tức gì", đó là lời than phiền của địch[1].

b. Chiến dịch thứ ba của địch chống Đốc Ngữ

Từ 10-3-1892, Pháp lấy Hưng Hóa làm hành dinh của khu quân sự số 4 của chúng nó, tức khu tây bắc Bắc Kỳ. Theo quy định trước thì Hưng Hóa, Chợ Bờ không thuộc khu quân sự, nhưng vì thế lực Đốc Ngữ càng ngày càng mạnh nên địch sửa lại và đưa cả vùng sông Đà vào khu quân sự do tên quan năm Pennequin cầm đầu.

Pennequin vừa dùng vũ lực vừa dùng chính trị. Chính trị của hắn là chia rẽ người Mường và người Kinh. Quân của Đốc Ngữ nửa Kinh nửa Mường. Vùng hạ lưu sông Đà là vùng đồng bào Mường.

Vào tháng 3, thì đại lực của Đốc Ngữ ở vùng Trung Bằng La. Pennequin sai 2 đạo quân vào Trung Bằng La; địch vào đó thì Đốc Ngữ đã chuyển quân đi đâu mất hút. Địch trở về căn cứ Hưng Hóa và Trại Hút. Nhưng tiếp theo đó địch bố trí cuộc bao vây lớn làm sao cho Đốc Ngữ không thoát ra khỏi được vòng vây sông Đà - sông Thao và một đường từ Văn Bàn qua phía nam Sơn La, để cuối cùng tiêu diệt Đốc Ngữ trong cái túi càng ngày càng bị thắt chặt lại.

Đứng trước tình thế đó, trong lúc ở vùng sông Đà thiếu lương thực, Đốc Ngữ kéo quân bản bộ qua được hữu ngạn sông Đà, đóng

1. *Histoire militaire de l'I.C*, quyển II, tr. 43.

ở vùng Mộc Hạ, giữa Vạn Yên và suối Rút. Pennequin kéo quân đuổi theo, Đốc Ngữ qua sông Mã, vào địa phận Thanh Hóa, lập căn cứ mới ở La Hán. Địch ở Thanh Hóa và quân khu 4 hợp lực chống Đốc Ngữ. Vào tháng 5-1892, địch tiến lên lưu vực sông Mã bằng hai ngả, ngả Thanh Hóa và ngả Chợ Bờ. Ngày 18-5, xẩy ra trận đánh quan trọng ở Niên Kỷ giữa Đốc Ngữ và hai đạo quân của địch. Trận này địch đại bại, rút lui, tổn thất nặng, trong số chết có quan hai Huas, trong số trọng thương có tên chỉ huy toàn bộ đoàn quân địch là Oppenheim. Quan năm Pennequin phải chạy ngược qua sông Mã, rồi tập trung quân ở La Hán để đuổi theo Đốc Ngữ. Đốc Ngữ đã thừa cơ quân địch ở sông Đà kéo vào Thượng du Thanh Hóa, để ngược sông Mã, rồi trở về vùng sông Đà, sông Thao, ngày 28 thì ông về đến huyện Thanh Sơn, trở lại căn cứ Kha Cựu, chia quân ra từng tốp để bảo vệ vụ gặt tháng 5 trên suốt vùng sông Đà. Nước bắt đầu lớn, mưa bắt đầu đổ, địch không hành quân lớn được, Đốc Ngữ có thì giờ chỉnh đốn lại hàng ngũ nghĩa quân.

Bước cuối cùng của Đốc Ngữ. Địch không thể tiêu diệt được lực lượng kháng chiến của Đốc Ngữ ở sông Đà bằng quân sự, cho nên địch từ 1892, triệt để dùng chính sách chia rẽ dân tộc để đánh ông. Địch mua chuộc một số lãnh tụ địa phương người Mường; nhờ số ấy làm việc gián điệp trong số người Mường thuộc hàng ngũ của Đốc Ngữ, gây sự chia rẽ. Pháp càn quét càng mạnh thì tên chỉ huy quân khu thứ 4 và tên ủy viên chính phủ thực dân ở Chợ Bờ càng có điều kiện hơn để gây hoang mang. Và, sau mấy cuộc chiến đấu vô cùng vất vả mà chúng ta đã kể bên trên, số quân người Kinh của Đốc Ngữ đau ốm nhiều quá, Đốc Ngữ phải gởi các chiến sĩ ấy về đồng bằng và chưa kịp được thay thế bằng quân số mới. Bọn gián điệp thừa cơ hội chung quanh Đốc Ngữ chỉ còn có ít quân sĩ và võ tướng, để tổ chức một cuộc ám sát Đốc Ngữ ngày 7-8-1893 ở Kha Cựu, và cùng với Đốc Ngữ, chừng mười người võ quan.

https://tieulun.hopto.org

Những tháng 9 và tháng 10, địch thừa thế nghĩa quân mất thủ lĩnh mà càn quét khắp vùng Thanh Sơn, Cẩm Khê, từ bên Hưng Hóa qua Chợ Bờ. Các đội nghĩa quân do Đội Đức, Quản Chủ, Đốc Dung vẫn còn kháng cự oanh liệt, nhưng thế lực yếu dần. Chính lúc đó cũng là lúc mà ở Thanh Hóa, Tống Duy Tân đang lo vận động đồng bào Mường Thanh Hóa và Hòa Bình nổi lên, lại sa cơ bị bắt giết (9-10-1893). Với Đốc Ngữ và Tống Duy Tân, Đề Nam, nhân dân Việt Nam mất những người anh hùng có nhiều biệt tài trong khoa du kích, trong phong trào Cần vương.

Từ tháng 10 trở đi, có một số thủ lĩnh ra hàng địch như Lãnh Khuê, Đề Kiều. Nhưng vẫn còn một số đông thủ lĩnh tử chiến với giặc suốt hai bên sông Hồng, từ Hưng Hóa qua sông Lâm thao, Hạ Hòa lên đến phủ Đoan Hùng đặc biệt là Đề Mạc, Lãnh Tính, Tán Dật, Lãnh Đan, Đốc Túc. Mãi đến tháng 2 năm 1894 thì các người này, thế càng ngày càng cô, hoặc bị bắt, hoặc ra đầu thú; ở vùng Vĩnh Yên, Đốc Giang và Đốc Khoát cũng giải giáp nạp súng.

IV. CÁC CĂN CỨ KHÁC Ở QUANH ĐỒNG BẰNG

Phong trào kháng Pháp trong thời gian này ở xung quanh trung châu Bắc Kỳ còn có ba trung tâm nữa: Tam Đảo, Đông Triều, vùng rừng núi từ tả ngạn sông Đáy qua đến Nho Quan.

1. Ở vùng Tam Đảo. Đốc Giang, Đốc Khoát căn cứ vào Tam Đảo mà hoạt động ở Vĩnh Yên, đánh địch ở Liễu Sơn, ở Lập Thạch, ở phủ Yên Lạc; quan ba địch chỉ huy đồn Liễu Sơn là Bergerot không làm gì nổi, ngược lại:

"Vào đầu tháng 4 năm 1892, tình hình miền Bắc Sơn Tây (Vĩnh Yên) đã loạn lạc từ tháng 3, nay lại nghiêm trọng hơn trước nữa. Năm đội quân giặc được thành lập trong vùng này và càng ngày càng mạnh"[1].

1. *Histoire militaire de l'I.C*, quyển II, tr. 45.

Trong số nghĩa quân vùng Vĩnh Yên, có người Kinh, người Hoa kiều, người Mán vùng Tam Đảo; trong trận 300 quân ta tấn công đến Liễu Sơn ngày 15-5-1892, thì người Mán đi đầu.

Sau khi Đốc Ngữ bị ám sát thì Đốc Giang, Đốc Khoát ra quy hàng: bấy giờ nghĩa quân vùng Tam Đảo lại do Đề Nguyên, Đề Công cầm đầu, nhưng hoạt động được ít ở vùng đồng bằng Vĩnh Yên, mà căn cứ rút sâu vào trong đèo Khế, cộng tác với các đạo quân ở vùng Thái Nguyên, Bắc Cạn.

2. Ở vùng Đông Triều - Hải Dương. Thì tên đại Việt gian Hoàng Cao Khải tàn sát rất dã man. Cùng với quân Pháp, nó vây bắt được Đốc Tít (ngày 12-8-1889) ở cù lao Hai Sông; lúc đó thì cuộc vận động kháng Pháp ở miền nam dải núi Đông Triều yếu xuống; Đốc Nghi, Đốc Tiếu tiếp tục hoạt động. Hoàng Cao Khải tưởng đâu Đốc Tít bị bắt rồi thì "sự nghiệp" lớn của nó đã xong, dè đâu, đến tháng 9 trong một cuộc kéo quân đi tuần tiễu, thì Đội Văn và 100 lính cơ có đủ súng đạn lại chạy qua phe kháng Pháp, hợp sức với 400 nghĩa quân khác; rồi tiếp theo Đội Văn, có Đội Voi, Lãnh Giới, Lãnh Giám, Xuất Lý, Lãnh Thiệt và Lãnh Bôi đều kéo đội ngũ lính cơ chạy qua phe kháng Pháp, số đông các người này băng qua sông Đuống và sông Cầu để về ngả Yên Thế. Ở vùng phía bắc núi Đông Triều thì phần lớn lực lượng chống Pháp là những toán quân người Hoa Nam do Lưu Kỳ cầm đầu, họ đánh Pháp mà ít nhiều có lấy của của nhân dân, không được nhân dân ủng hộ triệt để. Vào thu đông 1891 - 1892, chiến dịch địch càn quét Đông Triều là một chiến dịch lớn: quan năm Terillon bắt đầu bao vây vùng núi Đông Triều giữa sông Lục Nam ở về phía bắc, sông Thái Bình về phía tây nam, bờ bể về phía đông, chủ yếu là dọc theo lưu vực các sông Kinh Môn, Kinh Thái, từ Quảng Yên, Uông Bí, Hòn Gai lên đến Bến Châu, Đông Triều. Bốn đạo quân của địch đồng tấn công suốt hai tháng 11 và 12 năm 1891, rồi từ tháng giêng đến tháng 2 năm 1892, nghĩa là suốt 4 tháng.

https://tieulun.hopto.org

Sau trận càn quét lớn này, quân của Lưu Kỳ bị dồn về phía bắc, còn các nghĩa quân Việt Nam ở vùng núi Đông Triều, tàn dư của quân Đốc Tít cũng bị tổn thất nhiều. Lúc ấy thì nghĩa quân Việt Nam ở vùng Đông Triều là do Đề Hải, Đề Quý, Đốc Bầm, Quản Bảo cầm đầu: bị địch truy nã quá, bị dồn vào núi nghèo nàn, và lại từ 1892, La-nét-săn dùng chính sách mua chuộc mạnh hơn trước nên Đốc Xuyết, Lãnh Pha, Đốc Tống, Đốc Nghệ trước hoạt động ở vùng mỏ, đem một số ít quân ra hàng địch (1893), trong số này có cha con Đốc Xuyết chẳng những đầu hàng mà lại còn cầm binh trở vào các căn cứ điểm du kích để cùng với Tây mà phá căn cứ Đông Triều.

3. Ở vùng núi Ninh Bình, Hà Nam thì cho đến 1891, địch chỉ có thể chiếm đồng bằng, vùng giáp núi và trong núi vẫn là chiến khu. Nghĩa quân lập căn cứ ở Phú Xuyên, Phú Sơn, Mã Não, v.v..., thắng địch nhiều trận trong năm 1891, như trận ngày 2-8 ở Phú Sơn, trận ngày 17-9 Mã Não cách Phủ Lý không bao xa, trận ngày 14-10 ở Tuyết Sơn trong vùng Mỹ Đức, v.v... Trận Tuyết Sơn này khá quan trọng; ngày 14, địch ở Mỹ Đức vào chùa Tuyết Sơn bị đánh lui và bị thiệt hại nặng; nhờ viện binh từ Ninh Bình lên, chúng đánh vào một lần nữa ngày 25-10, nhưng cũng thất bại; chúng lại nhờ viện binh từ Hà Nội xuống thì đến 1-12, địch mới chiếm được căn cứ Tuyết Sơn sau 3 đợt tấn công của địch và sau trên 2 tuần chiến đấu.

Chính trong lúc này, quân ta hoạt động mạnh ở ngay ngoại vi Hà Nội, đánh vào Khâm Thiên (11-10), Gia Lâm (20, 21, 22-10).

Vào khoảng 1894 - 1895 thì ở rìa vùng trung châu Bắc Kỳ, ngoài căn cứ Yên Thế ra thì căn cứ Đông Triều, nam Tam Đảo, sông Đà, vùng núi phía tây Hà Nam đều tan rã, chỉ còn những nhóm nghĩa quân nhỏ, ít thế lực. Địch sẽ tập trung lực lượng lên miền núi và biên giới.

V. CUỘC KHÁNG PHÁP Ở THƯỢNG DU BẮC KỲ TỪ 1890 ĐẾN 1897

1. Những đặc điểm chung của tình hình miền núi Bắc Kỳ từ 1890 trở đi

Ở Bắc Kỳ vào cuối thời kỳ trước cho đến 1890 thì có nhiều cuộc khởi nghĩa ở đồng bằng, nhưng qua thời kỳ từ 1890 thì, nói chung, không còn có cuộc khởi nghĩa nào quan trọng nữa, cho nên địch tập trung lực lượng vào cuộc đánh phá tiêu diệt các lực lượng kháng Pháp ở mạn ngược; ở mạn ngược, từ 1885 cho đến 1890, có thể gọi là thời kỳ địch chiếm những căn cứ chiến lược, và từ 1890 trở đi thì vào thời kỳ mà chúng nó gọi là "bình định".

Về phía của ta thì mãi cho đến 1894 - 1895, biên giới Trung Việt không bị đóng, quân kháng Pháp được nhiều sự dễ dàng để qua lại tiếp tế; thậm chí các quan của ta có thể ở trên biên giới mà chiêu mộ quân lính, mua bán súng đạn, đánh một lúc bên này rồi qua nghỉ ngơi bên kia. Tuy nhiên, giữa đồng bằng và miền núi, địch đã làm xong một vòng đai đồn lũy để ngăn trở sự tấn binh của ta từ miền núi xuống và sự bổ sung người và tiếp vận lương từ đồng bằng lên.

Tuy có Tôn Thất Thuyết và Nguyễn Thiện Thuật ở ngoài hoạt động, liên lạc với các nhóm kháng Pháp ở bên trong, nhưng, mạnh ai nấy đánh, không có sự chỉ huy thống nhất và lắm khi thì các lãnh tụ địa phương mắc mưu Pháp mà xung đột lẫn nhau. Thuyết chú trọng nhất là các tỉnh Cao Bằng, ba lần tổ chức phản công nhưng lại dựa trên lực lượng những toán quân chiêu mộ bất kỳ ở đâu, trong số đó có nhiều toán không có gốc rễ trong nhân dân của đất nước mình.

Vào 1894, lại xảy ra Trung - Nhật chiến tranh, người Trung Quốc chú tâm đến đông bắc và quan quân nhà Thanh thì không dám giữ thái độ "nhắm mắt" hay cảm tình như trước nữa, sợ lại

https://tieulun.hopto.org

xảy ra xung đột ở miền nam đồng thời với chiến tranh ở đông bắc. Tình hình này rất là thất lợi đối với cuộc kháng Pháp của chúng ta.

Trong phong trào Cần vương kháng Pháp này, có nhiều nhóm thổ hào địa phương, thuộc đồng bào thiểu số, hoặc thuộc những nhóm vũ trang từ Trung Quốc mới sang hay sang từ lâu, chỉ chiến đấu để tự vệ, để giữ sự tự chủ trong địa phương mình, chớ lắm lúc thì hầu như không có ý thức Cần vương gì cả. Nhưng tác dụng và ý nghĩa khách quan thì, tất nhiên là bộ phận khăng khít của phong trào cứu quốc chung, phong trào Cần vương.

Cuộc kháng Pháp ở miền Việt Bắc mạnh nhất và lâu dài nhất là ở một hình năm góc trên bản đồ nếu ta lấy phủ Yên Bình với Bố Hạ làm hai góc dưới, và lấy Na Chàm, Đồng Văn và Mường Khương làm ba góc trên. Phía Sơn La, Lai Châu, địch được tương đối yên ổn từ khi Điêu Văn Trì hàng Pháp, nhưng ở vùng núi Đông Triều thì địch còn bị hao binh tổn tướng khá nhiều.

Về phần của địch thì: mặc dầu ở đồng bằng không còn có những cuộc khởi nghĩa lớn, địch bị tổn thất về người, về của rất nhiều ở thượng du. Mãi cho đến 1894 - 1895 thì tình hình khốn đốn của chúng nó không giảm bớt được là bao. May nhờ có cuộc chiến tranh Trung Nhật xảy ra, Pháp thừa cơ mà điều đình với nhà Thanh để cả Pháp và Thanh khóa biên giới Trung - Việt, Pháp đóng quân dày hơn ở biên giới và Thanh cộng tác với Pháp để hoặc ngăn cản, hoặc truy nã những đạo quân kháng Pháp, thì từ đó Pháp mới bình định được miền núi.

Trong thời gian này, địch tích cực thực hiện chính sách chia rẽ các dân tộc, đặc biệt là xui giục người thiểu số chống người Kinh, tích cực mua chuộc một số càng ngày càng nhiều những thổ hào địa phương, xui nhóm này chống nhóm nọ; thậm chí chúng nó võ trang bằng súng tay 1874 cho một số người đã đầu hàng nó, lấy lực lượng ấy mà đối chọi lại với các đạo quân chống lại nó, có

những lúc Pháp tổ chức những toán người xui qua cướp phá bên kia biên giới.

Đặc biệt là chúng nó dùng phổ biến chiến thuật "vết dầu loang" của Galliéni. Chiến thuật của Galliéni là từ một căn cứ nào đó, địch mở rộng lần lần và xung quanh, bình định được một vùng rồi mới tiến qua một vùng khác. Galliéni sẽ đem phương pháp này qua ứng dụng ở Ma-đa-gát-ca và Ly-ô-tay[1], áp dụng ở Ma-rốc.

Địch giải quyết cái mâu thuẫn giữa bọn quan văn và bọn quan võ của chúng nó bằng cách chia miền núi ra làm bốn quân khu; mỗi quân khu lại chia làm tiểu khu; bọn võ quan vừa làm nhiệm vụ chính trị vừa làm nhiệm vụ quân sự.

"Sự tổ chức Bắc Kỳ chia ra từng địa phương từ trước đến 1891, là một tổ chức hỏng. Trừ một vài trường hợp rất đặc biệt, thì võ quan chỉ huy một địa phương chỉ có nắm binh quyền; để giao thiệp với chính quyền của người Annam và để thực hiện một cuộc hành quân nào, họ phải thương lượng cùng các ông công sứ tương đương với địa phương của họ. Không có thống nhất trong sự đàn áp; cho nên hành động không mau, cũng không có hiệu lực.

Những binh đoàn lưu động đi qua rồi thì rối loạn trở lại ngay; sự thành lập các đồn bốt ở những nơi quan trọng không làm cho chúng ta làm chủ được địa phương như là chúng ta mong muốn. Phương pháp cũ không đem lại kết quả gì; sự bình định không tiến tới được"[2].

Lúc đầu, quân khu I gồm các tỉnh Thái Nguyên, một phần Bắc Cạn, Bắc Giang, Quảng Yên, Hải Ninh. Quân khu II gồm các tỉnh Lạng Sơn, Cao Bằng, Hà Giang, một phần Bắc Cạn, một phần Tuyên Quang. Quân khu III gồm các tỉnh Lào Cai, Yên Bái, một phần Tuyên Quang. Quân khu IV gồm Sơn La, Lai Châu.

1. Lyautey.
2. *Histoire militaire de l'I.C*, quyển II, tr. 9.

https://tieulun.hopto.org

Chúng lập ở biên giới một hệ thống đồn bằng gạch bê tông, liên lạc với nhau bằng nhiều lô cốt, hễ bên kia biên giới có đồn quân Thanh thì ngay bên này Pháp có đồn quân của nó.

Dù Pháp tổ chức quân sự như thế nào, nguyên nhân của sự thất bại của phong trào kháng chiến (1894 - 1895) ở miền núi, chủ yếu vẫn là: bên ngoài thì sự cộng tác của phong kiến Thanh với Pháp từ khi chiến tranh xảy ra giữa Thanh và Nhật, bên trong là chính sách chia rẽ dân tộc mà lúc ấy các vị văn thân không có cách để đương đầu.

2. Vùng Đông Triều - Móng Cái

1891 - 1892: Từ 1890 - 1891 thì từ vùng Đông Triều, Bảo Đài cho đến Tiên Yên, Móng Cái, phần lớn là do quân của Lưu Kỳ đóng. Pháp gọi Lưu Kỳ là "giặc Thanh" nhưng có lúc cũng nói rằng Lưu Kỳ là Để đốc Việt Nam; điều chắc chắn là Kỳ liên lạc với vùng Yên Thế, cộng tác với Đốc Tít, Tôn Thất Thuyết và chống Pháp rất mạnh đến 1892 thì Kỳ bị tử trận trong một cuộc phục kích đoàn giao thông tiếp tế Pháp đi từ Kép lên Lạng Sơn. Trong vùng Đông Triều này, quân của Lưu Kỳ gồm một số người Việt Nam, một số người Trung Quốc; chỗ trú quân chính của Lưu Kỳ là núi Quỳnh.

Ở phía Móng Cái, nhất là trong vùng Tiên Yên, Đầm Hà thì, vào tháng 6 năm 1892, quân của Lương Phúc phát tuyên ngôn dưới danh nghĩa Hàm Nghi, về đóng ở tổng Hoành Mô. Phía vùng mỏ Hòn Gai, Cẩm Phả, thì có quân của Để Hia, Đốc Bầm. Còn về phía dưới hơn, tức các vùng Trại Sơn, núi Yên Tự, rừng Tùng, v.v... cho đến bến Châu và tiếp cận Đông Triều đều do quân của Lưu Kỳ đóng từ lâu; và từ tháng 9 năm 1891, binh đoàn của quan năm Tê-ri-lông[1] đánh nhau với Lưu Kỳ rất nhiều trận ở vùng Kép Hạ, Biên Động, Bến Châu, núi Đông Sơn, Uông Bí, Hòn Gai, Tô Vũ, núi Bảo Đài, núi Nà Mau, sông Đá Bạch, núi Quỳnh, sông Kỳ, Bảo

1. Térillon.

Lộc, v.v... không rõ số quân kháng Pháp ở vùng này là bao nhiêu, nhưng biết rằng, riêng ở một căn cứ Hố Tía mà binh đoàn Đa-nhô[1] đến đốt phá ngày 8-4-1892 thì doanh trại gồm đến 200 nhà.

Đến giữa năm 1892 thì quân kháng Pháp ở Đông Triều bị chia cắt ra từng toán nhỏ, không tụ hợp đông đảo được. Nhưng vào tháng 7-1892 thì địch công nhận rằng:

"Tình hình trên con đường Lạng Sơn không ngớt nghiêm trọng mỗi ngày một hơn"[2].

Quân của Lưu Kỳ bị đánh lui ở vùng núi Đông Triều lại trở lại tụ họp ở núi Bảo Đài, luôn luôn đánh phá đường xe lửa, mà đa số nhân công làm đường xe lửa lúc bấy giờ lại là người Trung Quốc. Nhiều thầu khoán Pháp làm đường này bị bắt cho chuộc; nghĩa quân cần bạc trắng để mua súng đạn, ví như tên Vézin bị bắt đem về núi Bảo Đài, tiền chuộc là 25.000$. Nghĩa quân lại đánh vào những đồn lớn trên đường, như ngày 7-1-1892 thì 200 nghĩa quân hoàn toàn tiêu diệt đồn Chi Lăng, gần ga Thanh Muội.

1892 - 1893. Trận Bắc Lệ, Lưu Kỳ tử trận: Trên đường đi Lạng Sơn, giữa sông Hóa và Bắc Lệ, cách Bắc Lệ 4 cây số, một đoàn vận tải Pháp trong đó có quan tư Bon-nô[3], quan ba Sát-păng-chê[4] và quan hai Van-tông[5], bị quân của Lưu Kỳ phục kích ngày 9-7; mới loạt súng đầu, quan tư, quan ba và cả đội tiền đạo của địch đều chết ruội; ta lấy được nhiều súng, nhưng Lưu Kỳ cũng bị trọng thương và bị chết sau đó.

Vào thu đông này thì nghĩa quân ở vùng núi Đông Triều có sa sút sau những cuộc càn quét lớn thu đông rồi, nhưng hãy còn giữ được căn cứ ở Rừng Bàng, Giốc Mít. Địch đã lập nhiều đồn bốt,

1. Dagneaud.
2. *Histoire militaire de l'I.C*, quyển II, tr. 23.
3. Bonnaud.
4. Charpentier.
5. Valton.

https://tieulun.hopto.org

và ở nhiều nơi, tổ chức tề dõng, phát cho bọn nó ở mỗi làng 10 cây súng. Ở vùng mỏ (Hòn Gai, Cẩm Phả, Cái Bầu) vào thu đông này, không thấy nói đến Đề Hia, Đốc Bầm nữa mà thấy binh đoàn của Clamorgan của địch đem quân đánh Lãnh Pha, Tiên Đức ở Hà Voi (30-11-1892); Lãnh Pha chiêu mộ được nhiều thợ mỏ vào nghĩa quân và hoạt động mạnh năm 1892[1].

Tên Đốc Xuyết chuyên môn quay quẩn phá nghĩa quân ở vùng Bảo Đài; nghĩa quân không còn ở Bảo Đài được, nhưng, cứ theo những báo cáo của địch lúc ấy thì đường xe lửa Lạng Sơn vẫn bị phá luôn, không những tại nghĩa quân ở xa đến, mà bởi chính những công nhân làm đường ấy.

Lưu Kỳ chết rồi thì Lãnh Pha tụ họp lại nghĩa quân từ vùng bể vào tới Đông Triều, Bảo Đài, lập căn cứ ở rừng Giốc Mít, đánh nhiều trận với các đội quân của quan ba Bơ-ruy-nê[2], quan ba Đa-nô, quan tư Lu-ven[3], quan ba Jô-ba[4], quan ba Ma-nhen[5]; như thế là từ nhiều mặt địch phóng một lượt vào Đông Triều khá nhiều đội quân; cố tiêu diệt lực lượng của Lãnh Pha. Nghĩa quân phân tán mà đánh hay tránh, lại ra đánh địch ở căn cứ của chúng; ví như đêm 24 rạng 25-10-1892, ra đánh huyện Quan Bắc kề bên đồn Thác Hạt, giết được đồn trưởng là quan hai Jăn Pi-e[6], tên huyện trưởng chạy trốn mất, ta nhổ đồn địch. Một quan ba đến lập lại đồn Thác Hạt; ngày 7-11-1892 thừa lúc tên này đi tuần tiễu, quân ta lại đến đánh huyện lần thứ hai. Cũng vào tháng 7-11-1892 này, nghĩa quân của Lãnh Pha, có 400 súng trường, ra đánh mỏ Cẩm Phả, mỏ Nagnôta[7] (12-11). Địch tập trung 500 quân từ Hải Phòng, Quảng Yên đến, chia làm 2 đạo, một xuất phát từ Hà Tu,

1. *Histoire militaire de l'I.C*, quyển II, tr. 49.
2. Brunet.
3. Louvel.
4. Jobard.
5. Magnen.
6. Jean Pierre.
7. Nhà xuất bản chưa tra được từ nguyên.

một xuất phát từ Hòn Gai, ngày 25-11 để đánh vào căn cứ Vạn Hoa, thời sau gọi là Port Vallut gần Cẩm Phả; địch có pháo thuyền ở dưới biển bắn lên Vạn Hoa mà chuẩn bị cho cuộc tấn công của bộ binh. Sau khi lấy lại được mỏ Cẩm Phả, quân địch kéo ra Cái Bầu là nơi mà mỏ của chúng nó đang bị nghĩa quân tấn công; ở đây nghĩa quân do Lãnh Hy cầm đầu, lấy vùng Hà Vóc (phía tây Cái Bầu) làm căn cứ. Trận Hà Vóc xảy ra ngày 30-11-1920 giữa Lãnh Hy và Bu-tơ-lu[1]. Sau đó thì binh đoàn Cơ-la-móc-găn[2] của địch càn quét hàng tháng ở khắp vùng mỏ.

Nghĩa quân vùng mỏ bị truy nã kéo về phía sông Lục Nam, lúc bấy giờ lại có một số người Hải Nam qua đây nhập bọn với quân ta mà đánh Pháp, 6-12-1892 ta tiêu diệt đội quân của tên huyện Yên Bạc, giết cả tên huyện ấy; khi lính Pháp ở đồn An Châu đến tiếp cứu thì quân ta đã đi rồi. Lãnh Pha kéo quân về đóng ở gần cửa phủ Rừng Vàng, cùng với Đề Hải, Đốc Bầm và Đề Quí. Địch ở Bến Châu Đông Triều, do quan ba Duhis kéo tới công kích Lãnh Pha từ ngày 14 đến 17-12-1892; sau nhiều đợt tấn công thất bại từ 14 đến 16, địch được viện binh, bao vây Lãnh Pha khá kín, ngày 17, địch xông vào căn cứ thì chỉ thấy 8 tử thi, Lãnh Pha đã rút quân đi đâu rồi.

21-12 thì quân ta lại trở lại đánh mỏ Cái Bầu về phía đông. Còn về phía tây thì quân ta xuống đánh địch ở đồng bằng Đông Triều, chiếm lại lưu vực sông Kinh Môn và sông Đá Bạc vào tháng 2 và tháng 3 năm 1893. Địch bao vây và càn quét càng ráo riết suốt mùa đông và mùa xuân. Ngày 10-5-1893, Lãnh Pha và 8 người quân ra Quảng Yên chịu giải giáp.

Cũng vào thu đông 1892 - 1893 thì hơn 1.000 quân kháng Pháp do Vũ Hà Thái cầm đầu, dưới danh nghĩa Hàm Nghi, tất cả đều có súng bắn mau, tập hợp ở Bình Hồ, vùng Móng Cái.

1. Bouteloup.
2. Clamorgan.

https://tieulun.hopto.org

Phần lớn đạo quân này là người ở các châu bên Quảng Đông, sát biên giới Ninh Hải, mà Thuyết phóng vào nội địa để đánh Pháp; khi vào nội địa thì hợp với quân của Tiên Đức, Vũ Ôn Bảo và Lương Phúc, và được nhân dân vùng Ninh Hải ủng hộ bằng cách góp tiền đóng lương; quân ta đóng khắp lưu vực sông Tiên Yên từ Hoành Mô xuống tới biển.

Vào mồng 10 tháng 8, một tiểu đoàn Pháp do quan tư Courot cầm đầu, chia làm 2 đạo, xuất phát từ Tiên Yên đi hai ngả lên đánh căn cứ Bình Hồ, cuộc chiến đấu dằng dai đến 21 tháng 8, binh đoàn Pháp mệt nhọc quá, bị mưa nhiều, bị tổn thất cũng lắm, nên bỏ cuộc về Hà Nội mà giải tán binh đoàn. Thanh thế nghĩa quân tràn ra, địch phải tổ chức binh đoàn Cu-rô thứ hai mạnh hơn binh đoàn tháng trước, chia ba đạo mà tiến đánh Bình Hồ. Lần này chúng lập đồn được ở Bình Liêu chặn sự qua lại giữa Tiên Yên và Quảng Đông bằng đường bộ theo lưu vực sông Tiên Yên. Ngày 24-10, nghĩa quân chia làm 3 đạo, một đạo do Tiên Đức đi thuyền, vây đánh Hà Côi, nhưng không thành; 29-10, ta đánh Tiên Yên; 31-10, ta đánh đồn Thanh Muội; 7-12, ta đánh Hoành Mô; 13-1-1893 ta trở lại đánh Hà Côi v.v...

Vào giữa năm 1893 Pháp lập nhiều đồn để đóng kín biên giới Hải Ninh, Quảng Đông, lập thêm lính cơ, vũ trang cho bọn tề và dõng ở quanh các đồn lớn và nhỏ của nó.

1893 - 1894: Trong vùng núi Đông Triều bấy giờ chỉ còn có mấy toán quân nhỏ của Đốc Bờm, Quản Bộ, Đốc Tổng, Đốc Nghệ; Đốc Bờm bị giết, Tổng và Nghệ ra hàng địch ở Uông Bí; Đốc Bộ vẫn lẻ loi hoạt động vùng Thanh Muội, Giốc Mít.

Ở vùng Móng Cái không có trận đánh nào quan trọng. Galliéni đồng ý cắt vùng phía đông Hoành Mô cho vào địa giới Quảng Đông để mua lòng quan nhà Thanh.

1894 - 1895: Thu đông này địch càn quét những toán còn sót lại của nghĩa quân trên dải núi Đông Triều và những toán nghĩa quân bị thất bại ở Hải Dương và Bắc Ninh đã kéo vào núi Đông Triều mà ẩn náu.

Còn trong vùng Móng Cái thì quân kháng Pháp ở Mã Đầu Sơn kéo xuống bao vây nhà tên chủ sự thương chánh; quan năm địch là Sa-pơ-lê, sau đó lên bao vây Mã Đầu sơn (30-12-1894) càn quét rất dữ.

Tháng 4-1895, gia đình tên tư bản mỏ Ly-ô-đê[1] bị bắt cóc ở Cái Bầu. Quan năm Sô Mông mở nhiều cuộc hành quân lớn để càn quét khắp vùng biên giới từ tháng 5 cho đến tháng 8 năm 1895. Trong số quân Pháp bị trọng thương và bị chết, có những tên quan hai Angeli, quan tư Mondon, quan hai Brisach, quan hai Varmèze, v.v... chứng tỏ cuộc chiến đấu rất là dữ dội trước khi phong trào kháng Pháp ở miền Móng Cái và Đông Triều chấm dứt trong căn bản.

3. Vùng Lạng Sơn - Cao Bằng

1891 - 1892: Về khu II trong thời này, địch nói rằng:

"Tình hình rất là rối rắm trừ tiểu khu Hà Giang"; "đường Lạng Sơn mất hết sự yên toàn"[2].

Nghĩa quân từ vùng sông Lục Nam lên chiếm núi Mẫu Sơn làm căn cứ. Giữa Thanh Muội và Lạng Sơn, không có một đoàn vận tải nào của địch đi qua mà khỏi bị đánh. Quan năm Xéc-vi-e thương lượng với Đề đốc Quảng Tây để ngăn nghĩa quân lúc qua biên giới, còn Xéc-vi-e thì đem đại quân từ Lạng Sơn, có quân Pháp mới sang Việt Nam, từ Phủ Lạng Thương lên, để càn quét Mẫu Sơn (tháng 4-1892).

1. Lyaudet.
2. *Histoire militaire de l'I.C*, quyển II, tr. 26.

https://tieulun.hopto.org

Trong lúc đó thì quan tư Cu-rô[1] từ Yên Thế đến, công phá căn cứ nghĩa quân ở giữa đồn Biên Đông và đồn Thanh Muội, trên dải núi Cai Kinh. Thừa lúc địch mắc ở Thanh Muội và Mẫu Sơn, Lưu Nhi, em Lưu Kỳ vào đánh Kỳ Lừa đêm 15 rạng 16-5-1892. Núi Mẫu Sơn và núi Cai Kinh trở thành hai căn cứ mạnh của quân kháng Pháp, phá rối mãi sự làm đường xe lửa và khuấy rối địch ngay ở thành Lạng. Xéc-vi-e bất lực trước số quân kháng Pháp hoạt động càng ngày càng hăng.

Thu đông 1891 - 1892 thì quân kháng Pháp ở Cao Bằng hoạt động tương đối ít. Những người lãnh đạo ở đây là Mạc Quốc Anh và Đặng A Hợp. Trong số nhiều trận đánh, đáng kể nhất là trận Trùng Khánh Phủ; trận này ta giết quan ba Ma-nhơ-nô[2], bắn bị thương quan hai Guy-dơ-mê[3] và truy kích địch về tới Trùng Khánh. Lại kể trận đánh trên sông Bằng Giang, giữa Cao Bằng và Phúc Hòa, ta hoàn toàn tiêu diệt quân Pháp trên một chiếc pháo thuyền.

Thu đông này, trong vùng Hà Giang, sở dĩ gọi là yên tĩnh là vì vùng sông Lô và sông Gầm hoàn toàn trong tay của nghĩa quân, địch ít dám ló ra khỏi đồn bốt. Địch cố chiêu dụ Hà Cốc Thượng về hàng, nhưng Hà Cốc Thượng đặt điều kiện là Pháp phải nhổ tất cả các đồn ở vùng này, không thu thuế ba năm và chịu trả lương cho 1.200 quân của ông. Cuộc thương lượng không kết quả.

1892 - 1893

"Tình hình nghiêm trọng vào tháng 8 năm 92 thì tình hình vào tháng 9 trở nên nguy cấp"[4].

Nghĩa quân chẳng những lẻ tẻ đánh các đoàn giao thông vận tải trên biên giới, mà lại đông đúc hơn, bao vây Thất Khê, chiếm đèo Cát mà địch phải bỏ chạy, cắt đứt giao thông địch giữa Cao

1. Courot.
2. Magnenod.
3. Guillemet.
4. *Histoire militaire de l'I.C*, quyển II, tr. 57.

Bằng Lạng Sơn và uy hiếp Lạng Sơn. Số quân kháng Pháp vây Thất Khê lên đến 1.500 súng, chiếm tất cả các cao điểm xung quanh Thất Khê.

Quan năm Xéc-vi-e sợ hãi, nhờ chính phủ Pháp điện cho sứ thần của nó ở Bắc Kinh can thiệp với tổng lý Nha môn để bắt buộc các quan văn võ ở Quảng Tây đóng biên giới. Ngày 5-9, Xéc-vi-e điện về Pa-ri rằng ở tại thành Lạng chỉ còn có 50 lính khỏe mạnh mà hai đạo nghĩa quân lại sắp đến cách thành 4 cây và 6 cây số rồi; hắn xin viện binh cấp tốc. Hà Nội gấp rút gởi viện binh 5 đại đội. Xéc-vi-e xin gặp Đề đốc Quảng Tây ở Long Châu (10-9).

Ngày 14-9-1892, binh đoàn Xéc-vi-e lên giải vây cho Thất Khê mà quân ta đã bắt đầu công phá từ ngày 6. Địch giải vây được Thất Khê. Nhưng quân ta lại đánh phố Bình Gia, đánh vào đoàn vận tải địch trên sông Kỳ Cùng giữa Na Cham và Đèo Cát, ta lại đánh đồn Suối Gành, đồn Thanh Muội, v.v...

Về phía Cao Bằng thì đường Cao Bằng - Đông Khê hàng ngày có trận đánh. Bên ta có 300 quân đóng sát Đông Khê và 300 quân đóng ở Na Lan. Quan hai địch dẫn quân đi thám thính bị đánh lui, khi chạy về thì bị phục kích, bị hoàn toàn tiêu diệt trên mé sông Bằng Giang, trừ 2 đứa lội sông qua Thủy Khẩu.

21-8-1892 ta lại thắng luôn một trận ở Na Lan, gần Đông Khê. Đội quân của quan ba Ri-van[1] bị 1.000 nghĩa quân bao vây, hắn phải chạy tuốt qua bên Trung Quốc, bị thiệt hại cả một trung đội, trong đó có quan ba Đa-vít bị trọng thương.

Trong lúc ở Đông Khê, Thất Khê và Lạng Sơn địch bị vây đánh thì Mạc Quốc Anh và Đặng A Hợp chiếm lại địa bàn đã mất trong thu đông qua. Tháng 11, binh đoàn Famin giao chiến với quân kháng Pháp ở khắp vùng Ba Châu, nhất là xung quanh Trùng Khánh phủ, Quảng Uyên. Những lãnh tụ kháng Pháp mới xuất

1. Rival.

https://tieulun.hopto.org

hiện là Trung Cát Nhị, Lục A Sung, Đặng A Bảo, Nguyễn Văn Linh v.v... Nhưng đến tháng 5-1893 thì Đặng A Hợp giải giáp về làng, lĩnh của Pháp 20 con trâu, chỉ lo cày ruộng ở Cao Bằng.

1893 - 1894:

Lúc này cả hai quân khu I và II của địch đều dưới quyền của quan năm Galliéni. Rút kinh nghiệm của cuộc chiến tranh, chính sách bình định của Galliéni có thể tóm tắt như sau đây:

"Chiếm đất để mà thống trị, chiến tranh là để bình định; hễ đánh một xã nào thì phải có sẵn trong trí rằng sau đó, cần lập ngay một cái chợ và một nhà trường; vì vậy không nên phá cái gì không cần phải phá.

"Hành động chính trị là chính; viên sĩ quan nào đã vẽ xong được một bản đồ dân tộc chính xác của vùng mình chỉ huy thì đã thắng hơn phần nửa rồi. Đánh lãnh tụ khởi nghĩa, kéo quần chúng, lợi dụng triệt để thổ hào địa phương, chia rẽ các chủng tộc khác nhau.

"Hành binh thì phải chiếm giữ đất, chiếm thì củng cố, củng cố rồi mới tiến nữa, làm như vết dầu loang, ăn chắc.

"Sau khi chiếm cứ phải mở thương mại, nông nghiệp, kỹ nghệ, nhà trường, mở chợ và làm đường sá cho nhiều. Người lính phải là nhà cai trị; nhưng sau khi gác súng, phải biết rằng dân chúng chưa thật tình theo đâu, phải kiểm soát rất kỹ.

"Kẻ xâm chiếm là người duy nhất đủ sức mạnh để lấy nể tha thứ mà mua chuộc".

Đó là những điểm chính trong chính sách khá lợi hại của Galliéni; tên này sẽ áp dụng kinh nghiệm Bắc Kỳ vào cuộc chinh phục đàn áp ở Ma-đa-gát-ca.

Vào tháng 10 năm 1893 thì công việc quy định biên giới giữa Pháp và Quảng Tây bắt đầu, để hoàn thành vào tháng 6 năm 1894 bằng một hiệp ước ký kết ở Long Châu; ở về phía Quảng Đông thì

Pháp không tranh vùng đông bắc Hoành Mô nữa, còn ở về phía Quảng Tây thì Pháp hứa hẹn nhau kiểm soát chặt chẽ biên giới không cho những toán quân võ trang qua lại nữa.

Riêng về phần quân Pháp thì từ đầu 1894, nó thi hành kế hoạch quân chính gồm ba điểm sau đây:

1. Trên biên giới chỗ nào có đường qua lại được thì xây lô cốt bằng gạch "càng dày đặc càng hay", lô cốt do lính cơ đóng.

2. Sau đường lô cốt thì có đồn binh, hễ nghe có quân nào qua biên giới, vào nội địa, thì lập tức truy kích đặng ngăn ta lập căn cứ.

3. Dùng bọn tề và tổ chức bọn dõng ở trong mỗi làng, rào làng, và đắp đường từ các làng lớn đến các trung tâm quân sự.

Núi Cai Kinh: Hoàng Thái Nhân

Lúc này, trong vùng Lạng Sơn, theo lời của địch thì "tình hình thật là xấu" (situation franchement mau-vaise)! Vùng núi Cai Kinh dọc theo đường Phủ Lạng Thương lên Lạng Sơn thì có đội nghĩa quân của Hoàng Thái Nhân. Những tên thầu khoán xe lửa Roty, Piganiol, Bouyer, Humbert Droz đều bị bắt vào năm 1893, đoàn quân của quan năm Servière, rồi đoàn quân của quan tư Barre, rồi đoàn quân của quan năm Chapelet vào núi Cai Kinh đều bị thất bại hồi 1893; rồi bản thân Galliéni chỉ huy một cuộc hành quân lớn vào tháng giêng 1894, lần này địch càn quét được núi Cai Kinh, lập nhiều đồn bốt ở đó. Cuộc hành quân chiếm dải núi Cai Kinh vào năm 1894 được Galliéni xem là một kỳ công quân sự của nó ở Việt Nam, cũng như Joffre tự đắc về thắng trận ở Ba Đình. Để vào chiếm căn cứ Lũng Lát, Galliéni huy động ba binh đoàn: binh đoàn Famin (500 tay súng và 1 đại bác), binh đoàn Chapelet (600 tay súng, 1 đại bác) và binh đoàn Galliéni (500 tay súng và 2 đại bác); ngoài ra, còn một đạo quân lấy ở Thất Khê, Na Chàm để giữ đường phố Bình Gia. Riêng đợt tấn công này kéo dài 12 ngày. Hoàng Thái Nhân tử trận. Địch nói rằng:

https://tieulun.hopto.org

"Vùng núi Cai Kinh từ 2 năm nay hoàn toàn dưới quyền cai trị của kẻ cướp; thật là một tập đoàn cứ điểm (un véritable camp retranché). Dân chúng hoàn toàn theo họ; đám này và đám kia đều tin chắc rằng những binh đoàn mạnh, có đại bác, không đời nào mạo hiểm vào đây nổi. Cuộc thắng trận của chúng ta làm cho họ hoàn toàn lạc hướng..., làm cho bọn lãnh tụ giặc cướp ở các vùng khác phải suy nghĩ..."[1].

Địch lập ở riêng vùng núi Cai Kinh, một tiểu khu quân sự với nhiều đồn bốt.

Trên sông Kỳ Cùng và Khâu Khu

Ở vùng Lạng Sơn, cuộc chiến đấu hai bên đường Lạng Sơn lên Thất Khê rất là ác liệt, thường xuyên, quanh tất cả các đồn biên giới. Địch tổ chức 3 cuộc hành quân lớn, một do quan năm Servière (tháng 10-1893), hai do quan năm Chapelet (tháng 3-1894) và ba do Clarmogan (tháng 5, tháng 6-1894), nhưng cả ba đều không đem đến kết quả gì.

Vùng Cao Bằng và Lục Khu

"Tiểu khu Cao Bằng là hình ảnh rõ rệt nhất của tình hình mà đạo quân chiếm đóng mắc phải từ ngày xâm chiếm: ít quân số quá, nhiều giặc cướp quá.

Vì ít quân, nên không thể nào chuẩn bị được trước những kế hoạch hành quân, đụng cái gì cấp cứu thì phải lao đầu vào ngay"[2].

Thu đông 1893 - 1893, phong trào kháng Pháp ở tỉnh Cao Bằng rất mạnh, nhất là vào cuối năm 93; riêng tháng 10, địch ghi lại 21 trận quan trọng! Các lãnh tụ kháng Pháp lúc ấy là: Hà Cốc Thượng ở vùng Ngân Sơn, Tiên Đức ở Mỏ Sắt và Sóc Giang, Hòa Yên ở Lục Khu, Lục A Sung ở Quảng Uyên, Đặng A Hợp trở lại chống Pháp

1. *Histoire militaire de l'I.C*, quyển II, tr. 98.
2. *Histoire militaire de l'I.C*, quyển II, tr. 102.

nữa ở Cối Khê, Trùng Khánh phủ, Lý Sâm ở Tập Na (riêng ông này có 500 tay súng), Trung Cát Nhi ở Thất Khê, Lô Hòa Dung ở Lũng Cam v.v...

Quân Pháp rải ra nhiều nơi, nơi nào cũng bị bao vây, còn ở thành Cao Bằng thì địch còn có 76 lính, quan tư Lamary phải vũ trang luôn cho 16 tên lính đang nằm bệnh viện; trong thành hết bột mì và còn có 300$; đoàn tiếp tế bộ bị nghẽn ở Thất Khê, đoàn tiếp tế thuyền đậu mãi ở Thủy Khẩu không dám đến.

Pháp phải mang nhiều quân từ Lạng Sơn, Hà Nội lên chống đỡ không ngớt đến tháng 4-1894 thì mới qua cơn nguy hiểm.

1894 - 1895

Thu đông này, trong quân khu II của địch có mấy điều quan trọng sau đây:

1. Nhà Thanh bị cuộc chiến tranh Trung - Nhật, bắt tay hẳn với Pháp, cho nên chẳng những họ khóa biên giới mà còn bắt giết một số lãnh tụ địa phương qua trú ngụ bên kia biên giới. Tôn Thất Thuyết sẽ bị đem đi an trí một nơi. Lưu Vĩnh Phúc bị cả Pháp lẫn Thanh chú ý tìm cách cô lập. Cuộc mưu toan phản công một lần nữa của Thuyết ở Cao Bằng lại thất bại.

2. Pháp tập trung nhiều lực lượng đánh Ba Kỳ ở thượng lưu sông Cầu, mà căn cứ chính là Bắc Cạn. Ba Kỳ có 300 quân, toàn là người Việt. Vào cuối 1894, quan tư Tournier, đã bắt đầu tấn công Bắc Cạn nhưng thất bại; đến tháng giêng 1895, tướng Duchemin ra lệnh cho quan năm Galliéni tổ chức nhiều binh đoàn, quyết chiến Bắc Cạn và lưu vực sông Cầu từ Bắc Cạn đến Chợ Mới, rồi chiếm đường từ Bắc Cạn qua Đông Viên tới Đại Thí là con đường liên lạc với quân khu Tuyên Quang, đường này địch chưa hề bước chân đến. 4 binh đoàn địch ở mặt nam, bắc và đông kéo vào vùng Bắc Cạn và Kẻ Thượng từ tháng 4-1895. Quân ta chết và bị thương rất nhiều, chứng tỏ cuộc chiến đấu ác liệt; (có tài liệu nói 120, có

https://tieulun.hopto.org

tài liệu nói 370). Quân của Bá Kỳ rút vào phía Đại Thí; mẹ ông bị giặc bắt giết.

3. Địch cũng tập trung nhiều lực lượng đánh Tì Tiên Đức ở Lũng Sung (Cao Bằng); bốn đoàn quân của địch, dưới quyền chỉ huy của quan năm Vallière mở cuộc tấn công đầu tháng 10 năm 1894.

Sau khi đã đánh Bá Kỳ, Tì Tiên Đức, thì Pháp tấn công Hà Cốc Thượng ở Phìa Mã. Từ tháng 11, quan tư Le Ny đã vây kín vùng Phìa Mã (phía bắc chợ Rã). Tháng 12-1894 bản thân quan năm Vallière với hai quan tư nữa, đem hai đoàn quân từ chợ Rã lên đánh Phìa Mã - Cao Tỉnh. Hà Cốc Thượng lùi về Phiên Lương, và qua phía Hà Giang mà tiếp tục chiến đấu.

Vào tháng ba 1895, Tôn Thất Thuyết đưa quân vào tấn công Cao Bằng lần cuối cùng, và lần cuối cùng chiếm vùng Lục Khu, nhưng, phong trào đến đây căn bản là chấm dứt.

4. Vùng Lào Cai, Tuyên Quang và Hà Giang; Hoàng Mẫn, Nguyễn Triệu Trọng, Hà Cốc Thượng

1891 - 1892: Vào thu đông này, giữa sông Thao và sông Lô, nhất là trong lưu vực sông Chảy, Nguyễn Triệu Trọng và Hoàng Thân Lợi giữ được hầu hết đất đai. Địch phóng ra hai binh đoàn, từ cuối tháng 11-1891, một do quan năm Beylié gọi là binh đoàn Yên Bái, một do quan tư Monniot, gọi là binh đoàn phủ Yên Bình, để càn quét lưu vực sông Chảy từ Yên Bình lên phố Ràng. Trong lúc đó thì quân ta ở sông Đà và Nghĩa Lộ đánh mạnh cho nên địch phải rút về cứu viện cho chúng ở hai vùng ấy.

Ở vùng sông Lô và sông Đáy thì thế lực của Đặng Văn Siêu và Lương Tam Cơ đang lên.

1892 - 1893: Nguyễn Triệu Trọng, Hoàng Thân Lợi vẫn giữ được địa bàn; địch không lan ra được chút nào ở Lào Cai, Yên Bái.

Còn bên phía sông Lô, thì trên vùng từ Chiêm Hóa đến Vĩnh Tuy có quân của Hoàng Cầu, hoạt động tới phụ cận Tuyên Quang; ở Sơn Dương thì có Tuần Đạt, Phủ Đoan thì có Đốc Thức, Hà Giang thì có Lê Chí Tuân. Địch đang thương thuyết cho Lê Chí Tuân giải binh về làm cày ruộng.

Giữa Pháp và quân kháng Pháp trong thu đông này không có trận đánh nào lớn; địch không ra càn quét nhưng tích cực vận động chia rẽ và mua chuộc, quân ta chỉ đánh các đoàn tiếp tế giữa các đồn địch.

1893 - 1894: Vào thu đông này, ở vùng sông Lô, sông Chảy và sông Thao có những đặc điểm sau đây:

Thế lực tổ chức và võ trang của quân kháng Pháp đã mạnh lên hơn trước, tất cả độ 4.000 quân, có 3.000 súng;

- Hoàng Thân Lợi, Nguyễn Triệu Trọng và Hoàng Mẫn (1.000 người) ở sông Chảy, căn cứ chính là tổng Từ Long, trên gần biên giới.

- Mạc Quế An (500 người), Hoàng Cầu (700 người) ở sông Lô nhất là vùng Vĩnh Tuy; 2 bên xung khắc nhau; Mạc Quế An giảng hòa với Pháp.

- Hà Cốc Thượng (1.000 người) chiếm cả vùng Hà Giang tới thượng lưu sông Gâm. Giữa Hà Cốc Thượng và Pháp có sự hòa hoãn với nhau.

- Cao Tài Lợi ở Chiêm Hóa; Lương Tam Cơ ở Văn Lãng.

- Tuần Đạt ở Đoan Hùng Phú Thọ.

Địch tập trung lực lượng vào đánh Hoàng Thân Lợi, Nguyễn Triệu Trọng và Hoàng Mẫn, chiếm tổng Từ Long; Hoàng Mẫn đổ quân sang hữu ngạn sông Thao, chiến đấu với Pháp ở vùng Sa

https://tieulun.hopto.org

Pa, Vũ Lau, sau khi đã thắng địch và giết quan hai Ma-ca-giô-ê[1] ở núi Mã Đinh bên tả ngạn (22-5-1894); qua hữu ngạn, Hoàng Mẫn lại đại thắng quan ba Gesland ở Ta-phin, gần Sa Pa (30-5-1894). Hoàng Mẫn vào chiếm Than Uyên, lại đại thắng quan ba Bun-li-ê[2] và quan tư Be-tanh[3] ở Than Qui, đuổi địch khỏi Than Qui, địch chạy về Bản Tích, lại bị Hoàng Mẫn đuổi khỏi Bản Tích, địch chạy về Hiếu Trai cố thủ (cuối tháng 7), còn Be-tanh thì bị đuổi từ Than Qui chạy về thượng lưu ngòi Nam Kin, rồi lại bị đuổi tuốt về Văn Bàn. Hoàng Mẫn chỉ có 300 súng mà đánh rất giỏi.

1894 - 1895 - 1896:

- Như chúng ta đã thấy, ở khắp tây bắc, trừ vùng sông Đà, đến năm 1894 thì thế lực của quân kháng Pháp không hao mòn gì mấy; địch thiếu quân số, không mở được những chiến dịch lớn, không chiếm được nhiều đất. Nhưng vào cuối 1894 thì ở vùng sông Lô, địch xua Mạc Quế An và Lê Chí Tuân đánh với Hoàng Cầu. Thế lực của Hoàng Cầu sút đi vì cuộc huynh đệ tương tàn ấy, và vì Đặng Văn Sung bỏ Hoàng Cầu, kéo quân dọc theo biên giới qua phía hữu ngạn sông Thao mà nhập với quân của Hoàng Mẫn.

Cuối 1894 và đầu 1895, Hàn Cốc Thượng ở Hà Giang hoạt động mạnh, chiếm Đồng Quan, Tổng Ba Xá, đánh thắng quan hai Morel ở Bắc Mê, đánh bại tên Phương Văn Thọ (đã theo Pháp) chiếm vùng Quản Bá, bắc Hà Giang, và từ Phiên Lương mở cuộc tấn công quân Pháp ở chợ Rã.

Cao Tài Nhị và Lò Sét ở Chiêm Hóa đem quân qua sông Gâm tiêu diệt một đoàn Pháp đi từ Bắc Mục về Tuyên Quang (2-11-1894), đánh đồn Bắc Mục (6-11), chiếm Yên Mục, có ý định qua

1. Nhà xuất bản chưa tra được từ nguyên.
2. Nhà xuất bản chưa tra được từ nguyên.
3. Bertin.

phía sông Thao. Quan năm Thomasset ở Tuyên Quang, quan tư Monnuiot ở Trại Hút, và đồn quân địch ở Yên Bái đều lập tức tập trung quân trên sông Chảy để ngăn cản. Cao Tài Nhị và Lò Sét trở về sông Lô, đóng nhiều mảng thả xuống đánh Ngòi La gần sát Tuyên Quang.

Ở vùng Yên Bái thì, suốt thời gian này, Pháp rất vất vả để chống với Hoàng Mẫn cũng như thời gian 1893 - 1894. Tháng 8-1894, quan tư Bertin được lệnh kéo quân trở lại Văn Bàn mà bọn Pháp phải bỏ trước đó. Còn quan năm Radier kéo quân vào Nghĩa Lộ. Trước sự chuẩn bị tấn công của địch, Hoàng Mẫn rút quân lên phía bắc Than Uyên chờ quân tiếp viện của Nguyễn Triệu Trọng. Hoàng Mẫn bấy giờ chiếm cứ lưu vực ngòi Nam Đương và vùng Sa Pa, Mường Bo cho đến vùng lưu vực ngòi Nam Mê. Hoàng Mẫn chiến đấu gay go với các đoàn quân địch của quan tư Gouttenègre, của Lhermite, của quan tư Aubignose, của Gillot, Hermet và Bullier. Trong lúc khó khăn đó thì Hoàng Mẫn được đạo quân của Cô-Giốc từ sông Gâm đi qua hữu ngạn sông Thao, đạo quân này có lúc phải mượn đường bên đất Thanh nên bị quân Thanh đón đánh. Được tin, quan tư Gouttenègre với 350 súng và một số pháo thuyền đón trên sông Thao, nhưng ngăn không được, mà lại còn bị đánh bại ở Vũ Lao, Dương Qui. Tướng Servière cấp tốc họp quân ngăn trở đường xuống phía nam của Hoàng Mẫn và tiến đánh Hoàng Mẫn ở gần Tư Lệ, Ngòi Hút, Làng Bùi (trong trận này tên quan ba Gillot bị trọng thương). Sau nhiều trận gay go, Hoàng Mẫn độ quân tả ngạn sông Thao qua nhập với quân của Nguyễn Triệu Trọng. Cuộc chiến đấu của Hoàng Mẫn là cuộc chiến đấu lớn cuối cùng của nghĩa quân ở hữu ngạn sông Thao. Đến tháng 8 năm 1895 thì Hoàng Mẫn, Nguyễn Triệu Trọng hãy còn chiếm vùng giữa sông Thao và sông Chảy, trên phố Ràng và Bảo Hà lên tới biên giới.

https://tieulun.hopto.org

Địch chỉ đủ sức ngăn không cho Hoàng Mẫn xuống quá mức Bảo Hà, phố Ràng; 23-8-1895 và 28-8-1895 hai lần Hoàng Mẫn phá phòng tuyến Bảo Hà phố Ràng để xuống phía nhiều dân, nhiều lúa hơn, hai lần đều thất bại, ông đóng quân ở núi Mã Yên Sơn; từ 1896 thế lực của Hoàng Mẫn và Nguyễn Triệu Trọng sút dần.

Ở vùng Hà Giang thì vào thu đông 1895 - 1896, Lê Chí Tuân và Mạc Quế An trở lại kháng Pháp; Hà Cốc Thượng cũng mở cuộc tấn công quân Pháp. Lúc ấy ở Yên Thế, chiến tranh đương gay gắt, Pháp không thể đưa viện binh lên Hà Giang, quân khởi nghĩa của Hà Cốc Thượng tiến mạnh, chiếm nhiều đồn và tiến về sát Hà Giang.

Quân của Hoàng Cầu xuống tới phía nam phòng tuyến Hà Giang Bắc Mê là một phòng tuyến giống như Bảo Hà, phố Ràng.

Tháng chạp 1895, chiến cuộc Yên Thế xong, quan tư Roget đem 600 tay súng lại hợp với quan năm Vallière (450 súng) ở Tuyên Quang, và quan năm Aideoud (650 súng) từ Cao Bằng qua, cả ba bọn cộng lại gần 2.000 quân, quyết tiêu diệt nghĩa quân ở Việt Bắc và giải vây cho các đồn Hà Giang, Bắc Mê, Bảo Lạc của chúng.

Hoàng Cầu đại thắng quân địch ở Tam Kỳ giết chết quan ba Béranger và nhiều lính Pháp, quan tư Brenot tháo chạy về Tuyên Quang. Vallière theo sông Gâm lên, toan hợp với hai binh đoàn kia để cùng nhau chiếm vị trí Khâu Cốc là nơi mà quân của Lương Văn Sơn đóng giữ từ ngày Sơn bị bại trận ở chợ Chu. Audeaud từ Cao Bằng qua bị chặn đánh giữa đường, tên quan hai Fénari và nhiều địch bỏ mạng, không tiến tới Khâu Cốc được. Vallière phải ngừng quân chờ binh đoàn Yên Thế. Rồi ngày 23-1-1896, sau khi đại bác bắn vào Khâu Cốc 190 phát, địch xung phong suốt buổi mới chiếm được vị trí.

Sau đó, quân kháng Pháp lục tục kéo phía Đồng Quang. Lần lượt địch chiếm vùng Việt Bắc, trừ tổng Đồng Quang. Địch lập hai

dải phòng tuyến: dải thứ nhất gồm Hà Giang, Bắc Mê, Bảo Lạc; dải thứ hai gồm Hoàng Su Phì, Bắc Quang, Hoàng Hanh, Làng Bay, Bắc Cạn, Cao Tinh, Bắc Mục, Chợ Rã. Giữa hai dải lại có một số đồn. Quân kháng Pháp còn giữ từng địa phương lẻ tẻ thì Vallière phóng ra các binh đoàn Audéaud, Bréquelot và Nouvel để đi càn quét dữ dội. Trong các trận chống càn này, Mạc Quế An kéo quân về phía Lào Cai, hợp với một toán quân của Nguyễn Triệu Trọng thành một đạo quân có trên 300 súng, bao vây đồn làng Cổ Lum, đánh một trận lớn với binh đoàn Bailly ở đèo Ma Qui, giết quan hai Palissé và Cartigny. Chính lúc này, vào tháng 3-1896, Hoàng Mẫn lại hoạt động mạnh giữa sông Thao và sông Chảy, hai binh đoàn của tướng De Badens và của quan năm Vinard càn quét mãi đến mùa mưa, không làm gì nổi Hoàng Mẫn, Nguyễn Triệu Trọng và Mạc Quế An trên sông Chảy và trên sông Con, nhưng nghĩa quân của ba ông đã hao mòn nhiều. Ở vùng Hà Giang cũng thế. Cho nên từ 1896 không còn có chiến cuộc lớn nữa. Hoàng Mẫn, Nguyễn Triệu Trọng, Mạc Quế An qua trú chân ở Song Phong bên kia biên giới. Năm 96, Hà Cốc Thượng, cũng không giữ được Đồng Quang, phải qua trú chân ở biên giới; một cánh quân của ông bị quân Thanh công phá nhiều lần, còn một cánh khác thì tự giải tán. (có tài liệu nói ông gia nhập quân Quảng Tây).

Toàn quyền Đông Dương nhờ đặc sứ Pháp ở Bắc Kinh yêu cầu triều đình an trí Tôn Thất Thuyết một nơi và kiểm tra hành vi của Lưu Vĩnh Phúc. Lưu Vĩnh Phúc vừa mới từ chức trong quân đội Thanh, và theo sự điều tra của Pháp thì Tôn Thất Thuyết, Lưu Vĩnh Phúc cùng Đề đốc Phong (tướng Thanh) đang vận động để khôi phục phong trào chống Pháp.

Đến năm 1896 thì trong căn bản, cuộc kháng chiến ở miền núi chấm dứt. Cuộc chiến đấu này rất lâu dài, rất anh dũng, địch hao binh tổn tướng ở miền núi còn nhiều hơn là ở đồng bằng. Cho đến

https://tieulun.hopto.org

nay thì làng sử học ta ít chú ý nghiên cứu cuộc kháng chiến của đồng bào Việt Bắc từ 1885 đến 1897. Những điều chúng tôi vừa kể trên đây chỉ là một bản nhất lãm rất thiếu sót chưa xứng đáng chút nào với kỳ công của các bậc tiền bối đã bền gan chiến đấu trong một vùng đất thiêng liêng mà sau này sẽ là căn cứ địa của cách mạng và kháng chiến trong thời kỳ dân chủ nhân dân.

Chương 26

CHÍNH SÁCH MỚI CỦA PÔN ĐU-ME[1] NHỮNG CUỘC CHIẾN ĐẤU CUỐI CÙNG VÀ CHUYỂN TIẾP CỦA PHONG TRÀO CẦN VƯƠNG; MẠC ĐĨNH PHÚC, VƯƠNG QUỐC CHÍNH

I. ĐẶC ĐIỂM CHUNG CỦA TÌNH HÌNH TRONG NHỮNG NĂM CUỐI CÙNG CỦA THẾ KỶ XIX

Đây là giai đoạn cuối cùng của phong trào Cần vương mà đồng thời cũng là những năm đầu tiên của một thời kỳ mới trong lịch sử chính sách thuộc địa Pháp ở Việt Nam.

Gọi những năm này là bước đầu của một thời kỳ mới trong lịch sử chính sách thuộc địa Pháp ở Việt Nam, bởi vì, Pôn Đu-me đem qua Đông Dương một chính sách cai trị, kinh tế bạo dạn, lâu dài, thay cho chính sách mò mẫm tạm bợ của các người toàn quyền khác trước đó; vả lại, trước Đu-me về mặt của Pháp, ấy là thời kỳ

1. Chính sách này, trong quyển *Lịch sử Việt Nam từ 1900 đến 1918*, chúng tôi sẽ nói đến nhiều, ở đây chỉ ghi những nét chính.

https://tieulun.hopto.org

chinh phục và bình định. Đến Đu-me trở đi, chinh phục và bình định. Đến Đu-me trở đi, chinh phục và bình định trong căn bản đã xong rồi, giặc Pháp từ nay dồn sức vào sự khai thác; bóc lột.

Ngày 22-3-1897, Đu-me đã báo cáo về Pa-ri:

"Toàn cõi Đông Dương không một nơi nào đáng lo ngại hay quá bi đát. Thực tế thì tại nhiều nơi cũng có nhiều việc khó khăn có thể trầm trọng thêm; nhân dân toàn xứ như đã khuất phục dưới quyền thống trị của ta rồi, nhưng chưa phải họ đã nhìn nhận tính chất vĩnh viễn của quyền thống trị của nước Pháp, họ vẫn sẵn sàng nắm lấy một thời cơ thuận lợi hay một giây phút yếu đuối của chúng ta để lật đổ cái ách đè trên đầu họ".

Câu báo cáo này nói lên được đặc điểm của tình hình chính trị Việt Nam vào cuối thế kỷ XIX. Ngọn lửa kháng Pháp không phải đã tắt hẳn, nhưng, đại thể thì phong trào Cần vương đã tàn. Vì vậy mà đế quốc Pháp có thể, từ Đu-me trở đi, bước vào một thời kỳ mới trong chính sách thuộc địa của nó ở Việt Nam. Về chính sách ấy, nhà sử học Pháp, đồng chí J. Sếc-sơ-nô sẽ nói khá đúng tuy có phần cường điệu[1]:

"Đu-me đã để lại trên xứ này một dấu vết khá sâu sắc để có thể xem thời kỳ toàn quyền của hắn như mở đầu cho một giai đoạn mới trong lịch sử nước Việt Nam. Chính Đu-me đã đưa chế độ thuộc địa từ giai đoạn mò mẫm hầu như thủ công, sang giai đoạn có tổ chức, hệ thống; chính hắn đã dựng thành bộ máy thống nhất về bóc lột tài chính và đàn áp chính trị trong thực tế sẽ được duy trì nguyên vẹn đến tận năm 1945".

Về phương diện của ta, sau Phan Đình Phùng nói cho rõ là từ 1895 trở đi, phong trào chống Pháp đã bắt đầu chuyển hướng rồi. Chưa phải là cái hướng của Duy Tân hội về sau, trong những

1. J. Chesneaux, *Contribution à L'histoire de la Nation Vietnammiene.*

năm đầu của thế kỷ XX; nhưng không còn là cái hướng của Tôn Thất Thuyết, Ngô Quang Bích, Phan Đình Phùng nữa; vẫn còn như là Cần vương, nhưng hình ảnh Hàm Nghi đã phai mất rồi mà ngay nhà Nguyễn cũng không còn là cái danh nghĩa để cổ vũ đồng bào nữa; vẫn còn khởi nghĩa vũ trang, nhưng, ngoài khu vực của Hoàng Hoa Thám, không còn cứ hiểm nữa; vẫn là văn thân đứng đầu cuộc vận động, những tư tưởng mê tín kiểu Phật giáo và đạo giáo xâm nhập phong trào.

Vì vậy mà có thể xem giai đoạn này như vừa là giai đoạn cuối cùng của phong trào Cần vương, vừa là giai đoạn chuyển tiếp sang một thời kỳ mới của lịch sử đấu tranh giành độc lập.

II. VÀI NÉT LỚN TRONG CHÍNH SÁCH CỦA PÔN ĐU-ME

1. Chính sách kinh tế, tài chính

Về tình hình kinh tế tài chính của Đông Dương vào năm 1897, thì Đu-me báo cáo về Pháp như sau[1]:

"Tình hình tài chính ở mọi nơi đều bi đát, kể cả ở Nam Kỳ là nơi đất đai phì nhiêu phi thường... Ở Bắc Kỳ còn tệ hơn; nguy cơ phá sản sờ sờ trước mắt chính phủ bảo hộ, cũng trầm trọng như hồi các năm 1891, 1895...".

Để vượt khó khăn và nguy cơ phá sản về tài chính, Đu-me chẳng phải có biện pháp thần thánh gì đâu. Chẳng qua hắn thừa lúc phong trào kháng Pháp bị đánh gãy trong căn bản, để tăng mức thuế đã có, đặt thêm nhiều loại thuế khác, tăng cường mọi sự chiếm đoạt, bóc lột.

a. Về thuế: Đu-me ra chính sách thuế mới, áp dụng từ 1-7-1897. Ví như về thuế đinh, hồi thời phong kiến, dân nộp một quan mỗi người, tức 0$14, thì thời Pháp thuộc trước khi Đu-me đến phải nộp 0$50 (ở Bắc), 0$30 (ở Trung). Đu-me đến; thuế đinh lên 2$50

1. Báo cáo ngày 23-3-1897 của P. Doumer cho Bộ Thuộc địa.

https://tieulun.hopto.org

(ở Bắc), 2$30 (ở Trung). Kết quả cấp thời là, từ năm 1896 qua năm 1897, thuế đinh và thuế điền ở Bắc thu được gấp hai: 4.909.000$ trong số này người Pháp chỉ đóng có 9000$ thôi.

Về thuế gián thu: các ty rượu (7-1897), ty muối (9-1897), ty phiện (1898) được thành lập, vừa lợi to cho Pháp, vừa hại to cho dân. Bây giờ, dân không được tự do bán rượu, mà phải bán cho nhà nước với giá 7 xu một lít, ty rượu bán lại với giá buôn là 0$14 và giá lẻ là 0$18. Thuế muối, mỗi tạ 0$50 năm 1897, mười năm sau tăng lên 2$25; dân đói cơm lại đói muối; Đại tá Réc-na[1] sẽ viết[2]:

"Dân tộc Việt Nam bị một sự đói kém ghê gớm, họ bị bắt buộc phải tự hạn chế một món ăn không thể nào không có: muối".

Riêng năm Đu-me sang, thì ty á phiện lời 6 triệu đồng, tức 15 triệu quan. Mọi sự thịnh vượng của tài chính mà thực dân khoe khoang, đều dựa trên 3 món: rượu, phiện, muối. Với số tiền bóp nặn này, thực dân Pháp sẽ chiếm đóng Quảng Châu Loan (Trung Quốc) năm 1898, sẽ và tham gia đàn áp phong trào Nghĩa hòa đoàn (Trung Quốc) năm 1900 (5 tiểu đoàn bộ binh, 4 đại đội pháo binh).

b. Chiếm đất: Nói tài chính ổn định là nói tăng thuế; nói mở mang kinh tế, trước hết là nói chiếm đất. Trong thời kỳ toàn quyền của Đu-me, bọn thực dân chiếm đất rất kịch liệt, chỉ trong 4 năm mà chúng nó chiếm 4 lần nhiều hơn 40 năm trước đó. Ví như riêng ở Bắc, trong 4 năm đó, thực dân chiếm 155.449 héc-ta. Bắc Ninh là đất thuộc tự trăm đời, thế mà tên Gô-be đoạt luôn một hơi 11.720 héc-ta của 22 làng. Dọc theo sông Đà, sau khi đốc Ngữ đã bị thua rồi thì riêng tên Buốc goan Mép phrơ chiếm 9.000 héc-ta của 57 làng. Cộng lại tất cả thì, năm 1896, thực dân mới chiếm 80.961 héc-ta, mà đến 1900 thì thực dân đã làm chủ 357.481 héc-ta rồi!

1. Nhà xuất bản chưa tra được từ nguyên.
2. Cdt Bernard, *Revue de Paris*, Octobre 1908.

Cái điều đáng chú ý nữa là, trước đây tụi nó chiếm đất để trồng lúa; từ 1897 thì bắt đầu xuất hiện những đồn điền cao su, cà phê. Năm đó thì Việt Nam đã xuất cảng 10.000 ki-lô chè, năm 1898, xuất cảng 32.000 ki-lô; năm 1899, xuất cảng 137.000 ki-lô. Đã có 1.200 héc-ta cà phê. Địch bắt đầu ló mũi vào vùng đất đỏ và bắt đầu bắt phu miền Bắc vào miền Nam.

c. Công thương: Trước hết nói đến công chính; công chính nhằm mục đích quân sự, bóc lột và cai trị. Pháp lại nhằm bành trướng thế lực của nó ra ngoài Việt Nam, bên trong Đông Dương thì nối liền ba xứ Việt, Lào, Khơ-me thành một khối chính trị và kinh tế.

Đu-me sang, sự giao thông thủy bộ đều được đẩy mạnh để tăng cường bóc lột. Nghị định ngày 25-12-1898 cho phép toàn quyền Đông Dương mở công trái 200 triệu phơ-răng để làm đường xe lửa; Pháp bắt tay ngay vào việc làm đường xe lửa Hà Nội - Lạng Sơn, Hà Nội - Vinh, Hải Phòng - Vân Nam, Huế - Đà Nẵng, và Sài Gòn - Nha Trang. Ngoài ra, thì tầu điện ở Hà Nội, Sài Gòn. Về đường lộ đá, Pháp bắt tay làm đường Hà Nội - Cao Bằng, Việt Trì - Tuyên Quang, Đà Nẵng - Huế, Bà Rịa - Sài Gòn, làm cầu qua sông Hồng, sông Hương, sông Bình Lợi v.v...

Về kỹ nghệ thì mỏ than phát triển nhất vì dễ ăn nhất, Pháp đổ xô vào ngành mỏ, chiếm 339 khu mỏ. Năm 1899, tổng sản lượng than đá là 260.000 tấn. Đu-me lặp lại lời của La-nét-săn:

"Nếu sự xây dựng kỹ nghệ cần được khuyến khích ở thuộc địa thì chỉ trong giới hạn không phương hại đến công nghệ chính quốc. Công nghệ chính quốc cần được bổ sung chớ không phải là phá sản bởi công nghệ ở thuộc địa".

https://tieulun.hopto.org

Năm 1990, Bộ trưởng Mê-lin[1] cũng tiếp theo:

"Trong một tổ chức thuộc địa tốt, sự sản xuất phải đóng khung trong phạm vi cung cấp cho chính quốc những nguyên liệu hay những sản vật mà chúng ta thiếu".

Vào cuối thế kỷ XIX thì chỉ có thêm nhà máy dệt ở Hải Phòng; phải đến ít năm sau Đu-me cho đến chiến tranh thế giới thì mới thấy có một loạt những nhà máy mới.

Về thương mại thì 4 năm toàn quyền của Đu-me thấy ngoại thương tăng 148%, Việt Nam xuất qua Pháp tăng 290%, Pháp xuất qua Việt Nam tăng 227%, nghĩa là phần của Pháp hơn trước nhiều. Năm 1897, ngoài Bắc mất mùa; gạo Sài Gòn ra Hải Phòng bị đánh thuế đoan ngang hàng với gạo từ Hương Cảng đến! Đói kém to, thế mà Pháp vét được của Bắc Kỳ đến 1,796 tấn gạo ngon để chở đi Hương Cảng. Các công ty Pháp độc chiếm mọi sự xuất nhập cảng (không kể phần người Hoa kiều), ấy là Denis Frères, Boy Landry, Poinsard Veyret, Descours Cabaud; Marseille Outre-mer; chúng bóp hầu bóp họng dân ta bằng cách mua rẻ bán đắt, bằng cái chính sách giao dịch bất đồng rất tai hại.

2. Chính sách cai trị

Nói về sự cai trị hồi đầu 1897. Pôn Đu-me viết:

"Nói cho đúng, không có chính phủ Đông Dương, chỉ có một quan Toàn quyền; thế thôi".

Đu-me lập ra cả một bộ máy của Phủ Toàn quyền, lập các phòng thương mại và canh nông, cải tổ thượng hội đồng Đông Dương, lập ngân sách thống nhất v.v...

Ngoài Bắc, Pháp thủ tiêu chức kinh lược; khâm sứ Tây trực tiếp cai trị; các tổng đốc tuần phủ trực tiếp do công sứ Pháp chỉ huy; Pháp lập hội đồng bảo hộ cạnh khâm sứ, hội đồng địa hạt (conseil

1. Nhà xuất bản chưa tra được từ nguyên.

des Notables) cạnh bọn công sứ: chúng cần sự cộng tác nhiều hơn nữa của phong kiến.

Ở Trung, thì năm 1897 là năm Thành Thái đúng tuổi trưởng thành. Pháp thừa dịp mà giải tán hội đồng phụ chính; cơ mật đổi thành hội đồng thượng thư do khâm sứ trực tiếp chỉ huy, khâm sứ cũng là chủ tịch hội đồng tôn thất. Pháp nắm chặt tất cả. Vua nhận rằng Pháp được quyền khẩn đất bất cứ ở đâu; đất hoang, đất rừng Trung Kỳ từ nay không phải của vua mà là của Phủ Toàn quyền.

Ở Nam Kỳ thì hội đồng quản hạt mất bớt quyền hành nhất là về ngân sách.

Để đào tạo người cho bộ máy cai trị và bóc lột, Pháp lập một số trường trung học, ba trường bách nghệ (Sài Gòn, Huế, Hà Nội), lập trường Hậu bổ Hà Nội và Quốc học Huế (dạy tiếng Pháp cho các quan người Việt), kỳ thi hội ở Nam Định có bài thi tiếng Pháp. Pháp lại lập Viễn Đông bác cổ, trường Y sĩ Hà Nội, viện vi trùng ở Sài Gòn, Nha Trang, Hà Nội. Nói về mục đích của trường Y sĩ, Đu-me viết:

"Việc lập trường y sĩ có một ý nghĩa chính trị; ông y sĩ do ta tạo ra, do ta trả lương, sẽ là một khí cụ tích cực để truyền bá ảnh hưởng Pháp, bởi vì ông y sĩ không thể không có ảnh hưởng trong dân"[1].

Pháp lại lấy tiền thuế ở Việt Nam để cung cấp các cơ sở kinh tế, chính trị, quân sự, ngoại giao của nó ở Viễn Đông, nhất là để xâm nhập Trung Quốc và Xiêm, đó là chưa kể rằng nó lấy tiền lấy lính ở Việt Nam để liên minh với nước khác mà đánh Trung Quốc (1900).

III. TÌNH HÌNH LỤT, HẠN, ĐÓI, KÉM Ở MIỀN BẮC

Những năm 1894, 1895, 1896, 1897, miền Bắc liên tiếp bị lụt rồi hạn, hạn rồi lụt thiên tai cộng vào địch họa; mà thực ra thiên

1. *L'Avenir du Tonkin*, 22-4-1896.

https://tieulun.hopto.org

tai ấy rốt cùng lại thì cũng là địch họa mà thôi, địch khủng bố, khoét đẽo, phá đê nữa. Tình cảnh nhân dân vô cùng khổ cực, chết chóc vô số:

"Gần các làng, các chợ, đường sá đông nghẹt những người nghèo khổ, những người đã ăn xin.

Bị nạn đói thôi thúc, vô số người đã bỏ nhà ra đi sau khi đã bán hết đồ đạc, rồi lang thang đi ăn xin khắp nơi, cho đến lúc sức tàn lực kiệt, họ gục xuống chết ở một góc đường... Thật là một cuộc chiến đấu sinh tử vô cùng khủng khiếp với nạn đói..."[1].

Thực tế chắc hẳn còn thê thảm hơn nhiều! Đó là vào đầu cái thời kỳ mà lũ sói thực dân đã trăm lần tuyên bố huênh hoang là thời kỳ thịnh vượng của đất Đông Dương đã bị chinh phục và bình định!

Trời nắng dai thì có hẳn. Nước sông cao thì cũng hẳn có. Song một điều mà bọn thực dân giấu đi, nhưng, ngày nay, trong số tài liệu địch còn bỏ sót lại ở Sở Lưu trữ Hà Nội, có cái báo cáo của tên công sứ Sơn Tây, trong bản báo cáo mật viết năm 1899 đó, tên công sứ Sơn Tây có thú nhận rằng "chính phủ bảo hộ" cắt đê khi nước lụt!![2].

"Ở Vĩnh Yên, nhiều tầng lớp dân chúng uất ức và thất vọng vì đã bị mất mùa liên tiếp mấy năm; nhiều người kêu ca việc chính phủ cắt đê năm 1896; dân đắp đê là để khỏi bị lụt, mà ta lại cắt đê nên dân bất bình lắm, tôi đã báo cáo nhiều lần rồi. Ngoài ra, vùng Vĩnh Yên có quá đông loại dân bất khả trị, khó mà đưa họ vào khuôn khổ; họ rất khó mà tuân theo pháp luật của ta. Từ trước đến giờ Vĩnh Yên lúc nào cũng sản sinh ra nhiều tay phiến loạn; ta đã đặc biệt chú ý đến 26 xã, xã nào cũng là cái ổ của bọn phá rối trị an".

1. P. Doumer, *Situation de l'I.C française*, tr. 107.
2. Tài liệu về cuộc khởi nghĩa ở Hà Nội, tháng 12 năm 1898.

Tình trạng bóc lột, cướp đất, nghèo đói, và ách thống trị ngoại xâm, mà ta vừa kể trên, chính là cơ sở của những cuộc vận động chống Pháp cuối thế kỷ XIX nổi lên mặc dầu nhân dân Việt Nam đã liên tiếp bị tàn sát suốt từ 1883 đến giờ, suốt 15 năm trường không ngớt.

IV. PHONG TRÀO KHỞI NGHĨA Ở PHÚ YÊN (TRUNG KỲ): VÕ TRỨ, TRẦN CAO VÂN

Trong Nam, vào thời này có phong trào đạo ông Trần ở Bà Rịa, đạo ông Thầy ở Thất Sơn, và khắp lục tỉnh thì có Thiên địa Hội.

Ở Trung, ngay trong lúc Phan Đình Phùng khởi nghĩa thì có Bạch Xỉ ở vùng núi Đại Hàm. Bạch Xỉ chính là nhà nho Đoàn Đức Mậu, nguyên người trong nghĩa đảng Văn Thân. Sau khi Hàm Nghi bị bắt, ông muốn gây dựng cơ đồ cho ông, lợi dụng câu sấm "Bạch Xỉ sinh, Thiên hạ Bình" của Trạng Trình, đi đâu cũng có 28 người quân hầu (nhị thập bát tú). Mậu bị giặc Pháp bắt giam tại Nghệ An rồi chết ở đó. (Không phải ông bị cụ Phan Đình Phùng giết như có tài liệu gần đây đã ghi sai).

Đáng nhắc nhở đến nhất là cuộc khởi nghĩa của Võ Trứ ở Phú Yên năm Mậu Tuất (1898) mà Pháp và Nam triều gọi là "giặc Thầy Chùa", cũng gọi là "Giặc Rựa"[1]. Võ Trứ, người làng Nhơn Ân, tổng Kỳ Sơn, tỉnh Bình Định, gốc gia đình nông dân, học nho khá, có lúc làm lý trưởng, làm thầy thuốc, làm thầy chùa và thầy phù thủy nữa, nhưng trước hết là nghĩa đảng Cần vương học trò của sư chùa Đá Bạc. Lúc đó chùa Chánh Danh là nơi tụ họp; Pháp cấm họp, nó ra lệnh bắt sư chùa Đá Bạc và rất nhiều người khác. Vũ Trụ gặp Trần Cao Vân, bàn định dùng lòng mê tín của dân để phát triển đức tin vào công việc phục quốc. Võ Trụ dễ dàng nhờ tài làm thuốc và tà thuật của mình để lôi cuốn quần chúng người Kinh và đồng bào Thượng; ông liên lạc với hầu hết các nhà sư trong

1. Trần Nguyên (con Trần Cao Vân), báo *Saigon*, 1934.

https://tieulun.hopto.org

tỉnh Phúc Yên và Bình Định, các nhà sư này một phần cũng chỉ là những dư đảng Cần vương ẩn náu từ 1887 - 1888.

Rằm tháng 7 năm Đinh Dậu (1897), các chùa đều tấp nập; Võ Trứ và Trần Cao Vân họp hội nghị bí mật của 30 nghĩa đảng ở trên một đỉnh núi phủ Tuy An. Sau cuộc hội nghị này các nơi đồng bằng và rừng núi đều sắm vũ khí, từ súng của binh lính, rựa của tiều phu đến cung nỏ của đồng bào Thượng rất đông đảo. Năm Mậu Tuất (1898), Bình Định, Phú Yên mất mùa; lại đến kỳ sưu thuế. Lệnh quan Nam triều truyền ra là hễ thiếu thuế thì phải bán trâu bò, gà lợn, từ khí, mâm thau, nồi đồng, giường thùng, rương xe để nộp thuế; nếu ai không có gia sản thì bị đóng gông giải về huyện.

Trong lúc lòng dân sôi nổi vô cùng thì nghĩa đảng của Võ Trứ lại bị tiết lộ. Võ Trứ và Trần Cao Vân họp hội nghị quyết định khởi nghĩa mặc dầu chuẩn bị chưa đủ. (Tiếc rằng lúc bấy giờ các nghĩa đảng Bắc, Trung, Nam không biết nhau, bạo động chỉ có tính chất địa phương nên càng dễ thất bại). Vào mùa hè, dưới cờ đề bốn chữ "Minh Trai Chủ Tể", Võ Trứ kéo nghĩa quân từ huyện Đồng Xuân về đánh sông Cầu, định rằng trước cướp trại lính tập để lấy súng, rồi sau đánh tòa công sứ; đi đầu nghĩa quân là 100 dũng sĩ người Thượng thiện xạ với cung tên tẩm thuốc; kế đó là 400 người nữa, hầu hết vũ khí là rựa, mác; mỗi người còn có một lá bùa hộ mạng. Quanh Võ Trứ có mấy vị hòa thượng. Dọc theo đường hành quân, nhân dân đón rước vô số, 500 người trai tráng nữa gia nhập quân khởi nghĩa.

Bên Pháp ở Phú Yên thì có trên 100 quân; Nam triều có một đội phòng thành ít hơn. Nhưng địch nhờ tên huyện (Lưu Tuấn) dò biết Võ Trứ hội quân trong một khu rừng thuộc huyện hắn; hắn bỏ huyện chạy báo và trốn đi. Địch đề phòng cẩn mật và đi tuần tiễu. Nghĩa quân và địch chạm nhau ở gần Giốc Quít, cách sông Cầu 5 cây số; bên ta thua vì thiếu vũ khí. Võ Trứ rút về căn cứ trong

rừng, địch không dám đuổi theo vì đêm tối và đường rừng. Mấy tuần sau địch cứ luôn luôn vào đánh và luôn luôn bị phục kích. Rốt cùng địch dùng thế hỏa công; mùa này là mùa hè, cỏ khô; mấy khu rừng và làng mạc của huyện Đồng Xuân ra tro. Nghĩa quân của Võ Trứ tan. Nhưng địch chưa bắt được Võ Trứ mà bắt rất nhiều đảng chúng. Phú Yên, Bình Định, hễ nơi nào có nhà tù thì đều có mặt các sư tăng. Nghĩa quân Thượng rước Trần Cao Vân về núi bảo vệ kín đáo. Rốt cùng Võ Trứ gặp Trần Cao Vân tạ tội không chịu theo lời Cao Vân nên bạo động non, và xin Cao Vân cho phép ra nộp mình để cứu đảng viên. Võ Trứ nộp mình, bị địch tra tấn rất dữ, không khai một lời, nhận chỉ có mình là có trách nhiệm, can đảm chịu đựng đến phút chót. Trần Cao Vân bị ngồi tù 11 tháng ở Phú Yên.

Ở tù ra, Cao Vân dạy học trò, nghiên cứu Dịch Tiên Thiên của Phục Hy và Dịch Hậu Thiên của Văn vương mà lập ra thuyết Dịch Trung Thiên của mình. Nhân dân Bình Định Phú Yên theo rất đông, tuy rằng không mấy ai hiểu đó là gì, chỉ ngầm biết rằng đó là thuyết cứu nước của một người chí sĩ. Bọn Nam triều sanh nghi bắt Cao Vân tra tấn rồi làm án tử hình, sụt xuống còn tù 3 năm khổ sai. Ngồi tù, nhà nho bình thản ngâm:

"Một lỗ cùm xây vòng tạo hóa,
Hai vai gông nặng gánh kiền khôn..."

V. PHONG TRÀO HỌ MẠC Ở VÙNG DUYÊN HẢI BẮC KỲ: KỲ ĐỒNG, MẠC ĐĨNH PHÚC

Kỳ Đồng tên Nguyễn Văn Cẩm, người huyện Duyên Hải, có tiếng thông minh lạ thường từ trẻ, nên gọi là Kỳ Đồng. 1888, cậu Cẩm mộ thiếu niên dựng cờ "Thiên binh thần tướng" bị công sứ Nam Định bắt; Pháp cho đi Tây học đỗ tú tài; Cẩm lại về Hà Nội làm công chức, Cẩm toan dùng câu sấm của Trạng Trình là "phá điền thiên tử xuất, bất chiến tự nhiên thành"; ông mộ đảng chúng

https://tieulun.hopto.org

đi lập đồn điền ở gần chỗ Đề Thám, liên lạc với Thám; Kỳ Đồng lại thuộc phong trào tôn họ Mạc đang phát triển từ 1895 ở Hải Dương, Thái Bình, khắp vùng duyên hải. Trong tổ chức này, Kỳ Đồng là "quốc sư". Việc vỡ lở, Kỳ Đồng bị bắt đày đi hải ngoại, nhưng mãi về sau người ta vẫn còn tin rằng Kỳ Đồng sẽ có ngày đem quân về đánh Pháp. Thủ lĩnh của phong trào này là Mạc Đĩnh Phúc.

Mạc Đĩnh Phúc tự xưng là Đồng thống Nguyên Nhung, theo lời hiệu triệu quần chúng phát năm 1897[1] thì Mạc Đĩnh Phúc dấy nghĩa để vừa đánh đuổi người Pháp, vừa đánh đổ nhà Nguyễn; đọc bản hiệu triệu, thấy có những đặc điểm như sau đây:

- Mạc Đĩnh Phúc kịch liệt công kích nhà Nguyễn nhất là Tự Đức, nói rằng Gia Long, Minh Mạng tàn bạo giết người ruột thịt, Tự Đức đã không phải là con của cha mình lại vô đạo, bỏ cúng tế, phung phí tiền của để làm vạn niên cơ, dùng người bất tài và nịnh bợ, rồi lại đem xã tắc dâng cho người Pháp, dựa vào sức mạnh của người Pháp như con dựa vào cha. Nay đất nước bị trong vòng hắc ám, nhà Nguyễn không thể nào phục quốc được.

Nhân dân phải nổi lên tôn phò cháu chắt của những giòng vua trước kia.

Nếu được toàn dân ủng hộ thì trong 3 tháng nghĩa quân sẽ lấy lại Thăng Long, Mạc Đĩnh Phúc sẽ lên ngôi lấy niên hiệu là "Hòa Thái", lập đời thịnh trị hơn cả thời Lý thời Lê.

Trong số 12 điều thể lệ ta chú ý đến những điểm sau đây: quân lính chia ra làm đội, cơ, vệ, nha, hộ và đinh; do quản lãnh, đốc lãnh, đề chưởng, thống chế và đô hiến chỉ huy; 30 người một đội, 4 đội là một cơ, 4 cơ là một vệ, v.v... Ai góp tiền của thì sẽ trả lại bằng ba lần, ai lợi dụng quyên góp để bóc lột thì đem chém. Cấm

1. Hiện nay không có bản chữ nho, chỉ có bản dịch ra tiếng Pháp, tài liệu của Sở Lưu trữ Hà Nội.

quân lính lấy của dân; kêu gọi những người làm việc cho Pháp nếu quay về thì giữ nguyên chức, chống lại thì đày xa 3.000 lý; ai thu thuế nộp cho Pháp ở những làng đã theo khởi nghĩa thì bị chém đầu; ai xé tuyên cáo thì bị xử tử cả nhà; đừng sợ tầu súng của Tây, Mạc Đĩnh Phúc sẽ có phép mầu làm cho súng Pháp bắn lại Pháp, và quân khởi nghĩa cũng không cần mua súng đóng tầu; Mạc Đĩnh Phúc nói mình là cháu 18 đời nhà Mạc, bấy lâu nay không ra hàng Pháp, cũng không theo Thanh, không tham dự chính sự, chỉ đọc sách và cày ruộng; nay Trời và Thần giao ấn bảo khôi phục nước Nam, không làm trái mệnh trời; không cướp dân như Lê Phụng, Trần Hoành, Chu Văn; mà chỉ mong cứu nước Nam, cứu dân Nam khỏi cơn nước lửa; thời cơ thuận lợi đã đến. Bản tuyên cáo này làm cho tỉnh Hưng Yên, các phủ huyện phải chuẩn bị sẵn sàng để nổi lên; đóng dấu "Mạc doãn vọng ấn".

Tôi không tìm được chi tiết, diễn biến của phong trào Mạc Đĩnh Phúc song có đủ bằng chứng rằng vùng Hải Dương, Quảng Yên, Kiến An, Thái Bình, Hưng Yên, Nam Định, Hà Nam, thế lực của tổ chức họ Mạc khá rộng rãi; ngày 15 tháng 12 năm 1897, quân của Mạc Đĩnh Phúc vào đánh Hải Phòng nhưng Pháp dễ dàng tiêu diệt cuộc khởi nghĩa. Ở Hải Dương cũng có bạo động như vậy. Ở Thái Bình, Nam Định, thủ lĩnh của phong trào Mạc thiên binh là cụ Thọ, sư trụ trì chùa làng Lãng Đông, huyện Trực Ninh; trong lúc nghĩa đảng họ Mạc nổi lên ở Hải Phòng, Hải Dương, thì sư Thọ kéo quân theo sông Trà Giang vào lấy tỉnh lỵ Thái Bình; song vũ khí thô sơ, chỉ có bùa hộ thân, nên nghĩa quân bị tên Tuần phủ Vương Hữu Bình đánh bại.

Trong lúc Mạc Đĩnh Phúc hoạt động ở vùng biển thì Vương Quốc Chính hoạt động ở Sơn Tây, Hà Đông và các tỉnh trung châu khác, hai bên chẳng những không hợp tác mà lại còn cạnh tranh với nhau.

https://tieulun.hopto.org

VI. VƯƠNG QUỐC CHÍNH; CUỘC MƯU ĐÁNH HÀ NỘI NĂM 1898[1]

Từ năm 1895 sư cụ trụ trì chùa Ngọc Long Động bắt đầu hoạt động. Chùa Ngọc Long Động ở Chương Mỹ, cách Hà Nội không xa mấy. Cụ Vương Quốc Chính vốn là bạn thân của Tán Thuật, quê ở Cổ Am, Hải Dương; sau mấy lượt thất bại, nhà nho thành nhà sư chờ thời và mưu đồ việc lớn. Dưới hình thức thuyết pháp trong những ngày lễ Phật, cụ hội họp nghĩa sĩ các tỉnh về mà lo quốc sự. Cụ biết lòng dân không mấy thiết tha với nhà Nguyễn nữa, nhưng không phải là không có một phần số nào ở các nơi, nhất là ở phương nam, còn cho rằng có họ Nguyễn cầm đầu mới danh chính ngôn thuận. Vì vậy mà Vương Quốc Chính chọn người họ Lý, tên Lý Thiếu Quân, người Nghệ An, làm minh chủ, còn người họ Nguyễn, tên Nguyễn Khổng, nói rằng cháu bốn đời của Gia Long, sinh ở Đầu Sơn, vùng Hải Phòng, tôn người này làm phó vương. Lý Thiếu Quân lấy niên hiệu là Long Hưng; năm 1897 là "Long Hưng Đinh Dậu". Còn Khổng thì lấy niên hiệu là Long An; năm 1898 là "Long An Mậu Tuất". Năm 1897 cũng là năm họ Mạc hoạt động mạnh ở vùng bể, thì cụ Vương Quốc Chính bày ra mấy lời sấm rằng vận nhà Mạc không thể còn nữa, lời sấm được nhân dân tin tưởng, họ Mạc cũng khó hoạt động.

Lựa vua đã xong, cụ Vương Quốc Chính mới lựa tướng. Cụ nói được 5 cái ấn của trời ban để cụ giao lại cho 5 tướng cầm đầu 5 đạo nghĩa quân. Bản thân cụ lựa 4 tướng:

- Tiền quân Nguyễn Hanh, cũng gọi là Tú Thuật, làng Cổ Nhuế.

- Hậu quân Đinh Công Bạch, người miền Trung, lúc ấy trú tại Hà Nội.

1. Viết theo tài liệu của Sở Lưu trữ, thư viện Hà Nội.

- Hữu quân Nguyễn Trang, sư trụ trì chùa Hạ Mỗ; gốc người Hải Dương.

- Tả quân Nguyễn Đăng Quế, già 63 tuổi, người Nam Định, ở Hà Nội, trước đã từng ở trong nghĩa quân của Phan Đình Phùng.

Cụ Vương họp 4 tướng và một số nghĩa đảng viên tin cậy, nói rằng tướng thứ năm làm trung quân thống lãnh tất cả binh quyền phải do trời lựa; khi nào cửa chùa Ngọc Long Động tự nhiên mở thì sẽ có vị Nguyên soái của trời sai. Tháng 7 (âm lịch) năm 1897, "đột nhiên" cửa chùa mở hoác; Trương Công Bình từ Hà Nam đến, được Vương Quốc Chính giao ấn trung quân.

Rồi các tướng tự mình lựa chọn đề đốc, phó đề đốc và các cấp nghĩa quân. Ví như dưới trướng của Trương Công Bình thì:

- Trương Công Xán, người hàng Đào làm Trung quân Hộ lý.

- Đồ Mậu, giáo học làng Mậu Hòa, làm Tán tương Quân vụ.

- Bát Soạn (trước theo Đốc Tít, sau trá hàng với Cao Xuân Dục) và Tổng sự (người Hạ Hồi), làm Tán lý Quân vụ.

- Nguyễn San (cũng gọi là đồ San) làm Tuyên truyền.

- Tuần Minh, Chánh tổng Văn Cốc (Sơn Tây), một tín đồ công giáo, làm Chánh Đề đốc, với Chánh Kiên, cũng Chánh Đề đốc.

Cùng với tú Hanh, có tiền quân Hộ lý Nguyễn Quang Hoan, võ thủ khoa, người Phủ Dực tỉnh Thái Bình chiến đấu không ngừng từ 1883 đến nay ở các tỉnh Hưng Yên, Bắc Ninh, Nam Định, đã từng chiến đấu trong hàng ngũ của Đề Kiều, Đốc Ngữ ở sông Đà, sông Thao, rồi sau đó ông theo Tống Duy Tân hoạt động ở Thanh Hóa; Tống chết, ông vào Nghệ Tĩnh theo Phan Đình Phùng mà chiến đấu; cụ Phan mất, ông về Bắc, đi tổ chức nghĩa đảng ở Phương Lâm, Hưng Hóa, Sơn Tây, Hà Nội, nhất là ở Bắc Ninh mà trụ sở của ông là chùa Kim Chiền. Nguyễn Quang Hoan rõ là tiêu biểu cho sự bền gan vững chí.

https://tieulun.hopto.org

Cùng với Đinh Công Bạch, có hậu quân Hộ lý là Cử Đức, làng Mê Xà, tỉnh Hưng Yên.

Cùng với Nguyễn Trang có hữu quân Hộ lý Ngô Chấn, sư trụ trì chùa Cát Trù, Hưng Hóa.

Cùng với Nguyễn Đăng Quế, có Tả quân hộ lý lang Xáng, tức Lý Diễm, người làng Bồng Lai, Hà Nội, 65 tuổi, nguyên là dũng tướng của sư cụ Xướng, chùa Đạm Nội Bình Xuyên.

Nghĩa đảng của Vương Quốc Chính hoạt động cách nào?

Việc tuyên truyền và tổ chức thực sự đã bắt đầu từ 1895; hội "Thượng chí" ra đời, bí mật về tổ chức nhưng tuyên truyền một cách rộng rãi mà cơ quan là những ngôi chùa từ Nghệ An ra tới Bắc Ninh; đến 1897 thì thế lực của hội phát triển càng mạnh, thân sĩ, thân hào và nhân dân thôn quê cùng thành phố ủng hộ Vương Quốc Chính mạnh mẽ và rộng rãi hơn là ủng hộ nhà Mạc. Thế lực tổ chức của hội Thượng Chí đã lớn rồi thì Vương Quốc Chính mới lựa vua chính, vua phó và năm tướng, còn cụ thì làm Quốc sư, đó là vào năm 1897. Thế lực của hội Thượng Chí mạnh nhất là ở Hà Đông, Sơn Tây (gồm cả Vĩnh Yên), kế đó là Hải Dương, Bắc Ninh, Hà Nam. Các tướng phát bằng cho đề đốc, phó đề đốc; các đề đốc phát bằng cho cấp dưới nữa, nơi phát bằng thường thường cũng là các chùa. Ta chú ý đến ba cách tuyên truyền khác: một là lập trường dạy học, hai là phát tuyên cáo, ba là có một số sư sãi hay thầy bói (hầu hết là những nghĩa đảng nho gia trá hình) đi khắp các nơi nói rằng trung quân Trương Công Bình chính là thần núi Tản Viên, tiền quân tú Thuật chính là thánh đền Chèm, hậu quân Đinh Công Bạch chính là thánh Gióng Bắc Ninh, v.v... toàn là những thần thánh hàng nghìn năm được nhân dân kính bái là anh hùng dĩ vãng đã có công bảo vệ dân tộc chống xâm lăng. Trong những điều kiện lúc đó thì sự "viện trợ" tinh thần có tính chất duy tâm sâu sắc này vẫn có thể tăng cường sức mạnh

vật chất cho nghĩa đảng kháng Pháp; khác với phong trào của họ Mạc ở vùng bể Bắc Kỳ hay của Bạch Xỉ ở Hà Tĩnh, thì, ở đây, Vương Quốc Chính không dùng tà thuật, mà lo vận động cho có vũ khí càng nhiều càng tốt, càng tinh càng hay, cho nên nghĩa đảng chú trọng nhiều vào việc lôi kéo ngụy quân về phe mình, lại chú trọng vận động trong số công nhân Hà Nội, đặc biệt là công nhân nhà đèn, những người làm bồi bếp cho Tây để xuất kỳ bất ý giết địch khi súng nổ. Nghĩa đảng Vương Quốc Chính không quên hoạt động trong số công giáo; trong báo cáo của công sứ Sơn Tây có câu:

"Hơn nữa, bọn phiến loạn lại khôn khéo chiêu mộ một số người công giáo, đặc biệt là một viên cánh tổng cũ, tên Minh. Lạ lùng thay, sau khi cuộc bạo động xảy ra rồi, chính Minh là người đầu tiên mà ta gọi đến để hỏi thăm tin tức".

Chúng gọi Minh đến để hỏi vì tưởng rằng Minh là thân sĩ công giáo thì không thể vào nghĩa đảng chống Pháp.

Những tuyên cáo của nghĩa đảng Vương Quốc Chính đều có tính chất thuần chính trị chớ không có mờ ám ảo huyền như tuyên cáo của Mạc Đĩnh Phúc. Ví như trong bản tuyên cáo vắn tắt của vị đề đốc Thái Nguyên, Lục Nam, Bắc Ninh, thì chỉ nhắc đến nghĩa vụ, kỷ luật, trung tín, nói đến 6 điều thưởng 5 điều phạt, và quy định phù hiệu màu xanh cho tướng tá.

Kế hoạch khởi nghĩa là trước tiên tổ chức cho có nhiều thực lực trong dân gian, trong hàng ngũ Pháp, nhất là ở Hà Nội và các tỉnh kế cận, liên hiệp với quân Đề Thám và thừa một cơ hội nào mà Pháp phải bối rối đối phó với nước khác, để nghĩa quân nổi lên ngay ở Hà Nội đánh Pháp tại Trung tâm yết hầu của nó, giống như xông vào nắm sừng trâu mà vật trâu, xông vào hang hổ mà đánh hổ chớ không thủ hiểm như trước nữa, xuất kỳ bất ý đánh một trận trống mái.

https://tieulun.hopto.org

Lẽ ra thì chưa phải khởi nghĩa vào tháng 12 năm 1898. Nhưng tổ chức bí mật bị lộ phần nào rồi. Vì như tháng 8-1898 Lê Hoan đã báo cáo cho công sứ Hà Nội rằng ở nhiều nơi nghĩa đảng phát bằng cho đảng viên; vào tháng 9, công sứ Hải Dương điện về Hà Nội rằng đàn ông các huyện Bình Giang, Cẩm Giàng, Kinh Môn kéo nhau rất đông đi về hướng Hà Nội và Yên Thế; cố đạo Valesco, kẻ chuyên trách việc do thám vùng Yên Thế (hắn có một bộ máy do thám mà công sứ Bắc Ninh, tên Baille, gọi là "rất đầy đủ và chắc chắn"), Baille cắt nghĩa cuộc "di cư" và cuộc khởi nghĩa Hà Nội sau đó như sau:

"Cái tin này (tin truyền rằng liên quân Anh - Nhật sẽ đổ bộ lên lấy xứ Bắc Kỳ) truyền ra trong dân chúng với một sức mau lẹ không thể tưởng tượng được. Cái tin này gây ra một xúc động sâu sắc; một số người thì lo âu; nhưng đối với một số người khác can đảm hơn, có tinh thần dân tộc hơn, thì họ muốn nhân cơ hội để tự giải phóng".

Tin này được đăng trong báo chữ Pháp và chữ Hán ở Hà Nội lúc đó chớ không phải là do ta phao truyền.

Sự kiện quan trọng cho nghĩa đảng là, tháng 10 năm 98, trung quân Trương Công Bỉnh bị bắt tại Hà Nội với một số đồng chí khác. Các tướng họp bàn, nghĩ rằng nếu không sớm nổi lên thì bí mật và tổ chức sẽ còn vỡ lở hơn nữa. Thực ra thì bí mật mới bị lộ có một phần thôi, địch chưa rõ phong trào sâu rộng như thế nào. Bằng cớ là theo báo cáo của tướng Bichot, tư lệnh quân đội Đông Dương, gửi lên cho Đu-me thì Bichot mới được tin báo một giờ đồng hồ trước khi cuộc bạo động bắt đầu. Và trong bản báo cáo của công sứ Sơn Tây sau ngày bạo động thì hắn đã thú nhận rằng cuộc khởi nghĩa nổi lên rồi hắn mới biết:

"Dân chúng giữ kín bí mật hoặc vì họ muốn cho kẻ phiến loạn thành công, hoặc vì họ sợ trả thù nếu tiết lộ... Ngay những cha cố sống giữa người bản xứ trong nhiều năm, ngay cả những người

cô-lông như ông Le chien (ông "Con chó"!) đã lập nghiệp tại Vĩnh Yên 10 năm rồi, hay như ông Morice ở Sơn Tây và từ lâu đã dùng nhiều nhân công Annam, tất cả đều không biết gì về cuộc âm mưu khởi loạn này cả".

Trung quân bị địch bắt thì lãnh tụ 4 quân kia hợp cử tiền quân Tú Hanh thay Trương Công Bỉnh; các cụ quyết định rằng, để lâu thì vỡ lở thêm, nên thừa dịp hội chợ (tháng 12-1898) Hà Nội để đem quân vào thành phố mà khởi nghĩa. Sau đó các tướng tá từng quân hội họp trong vòng tháng 11. Đến ngày 1-12-1898, lãnh tụ 5 quân hợp trở lại ở Cổ Nhuế, tại nhà của Tú Thuật để vạch kế hoạch cụ thể của cuộc khởi nghĩa. Trong hội nghị này tán San xin đợi xem vụ Trương Công Bỉnh ra sao đã; Tú Thuật và số đông quyết định không đợi chờ gì nữa. Kế hoạch cụ thể ấy là:

- Không phân tán lực lượng bằng cách đánh một lượt các tỉnh lỵ, mà tập trung lực lượng vào đánh Hà Nội, Sơn Tây đồng một đêm.

- Hữu quân Trang kéo quân vào Hà Nội bằng con đường Thường Tín (đường Nam Định lên).

- Đồ Mậu kéo quân vào Hà Nội bằng đường Cầu Đơ (Hà Đông).

- Đề Kiên kéo quân vào Hà Nội bằng đường Cầu Giấy (Sơn Tây).

- Tú Thuật, Hoan và Sán phục quân sẵn ngay trong thành phố để chiếm các cơ quan, đặc biệt là phá nhà đèn.

- Mai, Soạn, Sự cầm các đạo quân tiếp ứng.

- Xuân và Trương hô hào lính tập trong đội ngũ Pháp nổi lên.

- Đúng nửa đêm, khi nhà đèn hỏng máy, đèn đột nhiên tắt thì bắt đầu đánh.

- Ở Sơn Tây thì Ngô Chấn, chánh đề Hưu, phó đề Chu đánh vào cửa Tây; đề Minh đánh vào cửa Bắc, đề Trang đánh vào cửa Nam, phó đề Ngoan đánh vào cửa Đông, còn phó đề Hoành thì đã bí mật vào thành để hô hào tù nhân và lính nam nổi lên hưởng ứng.

https://tieulun.hopto.org

- Hậu quân Bạch và Tả quân Quế phát quân đi các tỉnh hô hào nhân dân nổi lên.

Có sự bất đồng ý trong hàng ngũ nghĩa quân Sơn Tây. Hôm tế cờ ngày 3-12, Diễm chủ trương làm y kế hoạch, Minh và Ngoạn chủ trương để Hà Nội nổi lên trước, *"nếu lấy lại được Hà Nội thì không khó gì lấy lại Sơn Tây và các tỉnh, nếu thất bại ở Hà Nội thì dẫu lấy lại được các tỉnh cũng vô ích"*. Tú Thuật biết tin, ra lệnh cho quân Sơn Tây Vĩnh Yên đều kéo về đánh Hà Nội, song các đội quân Sơn Tây Vĩnh Yên không chịu theo lệnh trừ đội quân của Lãnh binh Khảm và đội quân Đề đốc Hoành vì các vị này hội quân ở gần Cầu Giấy.

Cuộc bạo động Hà Nội xảy ra đêm 5-12-1898.

Tối hôm ấy, nghĩa quân do Nguyễn Quang Hoan cầm đầu vào Hà Nội trà trộn với dân, với khách đi xem hội chợ, tửu quán trà đình đường phố đều chật ních. Nguyễn Văn Trang phục ở ngoại ô Bạch Mai. Đồ Mậu đã có mặt ở Cầu Đơ, đề Kiên, lý Diễm, đề Hoành ở Cầu Giấy. Tất cả đều sẵn sàng chờ lệnh.

Cứ theo báo cáo của trung tướng Bichot lên cho Đu-me ngày 6-12-1898, thì một giờ đồng hồ trước khi súng nổ, Bichot được tin sắp có bạo động; hắn lập tức để phòng ở các trại lính, cơ quan, nhà đèn, nhà giây thép và cho quân đi tuần tiễu trong phố nhất là quanh thành.

Đèn không tắt. Tiếng chiêng trống ra lệnh không có.

Nghĩa quân của Diễm, Kiên, Hoành (quân Sơn Tây Vĩnh Yên) nóng lòng kéo vào, xông vào thành đánh nhà quan ba Cassier trong lúc đó thì các đạo quân khác không được hiệu lệnh lại rút lui. Cuộc bạo động thất bại. Ở xa chưa biết, nên ngày 6-12-1898 trở đi, nhân dân nổi lên. Ví dụ:

Ở Hà Đông, Sơn Tây, rất nhiều xã đã rào làng chống địch, Pháp phải đem thêm quân từ Lạng Sơn về; địch giải tán ngay số dân đi sửa đường làm đường ở Cầu Đơ. Làng Tây Tựu chống với quân của tên Chaigneau trong 2 ngày.

- Lính cơ và trạm của Pháp bị đón đánh ngày 5 trên đường Sơn Tây; theo báo cáo của Pitault thì nghĩa quân chỉ có gậy gộc và cờ xí.

- Cứ vào báo cáo của công sứ Hà Nam, Hải Dương, Hưng Yên, Bắc Ninh, Vĩnh Yên, Thái Bình, Hưng Hóa thì dân chúng rất sôi nổi, đâu đâu Pháp và bọn quan Nam triều cũng có lập tòa án đặc biệt để xét xử hàng loạt những người can vào cuộc khởi nghĩa: như 27-12-1898 công sứ Doumergue, Tổng đốc Nguyễn Hữu Toản, Án sát Nguyễn Văn Nhã xử chém bêu đầu 25 người tại Nam Định. Từ Nghệ trở ra, nơi nơi đều có những phiên tòa loại này.

- Thế nhưng phong trào vẫn kéo dài ra; cứ theo báo cáo của cố đạo Valesco ngày 15-12-1898 thì ở Vĩnh Yên, Tam Dương, Vĩnh Tường, *"giữa ban ngày, những đám người như mê sảng, không có vũ khí, có cờ xí, kéo đến huyện lỵ để tuyên bố rằng vua nhà Lý đã lên ngôi; họ hô hào các quan lại hãy theo phò vua mới: ở Bắc Giang, ở Hải Dương đều có những việc xảy ra như vậy"*.

- Theo báo cáo ngày 9-12-1898 của công xứ Bắc Ninh tên Baille thì ở Bắc Ninh, Bắc Giang, Thái Nguyên đều có những bản áp phích và băng của quân phiến loạn. Theo bản báo cáo ngày 20-12, cũng của tên này, và của cố đạo Valesco thì từ Hưng Hóa, Tuyên Quang, qua Thái Nguyên, Bắc Ninh, hễ đêm đến thì bốn góc trời đều thấy những lồng đèn đỏ bay cao trên trời.

- Ở Hải Phòng và vùng Kiến An, dân chúng xục rục nổi lên; tin Kỳ Đồng đem binh về đánh Đồ Sơn làm chấn động dư luận miền bể, nhưng thực ra chỉ là một tin thất thiệt, thất thiệt nhưng đã làm cho đêm 14-12-1889 bọn địch ở cảng phải một lúc kinh hồn.

https://tieulun.hopto.org

Cuộc khởi nghĩa của Mạc Đĩnh Phúc năm 1897, của Vương Quốc Chính năm 1898 là những cuộc đấu tranh cuối cùng của phong trào Cần vương, nó chấm dứt một thời kỳ lịch sử và là dấu hiệu rằng phong trào giải phóng dân tộc sẽ chuyển sang một thời kỳ mới với sự xuất hiện của những giai cấp mới với khẩu hiệu chính trị mới, và với phương pháp đấu tranh mới. Có điều đáng chú ý là khắp Nam, Trung, Bắc sau một thời gian chiến đấu thất bại của các văn thân thì đều thấy xuất hiện những phong trào khởi nghĩa có tính chất mê tín, huy động được đông người; có lẽ một phần vì các vị văn thân đã ẩn lánh ở chùa chiền, nhờ đạo Phật để tiếp tục vận động; các vị này toàn là những vị văn thân trung hay thấp cấp, tự mình có ít uy tín, phải nhờ vào sự mê tín để hoạt động; vả lại bao cuộc khởi nghĩa với súng ống đã thất bại mà lòng dân nhất là nông dân, vẫn muốn đuổi kẻ xâm lăng, nên dễ tin vào những phù phép mà nhà ái quốc dùng để tăng lòng tin tưởng của quần chúng. Dù sao, các phong trào như thế vẫn là những cuộc đấu tranh cứu quốc anh dũng của dân tộc ta, những trang lịch sử đẫm máu mà người đời sau đọc lại không phải với sự mỉm cười mà với tất cả tấm lòng khâm phục.

Chương 27

NHỮNG SỰ THAY ĐỔI LỚN TRONG XÃ HỘI VIỆT NAM VÀO CUỐI THẾ KỶ XIX

Sau 40 năm xâm lăng của giặc Pháp và chống xâm lăng của nhân dân ta, xã hội Việt Nam có nhiều sự thay đổi lớn. Những sự thay đổi lớn đó sẽ quyết định tính chất, nhiệm vụ, động lực và cả chiến thuật nữa của phong trào dân tộc giải phóng.

I. THAY ĐỔI VỀ CHÍNH TRỊ

1. Nước Việt Nam từ một nước độc lập trở thành một nước thuộc địa

Trước 1862, nước ta hoàn toàn độc lập; ngoại giao, nội trị, kinh tế đều không có gì phụ thuộc cho nước nào; sự cống nạp ba năm một lần cho Mãn Thanh chỉ là một việc tượng trưng mà thôi.

Hòa ước 1862 chia cắt nước ta lần thứ nhất. Đến 1867, Pháp chia cắt nước ta lần thứ hai; Nam Kỳ lục tỉnh trở thành thuộc địa.

Từ 1867 cho đến 1883, từ Bình Thuận trở ra, nước ta còn độc lập, có cơ khôi phục toàn vẹn lãnh thổ; nhưng Tự Đức không dám

https://tieulun.hopto.org

chống giặc. Đến 1874, sau vụ địch xâm chiếm Bắc Kỳ lần thứ nhất, tuy trong hòa ước không có chữ đô hộ, nhưng chủ quyền đất nước đã bị hạn chế đi rồi, nhất là trên hai mặt ngoại giao và kinh tế.

Những Hòa ước 1883, 1884 đặt hẳn quyền đô hộ của Pháp trên toàn cõi nước Việt Nam. Nhưng, một mặt vì nhân dân và một cánh phong kiến không chịu quy phục, một mặt Pháp phải lâm vào cuộc chiến tranh với Trung Quốc, nên quyền hành của Pháp bị giới hạn ở một số nơi mà nó đóng binh, nghĩa là một phần nhỏ của Trung, Bắc.

Triều đình Hàm Nghi ra Sơn phòng, cả nước nổi lên, các hòa ước bán nước coi như không có giá trị gì nữa; ngay ở các vùng đồng bằng, phần lớn đất đai và hầu hết dân gian đều do ta cai trị. Nhưng đến độ 1889 - 1890 thì có thể nói rằng địch đã lấy được các vùng đồng bằng, và đến độ 1896 - 1897 thì địch đã lấy được hầu hết các vùng ngược, trừ một vài lõm như Yên Thế.

Nhân dân ta tranh giành bênh vực từng tấc đất với địch trong suốt 40 năm trường. Địch có tàu to súng lớn, có cả một cánh càng lúc càng đông của phong kiến làm tay sai, nhưng phải mất 40 năm mới xâm chiếm xong đất nước Việt Nam.

2. Nước Việt Nam từ một nước hoàn toàn thống nhất trở thành một nước bị chia cắt ra làm ba xứ với ba chế độ cai trị khác nhau

Nước ta hẹp và dài, cho nên có lúc, triều đình Huế đặt ra Nam Kỳ và Bắc Kỳ với mỗi nơi một Khâm sai đại thần; nhưng sau đó thì các tỉnh trực thuộc triều đình với chế độ cai trị giống nhau từ nam chí bắc. Thống nhất chính trị tiêu biểu cho thống nhất về mặt dân tộc, văn hóa, lịch sử, v.v...

Pháp đến; nó chia để trị. Có nhiều mặt của chính sách chia để trị. Một mặt của chính sách đó là chia nước ta làm Nam Kỳ, Bắc Kỳ và Trung Kỳ với ba chế độ cai trị khác nhau; nó đặt ra những

tên Tonkin, Cochinchine, Indochine mà sử Việt Nam chưa hề biết đến, nó bôi tên nước ta trên bản đồ thế giới; đó là chưa kể rằng nó đã rút hẹp cương giới của lãnh thổ Việt Nam.

Chia cắt về chính trị, chia cắt về kinh tế, Pháp ngăn trở sự phát triển của kinh tế, văn hóa và cách mạng vận động. Từ ngày đầu đến ngày chót, chủ nghĩa thực dân luôn luôn phá hoại sự thống nhất của Việt Nam.

3. Triều đình Huế và đám phong kiến trở thành tay sai ngày càng đắc lực của chủ nghĩa thực dân

Triều đình Huế, sau vài lúc kháng cự yếu đuối, đã đầu hàng giặc, làm khí cụ xâm lăng của giặc. Giai cấp phong kiến phân hóa ra làm hai phe kháng Pháp và hàng Pháp. Cánh hàng Pháp mỗi lúc càng nhiều, mỗi lúc càng giúp sức tích cực cho kẻ xâm lăng. Cánh kháng Pháp đã một thời đấu tranh anh dũng, nhưng rồi rơi rụng mãi, thối chí dần, cho đến cuối thế kỷ XIX thì chỉ còn một thiểu số đeo đuổi sự nghiệp cứu nước nhưng không phải trên đường lối Cần vương như trước nữa, mà mò mẫm tìm lối mới. Cái gọi là "Bình Định" là kết quả của sự đồng minh giữa đế quốc với phong kiến (từ vua quan đến tổng lý), bọn phong kiến này mộ lính thu thuế và "trị an" cho giặc ở nông thôn; sự "đồng minh" đó không có ý nghĩa gì khác hơn là sự "hợp tác" giữa người cưỡi ngựa với con ngựa bị cưỡi; chính quyền thực hoàn toàn ở trong tay của Pháp. Từ nay về sau, trừ những trường hợp từng phần, thì, trên phương diện lịch sử, giai cấp phong kiến đã trở thành phản quốc rồi. Cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc, đánh đế quốc, sẽ không thể không mang theo nó cuộc đấu tranh chống triều đình, chống bộ máy quan liêu của nó, chống phong kiến nói chung. Ngọn cờ giải phóng dân tộc sẽ phải do tay của giai cấp khác phất lên thì mới có cơ tập hợp được nhân dân giành lại độc lập.

https://tieulun.hopto.org

4. Ba dân tộc Việt, Khơ-me, Lào, từ nay chung một ách, cùng một lòng

Nam Kỳ của nước Việt Nam lọt vào tay Pháp thì nền tự chủ Khơ-me không thể yên toàn; Pháp xâm chiếm Khơ-me và toàn bộ Việt Nam thì nước Lào không thể không bị xâm chiếm. Ba dân tộc láng giềng từ nay cùng một ách, bị nhốt trong một cái rọ sắt gọi là "Đông Pháp", cùng bị một bọn tài phiệt ép nặn, ấy là nhà băng Đông Dương. Giặc thì chia để trị, ta thì đoàn kết để giải phóng. Cuộc giải phóng từ nay không thể là kết quả của cuộc đấu tranh riêng lẻ, càng không thể có giải phóng nếu không chung máu chung xương: một vấn đề chiến lược chiến thuật mới mà nhà ái quốc Việt, Lào, Khơ-me không thể không biết đến được.

5. Người ái quốc Việt Nam không còn mong mỏi gì nữa ở nhà Thanh đã suy đốn đến cùng cực và đã bắt tay với đế quốc Pháp

Trong suốt ba mươi mấy năm trời, từ vua quan đến sĩ phu, đại đa số của những người phong kiến, khi họ chống Pháp, đều mong mỏi sự ủng hộ, sự viện trợ của nhà Thanh; chẳng những là Tự Đức mà cả Hàm Nghi; chẳng những là đình thần mà cả những vị đã bỏ ấn từ quan ra mộ binh đánh giặc như Tạ Hiện, Tán Thuật, Bố Giáp; chẳng những khi nhà Thanh ký điều ước Thiên Tân, mà cả sau khi Thanh đã hoàn toàn rút quân ra khỏi Việt Nam và thừa nhận quyền Pháp đô hộ nước Việt Nam.

Tất nhiên, ngay từ 1883, dân chúng Bắc Kỳ đã chẳng tin gì quân Thanh giúp đỡ. Phan Đình Phùng, Cao Thắng tự lực đúc súng quay đạn cho mình.

Nay, Thanh đã thua Pháp ở phía nam, lại thua Nhật ở phía đông bắc; nó lại cộng tác với Pháp mà truy nã nghĩa quân trên biên giới. Cho nên, đến cuối thế kỷ XIX và đầu thế kỷ XX, nhà ái quốc Việt Nam, bên ngoài thì không còn có ý trông mong vào sự viện trợ của

nhà Thanh đang mục nát, cũng như bên trong thì không còn có ý khôi phục nhà Nguyễn với chế độ phong kiến cũ nữa. Vấn đề đặt ra trước mắt là tự lực cánh sinh trước hết, là lập đảng có cơ sở và thế lực khắp Bắc, Trung, Nam từ thành thị đến thôn quê, từ xuôi lên ngược, để khắc phục chủ quyền cho một nước Việt Nam duy tân; ý thức đó đang lúc này còn rất mù mờ thì sẽ càng ngày càng rõ, qua bao nhiêu giai đoạn mò mẫm; điều chắc chắn là không còn mấy ai tin vào phong kiến Thanh, không còn mấy ai muốn khôi phục chế độ trước ngày súng nổ ở Đà Nẵng.

II. THAY ĐỔI VỀ KINH TẾ

Quan hệ tư bản chủ nghĩa xuất hiện, nặng nề tính chất thực dân, chồng lên trên quan hệ bóc lột phong kiến.

1. Về công nghệ: Trước khi Pháp đến, Việt Nam hoàn toàn không có tí công nghệ tân thời nào; ngoài một số ít xưởng của nhà vua, chỉ có các mỏ khai thác theo lối thủ công nghiệp. Trong quá trình xâm lăng, thực dân, trải 40 năm, có xây dựng lên một số nhà máy, chủ yếu là những xí nghiệp dùng nguyên liệu tại chỗ: xay lúa, nấu rượu, dệt vải, đào mỏ v.v... và những xí nghiệp trực tiếp phục vụ cho cuộc xâm lăng: chữa tàu, đóng tàu nhỏ, làm đường, cầu, nhà in, v.v... Sự lập nhà máy, nhà băng, đó là hiện tượng mới trong sinh hoạt kinh tế của Việt Nam. Một số nghề thủ công của ta điêu tàn, một số khác lại sống thêm và sinh ra. Đường lối công nghệ của Pháp, tuy mới bắt đầu, cũng đã rõ rệt: công nghệ không được tự do phát triển mà phải phụ thuộc cho công nghệ bên Pháp: không được nắm trong tay của người Việt mà phải nắm trong tay của người Pháp. Đế quốc là phản động về chính trị mà cũng phản động về kinh tế.

Phải đến đầu thế kỷ XX trở đi, sau khi đã đánh tan các cuộc khởi nghĩa lớn, thực dân mới đầu tư sang nhiều hơn và nuôi nhiều

https://tieulun.hopto.org

tin tưởng ở tương lai của nó, thì sự kinh doanh công nghệ của chúng ở Việt Nam mới gặp một thời phát triển khá mạnh.

2. Về thương nghiệp: Trong thời kỳ xâm lăng này, thực dân chú trọng đến kinh doanh thương mại hơn là kinh doanh công nghệ; đó là lẽ dĩ nhiên. Phần của Pháp trong sự xuất nhập cảng mỗi lúc một tăng; Pháp cố biến Việt Nam làm một thị trường độc chiếm của nó, để nó mua rẻ, bán đắt, lời cao; Pháp cố biến thị trường Đông Dương, một bộ phận khăng khít của thị trường Đông Á, thành một thị trường phụ thuộc cho hệ thống đế quốc chủ nghĩa Pháp; nó lại chia cắt thị trường dân tộc Việt Nam; sự giao dịch bất đồng với Pháp đã là một tai vạ lớn cho xứ ta, mà việc chia cắt thị trường dân tộc Việt Nam, việc lợi dụng cái đói ngoài Bắc để làm giàu cho bọn độc quyền xuất cảng Pháp, lại là một hành vi tàn bạo không xiết kể.

Trước khi Pháp đến, trong căn bản, kinh tế Việt Nam là tự nhiên, tự cấp tự túc. Bây giờ đến cuối thế kỷ XX, kinh tế hàng hóa, thương mại trở thành phổ biến; cái gì có thể xuất cảng thì Pháp vơ vét để xuất cảng. Trước khi Pháp đến, vì thương mại ít, nên dân ta, phần lớn, dùng tiền kẽm, tiền đồng, không hề biết giấy bạc; bây giờ giấy bạc nhà băng Đông Dương là thông dụng, nạn cho vay nặng lãi càng trầm trọng, sự bần cùng hóa nhân dân càng thêm chóng.

3. Về nông nghiệp: Do nhu cầu xuất cảng của thực dân mà ta thấy những điều quan trọng sau đây:

- Lúa gạo, món ăn căn bản của nhân dân, trở thành món hàng xuất cảng chính; dân đói hàng triệu, chết đói hàng vạn, thực dân vẫn xuất cảng gạo.

- Diện tích trồng trọt tăng lên, ở Nam Kỳ thì tăng lên nhiều.

- Đồn điền thực dân được thành lập khắp Bắc, Trung và Nam, có cái hằng vạn mẫu; Pháp chiếm đất rất mạnh càng ngày càng mạnh.

- Chủ yếu chúng trồng lúa; nhưng đã thấy đồn điền trồng chè; một số cây mới xuất hiện, cà phê, cao su, có nhiều triển vọng.

- Ruộng đất mau tập trung về bọn tay sai của Pháp trong cuộc xâm lăng, về tay bọn quan to, quan nhỏ, bọn tổng lý, nhất là ở miền Nam.

- Trước kia thì chỉ có địa tô sản vật và lao lực. Nay đã thấy xuất hiện địa tô đóng bằng tiền (dưới hình thức chủ đồn điền định giá lúa cao hơn giá ở thị trường; sự bóc lột phong kiến được duy trì mà thêm nặng. Ngay bọn Pháp có đồn điền cấy lúa cũng kinh doanh theo lối phong kiến chớ không phải kinh doanh theo lối tư bản.

- Ngoài nạn đế quốc bóc lột thuế nặng sưu cao, địa chủ bóc lột địa tô, nhà giàu bóc lột bằng cho vay nặng lãi (nay phổ biến hơn vị địa chủ vay được thêm tiền ở nhà băng), thì ở nông thôn lại còn thấy thêm nạn bóc lột của tư bản thương mại, chủ yếu là bọn lái buôn mua lúa.

Nói tóm lại, về kinh tế thì quan hệ tư bản chủ nghĩa xuất hiện, nặng nề tính chất thực dân. Quan hệ tư bản đó chồng chất lên trên quan hệ phong kiến được thực dân bảo tồn và làm cho khắc nghiệt hơn trước. Trên tất cả là nhà băng Đông Dương làm chúa tể đời sống vật chất của con người, ép nặn quần chúng đến xương tủy.

III. THAY ĐỔI VỀ XÃ HỘI VÀ VĂN HÓA

1. Những giai cấp mới đang trên con đường xuất hiện, nhưng chưa thành giai cấp: vô sản, tiểu tư sản thành thị, tư sản

Trên cơ sở của sự thay đổi về kinh tế, có sự thay đổi về xã hội, về giai cấp. Việt Nam trước 1858, chỉ có một vài thành thị, các

https://tieulun.hopto.org

thành thị đó, trừ Chợ Lớn hay Hà Nội ra thì nhỏ nhen lắm; các tỉnh lỵ, phủ lỵ, huyện lỵ đều là những trung tâm cai trị hơn là trung tâm thương mại. Bây giờ, đến cuối thế kỷ XIX thì có khác; thành thị mọc lên, tuy chậm chạp. Sài Gòn Hải Phòng đã thành hai thương cảng khá quan trọng; một số thị trấn đã có đèn điện, máy nước, tầu điện; trong thành thị mới mọc, tất nhiên có vô sản, tiểu tư sản và tư sản.

a. Tư sản, ở Bắc, Trung, Nam, phần lớn đều là Hoa kiều. Tình hình thuộc địa và thế lực của tư sản Hoa kiều đều trở ngại cho sức tiến của tư sản Việt Nam, cho nên tư sản Việt Nam èo ọt từ đầu chí cuối. Ngoài Bắc, thương gia ở Việt Nam còn có một phần địa vị trong kinh tế; vả lại ở miền Bắc, đã có tầng lớp này từ trước ngày Pháp đến; lúc ấy, hầu như chưa có tầng lớp thương gia Việt Nam. Lác đác một số người Việt Nam làm công nghệ nho nhỏ; thương gia Việt Nam đó không có phần nào trong việc xuất nhập cảng cả. Đáng chú ý là chưa thấy vai trò của thương gia tư sản trong việc kháng Pháp. Hồi Tây đến Hà Nội, thương gia có lúc tản cư, song Gác-nhê, Ri-vi-e đều cố tâm lôi kéo họ, mà không phải là không lôi kéo được; đến lúc Pháp đánh thuế chuyên chở nặng quá, họ có kêu, mà chỉ kêu thôi; chính sách mở cảng buôn bán của Pháp phần lớn là thích hợp với lợi ích của thương gia hơn là sự tỏa cảng của triều đình.

b. Những từng lớp tiểu tư sản thương mại và thủ công thì đông đúc hơn là tư sản, có nơi thịnh lên ở nhiều mặt tuy rằng bị đánh thuế cao và bị cạnh tranh mạnh; chính tầng lớp này sẽ là cơ sở xã hội chủ yếu cho một số phong trào duy tân, phản đế về sau.

Đáng chú ý nhất là tầng lớp vô sản, công nhân. Ngay từ khi chưa có lập nhà máy thì Pháp đã phải dùng khá đông người để xây dựng cơ sở cai trị của nó; làm đường, nhà, cầu, bến tàu, khuân vác, lập đường dây thép, v.v... Rồi nhà máy, rồi đường xe lửa, đồn điền,

v.v... công việc bóc lột, thống trị đòi hỏi phải dùng ngày càng nhiều thợ áo xanh và áo nâu. Tuy số thợ thuyền chuyên môn còn ít, song họ đã có mặt và đã tập trung khá ở Sài Gòn, Chợ lớn, Hà Nội, Hải Phòng, Nam Định, vùng mỏ, v.v...; Sài Gòn, Hà Nội, Huế có trường bách nghệ. Sự bần cùng hóa ở nông thôn đưa càng nhiều người lao khổ vào thành thị, thành công nhân hay là một tầng lớp bán vô sản khá đông đúc. Vào thời kỳ Pôn Đu-me trở đi, với sự làm đường xe lửa ở Bắc Trung, Nam, số công nhân, số vô sản và bán vô sản ở thành thị lại càng tăng tiến mau.

Đặc biệt cần chú ý đến một điều là tầng lớp này bắt đầu tranh đấu từ ngày có họ, và tranh đấu rất mạnh; cuộc tranh đấu của phu đào kênh lấp vũng ở Sài Gòn, cuộc tranh đấu của phu làm đường xe lửa Lạng Sơn và cuộc tranh đấu của phu mỏ Hòn Gai, Cẩm Phả, Cái Bầu, cuộc đấu tranh của bồi bếp Sài Gòn, Hà Nội, của công nhân nhà đèn Hà Nội, v.v... đã thành sự kiện lịch sử trước khi thế kỷ thứ XIX chấm dứt. Chính Pôn Đu-me đã phải báo cáo rằng:

"Khốn thay, tấm huân chương có cái bề trái của nó. Sự phát triển của những đô thị lớn như Sài Gòn, Chợ Lớn làm cho ta thấy nảy sinh ra một thứ vô sản thành thị và ngoại ô; thái độ và hành động của đám vô sản này làm cho số người Âu châu và những giai cấp giàu có người bản xứ đều lo sợ một cách nghiêm trọng và hữu lý"[1].

2. Về mặt văn hóa

Về mặt văn hóa và tư tưởng, có một số hiện tượng quan trọng cần được chú ý đến để hiểu tình trạng của nước và dân Việt Nam vào cuối thế kỷ XIX đầu thế kỷ XX.

1. Báo cáo Thống đốc Lamothe. Trang 460 trong quyển *Situation de l'Indochine 1897 - 1901* của Toàn quyền Đu-me.

https://tieulun.hopto.org

a. Nho giáo và chữ Hán mất địa vị độc tôn lâu đời của nó. Ở Trung và Bắc, trong nông thôn thì còn nhiều trường của nhà nho dạy chữ nho và đạo nho; song nhà nho muốn làm quan đã phải học và thi chữ Pháp. Mấy chữ tân trào, cựu trào, tân học, cựu học đối chọi nhau luôn, trong đó cựu trào đã đổ, thì cựu học cũng không thể còn thịnh vượng được. Ở Nam Kỳ, nho học, hầu như không còn gì đáng kể nữa. Ngay ở Trung Bắc, một số đông đảo nhà nho chí sĩ đã phải dùng cái tín ngưỡng của Đạo giáo và Phật giáo để huy động quần chúng chống Pháp, nhất là từ 1895 trở đi, điều ấy vừa chứng tỏ sự suy tàn của phong kiến, vừa chứng tỏ sự lụn bại của Nho giáo. Trong tâm trí của đông đảo nhân dân, nhà nho đã tỏ ra bất lực, công giáo lại là đạo của kẻ xâm lăng đem tới và ủng hộ, vả lại không phải là không có một số khá đông người công giáo bị đế quốc lừa gạt nên đã vô tình hay cố ý hỗ trợ cho giặc xâm chiếm đất ta; vì vậy, mặc dầu Pháp thắng ta, mặc dầu các quan Tây ủng hộ giáo sĩ hoạt động, công giáo phát triển cứ chậm chạp, mà ngược lại thì các mầu sắc Phật giáo, Đạo giáo có một thời thịnh đạt trở lại; trong cảnh khốn khổ của đại đa số nhân dân, trong một cơn tinh thần khủng hoảng của tầng lớp có học thức, tư tưởng Phật giáo và Đạo giáo chẳng những an ủi con người mà lại còn hâm nóng lòng cứu nước; các hội kín và các phái tôn giáo lớn nhỏ mọc lên rất nhiều, nhất là ở Nam Kỳ.

Bên cạnh đó thì sách vở duy tân của các nhà cải cách Trung Quốc bắt đầu vào Việt Nam; tư tưởng và khoa học tư sản Âu tây cũng ít hay nhiều được du nhập qua chữ Pháp, trường Pháp. Khói nhà máy, đèn điện, xe lửa, dây thép, tàu hơi và những loạt thất bại của các loạt khởi nghĩa, không thể không cảnh tỉnh con người khỏi giấc thủ cựu đã quá dài.

Những năm chót của thế kỷ XIX, và những năm đầu của thế kỷ XX, tựa như một "giáp nước" của tư tưởng: cái cũ chưa qua hẳn, cái mới mới chớm đến: ấy là lúc tìm đường, tìm hướng, lúc thất chí của một số người, trong cảnh ngộ tinh thần đó, cuộc chiến tranh Nga Nhật sẽ nổ ra và người ta sẽ tưởng đầu ánh sáng tự nhiên từ phương Đông đến, nào dè rằng ấy cũng là một ảo vọng đó thôi và phải đợi đến cách mạng Nga thành công, vô sản Việt Nam xuất hiện thành lực lượng chính trị, thì phương hướng cách mạng mới trở thành, chính xác, dắt đến thành công.

b. Một cỗ xe mới, trong cuối thế kỷ XIX được đem ra thông dụng để bắt đầu có thể chở tư tưởng và văn hóa vào nhân dân, là chữ quốc ngữ. Chữ quốc ngữ được dạy và dùng ở các trường Nam Kỳ trước hết, rồi lan ra Bắc, Trung; Nam Kỳ đã có báo chữ quốc ngữ, ngoài Bắc, một số công văn đã được viết bằng chữ quốc ngữ. Trương Vĩnh Ký xuất bản nhiều sách bằng chữ quốc ngữ, thậm chí ông viết mẹo chữ nho bằng chữ quốc ngữ; năm 1875, ông dịch Trung Dung và in bản Kim Vân Kiều bằng chữ quốc ngữ; năm 1877, ông dịch *Trương lương tùng xích tòng tử du phú* (1881), *Gia huấn ca* của Trần Hy Tăng (1883); *Phú bần truyện* (1885), ông viết *Chuyện đời xưa* (1886) ông dịch *Đại Học*, rồi dịch *Mạnh Tử*, *Huấn Mông* (1884); *Lục Vân Tiên và Phan Trần* (1889); *Ông Minh Tâm* (1891), v.v... Ngó lại thì thấy rằng lúc đầu dịch quốc ngữ được cha cố chế tạo ra để truyền đạo, sau đó; Pháp toan: dùng nó để làm công cụ tranh đấu chống sĩ phu; nay quốc ngữ, đang trở thành cỗ xe nhẹ nhàng để chở văn hóa tư tưởng và tâm trí của quần chúng, và vì đó mà sớm hay chầy, quốc ngữ sẽ trở thành vũ khí đấu tranh của dân tộc Việt Nam chống thực dân và phong kiến.

* * *

Những sự biến đổi chính trị, kinh tế, xã hội và văn hóa ấy sẽ đưa phong trào dân tộc giải phóng Việt Nam lên một thời kỳ mới. Cờ độc lập từ tay Cần vương sang tay Duy tân, cách mạng. Trong

https://tieulun.hopto.org

suốt 40 năm, ông cha ta chiến đấu không ngừng, ngay trong sự thất bại các cụ đã để lại bao kinh nghiệm quý giá và bao gương anh dũng tuyệt vời. Máu đổ thành sông, thây chất thành núi, nhưng lòng dân chưa mất thì vận hội cứu nước nhất định hãy còn.

PHỤ LỤC

BẢN ĐỒ - SƠ ĐỒ MỘT SỐ TRẬN ĐỊA VÀ TRUNG TÂM KHỞI NGHĨA

https://tieulun.hopto.org

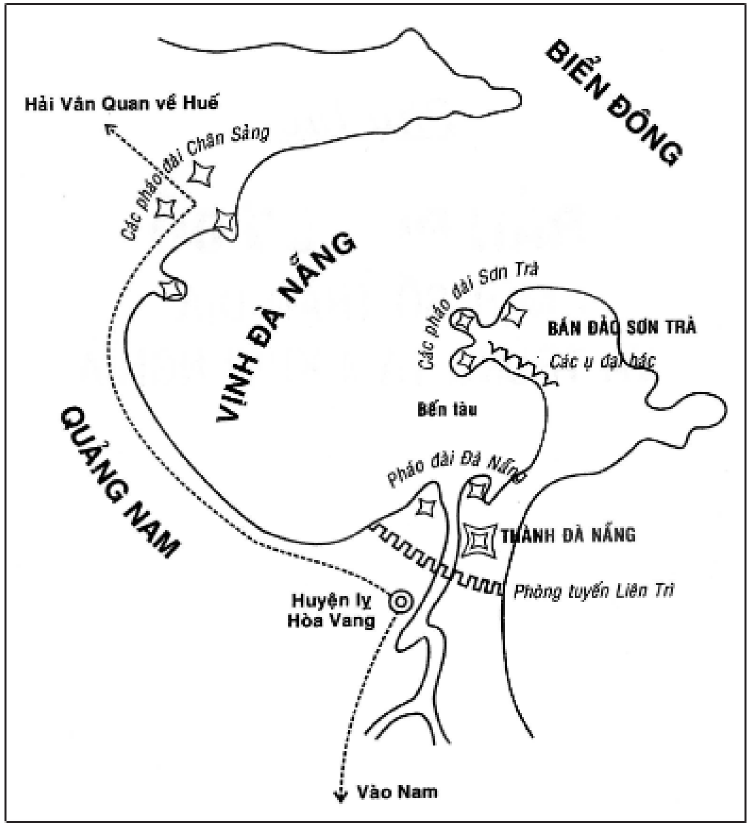

Bản đồ số 1: **Trận địa Đà Nẵng (1858 - 1859)**

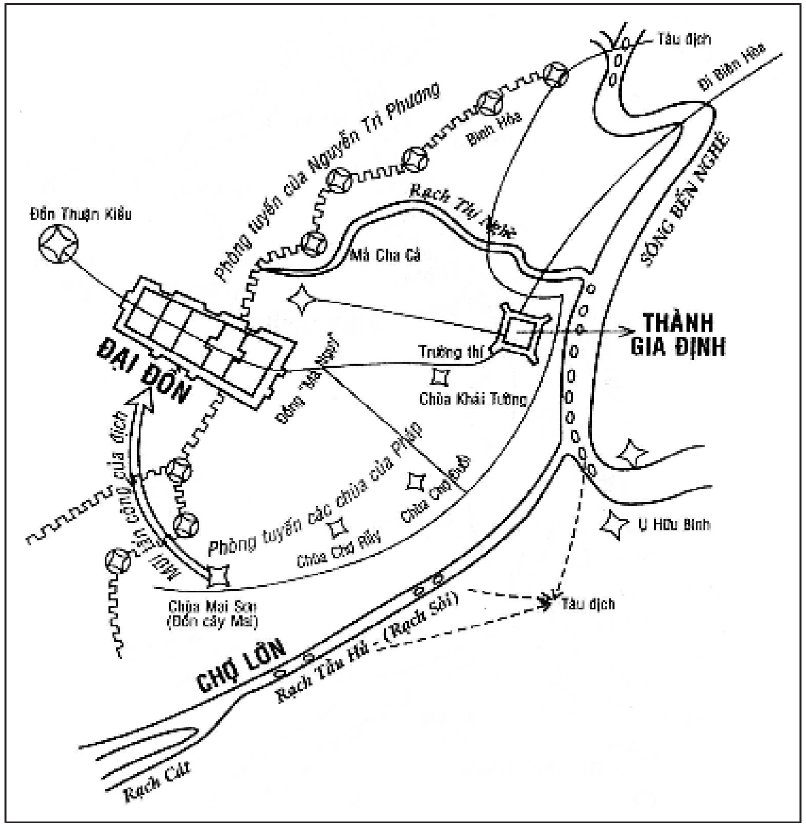

Bản đồ số 2: **Trận địa Gia Định và Đại Đồn**

https://tieulun.hopto.org

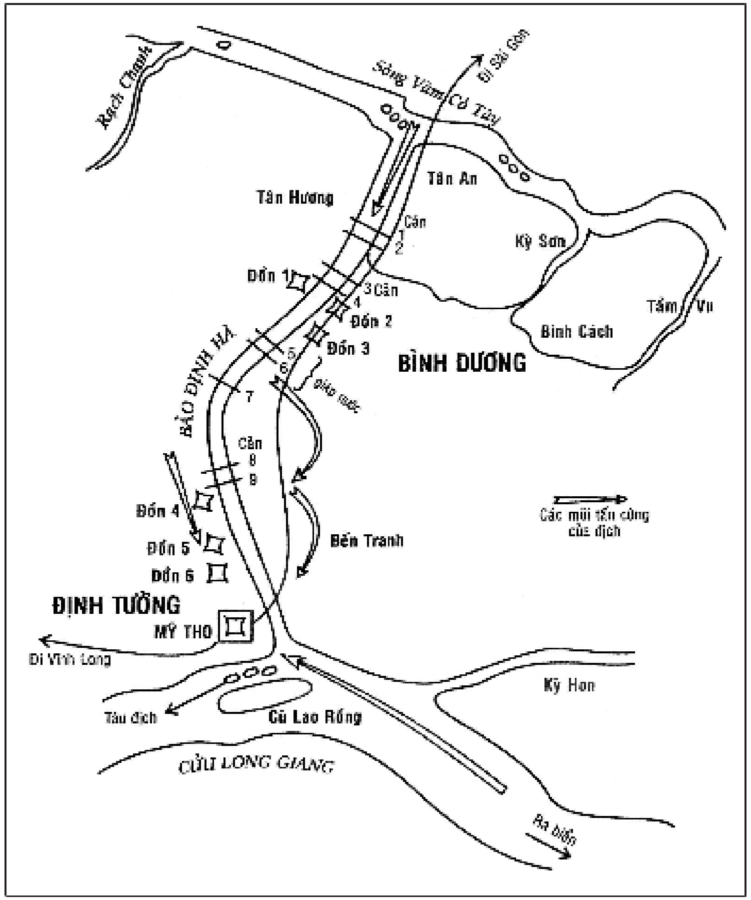

Bản đồ số 3: **Bảo Định Hà lưu huyết**

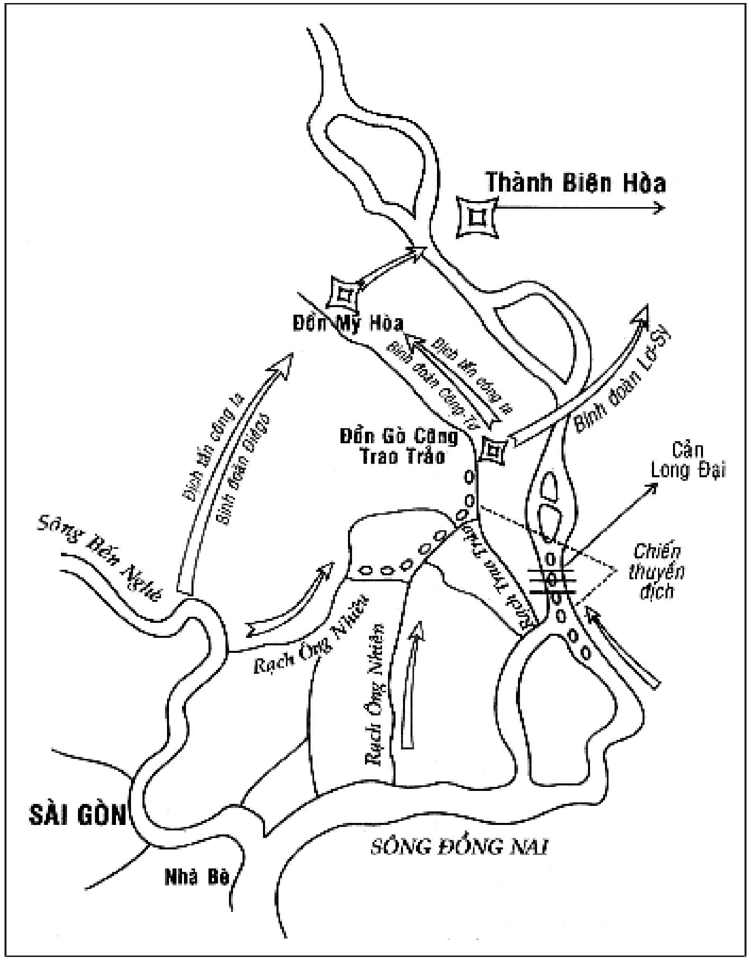

Bản đồ số 4: **Trận địa Biên Hòa**

https://tieulun.hopto.org

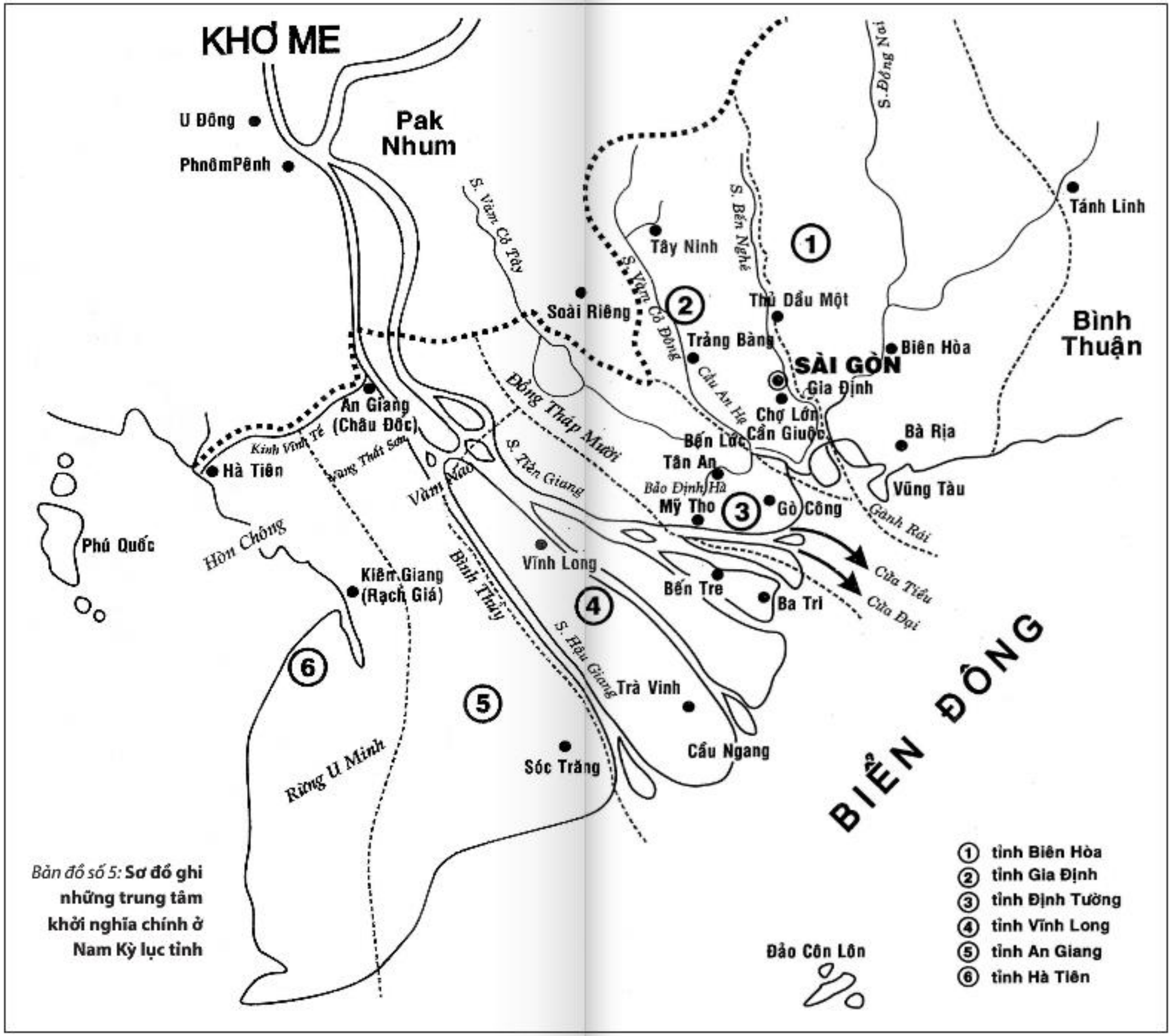

Bản đồ số 5: **Sơ đồ ghi những trung tâm khởi nghĩa chính ở Nam Kỳ lục tỉnh**

https://tieulun.hopto.org

MỤC LỤC

- Lời Nhà xuất bản 5
- Lời nói đầu 7

Quyển thứ nhất

NAM KỲ KHÁNG PHÁP

Chương 1

ÂM MƯU CỦA THỰC DÂN PHÁP XÂM CHIẾM VIỆT NAM LÀ MỘT ÂM MƯU LÂU DÀI, NGÀY CÀNG TRẮNG TRỢN

I. Âm mưu thực dân trước khi Tây Sơn khởi nghĩa....................16

II. Quân Pháp trực tiếp can thiệp vào nội chính Việt Nam. Nhà Nguyễn rước voi về vày mồ ông bà 26

III. Tư bản Pháp tiếp tục dòm ngó Việt Nam và chuẩn bị xâm lược trực tiếp 32

Chương 2

SỰ SUY ĐỐN CỦA CHẾ ĐỘ PHONG KIẾN VIỆT NAM VÀ SỰ PHÁT TRIỂN CỦA CHỦ NGHĨA TƯ BẢN PHÁP HỒI GIỮA THẾ KỶ XIX

A. Sự suy đốn của chế độ phong kiến ở Việt Nam hồi giữa thế kỷ XIX*....................37*

https://tieulun.hopto.org

I. Chế độ chính trị của nhà Nguyễn 38
II. Chế độ tài chính kinh tế của nhà Nguyễn 41
III. Chính sách nội trị của triều đình Nguyễn hồi thời Tự Đức 49
IV. Chính sách đối ngoại của triều đình Nguyễn 53
V. Binh lực của triều đình dưới thời Tự Đức...57
B. Sự phát triển của tư bản Pháp và Âu châu hồi giữa thế kỷ XIX - Tư bản Tây phương xâm lược Viễn Đông.................61
I. Tư bản Âu Tây phát triển 61
II. Các xứ Viễn Đông bị tư bản Âu Tây xâm nhập 64
III. Chính cuộc ở nước Pháp trong thời Đế chế thứ II: Chính sách xâm lược của Na-pô-lê-ông III.....................................67

Chương 3

ĐÀ NẴNG, GIA ĐỊNH THẤT THỦ

I. Đà Nẵng thất thủ...71
II. Thành Gia Định thất thủ...88
III. Quân Pháp rút khỏi Đà Nẵng và mở rộng phạm vi chiếm đóng ở thành Gia Định 100

Chương 4

MẤT BA TỈNH MIỀN ĐÔNG NAM KỲ

I. Quy ước Bắc Kinh 1860 và ý định mới của thực dân Pháp đối với Việt Nam 109
II. Lực lượng của hai bên ở Sài Gòn - Chợ Lớn đầu năm 1861 111
III. Đại đồn thất thủ; tỉnh Gia Định bị chiếm 114
IV. Thất thủ Định Tường - Bảo Định hà lưu huyết - (1-4 – 15-4-1861) 118
V. Giặc cứ tiến đánh mà triều đình cứ nghị và hòa lục đục vì mắc luận tội và công.. 122

VI. Biên Hòa thất thủ (từ 14-12-1861 đến 7-1-1862)........................ 125
VII. Thành Vĩnh Long thất thủ (20 – 23 tháng 3 năm 1862)............. 129

Chương 5

HÒA ƯỚC 1862 - CUỘC KHÁNG CHIẾN CỦA NHÂN DÂN NAM BỘ: TRƯƠNG ĐỊNH KHỞI NGHĨA CĂN CỨ THÁP MƯỜI CỦA THIÊN HỘ DƯƠNG

I. Hòa ước 5-6-1862.. 133
II. Cuộc kháng chiến của nhân dân từ 1861 đến 1863 từ ngày thành Gia Định thất thủ đến khi Pháp xâm chiếm ba tỉnh miền Tây 142

PHỤ LỤC CỦA CHƯƠNG 5

(Theo tài liệu của Nguyễn Thông)

I. Tiểu truyện Phan Văn Đạt 170
II. Tiểu truyện Hồ Huấn Nghiệp 172

Chương 6

NGOẠI GIAO VÀ NỘI TRỊ CỦA TRIỀU ĐÌNH HUẾ TỪ 1863 ĐẾN 1868. PHÁP XÂM CHIẾM KHƠ-ME CUỘC KHỞI NGHĨA TRƯƠNG QUYỀN – PÔ-KUM-PAO

I. Triều đình vận động chuộc lại 3 tỉnh miền Đông Nam Kỳ. Phan Thanh Giản đi xứ sang Pháp 175
II. Phái thực dân hiếu chiến tích cực hoạt động để phá sự thương thuyết làm đính ước mới.. 183
III. Triều đình thẳng tay đàn áp nông dân khởi nghĩa ở Bắc............ 187
IV. Nhân dân khởi nghĩa ở kinh thành (1866)................................. 190
V. Pháp chiếm Khơ-me.. 195
VI. Cuộc khởi nghĩa của Trương Quyền – Pô-kum-Pao 198

https://tieulun.hopto.org

Chương 7
MẤT BA TỈNH MIỀN TÂY
NHÂN DÂN TIẾP TỤC KHÁNG CHIẾN

I. Triều đình Huế biết trước rằng thực dân Pháp sắp chiếm ba tỉnh miền Tây Nam Kỳ, nhưng không chủ trương chống cự lại......... 215
II. Địch chiếm các tỉnh Vĩnh - An - Hà (18 – 23-6-1867)............... 219
III. Nhân dân miền Tây kháng chiến: Cuộc khởi nghĩa của nhân dân Bến Tre, Trà Vinh và Sóc Trăng............................ 224
IV. Nhân dân miền Tây kháng chiến: Nguyễn Trung Trực đánh chiếm đồn Kiên Giang (Rạch Giá)... 229
V. Cuộc khởi nghĩa Mỹ Tho của Thủ Khoa Huân........................... 231

Chương 8
VĂN CHƯƠNG VÀ VĂN SĨ KHÁNG CHIẾN Ở NAM KỲ

I. Văn học, tiếng gọi nhân dân kiên trì kháng chiến, ca ngợi anh hùng vô danh và hữu danh.. 236
II. Đấu tranh trong văn học giữa phái kháng chiến và nhóm đầu hàng.. 244
III. Ca ngợi chí sĩ bỏ mình vì nước 250
IV. Lược sử một số nhà văn 253

Chương 9
CHÍNH SÁCH THUỘC ĐỊA
CỦA PHÁP Ở NAM KỲ LỤC TỈNH

I. Bộ máy đàn áp, cai trị độc tài khốc liệt.. 263
II. Chính sách sưu thuế của thực dân 271
III. Chính sách kinh tế thực dân ở Nam Kỳ lục tỉnh 274

IV. Chính sách giáo dục, đào tạo tay sai và nhồi sọ nhân dân......... 278
V. Những cái gọi là "cải cách" Lơ-mia Đờ vi-le (Le Myre de Vilers) 283

Quyển thứ hai
BẮC KỲ KHÁNG PHÁP

• Lời nói đầu 295

Chương 10
CHÍNH SÁCH CỦA TRIỀU ĐÌNH HUẾ SAU KHI MẤT NAM KỲ
CUỘC ĐẤU TRANH TƯ TƯỞNG GIỮA DUY TÂN VÀ THỦ CỰU

I. Đối nội: Tăng cường bóc lột và đàn áp 299
II. Đối ngoại: lại để mất một thời cơ vô cùng thuận lợi để lấy lại 6 tỉnh.. 304
III. Đấu tranh giữa tư tưởng thủ cựu và tư tưởng duy tân................ 306

Chương 11
PHÁP XÂM CHIẾM HÀ NỘI LẦN THỨ NHẤT: 1873
HÒA ƯỚC 15-3-1874

I. Đặc điểm của tình hình Pháp và tình hình Việt Nam trước và trong khoảng (1873 - 1874) 327
II. Tư bản Pháp muốn khai phóng đường sông Nhị Hà để xâm nhập Vân Nam: Jăng Duy-puy khiêu khích ở Bắc Kỳ.... 331
III. Quân Pháp chiếm Hà Nội và một số tỉnh Bắc Kỳ lần thứ nhất.. 342
IV. Nhân dân kháng chiến ở Ninh Bình, Hải Dương, Nam Định... 355
V. Hòa ước 1874.. 359
VI. Thương ước tháng 8-1874.. 371

https://tieulun.hopto.org

Chương 12
TỪ 1874 ĐẾN 1880: TƯ BẢN CHỦ NGHĨA PHÁP PHÁT TRIỂN ĐẾN GIAI ĐOẠN MỚI SỰ LỤN BẠI ĐẾN TỘT ĐỘ CỦA TRIỀU ĐÌNH HUẾ

I. Bước phát triển mới về kinh tế của tư bản Âu châu và sự chạy đua của chúng để xâm chiếm thuộc địa giữa khoảng 1875 và 1880 375

II. Tư bản chủ nghĩa Pháp từ sau 1875 đến 1885 và nguyên nhân căn bản của chính sách thuộc địa Pháp trong thời gian đó 379

III. Bọn tư bản Pháp thúc giục Chính phủ Pháp phải mau xâm chiếm Bắc Kỳ và cả Việt Nam 389

IV. Triều đình Huế trong thời gian 9 năm từ 1874 đến cuộc xâm chiếm Bắc Kỳ lần thứ hai 392

V. Chính sách và hoạt động của bọn thực dân Pháp ở Việt Nam từ sau 1874 đến 1882 401

Chương 13
HÀ NỘI THẤT THỦ LẦN THỨ HAI

I. Quyết định xâm lăng của thực dân Pháp: hai đường lối, một mục đích 413

II. Những "lý", những "cớ" của bọn thực dân đưa ra để can thiệp 418

III. Hăng-ri Ri-vi-e đem quân ra Bắc Kỳ 424

IV. Đối sách của triều đình 428

V. Thành Hà Nội thất thủ lần thứ hai. Hoàng Diệu tử tiết 431

VI. Thái độ của triều đình Huế - Thái độ của binh sĩ và nhân dân Việt Nam sau khi Hà thành thất thủ lần thứ hai ... 436

Chương 14
CHÍNH TRỊ CỦA PHONG KIẾN TRUNG QUỐC ĐỐI VỚI TÌNH HÌNH VIỆT NAM SAU KHI HÀ NỘI THẤT THỦ LẦN THỨ HAI. ĐỊCH LẤN RỘNG CHIẾM HÒN GAI, NAM ĐỊNH - TRẬN CẦU GIẤY

I. Hai xu hướng căn bản của triều đình Huế sau khi Hà Nội thất thủ lần thứ hai 443

II. Thái độ của triều đình nhà Thanh 445

III. Pháp mở rộng cuộc xâm lăng 454

IV. Tấn công của ta và phản công của địch quanh Hà Nội 461

V. Trận Cầu Giấy. Đề đốc Lưu Vĩnh Phúc đại thắng lần thứ hai. Ri-vi-e bị giết 465

PHỤ LỤC CỦA CHƯƠNG 14

I. Lưu Vĩnh Phúc lúc mới đến Việt Nam 472

II. Trích tờ hịch của Đề đốc Lưu Vĩnh Phúc bá cáo bốn bể 474

III. Cáo thị của Lưu Đề đốc 477

IV. Lưu Vĩnh Phúc trở về Trung Quốc 478

V. Người Việt Nam vịnh về Lưu Vĩnh Phúc 480

Chương 15
KINH THÀNH BỊ TẤN CÔNG LẦN THỨ NHẤT; HÒA ƯỚC 1883, SƠN TÂY THẤT THỦ

I. Quân Pháp ở Bắc Kỳ được tăng viện lớn. Quân triều đình ngừng chiến đấu 483

II. Quân ta ở Bắc phá nhiều cuộc hành quân của địch. Pháp mất công dụ Lưu về hàng. 489

III. Quân Pháp công phá Thuận An - Hòa ước 1883 494

https://tieulun.hopto.org

IV. Trận Phùng (1, 2 tháng 9 năm 1883) 498
V. Nhân dân khắp Bắc Kỳ nổi lên đánh giặc. 499
VI. Sơn Tây thất thủ (tháng 12 năm 1883) 503
VII. Chính phủ Pa-ri và triều đình Bắc Kinh thương nghị về vấn đề Bắc Kỳ trong khoảng cuối năm 1883 508

Chương 16
BẮC NINH THẤT THỦ, HÒA ƯỚC "PA-TƠ-NỐT" 1884, ĐẠI BẠI CỦA PHÁP Ở CẦU QUAN ÂM

I. Cuối 1883, đầu 1884: nhân dân kháng chiến ở Nam Định, Ninh Bình. Phế lập tại triều đình Huế 513
II. Quân Pháp tấn công và chiếm đóng Bắc Ninh 518
III. Quân Pháp chiếm Thái Nguyên, Hưng Hóa, Tuyên Quang, nhân dân kháng chiến ở trung du 524
IV. Quy ước Thiên Tân giữa Pháp và Thanh (17-5-1884) 529
V. Hiệp ước Pa-tơ-nốt ngày 6 tháng 6 năm 1884 531
VI. Sự kiện cầu Quan Âm 536

Chương 17
CHIẾN TRANH TRUNG PHÁP NHÂN DÂN VIỆT NAM KHÁNG CHIẾN CÀNG MẠNH

I. Chiến tranh Trung Pháp ở duyên hải Trung Quốc 541
II. Nhân dân kháng chiến trong khoảng cuối năm 1884 và đầu 1885 548
III. Địch tiến về phía Bắc 552
IV. Các trận Lạng Sơn 555
V. Nhân dân nổi lên kháng chiến ở vùng sông Thao, sông Đà - trận Lâm Thao 559
VI. Áp lực càng mạnh của Pháp đối với triều đình Huế 559

VII. Phong trào kháng chiến ở Nam Kỳ, Thiên địa hội 563
VIII. Phong trào kháng chiến ở Khơ-me: Hoàng thân Vô-tha 564
IX. Pháp đại bại ở Lạng Sơn 565
X. Sau trận Lạng Sơn, Phe-ri đổ. Hòa ước mới giữa Pháp và Thanh 568

Quyển thứ ba
PHONG TRÀO CẦN VƯƠNG

• Lời nói đầu 575

Chương 18
CAI TRỊ VÀ BÓC LỘT CỦA THỰC DÂN PHÁP Ở VIỆT NAM TỪ 1884 ĐẾN 1889

I. Hệ thống tiền tệ của Pháp ở Việt Nam 581
II. Một phương pháp làm tiền rất dã man của thực dân Pháp: Các nhà đánh bạc 585
III. Chế độ thương chính 589
IV. Việc buôn bán lúa gạo 595
V. Nhà băng và nạn cho vay nặng lãi 598
VI. Công thương trong xứ 600
VII. Ngoại thương 603
VIII. Cai trị 606

Chương 19
KINH THÀNH VŨ TRANG KHÁNG PHÁP HÀM NGHI RA SƠN PHÒNG VÀ TRUYỀN HỊCH CẦN VƯƠNG

I. Tình hình ở Việt Nam sau khi quy ước Thiên Tân giữa Pháp và Thanh được chuẩn y và thi hành 625

https://tieulun.hopto.org

II. Âm mưu của tướng Đờ Cuốc-xy 632

III. Kinh thành nhuộm máu; cuộc kháng cự của Tôn Thất Thuyết; Hàm Nghi bỏ kinh thành ra Sơn Phòng 638

IV. Chiếu Cần vương của vua Hàm Nghi 641

V. Đờ Cuốc-xy càng bối rối điên cuồng; âm mưu lập Đồng Khánh lên ngôi vua. 644

VI. Hàm Nghi lên Tân Sở và ra Quảng Bình 648

Chương 20

PHONG TRÀO CẦN VƯƠNG TỪ QUẢNG BÌNH ĐẾN BÌNH THUẬN

I. Hoạt động chính trị và quân sự của Pháp sau khi Đồng Khánh lên ngôi 656

II. Kháng chiến ở Quảng Bình. Quân Pháp bị đánh bại ở Lập Cáp, Cựa Kê, Sông Nái 661

III. Bước suy tàn của phong trào Cần vương ở Quảng Bình 668

IV. Phong trào Cần vương ở miền Nam Trung Kỳ 675

Chương 21

CUỘC KHÁNG PHÁP Ở THANH NGHỆ TĨNH TRONG GIAI ĐOẠN THỨ NHẤT CỦA PHONG TRÀO CẦN VƯƠNG - KHỞI NGHĨA BA ĐÌNH

I. Tình hình chung của Thanh Nghệ Tĩnh trong giai đoạn thứ nhất của phong trào Cần vương 681

II. Ở Hà Tĩnh: Khởi nghĩa Lê Ninh, Phan Đình Phùng 684

III. Nguyễn Xuân Ôn (tức Nghè Ôn) ở Nghệ An 685

IV. Khởi nghĩa Ba Đình: Phạm Bành, Đinh Công Tráng 687

Chương 22

KHÁNG PHÁP Ở BẮC KỲ TRONG GIAI ĐOẠN THỨ NHẤT CỦA PHONG TRÀO CẦN VƯƠNG

I. Những nét chung của tình hình kháng Pháp ở Bắc Kỳ từ 1885 đến 1888 707

II. Những nét lớn của cuộc kháng Pháp miền Tây Bắc, Bắc Kỳ 710

III. Những nét lớn của cuộc kháng Pháp ở vùng đông bắc và bắc Bắc Kỳ từ 1885 đến 1889 726

IV. Phong trào kháng Pháp ở đồng bằng và trung du Bắc Kỳ từ 1885 đến 1889 - 1890 733

Chương 23

CHÍNH SÁCH CỦA THỰC DÂN PHÁP TỪ 1888 ĐẾN 1896 Ở ĐÔNG DƯƠNG

I. Chính sách cai trị, tài chính và thuế vụ của Pháp ở Đông Dương từ 1887 đến 1896 745

II. Chính sách kinh tế của Pháp từ 1888 đến 1896 753

III. Pháp xâm chiếm đất Lào 768

Chương 24

CUỘC KHÁNG PHÁP CỦA NHÂN DÂN VIỆT NAM TỪ 1889 ĐẾN 1897: ĐẶC ĐIỂM CHUNG CỦA GIAI ĐOẠN; HAI CUỘC KHỞI NGHĨA LỚN Ở MIỀN TRUNG: HÙNG LĨNH, HƯƠNG SƠN

I. Đặc điểm chung của giai đoạn 773

II. Hùng Lĩnh khởi nghĩa (1888 - 1892) 776

III. Hương Sơn khởi nghĩa (1885 - 1896) 784

https://tieulun.hopto.org

Chương 25
CUỘC KHÁNG PHÁP CỦA NHÂN DÂN VIỆT NAM TỪ 1889 ĐẾN 1897: YÊN THẾ VÀ SÔNG ĐÀ KHÁNG PHÁP Ở THƯỢNG DU

I. Đặc điểm chung của cuộc diện chính trị ở đồng bằng và trung du từ 1889 đến 1897 817

II. Căn cứ kháng Pháp ở Yên Thế: Đề Nam, Đề Thám 824

III. Căn cứ kháng Pháp ở sông Đà: Đốc Ngữ 841

IV. Các căn cứ khác ở quanh đồng bằng 848

V. Cuộc kháng Pháp ở thượng du Bắc Kỳ từ 1890 đến 1897 851

Chương 26
CHÍNH SÁCH MỚI CỦA PÔN ĐU-ME NHỮNG CUỘC CHIẾN ĐẤU CUỐI CÙNG VÀ CHUYỂN TIẾP CỦA PHONG TRÀO CẦN VƯƠNG; MẠC ĐĨNH PHÚC, VƯƠNG QUỐC CHÍNH

I. Đặc điểm chung của tình hình trong những năm cuối cùng của thế kỷ XIX 873

II. Vài nét lớn trong chính sách của Pôn Đu-me 875

III. Tình hình lụt, hạn, đói, kém ở miền Bắc 879

IV. Phong trào khởi nghĩa ở Phú Yên (Trung Kỳ): Võ Trứ, Trần Cao Vân 881

V. Phong trào họ Mạc ở vùng duyên hải Bắc Kỳ: Kỳ Đồng, Mạc Đĩnh Phúc 883

VI. Vương Quốc Chính; cuộc mưu đánh Hà Nội năm 1898 886

Chương 27
NHỮNG SỰ THAY ĐỔI LỚN TRONG XÃ HỘI VIỆT NAM VÀO CUỐI THẾ KỶ XIX

I. Thay đổi về chính trị 895

II. Thay đổi về kinh tế 899

III. Thay đổi về xã hội và văn hóa 901

Phụ lục
BẢN ĐỒ - SƠ ĐỒ MỘT SỐ TRẬN ĐỊA VÀ TRUNG TÂM KHỞI NGHĨA

1. *Bản đồ số 1:* Trận địa Đà Nẵng (1858 - 1859) 908

2. *Bản đồ số 2:* Trận địa Gia Định và Đại Đồn 909

3. *Bản đồ số 3:* Bảo Định Hà lưu huyết 910

4. *Bản đồ số 4:* Trận địa Biên Hòa 911

5. *Bản đồ số 5:* Sơ đồ ghi những trung tâm khởi nghĩa chính ở Nam Kỳ lục tỉnh 912

https://tieulun.hopto.org

"Giáo sư Trần Văn Giàu là một nhà khoa học lớn của nước ta, có uy tín cao không những trong nước mà cả trong giới khoa học thế giới. Giáo sư Trần Văn Giàu đã có hơn 150 công trình khoa học với hàng vạn trang sách đã được xuất bản. Các công trình khoa học của Giáo sư đã để lại một dấu ấn riêng, những phát hiện mới với những quan điểm có tính thuyết phục cao, thể hiện sự thống nhất giữa tính chiến đấu và tính khoa học.

Giáo sư Trần Văn Giàu là một nhà cách mạng lão thành, kiên trung, đã hiến dâng cả cuộc đời mình cho suốt cuộc hành trình đầy gian lao khốc liệt mà rất đỗi anh hùng trong chặng đường lịch sử 80 năm qua của Đảng và dân tộc ta. Với những đóng góp to lớn cho sự nghiệp cách mạng của Đảng, của dân tộc, Đồng chí Trần Văn Giàu đã được Đảng và Nhà nước tặng thưởng Huân chương Hồ Chí Minh, Huân chương Độc lập hạng Nhất, Giải thưởng Hồ Chí Minh đợt I, danh hiệu Anh hùng Lao động và Huy hiệu 80 năm tuổi Đảng."

*Thành ủy Thành phố Hồ Chí Minh, **Đồng chí Trần Văn Giàu***
nhà cách mạng, nhà giáo, nhà khoa học - dấu ấn một nhân cách,
Nxb Tổng hợp Thành phố Hồ Chí Minh, 2017

Chống Xâm Lăng
ISBN 978-604-58-5959-9
Giá: 255.000 đồng
www.sachweb.vn

https://tieulun.hopto.org